Hoàng Gia Thụ

Tiến trình hóa Rồng

"Vương triều Tưởng" và lịch sử hòn đảo xinh đẹp 1945-1988

alphabooks

Thế giới

Đài Loan Tiến Trình Hóa Rồng

Hoàng Gia Thụ

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Table of Contents

ĐÀI LOAN - TIẾN TRÌNH HÓA RỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

1. TRÊN NỀN MÁU

2. CHÍNH QUYỀN TƯỞNG TRONG BẦU TRỜI ẢM ĐẠM

3. THỂ CHẾ NƯỚC ĐÔI

4. HAI CHÍNH SÁCH LỚN

5. CUỘC "CẢI TẠO" CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG

6. HOÀN THIỆN BA HỆ THỐNG LỚN

7. SỰ CHỐNG ĐỐI CỦA PHÁI "TỰ DO" TRONG ĐẢNG

8. TRUNG QUỐC TỰ DO VÀ PHE CHỐNG ĐỐI

9. CHIẾN TRANH GIỮA HAI BỜ EO BIỂN VÀ MÂU THUẪN MỸ - TƯỞNG

10. BÓNG ĐEN CỦA "HAI NƯỚC TRUNG QUỐC"

11. VẠN MÃ CÙNG HÝ THẬT ĐÁNG THƯƠNG

12. TĂNG CƯỜNG "GIA ĐÌNH TRỊ"

13. PHÒNG TUYẾN NGOẠI GIAO LIÊN TIẾP ĐỔ VỠ

14. CHÍNH SÁCH MỚI CỦA TƯỞNG KINH QUỐC

15. NGOÀI ĐẢNG VÙNG LÊN

16. GIỮA "THỐNG NHẤT" VÀ "ĐỘC LẬP"

17. ĐÊM TRƯỚC CHUYỂN HƯỚNG

18. HAI NĂM CUỐI CỦA "VƯƠNG TRIỀU TƯỞNG"

HOÀNG GIA THỤ

ĐÀI LOAN - TIẾN TRÌNH HÓA RỒNG

Bản quyền tiếng Việt © 2014 Công ty Cổ phần Sách Alpha

LỜI GIỚI THIỆU

Đài Loan là một hòn đảo nằm ở phía đông nam Trung Quốc, với tổng diện tích 36 nghìn km2, dân số khoảng 23 triệu người, cùng với Singapore, Hàn Quốc và Hồng Kông được mệnh danh là bốn con rồng châu Á. Tiến trình hóa rồng của Đài Loan phải đi trên một chặng đường dài gian nan, gắn liền với đó là diễn biến chính trị đầy kịch tính, hấp dẫn nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Giáo sư Hoàng Gia Thụ, một chuyên gia về vấn đề Đài Loan, đã dành trọn năm năm biên soạn nên cuốn sách này. Với ngòi bút khách quan, khoa học, ông đã tái hiện một bức tranh toàn cảnh về Tiến trình hóa rồng của Đài Loan trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1988, dưới thời kỳ cầm quyền của một vương triều – "Vương triều Tưởng".

Từ sau khi Tuyên bố Cairo được ký kết vào ngày 1 tháng 12 năm 1943, phần lãnh thổ của Trung Quốc do Nhật chiếm giữ như Mãn Châu, Đài Loàn, Bành Hồ… được trao trả về cho Trung Quốc. Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, từ đây Đài Loan chính thức chịu sự tiếp quản của Quốc dân đảng, thế nhưng Quốc dâng đảng chuyển từ tiếp thu sang "cướp thu", gây nên bao nỗi bất mãn cho người dân gốc Đài Loan mà đỉnh điểm là cuộc khởi nghĩa "28 tháng 2". Để trấn an đồng bào Đài Loan, Quốc dân đảng nêu ra phương châm cai trị: "Mưu cầu phồn vinh trong yên ổn", Tưởng Giới Thạch đưa Ngụy Đạo Minh lên làm Chủ tịch tỉnh Đài Loan, hàng loạt biện pháp cải cách được đưa ra, từ chính sách giá lương thực hạ cho đến cải cách tiền tệ, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, chủ yếu là tư bản Mỹ.

Đài Loan nằm trên tuyến đường giao thông quan trọng của khu vực Đông Á, các tập đoàn tài phiệt Mỹ đầu tư một lượng tiền lớn vào Đài Loan và đi theo đó là được hưởng những lợi ích đặc biệt, nên những nhà tài phiệt này luôn gây sức ép đối với Chính phủ Mỹ, phản đối việc Mỹ bỏ rơi chính quyền Quốc dân đảng. Mỹ giương ô bảo hộ Đài Loan, đây cũng chính là ước mơ tha thiết của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng đồng thời với việc giương ô che chở, phía Mỹ đưa ra hai điều kiện kèm theo khiến cho nhà cầm quyền Đài Loan ngậm đắng nuốt cay trả giá cho sự "bảo hộ" đó: điều kiện thứ nhất là "Thuyết địa vị Đài Loan chưa xác định", chỉ có như vậy Mỹ mới có thể danh ngôn chính thuận phái hạm đội 7 vào eo biển Đài Loan với tính chất không can thiệp vào nội bộ Trung Quốc. Điều kiện kèm theo thứ hai là yêu cầu Đài Loan thừa nhận "trung lập hóa Đài Loan". Nghĩa là một mặt ngăn cản Trung Quốc dùng vũ lực ở eo biển Đài Loan, mặt khác cũng yêu cầu Đài Loan chấm dứt tập kích Đại Lục, điều này chẳng khác nào đánh cắp giấc mơ "phản công Đại Lục" của cha con Tưởng.

Trong bối cảnh chính trị rối ren, nền kinh tế Đài Loan vẫn có bước chuyển biến to lớn là một phần nhờ vào sự viện trợ ồ ạt của Mỹ, nhưng quan trọng hơn cả chính là hàng loạt cải cách mà Quốc dân đảng và cha con Tưởng Giới Thạch thi hành. Đầu tiên phải nói đến chính là "Cải cách ruộng đất", chính quyền áp dụng phương thức "phóng lĩnh đất công" về cơ bản giải quyết được vấn đề "người cày có ruộng", cải thiện đời sống của đại đa số người nông dân, xúc tiến nông nghiệp phát triển, tạo nền móng cho chấn hưng công nghiệp. Tiếp đến là nâng đỡ công thương nghiệp tư doanh, trong đó ngành dệt chiếm địa vị trụ cột, rồi đến chế độ phân phối định mức lương thực, chế độ tiền gửi dự trữ lãi suất ưu đãi khiến cho một bộ phận không nhỏ người dân chuyển sang kinh doanh kiếm lợi bằng tài sản tiền tệ, dẫn đến tiền gửi định kỳ ở ngân hàng tăng mạnh, như vậy vừa giảm nhẹ áp lực thị trường, vừa tích lũy mở rộng tái sản xuất. Thông qua hàng loạt biện pháp này, cộng thêm viện trợ từ Mỹ lên đến hàng trăm triệu đô-la, cải cách ruộng đất lại kích thích nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ liên quan như dệt, phân bón hóa học, máy nông nghiệp… phát triển, làm cho nền kinh tế Đài Loan khôi phục toàn diện, tình trạng lạm phát cơ bản được xóa bỏ. Từ năm 1961 đến 1972, kinh tế Đài Loan phát triển ổn định ở mức cao, giai đoạn này được gọi là "thời đại hoàng kim" của phát triển tư bản tư doanh, làm nên cái gọi là "Thần kỳ Đài Loan".

Cùng với việc cải cách kinh tế là công cuộc "cải tạo" chính trị. Từ hoàn thiện ba hệ thống lớn cho đến dần giảm bớt các lệnh cấm hà khắc trong thời chiến như cấm đảng, cấm báo, cấm sách; hủy bỏ thể chế giới nghiêm, trẻ hóa bộ máy lãnh đạo đảng; phá bỏ hàng rào gốc gác, quán

triệt phương châm "bản thổ hóa" nhằm mở rộng đề bạt nhân sĩ gốc Đài Loan tham gia chính trị. Đài Loan dưới thời Tưởng Kinh Quốc đã có những chuyển biến vô cùng tích cực, "bánh xe đổi mới" bắt đầu chuyển động trên con đường "dân chủ hóa". Thế lực Ngoài Đảng chính thức đột phá lãnh địa cấm Đảng đã tồn tại hơn 30 năm, buộc Quốc dân đảng phải thừa nhận đảng đối lập và tổ chức hội nghị "bắt tay" với giới nhân sĩ Đài Loan, khiến cho Đài Loan từ thế chính trị một Đảng lũng đoạn tiến tới đa nguyên cạnh tranh nhiều chính Đảng. Có thể nói hai năm cuối "Vương triều Tưởng", tình hình chính trị Đài Loan xảy ra hàng loạt biến đổi, từ hủy bỏ giới nghiêm, Đảng đối lập được hợp pháp hóa, quan hệ giữa hai bờ eo biển ấm dần lên, vấn đề "Tam thông" (tức thông đường hàng không, đường biển; thông đường bưu điện, thư từ; thông thương buôn bán); "Tứ lưu" (tức thăm viếng người thân; trao đổi về du lịch; trao đổi học thuật và trao đổi văn hóa thể dục thể thao) về cơ bản đã đột phá được phương châm "ba không" – "không tiếp xúc, không đàm phán, không thỏa hiệp" của nhà cầm quyền Đài Loan. Vậy nên năm 1987-1988, là dấu mốc lịch sử chính trị Đài Loan lật sang một trang mới; lịch sử Quốc dân đảng cũng đang lật sang một trang mới.

Đài Loan – Tiến trình hóa rồng là một bức tranh toàn cảnh về tình hình kinh tế - chính trị - xã hội Đài Loan giai đoạn 1945-1988, hy vọng cuốn sách này sẽ mang lại cho độc giả Việt Nam một góc nhìn chân thực về lịch sử hòn đảo xinh đẹp – một trong bốn con rồng của châu Á.

Tháng 12 năm 2013

ĐẶNG HIỆN

Nguyên chuyên viên Bộ Ngoại giao,
Nguyên chuyên viên Cục Đầu tư nước ngoài,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. TRÊN NỀN MÁU

I. MỐI LIÊN HỆ LỊCH SỬ GIỮA QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ ĐÀI LOAN

Ở đông nam Trung Quốc có một hòn đảo quý rộng 36 nghìn km2, đây chính là Đài Loan, hiện do chính quyền Quốc dân đảng nắm giữ.

Nhiều văn vật đào được chứng tỏ người bản địa Đài Loan từ xưa đã trực tiếp từ lục địa Trung Hoa di cư ra, rất nhiều điển tích lịch sử ghi chép những sự tích gian khổ của di dân Trung Quốc "Vượt biển rộng đến đảo hoang" hàng ngàn năm nay. Thời Tam Quốc, Tôn Quyền nhà Đông Ngô đã cử đội thuyền hàng chục nghìn người đến Đài Loan. Từ triều Tống, Bành Hồ thuộc Đài Loan đã nhập vào bản đồ Trung Quốc. Hai triều Nguyên, Minh quyền hành chính đã được thực hiện ở Bành Hồ. Cuối Minh đầu Thanh, Đài Loan thành thuộc địa của Hà Lan, sau được người anh hùng dân tộc Trịnh Thành Công đời nhà Thanh giành lại. Đến năm 22 đời Khang Hy (1683), quân Thanh đánh chiếm Đài Loan, năm sau lập phủ Đài Loan, thuộc tỉnh Phúc Kiến. Năm 1885, triều đình nhà Thanh nâng cấp Đài Loan thành tỉnh Đài Loan.

Năm 1895, chiến tranh Giáp Ngọ thất bại, bọn bán nước Lý Hồng Chương, đại diện chính quyền Mãn Thanh đã ký với Nhật Điều ước Mã Quan ô nhục, đem Đài Loan, Bành Hồ nhượng cho Nhật, từ đó Đài Loan thành thuộc địa của Nhật.

Khi đó, Tôn Trung Sơn cũng vừa thành lập ở Đàn Hương Sơn một đoàn thể cách mạng tư sản đầu tiên ở Trung Quốc với tên gọi là Hội Hưng trung, đồng thời thành lập ở Nhật phân hội thứ nhất. Ông cùng với Trần Thiếu Bạch, Dương Hạc Linh và Vưu Liệt khởi xướng cách mạng, bị coi là "Bốn giặc lớn".

Năm 1887, Trần Thiếu Bạch đến Đài Loan tìm người em ruột của Dương Hạc Linh là Dương Tâm Như – hội viên Hội Hưng trung, thông qua Dương liên lạc với Ngô Văn Tú, Triệu Hải Triều, Dung Kỳ Niên, thành lập phân hội Đài Loan, trụ sở đặt tại nhà Dương Tâm Như. Đây là cứ điểm đầu tiên tại Đài Loan của những người cách mạng do Tôn Trung Sơn đứng đầu, cũng là khởi đầu việc đồng bào Đài Loan trực tiếp tham gia phong trào cách mạng của Tổ quốc.

Tháng 9 năm 1900, Tôn Trung Sơn đến Đài Loan thiết lập sở chỉ huy để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Huệ Châu, ông ở Đài Loan tất cả 42 ngày.

Tháng 5 năm 1905, hai tổ chức cách mạng Hội Hoa hưng và Hội Quang phục hợp nhất với Hội Hưng trung thành chính đảng cách mạng tư sản đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc là Hội Đồng minh.

Mùa xuân năm 1910, hội viên Hội Đồng minh là Vương Triệu Bồi đến Đài Loan, một mặt học nghề thầy thuốc ở Trường Y Đài Bắc, mặt khác bí mật phát triển tổ chức Hội Đồng minh. Dưới ảnh hưởng của Vương và sức hút từ tôn chỉ cách mạng của Tôn Trung Sơn, Ông Tuấn Minh người Đài Loan tuyên thệ gia nhập Hội Đồng minh, nhận ngay nhiệm vụ làm liên lạc viên tại Chương Châu, phụ trách phát triển công việc của Hội ở Đài Loan. Phân hội Đồng minh Trung Quốc ở Đài Loan cũng tuyên bố thành lập.

Năm 1911, phân hội Đài Loan đã phát triển được hơn 30 người, gồm cả nhà lãnh đạo phong trào dân tộc Tưởng Vị Thủy.

Tháng 10 năm đó, lão hội viên, người từng tham gia cuộc khởi nghĩa Hoàng Hoa Cương, La Phúc Tinh đến Đài Loan theo lệnh của Tôn Trung Sơn để phát triển tổ chức. Ông thành lập chi bộ tại Miêu Lệ và thành lập các phân bộ tại Đài Bắc, Đào Viên, Chương Hóa, Đài Nam, Cơ Long và Nghi Lan. Đồng thời, cắt cử Giang Lượng Năng, Hoàng Quốc Sương, Hoàng Quang Khu, Tạ Đức Hương, Phó Thanh Phong, Hoàng Viên Kính… tất cả 12 người làm mộ tập viên, chiêu mộ chí sĩ tổ chức thành các tổ chức chống Nhật như Hội Hoa dân, Hội Tam điểm... lại lệnh cho Ngô

Giác Dân lập tổng trạm liên lạc tại khách sạn Đại Doanh ở Đài Bắc, làm đầu não chỉ huy của Hội Đồng minh.

Trong một năm, La Phúc Tinh bốn lần bí mật mưu đồ khởi nghĩa đều bị lộ. Người lãnh đạo địa phương bị bắt và khởi nghĩa thất bại. Ngày 18 tháng 12 năm 1912, cảnh sát Nhật mở cuộc càn quét, La Phúc Tinh bị bắt, kiên trinh bất khuất anh dũng hy sinh. Vụ này liên quan đến hơn 1.200 người, sử gọi là Sự kiện Miêu Lật.

Tháng 8 năm 1913, Tôn Trung Sơn phát động "Cách mạng thứ hai" thất bại, chạy sang Nhật, tiện đường đến Đài Loan lần thứ hai. Các lão hội viên Hội Đồng minh, Dương Tâm Như, Ông Tuấn Minh, Chu Xích Ngưu kêu gọi làm cuộc "Thảo Viên cách mạng". Ông Tuấn Minh định đến Bắc Kinh ám sát Viên Thế Khải. Phương pháp là sử dụng vi khuẩn gây bệnh thả vào máng nước cung cấp cho các quan chức cao cấp. Tôn Trung Sơn tuy có khen cái chí, nhưng ngăn cái hành. Tuy nhiên, Ông Tuấn Minh không nghe lời khuyên vẫn hành động. Kết quả vi khuẩn tuy đã thả nhưng không hiệu quả, Ông Tuấn Minh đành quay về Đài Loan.

Tháng 11 năm 1914, Ông Tuấn Minh triệu tập Đại hội Phân hội Đồng minh Đài Loan tại nhà hàng Bình Lạc ở Đài Bắc, đến dự có 76 người. Đại hội đã khiến cảnh sát Nhật chú ý và trong hoàn cảnh chính trị ác liệt, Phân hội Đồng minh Đài Loan bắt buộc phải giải tán.

Tháng 6 năm 1918, Tôn Trung Sơn đến Đài Loan lần thứ ba. Ông muốn nhân dịp này tiếp xúc nhiều hơn với đồng bào Đài Loan, tuyên truyền Chủ nghĩa Tam dân. Nhưng chính quyền Nhật không cho ông ở lại Đài Loan lâu dài, còn tìm mọi cách không cho ông tiếp xúc với dân chúng. Kết quả là ông chỉ ở lại một đêm đã phải rời đi Nhật.

Tháng 1 năm 1920, lưu học sinh Đài Loan ở Nhật, do ảnh hưởng thúc đẩy của Phong trào Ngũ Tứ, đã thành lập Hội Tân dân ở Tokyo, Hội trưởng là Lâm Thiếu Đường, Phó Hội trưởng là Sái Huế Như. Hội viên có hơn một trăm người như các ông Lâm Trình Lộc, La Vạn Xa, Ngô Tam Liên, Quách Quốc Cơ, Sái Bồi Hỏa, Tạ Xuân Mộc... Sau khi thành lập, dưới sự lãnh đạo của Lâm Hiến Đường, Hội phát động phong trào tình nguyện yêu cầu Nhật hủy bỏ Luật 63 – phân biệt đối xử với người Đài Loan; đồng thời, xuất bản Thanh niên Đài Loan ở Tokyo do Sái Bồi Hỏa phụ trách biên tập và cử Hội phó Sái Huệ Như và hội viên Bành Hoa Anh về nước liên lạc chặt chẽ với Quốc dân đảng.

Tháng 10 năm 1921, Lâm Hiếu Đường, Tưởng Vị Thuỷ, Sái Bồi Hoả, Vương Mẫn Xuyên thành lập Hiệp hội Văn hóa Đài Loan. Hội lấy danh nghĩa nghiên cứu học thuật để đề cao văn hóa chói lọi của dân tộc; kích động lòng tự tôn dân tộc và nhiệt tình yêu nước của đồng bào Đài Loan; truyền bá tư tưởng tiến bộ chống sự nô dịch của Nhật.

Năm 1925, tin Tôn Trung Sơn tạ thế truyền đến Đài Loan. Khắp nơi trên đất Đài Bắc, Đài Trung, Chương Hóa đều tổ chức lễ truy điệu với quy mô lớn. Hiệp hội Văn hóa Đài Loan mở diễn đàn văn hóa tổ chức lễ truy điệu, có tới hơn năm nghìn người tham gia dưới trời mưa. Buổi lễ dự định đọc điếu văn và hát vãn ca, nhưng do bị chính quyền Nhật ngăn cấm nên đồng bào chỉ đặt ảnh Tôn Trung Sơn lễ ba lễ để tỏ lòng dân chúng Đài Loan thương tiếc bậc tiền bối cách mạng Trung Quốc dưới tiếng mưa rơi như than như khóc.

Năm 1927, Tưởng Vị Thủy rút khỏi Hiệp hội Văn hoá, lập ra Đảng Dân chúng Đài Loan, có lập trường dân tộc chủ nghĩa tương đối mạnh mẽ. Năm 1929, Đảng cử Tạ Xuân Mộc và Vương Chung Lân làm đại biểu về Nam Kinh tham gia lễ cầu an cho Tôn Trung Sơn, chính quyền Nam Kinh do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo sợ kích động quân Nhật, đã từ chối. Cùng năm đó, chính quyền Nam Kinh đặt Tổng lãnh sự ở Đài Loan, điều này trên thực tế coi như thừa nhận sự chiếm lĩnh Đài Loan của Nhật. Từ đó Quốc dân đảng cắt đứt liên lạc với tổ chức dân tộc chủ nghĩa Đài Loan.

Sau khi chiến tranh chống Nhật bùng nổ, quan hệ giữa chính quyền Nam Kinh với Nhật thay đổi, lập trường đối với vấn đề Đài Loan trở nên căng thẳng. Ngày 1 tháng 4 năm 1938, Tưởng

Giới Thạch lên tiếng tuyên bố: "Lấy giải cứu nhân dân Đài Loan làm chí nguyện, tất phải giành lại tự do cho đồng bào Đài Loan mới có thể củng cố quốc phòng của Trung Hoa Dân Quốc, đặt nền móng cho hòa bình ở Đông Nam Á." Tuyên bố này đã thấp thoáng hiện rõ ý đồ giành lại Đài Loan là mục tiêu quan trọng cho cuộc kháng chiến chống Nhật.

Khi đó, rất nhiều thanh niên yêu nước Đài Loan vượt qua sự phong tỏa của cảnh sát Nhật về nước tham gia kháng chiến. Những thanh niên này về sau gia nhập hai trận tuyến lớn là Quốc dân đảng và Đảng cộng sản. Trong đó bộ phận gia nhập Quốc dân đảng đã tổ chức thành sáu đoàn thể: Tổng Đồng minh Cách mạng Dân tộc Đài Loan, Đảng Cách mạng Đài Loan, Đảng Thanh niên Cách mạng Đài Loan, Đảng Cách mạng Độc lập Đài Loan, Đảng Cách mạng Quốc dân Đài Loan và Đoàn Quang phục Đài Loan.

Năm 1941, do sự vận động của Ban Tổ chức Trung ương Quốc dân đảng, sáu đoàn thể trên hợp nhất thành Hội Đồng minh Cách mạng Đài Loan. Sau khi Hội được thành lập, lần lượt xuất bản các sách báo: Đài Loan mới, Tập sách về vấn đề Đài Loan, Báo dân sinh Đài Loan. Một mặt giới thiệu tình hình Đài Loan cho nhân dân trong nước, mặt khác cổ vũ người Đài Loan ở Đại Lục Trung Hoa đấu tranh giành lại Đài Loan.

Cùng năm, Quốc dân đảng lần đầu tiên thành lập Ban trù bị Đảng bộ Đài Loan tại Hồng Kông do Ông Tuấn Minh làm trưởng ban. Tháng 4 năm 1943, Tỉnh Đảng bộ Quốc dân đảng Đài Loan chính thức thành lập. Ông Tuấn Minh làm Chủ tịch, Tạ Đông Duyệt làm Ủy viên chấp hành kiêm Trưởng phòng Tuyên truyền. Cán bộ chủ yếu còn có Khâu Niệm Đài (Khâu Phong Giáp), Trần Đống…

Tỉnh Đảng bộ Quốc dân đảng Đài Loan lấy Chương Châu làm cứ điểm công tác, xuất bản Tư liệu nghiên cứu Đài Loan để Chính phủ Trùng Khánh tham khảo quyết sách chống Nhật. Tỉnh Đảng bộ còn cử người bí mật về Đài Loan phân phát truyền đơn chống Nhật và phát triển tổ chức.

Tháng 11 năm 1943, Tưởng Giới Thạch hội đàm với Tổng thống Mỹ Roosevelt và Thủ tướng Anh Churchill tại Cairo. Ngày 1 tháng 12, các bên ký Tuyên bố Cairo, trong đó quy định: "Tôn chỉ của ba nước tính từ đầu Đại chiến thế giới thứ I năm 1914, lấy lại tất cả những đảo Nhật cướp được hoặc chiếm đóng ở Thái Bình Dương, phần lãnh thổ của Trung Quốc do Nhật cướp được như Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ… đều trả về cho Trung Quốc."

Sau Hội nghị Cairo, Quốc dân đảng thành lập Ủy ban kiểm tra Đài Loan do Trần Nghị làm Chủ nhiệm; Thẩm Trọng Cửu, Vương Vân Sinh, Tiền Tôn Khởi, Hạ Đào Thanh, Khâu Niệm Đài, Tạ Xuân Mộc làm ủy viên. Nhiệm vụ công tác là vạch kế hoạch tiếp thu Đài Loan về mọi mặt; dịch các pháp lệnh của Nhật ban bố ở Đài Loan, nghiên cứu tất cả các vấn đề cụ thể có liên quan đến tiếp thu. Tóm lại là chuẩn bị tốt về mặt kỹ thuật để giành lại Đài Loan, đồng thời bắt tay vào việc đào tạo cán bộ tiếp thu. Tưởng Giới Thạch chỉ định Trần Nghị, Hùng Thức Huy, Ngô Thiết Thành, Trần Quả Phu, Trương Lệ Sinh, Đoạn Tích Minh sáu người phụ trách công việc đó. Tháng 12 năm 1944, Ban Huấn luyện Trung ương Trùng Khánh thành lập Ban Huấn luyện Cán bộ Hành chính Đài Loan. Đến tháng 4 năm 1945, danh sách cán bộ được huấn luyện hơn 30 người, sau này họ về Đài Loan phần lớn đều thành cán bộ lãnh đạo từ trung cấp trở lên.

Tháng 7 năm 1945, ba nước Trung, Mỹ, Anh (sau thêm Liên Xô) ký Thông cáo Potsdam buộc Nhật phải đầu hàng vô điều kiện. Trong đó, Điều 8 nhắc lại việc phải làm ở Tuyên bố Cairo về chủ quyền của Nhật hạn chế trong Honshū, Hokkaido, Kyushu, Shikoku và Kure.

Ngày 15 tháng 8, Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ngày 29 tháng 8, chính quyền Quốc dân đảng tuyên bố cử Trần Nghị làm Tỉnh trưởng Đài Loan kiêm Tư lệnh Cảnh sát. Ngày 1 tháng 9, khánh thành Dinh Tỉnh trưởng; cùng ngày công bố Đại cương pháp lệnh tổ chức Dinh Tỉnh trưởng.

Ngày 2 tháng 9, Nhật ký Điều khoản Nhật đầu hàng trong đó quy định Chính phủ Nhật chịu trách nhiệm thi hành trung thực Thông cáo Potsdam.

Ngày 5 tháng 10, Chánh Văn phòng Dinh Tỉnh trưởng Đài Loan kiêm Chủ nhiệm Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Cảnh sát là Cát Kính Ân dẫn 80 người dưới trướng bay đến Đài Loan tiến hành nghi thức tiếp nhận đầu hàng và phát biểu Thư gửi đồng bào Đài Loan.

Ngày 17 tháng 10, quân đội Quốc dân đảng đổ bộ lên Cơ Long, được dân chúng nhiệt liệt đón tiếp. Tiếp đó, quân đổ bộ đi xe lửa tiến vào Đài Bắc, 300 nghìn dân đứng chật hai bên đường hoan hô và hát vang bài Hoan nghênh Quốc quân ca. Lời bài hát: "Đài Loan từ nay thanh bình, ngẩng trông những ngày nắng, ha ha! Nơi nơi hoan nghênh, nơi nơi ca vang, sáu triệu dân cùng vui bày cỗ để đón mừng."

Ngày 25 tháng 10, Trung Quốc chiến khu thuộc tỉnh Đài Loan đại diện quân đồng minh làm lễ tiếp nhận đầu hàng tại hội trường thành phố Đài Bắc (sau gọi là Trung Sơn Đường). Sau buổi lễ, Trần Nghị đại diện Chính phủ Trung Quốc tuyên cáo: "Từ hôm nay trở đi, các đảo thuộc Đài Loan và Bành Hồ chính thức tái sáp nhập vào bản đồ Trung Quốc. Tất cả đất đai, nhân dân, chính sự đều nằm dưới chủ quyền của Trung Quốc."

Hôm sau, hàng nghìn học sinh và nhân dân Đài Bắc mít tinh tuần hành quanh thành phố, chúc mừng Đài Loan về với Tổ quốc. Toàn tỉnh đâu đâu cũng treo đèn kết hoa, đốt pháo rầm trời. Rất nhiều nhà còn làm lễ tổ, cùng nhau rơi lệ báo tin vui với trời đất. Cảnh tượng náo nhiệt xúc động lòng người diễn ra thâu đêm suốt sáng, kéo dài mấy ngày liền.

Hồi đó, vì sự phong tỏa của bọn thống trị Nhật nên tuyệt đại đa số đồng bào Đài Loan không hiểu rõ cuộc đấu tranh Quốc – Cộng, cũng không biết đến những đóng góp trong chiến tranh chống Nhật của những người Cộng sản. Họ coi Quốc dân đảng là: "Người kế tục Tôn Trung Sơn; là các anh hùng chống Nhật; là công thần giành lại đất đã mất". Họ đâu biết rằng Quốc dân đảng khi đó đã mất đi tinh thần hy sinh cho cách mạng mà La Phúc Tinh là tiêu biểu. Đảng này sẽ đem đến cho đồng bào Đài Loan không phải cảnh tượng thanh bình "ngẩng trông những ngày nắng", mà là công khai phân biệt đối xử, cướp bóc tham lam, quản chế một cách tàn khốc với lưỡi đao đồ tể đẫm máu.

II. CHÍNH SÁCH "CƯỚP THU" VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA "28-2"

Sau khi Quốc dân đảng đến Đài Loan, họ đã thực hiện hàng loạt "chế độ Nhật không Nhật".

Trong Đại Lục, các tỉnh thuộc Quốc dân đảng đều đặt chính quyền tỉnh. Về hình thức có phân chia thành quân chính và dân chính. Còn ở Đài Loan không đặt chính quyền tỉnh mà lập Dinh Tỉnh trưởng. Tỉnh trưởng thâu tóm ba quyền: Hành chính, Lập pháp, Tư pháp, lại kiêm Tư lệnh Cảnh sát tỉnh. Có nghĩa là y hệt chế độ Tổng đốc của Nhật cai trị Đài Loan; chẳng qua chỉ thay tên Tổng đốc thành Tỉnh trưởng mà thôi.

Tháng 1 năm 1946, Quốc dân đảng làm lễ tuyên thệ đăng ký công dân ở Đài Loan. Tiếp theo căn cứ trình tự thôn xóm, làng xã, huyện thị, tỉnh lần lượt xây dựng cơ cấu dân ý; đến tháng 5 đã thành lập được Nghị viện lâm thời toàn tỉnh. Các nhân sĩ lớp trên của Đài Loan như Lâm Hiến Đường, Hứa Bính, Cô Chấn Phố đều được mời làm Nghị sĩ. Thành viên các cấp dân ý hầu hết đều do nhà cầm quyền mời hoặc chỉ định, không thông qua tuyển cử. Chức năng chỉ làm tư vấn cho nhà cầm quyền, không hề có quyền lập pháp, quyền chất vấn, quyền tuyển cử như vốn có ở các cơ cấu dân ý thông thường. Tương tự như thời kỳ Nhật chiếm đóng, để lung lạc lòng dân chúng, Quốc dân đảng cũng thành lập "Chế độ tự trị địa phương" và các "Ủy ban bình nghị", "Ủy ban hiệp nghị"…

Quốc dân đảng cho rằng người Đài Loan bị Nhật nô dịch quá sâu sắc, lại không biết Trung văn nên không được làm quan. Dinh Tỉnh trưởng có chín phòng, trong số 18 chánh, phó trưởng phòng chỉ có hai người là người Đài Loan. Các Thị trưởng, Huyện trưởng phần lớn đều thuộc cái gọi là "Bán sơn". Người Đài Loan vì thấy Trung Quốc có "Đường Sơn" nên gọi người ở Đại Lục là A Sơn, gọi người gốc Đài Loan là A Hải. Người gốc Đài Loan từng đi học hoặc công tác ở Đại Lục trở về Đài Loan được gọi là "Bán sơn". Các cơ sở tài chính, tiền tệ, các xí nghiệp lớn và

vừa đều do người ở Đại Lục nắm quyền.

Về mặt đãi ngộ kinh tế, nếu người Đại Lục và người gốc Đài Loan cùng làm một loại công việc thì bao giờ người Đại Lục cũng được trả công cao gấp nhiều lần người gốc Đài Loan. Ngoài ra, họ còn được hưởng các khoản phụ cấp khác mà người gốc Đài Loan không được hưởng.

Đồng thời Quốc dân đảng cử nhiều đặc vụ đến Đài Loan, trong đó có nhiều người nguyên gốc Đài Loan thuộc "Quân thống" như Lâm Đỉnh Lập, Hầu Triều Tôn (sau đổi là Lưu Khởi Quang), Vương Dân Ninh, Tô Thiệu Văn… Những đặc vụ này phối hợp với lũ nanh vuốt gốc Đài Loan trước kia được đặc vụ Nhật thuê dùng, tiếp nhận thêm một số mới làm thành một mạng lưới lớn rất nghiêm mật, chụp lên đầu dân Đài Loan.

Với thể chế chính trị phát xít như vậy, tất nhiên khiến cho dân chúng Đài Loan rất bất mãn. Bọn tai to mặt lớn của Quốc dân đảng biến tiếp thu thành "cướp thu". Ngọn gió độc trong quan trường ngày càng thổi mạnh và tình hình kinh tế xấu đi càng làm cho dân chúng Đài Loan không thể chịu đựng được nữa.

Từ tháng 10 năm 1945 đến tháng 2 năm 1947. Quốc dân đảng tiếp thu tài sản cơ quan, tài sản xí nghiệp, tài sản cá nhân của Nhật có tới 11 tỷ Đài tệ cũ. Từ tháng 7 năm 1946, bắt đầu tiếp thu các xí nghiệp của Nhật và Nhật – Đài Loan hợp tác bao gồm các công ty lũng đoạn thuộc các ngành mía đường, nhôm, kiềm, điện, dầu mỏ và hóa dược, tổng cộng hơn 860 nhà, chiếm trên 80% tổng kim ngạch công nghiệp toàn tỉnh. Các cơ sở tài chính loại vừa trở lên đều rơi vào tay Quốc dân đảng, như Ngân hàng Đài Loan, Ngân hàng Dự trữ Đài Loan (sau tiếp thu, nhập vào Ngân hàng Đài Loan) Ngân hàng Công thương Đài Loan (sau đổi thành Ngân hàng Thương nghiệp thứ nhất Đài Loan) Ngân hàng Hoa Nam, Ngân hàng Khuyến nghiệp Nhật chi nhánh Đài Loan (sau đổi thành Ngân hàng Ruộng đất Đài Loan), Ngân hàng Tam Hòa chi nhánh Đài Loan (sau đổi thành Kho bạc Hợp tác Đài Loan). Kho bạc sản nghiệp Đài Loan (sau đổi thành Kho bạc hợp tác Đài Loan) Công ty Cổ phần dự trữ Hiệp hội Đài Loan… tất cả đều do các quan chức nắm giữ hoặc lấy danh nghĩa quân dân hợp tác. Ngoài ra Quốc dân đảng còn tiếp thu 30% nhà cửa ở thành phố và chiếm trên 20% diện tích ruộng đất canh tác của toàn tỉnh.

Những xí nghiệp, ngân hàng, nhà cửa và ruộng đất phần lớn do bọn xâm lược Nhật cưỡng đoạt dã man từ tay đồng bào Đài Loan. Nếu Quốc dân đảng trả lại một phần cho chủ cũ, khả dĩ còn có lợi cho việc củng cố nền thống trị của họ. Nhưng bọn tai to mặt lớn đến tiếp thu, kiêu ngạo, điên cuồng, vơ vét không kiêng nể gì hết, đâu có cho nhân dân Đài Loan chia sẻ "thành quả thắng lợi". Kết quả là Quốc dân đảng cứ theo danh sách mà thu tất, người Đài Loan chẳng tơ hào chút gì. Như vậy là Quốc dân đảng đã thay thế Nhật, nắm lấy yết hầu kinh tế của Đài Loan, làm cho nhân dân Đài Loan bất mãn, gây mầm biến loạn sau này.

Nếu Quốc dân đảng kinh doanh tốt số tài sản tiếp thu của Nhật, khiến nền kinh tế khôi phục và phát triển, sự bất mãn của đồng bào Đài Loan có thể sẽ dần dần nguôi đi. Nhưng, các quan chức của Quốc dân đảng được phái đến Đài Loan, đương nhiên cũng có những người thanh liêm, nhưng lũ tham ô lộng hành dùng quyền mưu tư lợi thì nhiều vô kể. Như Cục trưởng Cục độc quyền Nhiệm Duy Quân, báo chí lên án một cách có căn cứ, đã tham ô hơn năm triệu Đài tệ. Giám đốc Tổng Công ty Hữu hạn ngành Giấy của tỉnh là Lý Trác Chi đã bán rẻ máy móc trị giá đến hàng chục triệu Đài tệ, rồi ngầm cho người nhà mua lại với giá 400 nghìn Đài tệ. Sau Lý Trác Chi được điều về Đài Bắc làm Cục trưởng Cục độc quyền. Người kế nhiệm phát hiện việc đó đã đòi Lý bàn giao, Lý hối lộ 50 nghìn Đài tệ, người này không chịu đã đem tiền hối lộ và đơn tố cáo trình lên cấp trên. Vì bố vợ của Lý Trác Chi là Cát Kinh Ân, Chánh Văn phòng Dinh Tỉnh trưởng, nên kết quả vụ án bị lờ đi.

Cục trưởng Mậu dịch Đài Loan là Vu Văn Khê bị đoàn thanh tra Trung ương Quốc dân đảng kết tội tham ô đưa ra toà, nhưng "có tiền mua tiên cũng được" chẳng bao lâu đã ra khỏi nhà giam. Lại như Huyện trưởng Đài Bắc, Lục Quế Thương, bị tố cáo tham ô 640 nghìn Đài tệ, hai bên đưa ra các chứng cứ trên báo chí gây ầm ĩ trong cả nước. Những vụ trên chỉ là vài ví dụ tương đối

lớn, báo chí thời đó tiết lộ những vụ ăn cắp của công và tham ô còn nhiều vô kể. Những vụ không bị tiết lộ còn không biết bao nhiêu.

Vì bọn quan lại ngu dốt, tham ô hoành hành, nên các xí nghiệp "Quốc doanh" hoặc phá sản hoặc giảm sản, không một xí nghiệp nào đạt mức thời kỳ Nhật chiếm đóng. Những xí nghiệp tiếp thu từ Nhật đó đều là xí nghiệp độc quyền, mức sản xuất giảm đã trực tiếp ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế.

Các xí nghiệp quan doanh đã nát bét, các xí nghiệp dân doanh cũng lâm vào tình thế khốn quẫn, sau khi Quốc dân đảng đến Đài Loan, họ thực hiện chế độ độc quyền. Thuốc lá, rượu, băng phiến, muối, diêm tất cả đều do Cục Độc quyền của Chính phủ bán ra, thậm chí đến cả bút lông, văn phòng phẩm, sách giáo khoa đều do hiệu sách Đài Loan thuộc Sở Giáo dục tỉnh chiếm độc quyền. Các cơ quan đoàn thể, các trường học nếu không mua văn phòng phẩm, sách vở của hiệu sách đó, kế toán tài vụ sẽ không thanh toán.

Đối với ngành in cũng vậy, các cơ quan đoàn thể, trường học muốn in gì nếu không đến in ở Công ty In ấn Đài Loan thuộc Sở Công khoán thì kế toán cũng không thanh toán. Ngoài ra còn có Cục Mậu dịch, Cục Cung tiêu, Ủy ban Tiết kiệm Nhiêu liệu… thu mua mía đường, giấy, xà phòng, than… tất cả các nhu yếu phẩm một cách cưỡng bức, giá chỉ bằng 1/10 so với giá bán ngoài chợ của vật phẩm cùng loại ở Đại Lục. Thí dụ, giá thu mua than 500 Đài tệ/tấn, tương đương 17.500 Pháp tệ (tiền sử dụng ở Đại Lục), trong khi ở Đại Lục giá là 100 nghìn Pháp tệ. Các cơ sở của Cục mậu dịch lợi dụng sự chênh lệch đó, mua rẻ vật tư của Đài Loan ồ ạt chở về Đại Lục kiếm lợi. Để giữ được sự độc quyền, tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu vào Đảo đều do các cơ sở trên lũng đoạn, các xí nghiệp dân doanh không được phép kinh doanh.

Chế độ độc quyền như vậy đã bóp nghẹt tự do kinh doanh của các xí nghiệp dân doanh, khiến hàng loạt xí nghiệp phá sản, các cửa hàng đóng cửa, gây ra mâu thuẫn sâu sắc giữa dân chúng Đài Loan và chính quyền Quốc dân đảng.

Đến cuối năm 1946, đã có đến 90% các nhà máy quan doanh và dân doanh đình công. Tính cả năm, lượng điện phát ra chỉ bằng 1/5 thời kỳ Nhật chiếm đóng. Sản lượng đường mía xuống dưới 100 nghìn tấn, thấp hơn 1/16 thời kỳ Nhật chiếm, sản lượng than và các sản phẩm truyền thông như đồ hộp phong lê đều không đạt tỷ lệ 1/6 thời Nhật chiếm đóng.

Do nhà máy đóng cửa hoặc không đủ việc làm, công nhân thất nghiệp hàng loạt. Theo thống kê tháng 11 năm 1956, lao động thất nghiệp ở Đài Loan lên đến 800 nghìn người, chiếm trên 10% nhân khẩu toàn Đảo.

Cùng thời kỳ, do ảnh hưởng của lạm phát trong Đại Lục, Đài Loan cũng phát sinh lạm phát. Khi Nhật đầu hàng tháng 8 năm 1945, lượng Đài tệ phát hành hàng tháng của Ngân hàng Đài Loan là 1,5 tỷ, đến cuối năm 1946, sau tiếp thu, phát hành tới 2,2 tỷ, đến tháng 2 năm 1947 lên tới hơn 64,18 tỷ, hầu như bằng tổng số phát hành của 50 năm thời Nhật chiếm đóng. Phần lớn tiền mặt được đưa ra thị trường khiến giá cả tăng vọt theo ngày. Theo thống kê, giá bán buôn 50 mặt hàng ở Đài Bắc năm 1946 tăng 260% so với năm 1945; năm 1947 tăng 360% so với năm 1946. Con số này thấp hơn rất nhiều so với thực tế, mà cũng chỉ đối với 50 mặt hàng được thống kê lấy số trung bình. Những mặt hàng thiết yếu đối với cuộc sống như gạo, đường có biên độ tăng còn vượt con số trung bình rất xa. Giá trị trung bình của giá tiêu thụ thực tế cũng cao hơn giá trung bình bán buôn.

Chỉ lấy mức của số thống kê trên đây, đến năm 1947, vật giá cũng đã tăng năm lần. Nhưng so với con số lạm phát trong Đại Lục cũng chỉ là con kiến so với con voi. Khi đó tỷ giá hối đoái cố định giữa Đài tệ và Pháp tệ là 1 Đài tệ ăn 30 Pháp tệ, vì vậy bọn tham quan ô lại, bọn gian thương và bọn chợ đen bằng mọi luồng đem Pháp tệ như vận chuyển giấy lộn đưa vào đổi lấy Đài tệ, mua vét vật tư đem về Đại Lục bán giá cao, khiến cho hàng hóa ở Đài Loan càng khan hiếm đến nỗi Đài Loan vốn sản xuất nhiều gạo, đến lúc đó chợ đen cũng không còn gạo. Nhân dân không có gạo ăn, nhiều nhà đã phải ăn khoai sắn qua ngày.

Vậy mà nhà cầm quyền Quốc dân đảng vẫn chưa thỏa mãn, còn đánh vào đồng bào Đài Loan đủ loại thuế. Thu thuế lần đầu, số tiền thuế đã vượt quá 88 lần cùng kỳ thời Nhật chiếm đóng. Nhân dân than oán đầy đường.

Một bài ca dao thời đó đã so sánh Đài Loan trước và sau Nhật đầu hàng: "Oanh tạc kinh trời động đất, chính trị đen trời tối đất, nhân dân kêu trời gào đất". Sự phẫn nộ của đồng bào Đài Loan giống như nham thạch sắp phun trên miệng núi lửa, chỉ hơi chấn động là phụt ra.

Chiều ngày 27 tháng 2 năm 1947, hải quan và cảnh sát vũ trang của Cục Độc quyền Đài Bắc hành hung giữa đường, đánh đập dã man một phụ nữ bán "thuốc lá tư" đến chết, khiến nhân dân phẫn nộ; cảnh sát hải quan lại xả súng bắn vào những người đứng xem khiến nhân dân không thể chịu nổi.

Ngày 28 tháng 2, toàn Đài Bắc bãi công, bãi khóa, bãi thị, dân chúng xuống đường biểu tình thị uy, hô vang: "Đả đảo Cục Độc quyền của thương điếm Trần Nghị", "Đả đảo Cục Mậu dịch", "Thực hiện cao độ Đài Loan tự trị". Dần dần, lòng căm tức không kìm hãm được, đoàn biểu tình chuyển thành hành động bạo lực. Quần chúng xông vào Cục Cảnh sát, cướp súng tự vũ trang, đốt Cục Độc quyền, bao vây Dinh Tỉnh trưởng, Quân cảnh Quốc dân đảng bắn súng trấn áp, tình hình càng ác liệt. Quần chúng căm tức chiếm Đài phát thanh, hô hào nhân dân toàn tỉnh vùng lên chống lại chính quyền tàn bạo của Quốc dân đảng. Quần chúng đông đảo ở mọi nơi trên đảo Đài Loan rầm rộ hưởng ứng. Phong trào đấu tranh nhanh chóng lan rộng toàn tỉnh. Nhiều nơi tổ chức các đội vũ trang lấy công nhân, nông dân, thanh niên và học sinh làm nòng cốt, đánh vào các trại lính, căn cứ quân sự, kho tàng, sân bay của Tưởng; chiếm trụ sở huyện thị, đập phá Đảng bộ Quốc dân đảng, bắt và trừng trị lũ ác ôn đặc vụ. Trong mấy ngày, toàn tỉnh trừ hai căn cứ quan trọng là Cơ Long, Cao Hùng và một vài đơn vị nhỏ lẻ khác, đều do nhân dân khởi nghĩa nắm giữ.

Trong cuộc đấu tranh, nhân dân thành lập các Ủy ban xử lý sự kiện 28-2, nêu ra "42 Điều cải cách", bao gồm yêu sách tỉnh tự trị, bảo đảm các quyền lợi cơ bản của nhân dân, thủ tiêu Cục Mậu dịch và chế độ độc quyền, phế bỏ các loại thuế vô lý, tài sản tiếp thu của Nhật do chính quyền tỉnh tự xử lý… Những yêu cầu này đều hợp lý, nhưng trà trộn vào đội ngũ quân khởi nghĩa còn có bọn gián điệp Nhật và những nhân sĩ lớp trên của Đài Loan có dụng ý khác xúi giục, nên trong "42 điều" cũng có những nội dung sai lầm, chẳng hạn quá nhấn mạnh tỷ lệ người bản địa trong vấn đề nhân sự, yêu cầu phóng thích vô điều kiện các tội phạm chiến tranh và bọn tình nghi là Hán gian người bản địa… Quần chúng khởi nghĩa cũng biểu hiện mạnh tinh thần bài ngoại, thậm chí không phân biệt trắng đen, đánh đập người từ Đại Lục.

Sau một tuần lễ, viện binh của Quốc dân đảng lần lượt tới, bắt đầu cuộc tàn sát đẫm máu đối với quân khởi nghĩa. Tiếng súng giết người liên tục nổ trong hơn nửa tháng trời. Những người lãnh đạo vốn là Đảng viên Đảng cộng sản Đài Loan rất năng động trong cuộc khởi nghĩa như Tạ Tuyết Hồng, Vương Vạn Đắc... đều buộc phải trốn khỏi Đài Loan. Rất nhiều nhân sĩ dân chủ nổi tiếng như Vương Thiêm Đăng, Lâm Mậu Sinh, Lâm Liên Tôn, Trương Thất Lang, Diệp Thu Mộc đều bị giết hại. Còn nhiều nhân sĩ nổi tiếng khác như Quách Quốc Cơ, Lâm Nhật Cao, Lâm Tôn Hiền đều bị bắt. Số người bị hại lần này đích xác là bao nhiêu không có căn cứ để xác minh, nhưng con số bị bắt cũng phải hàng nghìn, bị giết cũng phải con số mười nghìn, đó là điều không phải nghi ngờ gì.

Qua lần này, thế lực địa phương Đài Loan bị tổn thương nặng, không còn đủ sức khiêu chiến với Quốc dân đảng. Nhưng đối với Quốc dân đảng, dân chúng Đài Loan trước vẫn có ấn tượng tốt đẹp với Hội Trung hưng từ nay trở đi vỡ mộng hoàn toàn. Tận đáy lòng đồng bào Đài Loan ghi sâu mối hận thù, đó là nhân tố bên trong lớn nhất đe dọa nền thống trị của Quốc dân đảng.

Để trấn an đồng bào Đài Loan, Quốc dân đảng cử Bạch Sùng Hi và Tưởng Kinh Quốc đến Đài Loan "vỗ về". Bạch Sùng Hi tuyên bố bốn nguyên tắc xử lý sự kiện này:

(I) Điều chỉnh chế độ chính trị địa phương. Có hai biện pháp:

1. Thay chế độ Dinh Tỉnh trưởng thành Ủy ban tỉnh. Tổ chức giống các tỉnh, nhưng tùy nhu cầu thực tế mà lập thêm Ty, Vụ hoặc Cục.

2. Tuyển cử cấp huyện, thị trước kỳ hạn. Ngày và phương pháp do Nghị viện Đài Loan đề ra, trình lên Bộ Nội chính duyệt cho thi hành.

(II) Điều chỉnh nhân sự địa phương. Có ba biện pháp:

1. Tư lệnh Cảnh sát không để Chủ tịch tỉnh kiêm nhiệm.

2. Nghị sĩ tỉnh trên nguyên tắc cố gắng bầu người bản địa.

3. Cùng chức vụ hoặc cùng bậc quan chức, không phân biệt người gốc ở đâu đều đãi ngộ như nhau.

(III) Chính sách kinh tế. Có hai biện pháp:

1. Hết sức thu hẹp phạm vi công doanh trong công nghiệp dân sinh.

2. Chế độ kinh tế Dinh Tỉnh trưởng và các chính sách hiện hành trái với pháp lệnh Nhà nước ban hành cần phải sửa chữa hoặc bãi bỏ.

(IV) Khôi phục trật tự ở địa phương. Có hai biện pháp:

1. Các cấp "Ủy ban xử lý sự kiện 28-2" và các tổ chức lâm thời tương tự, phải tự động giải tán ngay.

2. Những nhân viên tham dự hoặc có liên quan vào vụ biến lần này trừ Đảng cộng sản xúi giục bạo động ra, nhất loạt đều được khoan hồng miễn tội.

Những biện pháp trên đây đã chứng tỏ trước sự đấu tranh anh hùng của đồng bào Đài Loan, Quốc dân đảng không thể không nhượng bộ. Hơn nữa những nhượng bộ như tuyển cử huyện, thị trước kỳ hạn, thu hẹp phạm vi công doanh trong công nghiệp dân sinh... đã ảnh hưởng sâu xa đến sự phát triển chính trị và kinh tế của Đài Loan sau này. Từ góc độ này mà xét, máu của những nạn nhân vụ "28-2" đổ ra không phải là vô ích.

Nhưng vì khởi nghĩa "28-2" tạo ra sự đối lập giữ người Đại Lục và người gốc Đài Loan nên những biện pháp an ủi này, không thể thủ tiêu được sự đối lập đó. Sau khi Quốc dân đảng lui về bám giữ Đài Loan, đã tìm mọi cách để xoa dịu vết thương này, nhưng đều không mang lại hiệu quả: 45 năm nay, mâu thuẫn giữa người gốc Đại Lục và người gốc Đài Loan. Những phần tử đòi độc lập cho Đài Loan vẫn luôn muốn lặp lại món nợ "28-2", kích động nhân dân Đài Loan tâm lý bài ngoại.

III. PHƯƠNG CHÂM CAI TRỊ ĐÀI LOAN "MƯU CẦU PHỒN VINH TRONG YÊN ỔN"

Sau khởi nghĩa "28-2", Quốc dân đảng nêu phương châm cai trị Đài Loan: "Mưu cầu phồn vinh trong yên ổn", xóa bỏ Dinh Tỉnh trưởng. Tháng 5 năm 1947, thành lập Ủy ban tỉnh do Ngụy Đạo Minh làm Chủ tịch tỉnh khóa đầu tiên.

Ngày 15 tháng 5, Ngụy Đạo Minh nhậm chức. Ngày 16, ông tuyên bố bãi bỏ Lệnh giới nghiêm, kết thúc tra xét làng xóm, ngừng kiểm tra tin tức sách báo, bưu điện. Ngày 23, đổi Cục Độc quyền vốn bị nhân dân Đài Loan căm ghét thành Cục Công mại. Trừ chính sách độc quyền đối với thuốc lá và rượu, long não được đưa ra khỏi phạm vi độc quyền. Ngành Diêm cũng cho phép dân doanh. Cùng ngày Ngụy Đạo Minh phát biểu trên Đài phát thanh động viên tự do buôn bán. Hiện tượng độc quyền quái gở đối với văn phòng phẩm và ngành in kết thúc từ ngày đó.

Ngày 30 tháng 5, Ủy ban tỉnh tiếp thu yêu cầu của đồng bào Đài Loan triệt bỏ Cục Mậu dịch, chuyển thành Ủy ban điều tiết vật tư, nhiệm vụ chính là cân đối cung cầu trong tỉnh, không mưu cầu thu lợi về tài chính, có khi Ủy ban điều tiết vật tư còn mua những sản phẩm ở Đại Lục với giá đắt mà ở Đài Loan thiếu hụt, bán với giá thấp hơn cho đồng bào để bảo đảm ổn định kinh tế và cân bằng vật giá. Điều này hoàn toàn khác với Cục Mậu dịch trước kia, chuyên vơ vét sản phẩm của Đài Loan đưa về Đại Lục kiếm lợi một cách tàn bạo.

Tháng 2 năm 1948, Ủy ban tỉnh Đài Loan lại tuyên bố bãi bỏ chế độ bao tiêu trong ngành than, sau đó cho phép dân doanh đối với ngành than.

Vào khoảng thời gian đó, chính quyền không ngừng kiểm tra chứng minh thư công dân trong toàn tỉnh, tăng cường quản lý thị trường, chống buôn lậu ngoài cảng. Từ ngày 1 tháng 3 năm 1948 trở đi, Ủy ban tỉnh ra lệnh "đăng ký khách xuất nhập cảnh" quy định khách ra vào trong một thời hạn nhất định phải đăng ký tại Cục Cảnh sát Đài Loan. Áp dụng biện pháp này, một mặt để lùng bắt những người Cộng sản, ngăn chặn những người Cộng sản lọt vào Đài Loan, mặt khác đánh vào bọn đầu cơ trục lợi, bảo đảm ổn định thị trường Đài Loan.

Để giảm bớt sự căng thẳng về lương thực trong Đảo, Ủy ban tỉnh ban bố "Quy chế giá lương thực hạ" như sau: "Nhà cầm quyền quy định mức tiêu chuẩn lương thực cho mỗi hộ dân. Trong mức đó, các nhà cung ứng phải bán theo giá hạ, nếu có lương thực mà không bán hoặc không bán đủ mức đã nâng giá, đều coi là phạm pháp. Quy chế này, bị địa chủ lớn và các nhà buôn lương thực phản đối kịch liệt.

Đài Loan là nơi sản xuất lương thực nổi tiếng, sở dĩ có hiện tượng thiếu lương thực trên thị trường chủ yếu do bọn gian thương cấu kết với bọn quan lại mua vét, tích trữ, đưa về Đại Lục khiến cho giá lương thực tăng cao quá đáng. Sau khi thực hiện "Quy chế giá lương thực hạ", nhà cầm quyền càng kiểm tra nghiêm ngặt hơn ở ngoài cảng, khiến cho lương thực không dễ dàng xuất ra khỏi Đảo. Lương thực tích trữ lâu, đọng vốn, lại có thể vào tù, do đó phải tung ra. Lương thực là loại hàng nhu cầu co dãn ít, khi người dân mua đủ tiêu chuẩn, dù không đủ ăn cũng không cố tình mua thêm lương thực ngoài tiêu chuẩn với giá cao, vì vậy giá lương thực ngoài tiêu chuẩn cũng bị ép hạ xuống và tình hình cung ứng lương thực được cải thiện.

Cái gọi là "giá lương thực hạ" không có nghĩa là giá không thay đổi. Sự thực giá lương thực ở Đài Loan từ 1948 đến 1949 tăng gần 40 lần. Điều này không thể tránh được trong tình hình lạm phát khủng khiếp ở vùng Quốc dân đảng thống trị trong những năm đó. Nhưng nhìn chung, thị trường Đài Loan còn chưa bị thả nổi, chính quyền vẫn còn thông qua biện pháp tăng lương để thu phục lòng dân. Không như ở Đại Lục trong vùng Quốc dân đảng, ví dụ như Thượng Hải, vật giá như ngựa tháo cương, tốc độ tăng vọt theo con số thiên văn, thị trường hoàn toàn thả nổi, toàn bộ nền kinh tế bị tan rã triệt để.

Về mặt chống lạm phát, Ngụy Đạo Minh hơn hẳn Trần Nghị một chủ bài, đó là đặc quyền điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Dưới thời Trần Nghị, tỷ giá giữa Đài tệ và Pháp tệ được giữ cố định, cho đến khi ông ta thôi giữ chức, tỷ giá đó vẫn là 1 Đài tệ ăn 35 Pháp tệ. Ngụy Đạo Minh lên nắm quyền, Viện Hành chính Quốc dân đảng cho phép Ủy ban tỉnh Đài Loan được quyền tự ý điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Tính đến tháng 12 năm 1947, tỉnh đã chín lần điều chỉnh tỷ giá. Từ ngày 13 tháng 1 năm 1948, Đài tệ so với Pháp tệ ngày càng có giá. Đến ngày 18 tháng 8 năm 1948, 1 Đài tệ ăn 1.635 Pháp tệ, tăng gần 47 lần.

Ngày 19 tháng 8 năm 1948, Quốc dân đảng cải cách tiền tệ. Dùng Kim viên khoán thay cho Pháp tệ. Một Kim viên khoán ăn 3 triệu Pháp tệ. Đồng thời tuyên bố Đài tệ vẫn giữ nguyên. Một Kim viên khoán ăn 1.835 Đài tệ (tính theo tỷ giá 1 Đài tệ ăn 1.635 Pháp tệ). Tỷ giá này do Viện Hành chính phê duyệt và không được thay đổi. Có nghĩa là thu hồi quyền điều chỉnh tỷ giá của Ủy ban tỉnh Đài Loan nhằm mục đích thống nhất chế độ tiền tệ.

Khi Kim viên khoán mới phát hành, còn tương đối có uy tín. Tưởng Kinh Quốc trấn giữ Thượng Hải, lấy nghiêm hình cưỡng chế vật giá ở mức ngày 19 tháng 8, khiến cho mọi người nhầm

tưởng thị trường ổn định. Theo nhà cầm quyền quy định mọi người nô nức đem vàng, bạc, ngoại tệ đổi lấy Kim viên khoán. Ngân hàng Trung ương Thượng Hải sau cải cách tiền tệ một tháng đã thu đổi được tổng số vàng bạc, ngoại tệ tương đương với 373 triệu đô-la. Đài tệ tạm thời không bị ảnh hưởng.

Nhưng Tưởng Kinh Quốc dựa vào một biện pháp phi kinh tế để quản lý kinh tế, tất nhiên không thể có hiệu quả lâu dài, vì sản xuất sa sút, có xuất không có nhập, hơn nữa vì phát hành tiền mới, tiền trôi nổi tràn ngập, trở thành sức ép cho vật giá và vật giá tăng vọt là điều không thể tránh khỏi, Tưởng Kinh Quốc tử thủ trận tuyến "19-8", thương nhân lại đầu cơ tích trữ, tạo thành một thị trường vắng ngắt, có giá không có hàng. Đến ngày 3 tháng 10, Thượng Hải xuất hiện ngọn gió tranh mua, chân tường thành của Tưởng Kinh Quốc dần dần sụt lở và ngọn gió tăng giá lại thổi mạnh. Vì Tưởng Kinh Quốc ở Thượng Hải nên phần lớn tiền trôi nổi ập vào Đài Loan khiến cho giá cả tăng vọt. Ngày 23 tháng
10, Ủy ban tỉnh Đài Loan tuyên bố: (1) Ngừng chuyển đổi thương nghiệp Lô – Đài; (2) Cấm xuất khẩu lương thực, đường, dầu ăn, bông vải, bông sợi và các mặt hàng dệt; (3) Tăng cường cảnh sát kinh tế ở cảng, đánh vào bọn đầu cơ trục lợi.

Ba điều trên là biện pháp phòng ngừa của Ngụy Đạo Minh trước tình hình kinh tế không ổn định ở Đại Lục, muốn bảo vệ sự ổn định của thị trường Đài Loan.

Ngày 31 tháng 10, Viện Hành chính Quốc dân đảng quyết định bãi bỏ chính sách hạn chế. Ngày 6 tháng 11, Tưởng Kinh Quốc gạt lệ đọcThư gửi nhân dân Thượng Hải, thừa nhận thất bại. Tưởng Giới Thạch đánh nước cuối cùng để cứu vãn sự tan rã của nền kinh tế thuộc khu vực do Quốc dân đảng cai quản: Cải cách tiền tệ, mới được hai tháng rưỡi đã phá sản.

Ngày 1 tháng 11, Viện Hành chính vừa đưa ra thông báo cải cách kinh tế, tỷ giá Đài tệ tăng vọt trong cùng ngày. Từ 1.835 ăn 1 tăng lên 1.000 ăn 1. Ngày 10 tháng 11, Viện Hành chính lại cho phép Ủy ban tỉnh Đài Loan được tự ý điều chỉ tỷ giá Đài tệ. Tiếp đó tỷ giá Đài tệ so với Kim viên khoán tăng 600:1. Đến cuối năm 1948 lên đến 222:1. Tính theo Kim viên khoán quy đổi ra Pháp tệ, tỷ giá này so với ngày Ngụy Đạo Minh lên nắm quyền đã tăng 386 lần. Nói cách khác, biên độ lạm phát của Đài tệ thấp hơn tiền ở Đại Lục là 386 lần. Điều này chứng tỏ kinh tế Đài Loan đã phải đắp một con đê ngăn làn sóng lạm phát của vùng Quốc dân đảng chiếm đóng trên Đại Lục.

Thời kỳ Ngụy Đạo Minh còn vận dụng một biện pháp quan trọng khác là tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, chủ yếu là tư bản Mỹ vào Đài Loan.

Tháng 2 năm 1948, Chỉnh phủ Quốc dân đảng ký với Mỹ Hiệp định Trung – Mỹ cùng khai thác Đài Loan quy định hai bên cùng khai thác nguồn khoáng sản của Đài Loan. Tháng 6, đoàn điều tra kỹ thuật của Mỹ đến Đài Loan khảo sát. Cùng tháng, hai bên thỏa thuận Mỹ cung cấp cho Đài Loan 84 nghìn tấn phân hóa học trị giá tám triệu đô-la. Đài Loan trả lại cho Mỹ 5.4 triệu pound[5] chè; 60 nghìn hòm phong lê đóng hộp; 2,6 triệu pound long não. Tháng 9, Mỹ tuyên bố viện trợ đợt một, đợt hai cho Trung Hoa Dân Quốc, cấp cho ngành mía đường Đài Loan một triệu đô-la, Cục Đường sắt Đài Loan 1,5 triệu đô-la, Công ty Điện lực Đài Loan 2,5 triệu đô-la. Tháng 10, phía Mỹ lại tuyên bố cấp thêm cho Công ty Điện lực Đài Loan 3,5 triệu đô-la; than đá 750 nghìn đô-la, Công ty Phân bón Ích dân Đài Loan 4 triệu đô-la, Xưởng phân bón thuộc Ủy ban đầu tư Cơ Long 1 triệu đô-la. Tổng cộng trong hai tháng 9 và 10, Mỹ đầu tư vào Đài Loan 14,25 triệu đô-la, chiếm 14,25% tổng kim ngạch viện trợ Mỹ dành cho Trung Hoa Dân Quốc đã được Quốc hội Mỹ phê chuẩn.

Mỹ dự định viện trợ cho Trung Hoa một tỷ đô-la vào việc cải tạo kỹ thuật khai thác than, cải tạo một số tuyến đường sắt Hoa Trung, Hoa Nam; một số xí nghiệp ở Thượng Hải, Quảng Châu… nhưng Đại Lục đang trong cuộc chiến, nhiều vùng giáp ranh bị quân giải phóng đến giải phóng. Nhiều đơn vị được Mỹ đồng ý viện trợ chưa nhận được tiền. Do đó, Đài Loan trở thành tỉnh duy nhất được Mỹ rót tiền vào. Về sau, Mỹ tiếp tục đem số tiền chưa viện trợ cho Đại Lục

rót vào Đài Loan.

Đến cuối năm 1948, Mỹ đầu tư chủ yếu vào các ngành điện, mía đường, khoáng sản và hóa chất Đài Loan. Những nhu cầu chủ yếu của Đài Loan về phân bón, bông, ngũ kim, dầu mỏ, máy móc đều do Mỹ cung cấp. Sản phẩm chủ yếu của Đài Loan, như gạo, cũng lấy Mỹ làm thị trường chính.

Sự đầu tư ồ ạt của Mỹ vào Đài Loan đã có tác dụng kích thích nhất định trong việc khôi phục kinh tế Đài Loan. Về mặt khách quan có lợi cho việc tăng cường sản xuất, thêm nhiều ngành nghề. Vì khi ấy, rất nhiều người sùng bái Mỹ cho nên sự đầu tư của Mỹ được coi là một đảm bảo an toàn cho Đài Loan, có lợi cho việc ổn định lòng người của nhà cầm quyền Quốc dân đảng.

Đồng thời, các tập đoàn tài phiệt Mỹ đã đầu tư vào Đài Loan một khoản tiền lớn và được hưởng những lợi ích đặc biệt, nên họ không ngừng gây sức ép đối với Chính phủ Mỹ, phản đối việc Mỹ vứt bỏ chính quyền Quốc dân đảng. Đó cũng là một trong những nhân tố buộc Chính phủ Harry S. Truman phải quyết định "vũ trang ủng hộ Đài Loan".

Tóm lại, qua vụ tàn sát đẫm máu "28-2", tiếp theo sự xoay xở khốn khổ của Ngụy Đạo Minh, Quốc dân đảng thống trị Đài Loan tuy chưa đạt mục tiêu "phồn vinh" nhưng cũng có thể nói là đạt được sự ổn định tương đối về mặt chính trị và kinh tế. Đó cũng là điểm nổi bật của Đài Loan so với vùng Quốc dân đảng thống trị ở Đại Lục.

IV. ĐÀI LOAN TRỞ THÀNH NƠI ẨN NÁU CUỐI CÙNG CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG

Tháng 12 năm 1948, chính quyền Nam Kinh có thay đổi lớn, phe Lưỡng Quảng nhận sự giúp đỡ của Mỹ diễn vở "hiếp vua" khiến Tưởng Giới Thạch bị ép ra rìa. Trước khi bị hạ bệ, Tưởng đã thấy trước tình hình nguy kịch, ôm hy vọng chạy ra Tây Nam để lấy lại Trung Nguyên, nhưng tự biết khó khăn trùng trùng, vả lại Tây Nam là địa bàn của phe Lưỡng Quảng, dù có giữ được Tây An, chưa chắc khu vực đó đã theo phe Tưởng. Trong khi đó Đài Loan được biển bao quanh, dễ phòng khó đánh, ưu thế hải quân và không quân của Quốc dân đảng có thể phát huy, hơn nữa lại là đường giao thông quan trọng của vùng Đông Á, có thể dễ dàng nhận viện trợ từ Nhật, Indonesia và Mỹ. Mặt khác, Đài Loan tương đối ổn định về chính trị và kinh tế, có lợi cho Quốc dân đảng tích trữ lực lượng "chờ dịp lại ra". Bởi vậy, khi chọn cứ điểm cuối cùng lẽ đương nhiên Tưởng đã nhằm Đài Loan.

Để nắm chắc Đài Loan, ngày 30 tháng 12 năm 1948 Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Trần Thành thay Ngụy Đạo Minh làm Chủ tịch tỉnh Đài Loan, Tưởng Kinh Quốc thay Khâu Niệm Đài làm Chủ tịch Đảng bộ Đài Loan. Trần Thành đang dưỡng bệnh ở Đài Loan được lệnh ngay lập tức tiến hành bàn giao với Ngụy Đạo Minh, Tưởng Kinh Quốc còn phải phò tá Tưởng Giới Thạch, chưa đến Đài Loan nhậm chức được.

Ngày 16 tháng 1 năm 1949, Tưởng Giới Thạch phong Trần Thành kiêm giữ chức Tổng tư lệnh Cảnh sát tỉnh Đài Loan. Điều này có nghĩa là thay chế độ quân dân phân ly dưới thời Ngụy Đạo Minh, trở lại chế độ quân dân hợp nhất dưới thời Trần Nghị. Chỉ khác là Trần Nghị vốn không phải là quân nhân, còn Trần Thành vốn xuất thân là lính, ông ta nhận hai nhiệm vụ, lập tức khiến cho màu sắc quân sự ở Đài Loan đậm hơn nhiều.

Cùng ngày, Tưởng Giới Thạch cho gọi Thống đốc Ngân hàng Trung ương Du Hồng Quân và Giám đốc Ngân hàng Trung Quốc Đức Mậu, lệnh cho họ biến chẫn thành lẻ, đem tài khoản ở nước ngoài chuyển hết sang tài khoản tư nhân để đề phòng bị tiếp thu.

Ngày 19 tháng 1, Tưởng Giới Thạch phong cho tay chân của Trần Thành là Phương Thiên làm Chủ tịch Giang Tây. Ngày 21, phát liền bốn lệnh điều chỉnh nhân sự ở bốn tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Nam Kinh và Tứ Xuyên giao cho cháu ruột Chu Thiệu Lương làm Chủ nhiệm Văn phòng quân sự Phúc Châu, Tiết Nhạc làm Chủ tịch tỉnh Quảng Đông, Dư Hán Mưu làm Chủ nhiệm Văn phòng quân sự Quảng Châu, Dương Ân Bá làm Tư lệnh Cảnh sát Nam Kinh. Như vậy,

Tưởng Giới Thạch đã bố trí ở các tỉnh làm bình phong che chắn cho Đài Loan, đều là thân tín của mình.

Ngày 21 tháng 1, Tưởng Giới Thạch chính thức tuyên bố từ chức. Lý Tôn Nhân lên thay làm "Quyền Tổng thống". Cùng ngày, Tưởng Giới Thạch đến Hàng Châu. Trần Thành cũng từ Đài Loan về gặp Tưởng Giới Thạch để "nhậm chức" (đáng lý phải "nhậm chức" trước Lý Tôn Nhân) Tưởng Giới Thạch làm lễ phong cho Trần Thành và Tưởng Kinh Quốc xong thì về quê ở Phụng Hóa. Trần Thành và Tưởng Kinh Quốc nhận lệnh xong chia tay nhau hành động.

Tưởng Kinh Quốc chủ yếu làm hai việc: Một là, xây dựng sân bay Định Hải, đề phòng Tùng Lô thất thủ có thể lấy Định Hải làm căn cứ, huy động không quân ứng cứu và yểm hộ cho quân của Dương Ân Bá rút về Đài Loan. Đồng thời cũng để giành thế chủ động đối với phe Lưỡng Quảng, ý đồ chiến lược của phe Lưỡng Quảng là dựa vào thế hiểm của sông Trường Giang đối đầu với Quân giải phóng, thông qua đàm phán hòa bình để tạo ra thế "Nam Bắc Triều". Nếu hòa đàm thất bại, thế hiểm Trường Giang cũng không giữ được, sẽ vứt bỏ Thượng Hải, đem quân Tùng Lô nhanh chóng theo đường biển rút về phương Nam, dựa vào dải Đại Dữu Lĩnh, Quân Môn Lĩnh của bắc Quảng Đông và nam Giang Tây là phòng tuyến cố thủ Quảng Đông cùng với Quảng Tây, Tứ Xuyên, Vân Nam tạo thế chia cắt hỗ trợ nhau. Nhưng Tưởng Giới Thạch không đời nào chịu để phe Lưỡng Quảng sử dụng lực lượng của cháu ruột mình. Đồng thời cũng thấy trước nếu Trường Giang thất thủ, quân đội của Quốc dân đảng khó có thể chống đỡ được Quân giải phóng Nhân dân ở Hoa Nam, nên chủ trương cố thủ Thượng Hải mong sẽ có sự can thiệp quốc tế và để có sẵn đường rút nên xây sân bay Định Hải. Về sau, quân của Dương Ân Bá rút khỏi chiến trường Tùng Lô quả nhiên được không quân Định Hải tiếp ứng và yểm hộ, đầu tiên rút về Đôn Sơn, sau đó rút về Kim Môn, Mã Tổ và Đài Loan. Việc thứ hai Tưởng Kinh Quốc phải làm là đốc thúc Thống đốc Ngân hàng Trung ương Du Hồng Quân, chuyển hết vàng, bạc, ngoại tệ về Đài Loan. Về con số của cải này, nhà văn Quốc dân đảng Trần Hiếu Uy nói là "Vàng nửa triệu lượng" người tham gia vận chuyển vàng bạc lúc đó là Chiêm Đắc Phong lại nói "80 triệu đô-la, 924 nghìn lượng vàng, tiền bạc 30 triệu" thư ký của Lý Tôn Nhân là Lương Thăng Tuấn đưa ra con số còn lớn hơn nhiều. Ông viết: Khi Nam Kinh thất thủ "kho bạc nhà nước còn 2,8 triệu lượng vàng, hơn 50 triệu đô-la, số chứng khoán có giá còn rất lớn, tổng cộng ước khoảng 200 triệu đô-la".

Dù cho con số không thống nhất, nhưng rõ ràng đây là số tiền vàng rất lớn. Nắm được số tiền vàng này là nắm được quyền lực của Quốc dân đảng, đồng thời có ảnh hưởng to lớn đối với sự ổn định kinh tế Đài Loan. Đúng như sau này Tưởng Kinh Quốc nói: "Lúc đầu khi Chính phủ mới về Đài Loan, nếu không có số tiền này bù đắp, tình hình tài chính và kinh tế thực không biết sẽ thảm hại đến đâu".

Số liệu hiện có cho biết Tưởng Kinh Quốc và Du Hồng Quân chuyển tiền vàng về Đài Loan không chỉ một lần. Tháng 1 năm 1949, khi Du Hồng Quân làm Thống đốc, nghe "mật lệnh" do Tưởng Kinh Quốc truyền đạt, đã chuyển đi một đợt vàng. Lý Tôn Nhân phát hiện đã cách chức Du Hồng Quân, giao cho Bộ trưởng Tài chính Lưu Công Vân lên thay. Đến tháng 4, Tưởng Kinh Quốc đánh mật điện triệu hồi Du Hồng Quân, lúc đó đang ở Hồng Kông với sự giúp đỡ của Dương Ân Bá, lợi dụng mối quan hệ của Du Hồng Quân với Ngân hàng đem số vàng và đô-la còn trong kho bạc chuyển xuống tàu chiến chở về Đài Loan. Kết hợp với phân tích tài chính ở trên, rất có thể số vàng nửa triệu lượng Trần Hiếu Uy nói là số vàng đợt sau.

Hai hành động này đều căn cứ vào lệnh của Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa là Tổng tài Quốc dân đảng, không cho "Quyền Tổng thống" Lý Tôn Nhân biết. Điều này là vi phạm "Hiến pháp", vì Thống đốc Ngân hàng chỉ nghe lệnh của Tổng thống hoặc Viện trưởng Viện Hành chính, chứ không lý gì lại nghe lệnh lãnh tụ Đảng tự tiện di chuyển tài sản ở kho bạc nhà nước đi nơi khác. Hành động lần thứ hai đến Thống đốc Ngân hàng Lưu Công Vân cũng không biết thì thật là quá đáng.

Tưởng Giới Thạch quy định: Tất cả số tiền vàng chuyển về Đài Loan đều do ông ta phê duyệt

mới được xuất ra. Chẳng hạn, chi cho quân phí, Trưởng phòng Tài vụ trong Tổng bộ Hậu cần là Ngô Tung Khánh chịu trách nhiệm cá nhân trước Tưởng Giới Thạch. Mọi báo cáo chi tiêu, điều vận và phân phối đều do Ngô trực tiếp đưa cho Tưởng Giới Thạch đích thân phê duyệt. Bất kể là ai, khi vận chuyển, xuất tiền đều phải có chữ ký của Tưởng Giới Thạch mới được thi hành. Cách làm này rõ ràng là công nhiên coi thường "Hiến pháp", khi đó Tưởng Giới Thạch đã từ chức, chỉ là một dân thường, càng không có quyền đụng đến kho bạc nhà nước. Lý Tôn Nhân mấy lần phản đối, yêu cầu Tưởng Giới Thạch trả lại, không được can thiệp vào tài chính nhà nước, nhưng Tưởng Giới Thạch đều bỏ ngoài tai.

Ngoài vàng và đô-la, phần lớn văn vật cố cung của Bảo tàng Nam Kinh cũng được chuyển về Đài Loan. Trong đó có đồ đồng, đồ sứ, đồ ngọc, đồ sơn, pha lê, văn phòng phẩm, họa phẩm... cộng 1.424 hòm. Tranh đồ họa 1.334 hòm, hiện vật lịch sử 204 hòm, tổng cộng 231.910 vật. Những văn vật này, rất nhiều thứ là báu vật vô giá của nhà nước hiếm có trên thế giới.

Cũng trong thời kỳ này. Trần Thành tuân lệnh của Tưởng Giới Thạch ra sức thành lập vương quốc độc lập Đài Loan, không hề đếm xỉa đến mệnh lệnh của Lý Tôn Nhân. Lý Tôn Nhân lấy danh nghĩa là "Quyền Tổng thống" ra lệnh cho Trần Thành phải thả ngay Trương Học Lương và cử Trình Ân Viễn đến Đài Loan thúc giục nhưng Trần Thành lấy lý do không biết trở về không. Khi đó, các báo lớn ở Nam Kinh, Thượng Hải đều đăng Trương Học Lương bị giam ở suối nước nóng Tân Trúc Đài Loan. Nghị sĩ đông bắc Mạc Đức Huệ và Nguyên Chủ tịch tỉnh Tân Cương Trương Trị Trung, đã đến thăm Trương Học Lương. Cho nên việc "Trương bị giam ở đâu" là điều "bí mật" công khai, Trần Thành không thể "không biết", chẳng qua chỉ là chống lệnh một cách tốt đẹp, chứ căn bản là coi thường Lý Tôn Nhân. Từ đó, Lý Tôn Nhân thấy khó nhằn, không hỏi gì đến công việc của Đài Loan nữa.

Lúc bấy giờ, thu nhập tài chính của Quốc dân đảng chủ yếu dựa vào hai tỉnh Đài Loan vào Quảng Đông. Sau khi Trần Thành nắm quyền ở Đài Loan lập tức giữ lại toàn bộ thu nhập của Đài Loan, không giao nộp một xu nào. Tiếp theo, phát công văn đòi nợ Trung ương, các mục lên tới 500 nghìn lượng vàng, đòi trích trong số vàng của kho bạc chuyển đến Đài Loan. Điều này khổ cho Lý Tôn Nhân và có lợi cho ổn định kinh tế của Đài Loan.

Hôm Trần Thành nhậm chức Chủ tịch tỉnh Đài Loan, tỷ giá giữa Đài tệ vào Kim viên khoán là 222:1; đến ngày 23 tháng 5 năm 1949, trước giải phóng Thượng Hải hai ngày, tỷ giá lên đến 1:400, tăng 88.800 lần; so với ngày cải cách tiền tệ "19-8" đã tăng 734 nghìn lần.

Vì lạm phát ở Đại Lục tăng quá mức, chỉ dựa vào tỷ giá hối đoái không thể nào chống đỡ được nên ngày 4 tháng 2 năm 1949, ngân hàng Đài Loan tuyên bố ngừng chuyển khoản từ Đại Lục đến Đài Loan. Đến ngày 19 tháng 2, lại tuyên bố ngừng chuyển từ Đài Loan vào Đại Lục. Hành động này có nghĩa là cắt đứt quan hệ chuyển đổi giữa Đài tệ và Kim viên khoán, làm cho tuy vẫn có tỷ giá nhưng những người giữ Kim viên khoán không dễ đổi, do đó giữ được giá trị Đài tệ. Ngày 15 tháng 3, Trần Thành bay đến Nam Kinh yêu cầu sửa đổi cách thức ngoại thương, trước kia ngoại thương do Trung ương giữ lại chuyển đổi thành Kim viên khoán rồi mới giao lại cho Đài Loan, nay Đài Loan đòi trực tiếp làm ngoại thương, Đài tệ chuyển đổi ngoại tệ trực tiếp. Ngày 24 tháng 3, Trần Thành và Chu Thiệu Lương cùng đến gặp Tưởng Giới Thạch, được Tưởng Giới Thạch ủng hộ. Ngày 26 tháng 3, Trần Thành họp báo tuyên bố sản phẩm của Đài Loan xuất khẩu được 40 triệu đô-la, yêu cầu Trung ương dùng số tiền đó vào ngành khai khoáng của tỉnh, điều này thực tế là gây dư luận để giữ lại ngoại hối, cũng là bắt bí Lý Tôn Nhân. Dưới áp lực của Trần Thành, ngày 10 tháng 4 Lý Tôn Nhân phải "đồng ý trên nguyên tắc Đài tệ được giao dịch với đô-la". Ngày 12 tháng 4, Trưởng ty Tài chính Đài Loan, Nghiêm Gia Kiềm, triệu tập hội nghị bí mật, thảo luận vấn đề cắt đứt quan hệ với Kim viên khoán và giao dịch với đô-la. Vì tình hình kinh tế của Đài Loan tương đối tốt so với các tỉnh khác thuộc Quốc dân đảng, lại từ Đại Lục chuyển đến một lượng tiền vàng, ngoại tệ khá lớn, làm cơ sở dự trữ vàng cho cải cách Đài tệ, nên việc giao dịch giữa Đài tệ và đô-la thực hiện được. Qua một thời gian trù bị đến ngày 15 tháng 6 năm 1949, Đài Loan chính thức cải cách tiền tệ. Đài tệ mới cắt đứt với Kim viên khoán và nối thông với đô-la Mỹ: 5 Đài tệ ăn 1 đô-la, cứ 40 nghìn Đài tệ cũ ăn

1 Đài tệ mới. Từ đó Đài Loan ngoài việc tiếp tục vận chuyển vàng bạc, văn vật và vật tư ra, trên hệ thống tiền tệ cắt đứt hẳn với Đại Lục thuộc Quốc dân đảng, trở thành "một quốc gia trong quốc gia" về mặt kinh tế.

Ngoài việc đòi độc về lập kinh tế, Trần Thành còn đòi "bế quan tử thủ" về mặt nhân sự. Ông ta vừa nhậm chức, lập tức chấp hành nghiêm ngặt biện pháp đăng ký khách xuất nhập cảnh được ban bố thời Ngụy Đạo Minh. Ngụy Đạo Minh chỉ yêu cầu khách đến đăng ký tại Cục Cảnh sát Đài Loan, còn Trần Thành cử hẳn đặc vụ đến Thượng Hải, Phúc Châu, Hạ Môn lập trạm kiểm soát ở cảng. Khách đến Đài Loan sau khi đăng ký, được cơ quan trị an địa phương phê duyệt, còn phải được trạm kiểm soát Đài Loan kiểm tra lại. Ngày 1 tháng 3 năm 1949, Trần Thành tuyên bố thêm: "Công chức, giáo viên ngoại tỉnh và khách thường nếu không có phép của nhà cầm quyền tỉnh đều không được nhập cảnh; những người được phép nhập cảnh, cứ mười ngày phải làm thủ tục đăng ký lại ở Cục Trị an. Quy định mới này không những chỉ đề phòng Đảng cộng sản du nhập và hạn chế bọn gian thương đầu cơ tích trữ mà còn chĩa mũi nhọn vào "những công chức, giáo viên" trong Quốc dân đảng. Vì vậy nó từng bị những người lập pháp công kích mạnh, có người đề nghị Viện Lập pháp quyết nghị bảo vệ tự do đi lại quy định trong "Hiến pháp", đưa công văn yêu cầu Đài Loan bãi bỏ chính sách vi phạm "Hiến pháp" là cấm nhập cảnh, nhưng Tưởng Giới Thạch can thiệp ở hậu trường khiến cho quyết nghị không được thông qua.

Ngày 14 tháng 3 năm 1949, Trung ương Quốc dân đảng giao quyền chỉ huy công tác chuyển các cơ quan Trung ương ra Đài Loan. Ngày 18 tháng 4, vì Tưởng Kinh Quốc phải theo cha nên không ra nhậm chức ở Đảng bộ tỉnh được, Trung ương Quốc dân đảng lại giao cho Trần Thành kiêm giữ chức Chủ tịch Đảng bộ Đài Loan. Vậy là Trần Thành nắm toàn bộ Quân, Chính, Đảng, thành người đại diện tối cao của Tưởng Giới Thạch trấn giữ Đài Loan. Ông ta tiếp tục đòi thành lập vương quốc độc lập, đối nội không ngừng tăng cường thống trị chuyên chế.

Trong hai ngày 26 và 27 tháng 2 năm 1949, Đài Loan tiến hành tổng kiểm tra hộ khẩu. Để đề phòng dân không hộ khẩu trốn tránh, trong thời gian kiểm tra toàn bộ ngành giao thông đường bộ, đường biển và hàng không, đối nội cũng như đối ngoại, đều tạm ngừng hoạt động.

Ngày 1 tháng 3, Công ty Giấy Đài Loan được lệnh ngừng cung cấp giấy cho các báo. Danh nghĩa là để in sách giáo khoa, nhưng thực tế là khiến cho đa số các tòa báo phải tự động đóng cửa, để Quốc dân đảng phong tỏa tin tức, khống chế dư luận.

Ngày 6 tháng 4, Bộ Tư lệnh Cảnh sát huy động hàng loạt Quân cảnh đột nhiên bao vây Đại học Đài Loan và Học viện Sư phạm Đài Loan, bắt giữ mấy chục học sinh hoạt động tuyên truyền dân chủ và lùng bắt nhiều nhân sĩ tiến bộ. Sử gọi là sự kiện "6-4".

Sau khởi nghĩa "26-2", phong trào dân chủ tiến bộ ở Đài Loan dần hồi phục, lấy học sinh Đại học Đài Loan và Học viện Sư phạm Đài Loan làm nòng cốt. Qua sự kiện "6-4", thế lực chống đối Chính phủ trong trường cũng như ngoài xã hội bị tan rã.

Ngày 30 tháng 4, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Đài Loan tuyên bố giới nghiêm trong toàn tỉnh từ 0 giờ ngày 20 tháng 5. Trừ ba cảng Cơ Long, Cao Hùng và Mã Công được mở dưới dự giám sát chặt chẽ của Bộ Tư lệnh Cảnh sát, tất các cảng khác đều cấm các hoạt động xuất nhập khẩu. Lệnh giới nghiêm còn quy định: (1) Hai thành phố Cơ Long và Cao Hùng bắt đầu từ ngày 20 tháng 5, hàng ngày từ 1 giờ đến 5 giờ cấm đi lại. Các thành phố khác trừ khi cần thiết, tạm thời không cấm đi lại; (2) Hai thành phố Cơ Long và Cao Hùng, các cửa hàng và nơi vui chơi giải trí phải ngừng hoạt động trước 12 giờ đêm; (3) Các cửa hàng và hàng rong trong toàn tỉnh không được nâng giá, ngừng kinh doanh tích trữ nhu yếu phẩm làm rối loạn thị trường; (4) Khách xuất nhập cảnh phải làm thủ tục đăng ký đúng quy định và tiếp thu sự kiểm tra; (5) Nghiêm cấm tụ họp mít tinh, bãi công, bãi khoá, biểu tình; (6) Nghiêm cấm tung tin bằng truyền đơn, biểu ngữ hoặc các hình thức khác; (7) Nghiêm cấm mọi người mang vũ khí hoặc vật nguy hiểm khác; (8) Công dân đi đâu phải mang theo chứng minh thư để phòng khi kiểm tra, nếu không đều bị bắt

giữ.

Lệnh giới nghiêm tuyên bố: "Những người có hành động sau đây sẽ bị xử tử hình": (1) Tung tin bịa đặt; (2) Tụ họp báo động; (3) Gây rối về tiền bạc; (4) Cướp bóc tài sản; (5) Bãi công, bãi thị gây mất trật tự; (6) Cổ động phong trào học sinh, công nhiên xúi giục người khác phạm tội; (7) Phá hoại phương tiện thông tin giao thông; (8) Phá hoại thiết bị điện nước của công chúng; (9) Phóng hỏa, phá vỡ đê đập gây nguy hiểm cho đời sống công cộng; (10) Chưa được phép vẫn mang súng đạn hoặc vật nổ.

Ngày 26 tháng 5, Tưởng Giới Thạch đến Đài Loan. Hành tung của ông đến "Quyền Tổng thống" ở ngay Quảng Châu cũng không hề biết. Sau khi đến Đài Loan, lúc đầu ở tại Thọ Sơn, Cao Hùng, rồi chuyển ngay đến Thảo Sơn cách Đài Bắc mười km về phía Bắc, tại nhà khách Thảo Sơn, do Công ty Mía đường Đài Loan xây dựng, sau trở thành cư xá của Tưởng Giới Thạch. Ông chỉ ở "Phủ Tổng thống" tại Đài Bắc một thời gian, vì Thảo Sơn có nghĩa là "Núi giặc cỏ", Tưởng đổi thành Núi Dương Minh, để biểu thị quyết tâm theo Vương Dương Minh đời Minh.

Ngày 11 tháng 6, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng quyết định thành lập Ủy ban phi Thường vụ gồm có Tưởng Giới Thạch, Lý Tôn Nhân, Tôn Khoa, Cư Chính, Vu Hữu Nhiệm, Hà Ứng Khâm, Kiên Tích Sơn, Ngô Trung Tín, Trương Quân, Ngô Thiết Thành, Chu Gia Hoa, Trần Lập Phu, tất cả có 12 người. Tưởng Giới Thạch làm Chủ tịch, Lý Tôn Nhân làm Phó Chủ tịch. Tổ chức này thành lập chứng tỏ Tưởng Giới Thạch muốn dùng "đảng quyền" để ép "chính quyền" của Lý Tôn Nhân, mục đích từ hậu trường đi lên sân khấu, nắm toàn quyền lãnh đạo.

Ngày 18 tháng 7, Ủy bản phi Thường vụ quyết định thành lập Dinh Trưởng quan đông nam, giao cho Trần Thành làm Trưởng Quan phụ trách toàn khu Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Đài Loan và đảo Hải Nam.

Ngày 1 tháng 8, Tưởng Giới Thạch thành lập Văn phòng Tổng tài tại Đài Loan, bên dưới có chín tổ là đảng vụ, kinh tế, quân sự, tuyên truyền, quốc tế, thư ký, tình báo, cảnh vệ, tổng vụ và một Ủy ban chính sách. Danh nghĩa là cơ quan riêng của Tưởng Giới Thạch, thực tế là Đảng bộ Trung ương và "Phủ Tổng thống" không treo biển. Sau này Quốc dân đảng tiến hành "cải tạo" coi Đảng bộ Trung ương là một tổ, chính là xuất phát từ Văn phòng Tổng tài.

Ngày 13 tháng 10, Quân giải phóng Nhân dân giải phóng Quảng Châu. Trước đó các Bộ thuộc Viện Hành chính đặt tại Quảng Châu, một bộ phận rời đến đảo Hải Nam, sau cũng về Đài Loan. Ngày 20 tháng 11, Lý Tôn Nhân vì không chịu làm bù nhìn cho Tưởng Giới Thạch, từ Nam Ninh bay đến Hồng Kông, rồi ngày 5 tháng 12 từ Hồng Kông đến Mỹ chữa bệnh. Trước khi đi, Tưởng Giới Thạch cử Cư Chính, Chu Gia Hoa, Hồng Lan Hữu, Trinh Nhạn Phần đến Hồng Kông khuyên giải và nếu Lý Tôn Nhân quyết chí ra đi thì nên lấy danh nghĩa là "Phó Tổng thống", thay mặt "Tổng thống" để tranh thủ viện trợ của Mỹ. Nếu thế, mọi chi phí và những khó khăn của Lý sẽ được Chính phủ giải quyết. Lý Tôn Nhân trả lời ông là "Quyền Tổng thống" hợp pháp, còn Tưởng Giới Thạch đã về vườn chỉ là một thường dân. Vì vậy, Lý Tôn Nhân tuy sang Mỹ nhưng vẫn không từ chức và tuyên bố sẽ "lãnh đạo việc nước từ xa".

Đầu tháng 12, Quân giải phóng Nhân dân tiêu diệt hoàn toàn chủ lực của tập đoàn Lưỡng Quảng. Bạch Sùng Hi, một thân một mình từ đảo Hải Nam về Đài Loan. Đến Đài Loan, Bạch bị đưa vào lãnh cung và chịu sự giám sát nghiêm ngặt. Khi đó Quân Giải phóng từ Quý Châu vào Tứ Xuyên. "Ngày 29 tháng 11, Quốc dân đảng từ Trùng Khánh chuyển về Thành Đô rồi đến ngày 7 tháng 12 từ Thành Đô ra Đài Bắc. Ngày 9 tháng 12, "Viện Hành chính" bắt đầu làm việc tại Đài Bắc. Cùng ngày, Lưu Văn Huy và Đặng Tích Hầu khởi nghĩa tại Tứ Xuyên. Lưu Hán khởi nghĩa tại Vân Nam. Ngày 10 tháng 12, Lưu Hán gọi điện cho Lưu Văn Huy và Đặng Tích Hầu, khuyên họ bắt giữ Tưởng Giới Thạch giành "công đầu đối với chính quyền nhân dân", nhưng đặc vụ của Tưởng
Giới Thạch biết được, thấy không ổn, ngay 2 giờ chiều hôm đó Tưởng Giới Thạch phải bay ra Đài Bắc. Ngày 11 tháng 12, Trung ương Quốc dân đảng rời đến Đài Bắc làm việc.

Sau khi Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan, 300 nghìn quân của Hồ Tôn Nam bị vây ở thung lũng Thành Đô, hàng chục nghìn quân của Tống Hi Liêm bị bắt. Ngày 23 tháng 12, Hồ Tôn Nam đáp máy bay ra đảo Hải Nam. Cùng ngày Quân đoàn số 8 của Lý Dĩ và Binh đoàn 26 của Dư Trình Vạn ở Hải Nam cũng bị Quân Giải phóng tiêu diệt. Lý Dĩ dẫn tàn quân sang Myanmar, Dư Trình Vạn lưu vong sang Hồng Kông. Quân của Hồ Tôn Nam phần lớn nổi dậy hoặc đầu hàng, số nhỏ chạy đến Tây Xương. Ngày 25 tháng 12, Tưởng Giới Thạch viết trong nhất ký: "Đảng vụ, chính trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế, giáo dục đã thất bại hoàn toàn rồi!"

Đầu năm 1950, Hồ Tôn Nam lại phụng mệnh bay về Tây Xương thu thập tàn quân. Cố Chúc Đồng và Tưởng Kinh Quốc cũng về Tây Xương để động viên, nhưng khi đó quân Tưởng thua chạy tan tác không còn ra sao nữa. Tháng 3 năm 1950, Quân Giải phóng đến Tây Xương, Hồ Tôn Nam bỏ quân bay về Đài Loan. Hàng nghìn tàn quân bị tiêu diệt hết.

Cho đến khi đó, nội chiến ở Đại Lục Trung Quốc coi như kết thúc. Đảo Đài Loan trở thành nơi quyết chiến sau cùng giữa Quốc – Cộng. Tưởng Giới Thạch đã đón nhận giờ phút nghiêm trọng nhất trong đời mình.

2. CHÍNH QUYỀN TƯỞNG TRONG BẦU TRỜI ẢM ĐẠM

I. CHIẾC Ô BẢO HỘ CỦA MỸ

Đầu năm 1950, Đài Loan bao trùm một bầu không khí căng thẳng tựa như "nước lũ tràn về, gió đầy nhà".

Lúc đầu hy vọng có thể giữ được nền kinh tế tương đối ổn định, về sau hơn hai triệu dân quân đột nhiên tràn đến, Đài Loan trở nên nguy kịch. Vật tư thiếu thốn, tiền tệ lạm phát, sản xuất mất thăng bằng, tình hình này hầu như không cải thiện được. Quốc dân đảng sẽ không thể tránh khỏi vết xe đổ về kinh tế ở Đại Lục.

Về quân sự, ven biển xây dựng thêm lô cốt và công sự phòng ngự, suốt ngày đêm không ngủ, không nghỉ. Diễn tập phòng không, huấn luyện dân chúng, bài binh bố trận. Khắp nơi phố xá, trường học, nhà máy vang lên tiếng ca "bảo vệ Đài Loan". Vậy mà mẹo thắng lại có mấy đâu?

Tưởng Giới Thạch đã rõ, lúc này, muốn bảo vệ chắc chắn Đài Loan, việc khẩn cấp trước mắt là tranh thủ sự viện trợ của Mỹ. Có Mỹ viện trợ, các mặt quân sự, kinh tế, ngoại giao đều có biện pháp; không có Mỹ viện trợ, chỉ dựa vào vàng, ngoại tệ Quốc dân đảng chuyển từ Đại Lục ra mà ráng sức chống đỡ, cuối cùng sẽ có ngày lâm vào cảnh tuyệt vọng, bế tắc. Vũ khí kiểu Mỹ mà quân Tưởng được trang bị không được bổ sung, cũng không có cách ứng phó với chiến tranh tương đối lâu dài.

Nhưng, Chính phủ Mỹ do Tổng thống Truman lãnh đạo, có thái độ không rõ ràng đối với chính quyền Đài Loan, làm cho Tưởng Giới Thạch không rét mà run.

Ngay cuối năm 1948, Tổng thống Mỹ Truman và Ngoại trưởng Mỹ Dean Acheson, đã mất lòng tin với chính quyền Tưởng thối nát vô tác dụng. Tháng 1 năm 1949, Lý Tôn Nhân được Mỹ giúp đỡ, buộc Tưởng về vườn. Ngày 27 tháng đó, đoàn cố vấn Mỹ rời Trung Quốc. Lúc này một số chuyên gia về vấn đề Trung Quốc chỉ là "kẻ cách mạng ruộng đất" cũng hy vọng Đảng cộng sản sau khi lên nắm quyền sẽ mưu cầu quan hệ giúp đỡ đôi bên với Liên Xô và Mỹ, đương nhiên càng hy vọng Trung Quốc có thể tiến và chuyển mình theo phương Tây. Vì thế, tháng 4 năm 1949 khi Chính phủ Quốc dân đảng dời đô về Quảng Châu, Đại sứ Mỹ ở Trung Hoa Dân Quốc là ngài John Leighton Stuart vẫn ở lại Nam Kinh chờ quân giải phóng tiến vào thành phố, cố ý tiếp xúc với người của Đảng cộng sản.

Ngày 30 tháng 6 năm 1949, Mao Trạch Đông phát biểu Bàn về chuyên chính dân chủ nhân dân, trong đó nhấn mạnh phương châm "nghiêng hẳn về một bên", chỉ ra rằng: "Chúng ta phải học Võ Tòng lên đồi Cảnh Dương. Đối với Võ Tòng, con hổ trên đồi Cảnh Dương, kích thích nó cũng thế, không kích thích nó cũng vậy" và coi chuyện "chúng ta cần có sự viện trợ của Chính phủ Anh, Mỹ, ở thời điểm này cũng chỉ là cách suy nghĩ ấu trĩ", tỏ rõ "về quốc tế, chúng ta cùng chiến tuyến với phe chống Đế quốc mà đứng đầu là Liên Xô, chỉ có thể tìm sự viện trợ chân chính, hữu nghị ở phía này, chứ không hòng gì ở phe đế quốc".

Ngày 5 tháng 8, Quốc hội Mỹ phát hành Sách trắng về quan hệ Trung – Mỹ, đưa ra con số cụ thể về sự nghèo khổ, thối nát, chuyên chế, hồ đồ ngu xuẩn để thuyết minh cho sự thất bại của Quốc dân đảng là tự chuốc vào thân chứ không phải tại Mỹ không giúp. Học giả phía Đài Loan chỉ ra: "Đây là cuộc xét xử vắng mặt rất không công bằng của Chính phủ Truman đối với một nước đồng minh đã từng kề vai trong cuộc khổ chiến đẫm máu". "Nói hơi khó nghe, chẳng khác gì cấp giấy chứng tử cho Chính phủ tôi, đồng thời ngầm dặn dò hậu sự."

Sau khi sách trắng được công bố; Mao Trạch Đông liên tiếp phát biểu hàng loạt văn kiện phê

phán: Vứt bỏ ảo tưởng, chuẩn bị đấu tranh, Vĩnh biệt ngài Leighton Stuart, Vì sao phải thảo luận sách trắng, Hữu nghị hay xâm lược, Sự phá sản của quan điểm lịch sử duy tâm. Cùng lúc đó, Tưởng Giới Thạch cũng bị gây áp lực lớn trong nội bộ Đảng, yêu cầu phê phán sách trắng, nhưng ông ta đáp rằng "Khỏi cần!" và trong nhật ký viết: "Khi Giê-su bị xét xử, ông bị oan, nhưng không hề nói một câu."

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập. Mấy ngày sau, các nước Xã hội chủ nghĩa như Liên Xô liên tiếp thừa nhận Trung Quốc.

Từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 10, Sở Công vụ Bộ Ngoại giao Mỹ mời các chuyên gia, học giả tiến hành hội nghị bàn tròn về vấn đề Viễn Đông. Người tham gia hội nghị chia thành hai nhóm, thảo luận chính về vấn đề thừa nhận Trung Quốc, kết quả một nhóm tán thành, một nhóm phản đối. Dư luận nước Mỹ lúc đó chia thành ba phái: Phái A chủ trương lập tức hoặc hẹn ngày thừa nhận Trung Quốc, phái B chủ trương thừa nhận có điều kiện, phái C ngược lại chủ trương tích cực viện trợ hơn nữa cho Chính phủ Quốc Dân của Tưởng Giới Thạch. Do chưa đi đến nhất trí nên Dean Acheson tuyên bố: "Chính phủ Mỹ trước khi có hành động tiếp theo, cần để châu Á hết bực bội đã." Đây chính là "chính sách khoanh tay" (Offhands policy).

Lúc này, Tống Mỹ Linh thay Tưởng đi Mỹ cầu viện và hoạt động khắp mọi nơi cùng với Khổng Tường Hi, nhờ phái hữu trong Quốc vụ Viện gây áp lực với Truman. Phái Diều hâu trong quân đội mà đại biểu là Tham mưu Trưởng, Chủ tịch Hội nghị Liên tịch Omar Nelson Bradley và Tư lệnh Tối cao Quân Đồng minh Douglas MacArthur, xét Đài Loan là một khâu quan trọng trong phòng tuyến Tây Thái Bình Dương của Mỹ, Chủ lực Mỹ cần nhúng tay vào công việc bảo vệ an ninh quốc gia của Đài Loan để giữ vững chiếc "hàng không mẫu hạm không đắm này ở Viễn Đông". Hạ tuần tháng 11 năm 1949, Thượng nghị sĩ William Knowland, đại biểu chính yếu của "thân Đài Loan" trong Quốc hội Mỹ đã bay tới Trùng Khánh, bảo Tưởng Giới Thạch chỉ cần kiên trì ở Đại Lục trong nửa năm, thế lực thân Tưởng ở Mỹ nhất định sẽ khiến Truman thay đổi chính sách đối với Trung Hoa, xuất binh viện trợ Chính phủ Quốc dân. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch cự tuyệt kiến nghị của Tống Hi Liên và Hồ Tôn Nam đề xuất là tung chủ lực vào Tây Xương và vùng sát biên giới Vân Nam, Myanmar, ông hạ lệnh cho Hồ Tôn Nam cố sống chết giữ lấy Thành Đô, kết quả chưa đầy một tháng đã bị tiêu diệt toàn bộ.

Từ tháng 5 năm 1949, hải, không quân của Quốc dân đảng bắt đầu tiến hành phong tỏa Thượng Hải. Ngày 16 tháng 9, Chính phủ Mỹ báo cho các công ty của mình: "Thuyền của Mỹ chỉ có thể vào Thượng Hải, các cảng khác đã bị phong toả, họ phải tự gánh chịu mọi nguy hiểm." Ngày 22 tháng 9, Hải quân Quốc dân đảng chặn giữ thuyền Mỹ là "Phi hành độc lập" và "Phi hành thương nhân" – đang trên đường chạy về Thượng Hải – thu toàn bộ hàng hóa trên tàu. Ngày 14 và ngày 25 tháng 11, thuyền buôn "Phi Vân" và "John Franklin" lại tiếp tục bị hải quân Quốc dân đảng đánh bị hư hại. Sau khi xảy ra sự kiện này, Bộ Ngoại giao Mỹ lập tức kháng nghị kịch liệt, yêu cầu "cấm để xảy ra sự kiện như vậy về sau". Đồng thời, Bộ Ngoại giao Mỹ cũng thầm khuyên giới thương nhân, nhân sĩ nhất thiết không vào Thượng Hải: "Tuyệt đối không tự tiện vận tải đường thủy ở khu vực nguy hiểm". Những trường hợp công khai, Mỹ vẫn từ chối thừa nhận việc phong tỏa cửa khẩu ở Thượng Hải của Chính phủ Quốc dân.

Trong tháng 12, Nolan và một Nghị sĩ thân Tưởng khác là Smith kéo nhau bay về Tokyo, gặp MacArthur, Thống soái Quân Đồng minh ở Viễn Đông, đề nghị ra quân giúp Tưởng. MacArthur nóng lòng muốn thử, đưa ra ý kiến năm điểm giúp Trung Hoa Dân Quốc, chủ trương tăng cường giúp chính quyền Tưởng Giới Thạch về quân sự và kinh tế trên quy mô lớn. Mỹ cử đoàn cố vấn quân sự tới Đài Loan, thậm chí không tiếc dùng quân Mỹ hiệp phòng, lấy việc giữ vững chính quyền Tưởng làm "biểu tượng chống đỏ hoá". Trong bối cảnh đó, ngày 23 tháng 12 Đài Loan chính thức đưa ra đề nghị Chính phủ Mỹ cử cố vấn chính trị, quân sự, kinh tế tới Đài Loan làm công tác phối hợp giúp đỡ phòng vệ.

Nhưng đúng ngày 23 tháng 12, Bộ ngoại giao Mỹ ra Chỉ thị tuyên truyền về chính sách đối với Đài Loan nói: "Về mặt chính trị, địa lý, chiến lược, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, nó

không có gì là đặc biệt hoặc quan trọng… Về mặt chính trị và quân sự, nó thuộc trách nhiệm của Trung Quốc.” Người ta đều đoán rằng Đảo này sẽ sụt xuống, với nền chính trị của Quốc dân đảng, tình hình dân chính và quân sự nơi đó đã xấu đi, tình hình này càng chứng tỏ thêm dự đoán trên.

Văn kiện này yêu cầu các ngành hữu quan khi tuyên truyền nên lợi dụng mọi tài liệu để đối phó với những ấn tượng sai, nghĩa là: (1) Giữ Đài Loan là để cứu vớt Chính phủ Trung Quốc; (2) Mỹ rất thích hoặc có dã tâm đối với hòn đảo này là Đài Loan giữ căn cứ quân sự nào đó; (3) Mất đảo này sẽ thiệt hại lớn đến lợi ích quốc gia của Mỹ hoặc của các nước chống Cộng; (4) Dù sao, Mỹ cũng phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thể hiện hành động cứu Đài Loan.

Văn kiện này còn giải thích tại sao Mỹ không thể lập căn cứ, đưa quân đội, cấp vũ khí, điều quân hạm tới Đài Loan, hoặc có hành động đại loại như vậy, bởi vì: (1) Như vậy thực tế không có lợi cho chính quyền Quốc dân đảng; (2) Khiến cho Mỹ cuốn vào cuộc mạo hiểm lâu dài, không khéo có thể rơi vào cuộc chiến tranh công khai; (3) Như thế Mỹ sẽ bị nhân dân Trung Quốc coi là thù địch; (4) Như thế sẽ chứng thực điều Liên Xô tuyên truyền làm phân tán lực lượng của Mỹ, hóa ra lại phù hợp với lợi ích của Liên Xô.

Cuối cùng, văn kiện này chỉ thị cho các ngành “trong vấn đề tuyên truyền về Trung Quốc, nhấn mạnh tình hình tồi tệ của Đài Loan dưới ách thống trị của Quốc dân đảng” và nhân đây chỉ cho người ta rõ “tại sao Quốc dân đảng dễ bị công phá ở đó cũng như ở các nơi khác”16.

Tóm lại, văn kiện này được gọi là “mệnh lệnh đặc biệt” lộ rõ ý đồ của Mỹ chuẩn bị vứt bỏ chính quyền Đài Loan. Theo định hướng này, ngày 29 tháng 12, Truman triệu tập Hội nghị an ninh quốc gia, thảo luận yêu cầu hiệp đồng phòng thủ của chính quyền Đài Loan, Bradley trình bày ý kiến phái quân đội, chủ trương Mỹ nên tham gia vào việc phòng thủ Đài Loan, Acheson lại phải đối. Cuối cùng, Truman quyết định Mỹ chọn lập trường “khoanh tay đứng nhìn”. Quyết định ngay hôm đó báo cho Cố Duy Quân “Đại sứ” Quốc dân đảng ở Mỹ.

Ngày 5 tháng 1 năm 1950, Truman tuyên bố về vấn đề về Đài Loan rằng: “Mỹ không có dã tâm cướp Đài Loan hoặc bất kỳ vùng lãnh thổ nào của Trung Quốc. Hiện nay Mỹ không có ý thu lại đặc quyền hoặc xây dựng căn cứ quân sự ở Đài Loan. Mỹ cũng không muốn dùng vũ trang can dự vào cục diện hiện nay của nó, Chính phủ Mỹ không muốn theo bất kỳ cái gì để cuốn nước Mỹ vào con đường tranh chấp nội bộ của Trung Quốc. Như vậy Chính phủ Mỹ cũng không muốn cung cấp viện trợ quân sự và cung cấp ý kiến cho quân đội Trung Quốc ở Đài Loan.” Cùng ngày, Acheson nói với nhà báo: “Chúng tôi không dùng quân đội của chúng tôi dính líu đến tình thế hiện nay của Đài Loan; chúng tôi không có ý chiếm lĩnh đảo này, chúng tôi không can dự vào việc quân sự của Đài Loan.”

Ngày 13 tháng 1, Tống Mỹ Linh cầu viện ở Mỹ bị coi khinh lạnh nhạt, ngán ngẩm trở về Đài Loan. Truman chửi tập đoàn Tưởng – Tống: “Chúng nó là lũ ăn cắp, không một đứa nào không là kẻ cắp.” Sau đó ít lâu, Mỹ bắt đầu giảm kiều dân ở Đài Loan, như thế ngầm hiểu là Mỹ đã nhận định Đài Loan sẽ bị Đảng cộng sản chiếm nhanh chóng.

Ngày 20 tháng 1, Tưởng Giới Thạch tuyên bố các cửa khẩu Thượng Hải, Ninh Ba, Quảng Châu, Thiên Tâm, Thanh Đảo là khu cấm mậu dịch, nếu thuyền nước ngoài vào cửa khẩu nói trên sẽ bị chặn lại và bị công kích. Ngày 28 tháng 1, Quốc hội Mỹ đã ra tuyên bố: “Nước Mỹ không muốn thừa nhận việc phong tỏa này.” Nhân viên ngoại giao Mỹ ở Đài Loan lúc đó chỉ có một lãnh sự và một trung tá, văn thư qua lại đôi bên cũng từ “công hàm” thông thường trở thành “bản ghi nhớ”.

Mặt khác, vì Mỹ đã thu được lợi ích kinh tế và quân sự to lớn ở Đài Loan, vả lại “người bạn đồng minh chống Cộng” Tưởng Giới Thạch này cũng chưa mất hết giá trị sử dụng lại cũng chẳng thấy có biểu hiện gì về sự thay đổi quan hệ với Bắc Kinh, cho nên lúc đó Truman đồng thời tuyên bố không can dự vào vấn đề Đài Loan, lại tự mâu thuẫn, “tiếp tục viện trợ kinh tế cho Trung Hoa Dân Quốc”, Acheson còn giải thích riêng với giới báo chí rằng: “Quốc dân đảng ở

Đài Loan vẫn có thể mua vũ khí của Mỹ theo luật pháp". Ngày 15 tháng 1, Truman cử Jesup, Đại sứ lưu động, đến Đài Loan. Jesup đã bàn bạc, trao đổi kỹ với Tưởng Giới Thạch về vấn đề phản công và vấn đề viện trợ kinh tế của Mỹ.

Dưới bức màn che "viện trợ kinh tế", quân Mỹ bán rẻ cho Đài Loan hàng loạt vũ khí. Ví dụ như ngày 12 tháng 1 năm 1950, tàu Thổ Nhĩ Kỳ hiệu "Martin" chuyển từ Philadelphia tới Đài Loan một lượng lớn vũ khí đạn dược, riêng xe tăng đáng lý 580 nghìn đô-la một chiếc, Mỹ chỉ hợp đồng bán với giá một nghìn đô-la. Bằng cách này, Đài Loan vẫn có thể nhận được ít nhiều viện trợ quân sự có giới hạn của Mỹ.

Lúc này, Mỹ cũng chưa có ý đồ diễn lại "vở kịch thay ngựa" ở Đài Loan, vì thế họ vẫn coi Lý Tôn Nhân đang dưỡng bệnh ở Mỹ như một Nguyên thủ quốc gia, Lý Tôn Nhân bấy giờ đang liên lạc với tàn dư của Lưỡng Quảng là Trương Phát Khuê, Cố Mạnh Dư và của hai đảng là Đảng Xã hội Dân chủ và Đảng Thanh niên là Trương Quân Mại, Tả Thuấn Sinh, làm thành cái gọi là "thế lực mới thứ 3" mưu đồ đi theo con đường vừa chống Tưởng vừa chống Cộng. Triết Nhạc, tướng lĩnh quân của Lưỡng Quảng lúc đó dẫn 100 nghìn binh mã phòng thủ đảo Hải Nam; một số đặc vụ và du kích chống Cộng ở Đại Lục cũng nhận lệnh của Lý Tôn Nhân; một số "Đại biểu Quốc hội", "Ủy viên Lập pháp" và tướng lĩnh thất thế chạy tới Đài Loan cũng ủng hộ Lý Tôn Nhân. Vì thế, Mỹ ôm ấp hy vọng ở Lý.

Tháng 2 năm 1950, Acheson gửi thư cho Lý Tôn Nhân; một là chúc mừng Lý qua khỏi ca mổ dạ dày; hai là đề nghị Lý nếu sức khỏe cho phép nhanh chóng thu xếp gặp Truman, hai bên sẽ hội đàm vấn đề Trung Quốc với tư cách "Nguyên thủ quốc gia".

Tưởng Giới Thạch sau khi nghe tin, phát ngay mật điện cho Cố Duy Quân "Đại sứ" ở Mỹ, yêu cầu ông ta ra sức gây trở ngại kéo dài ngày hội đàm giữa Truman và Lý Tôn Nhân. Việc này mới chỉ là một quan chức Bộ ngoại giao Mỹ trực tiếp liên hệ với Cam Giới Hậu, thân tín của Lý Tôn Nhân và chưa qua con đường ngoại giao chính thức. Nhưng Lý Tôn Nhân cho rằng đã là "hội đàm Nguyên thủ", vẫn phải thông qua con đường chính thức, bèn để Bộ Ngoại giao Mỹ liên hệ với "Sứ quán của Chính phủ Quốc Dân ở Mỹ". Cố Duy Quân bị kẹt giữa Tưởng và Lý, đằng nào cũng khó, chuồn đi Miami, phía nam nước Mỹ. Thế là nhân vật Tưởng coi là "Đại sứ" không còn ở Sứ quán nữa, trì hoãn không cho phía Mỹ trả lời. Sau khi Lý Tôn Nhân biết, lại cho Cam Giới Hậu liên hệ với Nhà Trắng. Chương trình tháng 2 Truman đã sắp xếp xong, hai bên trao đổi sẽ gặp mặt ngày 2 tháng 3, đó là ngày 3 tháng 3 theo giờ Đài Loan.

Cùng thời kỳ này, Tưởng Giới Thạch tăng cường hoạt động, chuẩn bị tái nhậm chức "Tổng thống". Ngày 3 tháng 2, liên danh "Đại biểu Quốc hội" chạy ra Đài Loan mời Tưởng Giới Thạch, "nhanh chóng trông coi công việc". Ngày 12 tháng 2, "Viện Giám sát" thông qua đề án chỉ trích "Quyền Tổng thống" Lý Tôn Nhân ở Mỹ "lãnh đạo việc nước từ xa là sai lầm", đề nghị "Quốc hội" hỏi tội. Ngày 13 tháng 2, Ủy ban đặc biệt của Quốc dân đảng gửi điện cho Lý Tôn Nhân, nói rằng trước khi đi Mỹ ông ta hứa tháng 1 sẽ về nước, thế mà tới nay đã quá hạn, yêu cầu về ngay. Ngày 21 tháng 2, Ủy ban Đặc biệt lại phát thông điệp tối hậu cho Lý Tôn Nhân, hạn cho Lý trong ba ngày phải trở về Đài Loan, nếu không coi như tự động từ chức "Quyền Tổng thống", Ủy ban đặc biệt sẽ chân thành mời Tưởng Giới Thạch nhận lại chức "Tổng thống". Khổng Tường Hi và các quan chức trọng yếu của "Đại sứ quán" đang ở Mỹ, nghĩ rằng trong "Hiến pháp" không ghi "Tổng thống" sau khi thoái vị vẫn có thể phục chức, nên nếu Tưởng phục chức không những sẽ mắc tội chống "Hiến pháp", mà càng không được Mỹ bỏ qua, vì thế đã gửi điện khuyên Tưởng thận trọng. Họ còn cử "Tham tán" Trần Chi Mại tìm gặp Hồ Thích ở Mỹ, đề nghị Hồ khuyên ngăn. Hồ Thích liền đánh điện cho Tưởng, nói rõ rằng nếu Lý Tôn Nhân chịu nhượng bộ, đề nghị Tưởng phục chức, còn có thể giữ được kín kẽ về mặt pháp luật, nếu không, coi như chống lại "Hiến pháp", không có cách nào khác. Tưởng Giới Thạch không thèm để ý đến bức điện này.

Sau ba ngày, Lý Tôn Nhân không về Đài Loan. "Viện Lập pháp" Đài Loan họp ngay, thông qua quyết nghị yêu cầu Tưởng Giới Thạch nhậm chức ngày 1 tháng 3. Tưởng Giới Thạch tuyên bố

“nhất trí trông coi công việc” tiếp tục làm “Tổng thống”, trước hai ngày Lý Tôn Nhân gặp Truman.

Vì trong “Hiến pháp” không quy định “Tổng thống” sau khi thôi chức có thể được phục chức hay không. Cho nên Tưởng Giới Thạch muốn phục chức phải sửa đổi “Hiến pháp” hoặc được sự ủng hộ của đa số “Đại biểu Dân ý Trung ương” về sửa đổi “Hiến pháp”. Theo quy định, văn bản sửa đổi “Hiến pháp” phải có trên 1/4 “Ủy viên Lập pháp” đề nghị, có mặt đồng ý (nghĩa là hơn 9/16 ủy viên lập pháp) mới được thông qua, văn bản thông qua phải được “Quốc hội” quyết mới có hiệu lực. Tổng số “Ủy viên Lập pháp” được cử ra năm 1948 là 760 người, 3/4 là 570 người, 3/4 của 570 người là 428 người, thế mà quyết nghị của “Viện Lập pháp” để Tưởng Giới Thạch phục chức “Tổng thống” lại chỉ có 331 phiếu tán thành, dù cho nhận định theo pháp lý của Quốc dân đảng thì Tưởng Giới Thạch nhậm chức “Tổng thống” vẫn là phi pháp.

Bởi thế, Tưởng Giới Thạch tuy đã tuyên bố nhận chức, nhưng Truman vẫn hội kiến với Lý Tôn Nhân với lễ nghi “Tổng thống”. Theo thủ tục ngoại giao, lúc Lý Tôn Nhân và Truman gặp nhau, Cố Duy Quân – với tư cách đại sứ, phải giới thiệu. Tưởng Giới Thạch điện lệnh cho Cố Duy Quân khi giới thiệu chỉ giới thiệu Lý Tôn Nhân là “Phó Tổng thống”. Không muốn làm phật ý Lý, Quân đánh liều đưa cho Lý xem trước lệnh của Tưởng Giới Thạch. Lý chỉ cho Cố Duy Quân cùng đi, còn việc giới thiệu lại do Cam Giới Hậu đảm nhiệm. Kết quả lúc hội kiến họ gạt Cố Duy Quân sang một bên, hai bên xưng hô “Tổng thống”. Sau đó, Acheson dứt khoát tìm cách đưa Cố Duy Quân lánh đi, để cho ba người Truman, Lý Tôn Nhân, Cam Giới Hậu mật đàm trong ba tiếng đồng hồ. Hôm sau, Truman họp báo. Lúc nhà báo hỏi tiếp Lý Tôn Nhân với chức vị gì. Truman đáp: “Tôi mời với cương vị Tổng thống, nên tôi tiếp với chức vụ Quyền Tổng thống.” Nhà báo lại hỏi: “Tưởng Giới Thạch chẳng phải đã phục chức Tổng thống đó sao?” Truman đáp: “Tôi không giao thiệp với ông ấy.” Sau đó, trong khoảng thời gian dài, Mỹ coi Lý Tôn Nhân là “Tổng thống hợp pháp”, lại coi Tưởng Giới Thạch là “Tổng thống trên thực tế”. Quan hệ Mỹ – Tưởng cũng vì thế giảm tới điểm thấp nhất trong lịch sử.

Về ngoại giao, gặp khó khăn ở khắp nơi, bóng tối to lớn bao trùm lên trái tim những người theo Quốc dân đảng trốn chạy sang Đài Loan. Đài Loan lúc này, toàn là “đặt điều nói xấu, lo sợ nghi hoặc, so đo tính toán, tích trữ làm giàu riêng, còn ý chí thì bạc nhược yếu kém, rầm rập chuồn ra hải ngoại, hoặc sắp sẵn bài toán sau cùng”. Để đối phó với một khối lớn bọn đào ngũ, ngày 23 tháng 3 năm 1950, Thường vụ Quốc dân đảng quyết định quản chế Đảng viên rời khỏi Đài Loan. Ngày 13 tháng 4, “Viện Hành chính” Đài Loan lại công bố Biện pháp hạn chế cấp hộ chiếu ra nước ngoài, cấm nhân dân ra nước ngoài du lịch, thăm người nhà; đồng thời, quản lý nghiêm ngặt các quan chức ra nước ngoài làm việc. Thế nhưng, do tâm lý thất bại và “bệnh sợ Cộng sản” nên không biện pháp gì ngăn họ được.

Thực lực quân Tưởng lúc này, lục quân gọi là có 600 nghìn, kỳ thực rất nhiều đơn vị chỉ có hư danh; quan nhiều, lính ít hoặc có lính không có quan; thành phần của bộ đội, phần lớn là những dân phu khi rút lui khỏi Đại Lục đã bị buộc vào lính và những học sinh lưu vong, hầu như chưa qua huấn luyện quân sự; quân nhân chuyên nghiệp thì phần lớn là tàn binh bại tướng. Không quân bấy giờ có 85 nghìn người, 400 phi cơ các loại, nhưng “đều là máy bay kiểu cũ. Hơn nữa lại thiếu linh kiện và xăng dầu, chỉ một bộ phận cực nhỏ có thể sử dụng thường xuyên mà thôi”. Sỹ quan binh lính hải quân có 54 nghìn người, gồm hai đội hải quân lục chiến có 70 chiến hạm, gồm sáu tàu khu trục do Mỹ chế tạo, một tàu khu trục do Nhật chế tạo và một số tàu gỡ mìn, tàu đổ bộ vào Đại Lục, nhưng cũng thiếu linh kiện, thực tế năng lực tác chiến thấp hơn năng lực biên chế. Trong hoàn cảnh Mỹ từ chối viện trợ quân sự, chỉ dựa vào các chính khách cánh hữu và sự cung cấp bổ sung có hạn từ “cửa sau” của quân Mỹ. Hải, lục, không quân của Đài Loan không thể chịu nổi cuộc chiến tranh thời gian tương đối dài.

Quan trọng hơn là đại đa số binh lính, sĩ quan cấp dưới trong quân đội đã trở thành “chim sợ cành cong”, mọi người đều biết rằng cuối cùng thất bại là không thể tránh khỏi, chẳng ai muốn làm lễ vật chôn theo quý nhân đại quân. Một đội quân không hề có ý chí chiến đấu như vậy, không có cách gì chống lại đà thắng lợi của Giải phóng quân Nhân dân.

Ngày 16 tháng 4 năm 1950, Giải phóng quân Nhân dân Trung Quốc mở chiến dịch đảo Hải Nam, quân Tưởng vừa đụng đã tan, phòng tuyến hình khối hơn một năm xây dựng bị phá hủy trong một ngày. Ngày 30 tháng 4, toàn bộ vùng biển đảo Hải Nam được giải phóng, quân Tưởng bị tiêu diệt hơn 30 nghìn tên, hàng chục nghìn tên còn lại lên quân hạm chạy trốn về Đài Loan.

Chiến dịch Đảo Hải Nam đã chứng tỏ Giải phóng quân đã có đủ khả năng tác chiến tương đối mạnh ở Đại Lục cũng như trên mặt nước. Tưởng Giới Thạch làm một cuộc vật lộn cuối cùng, tung hơn 100 nghìn quân Tưởng vào quần đảo Châu Sơn và một số đảo nhỏ khác ở duyên hải Chiết Giang. Ngày 18 tháng 5, Giải phóng quân Nhân dân giải phóng đảo Châu Sơn.

Lúc này, Giải phóng quân đã xây dựng được 30 sân bay quân sự ở khắp Hoa Nam, 400 chiếc máy bay chiến đấu đã vào sân bay; ở các cảng Phúc Châu, Hạ Môn, Sán Đầu, một lượng lớn tàu thuyền đều sẵn sàng xuất phát. Đến tháng 7, khi eo biển Đài Loan sóng yên biển lặng; hơn 100 nghìn quân tinh nhuệ sẽ vượt qua eo biển. Đúng như "Mệnh lệnh đặc biệt số 28" của Mỹ nói rằng: "Mọi người đều dự đoán đảo này sẽ sụt xuống", "Quốc dân đảng sẽ bị công phá dễ dàng ở đó cũng như ở các nơi khác".

Ngày 27 tháng 5, ở Đài Bắc Nhật báo Trung ương đăng bài xã luận, thừa nhận Đài Loan "đã tới thời kỳ nguy hiểm chưa từng thấy". Nhà văn Đổng Hiển Quang, tay sai của Tưởng Giới Thạch, lại nói: "Trung Quốc đã tới thế này, chỉ có Thánh mới cứu vãn được". Đến nỗi, chính Tưởng Giới Thạch cũng phải nói với tướng lĩnh dưới quyền: "Nếu không bảo vệ được Đài Loan, tôi quyết không đi." Theo hồi ức sau này của Tưởng Kinh Quốc, lúc đó cụ Tưởng đã hạ quyết tâm "sát thân thành nhân" và động viên tướng lĩnh "lúc đất nước gian khổ nhất, phải chọn cái chết có ý nghĩa nhất".

Lúc này nhân dân Đài Loan, trông chờ Giải phóng quân sớm đổ bộ, nhớ tới nhân vật Tưởng, ai cũng mang tâm lý nhớ đến những ngày cuối cùng bi thảm thê lương; tàn binh bại tướng của Quốc dân đảng cũng trong nỗi buồn "biết rõ không làm thế nào khác được", chuẩn bị đón nhận trận đánh cuối cùng có tính hủy diệt.

II. CÁI GIÁ CỦA "BẢO HỘ" MỸ

Đúng lúc vương triều nhỏ bé của gia đình Tưởng hết đường thoát, chỉ còn hy vọng ở "kỳ tích về ý chí", thế cục Viễn Đông biến đổi có lợi cho phía Đài Loan.

Tháng 2 năm 1950, Mao Trạch Đông dẫn đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ Trung Quốc sang thăm Liên Xô, hai bên ký điều ước đồng minh hữu hảo. Liên kết Trung – Xô là kết quả tất yếu. Liên Xô chi viện lâu dài cho cách mạng Trung Quốc; cũng là sản phẩm của phe Xã hội Chủ nghĩa đối lập với phe Tư bản Chủ nghĩa lúc bấy giờ. Vì thế Mỹ không cảm thấy bất ngờ.

Thế nhưng, liên minh Trung – Xô cuối cùng đã phá bỏ ảo tưởng của phái Bồ câu Mỹ, tiêu biểu là Acheson, Chính quyền Bắc Kinh giữ thái độ trung lập giữa Xô – Mỹ, cũng giúp cho tiếng kêu gào đòi giúp đỡ Tưởng của các Nghị sĩ phái hữu và phái Diều hâu trong quân đội Mỹ thêm mạnh mẽ. Nhưng không khí hội đàm giữa Mao Trạch Đông và Stalin cũng không hoàn toàn hòa hợp như tuyên truyền. Về phía Trung Quốc, để thu hồi Lữ Thuận và Đại Liên, để giữ tư cách một nước độc lập tự chủ, đã thảo luận gay gắt với phía Liên Xô nhưng nội tình này Mỹ không thể biết được.

Sau khi Trung – Xô liên kết đồng minh. Giải phóng quân Nhân dân Trung Quốc lập tức phát động chiến dịch đảo Hải Nam và hàng loạt cuộc chiến đấu về sau. Hai sự kiện này vốn không có mối liên hệ tất nhiên nhưng những phần tử chống Cộng ở phương Tây và Đài Loan tranh nhau đoán mò Liên Xô sẽ giúp đỡ Trung Cộng chiếm đánh Đài Loan và tố lên thành một phần của kế hoạch bành trướng toàn cầu của Liên Xô.

Chính phủ Truman tuy cũng nghi ngờ như vậy, nhưng ngày 5 tháng 1 vừa mới tuyên bố không

can dự vào vấn đề Đài Loan, vả lại cuộc chiến Quốc – Cộng suy cho cùng là cuộc nội chiến của nhân dân Trung Quốc, Liên Xô viện trợ Trung Quốc cũng chỉ là viện trợ về đạo nghĩa và vật tư, Mỹ không có lý do gì để phản đối. Vì thế, Mỹ vẫn duy trì không thay đổi "chính sách thọc tay trong áo".

Tới ngày 25 tháng 6 năm 1950, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Lúc này, Trung Quốc đang chuẩn bị vượt biển đánh Đài Loan. Hai sự kiện này vốn cũng không có liên quan với nhau, Chính phủ Trung Quốc không biết hai bên Nam – Bắc Triều Tiên sẽ có xung đột lớn, nhưng Truman lại bị các chính khách cánh hữu và phái Diều hâu trong quân đội xúi giục nhận định sai lầm là Quân đội nhân dân Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 và Trung Cộng sẽ vượt biển đánh Đài Loan là chấp hành phương án chiến lược của Liên Xô. Nếu Mỹ mất Nam Triều Tiên ở phía Bắc, phía Nam mất Đài Loan, Nhật Bản sẽ kẹp giữa Nam – Bắc, Philippines và các nước chống Cộng ở Đông Nam Á sẽ bị uy hiếp, phòng tuyến Tây Thái Bình Dương của Mỹ sẽ bị chặt thành mấy khúc, bởi vậy quyết tâm phản ứng mạnh mẽ.

Ngày 25 tháng 6, Mỹ thao túng Liên Hợp Quốc cho Bắc Triều Tiên là kẻ xâm lược. Ngày 27 tháng 6, Mỹ thao túng Liên Hợp Quốc thông qua nghị án, yêu cầu các nước thành viên Liên Hợp Quốc ra quân giúp Nam Triều Tiên. Cùng ngày, Truman hạ lệnh cho Hạm đội 7 của Mỹ "chặn bất kỳ cuộc tiến công nào đối với Đài Loan", phủ định hoàn toàn lời tuyên bố sáu tháng trước của mình.

Ngày 29 tháng 6, sáu tàu khu trục, hai chiếc tuần dương hạm và một tàu vận tải thuộc Hạm đội 7 của Mỹ đã xâm nhập vào eo biển Đài Loan và lập tức bắt đầu tuần tra. Ngày 8 tháng 7, Tư lệnh Hạm đội 7 tới thăm Đài Bắc. Sau đó Mỹ cử Thiếu tướng Ja Nader làm đại biểu quân sự ở Đài Loan. Ngày 30 tháng 7, Mỹ cử Lanchyn sang Đài Loan làm đại biện lâm thời hàm công sứ. Ngày 31, MacArthur dẫn cả bộ sậu đến Đài Loan, hội đàm với Tưởng Giới Thạch, quan hệ Mỹ Tưởng mau chóng được hâm nóng.

Quân Mỹ xâm nhập vào eo biển Đài Loan, giương ô che chở cho vương triều nhà họ Tưởng, đây chính là ước mơ tha thiết của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng, đồng thời với giương ô che chở. Mỹ đề xuất hai điều kiện kèm theo, khiến nhà cầm quyền Đài Loan rất không hài lòng.

Điều kiện thứ nhất, là thuyết: "Chưa xác định địa vị của Đài Loan và Bành Hồ" phía Mỹ tuyên truyền lời lẽ sai trái này đã từ rất lâu. Đầu năm 1946, Cardo Trưởng phòng báo chí quân Mỹ đóng ở Đài Loan đã nhiều lần rêu rao luận diệu "chưa xác định của Đài Loan" thậm chí còn phản đối giao Đài Loan cho Trung Quốc, chủ trương giao cho Liên Hợp Quốc quản lý Đài Loan. Tháng 8 năm 1847, Đặc phái viên Mỹ Wedemeyer đến khảo sát Đài Loan. Trong báo cáo gửi Quốc hội Mỹ ngày 16 tháng 8, ông ta nói: "Chúng tôi thấy một số dấu hiệu, đó là: Người Đài Loan mong được Mỹ lãnh đạo và mưu biến Đài Loan thành căn cứ để bảo vệ chính quyền mục nát đang sắp sụp đổ của họ. Tôi cho rằng họ lo sợ là có đầy đủ căn cứ". Một số tờ báo chủ yếu của Mỹ, cũng sôi nổi đăng bài tìm hiểu Đài Loan, gieo rắc luận điều "người Đài Loan hoan nghênh Liên Hợp Quốc quản lý". Vì chủ trương "ủy thác quản lý" trực tiếp tổn hại đến lợi ích của chính quyền Quốc dân đảng, cho nên lúc Ngụy Đạo Minh và Trần Thành giữ chính quyền Đài Loan, đều hạn chế nghiêm ngặt nhà báo nước ngoài vào Đài Loan, đề phòng họ xuyên tạc dư luận, quấy rối nghe nhìn.

Tháng 4 năm 1949, McDermott người phát ngôn Bộ ngoại giao Mỹ khi trả lời các nhà báo đã rêu rao: "Việc xử lý cuối cùng với Đài Loan, phải đợi sau khi ký kết hòa ước với Nhật mới định được". Khi nhà báo hỏi ông ta nhìn nhận ra sao về chủ trương của một nhà văn: "Trong tình huống Đài Loan có thể rơi vào tay Trung Cộng, Mỹ sẽ buộc phải đòi hỏi quyền sở hữu về đảo này", McDermott nói: "Việc Trung Quốc chiếm Đài Loan, cũng như việc Liên Xô chiếm Thiên đảo, việc xử lý hai khu vực này còn phải chờ ký hòa ước của Nhật" để phối hợp. MacArthur, Thống soái quân Mỹ trú ở Nhật đã kêu gào: "Trước lúc ký hòa ước với Nhật, Đài Loan vẫn thuộc về Tổng bộ Quân Đồng minh." Tháng 6, MacArthur chính thức thăm đoàn đại biểu "Chính phủ" Quốc dân đảng ở Tokyo, hy vọng giao Đài Loan cho Tổng bộ Quân Đồng minh

hoặc Liên Hợp Quốc quản lý, bị nhà đương cục Quốc dân đảng cự tuyệt. Tháng 10, Quốc hội Mỹ kiến nghị với Truman, Mỹ gây áp lực buộc chính quyền Quốc dân đảng "điều toàn bộ quân về đảo Hải Nam, Đài Loan giao cho Liên Hợp Quốc quản lý". Đưa ra kiến nghị này chẳng khác gì trở mặt với Tưởng, có thể sẽ buộc Tưởng quay về với Trung Cộng nên Truman chưa chấp nhận. Sau này, Smit, Thượng nghị sĩ phái hữu của Mỹ lại đưa ra chủ trương "chính quyền liên hợp", nghĩa là tập hợp phía Mỹ, phía Tưởng và "người Đài Loan" thành chính quyền liên hợp, để đạt mục đích "chiếm lĩnh Đài Loan một cách hữu nghị và hòa bình", lại có thể "tránh cho Mỹ đi vào con đường chống đối quân sự nguy hiểm và không có điểm dừng với Trung Cộng". Nhưng chủ trương này cũng không có khả năng thực hiện nên Truman không nghe, âm mưu hoạt động nói trên của Mỹ về mức độ nào đó đều có tính chất nhà nước, nhưng do Chính phủ Mỹ đã chính thức tỏ thái độ, như "Mệnh lệnh đặc biệt số 28" ngày 23 tháng 12 năm 1949 và lời tuyên bố của Truman ngày 1 tháng 1 năm 1950, đều thừa nhận "về chính trị, địa lý và chiến lược, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc", Mỹ không có dã tâm tước Đài Loan và vùng lãnh thổ khác của Trung Quốc. Bởi thế, Đài Loan cũng không nói thêm, nhưng vẫn ngầm cảnh giác.

Ngày 26 tháng 6 năm 1950, Mỹ đưa ra bản ghi nhớ với phía Đài Loan, đề xuất Mỹ sẽ phái Hạm đội 7 vào eo biển Đài Loan, nhưng không phải theo lời mời của "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc" hợp sức phòng thủ Đài Loan, Mỹ vẫn coi eo biển Đài Loan là lãnh hải chưa có chủ quyền, do đó Mỹ có "quyền tự vệ đơn độc hoặc tập thể" ở đây. Địa vị của Đài Loan và eo biển trong thời gian tới sẽ được quyết định bởi hòa ước với Nhật. Đài Loan sau khi nhận được bản ghi nhớ, lập tức lệnh cho Cố Duy Quân gấp rút gặp Ngoại trưởng Mỹ Allen Dulles, hy vọng Mỹ sẽ đổi lý do đưa Hạm đội 7 vào Đài Loan thành "theo lời mời hợp lực phòng thủ của Trung Hoa Dân Quốc", chứ không thể thừa nhận "địa vị chưa xác định" mà Mỹ đặt cho vùng biển này; cũng không thể thừa nhận Mỹ có quyền tự vệ ở vùng biển này. Dulles giải thích cho Cố Duy Quân rằng "Mỹ ra quân với lý do phản đối Bắc Triều Tiên xâm lược", nếu thừa nhận eo biển Đài Loan là lãnh hải Trung Quốc, chẳng hóa ra khi phản đối xâm lược, Mỹ lại xâm lược Trung Quốc trước, thực tế không có cách nào kín kẽ. Cố Duy Quân nói: "Hiệp lực phòng thủ theo lời mời của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc cũng không thể gọi là "xâm lược Trung Quốc". Dulles đáp: Ngày 5 tháng 1 Tổng thống Truman đã từ chối lời mời "hiệp lực phòng thủ" của quý "Chính phủ", chưa đầy sáu tháng sau đã nuốt lời thì không tiện, cần phải có cớ khác. Vả lại, Mỹ ra quân lần này với tư cách Liên Hợp Quốc chống xâm lược, là phất ngọn cờ quốc tế mà hành động. Chỉ có thể coi eo biển Đài Loan là "chưa xác định" Mỹ mới có danh nghĩa "bảo vệ tuyến cung ứng chiến lược", đòi quyền tự vệ ở vùng biển này. Nếu là "hiệp lực phòng thủ", hành động quốc tế sẽ chỉ là hành động của Mỹ và Trung Hoa Dân Quốc, tính chất của việc Hạm đội 7 vào eo biển Đài Loan cũng sẽ thành can thiệp vào nội bộ Trung Quốc. Như vậy là trái với lập trường Mỹ đã tuyên bố, nên khó có thể tiếp thu.

Điều kiện kèm theo thứ hai của Mỹ là yêu cầu Đài Loan thừa nhận "trung lập hóa Đài Loan". Nghĩa là Mỹ một mặt dùng ưu thế của lực lượng hải quân ngăn cản Trung Quốc dùng vũ lực ở eo biển Đài Loan, nhưng mặt khác cũng yêu cầu Đài Loan chấm dứt tập kích Đại Lục. Cố Duy Quân nhân đó đề nghị với Dulles, Mỹ đã thừa nhận Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc là "Chính phủ hợp pháp duy nhất" của Trung Quốc, còn Trung Cộng đã từ lâu bị Chính phủ Quốc dân gọi là "bọn phản bội", nay Mỹ lại không cho phép Chính phủ Quốc dân đánh dẹp "bọn phản bội", như thế chẳng lẽ không phải là can thiệp trắng trợn vào nội chính. Dulles đáp: Hạm đội 7 vào eo biển Đài Loan là để bảo vệ an ninh cho "vùng biển chưa xác định" này, cũng là bảo vệ cho tuyến vận chuyển đường biển của Liên Hợp Quốc ở mặt trận Triều Tiên, đôi bên Chính phủ Quốc Dân và Trung Cộng, bên nào dùng vũ trang ở vùng này đều phá hoại an ninh, vì vậy Mỹ đều phản đối. Thế nhưng, với những đảo nhỏ ở ven biển Đại Lục. Mỹ không có trách nhiệm phòng vệ, đương nhiên cũng không quản lý bất kỳ hành động nào của Chính phủ Quốc Dân.

Cách giải thích này của Dulles lộ rõ lô-gic kẻ cướp của Chủ nghĩa đế quốc, là điển hình của thói tự vỗ ngực "Tôi là chân lý" nói năng bừa bãi bất chấp sự thực. Nhưng Đài Loan vì cần núp dưới chiếc ô bảo hộ của Mỹ, đành phải ngậm đắng nuốt cay chấp nhận hai điều kiện đó.

Vì vậy, ngày 27 tháng 6 Truman ra lệnh cho Hạm đội 7 Mỹ chặn Trung Cộng tấn công Đài Loan; lý do là "bộ đội cộng sản chiếm lĩnh Đài Loan, sẽ uy hiếp trực tiếp đến an toàn của khu vực Thái Bình Dương và quân đội Mỹ có trách nhiệm thi hành chức vụ hợp pháp và cần thiết ở khu vực này". Đồng thời, Truman tuyên bố: "Tôi đã yêu cầu Chính phủ Trung Quốc chấm dứt mọi cuộc tấn công trên không, dưới biển đối với Đại Lục. Hạm đội 7 sẽ giám sát và đốc thúc việc chấp hành này". Ông ta tuyến bố: "Quyết định địa vị tương lai của Đài Loan phải đợi khôi phục an toàn Thái Bình Dương, phải ký hòa ước với Nhật hoặc để cho Liên Hợp Quốc xem xét". Đây chính là nguyên tắc cơ bản cho "Thuyết địa vị Đài Loan chưa xác định" và "trung lập hóa Đài Loan" trở thành nguyên tắc cơ bản của Mỹ đối với Đài Loan.

Ngày 28 tháng 6, Diệp Công Siêu, "Bộ trưởng Ngoại giao" Đài Loan phát biểu, kiến nghị Mỹ "tiếp thu nguyên tắc trên" nhưng bảo lưu hai điểm: (1) "Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc, các nước đã công nhận, Chính phủ Mỹ đưa ra bàn bạc giải quyết với Trung Quốc trong bản ghi nhớ, cũng không ảnh hưởng đến quyết định mở hội nghị về địa vị sau này của Đài Loan, cũng không ảnh hưởng gì đến chủ quyền của Trung Quốc đối với Đài Loan"; (2) "Trung Hoa Dân Quốc" quyết không từ bỏ nguyên tắc chung là phản công Đại Lục, tuy tạm thời đồng ý "trung lập Đài Loan", vẫn bảo lưu quyền lực "chọn các bước tiến hành khác chống sự uy hiếp của Đảng cộng sản".

Ngày 29 tháng 6, Đài Loan đề nghị Mỹ cho mình phái 33 nghìn quân sang Triều Tiên tham chiến, Mỹ sợ việc này sẽ dẫn tới đối kháng toàn diện về quân sự với Trung Quốc, vả lại cho rằng tàn binh bại tướng Quốc dân "chẳng có tác dụng gì", liền cự tuyệt đề nghị của Đài Loan.

Ngày 29 tháng 8, Truman phát biểu chính sách của Mỹ về vấn đề Đài Loan, ngoài những điều cũ "địa vị Đài Loan chưa xác định" và "trung lập hóa Đài Loan" ra, còn muốn giao cho Liên Hợp Quốc thảo luận vấn đề Đài Loan. Ngày 20 tháng 9, Liên Xô đề nghị Liên Hợp Quốc thảo luận vấn đề Mỹ xâm lược Trung Hoa, Mỹ đã chính thức yêu cầu Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận vấn đề Đài Loan. Vì Đài Loan không thể thuộc về Trung Quốc bằng tranh luận, vấn đề này căn bản không có chỗ để thảo luận, cho nên đề nghị này của Mỹ rõ ràng là sỉ nhục Trung Quốc, cũng giống như có người thảo luận New York thuộc về nước nào, là sỉ nhục Mỹ.

Vì thế, phía Đài Loan thương lượng với Mỹ, hy vọng Mỹ tự động thu lại đề nghị và tỏ ra không ngại sử dụng quyền phủ quyết để ngăn Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận cái gọi là "địa vị Đài Loan". Trong lúc đôi bên đàm phán, Dulles cảnh cáo Cố Duy Quân "nếu Chính phủ Trung Quốc phản đối mạnh mẽ lập trường của Mỹ đối với Đài Loan lại có ý muốn tranh luận với Mỹ sẽ càng thêm khó khăn cho Mỹ trong việc Mỹ bảo vệ Đài Loan khỏi Trung Quốc (chỉ nhà cầm quyền Đài Loan – dẫn giả ghi)". Lời "xiết kim cô vừa niệm xong" Đài Loan đành nhượng bộ, ngầm đồng ý để Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận vấn đề về địa vị Đài Loan.

Trong lúc Đài Loan thỏa hiệp với Mỹ để mong được bảo hộ, Chính phủ hợp pháp chân chính của Trung Quốc – Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nghiêm chỉnh biểu thị, Hạm đội 7 của Mỹ xâm nhập eo biển Đài Loan là xâm lược lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc, giải phóng Đài Loan là việc nội bộ của Trung Quốc, nước Mỹ trước sau không có quyền can thiệp. Đài Loan từ xưa đã là cơ hữu của Trung Quốc, trong Tuyên bố Cairo và Thông cáo Potsdam Mỹ tham gia ký kết đều viết rõ lãnh thổ Đài Loan, Bành Hồ do Nhật cưỡng chiếm của Trung Quốc, sau chiến tranh phải trả về Trung Quốc. Vì vậy, cái gọi là "vấn đề địa vị Đài Loan, Bành Hồ" tuyệt nhiên không thể có, nếu Mỹ tự làm theo ý mình, kết quả thảo luận sẽ không hề trói buộc Trung Quốc. Với sự phản đối mãnh liệt của Chính phủ Trung Quốc và chủ trương công bằng của các nước như Liên Xô, "văn bản thảo luận địa vị Đài Loan đình lại không kỳ hạn", do Anh đề nghị được thông qua ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Khi đó, Anh đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc từ ngày 8 tháng 1 năm 1950, Đài Loan cũng được thở phào, nếu không, Đài Loan danh nghĩa gọi là đại biểu Trung Quốc ngồi ôm lấy quyền phủ quyết ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lại nghe người ta thảo luận lãnh thổ Trung Quốc thuộc về ai, đây sẽ là một cảnh biết bao nhục nhã.

Do Hạm đội 7 ngang nhiên xâm nhập lãnh thổ Đài Loan, lãnh thổ Trung Quốc, cũng do quân xâm lược Mỹ – Triều không ngừng oanh tạc các thành phố và thị trấn nông thôn phía Trung Quốc ở vùng biên giới Trung – Triều, nhân dân Trung Quốc muốn nhịn mà không được. Ngày 8 tháng 10, Trung ương chính Đảng cộng sản Trung Quốc quyết định phái Quân tình nguyện nhân dân Trung Quốc vào chiến đấu ở Triều Tiên. Ngày 19 tháng 10, Quân tình nguyện nhân dân Trung Quốc tới tuyến trước Triều Tiên. Ngày 25, đội quân Trung – Triều bắt đầu phản công. Ngày 6 tháng 12, lấy lại Bình Nhưỡng, cục diện cuộc chiến Triều Tiên thay đổi hẳn bộ mặt.

Từ đó, Giải phóng quân Nhân dân Trung Quốc liên tiếp tấn công quân Tưởng ở bờ biển Đông Nam. Ngày 8 tháng 7 năm 1950, giải phóng các đảo Thặng Sái ở cửa sông Trường Giang; ngày 15 tháng 7, giải phóng đảo Bắc Lô Sơn ven biển phía nam Chiết Giang; ngày 16 tháng 7, giải phóng đảo Phệ Sơn, duyên hải phía đông Chiết Giang; ngày 4 tháng 8, giải phóng toàn bộ đảo nhỏ ngoại khẩu Châu Giang; ngày 7 tháng 11, giải phóng đảo Lai Dư phía đông đảo Đông Sơn. Lúc này trọng tâm chiến lược của Giải phóng quân Nhân dân Trung Quốc đã chuyển sang chiến trường Triều Tiên, thực sự không có đủ lực lượng chống chọi với Hạm đội 7 ở trên biển, cho nên phải hủy bỏ kế hoạch vượt biển đánh Đài Loan như đã định trước. Cuộc chiến đấu giành giật đảo nhỏ ở ven biển Đông Nam tạm thời kết thúc.

Vì Quân tình nguyện nhân dân Trung Quốc tham chiến ở Triều Tiên, ngày 16 tháng 12 năm 1950, Mỹ ra lệnh cấm vận toàn diện đối với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và quản chế tài sản của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở Mỹ. Ngày 28 tháng 12, Chính phủ Trung Quốc ra lệnh quản chế tài sản của Mỹ ở Trung Quốc, ngừng các hoạt động tiền gửi của Mỹ ở Trung Quốc. Tình hình đối địch giữa hai nước lớn Trung – Mỹ ngày càng diễn ra ác liệt, còn quan hệ giữa Đài Loan và Mỹ thì ngày càng gắn bó.

Cuối năm 1950, Đài Loan nhìn chung cũng tạm thời an toàn, khu vực họ khống chế lúc đó, ngoài Đài Loan và Bành Hồ, còn có những đảo nhỏ như Kim Môn ven biển Phúc Kiến, Đại Trần, Nhất Giang Sơn, Ngư Sơn, Nam Kỷ Sơn ở duyên hải Chiết Giang.

III. GIAO HẢO VỚI NHẬT VÀ QUAN HỆ CHIẾN LƯỢC MỸ - TƯỞNG

Chiến tranh Triều Tiên nổ ra, làm cho Mỹ nhanh chóng thoát khỏi Nhật Bản, khiến nó thành lô cốt trung tâm bao vây chống Cộng ở Đông Á. Vì thế, tháng 10 năm 1950, Mỹ bắt đầu tích cực hoạt động, chuẩn bị tập hợp các nước đánh nhau với Nhật ở San Francisco để ký hòa ước Nhật, tiếp theo là xóa bỏ quản chế quân sự với Nhật, để Nhật hòa nhập với Quốc tế.

Ngày 20 tháng 10, Dulles hội kiến với Cố Duy Quân, cho biết Mỹ đưa ra bảy nguyên tắc hòa ước với Nhật, trong đó liên quan đến vấn đề địa vị của Đài Loan và các đảo Bành Hồ, quy định sau này sẽ do "bốn nước Anh, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ quyết định". Đây rõ ràng là phủ nhận hiệu lực Tuyên bố Cairo và Thông cáo Potsdam, vì thế Cố Duy Quân nghiêm túc chất vấn.

Dulles giải thích rằng, hạm đội Mỹ vào eo biển Đài Loan chính là vì "địa vị chưa xác định" của khu vực này, nếu hòa ước với Nhật quy định Đài Loan, Bành Hồ thuộc về Trung Quốc, Mỹ sẽ mất đi một vùng căn cứ quân sự. Ông nói không hề che đậy rằng Mỹ "không muốn Đài Loan rơi vào tay người coi Mỹ là kẻ thù, càng không muốn bị Liên Xô lợi dụng", "dụng ý của Mỹ là tạm thời làm đông lạnh địa vị của Đài Loan… làm đông lạnh địa vị của Đài Loan, Bành Hồ, nghĩa là duy trì địa vị của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc".

Thái độ này của Mỹ, không những đi ngược lại lập trường của Tuyên bố Cairo và Thông cáo Potsdam, thậm chí còn mâu thuẫn với lời nói của Truman tháng trước.

Ngày 27 tháng 6, trong lời tuyên bố "Can thiệp quân sự ở Triều Tiên và Đài Loan" Truman đã nêu quyết định địa vị tương lai của Đài Loan "cần phải đợi lập lại an toàn ở Thái Bình Dương", "ký hòa ước với Nhật hoặc Quảng Đông của Liên Hợp Quốc". Ngày 31 tháng 8, khi trả lời nhà báo, Truman nói: "Vấn đề này sẽ được giải quyết trong hòa ước với Nhật của các nước đồng

minh đã tham gia đánh Nhật và các nước hiện đang có quân Nhật chiếm đóng". Vậy mà, đến tháng 10, lúc chính thức hòa giải với Nhật, lại muốn bắt đầu "làm đông lạnh" "vấn đề Đài Loan", như thế chứng tỏ Mỹ vốn không muốn giải quyết vấn đề này. Nói chuẩn xác hơn, cái gọi là "địa vị Đài Loan chưa xác định" do Mỹ can thiệp vào nội bộ Trung Quốc, đương nhiên không thể dễ dàng vứt bỏ.

Đài Loan biết rõ "làm đông lạnh" là xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền Trung Quốc, nhưng để Hạm đội 7 có lý do "hợp tác phòng thủ", nên họ phải cúi đầu trước Mỹ. Ngày 19 tháng 12, Cố Duy Quân nhận lệnh chuyển tới Dulles, Đài Loan đã đồng ý trong hòa ước không viết rõ Nhật đã trao trả Đài Loan cho Trung Quốc, chỉ viết Nhật Bản từ bỏ quyền lực đối với Đài Loan, Bành Hồ là được. Ngày 22 tháng 1 năm 1951, chính thức thông báo với Mỹ bằng văn bản đồng ý ký hòa ước với Nhật.

Tháng 3, Mỹ gửi riêng cho 53 nước hữu quan bản dự thảo hòa ước, Đài Loan được Mỹ coi là đại biểu Trung Quốc dĩ nhiên cũng được một bản.

Qua nghiên cứu kỹ, Đài Loan phát hiện bản dự thảo hòa ước có vấn đề "phân biệt đối xử", đó là vấn đề địa vị của Đài Loan và Bành Hồ, chỉ viết Nhật Bản từ bỏ mọi quyền lực, mà chưa viết rõ Nhật Bản giao quyền cho Trung Quốc; còn những đảo nhỏ như đảo Nam Khố Diệp, quần đảo Thiên Đảo, trái lại không những viết Nhật từ bỏ mọi quyền lực, mà còn viết rõ Nhật giao quyền cho Liên Xô. Như vậy, đã thể hiện rõ khuynh hướng phân biệt đối xử với Trung Hoa Dân Quốc.

Trước đây, Mỹ đã thảo luận với Đài Loan cách viết về địa vị Đài Loan, Bành Hồ trong bản dự thảo; Đài Loan cho đó là cách chọn từ trong giao dịch, còn trong Tuyên bố Cairo và Thông cáo Potsdam đã viết rõ Nhật phải trao mọi quyền lực cho Trung Quốc. Vậy trong hòa ước với Nhật chẳng cần viết lại: Nếu không có Liên Xô đối chiếu thì lô-gic lừa người dối mình này của Đài Loan chắc là có thể che giấu cho qua. Nay có Liên Xô đối chiếu, lô-gic của Đài Loan không còn đứng vững. Vì thế, Đài Loan đề xuất với Mỹ hoặc thêm vào bản dự thảo điều "Nhật giao mọi quyền lực của Đài Loan, Bành Hồ cho Trung Quốc", hoặc xóa "Nhật giao quyền ở đảo Nam Khố Diệp và quần đảo Thiên Đảo cho Liên Xô", nếu không, phía Đài Loan sẽ không ký vào hòa ước.

Mỹ đã lấy "thuyết địa vị của Đài Loan chưa xác định" làm át chủ bài, can thiệp vào nội bộ Trung Quốc, nên đương nhiên không chịu viết: "Nhật trao mọi quyền lực ở Đài Loan, Bành Hồ cho Trung Quốc." Nhưng Mỹ cũng không thể thuyết phục Liên Xô nhượng bộ, vì Liên Xô yêu cầu viết: "Nhật trao mọi quyền lực ở đảo Nam Khố Diệp và quần đảo Thiên Đảo cho Liên Xô", là đòi hỏi chính đáng theo luật quốc tế, Chính phủ Liên Xô không có bất kỳ lý do nào để chiếu cố Đài Loan mà thu hồi yêu cầu chính đáng. Vì thế, phía Mỹ trả lời Đài Loan, bản dự thảo hòa ước không thể thay đổi theo ý ông; phía Đài Loan lại trả lời Mỹ, như vậy "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc" không thể đồng ý ký hòa ước với Nhật.

Trong hoàn cảnh hai bên giằng co nhau kéo dài, nước Anh đã xây dựng quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trung tuần tháng 4 năm 1951, Anh đề nghị nên để đại biểu Bắc Kinh chứ không phải đại biểu Đài Bắc tham gia ký hòa ước với Nhật. Tháng 5 và tháng 6, Liên Xô hai lần đề nghị tiến hành Hội nghị Ngoại trưởng và nước Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa), chuẩn bị ký hòa ước Nhật, nhưng Mỹ lại phản đối mạnh mẽ đại biểu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham gia ký kết hòa ước với Nhật.

Trung tuần tháng 6, Dulles bay đến London, thỏa hiệp được với Anh. Ngày 15 tháng 6, Mỹ thông báo cho Đài Loan biết phương án thỏa hiệp đó, điểm quan trọng là hai chính quyền của Trung Quốc đều không tham gia ký hòa ước lần này, Nhật sẽ tự quyết định ký với chính quyền nào của Trung Quốc. Đồng thời, Dulles, bí mật nói với Cố Duy Quân "thừa biết Chính phủ Nhật có thái độ lập quan hệ với Trung Cộng". Vì lúc đó, Nhật hoàn toàn nằm dưới sự quản chế quân sự của Mỹ, cho nên Dulles nói vậy, thực tế đã nhận trách nhiệm ép Nhật ký với Đài Bắc.

Trung Quốc là nước chống Nhật lâu nhất, bị tổn thất nặng nề nhất, nhưng Mỹ lại gạt Trung Quốc ra ngoài hòa ước với Nhật, thậm chí còn để cho Nhật – nước bại trận, chọn một trong hai

chính quyền Trung Quốc làm đối thủ giảng hòa, đây là sự nhục mạ thô bạo dân tộc Trung Hoa, vì thế đã bị nhân dân Trung Quốc (kể cả Đài Loan) cùng lên tiếng phản đối.

Ngay ngày 4 tháng 12 năm 1950, Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công bố rõ ràng, mọi hòa ước với Nhật không có Trung Quốc đều là "phi pháp, vô hiệu", không hề ràng buộc nhân dân Trung Quốc. Đài Loan không có quyền đại diện cho Trung Quốc, Chính phủ Trung Quốc không công nhận tất cả những gì Đài Loan ký với Nhật.

Mỹ vốn bài xích nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham gia hòa ước với Nhật, muốn Đài Loan đại diện Trung Quốc, vì thế khi quyết định hai chính quyền của Trung Quốc đều không tham gia hội nghị hòa bình, bên bị tổn hại nhất dĩ nhiên là Đài Loan. Nói cách khác, Trung Quốc tuy bị Mỹ gây khó dễ chưa thể tham gia hội nghị hòa bình San Francisco, nhưng đã buộc Mỹ phải bỏ ý định để Đài Loan đại diện Trung Quốc.

Ngày 18 tháng 6, tức ba ngày sau khi Mỹ báo cho Đài Loan, Tưởng Giới Thạch biết không thể tham gia hội nghị hòa bình đã tỏ lập trường cứng rắn, tuyên bố: "Quyền tham gia ký kết hòa ước với Nhật của Trung Hoa Dân Quốc là không còn nghi ngờ gì nữa, Chính phủ Trung Hoa Dân quốc có quyền bình đẳng tham gia ký kết hòa ước với Nhật. Bất kỳ điều kiện nào có tính chất phân biệt đối xử sẽ không được chấp nhận. Bất kỳ hòa ước nào ký với Nhật vi phạm lập trường nghiêm chỉnh trên đây của Chính phủ Dân quốc, không những mất hiệu lực pháp lý và đạo lý, mà còn không bao giờ rửa sạch sai lầm trong lịch sử cùng nhau sát cánh chiến đấu của các nước đồng minh. Trách nhiệm quan trọng, ảnh hưởng to lớn của nó không thể không nói ra – vì thế hòa ước với Nhật mất tính chân thực này, không những làm Đại chiến thế giới thứ II không thể thực sự kết thúc, mà sẽ làm hỗn loạn thêm thời cục ở khu vực Viễn Đông, càng gây tai họa khôn cùng cho thế giới sau này". Diệp Công Siêu "Bộ trưởng Ngoại giao" Đài Loan, cũng tuyên bố: "Trung Hoa Dân Quốc bị gạt bỏ khỏi hội nghị hòa bình San Francisco đã khích lệ kẻ xâm lược, hành động này, thật không có ngôn từ nào che đậy được. Chính phủ Mỹ đang lãnh đạo thế giới tự do đấu tranh chống sự xâm lược của cộng sản. Vậy mà trong vấn đề quan trọng này, lại nhất trí với một số ít nước công nhận cộng sản xâm lược, mâu thuẫn này thật khó giải thích."

Đài Loan bất mãn, Mỹ không thèm để ý, Đài Loan cũng không dám kháng nghị mạnh hơn. Ngày 4 tháng 9, 51 trong số 55 nước đánh nhau với Nhật ký hòa ước với đại biểu Nhật ở San Francisco, bốn nước tham chiến không tham gia là Trung Quốc, Ấn Độ, Myanmar, Tiệp Khắc. Vì nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bị gạt ra, nên trong hòa ước chỉ nêu Nhật từ bỏ mọi quyền lực ở Đài Loan, Bành Hồ và các đảo, mà chưa quy định Đài Loan thuộc về bên nào, cho nên Liên Xô, Ba Lan và Tiệp Khắc cự tuyệt Hòa ước. Sau khi Mỹ biết Liên Xô dứt khoát sẽ không ký, đã gạch bỏ dòng chữ "Nhật giao trả Liên Xô đảo Nam Khố Diệp và quần đảo Thiên Đảo" trong bản dự thảo. Nhờ đó, Đài Loan được thuận nước gióng thuyền. Đến ngày 8 tháng 9, trừ Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, 48 nước tham gia hội nghị đã ký với Nhật Hòa ước tháng 9. Sau khi ký Hòa ước, Mỹ tăng cường ép Nhật ký với Đài Loan, Nhật muốn quan sát một thời gian rồi mới quyết định. Ngày 25 tháng 10 năm 1951, phía Nhật hẹn gặp Đổng Hiển Quang của phía Đài Loan, tỏ rằng Nhật tuy rất "kính trọng Chính phủ Quốc dân đảng", "tiếc rằng lãnh thổ hiện nay mới chỉ có Đài Loan" và tỏ rằng Nhật "rất sợ" khi ký hòa ước song phương với Đài Loan sẽ khiến cho Trung Quốc Đại Lục coi họ là kẻ thù. Ngày 29 tháng 10, Shigeru Yoshida, Thủ tướng Nhật phát biểu: "Nhật đang có quyền chọn giảng hòa, sử dụng quyền này như thế nào không thể quyết định vội vàng…" Yoshida còn nói: "Nếu Trung Cộng muốn nước tôi lập Phòng Ngoại vụ ở Thượng Hải để qua lại buôn bán, chúng tôi sẽ lập."

Lời nói của Yoshida khiến Đài Loan lo sợ. Ngày 31 tháng 10, "Bộ trưởng Ngoại giao" Đài Loan là Diệp Công Siêu hẹn gặp Lanchyn, Đại sứ Mỹ ở Đài Loan, cho biết phía Tưởng thấy: "Lời nói của Yoshida đã tạo ra hành vi khiêu khích thế giới, Hòa ước San Francisco coi như thất bại hoàn toàn." Lanchyn đáp: "Chính phủ Washington không có ai cố ý lừa dối đối phương" đồng thời điện gấp về Washington báo cáo với Quốc hội Mỹ về sự bất mãn của Đài Loan.

Mỹ cũng sợ Nhật ký với Bắc Kinh. Ngày 10 tháng 12, Mỹ phái Đại sứ Dulles bay sang Tokyo gây

áp lực với Yoshida hiện đang nương nhờ Mỹ về mặt chính trị, quân sự, kinh tế, ngay cả Hòa ước San Francisco cũng phải đợi Quốc hội Mỹ phê chuẩn sau cùng, nên Yoshida đành nhượng bộ. Ngày 24 tháng 12, Nhật gửi công hàm cho Dulles thông báo Nhật sẽ ký với "Trung Hoa Dân Quốc".

Ngày 20 tháng 2 năm 1952, đại biểu đôi bên Nhật – Đài bắt đầu đàm phán ký kết ở Đài Bắc, đại biểu Đài Loan đưa ra yêu cầu tám điểm, phía Nhật nêu ý kiến khác với ba điểm trong đó. Ba điểm này trở thành tiêu điểm tranh luận:

Điểm thứ nhất, đòi điều ước phải thích hợp đối với toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc. Phải là hòa ước hoàn chỉnh chứ không phải hòa ước giới hạn. Nhật giữ ý kiến cho rằng điều ước chỉ nên thích hợp với vùng đất Trung Hoa Dân Quốc đang khống chế, hoặc toàn bộ lãnh thổ do họ khống chế sau này. Đài Loan cho rằng chữ "hoặc" trong câu này có ý "hai chọn một", yêu cầu đổi thành chữ "và", phía Nhật phản đối. Cuối cùng, trong phụ lục văn kiện ghi rõ hai bên cho rằng chữ "hoặc" trong chính văn có nghĩa là "và", Đài Loan cho rằng như vậy là Nhật đã thừa nhận chủ quyền của "Trung Hoa Dân Quốc" đối với Trung Quốc Đại Lục, không đưa ý kiến khác nữa.

Điểm thứ hai, Đài Loan yêu cầu Nhật viết rõ giao mọi quyền lực ở Đài Loan, Bành Hồ cho "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc". Phía Nhật chỉ đồng ý ghi "từ bỏ chủ quyền" chứ không muốn viết "giao trả Trung Quốc" vì Mỹ đã thỏa thuận ngầm với Đài Loan về vấn đề này. Với sự can thiệp của Lanchyn, Đài Loan bỏ qua đề nghị đó.

Điểm thứ ba, Đài Loan nêu phải quy định trong văn kiện "Trung Hoa Dân Quốc" có quyền nhận bồi thường từ Nhật. Phía Nhật trả lời: "Đúng là Nhật phải bồi thường tổn thất chiến tranh cho Trung Quốc, nhưng người bị thiệt hại là nhân dân Trung Quốc Đại Lục – hiện do Đảng cộng sản khống chế – nên Nhật không chuẩn bị thảo luận vấn đề này với phía Đài Loan." Cuối cùng, Đài Loan xuống nước, tự động từ bỏ bồi thường.

Sau một cuộc tranh chấp như vậy, ngày 28 tháng 4, Nhật đã ký với Đài Loan cái gọi là "Điều ước hòa bình". Cùng ngày, Quốc hội Mỹ chính thức phê chuẩn Hòa ước San Francisco, Nhật chính thức được phép trở về với cộng đồng quốc tế.

Việc ký kết "Hòa ước Nhật – Tưởng" hoàn toàn do Mỹ giật dây từ đầu chí cuối. Văn bản sau cùng ba phía cho là được, "đại ý là vẫn giữ lại vấn đề địa vị Đài Loan" nghĩa là không để cho Nhật ghi trả lại mọi quyền lực ở đảo Bành Hồ cho Trung Quốc và chữ gọi Đài Loan là "lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc đang khống chế", mà trong luật pháp quốc tế, "khống chế" và "có chủ quyền" là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Nhật thừa nhận sự thực Trung Hoa Dân Quốc đang "khống chế" Đài Loan, Bành Hồ không có nghĩa là thừa nhận Trung Quốc "có chủ quyền" ở khu vực này. Do đó, cái gọi là "Thuyết địa vị khu Đài Loan, Bành Hồ chưa xác định" vẫn tồn tại.

Đồng thời, trong quá trình đàm phán hòa ước Nhật – Tưởng, cũng lộ ra khuynh hướng Mỹ – Nhật âm mưu tạo ra "hai nước Trung Quốc". Nhật từ chối thảo luận vấn đề bồi thường với phía Đài Loan và kiên trì muốn hạn chế phạm vi thích hợp của điều ước trong khu vực Quốc dân đảng thực tế khống chế, điều này có nghĩa là không thừa nhận Đài Loan có chủ quyền ở Đại Lục. Ngày 26 tháng 6, trước khi ký hòa ước Nhật – Mỹ chưa đầy hai tháng, Yoshida đã tuyên bố: "Tương lai chúng tôi phải có quan hệ mọi mặt với Trung Quốc, trong đó bước thứ nhất ký điều ước mới với Trung Hoa Dân Quốc, có nghĩa điều ước này là điều ước giữa các Chính phủ hiện đang cai trị Đài Loan, tương lai chúng tôi phải ký kết một điều ước toàn diện với Trung Quốc."

Có người hỏi: "Ý ông không thừa nhận Trung Hoa Dân Quốc là Chính phủ đại diện cho Trung Quốc" "Yoshida đáp: "Vâng". Điều này có ngụ ý, chỉ chính quyền Bắc Kinh là Chính phủ Trung Quốc, chính quyền Đài Loan là "Chính phủ" Đài Loan. Nói cách khác, một mặt phủ nhận chính quyền Bắc Kinh có chủ quyền đối với Đài Loan, đồng thời cũng phủ nhận chính quyền Đài Bắc có chủ quyền đối với Trung Quốc Đại Lục.

Lời nói này của Yoshida ngoài lợi ích riêng của Nhật ra, cũng còn phải thăm do phía Mỹ nữa. Lúc này, Mỹ tuy thừa nhận Đài Loan là "Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc", nhưng cũng biết rõ Quốc dân đảng không thể đánh lại Đại Lục, sớm muộn cũng phải giao thiệp với Trung Quốc Cộng sản. Vì thế, Mỹ ủng hộ Nhật hạn chế phạm vi thích hợp của Hòa ước trong khu vực Quốc dân đảng khống chế. Thực tế, khi Mỹ tuyên bố "trung lập hóa Đài Loan", đã ngầm chứa đựng âm mưu "hai nước Trung Quốc" vì cái gọi là "trung lập" có nghĩa là thừa nhận tính hợp lý và hợp pháp của hai chính quyền cùng tồn tại.

Tóm lại, Mỹ tính toán vứt bỏ trước "Thuyết địa vị Đài Loan chưa xác định" bấy lâu vẫn lấy làm căn cứ lý luận để nói Đài Loan độc lập. Đồng thời, chuẩn bị tốt phương án "hai nước Trung Quốc", nghĩa là trong trường hợp không có cách gì phủ nhận Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc, sẽ cố gắng giữ vững địa vị chia cắt của chính quyền Quốc dân đảng, khiến Trung Quốc bị chia cắt lâu dài và cố định, có lợi cho Mỹ.

Âm mưu bắt cá hai tay này của Mỹ, hai bên Quốc – Cộng đều thấy rõ. Đảng cộng sản kiên quyết phê phán, ngăn chặn, còn Quốc dân đảng lại chọn cách "anh nói anh nghe, tôi nói tôi nghe" cho câu văn trong Hòa ước là lời giải thích phù hợp với ý mình. Lập trường "Đài Loan là lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc" và phản đối "Đài Loan độc lập" cả hai phái Quốc – Cộng đều nhất trí, nhưng rốt cuộc Quốc dân đảng đồng ý với Nhật không viết rõ giao Đài Loan, Bành Hồ cho Trung Quốc, rõ ràng lập trường dân tộc của họ kém xa Đảng cộng sản.

Hòa ước Nhật – Đài chứng tỏ Mỹ đã xây dựng được một vòng phòng ngự Thái Bình Dương, suốt từ Nam Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan xuống đến Philippines, Đài Loan là khâu trung tâm của vòng phòng ngự này, địa vị của nó được nâng lên trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Sau khi trả giá ngầm – cho phép Mỹ tuyên truyền "địa vị Đài Loan, Bành Hồ chưa xác định" và "trung lập hóa Đài Loan", Đài Loan được chính thức thừa nhận là thuộc phe tư bản. Nhờ thế, Mỹ đảm bảo chiếc ghế của họ ở Liên Hợp Quốc và có quan hệ ngoại giao với nhiều nước tư bản, nhờ đó có thêm sức lực để chỉnh đốn nội bộ.

3. THỂ CHẾ NƯỚC ĐÔI

I. HIẾN PHÁP VÀ GIỚI NGHIÊM

Dưới chiếc ô bảo hộ của Mỹ, Quốc dân đảng bắt đầu viết một trang sử mới chia cắt thống trị Đài Loan.

Lúc này, vấn đề đặt ra trước Tưởng Giới Thạch là chọn chính thể nào cho nền thống trị. Ông Giang Nam từng nêu vấn đề này: "Ông Tưởng nếu có tinh thần dũng cảm, sau chiến tranh Triều Tiên, ông ta phải nắm chắc cơ hội, tuyên bố ngay giải tán "Quốc hội", giải tán hai "Viện Lập pháp và Giám sát, làm tê liệt 'Hiến pháp'." Nếu Tưởng Giới Thạch làm đúng như thế, rõ ràng có thể làm cho địa vị thống trị mạnh thêm mau chóng, nâng cao hiệu suất của "Chính phủ", tránh được rắc rối xảy ra trong quá trình thực hiện thể chế chính trị dân chủ, chính là điều Tưởng Giới Thạch cầu mong.

Thế nhưng, chính trị không đơn giản như "một cộng một bằng hai", thay đổi thể chế tuy có giúp cho nền chuyên chế độc tài của Tưởng Giới Thạch mạnh lên, nhưng không tránh khỏi sinh ra những ảnh hưởng không lợi cho sự thống trị của Quốc dân đảng:

1. Với sự kiên quyết của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, địa vị quốc tế của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã gặp phải thách thức nghiêm trọng. Bất kỳ hành động thay đổi chính thể nào đều sẽ trực tiếp làm tổn thương đến "tính chính thống và tính hợp pháp" của Đài Loan, họ sẽ khó thu xếp kín kẽ cái điều "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc là Chính phủ hợp pháp duy nhất vẫn được Mỹ và các nước khác tiếp tục công nhận".

2. Lúc đó Tưởng Giới Thạch vẫn ôm hy vọng "Phản công Đại Lục", họ gọi Đảng cộng sản là "bọn phỉ phản bội", nếu Quốc dân đảng tự thay đổi chính thể, khó tránh khỏi làm cho người ta nghĩ rằng đây là một hiện tượng của việc thừa nhận chính quyền Bắc Kinh.

Trong cuộc chống chọi với Đảng cộng sản, Quốc dân đảng lấy "Chính trị dân chủ" để đối lập với cái gọi là "bức màn sắt chuyên chế" của Đảng cộng sản. Nếu vứt bỏ nốt chiếc khăn che thẹn này, họ sẽ mất hết lòng dân, cũng mất hết vốn liếng chính trị cuối cùng trong cuộc cạnh tranh với Đảng cộng sản.

3. Lúc này Mỹ tuy đã đổi "thọc tay trong túi" thành "chủ nghĩa bao che", nhưng những tiếng phê bình "Chính phủ" Quốc dân đảng không dân chủ từ trước tới nay chưa dừng lại. Nếu Quốc dân đảng công khai thực hiện quân sự độc tài, nhất định sẽ ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ – Đài vừa mới được cải thiện, làm cho Chính phủ Truman có thể giảm, thậm chí đình chỉ viện trợ cho Đài Loan. Bất kể như thế nào, Tưởng Giới Thạch cũng không thể chịu nổi mối hiểm nghèo này.

4. Căn cứ pháp lý để Quốc dân đảng thống trị Đài Loan là ở chỗ: "Chính phủ Quốc dân" là "Chính phủ Trung ương" của Trung Quốc, mà Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc. Theo nguyên tắc địa phương phục tùng Trung ương, nhân dân Đài Loan đương nhiên có nghĩa vụ theo "Chính phủ Trung ương" lãnh đạo. Nhưng nếu thay đổi chính thể, "hệ thống pháp luật" coi như bỏ. Chính phủ mới vẫn có thể tự cho là "Chính phủ Trung ương" nhưng tính thuyết phục sẽ rất kém. Điều này chẳng khác gì giao vũ khí cho người Đài Loan chống lại sự thống trị của Quốc dân đảng.

5. Tôn Trung Sơn, người sáng lập Quốc dân đảng, suốt đời phấn đấu thực hiện nền dân chủ chân chính ở Trung Quốc, Chủ nghĩa Tam dân của ông là ngọn cờ lý luận của Quốc dân đảng, là tiêu chuẩn ý thức hệ cho toàn thể Đảng viên Quốc dân đảng, kể cả Tưởng Giới Thạch đều phải hết lòng tin phục.

Nếu Tưởng Giới Thạch không kiêng nể, bỏ dân chủ thực hiện độc tài quân sự, ông ta không chỉ là kẻ phản bội lý luận của Tôn Trung Sơn, mà còn dễ dẫn đến sự chống đối trong nội bộ Đảng.

Vả lại, thay đổi chính thể, tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của hàng loạt người trong Đảng. Hàng ngàn "Đại biểu Quốc hội", "Ủy viên Lập pháp", "Ủy viên Giám sát" theo Tưởng về Đài Loan sẽ khó sắp xếp dưới chế độ quân quản; nếu thu hẹp các ngành trong "Chính phủ Trung ương", tất làm cho hàng loạt người mất chức. Điều này sẽ khuấy động mâu thuẫn tiềm tàng trong Đảng, gieo mầm mống hỗn loạn lâu dài.

Do những nguyên nhân trên, cuối cùng Tưởng Giới Thạch cũng không dám vận dụng phương thức "Chính phủ trong thời kỳ đặc biệt" để thực hiện chế độ quân sự độc tài một cách trắng trợn, ông đã không ngại chuyển về Đài Loan "Cơ cấu Trung ương Dân ý" và cơ cấu chính trị đồ sộ có ở Đại Lục, rêu rao "thể chế Hiến pháp quyết không thay đổi".

Thế nhưng, không dám vứt bỏ không có nghĩa là thật lòng thực hiện "Hiến pháp". Tưởng Giới Thạch đã không có gan "độc tài", lại "không có tim dân chủ", lại thiếu niềm tin và quyết tâm thực hiện. Trong tiềm thức của ông, ngoài triết học chăn dắt dân đen của các vua chúa Trung Quốc ra, là chủ nghĩa chuyên chế của bọn phát xít. Bởi thế, "Hiến pháp" của Quốc dân đảng ngay từ khi trù bị, đã bị bóp méo thành một quái thai đầu Ngô mình Sở.

Cuối năm 1946, Tưởng Giới Thạch chọn ngày "Quốc quân" đánh hạ Trương Gia Khẩu, triệu tập "Quốc hội bàn Hiến pháp" có nghĩa là "Hiến pháp" vừa ra lò đã coi Đảng cộng sản và đông đảo nhân dân là kẻ thù. Lúc này, dân số Trung Quốc khoảng 450 triệu. Khu giải phóng có 120 triệu, mà không kể đến thái độ của nhân dân trong khu Quốc dân đảng thống trị, chỉ riêng sự phản đối của nhân dân khu giải phóng, cũng không thể triệu tập được "Quốc hội bàn Hiến pháp" này. Trong số hơn hai nghìn "đại biểu bàn Hiến pháp" có mặt, chỉ hơn 800 người được qua "dân bầu", hơn 1.200 người khác đều do Quốc dân đảng "tự chọn". "Hiến pháp" do "Quốc hội" đặt ra như vậy, căn bản không thể đại biểu cho ý chí của toàn thể quốc dân, nó bị Đảng cộng sản và các đảng phái dân chủ khác chống lại, gọi là Hiến pháp ngụy.

Căn cứ vào quy định hữu quan của Hiến pháp ngụy, Quốc dân đảng tự chọn "Đại biểu Quốc hội", "Ủy viên Lập pháp" và "Ủy viên Giám sát" trong khu vực họ thống trị. Báo chí bấy giờ đưa công khai đưa tin gian lận phiếu bầu. "Quốc hội" đó đã ra đời như vậy. Ngày 29 tháng 3 năm 1948, tiến hành "họp Quốc hội" lần thứ nhất; ngày 19 tháng 4, cử Tưởng Giới Thạch làm "Tổng thống"; ngày 20 tháng 5, Tưởng Giới Thạch tuyên bố nhậm chức, bắt đầu thực hiện "Hiến pháp".

Do "Thể chế Hiến pháp" này xây dựng trên cơ sở Hiến pháp ngụy, cái gọi là "Đại biểu Dân ý Trung ương" lại toàn do Quốc dân đảng tự chọn ra, vì thế không có đầy đủ cơ sở dân ý, về căn bản là bất hợp pháp.

Tuy vậy, nếu Quốc dân đảng thực sự làm việc theo Hiến pháp ngụy, cũng vẫn có thể tiến mạnh theo hướng dân chủ hóa. Vì bộ "Hiến pháp" này xuất phát từ Hiến chương hội nghị hiệp thương chính trị do Hội nghị hiệp chương chính trị trước đây vạch ra. Khi đó, có người của Đảng cộng sản và người phụ trách liên minh dân chủ tham gia soạn thảo, bao gồm rất nhiều điều dân chủ. Đến khi Quốc dân đảng lạm dụng triệu tập "Quốc hội bàn Hiến pháp", muốn tranh thủ sự giúp đỡ của các giới, giới hạn trong khuôn khổ lý luận dân chủ của Tôn Trung Sơn, không thể không bảo lưu những điều này.

Ví dụ về một số quyền lợi cơ bản của nhân dân, Hiến pháp ngụy quy định: "Người dân được đảm bảo tự do thân thể. Trừ việc bắt bớ tội phạm hiện hành do luật pháp quy định riêng, cơ quan Tư pháp hoặc giám sát, không theo đúng trình tự pháp luật quy định, không được bắt bớ, giam cầm, xét hỏi, xử phạt. Công dân có quyền cự tuyệt những việc trên nếu khi thực hiện không dựa vào trình tự luật pháp quy định. Và quy định, người bị tình nghi bị bắt bớ, giam giữ, "cơ quan bắt bớ giam giữ họ phải báo cho người đó và người thân của họ về nguyên nhân bắt bớ, giam giữ bằng văn bản, sau 24 tiếng đồng hồ đưa lên tòa án xét hỏi." "Khi công dân bị cơ quan nào bắt bớ, giam giữ phi pháp, chính người đó hoặc người nhà họ phải đề nghị tòa án truy cứu, tòa án không được cự tuyệt và trong 24 tiếng phải truy cứu cơ quan bắt bớ giam giữ,

xử lý theo pháp luật."

Còn quy định: "Công dân ngoài những quân nhân tại ngũ ra, không bị quân sự xét hỏi. Người dân có quyền tự do cư trú và di chuyển; tự do ngôn luận, dạy học, sáng tác và xuất bản; có quyền bí mật thư tín, tự do hội họp và lập hội; có quyền thỉnh nguyện và tố tụng… quyền sống, làm việc và tài sản của nhân dân được bảo đảm. Các quyền tự do trong ví dụ trên đây khi cần ngăn ngừa tránh gây trở ngại đến tự do của người khác, tránh tai họa căng thẳng, duy trì trật tự xã hội hoặc nhằm mục đích tăng thêm lợi ích chung, bất đắc dĩ phải hạn chế bằng pháp luật. Nhân viên công vụ làm trái với luật pháp, hại đến tự do của nhân dân hoặc người có quyền lợi sẽ bị trừng trị theo pháp luật, ngoài ra còn phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc dân sự. Những thiệt hại của người bị hại được đề nghị nhà nước bồi thường theo pháp luật."

Những quy định nói trên, so với quy định có liên quan của Hiến pháp nhiều nước thiếu một điều "nhân dân có tự do biểu tình thị uy và bãi công", nhưng nhìn chung, nếu bản "Hiến pháp" này được thực hiện đúng đắn thì những quyền lợi dân chủ cơ bản của nhân dân cũng đã được bảo đảm.

Quyền lợi dân chủ của người dân, theo lý luận Hiến pháp của nhà nước dân chủ có truyền thống, không ai được xâm phạm. Nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt, nếu có thiên tai, nổi loạn hoặc ngoại xâm… để ứng biến kịp thời bảo vệ an ninh quốc gia và quyền lợi nhân dân, Nguyên thủ quốc gia hoặc Thủ tướng nội các cần có nhiều quyền lực hơn để tự do hoạt động và ban bố lệnh khẩn cấp, tức là đòi hỏi làm yếu quyền lực của cơ quan dân ý, giảm việc bảo đảm quyền lợi nhân dân, có học giả đã gọi đây là: "Độc tài Hiến pháp". Nhưng loại độc tài này được cơ quan dân ý trao quyền tạm thời, một khi tình thế nguy hiểm đã qua thì lập lại ngay thể chế bình thường của Hiến pháp, để nhân dân lại hưởng các quyền lợi do Hiến pháp quy định. Do đó, độc tài Hiến pháp chỉ là biện pháp ứng phó nhất thời, chứ về lâu dài không làm hại đến Hiến pháp dân chủ, cho nên cũng gọi là "độc tài tốt lành".

Điều 43 của "Hiến pháp" Quốc dân đảng cũng quy định "Tổng thống" thực hiện biện pháp khẩn cấp, trong đó chỉ quy định khi "có thiên tai, dịch bệnh hoặc có biến cố lớn về kinh tế, tài chính", cho phép "Tổng thống" ban bố lệnh khẩn cấp, nhưng một tháng sau phải giao cho "Viện Lập pháp" truy nhận, nếu "Viện Lập pháp" không đồng ý, lệnh khẩn cấp lập tức mất hiệu lực. Điều 39 trong Hiến pháp ngụy còn quy định: "Tổng thống" căn cứ vào pháp luật tuyên bố giới nghiêm, nhưng phải được "Viện Lập pháp" thông qua hoặc truy nhận. Khi "Viện Lập pháp" thấy cần thiết, có thể quyết nghị "Tổng thống" hủy bỏ giới nghiêm. Hai điều quy định này có ý nghĩa là quyền độc tài đã trao cho "Tổng thống" trong tình huống đặc biệt, nhưng lại phải nghiêm ngặt hạn định độc tài, đó là thể hiện sự kiềm chế của cơ quan dân ý đối với "Tổng thống".

Khi bản "Hiến pháp" này được ban hành, Tưởng Giới Thạch đang "tiễu Cộng", nhiều biện pháp "thời chiến" của ông vào cả hệ thống chính trị thám báo của Quốc dân đảng đều trực tiếp "làm trái Hiến pháp", theo "Hiến pháp" quy định "cần phải chịu trách nhiệm hình sự và dân sự". Vì "Hiến pháp" chưa quy định "Tổng thống" được hưởng quyền ra lệnh khẩn cấp "trong thời kỳ động viên thời chiến" cho nên Tưởng Giới Thạch ngay cả "độc tài tốt đẹp" cũng chưa được phép làm. Như vậy, Hiến pháp ngụy được Quốc dân đảng dùng làm vũ khí chống Cộng, chưa đối đầu với Đảng cộng sản, đã làm tổn thương đến chính Tưởng Giới Thạch.

Vì thế, tháng 3 năm 1948, khi triệu tập "Quốc hội" hành hiến lần thứ nhất, đại biểu Quốc dân đảng sồn sồn đòi sửa "Hiến pháp", nội dung chủ yếu là: (1) Trong điều kiện tiên quyết "Tổng thống" ban lệnh khẩn cấp, thêm một dòng "động viên thời chiến" chứ không chỉ giới hạn ở thiên tai, dịch bệnh và những biến cố to lớn về kinh tế, tài chính quốc gia"; (2) "Tổng thống" thực hiện Lệnh khẩn cấp và Lệnh giới nghiêm thì không bị trình tự Hiến pháp hạn chế. Rõ ràng là, yêu cầu sửa đổi hiến pháp này muốn mượn tiếng "độc tài tốt đẹp" để hợp pháp hóa những hành vi làm trái "Hiến pháp" của Quốc dân đảng.

Nhưng Tưởng Giới Thạch nghĩ rằng bộ "Hiến pháp" này vừa mới tung ra đã gặp ngay sự chống đối của Đảng cộng sản và các Đảng phái dân chủ, đến nay vẫn chưa thi hành chính thức, Quốc dân đảng lại muốn sửa đổi, càng làm cho "Hiến pháp" bị người ta nắm đằng chuôi đã mất hết tôn nghiêm, phá vỡ nền tảng thống trị của nó. Ông ta một mặt muốn đạt mục đích sửa đổi hiến pháp, mặt khác lại phản đối hình thức sửa đổi hiến pháp. Vì thế, bọn tay chân của Đảng đưa ra "Điều khoản lâm thời", ý nghĩa của nó tương tự như "phần ngoại lệ" có trong văn kiện pháp luật, tức là những chữ sau "nhưng…" có hiệu lực hơn là nguyên văn. Vì "Quốc hội" vốn do Quốc dân đảng một mình làm tất, đại biểu là người của Quốc dân đảng hoặc đại biểu không đảng phái chiếm tuyệt đại đa số, thế là ngày 18 tháng 4 năm 1968 đã thông qua một cách thuận lợi đề án Chế định Điều khoản lâm thời động viên thời chiến do hơn 700 đại biểu của nhóm Mạc Đức Huệ, Vương Thế Kiệt nêu ra. Lúc đó, có 1.624 đại biểu tán thành trong 2.045 đại biểu có mặt, hợp với quy định theo đa số pháp định. Vì thế, "Điều khoản lâm thời" tuy không thuộc phạm vi sửa đổi hiến pháp, nhưng lại có hiệu lực như sửa đổi hiến pháp.

Nội dung then chốt của "Điều khoản lâm thời" được thông qua lúc đó đã ghi rõ: "Tổng thống xử lý khẩn cấp trong động viên thời chiến… không bị hạn chế theo trình tự quy định ở Điều 39 hoặc Điều 43 trong Hiến pháp." "Điều khoản lâm thời" còn quy định, việc xử lý tạm thời này được chấm dứt, do "Tổng thống" tuyên bố, hoặc "Viện Lập pháp" căn cứ vào quy định của khoản 2 Điều 57 trong "Hiến pháp" để sửa đổi trình tự hoặc chấm dứt, trình tự này phải được 2/3 số "Ủy viên Lập pháp" trở lên thông qua hai lần, điều này là không thể khi đa số "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên Quốc dân đảng, việc xử lý khẩn cấp được thi hành hoặc hủy bỏ, hoàn toàn do "Tổng thống" quyết định.

"Điều khoản lâm thời" đã là "tạm thời" tất phải hạn chế thời gian có hiệu lực. Trong mục 4 "Điều khoản lâm thời" quy định đến trước ngày 25 tháng 12 năm 1950 triệu tập Hội nghị lâm thời Đại hội đại biểu quốc dân, thảo luận vấn đề sửa đổi hiến pháp hoặc có hủy bỏ "Điều khoản lâm thời" hay không. Điều này có nghĩa là Đại biểu Dân ý không muốn hoàn toàn vứt bỏ quyền lực nên đã hạn chế thời gian để tránh cho "độc tài tốt đẹp" thành độc tài thực sự.

"Điều khoản Hiến pháp tạm thời" thông qua mới được nửa tháng, Tưởng Giới Thạch đã ra Văn bản động viên thời chiến toàn quốc. Ngày 19 tháng 5, công bố Luật Giới nghiêm, hợp pháp hóa hàng loạt hoạt động phát xít chống Cộng, chống nhân dân của chúng. Ngày 19 tháng 8, Tưởng Giới Thạch lại ban bố Lệnh xử lý khẩn cấp về kinh tế – tài chính, phát hành giấy bạc mới, bắt buộc nhân dân đổi. Ngày 10 tháng 12, trước lúc về vườn, Tưởng Giới Thạch ban bố Lệnh giới nghiêm toàn quốc, quy định giới nghiêm mọi khu vực, trừ năm tỉnh Đài Loan, Tân Cương, Thanh Hải, Tây Tạng, Tây Khang, những người cầm đầu quân đội và chính quyền ở năm tỉnh như Đài Loan có thể quan sát nhu cầu tình hình, tùy cơ tuyên bố giới nghiêm.

Lệnh giới nghiêm này, ngày 23 tháng 1 năm 1949, bị "Quyền Tổng thống" là Lý Tôn Nhân hạ lệnh đình chỉ thi hành, nhưng chính quyền các nơi trung thành với Tưởng Giới Thạch đều bỏ qua. Ngày 20 tháng 5, giới nghiêm toàn bộ tỉnh Đài Loan. Ngày 27 tháng 5, Bộ Tư lệnh Cảnh bị tỉnh Đài Loan ban bố Biện pháp thi hành ngăn ngừa hội họp phi pháp, tổ chức đoàn thể, diễu hành, nêu yêu sách, bãi khoá, bãi công, bãi thị, bãi nghiệp trong thời kỳ giới nghiêm và Biện pháp quản lý tin tức, báo chí sách vở trong thời kỳ giới nghiêm, từ đó bắt đầu thực sự quản chế quân sự.

Sau khi Tưởng Giới Thạch lại lên làm "Tổng thống", căn cứ vào mục trao quyền của "Điều khoản lâm thời", tiếp tục thi hành "Luật Giới nghiêm"; về sau lại mượn cớ "thời kỳ giới nghiêm" ban bố hàng loạt biện pháp bảo vệ an ninh như Kiểm tra điều lệ, kiểm tra thanh lọc gián điệp, khiến Đài Loan trở thành thế giới khủng bố trắng.

Tháng 8 năm 1950, thời gian triệu tập Hội nghị về việc hủy bỏ "Điều khoản lâm thời" hay không chỉ còn có bốn tháng. Nếu điều khoản này bị hủy bỏ thật thì lệnh khẩn cấp và tình trạng giới nghiêm cũng theo đó mà chấm dứt. Vì thế, Tưởng Giới Thạch họp "Viện trưởng" của "Viện Hành chính", "Viện Lập pháp", "Viện Tư pháp", "Viện Kiểm sát", "Viện Khảo thí", nêu ý kiến trì

hoãn họp Hội nghị này. Chủ quan mà nói, ông ta không muốn vứt bỏ "Điều khoản lâm thời", vì thế ra sức ngăn cản; khách quan mà nói, "Đại biểu Quốc đại" ở Đài Loan bấy giờ chỉ có 1/3 tổng số, không đủ số phiếu để sửa đổi hiến pháp. Ý kiến này của Tưởng Giới Thạch được thông qua vô điều kiện.

Đến tháng 3 năm 1954, Quốc dân đảng tổ chức "Đại hội quốc dân" lần thứ 2 ở Đài Bắc. Đại hội lần này cố gắng lắm mới tạm đủ số người họp, chứ chưa đạt tới số người để sửa đổi hiến pháp, Đại hội vẫn quyết nghị: "Điều khoản lâm thời về động viên thời chiến vẫn có hiệu lực khi nó chưa bị vứt bỏ". "Điều khoản lâm thời" từ đó trở thành "Điều khoản vĩnh viễn", "Tổng thống" vĩnh viễn có đặc quyền ban lệnh khẩn cấp, tình trạng giới nghiêm được "Điều khoản lâm thời" bảo đảm trong suốt 38 năm.

Theo "Pháp Lệnh giới nghiêm" quy định, quyền lợi dân chủ cơ bản nhất mà nhân dân đáng được hưởng như: các quyền tự do thân thể, tự do cư trú và đi lại, tự do ngôn luận, dạy học, sáng tác và xuất bản, tự do thông tin và cả quyền sống, quyền làm việc, quyền sở hữu tài sản, nêu yêu sách, tố cáo và kiện tụng của nhân dân, quân nhân không tại ngũ không bị quân đội xét xử... đều bị mất hết. Còn như Hiến pháp ngụy quy định người dân có quyền đề nghị Chính phủ bồi thường khi bị xâm phạm phi pháp thì chỉ là chuyện nghìn lẻ một đêm.

Mặt khác, dân quyền khô héo đã phình to cao độ quyền lực của cơ quan cảnh sát đặc biệt. Đặc vụ không chỉ đảm nhiệm xét xử "chính trị phạm" bao gồm tổ chức bí mật của Đảng cộng sản, "phần tử thân Cộng", "phần tử Đài độc", mà còn đảm nhiệm kiểm tra xét hỏi văn hoá, có quyền kiểm tra và cấm sách báo. Trong lĩnh vực kinh tế, đặc vụ có quyền lớn quản chế kinh tế, thường đối với những người buôn bán vàng bạc, ngoại tệ hoặc lén lút cho vay, muốn bắt chỉ việc gán cho "tội làm rối loạn tiền tệ" là xong.

Đặc vụ lúc này, phần nhiều là người Sơn Tây. Nguyên do là khi Đài Loan thiết lập trạm "Trung thống" và "Quân thống", đã huy động toàn bộ lực lượng này đến. Lúc đầu, họ chỉ đảm nhiệm công việc của Phòng nhì (tức là Sở Tình báo) của các binh chủng, quân chủng, tình báo quân sự, sau đó thọc tay vào trị an xã hội; lại tăng thêm "Bộ Tư lệnh Bảo an", Đội Hiến binh, Cục Cảnh sát... thậm chí Tổng đội Kỹ thuật thuộc Bộ Quốc phòng cũng bắt người, trị tội người, gây ra hàng loạt vụ án oan uổng, giả dối, sai trái

Càng ác liệt hơn là vì bọn cầm đầu Đài Loan có trọng thưởng cho đặc vụ phá án nguy hiểm, một số đặc vụ liền cố ý đẩy người vào tội, chúng vừa là kẻ xúi bẩy phạm tội vừa là kẻ thi hành pháp luật, biến thành việc kinh doanh phát tài không mất vốn. Như nhà cầm quyền Đài Loan quy định, nói chung phá án kinh tế, người tố giác được 30% tang vật, phá một án được hưởng 35%. Vì thế, rất nhiều đặc vụ bèn đóng giả làm phần tử phạm tội, như mở hàng buôn tiền bí mật, mở sòng bạc, hoặc giả cách có ngoại hối cần bán đổ bán tháo, dẫn người đến móc nối, có người vừa vào tròng thì đặc vụ ở cửa lập tức bắt ngay. Vì kẻ tố giác và người phá án là một, "tiền ăn cắp" của người sa lưới rơi ngay vào tay bọn đặc vụ là 65%.

Trong Truyện Tưởng Kinh Quốc, Giang Nam viết về Đài Loan đầu thập kỷ 1950 như sau: "Mở trang Nhật báo Trung ương từ nửa đầu năm 1950, một tuần có đến mấy tiêu đề 'hôm qua xử bắn tội phạm hoạt động điệp báo phỉ', 'khẩu hiệu bảo mật phòng chống gián điệp thấm vào phương tiện truyền bá, tới mọi xó xỉnh của toàn Đảo', 'ghép tội gián điệp giao cho quân Đông lộ Thanh đảo, Lục đảo Đài Loan, giam giữ hoặc cho vào bao tải, vứt ra biển làm mồi cho cá, không hề thông qua trình tự Tư pháp'".

Tháng 5 năm 1953, Tưởng Kinh Quốc tuyên bố phá được hơn 80 vụ "hoạt động điệp báo ngụy", trong đó riêng vụ án Tô Nghệ Lâm đã bắt giam hơn 100 người. Tháng 6, Trần Nghị người đã từng làm Tỉnh trưởng ở Đài Loan và Chủ tịch ở Chiết Giang, Trung tướng Ngộ Thạch (thời kháng chiến đã từng giữ chức Tham mưu trưởng của Trương Phát Khuê), Trung tướng Trần Bảo Thương, Tổng Giám binh, trạm thứ 4, Thượng úy Lục quân Nhiếp Hi... vì liên quan đến các vụ án "thông đồng với Cộng sản" lần lượt đều bị xử tử.

Để khống chế mạnh hơn đối với đông đảo nhân dân, Quốc dân đảng rập khuôn cho Đài Loan theo chế độ "liên gia liên đới" đã áp dụng thời kỳ ở Đại Lục. Tháng 8 năm 1953, ban bố Biện pháp kiểm tra chặt chẽ hoạt động điệp báo phỉ thời chiến, buộc nhân dân giám sát nhau, tố giác nhau, như phát hiện người nào là "gián điệp" thế là liên gia phải quên hết tình nghĩa, lập tức đi tố giác để tránh liên lụy.

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1955, Quốc dân đảng lại đặt ra ở Đài Loan cái gọi là "phong trào tổng đăng ký bị buộc theo phỉ ở Đại Lục trước đây", yêu cầu những người đã tham gia đoàn thể, đảng, chính quyền, quân sự, kinh tế, văn giáo, xã hội của Đảng cộng sản và các đoàn thể công tư; những người đã làm việc ở các cơ quan công thương, tổ chức tay sai tôn giáo của Đảng cộng sản; những người đã tham gia huấn luyện của Đảng cộng sản về các công tác quân sự, chính trị đoàn thể xã hội, văn hóa giáo dục, vận động nhân dân và công tác địa phương; những người từng bị Đảng cộng sản lợi dụng trực tiếp hoặc "phần tử thân phỉ" gián tiếp lợi dụng; những người đã làm thủ tục đầu thú ở Đại Lục, nhưng hiện chưa có chứng minh hữu hiệu đều phải đến "Bộ Tư lệnh Bảo an" làm thủ tục đăng ký. Theo Nghiêm Gia Kiềm, Chủ tịch tỉnh Đài Loan, nói lúc đó: "Thường là những người hoạt động điệp báo phỉ và người có thái độ mờ ám không rõ ràng, ba phải, đều là những kẻ nguy hiểm, phải trừ bỏ."

Vì ngay tiêu chuẩn đăng ký do Quốc dân đảng ban hành đã "mông lung không rõ, thế nào cũng được" cho nên ai "tình nghi" đều bị đặc vụ xét hỏi bừa bãi. Ông Đồng Hiên Tôn, người lập ra Tạp chí thời sự bị bắt cùng với tất cả giám đốc, kế toán, nhân viên của công ty ông. Hỏi nguyên do, té ra vì đặc vụ tìm thấy nhà ông có cuốn Chuyến phiêu lưu của Tom Swaye của Mark Twain, bọn đặc vụ nhầm cho là Karl Marx. Còn bà Trương Minh Chương, mẹ ông Lý Chính Đạo – người sau này được nhận giải thưởng Nobel, vì cho một người bạn học cùng trong Đại học Quảng Tây ngủ trọ đã bị chụp mũ "che giấu gián điệp" và vào tù. Những ví dụ trên, thực tế nhiều vô cùng, không sao kể hết.

Để tăng cường khống chế, cơ quan đặc vụ cho quân chui vào khắp các tầng lớp, các ngành, các đoàn thể; xây dựng phổ biến "phòng an toàn" trong các phòng ban Chính phủ và trong trường học. Theo tài liệu liên quan được công bố, năm 1958 riêng trong cơ quan Chính phủ đã có 755 "phòng an toàn", sẽ còn lập thêm 209 phòng nữa. Đến mùa xuân năm 1958, chính thức công bố đã có tới 311.320 "án lật đổ". Số người bị bắt, bị gọi đến xét hỏi, bị điều tra trên 1,3 triệu người, trong khi toàn bộ nhân khẩu ở Đài Loan lúc đó chưa tới 10 triệu.

Quốc dân đảng chơi nước đôi giữa Chính trị dân chủ và "Điều khoản lâm thời" đan xen nhau, là nguồn gốc sự bất ổn trong nội bộ Đài Loan sau này. Mấy chục năm nay, thế lực chính trị của các phái chống Quốc dân đảng và những phần tử tiến bộ trong Quốc dân đảng đều nắm chắc vấn đề đặc vụ, vấn đề giới nghiêm, vấn đề nhân quyền, vấn đề dân chủ để viết, đòi Quốc dân đảng phục hồi triệt để "Hiến pháp" tôn nghiêm, thực hiện hiến pháp chân chính. Với dòng nhạc chủ yếu này, trên vũ đài chính trị Đài Loan đã diễn ra đủ loại màu sắc chính kịch, hài kịch, bi kịch và hoạt náo kịch.

II. "QUỐC HỘI MUÔN ĐỜI" LẬP KỶ LỤC THẾ GIỚI

"Hiến pháp" của Đài Loan không những mắc bệnh bẩm sinh, phát dục không tốt – "Đại biểu Quốc hội", lập hiến, hành hiến đều do Quốc dân đảng cử ra và nuôi dưỡng, không chỉ khống chế ở "Điều khoản lâm thời" "liệt nặng nửa người", mà còn mắc bệnh "ung thư máu" nguy hiểm – Không có cách nào thay cũ đổi mới cho Đại biểu Dân ý Trung ương được.

Tháng 5 năm 1951, bệnh "ung thư máu" phát chứng rõ rệt lần đầu.

Lúc này, theo Hiến pháp ngụy quy định, "nhiệm kỳ của "Ủy viên Lập pháp" là ba năm", "Đại biểu Quốc đại" và "Ủy viên Giám sát" là sáu năm, "Ủy viên Lập pháp" ở khóa I đã hết nhiệm kỳ, theo pháp luật cần phải tuyên bố giải tán "Viện Lập pháp" khóa này, trong ba tháng trước khi giải tán phải cử ra các "Ủy viên Lập pháp" cho khóa II.

Nhưng nếu làm đúng như thế, "Ủy viên Lập pháp" khoá II chỉ có thể được cử ở Đài Loan, chứ không mang tính đại biểu toàn quốc, truyền thống pháp luật và "Hiến pháp" của Quốc dân đảng đã đứt gánh giữa đường, "Chính phủ Trung ương" lại không "Trung ương", con đường cùng này đương nhiên là tắc nghẽn.

Cuối cùng quyết định chọn cách "giữ lại chữa", do "Viện Hành chính" thông qua quyết nghị, đề nghị Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa "Tổng thống" phê chuẩn. Tưởng lại đích thân thương lượng với "Viện Lập pháp", xin cho Ủy viên khóa I được tiếp tục quyền lập pháp thêm một năm. Các "Ủy viên Lập pháp" vui vẻ đồng ý.

Giải quyết vấn đề như vậy là ngang nhiên giễu cợt hai chữ "dân chủ". Đấy là chưa nói Tưởng Giới Thạch "lại làm Tổng thống" là không hợp pháp, cho dù là "Tổng thống hợp pháp" cũng không có quyền can thiệp vào việc đi hay ở của Đại biểu Dân ý. Vì "Ủy viên Lập pháp" chỉ chịu trách nhiệm trước cử tri, hết nhiệm kỳ phải thôi, việc này không hề liên quan đến "Tổng thống", "Tổng thống" đích thân "níu giữ" thì đã là một trò hề, các "Ủy viên Lập pháp" cũng chịu để làm thêm một năm nữa lại càng bừa bãi. Còn như "Viện Hành chính" thông qua quyết định đề nghị "Tổng thống" níu giữ, không những trực tiếp vi phạm nguyên tắc "Ngũ quyền phân lập", mà còn làm đảo lộn quan hệ của hai Viện. Theo "Hiến pháp", "Viện Hành chính" phải chịu trách nhiệm trước "Viện Lập pháp", lẽ nào lại đi quyết định vận mệnh của "Viện Lập pháp"?

Trò hề "vừa đá bóng vừa thổi còi" năm 1952 và năm 1953 đều đã diễn lại y như thế. Nhưng tới tháng 5 năm 1954, nhiệm kỳ của các "Đại biểu Quốc hội" và "Ủy viên Giám sát" đã hết. Nếu dùng cách "xin thông qua", có phần quá phiền phức, cũng rất nực cười, hơn nữa nhiệm kỳ "Tổng thống" lúc này cũng tới hạn, muốn giữ một nhiệm kỳ nữa bắt buộc phải được "Đại biểu Quốc hội" bầu. Nếu để ông ta xin "Đại biểu Quốc hội" bầu thêm một nhiệm kỳ nữa, chẳng khác gì mình tự bầu cho mình, thật quá chướng. Vì thế, chính quyền Đài Loan quyết tâm tìm một biện pháp giải quyết dứt điểm, để sau này đỡ vất vả.

Các học giả về bệnh lý chính trị Đài Loan suy nghĩ nát óc, đề ra các phương án, nhưng vẫn không trị nổi căn bệnh khó chữa "Đại biểu Dân ý không qua bầu cử này". Cuối cùng, không biết ai đó đã nhạy cảm, nghĩ ra cần chú ý đến từng chữ trong Hiến pháp ngụy. Điều 28 trong Hiến pháp ngụy quy định: "Đại biểu Đại hội quốc dân cứ sáu năm cử một lần. Nhiệm kỳ của Đại biểu Đại hội quốc dân từ đại hội khóa này tới ngày khai mạc Đại hội quốc dân khóa sau." Hai chữ "khóa sau" này, chính là "chữ" có thể gọt giũa được. Nói cách khác, nếu "khóa sau" không họp được thì đại biểu khóa này sẽ giữ nhiệm vụ mãi mãi. Phương án này được báo cáo tổng kết và được Tưởng Giới Thạch chọn dùng. Ngày 23 tháng 9 năm 1853, Tưởng đích thân truyền đạt ý này cho Hồng Lan Hữu, "Thư ký trưởng Quốc hội"; đã nói chuyện với nhà báo rằng nhiệm kỳ "Đại biểu Quốc hội" khóa I phải tới khi họp hội nghị đại biểu khóa sau mới hết, vì "Đại biểu Quốc hội" khóa II không có cách nào ra đời được thì "Đại biểu Quốc hội" khóa I tự kéo dài nhiệm kỳ là không hề gì. Như vậy, "Đại biểu Quốc hội" trở thành "đại biểu suốt đời".

Vấn đề nhiệm kỳ của "Đại biểu Quốc hội" đã được giải quyết, vấn đề nhiệm kỳ của "Ủy viên Lập pháp và Giám sát" cũng vận dụng nguyên tắc này, nhưng vì trong Hiến pháp ngụy chỉ quy định "Ủy viên Lập pháp nhiệm kỳ ba năm", "Ủy viên Giám sát nhiệm kỳ sáu năm" mà không có dòng "nhiệm kỳ tới ngày họp khóa sau", cho nên còn mất nhiều mưu mẹo, do "Viện Hành chính" đề nghị "Viện Tư pháp" giải thích vấn đề này. Ngày 29 tháng 1 năm 1954, Hội nghị Viện Tư pháp Đài Loan đã lập "Bản giải thích Hiến pháp số 31", tuyên bố "trước khi Ủy viên khóa II chưa họp hội nghị tuyển chọn và triệu tập theo 'Hiến pháp', 'Ủy viên Lập pháp', 'Ủy viên Giám sát' khóa I vẫn cần được tiếp tục sử dụng chức quyền của mình". Qua lần giải thích này, "Ủy viên Lập pháp" "Ủy viên Giám sát" cũng thành Ủy viên suốt đời.

Chỉ giải quyết vấn đề nhiệm kỳ của "Đại biểu Dân ý Trung ương" chưa đủ, còn phải giải quyết vấn đề "đa số pháp định" mới có thể bảo đảm đúng "hệ thống pháp luật". Theo "Hiến pháp" quy định số người cho "Đại hội quốc dân" là 3.045; "Viện Lập pháp" là 773; và "Viện Giám sát" là 223 người. Các cơ quan này muốn họp, số người có mặt phải quá bán mới hợp lệ. Nếu "Đại

hội quốc dân" muốn sửa đổi hiến pháp, số đại biểu có mặt phải đạt 2/3 trở lên, có 3/4 đại biểu có mặt quyết nghị mới có hiệu quả. Nghĩa là con số đưa ra phải có là 2.030 người mới có thể thảo luận vấn đề sửa đổi hiến pháp. "Quốc hội" bầu "Tổng thống", phải vượt số quá bán nghĩa là 1.523 người thì mới có hiệu quả. "Viện Lập pháp" họp đại hội cũng có những quy định như vậy, phải đạt tới 579 người mới có thể thảo luận vấn đề sửa đổi hiến pháp. "Đại biểu Quốc hội" cử ra năm 1948 thực tế là 180 người, đương nhiên là đủ số theo "Hiến pháp" quy định. Nhưng năm 1949, "Đại biểu Quốc hội" theo Quốc dân đảng chạy tới Đài Loan chỉ có 1.980 người, "Ủy viên Lập pháp" chỉ có hơn 300 người, "Ủy viên Giám sát" chỉ 104 người, con số này không ảnh hưởng nhiều đến cuộc họp "Viện Lập pháp" về mặt hợp pháp. Vì thế, sau khi Quốc dân đảng chạy tới Đài Loan, trước tháng 5 năm 1951 trong số các "Ủy viên Lập pháp" dự khuyết từ đầu đã bổ sung dần là 112 người, lôi thêm một số Ủy viên trung kiên từ các nơi như Hồng Kông, Áo Môn, Âu Mỹ về làm tăng số "Ủy viên Lập pháp" lên tới 345 người. Năm 1953, lại lôi 314 "Đại biểu Quốc hội" ở nước ngoài về, tới tháng 11 năm 1953 làm thủ tục bổ sung dần số bị khuyết. Đại biểu dự khuyết của "Quốc hội" khóa trước được bổ sung dần thêm 230 người nữa. Tổng cộng đủ 1.624 đại biểu, nhưng người có mặt thực tế chỉ có khoảng 1.580 người, miễn cưỡng vượt số phiếu thấp nhất (1.523 phiếu) quy định trong Luật Tổ chức Đại hội Quốc dân đề cử "Tổng thống".

Tháng 12 năm 1953, Quốc dân đảng lại sửa đổi Luật Tổ chức Đại hội Quốc dân. Câu 9: "Đại biểu có mặt không quá bán không được họp" sửa thành "đại biểu có mặt không đủ 1/3 trở lên không được họp". Kê kích xong, đến tháng 12 năm 1954 triệu tập "Đại hội Quốc dân" khóa I lần 2. "Đại hội Quốc dân" lần này cục diện do một mình Tưởng Giới Thạch "không cạnh tranh và chọn ra", Mạc Đức Huệ và Từ Truyền Lâm là hai người bạn tranh cử được hai Đảng Nhân dân và Đảng Thanh niên đề cử, nhưng vì đại biểu có mặt ở hội nghị lần này cả thảy mới có 1.578 người, trong đó bao gồm nhiều "Đại biểu Quốc hội" của hai Đảng Dân chủ và Thanh niên, "Đại biểu Quốc hội" đăng ký thuộc Quốc dân đảng cũng không phải là của Đảng Thanh niên theo phái Tưởng. Cho nên, Tưởng Giới Thạch và Trần Thành – người được đề cử "Phó Tổng thống" thay mặt ông ta, trong cuộc bỏ phiếu vòng một đều không đạt số phiếu quá bán. Qua trao đổi ở hậu trường, bỏ phiếu lần hai mới trúng. Tới năm 1960, "Quốc hội" giảm 95 người vì số đại biểu qua đời, không thể vượt con số 1.523, nếu muốn để "Quốc hội" sửa đổi hiến pháp hoặc thông qua "Điều khoản lâm thời" còn lâu mới đạt được đa số pháp định. Do đó, Quốc dân đảng họp mưu gì để thảo luận vấn đề nan giải này. Lúc đó, có người chủ trương để nguyên hiện trạng, có người chủ trương lấy số người có thể đến họp làm chuẩn, có người chủ trương lấy số người thực tế được bầu ở đại hội khóa I làm chuẩn, ý kiến khác nhau, không được nhất trí. Cuối cùng "Văn bản giải thích Hiến pháp số 85" do Hội đồng Tư pháp lập ngày 12 tháng 2 năm 1960, tuyên bố: "Tổng số đại biểu quốc dân được Hiến pháp tăng lên, trong tình hình hiện nay, phải tính theo tiêu chuẩn số "Đại biểu Quốc hội" được bầu, nhưng có thể về họp được". Điều này đã giải quyết căn bản vấn đề "đa số pháp định". Thôi thì, có bao nhiêu tính bấy nhiêu là được.

Dựa theo pháp lý như thế, tổng số đại biểu của "Viện Lập pháp" và "Viện Giám sát" cũng tính theo số người có thể triệu tập được. Nhờ đó, số phiếu giới hạn 1/2 trở lên, 2/3 trở lên, 3/4 trở lên... đều được giải quyết ổn thoả, ứng cử viên "Tổng thống" do Quốc dân đảng đề cử đều có thể bầu một lần đã trúng cử với số phiếu cao nhất.

Giải quyết vấn đề nhiệm kỳ và "Đa số pháp định" như vậy đối với Đại biểu Dân ý Trung ương khóa I khiến tính mệnh của loạt người này trở thành "giá đỡ" của hệ thống luật pháp của Quốc dân đảng. Chỉ cần họ sống, hệ thống luật pháp cũng sẽ tồn tại. Cho nên họ trở thành "Quốc bảo" của chính quyền Đài Loan.

Cho đến nay, "Quốc hội", "Viện Lập pháp" và "Viện Giám sát" của Đài Loan vẫn là: "Khóa I được bầu năm 1948". Cơ quan "dân ý" sống lâu như thế, có một không hai trên toàn thế giới, đó là một kỷ lục thế giới của Đài Loan trong "thể chế Hiến pháp".

Ba bộ máy gồm "Quốc hội", "Viện Lập pháp" và "Viện Giám sát" này hợp lại tương đương với Quốc hội của các nước phương Tây. "Văn bản giải thích Hiến pháp số 76" do Hội đồng Tư pháp

Đài Loan thảo ra ngày 3 tháng 5 năm 1957 đã xác nhận thêm điều đó. Như vậy, Đài Loan với diện tích hơn 30 nghìn km2 và chưa đầy mười triệu nhân khẩu lại có một "Quốc hội" đồ sộ nhất thế giới, tổng số đại biểu trên 2.200 người. Đây là kỷ lục thế giới thứ hai của Đài Loan.

"Quốc hội" sống lâu nhất, đồ sộ nhất này, cũng là "Quốc hội" bất hợp pháp nhất thế giới. Vì bất kỳ cuộc tuyển cử nào cũng đều mang tính hữu hiệu nhất thời, theo nguyên tắc "chủ quyền ở dân", quyền lực trong tay Nghị sĩ, thực tế là quyền lực do dân ủy thác cho họ trong một thời gian, hết nhiệm kỳ, quyền đó phải trả lại dân, để dân bầu lại, kể cả việc bầu lại các Nghị sĩ này. Dù sao chăng nữa, cũng không lý gì được tín nhiệm một lần là được tín nhiệm mãi mãi. Hơn nữa, bộ máy dân cử cũng luôn biến đổi. Người bỏ phiếu lúc ban đầu, sau vài năm có thể đã chết rồi, người chưa có quyền bầu cử khi đó đến nay có thể đã có quyền bầu cử. Vì thế, định kỳ bầu lại là lệ chung của mọi cuộc bầu cử, cũng là thủ tục tối thiểu trong chế độ dân chủ.

"Đại hội Quốc dân", "Viện Lập pháp" và "Viện Giám sát" khóa I bầu năm 1948, tỉnh Đài Loan bầu đại biểu theo tỷ lệ nhân khẩu lúc đó, nhưng những đại biểu này chiếm tỷ lệ quá ít trong ba tổ chức này, hoàn toàn không có khả năng chi phối việc thông qua hoặc phán quyết đề án. Hơn nữa, sau khi hết nhiệm kỳ họ cũng mất hết tính chất đại biểu.

Vì thế, cái gọi là "Quốc hội" của Đài Loan không tiêu biểu cho ý chí của nhân dân Đại Lục, cũng không thể tiêu biểu cho ý chí của dân Đài Loan. "Tổng thống" do "Quốc hội" này bầu ra, luật pháp do "Quốc hội" này thông qua đương nhiên đều không hợp pháp.

Trong nội bộ "Đại hội Quốc dân" cũng có một số đại biểu của hai Đảng Dân chủ và Thanh niên hoặc các đại biểu không thuộc đảng phái nào, đã mâu thuẫn với chính quyền trong việc ngăn trở thông qua một số dự án chà đạp lên quyền lợi của nhân dân; hoặc trong việc sử dụng quyền của "Đại biểu Dân ý" theo "Hiến pháp". Về chủ quan, có thể đúng là họ muốn bảo vệ "Hiến pháp", nhưng chính họ lại là những đại biểu "suốt đời" không có cơ sở dân ý. Họ có được tư cách phát ngôn là thông qua con đường không dân chủ, dĩ nhiên cũng khó đấu tranh đến cùng với chính quyền. Dù xung đột sâu sắc đến mấy, cuối cùng họ vẫn cúi đầu thỏa hiệp.

Mấy chục năm nay, chính quyền Quốc dân đảng muốn thông qua dự luật gì đều thông qua được dự luật ấy. "Đại biểu Dân ý Trung ương" với "chế độ suốt đời" đó, thực tế đã đủ là một cỗ máy thuần phục, có hiệu lực lâu dài của Quốc dân đảng.

Những điều trên đây chứng tỏ cái gọi là "Bộ máy Dân ý Trung ương" của Đài Loan tức "Quốc hội", căn bản không được dân bầu, rõ ràng là không hợp pháp. Tác dụng chủ yếu của nó chỉ là bức bình phong chính trị và là con dấu cao su với nền chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng. Nhưng mặt khác "Quốc hội" này – dù sao cũng có một số quyền phê chuẩn dự luật – có quyền xem xét, bàn bạc về dự toán của "Chính phủ" và có quyền chất vấn "Viện trưởng Hành chính" và "Viện Giám sát", có quyền theo dõi quan chức các cấp. Điều này khiến các "Ủy viên Lập pháp" và "Ủy viên Giám sát" trong một chừng mực nhất định vẫn có khả năng kiềm chế đối với những người đứng đầu Đảng và chính quyền. Theo đà phát triển kinh tế, phổ cập giáo dục ở Đài Loan, với ý thức tham gia chính trị của nhân dân được nâng cao, sự kiềm chế của "Quốc hội" càng được thể hiện rõ. "Quốc hội" vốn bị coi chỉ là "quán tán gẫu", ngày càng trở thành đấu trường và là nơi xung đột chính trị của các chính khách.

III. TỈNH, HUYỆN TỰ TRỊ, MẠNH AI NẤY LÀM

Cái gọi là "Chính trị dân chủ", ngoài Cơ quan Dân ý Trung ương ra, còn lấy tự trị tỉnh, huyện làm nội dung quan trọng.

Tự trị tỉnh, huyện là một trong những chủ trương chính của Tôn Trung Sơn. Để mở rộng phạm vi quyền dân chủ trực tiếp và xét đặc điểm đất đai rộng lớn của Trung Quốc, Tôn Trung Sơn chủ trương xây dựng chính thể phân quyền giữa Trung ương và địa phương, nhấn mạnh khâu tỉnh, huyện tự trị nhằm đạt được mục đích tỉnh nào dân bầu Tỉnh trưởng và Nghị sĩ tỉnh của tỉnh ấy; huyện nào dân bầu Huyện trưởng và Nghị sĩ huyện của huyện ấy; tỉnh, huyện tự xây

dựng và thực hiện các chính sách về giáo dục, y tế, công thương nghiệp, giao thông, nông lâm, thủy lợi, tài chính, ngân hàng. Nhưng các chính sách của tỉnh không được trái với hiến pháp và luật pháp Trung ương, vừa để các nơi phát huy tính tích cực trên cơ sở thực tế của mình. Tư tưởng nói trên của Tôn Trung Sơn đã bao gồm cả trong "Hiến pháp" của Quốc dân đảng và thành văn bản cụ thể.

Nhưng Quốc dân đảng chưa thực hiện tỉnh, huyện tự trị ở Đại Lục, họ nói là không kịp thực hiện vì còn phải dẹp phỉ Cộng.

Nhân dân Đài Loan trong cuộc khởi nghĩa ngày 28 tháng 2, đề nghị Quốc dân đảng "tôn trọng di chúc của Quốc phụ", nhanh chóng thi hành tỉnh, huyện tự trị. Sau khi trấn áp cuộc khởi nghĩa, Quốc dân đảng cử Bạch Sùng Hi và Tưởng Kinh Quốc tới "vỗ về" Đài Loan, hứa cho Đài Loan được bầu Tỉnh trưởng, Huyện trưởng trước thời hạn, cái gọi là "trước thời hạn" này, là so với Đại Lục. Tại sao Đài Loan có thể làm trước thời hạn? Một là để dẹp nỗi phẫn nộ của nhân dân Đài Loan. Hai là vì Đài Loan chưa có "phiến loạn" Cộng sản, vì thế không có lý do kéo dài việc thực hiện tỉnh, huyện tự trị.

Thời gian Trần Thành cai trị Đài Loan, lớn tiếng nhấn mạnh tỉnh, huyện tự trị và ủng hộ các thân sĩ nổi tiếng thành lập "Hội nghiên cứu tỉnh tự trị". Trần Thành cho biết, ông muốn thực hiện lời dặn của Tôn Trung Sơn và những quy định trong "Hiến pháp" chứ không phải là núp dưới lá cờ "tỉnh huyện tự trị" để lập quốc vương độc lập, chống lại "Quyền Tổng thống" Lý Tôn Nhân.

Nào ngờ Lý Tôn Nhân nắm quyền chưa được một năm đã chạy sang Mỹ, quân Quốc dân đảng tan rã, trong vòng một năm đã mất toàn bộ Đại Lục. Đài Loan trở thành nơi ẩn náu cuối cùng. Vì thế, tỉnh, huyện tự trị trở thành gánh nặng chính trị. Nếu làm đúng phép, "Chính phủ Trung ương" của Quốc dân đảng sẽ đặt ở chỗ nào. Nếu không làm, đã trót hứa nhiều lần rồi, không tiện nuốt lời. Hơn nữa, đấy là chủ trương quan trọng của Tôn Trung Sơn, lại đã ghi trong "Hiến pháp", cứ phải làm như vậy mới xong.

Vì thế Quốc dân đảng chỉ quyết định huyện, thị xã tự trị chứ không mở rộng ra chính quyền cấp tỉnh, Nghị sĩ tỉnh vẫn để dân bầu, nhưng Chủ tịch tỉnh và Ủy viên chính quyền tỉnh đều do Trung ương phái tới. Vì chính quyền tỉnh chịu trách nhiệm với Trung ương mà không chịu trách nhiệm với "Nghị viện tỉnh", nên Nghị sĩ tỉnh quá lắm chỉ có thể chất vấn hoặc phê bình ở hội nghị. Chủ tịch tỉnh có sai, các Nghị sĩ cũng không làm gì được.

Khi mới chạy ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch đã có ý muốn cải cách tổ chức hành chính để "Viện trưởng Hành chính" kiêm nhiệm chức vụ "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", Bộ trưởng các Bộ Nội chính, Tài chính, Giáo dục, Kinh tế, kiêm luôn trưởng các ty của chính quyền tỉnh Đài Loan là "cách nghĩ trực giác". Trong cái mà Tưởng tự xưng này, có thể thấy ông ta chưa hề nghĩ đến vấn đề tỉnh tự trị. Ngược lại, thiên về thủ tiêu chính quyền cấp tỉnh, tập trung mọi quyền lực về Trung ương. Nếu làm theo "cách nghĩ trực giác" này của Tưởng, Đài Loan sẽ lại lập một kỷ lục thế giới mới, vì hiện nay trên thế giới chưa có chính quyền nào tồn tại với Thủ tướng kiêm Tỉnh trưởng, Bộ trưởng kiêm Trưởng ty. Chắc là cũng nghĩ đến điều quá lộn xộn này, cho nên chính quyền Đài Loan vẫn giữ như cũ.

Nhưng giữ như cũ vẫn có vấn đề, "Chính phủ Trung ương" và chính quyền tỉnh cùng quản một khu, cùng làm một việc, mỗi bên đều có một ban bệ riêng phạm vi nghiệp vụ hầu như giống nhau. Theo thể chế, công văn của "Chính phủ Trung ương" đều phải qua chính quyền tỉnh, lãng phí thời gian và công sức. Mọi việc lớn trong tỉnh, Trung ương đều trực tiếp quản lý, Tỉnh muốn cũng không thể chủ động được. Lâu dần, bộ máy Tỉnh teo đi, hiệu suất làm việc của "Chính phủ Trung ương" cũng khó nâng cao.

Từ khi trù bị địa phương tự trị tới nay, Đài Loan vẫn không theo yêu cầu trong Hiến pháp ngụy, đặt ra quy tắc và luật tỉnh, huyện tự trị, quyền hạn của các Nghị sĩ tỉnh, huyện, thị và người đứng đầu huyện thị do dân bầu ra, đều được quy định bởi "Viện Hành chính" Đài Loan theo

phương thức mệnh lệnh hành chính, bất kỳ lúc nào cũng có thể sửa đổi hoặc cắt giảm.

Do chưa ban bố Luật tự trị nên những chính sách về các mặt giáo dục, vệ sinh, công thương nghiệp, giao thông, cảnh giới, nông lâm, tài chính... không có hiệu lực pháp lý. Cái gọi là "tự trị" cũng sẽ chỉ còn lại trong nội dung Huyện trưởng, Thị trưởng do dân bầu. Nhưng Huyện trưởng, Thị trưởng do dân bầu tất nhiên chỉ có thể bị động chấp hành chính sách về pháp lệnh của Trung ương, thực tế cũng không thể gọi là tự trị.

Ngày 5 tháng 4 năm 1950, "Viện Hành chính" Đài Loan thông qua Đề cương huyện thị tự trị của tỉnh Đài Loan. Ngày 24 tháng đó "Chính phủ tỉnh" công bố thi hành. Ngày 7 tháng 6, "Viện Hành chính" thông qua: Pháp quy tuyển cử của tỉnh Đài Loan, tháng 7 bắt đầu bầu Nghị viện huyện, thị. Tháng 10 bầu Huyện trưởng, Thị trưởng khóa I. Cùng lúc đó, quần chúng nhân dân bầu các cấp cơ sở.

Nhiệm kỳ Ủy viên huyện, thị đầu tiên là hai năm. Từ khóa III (1954) đổi là ba năm, từ khóa VI (1964) đổi là bốn năm.

Huyện, Thị trưởng lúc đầu nhiệm kỳ ba năm, từ khóa IV (năm 1960) trở đi, đổi là bốn năm.

Tháng 12 năm 1951, lại bầu "Nghị viện tỉnh" lâm thời khóa I, nhiệm kỳ của Nghị sĩ là ba năm. Tháng 6 năm 1959, "Nghị viện tỉnh" lâm thời khóa III, đổi lại là "Nghị viện tỉnh" khóa I. Từ năm 1960 trở đi, nhiệm kỳ mỗi khóa của Nghị sĩ là bốn năm. Quốc dân đảng

Quốc dân đảng đã thay đổi ranh giới hành chính của Đài Loan, nhưng tất cả vẫn có 20-22 khu vực dân bầu Huyện trưởng, Thị trưởng. Cái gọi là "tham chính" huyện, Thị trưởng cũng chỉ có thực quyền trong những khu vực này mà thôi. Còn Nghị sĩ tỉnh, huyện, thị hầu như không có quyền lập pháp, quyền chất vấn, thuần túy là Nghị sĩ nghĩa là chỉ được bàn luận ở hội nghị mà thôi.

Từ năm 1959 trở đi, Đài Loan lấy cớ "không có tư cách pháp nhân tự trị" các quan chức từ Khu trưởng trở xuống ở năm thị trấn Đài Bắc, Cao Hùng, Cơ Long, Đài Trung, Đài Nam, đều dân cử đổi thành quan cử. Sau này, Tân Trúc và Gia nghĩa được lên cấp là thành phố trực thuộc tỉnh, cũng làm như vậy.

Các thành phố nói trên, công nghiệp chiếm trên 90%, dân số chiếm trên 1/3 toàn Đài Loan. Sau khi chủ trương ở đây do quan cử những ai được dân bầu nếu hợp tác tốt với chính quyền còn được làm, nếu không, sẽ bị cả dân lẫn quan công kích. Như năm 1954 và 1964, Cao Ngọc Thụ, nhân vật chống đối, hai lần được bầu làm Thị trưởng Đài Bắc, trong nhiệm kỳ của mình đã nhiều lần phải chịu đắng cay.

Năm 1967 và năm 1979, Quốc dân đảng lại khoanh thị trấn Đài Bắc và thị trấn Cao Hùng thành thị trấn trực thuộc "Viện Hành chính", ngang cấp tỉnh và Thị trưởng do dân cử trước đây nay do quan cử. Thị trấn Đài Bắc là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục của Đài Loan. Thị trấn Cao Hùng là một cảng lớn số 1 và là trung tâm công nghiệp nặng, công nghiệp hóa chất, công nghiệp gia công xuất khẩu của Đài Loan. Nhân khẩu của hai thị trấn này gộp lại bằng 1/5 nhân khẩu toàn Đài Loan, thay đổi chế độ xong là ra khỏi phạm vi "tự trị".

Quốc dân đảng một mặt dùng thủ đoạn khấu đầu trừ đuôi này, ra sức hạn chế chức quyền của các quan chức do dân bầu và các Nghị sĩ ra sức thu hẹp phạm vi "tự trị", mặt khác, lại hăng hái đưa người được đề cử của đảng mình ra ứng cử, những người được đề cử này hoặc là Đảng viên được bồi dưỡng hoặc là những người nổi tiếng gốc Đài Loan và do Trung ương Quốc dân đảng đưa vào. Do đó, làm tăng tỷ lệ người gốc Đài Loan tham gia chính quyền, giải quyết được mâu thuẫn về gốc gác, vẫn có thể phất ngọn cờ "tự trị", để tiếp tục quán triệt "Đảng trị".

Để đảm bảo chắc chắn cho người của mình được trúng cử, Quốc dân đảng giở hàng loạt thủ đoạn như:

1. Chính phủ kiên quyết bao chọn việc tuyển cử. Ở các nước tư bản, để ngăn chặn đảng cầm quyền lợi dụng "hợp pháp hóa các hành vi phi pháp", thường dùng hai biện pháp hoặc là do một bộ máy "siêu Chính phủ" đứng ra tổ chức tuyển cử; hoặc xây dựng riêng một bộ máy giám sát tuyển cử độc lập. Dù chọn cách nào, thành viên đều phải là người của các đảng cử ra gánh vác chung, để đảm bảo bầu cử được công bằng, chính trực.

Nhưng chính quyền Đài Loan lại tự mình khai phá con đường riêng. Từ năm 1950, bắt đầu cho "địa phương tự trị", nhưng họ lại từ chối lời kêu gọi của Đảng Xã hội Dân chủ, Đảng Thanh niên và thế lực địa phương Đài Loan, không cho những người của ba đảng và địa phương cùng làm công việc tuyển chọn, vẫn nhất quyết Chính phủ nắm trọn việc tuyển cử. Nhân viên làm công tác bầu cử mỗi khóa đều do "Chính phủ" chỉ định, từ việc sắp xếp, bỏ phiếu, kiểm tra phiếu, cử người vào ban bầu cử, kiểm tra tư cách ứng cử viên, xem xét kết quả bầu cử, xử lý các khiếu nại đều do "Chính phủ" mà thực tế là Quốc dân đảng khống chế.

Nếu có một bộ máy giám sát bầu cử độc lập giao việc tuyển cử cho "Chính phủ" cũng được. Nhưng Quốc dân đảng cũng không chịu nhường. Tháng 6 năm 1950, Đài Loan thành lập Ủy ban giám sát bầu cử, mỗi đảng phái, đoàn thể tham gia bầu cử được cử một Ủy viên. Trên thực tế, ngoài hai Ủy viên của Đảng Xã hội Dân chủ và Đảng Thanh niên, đại biểu của các đoàn thể còn lại đều là Đảng viên Quốc dân đảng. Tháng 12 năm 1953, tổng số Ủy viên Ủy ban giám sát bầu cử nhiều nhất là 15-17 người, nhưng vẫn chỉ có hai Ủy viên của hai Đảng Dân chủ và Thanh niên là không thuộc Quốc dân đảng. Năm 1957, Đài Loan tiến hành bầu Nghị sĩ tỉnh và Huyện trưởng, Thị trưởng khóa III. Quốc dân đảng vốn đã đồng ý lần này "giám sát viên bỏ phiếu và mở phiếu cho ba đảng cùng cử ra", nhưng trước hôm bầu cử lại nuốt lời, vẫn một mình ôm lấy công việc giám sát bầu cử, kết quả là hai đảng Xã hội Dân chủ và Thanh niên tuyên bố từ nay không đưa ứng cử viên tham gia tranh cử nữa.

Năm 1967, số Ủy viên của Ủy ban giám sát bầu cử lại tăng từ 17-21 người, nhưng vẫn chỉ có hai chỗ như năm 1950 cho đảng phái khác. Tới năm 1980, Đài Loan thông qua Luật Bãi miễn, càng thủ tiêu bớt số đại biểu của đảng khác. Luật quy định chung chung: "Nhân viên giám sát các cấp là những người chân chính, có quyền bầu cử và được Ủy ban bầu cử chọn lựa", có nghĩa là bộ máy giám sát bầu cử rơi vào tay Quốc dân đảng. "Từ đấy, việc Quốc dân đảng thề thốt về việc làm tốt bầu cử không còn gì để bảo đảm nữa."

2. Hạn chế quyền ứng cử của công dân. Đại đa số các nước quy định quyền bầu cử và quyền ứng cử của công dân, đều chỉ hạn chế về tuổi. Một số nước còn quy định thêm những người bị tịch thu tài sản, chịu hình phạt, vi phạm Luật Bầu cử đều không được ứng cử. Những quy định này gọi là hạn chế tư cách tiêu cực.

Cũng có một số nước lại căn cứ vào giới tính, chủng tộc, xuất thân, trình độ giáo dục, tình hình tài sản mà hạn chế thậm chí tước bỏ quyền ứng cử. Những quy định này gọi là hạn chế tư cách thử loại, đã bị tuyệt đại đa số nước trên thế giới bác bỏ.

Tại sao hạn chế tư cách thử loại cần phải vứt bỏ? Vì nó trái với nguyên tắc "bầu cử bình đẳng" và "chủ quyền ở dân", xâm phạm quyền ứng cử của nhiều người, không tin vào sự xét đoán của nhân dân.

Trong Hiến pháp ngụy, quy định công dân đủ 20 tuổi có quyền bầu cử, đủ 23 tuổi có quyền ứng cử, ngoài ra không quy định những hạn chế khác. Năm 1950, Quốc dân đảng tiến hành bầu cử địa phương Đài Loan khóa đầu, cũng chưa hạn chế.

Nhưng từ năm 1953 trở đi, Quốc dân đảng quy định ứng cử viên Huyện trưởng, Thị trưởng phải thi đạt tư cách Huyện trưởng hoặc phải tốt nghiệp trường cao đẳng chuyên nghiệp trở lên. Năm 1967, lại quy định ứng cử viên Nghị sĩ tỉnh, Nghị sĩ thành phố trực thuộc "Viện Hành chính" phải tốt nghiệp trung học hoặc có học lực đạt tiêu chuẩn trong kỳ thi phổ thông; ứng cử viên huyện thị phải tốt nghiệp tiểu học hoặc qua kỳ thi đặc biệt; ứng cử viên thuộc huyện, thị đều phải tốt nghiệp "trường quốc lập". Những tiêu chuẩn học lực và hạn chế tư cách tiêu cực

này vẫn tiếp diễn cho tới nay.

Xem qua, có vẻ như những hạn chế này chỉ để bảo đảm trình độ hiểu biết và năng lực làm việc hành chính của các quan chức địa phương và của các Nghị sĩ, đạt tiêu chuẩn này cũng không khó khăn gì. Thực tế, giáo dục ở Đài Loan lúc đó còn chưa phổ cập, những người có học lực từ trung cấp trở lên, phần nhiều là địa chủ, tài phiệt, làm quan to thời Nhật chiếm đóng hoặc là nhân viên ở Đại Lục chạy trốn ra Đài Loan. Thực hiện hạn chế học lực là làm mất cơ hội ứng cử của tuyệt đại đa số quần chúng. Ghế của các huyện Thị trưởng, Nghị sĩ tỉnh, Nghị sĩ huyện thị thực tế đã trở thành thứ độc quyền của các thân sĩ cường hào. Cho tới ngày nay, loại chính trị môn phiệt này vẫn là đặc điểm của tuyển cử địa phương Đài Loan.

3. Trói buộc và thắt chặt hoạt động tuyển cử. Theo quan niệm dân chủ được công nhận, tuyển cử là hình thức chủ yếu để người dân sử dụng quyền lực. Vì thế, cần tìm mọi cách khuyến khích đông đảo nhân dân tham gia hoạt động bầu cử. Để thể hiện tính chất thiêng liêng và chính trực của bầu cử, các nước đều đặt ra Luật xử tội cản trở bầu cử. Trọng điểm của luật này là đánh vào người tranh cử bằng hối lộ, gian lận, vơ vét phiếu bầu phi pháp và những người phục vụ bầu cử lạm dụng chức quyền để làm lợi riêng cho đảng phái. Ngay cả việc gây nhộn nhạo trong bầu cử cũng bị coi là phạm tội phá hoại nói chung, không tránh khỏi bị hình phạt.

Quốc dân đảng, ngược lại, nhìn bầu cử với con mắt khác. Khi lần đầu tổ chức bầu cử địa phương, "Bộ Nội chính" chủ trì công việc phục vụ dân cử ra tuyên bố: "Đúng giai đoạn chống Cộng chống Nga quan trọng, dùng mọi biện pháp hành chính để tăng cường ổn định xã hội, thích hợp với nhu cầu quân sự. Việc thực hiện quyền tự trị cũng phải xử lý thận trọng."[45] Có nghĩa là về mặt lập pháp, bỏ qua việc gây rối của nhân viên bầu cử, quay mũi nhọn chống phá về phía cử tri. Quy định trong thời gian bầu cử, quần chúng cử tri gây ồn ào hoặc phá trật tự xã hội, người chủ mưu bị phạt tù từ mười năm đến chung thân; kẻ tòng phạm phạt tù từ bảy năm trở lên; còn trong thời gian không bầu cử mà phạm tội này thì tù nặng nhất là năm năm. Quốc dân đảng cho bầu cử là thời kỳ đặc biệt "có ý định làm hại đến Chính phủ", cho nên ngoài hình pháp ra, không ngại đưa ra các luật đặc biệt để xử tội nặng thêm.

Với cách nhìn khác lạ như vậy, Quốc dân đảng dần thắt chặt các quy định. Bầu cử lần đầu tiên năm 1950 chưa có hạn chế nhiều đối với ứng cử viên. Đến tháng 12 năm 1953, bắt đầu hạn định mỗi ứng cử viên chỉ được 15 người cổ động, nhưng lại không quy định rõ hoạt động của người cổ động, do đó trói chặt cuộc tranh cử.

Năm 1963, chính quyền Đài Loan sửa lại lần thứ tư Biện pháp hạn chế những trở ngại bầu cử, quy định (1) Công khai diễn giảng hoặc hô hào tuyên truyền cho người ứng cử; (2) phân phát hoặc dán các tài liệu tuyên truyền cho người ứng cử; (3) những hành vi khác nhằm mục đích cổ động ứng cử viên. Ba điều trên là hoạt động của cổ động viên. Cổ động viên vượt quá 15 người cho một ứng cử viên nào thì người đó mất tư cách trúng cử. Đồng thời còn quy định "Năm điều cấm" trong khi phát biểu chính kiến: (1) Không được trái "Hiến pháp"; (2) Không được làm tổn hại lợi ích quốc gia; (3) Không được trái với "quốc sách" chống Cộng; (4) Không được đặt điều bôi nhọ Chính phủ hoặc công kích đoàn thể khác; (5) Không được phỉ báng những các ứng cử viên khác. Vì "Năm điều cấm" chẳng qua chỉ cốt để không đụng đến Quốc dân đảng nên những người tranh cử câm như hến, còn cổ động viên lại bị hạn chế về số người cũng khó gây tiếng vang lớn. Do đó, "bầu cử trong im lặng" đã thành đặc trưng của chính trị Đài Loan hơn mười năm sau.

Thời kỳ những năm 1970, thế lực ngoại Đảng phá vỡ dây trói của Quốc dân đảng, bầu cử mới dần dần có sức sống. Năm 1980, Quốc dân đảng đặt ra Luật bầu cử và bãi miễn quan chức trong thời chiến, trong Bản dự thảo luật đã định sao nguyên văn "Năm điều cấm" và hạn chế đối với cổ động viên, nhưng bị các chuyên gia và đông đảo nhân dân phản đối mạnh mẽ, đã buộc phải hủy bỏ, thay bằng quy định tương đối hợp lý hơn. Tuyển cử cũng vì thế mà được khuấy động lên, có sức sống hơn.

Năm 1983, Quốc dân đảng lại sửa đổi Luật bầu cử và bãi miễn, quan trọng nhất là thêm một quy định về cấm hoạt động bầu cử: Khi chưa được nhà đương cục cho phép, bất cứ ai cũng không được phép công khai diễn giảng, phân phát truyền đơn, treo, dựng, dán biểu ngữ, bích báo, dùng xe tuyên truyền hoặc hô hào tuyên truyền tranh cử. Đây là sau khi buông lỏng những hạn chế đối với cổ động viên nay lại hạn chế về thời gian tranh cử.

Hạn chế cổ động hoặc hạn chế thời gian hoạt động, bề ngoài cũng không loại trừ Quốc dân đảng, nhưng họ lợi dụng địa vị Đảng cầm quyền, thông qua mọi cách hàng ngày tuyên truyền cho mình. Đoàn Cứu quốc và nhiều đoàn thể xã hội của họ có thể trong nội bộ tổ chức trước khâu chuẩn bị bầu cử. Trong khi đó, ứng cử viên của các đảng phái khác, trước tiên bị hạn chế về số cổ động viên 15 người, sau khi không bị hạn chế về các hoạt động họ lại phải đợi nhà đương cục ra lệnh mới được bắt đầu hoạt động tranh cử, như vậy đương nhiên là khó thắng được người của Quốc dân đảng.

4. Kinh phí bầu cử theo chủ nghĩa buông trôi. Kiện tụng bầu cử theo chủ nghĩa bừa bãi. Các nước phương Tây tổ chức bầu cử, tuy về bản chất là "chính trị tiền bạc", nhưng về hình thức vẫn chọn các biện pháp hạn chế các tập đoàn tư bản lớn dùng tiền bạc tác động đến ứng cử viên. Mỹ, Nhật đều quy định nghiêm ngặt mức độ quyên góp giúp ứng cử viên và khích lệ nhân dân quyên góp chút ít cho chính trị – khoản quyên góp nhỏ này có thể bù đắp phần thuế. Hiện nay ở Mỹ vẫn dùng hình thức "tuyển cử công phí", yêu cầu ứng cử viên công bố tình hình quyên góp và báo cáo các khoản quyên góp. Nhật cũng có những biện pháp tương tự. Thường những biện pháp này đều để làm giảm ảnh hưởng của các nhà buôn lớn, giàu có và của các đoàn thể có lợi ích đối với cuộc bầu cử, bảo đảm tuyển cử có tính dân chủ và chính đáng.

Năm 1954, nhà cầm quyền Đài Loan cũng quy định mức kinh phí cao nhất cho các ứng cử viên tranh cử và có sổ theo dõi các khoản chi tiêu. Nhưng đến năm 1959 lại vứt bỏ những quy định này. Từ đó về sau không đề cập đến nguồn gốc các khoản chi và kiểm tra chi tiêu trong kinh phí tranh cử, che dấu bằng "chính sách bừa bãi", khiến cho đút lót để trúng cử diễn ra ngày càng ác liệt. Năm 1980 khi thảo luận Bản dự luật bầu cử và bãi miễn, Phí Hy Bình, Hoàng Thuận Hưng, Khang Ninh Tường thuộc phái chống đối địa phương đã nêu chủ trương "mức chi dùng cao nhất cho tranh cử tính theo số cử tri trong khu vực bầu cử là ba Đài tệ với mỗi cử tri" và "ứng cử viên phải công bố các khoản chi trong mười ngày", nhưng đều bị bác bỏ. Nguyên nhân đâu phải tại họ mà vì Quốc dân đảng là đảng nắm chính quyền, có quan hệ mật thiết với tập đoàn tư bản lũng đoạn lớn, "vũ khí tiền bạc" là vũ khí sắc bén để họ chiến thắng phe đối lập, tất nhiên họ không đời nào "tự nộp súng"[46].

Chính vì thế, với việc kiện tụng – bầu cử, Quốc dân đảng luôn theo "chủ trương lợi là". Quy trình bầu cử được công bố năm 1950, đã có quy định kiện tụng bầu cử có thể được xem xét lại, nhưng lại vội đổi thành "chỉ xét một lần, không phúc thẩm", lại quy định kiện tụng phải làm trong bảy ngày sau khi công bố kết thúc bầu cử, nếu không sẽ không thụ lý. Hai điều quy định này rõ ràng có lợi cho Quốc dân đảng chứ không lợi cho phái chống đối, vì Quốc dân đảng nắm chính quyền, có cả một hệ thống đặc vụ to lớn, nếu người thuộc phái chống đối có đút lót tuyển cử, Quốc dân đảng có thể dễ dàng kiện trong bảy ngày và được xử như mong muốn. Nghĩa là bị cáo không chịu "cũng không được phúc thẩm". Ngược lại, nếu phái chống đối kiện Quốc dân đảng đút lót bầu cử hoặc kiểm phiếu man trá, nói chung trong bảy ngày rất khó tìm đủ chứng cứ, dễ bị bác bỏ. Đến năm 1980 trong hoàn cảnh các nơi đòi hỏi mạnh mẽ, Luật bầu cử và bãi miễn mới quy định kéo dài 15 ngày, đổi "không được phúc thẩm" thành "phúc thẩm có điều kiện". Nhưng trình độ ăn gian trong tuyển cử của Quốc dân đảng cũng đã nâng cao rồi, trong 15 ngày nói chung không đến nỗi bị thò đuôi ra, có người phát hiện vấn đề vì sợ báo thù, không dám làm, thêm vào đó tòa án thực tế xử theo ý của Quốc dân đảng, cho nên "ngoài Đảng vĩnh viễn không thắng nổi trong kiện tụng bầu cử".

Bốn điều nói trên vẫn thuộc thủ đoạn hợp pháp. Những thủ đoạn hợp pháp này đã che đậy khéo léo cho vô số việc làm phi pháp. Như trong hòm phiếu giấu sẵn phiếu bầu cho "người nhằm trước"; cho quân nhân và "công dân ưu tú" luân phiên bầu phiếu ở các nơi; bỏ sẵn phiếu

trắng trong hòm, khi mở hòm phiếu, vứt bỏ phiếu của đối thủ thay bằng đủ số phiếu của mình; điền tên "người mình" vào phiếu trắng; làm bẩn những phiếu trúng cử của đối thủ, sau đó tuyên bố không tính; hay một người bỏ nhiều phiếu, cho "Đảng viên trung kiên" phát đếm phiếu, làm cho một người bầu nhiều phiếu... Những mẹo như thế trong những năm 1950-1960 sử dụng nhiều lần nhất, sau những năm 1970 dần giảm xuống, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn toàn mất hẳn.

Tóm lại, thông qua các thủ đoạn nói trên, Quốc dân đảng đã xây dựng được một trận tuyến bầu cử có hỏa lực mạnh, vì thế mà mấy chục năm nay, bầu cử ở địa phương phần nhiều giữ được tỷ lệ 80% trở lên, năm gần đây giảm xuống khoảng 70%. Nhiều nhân vật của phái chống đối đã phá vỡ trận tuyến này và trúng cử. Nhưng để thực hiện mưu đồ chính trị của mình, để lần sau vẫn trúng cử, không ít người sau khi lên võ đài lại phải dựa vào Quốc dân đảng.

Mặc dù địa phương tự trị tồn tại hàng loạt những tệ nạn nói trên, nhưng nó vẫn làm một biện pháp chính trị giàu ý nghĩa tích cực nhất mà Quốc dân đảng đã làm khi thất bại chạy ra Đài Loan. Vì địa phương tự trị, dù sao cũng làm cho nhân dân có cơ hội tự chọn người lãnh đạo cơ sở. Tỉnh trưởng, Thị trưởng muốn tranh cử thắng lợi thì phải nâng cao đạo đức tu dưỡng của bản thân, phát huy thành tích công tác của bản thân; đảng bộ địa phương của Quốc dân đảng muốn bảo đảm chắc chắn cho ứng cử viên của Đảng mình được trúng cử, cũng phải đi sâu nghiên cứu nguyện vọng và lợi ích của cử tri. Như vậy, sự đối lập và ngăn cách giữa "quan" và "dân", thiện ý và hiệu suất làm việc vì dân của cơ quan huyện đã có thay đổi tương đối lớn so với thời kỳ họ thống trị trong Đại Lục.

Có địa phương tự trị, phe chống đối Quốc dân đảng sẽ có một diễn đàn trực tiếp với nhân dân, thậm chí có thể tranh cử thắng lợi trong các chức vụ Thị trưởng, Nghị sĩ huyện, thị, cả đến Nghị sĩ tỉnh hoặc "Đại biểu Dân ý Trung ương". Địa phương tự trị đã mở ra một con đường tham gia chính trị cho phái chống đối, cho dù con đường này vô cùng chật hẹp, nhưng dù sao có vẫn hơn không. Thực tế trong 40 năm Quốc dân đảng thất bại chạy ra Đài Loan, hoạt động bầu cử địa phương như sóng sông Trường Giang, hết đợt này đến đợt khác, đã đưa hàng loạt nhân sĩ của phái chống đối lên diễn đàn chính trị.

Bầu cử cứ cách vài năm một lần, đã không ngừng kêu gọi nhân dân nâng cao tinh thần tham gia chính trị và khả năng nhận thức chính trị, không ngừng thu hút mọi người tham dự vào việc thực hiện quyền dân chủ, phổ cập quan niệm dân chủ này; đã hình thành lực lượng dân chủ và xác lập được hướng dân chủ hóa chính trị.

4. HAI CHÍNH SÁCH LỚN

I. PHÂN TÍCH GIAI CẤP – NGUYÊN NHÂN CỦA HAI CHÍNH SÁCH LỚN

Đồng thời với thể chế giới nghiêm, tăng cường trấn áp và khống chế quần chúng nhân dân, rút ra bài học thất bại ở Đại Lục, nhà cầm quyền Đài Loan cũng áp dụng các biện pháp có lợi cho phát triển sản xuất, cải thiện dân sinh, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp.

Ở nông thôn, cần bắt tay vào giải quyết ngay mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân.

Vì Nhật chủ trương "Công nghiệp Nhật Bản, Nông nghiệp Đài Loan", tuyệt đại đa số nhân khẩu ở Đài Loan là nông dân, sức lao động cung vượt cầu, nên địa chủ Đài Loan ra sức chèn ép nông dân. Cường độ bóc lột của địa chủ Đài Loan và mâu thuẫn giai cấp sâu sắc hơn nhiều so với các tỉnh trong Đại Lục.

Địa chủ Đài Loan bóc lột theo phương thức "lột bốn lớp da". Một là địa tô cao: Theo Kỷ yếu của Ủy ban tỉnh Đài Loan năm 1949, địa tô ở Đài Loan thường ở mức 6:4 (địa chủ 6, nông dân thuê ruộng 4), thậm chí 7:3. Hai là thực hiện "thiết tô" nghĩa là không kể được mùa hay mất trắng, nông dân vẫn phải nộp ít nhất 60% địa tô của năm được mùa nhất. Ba là "áp tô" thu một lần hai năm địa tô. Bốn là "tô phụ thẩm" nghĩa là ngoài địa tô ra, nông dân còn phải nộp một phần, thậm chí có khi toàn bộ số sản phẩm cây vườn hoặc chăn nuôi, mặc dù sản phẩm đó không do đất thuê sản xuất ra.

Để duy trì phương thức "bóc bốn lớp da", địa chủ Đài Loan áp dụng phổ biến hợp đồng thuê ngắn hạn và hợp đồng thuê miệng. Hạn dài nhất là một năm và phần lớn chỉ thỏa thuận miệng. Hợp đồng bằng văn bản chỉ chiếm khoảng 1/10.

Vì không có căn cứ văn bản, địa chủ hễ không thích là có thể thu hồi ruộng đất, nông dân không được bảo đảm về quyền thuê ruộng.

Với áp bức nặng nề như vậy, nông dân Đài Loan phải chịu đói rét cơ cực, kêu khổ khắp nơi, có nơi đã tự nổ ra các hành động chống tô chống tức. Khi đó, Trần Thành đang là Chủ tịch tỉnh Đài Loan chỉ ra rằng: "Mâu thuẫn giữa phát canh và lĩnh canh không có cách gì hòa giải, gây mất ổn định ở nông thôn, rất dễ bị bên ngoài xúi giục, Đảng cộng sản sẽ lợi dụng kẽ hở đó mà lọt vào." Nếu "không tăng cường cải thiện, nguồn bạo loạn sẽ phát sinh từ đó", "bởi vậy Đài Loan phải thực hiện cải cách ruộng đất, đó là một đòi hỏi khách quan, tuy khó khăn nhưng không thể bỏ qua".

Lúc này, quan hệ giữa nhà cầm quyền Đài Loan và địa chủ không còn như thời kỳ ở Đại Lục. Khi ở Đại Lục, địa chủ là chỗ dựa của Quốc dân đảng. Các quan chức cao cấp Quốc dân đảng phần lớn đều có quan hệ chằng chịt với địa chủ phong kiến ở nông thôn, thậm chí bản thân có rất nhiều tài sản ở nông thôn. Vì vậy, trong năm 1930, Quốc dân đảng có ban hành Luật ruộng đất, quy định phải thực hành "người cày có ruộng của họ" và "quyền chia đều ruộng đất"; về sau cũng nhiều lần nhắc lại chủ trương này, ghi cả vào trong Hiến pháp ngụy, nhưng bất kỳ biện pháp cải cách nào động chạm đến giai cấp địa chủ, ngay cả chiêu bài của Quốc dân đảng "giảm tô 25" cũng không được giải quyết ngay trong vùng thuộc Quốc dân đảng. Còn ở Đài Loan thì ngược lại, Quốc dân đảng dù có đả kích địa chủ thế nào chẳng qua cũng chỉ có đôi chút xúc cảm, chứ bản thân Quốc dân đảng không hề thiệt thòi ảnh hưởng gì.

Hơn nữa, đối với sự thống trị của Quốc dân đảng, địa chủ Đài Loan còn là một đe dọa ngầm. Ruộng đất có thể canh tác được ở Đài Loan là 816 nghìn ha. Địa chủ chiếm 457 nghìn ha, tương đương 56% tổng diện tích canh tác. Nhân khẩu nông dân chịu sự khống chế của địa chủ là già nửa số nhân khẩu Đài Loan. Rất nhiều địa chủ dựa vào thực lực kinh tế của mình ủng hộ và giúp đỡ các phần tử "Đài độc" và các chính khách người gốc Đài Loan chống Quốc dân đảng.

Vì thế, thực hiện cải cách ruộng đất đối với nhà cầm quyền Đài Loan là một tên trúng hai đích: Vừa có thể gia ân cho dân chúng – giúp củng cố cơ sở thống trị của mình, lại có thể giảm bớt địa vị kinh tế của địa chủ – gián tiếp đánh vào các phần tử "Đài độc" và thế lực địa chủ Đài Loan. Về mặt ổn định trật tự nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp, cải cách ruộng đất là lựa chọn duy nhất.

So với nông thôn, mâu thuẫn xã hội ở khu vực thành thị Đài Loan lúc đó, như công nhân với tư sản, trong nội bộ tư sản, tư sản với tiểu tư sản... đều không sâu sắc như mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân. Quốc dân đảng thống trị khu vực thành phố, thị trấn tương đối ổn định, tạm thời chưa gặp
đối thủ.

Giai cấp công nhân Đài Loan, dưới chính sách "Phòng Cộng, chống Cộng" trong thời Nhật chiếm trước kia cũng như Quốc dân đảng sau này, trước sau không thể từ "giai cấp tự thân" thành "giai cấp vì mình". Tháng 4 năm 1928, các nhà chí sĩ cách mạng Đài Loan Tạ Tuyết Hồng, Ông Trạch Sinh dưới sự chỉ đạo và giúp đỡ của Đảng cộng sản Trung Quốc đã thành lập Đảng cộng sản Đài Loan. Nhưng vừa tuyên bố thành lập đã gây chia rẽ trong nội bộ các đoàn thể dân chủ tư sản về vấn đề sách lược. Đến tháng 1 năm 1931, Phan Khâm Tín, Vương Vạn Đắc, Tô Tân thành lập "Đồng minh cải cách Đảng cộng sản Đài Loan" tuyên bố khai trừ phe Tạ Tuyết Hồng. Còn Tạ Tuyết Hồng vẫn tiếp tục duy trì tổ chức Đảng cộng sản Đài Loan như cũ, gọi những hoạt động của phe Phan Khâm Tín là "bọn bè phái âm mưu chống Đảng". Giữa lúc hai phe phái chỉ trích nhau, nhà cầm quyền Nhật ngày 26 tháng 6 bất ngờ lùng sục, bắt bỏ tù các lãnh tụ của cả hai phe, mãi đến năm 1945, sau khi giành lại Đài Loan, những người này mới được trả tự do. Trong khởi nghĩa "28-2": Những người lãnh đạo vốn là Đảng viên Đảng cộng sản Đài Loan như Tạ Tuyết Hồng đã phát huy tác dụng to lớn. Về sau bị Quốc dân đảng lùng sục bắt bớ dữ dội, họ buộc phải rời Đài Loan về Đại Lục. Tháng 11 năm đó, Tạ Tuyết Hồng, Vương Vạn Đắc và Tô Tân lại bắt tay hợp tác thành lập "Đồng Minh Dân chủ tự trị Đài Loan", chính là "Đài minh" một trong tám Đảng phái dân chủ tham gia Hội nghị chính trị hiệp thương ngày nay.

Vì Đảng cộng sản Đài Loan thực sự triển khai công tác chỉ có ba năm hai tháng (từ ngày 15 tháng 4 năm 1928 đến ngày 26 tháng 6 năm 1931), thành viên cũng phần lớn là trí thức không có bộ rễ thực sự là công nhân, vì vậy có thể nói Đài Loan không có phong trào công nhân.

Từ sau khi Quốc dân đảng thống trị Đài Loan, một mặt dùng khủng bố trắng "Chẳng thà giết oan một nghìn người còn hơn để lọt một người" tiêu diệt tổ chức bí mật của Đảng cộng sản chỉ còn sót vài người; mặt khác thành lập công đoàn màu vàng ở các nhà máy và thực hiện các biện pháp thay đổi tích cực như "bảo hiểm lao động", "thưởng công"... đồng thời tích cực phát triển Đảng trong hàng ngũ công nhân. Hai mặt đó khiến cho mâu thuẫn giữa công nhân và giai cấp thống trị không thể đạt đến mức độ nổ ra cách mạng. Công nhân Đài Loan cũng không giống như công nhân ở Đại Lục, trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng và là người đào huyệt chôn vùi chính quyền Quốc dân đảng.

Nói chung, giai cấp tiểu tư sản ở thành thị là giai cấp trung gian, hoặc đi theo giai cấp công nhân, hoặc xu phụ giai cấp tư sản. Khi giai cấp công nhân còn ở trạng thái "tư nhân", giai cấp tư sản trở thành giai cấp lãnh đạo ở thành thị. Đối với nhà cầm quyền Đài Loan, chỉ cần xử lý tốt quan hệ với giai cấp tư sản, ổn định ở thành thị sẽ được bảo đảm.

Giai cấp tư sản nói ở đây là các nhà tư bản tư doanh chứ không phải giai cấp tư sản quan liêu. Thời kỳ ở Đại Lục, tư bản tư doanh bị tư sản quan liêu chèn ép, khinh thường, bài xích và thôn tính do đó giai cấp tư sản dân tộc trở thành lực lượng xã hội lật đổ chính quyền Tưởng. Nhưng ở Đài Loan, quan hệ giữa các nhà tư bản tư doanh có thay đổi lớn.

Tư bản tư doanh chia ra làm hai bộ phận: tư bản đến từ Đại Lục và tư bản gốc Đài Loan. Tư bản từ Đại Lục theo Tưởng đến Đài Loan ít nhất cũng thân Tưởng, chống Cộng; trong đó, rất nhiều người là thân thích của quan chức cao cấp trong Quốc dân đảng hoặc có quan hệ gắn bó lâu dài

với Quốc dân đảng. Những người này đi theo Tưởng rút lui ra Đài Loan, theo cách nói của Quốc dân đảng là "đã qua thử thách của cuộc thất bại" tất nhiên phải xem xét riêng. Bấy giờ Quốc dân đảng và các nhà tư bản Đại Lục ra đi là "cùng hội cùng thuyền" không những phải hợp sức chống Cộng mà còn phải đối phó với tâm lý bài ngoại của người Đài Loan. Nếu thực lực kinh tế của các nhà tư sản gốc Đại Lục mạnh lên nhanh chóng, cơ sở thống trị của Quốc dân đảng sẽ càng vững chắc.

Nhà tư sản gốc Đài Loan phần lớn là các nhân vật lớp trên đối với Quốc dân đảng, họ có hai tính cách. Một mặt cũng giống địa chủ, họ cũng có thể là các phần tử "Đài độc" hoặc người ủng hộ hậu trường của các chính khách địa phương, là mối đe dọa ngầm của Quốc dân đảng. Một mặt họ có chung quan điểm chống Cộng với Quốc dân đảng, về mặt kinh tế lại không bị thiệt thòi trực tiếp như địa chủ, vì thế họ vui lòng đứng trong đám quần chúng chịu sự thống trị của Quốc dân đảng.

Khi ấy, mọi nguồn lợi chính trị đều do người Đại Lục lũng đoạn. Lớp nhân sĩ của Đài Loan không có hy vọng thăng quan trên lĩnh vực chính trị, nếu về mặt kinh tế lại bị cắt nốt hoặc về mặt kinh doanh công thương có sự phân biệt đãi ngộ giữa họ với tư sản Đại Lục thì bắt buộc họ phải mạo hiểm xúi giục quần chúng phản kháng, tái diễn lịch sử "28-2", đó là điều Quốc dân đảng không mong muốn.

Xét theo nhu cầu thực tế về phát triển kinh tế, đầu năm 1950 viện trợ từ bên ngoài vào Đài Loan bị cắt đứt, không thể không "tự lực cánh sinh". Lúc này chỉ dựa vào lực lượng tư bản quan doanh, rõ ràng không đủ để phục hưng kinh tế, duy chỉ có phát động lực lượng dân gian, động viên sức người, sức của và tài năng, nhanh chóng chấn hưng công nghiệp, ổn định tình hình. Điều đó buộc nhà cầm quyền Đài Loan phải tìm biện pháp, điều chỉnh chính xác, sao cho các nhà tư bản tư doanh – bao gồm cả tư sản Đại Lục và tư bản gốc Đài Loan – vì lợi mà làm, nhờ đó phát huy tình tích cực của nó.

Sau khi bùng nổ chiến tranh Triều Tiên, nhà cầm quyền Đài Loan được Mỹ bảo hộ. Mỹ xưa nay vẫn chủ trương tự do Chủ nghĩa tư bản, nhà cầm quyền Đài Loan, trên hình thái kinh tế, tất phải dựa vào mô thức Chủ nghĩa tư bản mới được Mỹ viện trợ. Và cũng chỉ như thế, Đài Loan mới có tư cách là một thành viên của thế giới phương Tây. Nhân tố này cải thiện thêm một bước tính tự giác trong quan hệ giữa chính quyền Đài Loan với tư bản tư doanh.

Dựa vào nguyên nhân trên, nhà cầm quyền Đài Loan thay đổi cách làm trước đây ở Đại Lục, từ chỗ coi thường, bài xích, chèn ép và thôn tính giai cấp tư sản dân tộc, thành ra không những chỉ trên lời nói mà cả trong hành động, nâng đỡ cho tư sản tư doanh phát triển. Đây là một chuyển biến có tính chiến lược to lớn của Quốc dân đảng ở Đài Loan, cũng là một biện pháp cơ bản để điều hòa mâu thuẫn giai cấp trong khu vực thành thị.

Quốc dân đảng vốn là một chính đảng cách mạng, người sáng lập ra nó, ngài Tôn Trung Sơn, ngay từ ngày đầu thành lập Hội Đồng minh đã chủ trương "quyền chia đều ruộng đất". Sau đó, ông còn đề ra một hệ thống lý luận về chủ nghĩa dân sinh và kế hoạch xây dựng kinh tế to lớn, bao gồm việc thực hiện "người cày có ruộng của mình" để giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân và thi hành "quân dân cùng kinh doanh" nhằm phát huy tính tích cực của xí nghiệp quốc doanh và tư doanh. Còn Tưởng Giới Thạch và đồng bọn, tuy bản chất đã phản bội đường lối cách mạng "liên Nga, liên Cộng, ủng hộ công nông" của ngài Tôn Trung Sơn nhưng họ vẫn phải giương ngọn cờ Tôn Trung Sơn; vẫn phải lấy học thuyết của Tôn Trung Sơn làm tư tưởng chỉ đạo của Đảng, chính là phải làm rõ vấn đề này.

Khi ở Đại Lục, Chính phủ Quốc dân đảng không phải là không ban hành các đạo luật và các chính sách tốt. Để giương ngọn cờ Tôn Trung Sơn ít nhất cũng phải có vẻ bề ngoài. Nhưng thời đó, phụ trách vấn đề kinh tế trong Trung ương là Khổng Tường Hy, Tống Tử Văn. Họ treo đầu dê bán thịt chó, lộng quyền, tham ô, nhận hối lộ vơ vét vào túi riêng. Họ chuyển trọng tâm tư bản nhà nước sang kinh doanh tiền tệ vàng bạc và đầu cơ. Thông qua lạm phát công trái, phối

hợp vật giá tăng vọt với tốc độ cao để cưỡng chế mậu dịch và thực thi chế độ độc quyền; vay nợ nước ngoài một số tiền lớn để ăn chiết khấu; trưng thu đủ các loại thuế; cưỡng bức, vơ vét tài sản của dân. Chủ quyền địa phương phần lớn nằm trong tay bọn quân phiệt phong kiến. Bọn họ, trên thì cấu kết với bọn tham quan ô lại Khổng, Tống; dưới thì ức hiếp cướp bóc nhân dân, bao gồm cả giai cấp tư sản dân tộc. Như vậy, chính sách và đạo luật dù tốt đến đâu trên thực tế đều trở thành trò cười.

Mãi đến khi Quốc dân đảng lui về Đài Loan, tình hình mới có thay đổi. Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn đều chuồn sang Mỹ. Rất nhiều quân phiệt phong kiến đến Đài Loan đều trở thành Tư lệnh suông. Nắm thực quyền là các "quan thanh liêm" Trần Thành, Tưởng Kinh Quốc. Về tư cách cá nhân, họ không đến nỗi phi nghĩa như bọn Khổng – Tống, nhiệt tình kiếm chác cũng không quá ầm ĩ như bọn Khổng – Tống. Ngược lại một số chủ trương của Tôn Trung Sơn, họ thực tâm tuân thủ.

Chẳng hạn, thực hiện "người cày có ruộng của mình", Trần Thành là người trước sau vẫn ủng hộ tích cực. Năm 1933, Trần Thành "tiễu Cộng" ở Giang Tây, đã từng đưa ra phương án "Hạn điền", định hạn số ruộng của địa chủ, số ruộng dôi ra nhà nước sẽ mua lại của địa chủ, sau đó bán chịu cho nông dân để thực hiện "người cày có ruộng của mình". Ông yêu cầu Ủy ban tỉnh Giang Tây dẫn đầu làm thí điểm, nhưng bị Chủ tịch Giang Tây hồi đó là Hùng Thức Huy từ chối. Năm 1940, Trần Thành làm Chủ tịch tỉnh Hồ Bắc kiêm Tư lệnh Chiến khu, đã tự vạch ra "Đề cương kế hoạch xây dựng Hồ Bắc mới"; và đến năm 1941, tiến hành "giảm tô 25", nâng đỡ nông dân, ý định tiến sâu vào kế hoạch "người cày có ruộng của mình", nhưng sau thay đổi chức vụ và chiến cục biến động, lần cố gắng này không thành công. Năm 1949, sau khi tiếp nhận chức Chủ tịch Đài Loan, lại chuẩn bị ngay cho cải cách ruộng đất. Lòng nhiệt tình với vấn đề giải quyết ruộng đất cho nông dân của ông là không thể phủ nhận được.

Còn Tưởng Kinh Quốc, khi học tập ở Liên Xô, đã từng làm Chủ tịch Xô Viết của Nông trang tập thể Skhanôp ở ngoại ô Moscow. Ông có nhận thức cả về lý luận lẫn cảm tính rất sâu sắc đối với vấn đề quan hệ giữa giải quyết ruộng đất cho nông dân và củng cố chính quyền, phát triển kinh tế. Sau khi về Trung Quốc, từ năm 1939 đến 1943, làm chuyên viên hành chính Khu IV Giang Tây kiêm Huyện trưởng Càn Châu, đã đề ra khẩu hiệu "xây dựng Càn Nam mới", hô to "Chúng ta không thương tiếc, dùng những thủ đoạn nghiêm khắc nhất đối với lực lượng quá phong kiến của Càn Nam, kiên quyết dùng thủ đoạn cách mạng để đánh chúng". Ông ban hành Chính sách ruộng đất ở Càn Nam mới, quy định phân phối ruộng đất theo nhân khẩu, phần dôi ra do Ngân hàng Nông dân Trung Quốc mua lại, bán chịu cho nông dân. Giá đất do nông dân họp lại quyết định, trả dần trong năm năm". Đây là một chính sách ruộng đất ôn hòa nhưng vẫn bị phe cực hữu của Quốc dân đảng đả kích la ó là: "Trung Quốc kiểu xã hội chủ nghĩa Liên Xô". Bấy giờ lông cánh của Tưởng Kinh Quốc còn chưa đầy đủ, không thể không cụp vòi lại. Sau đó, do được Tưởng Giới Thạch điều động về Trùng Khánh nên mọi kế hoạch cải cách đều đổ ra sông ra biển. Sau khi ra Đài Loan, Tưởng Kinh Quốc vẫn là một trong những nhân vật kiên quyết ủng hộ cải cách ruộng đất.

Phái kiên quyết chống Cộng là phái CC, khi còn ở Đại Lục cũng là phái chủ trương cải cách ruộng đất mạnh nhất trong Quốc dân đảng. Đại tướng của phái CC là Tiêu Tranh, trước sau vẫn hô hào cải cách ruộng đất. Quốc dân đảng làm thí điểm mấy lần ở Đại Lục chính là nhờ phái CC thúc ép.

Xuất phát từ lợi ích lâu dài của giai cấp phe Trần Thành, Tưởng Kinh Quốc đều tích cực chủ trương nâng đỡ "tư bản tư doanh". Đối với hướng kinh doanh tư bản nhà nước, họ phản đối cái lối "tát kiệt bắt cá" lấy đầu cơ tiền bạc làm trọng tâm của phe Khổng – Tống; phản đối dựa vào vơ vét tài sản của dân để mở rộng tư bản nhà nước. Họ chủ trương dựa vào phát triển sản xuất và không ngừng mở rộng tài sản, khiến tư bản nhà nước tự thân tăng trưởng. Họ còn cố gắng thành lập chế độ Hội đồng tài chính một cách nghiêm khắc, tách rời quyền quản lý và quyền sở hữu ra, để tránh tái diễn hiện tượng sự nghiệp nhà nước thành tư hữu hóa. Thậm chí, Tưởng Giới Thạch sau khi lui về Đài Loan rút ra bài học thất bại ở Đại Lục cũng có thái độ tích cực đối

với vấn đề giải quyết ruộng đất cho nông dân và nâng đỡ tư bản tư doanh. Người ta gọi Tưởng là kẻ phản bội Tôn Trung Sơn thật không oan, nhưng nếu cho rằng Tưởng đã vứt bỏ toàn bộ học thuyết của Tôn Trung Sơn thì cũng không đúng sự thực.

Tóm lại, vì kết cấu giai cấp, tương quan giai cấp và quan hệ giữa các giai cấp với chính quyền Quốc dân đảng đều đã thay đổi, cũng vì thế lực các phái trong nội bộ Đảng đã thay đổi, khiến cho số cán bộ có tố chất tốt nắm quyền lợi, cho nên Quốc dân đảng đã thực hiện được ở Đài Loan hai chính sách lớn là cải cách ruộng đất và nâng đỡ tư bản tư doanh. Họ đã có ảnh hưởng sâu rộng to lớn đối với sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế với tốc độ cao ở Đài Loan.

II. CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Ngày 15 tháng 1 năm 1949, Trần Thành lên làm Chủ tịch tỉnh Đài Loan, việc đầu tiên ông làm là bắt tay ngay vào chuẩn bị cải cách ruộng đất, trước hết thực hiện "giảm tô 375".

Ngày 1 tháng 3, trong lễ khai mạc Hội nghị Ủy ban tỉnh Đài Loan, Trần Thành tuyên bố cần thiết thực thực "giảm tô 375". Ông cảnh cáo các địa chủ lớn: "Chỉ thấy lợi ích bản thân, bóc lột nông dân, sẽ phải chịu hậu quả". Ông tuyên bố: "Cơ quan dân ý là đại biểu của ý dân. Huyện trưởng, Thị trưởng có phải là Huyện trưởng, Thị trưởng cách mạng hay không đều được thử thách bằng thái độ đối với giảm tô 375."

Ngày 14 tháng 4, ban hành Biện pháp thuê dùng ruộng cày tư hữu tỉnh Đài Loan, bắt đầu thi hành "giảm tô 375", mở màn cho cải cách ruộng đất ở Đài Loan.

Cái gọi là "giảm tô 375" thực ra không mới, chính là "giảm tô 25" mà Quốc dân đảng vẫn tuyên truyền ở Đại Lục, mà vẫn chưa làm được. "Giảm tô 25" là mức địa tô nông dân nộp cho địa chủ tính theo 50% thu nhập cả năm trên ruộng thuế, trên cơ sở đó lại giảm đi 25%. Công thức tính là 50/100 nhân với (1 – 25/100) bằng 37,5% sản phẩm chính của cả năm trên đất thuế. Cho nên gọi "giảm tô 25" cũng là "giảm tô 375".

Về mặt lý luận, vì thu hoạch hàng năm không giống nhau, nên lấy lượng thu hoạch thực tế nhân với 37,5% mới tính ra được mức tô phải nộp. Do Quốc dân đảng chưa thực sự tiến hành "giảm tô 25" ở Đại Lục, cá biệt có nơi làm nhưng thời gian không bao lâu, vì thế mức tô cao nhất 37,5% chỉ là nguyên tắc.

Khi Trần Thành thực sự tiến hành "giảm tô 375" ở Đài Loan, đã tăng thêm một quy định, đó là khi tính tổng sản lượng của một mảnh đất canh tác nào đó chỉ lấy sản lượng của năm 1948 làm mốc, tham khảo tình hình cả tỉnh, "Ủy ban thi hành địa tô 375" của huyện, thị phụ trách định mức. Sau khi định mức, mức tô sẽ không thay đổi nữa. Nếu gặp năm thiên tai mất mùa, nông dân có thể thỉnh cầu Chính phủ và Chính phủ sẽ đốc thúc địa chủ giảm tô. Nếu được mùa, vẫn chỉ phải nộp 37,5% mức của năm 1948. Như vậy "địa tô 375", bề ngoài tính theo tỷ lệ, nhưng thực chất vẫn là địa tô định lượng.

Do công nghệ sản xuất luôn cải tiến, sản lượng nông nghiệp không ngừng nâng cao, mà mức tô vẫn theo mốc 1948, khẳng định là thấp hơn 37,5%. Chẳng hạn, năm 1948 sản lượng lúa hai vụ của Đài Loan là 3.894 kg/ha địa tô 37,5% là 1.460 kg. Đến năm 1980 sản lượng tăng 9.277 kg, vẫn nộp 1.460 kg thì mức tô phải nộp chỉ chiếm 7% tổng sản lượng.

Trước khi thực hiện "giảm tô 375", mức tô địa chủ chiếm sáu đến bảy phần tổng sản lượng. Sau giảm tô, ngược lại, nông dân chiếm 62,5%. Nếu sản lượng tăng, tỷ lệ này càng cao. Do đó địa chủ không chấp nhận. Khi đó, rất nhiều địa chủ đòi ruộng, bắt bí nông dân, ngầm đòi mức tô cao hơn 37,5%. Nông dân thuê ruộng cãi lý, bao vây ruộng đất bị đòi, gây rối loạn "tình hình tương đối nghiêm trọng". Tuy rằng trong Biện pháp thuê dùng ruộng cày tư hữu có điều khoản hạn chế địa chủ tùy ý đòi ruộng, nhưng văn kiện này chỉ là mệnh lệnh hành chính của Trần Thành với danh nghĩa là Chủ tịch tỉnh, trái với pháp lệnh có liên quan của nhà cầm quyền Quốc dân đảng. Cho nên khi địa chủ đòi ruộng, nông dân tuy có kiện lên tòa án "nhưng cơ quan Tư

pháp theo căn cứ pháp lý hiện hành… địa chủ vẫn thắng kiện, đạt được mục đích đòi ruộng của họ". Cuối năm 1950, nông thôn Đài Loan xuất hiện "phong trào đòi ruộng", chỉ riêng ở Đài Loan đã hơn hai nghìn vụ…

Nắm bắt được vấn đề này, tháng 6 năm 1951, chính quyền Đài Loan ban hành Điều lệ giảm tô 375 đối với đất canh tác, làm cơ sở pháp lý cho "giảm tô 375". Điều lệ quy định: Phế bỏ địa tô trả bằng tiền và địa tô dự thu, hợp đồng thuê phải làm bằng văn bản, thời hạn thuê không được dưới sáu năm. Địa chủ muốn đòi ruộng cần có ba điều kiện dưới đây: (1) Bên đòi ruộng và bên thuê ruộng đều cùng phải làm đơn đăng ký mới hợp lệ; (2) trước khi hết hạn hợp đồng thuê ruộng, trừ khi người thuê chết, không có người thừa kế, hoặc đã thay đổi nghề nghiệp, từ bỏ quyền canh tác, hoặc thiếu nợ địa tô mức hai năm, không được phép đòi ruộng. Dù có tình hình trên đây, cũng phải đợi hết vụ thu hoạch, trước khi bắt đầu vụ sau; (3) sau khi hết hạn hợp đồng thuê, người cho thuê muốn lấy lại ruộng đất nhưng phải không làm mất chỗ dựa sinh sống của người thuê. Người cho thuê không tự canh tác hoặc nguồn thu nhập đã đủ cho cuộc sống gia đình, không được phép thu hồi ruộng đất. Ai vi phạm quy định trên, cố tình đòi ruộng đều bị xử là phạm pháp.

Tuy nhiên, chủ đề của điều lệ trên là thừa nhận quyền tư hữu ruộng đất của địa chủ, dùng chính quyền cưỡng chế, chia thành quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất, để bảo đảm lợi ích của người thuê ruộng. Sau khi ban hành điều lệ này, nông dân thuê ruộng chỉ cần ký hợp đồng với địa chủ là được quyền sử dụng ruộng đất ít nhất trong sáu năm. Trong thời gian đó, chỉ phải giao nộp cho địa chủ mức địa tô 37,5% tổng sản lượng của năm 1948 trên đất thuê, sản lượng tăng cũng không đổi, năm mất mùa lại được châm trước giảm miễn. Vì vậy, tính tích cực của nông dân tăng lên rất nhiều, họ nhiệt tình tăng cường chăm sóc đồng ruộng và xây dựng thủy lợi, thu nhập nhờ đó tăng theo. Nông thôn Đài Loan xuất hiện phổ biến nào là "lực điền 375", "nông dân 375", nào là "học sinh 375", "xe đạp nước 375"... Điều đó nói lên rằng giảm tô đã khiến cho nông dân có thể lấy vợ lấy chồng, có thể cho con đi học, mua sắm thiết bị sản xuất và đồ dùng gia đình. Cải cách ruộng đất đã có hiệu quả bước đầu.

Nhưng giảm tô chỉ là giảm bớt gánh nặng của nông dân, quan hệ thuê mướn vẫn tồn tại, địa chủ vẫn ngồi không ăn bám, trong khi tư tưởng "người cày có ruộng của mình" của Tôn Trung Sơn muốn triệt để xóa bỏ quan hệ thuê mướn, làm cho ruộng đất được chia đều cho nông dân sở hữu, nông dân thuê ruộng trở thành nông dân có ruộng, thu hoạch hết cái mà họ làm ra. Nếu chỉ giảm tô, sau sáu năm địa chủ vẫn có thể lấy danh nghĩa "tự cày" để thu hồi ruộng đất khiến nông dân mất chỗ sinh sống, nông dân kém phấn khởi trong xây dựng cơ bản về ruộng đất; lâu dài có nông dân thậm chí sử dụng ruộng đất quá mức trong thời gian thuê, làm ảnh hưởng đến sản xuất về sau.

Vì thế, Cầm quyền Đài Loan tiếp theo "giảm tô 375" lại nhanh chóng triển khai với quy mô lớn "phóng lĩnh đất công", nghĩa là đem đất công do nhà nước sở hữu bán cho nông dân, để nông dân thành nông dân tự canh tác trên đất của mình. Thực tế là "Chính phủ" làm gương cho các địa chủ để thực hiện "người cày có ruộng của mình" trong một phạm vi nhất định.

Quan hệ chiếm hữu ruộng đất ở Đài Loan là một hiện tượng độc đáo, tồn tại rất nhiều "đất công". Chủ yếu do Đài Loan vốn là thuộc địa của Nhật. Nhật đã chiếm đoạt hàng loạt ruộng tốt làm chỗ di dân. Nhật lại lũng đoạn các ngành công thương nghiệp, tài chính quan trọng của Đài Loan, trong đó có Công ty Mía đường, Công ty Chè Đài Loan... đều kèm theo các nông trại lớn hàng chục nghìn héc ta. Sau khi Nhật đầu hàng, sản nghiệp công, tư của Nhật đều do chính quyền Quốc dân đảng tiếp thu, trong đó số "đất công" là rất đáng kể, khoảng 180 nghìn ha, chiếm 21,6% tổng diện tích canh tác của Đài Loan lúc đó là 816 nghìn ha. Chính quyền Đài Loan có thể "phóng lĩnh đất công" là nhờ ở số ruộng đất này.

Tháng 4 năm 1948, Quốc dân đảng ban hành Những điểm quan trọng trong công tác phóng lĩnh đất công giúp nông dân tự canh của tỉnh Đài Loan, đem đất của Hội khai thác Đài Loan (tức là đất Nhật dùng để chuẩn bị di dân) và những vạt đầu thừa đuôi thẹo của nông trường

Công ty Mía đường và Công ty Chè Đài Loan tiếp quản được làm thí điểm "phóng lĩnh đất công". Lần này có ý nghĩa tuyên truyền nhiều hơn là ý nghĩa thực tế, chỉ phóng lĩnh 3.883 giáp. Khoảng 2.287 ha chỉ chiếm 1,8% đất canh tác công do Quốc dân đảng nắm giữ.

Ngày 4 tháng 6 năm 1951, chính quyền Đài Loan ban hành Biện pháp thi hành phóng lĩnh đất công giúp nông dân tự canh của tỉnh Đài Loan, từ đó triển khai toàn diện công tác "phóng lĩnh đất công". Biện pháp thi hành là lấy 2,5 lần thu hoạch cả năm sản phẩm chính của đất phóng lĩnh làm giá đất, người được nhận đất sắp xếp theo trình tự sau: Nông dân đang canh tác, cổ nông, nông dân thiếu ruộng, nông dân bán tự canh không đủ ruộng, người có quan hệ cũ với mảnh ruộng đất cần đất canh tác, người chuyển sang nghề nông. Người nhận đất phải trả dần nhà nước theo giá đất trong mười năm. Sau khi trả đủ sẽ thành đất của người đó. Đất được nhận tùy chất lượng được chia làm ba hạng. Tùy theo số nhân khẩu trong gia đình và khả năng canh tác của người nhận đất mà giao diện tích. Nói chung nhiều nhất mỗi hộ cũng chỉ được lĩnh 0,5 giáp ruộng nước hạng nhất hoặc một giáp ruộng nước hạng vừa hoặc hai giáp ruộng nước hạng xấu. Nếu nhận ruộng cạn thì được gấp đôi so với ruộng nước.

Năm đó, phóng lĩnh được 28.447 giáp, khoảng 27.685 ha. Năm 1952, tiếp tục phóng lĩnh 17.872 giáp, khoảng 17.351 ha. Cộng với năm 1948 phóng lĩnh hơn 3.800 giáp, tổng cộng là 49.702 giáp khoảng 45.036 ha, chiếm hơn 1/4 tổng số "đất công" của Quốc dân đảng lúc bấy giờ. Số hộ nông dân lĩnh đất là 96.906 hộ. Bình quân mỗi hộ nhận 4.600 m2, ví dụ mỗi hộ năm người nghĩa là có 500 nghìn người được hưởng lợi. Đến đây coi như hết một giai đoạn "phóng lĩnh đất công".

Sau đó, Quốc dân đảng tiếp tục làm mấy đợt "phóng lĩnh đất công" nữa. Tính đến năm 1976 được chín đợt, khoảng 139 nghìn ha chia cho 286 nghìn hộ. Diện tích phóng lĩnh vượt 15% tổng diện tích canh tác. Nông dân có ruộng tự canh nhờ phóng lĩnh chiếm 40% tổng số nông dân tự canh. Đài Loan hiện vẫn còn khoảng 50 nghìn ha "đất công", chủ yếu dùng làm nông trường "quốc doanh", số đất công này chiếm 5% tổng diện tích canh tác Đài Loan.

Chỉ "phóng lĩnh đất công" không thể giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân, vì 56% tổng số đất canh tác ở trong tay địa chủ. Năm tiếp theo "giảm tô 375", "phóng lĩnh đất công", chính quyền Đài Loan bước tiếp bước thứ ba thực hiện triệt để "người cày có ruộng của mình".

Ngày 24 tháng 7 năm 1952, Ủy ban cải tạo của Trung ương Quốc dân đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 371, xác định chính sách trọng tâm của năm sau là thực hiện "người cày có ruộng của mình" và nêu ra ba nguyên tắc cơ bản: (1) Chọn phương thức ôn hòa; (2) trên cơ sở không tăng gánh nặng cho nông dân khiến họ vẫn có ruộng, chiếu cố lợi ích của địa chủ; (3) Giá trị đất bán của địa chủ sẽ do nhà nước hướng dẫn để chuyển sang công nghiệp.

Ngày 12 tháng 11, Trần Thành chủ trì cuộc họp của "Viện Hành chính" thông qua Điều lệ thực hiện người cày có ruộng, trình lên "Viện Lập pháp", gặp sức chống đối của lực lượng bảo thủ trong "Viện Lập pháp". Ngày 2 tháng 1 năm sau, Trần Thành gửi công văn cho "Viện Lập pháp", bằng khẩu khí cứng rắn tuyên bố bảy nguyên tắc trong đề án của "Viện Hành chính" không cho phép thay đổi. "Đề án này cương quyết phải thi hành, không một khó khăn trở ngại nào ngăn cản nổi". Lập trường cứng rắn này của Trần Thành được Tưởng Giới Thạch ủng hộ. Đến ngày 20 tháng 1, "Viện Lập pháp" cuối cùng phải thông qua Điều lệ thực hiện người cày có ruộng và quy định thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1953.

Điều lệ thực hiện người cày có ruộng chia ruộng đất của Đài Loan thành 26 hạng. Hạng nhất là ruộng đất tốt nhất. Hạng 26 là ruộng nghèo kiệt nhất. Quy định mức có ruộng tối đa của địa chủ là ba giáp, tức 43,5 mẫu Trung Quốc (tương đương 28.700 m2); ruộng nước hạng vừa (hạng 7-12), hoặc sáu giáp tức 87 mẫu Trung Quốc (57.420 m2) ruộng cạn hạng vừa. Nếu địa chủ muốn giữ ruộng tốt từ hạng 1-6 thì hạn mức sẽ được tính hạ xuống. Tất cả ruộng quá định mức của địa chủ đều do nhà nước trưng mua sau đó nhượng lại cho nông dân. Giá đất bằng giá của đất phóng lĩnh, nghĩa là bằng 2,5 lần tổng sản lượng sản phẩm chính cả năm trên đất đó,

không phải là năm nhượng đất, mà lấy mốc là sản lượng năm thi hành "giảm tô 375", đó là năm 1948. Nông dân mua đất trả dần nhà nước trong mười năm, trả hết nợ sẽ thành chủ nhân của mảnh đất đó. Chính quyền Đài Loan cũng sẽ trả dần cho địa chủ trong mười năm. Phương thức thanh toán kết hợp cả trái khoán và cổ phiếu. 70% là trái khoán do Ngân hàng Đài Loan phát hành, tính theo nông sản như ngũ cốc, mía... lãi suất hàng năm là 4%, tổng số vốn và lãi thanh toán đều trong mười năm. Có nghĩa là trong mười năm, mỗi năm địa chủ đều nhận được của nhà nước một sản lượng nông phẩm cố định (hoặc tính ra thành tiền theo thời giá năm đó), như vậy tránh được lạm phát. Đồng thời, nhà nước cũng giảm đến mức tối đa chi tiền mặt, giảm được gánh nặng về tài chính, quan trọng nhất là tránh được phát hành số tiền mặt lớn để trả tiền ruộng đất, sẽ dẫn đến lạm phát. Ngoài ra 30% là cổ phiếu. Chính quyền Đài Loan, đồng thời với việc trưng mua ruộng đất của địa chủ, đã ban hành Điều lệ chuyển sự nghiệp công doanh sang dân doanh. Chính quyền đem cổ phiếu của một số xí nghiệp quốc doanh bán cho tư nhân, trong đó có Công ty hữu hạn Cổ phần Xi măng, Công ty hữu hạn Cổ phần Ngành giấy, Công ty hữu hạn Cổ phần Ngành mỏ và Công ty hữu hạn Cổ phần Nông Lâm nghiệp. Lấy cổ phiếu này gán cho địa chủ. Như vậy, bắt buộc địa chủ dùng tiền bán ruộng đất đầu tư vào ngành công nghiệp.

Đến cuối năm 1953, chính quyền Đài Loan trưng mua của địa chủ 143.568 giáp, tức là hơn 80.254 ha, chiếm 56% toàn bộ ruộng phát canh. Số hộ địa chủ trưng mua là 106.041 hộ, chiếm 59,3% tổng số hộ địa chủ. Số hộ nông dân được mua đất là 194.823 hộ, chiếm 64% tổng số hộ nông dân.

Đối với vấn đề cho phép địa chủ giữ đất. Chính quyền Đài Loan trên nguyên tắc khuyến khích tự canh, nếu địa chủ vẫn phát canh thì mức tô chỉ được tính là 37,5% sản lượng năm 1948. Thu nhập như vậy cộng thêm các khoản chi về thuế má, địa chủ tính không lợi lắm. Chính quyền Đài Loan còn quy định: Nếu đất địa chủ giữ lại không tự canh mà vẫn phát canh, chính quyền sẽ giúp đỡ nông dân mua lại bằng cách chỉ cần nông dân canh tác trên mảnh đất đó đủ tám năm trở lên là có thể nhờ chính quyền mua hộ, địa chủ không được quyền từ chối. Vì "giảm tô 375" bắt đầu từ năm 1948 đến năm 1953 đã được sáu năm, cộng với thời gian trước giảm tô, phần lớn nông dân đã canh tác đủ tám năm, lúc nào cũng có thể xin chính quyền "mua hộ theo giá quy định".

Tóm lại, chính sách của chính quyền Đài Loan là "người cày có ruộng của mình, người có ruộng tự mình cày". Nếu chiếm ruộng nhiều lại không đủ sức cày, chứng tỏ anh không cần chiếm nhiều ruộng đến thế, chính sách buộc anh phải nhượng lại, để người có khả năng canh tác sở hữu.

Địa chủ bắt buộc phải theo những quy định đó, đành phải bán dần phần ruộng giữ lại, chỉ giữ phần tự mình "tự doanh", "tự canh". Cho đến 1977, địa chủ trực tiếp bán "đất giảm tô 375" tất cả là hơn 73 nghìn ha chiếm 5,3% tổng diện tích canh tác của Đài Loan.

Tuy "phóng lĩnh đất công" và địa chủ tự bán ruộng còn kéo dài đến những năm 1970, nhưng nhìn chung, đến cuối năm 1953, cải cách ruộng đất với nội dung cơ bản là "người cày có ruộng của mình" coi như đã xong.

Sau cải cách ruộng đất, kết cấu giai cấp nông dân Đài Loan có thay đổi rõ rệt.

Năm 1948, Đài Loan có 691 nghìn hộ nông dân, trong đó nông dân tự canh là 181 nghìn hộ, chiếm 26,3% tổng số hộ nông dân. Thời gian cải cách ruộng đất (từ tháng 4 năm 1949 đến tháng 12 năm 1953), nông dân tự canh tăng lên 383.104 hộ, chiếm 54% tổng số hộ nông dân cùng kỳ. Sau đó, vì nhà nước tiếp tục "phóng lĩnh đất công", địa chủ tiếp tục tự bán đất, cộng với các gia đình chia hộ tăng lên, đến cuối năm 1977 nông dân tự canh có 715 nghìn hộ trong số 873 nghìn hộ nông dân năm đó, chiếm 81,9%.

Địa chủ xưng hùng xưng bá trước kia, bị đánh mạnh trong cải cách ruộng đất. Chính quyền Đài Loan quy định giá đất là 2,5 lần tổng sản lượng sản phẩm chính của năm 1948, thấp hơn giá

thực tế. Năm 1937, giá ruộng ở Đài Loan đã đạt 4,5-8 lần sản lượng năm trên ruộng canh tác. Theo tính toán của nhóm Lý Đăng Huy, giá nông sản chính – tức sản lượng lúa năm. Vậy thì giá đất của những năm 1950 chí ít cũng phải tăng đến năm lần sản lượng năm, thế mà Quốc dân đảng chỉ quy định 2,5 lần cũng có nghĩa là địa chủ bị ép phải bán cho nông dân với giá chỉ bằng một nửa.

Hơn nữa, tiền bán đất lại không được trả một lần, chỉ được trả dần trong mười năm. Khi đó lãi suất trên thị trường Đài Loan hàng năm là 30% – 50%, Quốc dân đảng quy định lãi suất của trái khoán bán đất chỉ là 4%. Như vậy có nghĩa là chính quyền cưỡng bức địa chủ đem một khoản tiền lớn cho Chính phủ "vay" lâu dài với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường rất nhiều, điều đó dĩ nhiên không có lợi cho địa chủ. Còn về cổ phiếu, phần lớn địa chủ đều cho là loại tài sản ít giá trị, họ nhanh chóng đem bán và chuyển nhượng, một số người đã điều tra, có đến 98% trong số 500 nhà địa chủ thường, 91% trong số 75 nhà địa chủ lớn, bán ngay cổ phiếu của mình. Vì cung vượt quá cầu, nên giá cổ phiếu đều thấp hơn giá ghi trong cổ phiếu, thấp nhất có khi chỉ đạt 36%. Phần lớn địa chủ đem bán cổ phiếu, đời sống kinh tế đều kém trước, ít nhất cũng không ổn định, hầu hết họ đều trở thành nông dân tự canh, một phần chuyển sang lĩnh vực công thương, ai khấm khá được là nhờ may mắn hoặc nhờ khả năng của họ.

Cũng có một số địa chủ thực lực dồi dào, họ không những không bán cổ phiếu, ngược lại còn nhân cơ hội giá cổ phiếu hạ mua vào, kết quả là trở thành các nhà công
nghiệp lớn.

Chẳng hạn "tứ đại hào chủ" (bốn nhà giàu) mà nhân dân Đài Loan vẫn gọi như Cố Chấn Phố, Lâm Do Long, Lâm Bá Thọ, Trần Khởi Thanh, nắm phần lớn cổ phiếu của bốn công ty Đài Loan: Xi măng, giấy, mỏ và nông lâm. Số cổ phiếu này trị giá hơn 660 triệu Đài tệ mới, tương đương hơn 35 triệu đô-la lúc đó. Ngày nay, những công ty này đều trở thành những tập đoàn có vốn lên đến hàng tỷ đô-la.

Nhưng cải cách ruộng đất của Đài Loan cũng có mặt trái của nó. Trước hết là sự chiếu cố lợi ích của địa chủ. Về mặt kinh tế, địa chủ Đài Loan cũng như địa chủ Đại Lục, vẫn là kiêm buôn bán và cho vay nặng lãi. Cải cách ruộng đất ở Đài Loan chỉ đánh vào sự bóc lột tô tức của địa chủ, còn sự bóc lột về buôn bán và cho vay nặng lãi vẫn giữ nguyên, hơn nữa có tiền vốn bán đất, hai loại bóc lột này càng nặng thêm. Chính quyền Đài Loan cho phép địa chủ giữ đất lại với mức hạn chế, mức này dù sao vẫn cao hơn nhiều mức nông dân có ruộng, nên sau cải cách ruộng đất, đời sống của địa chủ vẫn giàu có hơn nông dân rất nhiều. Về mặt chính trị, địa chủ trước kia vẫn luôn là "tai to mặt lớn" trong thôn xã đều hơn hẳn nông dân về mọi mặt: Trình độ văn hóa, thực lực kinh tế, khả năng giao tiếp, ảnh hưởng xã hội... Cải cách ruộng đất Đài Loan chưa hề động chạm đến mặt chính trị của địa chủ. Trong sinh hoạt chính trị ở nông thôn, "quyền uy" của họ vẫn tồn tại. Các tổ chức hạ tầng ở nông thôn như nông hội, thủy lợi... phần lớn vẫn do địa chủ hoặc con em địa chủ nắm giữ. Tuyển cử các cấp huyện, thị, phần lớn vẫn do các nhà giàu lũng đoạn, khiến cho sinh hoạt chính trị ở địa phương Đài Loan vẫn mang tác phong môn phiệt và màu sắc gia tộc.

Cải cách ruộng đất Đài Loan thực chất là thay thế chế độ tư hữu ruộng đất lớn của địa chủ bằng chế độ tư hữu ruộng đất nhỏ của nông dân tự canh. Để bảo vệ thành quả "người cày có ruộng của mình" chính quyền Đài Loan nghiêm khắc thi hành hạn mức có ruộng của tư nhân và hạn chế mọi mặt về phương diện thuê người canh tác. Điều này cốt để tránh tái diễn việc thôn tính ruộng đất. Nhưng, cùng với việc nối dõi và phân chia gia đình, số hộ tăng lên, đất ruộng càng chia càng vụn, diện tích canh tác tính theo nông hộ ngày càng nhỏ, gây trở ngại cho việc thực hiện cơ giới hóa và xây dựng thủy lợi với quy mô lớn, khó hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù có những "di chứng sau cải cách ruộng đất", nhưng ý nghĩa tích cực của họ hơn hẳn mặt tiêu cực. Cải cách ruộng đất đã khiến cho giai cấp địa chủ suy yếu và nông dân tự canh vươn lên, thực hiện việc bình quân chiếm hữu ruộng đất, cải thiện đời sống của đại đa số nông dân, xúc tiến nông nghiệp phát triển nhanh, tạo nền móng cho chấn hưng công nghiệp. Mâu thuẫn

giai cấp dịu đi, mức độ công bằng xã hội được nâng cao, sức sản xuất bị trói buộc được giải phóng, nhờ đó chính quyền Quốc dân đảng có được sự ổn định tương đối.

III. NÂNG ĐỠ CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH

Trong thời gian cải cách ruộng đất, tư bản dân doanh phát triển nhanh chóng dưới sự nâng đỡ của chính quyền bằng nhiều biện pháp.

Bắt đầu từ 1948, Tư bản tư doanh từ Đại Lục tràn vào Đài Loan nhất là thời gian Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp" ở Thượng Hải. Tiền trôi nổi ở Thượng Hải không có chỗ thoát, đều dồn dập đổ vào Đài Loan. Chỉ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1948, tiền từ Đại Lục tràn vào Đài Loan lên tới 294,7 tỷ Đài tệ cũ, so với tổng số Đài tệ phát hành năm 1948 còn vượt 74 tỷ. Số tiền này tất nhiên không phải tất cả là của tư nhân, nhưng ít nhất tư nhân cũng chiếm hơn một nửa.

Tư bản từ Đại Lục tràn vào Đài Loan tạo thành một bộ phận quan trọng của tư bản tư doanh Đài Loan. Lấy ngành dệt chiếm địa vị trụ cột trong các xí nghiệp tư doanh những năm 1950 làm ví dụ: Năm 1952 Đài Loan có tám xưởng dệt tư doanh, giá trị sản lượng chiếm 67,6% giá trị sản lượng của toàn ngành dệt, 33,6% giá trị sản lượng của toàn bộ công nghiệp tư doanh. Trong tám xưởng thì có bảy xưởng chuyển từ Đại Lục đến. Số thoi của bảy xưởng này chiếm 54% số thoi trong toàn bộ ngành dệt Đài Loan lúc đó.

Song song với việc thi hành "người cày có ruộng đất của mình", Quốc dân đảng ban hành Điều lệ chuyển sự nghiệp công doanh sang tư doanh, đem bán cổ phiếu của bốn ngành xi măng, giấy, mỏ và nông lâm để trả tiền trưng mua ruộng đất. Điều này trực tiếp thúc đẩy địa chủ bỏ tiền bán ruộng đất chuyển sang công nghiệp, đặt cơ sở cho sự phát triển tư bản tư nhân gốc Đài Loan.

Cũng vào khoảng thời gian đó, chính quyền Đài Loan cũng đem bán cho tư nhân 376 xí nghiệp của Nhật và 85 xí nghiệp hợp tác Đức – Nhật đã tiếp thu được, đều là các xí nghiệp vừa và nhỏ.

Đến 1954, xí nghiệp tư doanh Đài Loan đã có hơn 127 nghìn cái, chiếm 96% tổng số xí nghiệp công thương Đài Loan, số vốn đạt 49,7% tổng số vốn của các xí nghiệp công thương.

Khi còn ở Đại Lục, bọn tư bản quan liêu Quốc dân đảng cứ có lợi là không đâu không chui vào, tư bản tư doanh bị đẩy lùi, dần dần thu hẹp lại. Dưới thời Trần Nghị, vẫn chơi con bài đó, đến sách vở, văn phòng phẩm, in ấn đều kinh doanh theo lối độc quyền do nhà nước nắm giữ. Sau khởi nghĩa "28-2", "hết sức thu hẹp phạm vi quốc doanh trong công nghiệp dân sinh". Từ thời kỳ Ngụy Đạo Minh trở đi, ngành diêm, long não, than mới mở ra cho dân doanh.

Sau năm 1950, "hết sức thu hẹp phạm vi quốc doanh trong công nghiệp dân sinh" trở thành nguyên tắc chỉ đạo của chính quyền trong các chính sách kinh tế, phân rõ "phương hướng kinh doanh khác nhau giữa nhà nước và nhân dân." Xí nghiệp quốc doanh chủ yếu là kinh doanh ngành năng lượng, giao thông, công nghiệp quốc phòng, công nghiệp chế tạo quy mô lớn, những ngành nhân dân không tiện kinh doanh. Còn những mặt hàng dân dụng trực tiếp quan hệ đến đời sống của nhân dân như dệt, giấy, xi măng, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày chủ yếu giao cho tư bản tư nhân kinh doanh.

Sau khi vạch rõ phương hướng kinh doanh, các xí nghiệp quốc doanh và dân doanh ai yên phận nấy. Xí nghiệp dân doanh tuy vẫn lệ thuộc vào các xí nghiệp quốc doanh về năng lượng, nguyên liệu, tài khoản, nhưng sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh, nếu không dựa vào sự tiêu thụ của các xí nghiệp tư doanh cũng không có giá trị. Thí dụ, bã của xí nghiệp mía đường quốc doanh, chính là nguyên liệu cho xí nghiệp giấy tư doanh. Nếu xí nghiệp quốc doanh giữ lại bã mía không bán cho xí nghiệp tư doanh, không những mất đi một khoản thu lớn mà còn phải giải quyết đống rác không kém phần chi phí. Thiệt người, lại hại cả mình.

Vấn đề tiền tệ do quốc doanh nắm, nếu không quan hệ với xí nghiệp tư doanh chiếm 95% tổng

số xí nghiệp, một là ứ đọng vốn, hai là cắt đứt nguồn vốn, tự mình cũng không thể phát triển được.

Vì thế, ngân hàng quốc doanh không những để các xí nghiệp tư doanh mở tài khoản, coi đó là sự nghiệp chính của mình mà còn phải nâng cao mức tài khoản vượt xí nghiệp quốc doanh. Từ năm 1953 đến 1959, tài khoản của các xí nghiệp dân doanh chiếm 37,4% tổng số tài khoản ở ngân hàng; quốc doanh chỉ chiếm 35,2%. Từ 1960 đến 1969 dân doanh là 60,4%; quốc doanh chiếm 22,1%. Giai đoạn 1970-1978; dân doanh là 77,2%; quốc doanh là 15,9%.

Tóm lại, khi phân công giữa dân doanh và quốc doanh đã xác định tất nhiên quan hệ hợp tác giữa hai loại xí nghiệp đó sẽ dựa vào nhau cùng có lợi. Nếu xí nghiệp quốc doanh sử dụng ưu thế nắm vận mệnh kinh tế để cưỡng ép các xí nghiệp tư doanh như trước 1949, tất nhiên cả hai sẽ cùng bị thất bại, điều này chính quyền Đài Loan đã nhận thức rất rõ.

Đương nhiên, mâu thuẫn và va chạm giữa hai loại xí nghiệp này là không tránh khỏi. Việc trả đũa lẫn nhau vẫn thường xảy ra. Nhưng nhìn chung, do xác định được phạm vi kinh doanh, đã tránh được sự cạnh tranh trực tiếp, khiến cho xí nghiệp tư doanh đỡ lo bị xí nghiệp quốc doanh thôn tính, đó là bảo đảm cho xí nghiệp tư doanh sinh tồn và phát triển. Trên thực tế, chính quyền Đài Loan cố gắng thu hẹp phạm vi kinh doanh của phía quốc doanh. Chẳng hạn như công nghiệp quốc phòng, công nghiệp chế tạo lớn trước kia vẫn thuộc quốc doanh dần dần được mở ra cho dân doanh. Tỷ trọng trong giá trị tổng sản lượng quốc dân của xí nghiệp quốc doanh cũng dần giảm đi.

Bất kể là quốc doanh hoặc dân doanh, muốn phát triển đều phải có một nền kinh tế ổn định. Như ở Thượng Hải trước giải phóng, giá cả tăng vọt, vật giá leo thang, nhiều xí nghiệp phải đóng cửa, nhất là những xí nghiệp ít vốn, quy mô nhỏ càng không vượt qua được cơn bão tố đó.

Khoảng năm 1949-1951, ở Đài Loan vật giá không đến nỗi tăng vọt như ở Đại Lục, nhưng hàng năm trung bình vẫn tăng hơn mười lần. Đối với Quốc dân đảng, có kìm hãm được vật giá hay không là cuộc chiến một mất một còn.

Từ khi Ngụy Đạo Minh lên nắm quyền, bắt đầu thi hành chế độ phân phối định mức lương thực. Đầu những năm 1950, chính quyền Đài Loan lại phân phối cả các nhu yếu phẩm như dầu, vải, đường... Không cho phép tăng giá trong phạm vi định mức. Đồng thời chính quyền Đài Loan tích cực chống lại bọn đầu cơ tích trữ, nâng giá hàng và buôn bán ngoại hối phi pháp, để giữ gìn trật tự thị trường, hãm giá tăng lên.

Để tránh tăng giá, chính quyền Đài Loan khuyến khích dự trữ. Ngày 21 tháng 5 năm 1949, Ngân hàng Đài Loan thi hành "biện pháp dự trữ vàng" (trong quần chúng) lấy vàng chi trả tiền gửi định kỳ ngắn hạn, giá vàng thấp hơn giá vàng thị trường. Từ tháng 6 đến tháng 10 dùng "biện pháp dự trữ vàng" phối hợp với "công trái tiết kiệm cứu nước" và "công trái yêu nước". Đến ngày 27 tháng 12 năm 1950, tạm ngừng thi hành biện pháp dự trữ vàng. Ngày 14 tháng 8 năm sau chính thức bãi bỏ. Tính ra trong thời kỳ thi hành, số vàng bán ra là 1,54 triệu lượng thu về hơn 440 triệu Đài tệ.

Chính quyền Đài Loan còn áp dụng mọi thủ đoạn chính trị và kinh tế, cưỡng ép và khuyến khích mọi người mua "công trái yêu nước". Ngân hàng tìm mọi cách để thu hút tiền gửi.

Từ ngày 25 tháng 3 năm 1950, Đài Loan tiến hành "Tiền gửi dự trữ lãi suất ưu đãi". Trước kia, lãi suất định kỳ hàng năm của tiền gửi là 20%, bây giờ tăng "tiền gửi dự trữ lãi suất ưu đãi" thành 125% cộng thêm phần miễn thuế lợi tức, khiến người ta bỏ kiếm lời ở thương phẩm chuyển sang kiếm lợi bằng tài sản, tiền tệ. Do đó, tiền gửi định kỳ ở ngân hàng tăng mạnh. Tháng 3 năm 1950, tổng số tiền gửi định kỳ ở ngân hàng Đài Loan là 2,3 triệu (Thống kê tiền tệ Đài Loan do Ngân hàng Đài Loan phát tháng 12 năm 1954). Như vậy, vừa giảm nhẹ áp lực thị trường, vừa tích lũy vốn mở rộng tái sản xuất.

Những năm 1950, chính quyền Đài Loan thu không đủ chi, bất đắc dĩ phải phát hành tiền để bù đắp. Nhưng khi tình thế chuyển biến tốt họ lập tức hạn chế phát hành về mức bình thường. Nhìn chung, chính sách tiền tệ của Quốc dân đảng sau khi đến Đài Loan là hết sức thận trọng và có khuynh hướng "thà thiếu hơn lạm", có nghĩa là chịu phát hành ít gây tình trạng căng thẳng ở ngân hàng, đầu tư không đủ, cũng không phát hành lượng tiền mặt quá lớn, dễ khiến vật giá tăng vọt.

Thông qua hàng loạt biện pháp này, cộng thêm viện trợ từ Mỹ hàng năm lên đến hàng trăm triệu đô-la, cải cách ruộng đất lại kích thích nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ có liên quan đến nông nghiệp như dệt, phân hóa học, máy nông nghiệp... phát triển, đã làm cho kinh tế khôi phục toàn diện. Năm 1952, tỷ lệ lạm phát ở Đài Loan xuống đến 23% sau đó tiếp tục xuống đến năm 1960, trong tám năm chỉ số giá tiêu dùng trung bình tăng 11,2%. Nỗi đe dọa của lạm phát cơ bản được xóa bỏ. Từ 1961 đến 1972 nhờ kinh tế phát triển, lượng cung tăng lên, vật giá Đài Loan rất ổn định. Trong 12 năm, chỉ số giá tiêu dùng trung bình hàng năm chỉ tăng 3,3%, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đạt trên 10%. Giai đoạn này được gọi là "thời đại hoàng kim" của phát triển tư bản tư doanh.

Tư bản tư doanh Đài Loan sở dĩ phát triển mạnh, ngoài những nguyên nhân kể trên, còn do chính sách bảo hộ thị trường và thuế của chính quyền Đài Loan khác hẳn thời kỳ còn ở Đại Lục.

Khi còn ở Đại Lục, thị trường vùng Quốc dân đảng thống trị không có điều kiện mở ra quốc tế. Chính quyền Nam Kinh tuy có ký với Mỹ, Nhật Hiệp định thuế quan năm 1928-1930, ra điều "tự chủ về thuế quan", nhưng thực tế là áp dụng thuế suất năm 1925 do 12 nước phương Tây quyết định coi khinh Trung Quốc, nghĩa là Hải quan Trung Quốc chỉ được tùy theo tính chất chủng loại hàng hóa trừ 5% giá gốc ra không được thu quá 5%-30% thuế phụ. Như vậy, tránh sao được việc hàng nước ngoài ào ào đổ vào, tư bản dân tộc của Trung Quốc không có cách gì chống đỡ, chỉ còn nước phá sản.

Sau khi đến Đài Loan, do nhiều nguyên nhân quyết định chính quyền Đài Loan phải "quốc doanh và dân doanh" cùng đi một đường. Hơn nữa lúc đó ngoại hối rất hiếm, không thể nhập khẩu số lượng lớn, chính quyền Quốc dân đảng phải tăng cường hàng rào thuế quan, bảo hộ thị trường Đài Loan.

Từ 1950, chính quyền Đài Loan thực hành nghiêm ngặt chế độ quản lý nhập khẩu. Muốn nhập khẩu phải xin giấy phép và nộp tiền bảo đảm bằng Đài tệ mới, tượng trưng với số ngoại tệ cần thiết. Điều này khiến cho nhiều người muốn nhập khẩu phải rút lui, tìm cách dùng hàng nội địa để thay thế. Hàng nhập được chia thành 4 loại: được phép, hạn chế, tạm ngừng và cấm. Hàng được phép là loại nguyên liệu, thiết bị không thể thiếu được và hàng tiêu dùng thiết yếu nhưng hạn chế về số lượng. Hàng xa xỉ nhất loạt đều cấm. Cùng với sự phát triển công nghiệp, một số hàng được phép dần chuyển sang tạm ngừng hoặc hạn chế. Đầu những năm 1950, những mặt hàng khuyến khích nhập như sợi bông và hàng bông vải, len và hàng len, vải lụa nhân tạo, màng giấy, gỗ dán, hàng nhuộm, máy khâu, xe đạp và phụ tùng, xà phòng và bột giặt... do trong nội địa dần tự sản xuất được, nên đến giữa năm 1950 chuyển sang loại hàng tạm ngừng và hạn chế.

Để hạn chế nhập, chính quyền đánh thuế ở mức cao. Khoảng những năm 1948-1950 chỉ miễn thuế hàng viện trợ Mỹ và vật tư của xí nghiệp quốc doanh, thuế suất danh nghĩa trung bình tăng hơn gấp đôi, từ 20% lên 45%.

Ngoài ra, chính quyền Đài Loan còn áp dụng các phương pháp để giảm sức cạnh tranh ngoại thương và bảo hộ thị trường nội địa. Chẳng hạn, ngành điện ảnh, ngoài việc phân phối hạn chế phim nhập, thu thuế giải trí đến 35%, còn quy định phim nhập không được chiếu đồng thời trên bốn rạp trong một thành phố. Mặt khác, chính quyền còn hỗ trợ vốn cho dự án điện ảnh do nội địa sản xuất.

Do hàng loạt các chính sách hạn chế nhập khẩu, chính quyền Quốc dân đảng trong những năm 1950 đã thực hiện nhiều chế độ hối đoái đối với nguyên liệu hoặc thiết bị tỷ lệ thấp hơn hàng thành phẩm. Như vậy, dùng ngoại hối quý báu có hạn vào phát triển sản xuất chứ không giúp nước ngoài tiêu thụ sản phẩm. Chính quyền khuyến khích công nghiệp dùng hàng thay thế nhập khẩu cũng bằng tỷ suất hối đoái thấp để thu ngoại tệ. Thí dụ, ngành dệt chiếm tỷ trọng lớn trong các xí nghiệp tư doanh, lúc đó tỷ suất hối đoái nhập nguyên liệu và thiết bị thấp hơn các ngành khác 30%.

Hạn chế nhập khẩu, thuế quan mức cao, nhiều loại tỷ suất hối đoái đều thuộc phạm trù bảo hộ mậu dịch, cơ sở công nghiệp của Đài Loan rất yếu khả năng cạnh tranh ngoại thương còn phải có thời gian rèn luyện, nên việc áp dụng những biện pháp đó là cần thiết. Không làm thế, không thể chấn hưng công nghiệp địa phương.

Cuối những năm 1950, do công nghiệp dân doanh phát triển mạnh, thị trường bão hòa, cơ cấu kinh tế của Đài Loan chuyển từ "thay thế nhập khẩu" sang "mở rộng xuất khẩu". Khi đó công nghiệp tư doanh đã có một cơ sở nhất định, chính quyền Đài Loan khuyến khích họ cạnh tranh ngoại thương, xâm nhập thị trường quốc tế, lại tiến hành hàng loạt cải cách kinh tế, thống nhất từ nhiều mức hối đoái thành một mức hối đoái, dẫn đến nới lỏng việc hạn chế nhập và phê duyệt các mặt hàng nhập khẩu. Năm 1965, Đài Loan chỉ mở "khu gia công xuất khẩu" (khu chế xuất) đối với châu Á, lĩnh vực ngoại thương được hưởng rất nhiều ưu đãi. Đồng thời với tăng cường thực lực kinh tế và khả năng cạnh tranh, chính sách bảo hộ mậu dịch cũng dần dần được thay thế bằng chính sách tự do mậu dịch.

Nhưng cho đến nay, chính quyền Đài Loan vẫn chưa bỏ chính sách bảo hộ mậu dịch, chính vì vậy, những va chạm về mậu dịch với Mỹ trở nên gay gắt. Trên quan điểm kinh tế, chính sách bảo hộ mậu dịch có cả mặt lợi, mặt hại, hại lớn hơn lợi hay ngược lại còn phải tùy tình hình. Chính quyền Đài Loan trước sau vẫn kiên trì chính sách bảo hộ mậu dịch đối với thị trường của mình, riêng về mặt này đủ để không nên nói kinh tế Đài Loan là "kinh tế thuộc địa" hay "bán thuộc địa".

Khi ở Đại Lục, Quốc dân đảng áp dụng đủ loại thuế khóa, đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho tư sản dân tộc tan tác. Sau khi đến Đài Loan, để tăng thêm thu nhập tài chính, chính quyền cũng dùng biện pháp tăng thuế. Những năm 1950, các cấp chính quyền thu nhập về thuế chiếm 52%. Năm 1955 tăng lên 82%, đến 1960 vẫn đạt 73%.

Nhưng, chính trong giai đoạn này, tỷ lệ thu thuế của chính quyền tính theo tổng giá trị sản lượng quốc dân không cao lắm. Từ năm 1952 đến 1961, tỷ lệ đó chỉ trên dưới 14%, thấp hơn nhiều so với các nước phát triển và so với mức trung bình của khu vực.

Đến cuối thập kỷ 1950, chính quyền Đài Loan chính thức áp dụng phương châm "Hy sinh thuế cao, đẩy mạnh kinh tế, bồi dưỡng nguồn thuế", liên tục ban hành các pháp lệnh Điều lệ khuyến khích đầu tư, Điều lệ Hoa kiều đầu tư, Điều lệ người nước ngoài đầu tư, Điều lệ hợp tác kỹ thuật, có chính sách ưu đãi đối với các xí nghiệp tư doanh tái sản xuất mở rộng và đổi mới thiết bị. Chẳng hạn, miễn thuế năm năm đối với xí nghiệp mới xây dựng, bốn năm đối với xí nghiệp đổi mới thiết bị tính từ lúc bắt đầu bán sản phẩm. Tổng mức thuế không được vượt quá 25% mức doanh thu cả năm. Năm 1977, nhằm khuyến khích công nghiệp nặng tư doanh phát triển, chính quyền Đài Loan lại đặc biệt quy định thuế đánh vào các ngành công nghiệp chế tạo kim loại, cơ giới nặng, mỏ, hóa chất không quá 22% tổng mức doanh thu cả năm. Năm 1980, giảm thuế ưu đãi thêm một bước. Nếu trong sản xuất có nhu cầu đặc biệt phải đầu tư kim ngạch trong phạm vi 15% sẽ được giảm thuế, bộ phận sản xuất sẽ chuyển doanh thu sang sự nghiệp khuyến khích đầu tư của "Chính phủ". Bộ phận doanh thu này không phải nộp thuế. Đầu tư khai thác ở nước ngoài đem sản phẩm về Đài Loan có thể được hưởng năm năm ưu đãi miễn thuế đối với lợi tức tiền gửi ở dưới một mức nhất định, lãi cổ phiếu ghi tên, miễn thuế nhập khẩu đối với sự nghiệp đổi mới thiết bị, khấu hao rút xuống 1/2 niên hạn, nguyên vật liệu và linh kiện chế tạo cơ khí phù hợp với các quy định...

Để khuyến khích tư bản tư nhân hợp doanh với ngoại thương mở rộng xuất khẩu, chính quyền Đài Loan cũng ban hành hàng loạt các quy định ưu đãi miễn thuế, không thể kể hết.

Cục bộ mà nói, miễn giảm thuế có nghĩa là chính quyền "hy sinh". Như trong giai đoạn 1964-1969, chính quyền Đài Loan miễn giảm đến 15,6% tổng mức thuế. Giai đoạn 1970-1977, tăng đến 28,1%. Trung bình trong 14 năm, mỗi năm giảm 22%. Nhưng giảm thuế kích thích đầu tư, xí nghiệp mới không ngừng tăng lên, xí nghiệp cũ không ngừng đổi mới tăng sản lượng, khiến cho thuế cơ bản không ngừng tăng lên, giá trị tuyệt đối của thuế cũng không ngừng tăng lên, tình trạng tài chính của chính quyền từ con số âm đã tương đối dư thừa, rồi dư thừa nhiều, tạo thành một vòng quan dân đều vui vẻ.

Hai mặt cơ bản điều chỉnh quan hệ quốc doanh và tư doanh và tạo ra một hoàn cảnh kinh tế mới trên đây đã nói rõ thái độ mới, chính sách mới của chính quyền Quốc dân đảng đối với tư bản tư doanh sau khi họ đến Đài Loan. Một mặt, trực tiếp bán lại xí nghiệp quốc doanh cho tư nhân, vạch rõ phạm vi kinh doanh của hai loại này và xây dựng mối quan hệ dựa vào nhau cùng tồn tại cùng phát triển về năng lượng, tiền vốn và nguyên liệu... Mặt khác, ngăn chặn lạm phát, bảo hộ thị trường nội địa, giảm gánh nặng về thuế. Đó là những điều khác hẳn với thời kỳ Quốc dân đảng còn ở Đại Lục.

Ngoài ra, các mặt khai thác thăm dò tài nguyên, cung ứng nguyên liệu, mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ, chính quyền Đài Loan đều căn cứ vào nhu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế trực tiếp tham gia kinh doanh dù ít hay nhiều để dẫn dắt, nâng đỡ sự nghiệp tư doanh.

Thí dụ, đầu thập kỷ 1950, để nâng đỡ ngành dệt, chính quyền Đài Loan thực hiện chính sách "bao cấp", nghĩa là các xưởng chỉ gia công theo định mức phân công, còn cung cấp nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm do nhà nước chịu trách nhiệm. Sau khi bỏ chế độ "bao cấp", chính quyền Đài Loan lại cho ngành dệt hưởng hối suất ưu đãi, bảo đảm cung ứng nguyên liệu. Kết quả ngành dệt trở thành đầu rồng cho kinh tế Đài Loan bay lên. Ở thập kỷ 1969 và 1970, giá trị sản lượng và kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt luôn dẫn đầu các ngành khác.

Những năm 1950 và 1960, chính quyền Đài Loan thực hiện trọng điểm biện pháp "hạn chế lập xưởng", nghĩa là trên cơ sở đánh giá thị trường, chính quyền hạn chế đầu tư nhiều đối với một ngành nào đó; để đảm bảo thị trường của xí nghiệp trọng điểm có tỷ lệ nhất định, tránh tình trạng mọi người cùng sản xuất một loại sản phẩm, gây lãng phí tài nguyên lao động và tiền vốn.

Đến những năm 1970, chính quyền Đài Loan lại xúc tiến quá trình liên hợp của các xưởng cùng sản xuất một mặt hàng, tổ chức các công ty mậu dịch lớn có một mạng lưới cơ sở sản xuất và bán sản phẩm. Như vậy, vừa thống nhất được quy cách, chất lượng của các sản phẩm cùng loại, vừa mở rộng được quy mô sản xuất, lại tránh được tình trạng tàn sát nhau để người nước ngoài hưởng lợi.

Để khuyến khích sự hợp tác kỹ thuật giữa các hãng tư doanh với ngoại thương, chính quyền Đài Loan có đãi ngộ thích đáng đối với ngoại thương cung cấp kỹ thuật tiên tiến và cấp phép cho Đài Loan. Đồng thời, cấp những khoản tiền lớn cho các hãng học tập và mua kỹ thuật mới. Thí dụ, để dẫn dắt sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, chính quyền trước hết đầu tư cho cơ cấu nông nghiệp trồng thử ngô đường, thử nuôi cá quả Mỹ, thử chế biến bột tảo Chlorena và tinh tảo Chlorena... có hiệu quả rồi mới mở rộng. Để phát triển hàng cơ khí và đồ điện, chính quyền bỏ ra 200 nghìn Đài tệ mới để thu nhập mẫu đồ chơi ở các nơi trên thế giới, cung cấp cho các nhà sản xuất quan sát và mô phỏng.

Về mặt xuất khẩu, chính quyền Đài Loan đặt trụ sở và mạng lưới mậu dịch ở hơn 80 quốc gia và khu vực trên thế giới, tham gia các triển lãm, hội chợ quốc tế; thường xuyên mời khách nước ngoài và các nhà kinh doanh đến Đài Loan thăm quan và đồng thời cũng thường xuyên cử người đi chào hàng ở nước ngoài. Để mở rộng mạng lưới mậu dịch quốc tế, Đài Loan đã xây

dựng các “Trạm phục vụ mậu dịch quốc tế”, cung cấp cho ngoại thương các đường dây điện thoại và khuyến khích ngoại thương đặt các đại lý ở nước ngoài. Chính quyền còn treo các “phần thưởng ngoại thương” trao cho hãng nào xuất khẩu được nhiều.

Các biện pháp nâng đỡ kể trên, cộng với viện trợ Mỹ, hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, kết hợp với tố chất bản thân xí nghiệp tư doanh không ngừng nâng cao đã khiến cho sự nghiệp tư doanh của Đài Loan trong 25 năm từ 1953 đến 1977, tỷ lệ tăng trưởng sản xuất hàng năm trung bình là 18,1%. Tốc độ mạnh mẽ này có thể nói là ít có trong lịch sử phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và khu vực.

Những năm gần đây, tư bản nhà nước cũng không ngừng phát triển, tốc độ dù sao cũng vẫn chậm hơn tư bản tư doanh. Từ năm 1953 đến 1962, xí nghiệp quốc doanh có mức tăng trưởng hàng năm là 8,9%, dân doanh là 15,6%; 1963-1972 quốc doanh là 10,9% dân doanh 23,3%; 1973-1977 quốc doanh 9,9%, dân doanh 11,2%. Cuối những năm 1950, giá trị sản lượng dân doanh vượt quốc doanh, đến 1978 vượt đến bốn lần. Đến 1985, tỷ trọng giá trị sản lượng các xí nghiệp dân doanh đạt 86% giá trị tổng sản lượng ngành công thương nghiệp trong khi đó quốc doanh chỉ chiếm 14%. Điều đó nói lên chính quyền Quốc dân đảng tiếp thu bài học thất bại về kinh tế ở Đại Lục đã thực sự cố gắng nâng đỡ cho tư bản tư doanh phát triển.

Sự phồn vinh của tư bản tư doanh đã cung cấp sức sống mạnh mẽ cho việc chấn hưng kinh tế Đài Loan. Tiếp theo là mở rộng sự nghiệp, cung cấp tăng lên, cải thiện dân chủ, giai cấp trung sản bật lên. Về mặt chính trị, vừa xúc tiến xã hội đa nguyên hóa, khiến cho khẩu hiệu dân sinh có cơ sở nở rộ; vừa xoa dịu sự bất mãn của quần chúng đối với chính quyền Quốc dân đảng, có lợi cho sự thống trị của Quốc dân đảng.

5. CUỘC "CẢI TẠO" CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG

I. MẦM MỐNG "CẢI TẠO" VÀ SỰ THAY ĐỔI TƯ TƯỞNG CỦA TƯỞNG GIỚI THẠCH

Xác lập thể chế giới nghiêm và thực hiện hai chính sách lớn là phương sách chiến lược của Quốc dân đảng để củng cố sự thống trị của họ đối với Đài Loan. Đồng thời, hiểu rõ các phe phái nội bộ trong tình trạng chiến bại, chính quyền Đài Loan đã tiến hành chỉnh đốn hàng loạt, trước hết là cuộc "cải tạo" Đảng, cái mà Tưởng Giới Thạch mưu đồ từ lâu.

Người sáng lập Quốc dân đảng, Ngài Tôn Trung Sơn, mỗi lần vấp váp đều tiến hành cải tạo. Trước thảm bại vừa qua, Tưởng Giới Thạch cũng nghĩ đến tiền lệ của Tôn Trung Sơn; Ông nói với các Đảng viên: "Mỗi lần gặp bước nước nhà mất còn, cách mạng thành bại (Thủ tướng) đều cố gắng cải tạo Đảng, đích thân Thủ tướng đã năm lần đổi tên Đảng, tổ chức Đảng cũng năm lần cải cách". Vì vậy Tưởng cũng muốn cải tạo Đảng một lần.

Về phương diện lịch sử, có hai phương thức cải tạo Quốc dân đảng. Một là, xây dựng một Đảng mới, như Quốc dân đảng đổi thành Đảng Cách mạng Trung Hoa; hai là, trên cơ sở Đảng cũ, tiến hành chỉnh đốn theo kiểu đại phẫu thuật, như cải tổ năm 1924.

Tưởng Giới Thạch khi tính phương án cải tạo cũng đã nghĩ đến phương thức thành lập Đảng mới. Trước khi tạm bị gạt ra khỏi chính quyền, ngày 13 tháng 12 năm 1948 ông đã chỉ thị cho Hồ Quỹ, Diệp Thanh, Từ Phúc Quan chính thức thành lập một tổ chức gọi là "Đại đồng minh nhân dân cứu quốc Trung Quốc". Tổ chức này có đầy đủ cả chương trình hành động, cương lĩnh, ban cán sự Trung ương và Tuyên ngôn đối với thời cục. Thực tế, đó chỉ là ném đá dò đường mà thôi. Nghĩ đi nghĩ lại, Tưởng cảm thấy không thể vứt bỏ chiêu bài Quốc dân đảng được, cuối cùng quyết định dùng phương thức đại cải tổ trên cơ sở Đảng cũ. "Đại đồng minh" cũng không ai nhắc đến nữa.

Tháng 1 năm 1949, Tưởng Giới Thạch về vườn đến ở Khê Khẩu, Phụng Hóa, bắt đầu vạch kế hoạch "cải tạo" Quốc dân đảng. Tháng 6, Tưởng Giới Thạch chỉ định Trần Lập Phu, Trần Thành, Tưởng Kinh Quốc thiết kế phương án "cải tạo". Ngày 14 tháng 7, Tưởng Giới Thạch đem Phương án cải tạo Đảng ta đến Quảng Châu cho Ban Thường vụ Trung ương thảo luận. Ngày 18 tháng 7, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương lần thứ 204 thông qua Cương yếu cải tạo và trình tự thi hành. Ngày 20 tháng 9, Tưởng Giới Thạch đọc Thư gửi các đồng chí trong toàn Đảng tại Trùng Khánh, kêu gọi Đảng viên tham gia "cải tạo". Nhưng lúc đó quân đội Quốc dân đảng đã tan rã, còn đang vội chạy ra Đài Loan, giữ thân chưa xong, ai nghĩ đến cải tạo làm gì. Mãi đến sau tháng 6 năm 1950, Mỹ giương ô bảo vệ Đài Loan, vấn đề "cải tạo" mới lại được nhắc đến trong chương trình nghị sự.

Nói đến "cải tạo" trước hết cần phải xem cải cái gì, cải thế nào, điều này quyết định bởi Tưởng Giới Thạch tổng kết bài học thất bại như thế nào. Nói cách khác Tưởng Giới Thạch rút ra nguyên nhân thất bại như thế nào, cũng có nghĩa là "cải tạo" để thay đổi tư tưởng chuẩn bị dư luận.

Sau khi về vườn, Tưởng đã tập trung tinh lực vào tìm nguyên nhân thất bại. Đến Đài Loan, càng suy nghĩ nhiều về vấn đề này và đem nhận thức của mình đi giảng giải ở khắp nơi. Một lần, ở hội nghị có đến hơn hai nghìn cán bộ trung, cao cấp, Tưởng Giới Thạch biểu thị "cần phải" thành khẩn tiếp nhận bài học thất bại ở Đại Lục, không tiếc hy sinh tình cảm và thể diện triệt để cải tạo.

Tưởng Giới Thạch tổng kết nguyên nhân thất bại bao gồm năm điểm cơ bản sau đây:

1. Ngoại giao quốc tế: Ông tuyên bố: nói Quốc dân đảng thất bại đối với Trung Cộng, chẳng thà nói thẳng ra là thất bại đối với Nga Xô. Ông công kích chủ nghĩa xã hội là sản phẩm nhập của

phương Tây. Trung Cộng là đội biệt động xâm nhập Trung Quốc của Nga Xô. Thắng lợi của Trung Cộng chủ yếu là nhờ Nga Xô giúp khống chế Đông Bắc. Còn đồng minh Mỹ của Quốc dân đảng lại ngầm ký Mật ước Yalta với Liên Xô, đem Đông Bắc Trung Quốc làm quà cho Liên Xô, tiếp theo đến mùa xuân 1948, ngừng toàn bộ viện trợ quân sự, kinh tế đối với Chính phủ Nam Kinh. "Mua rẻ Trung Hoa Dân Quốc chính là đỉnh cao âm mưu từ lâu của Liên Xô đối với ngoại giao Mỹ, là mục đích trước sau như một của hàng trăm năm nay, nhằm xâm lược Trung Hoa. Họ đã đạt được mục đích."71

Qua "tổng kết" đổi trắng thay đen này, thất bại của Quốc dân đảng được mô tả thành thất bại "chống xâm lược của Đế quốc Nga" có chút màu sắc bi kịch "chống ngoại bang, tuy thua nhưng vinh dự". Thành công của Cách mạng Nhân dân Trung Quốc lại bị bôi nhọ thành công cụ trong âm mưu xâm lược của Nga Xô.

Đảng cộng sản lãnh đạo nhân dân lật đổ ba ngọn núi lớn: Chủ nghĩa đế quốc, Chủ nghĩa phong kiến, Chủ nghĩa tư bản quan liêu lại bị coi là tội phạm dân tộc "mười ác không thể tha". Còn Tưởng Giới Thạch hành động ngang ngược bị nhân dân ghét bỏ lại thành anh hùng, lãnh đạo quân đội đơn thương độc mã chống lại nước Nga hùng mạnh.

Tưởng Giới Thạch công kích Đảng cộng sản, căn bản không bõ thảo luận. Cái mà ông gọi là "Đế quốc Nga xâm lược Trung Quốc" đúng ra chỉ cóp nhặt miệng lưỡi các chính khách phe hữu của Mỹ, ông cường điệu Mỹ cắt viện trợ Đài Loan là giúp đế quốc Nga thực hiện được "âm mưu xâm lược Trung Quốc có từ hàng trăm năm nay", chẳng khác gì các chính khách phe hữu của Mỹ chỉ trích Chính phủ Truman "vứt bỏ Trung Quốc". Tưởng Giới Thạch thừa biết là chống Nga càng mạnh càng được nhiều viện trợ của Mỹ. Ông cố chứng minh rằng khi đó Mỹ "bàng quan" là đã phạm sai lầm lớn như thế nào.

Đồng thời sau khi nếm mùi bị đồng minh bỏ rơi, Tưởng Giới Thạch cũng nhận thức: "Tin dựa vào Mỹ, tôi cho rằng không sai, nhưng ỷ lại vào bạn, thiếu quyết tâm tự lực cánh sinh, đó là điều sai lầm to lớn đã mang lại cho chúng ta bi kịch của ngày hôm nay." Điều này có thể nói là đáng giá nhất trong tổng kết nguyên nhân thất bại về mặt ngoại giao quốc tế của Tưởng Giới Thạch.

2. Kinh tế: Tưởng Giới Thạch khẳng định sự tan rã về mặt kinh tế là nguyên nhân quan trọng nhất làm cho Quốc dân đảng sụp đổ. Kinh tế tan rã có ba nguyên nhân: (1) Chiến đấu lâu dài không khôi phục được các vết thương; (2) Đảng cộng sản "gây rối" cản trở tiến trình xây dựng đất nước; (3) Tống Tử Văn tự động lấy ngân hàng Trung ương để cải cách tiền tệ "phá vỡ chính sách cải cách tiền tệ của Chính phủ, khiến cho kinh tế lâm vào tình trạng lạm phát ác tính, đầu cơ, lũng đoạn các xí nghiệp chính đáng không thể tồn tại, giai cấp trung sản bị mai một, tâm lý xã hội dao động, sự tan ra của nền kinh tế không có cách gì cứu vãn, đây là khâu then chốt trong sự tan rã chung của nền kinh tế ở Đại Lục và cũng là bài học quan trọng nhất trong sự nghiệp kinh tế từ nay về sau".

Tổng kết này của Tưởng chẳng qua chỉ là "gãi ngứa ngoài giầy" trút sạch mọi trách nhiệm của mình, càng khó thuyết phục mọi người. Nhưng Tưởng đưa "Quốc cữu Tống Tử Văn" ra làm vật hy sinh cũng có thể nói là bạo dạn. Sở dĩ phải làm như vậy vì:

1. Quan hệ Tưởng – Tống chỉ bằng mặt, không bằng lòng. Khi Quốc dân đảng thảm bại ở Đại Lục, Tống Tử Văn mang một khoảng tiền lớn chuồn sang Mỹ ẩn dật, chính quyền Đài Loan càng mời càng xa, mấy lần từ chối "trở về". Thậm chí, Quốc dân đảng tung tin khai trừ đảng cũng không hề lay động ông ta.

2. Có tin nói Tống Tử Văn có ý định làm đảo chính, đã từng yêu cầu Mỹ giúp đưa vũ khí vào Đài Loan. Tất nhiên tính chính xác của tin tức cũng còn có vấn đề, nhưng Tưởng Giới Thạch như con chim sợ cành cong, không thể không đề phòng.

3. Phái Trần Thành, phe Tưởng Kinh Quốc và phái CC theo Tưởng Giới Thạch đến Đài Loan đều

bất mãn đối với Tống Tử Văn. Tưởng Giới Thạch "vì đại nghĩa diệt thân", có lợi cho đoàn kết nội bộ, cũng để chứng tỏ ông ta trong Tổng kết thất bại, dám "hy sinh tình cảm và thể diện".

Khi tổng kết bài học về kinh tế, toàn thể Đảng viên Quốc dân đảng đều nhận rõ một điểm, theo cách nói của Tưởng Giới Thạch, là: "Mọi đồng chí chúng ta đều thấy rằng bốn năm chiến tranh chống Cộng, Chính phủ đã không thực hiện chủ nghĩa dân sinh." Nhận thức này đã giúp sức về mặt tư tưởng cho Đài Loan tiến hành cải cách ruộng đất và nâng đỡ tư bản tư doanh.

3. Quân sự: Tưởng Giới Thạch ba hoa về chiến tranh tiễu Cộng, nào là lúc đầu từng "thắng lợi áp đảo", "có thể nói là vô địch". Tiêu diệt Đảng cộng sản "là điều chắc chắn, không có vấn đề gì" "chỉ vì Mỹ tham gia điều quân, mỗi khi Quốc quân tiến một bước lại bị ban điều quân chống lại, làm cho Quốc quân bó tay chịu đòn, lòng người càng chán ngán, ngày một nghiêm trọng càng ngày càng xuống dốc". Còn Đảng cộng sản "không những có dịp nghỉ sức, lại được ung dung chỉnh đốn bổ sung ngày càng mạnh, cuối cùng Quốc quân đành chịu tan rã". "Do đó, sự thất bại quân sự của ta có thể nói vẫn là thất bại về ngoại giao."

Nhưng lời lẽ trên đây chẳng qua là Tưởng Giới Thạch muốn rũ sạch trách nhiệm của mình. Những tướng lĩnh Quốc dân đảng có lương tri cũng đều biết đó không phải là sự thật, nhưng đành là "Thánh ý chỉ biết nghe" mà thôi.

Nhưng về mặt này, Tưởng Giới Thạch cũng thấy được một số tệ hại của quân đội Quốc dân đảng. Ông chỉ rõ: "Một số tướng lĩnh của Quốc quân vô học, ngu xuẩn, bị trong ngoài chế giễu, bị xã hội khinh bỉ, tu dưỡng về chiến lược chiến thuật không những rỗng tuếch lại không chịu nghiên cứu, thậm chí một ít tri thức học được ở trường quân sự cũng vứt sạch". Ông thừa nhận: "Từ cuối cuộc chiến đến nay, tệ tham ô, hối lộ biểu hiện trong nội bộ Đảng, đó cũng là một nguyên nhân quan trọng trong thất bại quân sự."

Thông qua nhiều năm đối đầu với Đảng cộng sản, Tưởng Giới Thạch cũng cảm nhận được uy lực của chiến tranh nhân dân, nhưng ông không công nhận Đảng cộng sản đại biểu cho nhân dân, nên ông gọi chiến tranh nhân dân là "chiến tranh tổng thể". Tưởng Giới Thạch cũng không thừa nhận mình đối lập với nhân dân, vì thế ông cho nguyên nhân Quốc dân đảng không làm nổi "chiến tranh tổng thể" là chịu "sức ép của Đảng cộng sản quốc tế," thế lực tuyên truyền của những người cùng đường lối với họ, tình hình chính trị quốc tế và chịu "sự hạn chế của Hiến pháp". Ông nói, từ nay về sau Quốc dân đảng cũng phải tổ chức quần chúng nhân dân thành lực lượng kết hợp quân với chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, "lấy chiến tranh tổng thể đối đầu với chiến tranh tổng thể".

4. Giáo dục: Tưởng Giới Thạch nhận thức rằng dư luận tiến bộ, khuynh hướng dân chủ của thanh niên, phong trào học sinh đều phát huy tác dụng quan trọng trong việc làm tan rã sự thống trị của Quốc dân đảng. Ông nhớ lại tình hình khi còn ở Đại Lục, nói: "Phát thanh, điện ảnh và tuyên truyền có ý nghĩa giáo dục đối với quần chúng không phải là văn bản của chủ nghĩa quốc tế thì cũng là tuyên truyền cho tổ chức đó, đều sát thương quần chúng, kích động tâm lý quần chúng". Trong trường học chỉ hạn chế giảng dạy và học về khoa học, các đạo lý tu thân trị quốc "mặc cho các giáo sư tùy ý nói nhảm, nhất là trong các trường chuyên nghiệp đầy rẫy tư tưởng quốc tế của chủ nghĩa Cộng sản, nếu không thì cũng là tư tưởng cá nhân của chủ nghĩa tự do… không những họ chế giễu Chủ nghĩa Tam dân, triết học dân sinh mà còn phá hoại và chống đối. Do đó, những người theo chủ nghĩa tự do cá nhân đều muốn rằng chính quyền bớt can thiệp tý nào, tư tưởng học thuật sẽ được tự do thêm tý nấy, càng cho rằng Đảng ta rút khỏi trường học, tư tưởng học thuật mới được tự do. Kết quả là: "Trường học trở thành Đại bản doanh của thành lũy Đảng cộng sản", "(khoa học) trở thành khẩu hiệu chống văn hóa dân tộc, (Dân chủ) trở thành thủ đoạn của Nga Xô và phỉ Cộng cướp đi thành quả chiến tranh của ta, tiêu diệt tinh thần dân tộc của ta".

Từ nhận thức này, Tưởng Giới Thạch đề nghị đưa tất cả học sinh trung, cao học trở lên vào tổ chức; tăng cường công tác tuyên truyền của Quốc dân đảng; khống chế nghiêm ngặt các xuất

bản phẩm. Đồng thời, đề nghị cái gọi là nhiệm vụ "chiến đấu trên hai mặt trận tư tưởng", một mặt khống chế chủ nghĩa Cộng sản, một mặt chống chủ nghĩa tự do cá nhân. Đây chính là luận điệu cơ bản của chủ nghĩa chuyên chế văn hóa trong suốt hơn 30 năm về sau.

5. Chính trị: Tưởng Giới Thạch đã nêu những thất bại ngoại giao, kinh tế, quân sự, giáo dục, nhưng thất bại lớn nhất phải nói là thất bại chính trị, mà nguyên nhân quan trọng nhất là thất bại trong xây dựng Đảng.

Tưởng Giới Thạch chẩn đoán ba triệu chứng:

Đầu tiên, sự dao động lòng tin vào Chủ nghĩa Tam dân. Tưởng Giới Thạch nói: "Tôi đau lòng vì nhiều đồng chí, trong đó một số đồng chí có học vấn hẳn hoi, cố gắng để khẳng định Chủ nghĩa Tam dân, ấy thế mà khi đứng trước chủ nghĩa Cộng sản Marx lại bị lạc hướng, đem chủ nghĩa Cộng sản để giải thích Chủ nghĩa Tam dân. Thậm chí, lấy Chủ nghĩa Tam dân làm chiêu bài để tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản… Một số Đảng viên lấy câu nói của Thủ tướng (Tôn Trung Sơn): "Chủ nghĩa Tam dân chính là chủ nghĩa Cộng sản" để giải thích vòng vèo về Chủ nghĩa Tam dân, đi dựa vào phỉ Cộng, đổ trách nhiệm lên Thủ tướng".

Vấn đề Tưởng Giới Thạch nói ở đây là vấn đề căn bản của Quốc dân đảng. Trong Đảng cũng có khá nhiều phần tử phái tả kiên trì Chủ nghĩa Tam dân mới của Tôn Trung Sơn, đi theo con đường liên Nga, liên Cộng, nâng đỡ công nông. Lòng tin và đường lối chính trị của họ là nhất trí, không hề có cái gọi là "giải thích vòng vèo" và "lạc hướng". Chỉ những Đảng viên theo Tưởng Giới Thạch, về mặt lý luận, mượn ngọn cờ của Tôn Trung Sơn để hành động ngược với Chủ nghĩa Tam dân mới, tạo nên mâu thuẫn sâu sắc giữa lòng tin và thực tiễn. Một số thực sự tin vào Tôn tiên sinh không khỏi có những nghi vấn, theo cách nói của Tưởng Giới Thạch gọi họ là "dao động lòng tin vào Chủ nghĩa Tam dân". Một số kiên trì con đường chống Cộng, tuy miệng vẫn tôn sùng Tôn Trung Sơn là "Quốc phụ" nhưng hễ nói đến Chủ nghĩa Tam dân lại như gà mắc tóc, không khỏi đổ trách nhiệm cho Thủ tướng. Cả hai loại này đều cảm thấy "lạc hướng", khủng hoảng lòng tin.

Trước tác của Tôn Trung Sơn còn đó, quan điểm quan trọng về liên Nga, liên Cộng nói rất rõ ràng, đây không giống như Kinh Thánhcủa Cơ đốc giáo, hoặc Đạo đức kinh của đạo giáo để người đời sau tha hồ giải nghĩa. Vì vậy, bọn nhà văn phản động cho dù cố vắt óc cũng không thể đặt dấu bằng giữa "tín đồ Trung Sơn" và "phản Nga, phá Cộng" được. Điều này quyết định sự khủng hoảng lòng tin của Quốc dân đảng là không thể khắc phục được, nó cũng quyết định Tưởng Giới Thạch chỉ còn trông mong vào sự sùng bái cá nhân và tư tưởng trung quân phong kiến một cách ngu xuẩn lấy sự trung thành với lãnh tụ để làm sợi dây tinh thần trói buộc toàn Đảng.

Xuất phát từ lô-gic này, Tưởng Giới Thạch đem triệu chứng thứ hai của "thất bại về đảng" quy cho "dao động về sự trung thành đối với trung tâm lãnh đạo cách mạng". Cái gọi là "Trung tâm lãnh đạo cách mạng" chẳng qua là một cách gọi khác của ba chữ "Tưởng Trung Chính" mà thôi.

Theo cách nói của Tưởng Giới Thạch, sự sụp đổ của Quốc dân đảng không phải do chính sách phản động của họ mà do "mắc mưu Đảng cộng sản", làm tổn thương uy tín người lãnh đạo cách mạng, phá tan lực lượng của dân tộc, dẫn đến kết quả là xa rời ông. Ông chửi rủa Trương Trị Trung, Thiệu Lực Tử, những người theo phái dân chủ trong Đảng đã yêu cầu ông về vườn là "mất hết Đảng đức". Ông chỉ trích Lý Tôn Nhân, Bạch Sùng Hi diễn trò ăn hiếp vua là "đối với cá nhân tôi không những không coi là lãnh tụ, là đồng chí, thậm chí họ coi tôi là tội phạm, ra sức bôi nhọ". Ông cao giọng tuyên bố: "Chúng ta sở dĩ kiên trì đến cùng cuộc kháng chiến chống Nhật chính vì cả nước nhất trí kiên định tin tưởng vào tôi. Đế quốc Nga thấy rõ điểm này nên ra một đòn cuối cùng để tiêu diệt Đảng Trung Hoa Dân Quốc là tập trung nói xấu Trung Chính này."

Trên cơ sở nhận thức đó, Tưởng Giới Thạch coi xây dựng lại uy quyền tinh thần của ông đối với Đảng viên là nội dung quan trọng trong "cải tạo" Quốc dân đảng. Cố tình chế ra một sự

sùng bái cá nhân ở Đài Loan đối với "nửa người nửa thần" Tưởng Giới Thạch. Những người theo ông, thổi phồng là "Người thầy của cách mạng dân tộc Trung Hoa" "Tiên tri chống Cộng toàn nhân loại" "Người khổng lồ thời đại của thế kỷ XX", "Điển hình về đạo đức cao đẹp nhất, tinh hoa của văn hóa Trung Hoa và tinh thần vương đạo phương Đông", thôi thì đủ loại mỹ từ xu nịnh, đến tận ngày nay vẫn chưa dứt.

Trong tình trạng lòng tin bị tan rã, Đảng viên hoài nghi đối với "Trung tâm lãnh đạo cách mạng" tất nhiên sinh ra kỷ luật lỏng lẻo, tổ chức rã rời.

Cuối năm 1948, Quốc dân đảng hoàn toàn sụp đổ. Lý Tế Thâm, Bằng Ngọc Tường thành lập "Dân cách" ở mặt trước, Lý Tôn Nhân, Bạch Sùng Hi "ăn hiếp vua" ở mặt sau. Phó Tác Nghĩa, Trường Trị Trung, Thiệu Lực Tử, Trình Tiềm lần lượt quay giáo. Tống Tử Văn, Khổng Tường Hi, Tôn Khoa, Ngụy Đạo Minh, Lưu Trĩ mỗi người một nơi. Quốc dân đảng với hơn bốn triệu Đảng viên, ra Đài Loan chỉ còn hơn 70 nghìn. Trong tổng số 2.961 "Đại biểu Quốc hội", ra đảo chỉ còn 1.080 người. Trong số những người ra đảo, rất nhiều người lấy đó làm cầu nhảy, lấy Đài Loan làm trạm trung chuyển, sau đó sang Âu, Mỹ. Bọn chống Cộng, tuy miệng hô "cùng sống chết với Đài Loan" nhưng thực ra chỉ là chỉ trích lẫn nhau, tranh giành quyền lợi. Tình trạng "tan đàn xẻ nghé" diễn ra hỗn loạn. Tưởng Giới Thạch gọi là "có bí mật bán bí mật, có công văn bán công văn"; "bọn táng tận lương tâm thì đầu hàng, bọn vô liêm sỉ thì phản Đảng, bọn thất vọng thì trốn tránh, bọn buồn chán thì oán than. Trung Chính này tự kiểm điểm không làm sao giữ cho họ khỏi sợ hãi, hoang mang". Tưởng Giới Thạch còn chỉ ra rằng: "Tổ chức Đảng không được kiên cường, kỷ luật Đảng không nghiêm túc, đó thực sự là nỗi nhục lớn của Đảng ta."

Ba điểm trên đây là tổng kết của Tưởng Giới Thạch về "thất bại của Đảng", cũng có thể nói là nguyên nhân chủ quan của thất bại chính trị mà ông kiểm điểm trên lập trường "Đảng trị". Ngoài ra, ông còn xuyên tạc sự thực khách quan, biện hộ hai điểm cho thất bại chính trị của mình.

Một là, "Nhược điểm của chính trị dân chủ". Tưởng Giới Thạch tung ra luận điệu "Chủ chủ nghĩa Cộng sản sinh ra và lớn lên trên nhược điểm của chính trị dân chủ", thất bại của Quốc dân đảng là thực hành "Hiến pháp dân chủ" kết quả để cho Đảng cộng sản "có cơ hội gây chia rẽ, có lỗ hổng để chui vào", làm yếu đi sức khống chế của Chính phủ. Do đó, Tưởng chỉ ra rằng: "Thể chế muốn tôn trọng Hiến pháp dân chủ, càng cần phải tăng cường sức mạnh của tổ chức, phát huy hiệu suất của chính trị dân chủ."

Hai là, chế độ không được kiện toàn về mọi mặt. Tưởng Giới Thạch chỉ ra rằng: Quân sự sở dĩ tan rã, các mặt khác như công tác Đảng chính trị, kinh tế, xã hội sở dĩ hỗn loạn như ngày hôm nay nguyên nhân chủ yếu cũng vì chưa xây dựng được các chế độ. Điều này, Tưởng nói rất đúng. Nhưng vừa chuyển giọng, Tưởng lại quy cho "Hiến pháp". Ông nói: Chúng ta đều rõ rằng huấn luyện viên chính trị chưa hoàn thành, nhân dân còn chưa đạt trình độ hiểu biết về thực hiện dân chủ, nhưng vì quan hệ trong ngoài và yêu cầu của thời đại không thể không kết thúc sớm việc huấn luyện chính trị, thực hiện "Hiến pháp", thế là xóa sạch chế độ cũ. Trong khi chế độ mới chưa có thì đã phá tan chế độ cũ, nên mới hình thành cảnh tượng hỗn loạn như thế này, đó là thất bại của toàn bộ chính sách dẫn đến sự sụp đổ toàn bộ về chính trị.

Thất bại của Quốc dân đảng chính là do không dân chủ, nhưng Tưởng lại nói ngược, coi thực hiện "Hiến pháp" là nguyên nhân thất bại. Tổng kết bài học kinh nghiệm như vậy khiến cho con đường độc tài chuyên chế của Tưởng Giới Thạch càng đi càng xa.

Căn cứ vào tổng kết năm nguyên nhân thất bại về ngoại giao kinh tế, quân sự, giáo dục và chính trị kể trên, Tưởng Giới Thạch xác định: Trong cải tạo "về mặt tiêu thụ phải thanh toán chủ nghĩa thất bại, phải hối cải thống thiết thói quen kéo bè kéo Đảng, phải quét sạch tác phong quan liêu" và "phải xác định lại đường lối chính sách và cơ sở xã hội của Đảng, căn cứ vào đó để quyết định nguyên tắc tổ chức và phương hướng công tác của Đảng. Đồng thời xác định ba mục lớn: Một là xây dựng các chế độ, yêu cầu các mặt công tác Đảng, chính trị, quân sự,

kinh tế, giáo dục, xã hội đều phải kiện toàn các chế độ, nhất thiết phải chế độ hóa; hai là phải chú trọng tổ chức, yêu cầu ai cũng phải đứng trong tổ chức; ba là cải tạo tư cách, trừ bốn mục thất bại chủ nghĩa kể trên, yêu cầu đả phá "trạng thái vô kỷ luật, vô tổ chức, vô Chính phủ" và "tác phong xa hoa lãng phí".

Trên đây là các nguyên tắc chỉ đạo phong trào "cải tạo". Sau khi đã xác định xong các nguyên tắc, vở kịch lớn "cải tạo" mới được đưa lên sân khấu chính trị.

II. PHÁI CC TRỞ THÀNH MỤC TIÊU ĐẢ KÍCH TRONG PHONG TRÀO "CẢI TẠO"

Tưởng Giới Thạch "cải tạo" Quốc dân đảng, không chỉ đơn thuần là một cuộc chỉnh phong tư tưởng, mà là một cuộc chỉnh đốn lớn về nhân sự và phân phối quyền lực. Vì vậy, thế nào cũng phải có kẻ thành vật hy sinh của cuộc vận động lần này.

Trước hết, Tưởng chọn mục tiêu đả kích là phe Lưỡng Quảng. Ý đồ "cải tạo" chủ yếu là lấy "Đảng quyền" của "Tưởng Tống Tài" đè bẹp "Chính quyền" của "Quyền Tống thống" Lý Tôn Nhân, dọn đường vùng lên. Trong Thư gửi toàn thể các đồng chí trong Đảng của Tưởng Giới Thạch tháng 9 năm 1944, có câu: "Phải triệt để thanh toán chủ nghĩa thất bại, phải hối cải thống thiết thói quen kéo bè kéo đảng" chính là nhằm vào phe Lưỡng Quảng, kẻ đã ép Tưởng phải về vườn và đình chiến cầu hòa.

Khi đó, Tưởng Giới Thạch cũng muốn nhân dịp "cải tạo" tước quyền lực của phái CC, họ lâu nay vẫn nắm giữ hệ thống công tác Đảng, đặt cơ sở cho việc "truyền ngôi" sau này. Nhưng trước mặt phải đối phó với phe Lưỡng Quảng đang gây sức ép với mình. Ông phải tìm sự ủng hộ của nhiều phía, cho nên phương án cải tạo đầu tiên vẫn phải triệu đến người đứng đầu phái CC là Trần Lập Phu.

Đến tháng 6 năm 1950, tình hình có biến đổi. Mục tiêu chủ yếu định nhằm vào phe Lưỡng Quảng không còn nữa, nên phái CC trở thành đối tượng "cải tạo" số một.

Tên gọi của phái CC có hai cách giải thích. Một là viết tắt của hai anh em họ Trần (viết theo âm Trung Quốc là Chén), hai là viết tắt của Central Club (Câu lạc bộ Trung ương). Tháng 8 năm 1927, phe Lưỡng Quảng liên kết với Hà Ứng Khâm gạt Tưởng Giới Thạch ra rìa. Anh em họ Trần thu thập người của Tưởng thành lập Câu lạc bộ Trung ương, làm trung tâm hoạt động của phe Tưởng. Đó là nguồn gốc của phái CC.

Sau khi Tưởng Giới Thạch trở lại võ đài, anh em họ Trần đều được trọng dụng, lần lượt đảm nhiệm Trưởng ban tổ chức Trung ương Quốc dân đảng và các chức vụ quan trọng khác. Họ đã cố công chắp lông cánh cho Đảng, chiếm đa số trong Đảng bộ tỉnh, có thời người ta đã nói: "Đảng họ Trần, Dân họ Tưởng". Đại tướng của phái CC có Trương Đạo Phiên, Cốc Chính Cương, Cốc Chính Đỉnh, Dư Tỉnh Đường, Hồng Lan Hữu, Phương Trị, Phan Công Triển, Từ Ân Bằng, Diệp Tú Phong, Quý Nguyên Bạc, Tiêu Tranh, Thiệu Hoa... Phái CC thao túng Cục Thống kê Điều tra Đảng bộ Trung ương (Trung thống). Tổ chức đặc vụ này nắm cơ quan kiểm tra bưu điện các cấp và lợi dụng thế lực đảng bộ các tỉnh, bao biện công việc tuyển cử "Đại biểu Quốc hội", "Ủy viên Lập pháp" và "Ủy viên Giám sát". Do đó, họ tương đối có thực lực trong "Quốc hội". Ngoài ra, Trần Lập Phu còn đảm nhiệm chức Giám đốc Kim khố Hợp tác Trung ương, Chánh Văn phòng Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc, Chánh Văn phòng Công ty Bảo hiểm Nông nghiệp Trung Quốc, Chủ nhiệm Ủy ban Tài vụ Trung ương trở thành một trong số ít người có thế lực kinh tế trong Quốc dân đảng.

Phái CC là phái theo Tưởng cho đến chết, nhưng có thời vì khuếch trương thanh thế hơi quá đà, khiến cho Tưởng Giới Thạch ghét. Sau thời kỳ chiến tranh chống Nhật, vì phái CC quá thối tha trước mắt nhân dân toàn quốc, Tưởng Giới Thạch bắt Trần Quả Phu nhường chức Trưởng ban tổ chức Trung ương cho Chu Gia Hoa. Chu được Đới Quý Đào nâng đỡ, thường xuyên đào khoét chân tường của phái CC. Để giành lại tổ chức, cuối năm 1944 phái CC tổ chức "Câu lạc bộ Đổi mới" tập trung hỏa lực công kích Chu Gia Hoa và Khổng Tường Hi, cuối cùng ép Chu Gia Hoa

trao trả quyền lực, Khổng Tường Hi phải ra nước ngoài. Trần Quả Phu lại nắm chức Trưởng Ban tổ chức Trung ương. Năm 1945, phái CC tổ chức các cuộc tọa đàm, thành viên của phái này khẳng khái trình bày quan điểm, vạch ra những thủ đoạn chính trị xấu xa, thậm chí chỉ trích Tưởng Giới Thạch không dân chủ. Tháng 5, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội VI. Phái CC lấy bộ mặt đổi mới, chế giễu phê bình chính cuộc ngay trên hội nghị và nhân đó chiếm gần nửa số ghế Ủy viên Trung ương. Những điều này khiến cho Tưởng Giới Thạch cảm thấy cần phải hạn chế phái CC.

Tiêu điểm mâu thuẫn giữa phái CC và Tưởng Giới Thạch ở chỗ Tưởng muốn từng bước đưa Tưởng Kinh Quốc tiếp quản hệ thống công tác Đảng, trong khi phái CC quyết không chịu nhường trận địa đã giành được. Tháng 3 năm 1946, Tưởng Giới Thạch định đưa Trần Quả Phu ra làm Tỉnh trưởng Chiết Giang và nói thẳng với Trần: "Ông làm việc tốt đấy, nhưng ở Trung ương không tốt." Trần đáp lại: "Hiện nay ở Trung ương, ai làm tốt" và từ chối đề nghị của Tưởng, nắm chặt quyền tổ chức không chịu dời.

Tháng 5 năm 1946, phái CC đề nghị hợp nhất Trường Cán bộ Trung ương Đoàn Tam Thanh do Tưởng Kinh Quốc làm Giảng viên chính với Trường Đảng Trung ương do phái CC nắm, thành Đại học Chính trị Quốc lập ý đồ muốn nuốt trường Đoàn của Tưởng Kinh Quốc. Cha con Tưởng tương kế tựu kế đồng ý hợp nhất và đề xuất để Tưởng Giới Thạch kiêm luôn chức Hiệu trưởng Đại học chính trị Quốc lập và Tưởng Kinh Quốc làm Giảng viên chính. Hóa ra là Tưởng Kinh Quốc "xơi phái CC". Phái CC nghe tin làm ầm lên, ngầm sai học sinh trường Đại học Chính trị sinh sự, hô khẩu hiệu "không làm học sinh con cháu", chống lại Tưởng Kinh Quốc. Tưởng Giới Thạch gọi Trần Lập Phu đến mắng chửi mới dẹp yên được sóng gió. Nhưng Tưởng Kinh Quốc cũng mất mặt, phải thôi chức Giảng viên chính.

Tháng 7 năm 1947, cha con Tưởng lại phản kích triệu tập Hội nghị Liên tịch toàn Trung ương Đảng và Đoàn lần thứ VI, xúc tiến hợp nhất giữa Quốc dân đảng và Đoàn Tam Thanh. Sau khi hợp nhất, cán sự Trung ương Quốc dân đảng. Giám sự Trung ương Đoàn Tam Thanh nghiễm nhiên thành "Ủy viên Giám sát" Trung ương Quốc dân đảng. Do đó, Tưởng Kinh Quốc mới được kết nạp Đảng năm 1940 dẫn hàng loạt thân tín của mình trong mạng lưới Đoàn Tam Thanh, đường hoàng tiến vào Trung ương Quốc dân đảng. Rõ ràng đây là bước đánh mạnh vào phạm vi thế lực của CC.

Nhưng hai anh em họ Trần đấu tranh bè phái trong Đảng đã lâu, nhiều kinh nghiệm. Ngoài mặt họ thuận theo Tưởng Giới Thạch, bên trong họ gây muôn vàn khó khăn cho Tưởng con, khiến cho người của Tưởng con không có cách gì cắm chân vào các Đảng bộ tỉnh, thành phố. Cuối cùng đúng như Tưởng Giới Thạch nói "tổ chức thống nhất Đảng và Đoàn lần này, cố gắng để cải tạo Đảng ta một cách triệt để có thể nói không một chút thành công."

Từ tháng 8 đến tháng 10, Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp" ở Thượng Hải, phái CC ngầm gây rối khiến cho mẫu thuẫn giữa hai bên càng sâu sắc thêm.

Tháng 1 năm 1949, trước khi Tưởng Giới Thạch về vườn, triệu tập thân tín tức giận nói: "Đảng cộng sản không đánh bại tôi, đánh bại tôi chính là Quốc dân đảng nhà mình". Sau đó chỉ mặt Trần Lập Phu nói: "Chính là bọn các anh". Khi đó Tưởng cáu giận đến nỗi thề rằng từ nay về sau vĩnh viễn không thèm vào cửa Đảng bộ Trung ương. Có thể thấy là ông ta oán giận phái CC đến thế nào.

Sau khi đến Đài Loan, có ba nhân tố khiến Tưởng Giới Thạch hạ quyết tâm thanh toán phái CC.

Thứ nhất là phe Lưỡng Quảng mà Tưởng coi là cái họa tâm phúc đã giải thể, các phe khác hoặc có tướng không có quân, hoặc có quân không có tướng, đều không có thực lực tranh quyền đoạt lợi với Tưởng. Do đó, phái CC vốn được Tưởng lợi dụng trở nên mất giá, không những thế lại là trở ngại cho việc Tưởng Kinh Quốc mở rộng thanh thế, nhất là ở Đài Loan đột nhiên các bộ ở Trung ương, các ban ở tỉnh rầm rộ mọc lên, mật ít ruồi nhiều, vội vàng phân phối lại quyền lực. Để đảm bảo Tưởng con thu được nhiều quyền lực trong cuộc này tất phải loại bỏ đối

thủ già dặn có thực lực và đang muốn tranh quyền là phái CC.

Nhân tố thứ hai: Khi đó mấu chốt mất còn của chính quyền Tưởng là lôi kéo Mỹ. Nhưng Mỹ vốn ghét phái CC. Một trong những nội dung quan trọng mà Mỹ phê bình Tưởng Giới Thạch chính là trọng dụng phái CC. Mùa đông năm 1948, trong cuộc tranh cử Tổng thống ở Mỹ, Trần Lập Phu đã mang một khoản tiền lớn tuyên tuyền cho Thomas Dewey. Ai ngờ đối thủ của Dewey là Truman lại trúng cử, khiến cho Truman rất giận Tưởng Giới Thạch. Tưởng muốn quăng Trần Lập Phu ra làm vật hy sinh, hòng mong Truman nguôi giận, cải thiện quan hệ với Mỹ.

Nhân tố thứ ba là: Khi đó một thực lực khác ở Đài Loan là Trần Thành có quan hệ rất căng thẳng với phái CC. Khi còn ở Đại Lục, Trần Thành thường bị phái CC chỉ trích. Đài Loan muốn áp dụng một số biện pháp thường bị "Viện Lập pháp" do phái CC thao túng gây khó khăn. Trong điều chỉnh quyền lực sau khi ra Đài Loan, phe Trần Thành và phái CC đều muốn mở rộng quyền thế, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng gay gắt. Để đảm bảo đoàn kết nội bộ, Tưởng Giới Thạch cũng muốn chế ngự phái CC.

Do đó, Tưởng Giới Thạch đến đâu cũng nói tính quan trọng và bức thiết của "cải tạo"; định mượn "cải tạo" đẩy phái CC ra khỏi hệ thống công tác Đảng. Mặt khác, không ngừng gây sức ép với Trung ương đang do phái CC nắm.

Từ tháng 6 năm 1950, văn kiện Đảng bộ Trung ương đưa trình Tưởng Giới Thạch, Tưởng đều trả lại không duyệt. Thường vụ Trung ương mấy lần họp, Tưởng cũng từ chối không tham gia. Đến ngày 22 tháng 6, Đại tướng phái CC, Ủy viên chấp hành Trung ương, toàn thể Ban Thường vụ sẽ tự giác từ chức, để mặc "Tổng tài" tự ý thực hiện "cải tạo". Hôm đó Thường vụ đồng ý kiến nghị của Tiêu Tranh, toàn thể Ban Thường vụ tổ chức và cử Tả Nhiêm, Cư Chính, Châu Lỗ ba vị nguyên lão đến gặp Tưởng mời Tưởng dự họp và chỉ thị phương châm "cải tạo". Tiếp theo, Tưởng Giới Thạch triệu Trần Lập Phu đến hỏi ông suy nghĩ gì về "cải tạo". Trần Lập Phu sau khi xem ý tứ xong chủ động đề xuất. Thất bại về ba mặt Đảng, Chính, Quân ở Đại Lục cần có người đứng ra chịu trách nhiệm. Về Đảng do ông và Trần Quả Phu chịu. Vì thế, hai anh em ông không nên tham gia "cải tạo". Cách nói đó vốn là lui để tiến, ném đá dò đường. Nhưng Tưởng nghe xong lặng im không nói. Do đó Trần Lập Phu biết là thế đứng đã mất, không còn gì để nói nữa.

Cũng thời gian đó, vấn đề giành quyền ở "Viện Hành chính" giữa Trần Thành và phái CC cũng xảy ra ác liệt. Theo "Hiến pháp" quy định, "Viện Hành chính" chịu trách nhiệm trước "Viện Lập pháp". Các mệnh lệnh hành chính phải được "Viện Lập pháp" phê chuẩn mới có giá trị pháp luật. Nhưng khi Lý Tôn Nhân làm "Quyền Tổng thống", muốn cho Hà Ứng Khâm thân Tưởng đang làm "Viện trưởng Viện Hành chính" có thể chống lại Lý Tôn Nhân, Tưởng đã bảo "Viện Lập pháp" do phái CC nắm, trao đặc quyền cho "Viện Hành chính", lấy mệnh lệnh hành chính thay cho pháp luật. Đặc quyền đó sau khi Lý Tôn Nhân đi Mỹ, "Viện Lập pháp" thu hồi lại. Tháng 3 năm 1950, Trần Thành từ Chủ tịch tỉnh Đài Loan lên làm "Viện trưởng Hành chính", sau khi lập nội các không bao lâu đã muốn "Viện Lập pháp" lại trao đặc quyền cho "Viện Hành chính" để mệnh lệnh hành chính có giá trị pháp luật. Khi đó, Viện trưởng Lập pháp là Tôn Khoa không chịu ra Đài Loan, công tác của "Viện Lập pháp" do Phó Viện trưởng Trần Lập Phu nắm. Có hôm, Trần Thành trước mặt Tưởng Giới Thạch đã đề cập đến chuyện đó bị Trần Lập Phu phản đối. Trần Thành không chịu để yên, lấy danh nghĩa "Viện Hành chính" gửi công văn đến "Viện Lập pháp", yêu cầu làm thay một số việc thuộc quyền "Viện Lập pháp". Sau khi nhận được công văn, "Viện Lập pháp" đưa ra cho các "Ủy viên Lập pháp" thảo luận, mọi người nhao nhao phản đối, lập tức phủ quyết. Trần Thành đang chủ trì Hội nghị "Viện Hành chính" nghe tin phương án trao quyền bị phủ quyết đùng đùng nổi giận tuyên bố "tại phái CC gây ra, từ nay về sau để cho Trần Lập Phu gánh phần còn lại, tôi xin từ chức ngay". Hội nghị lập tức giải tán. Điều này gây nên một trận cuồng phong trên sân khấu chính trị Đài Loan.

Khi đó Trần Thành kiến nghị Tưởng Giới Thạch đem giam hết Trần Lập Phu và Tiêu Tranh ra Đảo Cháy[73]. Trần Lập Phu thấy sự việc xé ra to, Tưởng Giới Thạch nghiêng về phía Trần

Thành, lại đang sống ở Đài Loan, nên viết thư xin Tưởng Giới Thạch cho xuất ngoại. Cuối cùng, Tưởng Giới Thạch phải đứng ra xin với Trần Thành, rồi thông qua Trần Quả Phu đang dưỡng bệnh tại nhà bắn tin cho Trần Lập Phu rời Đài Loan.

Ngày 12 tháng 7, Ngô Trĩ Huy dẫn đầu danh sách 215 vị Ủy viên Trung ương dâng thư mời Tưởng Giới Thạch lãnh đạo Đảng, tiến hành "cải tạo". Mấy ngày sau, Tưởng hạ lệnh cách chức Chủ nhiệm Ủy ban Tài vụ Trung ương của Trần Quả Phu, triệt bỏ Kim khố hợp tác Trung ương (do Trần Quả Phu làm Giám đốc). Giữ danh nghĩa của Ngân hàng Nông nghiệp Trung ương (do Trần Quả Phu làm Chánh Văn phòng) chỉ đặt phòng bảo quản. Vậy là một lúc thủ tiêu ba cương vị kinh tế lớn của phái CC.

Ngày 21 tháng 7, Tưởng Giới Thạch triệu tập toàn thể Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng đến nói chuyện, chỉ không thông báo cho hai "đại pháo" của phái CC là Tiêu Tranh và Thiệu Hoa. Lần này Tưởng chỉ trích đích danh Trần Lập Phu.

Ngày 26 tháng 7, Tưởng Giới Thạch chỉ định danh sách Ủy viên Bình nghị Trung ương và Ủy viên cải tạo Trung ương. Ngoài Cốc Chính Cương và Trương Đạo Phiên ra, hàng loạt những nhân vật quan trọng của phái CC, kể cả Trần Lập Phu, đều bị gạt ra rìa. Trần Quả Phu cũng chỉ có tên, gọi là để an ủi, trong Ủy ban Bình nghị Trung ương; khi đó ông đang ốm nặng chưa biết sống chết ngày nào. Đến ngày 25 tháng 8, ông chết bệnh tại Đài Bắc.

Đầu tháng 8, Tưởng Giới Thạch lại hạ lệnh cải tổ các công ty điện ảnh, giáo dục và nông nghiệp do Trần Quả Phu làm Giám đốc, giao cho Tưởng Kinh Quốc phụ trách. Vậy là thủ tiêu trận địa dư luận do phái CC nắm.

Ngày 4 tháng 8, Trần Lập Phu vô cùng đau khổ lấy danh nghĩa đi dự Hội nghị tu chỉnh đạo đức, dẫn cả nhà rời khỏi Đài Loan. Nghe nói trước khi đi Trần Thành có nhờ Trương Đạo Phiên và Dư Tỉnh Đường gửi cho ông bảy chữ "Trần Lập Phu là tên khốn nạn" để ông biết điều đừng quay trở lại. Lại nghe nói Tống Mỹ Linh đưa cho ông cuốn Kinh thánh rồi nói: "Ông làm to như vậy trên chính trường, nay bơ vơ nơi đất khách chắc khó thích nghi. Ông mang cuốn Kinh thánh này sang Mỹ, hàng ngày chịu khó đọc rồi sẽ thấy tâm linh được an ủi." Khi đó, Trần Lập Phu chỉ bức hình Tưởng Giới Thạch ở trên tường nói: "Thưa bà, thượng đế sống kia đã không tin tôi, chẳng lẽ tôi còn mong Giê-su tin tôi sao?"

Trần Lập Phu đi rồi, giai đoạn mở màn của vở "cải tạo" coi như kết thúc. Ngay ngày hôm sau (ngày 5 tháng 8), Tưởng Giới Thạch chỉ định Ủy ban cải tạo nắm Đảng bộ Trung ương và bắt đầu làm việc. "Cải tạo" từ ngày đó trống giong cờ mở đi vào cuộc.

III. BỐN CÔNG TÁC CHỦ YẾU CỦA CUỘC "CẢI TẠO"

Cuộc "cải tạo" mở ra có nhiều công việc phải làm, nhưng nói gọn lại có bốn công tác lớn:

1. Tổ chức lại bộ máy lãnh đạo, xây dựng lại tổ chức cơ sở:

Tưởng Giới Thạch đích thân chỉ định 16 Ủy viên cải tạo Trung ương. Đó là: Trần Thành, Tưởng Kinh Quốc, Trương Đạo Phiên, Trương Kỳ Quân, Cốc Chính Cương, Trình Ngạn Phấn, Trần Tuyết Bình, Thẩm Xương Hoán, Liên Chấn Đông, Viện Thủ Khiêm, Tăng Hư Bạch, Quách Đăng, Hồ Kiến Trung, Tiêu Tự Thành, Cốc Phong Tưởng, Thôi Thư Cầm.

Trong số 16 người này, có khoảng mười người trước kia không có tiếng tăm gì trong Quốc dân đảng. Hồ Kiến Trung, Trương Kỳ Quân, Thẩm Xương Hoán, Tăng Hư Bạch, Tiêu Tự Thành vốn là thư ký, người hầu của Tưởng Giới Thạch. Trịnh Ngọc Phấn, Liên Chấn Đông, Quách Đăng, Thôi Thư Cầm đều là cán bộ Đoàn Tam Thanh trước kia, có quan hệ mật thiết với Tưởng Kinh Quốc và Trần Thành. Trương Đạo Phiên và Cốc Chính Cương là những người may mắn của phái CC còn lại, vì năm 1948 quỳ khóc xin Tưởng đừng về vườn nên được Tưởng để mắt tới. 16 người này trở thành cơ quan quyền lực cao nhất của Quốc dân đảng, thay thế 460 Ủy viên

Trung ương của Đại hội VI.

Trong 16 người, trừ Trần Thành, tốt nghiệp trường Bảo Định Quân khóa VIII và Viện Thủ Khiêm tốt nghiệp Hoàng Phố khóa VII ra, những người khác đều có học vị chính quy. Trương Ký Quân là nghiên cứu sinh của Đại học Harvard, Mỹ. Trần Tuyết Bình tốt nghiệp Đại học Columbia, Mỹ. Tiêu Tự Thành là Thạc sỹ Đại học Michigan. Thôi Thư Cầm là Thạc sỹ Đại học Harvard, Cốc Chính Cương, Tưởng Kinh Quốc đều tốt nghiệp Đại học Trung sơn Moscow (Cốc Chính Cương còn học ở Đại học Berlin). Liên Chấn Đông tốt nghiệp đại học ở Nhật, những người khác đều tốt nghiệp đại học trong nước.

Tưởng Giới Thạch chỉ định Trương Kỳ Quân làm Bí thư trưởng của Ủy ban cải tạo Trung ương. Chu Hồng Đào làm phó. Trương Kỳ Quân vốn là một chính trị gia, từng giảng dạy Đại học và tham gia Đảng xã hội Dân chủ. Trong phong trào "Ngũ Tứ" ông là đại biểu hội học sinh Ninh Ba tham gia liên hiệp học sinh toàn quốc, sau thi vào Cao đẳng sư phạm Nam Kinh. Còn Chu Hồng Đào là thân thích của họ Tưởng, làm thư ký riêng của Tưởng Giới Thạch đã lâu.

Quyền hạn của Bí thư trưởng co dãn rất lớn, nhưng nói chung là trung gian điều phối các ban của Đảng, vì vậy được coi là nhân vật gần trung tâm quyền lực nhất. Cho đến nay, chọn người giữ chức Bí thư trưởng và phó trong Quốc dân đảng vẫn là dấu hiệu quan trọng để giải thích động hướng quan trường Đài Loan.

Ủy ban cải tạo gồm có một phòng, bảy tổ, năm ban. Một phòng là Phòng thư ký "Cương yếu cải tạo" quy định Bí thư trưởng phụ trách chung công việc của Ủy ban cải tạo và phụ trách nhân sự, văn thư, hội nghị… Thực tế đó là bộ máy làm việc của Bí thư trưởng.

Bảy tổ là:

Tổ 1: Nắm các Đảng bộ địa phương, do thân tín của Trần Thành là Trần Tuyết Bình làm tổ trưởng và thân tín của Tưởng Kinh Quốc là Đặng Truyền Khải làm tổ phó.

Tổ 2: Nắm các Đảng bộ đặc biệt trong các đoàn thể doanh nghiệp, viên chức, học sinh, phụ nữ, do Cốc Chính Cường làm tổ trưởng.

Tổ 3: Nắm các tổ chức hải ngoại, do thượng khách của phe Tưởng Kinh Quốc là Trịnh Ngạn Phấn làm tổ trưởng.

Tổ 4: Nắm công tác tuyên truyền, văn hóa, do nhà văn riêng của Tưởng Giới Thạch là Tằng Hư Bạch, sau thay bằng thư ký Anh văn của Tưởng là Thẩm Xương Hoán làm tổ trưởng.

Tổ 5: Nắm Đảng, Đoàn của Quốc dân đảng trong "Quốc hội" và "Năm viện", đồng thời phụ trách liên lạc giữa các Đảng Xã hội, Đảng Thanh niên do Viên Thủ Khiêm là tổ trưởng. Viên là học sinh Hoàng Phố khóa I, vốn được liệt vào "Thập tam thái bảo" của Hội Phục Hưng, vì vậy được coi là người của Trần Thành, nhưng quan hệ với Tưởng Kinh Quốc cũng rất tâm đắc.

Tổ 6: Nắm tình báo, trị an, vạch các kế hoạch phá hoại Đại Lục, do một trong "Quân thống tam cường" là Đường Tung làm tổ trưởng. Đường Tung cũng là hầu cận của Tưởng Giới Thạch.

Tổ 7: Nắm các xí nghiệp của Đảng và đời sống kinh tế của các Đảng viên, do Quách Đăng đã từng làm cán sự trưởng Chỉ Đoàn Tam Thanh tỉnh Sơn Tây. Vì quan hệ đó nên được coi là phe Tưởng Kinh Quốc. Trần Hán Bình là Chủ nhiệm Văn phòng thời kỳ Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp" ở Thượng Hải, coi như phe Tưởng con.

Ngoài bảy tổ còn có năm Ủy ban: Ủy ban Huấn luyện Cán bộ, Ủy ban Kỷ luật, Ủy ban Tài vụ, Ủy ban Lịch sử Đảng, Ủy ban Chính sách. Trong đó quan trọng nhất là Ủy ban Huấn luyện Cán bộ do Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm.

Sau khi Ủy ban cải tạo chính thức làm việc, tiếp tục thành lập các Ủy ban cải tạo tỉnh, thành phố. Gọi là các tỉnh, thành, thức chất chỉ có duy nhất một tỉnh Đài Loan. Ủy ban cải tạo tỉnh Đài Loan do Nê Văn Á làm Chủ nhiệm. Nê đã từng làm cán sự Đoàn Tam Thanh tỉnh Chiết Giang và Trưởng phòng tổ chức Đoàn bộ Trung ương Đoàn Tam Thanh, do đó có quan hệ với Tưởng Kinh Quốc. Các thủ lĩnh của các Ủy ban cải tạo địa phương hoặc thuộc phe Trần Thành hoặc thuộc phe Tưởng Kinh Quốc chia nhau nắm giữ.

Sau khi thành lập các Ủy ban Trung ương và địa phương, bắt đầu thành lập các tổ chức cơ sở. Ngày 22 tháng 12 năm 1950, Ủy ban cải tạo Trung ương kêu gọi Đảng viên "trở lại đội ngũ" đến ngày 23 tháng 1 kết thúc. Những người nào hết hạn không đến đăng ký coi như bỏ Đảng. Theo số liệu thống kế, cuối năm 1948 Quốc dân đảng có 4.080.293 Đảng viên, sau khi ra Đài Loan, năm 1950 có 72.426, năm 1951 có 100.092, năm 1952 có 145.600.

Vẫn theo thống kê khi tiến hành Đại hội VIII Quốc dân đảng có 509.864, tăng 226.905 so với Đại hội VII. Suy ra Đại hội VII (tháng 10-1952) số Đảng viên là 282.959, so với số thống kê chênh lệch khá lớn.

Nguyên nhân chênh lệch có thể do không tính số Đảng viên mới phát triển trong cuộc "cải tạo". Cứ coi như số Đảng viên mới phát triển trong cải tạo bằng nửa số Đảng viên Đại hội VII, có nghĩa là số Đảng viên từ Đại Lục ra Đảo khoảng 100 nghìn người tức là số Đảng viên trở lại đội ngũ chỉ chiếm 2,4% của 4.080.293 Đảng viên khi ở Đại Lục.

Đảng viên trở lại đội ngũ đưa vào tổ chức được quản lý nghiêm ngặt. Rút kinh nghiệm tan rã tổ chức khi ở Đại Lục, Quốc dân đảng tổ chức thành các tổ như tổ công nhân, tổ thanh niên, tổ cơ quan, tổ thị trấn, tổ miền núi, tổ nông thôn… quy định Đảng viên tham gia sinh hoạt và phải đóng đủ Đảng phí ở các tổ thì Đảng tịch mới có giá trị. Những quy định này mới đặt ra trong thời kỳ cải tạo, trước kia không có. Theo thống kê Niên giám trung học Dân Quốc khi đó ngoài bộ máy tổ chức Đảng ở Trung ương ra toàn Đài Loan có hơn 30 nghìn tổ Đảng. Theo quy định tổ Đảng sinh hoạt hai tuần một lần. Trong thời kỳ cải tạo, số tổ Đảng họp đúng hạn chiếm hơn một nửa, mỗi tháng một lần chiếm 1/4, còn 1/4 không thể họp đúng hạn. Nhờ sinh hoạt Đảng, hiện tượng Đảng viên vi vu ở ngoài mất hẳn tình trạng lỏng lẻo mạn trước kia được cải thiện rõ rệt.

2. Triển khai giáo dục huấn luyện, tăng cường tổ chức kỷ luật.

Sau khi thành lập các tổ chức từ Trung ương đến các tổ Đảng xong, Quốc dân đảng triển khai liên tục các cuộc giáo dục huấn luyện.

Theo cách nói của Trương Kỳ Quân: "Phương pháp cải tạo Đảng của chúng ta lấy giáo dục tích cực làm chủ đạo".

Cái gọi là giáo dục, chính là sinh hoạt học tập kiên trì lâu dài ở tổ Đảng với nội dung cụ thể là:

1. Căn cứ vào giọng điệu của Tưởng Giới Thạch, tổ chức Đảng viên phải tiến hành kiểm điểm các bài học thất bại ở Đại Lục.

2. Học tập lý luận của Chủ nghĩa Tam dân và trước tác phản động của Tưởng Giới Thạch.

3. Học tập các văn kiện của Ủy ban cải tạo và một số xã luận trên báo chí.

Cái gọi là huấn luyện, chính là các đợt học tập ngắn ngày có hai hình thức, một là Ủy ban cải tạo các cấp đưa các tổ tuyên truyền xuống các địa phương giảng giải các lý luận phản động cho Đảng viên cơ sở. Số cán bộ cơ sở tham gia học tập khoảng hơn 12 nghìn người, trong đó tổ trưởng Đảng khoảng hơn tám nghìn người. Một hình thức khác là đưa các cán bộ cao cấp và trung cấp đến Viện nghiên cứu thực tiễn cách mạng ở núi Dương Minh học tập. Viện này thành

lập ngày 16 tháng 10 năm 1949. Tưởng Giới Thạch coi là người kế tục trường Quân sự Hoàng Phố và Đoàn huấn luyện sỹ quan Lư Sơn. Ông đích thân chỉ đạo giảng dạy và kiêm chức Viện trưởng cho đến cuối đời. Tính suốt thời kỳ cải tạo, Viện này mở tất cả 20 lớp, bồi dưỡng 3.666 người. Học viên học các văn kiện, nghiên cứu lý luận trung tâm của Đảng và thảo luận các phương thứ đấu tranh chống Đảng cộng sản. Đôi khi Tưởng Giới Thạch cũng đến giảng bài. Các nhân vật lãnh đạo cao cấp như Trần Thành và "lý luận gia" Diệp Thanh cũng thường xuyên đến báo cáo.

Trường Đảng cao cấp này của Quốc dân đảng đến nay vẫn còn. Mỗi năm mở khoảng mười lớp. Mỗi lớp 4-6 tuần, số cán bộ luân lưu có đến hàng trăm, các thành viên Ủy ban Trung ương Đảng từ cải tạo đến nay hầu hết đã qua học trường này.

Thông qua giáo dục huấn luyện, Tưởng Giới Thạch dùng lý luận phản động tăng cường trói buộc và đầu độc Đảng viên Quốc dân đảng, tăng cường sự trung thành, sự phò tá và quyết tâm chống Cộng của họ. Theo cách nói của họ là: "Trừ khử tâm lý thất bại, bi quan, thất vọng, ỷ lại, chờ đợi, xác lập tư tưởng tự lực cánh sinh, rửa thù phục quốc, khôi phục tinh thần cách mạng và lòng tin tất thắng". Vì vậy giáo dục huấn luyện được gọi là "nhân tố quan trọng xoay chuyển thế nguy, bảo vệ Đài Loan".

Đồng thời với việc triển khai giáo dục huấn luyện, Ủy ban cải tạo Trung ương còn đề ra ngọn cờ "Đào thải các phần tử thối nát", quy định tám loại thốt nát: (1) Biến chất, quan hệ với kẻ địch; (2) có hành vi biến chất lật đổ đảng; (3) có hành vi không tôn trọng kỷ luật và chống đảng; (4) có hành vi tham ô hối lộ; (5) sinh hoạt hủ hóa xấu xa; (6) bỏ vị trí công tác, vô trách nhiệm; (7) dao động lòng tin, bỏ bê công việc; (8) kinh doanh bất chính nhằm mục đích vụ lợi quá đáng. Tám loại người kể trên qua kiểm chứng thấy, lập tức khai trừ ra khỏi Đảng.

Để phát hiện các phần tử thối nát, Ủy ban cải tạo Trung ương ban hành "Cương yếu cải tạo" quy định phương thức giám sát "Cấp trên theo dõi, cấp mình kiểm điểm, cấp dưới đề xuất", tạo ra một bầu không khí "mọi người theo dõi và ai cũng bị theo dõi". Nhưng vì những người đăng ký trở lại đội ngũ đều là những Đảng viên trung thành, tất phải được chiếu cố, nên những "phần tử thối nát" được tổ chức tra xét đưa ra khỏi Đảng không nhiều.

Tháng 7 năm 1951, Ủy ban cải tạo Trung ương lại ban hành Biện pháp xem xét việc chấp hành chính sách của Đảng ở Đảng bộ các cấp, bắt đầu xem xét công tác của các tổ chức Đảng theo định kỳ. Tháng 1 năm 1952, Ủy ban cải tạo Trung ương phát động "phong trào tự kiểm điểm", yêu cầu Đảng viên đối chiếu với "Cương yếu cải tạo", tự phê bình kiểm điểm các sai lầm của mình.

Để tăng cường theo dõi nội bộ, tăng cường kỷ luật của tổ chức, Quốc dân đảng bãi bỏ Ủy ban kiểm tra các cấp chỉ có tính chất hình thức trước kia, thành lập Ủy ban kỷ luật các cấp từ Trung ương đến cơ sở, phụ trách theo dõi Đảng viên, xử lý các vụ án vi phạm kỷ luật và kiểm tra quyết toán kinh phí của đảng. Trong sinh hoạt tổ Đảng nếu vi phạm chính sách hoặc mệnh lệnh của đảng hoặc tiết lộ bí mật của Đảng hoặc không nộp Đảng phí đúng kỳ hạn, hoặc không tham gia sinh hoạt mà không có lý do, đều bị xử là vi phạm kỷ luật Đảng.

"Cương yếu cải tạo" lần đầu tiên trong lịch sử Quốc dân đảng quy định "nguyên tắc tổ chức của Đảng là lãnh đạo nhất nguyên theo chế độ dân chủ tập trung" có nghĩa là:

1. Tất cả thông qua tổ chức, tổ chức quyết định tất cả.
2. Lãnh tụ chấp hành quyết nghị của tổ chức, cán bộ quán triệt ý chí của lãnh tụ.
3. Lấy tổ chức quyết định chính sách, lấy chính sách lãnh đạo chính trị.

Để phòng ngừa sự phản bội, "Cương yếu cải tạo" quy định "Những đại biểu cơ quan dân ý các cấp hoặc Nghị sĩ được Đảng giới thiệu và ủng hộ sau khi trúng cử nhận nhiệm vụ hoặc được đề

bạt giữ trọng trách chính trị, nếu không chấp hành chính sách hoặc các nghị quyết của Đảng, bị coi là vi phạm kỷ luật Đảng. Những quyết định này đem đặt song song giữa "ý chí lãnh tụ" của Tưởng Giới Thạch với các nghị quyết của Đảng, coi "cán bộ quán triệt ý chí lãnh tụ" là "nguyên tắc lãnh đạo nhất nguyên". Điều này khiến cho các quan chức Chính phủ hoặc các đại biểu nhân dân là Đảng viên trở thành "tay sai" của Tưởng Giới Thạch. Đó chính là mục đích cơ bản nhất của "tăng cường tổ chức kỷ luật" trong cuộc cải tạo, đó cũng là điều bổ sung quan trọng nhất đối với giáo dục huấn luyện.

3. Phát triển cơ sở xã hội của Đảng.

"Cương yếu cải tạo" lần đầu tiên trong lịch sử Quốc dân đảng xác định tính chất của Đảng là "Chính Đảng cách mạng dân chủ" và lần đầu tiên quy định thành phần Đảng viên là: Đảng ta lấy đông đảo quần chúng lao động thanh niên trí thức và những người sản xuất công nông làm cơ sở xã hội kết hợp với các phần tử cách mạng yêu nước làm thành tổ chức Đảng. Đồng thời "Cương yếu cải tạo" còn quy định "lấy xâm nhập dân chúng" làm nội dung quan trọng để chỉnh đốn tác phong, đề ra yêu cầu cho toàn Đảng là "hòa thành một khối với sinh hoạt và hành động của dân chúng, đi sâu vào dân chúng, đi sâu vào nông thôn".

Trong thời kỳ "cải tạo", Ủy ban cải tạo Trung ương ban hành hàng loạt các văn kiện yêu cầu triển khai toàn diện các phong trào thanh niên, lao công, phụ nữ, nông dân, nhờ đó Quốc dân đảng mới "mọc rễ" được trong dân chúng Đài Loan. Như Phương án chỉ đạo phong trào nông dân quy định: Mọi huyện, thị, khu, xã, trấn đều phải thành lập nông hội hoặc ngư hội, "để cho mọi nông dân, ngư dân đều được đưa vào tổ chức". "Khi phát động tổ chức nông hội, ngư hội, trước hết phải xây dựng tổ chức Đảng, nếu Đảng viên quá ít, cần phải kết nạp nông dân, ngư dân có tác dụng lãnh đạo vào Đảng". Lại như Phương án chỉ đạo phong trào lao công quy định: "Khi tổ chức công hội, trước tiên cần phải xây dựng tổ chức hạt nhân của Đảng giúp cho công nhân trù bị".

Khi đó, Quốc dân đảng cử mấy chục nghìn Đảng viên chia nhau xâm nhập vào các đoàn thể dân chúng công hội, nông hội, ngư hội, thương hội và thanh niên phụ nữ Đài Loan. Để tiện cho họ hoạt động "Cương yếu cải tạo" đặc biệt quy định "Đảng cấp huyện trở xuống phải giữ bí mật". Do đó những Đảng viên bí mật này được chính quyền giúp sức dần dần nắm quyền lãnh đạo các đoàn thể dân chúng.

Đồng thời Quốc dân đảng cũng đưa ra một số biện pháp cải tổ như bảo hiểm lao công nhà máy, cải cách ruộng đất ở nông thôn, lợi dụng chuyện đó để thu hút công nhân, nông dân vào Đảng.

Đến tháng 8 năm 1952, khi "cải tạo" sắp kết thúc, các phần tử công nông trong Đảng đã chiếm đến 49,31%, phần tử trí thức chiếm 29,77%. Thanh niên dưới 25 tuổi chiếm 35,24%. Những người này phần lớn là vào Đảng thời kỳ cải tạo, họ chỉ là những Đảng viên thường, không thể ảnh hưởng đến đường lối, phương châm và chính sách của Đảng và dân chúng, khiến cho cơ sở xã hội của Quốc dân đảng ở Đài Loan được ổn định.

4. Chỉnh đốn tài vụ và sự nghiệp kinh doanh của Đảng.

Quốc dân đảng là một chính Đảng kinh doanh, có không ít xí nghiệp và sự nghiệp, trong đó có các bộ máy tuyên truyền xuất bản nhưTrung ương nhật báo, Công ty Phát thanh Trung Quốc, Công ty Điện ảnh Trung Quốc, Chính trung thư cục... chủ yếu phục vụ chính trị, lợi nhuận là thứ yếu. Ngoài ra còn có đủ loại xí nghiệp như Bảo hiểm, Dược phẩm, Hóa phẩm, chế tạo máy… Quốc dân đảng đều có đầu tư, do đó thành lập Ủy ban tài vụ ở Trung ương, chuyên lo sự nghiệp kinh tế của Đảng.

Chủ nhiệm Ủy ban tài vụ Trung ương trước do Trần Quả Phu đảm nhiệm. Trước cải tạo chuyển giao cho Du Hồng Quân, sau khi bắt đầu cải tạo vẫn do Du Hồng Quân phụ trách, đồng thời thành lập thêm tổ bảy trong Ủy ban cải tạo Trung ương phụ trách kinh doanh. Nhưng sau đó hàng loạt các biện pháp đồng bộ cả về mặt tổ chức lẫn tư tưởng khiến cho Quốc dân đảng chỉnh

đốn công tác tài vụ.

Trước hết cách chức các giám đốc hữu danh vô thực trong các xí nghiệp kinh doanh của Đảng, thay thế bằng các Đảng viên "thích thú với sự nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và khả năng thực tế phụ trách". Sau khi áp dụng biện pháp này, những người chỉ đứng tên ăn lương nhờ quan hệ cá nhân làm Giám đốc, Chánh Văn phòng… nhất là những người núp sau Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy, Trần Quả Phu lần lượt bị đào thải.

Thứ hai, thực hiện chế độ nhân viên kế toán đổi chỗ nhau, quy định các kế toán viên của xí nghiệp tất cả đều do các bộ môn có liên quan ở Trung ương cử đến, chứ không như trước kia do Giám đốc xí nghiệp đưa vào. Các kế toán viên cứ cách hai ba năm lại điều động một lần. Như vậy tránh được đầu não khỏi bị mua chuộc thông đồng để làm điều bậy bạ.

Thứ ba, lập chế độ kiểm tra Giám đốc, khiến cho người phụ trách xí nghiệp được phân rõ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích, để kiểm tra và thưởng phạt rõ ràng. Chế độ này yêu cầu người phụ trách xí nghiệp phải có đầy đủ tri thức nghiệp vụ, bắt buộc người yếu kém phải xuống chức nhường quyền để những chuyên gia kỹ thuật có năng lực có điều kiện vươn lên. Chẳng hạn như sau này đảm nhiệm "Viện trưởng hành chính" Tôn Vận Toàn và các "Bộ trưởng kinh tế" như Trương Từ Khải, Dương Ký Tằng, Lý Quốc Đỉnh, Lý Đạt Hải đều đã từng phụ trách các bộ môn sản xuất nổi trội trong thời kỳ này.

Sau "cải tạo", Quốc dân đảng lại dần dần khôi phục các Giám đốc, Chánh Văn phòng cho các vị "nguyên lão chờ hưu" trong giới chính trị và quân sự, nhưng người phụ trách thực tế của xí nghiệp nhất định phải chọn chuyên gia đảm nhiệm. Những nhân vật quyết sách kinh tế như "Bộ trưởng kinh tế", "Bộ trưởng tài chính" cũng nhất định phải đề bạt từ những viên chức đã có kinh nghiệm thực tiễn.

Thực hiện 3 biện pháp trên đây, một là tách rời giữa quyền kinh doanh xí nghiệp và quyền sở hữu, khiến cho các Giám đốc và kế toán viên giám sát lẫn nhau, dù ít dù nhiều cũng hạn chế được chuyện "chiếm công vi tư", hai là dần chuyên gia hóa các bộ môn quyết sách kinh tế và quản lý kinh tế, tăng cường sức sống của lớp lãnh đạo xí nghiệp. Nhưng điều này rõ ràng đều có lợi cho việc nâng cao năng suất và không ngừng mở rộng quy mô của xí nghiệp "thu nhập quỹ Đảng" cũng không ngừng tăng lên.

Do Quốc dân đảng một mực quán triệt nguyên tắc "Đảng lãnh đạo chính quyền" cho nên những biện pháp "cải tạo" trong các xí nghiệp kinh doanh của Đảng cũng được áp dụng trong "quốc doanh" (do "Viện Hành chính" và các Bộ trực thuộc tiến hành) "tỉnh doanh" (chính quyền tỉnh Đài Loan làm) "quân doanh" (do quân đội làm). Khi đó tư bản tư doanh ở Đài Loan chưa phát triển. Ảnh hưởng tốt của ba biện pháp trên đây đã giúp sức cho toàn bộ tư bản quan doanh và kinh tế Đài Loan phát triển thuận lợi.

Bốn mặt trên đây là nội dung chủ yếu của cuộc cải tạo. Ngoài ra, theo tổng kết của Trương Kỳ Quân đại diện cho Ủy ban cải tạo Trung ương, cải tạo còn làm được nhiều việc như khuyến khích sự nghiệp văn hóa, điều tra xã hội, nghiêm cứu chính sách, kế hoạch công tác Đại Lục, phát triển công tác Đảng ở nước ngoài…

IV. ĐẠI HỘI VII QUỐC DÂN ĐẢNG, CUỘC CẢI TẠO KẾT THÚC

Để tổng kết "thành quả" cải tạo, xây dựng lại trung tâm quyền lực Ủy ban cải tạo Trung ương ngày 26 năm 6 năm 1952 thông qua Luật tổ chức Đại hội đại biểu Quốc dân đảng toàn quốc lần thứ VII và bắt tay vào công tác trù bị Đại hội.

Từ ngày 10 đến 20 tháng 10 năm 1952, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ VII tại Đài Bắc. Trung tâm nghị sự là sửa đổi điều lệ Đảng và bầu bộ máy lãnh đạo Trung ương mới.

Điều lệ Đảng thông qua ở Đại hội VII sửa lại toàn bộ điều lệ VI, tăng thêm rất nhiều điều khoản. Quan trọng nhất là:

1. Trong phần nguyên tắc chung tăng thêm năm Điều: (1) Tính chất của Đảng: "Đảng ta là chính đảng cách mạng dân chủ"; (2) Thành phần của Đảng: Đảng ta lấy quảng đại dân chúng thanh niên trí thức và những người sản xuất công nông làm cơ sở xã hội, kết hợp với các phần tử cách mạng yêu nước; (3) Nguyên tắc tổ chức: "Đảng ta tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung, cán bộ do bầu cử lấy thảo luận quyết định chính sách, cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, trước khi quyết nghị được tự do thảo luận, khi đã quyết nghị, phải nhất trí phục tùng"; (4) Nguyên tắc lãnh đạo Đảng: Lấy tổ chức quyết định tất cả, lấy tư tưởng gắn bó toàn đảng, lấy chính sách làm lãnh đạo chính trị, lấy công tác thử thách Đảng viên; (5) Quan hệ giữa Đảng và Chính phủ: Dựa vào Chủ nghĩa Tam dân để định ra chính sách, lấy chính sách để quyết định nhân sự, lấy tổ chức để quyền lực Đảng viên tham gia chính quyền, quyết sách của Đảng yêu cầu Đảng viên tham gia chính quyền quán triệt thực thi.

Những điều tăng thêm trên đây phần lớn sao chép lại của "Cương yếu cải tạo", nhưng về mặt quan hệ giữa Đảng và chính quyền bỏ đi câu "lãnh tụ thi hành quyết nghị của tổ chức, cán bộ quán triệt ý chí của lãnh tụ". Vì câu đó thể hiện quá lộ liễu bản chất độc tài của Tưởng Giới Thạch. Không có lợi cho chiêu bài "Hiến pháp dân chủ" của chính quyền Đài Loan.

2. Bộ phận "Đảng viên" tăng ba điều, mười điểm, Điều 8 quy định Đảng viên có năm điểm nghĩa vụ: (1) Nghiên cứu và tuyên truyền ca ngợi lý luận của Đảng; (2) Nộp Đảng phí đúng hạn, đi họp đầy đủ, tham gia công tác Đảng; (3) Phục tùng kỷ luật của Đảng. Nhận mệnh lệnh của Đảng, giữ gìn bí mật của Đảng; (4) Tuân thủ cương vị công tác, kiên trì chính sách của Đảng; (5) Cố gắng phục vụ dân chúng. Điều 13 quy định: Để tăng cường tổ chức Đảng, cần thử thách Đảng viên và mỗi năm tổng kiểm tra Đảng tịch một lần.

3. Chương "Tổ chức Đảng" tăng thêm điều về "tổ Đảng" và tăng thêm điều "các cấp dưới huyện áp dụng phương thức không công khai". Những điều khác cũng có sửa đổi.

4. Chương "Kỷ luật" thêm hai điều "nộp Đảng phí đúng hạn" và "không được rời tổ chức cơ sở", còn thêm "Đảng giám sát Đảng viên và tổ chức các cấp bằng phương thức tả khuynh": (1) Sự theo dõi của cấp trên; (2) Sự kiểm điểm của cấp mình; (3) Sự phát hiện đề xuất của cấp dưới; Lại còn quy định "Đảng tiến hành các bước tả khuynh để xét xử Đảng viên vi phạm kỷ luật": (1) Theo trình tự quy định đề xuất hành vi phạm pháp; (2) Theo trình tự pháp định bãi miễn hoặc cách chức; (3) Công khai phê bình và công bố trước dư luận; (4) Đối với Đảng viên bị khai trừ toàn thể Đảng viên đều phải xa lánh.

Đại hội VII, ngoài Ủy ban Trung ương ra còn mô phỏng "cải tạo" lập Ủy ban Bình nghị Trung ương. Ủy ban này có tính chất "chiếu cố", chỉ làm nhiệm vụ tư vấn và không thể cùng tồn tại với Ủy ban Giám sát Trung ương.

Đại hội VII bầu được 48 vị Ủy viên Bình nghị Trung ương trong đó có Tống Mỹ Linh, Hà Ứng Khâm, Vu Hữu Nhiệm… gồm 26 người là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, 14 người trong Ủy ban Giám sát Trung ương khóa VI như Ngô Trĩ Huy, Lý Thạch Tăng, Vương Sủng Huệ và tám người mới là Nghiêm Gia Kiềm, Diệp Công Siêu, Hoàng Kiệt…

Tổng kết lại, Ủy viên Trung ương bao gồm Ban Chấp hành ban giám sát kể cả dự khuyết gồm 460 người được bầu trong khóa VI (không kể số Đoàn Tam Thanh sát nhập vào năm 1947), chỉ có 60 người được vớt lên khóa VII, chiếm khoảng 14%, chính thức vào trung tâm lãnh đạo chỉ có 17 người, nếu bỏ bớt cả Mai Hữu Trác chỉ còn 16 người chiếm khoảng 3,5%.

Những người bị bỏ rơi, một số đã rời bỏ Quốc dân đảng như Tống Khánh Linh, Bằng Ngọc Tường, Lý Tế Trâm, Trình Tiền một số đã chết như Đới Quý Đào, Trần Bố Lôi, Trần Quả Phu… Một số là tù binh của Quân Giải phóng như Tống Hi Liêm, Đỗ Dục Minh, Khang Trạch… một số khi đó vừa chống Cộng vừa chống Tưởng như Lý Tôn Nhân, Trương Phát Khuê… Bốn hạng

người này cộng lại vào khoảng 100 người, còn 300 người thuộc loại thất thế trong Đảng, như phái nguyên lão Diệp Sở Thương, Cư Chính, Trương Tri Bổn, các chính trị gia như Tống Tử Văn, Khổng Tường Hi, Tôn Khoa, các quân sự gia như Bạch Sùng Hi, Chu Thiên Lương, Cố Chúc Đồng, Tiền Đại Quân, Thượng Quan Vân Tướng, Lưu Kỳ, Tôn Liên Trọng… Nhất là phái CC có thể nói là hầu như mất hút. Trần Lập Phu và các nhân vật cấp "kim cương" trong phái CC như Cốc Chính Đỉnh, Dư Tuấn Hiền, Dư Tỉnh Đường, Phương Trị, Tiêu Tranh, Phan Công Triển, Thiệu Hoa, Ngô Khai Tiên, Bạch Văn Thê, Tiêu Đồng Từ, Trình Thiên Phóng, Mã Tinh Giã… không những không được vớt lên Trung ương đã đành, đến Ủy viên Bình nghị cũng không được vời đến.

Ngược lại, 15 người ở Đại hội VI đến Ủy viên dự khuyết cũng còn chưa được như Tưởng Kinh Quốc (không kể được nhập vào Đoàn Tam Thanh, nghiễm nhiên thành Ủy viên Trung ương hồi năm 1947), Đại hội VII lần này một phát nhảy vào Trung ương chiếm 47% trong số Ủy viên Trung ương khóa VII. Ngoài ra 13 người ở Đại hội VI hoàn toàn không tên tuổi như Mao Nhân Phong, Mã Kỷ Tráng, Cốc Phong Tường trở thành Ủy viên Trung ương dự khuyết chiếm 81% tổng số dự khuyết. Theo điều lệ Đảng quy định Ủy viên dự khuyết được tham dự Hội nghị Trung ương và có quyền phát biểu, nếu thiếu Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết có thể được bổ sung cho đủ số và tạm thời có quyền biểu quyết. Vì thế khi Quốc dân đảng họp toàn thể Trung ương, Ủy viên có quyền phát biểu, người mới (chưa có tên ở khóa VI) là 28, người cũ (có tên ở khóa VI) là 20. Vì Mai Hữu Trác không thể dự họp, nên thực tế chỉ có 19 người có quyền biểu quyết, người mới là 15, người cũ là 17 không kể Mai Hữu Trác chỉ còn 16. Nhưng người mới thường có quyền biểu quyết tạm thời chiếm tới 81%, cho nên tỷ số tất nhiên cũng lớn.

Ngày 1 tháng 11 năm 1952, Quốc dân đảng tổ chức bàn giao giữa Ủy ban Trung ương khóa VII với Ủy ban cải tạo Trung ương, tuyên bố cuộc "cải tạo" đến đó là "kết thúc thắng lợi".

Cuộc "cải tạo" tính từ cuối tháng 7 năm 1950 đến tháng 10 năm 1952, tổng cộng hai năm ba tháng. Vì thời gian này Ủy ban Trung ương khóa VI đã bị thủ tiêu nên "cải tạo" không chỉ đơn thuần là cuộc chỉnh đốn Đảng mà còn là một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử Quốc dân đảng. Do đó, trong từ điển Quốc dân đảng có các cụm từ "Thời kỳ Hội Đồng minh", "Thời kỳ Đảng Cách mạng Trung Hoa" và một khái niệm mới là "thời kỳ cải tạo".

Thông qua lần "cải tạo" này, Tưởng Giới Thạch hoàn thành một cách thuận lợi việc phân phối lại quyền lực, đuổi được phái CC ra khỏi hệ thống công tác Đảng, đưa Tưởng Kinh Quốc và Trần Thành vào thay thế. Nhất là phe Tưởng Kinh Quốc, sau khi hoàn thành cải tạo, đã nghiễm nhiên vượt lên Trần Thành, đặt cơ sở cho Tưởng Giới Thạch truyền ngôi sau này.

"Cải tạo" đã thi hành một số biện pháp và chế độ mới, tăng cường sự trói buộc Đảng viên vào Đảng, xúc tiến sự thay cũ đổi mới trong tầng lớp lãnh đạo, đề bạt hàng loạt các quan chức có tài năng, dẫn đến sự cải thiện ở mức độ nhất định đối với tổ chức và tác phong công tác của Quốc dân đảng so với thời kỳ ở Đại Lục và cũng cải thiện mối quan hệ giữa Đảng và dân chúng.

Có điều khôi hài là, những biện pháp và chế độ này phần lớn đều là những nguyên tắc xây dựng của Đảng cộng sản mà Tưởng Kinh Quốc học được ở Liên Xô. Chẳng hạn như nguyên tắc tổ chức là dân chủ tập trung, các cấp Đảng thành lập Ủy ban kỷ luật. Nhấn mạnh tính tổ chức, kỷ luật và hàng năm tiến hành tổng đăng ký đối với Đảng viên…

Tuy nhiên, vì Quốc dân đảng về mặt hình thái ý thức phẩm chất Đảng viên, lợi ích giai cấp và quan hệ quần chúng đều khác với chính Đảng của giai cấp vô sản, nên không thể vận dụng các nguyên tắc đó được lâu dài, ngay cả về mặt hình thức. Cho nên "cải tạo" tuy tạm thời chỉnh đốn được Quốc dân đảng, nhưng không trừ được mầm bệnh. Cùng với sự phát triển kinh tế và sự ổn định dần về sự thống trị của Đảng ở Đài Loan, các bệnh hoạn vốn đã xâm nhập vào cơ thể Đảng lại được dịp phát sinh, phe phái ẩn mình đã lâu, các phần tử lợi dụng chức quyền mưu lợi riêng và bọn "tín đồ của Chủ nghĩa Tam dân" treo đầu dê bán thịt chó ngày càng nhiều, các chế độ

sinh hoạt Đảng rập khuôn theo Liên Xô dần chỉ còn là hữu danh vô thực. Những phần tử trí thức có lương tâm bỏ Đảng ra đi, quần chúng nhân dân ngày càng bất mãn đối với Đảng.

Thời kỳ ở Đại Lục, trong Đại Lục không mấy khi có được không khí dân chủ, thời kỳ "cải tạo", đưa vào các biện pháp và chế độ tăng cường tập quyền Trung ương và tính tổ chức và kỷ luật của Đảng, về mặt khách quan chính là tăng cường vị trí độc tài chuyên chế của Tưởng Giới Thạch. Mặt khác, cha con Tưởng trên cơ sở đó, thả sức "phát minh" khiến cho phương thức lãnh đạo Đảng vừa không giống như phương Tây cạnh tranh dân chủ trong các chính Đảng tư sản, cũng không giống chế độ dân chủ tập trung như chính Đảng vô sản, mà là chế độ tập quyền gia đình trị.

Bộ máy lãnh đạo "cải tạo" của Quốc dân đảng – Ủy ban cải tạo Trung ương – do Tưởng Giới Thạch đích thân chỉ định. Trong 16 người có năm người từng làm thư ký riêng của Tưởng. Đó là Trương Kỳ Quân, Thẩm Xương Hoán, Hồ Kiến Trung, Tăng Hư Bạch, Tiêu Tự Thành. Nếu tính cả "Chủ nhiệm Phòng tư liệu" là Tưởng Kinh Quốc thì Ban Bí thư của Tưởng Giới Thạch đã chiếm 1/3 Ủy ban cải tạo Trung ương, chẳng trách có người nói Tưởng Giới Thạch lấy quân dưới trướng thay cho Trung ương khóa VI.

Sau cải tạo, phương thức Tưởng Giới Thạch đích thân chỉ định hạt nhân lãnh đạo Đảng vẫn tiếp tục được sử dụng. Chọn người vào Ủy viên Trung ương Đảng khóa VI đều do Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa "Tổng tài" đề cử, rồi thông qua Ủy ban Trung ương. Cái gọi là thông qua, phần lớn là vỗ tay hoặc giơ tay toàn thể, có vài lần bỏ phiếu, nhưng những người được đề cử dù không quá bán đồng ý cũng vẫn trúng cử. Chẳng hạn, trong số 15 vị Ủy viên Thường vụ Trung ương của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Hồ Kiến Trung và Hoàng Triều Cầm mỗi người được 19 phiếu bầu trên tổng số của toàn thể Trung ương là 50 người nhưng vẫn được vào, rõ ràng biểu quyết chẳng qua là hình thức. Sau khi Tưởng Giới Thạch chết, Tưởng Kinh Quốc vẫn sử dụng phương thức thực tế là cá nhân chỉ định Ủy viên Thường vụ Trung ương đó cho đến chết.

"Cải tạo" xác lập một phương thức bồi dưỡng cán bộ, có thể nói là cha con Tưởng đề bạt thư ký, thị vệ của mình làm người lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính, Quân đã thành một thói quen. Ở Đài Loan, 10 người thành đạt trong quan trường thì sáu đến bảy người là quan hầu được mạ vàng của nhà họ Tưởng. Vì vậy, khu gia nhân họ Tưởng được gọi là Trường bồi dưỡng cán bộ cao cấp Đài Loan.

Thư ký, phiên dịch, người hầu của Tưởng Giới Thạch lần lượt đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong Chính phủ: Hoàng Thiếu Cốc ("Phó Viện trưởng Hành chính", "Bộ trưởng Ngoại giao", "Bí thư trưởng Ủy ban An ninh Quốc gia", "Viện trưởng Tư pháp"), Du Quốc Hoa ("Thống đốc Ngân hàng Trung ương", "Bí thư trưởng Ủy ban An ninh Quốc gia", "Bí thư trưởng Phủ Tổng thống"), Chu Hồng Đào ("Trưởng Ban Chính sách Viện Hành chính", "Ủy viên Công tác Chính trị"), Trương Kỳ Quân ("Bộ trưởng Giáo dục"), Tào Thánh phấn (Chủ nhiệmTrung ương nhật báo), Tần Hiếu Nghĩa ("Viện trưởng Bảo tàng cố cung"), Sở Tùng Thu (Giám đốc Công ty Điện ảnh Trung Hoa), Chu Ứng Long (Chánh Văn phòng "Viện Hành chính"), Thẩm Kiếm Hồng ("Cục trưởng báo chí", "Đại sứ tại Australia", "Thứ trưởng Bộ Ngoại giao", "Đại sứ tại Mỹ"), Thẩm Kỳ ("Thứ trưởng Bộ Ngoại giao", "Đại sứ tại Columbia"), Tiền Phúc ("Cục trưởng Báo chí", "Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, "đại diện" ở Mỹ), Hạ Công Quyền ("Tổng lãnh sự" ở Mỹ), Hồ Kỳ (đại diện ở Singapore)…

Thị vệ của Tưởng lần lượt đảm nhận các chức vụ quan trọng trong quân đội: Mã Kỷ Tráng ("Tổng tư lệnh Hải quân", "Tổng tư lệnh Hậu cần", "Thứ trưởng Bộ Quốc phòng"). Vu Hào Chương ("Tổng tư lệnh Lục quân"), Tống Trường Chí ("Tổng tư lệnh Hải quân", "Tổng tham mưu trưởng"), Trương Phấn Đỉnh ("Chủ nhiệm Tổng bộ Chính trị"), Đường Tung ("Trưởng dinh Cảnh sát"), Khổng Lệnh Thành ("Trưởng dinh Cảnh sát"), Vương Vĩnh Thụ ("Cục trưởng An ninh quốc gia") và bọn Đa Tế Thời, Lầu Bỉnh Quốc, Bì Tôn Cảm, Lan Bồi Cơ cũng từng là thị vệ trưởng ít nhất cũng làm đến trung tướng trở lên. Trong số những tướng lĩnh cao cấp này có một số người cải tà quy chính như Mã Kỷ Tráng, từng là "Đại sứ" ở Thái Lan, Bí thư trưởng

“Viện Hành chính”, “Bí thư trưởng Phủ Tổng thống”, “đại diện ở Nhật”; Châu Kiên, sau khi rút khỏi chức vụ “Phó Tổng tham mưu trưởng” đã làm “Đại sứ” ở Triều Tiên.

Ngoài ra, Tôn Lập Nhân (“Tổng Tư lệnh Lục quân”, Tham quân trưởng “Phủ Tổng thống”), Triệu Chí Hoa (“Phó “Tư lệnh Binh đoàn Thiết giáp”) Uông Hy Linh (“Cục trưởng “Cục Tình báo Bộ Quốc phòng”) sau bị phế bỏ nhưng ngày đó lên chức vù vù cũng chính vì đã từng làm thị vệ của Tưởng Giới Thạch.

Danh sách trên đây chỉ là nêu ra sơ lược. Nhiều người trong đó không những gánh trọng trách trong chính quyền và quân đội, còn được cha con Tưởng đề cử vào Ủy Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng.

Phe phái gia nhân Tưởng Giới Thạch uy thanh lừng lẫy đến tận ngày nay vẫn chiếm địa vị trọng yếu trên vũ đài chính trị Đài Loan. Hiện tượng này là biểu hiện rõ nhất của chế độ gia đình trị (tập quyền phe nhóm) hoặc “chính trị của kẻ mạnh”.

Tóm lại, thành quả của “cải tạo”, cái có ý nghĩa thực chất nhất, ảnh hưởng sâu rộng nhất, hiệu quả lâu bền nhất chính là xác lập được “chính trị của kẻ mạnh”.

6. HOÀN THIỆN BA HỆ THỐNG LỚN

I. THÀNH LẬP "ĐOÀN CỨU QUỐC"

Trong quá trình cải tạo Quốc dân đảng Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch còn giao trách nhiệm cho Tưởng Kinh Quốc thành lập một hệ thống đoàn thể mới. Không những tăng cường mề hoặc thanh niên, lợi dụng và khống chế họ, mà còn đặt thêm cơ sở quyền lực cho Tưởng Kinh Quốc. Vì hệ thống đoàn – Đoàn Tam Thanh đã hợp nhất với Quốc dân đảng do đó không tồn tại nữa. Bởi vậy, hệ thống đoàn không đặt vấn đề để cải tạo mà gọi là "tái tạo".

Tưởng Kinh Quốc đã từng theo học ở Liên Xô, đã nghiên cứu rất tường tận kinh nghiệm cách mạng của Liên Xô và các tác phẩm có liên quan đến chủ nghĩa Marx, nên biết rất rõ tác dụng tiên phong và cầu nối của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng. Bản thân ông cũng đã từng là Đoàn viên thanh niên cộng sản và từng làm công tác đoàn chuyên trách. Ông hiểu rất rõ tính tích cực trong việc tổ chức và điều động thanh niên. Sau khi về nước, ông luôn lấy việc lôi kéo thanh niên làm đặc trưng cơ bản của phe mình, luôn coi thanh niên là vốn liếng của mình.

Năm 1939 Tưởng Kinh Quốc làm chuyên viên thanh tra Khu 8 Công Nam kiêm Huyện trưởng Cống Châu, lấy danh nghĩa là "Thái tử" thu phục một nhóm cán bộ trẻ tuổi ở bên mình, trong đó có Vương Thăng, sau này làm "Chủ nhiệm Tổng bộ chính trị Đài Loan", khi đó làm Trưởng phòng quân sự; Chu Linh Quân Thư ký Văn phòng chuyên viên, sau làm "Phó Chủ nhiệm Tổng bộ Chính trị"; Phạm Khôi Thư, Trưởng phòng Hành chính, sau làm "Thứ Trưởng Bộ Tư pháp". Chương Á Nhược, mẹ của hai đứa con ngoài giá thú của Tưởng Kinh Quốc (Chương Hiếu Nghiêm và Chương Hiếu Từ) cũng là viên chức của Văn phòng chuyên viên Cống Nam.

Tháng 8 năm 1939, Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm Ban trù bị Đoàn Tam Thanh Giang Tây. Tưởng Giới Thạch cử Hồ Quỹ, học sinh khóa IV trường Hoàng Phố, Chủ nhiệm chính trị của Đoàn trong quân đội đóng ở Cát An làm trợ tá cho Tiểu tướng. Tưởng Kinh Quốc tổ chức một lớp huấn luyện cán bộ đoàn của chi đoàn Giang Tây ở núi Xích Chu, đưa cả Vương Thăng, Chu Á Nhược vào lớp này, thu hút rất đông thanh niên tham gia. Giang Hải Đông, sau là Trưởng ban cán sự Hội bạn chiến sỹ Đài Loan, Hứa Tố Ngọc, Chủ tịch Đảng bộ Đại Lục, Chiêm Thuần Giám, Bí thư Đảng bộ Đài Loan đều là học viên của lớp huấn luyện này. Lớp này không phân biệt nam nữ đều gọi nhau là anh (Đại ca) em (huynh đệ) tổng cộng năm lớp, huấn luyện hơn 500 học sinh, trong đó nhiều người trở thành thân tín của Tiểu tướng.

Năm 1944, Quốc dân đảng mở trường cán bộ Trung ương Đoàn Tam Thanh do Tưởng Giới Thạch làm Hiệu trưởng. Tưởng Kinh Quốc làm Giảng viên chính, Hồ Quỹ làm phó. Trường tổ chức ba lớp nghiên cứu và một lớp chuyên tu, gồm gần một nghìn học sinh. Trong đó học viên lớp đầu quan trọng nhất, có Vương Thăng, Giang Hải Đông, Giang Quốc Đồng, Trần Nguyên, La Tài Vinh, Bao Tôn Bành, Dị Cân Thu, Tăng Hiến Dung… sau này đều gánh trọng trách ở Đài Loan. Ở lớp này còn có một thanh niên là Lý Hoán sau này là nhân vật quan trọng mà lịch sử Đài Loan không thể không nhắc đến.

Khi đó Tưởng Kinh Quốc còn kiêm chức Chủ nhiệm chính trị thanh niên quân đội; mở lớp huấn luyện cán bộ công tác chính trị thanh niên quân đội, cũng đào tạo được hàng loạt cán bộ thanh niên. Trong đó có Dư Kỷ Trung, Chủ nhiệm chính trị sư 203, sau này thành nhà báo cỡ lớn, từng là Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng nhiều nhiệm kỳ.

Các phái Cống Nam, Trường cán bộ và lớp huấn luyện công tác chính trị trong thanh niên quân đội tổ hợp thành đội ngũ cơ bản của "Thái tử".

Trong Quốc dân đảng họ là lực lượng trẻ nhất.

Năm 1947 Quốc dân đảng và Đoàn Tam Thanh hợp nhất "phe Thái tử" xâm nhập vào hệ thống

Đảng. Nhưng vì lần này "Tổ chức thống nhất Đảng Đoàn, cố gắng để cải tạo Đảng triệt để nhưng không thành công", cha con họ Tưởng lại định tổ chức một thứ đại loại giống như Đoàn Tam Thanh.

Tháng 11 năm 1948, Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp" ở Thượng Hải thất bại, triệu tập nhóm thân tín Hồ Quỹ, Dư Quý Nam, Vương Thăng, Lý Hoán, Giang Quốc Đống thành lập "Đoàn thanh niên Máu Sắt" làm hạt nhân cho tổ chức mới của "phe Thái tử". Tháng 12, Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Đại đội bình định, Đại đội trấn áp và tổng đội thanh niên phục vụ, cải biên thành "Đoàn Thanh niên Cứu quốc Bộ Quốc phòng", do Hồ Quỹ làm Đoàn trưởng, cấp dưới lập ban thư ký, ban chính trị, ban quân sự, ban phục vụ, ban tổng hợp, ủy ban chính sách, phòng tham mưu, tổng đài điện tín, Đội cận vệ… kế hoạch lập ba chi đội: Tổng đội cốt cán, Tổng đội địa phương và Tổng đội học sinh. Trong đó tổng đội cốt cán gồm thanh niên của Đại đội bình định, Đại đội trấn áp và tổng đội phục vụ khoảng sáu nghìn người. Tổng đội địa phương dự định lấy thanh niên ngoài xã hội các tỉnh Giang Nam, nhưng chưa thực hiện được. Tổng đội học sinh dự định bắt tất cả học sinh, sinh viên trung đại học đều phải vào đội tham gia huấn luyện quân sự và chịu sự quản lý quân sự. Nhưng phái CC nắm "Bộ Giáo dục" không nghe, lấy lý do "không được thiết lập tổ chức quân sự trong trường học". Tổng đội học sinh vì thế cũng không thành lập được ở mọi nơi.

Ngày 10 tháng 12 năm 1948, Hồ Quỹ lấy danh nghĩa "Đoàn trưởng Đoàn Thanh niên Cứu quốc" đọc Thư gửi toàn thể đồng chí, gọi "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" là đội tiên phong của quần chúng thanh niên; là những người đi đầu trong phong trào cứu quốc; là trường Hoàng Phố về chính trị; là hiến binh trên mặt trận kinh tế; là vệ sĩ của dân tộc; là linh hồn của xã hội; là sức sống của quốc gia; là đội biệt động dẹp loạn chống xâm lược. "Sự thành lập của Đoàn ta là hồi tù và của thời kỳ vĩ đại. Chúng ta thay mặt cho thời đại, đồng thời cũng tiến lên sáng tạo ra một thời đại. Chúng ta hãy phát huy đầy đủ tính năng của chúng ta để chấp hành hai nhiệm vụ chiến đấu là đẹp yên bọn phỉ, diệt trừ tật xấu, hoàn thành chủ trương cải cách triệt để các mặt quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội, để đạt mục tiêu diệt sạch bọn phản dân tộc, quét hết cặn bã của thời đại, xây dựng một xã hội lý tưởng." Bức thư thể hiện phe Tưởng Kinh Quốc tự phong là người xúc tiến "cải cách toàn diện" không nhân nhượng. Một mặt cũng phản ánh vấn đề Tưởng Giới Thạch còn đang suy nghĩ có nên "xây lò khác" để cải tạo Quốc dân đảng hay không. Sở dĩ Hồ Quỹ đặc biệt nhấn mạnh "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" là trường Hoàng Phố về chính trị, "thay mặt cho thời đại" lại còn "tiến lên sáng tạo ra một thời đại" và nhấn mạnh cái gọi là "hai nhiệm vụ chiến đấu" một là chống Cộng, hai là "diệt trừ tật xấu" trong Quốc dân đảng. Ý tứ đều nhằm: Một khi Tưởng Giới Thạch quyết định dùng phương thức "xây lò khác" "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" sẽ là cơ sở để xây dựng đảng mới hoặc là tổ chức vòng ngoài.

Sau khi chính thức "cải tạo" Quốc dân đảng, vì "phe Thái tử" đã chiếm ưu thế trong Đảng, vì phương án lấy "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" để "xây lò khác" đã trở nên lỗi thời, nên "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" cũng im hơi lặng tiếng. Nhưng cha con Tưởng vẫn không lúc nào quên nắm chắc thanh niên. Trong tổng kết nguyên nhân thất bại, Tưởng Giới Thạch vẫn dành riêng một phần cho "thất bại về giáo dục" và chỉ ra rằng "trường học trở thành đại bản doanh của thành ủy Đảng cộng sản", là một nhân tố lớn của hậu phương không ổn định của họ. Ông cho rằng thời kỳ ở Đại Lục, sự bất lực trong Đảng hóa trường học đã khiến "thanh niên lạc hướng cách mạng, làm giảm lực lượng tiến bộ, tạo thành bi kịch nước mất thanh niên, thanh niên mất nước". Ông thổi phồng cái gọi là "nhà nước cần thanh niên cách mạng". Vì "không có thanh niên cách mạng, nhà không thể có đầy đủ lực lượng cơ động và tiến bộ." Đồng thời "thanh niên càng cần được giáo dục cách mạng" có nghĩa là càng cần sự giáo dục lý luận của Quốc dân đảng.

Tưởng Kinh Quốc cũng nói: "Chúng ta học được bài học thất bại năm 38 (tức năm 1949); càng thấy rằng phải đánh đổ Trung Cộng, phục hưng đất nước, càng cần tổ chức thanh niên, đoàn kết thanh niên, cho họ một nền giáo dục mới, rót cho họ một tinh thần mới." Vì vậy, Quốc dân đảng bắt đầu cải tạo chưa bao lâu đã nhanh chóng xây dựng tổ chức Quốc dân đảng mới trong các trường trung học, đại học chuyên nghiệp. Đó chính là bước đầu Quốc dân đảng nắm thanh niên.

Điều lệ của Quốc dân đảng thông qua ở Đại hội VI chưa quy định tuổi thấp nhất của Đảng viên. Nhưng trong "Cương yếu cải tạo" đã quy định phải 18 tuổi mới được xin gia nhập Đảng. Vì vậy, các trường phổ thông không có cách gì tổ chức Đảng. Số học sinh các trường chuyên nghiệp tự nguyện vào Đảng cũng ít, nếu chỉ dựa vào tổ chức Đảng sẽ không thể khống chế toàn bộ học sinh, nên cha con Tưởng quyết tâm xây dựng tổ chức thanh niên trên phạm vi rộng hơn để bổ sung cho tổ chức Đảng. Đồng thời, Tưởng Kinh Quốc coi công tác thanh niên là độc quyền của mình, có thể xây dựng được một tổ chức thanh niên mới, cũng có lợi cho ông trong việc khuếch trương lực lượng.

Tổ chức thanh niên lấy tên là "Đoàn Thanh niên Cứu quốc chống Nga, chống Trung Cộng", cuối năm 1951 trù bị. Đơn vị trù bị do Tưởng Kinh Quốc nắm là "Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng". Người phụ trách cụ thể là Hồ Quỹ, Lý Hoán.

Ngày 31 tháng 1 năm 1952, Ủy ban cải tạo Trung ương Quốc dân đảng thông qua Nguyên tắc trù bị thành lập Đoàn Thanh niên Cứu quốc chống Nga chống Trung Cộng. Trong đó quy định học sinh cao trung nhất loạt tham gia "Đoàn Cứu quốc" thanh niên ngoài xã hội tuổi từ 16 đến 25 phù hợp với quy định đều phải tham gia. Như vậy là toàn thể học sinh cao trung đều là "Đoàn viên cứu quốc", đến ngay cả loạt thanh niên ngoài xã hội cũng không được miễn. Thông qua biện pháp phát xít ép người ta vào đoàn, chính quyền Đài Loan đã tăng cường khống chế và lợi dụng trường học và phần đông thanh niên, nhờ đó đạt được mục đích duy trì bảo sự thống trị của Quốc dân đảng.

Khi đó đã có người đề xuất trong điều lệ Đảng của Đại hội VII đưa tuổi gia nhập Đảng xuống 16 tuổi và đặt chế độ Đảng viên dự bị. Nhưng tổ thẩm tra đề án cho rằng đã có "Đoàn Cứu quốc" có thể coi là cơ cấu Đảng viên thanh niên dự bị do Đảng lãnh đạo, nên đề xuất trên đã bị phủ quyết. Vì vậy có thể nói "Đoàn Cứu quốc" chính là đội quân hậu bị của Quốc dân đảng.

Ngày 29 tháng 3 năm 1952, Tưởng Giới Thạch phát biểu Thư gửi thanh niên toàn quốc kêu gọi thanh niên Đài Loan đồng loạt tham gia "Đoàn Cứu quốc". Đến ngày 31 tháng 10, tức sau bế mạc Đại hội VII 11 ngày, "Đoàn Thanh niên Cứu quốc chống Nga, chống Cộng Trung Quốc" chính thức thành lập do Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm, Hồ Quỹ, Đặng Truyền Khải làm Phó Chủ nhiệm.

Tổng bộ Đoàn theo mô thức "cải tạo" của Quốc dân đảng đặt một phòng Bí thư và nhiều tổ công tác. Phòng Bí thư do Lý Hoán làm Chủ nhiệm, nắm thực quyền, trên thực tế là thay Tưởng Kinh Quốc giải quyết sự vụ hàng ngày. Dưới phòng Bí thư có năm tổ gồm huấn luyện, văn hoá, tuyên truyền, phục vụ thanh niên và tạp vụ. Các tổ trưởng như Tăng Hiến Dung, Bao Tuân Bành, Hứa Tố Ngọc… đều là cán bộ tâm phúc của Tưởng Kinh Quốc thời Cống Nam và thời Trường Đoàn.

Cơ cấu của Tổng bộ Đoàn về sau phát triển thành bảy tổ, ba phòng và một ban. Bảy tổ là tổ công tác thanh niên xã hội, tổ phục vụ thanh niên học sinh, tổ phục vụ thanh niên hải ngoại, tổ hoạt động câu lạc bộ, tổ phụ đạo các vấn đề thanh niên, tổ công tác hải ngoại, tổ công tác Đại Lục. Ba phòng là Phòng nghiên cứu phát triển, phòng quản lý sự nghiệp, phòng kế hoạch. Một ban là Ủy ban chỉ đạo công tác Đoàn.

Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm Tổng bộ Đoàn liên tục suốt 20 năm, mãi đến năm 1972 khi ông lên làm "Viện trưởng Hành chính" mới nhường chức này cho Lý Hoán. Lý Hoán đảm nhiệm Bí thư Chủ nhiệm Tổng Bộ đoàn cũng chỉ ở dưới chức Chủ nhiệm. Ông thực sự là người chủ trì "Đoàn Cứu quốc" vì thế, giới báo chí Đài Loan đều nhất trí gọi Lý Hoán là đại biểu số một của hệ thống "Đoàn Cứu quốc".

Dưới Tổng bộ Đoàn có Phân đoàn tỉnh Đài Loan (sau gọi là Đoàn ủy) và các Tổng đội ở các huyện thị (sau gọi là tổng chi bộ), dưới huyện thị gọi là các đại đội (sau gọi là phân chi bộ). Các trường trung đại học thì tùy số lượng mà đặt tổng đội hay đại đội. Tóm lại, mạng lưới Đoàn giăng khắp các xó xỉnh ở Đài Loan. Ngoài ra "Đoàn Cứu quốc" còn vươn vòi ra hải ngoại thành

lập các tổng chi bộ hoặc đại đội trong thanh niên Hoa kiều.

"Nguyên tắc tổ chức Đoàn Cứu quốc" quy định công tác của Đoàn chia làm ba loại. Trước phản công, trong phản công và sau "quang phục". Trước phản công, đoàn viên tham gia huấn luyện chủ yếu là về chính trị và quân sự, lại còn phải tham gia các hoạt động xã hội, phối hợp tuyên truyền văn hoá, điều tra xã hội, lao động công ích và phong trào tòng quân. Trong phản công, đoàn viên phải phối hợp với quân đội làm nhiệm vụ vận chuyển, cứu hộ, tình báo, thông tin, khuyên bảo dân chúng, giữ gìn trật tự xã hội. Sau "quang phục", phải phối hợp với chính quyền tham gia giáo dục, tự trị ở địa phương, quản lý ruộng đất và các công tác "phục hưng xây dựng đất nước" khác. Vì "trong phản công" và "sau quang phục" chỉ là lời nói suông, cho nên công tác Đoàn chỉ hạn chế ở "trước phản công", chủ yếu là huấn luyện chính trị và quân sự.

Cái gọi là huấn luyện chính trị thực chất chỉ là giáo dục tư tưởng phản động, tăng cường ý chí chống Nga chống Cộng cho thanh niên và học sinh. Phương pháp đa dạng, chẳng hạn quy định phạm vi cho học sinh phát biểu cảm nghĩ trong tuần hoặc nhân một sự kiện nào đó cho học sinh trắc nghiệm, hoặc tổ chức thanh niên tọa đàm, hội thảo học thuật cho học sinh thấm nhuần lý luận phản động.

Cái gọi là huấn luyện quân sự chẳng qua là lợi dụng các ngày nghỉ, huấn luyện cho học sinh các kỹ năng quân sự, bồi dưỡng cho họ quan niệm về kỷ luật và năng lực thích ứng với sinh hoạt thời chiến.

Trong thời gian trù bị thành lập "Đoàn Cứu quốc", chính quyền Đài Loan đã cho thực hành "Giáo dục văn võ hợp nhất". Các trường sư phạm năm 1951 đều huấn luyện quân sự cho học sinh. Tháng 8 năm 1952, Quốc dân đảng lại quy định các trường chuyên nghiệp trung đại học Đài Loan, học sinh tốt nghiệp đều phải tham gia huấn luyện sỹ quan dự bị trong thời hạn một năm. Ngày 20 tháng 8, đợt đầu có 1.105 học sinh tốt nghiệp vào doanh trại. Ngày 11 tháng 9, Tưởng Giới Thạch đích thân đến giảng đường tán dương: "Tòng quân là con đường duy nhất của thanh niên yêu nước, tham gia huấn luyện quân sự là biểu hiện cụ thể của thanh niên hiến thân cho cách mạng". Vì vậy, ai dám chống lại là "không yêu nước", là "phản cách mạng". Những học sinh tốt nghiệp không tham gia huấn luyện quân sự sẽ gặp mọi trở ngại trong tìm việc làm hoặc đi du học nước ngoài.

Sau khi thành lập "Đoàn Cứu quốc", Quốc dân đảng càng quy định chặt chẽ việc học sinh phổ thông phải tham gia huấn luyện quân sự trong nhà trường. Các trường đều có phòng huấn luyện, dưới phòng có các tổ huấn luyện, tổ quản lý sinh hoạt và có đủ ban bệ chức tước Chủ nhiệm, tổ trưởng, sỹ quan… tất cả đều do "Đoàn Cứu quốc" phụ trách. Bộ môn huấn luyện phụ trách sát hạch, quản lý, giám thị chiều hướng tư tưởng của học sinh, thậm chí cả đối với giáo viên. Nhiều khi Ty Giáo dục muốn thay đổi nhân sự, cũng phải hỏi ý kiến Đoàn trước đã. Mấy trường trung học nổi tiếng của Đài Loan như Trung học Thành Công, Trung học Kiến Quốc, Hiệu trưởng đều xuất thân từ hệ thống "Đoàn Cứu quốc". Ai muốn làm giáo viên tất phải đi con đường "Đoàn".

"Đoàn Cứu quốc" huấn luyện quân sự cho học sinh có nhiều kiểu khác nhau. Mỗi kỳ nghỉ hè, họ tổ chức cho các học sinh cao trung trở lên đến các "đội huấn luyện chiến đấu" để học tập. Các đội này gồm có đội kỵ binh, đội trượt tuyết, đội bay, đội thông tin vô tuyến, đội cứu thương… Mỗi binh chủng hải, lục, không quân đều phải lập nhiều đội huấn luyện đợi học sinh biên chế vào đội xong sẽ cùng sinh hoạt với chiến sỹ và cùng luyện tập với họ. Cái kiểu tập luyện này, các tướng lính quân Tưởng rất khó chịu, họ kêu tốn người tốn của, lợi bất cập hại, họ còn cho rằng mỗi năm một lần học sinh đến tập luyện, để họ tự do tham quan các thiết bị quân sự, để họ tùy ý sử dụng các vũ khí, quân đội trên thực tế là bị quấy nhiễu. Nhưng mặc cho bên ngoài phê bình thế nào, "Đoàn Cứu quốc" vẫn việc mình mình làm. Cho đến nay vẫn vậy, cứ đến nghỉ hè là lại trống giong cờ mở học sinh kéo đến các đội huấn luyện chiến đấu để tập luyện.

Ngoài huấn luyện chính trị và quân sự ra, "Đoàn Cứu quốc" còn thọc tay vào mọi nơi, họ thành

lập Hiệp hội nhà văn thanh niên, Tòa báo tháng Sư tử non, thông tấn xã Sư tử non, Đài phát thanh Sư tử non, Công ty Xuất bản Sư tử non, thậm chí còn lập một vài xí nghiệp khai khoáng. Đoàn còn tổ chức các phong trào phục vụ quân đội phục vụ nông thôn, điều tra xã hội, phát động phong trào "xây dựng hạm đội phục thù", "tòng quân báo quốc"; thôi thì đủ các loại hoạt động phản động.

Đoàn Cứu quốc tuy không lỗ nào không chui vào, thanh thế lẫy lừng, nhưng nếu nghiên cứu kỹ lý luận Hiến pháp của Quốc dân đảng, tổ chức này hợp pháp hay không lại là một nghi vấn. Vì theo "nguyên tắc tổ chức Đoàn Cứu quốc" quy định, Đoàn thuộc chính quyền quản lý. Sự lãnh đạo của Quốc dân đảng đối với họ chỉ có tính chất đoàn thể. Nhưng trong thể chế "Hiến pháp", muốn lập một "tổ chức chính quyền" phải được sự thông qua của cơ quan Hành chính và Lập pháp, không có bất kỳ Đảng nào được thay chính quyền để thành lập, kể cả Đảng cầm quyền. Thế mà "Đoàn Cứu quốc" ra đời chỉ căn cứ vào tờ giấy nghị quyết của Ban cải tạo Trung ương Quốc dân đảng, chưa hề được cơ quan Hành chính và "Viện Lập pháp" phê duyệt.

Như vậy "Đoàn Cứu quốc" tuy được Quốc dân đảng coi là thuộc chính quyền, nhưng các ban bệ trong chính quyền không sao quản được họ. Vì Đoàn này là do Tổng bộ Chính trị Bộ Quốc phòng đứng ra thành lập, công tác trọng tâm của Đoàn chỉ là tổ chức cho học sinh tập luyện quân sự, nên sau khi thành lập, Đoàn luôn núp dưới cánh của "Tổng Bộ Chính trị". "Tổng Bộ Chính trị" lại thuộc bên quân sự. "Đoàn Cứu quốc" chủ yếu hoạt động trong các trường học, bên quân sự can thiệp vào công việc nhà trường, điều này xem ra không phù hợp với "Hiến pháp" của Quốc dân đảng, cho nên chính quyền Đài Loan trước sau vẫn không dám công khai quy định "Đoàn Cứu quốc" thuộc "Bộ Quốc phòng". Nhất là sau tháng 7 năm 1960, Quốc dân đảng thiết lập Phòng huấn luyện quân sự trong "Bộ Giáo dục", nguyên do là "Bộ Quốc phòng" bàn giao công tác huấn luyện quân sự cho "Bộ Giáo dục" quản lý. "Đoàn Cứu quốc" càng không có lý do gắn bó với "Bộ Quốc phòng", nhưng họ vẫn không thuộc "Bộ Giáo dục". Cái kiểu chẳng biết thuộc về ai này kéo dài 26 năm, mãi đến năm 1978 Tưởng Kinh Quốc lên làm "Tổng thống" mới quy định "Đoàn Cứu quốc" là đoàn thể xã hội do "Bộ Nội chính" chỉ đạo, bấy giờ "Đoàn Cứu quốc" mới tìm thấy nửa gia đình. Tại sao lại gọi là nửa gia đình? Vì "Đoàn Cứu quốc" chỉ chịu sự chỉ đạo của "Bộ Nội chính" chứ không lệ thuộc "Bộ Nội chính". Chịu sự chỉ đạo có nghĩa là "Bộ Nội chính" có thể lấy được kinh phí từ kho bạc nhà nước. Còn không lệ thuộc có nghĩa là vẫn bảo đảm họ tự do và độc lập trong mọi hành động.

Vậy thì tại sao Quốc dân đảng lại không thông qua lệnh chính thức đưa "Đoàn Cứu quốc" vào hệ thống chính quyền một cách hợp pháp? Một nguyên nhân là chức năng của tổ chức này không phù hợp với bất cứ ban bệ nào của "Chính phủ", đưa vào một cách gượng ép khiến cho người ta chê cười. Nguyên nhân quan trọng hơn là cán bộ "Đoàn Cứu quốc" đều đặc biệt, chẳng hạn Chủ nhiệm Tưởng Kinh Quốc, Lý Hoán, quyền thế hơn hẳn bất cứ ông Bộ trưởng thông thường nào, họ đều không muốn chịu sự khống chế của bất cứ Bộ nào, thực tế cũng không có ông Bộ trưởng nào can thiệp được vào việc của họ. Vì vậy báo chí của phe chống đối ở Đài Loan gọi "Đoàn Cứu quốc" là "Cơ cấu chợ đen của Tưởng Kinh Quốc".

"Đoàn Cứu quốc" sau khi được thành lập, địa vị và quyền thế của nó không ngừng tăng lên theo bước đường chính trị của Tưởng Kinh Quốc, cho đến khi Tưởng Kinh Quốc kế vị, ngồi vững trên ngai vàng, tầm quan trọng của tổ chức này mới dần giảm đi. Nhưng cho đến nay "Đoàn Cứu quốc" vẫn là đoàn thể chính trị to lớn nhất, năng động nhất không kể Quốc dân đảng ở Đài Loan.

II. CUỘC VẬN ĐỘNG CHỈNH QUÂN, XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI

Cùng với việc cải tạo Đảng và tổ chức hệ thống Đoàn, Quốc dân đảng cũng bắt đầu chỉnh đốn quân đội.

Quân đội Quốc dân đảng khi còn ở Đại Lục vẫn thường có ba điều tệ hại.

1. Phe phái tự lập. Hệ thống chỉ huy hỗn loạn. Quân đội Quốc dân đảng vẫn gồm hai bộ phận

quân Trung ương và quân phối hợp. Quân Trung ương lại chia thành phe Hà Ứng Khâm và phe Trần Thành. Lại còn tập đoàn Hồ Tôn Nam và tập đoàn Dương Ân Bá, mỗi anh có một ngọn cờ. Phe phái trong quân phối hợp lại càng nhiều. Vì phe phái tự lập, lệnh ra nhiều cửa, làm cho tướng cầm quân không biết nghe ai, hơn nữa phải chiếu cố lợi ích của phe mình, rất nhiều tướng lĩnh không nghe chỉ huy, không chịu điều động, dễ bị đánh lẻ tiêu diệt.

2. Tham ô hủ bại, nhũng nhiễu địa phương. Nội bộ quân đội Quốc dân đảng, không kể là quân Trung ương hay quân phối hợp ít nhiều đều có tình trạng ăn gian (báo thừa quân số để lĩnh nhiều kinh phí), ăn chặn (sỹ quan bớt xén lương của lính), cờ bạc, đĩ điếm, đánh lộn, chiếm dụng của công. Đúng như Tưởng Giới Thạch từng nói: "Từ cuối cuộc chiến đến nay, tình trạng tham ô, đồi bại biểu hiện trong quân đội cách mạng của chúng ta thật không thể tưởng tượng nổi".

Nơi nào có quân Quốc dân đảng đến là y như rằng có chuyện bắt phu, cướp lương, trộm gà trộm chó, hiếp dâm phụ nữ. Có nhiều tướng cầm quân trấn giữ một phương, giành lấy phần thu nhập tổ chức của địa phương. Về mặt này quân phối hợp biểu hiện rõ rệt nhất.

3. Phẩm chất quan binh kém, sỹ khí thấp. Trong các tướng lĩnh Quốc dân đảng nhiều kẻ "vô học bất tài ngu xuẩn bị trong ngoài chế giễu bị xã hội khinh bỉ" (lời Tưởng Giới Thạch). Cấp dưới có rất nhiều lính cũ lợi dụng tình đồng hương, kéo bè kết đảng. Quân sỹ phần đông là do bắt lính một cách cưỡng ép không tập luyện gì cả đã đẩy ra chiến trận. Toàn thể quân đội từ trên xuống dưới đều không có chút sỹ khí. Nhất là khi mới rút ra Đài Loan, ai cũng như chim sợ cành cong, không còn chút sức chiến đấu nào.

Đối với những tệ nạn của quân Tưởng, Tưởng Giới Thạch và các tướng lĩnh cao cấp đã muốn chỉnh đốn từ lâu. Nhất là Trần Thành khi ông đảm nhiệm Bộ trưởng Quân chính năm 1944 đã đưa ra kế hoạch chỉnh quân trình Tưởng Giới Thạch, kiến nghị bỏ chế độ trả lương bằng tiền cho các tướng thay bằng hiện vật và kiến nghị giảm hơn một triệu quân. Sau vì Tưởng Giới Thạch phát động nội chiến nên kế hoạch này đành bỏ xó.

Tháng 8 năm 1949, Trần Thành làm Trưởng Quan Dinh hành chính Đông Nam, Ông ra lệnh tất cả quân đội từ Đại Lục ra Đài Loan đều phải hạ vũ khí, sau đó theo sự sắp xếp của Bộ Tư lệnh Cảnh sát Đài Loan, lên bờ đóng quân ở địa điểm quy định, rồi theo kế hoạch chia vào các căn cứ huấn luyện, đăng ký lại danh sách, đưa vào kỷ luật thật nghiêm khắc, cuối cùng mới phát vũ khí, cử đi đóng quân. Lần chỉnh biên này tổng cộng gạt đi hơn mười Bộ Tư lệnh binh đoàn, hơn 30 Bộ Tư lệnh quân đoàn và hợp nhất bảy đơn vị quân sự. Đăng ký lại danh sách là để chuẩn bị điều kiện sau này quân Tưởng hưởng lương bằng hiện vật và thanh toán lối ăn gian, ăn chặn của bọn sỹ quan.

Vì Trần Thành trấn giữ Đài Loan, rất nhiều tướng lĩnh bất hòa với ông thuộc phe Hà Ứng Khâm, đều không chịu ra Đài Loan như Quan Lân Chinh, Lý Mạc Yêm. Những người ra Đài Loan đều thất thế như Cố Chúc Đồng, Tưởng Đình Văn, Vi Đức Cần, Dương Ân Bá vốn là một phe trong Quốc quân, ngày 17 tháng 10 năm 1949 kéo tàn quân rút ra giữ Kim Môn. Ngày 25 tháng 10, mở màn chiến dịch Kim Môn. Trong khi chiến đấu, Dương Ân Bá yêu cầu cho rút lui, nhưng Tưởng lại ra nghiêm lệnh tử thủ Kim Môn.

Sau Dương được binh đoàn của Hồ Liên từ Quảng Đông rút về tăng viện chuyển bại thành thắng. Ngày 27 tháng 10, Trần Thành đến thị sát Kim Môn lệnh cho bộ hạ cũ của mình là Hồ Liên nắm giữ binh quyền. Ngày 29, Trần Thành đích thân "đưa tiễn" Dương Ân Bá bay về Đài Bắc. Từ đó trở đi Dương Tư lệnh dưỡng bệnh là chính, đến tháng 5 năm 1954 qua đời tại Tokyo (Nhật). Một vị tướng mạnh khác là Hồ Tôn Nam tháng 3 năm 1950 sau khi từ Tây Xương trốn ra Đài Loan đã thành "Tư lệnh không có quân". Tháng 5 năm 1950, "Viện Giám sát" Quốc dân đảng thông qua vụ án Hồ Tôn Nam chụp cho ông cái mũ "tan quân, mất đất, lỡ việc binh" đưa Hồ vào lãnh cung. Khi đó Trần Thành đã là phái có thực lực lớn nhất trong quân đội Quốc dân đảng.

Thế lực của Trần Thành được mở rộng trong quân đội không phù hợp với bản ý của Tưởng Giới Thạch. Quyền thuật thống trị của Tưởng Giới Thạch bao giờ cũng là để hai phái chế ước nhau. Ông ngồi cao để điều khiển, nhờ đó hình thành thế ổn định chân kiềng của cơ cấu thống trị. Muốn khống chế sự phát triển thế lực của phe Trần Thành, giúp cho Tưởng Kinh Quốc cắm rễ sâu, đồng thời cũng để sửa chữa mọi tệ nạn trong quân Tưởng, tháng 3 năm 1950 Tưởng Giới Thạch sau khi lại lên làm "Tổng thống", lập tức khẳng định thành quả chỉnh biên của Trần Thành và trên cơ sở đó tiến một bước phát động phong trào chỉnh quân xây dựng đội ngũ.

Mấu chốt của cuộc vận động chỉnh quân xây dựng quân đội là lập lại chế độ công tác chính trị trong quân đội.

Quốc dân đảng bắt đầu xây dựng quân đội ở Hoàng Phố, vì chịu ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Cộng, trong quân đội có tổ chức Đảng và bộ máy công tác chính trị. Khi đó đại biểu Đảng, phần lớn là Đảng viên cộng sản và phe tả của Quốc dân đảng. Sau khi Tưởng phản bội Cách mạng, cán bộ chính trị biến chất trở thành "Giám quân" có nhiệm vụ đặc biệt, nhất là trong quân phối hợp, nhân viên công tác chính trị hầu như đều do đặc vụ của Tưởng cử đến nằm cạnh sỹ quan chỉ huy quân sự. Đến mùa thu năm 1945, Quốc dân đảng ra điều "quân đội quốc gia hoá", ép Đảng cộng sản nộp vũ khí, cũng nặn ra Hiến pháp để mị nhân dân, đã từng bỏ tổ chức Đảng trong quân đội, bộ máy công tác chính trị trong quân đội đổi thành "Đơn vị thông tin báo chí", rất nhiều nhân viên công tác chính trị lấy danh nghĩa "cố vấn", "tham nghị" hoặc "Phó Tham mưu trưởng" vẫn tiếp tục công tác, nhưng thực quyền không còn như trước. Tháng 1 năm 1947, Quốc dân đảng ban bố "Hiến pháp". Điều 138 quy định: "Hải, lục, không quân toàn quốc phải trung thành với nhà nước, vượt ra ngoài quan hệ cá nhân địa phương và đảng phái." Điều này có nghĩa nguyên tắc "Đảng lãnh đạo quân đội" là vi phạm "Hiến pháp". Vì bị "Hiến pháp" ràng buộc, các "giám quân" thuộc phe Quốc dân đảng trong quân đội càng gặp khó khăn, sức khống chế sỹ quan và binh lính cũng giảm nhiều. Người của Tưởng cho rằng đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho quân Tưởng bị đả kích và nhanh chóng tan rã.

Trên cơ sở bài học này, Trung ương Quốc dân đảng bất chấp "vi phạm Hiến pháp", tháng 2 năm 1950 quyết định khôi phục công tác Đảng trong quân đội và chuẩn bị thay đổi chế độ công tác chính trị. Ngày 1 tháng 3, Tưởng Giới Thạch tuyên bố thành lập "Bộ chính trị của Bộ Quốc phòng" (sau đổi là "Tổng Bộ Chính trị Bộ Quốc phòng", ngày 16 tháng 8 năm 1963 lại đổi là "Tổng Bộ Chính trị" tác chiến Bộ Quốc phòng). Ngày 21 tháng 3, Tưởng Giới Thạch cử Tưởng Kinh Quốc làm "Chủ nhiệm Bộ chính trị Bộ Quốc phòng". Tiếp theo, quân Tưởng đâu đâu cũng thành lập cơ quan chính trị. Ngày 1 tháng 4, Quốc dân đảng ban bố Cương yếu công tác chính trị trong quốc dân, các quan chức chính trị của quân đội chính thức bắt đầu công tác.

Cương yếu công tác chính trị trong quốc dân quy định, nhiệm vụ trước hết của cơ quan chính trị quân đội là "chủ trì lãnh đạo giáo dục chính trị tư tưởng trong quân đội, xây dựng vũ trang tinh thần". Theo cách nói của Tưởng Giới Thạch là: "Xây dựng tư tưởng thống nhất và kiên định lòng tin".

Tưởng Giới Thạch chỉ trích Quốc dân đảng: "Một số tướng tá trong đầu có rất ít tư tưởng Chủ nghĩa Tam dân và không tin tưởng vào Chủ nghĩa Tam dân, họ chỉ mong bản thân yên ổn, bảo vệ được vợ con, tranh công, bịa công, thăng quan phát tài... kết quả, trên không tin dưới, dưới không tin trên, không tin vào chiến hữu, cũng chẳng tin vào chính mình, thế thì còn gì là đoàn kết nhất trí nữa… trước kia chúng ta tiễu phỉ ở Đại Lục bị thất bại quân sự chính là do không có tư tưởng và lòng tin." Do đó, ông đề ra: "Ngày nay, quân cách mạng xây dựng tư tưởng thống nhất là Chủ nghĩa Tam dân! Xây dựng lòng tin kiên định là phải tin vào lãnh tụ của Chủ nghĩa Tam dân. Chúng ta chỉ có chủ nghĩa để rèn đúc tư tưởng toàn quân mới có thể thống nhất tư tưởng, mới tin tưởng tuyệt đối vào lãnh tụ, mới kiên định lòng tin."

Theo lô-gic của Tưởng, tin vào lãnh tụ có nghĩa là tin vào chủ nghĩa. Cái gọi là lãnh tụ không gì khác mà chính là bản thân ông. Cho nên, tin vào Tưởng Giới Thạch tức là tin vào Chủ nghĩa Tam dân.

Dựa trên thứ lý luận méo mó đó, việc làm đầu tiên của nhân viên công tác chính trị là cử hành lễ tuyên thệ trong toàn quân, yêu cầu mọi người thề chết trung thành với "Tổng thống" tức Tưởng Giới Thạch. Công tác này về sau trở thành thủ tục nhập ngũ của người lính. Nhân viên công tác chính trị còn kích thích một số lính viết huyết thư, xăm chữ "thề chết chống Cộng" vào người, kích động lòng thù hận Cộng sản, chống Cộng theo lối phát xít và trung thành mù quáng vào Tưởng Giới Thạch. Ngoài ra, họ còn định kỳ tổ chức trong quân đội các cuộc học tập, thảo luận và "thi chính trị". Tóm lại, dùng các biện pháp đó khiến cho sỹ quan binh lính trở thành những kẻ tầm thường với mớ lý luận phản động của Quốc dân đảng.

Cương yếu công tác chính trị trong quốc dân quy định, nhiệm vụ thứ ba của cơ quan công tác chính trị quân đội là "giám sát kinh phí nhân sự của đơn vị, kiểm tra người, ngựa". Nhiệm vụ thứ tư là "kích phát tình cảm chiến đấu của quan binh". Do đó, nhân viên công tác chính trị mở cuộc vận động "Bốn công khai": Nhân sự công khai, kinh tế công khai, thưởng phạt công khai, ý kiến công khai.

Cái gọi là "công khai nhân sự" và "công khai ý kiến" cốt để binh lính quan tâm đến việc xây dựng quân đội, đề phòng hiện tượng chiếm dụng của công, bồi dưỡng không khí dân chủ trong quân đội.

Cái gọi là "công khai kinh tế" và "công khai thưởng phạt" cốt để phối hợp các biện pháp cải thiện phúc lợi quân đội, trấn an lòng quân. Tháng 7 năm 1950, bắt đầu thực hiện chế độ "cung cấp đến tận trung đoàn" đổi đơn vị hậu cần từ cấp quân đoàn thành cấp trung đoàn. Như vậy, tránh được tệ nạn sỹ quan hậu cần ở cấp quân đoàn, sư đoàn bớt xén của lính và giảm các thủ tục cấp phát. Đồng thời, vì phát quân nhu đều lấy cấp trung đoàn làm khởi điểm nên binh lính dễ giám sát. Để giảm sức ép của lạm phát đối với binh lính và gia đình họ, từ tháng 7 năm 1950 bắt đầu thực hiện chế độ phân phối nhu yếu phẩm sinh hoạt đối với binh lính và viên chức. Tháng 1 năm 1951, thực hiện "cấp phát đến tận nhà", bộ đội định kỳ mang hiện vật và tiền lương đến tận gia đình binh lính. Về sau, Quốc dân đảng lại lần lượt ban bố Chế độ trợ cấp tiền học cho con em binh lính, Chế độ phụ cấp thực phẩm phụ cho quốc dân, căn cứ vào Ban Quản lý sự nghiệp phúc lợi của Quốc quânthành lập năm 1956. Quốc dân đảng lại nhiều lần phát động Đảng viên quyên góp xây dựng "khu gia đình" và tổ chức các kiểu hoạt động thăm hỏi binh lính. Tất cả những việc đó được nhân viên công tác chính trị tham dự và giúp sức.

Ngoài ra, nhân viên công tác chính trị còn phát động luận bình về "anh hùng chiến đấu", "anh hùng vượt khó", "anh hùng chính trị" lấy vinh dự và vật chất để trao thưởng, kích thích tinh thần chiến đấu của binh lính.

Đối với các hoạt động kể trên, ngài Giang Nam đã từng bình luận rằng: "So với Trung Cộng còn thua xa", nhưng "có cống hiến rõ rệt để cải thiện phúc lợi, kỷ luật và sức chiến đấu của quân đội, đó là sự thật mọi người đều biết".

Để tăng cường sự khống chế của nhân viên chính trị đối với quân đội, Tưởng Kinh Quốc cử môn sinh của mình là Dịch Kinh Thu (học viên khóa I lớp nghiên cứu Trường Cán bộ Đoàn Trung ương) ngồi trấn "Tổng Bộ Chính trị" phụ trách nghiệp vụ nhân sự, do đó có thể can dự vào các cuộc sát hạch và thăng chức sỹ quan và binh lính. Dịch Kinh Thu giữ chức này hơn mười năm. Đến năm 1966, Tưởng Kinh Quốc hoàn toàn nắm được quân đội rồi mới điều Dịch Kinh Thu sang làm Chủ nhiệm Ban Quản lý cán bộ Trung ương Đảng, gánh trọng trách quân sự của Đảng. Đồng thời với nắm quyền nhân sự trong quân đội, quân Tưởng còn thực thi chế độ "mệnh lệnh không có ý kiến của thủ trưởng bên Bộ Chính trị không có giá trị". Điều này khiến cho nhân viên chính trị "từ bên ngoài đến" bỗng nhiên ngồi ngang hàng với thủ trưởng quân sự.

Quân đội Quốc dân đảng khi mới ra đảo, quan nhiều lính ít. Lính tráng trình độ văn hóa thấp, lại có rất nhiều lính cũ đủ mọi nghề trộn vào. Họ lợi dụng đồng hương, đồng họ, kéo bè kết đảng. Có nhiều lính già tàn phế cũng nằm lỳ trong quân đội đứng tên ăn lương. Nắm bắt được

vấn đề này, chính quyền Đài Loan thực hiện chế độ về hưu, ban hành Luật binh dịch để xúc tiến quá trình thay cũ đổi mới trong quân đội.

Tháng 6 năm 1951, Tưởng Giới Thạch công bố lệnh Biện pháp đưa sỹ quan binh lính hải lục không quân về hưu. Tháng 10 năm 1952, chế định Biện pháp đưa sỹ quan binh lính ba quân ở Đài Loan về hưu, quy định rõ niên hạn về hưu cho sỹ quan và binh lính: Lính 40 tuổi, thiếu úy 43 tuổi, trung úy 45, thượng úy 47, thiếu tá 49, trung tá 51, thượng tá 54, thiếu tướng 57, trung tướng 60, thượng tướng 64, thượng tướng hạng hai 67, thượng tướng hạng nhất 70 tuổi (sau đổi thành chế độ suốt đời). Sau khi thực hiện các quy định này, lính già bệnh tật trong quân Tưởng đến hạn không được thăng hàm dần dần bị đào thải hết.

Tháng 8 năm 1951, Quốc dân đảng bắt đầu lấy thanh niên Đài Loan nhập ngũ. Đợt đầu lấy được 12 nghìn người. Tháng 12, "Viện Lập pháp" thông qua Luật binh dịch quy định thanh niên đủ 20 tuổi đều phải đến đăng ký ở Cục Binh dịch, sau khi kiểm tra sức khỏe sẽ chuẩn bị nhập ngũ. Luật binh dịch về sau được sửa nhiều lần, quy định tuổi thanh niên nhập ngũ từ 18 đến 20. Hạn phục vụ binh dịch ở lục quân là hai năm; hải quân và không quân là ba năm. Hết hạn, chuyển thành quân dự bị. Quân dự bị duy trì đến tuổi 45. Sau 45 tuổi mới chính thức ra quân. Trong thời kỳ dự bị vẫn phải tập trung huấn luyện định kỳ. Nếu giả tạo các lý do hoặc tự hủy hoại thân thể, thuê người thay thế để trốn phục dịch, sẽ bị xử tù ba đến năm năm. Những người chưa qua binh dịch nhất loạt không được xuất cảnh, lên lớp hoặc công tác đều chịu ảnh hưởng. Thực hiện Luật binh dịch được khoảng năm năm, "lính rượu" trong quân Tưởng hầu như bị thanh niên thay thế hết.

Ngày 12 tháng 3 năm 1952, Tưởng Giới Thạch lại ban hành Chế độ nhiệm kỳ phụ trách của sỹ quan quân sự quy định cấp sư đoàn trở lên nhiệm kỳ là hai năm, được tái nhiệm một lần, hết hai nhiệm kỳ sẽ được tái nhiệm hoặc miễn nhiệm; khi cần có thể kéo dài nhiệm kỳ, thời gian không quá một năm. Theo quy định này, sỹ quan cấp sư đoàn trở lên giữ chức liên tục nhiều nhất cũng chỉ được năm năm. Quyền lực mà họ có, chỉ có thể là "quyền lực chức vị" chứ không có "quyền lực cá nhân", nghĩa là tại chức thì có quyền, mất chức thì mất quyền. Vì vậy, không thể hình thành vũ lực kế thừa cá nhân, cũng không thể có lính là mạnh. Thực hiện chế độ này làm yếu đi rất nhiều khuynh hướng quân phiệt trong các tướng lĩnh của Quốc dân đảng. Nhờ đó, cha con Tưởng cũng thuận lợi trong việc điều chỉnh nhân sự hai năm một lần. Rất nhiều tướng lĩnh cao cấp trong phe Trần Thành và một số sỹ quan phụ trách không được lòng nhân viên chính trị mất đi thực quyền trong quá trình điều động phức tạp hai năm một lần này.

Bốn chế độ: Chế độ công tác chính trị, Chế độ về hưu, Chế độ binh dịch và Chế độ nhiệm kỳ phụ trách của sỹ quan quân sự là những biện pháp quan trọng nhất của Quốc dân đảng trong chỉnh đốn và xây dựng quân đội. Đồng thời với việc quán triệt bốn biện pháp trên, Quốc dân đảng lần lượt lập ra khá nhiều trường quân sự để nâng cao chất lượng sỹ quan, xúc tiến trẻ hoá, chính quy hóa và hiện đại hóa quân đội.

Trong thời kỳ này, Quốc dân đảng liên tục mở các trường (có trường từ Đại Lục chuyển ra đảo tiếp tục mở cửa tuyển sinh) Đại học Quốc phòng, Đại học Tham mưu Liên hợp ba quân chủng, Đại học Tham mưu Chỉ huy Lục quân, Đại học Tham mưu Chỉ huy Hải quân, Đại học Tham mưu Chỉ huy Không quân, Học viện Y Quốc phòng, Học viện Bách khoa Lục quân, Học viện Hiến binh. Ngoài ra, còn khoảng hơn 20 trường sỹ quan và kỹ thuật chuyên nghiệp, trong đó có ba trường quân sự quan trọng nhất là Trường Sỹ quan Lục quân" (ở Phong Sơn, Cao Hùng, trước là Trường Sỹ quan Lục quân Thành Đô), Trường Sỹ quan Hải quân (ở Tả Doanh, Cao Hùng, trước là Trường Sỹ quan Hải quân Thanh Đảo), Trường Sỹ quan Không quân (đóng ở Cương Sơn, Cao Hùng trước là Trường Sỹ quan Không quân Kiền Kiều, Hàng Châu). Các trường chiêu sinh học sinh tốt nghiệp phổ thông tuổi từ 17-22 học bốn năm, sau khi tốt nghiệp được phong trung úy, thời hạn phục vụ mười năm, sau khi hết hạn, không kể những người tình nguyện, nếu có nhu cầu quân sự, phải kéo dài 3-5 năm. Ngoài ra, ba trường này còn tuyển học sinh chuyên tu tuổi từ 17-25 học 2,5-3 năm, sau khi tốt nghiệp được phong thiếu úy, thời hạn phục vụ giống như hệ chính quy.

Về mặt xây dựng trường quân sự, Tưởng Kinh Quốc cũng không chịu thua kém. Tháng 9 năm 1950, ông lệnh cho nhóm Vương Thăng soạn kế hoạch mở Trường Cán bộ Công tác Chính trị, sau đó chọn đất khởi công ở núi Phục Hưng, Đài Bắc (trước là sân đua ngựa). Tháng 7 năm 1951, xây dựng xong và bắt đầu chiêu sinh; do Hồ Vỹ Khắc và Vương Vĩnh Thụ lần lượt làm Hiệu trưởng, thực quyền ở trong tay Giảng viên chính (Chủ nhiệm) Vương Thăng. Thời kỳ Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm "Tổng Bộ Chính trị", còn lập "Văn phòng Chủ nhiệm Tổng Bộ Chính trị" ở ngay trong trường do đích thân Tưởng con ngồi trấn ở đó để theo dõi. Năm 1958 Vương Thăng lên làm Hiệu trưởng, đưa Lương Hiếu Hoàng, một sỹ quan chính trị, người đã có công phát động phong trào "khắc phục khó khăn" lên làm Phó Hiệu trưởng. Trường này do Vương, Lương hai người nắm giữ mãi về sau: Học sinh trường này tốt nghiệp sẽ vào quân đội kết hợp với nhân viên công tác chính trị, hình thành một phe mới trong quân đội – phe chính trị. Phe chính trị tôn Vương Thăng làm đầu rồng, lấy Trường Cán bộ Chính trị làm đại bản doanh. Nhiệm vụ chủ yếu là làm tai mắt cho Tưởng Kinh Quốc nắm quân đội, để hạn chế các tướng lĩnh quân sự thuộc phái Hoàng Phố.

Tưởng Giới Thạch vốn là nhà sáng lập trường quân sự. Ông trước sau vẫn dùng luân lý lò võ phong kiến để liên kết nội bộ. Ông rất thích học sinh Hoàng Phố gọi mình là Hiệu trưởng chứ không gọi bằng các hàm vị cao khác. Sau khi ra Đài Loan, chỉ cần có thời gian Tưởng Giới Thạch bao giờ cũng cố gắng tham gia các buổi lễ tốt nghiệp của học sinh trường quân sự. Sau khi ông mất, Tưởng Kinh Quốc kế thừa truyền thống của cha, hàng năm đều dự các buổi lễ tốt nghiệp ở trường quân sự. Nếu do sức khỏe không cho phép, ông đều cử người xứng đáng thay mặt đi dự. Cho nên, người nào được ông cử đi dự lễ tốt nghiệp trường quân sự có thể coi là một biểu hiện quan trọng, nâng cao địa vị chính trị của người đó.

Thông qua việc mở hàng loạt các trường quân sự, tình trạng mà Tưởng Giới Thạch thường chửi rủa "các tướng lĩnh cao cấp của quốc dân bất tài, vô học và ngu xuẩn không biết gì" được cải thiện. Trình độ văn hóa chung của quân Tưởng được nâng dần lên, từ đó trình độ huấn luyện, trình độ quản lý và khả năng tác chiến thực tế của quân Tưởng đều có ảnh hưởng tốt.

Trong quá trình chỉnh đốn và xây dựng quân đội, Mỹ cũng giúp đỡ rất nhiều. Sau khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, các sỹ quan cao cấp của Mỹ đến Đài Loan tới tấp, vũ khí mới của Mỹ ồ ạt đưa vào Đài Loan, đây thực sự là một liều thuốc trấn kinh rất hiệu nghiệm cho quân Tưởng vốn là "con chim sợ cành cong" trước kia. Tháng 5 năm 1951, đoàn cố vấn Mỹ đóng ở Đài Loan bắt đầu làm việc, số thành viên từ 54 người lúc đầu đã tăng lên gần nghìn người. Những cố vấn này phân tán xuống bộ máy các cấp từ trung đoàn trở lên, đề xuất các ý kiến về các mặt huấn luyện, quản lý, phúc lợi đôi khi đóng vai trò chỉ huy hoặc giám sát. Mỹ và Tưởng phối hợp xây dựng căn cứ huấn luyện, lần lượt bồi dưỡng các sỹ quan cấp dưới. Sỹ quan và nhân viên kỹ thuật các binh chủng hải quân, không quân, thiết giáp, tên lửa đều được đưa sang Mỹ huấn luyện. Mỹ còn viện trợ để giúp ổn định đời sống binh lính về hưu, khiến cho việc cải cách trong quân đội được tiến hành thuận lợi. Các công binh xưởng ở Đài Loan sản xuất và phát triển không tách rời viện trợ kỹ thuật của Mỹ.

Cuộc vận động khi nào kết thúc, cầm quyền Đài Loan không tuyên bố rõ. Thông qua chỉnh quân lần này, cơ bản chấm dứt được các nạn ăn chặn, ăn bớt, "hút máu lính", cải thiện rất nhiều về mặt tuổi quân, trình độ văn hoá, phẩm chất của sỹ quan… Khuynh hướng chính trị của các tướng cầm quân cũng được ràng buộc chặt. Quân đội tiến tới những bước đầu tiên trên con đường chế độ hoá, chính quy hóa và hiện đại hoá. Đồng thời, Tưởng Kinh Quốc vốn không có chút vốn liếng gì trong quân đội cũng đã nắm được và có quyền phát ngôn đối với quân đội. Đây là những thành quả chủ yếu của cuộc chỉnh đốn và xây dựng quân đội Tưởng Giới Thạch.

III. CHỈNH ĐỐN HỆ THỐNG ĐẶC VỤ

Trong từ vựng chính trị của Quốc dân đảng có khái niệm "Hệ thống quân đội đặc nhiệm". Khi chỉnh quân, đồng thời hệ thống đặc vụ cũng được cải tạo và chỉnh đốn.

Quan hệ giữa hệ thống đặc vụ và hệ thống quân đội thật khó nói rõ. Đây có thể coi là con chim hai đầu trong thần thoại hoặc như một quái thai dính liền hai thân, mỗi hệ thống có tính độc lập riêng, nhưng liên kết chặt chẽ làm một. Trong các thế lực đặc vụ của Quốc dân đảng, trừ "Trung thống" thuộc hệ thống quan văn ra, "Quân thống" và "Phòng nhì Bộ Quốc phòng", bộ đội bảo an các tỉnh… đều thuộc hệ thống quân đội. Hiến binh, cảnh sát cũng có quan hệ mật thiết với quân đội. Nhưng những đặc vụ mang quân phục này không nghe mệnh lệnh của hệ thống chỉ huy quân đội mà có kênh khác trực thuộc chính quyền cấp cao. Vì vậy, họ tuy cùng một khối nhưng bản thân lại có nhiệm vụ giám sát quân đội. Nhưng mặt khác quân đội cũng có thể phát huy tác dụng kìm hãm hệ thống đặc vụ, cộng thêm sự giám sát lẫn nhau giữa các thế lực đặc vụ, đề phòng một thủ lĩnh đặc vụ nào đó lợi dụng vị trí đặc biệt gần gũi chính quyền cấp cao mưu đồ bất chính.

Trong số những người theo Tưởng ra Đài Loan, lực lượng đặc vụ chiếm tỷ lệ cao nhất. Sau khi ra Đài Loan, quyền lực của hệ thống đặc vụ cũng lớn dần lên, chỉ có thể giao "quân cận vệ" cho những người trung thành nhất Tưởng Giới Thạch mới yên tâm. Thế thì ai là người trung thành đáng tin nhất. Dĩ nhiên là con mình: Tưởng Kinh Quốc.

Lúc đầu ra đảo, các phái đặc vụ rất nhiều, để củng cố vị trí cản lẫn nhau, có khi một đơn vị này phá án sắp xong, đơn vị khác đến bắt người lĩnh thưởng, kết quả là một xu trinh sát điều tra không mất vì cướp công của đơn vị khác. Thấy được vấn đề đó, Tưởng Giới Thạch thấy cũng cần chỉnh đốn hệ thống đặc vụ.

Vì vậy, Tưởng Giới Thạch giao cho Tưởng Kinh Quốc vạch kế hoạch và lãnh đạo công tác đó. Trọng tâm là tăng cường điều phối thống nhất bộ môn tình báo, làm rõ sự phân công và quyền hạn của các bộ môn tình báo và nhờ đó xác lập quyền lực của Tưởng Kinh Quốc đối với hệ thống đặc vụ, đặt sẵn cơ sở cho việc truyền ngôi sau này.

Tưởng Kinh Quốc ở Liên Xô về đmả nhiệm chức vụ đầu tiên là Thiếu tướng, Phó Phòng Bảo an tỉnh Giang Tây. Có thể nói Tưởng Giới Thạch ngay từ đầu đã có ý dành cho ông điều kiện để phát triển thế lực trong hệ thống đặc vụ. Nhưng khi đó, thực quyền nằm trong tay Tham mưu trưởng "Bộ Tư lệnh Bảo an" tỉnh là Hùng Tân. Hùng Tân được chú ruột là Hùng Thức Huy làm Chủ tịch tỉnh Giang Tây nâng đỡ, căn bản không muốn để Tưởng Kinh Quốc thọc tay vào hệ thống đặc vụ của tỉnh, cho nên chỉ hạn chế Tưởng Kinh Quốc trong phạm vi ông phụ trách là chuyên khu Cống Nam.

Khi đó, Tưởng Kinh Quốc lập một phòng đặc vụ trong khu mình, do Chủ nhiệm Bí thư Văn phòng khu Hoàng Trung Mỹ kiêm nhiệm. Phòng này bố trí mạng lưới thông tin ở các cơ quan và các huyện thuộc khu, bố trí rộng khắp các thông tin viên (đặc vụ) và do người của Vương Thăng lấy danh nghĩa là giám sát viên văn phòng hoặc chuyên viên để đi tuần và thu thập tình báo ở các huyện Cống Nam. Vương Thăng sau này thành thủ lĩnh đặc vụ của Tưởng Kinh Quốc chính là đã có cơ sở từ những ngày này. Để đối phó với "Lưỡng thống", trước hết Tưởng Kinh Quốc phát minh ra phương pháp Hội báo liên hợp, quy định người phụ trách "Quân thống" và "Trung thống" trong địa bàn của chuyên khu đông tại Cống Nam như các tiểu đoàn trưởng hiến binh, cục trưởng cảnh sát, đội trưởng bảo an và những người đứng đầu Đảng, đoàn đều phải tham gia cuộc họp Hội báo liên hợp do ông triệu tập để có lợi cho "trao đổi tình báo, liên hợp hành động". Mỗi tuần hội báo một lần, cần thiết có thể họp bất thường. Tưởng Kinh Quốc còn quy định: Nếu phòng đặc vụ thuộc Văn phòng chuyên khu không được thông báo rõ, các đơn vị đặc vụ và bảo an không được tự ý hành động. Qua phương pháp này, Tưởng Kinh Quốc đứng trên các phái cảnh sát, đặc vụ, hiến binh và bảo an, nắm quyền chỉ huy đặc vụ toàn khu. Sáng kiến Hội báo liên hợp được Tưởng cha hoan nghênh mở rộng ra các khu khác và hình thành một chế độ. Các huyện đều tổ chức Hội báo đặc chủng, tỉnh và Trung ương thành lập Phòng Bí thư Hội báo liên hợp, gọi tắt là Phòng liên bí, phụ trách điều hành các hoạt động đặc vụ. Thực tế, khi còn ở Đại Lục, Phòng liên bí do "Lưỡng thống" chia nhau nắm giữ, Tưởng Kinh Quốc chưa đến lượt sờ vào. Năm 1948, Tưởng Kinh Quốc triệu tập thân tín của mình là Vương Thăng, Lý Hoán, Giang Quốc Đông thành lập "Hội cứu quốc máu sắt" và "Học xã trung chính"

để chuẩn bị tổ chức đặc vụ nhưng vẫn chưa ăn thua gì.

Tháng 7 năm 1949, Tưởng Giới Thạch triệu tập những người phụ trách hệ thống đặc vụ và trị an đến Cao Hùng, quyết định thành lập tổ chức hạt nhân mang tên Ủy ban hành động chính trị. Nhiệm vụ cơ bản là: Thống nhất tất cả công tác tình báo và trị an, đồng thời làm cho mạnh và hữu hiệu hơn. Người dự họp đều do Tưởng Kinh Quốc chỉ định: Đó là Diệp Tác Phong, Cục trưởng Cục Điều tra "Bộ Nội chính" của Trung thống; Mao Nhân Phong, Trịnh Giới Dân, Ngụy Đại Danh của Quân thống; Bành Mạnh Quyên, Phó Tư lệnh "Bộ Tư lệnh Bảo an" tỉnh Đài Loan; Trương Trấn, Tư lệnh Hiến binh; Đường Tung, Chánh Văn phòng Cảnh sát "toàn quốc"; Mao Sâm, Cục trưởng Cảnh sát Thượng Hải xuất thân từ Quân thống và Đào Nhất San, Trưởng phòng Cảnh sát tỉnh Đài Loan. Những người này thường vẫn mâu thuẫn nhau. "Trung thống" và "Quân thống" chưa bao giờ vui vẻ với nhau. "Tam kiệt" trong "Quân thống" là Mao Nhân Phong, Trịnh Giới Dân và Đường Trung cũng chẳng ai chịu ai. Còn hệ thống hiến binh lại mâu thuẫn với hệ thống cảnh sát. Họ tập hợp trong một Ủy ban, rất cần một trọng tài điều phối quan hệ giữa họ và cân nhắc đúng sai trong các cuộc tranh chấp của họ. Người trọng tài đó không ai khác ngoài Tưởng Giới Thạch. Nhưng Tưởng Giới Thạch không thể tự mình chủ trì Ủy ban này. Do đó, Tưởng Kinh Quốc đứng ra làm liên lạc viên cho Bộ, trấn giữ vị trí lãnh đạo công tác của Ủy ban hành động chính trị.

Ủy ban hành động chính trị thành lập ngày 20 tháng 8 năm 1949 tại Viên Sơn, Đài Bắc. Lúc đầu chỉ có hai đơn vị, một là Phòng Thư ký và một là Ban Huấn luyện. Tưởng Giới Thạch chỉ định Đường Tung là người triệu tập Ủy ban. Đường Tung sở dĩ nổi lên vì ông đã từng làm Thư ký riêng của Tưởng Giới Thạch, có quan hệ gắn bó với gia đình Tưởng hơn những người khác. Khi còn làm với Tưởng Giới Thạch, Đường hoàn toàn đứng trên lập trường của Tưởng, tài liệu các phái đưa lên dù không có lợi cho Quân thống, Đường cũng chuyển hết, không bớt xén, để biểu thị ông không phe phái. Khi Tưởng giao phó Tưởng con cho ông, Đường Tung một lòng một dạ tích cực giúp đỡ. Vì thế, Tưởng Giới Thạch mới cử ông "đứng chắn" cho Tưởng Kinh Quốc. Khi Tưởng Kinh Quốc theo cha hoạt động ở Đại Lục, thực sự không thể trông đợi gì ở Ủy ban. Những người phụ trách các đơn vị đặc vụ tuy trước mặt Tưởng vâng vâng dạ dạ nhưng tan họp, không hề để ý đến Đường Tung. Vì vậy, Ủy ban hành động chính trị không phát huy được tác dụng như Tưởng mong đợi.

Tháng 3 năm 1950, Tưởng Kinh Quốc làm "Chủ nhiệm Tổng Bộ Chính trị". Vì Cương lĩnh công tác chính trị của quốc dân quy định "kiểm tra tư tưởng sỹ quan và binh lính" và "chấp hành bảo mật đề phòng gián điệp", khiến cho nhân viên công tác chính trị của Tưởng Kinh Quốc tha hồ thọc tay vào các lĩnh vực của đặc vụ. Sau này, thủ lĩnh của phe chính trị là Vương Thăng lấy danh nghĩa là "Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị" chỉ đạo toàn bộ hoạt động của bộ máy tình báo chính trị Đài Loan.

Đồng thời thành lập "Tổ tư liệu phòng cơ yếu Phủ Tổng thống", yêu cầu các ngành đặc vụ của Đảng, Quân, Chính phải báo cáo công tác. "Tổ tư liệu" do Tưởng Kinh Quốc làm Chủ nhiệm, Trần Đại Khánh làm Phó, Trương Sư làm Thư ký chấp hành, Trương Viêm Nguyên, Bao Liệt làm chuyên viên. Trần Đại Khánh đã từng làm Tư lệnh Cảnh sát ở Thượng Hải, ủng hộ Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp" vì thế thành Thượng khách của "phe Thái tử". Trương Sư là bạn học của Tưởng con ở Nga, cũng là một nguyên lão của Quân thống. "Tổ tư liệu" trở thành tấm ảnh phóng đại của Hội báo liên hợp. Khiến Tưởng Kinh Quốc, ngoài quyền hạn Chủ nhiệm "Tổng Bộ Chính trị", tăng thêm đặc quyền "thu thập tư liệu cho Tổng thống", có thể "mượn danh thiên tử điều khiển chư hầu", do đó chỉ huy và điều khiển các đơn vị đặc vụ càng thuận tiện, như ý muốn.

Ngoài ra, cũng thời kỳ này, Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho Bành Mạnh Quyên tổ chức "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan", điều phối các đơn vị tình báo ở Đài Loan. Bạnh Mạnh Quyên khi đó mới chỉ là "Phó Tư lệnh Bảo an tỉnh", trước vốn học pháo binh, chưa hề có chiến công. Nhưng ông lại có công trấn áp cuộc khởi nghĩa "28-2", năm 1950 lại lãnh đạo phá được mấy tổ chức bí mật của Đảng cộng sản nên được Tưởng cha biết đến. Nhưng Bành Mạnh Quyên lúc đó

thân phận quá thấp, không nói chi các tổ chức đặc vụ có hạng như Quân thống, Trung thống, ngay cả bộ máy tình báo của hiến binh, cảnh sát và hải lục không quân, hậu cần cũng đều tự xưng là đơn vị có tính toàn quốc căn bản không thèm để ý đến "Phó Tư lệnh Bảo an tỉnh". Trước tình hình đó, Bành Mạnh Quyên đành phải đưa Tưởng Kinh Quốc vào và trở thành thuộc hạ của "Tổ tư liệu".

Tiếp theo, Bành Mạnh Quyên mang lệnh của Tưởng Giới Thạch mời phó chủ quản các đơn vị tình báo họp, đề xuất để tránh tình trạng công tác trùng lặp, va chạm nhau, mời các đơn vị cử nhân viên cao cấp làm Ủy viên "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan", chịu trách nhiệm chung. Đồng thời, yêu cầu nhân viên tình báo của các đơn vị đều phải có thẻ công tác do "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan" cấp. Người có thẻ được coi là đang làm nhiệm vụ, có thể yêu cầu cơ quan chính quyền, quân đội, các ngành giao thông giúp đỡ và có thể kiểm tra bưu điện. Kiểm tra bưu điện trước kia chỉ có "Bộ Tư lệnh Bảo an" của Bành Mạnh Quyên phụ trách, nay cho mọi người cùng hưởng. Nếu không có thẻ, bị coi là "mạo nhận nhân viên tình báo", sẽ bị bắt giữ điều tra. Các đơn vị có mặt ở hội nghị đang ở trên đất của Bành, lại nghĩ rằng có thẻ của Bành lợi nhiều hơn hại nên đồng ý phương án đó.

Thế là các đơn vị đều đem danh sách, ảnh, chức vụ của nhân viên tình báo đơn vị mình đến "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan" xin thẻ. Để hòng chiếm nhiều quyền lợi, họ đều cố báo rõ nhiều, thậm chí cả nhân viên hậu cần trong đơn vị cũng lập danh sách lĩnh thẻ. Nhưng vì tính chất đặc thù của công tác tình báo là giữ bí mật tổ chức nội bộ, không biết lai lịch của họ, họ mới có thể theo dõi anh, nay "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan" và "Tổ tư liệu" thông qua việc phát triển đã nắm gọn các ngành tình báo. Như vậy sẽ phân công được rạch ròi quyền hạn của họ, tạo cơ sở chấm dứt tình trạng cùng một vụ nhiều người làm, dẫm đạp lên nhau, tranh công của nhau.

Đến tháng 7 năm 1954, "Tổ tư liệu" và "Ủy ban công tác tình báo Đài Loan" bị hủy bỏ, thay vào đó là một tổ chức đàng hoàng hơn là "Hội đồng Quốc phòng". Dưới có "Cục An ninh Quốc gia" và "Cục Động viên". Đứng đầu "Hội đồng Quốc phòng" là Chu Chí Nhu chỉ có danh vị, mọi việc đều do Phó Thư ký là Tưởng Kinh Quốc xử lý. Hội đồng này đến năm 1967 biến thành Hội đồng An ninh Quốc gia, được gọi là "Thái thượng nội các". Dưới vẫn có "Cục An ninh Quốc gia" phụ trách điều hành, theo dõi các hoạt động tình báo.

Trên cơ sở đó, tháng 3 năm 1955 các hệ thống đặc vụ Đài Loan có sự điều chỉnh lại. "Cục điều tra Bộ Nội chính" của Trung ương giải tán, nhân viên của Cục một số nhập vào Tổ Đại Lục và Tổ Hải ngoại của Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng, một phần điều đến "Bộ Tư pháp Hành chính" và tham gia "Cục Điều tra của Bộ". Cục này còn phải nhận thêm một phần nhân viên của "Phòng nhì". "Bộ Tư pháp Hành chính" sau này đổi tên nhưng Cục này vẫn gọi tắt là "Cục Điều tra".

"Quân thống" sau này đổi tên thành "Cục Bảo mật Bộ Quốc phòng"; "Phòng nhì" đổi tên là "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng". Nhân viên của "Phòng nhì" cũng công tác với các nhân viên cũ của "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng" còn lại.

Đồng thời, có sự phân công lại giữa các đơn vị. Cục Điều tra mới thành lập phụ trách điều tra xã hội trong Đảo, đề phòng tội phạm kinh tế, chống tham ô, lậu thuế là chính. "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng" do "Quân thống" chuyển sang phụ trách các hoạt động đặc vụ ở Đại Lục và hải ngoại là chính. Bộ máy cảnh sát, tức "Dinh Cảnh sát" phụ trách quản lý hộ khẩu, an toàn giao thông và phòng chống tội phạm hình sự là chính. Đối với "gián điệp Cộng sản", "Đài độc" và các chính trị phạm thì giao cho "Bộ Tư lệnh Bảo an" và Hiến binh là chính.

Nghiệp vụ của đơn vị cũ nếu không phù hợp với sự phân công mới cần phải giao sang cho các đơn vị mới. Chẳng hạn, trạm tình báo Đại Lục trước do "Trung thống" nắm, sau phân công phải bàn giao sang cho "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng". Mật thám và "tuyến dân" bố trí dày đặc trong Đảo của "Quân thống" trước kia, nay bàn giao cho "Cục Điều tra" hoặc "Bộ Tư lệnh Bảo

an". Như vậy, một mặt làm cho quyền hạn của đơn vị được rõ ràng, mặt khác cũng để giải tán các phe phái cũ trong "Trung thống" và "Quân thống".

Sau phân công nếu phát hiện có sự vượt quyền, các đơn vị có thể báo cáo lên "Cục An ninh Quốc gia" và đơn vị chủ quản. "Cục An ninh Quốc gia" sẽ bình công xét thưởng. Nếu đơn vị này muốn đơn vị khác giúp sức cũng thông qua "Cục An ninh Quốc gia" điều hòa giải quyết.

Tháng 3 năm 1958, Chính quyền Đài Loan lại giải tán các đơn vị "Bộ Tư lệnh Bảo an", "Bộ Tư lệnh Dân phòng", "Tổng bộ Phòng vệ Đài Loan", "Tổng bộ Canh gác Đài Bắc" và tổ chức ra Bộ Tổng tư lệnh Cảnh bị Đài Loan (gọi tắt là "Tổng cảnh"). Ngày 15 tháng 5, "Tổng cảnh" chính thức thành lập. Mọi nghiệp vụ của "Bộ Tư lệnh Bảo an" trước kia đều do "Tổng cảnh" tiếp nhận như giới nghiêm, cảnh sát, bắt bớ, xuất nhập cảnh, kiểm duyệt văn hoá, kiểm duyệt bưu điện, tòa quân sự… Vì vậy, "Tổng cảnh" trở thành bộ máy đặc vụ có thế lực lớn nhất Đài Loan.

Sau khi "Tổng cảnh" thành lập, rất lâu vẫn chưa biết thuộc về ai. Về lý thì thuộc hệ thống quân đội, nhưng "Tổng Tham mưu trưởng" bên quân đội không điều khiển được họ. "Viện trưởng Hành chính" và "Bộ trưởng Quốc phòng" cũng không chỉ huy được họ. Mãi đến tháng 7 năm 1978, chính quyền Đài Loan mới thêm một điều trong Luật tổ chức Bộ Quốc phòng, nói rõ "Tổng cảnh" thuộc "Bộ Quốc phòng". Nhưng chức quyền và biên chế của tổ chức này cho đến nay vẫn chưa có quy định bằng văn bản, pháp luật.

Trên thực tế, "Tổng cảnh" trực tiếp nghe lệnh của cha con Tưởng. Trong "Tổng cảnh" có Ban đấu tranh chính trị nắm giáo dục chính trị, tổ huấn luyện, kiểm duyệt văn hoá, tâm lý chiến (tuyên truyền đối với Đại Lục), mặt trận liên hợp giám sát đảng bạn. Theo kênh này, phe chính trị do Vương Thăng làm thủ lĩnh có điều kiện để khuếch trương trong "Tổng cảnh". Còn bản thân bộ phận thuộc quân đội cũng chịu sự giám sát của phe chính trị. Lâu ngày, "Tổng cảnh" trở thành địa bàn của phe này, Vương Thăng cũng trở thành người cầm đầu đặc vụ của Đài Loan.

Thành lập xong "Tổng cảnh" coi như chỉnh đốn xong hệ thống đặc vụ. Hơn 30 năm nay, hệ thống này cơ bản không thay đổi. "Tổng cảnh" là lực lượng chủ yếu bảo đảm an ninh đối nội, phụ giúp "Cục Điều tra", cảnh sát và hiến binh. Tình báo đối với Đại Lục và hải ngoại chủ yếu dựa vào "Cục tình báo Bộ Quốc phòng". Hệ thống bộ máy này do "Cục An ninh Quốc gia" theo dõi, kiểm tra và điều khiển. Cục này chịu trách nhiệm trước "Hội đồng An ninh Quốc gia" (năm 1967 đổi thành "Hội đồng Quốc phòng"). Ngoài ra, Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng cũng có mấy tổ cũng phụ trách tình báo đối với xã hội Đại Lục và hải ngoại.

Trên đây là chỉnh đốn về bộ máy, nhưng thực ra cuối cùng vẫn là sắp xếp nhân sự. Trong quá trình chỉnh đốn, nhiều người bị xếp xó, thậm chí có người bị xử lý. Những người xuống dốc này có thể chia làm ba hạng.

Một là có âm mưu chính trị, không chịu cúi đầu trước cha con Tưởng, tổ chức đặc vụ riêng. Chẳng hạn Mao Sâm, nguyên Cục trưởng Cảnh sát Thượng Hải, đã tổ chức Đội du kích chống Cộng miền ven biển Đông Nam và móc nối với Cục Tình báo Trung ương Mỹ. Tưởng Kinh Quốc yêu cầu ông giao cho danh sách đội du kích và đầu mối phía Mỹ, nhưng Mao Sâm không chịu. Tưởng Giới Thạch ra nghiêm lệnh, Mao Sâm bắt buộc phải rời khỏi Đài Loan. Lại như Đào Nhất San, Trưởng phòng Cảnh vệ Đài Loan trúng cử Ủy viên Trung ương với số phiếu xấp xỉ Tưởng Kinh Quốc ở Đại hội VII trong khi Du Hồng Quân, Tưởng Giới Thạch định bố trí làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" chỉ được bầu làm Ủy viên dự khuyết. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch yêu cầu Đào đổi cho Dư, Đào tuy miễn cưỡng chịu "đổi chỗ" nhưng trong bụng không phục, đi đâu cũng nói chuyện đó. Ủy viên Trung ương khóa VIII chỉ bầu được 32 người, Đào Nhất San chẳng qua chỉ là một "Trưởng phòng Cảnh vụ", nếu biết điều chịu lui ba bước, có thể còn có lợi, nhưng lại lợi dụng thế lực cảnh sát Đài Loan xông ra tranh cử, phạm điều tối kỵ của cha con Tưởng. Từ đó, Đào chỗ nào cũng bị bỏ rơi, đeo cái hư danh Ủy viên dự khuyết mấy năm rồi bị gạt ra rìa không ngóc đầu lên được nữa.

Hai là bọn cầm đầu đặc vụ có tính phe phái rõ ràng như Diệp Tú Phong, Quý Nguyên Bạc, Trương Khánh Ân của "Trung thống", tuy có lần lượt giữ chức "Cục trưởng Cục điều tra", nhưng không có thực quyền. Đôi khi Tưởng Kinh Quốc triệu tập những người phụ trách các đơn vị tình báo cũng không thông báo cho họ. Hoặc như Mao Nhân Phong của "Quân thống", quyền lực bị mất dần, nhất là sau đợt điều chỉnh lớn tháng 3 năm 1955, "Quân thống" đổi thành "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng" phụ trách đối ngoại, mất hẳn quyền lớn về đối nội, không thể tùy ý bắt người, tăm hơi mất hẳn. Sau một năm rưỡi cải tổ, tháng 10 năm 1956 Mao Nhân Phong bị ung thư phổi chết. Khi đó rất nhiều đặc vụ cũ cho rằng ông chết vì uất giận.

Ba là người có thanh thế trong hệ thống, có thể thành nhân vật lãnh đạo bậc "thầy" như tâm phúc của Mao Nhân Phong là Phan Kỳ Vũ, nhiều năm làm "Phó Cục trưởng kiêm Chủ nhiệm Văn phòng Quân thống", mọi người đều cho rằng sau khi Mao Nhân Phong chết, ông sẽ là người kế nhiệm. Nhưng Tưởng Kinh Quốc lại cử chuyên viên "Tổ tư liệu" là Trương Viêm Nguyên đến thay, rồi ít lâu sau ép ông về hưu. Phan về vườn nguội hẳn lòng trần đi theo đạo Phật ở ẩn, sau vào núi đi tu dứt khoát không giao du với ai nữa, nếu có gặp người nào ông đều khuyên họ nên tin Phật. Lại như Ngụy Đại Danh, một nguyên lão kỹ thuật trong hệ thống đặc vụ đã từng làm "Trưởng phòng Điện báo Quân thống" và "Đội trưởng Tổng đội Bộc phá Bộ Quốc phòng", vì là một người lão luyện, tinh thông nghiệp vụ, có uy tín lớn, sau bị Tưởng Kinh Quốc nắm gáy về tội tham ô, xử năm năm tù.

Ngược lại với những người xuống dốc, nhiều người trung thành với Tưởng Kinh Quốc không kéo bè kết đảng lại có thành tích dần được đề bạt lên các cương vị chủ chốt như Diệp Tường Chi và Trầm Chí Nhạc.

Diệp Tường Chi vốn là cán bộ chính trị không quân. Năm 1939 vào "Quân thống". Năm 1949 đã từng chỉ huy giết Dương Kiệt, tiêu hủy "Trạch Sinh Luân" và tham gia phá án Ngô Thạch. Đó là vốn liếng để ông kiếm lời. Người này ăn bẩn về mặt kinh tế, nhưng bất hòa với Mao Nhân Phong, đã dựa vào Tưởng Kinh Quốc từ lâu, luôn được đề bạt. Năm 1951, Mao Nhân Phong tra rõ Diệp ăn hối lộ hơn 170 lượng vàng khi thi hành án, lập tức cho bắt phó của Diệp là Hầu Định Bang, trình lên Tưởng Giới Thạch đề nghị nghiêm trị Diệp Tường Chi. Hồ sơ đưa lên bị Tưởng Kinh Quốc cắt xén rồi điều Diệp ra khỏi "Quân thống" chuyển sang Tổ 2 Đảng bộ Trung ương (tức tổ Đại Lục). Năm 1959, Diệp Tường Chi thay Trương Viêm Nguyên làm "Cục trưởng "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng", mãi đến năm 1974 lại vướng chuyện kinh tế mới bị gạt ra.

Trầm Chi Nhạc lại là một loại khác. Theo báo chí Đài Loan tiết lộ, người này từ những năm 1930 đã phát triển Giang Thanh, tham gia tổ chức đặc vụ. Thời kỳ kháng chiến đã đội nón chui vào Diên An, không bị phát giác, vì thế được coi là "chuyên gia về vấn đề Trung Cộng". Sau khi ra Đài Loan, ông làm Phó Chủ nhiệm Ban Huấn luyện thuộc Ủy ban Hành động Chính trị, sau đến làm Chủ nhiệm Chính trị khu cảnh bị Đại Trần, do đó có quan hệ với Tưởng Kinh Quốc. Khi ở Đại Trần, ông cử người đến Phụng Hóa chụp ảnh tổ mộ nhà họ Tưởng dâng lên Tưởng, do đó càng được cha con Tưởng yêu mến. Sau đó, Trầm Chi Nhạc từ "Chủ nhiệm Phòng Giám sát Cục Điều tra" nâng lên làm "Phó Cục trưởng", "Cục trưởng" và giữ mãi chức vụ này.

Tóm lại, thông qua việc điều chỉnh liên tục bộ máy và nhân sự, Tưởng Giới Thạch đã thực hiện tốt đẹp ý đồ để Tưởng Kinh Quốc nắm công tác đặc vụ, đồng thời làm thành một mạng lưới móc nối nhau, bổ sung cho nhau và chế ước lẫn nhau. So với mạng lưới đặc vụ ở Đại Lục, mạng lưới này chặt chẽ hơn, tự ý hành động hơn nhiều, đó là chỗ dựa chủ yếu của chế độ giới nghiêm Quốc dân đảng.

7. SỰ CHỐNG ĐỐI CỦA PHÁI "TỰ DO" TRONG ĐẢNG

I. SỰ CHỐNG ĐỐI RIÊNG LẺ CỦA NHỮNG NHÂN VẬT THUỘC "PHE CHÍNH HỌC"

Trong thời gian bảy đến tám năm, Quốc dân đảng tiếp tục hoàn thành cải tạo và tái tạo hệ thống Đảng, Quân, Đặc vụ và Đoàn. Sự phân chia quyền lực trong Đảng đã có những thay đổi long trời chuyển đất. Đối với những biện pháp cải tạo, các nhân vật có thế giới quan tự do chủ nghĩa cảm thấy rất bất mãn, họ cho rằng đó là những biện pháp sao chép của phát xít hoặc Cộng sản. Họ đứng trên lập trường tự do chủ nghĩa, ra sức chống lại phái Chính thống đang chà đạp nhân quyền và cái mà họ gọi là "bắt chước Cộng sản".

Những "nhân vật tự do" này, trước hết phải kể đến phái Chính học trong Đảng. Những thành viên quan trọng nhất là Trương Quần, Ngô Đình Xương, Vương Sùng Huệ, Trương Gia Ngạo, Trần Nghi, Hùng Thức Huy, Ngụy Đạo Minh, Ngô Quốc Trinh, Vương Thế Kiệt, Ngô Thiết Thành. Trong đó, vì Trần Nghi "thông Cộng" nên bị bắn chết ngày 17 tháng 6 năm 1950. Ngụy Đạo Minh, Hùng Thái Huy trốn ra nước ngoài. Các nguyên lão Trương Quần Vương Long Huệ thời kỳ cải tạo chỉ có chức danh dự. Tóm lại, phái này ở trong tình trạng thất thế.

Nhưng, vì phái này phần lớn đều là các phần tử trí thức du học ở Anh, Mỹ, có quan hệ mật thiết với các "phần tử tự do" ngoài Đảng như Hồ Thích, Lôi Chấn, có ấn tượng tốt với Mỹ, Tưởng Giới Thạch lại muốn tranh thủ viện trợ Mỹ, nên mới dùng những người này làm bộ mặt. Do đó, Ngô Quốc Trinh được làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan"; Vương Thế Kiệt làm "Bí thư trưởng Phủ Tổng thống".

Tính cách chính trị của phái Chính học có khuynh hướng cơ hội và thực tế; các thành viên của phái sở dĩ tán thành hình thái ý thức và thể chế chính trị của Quốc dân đảng là hy vọng hỗ trợ nhau cùng mưu lợi. Nhưng không có mối liên hệ cố định, càng không có cơ sở hạ tầng. Họ có tham vọng xây dựng sự nghiệp cá nhân, thiếu hẳn chủ trương và lập trường riêng của phái. Vì vậy khi xảy ra xung đột phe phái trong Đảng, họ không dùng hình thức "hợp tác đoàn đội", mà cứ vài người một, núp bóng các nhóm khác, ủng hộ ngầm, đánh chác riêng lẻ.

Người nhảy ra đầu tiên là Ngô Quốc Trinh. Ông học ở Trung học Nam Khai, tốt nghiệp Đại học Thanh Hoa và Đại học Princeton ở Mỹ, về nước làm Phó trưởng Ban Tuyên truyền Quốc dân đảng rồi làm Thị trưởng Hán Khẩu, Thị trưởng Trùng Khánh, Thứ Trưởng Ngoại giao, Thị trưởng Thượng Hải; đã từng được đăng danh hiệu "Dân chủ tiên sinh". Tháng 12 năm 1949, Ngô thay Trần Thành làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", nhiều lần bị đặc vụ do Tưởng Kinh Quốc chỉ huy quấy nhiễu, hai bên mâu thuẫn ngày càng sâu sắc.

Cuộc đối kháng đầu tiên nổ ra giữa Tưởng – Ngô là vụ Công ty Diêm Đài Loan. Vụ này xảy ra đầu năm 1950. Có một nhà buôn họ Ngô ở Thượng Hải khi còn ở Đại Lục bị coi là "nhà buôn theo phỉ". Ngô vốn từng làm Giám đốc Công ty Diêm Đài Loan, nên đặc vụ của Tưởng Kinh Quốc trút giận lên công ty Diêm, bắt bỏ tù người phụ trách là Vương Triết. Ngô Quốc Trinh biết tin, lập tức đòi xem hồ sơ, cho rằng "đây là lối vu tội cho người ta một cách tùy tiện, không thuyết phục được mọi người", ra lệnh cho "Phó Tư lệnh Bảo an" Bành Mạnh Quyên phải thả ngay. Chiều hôm đó, Bành và Tưởng Kinh Quốc đến gặp Ngô Quốc Trinh. Tưởng Kinh Quốc khư khư nói Vương Triết có tội, không tha được. Ngược lại Ngô bảo theo luật, không có tang chứng, phải thả người ra và hỏi Bành Mạnh Quyên: "Anh là Chủ tịch kiêm Tư lệnh Bảo an hay là tôi?", ý muốn gạt Tưởng Kinh Quốc sang một bên.

Tối hôm đó, Tưởng Giới Thạch cử Chu Hồng Đào đến gặp Ngô Quốc Trinh, nói rõ bắt Vương là ý của "Tổng thống", đề nghị Ngô đừng can thiệp. Ai ngờ Ngô Quốc Trinh nhất quyết trả lời tuy không dám vi phạm mệnh lệnh của cấp trên, nhưng đây là vấn đề nguyên tắc, chính quyền cai

trị bằng pháp luật dân chủ không thể để lời nói không đi đôi với việc làm. Chu lùi một bước đề nghị giao cho tòa án quân sự xử, tránh cho chính quyền tỉnh khỏi phiền toái. Nhưng Ngô Quốc Trinh vẫn không chịu nhượng bộ. Ông nhờ Chu Hồng Đào đưa Tưởng Giới Thạch một bức thư, trong đó nói Vương bị oan, mong Tưởng tha Vương để giữ gìn dân chủ. Tưởng nhận thư xong, nghĩ đi nghĩ lại, ra lệnh giảm tội chết cho Vương Triết, chuyển thành tội tù bảy năm. Có nghĩa là nể mặt cả Ngô Quốc Trinh lẫn Tưởng Kinh Quốc.

Tháng 6 năm 1951, báo Đại Hoa buổi chiều của Đài Loan đăng tin Trưởng đoàn Cố vấn Mỹ mất ví tiền. Đây vốn là chuyện nhỏ, nhưng đặc vụ Quốc dân đảng quá nhạy cảm, cho rằng đăng tin này là bôi nhọ Đài Loan, phá hoại quan hệ giữa Mỹ và Đài Loan, thế là bắt luôn người phóng viên viết tin này. Ngô Quốc Trinh nghe tin rất tức giận, gọi Bành Mạnh Quyên đến cảnh cáo từ nay về sau bắt phóng viên phải được phép của ông mới được.

Đối với Trung Quốc tự do của Hồ Thích và Lôi Chấn, Ngô Quốc Trinh cũng ủng hộ về nhiều mặt. Một lần, Bành Mạnh Quyên định bắt mấy biên tập viên của Trung Quốc tự do, Ngô Quốc Trinh nhận được công văn, lập tức gạch một gạch chéo lớn bác bỏ, khiến cho Bành khó xử.

Ngô Quốc Trinh chống đối cha con Tưởng, lúc đầu chỉ nhằm vào Tưởng Kinh Quốc, tuy có bất mãn với Tưởng Giới Thạch, nhưng vẫn còn ảo tưởng. Tháng 2 năm 1952, Ngô đề nghị với Tưởng Giới Thạch nếu thật yêu con thì đừng để Tưởng Kinh Quốc chỉ huy đặc vụ: "Dù sao cũng là ỷ thế vượt quyền, tất sẽ trở thành tiêu điểm thù hận của nhân dân", bị Tưởng Giới Thạch bác ngay tại trận.

Mùa đông năm 1952, để bảo đảm cho cuộc bầu cử Nghị sĩ huyện, thị lần thứ hai, ở Đài Loan Quốc dân đảng thu được thắng lợi, đặc vụ của "Bộ Tư lệnh Bảo an" lấy danh nghĩa kiểm tra hộ khẩu, trong một đêm bắt 398 người, trong đó chỉ 19 người có biên bản hơi vi phạm, còn lại đều vô tội. Ngô Quốc Trinh lại một lần nữa ra mặt can thiệp để những người bị bắt nhanh chóng được tha. Tiếp đó, hai Nghị sĩ ở Cơ Long vì không bỏ phiếu cho Chủ tịch Nghị viện do Quốc dân đảng đề cử nên bị đặc vụ trói lại. Ngô Quốc Trinh nhận được tin báo, chất vấn Bành Mạnh Quyên. Bành và thuộc hạ đổ vấy cho nhau hòng lấp liếm đi, nhưng Ngô Quốc Trinh truy đến cùng, hạ lệnh sau ba giờ phải thả người ra và cách chức hai thuộc hạ của Bành vì tội làm rối loạn kỷ cương. Bành chỉ thả người, còn không chịu trừng phạt người gây chuyện. Khi Ngô hỏi lý do, Bành đưa lệnh của Tưởng Giới Thạch ra, Ngô đành cầm họng.

Đối với việc Tưởng Kinh Quốc lập "Đoàn Thanh niên Cứu quốc chống Nga, chống Cộng", Ngô Quốc Trinh cũng cho là không ra sao. Ông cùng với Nhiệm Hiển Quần, một đại tướng của phái Chính học, vốn là Thị trưởng Hàng Châu, khi đó đang làm Trưởng ty Tài chính Đài Loan, nắm được cái đuôi của "Đoàn Cứu quốc" không thuộc ban bộ nào cả, từ chối không cấp kinh phí, đến nỗi lúc mới thành lập, Đoàn rất khó khăn về kinh tế, nhiều khoản chi không được thanh toán. Nhưng hành động tiêu cực đó không ngăn được sự phát triển của Đoàn Cứu quốc.

Vấp phải hiện thực đó, Ngô Quốc Trinh dần dần tuyệt vọng. Ông nói với Lôi Chấn: "Bành Mạnh Quyên quá đáng lắm rồi… Tưởng "Tổng thống" quá tin vào lính như hạng Bành Mạnh Quyên thế nào rồi cũng bị hại. Chủ tịch như tôi đây cũng không còn làm được lâu nữa. Tôi phản đối thành lập "Đoàn Thanh niên Cứu quốc", nhưng không có tác dụng gì, tôi chỉ dùng biện pháp tiêu cực là không cấp phát kinh phí, nên Tưởng Kinh Quốc căm thù tôi! Một tổ chức lớn như vậy không có sự phê chuẩn của "Viện Lập pháp", chỉ có một tờ lệnh của "Tổng thống". Tưởng Kinh Quốc thành Chủ nhiệm Đoàn, chủ trì mọi việc. Đây là cái lối gì vậy? Không phải là gia đình trị thì còn cách gì giải thích nữa."

Đến cuối năm 1952, Ngô Quốc Trinh phát hiện thấy mấy lần có kẻ định ám sát mình, chẳng hạn có lần phanh xe ô tô bị phá hỏng, nên ông xin Tưởng Giới Thạch cho từ chức. Tưởng Giới Thạch giả vờ an ủi lưu giữ ông đến ngày 11 tháng 4 năm 1953 mới lệnh cho Du Hồng Quân thay ông, vẫn để ông giữ chức Ủy viên chính trị "Viện Hành chính", tránh gây sóng gió không cần thiết. Ngày 24 tháng 5 năm đó, Ngô Quốc Trinh cùng vợ là Hoàng Trác Quần rời Đài Loan đi Mỹ. Khi

đó Đài Loan đang phản đối mạnh "Chủ nghĩa thất bại", trên nguyên tắc, cấm Đảng viên rời khỏi Đài Loan. Do được Đại sứ Mỹ và Tống Mỹ Linh quan tâm, nên chỉ giữ ông bố già 79 tuổi là Ngô Kính Minh và đứa con nhỏ nhất là Ngô Tu Hoàng làm con tin rồi mới cho đi.

Trước khi đi, Trương Quần đem đến đôi câu đối của Tăng Quốc Phiên "Thủy khoan sơn viễn yên hà hôi, Thiên đạm vân nhàn kim cổ đông" (Nước tĩnh non xa trộn khói sương, Trời trôi mây nổi hòa kim cổ) bảo ngầm ông nên thả lòng rộng lượng, không nên căm giận làm gì. Ngô Quốc Trinh rất thích đôi câu đối đó, treo ở phòng đọc của mình. Khi đến Mỹ vẫn mang tâm trạng thanh thản vô ưu không hề có ý oán trách gì chính quyền Đài Loan cả.

Sau khi Ngô Quốc Trinh đi, Vương Thế Kiệt thuộc phái Chính học lại xung đột với cha con Tưởng.

Vương Thế Kiệt tốt nghiệp khoa luật Đại học Bắc dương, có học vị Thạc sĩ Chính trị Đại học London (Anh) và Tiến sĩ Luật, Đại học Pari (Pháp). Năm 1918, được Hồ Thích tiến cử làm Giáo sư luật ở Đại học Bắc Dương. Từ năm 1924-1928 được Hồ Thích giúp đỡ, ra tờ Bình luận hiện đại. Năm 1927, ông làm Cục trưởng Tư pháp cho chính quyền Nam Kinh. Năm 1928, làm Hiệu trưởng Đại học Vũ Hán. Sau chiến tranh chống Nhật, ông làm Bí thư trưởng Ban Tham chính Quốc dân, phụ trách liên lạc giữa Đảng cộng sản và các nhân sĩ dân chủ. Ông chính là người đại diện Quốc dân đảng cùng với Chu Ân Lai, đại diện Trung Cộng ký Hiệp định Song thập.

Sau khi ra Đài Loan, Vương Thế Kiệt làm "Bí thư trưởng Phủ Tổng thống". Ông thường dưới góc độ của nhà luật học biểu thị sự không đồng tình với mọi hành động coi thường pháp luật của bọn đặc vụ do Tưởng Kinh Quốc chỉ huy. Vì mối quan hệ lịch sử với Hồ Thích và đứng tên là người khởi xướng Trung Quốc tự do, về sau Trung Quốc tự do mấy lần vì phê bình chính quyền bị bức hại, ông vẫn không ngừng than phiền, vì vậy bị Tưởng Giới Thạch ghét.

Thời kỳ đầu "cải tạo" của Quốc dân đảng, Phó Chủ nhiệm Tổ 6 phụ trách tình báo đối với Đại Lục là Từ Thanh Phong, dâng thư lên Tưởng Giới Thạch nói Đảng cộng sản sở dĩ giành được thắng lợi là nhờ tác dụng to lớn của mặt trận thống nhất. Quốc dân đảng nếu muốn thắng Trung Cộng, tất cũng phải làm công việc đó và xây dựng một bộ máy tương ứng, Tưởng Giới Thạch cho là có lý, ra lệnh thành lập "Tổ hội báo công tác đấu tranh chính trị Trung ương" và giao cho Từ Thanh Phong phụ trách công tác này. Để phân biệt với Mặt trận Thống nhất của Đảng cộng sản, Quốc dân đảng gọi là Mặt trận Liên hợp. Do đó, "Tổ hội báo công tác đấu tranh chính trị" cũng gọi là "Tổ Liên chiến". Tổ này do Trương Quần, Trần Thành và Trường Đạo Phiên làm người triệu tập. Dưới chia làm bốn nhóm: Nhóm Đại Lục (Tưởng Kinh Quốc triệu tập) Nhóm Hồng Kông, Ao Môn (Đường Tung triệu tập) Nhóm hải ngoại (Trịnh Ngạn Phấn triệu tập) và Nhóm Đài Loan (Trần Tuyết Bình triệu tập). Qua một thời gian bàn bạc, Tổ Liên chiến quyết định triệu tập một hội nghị gồm các nhân sĩ chống Cộng, gọi là Hội nghị chống Cộng cứu quốc. Ngày 18 tháng 12 năm 1950, đề nghị Ban Cải tạo Trung ương thông qua Đề cương kế hoạch mặt trận liên hợp chống Cộng xây dựng đất nước, sau đó là các văn kiện Cương lĩnh chung chống Nga, chống Cộng và Quy trình tổ chức Hội nghị chống Cộng cứu quốc, dự định mời 300 đại biểu. Mỹ cũng có thái độ tích cực ủng hộ hội nghị này. Khi đó, công tác nhiệt tình nhất đối với mặt trận liên hợp là phái Chính học như Trương Quần, Vương Thế Kiệt, Ngô Quốc Trinh vì họ có quan hệ mật thiết với các đối tượng của Mặt trận Liên hợp. Nếu tổ chức này thành công, có nghĩa là phái Chính học được tăng thêm lực lượng. Học hặc giữa Trần Thành và Tưởng Kinh Quốc cũng có lợi cho việc lôi kéo các "phần tử tự do" và phần tử trí thức, vì thế càng xúc tiến việc mở Hội nghị chống Cộng cứu quốc.

Cha con Tưởng lúc đầu đồng ý tổ chức hội nghị, chủ yếu muốn phá thế cô lập quốc tế, tranh thủ viện trợ. Vì Mỹ đã giương ô bảo hộ Đài Loan từ tháng 5 năm 1950, nhưng Tổng thống Truman, người chấp chính, không thích Tưởng. Phía Mỹ luôn chỉ trích chính quyền Đài Loan không dân chủ. Tưởng muốn nhân dịp mở Hội nghị chống Cộng cứu quốc để bịt miệng Mỹ. Nhưng đến tháng 1 năm 1953, đại diện phe Bảo thủ là Dwight David Eisenhower trúng cử Tổng thống, chẳng bao lâu đã áp dụng ngay một số biện pháp thân Tưởng, khiến Tưởng cho rằng không

triệu tập hội nghị này, Mỹ sẽ vẫn không phản ứng gì.

Đồng thời Tưởng Giới Thạch còn xét bốn điều: (1) Hội nghị này sẽ là một diễn đàn chống Tưởng, chắc chắn Tưởng sẽ bị chửi, nếu cứng đầu sẽ càng bị chửi ác hơn, chẳng thà không họp lại hơn. Còn nếu tiếp thu phê bình để sửa chữa thì Tưởng không chịu nổi; (2) Hội nghị này nếu thành chế độ hoặc bộ máy thường trực, có nghĩa là mở rộng chính quyền, sẽ là trở ngại cho chế độ độc tài của Tưởng; (3) Hội nghị này chỉ tăng cường lực lượng cho phe Chính học và phe Trần Thành, không lợi cho việc truyền ngôi của Tưởng. (4) Hội nghị này, quy mô rồi sẽ đi đến đâu? Sẽ có người không được mời, họ sẽ chửi anh, hoặc anh mời, họ lại không thèm đến; người tổ chức sẽ trơ mặt ra.

Trên cơ sở những suy nghĩ đó, Tưởng càng ngày càng không muốn tổ chức hội nghị, có điều là không tiện nuốt lời, Trần Thành, Trương Quần lại luôn thúc giục. Nên tháng 5 năm 1953 đành triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ 2 Đại hội VII Quốc dân đảng để thông qua đề án xây dựng Mặt trận liên hợp chống Cộng cứu quốc. Quyết nghị này công bố ra, các "phần tử tự do" ở Đài Loan, Hồng Kông náo nức muốn thử sức, càng khiến cho Quốc dân đảng muốn bỏ cũng không được. Tháng 10, Tưởng Giới Thạch trong Thư gửi toàn thể quân dân, đồng bàolại phải hứa một lần nữa sẽ sớm mở "Hội nghị chống Cộng cứu quốc".

Tưởng Giới Thạch tuy thề thốt như vậy, nhưng bên trong vẫn ngầm tìm cách thủ tiêu hội nghị. Trung tuần tháng 11, Quốc dân đảng triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ 3, Tưởng Kinh Quốc đề xuất chủ trương tạm hoãn hội nghị này, bị Vương Thế Kiệt phản đối dữ dội. Nghe nói vì chuyện đó, Vương đập bàn cãi nhau với Tưởng Kinh Quốc, thậm chí gửi thư cho Tưởng Giới Thạch "thà chết cũng không hối tiếc" vì chuyện này. Thực ra, đằng sau Vương Thế Kiệt còn có Trương Quần và Trần Thành. Cuối cùng, Hội nghị toàn thể lần thứ 3 vẫn phải thông qua nghị quyết mở Hội nghị chống Cộng cứu quốc.

Tưởng Giới Thạch thẹn quá hóa giận, ngày 17 tháng 11, đột nhiên ra lệnh gọi Vương Thế Kiệt là "bao che làm bậy, không tròn nhiệm vụ", tuyên bố cách chức "Bí thư trưởng Phủ Tổng thống". Ngày 19 tháng 11, người bạn thân của Vương Thế Kiệt, một đại tướng của phái Chính học khác là Ngô Thiết Thành đột tử. Có tin nói Ngô Thiết Thành nhiệt tình chạy đông, chạy tây để tổ chức Hội nghị chống Cộng cứu quốc, thấy Vương Thế Kiệt bị mất chức, đã lao đến "Phủ Tổng thống" can ngăn, bị Tưởng Giới Thạch mắng cho một trận, ném vỡ cả chén trà, đuổi ông ra khỏi cửa.

Sau khi Vương Thế Kiệt bị cách chức, rời Đài Loan đi Mỹ làm Giáo sư ở một trường Đại học. Có người hỏi nguyên nhân bị cách chức ông lảng tránh không trả lời. Hội nghị chống Cộng cứu quốc cũng gác lại vô thời hạn. Sau này phái Trần Thành đụng đầu với cha con Tưởng lại lôi vấn đề này ra làm đề tài công kích nhau.

Vương Thế Kiệt và Ngô Thiết Thành, người mất chức, người đột tử, lập tức gây nên bao mối nghi ngờ ở Đài Loan, Hồng Kông, Áo Môn và ở Mỹ. Thực ra, nhiệt tình của Vương Thế Kiệt đối với Hội nghị chống Cộng cứu quốc, cũng chỉ vì muốn tạo điều kiện cho các "phần tử tự do" tham chính, lý do mất chức của ông không tiện nói ra, nên trong lệnh của Tưởng cũng chỉ nêu chung chung "bao che làm bậy, không tròn trách nhiệm" chứ không có nội dung cụ thể. Đặc vụ Đài Loan nhảy ra giúp sức, tung tin Vương Thế Kiệt vì tham ô mà mất chức, lại thêm dấm thêm ớt nói Vương Thế Kiệt giúp Ngô Quốc Trinh móc ra một số ngoại tệ lớn một cách phi pháp, kết quả là Ngô Quốc Trinh ở xa mãi bên Mỹ cũng phải chịu một trận cuồng phong chính trị.

Vương Thế Kiệt về vườn được hơn nửa năm, Ngô Quốc Trinh đã nghe đồn về chuyện ngoại tệ. Ngày 4 tháng 12, ông viết bài Chính phong (ngọn gió chính trị) đăng trên Hoa Mỹ nhật báo, yêu cầu công bố sự thật về vụ Vương Thế Kiệt, "để những người liêm khiết được bảo vệ, kẻ tham nhũng bị trừng phạt. Nếu không những lời vu bậy của kẻ vô liêm sỉ, bọn ruồi nhặng chó má vẫn được phép tung tin ngoài vòng pháp luật." Ngày 2 tháng 1 năm sau, ông lại lấy danh nghĩa là Đảng viên Quốc dân đảng gửi đơn qua Nguyên Bí thư trưởng Trung ương Quốc dân đảng để

chuyển cho Tưởng Giới Thạch, đề nghị Tưởng ra lệnh tra xét. Nhưng, mọi chuyện như nước đổ đầu vịt, lời đồn vẫn tiếp tục tung ra. Ngày 13 và 14 tháng 1, tờ Mỹ Châu Nhật báo của phe Tưởng ở Mỹ đưa ra hai bài xã luận, đặt nghi vấn về sự biển thủ của Ngô Quốc Trinh. Do đó, Ngô Quốc Trinh ngày 15 tháng 1 lại viết một bài dài, nói khi rời Đài Loan được Trần Thành phê chuẩn, chỉ đổi ở Ngân hàng Đài Loan được 5.000 đô-la làm lộ phí của riêng cá nhân, không hề nhận được bất cứ một khoản tiền nào của Chính phủ. Bản thân ông cũng không yêu cầu, càng không có chuyện thảo luận gì với Vương Thế Kiệt về tiền nong. Đến Mỹ sống nhờ vào các bài giảng, kiều bào và các bạn Mỹ đều biết rõ. Bản tường trình này, Ngô gửi Trương Kỳ Vân và mong Tưởng cố gắng nhanh chóng công bố.

Trương Kỳ Vân nhận được bản tường trình vào khoảng 20 tháng 1, đưa cho cha của Ngô là Ngô Kính Minh để ông liên hệ với tòa báo. Ông cụ bốn lần chạy đi chạy lại, các báo đều không dám đăng, bất đắc dĩ lại nhờ Trương Kỳ Vân. Trương thỉnh thị Tưởng Giới Thạch, Tưởng trả lời "để nghiên cứu xem".

Cứ thế, bản tường trình vẫn không lên được mặt báo.

Cũng thời kỳ này, tin bậy công kích Ngô Quốc Trinh càng dữ dội. Ngày 25 tháng 1, Dân chủ nhật báo đưa ra một bài xã luận dàiKhuyên Ngô Quốc Trinh sớm trở về Đài Loan, không những khẳng định Ngô có tội, mà còn bắt ông về Đài Loan nhận tội. Ngày 27 tháng 1, Ngô Quốc Trinh gửi đơn đến Dân chủ nhật báo nói: "Mong quý báo đừng bức bách Trinh này quá đáng, khiến Trinh phải nói ra những điều không muốn nói."

Đêm đầu tháng 2, bài của Ngô Quốc Trinh vẫn không được đăng, mà lời buộc tội ngày càng mạnh không ngừng, điều này khiến Ngô không khỏi nghi ngờ Quốc dân đảng cố ý bôi nhọ ông, nếu không, ở địa vị như Trương Kỳ Vân, đăng một bài báo có gì là khó. Vì thế, tối ngày 6 tháng 2 Ngô Quốc Trinh quyết định "nói điều không muốn nói". Vừa may, tối ngày 6 tháng 2 ở Mỹ lại là sáng ngày 7 tháng 2 ở Đài Loan, bài tường trình của Ngô lại lên mặt báo, nhưng vì điều kiện thông tin hạn chế Ngô Quốc Trinh không biết.

Ngày 7 tháng 2, Ngô Quốc Trinh gặp phóng viên truyền hình Mỹ MGN, chỉ trích ba điều đối với chính quyền Tưởng: (1) Không dân chủ, không có cách gì tranh thủ được sự giúp đỡ hết lòng của nhân dân Đài Loan và kiều bào hải ngoại; càng không có cách gì tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước tự do, nhất là Mỹ; (2) Quá chuyên quyền, kinh phí của Quốc dân đảng không phải do Đảng viên đóng góp mà dựa vào Kho bạc Nhà nước, mục đích là một đảng thống trị mãi mãi; (3) Một số người cho rằng "đấu tranh với Đảng cộng sản tất phải dùng phương pháp của chủ nghĩa Cộng sản". Ngày 16 tháng 2, Ngô Quốc Trinh trả lời phỏng vấn của phóng viên UPI, nhắc lại ba ý kiến trên.

Khi đó Ngô Quốc Trinh vẫn là Ủy viên chính trị của "Viện Hành chính" Đài Loan và Ủy viên Trung ương Quốc dân đảng, Ông vừa phát biểu ngược điệu, thế là giới báo chí Mỹ như vớ được của quý. Những tờ báo nổi tiếng như Thời báo New York, Luận đàm Chicago, những tạp chí lừng danh như Triển vọng, Người khách New York, Thời đại, Tin hàng tuần tranh nhau đưa tin và bài của Ngô, khiến hình ảnh của Tưởng trong cái nhìn của Mỹ giảm giá hẳn.

Ngô Quốc Trinh đột nhiên gây khó dễ, chính quyền Đài Loan trở tay không kịp. Mãi đến ngày 26 tháng 2, Quốc dân đảng mới đẩy được Trương Đạo Phiên, Viện trưởng Lập pháp ra tranh cãi vượt biển với Ngô Quốc Trinh. Trương vốn là tên đểu nổi tiếng trên diễn đàn chính trị. Ông đổ cho Ngô đủ loại ngôn từ xấu xa, nào là "phản động", "điên cuồng", nào là "nguy hại quốc gia"…. Vì thế Tưởng Giới Thạch tự cho đăng bài "Đáng tiếc cho Trương Viện trưởng", nói những điều phát ngôn của Trương "khiến người ta cảm thấy một bầu không khí không dân chủ tràn ngập trong từng hàng, từng chữ" và chửi Trương "động một tý là chụp cho người ta chiếc mũ, tác phong chính trị kiểu Đảng cộng sản." Ngày 4 tháng 3, Trương Đạo Phiên họp báo tại "Viện Lập pháp" chỉ trích Ngô Quốc Trinh khi làm Thị trưởng Thượng Hải và Chủ tịch tỉnh Đài Loan đã phạm các tội tự ý bỏ vị trí, lạm phát trái phiếu, chiếm dụng cá nhân, vét rỗng kho lương thực,

xoay xỏa tư doanh… trong đó cố tình chỉ rõ Ngô có hành động phi pháp về vấn đề ngoại hối. Lúc bấy giờ, Trần Thành đã ra mặt biện hộ cho Ngô Quốc Trinh và Vương Thế Kiệt: "Trịnh trọng thanh minh Ủy viên Chính trị Ngô căn bản không có gì mập mờ trong vấn đề ngoại hối". Qua đó, có thể thấy Trương chỉ trích Ngô, thực chất chỉ là những lời vu khống láo xược.

Tiếp theo Trương Đạo Phiên, các báo ở Đài Loan cũng đều bao vây Ngô Quốc Trinh. Gia đình ông cũng chịu sức ép ác liệt. Ngày 19 tháng 3, Trung ương nhật báo của Quốc dân đảng đăng bài xã luận Phải đánh đến cùng vụ án Ngô chỉ trích Ngô Quốc Trinh "tô hồng cho ngoại quốc, lấy tự do phá hoại tự do", ý muốn ăn sống nuốt tươi Ngô Quốc Trinh.

Ngô Quốc Trinh cũng không chịu lép. Ngày 9 tháng 3, đúng lúc ở Đài Bắc họp "Quốc hội" có một nghìn đại biểu tham dự, mỗi vị đều nhận được một lá đơn dài của Ngô Quốc Trinh gửi từ Mỹ về, tố cáo Đài Loan có sáu tệ nạn lớn: (1) Quốc dân đảng chuyên chính một đảng, Tưởng Giới Thạch chuyên chính một nhà (gia đình trị); (2) Tổ chức Đảng và bộ chính trị trong quân đội tạo thành thế lực phong kiến và nội loạn; (3) Đặc vụ hoành hành "Trinh tôi nắm chính quyền Đài Loan ba năm, không ngày nào không phải đấu tranh với bọn đặc vụ"; (4) Không được bảo đảm về nhân quyền, Đài Loan thực sự đã thành đất nước của cảnh sát; (5) Không có tự do ngôn luận; (6) Tư tưởng gò bó, cái gọi là Đoàn thanh niên chống Cộng cứu quốc chẳng qua là bắt chước Đảng áo nâu của phát xít và Đoàn thanh niên Cộng sản của Đảng cộng sản.

Tiếp theo yêu cầu "Quốc hội" khẩn cấp áp dụng sáu biện pháp; (1) Tổ chức Ủy ban điều tra tường tận về nguồn gốc kinh phí của Quốc dân đảng, các khoản chi của một chính đảng không được lấy trong Kho bạc Nhà nước; (2) Nghị quyết hủy bỏ tổ chức Đảng và bộ chính trị trong quân đội; (3) Định ra luật pháp về chế độ an ninh quốc gia; (4) Tổ chức Ủy ban tiếp nhận khiếu nại của người thân và bạn hữu đối với những vụ án oan; (5) Tổ chức Ủy ban xác minh nguồn gốc các phát ngôn bừa bãi; (6) Nghị quyết hủy bỏ Đoàn thanh niên chống Nga, chống Cộng cứu quốc.

Lá đơn này đánh trúng điểm yếu, Chính quyền Đài Loan không xoay xỏa gì được, vội thu binh. Đầu tiên Chủ tịch đoàn "Quốc hội" họp khẩn cấp lấy lý do "không giải quyết đơn từ cá nhân" để khỏi đặt vấn đề của Ngô Quốc Trinh ra bàn bạc. Sau đó, ngày 17 tháng 3 "Quốc hội" thông qua quyết định tạm thời "Kiến nghị Chính phủ nhanh chóng thu hồi hộ chiếu của Ngô Quốc Trinh, ra lệnh phải về nước để xử lý theo pháp luật, nếu vi phạm sẽ ra lệnh cách chức, bắt chịu tội". Cùng ngày, Tưởng Giới Thạch ra lệnh cách chức Ủy viên chính trị và "điều tra xử lý theo pháp luật" về những sự việc "phạm pháp và lợi dụng chức vụ". Hành động này chẳng khác gì bọn lưu manh đánh nhau rõ ràng thua còn nói: "Rồi mày sẽ biết tay tao" xong mới chịu chuồn.

Chính quyền Đài Loan tuy không dám gây sự với Ngô, nhưng Ngô có lỗi, không nói ra không sướng. Ngày 20 tháng 3, Ngô Quốc Trinh phát biểu thư ngỏ gửi Tưởng Giới Thạch, đề nghị Tưởng đưa các chứng cứ tham ô sang tòa án Mỹ. Ngô sẵn sàng ra hầu toà. Nếu bị kết án, Ngô sẽ về Đài Loan chịu tội. Dĩ nhiên, Đài Loan không kiếm đâu ra tang chứng đành bịt tai không nghe. Ngô Quốc Trinh được thể truy đến cùng. Ngày 23 tháng 3, phát biểu Ngô Quốc Trinh bộc bạch. Ngày 28 tháng 3 và ngày 3 tháng 4, liên tục phát biểu hai Thư gửi Tưởng Tổng thống nhắc lại chủ trương trước đây và vạch ra hàng đống chuyện đặc vụ, nói thẳng "Tưởng Kinh Quốc là trở ngại lớn nhất cho tiến bộ chính trị của Đài Loan, nên đưa vào học Đại học (ở Mỹ) hoặc một viện nghiên cứu nào đó… trước khi khôi phục Đại Lục, không được cho về Đài Loan." Và phê bình Tưởng Giới Thạch "lòng riêng nặng hơn lòng yêu nước thế mà lại bảo thủ tự phong, không chịu nghe bất kỳ ai phê bình". Muốn Tưởng "lấy lòng yêu nước thắng lòng riêng, yêu dân thắng yêu con".

Cuối cùng Đại sứ Mỹ phải ra tay, một đằng yêu cầu Đài Loan thôi không "bắt chịu tội" vì Ngô đang ở Mỹ, Mỹ quyết không trao Ngô cho Đài Loan. Đồng thời, yêu cầu Đài Loan thả con nhỏ của Ngô Quốc Trinh đưa sang Mỹ đoàn tụ cùng gia đình. Một đằng khuyên Ngô Quốc Trinh không nên đi quá xa. Ngô vì muốn gia đình đoàn tụ nên ngừng chỉ trích chính quyền Đài Loan. Đài Loan cũng không thể không thả cho con Ngô sang Mỹ. Cuộc sóng gió chính trị này mới

được coi là êm ả.

Ngô Quốc Trinh làm ầm ĩ lần này kể cũng hả cơn giận, giới chính trị ở Đài Loan cũng không ít người múa tay trong bị. Nhưng những bạn bè của Ngô như Trương Quần chẳng hạn, không thể không cẩn thận hơn.

Tháng 4 năm 1955, Nhiệm Hiển Quần, phần tử cốt cán của phái Chính học, vốn là thủ hạ của Ngô Quốc Trinh, làm Trưởng ty Tài chính Tỉnh Đài Loan bị bắt vì tội "bao che cho kẻ phản bội", hơn một năm sau bị xử bảy năm tù. Cái gọi là "bao che cho kẻ phản bội", vì năm 1950 Nhiệm đã giúp chú họ là Nhiệm Phương Quỹ làm thủ tục nhập cảnh. Nhiệm Phương Quỹ đến Đài Loan nói với Nhiệm Hiển Quần là có một thời gian làm công tác sự vụ trong cơ quan Đảng cộng sản ở Đại Lục. Nhiệm biết vậy không những không tố ra mà còn cho Nhiệm Phương Quỹ ăn ở nhà mình tám tháng trời, lại giới thiệu ông vào làm ở Ngân hàng Đài Loan. Việc này đã trải qua năm năm rồi, Nhiệm Phương Quỹ đã cắt đứt với Đảng cộng sản kể từ sau khi rời Đại Lục (thế rồi quy tội cho Nhiệm Hiển Quần là che dấu "phản bội" chứ không phải là "gián điệp"). Cho dù "vấn đề lịch sử nói chung" Nhiệm Hiển Quần biết mà không báo cũng chẳng phải là chuyện lớn, vậy mà bắt tù đến bảy năm? Chỉ có thể giải thích vì khi Nhiệm Hiển Quần làm Trưởng ty Tài chính đã không chịu cấp kinh phí cho "Đoàn Cứu quốc", đã cấy mầm tai họa từ ngày đó.

Vụ án Nhiệm Hiển Quần "bé xé ra to", chứng tỏ ảnh hưởng của phe Chính học đã quá yếu. Từ đó về sau, Trương Quần tuy có đôi khi phát huy vài tác dụng trong Đảng, nhưng ngày càng xa vời trung tâm quyết sách vốn là một phe có ảnh hưởng lớn, đã từng nhộn nhạo trên chính trường Quốc dân đảng. Đến nay, phái Chính học coi như mất hẳn.

II. BINH BIẾN TÔN LẬP NHÂN

Sự kiện Ngô Quốc Trinh vừa yên chưa lâu, một số người trong quân đội Quốc dân đảng bắt đầu có mưu đồ hoạt động bí mật bất lợi đối với cha con Tưởng. Nhân vật cầm đầu của số người này là Tôn Lập Nhân.

Tôn Lập Nhân quê ở Thư Thành tỉnh An Huy, tốt nghiệp đại học Thanh Hoa được gửi đi Mỹ học vào trường Đại học ở bang Indiana, tốt nghiệp với học vị công trình sư, chuyển sang Trường Quân sự. Tốt nghiệp xong về nước làm Phó Thị vệ Bộ Tư lệnh Hải quân, Trung đoàn trưởng Binh đoàn đặc biệt của "Tổng cảnh", Sư đoàn trưởng Sư đoàn 318, Quân đoàn trưởng Quân đoàn 1 mới và Tư lệnh Cảnh bị Trường Xuân. Tháng 7 năm 1947 làm Phó Tư lệnh Lục quân phụ trách huấn luyện, tháng 8 đến Đài Loan huấn luyện "lính mới". Tháng 7 năm 1949, làm Phó Dinh khu trưởng Đông Nam kiêm Tổng tư lệnh Phòng vệ Đài Loan. Tháng 3 năm 1950, thăng làm "Tổng tư lệnh Lục quân". Trong quá trình lên chức, Tôn Lập Nhân cũng phải chịu đựng sự ghen tị kèn cựa. Nhiều tướng lĩnh cao cấp cùng lứa với ông phần lớn là "môn sinh thiên tử" Hoàng Phố, từ khoá V trở về trước, họ tuy cũng gọi là tốt nghiệp trường quân sự, nhưng thực tế chỉ qua vài tháng huấn luyện, so với sức học sáng chói của Tôn Lập Nhân không khỏi xấu hổ. Vì vậy, dù có ý thức hay không họ cũng đều coi Tôn Lập Nhân là "người ngoài". Còn Tôn Lập Nhân lại ỷ tài kiêu ngạo, tự coi mình đã là Phó Thị vệ của Tưởng Giới Thạch, lại đã lập chiến công, đối với đồng liêu tự cho là "Hạc trong đàn gà", quan hệ cứng nhắc với mọi người. Khi ông làm "Tổng Tư lệnh Lục quân", hễ có đề nghị gì đều phải qua tay "Tổng Tham mưu trưởng" Châu Chí Nhu, "Tổng tư lệnh Hải quân" Quế Vĩnh Thanh, "Tổng tư lệnh Không quân" Vương Thúc Danh. Nhiều lúc khiến Tôn Lập Nhân tức uất, cứ muốn trước mặt Tưởng Giới Thạch tỷ thí với Quế Vĩnh Thanh và Vương Thúc Danh, thi văn, thi võ, thi đứng nghiêm, thi thông tin hoặc thi x + y cũng được, tùy Quế, Vương hai vị chọn. Thậm chí trước mặt thuộc hạ, quan trên hoặc đồng cấp đem các tướng ra bình luận là chuyện cơm bữa của ông.

Vì sùng bái lý luận quân sự của Anh, Mỹ nên Tôn Lập Nhân coi khinh các chế độ trong cải cách chỉnh quân như chế độ công tác chính trị, chế độ nhiệm kỳ… Ông từng công khai tỏ ý bất mãn trước thuộc hạ của mình. Ông còn tổ chức trong quân đội các hội như "hội sinh nhật", "hội lương tâm" để sĩ quan cấp cao nghe "lương tâm" của binh lính. Điều này thực tế chỉ là một đòn

ngược với công tác chính trị. Đối với khẩu hiệu mà Tưởng Giới Thạch luôn mồm hô lớn: "Phản công Đại Lục" Tôn Lập Nhân cũng cho là chẳng đi đến đâu, cứ giải quyết xong chuyện Đài Loan đã rồi hãy nói! Những quan điểm này của ông không bàn mà hợp với cách nhìn của cố vấn Mỹ.

Trong các tướng lĩnh Quốc dân đảng, người mà Mỹ thích nhất là Tôn Lập Nhân. Báo chí Mỹ gọi Tôn Lập Nhân là "lãnh tụ quân sự kiểu phương Tây nhất", là "Người đại diện cho học thuyết quân sự Mỹ và chủ nghĩa tự do Mỹ", là "Người cầm đầu phái thân Mỹ trong Lục quân Đài Loan". Tưởng Giới Thạch sở dĩ giao cho Tôn Lập Nhân làm "Tổng tư lệnh Lục quân", phần lớn là muốn tranh thủ cảm tình của Mỹ.

Mỹ tuy giương ô cho Tưởng Giới Thạch, nhưng ngầm bên trong vẫn có tính toán, Tôn Lập Nhân tất nhiên trở thành lực lượng đáng mong đợi của phía Mỹ. Tháng 2 năm 1949, Mỹ đã cử Tham tán sứ quán Mỹ ở Trung Hoa là Livington T. Merchant bay đến Đài Bắc, kiến nghị với Chủ tịch tỉnh Đài Bắc là Trần Thành liên kết với Tôn Lập Nhân, tách khỏi Tưởng Giới Thạch, xây dựng chính quyền riêng ở Đài Loan. Khi Merchant thấy Trần Thành không chịu phản Tưởng theo Mỹ, Ông đã kiến nghị với Ngoại trưởng Mỹ là Acheson giúp Tôn Lập Nhân nắm Đài Loan. Acheson thấy Tôn Lập Nhân thiếu kinh nghiệm chính trị, bảo Merchant nghiên cứu kỹ thêm. Merchant gọi điện trả lời: Người chúng ta cần là người năng động trung thực, không nghe Tưởng Giới Thạch chỉ huy, cũng không theo mệnh lệnh của chính quyền liên hợp. Tôn Lập Nhân chỉ mưu lợi ích cho Đài Loan. Có thể Tôn Lập Nhân còn thiếu kinh nghiệm, nhưng các điều kiện khác rất phù hợp.

Vì vậy Thống soái Mỹ ở Tokyo, MacArthur, tháng 5 năm 1949 phái chuyên cơ sang đón Tôn Lập Nhân đến Tokyo, nói rõ ý đồ muốn giúp Tôn Lập Nhân gánh trách nhiệm bảo vệ Đài Loan, cần tiền có tiền, cần súng có súng. Tôn Lập Nhân trả lời rằng: Ông trung thành với Tưởng Giới Thạch. Nếu có gánh vác trách nhiệm bảo vệ Đài Loan cũng phải dưới sự lãnh đạo của Đài Loan. Ông đi Tokyo lần này cũng đã thỉnh thị Trần Thành và Tưởng Giới Thạch.

Sau khi quân Mỹ vào eo biển Đài Loan, họ đã đề nghị bộ đội tinh nhuệ nhất của Đài Loan trang bị vũ khí Mỹ, ăn lương Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy. Điều này là muốn cướp binh quyền của Tưởng Giới Thạch, Tưởng dĩ nhiên không đồng ý. Sau đó, Mỹ lại đề nghị thành lập ở Đài Loan một "Trung tâm tác chiến liên hợp Trung – Mỹ", điều hành quân đội hai bên trong khu vực cùng chiến đấu. Trung tâm này, người chỉ huy phía Mỹ do Trưởng Đoàn Cố vấn Mỹ đảm nhiệm, còn phía Đài Loan Mỹ đề nghị Tôn Lập Nhân đảm nhiệm. Đề nghị này cũng bị Tưởng Giới Thạch từ chối.

Những động tác này của Mỹ, cơ bản dựa vào sự tình nguyện, Tôn Lập Nhân không muốn chịu trách nhiệm. Nhưng quan điểm của Tôn về các vấn đề, chẳng hạn như vấn đề chính trị trong quân đội, lại gần gũi với quan điểm của Mỹ và trái với lập trường của Đài Loan, đó là sự thực mọi người đều biết rõ. Thế mà Mỹ tam phen tứ phen cứ muốn Tôn Lập Nhân đứng ra, điều này không thể không khiến cho Tưởng Giới Thạch nghi ngờ.

Sau khi Eisenhower lên làm Tổng thống, thế lực đỡ đầu của Tôn Lập Nhân giảm đi. Ông kết oán với các tướng lĩnh trong quân đội, trở ngại cho đoàn kết nội bộ. Ông ngồi trấn "Bộ Tổng Tư lệnh Lục quân" cũng bất lợi cho Tưởng Kinh Quốc triển khai công tác chính trị. Vì những nguyên nhân đó, Tưởng Giới Thạch chuẩn bị đến tháng 3 năm 1954, Tôn Lập Nhân hết hai nhiệm kỳ "Tổng Tư lệnh Lục quân", lợi dụng chế độ nhiệm kỳ, tước binh quyền của ông. Tôn Lập Nhân cảm thấy trước điều đó, bắt đầu hoạt động bí mật.

Tháng 11 năm 1953, Tôn Lập Nhân gặp Giang Vân Cẩm, thuộc hạ của mình khi huấn luyện tân binh ở Đài Loan (khi đó Giang làm Trung tá, Tổ trưởng theo dõi huấn luyện Tổ 5 Bộ Tư lệnh Lục quân), bảo ông liên lạc với các học viên hồi đó "làm thành một lực lượng". Tôn Lập Nhân chỉ thị Giang Vân Cẩm tìm trong mỗi trung đoàn một bạn học có chức vụ cao, thành tích học tập giỏi, tuổi quân lâu năm làm người phụ trách. Được lệnh, Giang Vân Cẩm bắt đầu hoạt động bí mật. Trong mấy tháng, không những bố trí được người phụ trách trong mỗi trung đoàn,

thậm chí một số tiểu đoàn còn chỉ định người liên lạc. Tháng 1 năm 1954, Tôn Lập Nhân lại lệnh cho Giang Vân Cẩm "xâu" những người phụ trách lại, để không những biết "thành viên" trong bộ đội mình, còn biết ở đội khác "ai phụ trách". Nhưng khi đó Giang Vân Cẩm đã cảm thấy hình như không giống "ban liên lạc bạn học", ông nghi ngờ sợ hãi, hoạt động không tích cực lắm. Tôn Lập Nhân trong nửa năm trời rất nhiều lần tra hỏi, cảm thấy rõ là Giang "công tác bất lực".

Tháng 6 năm 1954, Tưởng Giới Thạch ra lệnh cách chức "Tổng Tư lệnh Lục quân" của Tôn Lập Nhân, điều làm "Tham quân trưởng Phủ Tổng thống". Bỏ chức "Tổng tham mưu trưởng" của Châu Chí Nhu, chuyển làm công tác khác, giao chức "Tổng Tham mưu trưởng" cho Quế Vĩnh Thanh. Điều động nhân sự lần này, khiến mọi người bàn tán nhiều. Vì mọi người cho rằng Tôn Lập Nhân rất xứng đáng chọn làm "Tổng Tham mưu trưởng", lại chỉ làm một chức không quyền là "Tham Quân trưởng", rõ ràng Tưởng Giới Thạch có ý áp chế ông.

Tôn Lập Nhân trước khi thay đổi chức vụ, yêu cầu Giang Vân Cẩm lập danh sách những người liên lạc ở các đơn vị. Tháng 7, Phó tổ trưởng tổ theo dõi huấn luyện Bộ "Tổng Tư lệnh Lục quân" là dân mới, đem trình Tôn danh sách. Đầu tháng 8, Tôn Lập Nhân thấy Giang Vân Cẩm nhát gan, gặp thuộc hạ cũ là Thiếu tá, giáo viên Trường lục quân Quách Đình Lượng, ông đề nghị Quách thay Giang làm tổng liên lạc.

Ngày 12 tháng 8, Quế Vĩnh Thanh, mới nhậm chức "Tổng Tham mưu trưởng" được hai tháng đột nhiên mắc bệnh nặng chết. Điều này đối với Tôn Lập Nhân có nghĩa là "liễu ám hoa minh hậu nhất thôn" (đâu lại hoàn đó), theo con mắt các nhà quân sự Quốc dân đảng thì chức "Tổng Tham mưu trưởng" không ai xứng ngoài Tôn Lập Nhân. Nhưng Tưởng Giới Thạch lại giao cho người học ở Hoàng Phố khóa VI là Bành Mạnh Quyên nối nghiệp. Khi Tôn Lập Nhân làm "Tổng Tư lệnh Lục quân", Bành Mạnh Quyên thăng lên thượng tướng, thực tế Bành lên làm "Tổng Tham mưu trưởng" với quân hàm trung tướng. Đây là trường hợp đặc biệt có một không hai trong lịch sử quân đội Quốc dân đảng.

Đến nước này, càng thúc Tôn Lập Nhân tăng cường nắm quân đội. Ông chi kinh phí cho các hoạt động của Quách Đình Lượng và thường xuyên gặp Quách Đình Lượng, Giang Vân Cẩm, Điền Tưởng Hồng, Lưu Khởi Anh và những người liên lạc các đơn vị.

Tháng 11 năm 1954, Tôn Lập Nhân chỉ thị cho Điền Tường Hồng chú ý nắm khâu giao thông và thông tin. Đồng thời chỉ thị Quách Đình Lượng ba điểm: (1) Bạn học cần liên lạc thường xuyên; (2) Bạn học phải nắm chắc quân đội; (3) Bạn học không được tùy tiện xin điều sang đơn vị khác. Theo Quách Đình Lượng, Điền Khởi Hồng, Lưu Kỳ Anh sau này công nhận, thông qua việc trò chuyện và tỏ ý ngầm, họ đều biết rõ Tôn muốn xây dựng một lực lượng mà ông dễ lãnh đạo, có thể dám chống lại những cải cách của Chính phủ.

Tháng 3 năm 1955, Tôn Lập Nhân yêu cầu Giang Vân Cẩm truyền đạt đến những người liên lạc một điều để thử xem thông tin liên lạc giữa họ có thông suốt không. Ngày 15 tháng 5, Quách Đình Lượng đến Đài Bắc báo cáo với Tôn Lập Nhân về tình hình liên lạc và đề nghị hành động.

Vì Tôn Lập Nhân chưa bao giờ làm công tác hành chính, công tác tài vụ và công tác Đảng, bản thân cũng chưa có uy tín tuyệt đối ở Đài Loan, quân đội cũng chỉ mới nắm được một phần, vì thế Quách Đình Lượng kiến nghị hành động cũng không phải là đảo chính lật đổ chính quyền Tưởng, mà chỉ là binh biến theo kiểu Trương Học Lương. Kế hoạch cụ thể là nhân dịp Tưởng Giới Thạch đến Đài Nam kiểm duyệt quân đội vào tháng 6, sẽ khống chế Tưởng, trình Tưởng lá đơn trình bày hiện tượng xấu trong quân đội, đề xuất phương án cải cách, buộc Tưởng phải chấp nhận. Vì vậy Quách Đình Lượng từ ngày 22 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6 phải chọn địa điểm lập sở chỉ huy. Ép Tưởng xong, dự tính là Mỹ sẽ vui vẻ tán thành ủng hộ, bảo đảm họ không bị trừng phạt. Nếu chẳng may thất bại cũng có thể xin Mỹ cho cư trú chính trị.

Về nội dung cụ thể của đơn và phương án cải cách của Quách Đình Lượng, phía Đài Loan giữ kín như bưng. Qua các tư liệu tiết lộ thông tin có thể biết họ ít nhất có năm yêu cầu sau đây: (1)

Phản đối Tưởng Giới Thạch một mình ôm đồm công tác Đảng và "sự nghiệp chống Cộng". Yêu cầu chấm dứt tình trạng tư nhân hóa Chính phủ, thực hành dân chủ kiểu Mỹ; (2) Tuy vẫn mong "Phản công Đại Lục", nhưng trong tình hình Mỹ không giúp đỡ, yêu cầu nhìn thẳng vào sự thật, bỏ khẩu hiệu "Phản công Đại Lục" cố gắng xây dựng Đài Loan; (3) Phản đối hệ thống đặc vụ của Tưởng Kinh Quốc, yêu cầu quét sạch bọn tham quan vô lại trong Chính phủ và quân đội; (4) Phản đối chế độ công tác chính trị trong quân đội và chế độ nhiệm kỳ đối với các sĩ quan nắm trọng trách từ cấp sư đoàn trở lên. Nghe nói nhóm Quách Đình Lượng đã từng tung tin trước khi có đơn là nếu không phế bỏ hai chế độ này, "sẽ có hành động không nói trước"; (5) Yêu cầu Tưởng Giới Thạch giao chức "Tổng Tham mưu trưởng" cho Tôn Lập Nhân.

Nhưng nhóm Quách Đình Lượng xâu chuỗi bí mật trong quân đội sớm bị nhân viên công tác chính trị và đặc vụ nắm được, những người được xâu chuỗi cáo mật với chính quyền có đến hơn 20 người. Ngày 22 tháng 5, Quách Đình Lượng theo kế hoạch hành động, mệnh lệnh cho đơn vị duyệt binh đều lắp đạn thật, bị nhân viên công tác chính trị phát giác, càng chứng tỏ Quách âm mưu không khéo. Thế là bộ máy bảo an Đài Loan khẩn cấp ra quân. Ngày 25 tháng 5, Quách Đình Lượng bị bắt. Tôn Lập Nhân định ngày 28 tháng 5 đến sở chỉ huy, đúng ngày hôm đó nhận được lệnh của "Phủ Tổng thống" yêu cầu đi theo Tưởng Giới Thạch. Tôn không có cách gì đành cử tham mưu tùy tùng là Trần Lương Tuyên phóng xe xuống phía Nam dọc theo đường báo cho các đơn vị. Nhưng Trần đi chưa xa đã lọt vào lưới giăng sẵn của lực lượng bảo an. Đồng thời các cốt cán như Giang Vân Cẩm, Điền Tường Hồng, Lý Thành Lượng đều lần lượt bị bắt. Chỉ có Lưu Khởi Anh trốn thoát, ngày 6 tháng 3, trốn vào nhà Tôn Lập Nhân, báo cáo tình hình bại lộ. Tôn Lập Nhân lấy một khoản tiền đưa cho Lưu Khởi Anh cải trang đi trốn. Nhưng ít ngày sau, Lưu cũng bị đặc vụ bắt. Trung tuần tháng 6, Tôn Lập Nhân cũng bị giam lỏng. Đến đó cuộc binh biến đã bị chết ngay từ trong trứng nước. Tiếp theo, Quốc dân đảng thanh trừng hàng loạt trong quân đội, bắt tra hỏi trên 300 sĩ quan và binh lính trẻ, những người có tang chứng liên quan đến sự kiện trên có tới 103 người.

Mỹ nhận được tin Tôn Lập Nhân bị bắt, lập tức phản ứng mạnh mẽ. Quan chức Lầu Năm Góc nói: Người tài năng như Tôn Lập Nhân mà gặp phải sự phiền toái như vậy, thật đáng nhục!". Điện tín thế giới và Mặt trời buổi sáng của New York đăng xã luận: Một tướng bốn sao chỉ vì một lý do vụn vặt mà bị trừng phạt, thật là chuyện hoang đường, nếu không nói là trò cười. Tin hàng ngày của New York thậm chí còn phát biểu chuyên luận, yêu cầu chính quyền Đài Loan cho phép Mỹ cử quan sát viên đến tham dự phiên tòa xử Tôn Lập Nhân và kêu gọi Mỹ hãy "dấy lên sự phẫn nộ mạnh mẽ" để cứu Tôn Lập Nhân. Báo chí Mỹ, Hồng Kông, Áo Môn ra hàng loạt bài nêu mâu thuẫn giữa Tôn Lập Nhân và Tưởng Kinh Quốc, nói Tôn đã từng kiên quyết chống lại chế độ cảnh sát thực hành phổ biến hiện nay tại Đài Loan, vì vậy trực tiếp xung đột với con trai của "Tổng thống" là Tưởng Kinh Quốc. Và khẳng định rằng: "Tôn Lập Nhân bị kẻ thù từ lâu vẫn mang tư tưởng chống Mỹ lật đổ."

Để chặn họng Mỹ, Chính quyền Đài Loan phải chứng thực vụ án không phải chỉ vì "lý do vụn vặt", vì thế phải biến vụ dâng thư trong nội bộ quân đội thành sự phiến loạn của các phần tử Cộng sản. Kiểu chụp mũ này khiến Mỹ không tiện nhúng tay. Đồng thời, chỉ có biến "dâng thư" thành "phiến loạn", mới có thể chuyển ý kiến của mọi người đối với Tôn Lập Nhân là Tôn có một vài đề nghị gì đó thôi, tránh tuyên truyền mở rộng, sau này phục hồi cho Tôn Lập Nhân cũng còn có lý do.

Nhưng, thanh danh của Tôn Lập Nhân rất lớn, gọi là "gián điệp Cộng sản" chẳng ai tin. Nên bộ máy đặc vụ thương lượng với Quách Đình Lượng, để Quách nhận là "gián điệp Cộng sản" có ý định lợi dụng Tôn Lập Nhân về tổ chức bạn học để tiến tới hoạt động "phiến loạn" và "lật đổ Chính phủ". Thương lượng xong, chính quyền công bố tin phá án "gián điệp Cộng sản" Quách Đình Lượng lên bản tin để mọi người biết là Tôn Lập Nhân cũng có liên quan.

Ngày 3 tháng 8, báo chí Đài Loan đăng Đơn xin từ chức của Tôn Lập Nhân. Đối với vấn đề "gián điệp Cộng sản" của Quách Đình Lượng, Tôn Lập Nhân nói Quách "lợi dụng quan hệ với bản chức, thực hiện âm mưu để đến nỗi phải tội, bản chức không hề biết, thực đáng ngạc nhiên, vì

mất cảnh giác, bản chức xin chịu trách nhiệm". Đối với vấn đề "dâng thư" lại nói: "Hai năm trước vì anh em cấp dưới chờ đợi phản công, cũng có ý sốt ruột, để yên lòng anh em, bản chức có chỉ thị cho Giang Vân Cẩm để tiện theo dõi công tác huấn luyện, tổ chức liên lạc, lấy quan hệ bạn học động viên nhau, tăng cường đoàn kết, lãnh đạo anh em tận trung với nước. Vốn mang động cơ tốt, không ngờ không lãnh đạo được, lại để biến chất. Những nhóm của Giang Vân Cẩm không những gây nghi ngờ, mà còn diễn biến thành các hành động phạm pháp, truy nguyên cũng là do bản chức ngu muội hồ đồ, không biết rõ người, làm hỏng việc nhà nước, không biết lấy gì chuộc tội", "biết mình phạm tội nặng", tự xin "ban cho miễn chức để chịu xét xử". Ngày 20 tháng 8, Tưởng Giới Thạch chỉ định Trần Thành, Hà Ứng Khâm, Vương Sùng Huệ, Hứa Thế Anh, Trương Quần, Ngô Trung Tín, Vương Vân Ngũ, Hoàng Thiếu Cốc, Dư Đại Duy tổ chức thành Ủy ban điều tra. Sau 50 ngày điều tra, có nhiều lần "trò chuyện với Tôn Lập Nhân," đến ngày 31 tháng 10 Ủy ban điều tra công bố một báo cáo điều tra dài 16 nghìn chữ chỉ rõ thủ phạm là "gián điệp Cộng sản" Quách Đình Lượng. Tôn Lập Nhân mất cảnh giác đối với gián điệp Cộng sản, về mặt khách quan, bị địch lợi dụng. Nhưng động cơ tổ chức liên lạc của Tôn Lập Nhân, không đơn thuần như ông giải thích và cũng không chỉ do không biết quy định, dẫn đến những hoạt động vượt quyền hạn, thực ra là có dụng ý khác, đó là: "Định tổ chức thành một lực lượng ủng hộ ý kiến của mình". Báo cáo còn chỉ trích Tôn Lập Nhân "gây ra những bất đồng với đồng liêu và 'Bộ Quốc phòng' trong nhiều mặt quân sự", "thể hiện sự bất mãn của mình ra ngoài, nhất là với cấp dưới thân tín, bằng cách phê bình chỉ trích cấp trên và đồng liêu". Ông tuy không phải là chủ mưu, nhưng "đối với âm mưu lần này, không phải là hoàn toàn không biết".

Báo cáo này sau khi công bố, "Viện Giám sát" cử năm người trong đó có Tào Khởi Văn, Đào Bách Xuyên tiến hành phúc tra. Họ mời Tôn Lập Nhân đến "Viện Giám sát" "nói chuyện". Đồng thời xem duyệt toàn bộ hồ sơ vụ án, họ muốn xem xét lại đương sự chủ yếu là Quách Đình Lượng. Sau khi phúc tra, họ gửi một bản báo cáo lên "Viện Giám sát", nói "số rất ít người như Quách Đình Lượng, tuy có tội, nhưng chưa đến mức phiến loạn", "một số lớn người tình nghi bị bắt, không có chứng cứ rõ ràng, không nên coi là đồng bọn". Đối với vấn đề Tôn Lập Nhân, họ cho rằng: "Cán bộ liên lạc cấp dưới của Tướng quân Tôn Lập Nhân xuất phát từ sự mến mộ, mong muốn "được động viên", động cơ lúc đầu không có gì sai. Nhưng Tướng quân Tôn Lập Nhân, mỗi lần gặp cấp dưới, nói năng không giữ ý, quên chức trách của bản thân, phát ngôn bừa bãi đã thành thói quen. Sau khi làm "Tham Quân trưởng", công tác liên lạc càng tích cực hơn, khiến mọi người cho rằng "muốn tạo thành lực lượng để ủng hộ ý kiến của ông" tạo điều kiện cho hoạt động của Quách Đình Lượng, ý tưởng ban đầu về liên lạc của Tôn Tướng quân căn bản đã bị biến chất. Nhưng Tôn Tướng quân có điều kiện giám sát và phòng ngừa lại bỏ qua, để gây nên sự kiện. Chính vì vậy Tôn Tướng quân phải chịu trách nhiệm cả về mặt hành chính lẫn về mặt đạo lý". Ngoài ra, báo cáo phúc tra còn cho rằng Tôn Lập Nhân tuy không chủ mưu, nhưng đối với "âm mưu" của Quách Đình Lượng "không phải hoàn toàn không biết".

Khi đó, rất nhiều báo chí nước ngoài đều đặt rất nhiều nghi ngờ đối với vụ án này. Chẳng hạn, chính quyền không cho Tôn Lập Nhân tổ chức hoạt động nhóm trong quân đội, thế tại sao lại cho phe Hoàng Phố và phe chính trị được tổ chức liên lạc nhóm? Hơn nữa hoạt động nhóm không có ý làm binh biến, chỉ căn cứ vào khẩu cung của vài sĩ quan cấp dưới không thể chứng minh được mưu đồ bất chính của Tôn Lập Nhân.

Vì Quốc dân đảng úp úp mở mở đối với vụ này, khiến nghi vấn trên đến nay vẫn chưa giải quyết. Cuốn Truyện Tưởng Kinh Quốc xuất bản trong thập kỷ 1980, nêu nghi vấn "giả định tương đối hợp lý là có sự liên hệ giữa Tôn và cấp dưới trên cơ sở thầy trò, thân hữu, quan trên và bộ hạ, không nhất định là đồng mưu bất chính". Thậm chí đơn xin từ chức của Tôn "chưa chắc đã là Tôn tự nguyện, Người làm án ép cung Quách Đình Lượng được, sao lại không thể ép Tôn". Tóm lại, vụ án Tôn Lập Nhân từ đầu đến cuối chẳng qua chỉ là một vụ án chính trị do cha con Tưởng nhào nặn ra mà thôi.

Vậy thì "bộ mặt thật của Lư Sơn" trong vụ án này là gì? Đối với vấn đề này chỉ có thể đứng ngoài mà phân tích. Trước hết "nhân tố Cộng sản" trong vụ này rõ ràng là giả tạo, có thể loại bỏ

hẳn.

Theo khẩu cung của Quách Đình Lượng, ông vốn là Tiểu đoàn trưởng của quân đoàn mới (tân quân), bộ đội bị đánh tan trong chiến dịch Liêu Thẩm. Ông bị khốn ở Thẩm Dương, may nhờ một chủ quán họ Bạch cứu giúp. Em của Bạch là một cán bộ Cộng sản. Bạch nhờ em giúp Quách, em Bạch cấp cho Quách một giấy thông hành, điều kiện là khi đến Đài Loan phải làm việc cho Đảng cộng sản. Do đó, Quách thoát khỏi khu giải phóng một cách thuận lợi, qua Thiên Tân, Thượng Hải rồi đến Đài Loan dựa vào quan trên là Tôn Lập Nhân. Đến Đài Loan Quách vẫn chưa tích cực hoạt động, mãi đến tháng 9 năm 1954, Lý tiên sinh đột nhiên đến gặp, yêu cầu Quách làm binh biến và báo cho biết là Bạch sắp sang Đài Loan. Sau đó Quách bắt đầu tích cực hoạt động. Nhưng, cách nói này có năm điểm nghi vấn lớn: (1) Đứng về phía Đảng cộng sản quyết không nhân một dịp vớ vẩn nào đó để giao nhiệm vụ; (2) Đứng về phía Quách Đình Lượng cũng không thể nhận việc một cách đơn giản như thế; (3) Nếu có thực một ông Lý nào đó đến truyền đạt nhiệm vụ mà Quách cũng đã nhận thi hành, hai bên không thể không gặp lại nhau; (4) Cho dù Quách Đình Lượng có là "gián điệp Cộng sản" đi nữa, làm sao mà Quách lại ngu xuẩn đến mức muốn phát triển một cuộc "dâng thư" thành "phiến loạn"? Chính Quách cũng thừa nhận Tôn Lập Nhân và các sĩ quan tham gia binh biến đều là những người kiên quyết chống Cộng, họ không hề có ý muốn lật đổ Tưởng, chỉ muốn dùng một phương pháp mạnh để yêu cầu chính quyền có một số cải cách. Quách Đình Lượng lại chỉ là một thiếu tá, ông ta có ảnh hưởng gì đâu mà dám biến "dâng thư" thành "phiến loạn". Nếu thật sự có phiến loạn thì sau đó sẽ ra sao? (5) Lý tiên sinh giao nhiệm vụ cho Quách trùng với thời gian Tôn Lập Nhân muốn Quách thay Giang Vân Cẩm tổ chức nhóm. Nếu chỉ xét riêng chuyện này, không thể bỏ qua khả năng trùng hợp đó, nhưng liên hệ với các điều kể trên, không khỏi thấy lộ ra vết tích của sự bố trí "dịp may" ấy.

Chứng cứ có sức thuyết phục nhất là phản cung của Quách Đình Lượng. Ngày 16 tháng 3 năm 1983, Quách Đình Lượng gửi một "bức thư trần tình" lên Tưởng Kinh Quốc khi đó đã làm "Tổng thống", nói sau khi ông bị bắt, qua mười ngày đêm bị tra tấn tàn khốc, lại được "Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Quốc phòng" Mao Nhân Phong và Chủ nhiệm "Phòng đặc vụ Cục Tình báo" là Thiếu Tướng Mao Thích Viên nhiều lần khuyên nhủ. Khi đó, Mao Nhân Phong nói: "Để cho vụ án không mở rộng có thể giải quyết tốt đẹp, chỉ oan uổng mình anh thôi… (anh) hãy đứng trên lập trường của Đảng, hợp tác chặt chẽ với chúng tôi đây không chỉ là lợi ích trước mắt của Đảng, mà cũng là biện pháp duy nhất để xử lý Thượng tướng Tham quân trưởng Tôn Lập Nhân." "Vụ này do anh tự thú, nên không xử công khai, không khởi tố, chỉ làm thủ tục nội bộ, sau đó tôi sẽ nói rõ sự thực với lãnh tụ để giải quyết." Mao còn muốn "Quách nên nghĩ đến vợ con mình" và bảo đảm: "Quách không hề bị ảnh hưởng gì cả về tuổi quân, quân hàm và sự nghiệp sau này." Vừa mềm vừa cứng tác động, cuối cùng Quách tự nguyện nhận là "gián điệp Cộng sản". Bản khai và biên bản khẩu cung của ông đều do nhu cầu phát triển của vụ án lúc đó, do Chủ nhiệm Mao Thích viên đạo diễn! Ai ngờ sau khi "hợp tác chặt chẽ", mọi lời hứa của Mao Nhân Phong đều trôi tuột. Lá đơn này về sau được con Quách Đình Lượng là Quách Chí Trung công bố, một phần sự thực của vụ án mới được sáng tỏ.

Như trên cho thấy, Vụ án Tôn Lập Nhân rõ ràng có tính chất oan uổng. Nhưng gỡ "mũ" ra, liệu có thể phủ định sự liên đới của Tôn Lập Nhân "muốn kết thành một lực lượng để ủng hộ ý kiến của mình", tức là có ý đồ làm binh biến hay không? Nhóm Tôn Lập Nhân vì thế mà có những liên lạc bí mật hay không? Đến nay vẫn chưa có chứng cứ để phủ định.

Trước tiên, vụ án liên quan đến hàng trăm người, tin truyền khắp trong ngoài nước. Những người dính líu chủ yếu như Quách Đình Lượng, Điền Tường Hồng, Giang Vân Cẩm, Lưu Khởi Anh, chỉ có mỗi Quách Đình Lượng nói Tôn Lập Nhân "dâng thư can gián", Quách biến thành "kích động binh biến" và "kích động phiến loạn", còn mọi người đều nói chính Tôn Lập Nhân không phải chỉ tham dự âm mưu mà còn là chủ mưu. Cho nên chỉ một phản cung của Quách Đình Lượng chưa đủ để lật án. Quách cũng mới chỉ phản cung về "gián điệp Cộng sản" chứ chưa đề cập gì đến binh biến. Hai là, Tôn Lập Nhân khi đó đã bị tước binh quyền, với địa vị của ông và mối quan hệ với Mỹ, bản thân ông không muốn hành động, chính quyền Đài Loan chắc cũng

không gây khó dễ để tránh gây sóng gió chính trị không cần thiết. Ba là, một viên "Tổng Tư lệnh Lục quân" kéo theo được trăm sĩ quan và binh lính để làm binh biến, về mặt chính trị thực đáng nực cười, những người hơi hiểu biết về chính trị cũng không thể lấy chuyện đó làm tài liệu hư cấu được. Bốn là, vụ án vốn thuộc điều tra nội bộ, nhưng người tham gia điều tra rất nhiều, gồm các bậc nguyên lão Quốc dân đảng, trong quá trình điều tra đều chuyện trò với Tôn Lập Nhân. Nếu ông không quá đáng, mọi người không thể đều vu khống ông, vì tuy lòng tin chính trị của họ là phản động, nhưng không phải ai cũng là ác ôn cả.

Truyện Tưởng Kinh Quốc của Giang Nam nói Tôn Lập Nhân xuất thân là một quân nhân lẽ nào không có chút cảnh giác gì, không biết là đặc vụ Đài Loan bố trí dày đặc, lại dám manh động châm lửa tự thiêu? Đặt vấn đề này là bỏ qua cá tính của Tôn Lập Nhân. Tôn vốn ỷ tài tự phụ, kết oán với các tướng lĩnh, không biết tính sâu, ông ta đã đề nghị tỉ thí với các "Tổng Tư lệnh Hải, Không quân" về nghiêm, nghỉ, chứng tỏ tính khí khá bừa bãi. Những người như vậy chỉ quan tâm đến mặt võ lực cũng chẳng lạ gì.

Kỳ thực, Tôn Lập Nhân đến nay cũng không chối bỏ "trách nhiệm của mình về mặt hành chính cũng như đạo lý" đối với sự kiện đó. Năm 1988, ông đưa đơn lên chính quyền Đài Loan yêu cầu "trả tôi sự trong sáng, trả tôi lẽ công bằng" chủ yếu là biện giải về "gián điệp Cộng sản". Đối với hoạt động xâu chuỗi nhóm bí mật chỉ có một câu: "Sự cần thiết của liên lạc là để bổ khuyết chế độ trong quân đội lúc đó". Có thể thấy chí ít cũng có chuyện "liên lạc". Trong lá đơn này, Tôn Lập Nhân cũng có biểu thị "không muốn phản cung". Sau khi được tin, giới báo chí tấp nập đến hỏi, Tôn đều đóng cửa không tiếp. Kết cục của vụ án lớn này là: Tưởng Giới Thạch hạ lệnh Tôn Lập Nhân "chịu trách nhiệm lớn" đối với "vụ phiến loạn của Quách Đình Lượng". Nhưng nghĩ ông "nhiều năm chinh chiến có công và sau khi phát giác vụ án, đã thành khẩn khai rõ, tự nhận trách nhiệm hối hận sâu sắc nên đồng ý cho tự sửa chữa. Những sự kiện khác chưa rõ, 'Bộ Quốc phòng' xem xét tiếp để thấy hậu quả".

Quách Đình Lượng nguyên kết án tử hình, một ngày sau sửa thành án tù chung thân. Năm 1975, Quách được phóng thích khỏi nhà giam của Cục Tình báo vườn Đào. Nhưng được Bộ Chỉ huy đảo Xanh chuyên giam giữ chính trị phạm "trưng dụng". Sự thực cũng vẫn là bị "quản thúc". Trong thời gian Quách bị giam vẫn được lĩnh lương, người nhà vẫn được đặc vụ chăm sóc. Những người khác bị tù từ 3-15 năm.

Sau khi công bố kết quả, Tôn Lập Nhân đã đến thăm Chủ nhiệm Ủy ban điều tra Trần Thành cảm ơn sự thẳng thắn của Trần và sự khoan dung của Tưởng Giới Thạch và đề xuất ông vốn có học vị Công trình sư, mong được tham gia công tác thủy lợi. Hơn một tháng sau Tưởng Giới Thạch đích thân đến thăm Tôn Lập Nhân, không đồng ý để ông làm thủy lợi, khuyên ông nên đọc sách, nhất là sách thánh hiền của Trung Quốc. Từ đó Tôn Lập Nhân rời đến ở một biệt thự tĩnh mịch tại Đài Trung, hàng ngày đọc sách, vẽ tranh, trồng hoa cây cảnh, đôi khi đánh bóng chuyền. Vợ Tôn thì đọc kinh lễ phật. Cái lối sống "đóng cửa đọc sách" và chịu để "tiếp tục xem xét" đó đã kéo dài hơn 30 năm.

III. PHÁI CC THAY ĐỔI TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ

Trong "cải tạo" hệ thống cộng tác Đảng, phái CC bị đánh đau. Trần Quả Phu và Trần Lập Phu, người chết kẻ chạy. Những người còn lại kẻ thì lựa gió bẻ măng, quay tìm chủ mới; kẻ thì mũ ni che tai, không bàn thế sự. Xét về toàn thể, thế lực của phái CC hoàn toàn ra mây khói.

Là một tổ chức phe phái có "tính toàn quốc", trong quá trình phát triển mười mấy năm của phái CC, thành viên của phái phức tạp không đồng nhất. Tính chất chung của họ là kiên quyết chống Cộng. Nhưng chống Cộng như thế nào, có người ủng hộ Tưởng Giới Thạch chuyên chế độc tài, sùng bái Đảng trị. Nhưng cũng có người muốn đi theo con đường dân chủ tư sản và pháp chế hoá. Hai loại người này, đám người thứ nhất phần lớn nắm các chức vụ quan trọng, như vẫn thường nói là cái gậy của Đảng. Còn loại người thứ hai dựa vào sự ủng hộ của tập thể phái CC để vào "Viện Lập pháp", "Viện Giám sát" và "Quốc hội", gọi chung là "Bộ máy Dân ý

Trung ương".

Sau cải tạo, gậy đảng trong phái CC bị quẳng vào xó, còn những người chạy theo con đường "Quốc hội" vì được Quốc dân đảng duy trì hệ thống "Hiến pháp" nên cho hưởng "chế độ suốt đời", trở thành nhân vật quý tộc, chính quyền kiêng nể, địa vị cũng được bảo đảm, họ là các cứ điểm trong "Quốc hội", đóng vai trò "phái chống đối trung thành" để khẳng định tính hợp lý trong sự thống trị của Quốc dân đảng. Vì đứng trên lập trường của "Quốc hội", những người này đòi mở rộng bộ máy dân ý, đòi quyền giám sát đối với bộ máy hành chính. Đối với chính quyền tất nhiên họ hô to chế độ dân chủ, do đó nảy sinh hiện tượng nực cười: khi còn ở Đại Lục họ bị coi là phái Bảo thủ, sau khi đến Đài Loan, dưới sức hút của từ trường chính trị, họ lại được nhào nặn thành phái Khai minh thay mặt đám quần chúng không quyền thế để nói chuyện.

Đại biểu chủ yếu của những người này có "Ủy viên Lập pháp" Lương Túc Nhung, Tế Thế Anh, Ngô Đình Hoàn, Trương Tử Dương, Hồ Thu Nguyên, Phí Hy Bình; "Ủy viên Giám sát" Vu Trấn Chân, Đào Bách Xuyên, Tào Đức Tuyên, Tào Khởi Văn. Nguyên lão phái CC như Trương Đạo Phiên, Cốc Chính Đỉnh, Phương Trị, Tiêu Tranh, Hồng Lan Hữu, Du Tỉnh Đường, Trình Thiên Phóng, Điền Côn Sơn, Bạch Vân Thê hoặc công khai hoặc ngầm ý ủng hộ phái Khai minh.

Tháng 10 năm 1951, "Ủy viên Lập pháp" phái CC bị ép làm "Viện trưởng Lập pháp" do Trần Thành đứng sau giật dây, Lưu Kiện Quần xin từ chức. Tháng 3 năm sau đưa Trương Đạo Phiên ra làm Viện trưởng Lập pháp. Đây là lần thắng lợi thứ nhất của phái CC.

Ngày 24 tháng 3 năm 1952, "Viện Lập pháp" thông qua Quy định chi tiết về việc thi hành Luật Xuất bản, trong đó Điều 27 quy định: "Thời chiến, chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc cung ứng giấy và nguyên vật liệu in theo kế hoạch xuất bản phẩm và mệnh lệnh của chính quyền Trung ương, điều tiết số lượng tạp chí và tờ tin trong khu vực mình phụ trách." Lấy lý do đó, chính quyền Đài Loan ngày 11 tháng 4 ra lệnh đình chỉ đăng ký thành lập báo giấy và hạn chế số trang và số lượng phát hành. Điều này khiến báo mới không ra được, báo cũ cũng không mở rộng được, bắt đầu một thời kỳ "cấm báo" kéo dài ba năm.

Nguyên nhân "cấm báo" chủ yếu là Quy định chi tiết về việc thi hành Luật Xuất bản. Khi thảo luận luật này trong "Viện Lập pháp", "Ủy viên Lập pháp" phái CC là Hồ Thu Nguyên, Phí Hi Bình và Ủy viên không đảng phái là Thành Xà Ngã đều khẳng khái bác bỏ, chỉ ra rằng quy định này vi phạm "Hiến pháp" và tự do ngôn luận, không thể thông qua. Sau này tuy đã thông qua, họ vẫn hô hào trong "Viện Lập pháp" đòi hủy bỏ.

Nhưng Chính quyền Đài Loan không những không lùi, mà còn tiến thêm. Ngày 28 tháng 4 năm 1954, lại ban bố Biện pháp quản chế sách, tranh, tạp chí và tờ tin trong thời gian giới nghiêm, kìm kẹp chặt chẽ và khống chế toàn diện đối với ngôn luận và xuất bản. Tiếp ngay đó ngày 5 tháng 11 lại đưa ra chín điều Cấm hoặc hạn chế đăng tải các xuất bản phẩm. Trong đó rất nhiều điều dài dòng trừu tượng, như: "Không được phát biểu vi phạm chủ trương quốc sách cơ bản", được coi là một cái mũ đàn hồi rộng hẹp tùy ý, cho phép chính quyền tự ý thu hồi bất kỳ tờ báo nào chính quyền không thích. Quy định này vừa công bố, các báo tư nhân phản đối ầm ầm, đưa đơn lên "Viện Lập pháp" yêu cầu bãi bỏ. "Ủy viên Lập pháp" phái CC cũng nổi dậy tấn công. "Viện Hành chính" ngày 9 tháng 11 đành phải tuyên bố tạm thời không thi hành, quy định đó chỉ sống được năm ngày đã chết.

Như trên đã nói, "Quốc hội" do các đại biểu suốt đời họp thành, thực tế là chương trình cao su của Quốc dân đảng. Nếu đại biểu là các Đảng viên nhất trí bỏ phiếu, chắc chắn sẽ chiếm đa số. Nhưng nếu "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái CC chuyển hướng liên kết với Đảng Xã hội Dân chủ, Đảng Thanh niên và không đảng phái, sẽ có thể khiến cho đề án của chính quyền không được thông qua. Về mặt này, "Viện Hành chính" phải thu hồi "chín điều", chính là do phái CC phản đối.

Tháng 6 năm 1955, các "Ủy viên Giám sát" thuộc phe Trần (Khởi Anh) trong phái CC là Dư

Tuấn Hiền, Vu Trấn Châu, Ngô Đại Vũ, Vương Văn Quang, Đào Bạch Xuyên, Tiêu Nhất Sơn, được sự giúp đỡ của "Viện trưởng" Vu Hữu Nhiệm, nguyên lão Khai minh trong Đảng, đề xuất vấn đề sửa lại vụ "vi phạm lệnh phát hành" do "Bộ Nội chính" tạo ra để chà đạp giới xuất bản. Họ nêu rõ đó là "chính sách hà khắc ngoài Hiến pháp", "Bộ Nội chính" chỉ nắm được vài bài viết, đã vội bắt Bình luận thế giới đóng cửa mười tháng vì chụp cho cái mũ "Không nói rõ sự thật khi đăng ký". Hành động này không những hà khắc mà còn phạm pháp, đề nghị "Viện Hành chính" sửa chữa, "về sau không được quen lệ". Đồng thời còn đòi "phải nói rõ lý do và sự thật về việc cơ quan hành chính xử lý những cuốn sách mà họ tước bỏ quyền lợi của công dân". Giới xuất bản đưa đơn đến cơ quan hành chính, cơ quan hành chính phải trả lời trong vòng mười ngày.

Cũng vào khoảng thời gian đó, nguyên lão phái CC là Cốc Chính Đỉnh công khai nói chuyện, tuyên bố cha con Tưởng "lấy phái nọ tiêu diệt phái kia", khiến Tưởng Giới Thạch tức giận đình khai trừ ông khỏi Đảng. Một nhân vật quan trọng của CC là Phan Công Triển, chạy sang Mỹ làm báo, không ngớt phê bình chính trị Đài Loan. Nghe nói phái CC còn thành lập một nhóm trung tâm gồm năm người là Trương Đạo Phiên, Cốc Chính Đỉnh, Phương Trị, Tiêu Tranh, Hồng Lan Hữu, phụ trách điều hành hoạt động của phái này.

Để xoa dịu phái CC, giữ gìn đoàn kết nội bộ, tháng 10 năm 1957 Tưởng Giới Thạch triệu tập Đại hội VIII Quốc dân đảng, đưa hơn 20 vị nguyên lãi phái CC như Trần Lập Phu, Cốc Chính Đỉnh, Phương Trị, Hồng Lan Hữu, Dư Tỉnh Đường, Trình Thiên Phóng, Tiêu Đồng Tư, Bạch Vân Thê, Điền Côn Sơn làm các Ủy viên Bình nghị Trung ương. Những người này theo Tưởng Giới Thạch nửa đời người, sau khi Tưởng an ủi họ, tuy còn ấm ức, nhưng vẫn nghe theo sự sắp xếp của Tưởng, lui khỏi tuyến đầu về làm "Tổng hội cứu giúp đồng bào ở Đại Lục", vẫy cờ hò hét "Phản công Đại Lục" cho Tưởng.

Lúc này, đại biểu chủ yếu của phái CC chuyển từ các nguyên lão thuộc nhóm Trần Lập Phu sang nhóm "Viện Lập pháp và Giám sát" của Lương Túc Nhung và Vu Trần Châu. Họ tiếp tục đóng vai trò "Phe chống đối trung thành". Trước tiên là hỏi tội hàng loạt trong "Viện Giám sát".

Tháng 12 năm 1956, Ủy viên phái CC trong "Viện Giám sát" đề xuất đời sống của bộ đội, viên chức và giáo viên ngày càng cùng khổ, trong khi các cơ quan chính quyền lại quá lãng phí, đề nghị "Viện Hành chính" tìm biện pháp sửa đổi, tiết kiệm chi tiêu chuyển tiền tăng lương cho bộ đội, viên chức và giáo viên. Họ còn chỉ mặt điểm tên "Viện trưởng Hành chính" Du Hồng Quân vừa lĩnh lương ở "Viện Hành chính" vừa hưởng chế độ cung cấp của Thống đốc Ngân hàng Trung ương là một điển hình lãng phí.

Tháng 3 năm 1957, những người này thúc ép "Viện Giám sát" thông qua một đề án sửa đổi, ký ra hàng loạt những lãng phí trong đó lấy ví dụ về "ăn hai lương" của Du Hồng Quân, yêu cầu "Viện Hành chính" sửa đổi.

Ngày 26 tháng 3, đề án này gửi đến "Viện Hành chính". Ngày 14 và ngày 24 tháng 7, "Viện Hành chính" hai lần gửi công văn trả lời về việc xử lý, khiến "Viện Giám sát" bất mãn. Vì Điều 25 của "Viện Giám sát" quy định, kỳ hạn trả lời là hai tháng, mãi bốn tháng sau "Viện Hành chính" mới trả lời, cũng chưa nói rõ đã sửa đổi như thế nào và cải thiện được mặt nào đối với những vấn đề "Viện Giám sát" đã nêu. "Viện Giám sát" liên tục trong bốn tháng từ tháng 9 đến tháng 12, mời Du Hồng Quân đến viện trả lời chất vấn. Kết quả thảo luận của Hội nghị Ủy ban Chính trị "Viện Hành chính" là từ chối lời mời của "Viện Giám sát", Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng cũng thông qua quyết nghị không tán thành việc Du Hồng Quân đến "Viện Giám sát" trả lời chất vấn. Được Trung ương Đảng nâng đỡ, "Viện Hành chính" dẫn đầu đưa sự việc đó lên mặt báo và nói lý do "Viện Giám sát" đòi hỏi quá đáng. Lý do mà họ nêu ra là "Hiến pháp" không quy định "Viện trưởng Hành chính" phải đến báo cáo công tác và bị chất vấn ở "Viện Giám sát". "Viện Hành chính" chỉ chịu trách nhiệm trước "Viện Lập pháp", không chịu trách nhiệm trước "Viện Giám sát". "Viện Giám sát" lại nói "Hiến pháp" tuy không quy định "Viện trưởng Hành chính" phải đến "Viện Giám sát" báo cáo và chịu chất vấn, nhưng cũng không quy định "Viện Hành chính" không phải đến "Viện Giám sát" báo cáo và chịu chất vấn. Đồng thời Điều 95

trong Hiến pháp quy định: "Viện Giám sát với quyền giám sát được phép xem xét các mệnh lệnh và văn kiện do Viện Hành chính và các bộ ban hành." Điều 96 quy định: "Viện Giám sát được phép cử các Ủy viên điều tra mọi biện pháp công tác của Viện Hành chính và các bộ, chú ý xem họ có phạm pháp hoặc trễ nải chức trách không". Xét hai điều này có thể biết công tác của "Viện trưởng Hành chính" cũng thuộc phạm vi giám sát của "Viện Giám sát". "Viện Giám sát" được quyền hỏi tội "Tổng thống", "Phó Tổng thống", chẳng lẽ lại để cho "Viện trưởng Hành chính" được miễn sự chất vấn, điều tra và hỏi tội của "Viện Giám sát"? Điều 26 còn quy định: "Viện Giám sát có quyền 'Chỉ định địa điểm chất vấn' cho đối tượng điều tra." Khi "Viện Giám sát" chỉ định Du Hồng Quân đến trả lời chất vấn, không hề vi phạm quy định trên đây, cho nên Du Hồng Quân từ chối là phạm pháp.

Cuộc đấu trí giữa "Viện Giám sát" và "Viện Hành chính" kéo dài nhiều tháng, gây nên sự chú ý rộng rãi của xã hội và giới báo chí thảo luận sôi nổi. Sự việc tất nhiên càng mở rộng. Các bên tham gia thảo luận, phía ủng hộ "Viện Giám sát" chiếm ưu thế. Căn cứ vào sự chỉnh lý phân tích của mọi người sau này đối với 21 bài của 14 tờ báo quan trọng (kể cả báo của người Hoa ở Hồng Kông và New York), thấy có 15 bài ủng hộ "Viện Giám sát", ba bài không thiên lệch, chỉ có ba bài ủng hộ "Viện Hành chính", trong đó một bài của Đào Hi Thánh, hai bài kia một là xã luận của Trung ương nhật báo và Bình luận hàng tuần của Quốc dân đảng.

Ngày 10 tháng 12 năm 1957, toàn thể "Ủy viên Giám sát" dưới sự chủ tọa của Viện trưởng Vu Hữu Nhiệm, họp hội Nghị viện lần thứ 508, Ủy viên thuộc phái CC Ngô Đại Vũ báo cáo với hội nghị vấn đề tranh luận chung quanh "đề án sửa đổi chống lãng phí". Một Ủy viên CC khác là Tào Khởi Văn nghe xong lập tức kiến nghị Hội nghị thảo luận vấn đề hỏi tội Du Hồng Quân. Sau ba giờ thảo luận, cuối cùng quyết nghị thành lập Tổ xử lý sự kiện phạm pháp của "Viện trưởng Hành chính" Du Hồng Quân, do Tiêu Nhất Sơn làm người triệu tập. Tổ này gồm 11 người là Tiêu Nhất Sơn, Vu Chấn Châu, Đào Bách Xuyên, Hùng Tạ Vy, Ngô Đại Vũ, Dư Tuấn Hiền, Lưu Huy Tây, Trần Chính Minh, Trần Đại Dung Vương Văn Quang, Lưu Vĩnh Tế.

Cũng thời kỳ này, Tưởng Giới Thạch cử Trần Thành đi khuyên "Viện Giám sát" nhượng bộ, không có kết quả. Sau đó lại lấy danh nghĩa Trung ương Quốc dân đảng, tổ chức hai bữa tiệc, hy vọng "có thể thỏa hiệp trong bầu không khí hòa giải", ai ngờ đa số Ủy viên "Viện Giám sát" do phái CC tẩy chay, đều từ chối không đến dự.

Ngày 23 tháng 12, "Viện Giám sát" chính thức thông qua công văn hỏi tội chụp cho Du Hồng Quân hai cái mũ "phạm pháp" và "ăn hai lương" đồng thời đăng công văn đó trên báo.

Ngày 15 tháng 1 năm 1958, Du Hồng Quân trình bản thanh minh dài hàng chục nghìn chữ. Ngày 16 tháng 1, Tưởng Giới Thạch triệu các vị lãnh đạo cao cấp và các "Ủy viên Giám sát" là Đảng viên đến Hội trường Trung Sơn họp. Ông khẳng định "Viện Hành chính" không trả lời "Viện Giám sát" đúng hạn, đó là cái sai của "Viện Hành chính" và trên nguyên tắc tán thành Du Hồng Quân phải đến "Viện Giám sát" trả lời chất vấn. Sau khi hát xong hai câu ngoài mặt đó, Tưởng sầm mặt xuống mắng các "Ủy viên Giám sát" "coi những người bị giám sát như kẻ tội phạm. Du Viện trưởng là người đứng đầu hành chính nhà nước, sao lại bị điều tra như vậy, nay lại hỏi tội nữa, khiến dư luận trong ngoài ầm ĩ do cách xử lý thật là không đúng". Tưởng nói: "Hành động phản công Đại Lục còn chưa bắt đầu… nội bộ đã có vấn đề." Ông yêu cầu: các "Ủy viên Giám sát" cần thận trọng trong việc sử dụng quyền của mình. Khi đó, đã có mấy vị "Ủy viên Giám sát" đứng dậy, nói rõ sự thật là khi "Ủy viên Giám sát" chất vấn có thể chưa được lịch sự lắm đối với người bị chất vấn, nhưng tuyệt nhiên không như Tưởng Giới Thạch chỉ trích là coi người bị chất vấn như tù nhân.

Sau hội nghị này "Viện Giám sát" phát biểu một bài dài phản bác bản thanh minh của Du Hồng Quân. Điều này chứng tỏ các "Ủy viên Giám sát" không thèm để tâm đến lời hô hào của đích thân Tưởng Giới Thạch. Các phóng viên nước ngoài cũng căn cứ vào đó bình luận thêm: "Từ khi Tưởng Giới Thạch rút khỏi Đại Lục, đây là lần đầu tiên có một loạt Đảng viên không coi trọng ý kiến của ông."

Ngày 31 tháng 1 năm 1958, Ủy ban Trừng phạt (Hội đồng Kỷ luật) nhân viên công vụ thuộc Viện Tư pháp tuyên bố "Viện Giám sát" hỏi tội Du Hồng Quân "phạm pháp" khó thành án, nhưng "lĩnh hai lương gây lãng phí" là sự thật, nên xử Du "cảnh cáo". Ngày 1 tháng 2, lệnh cảnh cáo theo trình tự pháp luật đưa lên Tưởng Giới Thạch để lấy danh nghĩa "Tổng thống" công bố. Đồng thời Tưởng Giới Thạch cũng tỏ ý "đáng tiếc" đối với việc hỏi tội đó. Sau khi lệnh cảnh cáo được công bố, Du Hồng Quân ba lần đưa đơn xin từ chức đều được Tưởng Giới Thạch an ủi giữ lại.

Thực ra, ở Đài Loan, các quan chức "lĩnh hai lương" cũng chẳng có gì quá đáng, càng không thể vì vậy mà hỏi tội "Viện trưởng Hành chính". So với Khổng Tường Hy, Tống Tử Văn... cùng thời kỳ này, Du Hồng Quân cũng chỉ là một ông quan nghèo. Ông tốt nghiệp Đại học Văn ở Thượng Hải, vốn là một nhà báo, sau được Ngô Thiết Thành biết đến, cất nhắc từ Thư ký của chính quyền thành phố Thượng Hải lên đến Thị trưởng, rồi sau đó được Tưởng Giới Thạch quan tâm tiến dần làm Cục trưởng Tín dụng Trung ương, Bộ trưởng Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Trung ương. Vì giúp Tưởng Kinh Quốc chở vàng từ kho nhà nước đi, nên trở thành con cưng của nhà họ Tưởng. Sau khi đến Đài Loan. Tưởng Giới Thạch gạt bỏ Trần Quả Phu ra khỏi chức "Chủ nhiệm Ban Tài vụ Trung ương", cho Du Hồng Quân thay vào chức đó. Năm 1953 Ngô Quốc Trinh từ chức "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", người kế tục lại là Du Hồng Quân. Một năm sau Du lên làm "Viện trưởng Hành chính". Vì phụng mệnh Tưởng Giới Thạch một cách đắc lực nên giới báo chí Đài Loan đặt cho ông biệt danh là "Du Ô kê", hoặc còn gọi là "Yesman" (Ông Dạ vâng).

Nghe nói Du Hồng Quân cũng đã tính đến "Viện Giám sát" trả lời chất vấn, nhưng Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng và Hội đồng "Viện Hành chính" thông qua nghị quyết ngăn không cho ông đi. Nếu ông đi thật, các "Ủy viên Giám sát" phái CC mất mặt rồi, chắc cũng không hỏi tội ông nữa. Nhưng Du lại không đi, các "Ủy viên Giám sát" cho rằng ông dựa vào chỗ có người nâng đỡ, dám ngang nhiên coi thường quyền giám sát. Để giữ địa vị và quyền lực của "Viện Giám sát", chỉ còn cách đi hỏi tội. Vì vậy, có một số báo tư nhân coi Du Hồng Quân chẳng qua chỉ là "vật hy sinh trong cuộc đấu giữa 'Viện Giám sát' và các bên liên quan", gọi ông là "con đê chắn sóng cho người khác".

Vụ hỏi tội Du Hồng Quân là vụ hỏi tội thứ ba sau Lý Tôn Nhân và Ngô Quốc Trinh. Nhưng Lý và Ngô sau khi đi khỏi Đài Loan mới bị hỏi tội, chẳng qua chỉ là bước xuống thang của Quốc dân đảng, còn Du Hồng Quân đương nhiệm "Viện trưởng Hành chính" bị hỏi tội thì đây là lần thứ nhất. Thực ra mang tính chất muốn thay đổi nội các. Thậm chí các quan sát viên nước ngoài còn coi đây là một hành động chống Quốc dân đảng. Hơn nữa, không phải là phái thanh niên chống Đảng, mà lại là các Đảng viên lão thành chưa hề có vấn đề phạm bất cứ kỷ luật nào của Đảng.

Khi vụ Du Hồng Quân sắp kết thúc, "Viện Giám sát" còn hỏi tội "Bộ trưởng Nội chính" Vương Đức Phổ và Vụ trưởng Cảnh sát Chính trị Lý Thiên, đã giúp Chủ tịch Công đoàn tỉnh là Giản Văn Phát tước đoạt quyền phát hành của Báo Công nhân. Ngày 16 tháng 1 năm 1958, Ủy ban Trừng phạt căn cứ vào giấy hỏi tội của "Viện Giám sát" tuyên bố cảnh cáo bằng văn bản đối với Vương Đức Phổ và một lần ghi tội đối với Lý Thiên. Các vụ hỏi tội của "Ủy viên Giám sát" phái CC cũng đã có tác dụng rất lớn.

Những vụ hỏi tội của "Viện Giám sát" còn nóng chưa nguội thì bão táp lại nổi lên ở "Viện Lập pháp". Tháng 3, "Viện Hành chính" trao Dựthảo sửa đổi Luật Xuất bản cho "Viện Lập pháp", yêu cầu viện bí mật thông qua để hoàn thành thủ tục lập pháp. Bản sửa đổi này quy định các tập san mới phải đăng ký trình tòa với chính quyền, không qua phê chuẩn không được phát hành. Thế là, ngoài "cấm báo" ra lại thêm "cấm tập san". Luật Xuất bản cũ quy định không có tuyên án của tòa án, không được lục soát, đóng cửa các tập san, nay sửa đổi quy định: "Chính quyền có quyền căn cứ vào nội dung đăng trong xuất bản phẩm tiến hành cảnh cáo, sau ba lần cảnh cáo, tập san đó phải đình bản một thời gian; nếu đình bản ba lần, sẽ bị thu hồi giấy đăng ký." Như vậy sẽ cho phép chính quyền Đài Loan tự ý tìm chỗ hở của tập san để đóng cửa tòa

báo, không cần có ý kiến của tòa án. Rõ ràng là "sửa đổi" khiến cho tự do ngôn luận phần lớn chỉ có hư danh nay càng sửa càng chẳng còn gì.

"Sửa đổi" này do hệ thống đặc vụ của Tưởng Kinh Quốc biên soạn lấy danh nghĩa của "Viện Hành chính" để "Viện Lập pháp" thông qua. Nhưng ngay đến "Viện trưởng Hành chính" Du Hồng Quân còn chưa được đọc, chưa hề có ý kiến gì, chỉ đóng vai "người đưa thư". Cha con Tưởng định giữ tuyệt đối bí mật, nhưng vì nội bộ xì ra, Bản sửa đổi bị giới báo chí phanh phui, lập tức gây ra một phong trào phản đối mạnh mẽ.

Khi đó, các báo tư doanh và các tạp chí độc lập như Trung Quốc tự do, Công luận, Bưu điện Trung Quốc, Đại hoa buổi chiều đều tấp nập ra xã luận chỉ trích "sửa đổi" là bóp nghẹt tự do ngôn luận. Các "Nghị viện tỉnh" Đài Loan, Nghị viện thành phố Cao Hùng, Hiệp hội báo chí tỉnh Đài Loan, Hiệp hội Thông tấn Báo chí thành phố Đài Bắc cũng đều công khai phản đối "sửa đổi". Các "Ủy viên Lập pháp", "Ủy viên Giám sát" thuộc phái CC, hai đảng Thanh niên và Xã hội Dân chủ và các "Ủy viên Lập pháp" không đảng phái liên minh với nhau bao vây "Viện Lập pháp" không cho thông qua "sửa đổi". Các nhân sĩ hải ngoại và Hiệp hội Báo chí Quốc tế cũng gửi điện phản đối chính quyền Đài Loan chà đạp tự do ngôn luận.

Ngày 15 tháng 4, các báo tư nhân ở Đài Loan cử chín vị đại biểu đến "Viện Hành chính" xin gặp Du Hồng Quân, đề nghị "Viện Hành chính" tự động rút "Bản sửa đổi" về hoặc gửi công văn xin "Viện Lập pháp" tạm ngừng thẩm nghị để trưng cầu ý kiến, nghiên cứu cẩn thận. Nhưng bị Du Hồng Quân từ chối.

Ngày 2 tháng 4, "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái CC liên hợp với các "Ủy viên Lập pháp" khác gồm 75 vị đề xuất một kiến nghị đòi hủy bỏ biện pháp hạn chế đăng ký báo chí và hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản, coi đó là vi phạm "Hiến pháp". Đây là khúc đối ca với "Bản sửa đổi".

Ngày 1 tháng 5, vẫn "Ủy viên Lập pháp" phái CC là chính, một liên hợp gồm 120 vị "Ủy viên Lập pháp" đề nghị đem công bố "Bản sửa đổi", sau khi nghe ý kiến, mới thẩm nghị và quyết định. Kết quả bị 157 vị "Ủy viên Lập pháp" dòng chính thống phủ quyết. Hai bên tranh cãi kịch liệt. Lý Công Quyền, "Ủy viên Lập pháp" thuộc Đảng Thanh niên nói không nên biến "Viện Lập pháp" thành chuồng lợn. "Ủy viên Lập pháp" trung thành thuộc dòng chính thống đập bàn đứng dậy lớn tiếng định đánh Lý Công Quyền. Cuối cùng, Lý Công Quyền phải rút lại lời nói đó mới khiến "Quốc hội" thiêng liêng của Quốc dân đảng không biến thành võ đài tập thể.

Ngày 4 tháng 5, Công đoàn ngành báo Đài Bắc thỉnh nguyện "Viện Lập pháp" đối chiếu "Bản sửa đổi" với "Hiến pháp", xin các Ủy viên hãy bảo vệ "Hiến pháp". Khi đó, có tờ họa báo tư nhân Đồ họa tân văn đăng bài kiến nghị các báo trước khi thu được kết quả vừa ý, nhất loạt treo cờ rủ ở cửa để phản đối. Nhưng đề nghị này không báo nào dám hưởng ứng, ngay cả Đồ họa tân văn cũng không dám thực hiện.

Vì phái CC giữ vững lập trường của "phe chống đối trung thành", cản trở Bản sửa đổi Luật Xuất bản khiến một nửa số phiếu của "Ủy viên Lập pháp" do Quốc dân đảng nắm khó thông qua. Trung ương Quốc dân đảng triệu tập họp mấy lần định thuyết phục các "Ủy viên Lập pháp" phái CC nhượng bộ nhưng không kết quả. Tưởng Giới Thạch đùng đùng nổi giận đã định khai trừ hơn 100 vị "Ủy viên Lập pháp" phái CC, nhưng thủ hạ khuyên can mới thôi. Ngày 21 tháng 5, Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng quyết nghị đòi "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên phải phục tùng nghị quyết của Trung ương, chịu trách nhiệm thông qua Bản sửa đổi Luật Xuất bản, nếu không sẽ bị kỷ luật, thậm chí khai trừ Đảng tịch. Trước tình thế "Bá vương quyết giương cung" phái CC đành phải khuất phục, đồng ý bỏ lập trường chống đối, bỏ phiếu tán thành.

Hơn 100 vị "Ủy viên Lập pháp" phái CC chuyển hướng, Quốc dân đảng muốn thông qua bất cứ văn kiện nào đều chỉ mất công giơ tay thôi, một số ít "Ủy viên Lập pháp" thuộc Đảng Thanh niên, Đảng Xã hội Dân chủ và Ủy viên không đảng phái dù có phản đối cũng chẳng thay đổi được một chữ nào. Để vớt vát chút sĩ diện, phái CC đưa ra 24 vị Ủy viên, đề nghị "Viện Lập

pháp” công khai thẩm nghị “Bản sửa đổi”. Đề nghị này được lào xào bàn tán một hồi rồi bị phủ quyết. Tiếp theo 161 vị thuộc nhóm Bành Thiện Thừa (chiếm 42% tổng số) đề nghị phúc thẩm cũng chẳng thảo luận gì mấy đã phủ quyết.

Ngày 20 tháng 6, Bản sửa đổi Luật Xuất bản “thẩm nghị bí mật dưới bầu trời đen tối, do ba vị Ủy viên đọc xong hai lần chưa đầy năm tiếng đồng hồ, cuối cùng với nửa tiếng đồng hồ đọc nốt lần thứ ba, viết nên một trang sử nhục nhã nhất của tự do ngôn luận Trung hoa Dân Quốc”.

Sau khi Bản sửa đổi được thông qua, Trung Quốc tự do đăng xã luận chỉ ra rằng: “Thông qua một cách bí mật Bản sửa đổi mà trong nước, ngoài nước ai cũng lên án này là hồi chuông báo tang cuối cùng cho sự tự do xuất bản của Trung Hoa Dân Quốc”. Ngày 23 tháng 6, Công đoàn ngành báo thành phố Đài Bắc lên tiếng tỏ ý đau lòng tiếp nhận một thực tế phải có nghĩa vụ tuân thủ, đồng thời cũng biểu thị: (1) Vẫn thấy luật này vi phạm tinh thần cơ bản của “Hiến pháp” là bảo đảm tự do ngôn luận, xuất bản; (2) Luật này lời lẽ lòng thòng hỗn độn khó hiểu, mong chính quyền khi chấp hành đừng lạm dụng, không nên hành động theo cảm tính, cố ý bắt tội người; (3) Giành tự do thông tin báo chí là thiên chức của nhà báo, không nên vì sự thông qua Bản sửa đổi mà từ bỏ thiên chức đó, vẫn phải không ngừng đòi chính quyền sửa đổi lại, để ngày càng hoàn thiện, hợp lý hơn.

Phanh phui Luật Xuất bản và hỏi tội Du Hồng Quân là hai vở diễn lừng danh nhất của phái CC trên chính trường Đài Loan, nhưng cuối cùng lại thông qua Bản sửa đổi Luật Xuất bản, bắt buộc phái CC phải lựa chọn một trong hai giữa “chống đối” và “trung thành, cuối cùng đành phải chọn
“trung thành”.

Sau đó, Quốc dân đảng tăng cường áp chế các hoạt động phe phái trong Đảng. Phái CC tuy vẫn không ngừng phát ra những lời chối tai đối với phái chính thống, nhưng không lớn tiếng lắm, càng ngày càng yếu dần. Cuối cùng, lặng hẳn không còn nghe thấy nữa.

8. TRUNG QUỐC TỰ DO VÀ PHE CHỐNG ĐỐI

I. HÌNH THÀNH TRẬN TUYẾN CỦA "PHẦN TỬ TỰ DO"

Tương ứng với "những người tự do" trong Quốc dân đảng, ngoài Đảng cũng tồn tại một dinh lũy của các "phần tử tự do". Những người này gồm ba bộ phận.

Bộ phận thứ nhất gồm các nhà trí thức nổi tiếng ở Đại Lục ra Đảo tập hợp trong trung tâm là tạp chí Trung Quốc tự do, Hồ Thích và Lôi Chấn là đại biểu.

Trung Quốc tự do ra đời từ tháng 11 năm 1949, Hồ Thích xác định bốn tôn chỉ của tờ báo: (1) Tuyên truyền giá trị chân thực của tự do dân chủ và đốc thúc "các cấp chính quyền" thiết thực cải cách kinh tế, chính trị cố gắng xây dựng một xã hội "tự do dân chủ"; (2) Ủng hộ chính sách chống Cộng của Quốc dân đảng; (3) Giúp đỡ nhân dân ở khu vực thuộc Đảng cộng sản "khôi phục tự do"; (4) Biến Trung Hoa Dân Quốc thành Trung Quốc tự do. Theo tôn chỉ đó Hồ Thích đặt tên cho tờ báo là Trung Quốc tự do.

Khi sáng lập tờ Trung Quốc tự do, Hồ Thích làm người phát hành, Lôi Chấn làm Chủ nhiệm. Những người trong Quốc dân đảng như Vương Thế Kiệt, Hàng Lập Vũ cũng tham gia sáng lập. Ban biên tập có nhiều người gồm Hồ Thích, Lôi Chấn, Mao Tử Thúy, Trương Phật Tuyền, Ân Hải Quang, Cù Kinh Châu.

Đặc điểm nổi bật của nhóm người này là có quan hệ từ lâu và sâu sắc với Quốc dân đảng. Hồ Thích tuy không tham gia Đảng nhưng trước sau vẫn là thượng khách của Tưởng Giới Thạch, được gọi là "học giả số một của Đài Loan". Lôi Chấn vốn là Đảng viên cũ của Quốc dân đảng; năm 1935, đã là "Ủy viên Giám sát" của Trung ương Đảng. Ông cũng làm việc lâu năm với Vương Thế Kiệt, đã từng làm Phó Bí thư "Ủy ban Tham chính Quốc dân" và "Quốc hội". Trong "cải tạo" ông không đăng ký lại, tự động rời Quốc dân đảng, nhưng vẫn suốt đời là "Đại biểu Quốc hội", gần với phái CC trong Quốc dân đảng. Ngô Quốc Trinh thuộc phái Chính học gọi Lôi Chấn là "Anh Ba".

Bộ phận thứ hai là một số thành viên của Đảng Xã hội Dân chủ và Đảng Thanh niên, những người cầm đầu Đảng Xã hội Dân chủ là Trương Quân Lệ và Đảng Thanh niên là Tả Thuấn Sinh, Lý Hoàng đều không theo Tưởng ra Đài Loan, họ ở Hồng Kông và Mỹ thành lập cái gọi là Thế lực thứ ba mới, một mặt chống Cộng, một mặt cũng phê Tưởng. Tả Thuấn Sinh ra tờ Bình luận liên hợp, đó là diễn đàn của họ ngoài Đài Loan.

Ở Đài Loan, hai Đảng này đều bị xé lẻ. Tháng 5 tháng 1951, Đảng Thanh niên chia làm hai nhóm. Nhóm "Tân sinh nam lộ" do Trần Khải Thiên, Dư Gia Cúc cầm đầu; nhóm "Đại hoa tân thôn" do Hạ Đào Thanh và Chu Văn Bá cầm đầu. Mỗi nhóm đều có bộ máy Trung ương riêng. Cả hai nhóm đều coi Tả Thuấn Sinh và Lý Hoàng là lãnh tụ, đều đưa ra những bài phê bình chính quyền Đài Loan. Nhưng so sánh, nhóm Đại hoa tân thôn của Hạ Đào Thanh chống Tưởng gay gắt một chút. Tờ báo của họ là Dân chủ triều.

Năm 1954, Đảng Xã hội Dân chủ chia thành nhóm "Tám Ủy viên Thường vụ" do Tưởng Quân Điển cầm đầu và nhóm "Ủy ban chỉnh lý Đảng vụ" do Từ Phó Lâm cầm đầu. Hai nhóm này đều lập Trung ương. Nhóm Tưởng Văn Điển chống Tưởng mạnh hơn, còn nhóm Từ Phó Lâm thực chất là nhóm theo Quốc dân đảng.

Bộ phận thứ ba là đại biểu cho thế lực địa phương Đài Loan, như Thị trưởng Đài Bắc là Ngô Tam Liên và Cao Ngọc Thụ. Người đã từng là Phó Chủ tịch "Nghị viện tỉnh Đài Loan" Lý Vạn Cư và các ông Lý Nguyên Sạn, Quách Quốc Cơ, Quách Vũ Tân, họ đã từng thắng cử "Nghị sĩ tỉnh" trước các ứng cử viên Quốc dân đảng. Trận địa dư luận của họ là tờ Công luận báo (Lý Vạn Cư Chủ biên), Tự lập buổi chiều(Lý Ngọc Gia và Ngô Tam Liên Chủ biên). Trong đó tờ Công luận

báo thường làm chính quyền Đài Loan đau đầu.

Ba bộ phận trên đây không có tổ chức thống nhất nhưng quan hệ giữa họ rất gắn bó. Họ thường trao đổi bài vở với nhau. Mỗi khi có làn sóng chính trị nào, đại biểu của ba bên vẫn thường hòa cùng một giọng, hành động nhịp nhàng trên vũ đài chính trị. Hồ Thích, Lôi Chấn vốn là bạn bè của Trương Quân Lệ và Tả Thuấn Sinh; còn Ngô Tam Liên, Cao Ngọc Thụ là Đảng viên Đảng Xã hội Dân chủ, Lý Vạn Cư, Quách Vũ Tân là Đảng viên Đảng Thanh niên. Cho nên, ba bộ phận này trên thực tế đã hình thành một liên minh chính trị lỏng lẻo.

Đối ngoại những người này được Mỹ ủng hộ một cách công khai. Trương Quân Lệ, Tả Thuấn Sinh làm báo ở Mỹ và Hồng Kông đều nhận được sự trợ giúp của Mỹ. Hồ Thích qua lại giữa Mỹ và Đài Loan, có gì ở Đài Loan không tiện nói, ông lại sang Mỹ để nói. Những bài phê Tưởng trong Trung Quốc tự do và Công luận báo cũng thường được sự tán thưởng của Đại sứ Mỹ ở Đài Loan. Đối nội, những người này có ảnh hưởng nhất định đối với các phần tử trí thức và các nhân sĩ lớp trên gốc Đài Loan. Họ được sự giúp đỡ của hai Đảng có sẵn ở địa phương và giúp cho trụ sở làm việc. Công việc tương đối ổn định không phải chỉ làm vũ khí dư luận, phát hành vài kỳ có tính chính luận bị đóng cửa lại thôi, mà hình thành hẳn dinh lũy trung tâm và trận địa chính đó là bản nguyệt san Trung Quốc tự do trung kiên của Lôi Chấn, lấy Hồ Thích làm lãnh tụ tinh thần.

Những người này sở dĩ liên kết làm một vì họ có chung khuynh hướng tư tưởng, có chế độ chính trị tương đối cởi mở của Anh, Mỹ và học thuyết dân chủ tự do của phương Tây. Vì thế, một mặt có cách nhìn phiến diện đối với Đảng cộng sản, một mặt cảm thấy bất mãn đối với sự thống trị của bọn đặc vụ chà đạp nhân quyền của Cầm quyền Đài Loan và cái gọi là công tác chính trị "học theo Đảng cộng sản" và "Đoàn Thanh niên Cứu quốc". Họ đòi thủ tiêu cấm báo, cấm Đảng và đòi bảo đảm nhân quyền cơ bản quy định trong "Hiến pháp", chấm dứt sự độc tài cá nhân của Tưởng Giới Thạch. Trong báo chí của họ thường xuyên có bài đưa tin và bình luận, phanh phui tội ác của bọn đặc vụ, bình luận về các tệ nạn của Cầm quyền Đài Loan, thậm chí còn trực tiếp đưa ra các chủ trương cải cách của họ.

Những người này, về một số vấn đề hưởng ứng với những người tự do chủ nghĩa trong Quốc dân đảng. Chẳng hạn, Ngô Quốc Trinh phản đối "Đoàn Thanh niên Cứu quốc", Tôn Lập Nhân phản đối công tác chính trị trong quân đội. Phái CC phản đối Luật Xuất bản đều được sự hưởng ứng của phe chống đối ngoài Đảng. Có điều, phái Khai minh của Ngô Quốc Trinh, Tôn Lập Nhân và phái CC sử dụng quyền lực trong tay để làm khó dễ cho chính quyền; còn phe chống đối ngoài Đảng làm khó dễ cho chính quyền chủ yếu là tuyên truyền trong dân chúng, gây sức ép đối với chính quyền. Vì vậy, xung đột giữa họ với Cầm quyền Đài Loan thường xuất phát từ một bài báo.

II. TỪ "CHÍNH PHỦ KHÔNG ĐƯỢC LỪA DÂN MẮC TỘI" ĐẾN "CÁI CHẾT CỦA TÔN NGUYÊN CẨM"

Tháng 6 tháng 1951, Trung Quốc tự do quyển 4 kỳ 11 đăng một bài xã luận Chính phủ không được lừa dân mắc tội, phanh phui chuyện buôn bán không vốn vạn lời của đặc vụ đầu tư. Họ cho người đóng giả làm kẻ cho vay nặng lãi và buôn ngoại tệ. Chẳng may có người mắc bẫy, lập tức đổ cho "tội làm rối loạn tiền tệ", bắt đem lĩnh thưởng và theo quy định giữ lại 65% tang vật. Xã luận nêu rõ: Nếu có tập đoàn tội phạm tiền tệ, nhân viên bảo an lọt vào để trinh sát điều tra, ngụy trang đóng giả thì còn được. Nhưng nếu cơ quan bảo an tự mình đứng ra tổ chức tập đoàn tội phạm, dụ người ta tham gia, đợi người ta cắn câu rồi trừng phạt, cách làm này chẳng khác gì "Chính phủ lừa dân phạm tội" bản thân đã là phạm tội rồi.

Sau bài xã luận, Bành Mạnh Quyên, người thay Tưởng Kinh Quốc nắm hệ thống bảo an tìm gặp Tưởng Giới Thạch và Trần Thành. Bành nói, bài này của Trung Quốc tự do đã phá hoại chế độ quản lý tiền tệ đầu tư, khiến Chính phủ không thể làm việc được. Bành đã đích thân gọi điện cho Lôi Chấn muốn "tính sổ" với Lôi Chấn, "quyết không bỏ qua". Bành cũng tung tin trong các

quan chức cấp cao Quốc dân đảng, nói Lôi Chấn nhục mạ "Bộ Tư lệnh Bảo an", quyết không thể để như vậy được. Khi ấy, Lôi Chấn vẫn là Đại biểu suốt đời của "Quốc hội". Bành Mạnh Quyên vẫn cử đặc vụ ngồi theo dõi ngoài cửa nhà Lôi Chấn. Lôi Chấn gặp Vương Thế Kiệt. Vương cho rằng bài xã luận tuy nói đúng sự thật, nhưng đối phó với Đảng cộng sản vẫn cần những người như Bành Mạnh Quyên, nên đôi khi cũng phải chấm chước. Vương Thế Kiệt đề nghị Trung Quốc tự do viết một bài khác giải thích. Đào Hi Thánh, người phụ trách tuyên truyền của Quốc dân đảng cũng tỏ thái độ khuyên Trung Quốc tự do viết bài khác. Lôi Chấn nghe lời viết bài Bàn thêm về chế độ quản lý kinh tế đưa cho Đào Hi Thánh duyệt. Đào xem xong cho rằng bài này "cường biện" không hề có ý xin lỗi, chẳng khác gì lửa đổ thêm dầu. Lôi Chấn không biết làm thế nào chỉ còn cách nhờ Đào Hi Thánh sửa dùm. Đào sửa thành giọng điệu xin lỗi, thêm vào rất nhiều điều vô liêm sỉ, chẳng hạn như: "Chúng tôi công nhận sự công hiệu của các cải cách và chế độ quản lý kinh tế của đầu tư từ nhiều năm nay"; "Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý chỉ trích bất kỳ ai"… Cuối cùng, bài này được đăng trên Trung Quốc tự do quyển 4 kỳ 12, coi như xin lỗi "Bộ Tư lệnh Bảo an". Đồng thời, Đào Hi Thánh và Vương Thế Kiệt cũng thuyết phục Bành Mạnh Quyên cho qua chuyện này, không có ý đồ bới ra nữa.

Đợt sóng này qua đi, đợt sóng khác lại nổi lên. Hồ Thích đứng sau Trung Quốc tự do từ bên Mỹ bỗng rút dao trợ chiến gửi thư về nói ông xem bài Chính phủ không được lừa dân phạm tội mười phần kính phục, mười phần vui sướng, bài này nói sự thật, có dũng khí, có tinh thần trách nhiệm nghiêm túc, chứng lý cũng rất chặt chẽ, có thể nói là một bài văn hiếm có từ khi xuất bản Trung Quốc tự do đến nay, thật đáng gọi là Trung Quốc tự do! "Tôi đang sung sướng định viết thư chúc mừng bỗng lại thấy bài Bàn thêm về biện pháp quản lý kinh tế trên quyển 4 kỳ 12. Đây chẳng là ngài phải viết những lời xin lỗi nhận tội dưới sức ép của bên ngoài! Trung Quốc tự do không được tự do ngôn luận, không được phê bình thực tế chính trị với tinh thần trách nhiệm, đây là sự sỉ nhục lớn nhất của chính trị đầu tư. Tôi chính thức từ bỏ danh hiệu Người phát hành, một là để biểu thị sự tán thành hoàn toàn của tôi đối với bài xã luận Không được lừa dân phạm tội; hai là biểu thị sự phản đối của tôi đối với việc cơ quan quân sự can thiệp vào tự do ngôn luận."

Bức thư trên đây của Hồ Thích được đăng trên Trung Quốc tự do quyển 55, kỳ 5, ngày 1 tháng 9 năm 1951. Ngày 4 tháng 9, các Ủy viên Ủy ban Cải tạo Trung ương Quốc dân đảng gồm Tiêu Tự Thành, Đào Hi Thánh, Hồ Kiến Trung, Trương Kỳ Vân, Tăng Hổ Bạch và các tướng của "phe Thái tử" gồm Chu Hồng Đào, Đường Tung, Cốc Phong Tường, Bành Mạnh Quyên gọi Lôi Chấn đến Đảng bộ Trung ương để "xét hỏi". Tiêu Tự Thành nói Lôi Chấn cho đăng thư của Hồ Thích là "làm loạn". Bành Mạnh Quyên vu cho Lôi Chấn tội biển thủ. Ngay chiều hôm đó "Phòng Quân pháp "Bộ Tư lệnh Bảo an" phát lệnh đưa Lôi Chấn ra tòa giải thích tội biển thủ. Lôi Chấn từ chối không ra.

Vì đằng sau Lôi Chấn có Hồ Thích, Quốc dân đảng đang nhờ Hồ Thích để tranh thủ viện trợ Mỹ, hơn nữa phe Trần Thành không muốn Tiểu tướng đi quá xa, nên đã kìm lại, không để Bành Mạnh Quyên muốn làm gì Lôi Chấn thì làm. Cuối cùng, Trần Thành có sự giúp sức của Vương Thế Kiệt viết cho Hồ Thích một bức thư ý nói xin tiếp thu ý kiến của Hồ Thích từ xa gửi về đóng góp và sẽ cố gắng sửa chữa thiếu sót. Bức thư đăng trên Trung Quốc tự do, thực tế là Trần Thành thay mặt Quốc dân đảng xử nhũn.

Hồ Thích thôi chức Người phát hành, Ban biên tập Trung Quốc tự do thay thế làm Người phát hành, còn Lôi Chấn vẫn làm Chủ nhiệm. Mạo Tử Thủy có thời kỳ kiêm Chủ bút. Nhưng phụ trách biên tập thời gian lâu là Lôi Chấn và Ân Hải Quang.

Sau sự kiện đó, Lôi Chấn liên tục viết: Dư luận và chính trị dân chủ, Chính trị dân chủ là chính trị theo ý dân, Chính trị dân chủ chính là chính trị dư luận, Điều kiện chủ yếu để hình thành dư luận đầy đủ, Ranh giới giữa phỉ báng và tự do ngôn luận đăng trênTrung Quốc tự do, xuất bản thành tập sách riêng với tiêu đề Dư luận và chính trị dân chủ phát hành rộng rãi. Những bài này nhấn mạnh "dân chủ và không dân chủ, phân biệt giữa dân chủ thực sự và dân chủ giả tạo chính là ở chỗ có tự do ngôn luận hay không". Lôi Chấn hô hào: "Mọi người có thể công khai

thảo luận và tự do phê bình đối với các chính sách của Chính phủ và việc thực thi các chính sách đó, không nên sợ hãi và kiêng kỵ"

Tháng 11 năm 1952, Hồ Thích trở về Đài Loan. Ngày 28 tháng 11, Trung Quốc tự do kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập. Hồ Thích đọc diễn văn. Trước tiên, ông nói: "Đất nước tự do dân chủ, quan trọng nhất là tự do ngôn luận. Theo cá nhân tôi tự do ngôn luận chỉ ghi một điều trên "Hiến pháp" thế thôi chưa đủ. Tự do ngôn luận cũng như mọi thứ tự do khác, vẫn phải tự mình giành lấy, pháp luật cho phép và "Hiến pháp" bảo đảm chưa đủ. Mọi người phải coi tự do ngôn luận là cái quý báu nhất, tranh thủ mọi lúc mọi nơi cố giành lấy, cố giữ lấy…"

Hồ Thích còn nói chúng ta bây giờ chống "chính trị chuyên chế" của Đảng cộng sản phải dựa vào "Hiến pháp dân chủ" chứ không thể "theo cách của Cộng sản để chống Cộng sản". Sau này Lôi Chấn nhớ lại: "Tưởng Kinh Quốc sở dĩ căm giận Hồ Thích, mọi người đều nói chính vì câu này."

Cái gọi là "theo cách của Cộng sản để chống Cộng sản" chủ yếu nhằm vào chính quyền Đài Loan tổ chức chính trị trong quân đội và "Đoàn Thanh niên Cứu quốc". Tháng 1 năm 1951, Lôi Chấn được sự ủy nhiệm của phái có liên quan đến Hồng Kông gặp các nhân sĩ yêu nước như Tả Thuấn Sinh, Lý Hoàng, Lôi, Tả, Lý gặp nhau, nghị luận về cục diện chính trị Đài Loan tổng hợp lại thành sáu điểm. Lôi Chấn đem về trình Ủy ban Cải tạo Trung ương Quốc dân đảng. Trong sáu điểm này chủ yếu nhất lên án Quốc dân đảng khôi phục công tác chính trị trong quân đội, tổ chức Đảng trong quân đội là bắt chước Liên Xô, trực tiếp vi phạm "Hiến pháp" Điều 138: "Hải, lục, không quân toàn quốc phải vượt khỏi quan hệ cá nhân, khu vực và đảng phái, tận trung với nước, yêu mến và bảo vệ nhân dân"; và Điều 139: "Bất kỳ đảng phái và cá nhân nào cũng không được lấy lực lượng vũ trang làm công cụ chính trị". Ngày 29 tháng 3, trong năm Tưởng Kinh Quốc ngẫu nhiên gặp Lôi Chấn, nổi giận đùng đùng, chỉ trích ông phản đối chính trị trong quân đội là đi cùng đường với Cộng sản. Tháng 6, khi Tưởng Giới Thạch chủ trì Hội nghị thành lập Đảng bộ Không quân, cũng chỉ trích những người phản đối chính trị quân đội là "không hiểu đại cục, không biết điều chủ yếu trong chiến lược chống Cộng phục quốc".

Tháng 4 năm 1953, Ban biên tập Trung Quốc tự do xuất bản cuốn Tương lai Viện Giám sát của Lôi Chấn, trong đó chỉ trích Quốc dân đảng lấy Đảng ca làm Quốc ca là một cách làm rất không thông minh, vì các nhân sĩ thuộc các đảng khác sẽ không hát câu "Tôn chỉ Đảng ta". Đảng ta ở đây rõ ràng là Quốc dân đảng, chẳng lẽ lại bắt các Đảng viên khác khi hát quốc ca, lại phải thay đổi đảng tịch, điều đó thật là xúc phạm. Mỗi lần hát Quốc ca thường thấy nhân sĩ các đảng khác nín thở ngậm miệng đứng ngây như phỗng.

Bài viết đó chửi Quốc dân đảng: "Đối với ngôn luận và hành động của người khác, không chịu tra xét tường tận, chụp liều cho người ta chiếc mũ tội phạm, không cần biết có vừa hay không, không, xem có hợp lý không như 'phong kiến', 'phản động', 'phản cách mạng', 'cường hào ác bá' và 'tổ chức nhóm'. Gần đây lại xuất hiện món hàng mới rất mốt là mũ thế lực 'đệ tam, đệ tứ' hoặc 'đệ mấy…' bay loạn, tứ tung."

Bài viết này cho rằng: "Thời kỳ Quốc dân đảng liên Nga dung Cộng", bất kể là về mặt tư tưởng hoặc hành động đều nhiễm thói xấu "kiểu Cộng sản", từ vựng chính trị của Quốc dân đảng phần lớn đều bắt chước "kiểu Cộng sản". Kết luận là "chống Nga, chống Cộng cần phải quét sạch nọc độc tư tưởng kiểu Cộng sản".

Trung Quốc tự do cũng thường xuyên phê phán Đảng hóa giáo dục và "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" của Tưởng Kinh Quốc. Tháng 12 năm 1954, báo này đăng loạt bài Cấp cứu nguy cơ giáo dục của Dư Yến Nhân. Mục tiêu chỉ trích là Đảng hóa giáo dục của Quốc dân đảng và "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" của Tưởng Kinh Quốc. Bài viết chỉ rõ: "Bài vở của học sinh không đến nỗi nặng nề phức tạp, nhưng phải đọc các cuốn sách Tam dân chủ nghĩa, Di huấn của Thủ tướng, Lời dạy của Tổng tài và các sách khác do "Đoàn Cứu quốc" phân phát về "Chính trị đại khoá" thật quá nặng nề phức tạp. Ngoài ra, từ ngày thành lập Đoàn, các hoạt động ngoại khoá,

nào là họp phân đội, luyện quân sự, thăm hỏi bộ đội, quyên góp, diễu hành... chỉ thấy tăng không thấy giảm, làm mất thì giờ của học sinh, lãng phí tinh lực của họ, là nguyên nhân tăng thêm gánh nặng cho học sinh". Bài viết kêu gọi những người có trách nhiệm đối với ngành giáo dục và "Đoàn Cứu quốc" không được giả danh là giáo dục mà thực hiện Đảng hóa và hô khẩu hiệu: "Hãy cứu lấy nguy cơ giáo dục".

Bài văn sau khi đăng báo, Tưởng Giới Thạch rất tức giận, ra lệnh khai trừ Đảng tịch của Lôi Chấn. Người phụ trách công tác Đảng là Đường Tung báo cáo với Tưởng Giới Thạch là khi "cải tạo" Lôi Chấn không đăng ký đã tự động ra khỏi Đảng. Tưởng Giới Thạch nói: "Không có Đảng tịch cũng khai trừ". Kết quả là Quốc dân đảng tuyên bố từ ngày 28 tháng 12 năm 1954 xóa tên Lôi Chấn để cảnh báo.

Nửa năm sau, ở Đài Bắc có vụ "Tôn Nguyên Cẩm tự sát". Tôn là Giám đốc Nghiệp vụ của Xưởng nhung Đài Loan kiêm Quyền Giám đốc Xưởng, vì không chịu đựng nổi sự khủng bố đe dọa của Lý Cơ Quang, Tổ trưởng Tổ Kinh tế Đài bắc thuộc "Bộ Tư lệnh Bảo an" vu cho tội "thông đồng với Cộng sản" nên đã phải tự sát. Sau sự kiện này, giới công thương Đài Loan bàn tán xôn xao, lời đồn về cái chết đó vang khắp thành phố, "Bộ Tư lệnh Bảo an" tìm mọi cách bịt đi sự thật làm cho mọi người tưởng rằng Tôn tự sát vì chuyện khác.

Ngày 16 tháng 9 năm 1955, Quyển 10 kỳ 6 Trung Quốc tự do đăng thư tuyệt mệnh của Tôn Nguyên Cẩm, đưa sự thật về cái chết của Tôn ra ánh sáng. Đồng thời đăng bài của Vương Đại Quân Từ cái chết của Tôn Nguyên Cẩm suy nghĩ về một số vấn đề và xã luận của Ban biên tập Trung Quốc tự do. Hai bài này yêu cầu chính quyền Đài Loan: (1) Đối với tài sản riêng của những người từ Đại Lục hoặc hải ngoại đến Đài Loan chỉ cần hiện nay không phải dùng để thông đồng với Cộng sản không nên truy cứu quan hệ cũ; (2) Nghiêm khắc hạn chế chức quyền của cơ quan Quân pháp; (3) Hủy bỏ chế độ thưởng tiền đối với cơ quan bảo an và cơ quan thuế, đề phòng nhân viên của họ lợi dụng làm điều ác; (4) Nâng cao thu nhập hợp lý của nhân viên cơ quan bảo an, đề phòng họ vì cuộc sống thúc ép mà càng biết luật, càng phạm luật.

Những bài báo này chẳng khác gì tát vào mặt bọn đặc vụ giữa công chúng, nên cơ quan bảo an rất sợ. Chỉ mấy giờ sau khi phát hành, "Bộ Tư lệnh Bảo an" đã cho cảnh sát đi thông báo các cửa hiệu sách báo không được bán số báo Trung Quốc tự do kỳ này. Cùng ngày, đặc vụ đề nghị Hồng Lan Hữu là nguyên lão phái tự do, cộng sự lâu năm với Lôi Chấn trong "Quốc hội", khuyên Lôi Chấn rút bỏ mấy bài này, bị Lôi Chấn từ chối. Hôm sau, "Chủ nhiệm Chính trị Bộ Tư lệnh Bảo an" là Vương Siêu Phàm đích thân đến Ban biên tập Trung Quốc tự do xin thu hồi và ra số báo khác, họ xin chịu mọi phí tổn. Lôi Chấn vẫn không chịu. Vương Siêu Phàm nói rằng mấy bài này nếu đăng ra từ nay về sau bộ máy bảo an sẽ không còn mặt mũi nào để làm việc. Cuối cùng, Lôi Chấn bắt buộc phải thu hồi những số báo đã phát hành để rút bỏ mấy bài đó rồi mới phát hành tiếp. Theo hồi ký của Lôi Chấn, khi đó Vương Siêu Phàm quên cả mình là Trung tướng, quỳ xuống lạy xin. Đây chỉ là lời của Lôi Chấn, có thực như vậy không thì không ai biết được.

Tuy báo đã được thu hồi nhưng ảnh hưởng của nó đã truyền lan. Cả "Viện Lập pháp" và "Viện Giám sát" đều hỏi về vụ Tôn Nguyên Cẩm. Tưởng Giới Thạch tức quá ra lệnh bắt Lý Cơ Quang để yên lòng dân. Vì vậy, đặc vụ rất căm thù Lôi Chấn và tờ Trung Quốc tự do.

Ngoài Trung Quốc tự do, báo Tự lập buổi chiều của Lý Ngọc Gia và Ngô Tam Liên, Công luận báo của Lý Vạn Cư, báo Dân chủ triều của Hạ Đào Thanh thuộc Đảng Thanh niên cũng thường xuyên lên án bọn đặc vụ bắt bớ bừa bãi, coi thường sinh mệnh người khác. Để giành tự do ngôn luận, các báo này đều không ngừng kêu gào.

Trong "Nghị viện tỉnh" thường xuyên bị chất vấn bởi "Ngũ hổ tướng" do giới báo chí đặt cho Lý Vạn Cư, Ngô Tam Liên, Quách Vũ Tân, Quách Quốc Cơ, Lý Nguyên Sạn. Họ luôn vạch trần những hành vi hủ bại của các quan chức, yêu cầu bảo đảm tự do ngôn luận, bảo đảm nhân quyền và vạch trần những chuyện gian lận trong tuyển cử. Những chất vấn này đều được đăng

trên Công luận báo và được các phóng viên Mỹ đưa tin ra nước ngoài, khiến Quốc dân đảng rất khó chịu.

III. "CHUYÊN ĐỀ CHÚC THỌ" VÀ SỰ KIỆN "PHẢN CÔNG VÔ VỌNG LUẬN"

Tháng 10 năm 1956, Tưởng Giới Thạch chuẩn bị lễ mừng sinh nhật lần thứ 70. Các ngành, các ban quan trọng quen nịnh bợ bận tíu tít vào việc chuẩn bị lễ mừng thọ để vui lòng nhà độc tài.

Ai ngờ, Tưởng Giới Thạch bỗng nảy ra ý lạ, muốn bắt chước các bậc đế vương làm một cú "Hiến ngôn chúc thọ". Ông ra lệnh các cơ quan không được có bất kỳ hoạt động chúc thọ gì, hãy đề xuất những ý kiến quý báu, đó là lễ vật mừng thọ tốt nhất. Mệnh lệnh kêu gọi: "Rất mong các báo, tạp chí thu thập ý kiến thẳng thắn của đồng bào trong và ngoài nước, quán triệt chính sách chống Nga, chống Cộng của quốc gia đóng góp những ý kiến cụ thể mà Nội chính phải làm để cải cách."

Đây là lần đầu tiên Tưởng Giới Thạch phá lệ, muốn lắng nghe ý kiến của đồng bào trong, ngoài nước. Trung Quốc tự do tất nhiên không bỏ lỡ dịp may. Họ ngày đêm biên tập cho ra một tập Chuyên đề chúc thọ gồm một bài xã luận và 15 bài viết, cố cho kịp xuất bản vào ngày sinh nhật của Tưởng Giới Thạch, 30 tháng 10 năm 1956.

Bài xã luận mong muốn ba điều đối với Tưởng Giới Thạch: (1) Mong ông cũng giống như vị Tổng thống đầu tiên của Mỹ, Tổng thống Washington kiên quyết từ chối nhiệm kỳ Tổng thống lần thứ ba. Tưởng Giới Thạch cũng đã đến lúc chọn nhân tài kế nhiệm; (2) Xác định chế độ, trách nhiệm Nội các để Nguyên thủ quốc gia chỉ là nguyên thủ hư vị; (3) Thực hiện quốc gia hóa quân đội, hủy bỏ Đảng bộ Quốc dân đảng trong quân đội.

Mười bài viết đều do các nhân sĩ nổi tiếng chia nhau viết như Hồ Thích, Lôi Chấn, Từ Phục Quang, Mao Tử Thuỷ, Đào Bách Xuyên, Tưởng Văn Điền, Trần Khải Thiên. Mỗi bài nhằm một chủ đề, đề xuất những cải tiến, ngữ khí tương đối mềm mỏng. Nhưng, bài đầu do Hồ Thích soạn là Hai câu chuyện của Tổng thống Eisenhower mừng thọ Tưởng Tổng thống khiến Tưởng càng đọc càng nổi cáu.

"Hai câu chuyện" của Hồ Thích, một là kể khi Eisenhower làm Hiệu trưởng Đại học Columbia thừa nhận ông không có kiến thức chuyên môn, xin các trưởng bộ môn trong trường toàn quyền phụ trách. Câu chuyện thứ hai là khi Eisenhower làm Tổng thống, có một việc không thể quyết đoán, thư ký đưa trình hai phương án, một khẳng định, một phủ định. Eisenhower dứt khoát ký cả hai, rồi bảo thư ký đưa cho Phó Tổng thống Nixon "thay tôi chọn lấy một". Kể xong hai chuyện này, Hồ Thích khuyên Tưởng Giới Thạch hãy học tập Eisenhower "lấy sức mọi người làm xe, lấy trí mọi người làm ngựa". Hồ Thích viết: Chế độ "Tổng thống" trong "Hiến pháp" của chúng ta là chế độ "Tổng thống" không có thực quyền. Tưởng tiên sinh còn nhiệm kỳ gần bốn năm, chẳng lẽ không bắt đầu từ bây giờ hãy thử sáu chữ, như các triết gia cổ đại nói "vô trí, vô năng, vô vi" (không biết, không thạo, không làm), cố gắng làm một vị nguyên thủ không biết, nhưng có thể dùng cái biết của mọi người. Không thạo, không làm nhưng có thể dùng cái sức của mọi người?

Điểm mấu chốt của hai bài viết trên đây là do đại diện các "phần tử tự do", lần đầu tiên công khai nhắc Tưởng Giới Thạch vấn đề nhiệm kỳ, tức là vấn đề về vườn. Đồng thời nhắc Tưởng vấn đề "vô tri, vô năng, vô vi" trong khi còn đương chức. Về pháp lý điều này có nghĩa là muốn Tưởng Giới Thạch giống như Nữ hoàng Anh, là một nguyên thủ hư vị. Đồng thời cũng nhắn khéo Tưởng Giới Thạch chỉ là một kẻ vô trí, vô năng.

Xem tập Chuyên đề chúc thọ, Tưởng Giới Thạch mới rõ là không thể đóng vai trò dân chủ được, từ đó về sau không bao giờ còn dám chơi cái trò "trưng cầu ý kiến" nữa.

Sau khi Chuyên đề chúc thọ xuất bản, phát hành trong toàn Đảo, chỉ mấy tháng mà tái bản đến 11 lần. Quốc dân đảng thẹn quá hóa giận, ra lệnh từ đó trở đi tờ Trung ương nhật báo không

được quảng cáo cho Trung Quốc tự do nữa.

Đầu tháng 12, sau khi xuất bản Chuyên đề chúc thọ một tháng mấy ngày, Quốc dân đảng phản kích, lấy danh nghĩa "Tổng bộ Chính trị Bộ Quốc phòng" ra chỉ thị tuyệt mật yêu cầu "Tổng công kích tư tưởng độc hại" không bao lâu sau, đưa ra tập sách cùng tên dài 61 trang, kể ra sự nguy hiểm của các tư tưởng độc hại, nguyên nhân và cách phê phán. Quyển sách này của "Chu Quốc Quang" nghe nói là bí danh của Tưởng Kinh Quốc khi làm Chủ nhiệm "Tổng Bộ Chính trị".

Hai văn kiện này nêu ra: "Gần đây một số báo chí lợi dụng dịp chúc thọ Tổng thống để phê bình và công kích một cách độc ác đối với Lãnh tụ, dụng ý của họ rất rõ, đằng sau liệu có bàn tay của địch không, còn chưa biết." "Muốn Tổng tài làm một Nguyên thủ quốc gia vô trí, vô năng, vô vi… trong đó có nhiều âm mưu chính trị, mục đích muốn Tổng tài ít coi sóc công việc, giảm sức lãnh đạo của Người đối với Đảng, Quân, Chính làm cho Nhà nước không được củng cố, có lợi cho sự phát triển âm mưu của họ, phá hoại sự nghiệp chống Nga, chống Cộng. Đó là âm mưu cay độc của người phê bình, chúng ta cần chú ý đề phòng."

Lại nói: "Kẻ địch trên mặt trận tư tưởng không chỉ có một" các luận điệu phản Đảng, phản quốc của Ngô Quốc Trinh là một kẻ trong đó. "Tư tưởng độc hại mà bọn tự do cá nhân chủ nghĩa gieo rắc cũng là một kẻ thù tư tưởng của chúng ta." "Cái gọi là đòi tự do ngôn luận đối với Chính phủ của một học giả nổi tiếng (chỉ Hồ Thích) và sự kiện phản quốc của Ngô Quốc Trinh (xảy ra sau đó) Đảng cho rằng đó là vấn đề lớn trên lĩnh vực tư tưởng, vì thế phải kịp thời lãnh đạo các đồng chí, phát động tư tưởng mọi người công kích không kiêng nể." Phương pháp công kích là chất vấn Hồ Thích: "Ông chủ trương nhân dân đòi Chính phủ quyền tự do, là có ý gì? Có phải mục đích tạo ra sự đối lập giữa nhân dân và Chính phủ không, có phải là chính sách phá hoại đoàn kết, gây chia rẽ để làm yếu lực lượng Chính phủ, làm tiền phong cho Cộng sản không?"

Tập sách Tổng công kích tư tưởng độc hại phê phán tường tận ba chủ trương của những người tự do, tức là tự do ngôn luận phản đối Đảng hóa quân đội, phản đối Đảng hóa giáo dục. Những phê phán này tuy nhiều lời nhưng hoặc là lời thắng lý hoặc là kể lể dài dòng, không đáng trích dẫn.

Cuối cùng, hai văn kiện này yêu cầu các tổ chức Đảng cần nhận rõ "nguồn phát sinh tư tưởng địch và âm mưu chính trị cay độc" cần "lấy tư tưởng trị tư tưởng" cần "tấn công trước", cần "phân biệt đối tượng, nhằm trúng chỗ hiểm, tìm ra điểm yếu". Các tổ chức "cần có kế hoạch phát động các đồng chí có tư tưởng đúng, lòng tin kiên định, có tài ăn nói, có khả năng hội họa, miệng nói tay viết, một mặt dùng phương thức độc giả viết bài trực tiếp gửi đến các báo và các báo nghiêm chỉnh phản kích. Một mặt có kế hoạch tuyên truyền miệng, vận động ngầm, khiến các báo của họ có ấn tượng xấu trong tâm lý mọi người, không tin vào luận điệu của họ, tiến tới phản đối luận điệu của họ."

Đối với luận chiến những vấn đề quan trọng, còn nêu ra những quy định cụ thể: "Nhất định phải có lãnh đạo, có chi viện, trong Đảng có động viên tư tưởng quy mô lớn, rồi định kế hoạch bước đi, bố trí người ra trận, công kích không thiên lệch về bên nào, phải có thế áp đảo, bao vây tiêu diệt kẻ địch từ mọi phía." và "Tạm thời không công kích cá nhân và tờ báo cụ thể, chỉ công kích tư tưởng độc hại."

Nhưng, vì các báo do Quốc dân đảng nắm đưa ra ồ ạt những bài đao to búa lớn phê bình "tư tưởng độc hại" trong đó có rất ít lý lẽ đúng, chẳng qua chỉ là chụp những chiếc mũ lớn, không những không được ủng hộ, ngược lại, càng mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tự do.

Nhân dịp Tưởng Giới Thạch trưng cầu ý kiến, "phần tử tự do" ở Hồng Kông là Chử Định Dân vội viết một cuốn sách Con đường giải quyết vấn đề Trung Quốc. Ý kiến của ông còn tiến bộ hơn Hồ Thích, Hồ Thích chỉ yêu cầu Tưởng "vô trí, vô năng, vô vi", Chử Định Dân còn trực tiếp yêu cầu Tưởng về vườn. Ông viết: "Chỉ cần Hồ Thích đứng cao mà hô yêu cầu Tưởng về hưu, Hoa kiều hải ngoại sẽ hăng hái hưởng ứng; đồng bào và ba quân được bên ngoài khích lệ, nhất định

sẽ biểu thị thái độ; các bạn Mỹ cũng sẽ nhất trí đối với nhân dân Trung Quốc đòi Tưởng Giới Thạch về hưu, thế lực tất sẽ đáng kể. Khi đó chỉ cần ngầm báo, Tưởng Giới Thạch chịu sức ép trong nước và quốc tế thấy tình hình không ổn, chắc chắn sẽ tự động về hưu." Cuốn sách còn đề xuất một phương án cải cách, giao quân đội Đài Loan cho Liên Hợp Quốc, trở thành một bộ phận của cảnh sát quốc tế, giải tán "Quốc hội", triệt để cải tổ Chính phủ, Hồ Thích làm "Tổng thống", Tưởng Đình Phất làm "Viện trưởng Hành chính", Ngô Quốc Trinh làm "Bộ trưởng Ngoại giao", Tôn Lập Nhân làm "Tổng Tham mưu trưởng", Dư Đại Duy làm "Bộ trưởng Quốc phòng". Tổ chức các cấp của Chính phủ mới theo nguyên tắc tam tam chế: Quan chức cũ lưu dùng 1/3, nhân dân Đài Loan tuyển chọn 1/3 người hiền tài ngoài xã hội và Hoa kiều hải ngoại chọn 1/3.

Cuốn sách này của Chử Định Dân ra đời ở Hồng Kông tháng 1 năm 1957 dưới bút danh là Y Tước. Ý kiến của ông tuy chỉ là quan điểm cá nhân, nhưng cũng lộ ra ý đồ của phe chống đối, muốn đưa Hồ Thích lên thay Tưởng Giới Thạch và tâm lý đòi cải tổ bộ máy chính quyền Đài Loan.

Tháng 6, Trung Quốc tự do đăng xã luận đề xuất: "Ngày nay người thích hợp nhất ở chức Viện trưởng Hành chính của chúng ta là Tưởng Đình Phất, đây là cách nghĩ của nhiều người ở đây và Hoa kiều chống Cộng trung thành với Chính phủ ta." Đồng thời, xã luận còn yêu cầu Quốc dân đảng xuống đứng ngang địa vị của các chính đảng khác. "Chính thể" tất phải là "chế độ nội các trách nhiệm". Nếu Tưởng Đình Phất làm "Viện trưởng Hành chính", sẽ không có ai giật giây ông được. Rõ ràng chủ trương này trùng hợp với chủ trương của Chử Định Dân.

Từ tháng 8 năm 1957 đến tháng 2 năm 1958, Trung Quốc tự do liên tục phát triển 15 bài xã luận lấy tiêu đề chung là "Vấn đề ngày nay", nghị luận về các vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự, tư pháp, giáo dục, tự do ngôn luận, cấm đảng… thực tế là một cuốn sách tuyên truyền chính trị cải cách toàn diện.

Trong 15 bài xã luận, có 14 bài nhắc lại các chủ trương nhất quán trước đây, nhưng đưa ra một cách có hệ thống, khiến mọi người có cảm giác mới mẻ, nhất là từ ngữ dùng rõ ràng là mạnh mẽ hơn. Chẳng hạn bài Vấn đề Đoàn thanh niên chống Cộng cứu quốc đăng tháng 1 năm 1958 cay đắng chỉ ra rằng: "Đoàn thanh niên chống Cộng cứu quốc chẳng qua chỉ là phái mới trong Đảng, lợi dụng chiêu bài của Quốc dân đảng, công khai làm công tác gây vốn chính trị tư nhân mà thôi." Và chửi Đoàn này: "Lạm dụng những từ đẹp đẽ và khẩu hiệu êm tai để lừa bịp thanh niên, làm cho thanh niên mê muội, tiến tới hy sinh thanh niên, khiến quyền lợi địa vị của mình được xây dựng trên xương máu của thanh niên." Với những lời lẽ sắc nhọn như vậy, dám xuất hiện trước sự hoành hành của đặc vụ Đài Loan kể cũng là một "kỳ tích".

Đáng chú ý là bài đầu tiên trong 15 bài xã luận Vấn đề phản công Đại Lục Đây là vấn đề thuộc vùng cấm địa, trước đó chưa ai dám nhắc đến, lần này Trung Quốc tự do dám đột phá khu cấm, thật như một trái bom, vì thế gây được sự chú ý quan tâm rộng rãi.

Xã luận Vấn đề phản công Đại Lục lúc đầu có quan điểm giống với Quốc dân đảng, nhưng tiếp theo nêu rõ "người ta không thể sống trong nguyện vọng", mà phải nhìn thẳng vào sự thật, phân tích trên các mặt tình hình quốc tế và điều kiện tất yếu của chiến tranh hiện đại, "khả năng phản công Đại Lục trong thời gian trước mắt là không lớn lắm". Vì vậy "Chính phủ" nên "bồi dưỡng tâm lý lâu dài" và "ngừng gây căng thẳng tinh thần", phải chọn nguyên tắc "Thực sự cầu thị, tiến dần từng bước, chống Cộng thật sự".

Xã luận này vừa ra, Quốc dân đảng lập tức phản kích. Ngày 7 tháng 8, Trung ương nhật báo đăng bài phê phán, chửi Trung Quốc tự do gieo rắc "thuyết phản công vô vọng luận" là muốn "lật đổ Trung Hoa Dân Quốc", nói thay luận điệu "hai nước Trung Quốc". Ngày 16 tháng 8, nhật báo lại đăng xã luận Phải chú ý âm mưu quốc tế nói rằng gieo rắc "thuyết phản công vô vọng" là muốn triệt để tước vũ khí của Đài Loan, là mở đường cho một số người muốn thực hiện "hai nước Trung Quốc".

Bản thân Lôi Chấn đã nhiều lần nói rõ, chủ trương của ông là "hai nước Trung Quốc". Đây là lập trường thân Mỹ nhất quán của ông. Khi đó Trung Quốc tự do dám xông vào khu cấm này, cũng xác nhận là do có Mỹ giúp đỡ đằng sau. Cho nên, Quốc dân đảng nêu lên mấy tội đó thực cũng không oan.

Chẳng qua chủ trương "trung lập hóa Đài Loan" của Mỹ ngăn Quốc dân đảng "Phản công Đại Lục" là sợ phải thay đổi lớn đối với chiến lược toàn cầu của Mỹ, cuốn Mỹ vào cuộc chiến trực tiếp với Liên Xô và Trung Quốc. Còn dụng tâm của nhóm Lôi Chấn là muốn bắt đầu từ "Phản công Đại Lục" để thảo luận toàn bộ vấn đề thể chế giới nghiêm của Đài Loan. Họ phát động cuộc tấn công bằng dư luận lần này, bằng 15 bài xã luận "Vấn đề ngày nay", không phải chỉ nói "Vấn đề phản công Đại Lục", ngay cả khi nói về vấn đề này, cũng không chỉ chứng minh "thuyết phản công vô vọng" mà thảo luận sâu rộng về ảo tưởng "lập tức trở lại Đại Lục", thực tế là vạch trần căn cứ tâm lý thể chế giới nghiêm của Đài Loan, hoặc bộ mặt "khủng hoảng Hiến pháp" của Quốc dân đảng.

Vấn đề phản công Đại Lục nêu rõ: Quốc dân đảng gây nên ảo tưởng "lập tức trở lại Đại Lục" khiến mọi người có tinh thần "tạm thời chịu khổ" và "tạm thời nhân nhượng". Chính quyền lợi dụng tinh thần đó để muốn làm gì thì làm, thực hiện các biện pháp chà đạp lên tự do nhân quyền, kết quả là "Phản công Đại Lục" chẳng thấy đâu, chỉ thấy nhân dân Đài Loan đã mất đi rất nhiều quyền lợi dân chủ.

Đồng thời ảo tưởng "lập tức trở lại Đại Lục" để cho mọi biện pháp của phía nhà nước đều chỉ có tính chất quá độ. Nhà nước muốn thông qua được thông qua, còn dân chúng tập thành thói quen hai mặt, mặt công khai trước mọi người thì miệng nói "phản công" "ủng hộ" "cách mạng" mặt riêng tư thì ấm ức, thất vọng và bàng hoàng.

Như đã nói trên, chế độ giới nghiêm Đảng Quốc xây dựng ở Đài Loan là cái chụp "thời chiến", "thời kỳ rối ren" để thực hiện "Điều khoản lâm thời", "tạm cho Hiến pháp vào tủ lạnh". Vấn đề phản công Đại Lục tuy không nói rõ ra những điều đó, nhưng họ chứng minh "phản công là vô vọng", vì thế cần "ngừng gây căng thẳng tinh thần", chuyển "thời kỳ không bình thường thành thời kỳ bình thường" có nghĩa là phủ định lợi dụng các "Điều khoản lâm thời", mượn cớ thời chiến và rối ren để chính quyền áp dụng thể chế giới nghiêm.

Tóm lại, mấu chốt của Vấn đề phản công Đại Lục không phải đối ngoại mà là đối nội, không phải ở bản thân vấn đề phản công mà là đòi hủy bỏ "Điều khoản lâm thời" để thực hiện "Hiến pháp". 14 bài xã luận tiếp theo, nêu một cách cụ thể muốn thực hiện "Hiến pháp" trước hết phải làm những việc gì.

Đối với Quốc dân đảng, vấn đề thể chế chính quyền là điểm cấm trong khu cấm địa, căn bản không cho phép ai đụng vào. Để chuyển sự chú ý của mọi người, Quốc dân đảng tập trung hỏa lực vào vấn đề phản công "vô vọng hay hữu vọng". Tóm được cái gáy "hai nước Trung Quốc" của Lôi Chấn họ làm ầm lên, lờ hẳn đi vấn đề tâm lý giới nghiêm và các luận điểm khác của 14 bài xã luận. Họ ngầm để dành đấy, đợi sau này tính sổ.

Vì Quốc dân đảng chọn chiến thuật phê phán đó, cũng vì bản thân vấn đề "Phản công Đại Lục" có tính trội, khiến mọi người chú ý nhiều, khiến Trung Quốc tự do muốn phát động dư luận đòi cải cách toàn diện nay đơn giản đi đến mức chỉ còn là sự kiện của "thuyết phản công vô vọng".

Tuy nhiên, bất kể khi đó có bao nhiêu người hiểu được thâm ý trong 15 bài xã luận của Trung Quốc tự do, bất kể có người tán thành có người phản đối, đều phải thừa nhận Trung Quốc tự do đã bước một bước đầu tiên đem kiểm nghiệm "Quốc sách cơ bản" trước thực tế, đem các điều cấm kỵ ra thảo luận công khai.

Trước năm 1955, mũi nhọn phê phán của các "phần tử tự do" tập trung vào các vấn đề cụ thể như các vụ đặc vụ chà đạp nhân quyền, chính trị trong quân đội, Đoàn thanh niên chống Cộng cứu quốc, tự do ngôn luận… Nhưng từ sau khi Chuyên đề chúc thọ và "thuyết phản công vô

vọng" bắt đầu đụng chạm đến địa vị "lãnh tụ" của Tưởng Giới Thạch, thể chế giới nghiêm, phản công Đại Lục, điều đó chứng tỏ mức độ đề cập đến chính trị của "phần tử tự do" đã nâng lên một bước.

IV. GÂY MẦM ĐỘT PHÁ "CẤM ĐẢNG" VÀ BỊ ĐÀN ÁP

Đồng thời với hàng loạt cuộc đấu tranh kể trên, các "phần tử tự do" trước sau vẫn nhằm mục tiêu cơ bản là tổ chức đảng đối lập.

Vốn tin tưởng sự văn minh của thể chế chính trị ở các nước Âu, Mỹ và lý luận dân chủ của phương Tây, các "phần tử tự do" vẫn cho rằng "chế độ hai đảng" là đặc trưng cơ bản của Hiến pháp dân chủ. Vận dụng cụ thể vào Đài Loan, tổ chức đảng đối lập càng là con đường duy nhất để phá thế chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng.

Ngay từ cuối năm 1949, Hồ Thích, Lôi Chấn, Tưởng Đình Phất… đã chuẩn bị thành lập đảng mới. Hồ Thích đặt tên là "Đảng Tự do Trung Quốc". Quyển 1, kỳ 1 và kỳ 2 của Trung Quốc tự do xuất bản tháng 1 năm 1950 đã đăng liên tục Dự thảo cương lĩnh tổ chức Đảng Tự do Trung Quốc. Sau vì Hồ Thích và Tưởng Đình Phất đều chạy sang Mỹ, việc đó phải gác lại.

Năm 1952 Hồ Thích trở về Đài Loan, trong một lần nói chuyện với Tưởng Giới Thạch, ông đã nhắc đến chuyện muốn cùng Tưởng Đình Phất lập "Đảng Tự do Trung Quốc". Tưởng nói: "Xin hãy bảo Đình Phất không phải lập đảng làm gì, hãy về với Quốc dân đảng đi."

Hồ Thích xưa nay vẫn đề xuất phương pháp triết học "mạnh dạn giả thiết, cẩn thận chứng minh", là người nổi tiếng về "ngờ cái chỗ không ngờ". Nghe Tưởng Giới Thạch trả lời, ông ngẫm nghĩ cẩn thận hai chữ "hãy về" nghi rằng Tưởng Đình Phất trước kia vốn đã là Đảng viên Quốc dân đảng, vì thế không còn hứng thú lập đảng nữa, chuyện đó gác lại.

Hồ Thích rất kính phục "Quốc phụ" Thổ Nhĩ Kỳ là Mustafa Kemal Atatürk. Kemal lãnh đạo Quốc dân đảng của ông giành độc lập cho Thổ Nhĩ Kỳ. Đến cuối đời, Kemal chia Đảng ra làm hai, một vẫn gọi là Quốc dân đảng, một gọi là Đảng Dân chủ, đặt cơ sở cho hai chính đảng của Thổ Nhĩ Kỳ. Sau khi Kemal mất, chế độ hai đảng đã được xác lập, khiến Thổ Nhĩ Kỳ phát triển thuận lợi thành một nước dân chủ tư sản. Năm 1954, Hồ Thích đề nghị Tưởng Giới Thạch làm theo Kemal, chia Quốc dân đảng ra làm hai đảng, tạo cơ sở cho chế độ chính trị hai đảng. Tưởng Giới Thạch sẽ ở ngoài Đảng, lấy uy tín cá nhân giúp đỡ "Chính phủ". Đề nghị này tất nhiên Tưởng không đời nào nghe theo. Sau này, theo Trung Quốc tự do tiết lộ, khi đó phần tử trí thức trong Quốc dân đảng tiếp thu tư tưởng tự do dân chủ, thực ra cũng động lòng, chí ít biện pháp này cũng đáng xem xét. Sở dĩ có ít người hưởng ứng, vì các "phần tử tự do" trong Đảng cho rằng chỉ cần cải cách trong nội bộ Đảng sẽ giảm được va chạm và chấn động.

Khi Tưởng Giới Thạch từ chối đề nghị của Hồ Thích, trước đó đã từng tỏ ý muốn hai Đảng Thanh niên và Xã hội Dân chủ hợp nhất thành một đảng đối lập mạnh. Ngày 26 tháng 3 năm 1954, Tưởng Giới Thạch nói với Tưởng Vân Điền của Đảng Xã hội Dân chủ và Tả Thuấn Sinh của Đảng Thanh niên: "Tôi lấy tình bạn đề nghị với hai quý Đảng thảo luận hợp nhất làm một Đảng đối lập mạnh." Tưởng Vân Điền tỏ ý "sẽ hết sức cố gắng", Tả Thuấn Sinh nghe nói chỉ cười không trả lời.

Khi đó Đảng Thanh niên đã chia rẽ, Tả Thuấn Sinh về Đài Loan, lập tức hòa giải hai phái Trần Khởi Thiêm và phái Hạ Đào Thanh. Sự việc sắp thành, thấy Tưởng nói vậy, người của hai phái đều muốn phái mình chiếm ưu thế để hòng chiếm địa vị cao khi lập "đảng đối lập mạnh". Kết quả mâu thuẫn càng sâu sắc, việc hòa giải cứ chần chừ mãi không ký, Tả Thuấn Sinh chán bỏ về Hồng Kông.

Tưởng Vân Điền nghe lời Tưởng, nửa tháng sau dẫn "phái Tám Ủy viên Thường vụ" lập một Trung ương khác. Như vậy, Đảng Xã hội Dân chủ vốn vẫn thống nhất, đến lúc đó lại chia rẽ.

Hai Đảng Xã hội Dân chủ và Thanh niên phân rẽ thành năm bè bốn mảnh, dĩ nhiên không thể có điều kiện thành một "đảng đối lập mạnh". Thế là tấm séc Tưởng Giới Thạch chi ra cũng chẳng cần phải đổi thành tiền mặt nữa. Sự chia rẽ của hai Đảng dĩ nhiên do mâu thuẫn nội bộ, nhưng thủ đoạn chính trị "một trái đào giết ba dũng sĩ" của Tưởng thực là cao cường.

Ngày 1 tháng 4 năm 1957, Trung Quốc tự do đăng xã luận Đảng đối lập! Đảng đối lập! Đảng đối lập! lớn tiếng hô hào các nhân sĩ dân chủ tự do đứng lên lập đảng. Tháng 11, Công luận báo đăng xã luận do Lý Vạn Cư viết, chỉ trích Quốc dân đảng "đã ngự trị quá lâu rồi", "đã mất tín nhiệm đối với nhân dân", thổi phồng "Trung Quốc tự do bức thiết phải có một đảng đối lập để đương đầu với Quốc dân đảng".

Tháng 2 năm 1958, Trung Quốc tự do đăng xã luận "Vấn đề Quốc dân đảng" nêu rõ hai Đảng Thanh niên và Xã hội Dân chủ vội vội vàng vàng muốn chia sẻ với Đảng cầm quyền mà chẳng ăn thua gì, hô hào các phần tử trí thức đứng lên lập đảng để hoàn thành nhiệm vụ đối với đất nước. Đồng thời, chỉ ra rằng quan niệm "thời rối ren" phải tạm thời chịu sự chuyên chế một đảng của Quốc dân đảng là hoàn toàn sai lầm. Cần phải thành lập đảng đối lập để giám sát Đảng cầm quyền và buộc họ tiến hành những cải cách cần thiết. Đảng đối lập phải là một đảng trung thành, giúp Đảng cầm quyền trong chính sách chống Cộng để lật đổ sự thống trị tập quyền ở Đại Lục, coi đó là mục tiêu bất di bất dịch.

Ngày 28 tháng 5, Trung Quốc tự do triệu tập mít tinh, Hồ Thích nói chuyện. Ông nói ba điều: (1) Trước kia đã hy vọng Quốc dân đảng có thể chia thành hai đảng giống như Quốc dân đảng của Thổ Nhĩ Kỳ, để đặt nền tảng cho chính trị dân chủ. Nhưng cho đến nay, hy vọng đó không thành hiện thực. "Đời người có là bao", vì không đợi được mãi, tất phải chọn con đường khác; (2) Trước mắt tốt nhất là ngành giáo dục, thanh niên và trí thức đứng lên lập đảng đối lập. (3) Đảng đối lập này phải làm sao cho mọi người thấy không nguy hiểm, khiến cho Chính phủ và Quốc dân đảng không sợ hãi. Đảng mới không vội gì giành lấy chính quyền, thậm chí mười năm, hai mươi năm nằm ngoài chính quyền vẫn không ngại.

Khi Hồ Thích nói những điều này, chính là lúc "Viện Lập pháp" đang tranh cãi để thông qua Đề án sửa đổi Luật Xuất bản, cuối cùng bỏ phiếu. Tuy chưa hoàn chỉnh, các Ủy viên khai minh thuộc phái CC nhượng bộ chính quyền, cho nên Hồ Thích cảm thấy rõ phải lập đảng của các nhân sĩ ngoài Quốc dân đảng. Ngày 20 tháng 6, tức là ngày thông qua Đề án sửa đổi Luật Xuất bản, Trung Quốc tự do lại phát triển xã luận Tích cực triển khai phong trào Đảng mới, cho rằng qua việc tranh cãi về Đề án sửa đổi Luật Xuất bản chứng tỏ mâu thuẫn trong nội bộ Quốc dân đảng. "Các phần tử trí thức tự do dân chủ lâu nay đã cảm thấy sâu sắc rằng không thể thực hiện điều mong muốn của mình, chúng tôi tin rằng thay đổi quan điểm sẽ có thể thay đổi cơ hội cho phong trào đảng đối lập."

Xã luận nêu rõ thành lập đảng mới có hai cách. Một là từ Quốc dân đảng phân hóa thành đảng mới, như vậy mọi gánh nặng đều đổ lên vai những người tự do dân chủ trong Đảng, còn các nhân sĩ ngoài Đảng không phát huy được tác dụng. Cách khác là các phần tử trí thức ngoài Đảng đứng lên lập đảng. Cách này sẽ loại phái Khai minh ra ngoài. Cả hai cách đều có những thiếu sót, nên cần thành lập "một tổ chức liên hợp của những người trí thức có chung lý tưởng, khiến mọi người đều có thể phấn đấu cho lý tưởng đó". Nói cách khác, không những phái chống đối ngoài Đảng lập chính đảng mà còn lôi kéo cả những người tự do trong Quốc dân đảng.

Xã luận cuối cùng nói: "Từ khi Hồ tiên sinh kiến nghị lập đảng mới, báo chúng tôi đã cố gắng nhấn mạnh thêm, chúng tôi đã nhận được sự đồng tình, phần lớn đều hưởng ứng một cách công khai… Nhưng chúng tôi cũng phát hiện, sức đã đủ, điều kiện đã chín muồi, hiện nay chỉ còn quyết tâm. Báo chúng tôi muốn nhân dịp này kêu gọi các nhà trí thức có tư tưởng tự do dân chủ trong và ngoài nước và tin tưởng rằng chỉ cần có ai được mọi người tín nhiệm đứng ra gánh vác trách nhiệm lãnh đạo, Phong trào đảng mới có thể triển khai một cách tích cực."

Nhưng, sự việc không diễn ra đơn giản như Trung Quốc tự do tuyên truyền. Đúng như phân tích của ông Đỗ Hành Tri, một nhà trí thức ở Hồng Kông, muốn lập đảng đối lập sẽ vấp phải bốn vấn đề khó khăn: (1) Sự đả kích của Quốc dân đảng; (2) Sự thực không có mấy nhà trí thức "tự do" ở Đài Loan, 90% phần tử trí thức đều là Đảng viên Quốc dân đảng, họ phải tôn trọng kỷ luật Đảng, còn lại 10% thì đa số đều là viên chức của Chính phủ, ăn, mặc, ở đều do chính quyền cung cấp, ai dám liều với miếng ăn của họ; (3) Tổ chức chính đảng cần có những chuyên gia giỏi công tác tổ chức, chỉ dựa vào các nhà trí thức một cách đơn thuần, chắc chắn sẽ bị đặc vụ lọt vào, đến lúc cần thiết họ giở ngón ly gián, đảng sẽ tan ngay; (4) Tổ chức đảng cần có kinh phí, 99% các trí thức ngày nay đều nghèo rớt mồng tơi lấy đâu ra một khoản chi phí to lớn để trù bị.

Bốn điểm Đỗ Hành Tri kể trên đây, có thể nói là những khó khăn khách quan. Ngoài ra còn những trở ngại chủ quan. Trung Quốc tự dohy vọng có một vị "được mọi người tín nhiệm đứng ra gánh vác trách nhiệm lãnh đạo", nhưng thực ra làm gì có nhân vật đó. Trong thời gian này Lôi Chấn, Hạ Đào Thanh thường gặp Hồ Thích khuyên ông làm lãnh tụ đảng mới, Lôi Chấn sẽ làm Bí thư phụ trách công việc cụ thể. Hồ Thích nói ông đang là "Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung ương", không tiện làm chính trị. Ông khuyên Lôi Chấn đứng ra làm thống soái, ông sẽ xin làm một Đảng viên thường, khi triệu tập đại hội thành lập đảng, ông sẽ xin đi dự nói chuyện và biểu dương. Nhóm Lôi Chấn nói: "Sợ đảng chưa lập mà người đã ngồi tù rồi." Hồ Thích trả lời: "Quốc dân đảng đã vứt bỏ Đại Lục, nay cũng phải tiến bộ đôi chút chứ." Nhóm Lôi Chấn đều nói: "Ngày nay địa bàn thu hẹp lại, họ nắm càng chắc." Để bơm cho nhóm Lôi Chấn, có lần Hồ Thích đã phá lệ cùng Lôi Chấn, Hạ Đào Thanh… uống rượu để "chúc đảng mới thành công". Ông thấy nhóm Lôi Chấn, Hạ Đào Thanh còn do dự, đã luôn mồm than "Tú tài tạo phản, tam niên bất thành" (bọn văn nhân làm phản, ba năm không xong). Nhưng nhóm Lôi Chấn thấy Hồ Thích không chịu, bản thân cũng không có quyết tâm, tuy nhiên vẫn gào rất to trên Trung Quốc tự do, còn từng người vẫn chưa dám bắt đầu hành động.

Đúng lúc đó, các nhân vật đại biểu cho thế lực địa phương Đài Loan như Ngô Tam Liên, Quách Quốc Cơ, Dương Kim Hồ, Thạch Tích Huân mở hội nghị thảo luận vấn đề Quốc dân đảng gian lận trong tuyển cử. Để có biện pháp an toàn đối phó với Quốc dân đảng về mặt này, Ngô Tam Liên định thành lập một bộ máy thường trực để điều hành công việc bầu cử cho các ứng cử viên ngoài Đảng, liên minh chống Quốc dân đảng. Ý định này được nhóm Lôi Chấn, Lý Vạn Cư, Hạ Đào Thanh, Chu Văn Bá ủng hộ. Mọi người thương nghị đi đến kết luận quyết định gọi bộ máy thường trực này là Hội nghiên cứu địa phương tự trị Trung Quốc, để chứng tỏ rằng đây không phải là một chính đảng. Nhưng trên thực tế, thành lập bộ máy này cốt để thăm dò động tĩnh đối với việc lập đảng mới và để ngó khả năng phát triển bộ máy này thành một chính đảng.

Đầu tháng 7, "Hội nghiên cứu tự trị Trung Quốc", theo quy định của chính quyền Đài Loan, nộp đơn xin phép lên chính quyền thành phố Đài Bắc. Chính quyền Đài Loan biết đây là mầm mống của đảng mới, nhanh chóng lệnh cho chính quyền thành phố Đài Bắc lấy lý do "không có quyền giải quyết đoàn thể mang tính chất toàn quốc" để bác đơn. Đầu tháng 8, Hội này lại nộp đơn lên "Phòng Xã hội Đài Loan". Đến tháng 12 lại bị bác đơn với lý do: "Không phù hợp với luật tổ chức đoàn thể nhân dân trong thời kỳ không bình thường".

Các báo Trung Quốc tự do, Công luận, Dân chủ triều ở Đài Loan và Tuần báo tổ quốc, Bình nghị liên hợp, Người tự do ở Hồng Kông nghe tin rầm rộ bình luận, dẫn ra những quy định về "Quyền tự do lập hội của công dân" trong Hiến pháp ngụy, đấu lý với Quốc dân đảng, nhưng Quốc dân đảng không hề để ý.

Quốc dân đảng đã không cho lập hội, dĩ nhiên càng không thể bỏ chuyện "cấm Đảng". Các "phần tử tự do" đành phải tạm gác chuyện lập đảng. Cuộc đấu tranh của họ đối với Quốc dân đảng cũng chuyển sang một giai đoạn mới.

9. CHIẾN TRANH GIỮA HAI BỜ EO BIỂN VÀ MÂU THUẪN MỸ - TƯỞNG

I. KẾ HOẠCH BA BƯỚC "PHẢN CÔNG – HỢP TÁC PHÒNG THỦ CHUNG – RÚT ĐỂ GIỮ"

Đảo Đài Loan đã xảy ra hàng loạt sự kiện trong khoảng thời gian bảy, tám năm từ sau chiến tranh Triều Tiên nổ ra. Cũng trong giai đoạn lịch sử này, tình hình quốc tế luôn thay đổi. Do đó, mâu thuẫn giữa hai bờ eo biển và mâu thuẫn Mỹ – Tưởng cũng tăng lên.

Ngày 5 tháng 11 năm 1952, Eisenhower thuộc Đảng Cộng hòa trúng cử Tổng thống Mỹ. Ngày 29 tháng 11 năm 1952, Eisenhower đến Triều Tiên thị sát tình hình chiến trường, trao đổi với các tướng lĩnh ngoài mặt trận về mưu đồ của ông ta muốn tìm kiếm "cuộc ngừng bắn trong danh dự". Để gây sức ép với Chính phủ Trung Quốc, Eisenhower quyết định hủy bỏ chính sách "trung lập hóa biển Đài Loan", xúi giục quân đội Quốc dân đảng quấy rối vùng duyên hải đông nam Trung Quốc. Ngày 2 tháng 2 năm 1953, Eisenhower đọc bản Thông điệp liên bang đầu tiên. Trong đó, ông nói: "Trung Cộng trước sau luôn cự tuyệt đề nghị ngừng bắn do Bộ Tư lệnh quân đội Liên Hợp Quốc đưa ra… việc đòi hải quân Mỹ phải lãnh trách nhiệm phòng ngự thay cho Trung Cộng là hoàn toàn thiếu lô-gic, hoàn toàn vô nghĩa". "Tôi đang ra lệnh không tiếp tục sử dụng Hạm đội 7 làm lá chắn cho Trung Cộng nữa… Chúng ta tuyệt nhiên không có nghĩa vụ bảo vệ cho một nước đã đánh nhau với chúng ta ở Triều Tiên."

Nhà cầm quyền Đài Loan coi những lời phát biểu trên đây của Eisenhower là một tín hiệu Mỹ ủng hộ Quốc dân đảng phản công Đại Lục. Ngày 5 tháng 2, Tưởng Giới Thạch ra tuyên bố, nói rõ quyết định trên của Eisenhower là "hành động quang minh và hợp lý nhất của Mỹ cả về chính trị, quân sự lẫn đạo lý quốc tế". Thế là nhà cầm quyền Đài Loan đã leo thang mạnh mẽ tiến hành hoạt động quấy rối quân sự chống Trung Quốc mà trước kia họ làm một cách rời rạc. Quân đội Tưởng huy động cả máy bay ném bom bắn phá vùng duyên hải của Đại Lục; hải quân của Quốc dân đảng liên tục khiêu khích, quấy rối, ngăn chặn và công kích các tàu buôn ra vào hải cảng của Đại Lục, bắt giữ ngư dân Đại Lục đang làm ăn bình thường. Ngày 16 tháng 7 năm 1953, Quốc dân đảng huy động hơn mười nghìn quân, có hải quân phối hợp, tập kích lên đảo Đông Sơn, cuối cùng bị quân đồn trú và quân tăng viện của Trung Quốc đẩy lùi. Các cố vấn Mỹ đã tham gia vạch kế hoạch chuẩn bị và chỉ huy phần lớn các hành động quân sự nói trên của quân Tưởng Giới Thạch.

Mưu đồ của nhà Cầm quyền Đài Loan là tìm mọi cách gây tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan, lôi kéo Mỹ dính líu vào cuộc xung đột Quốc – Cộng, tiến tới đưa mục đích cuối cùng của chúng là dựa vào ngoại bang để giành lại cái đã mất. Tuy nhiên, lúc này Mỹ đã buộc phải ngồi lại đàm phán với đại diện của liên quân Trung Quốc – Triều Tiên tại Bàn Môn Điếm. Trên chiến trường Triều Tiên đã đánh không thắng rồi, tất nhiên không dám đùa với ngọn lửa "Phản công Đại Lục". Phân tích toàn văn bản tuyên bố của Eisenhower về "trung lập hóa biển Đài Loan" ta thấy nhận định cho rằng quyết định này của Eisenhower nhằm khuyến khích Quốc dân đảng phản công Đại Lục không chính xác bằng nhận định coi đó là việc Mỹ chơi "con bài Đài Loan" với Chính phủ Trung Quốc, mưu toan dùng con bài Quốc dân đảng này để buộc Trung Quốc phải nhân nhượng trong cuộc đàm phán ngừng bắn ở Triều Tiên. Thật ra các học giả Đài Loan cũng nhận ra được điểm này. Trong cuốn sách xuất bản năm 1980, họ viết: "Hủy bỏ địa vị trung lập của Đài Loan… là vấn đề Mỹ dùng sách lược tăng cường sức ép với Trung Cộng, buộc phía Trung Cộng sớm kết thúc chiến tranh ở Triều Tiên." Ở đây ta cần hiểu rằng: Chính phủ Eisenhower hủy bỏ sự trung lập của Đài Loan, thực tế là nhằm "giương cung, không bắn tên" đối với Trung Cộng; còn đối với phía Đài Loan chúng ta lại là "lấy tiến công để phòng thủ", vẫn nhằm cái đích là bảo đảm an toàn cho căn cứ Đài Loan, chứ không phải là để cho chúng ta được phóng tay phản công Đại Lục. Chính sách đối xử với Trung Quốc của Chính phủ Eisenhower và Chính phủ Truman giống nhau ở chỗ không phải là giúp chúng ta (hoặc cho rằng không thể giúp chúng ta) phản công lấy lại Đại Lục, điểm khác nhau lớn nhất là Chính phủ Truman luôn

sẵn sàng hy sinh Trung Hoa Dân Quốc để điều chỉnh lại quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, còn Chính phủ Eisenhower thì chạy vòng quanh Trung Cộng với tiêu đề là để cho Trung Hoa Dân Quốc tồn tại và phát triển trong phạm vi lãnh thổ Đài Loan, Bành Hồ hiện tại… Rõ ràng đây là bóng ma của chính sách "hai nước Trung Quốc".

Hiệp định đình chiến Triều Tiên được ký ngày 27 tháng 7 năm 1953. Lúc này, rất nhiều người Mỹ đã nhận thức được rằng cuộc đọ sức với Trung Quốc ở Triều Tiên là "một cuộc chiến tranh sai lầm, chọn nhầm thời gian, nhầm địa điểm, nhầm đối thủ". Chiều hướng dư luận này được phản ánh lên cũng làm cho Eisenhower không muốn giúp đỡ Tưởng Giới Thạch phản công Đại Lục nữa.

Ngày 8 tháng 11, Phó Tổng thống Mỹ Nixon đến thăm Đài Loan. Nhà cầm quyền Đài Loan bày tỏ với Nixon rằng Mỹ đã lần lượt ký các hiệp ước đồng minh quân sự với Nhật Bản, Philippines và Nam Triều Tiên, chỉ duy nhất chưa ký với Đài Loan, như vậy là tạo ra một khâu trống trên phòng tuyến chống Cộng nữa. Đề nghị Mỹ ký một hiệp ước đồng minh quân sự – chính trị toàn diện với Trung Hoa Dân Quốc, nhằm làm cho quân Mỹ có thể tiếp tục lưu lại eo biển Đài Loan sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc.

Đề nghị này của phía Đài Loan có vẻ hấp dẫn đối với Mỹ. Ngày 31 tháng 8 năm 1950, tức hai tháng sau ngày quân đội Mỹ xâm nhập eo biển Đài Loan, Tổng thống Truman đã từng tuyên bố: "Sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc, tất nhiên Hạm đội 7 không còn cần thiết phải lưu lại eo biển Đài Loan nữa. Hạm đội 7 ở tại đó là hành động của nước ta bảo vệ sườn của quân đội Liên Hợp Quốc chiến đấu ở Triều Tiên." Nhưng bây giờ, chiến tranh Triều Tiên đã chấm dứt, ngược lại Mỹ muốn nằm lỳ ở Đài Loan không chịu rút, vì thế Mỹ cũng nhận thấy sự cần thiết phải ký hiệp ước với Đài Loan.

Tuy nhiên, giữa Mỹ và phía Tưởng Giới Thạch đã nổ ra sự tranh chấp về vấn đề phạm vi hiệu lực của hiệp ước. Nhà cầm quyền Đài Loan mong muốn phạm vi áp dụng của hiệp ước này bao gồm toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc. Ngược lại phía Mỹ bày tỏ rằng hiệp ước này phải là "thuần túy phòng ngự" thì không thể áp dụng đối với Đại Lục Trung Quốc, thậm chí cũng không có hiệu lực đối với các hòn đảo ven biển của Đại Lục như đảo Trần ở ven biển Chiết Giang, với đảo Kim Môn, Mã Tổ ở ven biển Phúc Kiến do quân Tưởng lúc đó chiếm giữ. Cuộc tranh chấp này đã làm chậm ngày ký kết hiệp ước.

Tháng 2 năm 1954, Liên Xô đề nghị triệu tập Hội nghị Genève nhằm tìm cách giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên và khôi phục hòa bình ở Đông Dương. Trung Quốc ngang hàng với Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp là một trong năm nước lớn tham gia Hội nghị. Mỹ cũng chấp nhận đề nghị này. Đài Loan lập tức liên hệ với Mỹ, cho hành động này của Mỹ chẳng khác nào mặc nhiên thừa nhận tính hợp pháp của chính quyền Bắc Kinh, là thi hành chính sách "hai nước Trung Quốc". Mỹ vẫn công bố một bản tuyên bố, nêu rõ rằng tham gia hội nghị Genève lần này, đại diện của hai nước Trung Quốc và Mỹ đã tiếp xúc với nhau bên ngoài hội nghị, đồng thời thông qua sự sắp xếp trung gian của Anh, đại diện của Trung Quốc và Mỹ đã hội đàm bốn lần về vấn đề kiều dân hai nước. Tại đó, trên hố sâu ngăn cách Trung Quốc và Mỹ, một chiếc cầu tiếp xúc chính thức đã được tạo dựng, dạo khúc nhạc đầu cho cuộc hội đàm cấp đại sứ Trung Quốc – Mỹ sau này.

Hội nghị Genève đã làm cho cuộc chiến tranh Đông Dương kéo dài tám năm được giải quyết bằng phương pháp hòa bình. Lúc này, ba điểm nóng lớn ở Viễn Đông là Triều Tiên, Đông Dương và eo biển Đài Loan thì duy nhất chỉ có vùng eo biển Đài Loan vẫn là một khu vực nhạy cảm, chỉ cần một mồi lửa là có nguy cơ nổ ra chiến tranh.

Lo sợ trước sự tiếp xúc giữa Mỹ và Trung Cộng, nhà cầm quyền Đài Loan một mặt ráo riết thương lượng với Mỹ về việc ký kết hiệp ước, mặt khác rắp tâm gây ra tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan. Trong thời gian Hội nghị Genève đang họp và sau ngày Hội nghị bế mạc, hải quân và không quân Quốc dân đảng nhiều lần giao chiến ác liệt với Quân giải phóng Nhân dân

Trung Quốc trên vùng biển Cửu Đồng Môn, vùng biển Tượng Sơn, vùng biển Nhất Giang Sơn và vùng biển Đại Trần thuộc tỉnh Chiết Giang, phía bắc eo biển Đài Loan. Máy bay của quân Tưởng khiêu khích quấy rối các thành phố, thị trấn của Đại Lục, hải quân của quân Tưởng ngăn chặn các tàu chở hàng đi đến Đại Lục và tấn công ngư dân Đại Lục, những hiện tượng này tăng lên rõ rệt trong khoảng thời gian đó.

Phân tích tình hình thời cuộc lúc bấy giờ, Trung ương Trung Cộng cho rằng, sau khi ngừng bắn ở Triều Tiên, không kịp thời đề ra nhiệm vụ "giải phóng Đài Loan" là không thỏa đáng, hiện nay nếu vẫn chưa làm việc này thì "sẽ mắc sai lầm chính trị nghiêm trọng". Vì vậy, tờ Nhân dân nhật báo đăng xã luận khẳng định lại rằng: "Nhân dân Trung Quốc nhất định phải giải phóng Đài Loan, chưa đạt mục đích, quyết chưa chịu ngừng." Ngày 1 tháng 8, Tổng Tư lệnh Chu Đức phát biểu, kêu gọi Quân giải phóng Nhân dân chuẩn bị chiến đấu nhằm giải phóng Đài Loan. Ngày 22 tháng 8, Đảng cộng sản Trung Quốc cùng 19 chính đảng, đoàn thể khác, trong đó có các đảng phái dân chủ, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ công bố: "Tuyên ngôn chung về giải phóng Đài Loan". Nêu rõ rằng: "Trừ một mình tên gian tặc Tưởng Giới Thạch ra, cho phép bất kỳ người nào cải tà quy chính, trở về Đại Lục đoàn tụ với gia đình họ hàng thân thích, bất kỳ ai cũng có thể lập công chuộc tội, được đối xử rộng lượng khoan hồng, không đếm xỉa quá khứ." Văn kiện này có thể được coi là một bức thư ngỏ tuyên chiến của Đảng cộng sản đối với Quốc dân đảng. Ngày 3 tháng 9, pháo binh Quân giải phóng Nhân dân pháo kích dồn dập xuống trận địa quân Tưởng ở Kim Môn, một ngày bắn hơn năm nghìn quả đạn. Ngày 6 tháng 9, quân Tưởng Giới Thạch huy động hải quân và không quân quy mô lớn điên cuồng ném bom bắn phá khu vực Hạ Môn. Cũng khoảng thời gian này, hai bên đã tiến hành các cuộc chiến giành giật đảo rõ rệt và các cuộc hải chiến, không chiến quyết liệt trên vùng biển Đại Trần, Nhất Giang Sơn thuộc ven biển tỉnh Chiết Giang. Mấy tháng sau, hai bên lại liên tiếp tiến hành hải chiến, không chiến, đấu pháo trên một vùng biển kéo dài mấy trăm kilômét từ Xán Đấu thuộc Quảng Đông ở phía nam đến vịnh Tam Môn thuộc Chiết Giang ở phía bắc và vùng phụ cận một số đảo trọng điểm như Kim Môn, Mã Tổ, Đại Trần... Có khi chỉ một trận chiến đấu, một bên đã bị tổn thất mấy chục chiếc máy bay và hơn một chục chiếc tàu chiến.

Ngày 1 tháng 11, Quân giải phóng Nhân dân dùng gần 30 máy bay, thay nhau tiến công các pháo hạm và cơ sở hải cảng của quân đội Tưởng trên đảo Đại Trần. Ngày 14 tháng 11, tàu Thái Bình, một quân hạm loại lớn của quân Tưởng bị bắn chìm. Hai cuộc chiến đấu này chứng tỏ ưu thế nhất thời về hải quân và không quân của quân đội Tưởng Giới Thạch nay không còn nữa.

Lúc này, phía Đài Loan dấy lên phong trào "tổng động viên toàn dân" và "hiến hạm tàu để phục thù", đồng thời chuẩn bị sơ tán các cơ quan trên đảo Đài Loan, tiến hành diễn tập về kiểm soát hệ thống đèn, lửa, ánh sáng. Hải, lục, không quân của Tưởng được đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Quân giải phóng Nhân dân cũng đã tập kết 100 nghìn quân và một khối lượng lớn tàu thuyền dọc theo Hạ Môn, đồng thời dần đánh chiếm các đảo nhỏ gần Đại Trần, chuẩn bị trước tiên là quét sạch quân Tưởng ở vùng biển Chiết Giang, tiếp đó sẽ tiến đánh Kim Môn, Mã Tổ. Eo biển Đài Loan bao trùm một bầu không khí căng thẳng của một cuộc chiến lớn sắp nổ ra.

Trong tình hình như vậy, Hiệp ước phòng ngự chung Mỹ – Tưởng thai nghén từ lâu, cuối cùng đã được ký kết ngày 2 tháng 12.

Bản hiệp ước này quy định: "Tất cả những từ 'lãnh thổ' ghi trong hiệp ước này là chỉ Trung Hoa Dân Quốc, nghĩa là chỉ Đài Loan và Bành Hồ". Sau đó, khi Thượng viện Mỹ phê chuẩn hiệp ước này, lại kèm theo hai câu giải thích rằng: "Bất kỳ bên nào tham gia ký kết hiệp ước nếu có hành động quân sự trong vùng lãnh thổ do Trung Hoa Dân Quốc kiểm soát, đều phải được cả hai bên nhất trí đồng ý"; nếu như sử dụng quân đội Mỹ để tiến hành phối hợp phòng thủ phần lãnh thổ Trung Quốc bên ngoài Đài Loan, Bành Hồ thì "phải được Thượng viện Mỹ đề nghị và chấp thuận".

Một số quy định trên đây chứng tỏ Mỹ đã hoàn toàn chiếm ưu thế trong cuộc tranh chấp Mỹ –

Tưởng về phạm vi hiệu lực của bản Hiệp ước. Nó không chỉ đặt Đại Lục Trung Quốc ra khỏi phạm vi hiệu lực của Hiệp ước, mà ngay cả một số hòn đảo ven biển Đại Lục Trung Quốc vốn do quân Tưởng chiếm đóng – phía Mỹ – Tưởng gọi là "các đảo bên ngoài" như Đại Trần, Kim Môn, Mã Tổ… quân Mỹ cũng không chịu trách nhiệm "phòng thủ chung". Đồng thời, do đã quy định rằng "có hành động quân sự, phải được cả hai bên nhất trí đồng ý", cho nên phía Mỹ đã được thêm một chiếc thừng trói buộc nhà cầm quyền Đài Loan. Từ đó, nếu nhà cầm quyền Đài Loan muốn "Phản công Đại Lục" tất phải được Mỹ đồng ý. Như vậy, Mỹ đã đề phòng trước khả năng nhà cầm quyền Đài Loan cố tình gây ra tình hình căng thẳng để đặt Mỹ vào tình trạng đã rồi.

Bản hiệp ước còn quy định: "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc cho phép phía Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ chấp nhận, theo Hiệp ước phòng thủ chung quyết định phía Mỹ có quyền bố trí hải, lục, không quân của Mỹ tại Đài Loan, Bành Hồ và các vùng phụ cận do nhu cầu phòng vệ của Hiệp ước này." Quy định này cùng với những từ "tất cả lãnh thổ" như nói ở trên tức là ám chỉ Trung Hoa Dân Quốc, nghĩa là những điều chỉ Đài Loan và Bành Hồ. Điều này chứng tỏ rằng Mỹ ở lại Đài Loan lúc này không phải vì "địa vị chưa được xác định" của khu vực này, mà là do "chấp nhận" sự "cho phép" của nhà cầm quyền Quốc dân đảng để Mỹ tiến vào đóng quân ở Đài Loan – "lãnh thổ" của "Trung Hoa Dân Quốc". Như vậy, cái gọi là "thuyết địa vị của Đài Loan chưa được xác định", nay do Mỹ công nhận Đài Loan, Bành Hồ là lãnh thổ "Trung Hoa Dân Quốc" nên coi như đã được giải quyết.

Tuy nhiên, Mỹ quyết không dễ dàng vứt bỏ "thuyết địa vị của Đài Loan chưa được xác định" do Mỹ cố ý bịa đặt ra. Cùng trong ngày Mỹ – Tưởng ký kết Hiệp ước phòng thủ chung, Ngoại trưởng Mỹ Dulles tổ chức họp báo. Ông ta dựa theo mô thức của Hòa ước Nhật Bản – Đài Loan, rêu rao nhiều về hai chữ "kiểm soát", nói nào là: "Vấn đề chủ quyền của Đài Loan và Bành Hồ vẫn chưa được giải quyết, quyền lợi tương lai của chúng, trên danh nghĩa đều chưa được quyết định trong Hòa ước với Nhật và trong Hòa ước Trung – Nhật,… Tất nhiên, Mỹ công nhận Trung Hoa Dân Quốc hiện tại thực tế kiểm soát Đài Loan và Bành Hồ." Lời phát biểu này chứng tỏ Mỹ công nhận Đài Loan, Bành Hồ là lãnh thổ của "Trung Hoa Dân Quốc" chỉ với lý do là khu vực này do Quốc dân đảng "kiểm soát trên thực tế", chứ không phải là thừa nhận Trung Quốc có chủ quyền đối với khu vực này. Khi phê chuẩn Hiệp ước này, Thượng viện Mỹ lại đặc biệt nhấn mạnh rằng: "Bản Hiệp ước này không được giải thích là có ảnh hưởng hoặc sửa đổi địa vị pháp lý và chủ quyền của vùng lãnh thổ có hiệu lực". Nói cách khác là Mỹ tuy công nhận Đài Loan, Bành Hồ là lãnh thổ của "Trung Hoa Dân Quốc" trong Hiệp ước này, nhưng lại vẫn cho rằng vấn đề chủ quyền của vùng này vẫn chưa được xác định. Màn kịch "tay trái đem cho, tay phải đòi lại" này khiến Mỹ vẫn tiếp tục có thể dùng con bài "địa vị của Đài Loan và Bành Hồ chưa được xác định" để can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, đồng thời để ngỏ khả năng nặn ra cái gọi là "Đài Loan độc lập".

Ngày 8 tháng 12, Ngoại trưởng Trung Quốc Chu Ân Lai ra tuyên bố, nêu rõ Hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ và Tưởng Giới Thạch là một "Hiệp ước bán rẻ chủ quyền lãnh thổ Trung Quốc, là một hiệp ước chiến tranh có tính chất xâm lược trắng trợn". Đồng thời, ông nhấn mạnh: "Bất kỳ hành động đe dọa chiến tranh nào cũng không thể lay chuyển được quyết tâm giải phóng Đài Loan của nhân dân Trung Quốc, mà chỉ làm cho nhân dân Trung Quốc càng thêm phẫn nộ."

Để biểu thị lập trường nghiêm chỉnh không thể dọa nạt được của nhân dân Trung Quốc; để đả kích ngụy quyền Tưởng Giới Thạch dựa vào thế lực nước ngoài chống lại tổ quốc, tháng 1 năm 1955 Quân giải phóng Nhân dân bắt đầu càn quét quân Tưởng đóng trên các hòn đảo dọc vùng biển Chiết Giang. Ngày 10 tháng 1, không quân Quân giải phóng Nhân dân, với những liên đội không quân lớn chưa từng thấy, đã ném bom bắn phá khu cảng của đảo Đại Trần, bắn chìm và bắn hỏng nhiều tàu chiến của quân ngụy Tưởng Giới Thạch. Đồng thời, với sự yểm hộ của Không quân và Hải quân, Quân giải phóng Nhân dân đã đánh đuổi hải quân Quốc dân đảng đến tận vùng biển phía bắc tỉnh Phúc Kiến. Ngày 18 tháng 1, Quân giải phóng Nhân dân đã đổ bộ lên đảo Nhất Giang Sơn; ngày 20 tháng 1, tiêu diệt hoàn toàn quân Tưởng đóng ở đảo này. Sau khi đánh chiếm được đảo Nhất Giang Sơn, một nửa trận địa của quân Tưởng trên đảo Đại Trần

đã nằm trong tầm pháo của pháo binh Quân giải phóng Nhân dân.

Trước đòn tiến công của Quân giải phóng Nhân dân, nhà cầm quyền Đài Loan đã phải xin Mỹ cứu viện khẩn cấp. Mỹ đáp lại rằng chiến sự không nằm trong phạm vi phòng thủ chung, quân Mỹ không thể tham gia tác chiến được; đồng thời gây sức ép với Đài Loan, nói rằng: "Các hòn đảo bên ngoài không có giá trị về mặt quân sự", yêu cầu nhà cầm quyền Đài Loan rút quân khỏi các đảo ven biển Đại Lục, thu hồi binh lực cố thủ Đài Loan, Bành Hồ. Nhà cầm quyền Đài Loan thì lớn tiếng nguyền rủa hành động này của Mỹ là "nhân nhượng vô nguyên tắc" là "triệt để bóp chết hy vọng phản công phục quốc của phía Trung Hoa Dân Quốc".

Mặt khác, để đề phòng mọi bất trắc, Eisenhower gửi thông điệp đặc biệt cho Quốc hội Mỹ, yêu cầu Quốc hội trao quyền cho Tổng thống Mỹ khi cần thiết có thể phái quân đội Mỹ làm nhiệm vụ phòng thủ chung ở các hòn đảo bên ngoài Đài Loan. Ngày 25 tháng 1, Hạ viện Mỹ thông qua nghị quyết khẩn cấp "cho phép Tổng thống Mỹ được quyền sử dụng quân đội Mỹ khi "Tổng thống" xét thấy cần thiết nhằm mục tiêu cụ thể là bảo đảm chắc chắn và bảo vệ quần đảo Đài Loan và Bành Hồ không bị tiến công bằng vũ trang. Các quyền hành này của "Tổng thống" bao gồm việc bảo đảm an toàn và bảo vệ các trận địa, vùng lãnh thổ có liên quan hiện đang nằm trong tay các nước hữu hảo và một số biện pháp khác mà "Tổng thống" xét thấy cần thiết và thích hợp để bảo đảm phòng ngự quần đảo Đài Loan và Bành Hồ".

Văn kiện này được các nhà sử học gọi là Nghị quyết Đài Loan và ngày 28 tháng 1 cũng được Thượng viện Mỹ thông qua, được Eisenhower ký công bố có hiệu lực ngay cùng ngày 28 tháng 1. Nghị quyết Đài Loan này khác với Hiệp ước phòng thủ Mỹ – Tưởng ở chỗ bản Hiệp ước chỉ giới hạn sự phòng thủ chung của quân Mỹ trong phạm vi Đài Loan, trái lại bản Nghị quyết lại trao quyền cho Tổng thống Mỹ khi cần thiết có thể cử quân Mỹ tới phòng thủ chung "các trận địa và lãnh thổ hữu quan đang nằm trong tay các nước hữu hảo", nói thẳng ra là phòng thủ chung các hòn đảo ven biển Đại Lục mà quân đội Tưởng đang chiếm giữ. Điểm khác nhau quan trọng hơn là Hiệp ước phòng thủ chung được ký dưới danh nghĩa "hai nước" là một văn kiện lấy luật pháp quốc tế làm cơ sở. Nếu phía Mỹ muốn tiến hành các hành động quân sự, ít nhất trên hình thức phải được sự đồng ý của nhà cầm quyền Đài Loan, nhưng bản Nghị quyết Đài Loan lại chỉ là luật pháp trong nước của riêng phía Mỹ, thế mà lại ngang nhiên quy định khi Tổng thống Mỹ xét thấy cần thiết, có thể cử quân đội Mỹ tới "các trận địa và lãnh thổ có liên quan đang nằm trong tay các nước hữu hảo"; đồng thời có thể áp dụng "các biện pháp cần thiết và thích hợp khác". Như vậy là đã biến "lãnh thổ của nước hữu hảo" thành một thứ công viên có thể tự do ra vào theo quan niệm riêng của vị Tổng thống nước mình. Căn bản họ không còn coi nhà cầm quyền Đài Loan ra sao nữa. Nhưng do nhà cầm quyền Đài Loan buộc phải dựa vào Mỹ mới có thể phòng ngự được các đảo bên ngoài Đài Loan, cho nên họ chẳng những không hề kháng nghị bản nghị quyết ngang ngược và vô lý ấy, trái lại còn coi đó như một thứ của quý nữa!

Sau khi đưa ra Nghị quyết Đài Loan, việc Mỹ có tiến hành phòng thủ chung các hòn đảo bên ngoài Đài Loan hay không hoàn toàn do Eisenhower có thấy "cần thiết" hay không. Vì vậy, phía Mỹ đã bày tỏ với nhà cầm quyền Đài Loan rằng việc kiên trì phòng thủ các hòn đảo ven biển Chiết Giang là hoàn toàn không cần thiết, Mỹ có thể cho hạm đội của Mỹ tới giúp việc rút quân, nhưng không thể cử binh lính tới phòng thủ chung được.

Lúc này, Mỹ lặp lại luận điệu cũ về "trung lập hóa eo biển Đài Loan", yêu cầu Quốc dân đảng và Đảng cộng sản chấp nhận sự điều đình của Liên Hợp Quốc, thực hiện "ngừng bắn tại chỗ", song đã bị cả hai đảng này phản đối với những "tiếng nói khác nhau". Đảng cộng sản Trung Quốc cho rằng sự tranh chấp Quốc – Cộng là công việc nội bộ của Trung Quốc, căn bản Liên Hợp Quốc không có quyền can thiệp vào. Chính phủ Trung Quốc "tuyệt đối không thể thực hiện cái gọi là ngừng bắn với bè lũ bán nước Tưởng Giới Thạch đã bị nhân dân Trung Quốc phỉ nhổ". Phía Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch cho rằng chính sách ngừng bắn là "chính sách nhằm làm cho kẻ xâm lược giữ vững những thành quả mà chúng đã xâm lược được", là thừa nhận Đảng cộng sản ngang hàng với Quốc dân đảng, là thực hiện "hai nước Trung Quốc", vì vậy tuyệt

đối không thể chấp nhận được.

Ngày 28 tháng 1 năm 1955, được Anh và Mỹ ủng hộ, New Zealand đưa ra đề nghị mời đại diện của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đến Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc thảo luận và ngừng bắn ở eo biển Đài Loan. Đại diện nhà cầm quyền Đài Loan là Tưởng Đình Lân đã công kích kịch liệt đề nghị nói trên. Ngày 31 tháng 1, Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc thông qua nghị quyết, quyết định mời đại biểu của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham gia cuộc thảo luận về "ngừng bắn". Bất chấp sự phản đối của nhà cầm quyền Đài Loan, Mỹ đã bỏ phiếu thuận cho bản nghị quyết này. Như vậy hơi có vẻ "công nhận địa vị hợp pháp của chính quyền Trung Cộng", nhà cầm quyền Đài Loan vô cùng căm tức, đã định sử dụng quyền phủ quyết, cuối cùng phải rút lui trước sức ép của Mỹ.

Ngày 3 tháng 2, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai gửi điện tới Liên Hợp Quốc, nhấn mạnh lại rằng Đại hội đồng Liên Hợp Quốc không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Trung Quốc nhất quyết không tham gia thảo luận về "ngừng bắn". Âm mưu của Mỹ về "trung lập hóa eo biển Đài Loan" bị phá sản.

Ngày 5 tháng 2, Mỹ tuyên bố huy động Hạm đội 7 để giúp quân đội Tưởng Giới Thạch rút khỏi đảo Đại Trần. Sự việc này cho thấy, trong tình hình sức ép quân sự của phía Trung Cộng ngày càng tăng và Mỹ lại không chịu dính líu vào, cuối cùng nhà cầm quyền Đài Loan phải quyết định theo đề nghị của Mỹ, rút bỏ Đại Trần.

Từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 2, quân đội Quốc dân đảng ép nhân dân đảo Đại Trần rút ra Đài Loan. Ngày 8 tháng 2, Tưởng Giới Thạch đọc lời phát biểu trên đài phát thanh nhân dịp rút bỏ Đại Trần, khẳng định lại lập trường "Phản công Đại Lục", chỉ trích Mỹ (nhưng không nêu đích danh Mỹ) ủng hộ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận vấn đề ngừng bắn ở Đài Loan là "làm mất hết chính nghĩa quốc tế". Ngày 14 tháng 2, Tưởng Giới Thạch lại lớn tiếng chửi bới Đại hội đồng Liên Hợp Quốc mà chính quyền Trung Cộng tham gia cuộc thảo luận về vấn đề ngừng bắn ở Đài Loan là "chẳng khác gì xét xử tội phạm mà không cần tòa án, lại còn mời bọn tội phạm đến chén tạc chén thù và nghe lời hòa giải cá nhân có tính chất ăn cướp của chúng".

Ngày 25 tháng 2, Quốc dân đảng lại rút bỏ nốt quần đảo Nam Kỳ Sơn. Đến lúc này, tiêu điểm của sự đối kháng quân sự Quốc – Cộng đã từ các hòn đảo ven biển tỉnh Chiết Giang chuyển đến đảo Kim Môn, Mã Tổ thuộc ven biển tỉnh Phúc Kiến. Mỹ cũng lại gieo rắc quan điểm "Kim Môn, Mã Tổ không có giá trị quân sự gì đối với việc phòng thủ Đài Loan và Bành Hồ", mưu toan ép Quốc dân đảng rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ. Trước tình hình đó, Tưởng Giới Thạch tuyên bố "không có Kim Môn, Mã Tổ thì cũng không có Đài Loan, Bành Hồ", đồng thời bày tỏ quyết tâm không chịu rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ; tỏ ý "quyết tâm chiến đấu đến người cuối cùng" để bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ.

Ngày 3 tháng 3, sau khi hoàn thành thủ tục trình tự về mặt lập pháp, Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng chính thức có hiệu lực. Mỹ vẫn lộ rõ chiều hướng khá cứng rắn trong việc thực hiện phòng thủ chung đối với Kim Môn, Mã Tổ. Vì thứ nhất, Mỹ thấy Tưởng Giới Thạch thề sống chết tử thủ Kim Môn, Mã Tổ nên không muốn xúc phạm vị "đồng minh" này nữa; thứ hai, Mỹ không thực hiện được ý muốn trong cuộc thảo luận của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc về việc ngừng bắn ở eo biển Đài Loan nên muốn trả đũa Trung Cộng. Còn phía Trung Cộng, do đã quét sạch được tàn dư của quân Tưởng ở Chiết Giang, bắt đầu thai nghén một phương châm mới đối với Đài Loan, do đó chiến sự ở vùng biển Đài Loan dần dần lắng dịu xuống.

Tính đến lúc đó, các vùng do nhà cầm quyền Đài Loan chiếm giữ đảo Đài Loan và đảo Bành Hồ thuộc Đài Loan, cộng thêm một số đảo trực thuộc là 88 đảo; ngoài ra còn có quần đảo Kim Môn, Mã Tổ ven tỉnh Phúc Kiến, khoảng hơn 20 đảo, tổng cộng tất cả trên 110 hòn đảo, rộng khoảng 36.167km2, đó chính là các khu vực Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ được Quốc dân đảng mệnh danh là "căn cứ phản Cộng phục quốc".

II. TRUNG QUỐC ĐỀ NGHỊ ĐÀM PHÁN HÒA BÌNH, MÂU THUẪN MỸ – TƯỞNG TRỞ

NÊN GAY GẮT

Sau chiến tranh Nhất Giang Sơn và Đại Trần, tình hình Đài Loan thể hiện rõ mấy yếu tố sau:

1. Mỹ tuy đã cùng nhà Cầm quyền Đài Loan ký Hiệp ước phòng thủ chung và đã thông qua cái gọi là Nghị quyết Đài Loan, song không muốn dính líu sâu vào cuộc đối đầu với Trung Quốc.

2. Chiến lược cơ bản của Mỹ là: Rút bỏ các đảo bên ngoài, cố thủ Đài Loan và Bành Hồ, mâu thuẫn gay gắt với giấc mộng "Phản công Đại Lục" của nhà cầm quyền Đài Loan.

3. Hai nước Trung Quốc và Mỹ đã hội đàm bốn lần về vấn đề kiều dân tại Genève, cả hai đều bày tỏ nguyện vọng tiếp tục có các cuộc tiếp xúc. Liên Hợp Quốc do Mỹ thao túng, đã mời Trung Quốc tham gia thảo luận về vấn đề "ngừng bắn ở eo biển Đài Loan", bộc lộ rõ Mỹ hy vọng đối thoại với Chính phủ Trung Quốc.

4. Sau khi quân Tưởng bị buộc phải co về phòng tuyến Đài Loan – Bành Hồ, Kim Môn – Mã Tổ, phía Quân giải phóng Nhân dân vẫn chưa đủ thực lực để giải phóng Đài Loan, Bành Hồ. Nếu chỉ đánh chiếm Kim Môn, Mã Tổ thì vừa không có ích gì cho đại cục lại vừa trúng kế của Mỹ, khiến Đài Loan nằm xa tít ngoài biển, Mỹ dễ thực hiện mưu toan "hai nước Trung Quốc" hoặc "Đài Loan độc lập".

5. Trước những âm mưu, ồn ào về "hai nước Trung Quốc" và những phần tử đòi Đài Loan độc lập đang ngóc đầu ngo ngoe, nhà cầm quyền Đài Loan trước sau luôn kiên quyết phản đối. Đây là chỗ giống nhau giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản Trung Quốc.

6. Mao Trạch Đông từng nói rằng, "quét sạch nhà cửa trước, sau đó mới mời khách vào". Lúc này, cuộc phong tỏa đường biển và đường không của Đài Loan đối với Đại Lục đã bị phá vỡ, Quân giải phóng Nhân dân đã chiếm được đảo Đại Trần và một số đảo khác, không còn lo quân Tưởng lọt vào quấy rối Đại Lục nữa. Qua các phong trào "Tam phản", "Ngũ phản", "cải tạo tư tưởng các phần tử trí thức"... cơ bản quét sạch các thế lực ngầm của Quốc dân đảng; tư tưởng sùng bái Mỹ trong một số trí thức đã được khắc phục, những việc làm đó chứng tỏ "nhà" mình đã được "dọn dẹp sạch sẽ", có thể "mời khách" đến được rồi.

Xuất phát từ tình hình như vậy, Chính phủ Trung Quốc chủ động tìm cách đàm phán với Mỹ và đề ra phương châm mới "giải quyết vấn đề Đài Loan bằng phương pháp hòa bình".

Ngày 23 tháng 4 năm 1955, trong cuộc họp trưởng đoàn đại biểu các nước tham dự Hội nghị Á – Phi, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tuyên bố: "Nhân dân Trung Quốc hữu hảo với nhân dân Mỹ. Nhân dân Trung Quốc không muốn đánh nhau với Mỹ. Chính phủ Trung Quốc mong muốn cùng với Chính phủ Mỹ ngồi vào bàn đàm phán, thảo luận vấn đề làm dịu tình hình căng thẳng ở Viễn Đông, nhất là vấn đề làm dịu tình hình căng thẳng ở khu vực Đài Loan."

Ngày 13 tháng 5, tại kỳ họp thứ 15 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc, Thủ tướng Chu Ân Lai lại chỉ rõ: "Nhân dân Trung Quốc giải phóng Đài Loan có thể bằng hai cách, hoặc bằng chiến tranh hoặc bằng phương thức hòa bình. Nhân dân Trung Quốc mong muốn, trong điều kiện cho phép, sẽ tranh thủ giải quyết vấn đề Đài Loan bằng phương thức hòa bình."

Ngày 13 tháng 7, Mỹ bước đầu có phản ứng, đề nghị tiến hành hội đàm cấp đại sứ tại một nước trung lập. Ngày 1 tháng 8 năm 1955, đại biểu phía Trung Quốc, Vương Bính Nam và đại biểu phía Mỹ, Johnson, tiến hành vòng hội đàm đầu tiên tại Genève. Mở đầu cuộc hội đàm, Vương Bính Nam tuyên bố Trung Quốc phóng thích 11 gián điệp Mỹ. Việc làm này của Trung Quốc được các nhà báo nước ngoài bình luận là: "Trung Quốc đã giành quyền chủ động." Sau đó đại

diện hai nước đã thương lượng trên mười vòng đàm phán. Ngày 10 tháng 9, hai bên đi đến thỏa thuận một hiệp định về vấn đề hồi hương kiều dân, đồng thời công bố một bản tuyên bố dưới dạng "anh nói đằng anh, tôi nói đằng tôi" (sau này, khi Thủ tướng Chu Ân Lai và Tổng thống Mỹ Nixon ký Thông cáo Thượng Hải cũng bắt chước hình thức này). Đó là bản hiệp định duy nhất đạt được trong suốt quá trình mười năm hội đàm cấp đại sứ giữa Trung Quốc và Mỹ.

Nguyên nhân cơ bản làm cho cuộc đàm phán cấp đại sứ Trung Quốc – Mỹ không thể tiến triển hơn được nữa là do phía Mỹ đòi hỏi Trung Quốc phải cam kết không được dùng vũ lực ở eo biển Đài Loan, đồng thời đòi Trung Quốc phải thừa nhận Mỹ "có quyền tự vệ riêng rẽ hoặc tập thể" ở vùng eo biển Đài Loan. Đòi hỏi vô lý trắng trợn ngang nhiên xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc này, tất nhiên bị đại biểu Trung Quốc từ chối.

Tuy nhiên, bản thân cuộc hội đàm cấp đại sứ Trung Quốc – Mỹ rốt cuộc đã nâng cao vai trò quốc tế của Trung Quốc, đồng thời cũng là một đòn giáng vào địa vị quốc tế của nhà cầm quyền Đài Loan. Tuy Mỹ nhiều lần tuyên bố rằng cuộc hội đàm ở Genève không có nghĩa là sự công nhận chính quyền Bắc Kinh về mặt ngoại giao; đồng thời nhiều lần hứa hẹn với nhà cầm quyền Đài Loan là trong đàm phán, Mỹ quyết không bao giờ bán rẻ Trung Hoa Dân Quốc. Tuy nhiên, trong đàm phán Mỹ – Trung Quốc, trong các văn bản chính thức đã nhiều lần sử dụng tên Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, về mặt khách quan đã có ý "thừa nhận" rồi, vì thế mà nhà cầm quyền Đài Loan vô cùng căm tức.

Mỹ coi việc "từ bỏ sử dụng vũ lực" làm lập trường cơ bản trong cuộc hội đàm cấp đại sứ Trung Quốc – Mỹ, cố gây sức ép ráo riết với nhà cầm quyền Đài Loan rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ để xóa bỏ điểm nóng xung đột này, làm cho vùng eo biển Đài Loan trở thành tấm bình phong thiên nhiên thực hiện "ngừng bắn". Phía Đài Loan chửi ầm lên rằng Mỹ làm như vậy là "ép buộc Đài Loan hy sinh số đảo bên ngoài để làm quà hối lộ Trung Quốc", mặt khác họ cố ý sử dụng vũ lực ở mặt trận Kim Môn, Mã Tổ hòng gây rối, kéo Mỹ dính líu vào.

Ngày 28 tháng 6 năm 1956, tại kỳ họp lần thứ ba của Quốc hội khóa I, Thủ tướng Chu Ân Lai nói rõ: "Tôi xin thay mặt Chính phủ chính thức bày tỏ rằng: Chúng ta sẵn sàng cùng nhà cầm quyền Đài Loan hiệp thương bàn bạc các bước và điều kiện hòa bình cụ thể để giải phóng Đài Loan. Mong nhà cầm quyền Đài Loan hãy cử đại diện của họ vào thời gian họ cho là thích hợp, đến Bắc Kinh hoặc địa điểm thích hợp khác, cùng chúng ta bắt đầu thương lượng." Về mặt chính sách cụ thể, Thủ tướng Chu Ân Lai nêu rõ: "Đối với tất cả những người yêu nước, bất kể họ tham gia sớm hay muộn vào hàng ngũ những người yêu nước, bất chấp trước kia họ có những lỗi lầm lớn đến đâu, đều căn cứ nguyên tắc "yêu nước là một nhà", không tính toán đến quá khứ, hoan nghênh họ lập công trong việc hòa bình giải phóng Đài Loan, đồng thời sẽ căn cứ mức độ công lao nhiều ít, lớn nhỏ để khen thưởng và sắp xếp thỏa đáng." Đồng thời, Thủ tướng Chu Ân Lai còn nói sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi cho các quan chức chính trị và quân sự Đài Loan liên lạc, trở về thăm gia đình, họ hàng, bè bạn ở Đại Lục; hoan nghênh các nhân sĩ Quốc dân đảng về Đại Lục khảo sát, bảo đảm họ được tự do đi lại.

So sánh bản Tuyên ngôn chung về giải phóng Đài Loan do 19 tổ chức, đoàn thể liên doanh ký kết công bố tháng 8 năm 1954 với bài nói chuyện tháng 6 năm 1956 của Thủ tướng Chu Ân Lai, có sự khác biệt rõ rệt về cách đặt vấn đề trong hai văn kiện đó. Bản Tuyên ngôn gọi phía Quốc dân đảng là "tập đoàn bán nước Tưởng Giới Thạch", còn Bài nói chuyện gọi là "nhà cầm quyền Đài Loan"; bản "Tuyên ngôn" đòi phải "tiêu diệt tập đoàn bán nước Tưởng Giới Thạch", còn Bài nói chuyện lại tuyên bố "yêu nước đều là một nhà". Tất cả những điều này chứng tỏ "hòa bình giải phóng Đài Loan" tuyệt đối không phải là một khẩu hiệu tuyên truyền hoặc chơi trò sách lược. Những người Cộng sản Trung Quốc quả thật là thiện chí.

Từ đó, phương châm của Trung Quốc về "hòa bình giải phóng Đài Loan" đã từ chỗ tuyên truyền về mặt ý thức chuyển thành thực tiễn cụ thể. Thế nhưng, do lập trường ngoan cố chống Cộng, Tưởng Giới Thạch đã vội vàng cự tuyệt đề nghị đàm phán hòa bình do Trung Cộng đưa ra, ngoan cố hò hét "phản công", khiến cho những cố gắng hòa bình thống nhất Trung Quốc lần

này chưa đạt được mục đích cuối cùng.

Tuy nhiên, về mặt khoét sâu mâu thuẫn Mỹ – Tưởng thì phương châm "hòa bình giải phóng Đài Loan" đã có tác dụng. Mỹ hiểu rõ rằng, trong khi Đảng cộng sản kêu gọi hòa bình, còn Quốc dân đảng lại hò hét "chống Cộng", tất mọi người sẽ không đồng tình với lập trường giúp đỡ Tưởng Giới Thạch của Nhà Trắng. Vì thế, Mỹ phải ngăn chặn mưu đồ "phản công" của Tưởng Giới Thạch. Mặt khác, Mỹ lại không muốn Đài Loan được "giải phóng", rất sợ Quốc – Cộng thật sự đi vào đàm phán hòa bình sẽ làm gián đoạn phòng tuyến Tây Thái Bình Dương mà Mỹ đã kinh doanh từ nhiều năm nay. Vì thế, Mỹ lại tán thưởng và xúi giục Tưởng Giới Thạch ngoan cố chống Cộng, đồng thời có thái độ nghi ngờ Tưởng Giới Thạch đã từng du học ở Nga 12 năm và từng tham gia Đảng cộng sản.

Nhà cầm quyền Đài Loan lại sợ rằng: Mỹ một mặt cao giọng đòi "từ bỏ việc dùng vũ lực", mặt khác lại ép mình rút quân khỏi các đảo bên ngoài Đài Loan, như vậy phải chăng là phụ họa với Trung Cộng nhằm "hòa bình giải phóng Đài Loan"? Mỹ, nếu đã khuyến khích mình chống Cộng thì tại sao lại ngăn cản không cho mình "phản công". Hơn nữa, bản thân Mỹ lại tiến hành đàm phán cấp đại sứ với Trung Cộng, như vậy là họ định giở trò gì? Lại liên hệ đến các cộng tác nhỏ về chính trị của Mỹ như luôn tuyên truyền cho thuyết "địa vị của Đài Loan chưa được quyết định", ngấm ngầm ủng hộ phong trào "đòi Đài Loan độc lập", phê bình cha con Tưởng Giới Thạch là không dân chủ, công khai ca ngợi phe đối lập trên đảo Đài Loan… Những sự việc này càng làm cho nhà cầm quyền Đài Loan sợ hãi.

Tưởng Giới Thạch tuy dựa vào cái ô bảo hộ của Mỹ, nhưng vì đã một lần được nếm đòn "chính sách khoanh tay", nên luôn tỏ ra cảnh giác với Mỹ. Còn Tưởng Kinh Quốc, từ khi trở về Đài Loan, thế lực bành trướng rất mạnh, bản thân Tưởng Kinh Quốc lại trẻ khoẻ, lòng tự tin dân tộc còn mạnh hơn cả Tưởng Giới Thạch. Khi giữ chức "Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị", Tưởng Kinh Quốc đã ra lệnh cho binh lính trong toàn quân không được gần gũi các vị cố vấn Mỹ. Nhưng, trước khi rút quân khỏi Đại Trần, cha con nhà Tưởng còn thận trọng và nhẹ nhàng đối phó với Mỹ, mỗi khi mâu thuẫn, bao giờ cũng thông qua con đường "ngoại giao" để bàn bạc và lần bàn bạc nào phía Đài Loan cũng phải nhượng bộ.

Khi Quốc dân đảng bị thất bại phải rút khỏi các hòn đảo ven biển Chiết Giang đúng lúc Đài Bắc đang tổ chức Hội trình diễn các mốt thời trang của Mỹ. Ngay đêm khai mạc cuộc trình diễn, tay chân thân tín của Tưởng Kinh Quốc là Giang Hải Đông và con trai cả của Tưởng Kinh Quốc là Tưởng Hiếu Văn đã dẫn đầu mọi người ngăn cản đoàn ngoại giao đến dự, quấy rối hội trường, dùng hành động này để bày tỏ sự "phản kháng mạnh mẽ" đối với Đại sứ Mỹ Lanchyn, buộc Lanchyn giữa chừng phải bỏ về. Sự kiện này bộc lộ rằng phía Đài Loan đã dần không kìm chế nổi sự bất mãn đối với Mỹ.

Tháng 10 năm 1956, báo chí Đài Loan, dẫn đầu là Liên hợp báo và báo Dân tộc buổi chiều, đã công kích rất mạnh những người không cho con em mình vào học các trường của Trung Quốc mà lại gửi vào học các trường gốc Mỹ ở Đài Loan. Thậm chí Liên hợp báo còn đề nghị tước bỏ quốc tịch của số học sinh này cùng với cha mẹ và người đỡ đầu chúng. "Bộ trưởng Giáo dục" của nhà cầm quyền Đài Loan lúc đó là Trương Kỳ Quân cũng đứng ra công khai khuyên nhủ những người phụ trách các trường gốc Mỹ không nên nhận học sinh Trung Quốc nữa. Ngày 22 tháng 12, "Bộ Giáo dục" Đài Loan chính thức ban hành huấn lệnh, yêu cầu các trường học do người nước ngoài mở tại Đài Loan chỉ được chiêu sinh ngoại quốc, số học sinh Trung Quốc đang học tại các trường này phải rút ngay. Sự kiện này chứng tỏ tâm lý chống Mỹ ở Đài Loan đang ngày càng dâng cao.

Tuy nhiên, Mỹ hình như vẫn còn say sưa với vai trò "người bảo hộ" và "ân nhân", vẫn tỏ vẻ kiêu căng tự phụ đối với nhà cầm quyền Đài Loan. Tháng 1 năm 1947, Tưởng Giới Thạch tuyên bố lấy năm 1957 là năm quyết định về "phản công giành lại Đại Lục", là một năm "mọi công việc chuẩn bị và cố gắng động viên chiến đấu cao nhất trong bảy năm qua" và cũng là năm "sắp đạt được sức mạnh lớn nhất". Sau khi nhận được tin này, Mỹ liền thông báo với nhà cầm quyền Đài

Loan rằng Mỹ không tán thành lập trường phản công của Chính phủ Dân quốc và cũng không phối hợp, giúp đỡ hành động phản công này của Đài Loan. Khi điều trần tại Thượng viện Mỹ, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ phụ trách Viễn Đông Robertson tiết lộ: Đài Loan đã vạch ra một kế hoạch phản công, yêu cầu Mỹ ủng hộ, nhưng đã bị Mỹ dứt khoát từ chối. Chính vì vậy, nhà cầm quyền Đài Loan đã chửi Mỹ "kéo chân kéo cẳng Đài Loan", "làm lộ hết chủ bài cho kẻ địch biết".

Cùng thời gian này, thông qua quan hệ với Hồng Kông, các nhân viên tình báo Mỹ tung ra nhiều lời đồn đại rằng "Tưởng Kinh Quốc tiếp xúc với Cộng sản" hòng làm yếu vai trò của Tưởng Kinh Quốc ở Đài Loan. Chẳng hạn như tháng 1 năm 1957, hãng AP (Mỹ) đưa tin, Tưởng Kinh Quốc đã thông báo với Tưởng Giới Thạch về điều kiện đàm phán hòa bình của Trung Cộng và tung tin Tưởng Kinh Quốc đã bí mật gặp gỡ Nguyên soái Trung Cộng Trần Nghị. Một phần tử thân Mỹ ở Hồng Kông là Chử Định Dân, bí danh là "Y Trước" đã xuất bản một số cuốn sách, trong đó viết: "Tưởng Kinh Quốc sớm muộn sẽ có ngày đích thân kéo lá cờ đỏ năm sao lên tại Đài Loan, phối hợp với các nhân viên công tác bí mật do Trung Cộng cài lại ở Đài Loan để tiến hành cưỡng chiếm Đài Loan." Cũng trong tháng này, đáng lẽ Tưởng Kinh Quốc sang thăm Mỹ, nhưng phía Mỹ từ chối cấp thị thực nhập cảnh cho bà vợ người Liên Xô của ông ta nên sau đó đã hủy bỏ chuyến đi.

Đến tháng 3 năm 1957, Mỹ càng chỉ trích mạnh hơn vào chính Tưởng Giới Thạch. Đại sứ Mỹ Lanchyn phát biểu với 33 nhà báo Mỹ tại Đài Bắc rằng: "Tưởng Giới Thạch là một nhân vật vĩ đại, song không phải là người không thể thiếu được." Nếu vì điều kiện sức khoẻ, ông ta không thể tiếp tục lãnh đạo được nữa, "chúng ta có đầy đủ lý do để tin rằng đó sẽ là một sự kế thừa bình thường, hợp pháp và hòa bình". Trong khi đó một số nhân vật thuộc phe đối lập được Mỹ ủng hộ như Hồ Thích, Lôi Chấn… lại khuấy lên "phong trào khuyên Tổng thống Tưởng" về hưu, ép Tưởng Giới Thạch rút lui.

Lúc này, báo chí Hồng Kông, Đài Loan, do Quốc dân đảng thao túng, đã liên tiếp tiến công Đại sứ Mỹ Lanchyn. Tân sinh báo mắng Lanchyn là "rất thiếu lễ độ khi nói về vấn đề thừa kế Nguyên thủ quốc gia của nước sở tại ngay trên nước sở tại". Tạp chí Hồng Kông Người tự do đã kích Lanchyn: "Thân làm Đại sứ, đáng lẽ phải hiểu nên có thái độ và mức độ giới hạn như thế nào khi nói đến vấn đề nội bộ của nước sở tại, cớ sao lại ăn nói ba hoa, tùy tiện?" Tờ Công thương nhật báo thì viết: "Trung Hoa Dân Quốc tự mình biết cách lo liệu cho vận mệnh của mình, không cần Mỹ chi phối làm thay." "Chúng ta có điều kiện kết bạn, nguyên tắc dựng nước riêng, bất kỳ ai gây phương hại đến những tiêu chuẩn này, chúng ta cũng sẽ phản kích, quyết không khuất phục."

Ngày 20 tháng 3, viên Thượng sĩ Mỹ đóng ở Đài Loan là Reynolds nổ súng bắn chết Thiếu tá Lưu Tự Nhiên, học viên thuộc Viện Nghiên cứu Thực tiễn Cách mạng đã bị dư luận Đài Loan làm ầm lên. Nhà cầm quyền Quốc dân đảng nắm lấy dịp này để "phản kích" Mỹ, mâu thuẫn Mỹ – Tưởng từ đó phát triển lên tới đỉnh cao nhất.

III. SỰ KIỆN CHỐNG MỸ "24-5"

Lính Mỹ đóng tại Đài Loan được hưởng quyền "nằm ngoài vòng pháp luật" không bị các tòa án Trung Quốc xét xử. Về tiêu chuẩn đời sống, một thượng sĩ Mỹ tự vỗ ngực là thần hộ mệnh và là "ông chủ ban ơn" của Đài Loan, gây ra nhiều chuyện ngang ngược như hung hăng kiêu ngạo, say rượu đánh người bị thương, đập phá tiệm ăn, lái xe nhanh gây tai nạn chết người, làm bị thương người đi đường, đầu cơ buôn lậu, cưỡng hiếp phụ nữ… Nhà cầm quyền Đài Loan khi gặp những việc này thường áp dụng phương châm cố hết sức che đậy giấu giếm bằng cách "việc to biến thành việc nhỏ, việc nhỏ biến thành không có chuyện gì". Do Đài Loan thi hành chế độ kiểm duyệt báo chí hết sức nghiêm ngặt, nên những việc tương tự như trên chỉ có đương sự và thân nhân được biết, quần chúng nhân dân không cần phải biết làm gì, do đó tự nhiên không trở thành phong trào quần chúng có tính chất chống đối.

Nhưng, sau khi vụ án Lưu Tự Nhiên xảy ra, nhà cầm quyền Đài Loan lập tức có thái độ khác hẳn

trước đây, tỏ rõ thái độ hết sức coi trọng. Do quân Mỹ đóng ở Đài Loan được hưởng "ngoài vòng pháp luật", Reynolds chỉ bị đưa ra xét xử ở tòa án quân sự của Mỹ chứ không bị tòa án Đài Loan xét xử. Nhà cầm quyền Đài Loan vẫn nêu ra với phía Mỹ: (1) Khi vụ án này chưa giải quyết xong, Reynolds không được phép rời khỏi Đài Loan; (2) Tòa án quân sự Mỹ phải công khai xét xử vụ án Reynolds ngay tại Đài Loan; (3) Việc xét xử phải công bằng và nhanh chóng kết án. Đồng thời, nhà cầm quyền khuyến khích báo chí đưa tin về vụ án này.

Ngày 17 tháng 5, phía Mỹ thông báo với phía Đài Loan, sẽ lập tòa án quân sự ở Đài Loan để xét xử Reynolds, phía Trung Hoa Dân Quốc có thể cử ba nhà báo đến dự thính. Trong lúc đó, các nhà báo nước ngoài ở Đài Loan đều được mời đến dự phiên toà. Sau khi biết tin này, giới báo chí Đài Loan phản kháng ầm ĩ. Cục Báo chí của Quốc dân đảng cũng lên tiếng bênh vực, buộc phía Mỹ cuối cùng phải nhượng bộ, cho phép các nhà báo Trung Quốc được tự do dự thính.

Ngày 20 tháng 5, tòa án quân sự bắt đầu phiên tòa xét xử, Reynolds khai trước toà: Khi vợ hắn đang tắm, Lưu Tự Nhiên đứng ngoài nhìn trộm, y phát hiện ra, Lưu lại còn công kích cả y, để tự vệ nên mới bắn chết Lưu. Toàn bộ câu chuyện được sắp đặt đầy mâu thuẫn, hoàn toàn không khớp với việc khám nghiệm, quan sát hiện trường, báo cáo khám nghiệm tử thi và lời khai của những người làm chứng gần đó, bản thân Reynolds bị kiểm sát viên (một thượng úy Mỹ) truy hỏi, nhiều lần ấp a ấp úng, nói lung tung.

Báo chí Hồng Kông tiết lộ rằng Reynolds và Lưu Tự Nhiên vốn là bạn với nhau, hai người chung nhau đầu cơ buôn bán kiếm lời. Reynolds đánh cắp vật tư quân sự Mỹ mà thị trường đang khan hiếm, tuồn ra ngoài để Lưu Tự Nhiên đem bán. Sau vì ăn chia không đều, Reynolds nổi cáu bắn chết Lưu. Tính chất vụ án hoàn toàn là do Reynolds cố ý giết người, cần dùng cực hình khép án. Hoặc nếu đúng như lời khai của Reynolds, quả thực Lưu Tự Nhiên nhìn trộm vợ y tắm, cũng chưa phải là nguyên nhân dẫn đến giết người. Reynolds nói Lưu Tự Nhiên công kích y trước là không phù hợp lô-gic tâm lý của một người đang lén lút nhìn trộm. Cho dù lời khai đó là đúng, những chứng cứ do Reynolds cung cấp cũng chỉ là một cành cây nhỏ, gọi là vũ khí Lưu dùng để công kích Reynolds. Đối với một cành cây nhỏ bé chỉ bẻ nhẹ tay cũng gẫy này, Reynolds không cần phải rút súng bắn để "tự vệ" ngay cả khi Lưu trúng đạn bỏ chạy rồi, Reynolds vẫn đuổi theo bắn tiếp, ít nhất đó cũng là phòng vệ quá đáng.

Thế mà khi tuyên án chính thức ngày 23 tháng 5, Reynolds lại được tuyên bố là vô tội. Hơn nữa, vì đây là bản án quân sự, nên chỉ xét xử một lần là chung thẩm rồi.

Trong thời gian tòa đang xét xử, báo chí Đài Loan đăng khá nhiều tin bài về vụ án này, vô tình hoặc hữu ý, các báo đều không đề cập đến chuyện đầu cơ buôn bán chung giữa Reynolds và Lưu Tự Nhiên, hình như làm như vậy sẽ ảnh hưởng đến sự đồng cảm của người dân đối với Lưu Tự Nhiên. Liên hợp báo do Vương Tích Ngô, một người thân cận của Tưởng Kinh Quốc, phụ trách đã liên tiếp đăng nhiều bài bình luận, phê phán Mỹ "viện trợ nước ngoài là điều thứ 5, tùy tiện giết chết nhân dân nước nhận viện trợ là điều thứ 6"; sau đó kêu gọi "mỗi người Trung Quốc" hãy "bình tĩnh, lặng lẽ theo dõi" vụ án này, "mọi người đang chờ đợi một cuộc thử thách". Ngày 23 tháng 5, tòa án quân sự Mỹ tuyên bố Reynolds vô tội. Ngay sáng 24 tháng 5, Liên hợp báo liền đăng bài xã luận dài mấy trang ngay trên cột đầu trang nhất nhan đề Kháng nghị quân đội Mỹ xem nhẹ nhân quyền và đăng bài của Áo Đặc Hoa, vợ Lưu Tự Nhiên Tôi tố cáo trước xã hội. Những bài tuyên truyền này đã nhanh chóng đẩy tâm lý chống Mỹ trong dân chúng Đài Loan lên cao.

9 giờ 30 phút ngày 24 tháng 5, "Ngoại trưởng Đài Loan" Diệp Công Siêu hẹn gặp đại biểu lâm thời Đại sứ quán Mỹ tại Đài Loan Pilcher, tỏ ý vô cùng bất bình trước bản án đối với Reynolds, đồng thời với danh nghĩa "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc" và "nhân dân Trung Quốc" yêu cầu xử lại vụ án. Đúng lúc Diệp Công Siêu còn đang phản kháng với Pilcher thì vợ góa của Lưu Tự Nhiên là Áo Đặc Hoa mang biểu ngữ viết bằng cả tiếng Trung và tiếng Anh: "Kẻ giết người lại vô tội hay sao? Tôi lên án, tôi phản đối!" đi đến biểu tình thị uy trước cổng Đại sứ quán Mỹ ở Đài Loan. 10 giờ 40 phút, "Cục trưởng Cảnh sát" Đài Bắc Lưu Quốc Hiến và "Viện trưởng Viện

kiểm sát" Đài Bắc Tuyên Thiện Trì dẫn một lô cảnh sát đến hiện trường, khuyên Áo Đặc Hoa hoặc là vào hẳn bên trong "Sứ quán Mỹ" để nói chuyện, hoặc là thông qua "Bộ Ngoại giao" để đàm phán. Áo Đặc Hoa nói là muốn tiến hành cuộc "kháng nghị thầm lặng" trên lãnh thổ Trung Quốc của bà và chỉ đại diện cho bản thân bà mà thôi. Lúc này đã có khá đông quần chúng vây quanh đứng xem, bọn Lưu Quốc Hiến lúc này cũng không nói năng gì nữa. Khoảng 12 giờ trưa, người tụ tập đến càng đông hơn. Công ty Phát thanh Trung Quốc thuộc nhà cầm quyền Đài Loan (Tổng Giám đốc Ngụy Cảnh Mông là một trong số ít chiến hữu gần gũi của Tưởng Kinh Quốc) cũng cử phóng viên đến hiện trường đưa tin. Áo Đặc Hoa khóc to, nói không ra lời rằng: "Hôm nay tôi đến đây, không phải chỉ bày tỏ sự phản kháng thầm lặng cho người chồng vô tội của tôi, mà tôi còn phản kháng vì người dân Trung Quốc nữa. Trừ phi người Mỹ có sự trả lời vừa lòng người Trung Quốc, nếu không tôi sẽ không rời bỏ nơi này." Lời phát biểu ghi âm nói trên lập tức được Công ty Phát thanh Trung Quốc phát ngay lập tức.

Đến khoảng 13 giờ, Áo Đặc Hoa vẫn còn khóc lóc trước cửa "Đại sứ quán Mỹ", có một phụ nữ thấy vậy xúc động quá, cũng khóc nấc lên, không khí lúc này rất nặng nề và thê thảm. Tiếp đó, một người bất ngờ hô to: "Reynolds đã lên máy bay chuồn rồi!" Câu này như một mồi lửa châm vào thùng thuốc súng, làm cho tâm lý phẫn nộ vốn bị dồn nén của quần chúng tại hiện trường bỗng nhiên bùng nổ mạnh mẽ.

Khoảng 13 giờ 20 phút, hàng ngàn quần chúng bắt đầu ném gạch đá vào "Sứ quán Mỹ". Tiếp đó, mấy trăm người xông vào trong khu vực "Sứ quán", đập hòm tủ, đốt phá ô tô, đập phá cửa và trang thiết bị trong nhà, xé cờ Mỹ, kéo cờ của Trung Hoa Dân Quốc. 15 giờ 15 phút, Trưởng phòng Cảnh sát Mật vụ Đài Loan Nhạc Cán đến hiện trường, nhưng không có bất kỳ hành động gì. Lúc này, khoảng 50 học sinh trường Trung học Thành Công, do giáo viên huấn luyện quân sự dẫn đầu, đến sân khu Sứ quán Mỹ, hô khẩu hiệu, ủng hộ hành động của quần chúng. 16 giờ 20 phút, người ta phát hiện có cán bộ Sứ quán Mỹ trốn trong nhà hầm, liền bắt đem lên đánh đập, làm tám người Mỹ bị thương, sau cảnh sát Đài Loan có mặt tại hiện trường đã phải chuyển những người Mỹ này đi nơi khác. Có mấy đám cháy do quần chúng phóng hoả nhưng cũng được các đội phòng chống cháy dập tắt kịp thời. 17 giờ, cảnh sát mới bắt đầu hành động, dùng xe vòi rồng để giải tán quần chúng. Nhưng hơn một giờ sau, rất nhiều quần chúng lại vượt qua hàng rào cảnh sát, tiến vào bên trong "Sứ quán", phá hoại triệt để hơn, trong đó có người đập phá cả các tủ bảo hiểm của "Sứ quán", lấy đi rất nhiều tài liệu hồ sơ mật. Cùng lúc đó, Phòng Thông tin Mỹ và trụ sở Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ cũng bị mấy ngàn quần chúng bao vây và tiến công. Thư viện của Phòng thông tin Mỹ bị đập phá, hơn một nghìn học sinh vứt hết sách báo của thư viện ra bên ngoài rồi đốt lửa, ánh lửa sáng bừng cả tòa nhà "Cục Cảnh sát" Đài Bắc nằm đối diện với Phòng Thông tin Mỹ. Đúng 19 giờ tối, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Loan chính thức tuyên bố Lệnh giới nghiêm, từng tốp từng tốp Quân cảnh được phái tới lập vòng vây bảo vệ "Đại sứ quán", Phòng Thông tin và Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ. Song, tâm lý căm phẫn của quần chúng lúc này đang dâng lên thành cao trào, họ nghe nói có người bị cảnh sát bắt giữ, liền kéo đến bao vây trụ sở "Cục Cảnh sát" Đài Bắc để đập phá, nhà để xe của "Cục Cảnh sát" cũng bị phóng lửa đốt cháy. Thế là cảnh sát nổ súng trấn áp, hai bên hỗn chiến. Phía quần chúng có một người chết, mấy chục người bị thương; phía cảnh sát có năm, sáu người bị thương. Đến 23 giờ khuya, nhà cầm quyền Đài Loan phải huy động một lực lượng lớn quân đội tham gia mới kiểm soát được tình hình.

Sau khi sự kiện này xảy ra, Mỹ lập tức có phản ứng quyết liệt. Lanchyn nêu ra sự phản đối kịch liệt với "Ngoại trưởng Đài Loan" Diệp Công Siêu, đòi phải điều tra người đứng sau chỉ huy kích động bạo lực, nghiêm trị những kẻ gây rối và bồi thường mọi thiệt hại. Ngày 2 tháng 5, người phát ngôn Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố "Kiên quyết không xử lại vụ án Reynolds". Bắt đầu từ 25 tháng 5, báo chí Mỹ mấy ngày liền đều dành những vị trí nổi bật đưa tin về vụ "bạo động" ở Đài Bắc và đều thống nhất chỉ trích nhà cầm quyền Đài Loan là "vong ơn bội nghĩa", đã xét lại quan hệ giữa Mỹ với Đài Loan. Nhiều Nghị sĩ Quốc hội Mỹ cũng lên tiếng đe dọa sẽ cắt giảm số cố vấn và nhân viên quân sự Mỹ ở Đài Loan và nghiên cứu xem việc Mỹ viện trợ quân sự quy mô lớn cho Đài Loan có phải là "thông minh hay không". Trong sự ồn ào này, có một sự chỉ trích giống nhau nhất, cho rằng sự việc này do nhà cầm quyền Đài Loan tổ chức. Ngay cả

Thượng nghị sỹ Nolan, một người thuộc phe hữu luôn ủng hộ Tưởng Giới Thạch, cũng viết bài xã luận đăng trên báo Diễn đàn Auckland, một tờ báo do ông ta sáng lập (do bạn thân của Nolan là Reinhards Lawrence chấp bút), vạch ra rằng sự kiện này không phải tự phát mà là "có đầy đủ chứng cứ chứng tỏ sự công kích vào tòa Đại sứ Mỹ và Phòng Thông tin Mỹ ở Đài Loan lần này là do những người có quyền lực rất cao sắp đặt". Một số quan chức Mỹ còn thẳng thắn nói rõ tên của "người có quyền lực rất cao" này là Tưởng Kinh Quốc.

Tổng hợp sự phân tích của báo chí Mỹ và bản thân sự việc này ta thấy có tới sáu nhân tố chứng tỏ sự kiện này có bối cảnh dính líu tới các quan chức:

1. Trước khi sự việc xảy ra, một số người Mỹ ở Đài Bắc đã được các bạn Trung Quốc cảnh cáo là nên "ngồi ở nhà", chứng tỏ sự việc này có âm mưu từ trước.

2. Những người cầm đầu gây rối là trí thức khá thông thạo tiếng Anh. Rất nhiều người đeo huy hiệu "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" do Tưởng Kinh Quốc lãnh đạo. Điều đáng chú ý đặc biệt hơn là giáo viên huấn luyện quân sự lại dẫn học sinh trường Trung học Thành Công đến ủng hộ quần chúng biểu tình. Học sinh trường này phần đông đều là con cháu của các nhà lãnh đạo Quốc dân đảng, trong đó có hai con trai Tưởng Kinh Quốc là Tưởng Hiếu Văn, Tưởng Hiếu Vũ. Hiệu trưởng Phan Chấn Cầu là người tâm phúc của Tưởng Kinh Quốc, đồng thời cũng là cán bộ phụ trách chủ chốt của "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" (sau thăng chức là "Chủ nhiệm Đoàn Thanh niên Cứu quốc"). Nếu không có người hỗ trợ, chắc chắn ông ta không dám dẫn học sinh đến "Đại Sứ quán" Mỹ đập phá, càng không thể bình yên và được thăng quan tiến chức sau sự kiện này.

3. Việc tiến công rõ ràng được phân công cho mấy khu vực, mấy đợt triển khai theo trình tự hẳn hoi. Người biểu tình có đem theo quốc kỳ của Trung Hoa Dân Quốc, học sinh tham gia biểu tình sau đó lại đi theo đội hình, có hàng ngũ tề chỉnh, có cờ và khẩu hiệu, tất cả đều chứng tỏ có sự chuẩn bị trước.

4. Cảnh sát rõ ràng có thái độ bỏ qua. Đài Loan vốn có "Luật Giới nghiêm"; những viên Quân cảnh xưa nay vốn quen dùng bạo lực, nay lại chỉ theo dõi những người gây rối "một cách hòa bình", kéo dài tới bốn năm giờ đồng hồ, mãi tới khi những người gây rối quay sang chống lại cảnh sát, họ mới bắt đầu đàn áp, đây quả là điều khó hiểu.

5. Đài phát thanh của nhà chức trách đã cho phát tiếng khóc và lời tố cáo của Áo Đặc Hoa. "Báo chí tuy bị kiểm soát rất chặt chẽ, mà lại dám dùng những đầu đề và những bài báo có tính kích động để xúi giục quần chúng. Một số vị Bộ trưởng còn có những lời nói chống Mỹ, ủng hộ sự phản kháng của quần chúng."

6. Các tủ bảo hiểm trong Sứ quán bị phá, nhiều hồ sơ, tài liệu mật bị đánh cắp. Phá được tủ bảo hiểm phải tốn nhiều công sức, nhưng kẻ gây rối bình thường chắc chắn sẽ chuyển sang đập phá những thứ dễ hơn. Chỉ có những người "có nhiệm vụ đặc biệt" mới nhân lúc hỗn loạn này để phá các tủ bảo hiểm.

Hơn nữa, việc Reynolds sau khi đưa ra xử ở tòa án lên máy bay rời Đài Loan đi ra sân bay quân sự của Mỹ bằng phương tiện rất bí mật. Vậy mà có người lại lớn tiếng công bố sự việc này tại hiện trường xảy ra bạo loạn, châm ngòi nổ cho tâm lý căm phẫn của quần chúng. Người châm ngòi này rõ ràng phải là người có "nhiệm vụ đặc biệt".

Tóm lại, sự kiện này tuyệt nhiên không phải là sự quấy rối tự phát của quần chúng. Nếu nhà cầm quyền Đài Loan không sắp đặt và bố trí trước thì chí ít họ cũng khuyến khích và đồng tình ủng hộ với những người gây rối. Thái độ khuyến khích và ủng hộ này chỉ chấm dứt khi phong trào quần chúng tiến công "Cục Cảnh sát", tức là khi chuyển từ chống Mỹ sang "chống Tưởng Giới Thạch". Rất có thể là nhà cầm quyền Đài Loan định tổ chức một hoạt động phản kháng,

bao gồm sự "quấy rối" trong mức độ hạn chế nhất định, kết quả là không kiểm soát được tình hình, cuối cùng phải tung lực lượng cảnh sát ra đàn áp.

Cùng ngày 24 tháng 5, Tưởng Giới Thạch không có mặt ở Đài Bắc. Sáng sớm 25 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc đáp chuyên cơ đến Đài Trung đón cha về Đài Bắc giải quyết vụ kiện trên. Khi về đến Đài Bắc, Tưởng Giới Thạch liền triệu tập họp khẩn cấp với Trần Thành, Vu Hữu Nhiệm, Diệp Công Siêu, Du Hồng Quân, Trương Đạo Phan… Trong cuộc họp, Tưởng Kinh Quốc nói tâm lý phẫn nộ của quần chúng Đài Bắc là chính nghĩa, không nên truy cứu trách nhiệm; để giữ uy tín của "Chính phủ" Quốc dân đảng, không được nhượng bộ Mỹ quá nhiều. Tưởng Kinh Quốc còn đề nghị hủy bỏ "quyền nằm ngoài vòng pháp luật" của binh lính Mỹ đóng ở Đài Loan, ít nhất là đòi Mỹ phải xử lại vụ án giết người Reynolds. Nhưng lập trường cứng rắn này của Tưởng Kinh Quốc đã bị đa số người tham dự cuộc họp phản đối. Họ nêu ra hàng loạt lý do để không được làm phật lòng Mỹ, gây tác động rất lớn đối với Tưởng Giới Thạch.

Cùng ngày, "Viện trưởng Hành chính" của nhà cầm quyền Đài Loan là Du Hồng Quân ra tuyên bố bày tỏ "lấy làm tiếc" trước vụ bạo động và hứa sẽ "trừng trị kẻ phạm pháp". "Đại sứ" của nhà cầm quyền Đài Loan tại Mỹ là Đổng Hiển Quang cũng được lệnh của Ngoại trưởng Diệp Công Siêu, trao cho Chính phủ Mỹ công hàm hình thức xin lỗi. Nhưng "Đại sứ Mỹ" tại Đài Loan mấy lần đề nghị gặp Tưởng Giới Thạch đều bị từ chối.

Sau một ngày một đêm nghiền ngẫm, cuối cùng Tưởng Giới Thạch quyết định nhượng bộ Mỹ hoàn toàn. Ngày 26 tháng 5, Tưởng Giới Thạch tiếp Lanchyn. Người phiên dịch lúc đó là Thẩm Kiếm Hồng, sau này viết trong hồi ký là: Tưởng Giới Thạch đã xin lỗi Lanchyn, "cho rằng nguyên nhân của sự kiện này chủ yếu là do người Trung Quốc không hiểu biết về chế độ Tư pháp của Mỹ", đồng thời bày tỏ sẵn sàng bồi thường mọi thiệt hại của phía Mỹ. Tiếp đó, Tưởng Giới Thạch tuyên bố cách chức "Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Bắc của Hoàng Trân Ngô, cách chức "Tư lệnh Hiến binh" Đài Bắc của Lưu Vĩ và chức "Trưởng phòng Mật vụ" của Nhạc Cán, bổ nhiệm "Tổng Tư lệnh Lục quân" Hoàng Việt kiêm giữ chức "Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Bắc. Hoàng Trân Ngô vốn là Sư đoàn Trưởng Sư đoàn 208 Thanh niên quân đội. Sau khi bị cách chức, Tưởng Kinh Quốc đích thân gọi điện thoại an ủi động viên Hoàng Trân Ngô. Lúc đầu, Hoàng Kiệt cũng không muốn kiêm nhiệm chức "Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Bắc. Ông ta cũng phản đối sự nhượng bộ quá nhiều đối với Mỹ và cũng không chủ trương bắt giữ "những kẻ gây rối" và không nổ súng vào quần chúng. Vì vậy, ông ta đã xin gặp Tưởng Giới Thạch, nhưng Tưởng không chịu gặp. Hoàng Kiệt đành phải viết thư nhờ thị vệ của Tưởng trình lên Tưởng Giới Thạch. Nhưng, để tỏ lòng "tận trung với Nguyên thủ quốc gia", Hoàng Kiệt vẫn nhận chức "Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Bắc và tuyên truyền rằng sẽ tiếp tục thi hành Lệnh giới nghiêm và Thiết quân luật, cấm đi lại ban đêm, cấm các cuộc tụ tập "trái phép, cấm biểu tình thị uy và bãi công "phi pháp". Cảnh sát, hiến binh và nhân viên công tác đặc biệt được tung đi khắp nơi để truy bắt "phần tử bạo loạn". Ngày 27 tháng 5, Diệp Công Siêu đọc bản tuyên bố trước cuộc họp báo, một lần nữa lại tỏ ý lấy làm tiếc và xin lỗi trước "sự kiện chống Mỹ" này, đồng thời bác bỏ cách nói rằng sự kiện này do nhà cầm quyền tổ chức thực hiện, nói rằng "nói chung Đài Bắc không phải phổ biến có tâm lý chống Mỹ". Cùng ngày 27 tháng 5, tại Washington, Đổng Hiển Quang cũng giải thích rằng sự kiện lần này chỉ là một "sự kiện cá biệt", nhà cầm quyền tuyệt nhiên không có dính líu gì và tỏ ý sẵn sàng bồi thường mọi thiệt hại của phía Mỹ.

Có nguồn tin cho biết, sau khi xin lỗi Lanchyn, Tưởng Giới Thạch đã gặp Tưởng Kinh Quốc, hai cha con nói chuyện riêng hơn một tiếng đồng hồ. Tưởng Giới Thạch bảo Tưởng Kinh Quốc rằng nếu Mỹ cắt giảm viện trợ hoặc quay sang ủng hộ Trung Cộng cũng đều đặt Đài Loan vào chỗ chết. Đồng thời, Tưởng Giới Thạch yêu cầu Tưởng Kinh Quốc phải tự kiềm chế và nên đứng ra phát biểu để xua tan sự nghi ngờ và chỉ trích của phía Mỹ đối với mình. Theo gợi ý của cha, ngày 28 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc tiếp phóng viên UPI Mỹ, tuyên bố rằng "sự kiện chống Mỹ" vừa qua chỉ là "tâm lý kích động" do quần chúng không bằng lòng với phiên tòa xử án, "còn ở đây (tức Đài Loan) không hề có tư tưởng chống Mỹ". Tưởng Kinh Quốc chủ động nhắc tới việc một số người Mỹ cho rằng ông ta là người chống Mỹ, nói rằng: "Nhưng tôi cho rằng chỉ có hợp tác với Mỹ, chúng tôi mới có hy vọng hoàn thành sự nghiệp lớn tiêu diệt Cộng sản. Vì thế,

chỉ có hai lý do sau đây khiến tôi chống lại Mỹ: Hoặc là tôi điên, hoặc tôi là kẻ phản bội." Về việc mọi người chỉ trích Tưởng Kinh Quốc phải chịu trách nhiệm về vụ này, Tưởng Kinh Quốc tỏ ra "rất ngạc nhiên"!

Do nhà cầm quyền Đài Loan đã có một loạt nhượng bộ, hơn nữa Mỹ cũng xét thấy không thể vì vụ kiện đó mà bỏ mất Đài Loan, một chiếc "hàng không mẫu hạm không bao giờ chìm". Cho nên ngày 29 tháng 5, Ngoại trưởng Mỹ Dulles tuyên bố sự việc Đài Bắc không làm cho Mỹ thay đổi chính sách đối với Đài Loan. Ngày 1 tháng 6, Tưởng Giới Thạch ra lời tuyên bố, tự cho mình là người "đức bạc, tài hèn, lãnh đạo không có phương pháp", rằng sự kiện này là điều "đáng tiếc lớn nhất trong đời". Tưởng Giới Thạch còn tuyên bố: "Chúng ta cố nhiên hy vọng bạn bè có thể thông cảm và lượng thứ, đồng thời phía chúng ta cũng phải thông cảm với bè bạn trước, có như thế mới là đạo làm người của người Trung Quốc, chúng ta luôn cảm thông với người khác, "hiểu người khác như hiểu mình" và "nhìn mình biết người".

Ngày 3 tháng 6, Đài Bắc hủy bỏ Lệnh giới nghiêm ban đêm. Ngày 26 tháng 6, "Tòa án quân sự khu cảnh vệ" Đài Bắc tuyên bố kết quả điều tra xem xét những người bị tình nghi có liên quan đến sự kiện này. Theo số liệu, trong vụ này đã bắt giữ 111 người bị tình nghi, trong đó 71 người sau khi điều tra xác minh vô tội đã lần lượt được tha. Có 40 người bị khởi tố, qua xét xử tuyên bố hai người vô tội, miễn hình phạt mười người, có 16 người bị phạt tiền nhưng tạm hoãn thi hành, một người bị án tù cho hưởng án treo, có bốn người bị phạt tù có thời hạn, sau chuyển thành phạt tiền, còn bảy người bị phạt tù giam có thời hạn (nhiều nhất là một năm, ít nhất là sáu tháng). Ở Đài Loan, tòa án quân sự thường hay kết án nghiêm khắc, nặng hơn tòa án dân sự. Nhưng việc xét xử và giải quyết sự kiện "24-5" cũng lại rộng lượng khác thường và "chưa từng có bao giờ".

Nhìn bề ngoài, nguyên nhân dẫn đến sự kiện "24-5" là do việc xét xử vụ án Reynolds không công bằng. Song thật ra, đúng như phóng viên Mỹ William Miller đã viết: "Ít nhất từ hai năm trước khi xảy ra sự kiện chớp nhoáng này đã có những dấu hiệu của trận bão táp rồi", "điều thúc đẩy sự kiện này nổ ra chính là quan hệ căng thẳng vẫn tồn tại từ lâu". Tờ Manchester Guardian của Anh phân tích rằng: "Nguyên nhân gây ra sự kiện '24-5', không phải chỉ vì người ta quá phẫn nộ trước việc lính Mỹ được hưởng quyền nằm ngoài vòng pháp luật và có mức sống rất cao", "mà điều quan trọng hơn khiến họ (tức nhà cầm quyền Đài Loan) phẫn nộ là do người Mỹ ngăn cản họ phát động hành động giải phóng Đại Lục". Còn Thời báo Los Angeles lại nhận định rằng: "Nguyên nhân bên trong có thể do sự khó chịu của những người Quốc dân đảng, trên thực tế họ không muốn cứ bị giam hãm tại Đài Loan." Tóm lại, những người có chút am hiểu tình hình Đài Loan đều phủ nhận ý kiến cho rằng sự kiện này xảy ra chỉ đơn thuần do "tâm lý bị kích động" tự phát của quần chúng, họ đều cho rằng đây là cuộc tổng bộc lộ sự bất bình của nhà cầm quyền Đài Loan đối với Mỹ.

Qua sự kiện "24-5", người Mỹ cũng nhận thức được tâm lý chống Mỹ tiềm tàng trong nhân dân Đài Loan và ý thức dân tộc sâu sắc của họ. Do đó, câu chuyện huyền thoại về "người Đài Loan thích người Mỹ", "người Đài Loan hoan nghênh Liên Hợp Quốc đến quản lý" do một số ít chính khách bịa ra với dụng ý xấu, cũng tự nó tan biến mất. Vì thế, tuy số ít người Mỹ vẫn ngoan cố mưu toan thực hiện cái gọi là "ủy quyền cho Liên Hợp Quốc quản lý" và thực hiện "Đài Loan độc lập", nhưng giới chức Mỹ không thể không lo ngại. Đây là một trong số nguyên nhân khiến Chính phủ Mỹ cuối cùng không dám công khai tung ra vấn đề "ủy quyền cho Liên Hợp Quốc quản lý" và không dám công khai ủng hộ "Đài Loan độc lập".

Nhưng do nhà cầm quyền Quốc dân đảng phút cuối đã có thái độ đàn áp nhân dân và quỳ gối xin lỗi Mỹ, làm cho tâm lý chống Mỹ trong dân chúng bị dồn nén. Hơn nữa, trò "đùa với lửa" của Quốc dân đảng cuối cùng cũng chỉ tự chuốc vạ vào thân chứ chưa hề được phía Mỹ nhân nhượng điều gì thực chất cả. Đặc biệt, trong việc ngăn cản Quốc dân đảng phản công Đại Lục và đòi quân Tưởng phải rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ thì sức ép từ phía Mỹ đối với nhà cầm quyền Đài Loan càng ngày càng mạnh.

Trái lại, qua sự kiện "24-5", Đảng cộng sản càng nhìn rõ hơn là có thể phân hóa được "bọn phản động Mỹ – Tưởng"; tuyệt đại đa số những người của Quốc dân đảng, kể cả cha con Tưởng Giới Thạch, vẫn còn ý thức dân tộc, đó là điều rất đáng tranh thủ. Xuất phát từ nhận thức đó, trong cuộc khủng hoảng xung quanh vụ Kim Môn, Mã Tổ xảy ra một năm sau đó, Đảng cộng sản Trung Quốc đã có sách lược linh hoạt hơn.

IV. CUỘC KHỦNG HOẢNG KIM MÔN – MÃ TỔ

Từ ngày 5 đến ngày 23 tháng 5 năm 1958, Đảng cộng sản Trung Quốc khóa VIII họp Hội nghị Trung ương lần thứ 2, đề ra đường lối chung "Dốc lòng hăng hái, cố gắng vươn lên, xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhiều, nhanh, tốt, rẻ", khuấy lên cao trào xây dựng kinh tế trong phạm vi toàn quốc, được gọi là phong trào "Đại nhảy vọt".

Ngày 21 tháng 6, tại hội nghị mở rộng của Quân ủy Trung ương, đồng chí Mao Trạch Đông chỉ rõ: "Phải tranh thủ thời gian, tốt nhất là mười năm không phải đánh nhau… Hiện nay Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan rất nhỏ, nhưng vẫn còn rất ghê gớm, thường cho máy bay đến rải truyền đơn. Nếu tôi có 150 triệu tấn thép, lúc đó chỉ cần thổi một hơi, y sẽ phải bước đi ngay; còn bây giờ có đánh mìn y cũng chẳng chịu". Câu nói trên đây chứng tỏ Mao Trạch Đông đã có ý đồ tạm thời từ bỏ việc dùng quân sự để giải phóng Đài Loan và phải tập trung toàn bộ sức lực phát triển kinh tế, chờ đến khi lực lượng đất nước cường thịnh sẽ tính việc giải quyết vấn đề Đài Loan sau.

Lúc này, cuộc hội đàm Trung Quốc – Mỹ đã bị ngừng. Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc cho rằng: "Các cuộc hội đàm trong giai đoạn trước đã đưa ra nhiều vấn đề rất khó giải quyết riêng rẽ từng vấn đề một. Từ nay trở đi, phải xác định nguyên tắc giải quyết vấn đề "cả gói", nghĩa là nếu vấn đề Đài Loan không giải quyết thì đừng nói gì đến việc giải quyết các vấn đề khác." Sau đó mấy tháng, Mao Trạch Đông lại giải thích rõ thêm và nguyên tắc giải quyết vấn đề "cả gói" này, ông nói: "Hoặc là cầm lấy, hoặc là không cần một cái gì cả, chỉ có Kim Môn, Mã Tổ, chúng ta không cần" (Phát biểu của Mao Trạch Đông ngày 23 tháng 12 năm 1958 khi tiếp cán bộ phụ trách các quân khu). Vì sao "chỉ có Kim Môn, Mã Tổ, chúng ta không cần"? Bởi vì chỉ chiếm đóng mấy đảo nhỏ Kim Môn, Mã tổ sẽ chẳng có ý nghĩa mấy so với một nước lớn như Trung Quốc, chỉ càng làm cho khu vực Đài Loan nằm biệt lập ngoài biển xa. Ngược lại, làm như vậy là trúng tâm địa của Mỹ, tạo thuận lợi cho Mỹ thực hiện "hai nước Trung Quốc". Nếu để cho Quốc dân đảng giữ Kim Môn, Mã Tổ sẽ khiến cho nhà cầm quyền Đài Loan phải giữ một mối dây liên hệ với Đại Lục, tạo điều kiện sau này giải quyết "cả gói" toàn bộ vấn đề Đài Loan. Đồng thời, Kim Môn, Mã Tổ thuộc tỉnh Phúc Kiến xưa nay không hề có chuyện "địa vị chưa được xác định rõ". Vì vậy, Mỹ định vứt bỏ hai gánh nặng này, còn chúng ta lại để cho Quốc dân đảng lưu lại ở Kim Môn, Mã tổ tức là chúng ta lập thêm một hàng rào chắn mới nữa chống âm mưu của Mỹ tuyên truyền cho vấn đề "địa vị Đài Loan chưa được xác định" và mưu toan thực hiện "hai nước Trung Quốc", "Đài Loan độc lập".

Để tranh thủ hoàn cảnh quốc tế tương đối thuận lợi, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra đề nghị với Chính phủ Mỹ, định thời hạn cho việc khôi phục hội đàm cấp đại sứ giữa hai nước, song phía Mỹ lại làm ngơ. Ngoại trưởng Mỹ Dulles ngoan cố thi hành chính sách thù địch với Trung Quốc, dùng cái thuyết gọi là "bên miệng hố chiến tranh" để đối phó với phe xã hội chủ nghĩa. Do lý luận đó chỉ đạo, Mỹ khoe khoang khắp nơi về sức mạnh hải quân và không quân của Mỹ, dùng chiến tranh để dọa nạt nước khác, nhưng trên thực tế họ không muốn có chiến tranh thật. Nói cách khác là, cho dù có "đứng bên miệng hố" chiến tranh họ cũng lợi dụng tâm lý sợ chiến tranh của đối phương để tìm kiếm lợi ích chính trị. Trong việc phối hợp phòng thủ chung ở Kim Môn, Mã Tổ, Mỹ có thái độ vừa xa lánh lại vừa gần gũi, đó cũng chính là vận dụng chính sách "bên miệng hố chiến tranh".

Từ ngày 31 tháng 7 đến ngày 3 tháng 8, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên xô Nikita Sergeyevich Khrushchev thăm Bắc Kinh, tiến hành hội đàm với Mao Trạch Đông. Cùng dự hội đàm có Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc, Nguyên soái Bành Đức Hoài và Bộ trưởng Quốc

phòng Liên Xô, Nguyên soái Rodion Yakovlevich Malinovsky. Bản thông cáo hội đàm giữa hai bên nhấn mạnh "tiếp tục phát triển sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, tăng cường hơn nữa khối đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa, tăng cường hơn nữa tình đoàn kết với tất cả các nước và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới". Bản thông cáo hội đàm này còn dành nhiều đoạn lên án hành động xâm lược thô bạo của Mỹ và Anh ở Trung Đông. Nhà quan sát phương Tây phân tích rằng các vị đứng đầu hai nước Trung Quốc và Liên Xô chọn thời điểm Anh, Mỹ đem quân vào Trung Đông để hội đàm, lại có Bộ trưởng quốc phòng hai nước cùng tham gia, có khả năng sẽ sử dụng vũ lực ở eo biển Đài Loan, làm cho Mỹ được cái này phải mất cái khác.

Thực ra, chính tại cuộc hội đàm giữa Nguyên thủ hai phía Trung – Xô lần này, phía Trung Quốc đã từ chối những đề nghị do phía Liên Xô đưa ra về việc lập hạm đội chung và đài phát thanh sóng dài, làm tăng thêm một vết rạn nứt mới trong quan hệ hai nước vốn đã có vấn đề từ lâu. Trong bản thông cáo chung về cuộc hội đàm Nguyên thủ Trung – Xô, chẳng những không hề đề cập đến vấn đề Đài Loan, mà thậm chí ngay cả hai tiếng "Đài Loan" cũng không được nhắc tới. Tuy nhiên, lúc đó vấn đề bất đồng nội bộ này được giữ rất bí mật, vì thế người ngoài vẫn cho rằng Liên Xô sẽ ủng hộ Trung Quốc giải phóng Đài Loan.

Nằm trong bối cảnh của sự đối kháng gay gắt giữa hai phe lớn trên thế giới, lại bị coi là một quân tốt đem thí bỏ của phe phương Tây, nhà cầm quyền Đài Loan ngầm hy vọng nước bị khuấy càng đục càng tốt, nếu có thể làm cho Mỹ từ chỗ đứng "bên miệng hố chiến tranh" bị cuốn vào cuộc chiến thực tế với phía Trung – Xô thì quả thực là Tưởng Giới Thạch vẫn nằm mơ. Vì vậy, nhà cầm quyền Đài Loan tăng cường hô hào "Phản công Đại Lục". Quân Tưởng liên tiếp cho máy bay xuất kích, thả bọn đặc vụ biệt kích, oanh tạc Phúc Kiến, quấy rối Giang Tô, Chiết Giang, thậm chí bay xa tới tận Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Thanh Hải để thả truyền đơn chống Cộng sản. Hải quân Đài Loan cũng luôn gây các vụ khiêu khích trên vùng biển Phúc Kiến, Chiết Giang, Quảng Đông. Tháng 7, sau khi Mỹ, Anh xâm lược Trung Đông, quân đội Tưởng ra lệnh hủy bỏ chế độ nghỉ phép của sĩ quan và binh lính. Ngày 6 tháng 8, nhà cầm quyền Đài Loan ban bố tình trạng khẩn cấp chiến tranh. Ngày 7 tháng 8, không quân Quốc dân đảng và không quân Cộng sản giao chiến quyết liệt trên bầu trời Kim Môn. Ngày 14 tháng 8, hai bên liên tục giao chiến trên không và trên biển gần Mã Tổ. Eo biển Đài Loan trong một thời gian đã bị bao phủ bởi khói lửa chiến tranh, tình thế vô cùng hiểm nghèo.

Ngày 17 tháng 8, Mỹ cho sáu tàu chiến và hai nghìn lính thủy đánh bộ đến Singapore. Đây rõ ràng là lực lượng dự trữ do Mỹ bố trí nhằm ứng phó với tình hình eo biển Đài Loan khi cần thiết. Chính phủ Trung Quốc lập tức chỉ rõ rằng hành động trên của Mỹ là "hành động điên khùng, đe dọa hòa bình ở Đông Nam Á" (theo xã luận Nhân dân nhật báo Trung Quốc ngày 20 tháng 8 năm 1958).

Trước tình hình này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc họp Hội nghị Bắc Đới Hà từ ngày 17 đến ngày 30 tháng 8. Hội nghị này chủ yếu quyết định việc thành lập các công xã nhân dân và làm gang thép quy mô lớn, ngoài ra còn quyết định sử dụng hành động quân sự ở khu vực Kim Môn, Mã Tổ, tức phong trào sau này gọi là "pháo kích Kim Môn".

Lúc này Trung Quốc đang rất cần có bối cảnh hòa bình để tiến hành xây dựng kinh tế trên quy mô lớn, tại sao lại đề ra quyết sách "pháo kích Kim Môn"? Qua phân tích có lẽ không ngoài bốn nguyên nhân sau đây: (1) Đánh vào khí thế hung hăng của quân Tưởng, bóc trần câu chuyện hoang đường của chúng về việc "Phản công Đại Lục", nhằm giành lấy hoàn cảnh hòa bình, ổn định lâu dài; (2) Ép Mỹ phải nối lại cuộc đàm phán cấp đại sứ với Trung Quốc; (3) Thu hút quân Tưởng đóng lại ở Kim Môn, Mã tổ, nhằm đập tan âm mưu của Mỹ ép quân Tưởng rút khỏi tuyến phòng thủ Kim Môn, Mã Tổ; (4) Buộc lực lượng trên biển của Mỹ phải điều động liên tục giữa Trung Đông và Đài Loan, làm cho chính sách "bên miệng hố chiến tranh" công khai bị chê cười, làm cho toàn thế giới rõ bản chất ngoài mạnh trong yếu của Mỹ.

Thế là từ ngày 23 tháng 8, đơn vị quân đội mặt trận Phúc Kiến thuộc Quân giải phóng Nhân

dân Trung Quốc bắt đầu pháo kích Kim Môn dữ dội nhất từ trước đến nay, trong vòng hai giờ bắn trên 45 nghìn phát đạn, bắn chết tại chỗ Cát Tinh Văn và Triệu Gia Dũng, hai viên "Trung tướng Phó tư lệnh Bộ Tư lệnh Phòng vệ" Kim Môn và "Thiếu tướng Không quân" Chương Kiệt. Đợt pháo kích dữ dội này kéo dài đến tận ngày 5 tháng 10. Theo số liệu thống kê của nhà cầm quyền Đài Loan, trong 44 ngày pháo kích này, Kim Môn và các đảo trực thuộc như Đại Đàn, Nhị Đản tổng cộng phải hứng chịu tới 571.959 quả đạn pháo, trung bình mỗi mét vuông phải hứng chịu 3,86 phát đạn. Cũng trong thời gian này, trận địa quân Tưởng ở Mã Tổ cũng bị Quân giải phóng Nhân dân pháo kích dữ dội. Không chiến và hải chiến giữa hai bên cũng xảy ra nhiều trận ác liệt trên vùng trời và vùng biển Kim Môn, Mã Tổ.

Khi tiếng đạn pháo vừa nổ vang ngày 23 tháng 8, nhà Cầm quyền Đài Loan liền lập tức đưa ra yêu cầu với Mỹ về "phòng thủ chung". Mỹ một mặt tỏ ra không chịu thua kém Đảng cộng sản Trung Quốc, mặt khác lại sợ phải đánh nhau thật sự với Trung Cộng, thậm chí với cả Trung – Xô. Cho nên, một mặt cho tàu chiến đến vùng biển Đài Loan, nhưng mặt khác lại không chịu tỏ thái độ rõ ràng dứt khoát có phối hợp phòng thủ chung với Quốc dân đảng ở Kim Môn, Mã Tổ hay không. Ngày 4 tháng 9, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố mở rộng lãnh hải của mình từ ba hải lý thành 12 hải lý: Kim Môn, Mã Tổ và các đảo phụ thuộc vào Đại Đản, Nhị Đản… đều là những hòn đảo nằm trong phạm vi nội hải của Trung Quốc. Kết quả trực tiếp của nước cờ này là tước bỏ cái cớ của Mỹ về "Hợp tác phòng thủ chung Kim Môn, Mã Tổ". Lúc này, quân Mỹ nếu tiến vào vùng Kim Môn, Mã Tổ là đã ngang nhiên xâm phạm lãnh hải của Trung Quốc, sẽ đi ngược lại lập trường lâu nay Mỹ vẫn chủ trương về "trung lập hóa Đài Loan".

Cùng ngày 4 tháng 9, Ngoại trưởng Mỹ đã tuyên bố, rêu rao: "Chúng tôi đã hiểu rằng bảo vệ Kim Môn và Mã Tổ ngày càng có mối liên quan chặt chẽ với việc bảo vệ Đài Loan. Nói thật ra, những người Cộng sản Trung Quốc cũng nhận thức được điều này. Mỹ đã có kế hoạch bố trí quân sự, nhằm mục đích một khi Tổng thống quyết định, có thể áp dụng hành động vừa kịp thời, vừa hiệu quả." Đồng thời, Dulles lại nói: "Mặc dù những người Cộng sản Trung Quốc nói thế nào và cho đến nay đã làm những gì, vẫn chưa thể khẳng định được rằng, mục đích thật sự của họ là muốn dốc toàn bộ lực lượng vũ trang để chinh phục Đài Loan và các hòn đảo ven biển."

Đảo lên đảo xuống, Dulles vẫn quanh quẩn "bên miệng hố chiến tranh", chứ chưa dám dính líu thật sự vào cuộc chiến bằng pháo binh ở Kim Môn, Mã Tổ. Nhà cầm quyền Đài Loan coi hành động này của Mỹ là "dùng chiến thuật 'cho kẻ địch phán đoán', là đối xử mềm yếu và nương nhẹ với 'kẻ xâm lược'".

Ngày 5 tháng 9, Mao Chủ tịch phát biểu tại Hội nghị tối cao của Quốc vụ Viện: "Theo tôi, người Mỹ sợ đánh nhau, chúng ta cũng sợ đánh nhau, vấn đề là cuối cùng xem ai sợ nhiều hơn ai… Theo quan điểm của tôi, Dulles sợ chúng ta nhiều hơn một chút." Mao Chủ tịch lại nói: "Cái cổ của Mỹ bị treo trong dây thòng lọng của nhân dân Trung Quốc. Đài Loan cũng là một cái dây thòng lọng, có điều là hơi xa một chút. Nếu Mỹ ôm lấy Kim Môn vào mình thì cái đầu của nó cũng gần chúng ta hơn, một ngày nào đó ta đá nó một cái, nó sẽ không thoát được vì nó đã bị chiếc thòng lọng buộc chặt rồi."

Ngày 6 tháng 9, Thủ tướng Chu Ân Lai ra tuyên bố lên án Mỹ khiêu khích chống Trung Quốc. Tuyên bố nêu rõ: "Việc tranh chấp quốc tế giữa Trung Quốc và Mỹ ở khu vực eo biển Đài Loan và vấn đề nội bộ của nhân dân Trung Quốc giải phóng lãnh thổ của mình là hai sự việc mang tính chất hoàn toàn khác nhau. Mỹ không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc." Tuyên bố bày tỏ rằng: "Với mục đích một lần nữa cố gắng bảo vệ hòa bình, Chính phủ Trung Quốc sẵn sàng chuẩn bị khôi phục cuộc hội đàm cấp đại sứ giữa hai nước."

Bài phát biểu của Mao Trạch Đông và tuyên bố của Chu Ân Lai thể hiện rõ hành động quân sự lần này của Chính phủ Trung Quốc khác với hồi năm 1950 và 1955. Hai lần trước chủ yếu nhằm đánh vào nhà cầm quyền Đài Loan, còn đợt "pháo kích Kim Môn" lần này chủ yếu lại nhằm vào Mỹ, việc trừng phạt quân Tưởng chỉ là thứ yếu mà thôi.

Đồng thời, tuyên bố của Chu Ân Lai đòi quân Mỹ phải rút khỏi Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ. Còn phát biểu của Mao Trạch Đông lại coi Kim Môn, Mã Tổ là một sợi dây thòng long, không sợ Mỹ chui vào. Điều này có thể chứng tỏ Chính phủ Trung Quốc chuẩn bị theo hai khả năng đối với tình hình chiến sự ở Kim Môn, Mã Tổ. Thực tế, đó là hai cách biểu hiện của phương án "giải quyết cả gói", nghĩa là coi Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ là một thể hoàn chỉnh, nếu quân Mỹ rút thì phải rút cả các đảo này, Trung Quốc sẽ hân hoan tiễn biệt; nếu "phối hợp phòng thủ chung" thì phải phòng thủ tất cả, Trung Quốc cũng không sợ. Ngày 8 tháng 9, Mao Trạch Đông lại nói rõ hơn về vấn đề này. Ông nói: "Giải thoát sớm một chút ở Đài Loan sẽ tương đối có lợi cho Mỹ; nếu Mỹ cứ lỳ ở đó không rút, hãy cứ để họ ở đó, không có hại gì tới đại cục, chúng ta vẫn thực hiện Đại nhảy vọt."

Ngay trong ngày Thủ tướng Chu Ân Lai ra tuyên bố, Mỹ liền vội vã tỏ ý đồng ý khôi phục hội đàm cấp đại sứ. Trung Quốc nêu ra là chuyển địa điểm đàm phán từ Genève sang Vacsava, Mỹ cũng vội vàng tán thành ngay. Mặt khác, tính đến ngày 6 tháng 9, Mỹ đã tập kết ở vùng biển Đài Loan bảy chiếc hàng không mẫu hạm, ba tàu tuần dương hạm cỡ lớn, 40 tàu khu trục. Mỹ đã cho nhiều máy bay thuộc phi đoàn tuần tiễu số 46, phi đoàn không quân của lính thủy đánh bộ Mỹ số 1 và máy bay của nhiều đơn vị khác lần lượt đến Đài Loan và Philippines. Số lính thủy đánh bộ Mỹ đợt đầu gồm 3.800 quân đã đổ bộ xuống phía nam đảo Đài Loan, Mỹ đang tiếp tục cho quân đến Đài Loan. Sau này, Dulles nói đó là lần tập kết binh lực lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Ngày 7 tháng 9, Hạm đội 7 của Mỹ bắt đầu tăng cường thêm tàu hộ tống cho hạm đội ở Kim Môn. Nhưng các tàu chiến Mỹ không trực tiếp đi vào vùng có chiến sự, mà chỉ đậu phía ngoài phạm vi ba hải lý. Vì khi đó Mỹ chỉ công nhận chủ quyền lãnh hải của các nước trong phạm vi ba hải lý, cho nên tàu chiến Mỹ đỗ ở ngoài phạm vi ba hải lý. Do đó, Mỹ có thể tuyên bố là họ không hề xâm phạm lãnh hải của Trung Quốc.

Tóm lại, Mỹ cũng chuẩn bị cả hai mặt đối với Trung Cộng, một mặt tiến hành đàm phán, một mặt đe dọa bằng quân sự. Hành động đe dọa quân sự thực tế là nhằm tăng thêm thực lực của Mỹ để mặc cả trong đàm phán mà thôi.

Chính phủ Trung Quốc từ lâu đã sớm dự đoán được chính sách hai mặt này của Mỹ, Mao Trạch Đông đã từng chỉ thị cho Vương Bính Nam, Đại sứ Trung Quốc đàm phán với phía Mỹ, là trong đàm phán, phải dùng nhiều đến phương thức thuyết phục. Thí dụ như: "Nước Mỹ các ông là một nước lớn, Trung Quốc cũng không phải là nhỏ, tại sao các ông vì đảo Đài Loan chỉ vẻn vẹn mười triệu người mà lại thù địch với 600 triệu nhân dân Trung Quốc? Việc làm hiện nay của các ông rốt cuộc sẽ đem đến điều gì tốt đẹp cho nước Mỹ?" Mao Trạch Đông còn yêu cầu Vương Bính Nam "khi hội đàm, phải động não nhiều, khiêm tốn thận trọng, khi nói năng không nên dùng những lời lẽ quá kích động đối với người Mỹ như trong các cuộc đàm phán ở Bàn Môn Điếm, không nên làm tổn hại tình cảm dân tộc của nước Mỹ. Nhân dân Trung Quốc và nhân dân Mỹ đều là những dân tộc vĩ đại, cần phải đối xử tốt với nhau". Qua đó, có thể thấy Chính phủ
Trung Quốc quả thực có thiện chí trong đàm phán cấp đại sứ giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ.

Mặt khác, do Mao Trạch Đông từ lâu đã biết rõ "người Mỹ sợ đánh nhau", cho nên căn bản không đếm xỉa đến việc Mỹ đã tập kết lực lượng quân sự đông đảo ở eo biển Đài Loan. Ngày 8 tháng 9, Mao Trạch Đông nói tại Hội nghị cấp cao của Quốc vụ Viện: "Mỹ có mạnh hơn chút nữa cũng được, Mỹ có tập trung cả bốn hạm đội ở khu vực này ta cũng đều hoan nghênh. Cái thứ đó của Mỹ dọc ngang chẳng có tác dụng gì, có tập trung lại cũng chẳng lên được. Đặc điểm của thuyền là ở dưới nước, không thể lên bờ được, chẳng qua chỉ diễu đi diễu lại ở đó mà thôi." Tháng 3 năm 1959, khi hồi tưởng lại trận chiến này, Mao Trạch Đông có kể câu chuyện "cuồng sinh dạ tọa", nói rằng một cậu học trò (thư sinh) và một con quỷ ngồi đối diện nhau. Con quỷ giở đủ mọi trò để dọa cậu học trò; cậu học trò cũng dùng mọi cách dọa lại con quỷ, cuối cùng quỷ đành phải bỏ đi. Mao Trạch Đông nói: "Chúng ta không sợ quỷ, vì thế pháo kích Kim Môn, Mã Tổ."

Chính phủ Mỹ và Chính phủ Trung Quốc, bên nào cũng dùng cả hai tay, còn nhà cầm quyền Đài Loan bị kẹp ở giữa rất đau khổ mà không thể kêu ai được. Trong lúc đạn pháo rơi xuống trận địa quân Tưởng như mưa đá thì Mỹ lại đồng ý đàm phán với Chính phủ Trung Quốc, thậm chí chuyển địa điểm đàm phán tới Vacsava, thủ đô của Ba Lan, một nước đồng minh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Việc làm này dưới con mắt của Tưởng Giới Thạch hoàn toàn là sự "mềm yếu" là "chủ nghĩa hòa hoãn" trong lập trường chống Cộng của Mỹ.

Quân đội Mỹ tuy tập kết ở Đài Loan, cung cấp thêm tàu hộ tống cho quân đội Tưởng. Nhưng một lực lượng vũ trang lớn như vậy đến Đài Loan chỉ là để "ra oai ở đó một chút mà thôi". Thậm chí các tàu hộ tống này cũng không di chuyển vào trong phạm vi ba hải lý. Hành động này cũng làm cho Tưởng Giới Thạch không thể không nghi ngờ thiện chí của Mỹ trong việc "phối hợp phòng thủ chung" với Đài Loan.

Do Mỹ luôn chủ trương quân Tưởng phải rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ nên sau khi Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc pháo kích Kim Môn, Mỹ càng ép nhà cầm quyền Đài Loan mạnh hơn trong vấn đề này, làm cho nhiều nhân vật phía Tưởng chửi toáng lên rằng Mỹ định chơi trò "Munich Viễn Đông" trong hội đàm ở Vacsava, dùng Kim Môn, Mã Tổ làm món quà "hối lộ Trung Cộng" để đổi lấy an ninh ở vùng eo biển Đài Loan, khiến Mỹ không chịu nhúng tay vào cuộc chiến.

Điều làm cho nhà cầm quyền Đài Loan càng lo sợ hơn là phía Mỹ đã từng đưa ra đề nghị với Tưởng Giới Thạch rằng: Các ông đã không chịu nghe lời chúng tôi rút quân khỏi Kim Môn, Mã Tổ và các đảo ven biển, còn chúng tôi lại không muốn bị dính líu vào chiến sự ở Kim Môn, Mã Tổ. Thế thì hay là giao cho Mỹ tiếp quản toàn bộ việc phòng thủ Đài Loan và Bành Hồ, vì Đài Loan và Bành Hồ là khu vực phối hợp phòng thủ chung của quân Mỹ ghi trong Hiệp ước phòng thủ chung. Còn "quân đội quý quốc" có thể "tập trung toàn lực" phòng vệ Kim Môn, Mã Tổ trong hoàn cảnh "không phải lo lắng gì về hậu phương cả". Đề nghị này chẳng khác gì tập trung toàn bộ quân đội Tưởng ở Kim Môn, Mã Tổ làm bia đỡ đạn di động cho đạn pháo của Quân giải phóng Nhân dân, đến khi quân Mỹ có giở trò gì ở phía sau thì thật là khó ăn khó nói. Ngay cả Snyder, Tư lệnh quân Mỹ tham gia phòng thủ chung ở Đài Loan cũng phải cho rằng làm như vậy là "giáng một đòn rất nặng vào nhà cầm quyền Đài Loan", khiến phía Đài Loan rất "khó mở miệng". Tuy nhiên, Snyder vẫn phải tuân lệnh chuyển đề nghị trên đây đến Tưởng Giới Thạch. Tất nhiên, Tưởng Giới Thạch đã dứt khoát từ chối "hảo tâm" kiểu thừa gió bẻ măng này của Mỹ.

Ngày 10 tháng 9, trước làn đạn dày đặc của pháo binh Quân giải phóng Nhân dân, tuyến tiếp tế đường biển cho Kim Môn, Mã Tổ đã bị cắt đứt. Gần 120 nghìn quân Tưởng và mười mấy nghìn dân chúng trên các đảo này hoàn toàn phải dựa vào sự tiếp tế bằng đường hàng không.

Nếu Mỹ đưa lực lượng đã tập kết ở eo biển Đài Loan tham gia vào cuộc chiến với lực lượng không quân và pháo mặt đất của Trung Quốc, lúc đó thì Trung Quốc khó có thể phong tỏa đường tiếp tế trên biển của các đảo Kim Môn, Mã Tổ. Nhưng vì Mỹ sợ rằng làm như vậy, sẽ từ chỗ "bên miệng hố chiến tranh" bị cuốn vào cuộc chiến thật sự, cho nên Mỹ không chịu làm theo hạ sách đó. Do Kim Môn, Mã Tổ và các đảo nhỏ ven biển khác phải dựa vào tiếp tế đường không, sẽ tự phát sinh nhiều bất tiện, điều này cũng sẽ gây thuận lợi cho Mỹ trong việc khuyên nhà cầm quyền Đài Loan rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ.

Ngày 11 tháng 9, không quân Mỹ cho máy bay đi hộ tống máy bay vận tải của quân Tưởng. Cùng ngày, Eisenhower đọc diễn văn trên đài phát thanh toàn quốc, tuyên bố rằng Mỹ mong muốn thông qua việc đàm phán với Trung Cộng để tìm cách giải quyết hòa bình, nhưng tuyệt đối "không làm việc vô nguyên tắc", "quyết không lùi bước trước sự đe dọa của đạn pháo". Eisenhower còn nói rằng: "Tôi sẽ không yêu cầu thanh niên Mỹ chiến đấu chỉ vì Kim Môn."

Mấy giờ đồng hồ trước khi Eisenhower phát biểu trên đài phát thanh, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Neil McElroy đã trình bày ý kiến cá nhân mình với Tổng thống Mỹ Eisenhower. Ông cho

rằng, sở dĩ Tưởng Giới Thạch kiên quyết không chịu rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ vì muốn làm nổ ra cuộc giao chiến giữa Mỹ và Trung Cộng, làm cho Quốc dân đảng có thể nhân cơ hội này để phản công Đại Lục, Mỹ tuyệt đối đừng mắc mưu Tưởng. Tiếp đó Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Max McElroy báo cáo những quan điểm của Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ rằng Mỹ nên khuyên Quốc dân đảng rút bỏ đại bộ phận quân đội ra khỏi Kim Môn, Mã Tổ, chỉ để lại ít người làm nhiệm vụ phòng vệ tượng trưng thôi. Rõ ràng, đây chẳng qua chỉ là sự diễn đạt hay ho của ý đồ "từ bỏ Kim Môn, Mã Tổ" mà thôi.

Ngày 15 tháng 9, cuộc hội đàm Trung – Mỹ cấp đại sứ được tiến hành tại Vacsava. Đại diện phía Mỹ nêu chủ trương "ngừng bắn". Ngược lại, đại diện của Trung Quốc nêu ra rằng, cuộc chiến xảy ra giữa người Trung Quốc với nhau, người Mỹ không có quyền can thiệp, điều cần đàm phán là vấn đề quân Mỹ rút toàn bộ khỏi Đài Loan. Từ đầu chí cuối kỳ hội đàm này là anh nói đằng anh, tôi nói đằng tôi.

Nhà cầm quyền Đài Loan sợ rằng Kim Môn, Mã Tổ và các đảo ven biển khác có thể trở thành quân tốt đem thí trong cuộc đàm phán Trung Quốc – Mỹ. Cho nên ngày 19 tháng 9, "Bộ trưởng Ngoại giao" Đài Loan là Hoàng Thiếu Cốc phải "trang trọng bày tỏ" rằng nhà cầm quyền Đài Loan "quyết không công nhận các cuộc đàm phán gây tác hại đến lợi ích của Trung Hoa Dân Quốc." Câu nói này chẳng khác gì lời cảnh cáo công khai đối với Mỹ.

Cũng trong thời gian này, Anh quốc và một số nước phương Tây khác đến gây sức ép với Mỹ, đòi Mỹ phải tranh thủ "phi quân sự hoá" Kim Môn, Mã Tổ, nghĩa là phải ép Tưởng rút quân khỏi Kim Môn, Mã Tổ.

Các Nghị sĩ Quốc hội Mỹ cũng không muốn vì đảo Kim Môn, Mã Tổ mà Mỹ phải dính líu vào cuộc chiến tranh với Trung Cộng. Ngày 29 tháng 9, Chủ tịch Tiểu ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ Glen gửi thư cho Eisenhower nói rằng: "Đối với việc bảo vệ Đài Loan hoặc bảo vệ nước Mỹ, đảo Kim Môn đều không quan trọng", "Mỹ không phòng vệ Kim Môn sẽ không được nhân dân Mỹ ủng hộ". Glen đề nghị Eisenhower trước khi quyết định dính líu vào cuộc chiến ở Kim Môn, Mã Tổ, phải thương lượng với Quốc hội. Đề nghị này chẳng khác gì đã hủy bỏ Nghị quyết Đài Loan thông qua tháng 1 năm 1955 cho phép "Tổng thống" có quyền căn cứ vào nhu cầu của tình hình mà quyết định đưa lực lượng vũ trang Mỹ đi làm nhiệm vụ phòng thủ chung ở các "trận địa của quân đội bạn" ngoài Đài Loan, Bành Hồ. Về vấn đề này, Eisenhower viết thư trả lời, bày tỏ rằng, trừ khi ông ta phán đoán được rằng ý đồ của Trung Cộng là sau khi chiếm được Kim Môn, Mã Tổ sẽ tiếp tục tiến công Đài Loan và Bành Hồ, nếu không sẽ tuyệt đối không huy động quân Mỹ tham chiến. Eisenhower nói: "Ngài hoặc bất kỳ một người Mỹ nào khác đều không phải lo lắng rằng nước Mỹ sẽ không đơn thuần vì việc phòng vệ Kim Môn, Mã Tổ mà lại dính líu về quân sự."

Cùng ngày, Tưởng Giới Thạch tổ chức họp báo, tuyên bố: "Chúng tôi không cho phép lặp lại lịch sử Munich ở Viễn Đông." "Dù phải chiến đấu đến người cuối cùng, nhỏ hết giọt máu cuối cùng cũng quyết không từ bỏ một tấc đất trên quần đảo Kim Môn." Sau khi dọa dẫm Mỹ một hồi như vậy, Tưởng Giới Thạch lại tuyên bố: "Quân đội Quốc dân đảng tác chiến ở quần đảo Kim Môn vẫn là cuộc chiến đấu bảo vệ đơn thuần tấm bình phong eo biển Đài Loan." "Kim Môn vẫn là tấm bình phong của Đài Loan và vùng Tây Thái Bình Dương, chứ không phải là căn cứ để chúng tôi phản công Đại Lục." Rõ ràng, Tưởng Giới Thạch buộc phải nhượng bộ Mỹ, lấy thực tế từ bỏ chuyện "phản công" làm điều kiện để đổi lấy việc quân Mỹ cùng phối hợp phòng thủ Kim Môn, Mã Tổ.

Thế nhưng, ngay trong ngày thứ hai sau khi Tưởng Giới Thạch nói những câu trên đây, Dulles tuyên bố, "việc Trung Hoa Dân Quốc đóng đại quân ở Kim Môn, Mã Tổ là không sáng suốt và thiếu thận trọng". Như vậy chẳng khác gì cuối cùng phủ định khả năng Mỹ phòng thủ chung ở Kim Môn, Mã Tổ, hơn nữa còn công khai hóa thuyết "rút quân khỏi Kim Môn, Mã Tổ" mà lâu nay Mỹ vẫn đưa đẩy sang cho Tưởng Giới Thạch.

Ngày 1 tháng 10, Tưởng Giới Thạch tiếp phóng viên Mỹ, nói rằng bài phát biểu của Dulles "đặc biệt khó tin" và nếu quả thực ông Dulles nói như vậy thì "Chính phủ chúng tôi cũng có nghĩa vụ không chấp nhận". Song, quân đội đóng trên đảo Kim Môn, Mã Tổ lúc này đang thiếu thốn mọi thứ, vừa đói, vừa rét. Sân bay Kim Môn lại nằm trong tầm bắn của pháo binh Quân giải phóng Nhân dân, việc vận tải đường hàng không rất khó khăn, thêm ít ngày nữa như vậy, đội quân hơn 100 nghìn người này sẽ không đánh cũng phải tan vỡ. Thêm nữa, nhà cầm quyền Đài Loan rốt cuộc đã quen với việc phải nhượng bộ Mỹ. Mặt khác vì Dulles đã công khai nói rằng đóng quân ở Kim Môn, Mã Tổ là "không sáng suốt và thiếu thận trọng", rất có thể giống như trước kia rút khỏi Đại Trần, có khả năng cuối cùng Tưởng Giới Thạch sẽ phải chấp nhận phương án của Mỹ là rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ.

Lúc này, Trung ương Trung Cộng phán đoán tình hình, cho rằng đã đến đúng lúc phải ngừng lại rồi. Ngày 6 tháng 10, Bành Đức Hoài, với danh nghĩa Bộ trưởng Quốc phòng, công bố Thư gửi đồng bào Đài Loan của Mao Trạch Đông, nêu rõ: "Chúng ta đều là người Trung Quốc. 36 sách, hòa là thượng sách", "đề nghị (Quốc – Cộng) tiến hành đàm phán, thực hiện giải quyết theo con đường ngoại giao hòa bình". Đồng thời còn cảnh cáo nhà cầm quyền Đài Loan: "Nhất định sẽ có ngày người Mỹ vứt bỏ các ông… Bài phát biểu ngày 30 tháng 9 của Dulles còn sờ sờ ra đó. Ở vào hoàn cảnh các ông, ai chẳng phiền lòng? Suy cho cùng, đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của chúng ta."

Thư gửi đồng bào Đài Loan còn tuyên bố tạm thời ngừng pháo kích bảy ngày kể từ ngày 6 tháng 10, quân Tưởng được hoàn toàn tự do vận chuyển hàng tiếp tế, nhưng với điều kiện không có người Mỹ đi hộ tống. Ngày 13 tháng 10, Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lại công bố mệnh lệnh của Mao Trạch Đông, tuyên bố "kể từ hôm nay, tiếp tục ngừng pháo kích Kim Môn trong hai tuần lễ tiếp theo", "nhằm làm cho đồng bào quân dân Kim Môn được tiếp tế đầy đủ, kể cả lương thực và trang bị quân sự, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cố thủ. Việc binh có thể gian trá, nhưng đây không phải là lừa dối. Đây là nhằm đối phó với người Mỹ. Đây là đại nghĩa dân tộc, phải phân biệt thật rõ ràng ranh giới giữa Trung Quốc và Mỹ".

Quân giải phóng Nhân dân vừa ngừng việc pháo kích, Mỹ như trút được gánh nặng, lập tức rút ngay các đơn vị được điều động từ các nơi đến. Có hạm đội chuyển về bờ phía tây nước Mỹ, có đơn vị về đóng ở Nhật Bản, Philippines, có đơn vị bị điều từ Địa Trung Hải đến, nay trở về chỗ cũ. Cả một lực lượng vũ trang hùng hậu như vậy chuyển đi chuyển về một cách vô ích làm cho Mỹ trở nên rất nực cười dưới con mắt người đời.

Vì vậy, Mỹ cảm thấy không thể chịu đựng nổi "cuộc khủng hoảng" này nữa, quyết tâm bằng mọi cách phải kiểm soát được nhà cầm quyền Đài Loan trước, không để cho họ lại hò hét "phản công" để kéo Mỹ vứt xuống nước.

Với động cơ đó, từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 10, Dulles đã hội đàm với Tưởng Giới Thạch tại Đài Bắc. Phía Đài Loan đón tiếp chuyến đi này của Dulles khá lạnh nhạt, Tưởng Giới Thạch không ra sân bay đón, về mặt tuyên truyền cũng hạn chế, không để cho Dulles quá nổi bật trên mặt báo.

Lúc này, Chính phủ Trung Quốc đang hướng về phía nhà cầm quyền Đài Loan nhằm kêu gọi "đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của chúng ta" và cho phép quân Tưởng được bổ sung tiếp tế, cố thủ Kim Môn, Mã Tổ. Còn phía Đài Loan cũng đang thổi phồng "thắng lợi huy hoàng" của "cuộc chiến bảo vệ Kim Môn", như vậy khiến Dulles không dám ép Tưởng rút quân khỏi Kim Môn, Mã Tổ nữa. Để tăng thêm hệ số bảo hiểm về vấn đề này, ngày 20 tháng 10, Quân giải phóng Nhân dân khôi phục việc pháo kích (lúc này còn bảy ngày nữa mới hết hạn ngừng pháo kích công bố lần trước), lý do khôi phục pháo kích là do quân Tưởng cho quân Mỹ đi hộ tống, thực tế là vì ngày hôm sau Dulles sẽ tới Đài Bắc hội đàm với Tưởng Giới Thạch. Trong những ngày Tưởng hội đàm với Dulles, tiếng đạn pháo không lúc nào ngừng trên đảo Kim Môn, Mã Tổ, kết quả là trong Thông cáo chung do Dulles và Tưởng Giới Thạch ký ngày 23 tháng 10 đã "thừa nhận"

trong tình hình hiện nay, Kim Môn, Mã Tổ và Đài Loan, Bành Hồ "có liên quan rất chặt chẽ về mặt phòng vệ", như vậy là tự mâu thuẫn với phát biểu ngày 30 tháng 9 của Dulles. Thực tế, Dulles nhượng Bộ Tưởng Giới Thạch, gánh nhận nghĩa vụ phối hợp phòng thủ chung ở Kim Môn, Mã Tổ. Tờ Thời báo New York của Mỹ lúc đó viết một cách mập mờ khó hiểu rằng: "Hành động không thỏa hiệp, không có đầu óc của những người Cộng sản hình như đã làm thêm một việc tốt giúp Tưởng Giới Thạch… làm cho Tưởng nhận được sự giúp đỡ của Mỹ trong việc phòng thủ bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ." Nói như vậy chứng tỏ họ không biết rằng Chính phủ Đảng cộng sản đã nhìn thấu tâm địa Mỹ "quyết không chịu lùi bước trước sự đe dọa của đạn pháo", cố tình "làm một việc tốt" giúp Tưởng Giới Thạch để cho Dulles phải nhượng bộ Tưởng, đóng giữ lâu dài ở Kim Môn, Mã Tổ.

Tuy nhiên về mặt khác, Dulles cũng buộc nhà cầm quyền Đài Loan phải nhượng bộ lớn hơn. Điều 6 trong Thông cáo chung Tưởng Giới Thạch – Dulles tái khẳng định: Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng là mang "tính chất phòng ngự"; đồng thời ghi rõ: "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc cho rằng việc khôi phục tự do cho nhân dân Đại Lục vẫn là một sứ mệnh thiêng liêng; và tin tưởng rằng cơ sở của sứ mệnh này được xây dựng trong lòng nhân dân Trung Quốc; con đường chủ yếu thực hiện sứ mệnh này là thực hiện Chủ nghĩa Tam dân của ngài Tôn Trung Sơn, không cần đến vũ lực."

Điểm lợi hại chính của câu văn trên là ở chỗ vấn đề "Phản công Đại Lục" vốn được Quốc dân đảng coi là "quốc sách cơ bản" nay được đổi thành "khôi phục tự do cho nhân dân Đại Lục" và quy định "con đường chủ yếu thực hiện sứ mệnh này là thực hiện Chủ nghĩa Tam dân của ngài Tôn Trung Sơn, không cần đến vũ lực". Đây thực tế là Tưởng Giới Thạch hứa với Mỹ "không phản công vũ trang".

Sau khi buộc phải nhượng bộ như vậy, nhà cầm quyền Đài Loan vẫn chưa cam chịu. Ngày 27 tháng 10, Diệp Công Siêu, Ngoại trưởng của nhà cầm quyền Đài Loan giải thích với các nhà báo rằng "về mục tiêu của Chính phủ chúng tôi trong việc thu hồi Đại Lục, không phải là từ bỏ việc sử dụng vũ lực". Ngày hôm sau, các nhà báo hỏi Dulles rằng nên hiểu như thế nào về sự giải thích có tính chất bảo lưu này của nhà cầm quyền Đài Loan, Dulles bực mình nói, bất kể nhà cầm quyền Đài Loan đưa ra sự bảo lưu như thế nào "hy vọng của họ giành thắng lợi bằng vũ lực là không nhiều". Nói thế chẳng khác gì một cái bạt tai đối với phe Tưởng. Cuối tháng 10 "Phó Tổng thống" Đài Loan là Trần Thành phát biểu tỏ ý rằng: "Tuy đã có thông cáo chung, song Đài Loan vẫn có quyền sử dụng vũ lực với Trung Cộng để phối hợp giúp đỡ cuộc cách mạng của nhân dân Đại Lục." Người phát ngôn Chính phủ Mỹ Whiter lập tức tuyên bố: Chính phủ Mỹ tin rằng bài phát biểu của Trần Thành "không có ý đi ngược lại chính sách mà Trung Hoa Dân Quốc đã từng tuyên bố, đó là dùng phương pháp hòa bình làm con đường chủ yếu để thực hiện sứ mệnh của Chính phủ nước này trong việc khôi phục tự do của nhân dân Đại Lục. Chính sách này tất nhiên không loại trừ việc sử dụng vũ lực để tự vệ hoặc trong trường hợp Đại Lục xảy ra cuộc khởi nghĩa quy mô lớn." Nói cách khác, nếu không phải để tự vệ hoặc Đại Lục không xảy ra "khởi nghĩa quy mô lớn", nhà cầm quyền Đài Loan sử dụng vũ lực sẽ vi phạm những thỏa thuận với Mỹ.

Lúc này, một số phần tử Quốc dân đảng từ Đại Lục chạy ra Đài Loan đã phải khóc lóc sướt mướt, nghĩ rằng không còn hy vọng trở về quê hương nữa. Báo chí thân Tưởng ở Đài Loan, Hồng Kông và một số nơi khác liên tiếp ra bình luận, phê phán, chửi bới Mỹ; thậm chí còn tỏ vẻ bất mãn với Tưởng Giới Thạch vì năm nào Tưởng cũng mấy lần hứa hẹn rằng "nhất định tôi sẽ đưa các anh trở về Đại Lục", thế mà bây giờ lại nuốt lời hứa và phục tùng Mỹ. Trong số các bài báo loại này, tiêu biểu nhất là bài xã luận tờ Công thương nhật báo ở Hồng Kông. Bài báo chỉ trích Thông cáo chung Tưởng Giới Thạch – Dulles là Mỹ đã "đặt Trung Hoa Dân Quốc vào nhà tù chung thân, còn Mỹ chính là tên cai ngục".

Ngày 25 tháng 10, Chính phủ Trung Quốc, dưới danh nghĩa Bộ trưởng Quốc phòng Bành Đức Hoài, lại công bố Bức thư thứ hai gửi đồng bào Đài Loan do Mao Trạch Đông viết, trong đó có đoạn:

1. “Công việc của người Trung Quốc chỉ có thể do người Trung Quốc tự giải quyết. Nếu nhất thời chưa giải quyết được, có thể bàn bạc lâu dài.”

2. “Trong hội đàm Tưởng Giới Thạch – Dulles, phía Đài Loan đã chịu thiệt thòi… Hy vọng đồng bào Đài Loan không nên khuất phục trước sức ép của Mỹ, phụ thuộc người khác, mất cả chủ quyền, cuối cùng đi đến chỗ không còn mảnh đất nương thân, bị người ta vứt xuống biển.”

3. “Các vấn đề giữa hai Đảng chúng ta rất dễ giải quyết. Tôi đã ra lệnh cho mặt trận Phúc Kiến: Các ngày chẵn không bắn vào máy bay của Kim Môn, không bắn vào bến cảng, bãi biển và tàu bè trong vịnh Liệu La để quân dân đồng bào trên các đảo Đại Kim Môn, Tiểu Kim Môn, Đại Đản, Nhị Đản được tiếp tế đầy đủ nhu yếu phẩm, nhiên liệu và trang bị quân sự, tạo thuận lợi cho việc cố thủ lâu dài của quân dân và đồng bào. Nếu ai bị thiếu thốn, chỉ cần đồng bào lên tiếng, chúng tôi có thể tiếp tế cho. Đã đến lúc chuyển thù thành bạn. Vào các ngày lẻ, thuyền bè, máy bay của đồng bào không nên tới. Các ngày lẻ chúng tôi cũng không nhất thiết pháo kích, song đồng bào không nên tới để tránh những tổn thất có thể xảy ra.”

Đến đây, cuộc khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ rung chuyển thế giới cuối cùng đã đi đến kết thúc theo phương thức mọi người không ai đoán trước được. Không phải chỉ hai phía Mỹ và Tưởng không đoán trước được, mà ngay cả trong Đảng cộng sản Trung Quốc cũng có nhiều người không thông. Có người thắc mắc tại sao nói với Quốc dân đảng là “hai bên các ngài và chúng tôi?” vì sao lại không cho đánh vào bộ tư lệnh của kẻ thù? Vì sao lại giúp kẻ thù “tạo thuận lợi cho việc cố thủ”, thậm chí còn đáp ứng cung cấp hàng tiếp tế cho chúng? Mao Trạch Đông giải thích rằng vì chúng ta “hoặc là lấy cả, hoặc là không”. “Chúng ta hễ nổ súng, Tưởng Giới Thạch càng có cớ ở lì, hắn ta sẽ nói, các ông xem Cộng sản đang nã pháo, chúng tôi rút lui dưới làn đạn pháo thì người Mỹ các ông sẽ mất thể diện!” Về vấn đề cung cấp tiếp tế cho quân Tưởng, Mao Trạch Đông nói: “Nếu kẻ thù ở Kim Môn thật sự đề nghị chúng ta tiếp tế, điều này quả thật là một việc tốt, chúng ta thừa sức nuôi được số binh lính ít ỏi đó.”

Sau đợt nã pháo, eo biển Đài Loan trở lại sóng yên biển lặng, đi lại thông suốt, có thể gọi là mở ra một hoàn cảnh hòa bình. Ba ý đồ tác chiến khác của Trung Cộng cũng đều đạt kết quả mỹ mãn.

Phía nhà cầm quyền Đài Loan thì tâng bốc Tưởng Giới Thạch đã “có quyết tâm và nghị lực lớn nhất, một mặt đả kích sự tiến công mãnh liệt của phỉ Cộng, mặt khác chống lại sức ép của những kẻ vô nguyên tắc trên quốc tế… Chiến dịch này đã viết nên những trang sử huy hoàng nhất không chỉ trong lịch sử chiến tranh của nước ta và cả trong lịch sử chiến tranh của các trận chiến bằng pháo binh lớn nhất trong lịch sử quốc tế”. “Chiến dịch này đã đem lại niềm tin và hy vọng lớn hơn cho đồng bào ở Đại Lục, làm cho bọn phỉ Cộng càng bị khủng hoảng sâu sắc hơn về chính trị, kinh tế và quân sự, làm cho sự kiểm soát của phỉ Cộng bị dao động, đồng thời còn làm cho các nhân sĩ quốc tế tin rằng, sự kiểm soát của phỉ Cộng ở Đại Lục có khả năng lay chuyển đổ vỡ bất kỳ lúc nào.”

Nếu lúc đầu Trung Cộng quả thực định đánh chiếm Kim Môn, Mã Tổ; nhưng sau đó lại đổi thành “pháo kích một ngày, nghỉ một ngày” thì còn có thể tin được phần nào sự tâng bốc khoe khoang của Quốc dân đảng. Nhưng sự thật là Trung Cộng từ trước chí sau vẫn xác định cuộc chiến này chỉ là có “tính chất trừng phạt”. Căn cứ vào kết quả trinh sát của không quân Mỹ – Tưởng cũng không hề phát hiện có dấu hiệu Quân giải phóng Nhân dân chuẩn bị tàu bè vượt biển ra chiến đấu ngoài đảo. Sau này Mao Trạch Đông tổng kết, cho rằng đây là chiến thuật học tập được từ Mỹ, tức là “anh đứng bên miệng hố, tôi cũng đứng bên miệng hố” (Mao Trạch Đông nói tại Hội nghị Trịnh Châu lần thứ 2, ngày 5 tháng 3 năm 1959). Vì thế cái gọi là “thắng lợi vĩ đại” mà nhà cầm quyền Đài Loan rêu rao thật ra chẳng có gì đáng phải bàn cả.

Phía Mỹ cũng rêu rao rằng họ đã giành phần thắng "trong cuộc khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ", tức là Trung Cộng buộc phải chấp nhận chủ trương "ngừng bắn" của Mỹ. Trên thực tế, Trung Cộng không hề ngừng bắn, mà chỉ là "đánh ngày lẻ, không đánh ngày chẵn". Cách đánh này kéo dài mãi cho đến ngày 1 tháng 1 năm 1979, tức là đến ngày nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Mãi đến lúc này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trung Quốc Từ Hướng Tiền mới tuyên bố: Bắt đầu kể từ hôm nay, đình chỉ việc pháo kích Kim Môn, Mã Tổ. Còn về việc phải liên tục pháo kích 21 năm liền, một là để chứng tỏ rằng vấn đề Đài Loan là vấn đề nội bộ của Trung Quốc, Trung Quốc muốn đánh là đánh, muốn ngừng là ngừng; hai là để làm cho quân Tưởng "không rút lui dưới sự đe dọa của đạn pháo", nhằm duy trì mối liên hệ giữa Đài Loan và Đại Lục.

V. HÌNH THÀNH CỤC DIỆN QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỐI ĐẦU NHAU LÂU DÀI

Trải qua ba cuộc "khủng hoảng eo biển Đài Loan" năm 1950, năm 1955 và năm 1958, cả ba phía: Chính phủ Trung Quốc do Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, nhà cầm quyền Đài Loan do Quốc dân đảng Trung Quốc kiểm soát và Mỹ đều đã hoàn thành xong những chuyển biến quan trọng về mặt chính sách.

Về phía Đảng cộng sản Trung Quốc, đã từ phương châm "vũ trang giải phóng Đài Loan, tiêu diệt tập đoàn bán nước Tưởng Giới Thạch" chuyển thành phương châm "đề nghị tiến hành đàm phán Quốc – Cộng, tranh thủ hòa bình giải phóng Đài Loan". Tuy Trung Quốc chưa bao giờ cam kết không dùng vũ lực để giải phóng Đài Loan – bất kỳ một quốc gia có chủ quyền nào cũng không thể đưa ra sự cam kết như vậy về các vấn đề thuộc công việc nội bộ của nước mình, tuy từ lúc đó đến nhiều năm sau này eo biển Đài Loan thỉnh thoảng vẫn có tiếng súng nổ, có lúc thậm chí là những trận hải chiến, không chiến rất ác liệt. Nhưng vì Đảng cộng sản đã muốn giúp Quốc dân đảng cố thủ Kim Môn, Mã Tổ, thực tế này đã được chứng tỏ trong một thời gian khá dài. Đảng cộng sản đã không có ý định dùng vũ lực đối với Đài Loan, tất nhiên phía Đài Loan cũng hiểu rõ điều này. Từ đó, sự đối kháng quân sự dần trở thành nhân tố thứ yếu trong mâu thuẫn giữa hai bờ eo biển.

Tháng 2 năm 1959, Mao Trạch Đông nêu ra rằng: "Ở Đài Loan Tưởng Giới Thạch làm "Tổng thống" tốt hơn? Hồ Thích tốt hơn? hay Trần Thành tốt hơn? Tưởng Giới Thạch vẫn là làm tốt hơn. Nhưng trong các trường hợp hoạt động quốc tế, nếu có hắn thì ta không dự nữa, còn việc làm Tổng thống, hắn vẫn đảm trách tốt hơn... mười năm, hai mươi năm sau sẽ thay đổi, cho hắn ăn cơm, cho hắn một ít quân, để cho hắn đi làm đặc vụ, thực hiện Chủ nghĩa Tam dân. Trong lịch sử, cái gì đã không nên phủ định thì đều nên có sự đánh giá cho xác đáng, không được phủ định hết thảy." Tư tưởng này, hai mươi năm sau, lại được Đặng Tiểu Bình phát triển thành tư tưởng hoàn chỉnh và có hệ thống, gọi là "một nước hai chế độ".

Về phía Quốc dân đảng Trung Quốc, từ chỗ "Phản công Đại Lục", bị buộc phải đổi thành "thực hiện Chủ nghĩa Tam dân làm con đường chính để khôi phục lại tự do cho nhân dân Đại Lục". Sau này đã mấy lần Quốc dân đảng mưu toan "phản công" đều bị Mỹ lấy cớ đó để ngăn chặn.

Trước khi nổ ra cuộc "khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ", nhà cầm quyền Đài Loan phải dựa vào cái ô bảo hộ của Mỹ, do đó đã được an toàn tương đối, nhưng trước sau vẫn phải sống trong bóng ma chiến tranh bao phủ, không biết Quân giải phóng Nhân dân vượt biển tới lúc nào. Sau cuộc "khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ", có thể nói là nhà cầm quyền Đài Loan đã được uống một viên thuốc an thần, từ nay có thể an tâm dốc sức vào chuyện ổn định nội bộ, phát triển kinh tế.

Đồng thời, trước sức ép quân sự của Đại Lục, nhà cầm quyền Đài Loan thường bắt chước giọng điệu của Mỹ, công kích Trung Cộng là "kẻ xâm lược", "vũ trang bành trướng lãnh thổ"... Sau do nhà cầm quyền nhận thấy Trung Cộng trong một thời gian sẽ không dùng vũ lực với Đài Loan, bèn bắt đầu kiểm điểm vấn đề theo một góc độ khác. "Cuộc khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ" vừa chấm dứt, Trung ương Quốc dân đảng liền họp hội nghị công tác tuyên truyền, nhận định rằng công tác tuyên truyền của Đài Loan và cuộc chiến tranh Quốc – Cộng đã phạm phải một sai lầm

lớn, tức là bắt chước Mỹ, chửi Đảng cộng sản là "kẻ xâm lược". Như vậy chẳng khác gì thừa nhận "hai nước Trung Quốc", bởi chỉ có giữa nước mới có chuyện "xâm lược". Ở đây, hai bên đều đánh nhau trên lãnh thổ Trung Quốc, chẳng những không thể nói "xâm lược" và cũng không thể nói đối phương "dùng vũ lực bành trướng lãnh thổ". Kể từ đó, trong các mặt tuyên truyền có liên quan, nhà cầm quyền Đài Loan đã bắt đầu chú ý "không nói lung tung theo đuôi Mỹ". Đây cũng là sự chuyển biến đáng hoan nghênh.

Về phía Mỹ, đã chuyển từ "chính sách khoanh tay ngồi nhìn" sang chủ nghĩa bảo hộ cho nhà cầm quyền Đài Loan. Về các chính sách cụ thể, Mỹ đã trải qua một quá trình phủ định của phủ định "Trung lập hóa Đài Loan – Không ngăn cản Trung Hoa Dân Quốc phản công Đại Lục – ngăn cản Trung Hoa Dân Quốc phản công Đại Lục". Nhìn vào quá trình thay đổi chính sách này của Mỹ ta thấy Mỹ đang tạo ra viễn cảnh đồng thời thừa nhận cả hai chính quyền, cũng tức là âm mưu "hai nước Trung Quốc".

Trong quá trình chuyển hóa chính sách của ba phía đã hình thành mâu thuẫn ba góc – vừa là bạn vừa là thù – rất phức tạp và thú vị. Cái gọi là "vừa là bạn, vừa là thù" ở đây là nói: A và B là bạn, C là thù; nhưng trên vấn đề khác A và C lại là bạn; B là thù. Biểu hiện cụ thể là: Trong vấn đề chống lại "hai nước Trung Quốc" và "Đài Loan độc lập", hai đảng Quốc – Cộng là bạn, còn Mỹ là kẻ thù.

Trong việc duy trì cục diện chia cắt, chống lại thống nhất tổ quốc, Mỹ – Tưởng là bạn với nhau và coi Đảng cộng sản Trung Quốc là kẻ thù.

Trong vấn đề ngăn cản Quốc dân đảng phản công Đại Lục thì phía Trung Quốc và Mỹ là bạn còn nhà cầm quyền Đài Loan là kẻ thù.

Kiểu mâu thuẫn ba góc này là do lợi ích chiến lược của mỗi bên đan xen nhau tạo thành. Trong vòng mười mấy năm sau khi chấm dứt cuộc "khủng hoảng Kim Môn – Mã Tổ", giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản, giữa Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Mỹ, giữa Mỹ và Tưởng vẫn duy trì mối quan hệ vừa là thù vừa là bạn đó. Chính do lực lượng ba phía đối chọi nhau như vậy nên đã làm cho vùng eo biển Đài Loan có tình trạng đối đầu trong một thời kỳ dài không có chiến tranh (hoặc chiến tranh nhỏ), không có hòa bình.

10. BÓNG ĐEN CỦA "HAI NƯỚC TRUNG QUỐC"

I. PHƯƠNG ÁN CỦA MỸ VỀ "HAI NƯỚC TRUNG QUỐC"

Sau cuộc "khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ", tiêu điểm mâu thuẫn Quốc – Cộng đã chuyển sang lĩnh vực ngoại giao.

Ngày 16 tháng 10 năm 1958, Dulles đã nói với phóng viên của Anh rằng: "Ông ta đã nhìn thấy một nước Trung Quốc và Đảng cộng sản, nhà nước này thực tế đang tồn tại, nước Mỹ cần có quan hệ ngoại giao với họ."

Sau bốn ngày, Dulles bay đến Đài Bắc, hội đàm với Tưởng Giới Thạch. Trong thời gian hội đàm vào ngày 22 tháng 10, Phó Tổng thống Mỹ Nixon đã công khai nói với phóng viên rằng: "Cần phải thành lập một Chính phủ Trung Quốc độc lập, làm trung tâm của 12 triệu người Đài Loan và hàng triệu Hoa kiều." Lúc này Chalmers Roberts, phóng viên của tờ Bưu điện Washington bình luận rằng: "Điều này lại một lần nữa tỏ rõ Chính phủ đang đi theo chính sách tạo ra hai nước Trung Quốc."

Ngày 23 tháng 10, Thông cáo chung Tưởng Giới Thạch – Dulles nói rằng, về phía Mỹ tuyên bố: "Cuộc hội đàm lần này đã đánh dấu sự thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc." Xã luận của Nhân dân nhật báo Bắc Kinh cũng chỉ ra: "Đúng lúc có sự thay đổi chính sách của Mỹ với Trung Quốc, đó chính là biểu hiện âm mưu của Mỹ muốn tạo ra 'hai nước Trung Quốc'."

Từ đó đến đầu những năm 1960, "hai nước Trung Quốc" luôn được dư luận nước Mỹ và giới học thuật quan tâm, nhiều người hy vọng có những thay đổi về mặt này, họ đề ra nhiều phương án, trong đó được chú trọng nhất, có tính chất tiêu biểu hơn cả là "Báo cáo Conlon", "Phương án nước Trung – Đài" và "Phương án nước Tôn chủ".

Cái gọi là "Báo cáo Conlon" là do một tổ chức phi Chính phủ của Mỹ, trong đó có nhiều học giả tham gia gọi là Conlon Associates. Theo đề nghị của Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Quốc hội Mỹ, ngày 1 tháng 9 năm 1959, tổ chức này đã chính thức đề ra một báo cáo nghiên cứu chính sách ở châu Á, do năm người chấp bút gồm Conlon, Parker, Penkerl, Scalapino, Smith. Họ đề nghị chính sách đối với Trung Quốc gồm tám điểm:

(1) Hủy bỏ lệnh cấm vận đối với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; (2) Tán thành nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa gia nhập Liên Hợp Quốc; (3) Xác lập Nước Cộng hòa Đài Loan. Nhân dân Đài Loan muốn tách ra có thể dùng phương thức công dân bầu cử quyết định; (4) Đề nghị Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản mãi mãi là Ủy viên thường trực Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Đài Loan là thành viên thường trực của Đại hội đồng; (5) Chính phủ Quốc dân Đài Loan long trọng tuyên bố nước Mỹ có nghĩa vụ trước sau như một – bảo vệ Đài Loan; (6) Quân đội Đài Loan rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ, cư dân ở lại hay đi tùy ý lựa chọn; (7) Sau khi thành lập nước Cộng hòa Đài Loan, nhân dân ở đây ai muốn về Đại Lục, nước Mỹ sẽ "giúp đỡ giải quyết"; (8) Nước Mỹ công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và hai bên giao lưu buôn bán.

Trong "Báo cáo Conlon" không hề nhắc đến tên nước Trung Hoa Dân Quốc, bị các văn sĩ Đài Loan chỉ trích rằng "đã cố ý chôn sống Trung Hoa Dân Quốc của ta". Sau khi công bố bản báo cáo này, các tầng lớp nhân dân Đài Loan rất hoang mang, hoảng loạn. Rất nhiều người cho rằng đây là dấu hiệu chuyển biến lớn về chính sách của nước Mỹ đối với Đài Loan. Phái Bảo thủ trong Quốc dân đảng thì lớn tiếng chửi Mỹ là "bọn theo chủ nghĩa thất bại trăm phần trăm", là "bọn đồ tể". Để trấn an nhà cầm quyền Đài Loan, Christian A.Herter, Ngoại trưởng Mỹ đã liên tục mấy lần tuyên bố rằng "Báo cáo Conlon" không đại biểu cho ý kiến của giới chức Mỹ. Lập trường của Mỹ đối với Đài Loan không có gì thay đổi. Nhà cầm quyền Đài Loan đối với "Báo

Conlon" luôn giữ miệng không nói, cho đến sau khi Christian A.Herter chính thức tỏ thái độ, Thẩm Kiếm Hồng người phát ngôn Bộ Ngoại giao mới bài xích "Báo cáo Conlon", chỉ trích những người "soạn thảo ra nó" không hiểu gì về bản chất xâm lược của chính quyền ngụy. Họ hầu như căn cứ vào một ảo tưởng cho rằng vỗ về Cộng sản là đổi được nền hòa bình tạm thời của vùng Viễn Đông. Đồng thời, chính quyền Đài Loan cũng mang tâm trạng bất an, họ chú ý đến: (1) "Báo cáo Conlon" tuy không đại biểu cho lập trường của giới chức Mỹ, nhưng nó được nghiên cứu bởi sự ủy thác của Quốc hội Mỹ và lại đã công khai tuyên bố là không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách của Chính phủ Mỹ và phương hướng dư luận; (2) Bộ ngoại giao Mỹ tuy dùng nhiều cách để nói không nhất trí với cách nhìn của "Báo cáo Conlon", nhưng trước sau vẫn không bác bỏ hoặc phủ định chủ trương của Báo cáo này, gây thêm ấn tượng cho người ta là Báo cáo này tuy tạm thời không ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ hiện nay đối với Đài Loan, nhưng là tư liệu có giá trị tham khảo; (3) Thuyết "hai nước Trung Quốc" trong "Báo cáo Conlon" không phải là lần đầu tiên đề cập đến. Ngay sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc, trong Chính phủ Eisenhower đã lộ rõ nhiều phương hướng chính sách đi theo con đường này; (4) Những kiến nghị của "Báo cáo Conlon" đã trở thành vấn đề nóng bỏng trong cuộc bầu cử ở nước Mỹ vào năm sau (năm 1960). Người của Đảng Dân chủ, kể cả Kennedy, ứng cử viên Tổng thống của Đảng này đã phản ứng mạnh mẽ.

Kennedy nắm được vấn đề Trung Quốc, công kích mạnh mẽ Đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử. Ông chủ trương nước Mỹ buộc Đài Loan rút khỏi Kim Môn và Mã Tổ để đổi lấy việc Đảng cộng sản Trung Quốc không tấn công Đài Loan và Bành Hồ, tiến tới làm cho vùng Đài Loan và Bành Hồ trở thành một thực thể chính trị độc lập. Chủ trương này đã được Chester Bowles, Chủ tịch Ủy ban Chính sách Đảng Dân chủ kiêm Cố vấn Ngoại giao của Kennedy cụ thể hóa và trở thành cái gọi là "phương án nước Trung – Đài".

Chester Bowles từng là Nghị sĩ Thống đốc bang, Đại sứ Mỹ ở Ấn Độ. Sau khi Kennedy trúng cử, ông từng là Thứ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ. Tháng 4 năm 1960, Bowles làm việc cho tờ Ngoại giao – tờ báo đầy quyền uy về chính sách ngoại giao của Mỹ – đã phát biểu một văn bản dài đề tài Nghiên cứu lại vấn đề Trung Quốc và "Phương án nước Trung – Đài" chính là từ văn bản này.

Những điểm chủ yếu của "Phương án nước Trung – Đài" là: (1) Mỹ buộc Đài Loan rút quân khỏi Kim Môn và Mã Tổ, đồng thời cổ vũ trung lập hóa các đảo vùng ven Kim Môn, Mã Tổ; (2) Mỹ tiếp tục đảm nhiệm nghĩa vụ bảo vệ Đài Loan và Liên Hợp Quốc chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn của Đài Loan; (3) Mỹ thừa nhận chính quyền của Đảng cộng sản Trung Quốc và tuyên bố rằng sự có mặt về quân sự của họ ở Đài Loan mục đích không phải cổ vũ Quốc dân đảng tấn công vào Đại Lục; (4) Đài Loan thành lập nước Trung – Đài độc lập (Sino – Formosa Nation), chính thể của nó cuối cùng phải được sự đồng ý của nhân dân.

Sau khi văn bản của Bowles công bố, dư luận công chúng và báo chí của Quốc dân đảng ở Đài Loan và Hồng Kông phản đối mạnh mẽ, như tờ Công thương nhật báo ở Hồng Kông đã lớn tiếng la rằng "Phương án nước Trung Đài" là "một thần thoại từ nước Mỹ đến", "nội dung của nó là hoang đường", ngôn từ mâu thuẫn, là thái độ đầy độc ác của chính sách xâm lược của Mỹ trong nhiều năm qua đối với nước Trung Hoa. Chúng ta cho rằng Bowles là nhân vật quan trọng của Đảng Dân chủ và còn có thể là Ngoại trưởng của nội các Kennedy, lòng dạ, việc làm của ông ta đã rõ, có thể nói rằng chúng lại bán rẻ Trung Hoa Dân Quốc một lần nữa, điều này đang nhắc nhở các nhà trí thức Mỹ chú ý và kêu gọi nhân dân nước ta đề cao cảnh giác.

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1960, Kennedy đã ba lần tranh luận trên truyền hình với Nixon, ứng cử viên Tổng thống của Đảng Cộng hòa. Nixon giữ lập trường biện hộ cho Hiệp định phòng thủ Kim Môn và Mã Tổ của Chính phủ Đảng Cộng hoà, tuyên bố "tôi sẽ không nhượng một tấc đất ở bất cứ nơi nào cho Trung Cộng", đồng thời chỉ trích chính sách của Kennedy rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ là đi vào "con đường chiến tranh hoặc đầu hàng – hoặc là cả hai", sau đó tiến tới leo thang "cổ vũ bọn xâm lược". Kennedy thì chỉ trích Nixon "lấy súng ống làm nguồn vui", "cố tình xuyên tạc", hai bên tranh luận rất kịch liệt.

Trong khi Kennedy và Nixon tranh luận trên truyền hình được nhiều người chú ý, chính quyền Đài Loan cũng ra tay. Ngày 14 tháng 10, "Bộ Ngoại giao" Cầm quyền Đài Loan ra tuyên bố, chỉ trích rằng: "Một lãnh tụ chính trị Mỹ có trách nhiệm, dù là trong thời kỳ tranh cử quyết liệt, cũng không thể vô trách nhiệm, nói năng hồ đồ, tùy tiện về lãnh thổ của một nước khác như vậy. Thực tại sự việc không như vậy, vả lại quốc gia này đang là đồng minh của họ. Chúng ta xác định một cách rõ ràng lập trường của chúng ta như sau: Trong bất kỳ tình hình nào, Trung Hoa Dân Quốc quyết không thể đáp ứng yêu cầu của bất kỳ người nào – kể cả Nghị sĩ Kennedy – để rút khỏi bất kỳ tấc vuông lãnh thổ nào của mình."

Lời bình luận này thể hiện rõ thái độ bực tức của Đài Loan đối với Mỹ. Sau khi những lời này nói ra, liền gặp phải sự bất mãn của Ủy ban vận động bầu cử cho Kennedy. Đại sứ Đài Loan ở Mỹ cũng đánh điện gấp về nói rằng nhắc đến tên Kennedy lúc này chẳng có lợi gì, nếu như Kennedy trúng cử, Đài Loan sẽ khó xây dựng quan hệ tốt đối với Chính phủ Kennedy.

Kết quả, Kennedy đã trúng cử, Tưởng Giới Thạch hoang mang, phải đích thân kiểm tra bản tuyên bố đó của "Bộ Ngoại giao", xem do ai viết, cuối cùng đã xác minh đoạn nói đến Kennedy là do Hứa Thiện Xương "Thứ trưởng Chính trị Bộ Ngoại giao", viết và được Thẩm Xương Hoán "Bộ trưởng Ngoại giao" duyệt. Vì vậy, Tưởng đã "dạy" cho Thẩm Xương Hoán một trận, đồng thời điều Hứa Thiện Xương ra nước ngoài làm "Đại sứ" ở một nước nhỏ nào đó tại châu Mỹ La tinh.

Có điều thú vị là, Nixon, người được nhà cầm quyền Đài Loan lúc bấy giờ gửi gắm nhiều hy vọng, năm đó không được bầu, nhưng mười năm sau đã trở thành vị Tổng thống Mỹ đầu tiên đến thăm nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Tháng 1 năm 1961, Kennedy nhậm chức Tổng thống Mỹ. Cùng tháng này, Fairbank, một chuyên gia về vấn đề Trung Quốc của Mỹ đề ra phương án "quyền bá chủ", ý nghĩa chủ yếu là Mỹ thừa nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền bá chủ (Suzerainty) đối với Đài Loan, đồng thời ép Chính phủ Trung Quốc thừa nhận nền độc lập của Đài Loan; hai chính quyền cùng tham gia Liên Hợp Quốc. Trong trường hợp này, Đài Loan có một số quyền lợi giống như của Belarus và Ukraina, tuy rằng có ghế trong Liên Hợp Quốc, nhưng không phải là quốc gia có chủ quyền độc lập tự chủ. Đề án này của Fairbank lúc đó được Nhà Trắng rất coi trọng, nhưng gặp phải sự phản đối của cả hai bờ eo biển Đài Loan. Báo chí Trung Quốc có bình luận nêu lên, cái gọi là phương án "quyền bá chủ" là sự biến dạng khi thực hiện âm mưu về "hai nước Trung Quốc", hình thức của nó là từ "hai nước Trung Quốc" biến thành "một Trung Quốc rưỡi", thực chất vẫn là "hai nước Trung Quốc", âm mưu chia cắt lâu dài Trung Quốc, điều đó nhân dân Trung Quốc quyết không thể chấp nhận. Chính quyền Đài Loan càng công kích mạnh mẽ về "một Trung Quốc rưỡi", bởi vì phương án này thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có chủ quyền đối với Đài Loan, đồng thời phủ nhận chủ quyền của Đài Loan đối với Đại Lục, điều đó đã chạm phải chỗ đau của Quốc dân đảng, đương nhiên là họ phản đối.

Thứ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ Bowles đề ra cái gọi là "phương án chia quyền", tức là Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có ghế tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và để chính quyền Đài Loan bảo lưu ghế ở Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc. Bowles là người có thế lực nhất trong giới quan chức cao cấp Mỹ cổ vũ cho phương án "hai nước Trung Quốc". Các phương án "hai nước Trung Quốc" nói trên, phần lớn đều do ông ta thúc đẩy sau hậu trường.

Hiểu rõ âm mưu của Mỹ, Tưởng Giới Thạch và Trần Thành… đã ra mặt chỉ trích phương án "hai nước Trung Quốc" là âm mưu của "kẻ theo chủ nghĩa thỏa hiệp vô nguyên tắc quốc tế", Đài Loan "quyết không thể chấp nhận", quyết không thể dao động về bất cứ phương diện nào. Các "Ủy viên Lập pháp" và "Đại biểu Quốc hội" của Đài Loan cũng phẫn nộ tuyên bố rằng đề ra "hai nước Trung Quốc" là sự phỉ báng đối với dân tộc Trung Hoa, ý đồ đó sẽ thất bại. Hội liên hợp cứu nước Hoa kiều do Quốc dân đảng nắm cũng tổ chức Hoa kiều biểu tình thị uy ở hải ngoại. Nhà hoạt động lão thành của Quốc dân đảng là Phan Công Triển đã dấy lên phong trào lấy năm triệu chữ ký ở Mỹ, phản đối Mỹ đề ra "hai nước Trung Quốc".

Nhưng sự phản đối mạnh mẽ của lực lượng chân chính chống lại phương án "hai nước Trung Quốc" không phải là Đài Bắc mà là Bắc Kinh. Bởi cái gọi là phương án "hai nước Trung Quốc", tiền đề của nó là phủ nhận chủ quyền của Đài Loan đối với Đại Lục, đồng thời thừa nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đại biểu cho Trung Quốc, điều đó rõ ràng là lập trường thụt lùi của Mỹ trước nay cho rằng "Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc là Chính phủ Trung Quốc hợp pháp duy nhất", từ góc độ này mà nói, đây là sự đồng cảm của Mỹ về nước Trung Quốc mới. Nhưng "sự đồng cảm" này của Mỹ đòi trả giá bằng yêu cầu Trung Quốc từ bỏ chủ quyền đối với Đài Loan, Chính phủ Trung Quốc đương nhiên không thể chấp nhận.

Chính phủ Trung Quốc trước sau kiên quyết phản đối "Đài Loan độc lập", phản đối "hai nước Trung Quốc" hoặc "một Trung Quốc, một Đài Loan". Nếu lúc này Chính phủ Trung Quốc không kiên trì lập trường "một nước Trung Quốc", nhà cầm quyền Đài Loan sẽ hung hãn hơn, nước Mỹ cũng có thể khiến họ phạm sai lầm. Cuối cùng, có thể dùng một giải pháp nào đó hoặc sự biến dạng của phương án nào đó trong các phương án nói ở trên, từ đó khiến nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa gia nhập Liên Hợp Quốc và được cơ quan ngoại giao của các nước phương Tây thừa nhận; đồng thời, có thể khiến chính quyền Đài Loan tiếp tục giữ được tư cách quốc tế của một "nước có chủ quyền".

Nhưng, nếu Chính phủ Trung Quốc kiên quyết nói "không" đối với các phương án "hai nước Trung Quốc" của Mỹ thì những phương án này sẽ trở thành ảo mộng và thành câu chuyện vô nghĩa.

Chính phủ Trung Quốc hy vọng Mỹ vứt bỏ chính quyền Đài Loan, trên cơ sở đó xây dựng mối quan hệ hữu hảo chân thành, chung sống hòa bình giữa Chính phủ và nhân dân hai nước. Song, do lập trường chống Cộng của những kẻ đương quyền Mỹ, cũng do sự đối lập sâu sắc giữa Trung Quốc và Mỹ lúc bấy giờ về vấn đề Việt Nam, Mỹ đã không chịu tiếp thu những đề nghị của Chính phủ Trung Quốc về việc cải thiện quan hệ hai nước.

Bởi cả hai bên đều không chịu nhượng bộ, Mỹ chỉ biết đơn phương giật dây chính quyền Đài Loan. Tháng 6 năm 1961, Kennedy cách chức Thứ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ của Bowles, khiến cho tấm màn "hai nước Trung Quốc" bắt đầu hạ xuống. Tháng 7, Trần Thành đi thăm Mỹ, tùy tùng gồm có "Bộ trưởng Ngoại giao" Thẩm Xương Hoán, "Phó Tham mưu trưởng" Lại Danh Thang, "Tổng Thư ký Hội đồng sử dụng viện trợ Mỹ" Lý Quốc Đỉnh, "Cục trưởng Thông tấn" Thẩm Kiếm Hồng… Danh sách này thể hiện rõ, Trần Thành đi thăm Mỹ lần này là nhằm thiết lập quan hệ hợp tác nhiều mặt chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế… với phía Mỹ.

Trong thời gian ở thăm Mỹ, Trần Thành đã trao lá thư viết tay của Tưởng Giới Thạch cho Kennedy. Ngày 31 tháng 7, hội đàm với Kennedy; ngày 1 tháng 8, hội đàm với Ngoại trưởng Mỹ Las-cơ; ngày 3 tháng 8, thăm Quốc hội Mỹ; ngày 4, gặp MacArthur và thăm Liên Hợp Quốc; ngày 8, thăm San Francisco; ngày 11, thăm Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương quân đội Mỹ. Trải qua một loạt cuộc thăm viếng này, cuối cùng được Kennedy công khai tuyên bố xóa bỏ kế hoạch "hai nước Trung Quốc", đồng thời Mỹ tiếp tục ủng hộ chính quyền Đài Loan chiếm giữ ghế Trung Quốc trong Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

Từ năm 1951 đến nay, để duy trì ghế của chính quyền Đài Loan ở Liên Hợp Quốc, Mỹ luôn dùng chiến thuật "khất lần", tức là đề ra nghị quyết không thảo luận vấn đề quyền đại biểu của Trung Quốc. Nghị quyết này được thông qua năm 1951, có 37 nước tán thành và 11 nước phản đối. Đến năm 1960, tỷ lệ này đã thay đổi là 42 nước ủng hộ và 34 nước phản đối, nếu cứ tiếp tục đà này rất có thể sẽ được đảo lại ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc năm 1961.

Vì vậy, trong tình trạng rao bán "hai nước Trung Quốc" gặp trở ngại, Mỹ quyết định thay đổi chiến thuật, đồng ý thảo luận vấn đề quyền đại biểu của Trung Quốc, nhưng đưa vấn đề này lên thành vấn đề quan trọng, có nghĩa là phải trên 2/3 nước thành viên đồng ý mới được thông qua đề án kết nạp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đuổi chính quyền Đài Loan ra khỏi Liên Hợp Quốc. Nói cách khác, Mỹ chỉ cần trên 1/3 số phiếu là có thể cản trở việc khôi phục ghế

trong Liên Hợp Quốc của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 15 tháng 11, Liên Hợp Quốc với tỷ lệ bầu 61/34 phiếu đã thông qua "Nghị quyết quan trọng" do Mỹ đề ra, do đó đã dán một lá bùa giữ ghế ở Liên Hợp Quốc cho chính quyền Đài Loan. Chính quyền hợp pháp Trung Quốc bị loại ra khỏi Liên Hợp Quốc một cách vô lý, kéo dài, chậm tới mười năm sau mới được giải quyết.

Song, đúng như các học giả Đài Loan đã nêu điều đáng chú ý là "vấn đề quan trọng" về bản chất không hoàn toàn phản đối Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc, mà muốn Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc nhưng không gạt bỏ ghế của Trung Hoa Dân Quốc. Giả thử lúc này Liên Xô và Trung Cộng không kiên trì đề án "gạt bỏ ta kết nạp Cộng sản" thì đại biểu hai nước Trung Quốc trong Liên Hợp Quốc đã sớm thành sự thật. Nhưng do Trung Cộng khăng khăng thà không vào Liên Hợp Quốc chứ không thể đồng ý để chính quyền Đài Loan là đại biểu của Trung Quốc. Nước Mỹ lúc này không thể từ bỏ Đài Loan mà muốn tiếp tục nắm Đài Loan trong tay. Do đó, Mỹ tuy đề ra "vấn đề quan trọng" – có vẻ như vẫn kiên định ủng hộ chính quyền Đài Loan, nhưng trong thâm tâm chẳng ưu ái gì đối với chính quyền này. Về cơ bản, Mỹ muốn mặc cả với Chính phủ Trung Quốc, khi cần có thể lấy Đài Loan để thế chấp, điều này đã làm cho Tưởng cay đắng trong lòng mà không làm gì được.

II. SỰ PHÁ SẢN CUỐI CÙNG MỘNG TƯỞNG "PHẢN CÔNG"

Bắt đầu từ năm 1959, bước phát triển của Đại Lục Trung Quốc đã chậm đi rõ rệt.

Đối nội, xuất hiện đường lối "tả" khuynh ngày một rõ ràng, "gió Cộng sản", "gió linh tinh" và một loạt phong trào chính trị dấy lên, làm cho tư tưởng chỉ đạo của Đảng cộng sản dần đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa Marx.

Về đối ngoại, sự chia rẽ Trung – Xô công khai hóa. Chiến tranh biên giới hai nước Trung – Ấn xảy ra. Đồng thời, Trung Quốc còn phải chi viện cho cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của Việt Nam.

Từ năm 1960-1963, ở Trung Quốc liền trong ba năm nhiều vùng rộng lớn bị thiên tai. Trong thời kỳ này, Liên Xô đơn phương đình chỉ viện trợ cho Trung Quốc, hủy bỏ hợp đồng, rút chuyên gia về nước. Nền kinh tế quốc dân gặp khó khăn nghiêm trọng.

Trong tình hình này, Trung Quốc muốn giải phóng Đài Loan rõ ràng là lực bất tòng tâm. Đến năm 1966, Đại Lục lâm vào cảnh rối loạn trong Cách mạng văn hóa, vấn đề Đài Loan không còn sức đâu nghĩ đến nữa. Do đó trong những năm 1960, có thể nói rằng chính quyền Đài Loan đã có được hoàn cảnh bên ngoài tương đối yên ổn nhờ những sai lầm của Đảng cộng sản Trung Quốc.

Nhưng Tưởng Giới Thạch không thỏa mãn với hiện trạng, trước sau năm 1962 ông ta hô hào "Phản công Đại Lục" một lần nữa, mong rằng nhân cơ hội Trung – Xô chia rẽ và nhiều vùng rộng lớn ở Trung Quốc bị thiên tai…

Ngày 25 tháng 12 năm 1961, Tưởng Giới Thạch tuyên bố trong cuộc họp "Quốc hội" hàng năm rằng, năm 1962 là "năm quyết định phản công thắng bại". Khóa họp "Quốc hội" này đã thông qua 37 đề án, trong đó đề án quan trọng nhất là Đề án kiến nghị Chính phủ phản công Đại Lục nhanh chóng và triệt để. Đề án này chính thức đề nghị sửa đổi Hiệp ước phòng thủ chung để Đài Loan thoát khỏi sự ràng buộc của Mỹ đối với việc "Phản công Đại Lục".

Tết nguyên đán năm 1962, Tưởng Giới Thạch có Thư gửi đồng bào quân dân toàn quốc nói rằng: "Quân đội của chúng ta đối với cuộc phản công này đã được chuẩn bị đầy đủ, có thể bắt đầu hành động vào bất cứ lúc nào", đồng thời tuyên bố "cách mạng Quốc dân phản công bằng cuộc tổng quyết chiến phục quốc sẽ đến", những phần tử chống Cộng ở Đài Loan và ở Đại Lục có "thời gian hành động chung đã đến".

Ngày 25 tháng 1, Đào Hy Thánh, Nhiệm Xa Tuyên (Diệp Thanh)… chủ trì tờ Bình luận chính trị ra xã luận chủ trương sửa đổi ngayHiệp ước phòng thủ chung để "Quốc quân" phóng tay phản công.

Ngày 22 tháng 2, "Bộ Quốc phòng" chính quyền Đài Loan thành lập "Cục Chính trị mặt trận" để chuẩn bị xử lý các nhiệm vụ ngoài mặt trận sau "thắng lợi". Ngày 23, Trần Thành tuyên bố tại "Viện Lập pháp" rằng: "Trước mặt chúng ta chỉ có hai con đường một là đánh nhanh, trở về Đại Lục, hai là cam tâm chịu thất bại, sự lựa chọn của chúng ta đương nhiên là con đường thứ nhất."

Ngày 1 tháng 5, chính quyền Đài Loan công bố hạng mục "thuế quốc phòng đặc biệt", có tới hơn 14 hạng mục, điều này rõ ràng là cần thiết cho việc chuẩn bị chiến tranh.

Cùng với thời kỳ này, chính quyền Đài Loan kêu gọi thanh niên nhập ngũ trước hạn, quân nhân tại ngũ thì kéo dài niên hạn phục vụ, tất cả sĩ quan và binh lính nhất loạt không được rời doanh trại, sẵn sàng chờ lệnh. Đài Loan đã đặt mua nhiều loại vũ khí của các nước, mua nhiều máu của Nhật Bản. Không quân của Tưởng đã cải tiến thiết bị tiếp dầu của máy bay chiến đấu để kéo dài thời gian bay. Bít tất và thắt lưng của một số sĩ quan và binh lính cũng in hàng chữ "Trở về Đại Lục".

Nhiều hiện tượng chứng tỏ rằng lần này Tưởng Giới Thạch có quyết tâm khá lớn, rất có thể thật sự tiến hành một cuộc mạo hiểm quân sự. Đối với việc này, Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã đề ra nguyên tắc "Chúng ta không muốn đánh nhau, nhưng cũng không sợ đánh nhau", một mặt bố trí quân đội, làm tốt công tác chuẩn bị nghênh chiến, mặt khác chỉ thị cho Vương Bính Nam, Đại sứ ở Vacsava trong cuộc hội đàm cấp đại sứ Trung – Mỹ, đề nghị phía Mỹ chú ý tình hình nghiêm trọng ở eo biển Đài Loan, tranh thủ Mỹ có lợi cho ta, để Mỹ kiềm chế sự manh động của Tưởng Giới Thạch.

Sự thật là chưa được phía Trung Quốc đề nghị, Mỹ đã chủ động có biện pháp. Ngày 6 tháng 2, Mỹ đề nghị phía Đài Loan, khi hai bên chưa thống nhất, máy bay Đài Loan không được bay vào Đại Lục Trung Quốc, bởi máy bay Đài Loan là do Mỹ cung cấp nên sẽ gây ra tình hình căng thẳng, Mỹ sẽ không thể gánh trách nhiệm phòng thủ.

Ngày 8 tháng 3, Đại sứ Mỹ Drumright về nước, trước khi lên đường tuyên bố rằng: "Chúng tôi có những điểm bất đồng và tiếp tục có những ý kiến khác nhau." Sau khi Drumright đi, Mỹ kéo dài tới ba tháng mới thông báo bổ nhiệm đại sứ mới, điều này nếu bình thường chẳng ai chú ý, nhưng lúc này phía Tưởng đang muốn hành động, Mỹ thì không thể không lệnh cho Đài Loan làm theo.

Ngày 14 tháng 3, Ngoại trưởng Mỹ William Averell Harriman phụ trách vùng Viễn Đông đáp máy bay tới Đài Loan hội đàm với Tưởng Giới Thạch. Hôm đó, các báo ở Đài Loan đều ra xã luận mong rằng Tưởng Giới Thạch nhân dịp này đề nghị sửa đổi Hiệp ước phòng thủ chung. Ngày hôm sau, Harriman về nước. Khi các phóng viên hỏi ông ta về những việc hội đàm với Tưởng Giới Thạch, Harriman không trả lời. Các nhà bình luận đoán rằng Harriman có nhiệm vụ "khuyên không phản công", Tưởng Giới Thạch nói với ông ta rằng "phản công" là chủ quyền của Trung Hoa Dân Quốc, Harriman chỉ tỏ sự "thông cảm", không hề "xin lỗi".

Ngày 20 tháng 3, Bộ ngoại giao Mỹ đột nhiên công bố Dự án văn kiện mật về quan hệ Trung – Mỹ năm 1943 chia thành 29 mục nói rõ quan hệ giữa Mỹ và "Chính phủ" Quốc dân đảng trong thời kỳ lịch sử này. Toàn văn có tất cả 908 trang trong đó có nói đến nhiều điều xấu xa của chính quyền Tưởng Giới Thạch trong thời kỳ sau chiến tranh chống Nhật; nhiều lần khẳng định sự chỉ trích trong "sách trắng" đối với chính quyền Tưởng. Đối với điều này phía Đài Loan phản ứng mạnh mẽ, cho rằng cuốn sách "Dù rằng nhìn từ góc độ nào đều bất lợi đối với nước ta." Có người chỉ trích cuốn sách là sự tái bản "sách trắng" năm 1949, cho rằng quan hệ Mỹ – Đài Loan vì cuốn sách mà trở nên căng thẳng.

Ngày 8 tháng 4, một tờ báo Anh đưa tin nói rằng Mỹ chẳng những không đồng ý với kế hoạch của chính quyền Đài Loan về cuộc tấn công quy mô lớn trong năm nay, mà còn cự tuyệt việc bán thêm máy bay oanh tạc và máy bay chiến đấu cho Đài Loan.

Ngày 11 tháng 4, Chân báo Hồng Kông cho biết: Tưởng Giới Thạch đã quyết định thành lập một "tổ năm người cao nhất" lấy tên là "Hội đồng hành động phản công" do Tưởng Giới Thạch đích thân làm Chủ nhiệm. Khi bắt đầu "phản công", cơ cấu này sẽ trở thành cơ quan chỉ huy tối cao.

Ngày 13 tháng 6, Phan Công Triển lấy năm triệu chữ ký ở Mỹ vận động hội gửi thư đến Tưởng Giới Thạch nói rằng "thời cơ phản công Đại Lục đã chín muồi", mong rằng Mỹ giữ vững lập trường chống Cộng, giúp đỡ về mặt hậu cần và ủng hộ cho Đài Loan.

Ngày 23 tháng 6, Tân Hoa xã đưa tin vạch trần sự mạo hiểm quân sự của chính quyền Đài Loan đang chuẩn bị với quy mô lớn, hòng xâm phạm vùng duyên hải Đại Lục, đồng thời chứng tỏ rằng Mỹ là "kẻ cổ vũ và ủng hộ mạo hiểm quân sự. không có Mỹ giúp đỡ, ngay cả sự tồn tại của chính quyền Đài Loan cũng không thể có, huống chi dám mạo hiểm quân sự. Không có sự tiếp tay của đế quốc Mỹ, chúng càng không thể nghĩ đến điều này." Bản tin này rất nhanh được đăng trên trang đầu của các tờ báo trong nước, đồng thời lập tức gây sự chú ý của giới báo chí và ngoại giao nước ngoài.

Cùng ngày, Đại sứ Trung Quốc là Vương Bính Nam tiến hành hội đàm phiên 111 với Đại sứ Mỹ John Cabot ở Vacsava. Về tình hình hội đàm lần này, Vương Bính Nam viết trong hồi ký của mình rằng:

"Khi tôi đặc biệt lưu ý trong hội đàm về tác dụng hậu thuẫn của Chính phủ Mỹ khiến Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị 'Phản công Đại Lục', Cabot rất lúng túng. Tôi lại nói thêm, nhân dân Trung Quốc đã biết Tưởng Giới Thạch mấy chục năm, hoàn toàn hiểu rằng phải đối phó với ông ta như thế nào. Chính phủ Trung Quốc cần phải vạch ra rằng Chính phủ Mỹ đang chơi với lửa, Tưởng Giới Thạch một khi gây chiến tranh với Đại Lục, kết quả sẽ chẳng mang lại điều gì tốt đẹp cho Mỹ. Chính phủ Mỹ sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tất cả những hậu quả nghiêm trọng do hành động mạo hiểm của Tưởng Giới Thạch gây nên.

Cuối cùng tôi dùng những lời cảnh cáo, khẳng định rằng ngày Tưởng Giới Thạch xâm phạm Đại Lục chính là lúc nhân dân Trung Quốc giải phóng Đài Loan!

Do tính chất nghiêm trọng của tình hình, tôi đề nghị ông ta báo cáo lại với Chính phủ Mỹ.

Cabot nghe xong, một lát sau ông ta biểu thị rất tán thưởng sự thẳng thắn của tôi và hứa sẽ nhanh chóng báo cáo Chính phủ Mỹ về tình hình mà tôi vừa nói.

Ông ta nói, trong tình hình trước mắt, Mỹ không thể giúp đỡ Tưởng Giới Thạch phát động cuộc tấn công vào Đại Lục Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch có nghĩa vụ đối với Mỹ, chưa được Mỹ đồng ý Tưởng không thể phát động cuộc tấn công Trung Quốc."

Ông ta lại nói: "Tôi xin bảo đảm với ngài Đại sứ rằng, chúng tôi không muốn có một cuộc đại chiến thế giới. Chúng tôi sẽ dùng mọi lực lượng để phòng ngừa nó." Sau đó, ông ta còn xin bảo đảm mấy lần. Khi chia tay, Cabot thậm chí còn nói: "Nếu Tưởng Giới Thạch muốn hành động, hai chúng ta sẽ liên hợp lại ngăn chặn ông ta."

Ngày 27 tháng 6, trong cuộc họp chiêu đãi các phóng viên tại Nhà Trắng, Kennedy nhấn mạnh: "Sự sắp xếp của chúng ta với Trung Hoa Dân Quốc đã nói rất rõ ràng, hy vọng chung của chúng ta là không dùng vũ lực." Khi phóng viên hỏi việc Đài Loan "Phản công Đại Lục" có bị ràng buộc bởi Hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ và Đài Loan không. Kennedy đã trả lời khẳng định rằng: "Chưa được sự đồng ý của Mỹ, Đài Loan không thể có hành động mà các ngài đề cập đến." Các báo chí Mỹ cho rằng đây là lời cảnh cáo của Kennedy đối với chính quyền Đài Loan.

Ngày 5 tháng 7, Kerk – "Đại sứ" mới của Mỹ tại Đài Loan đã đến Đài Bắc. Ông ta trao cho Tưởng Giới Thạch lá thư của Kennedy, nội dung thư mong rằng Tưởng Giới Thạch đừng có những hành động quân sự trước khi thương lượng với Mỹ, đồng thời nói rõ lập trường của Mỹ ở khu vực Đài Loan chỉ là "mang tính phòng ngự đơn thuần".

Ngày 9 tháng 7, Trần Thành trả lời "Viện Lập pháp" bằng văn bản rằng sẽ dùng chiến thuật du kích rộng rãi đối với Đại Lục; Chính phủ đang đợi thời cơ, "Phản công Đại Lục" phải thích ứng với tình hình quốc tế.

Ngày 9 tháng 10, Tưởng Giới Thạch tuyên bố coi "Phản công Đại Lục" là "chủ quyền tuyệt đối" của "Chính phủ Quốc dân đảng". Ngày 28, Tưởng Giới Thạch tiếp kiến nhà báo Mỹ, nói rằng ông ta không quản "những trở ngại chính trị hoặc những lý do khác của đồng minh; chỉ cần thời cơ đến, sẽ lập tức bắt đầu phản công."

Ngày 25 tháng 12, "Viện Lập pháp" của chính quyền Đài Loan chính thức thông qua quyết định yêu cầu sửa đổi Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng để loại bỏ Điều 4 của Hiệp ước này: "Nước ký hiệp ước phải thường xuyên hiệp thương ở cấp Bộ trưởng ngoại giao hoặc người thay mặt Bộ trưởng" và phải hạn chế trong những điều khoản khác đối với những hành động quân sự tự phát của chính quyền Đài Loan. Với biện pháp này, có thể nói chính quyền Đài Loan đã có thái độ cứng rắn trước sự ngáng chân của Mỹ.

Nhưng Tưởng Giới Thạch đã hết vốn, không có Mỹ nâng đỡ, ông ta sẽ không dám làm gì. Do đó, cuối năm 1962, việc kêu gào "phản công" của chính quyền Đài Loan, trước sau chỉ là "tiếng kêu ở dưới cầu thang, mà chẳng có ai đi xuống".

Đến đầu năm 1963, Tưởng Giới Thạch nhận được tin tình báo cho biết mâu thuẫn giữa Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ đã đến đỉnh cao; mâu thuẫn Trung – Xô ngày càng sâu sắc. Nếu Trung Quốc bị công kích, Liên Xô rất có thể khoanh tay đứng nhìn. Tháng 10 đến tháng 11 năm 1962, ở biên giới Trung – Ấn đã nổ ra xung đột vũ trang quy mô lớn. Ở chiến trường Việt Nam, sự đối kháng gián tiếp giữa hai nước Trung – Mỹ cũng có xu hướng tăng lên. Những nhân tố này khiến cho Tưởng Giới Thạch dự tính phản công Đại Lục một lần nữa.

Ngày 5 tháng 1 năm 1963, khi tiếp phóng viên Thời báo mặt trời Chicago, Tưởng Giới Thạch đã công khai phê phán Mỹ: "Xóa bỏ chủ nghĩa Cộng sản châu Á là phải nhằm vào Trung Quốc, Mỹ muốn bao vây chủ nghĩa Cộng sản ở ngoài Trung Quốc sẽ tốn kém nhiều tài nguyên nhân lực."

Ngày 8 tháng 2 năm 1963, Tưởng Giới Thạch tiếp kiến nhà báo UPI Mỹ đã tỏ ra sẵn sàng chuẩn bị "Phản công Đại Lục". Theo tin điện của UPI do Thông tấn xã Trung ương Đài Loan phát, Tưởng Giới Thạch tuyên bố: "Hiện nay đang là lúc cần hành động, thời cơ thích đáng đã đến, tôi sẽ trực tiếp chỉ huy đại quân phản công, ủng hộ đồng bào bị nô dịch trên Đại Lục."

Ngày 19 tháng 2, Trần Thành báo cáo trước "Viện Lập pháp", hô hào: "Không vì bất cứ trở lực nào" làm thay đổi "quốc sách cơ bản" về "Phản công Đại Lục". Ông còn nói rằng "hiện đang là thời kỳ hy vọng phục hồi lớn nhất".

Ngày 12 tháng 3, Trần Thành lại tuyên bố trả lời những chất vấn trước "Viện Lập pháp": "Phản công Đại Lục là việc của chính chúng ta, chúng ta đương nhiên muốn có sự giúp đỡ của nước đồng minh, nhưng chúng ta không theo đuôi nước đồng minh. Chúng ta, một mặt phải chịu đựng, một mặt phải đấu tranh."

Ngày 22 tháng 4, Tưởng Giới Thạch lại nói với nhà báo của hãng Tin hàng ngày Washington rằng "một khi phản công, trong vòng từ ba đến năm năm sẽ đặt chân trên toàn quốc".

Lúc này, Mỹ lại đứng dậy dội một gáo nước lạnh lên đầu Tưởng Giới Thạch. Ngày 22 tháng 5,

Tổng thống Mỹ Kennedy tuyên bố: Nếu Trung Hoa Dân Quốc phát động "Phản công Đại Lục" sẽ đụng chạm đến Mỹ. Mỹ đã nói với Đài Loan rằng trước khi họ có hành động như vậy, phải trao đổi trước với Mỹ. Ngày 23 tháng 6, Kennedy lại một lần nữa nói: "Sự trao đổi rõ ràng có đụng chạm đến các vấn đề của Mỹ". Mỹ đã thông qua nhiều con đường để báo cho chính quyền Đài Loan rõ, nếu phía Tưởng không trao đổi với Mỹ mà tự ý hành động sẽ phương hại đến Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng.

Ngày 24 tháng 6, Thẩm Kiếm Hồng, Cục trưởng Báo chí Đài Loan, nắm được yêu cầu "sự trao đổi" của Kennedy đã ra tuyên bố với luận điệu cũ rằng: "Phản công phục quốc là quốc sách cơ bản của chúng ta, quyết không có gì thay đổi." Tôn Bích Kỳ, "người phát ngôn Bộ Ngoại giao Đài Loan", cũng nhân đó phát biểu rằng: "Sự trao đổi chỉ can hệ đến vấn đề phòng vệ an toàn của tây Thái Bình Dương giữa Mỹ và Đài Loan, còn "phản công phục quốc" là việc nội chính của Trung Hoa Dân Quốc, không cần "trao đổi" với bất kỳ quốc gia nào."

Ngày 26 tháng 10, Trần Thành tuyên bố tại Hội nghị tổng kết lần thứ 18 của Ủy ban chính sách giành lại Đại Lục rằng: "Chúng ta quyết không vì sự thay đổi nào của tình hình quốc tế mà dao động, làm giảm quyết tâm của đồng bào Đại Lục; càng không vì một quốc gia hoặc cá nhân có hành động tư lợi và thiển cận nào mà coi thường và từ bỏ quốc sách chống Cộng, chống Nga." Là nhân vật số hai của Đài Loan dám công nhiên chửi đổng Mỹ là tư lợi và thiển cận chứng tỏ chính quyền Đài Loan đã không chịu được sự trói buộc của Mỹ.

Vì vậy, ngày 14 tháng 11 Kennedy tuyên bố: "Chúng ta không cố chấp đối với chính sách của Chính phủ Trung Cộng, nếu Bắc Kinh tỏ ra muốn hòa bình, Mỹ sẽ xem xét lại chính sách đối với họ." Nếu Đài Loan không biết nghe lời, Mỹ sẽ chuyển hướng tốt đối với Bắc Kinh. Câu chú "xiết kim cô" vừa niệm xong tiếng kêu "phản công" của phía Tưởng đã nhanh chóng giảm xuống mức thấp nhất, rồi nhanh chóng tan như bong bóng xà phòng.

Cuối năm 1965, Trung Quốc vừa có một thời kỳ tạm thời chuyển biến tốt toàn diện nền kinh tế quốc dân ngắn ngủi, lại phải đương đầu với một cuộc bạo loạn lớn. Ngày 10 tháng 11, Diên Văn Nguyên phát biểu trên báo Văn hối Thượng Hải Bàn về vở kịch lịch sử mới "Hải Thụy từ quan" nổi tiếng, đã mở màn cho cuộc "Đại cách mạng văn hoá".

Đối với nội loạn ở Đại Lục, Đài Loan chỉ muốn lợi dụng cơ hội này hô hào "phản công" lần nữa.

Ngày 21 tháng 5 năm 1966, Cốc Chính Cương phát biểu, kêu gọi Mỹ có hành động giúp đỡ Đài Loan "mở mặt trận thứ hai" ở Trung Quốc để phối hợp với quân Mỹ chiến đấu ở Việt Nam. Ngày 18 tháng 7, xã luận Nhật báo Trung ương của Đài Loan nói rằng "mở mặt trận thứ hai" ở Đại Lục Trung Quốc là cái nút giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam. Ngày 2 tháng 8, Triệu Huệ Mạc liên danh với hơn mười "Ủy viên Lập pháp" gửi thư cho chính quyền Đài Loan, yêu cầu tổ chức "quân tình nguyện giúp Việt Nam" đến tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Sau đó, "Nông hội tỉnh Đài Loan" và nhiều đoàn thể cũng tiếp tục đề ra nhiều yêu cầu với chính quyền. Về phía Đài Loan đề nghị Mỹ dùng vũ lực giúp quân Mỹ ở chiến trường Việt Nam hoặc quân Tưởng đổ bộ vào vùng duyên hải đông nam Trung Quốc, "mở mặt trận thứ hai". Từ đó, một là thực hiện kế hoạch "phục quốc" của Quốc dân đảng, hai là cắt đứt sự cung cấp hậu cần của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; hoặc để quân Tưởng trực tiếp tham chiến tại Việt Nam, nhưng với điều kiện là sau khi chiến thắng, Mỹ phải giúp đỡ quân Tưởng thừa thắng tiến lên phía bắc, đánh về Đại Lục. Nhưng Mỹ đã cự tuyệt cả hai đề nghị này.

Tháng 10 năm 1966, Tổng thống Mỹ Johnson đi thăm Nhật và một số nước Viễn Đông. Chuyến đi này được bố trí để Johnson thăm sáu, bảy nước trong khu vực, nhưng đã cố tình không đến Đài Loan – "người bạn kiên định nhất". Giới báo chí Washington đều cho rằng đây là thái độ chính trị rõ ràng, biểu thị sự thờ ơ đối với việc Đài Loan yêu cầu phản công Đại Lục và đưa quân tham chiến ở Việt Nam.

Trong cùng thời kỳ này, Đài Loan thông qua nhiều kênh hòng "trao đổi" với Mỹ về vấn đề phản công. Điều này thực tế đã đi ngược với chủ trương của Tưởng, "phản công là vấn đề nội chính,

không phải trao đổi với nước khác". Mỹ tuy vẫn giữ điều "hiệp thương" để trói buộc Đài Loan, nhưng khi Đài Loan cần "hiệp thương" thì Mỹ lại gây trở ngại, cơ bản không muốn trao đổi vấn đề này với chính quyền Đài Loan.

Ngày 10 tháng 1 năm 1967, Chu Thư Khải, "Đại sứ" của Đài Loan ở Mỹ, đã tuyên bố rằng: "Tổng thống Tưởng đang chú ý đến sự phát triển của tình hình Đại Lục, khi Người thấy tình hình thích hợp, tôi nghĩ Người sẽ lập tức có biện pháp." Câu nói này được các giới thông tấn nhất trí cho rằng đây là quả bóng thăm dò của Đài Loan thả ra để xem phản ứng của Mỹ.

Đối với việc này, McCroskey, người phát ngôn của Bộ ngoại giao Mỹ đã tuyên bố: "Hãy đọc lại một lần văn bản trong Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng về việc hạn chế phía Đài Loan đơn phương có hành động quân sự". Ông còn tuyên bố hai bên Mỹ và Đài Loan sẽ thảo luận đầy đủ về tình hình phát sinh ở Đại Lục Trung Quốc, nhưng "chỉ giới hạn phân tích tình hình phát sinh trong nội bộ Đảng cộng sản Trung Quốc", không nói đến kế hoạch của "Chính phủ" Quốc dân đảng chuẩn bị lợi dụng sự rối loạn trong Đảng cộng sản Trung Quốc để thừa cơ phản công. Câu nói này thể hiện rõ hai điều Mỹ yêu cầu: (1) Chưa qua thương lượng hai bên, phía Đài Loan không được tự hành động; (2) Mỹ không thương lượng với Đài Loan về vấn đề "phản công".

Tiếp theo, Thời báo New York, tờ báo có ảnh hưởng nhất ở Mỹ cũng ra xã luận lấy tiêu đề là Thần thoại Trung Quốc, đã viết: "Phải nhớ rằng vận mệnh của Trung Quốc do nhân dân ở đó và chỉ có nhân dân ở đó quyết định. Đó là điều quan trọng. Sự thực nguy hiểm hơn trong tình hình rối loạn trước mắt ở Trung Quốc là cổ vũ cho kẻ đối địch Mao Trạch Đông có thủ đoạn trực tiếp hoặc gián tiếp. Kẻ đối địch này bao gồm Liên Xô – họ tập trung lực lượng lớn quân đội ở biên giới Trung Quốc và quân đội của Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan. Bất luận nhân tố nào nhúng tay vào cuộc điều tra nội bộ của Đại Lục Trung Quốc đều có thể dẫn đến tình thế nghiêm trọng vô cùng." Vì vậy, báo này yêu cầu Hạm đội 7 của Mỹ "ngăn ngừa Bắc Kinh đánh Tưởng Giới Thạch, đồng thời kiềm chế quân đội Chính phủ Quốc dân đánh vào Đại Lục".

Nội dung cơ bản của bài xã luận này không chỉ tỏ rõ khuynh hướng nhất quán của dư luận Mỹ, mà còn đại biểu cho lập trường cơ bản của Chính phủ Mỹ. Phía Đài Loan sau khi đọc rất bực tức. Chu Thư Khải, "Đại sứ" Đài Loan ở Mỹ đã tự viết thư cho báo này, nói Thần thoại Trung Quốc coi Liên Xô và Đài Loan đều là "kẻ đối địch bên ngoài" là một sai lầm nghiêm trọng. Do Chính phủ Mỹ đã thừa nhận Trung Hoa Dân Quốc là đại biểu "Chính phủ hợp pháp của Trung Quốc" thì phải thừa nhận "phản công" là việc nội bộ của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, không thể nói giống như sự xâm lược của Liên Xô? Vì vậy, ông ta yêu cầu Thời báo New York công khai xin lỗi và cải chính. Nhưng báo này căn bản không thèm để ý đến.

Do thái độ của Mỹ như vậy, Tưởng Giới Thạch đã phải xét đến: Một là, nếu tự ý "phản công" khả năng thắng lợi sẽ không nhiều. Hai là, khi "phản công" sẽ có thể làm giảm cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng cộng sản Trung Quốc và làm cho họ tập trung vào đối ngoại. Cuối cùng tuyên bố, chỉ cần Đại Lục có một phái của Đảng cộng sản kêu gọi Đài Loan giúp đỡ, "Quốc quân" sẽ lập tức phản công. Câu nói này chẳng qua là tìm bậc xuống thang mà thôi.

Ở thời điểm này, tuyệt đại đa số người của Quốc dân đảng đều biết rõ những chi phí cho "phản công" là chẳng bao giờ có được. Tưởng Giới Thạch cũng cảm thấy cứ nói mãi điều này giống như dùng dao tự đâm mình, dần dần trong những bài nói và văn kiện hội nghị, văn bản công khai cho đến trong tuyên truyền báo chí đều không nói đến "phản công", mà thay bằng từ "quang phục". Vấn đề khiến cho hai bên Mỹ – Tưởng tranh cãi trong nhiều năm đến đây chấm dứt.

III. TỪ "MỞ CỬA MỚI" ĐẾN "BAO VÂY VÀ KHÔNG CÔ LẬP"

Sở dĩ Mỹ luôn ngăn cản Đài Loan phản công, ngoài việc sợ từ đó có thể dẫn đến thay đổi chiến lược thế giới, khiến Mỹ dấn thân vào vũng lầy chiến tranh nhân dân Trung Quốc mà không có cách nào thoát ra được; quan trọng hơn, họ thấy lực lượng của nước Trung Quốc mới, đặc biệt là thấy những người Cộng sản Trung Quốc, không phải là công cụ dễ bảo của Liên Xô. Do đó, đã

nảy sinh nguyện vọng cải thiện quan hệ với Trung Quốc và bắt đầu điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc.

Ngày 13 tháng 11 năm 1963, Eastman, Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách về Viễn Đông của Mỹ đã viết bài Khẳng định lại chính sách của Mỹ về Trung Quốc tuyên bố: "Thái độ của các lãnh tụ Cộng sản Trung Quốc thay đổi như thế nào, chúng ta không biết, nhưng nếu tôi có thể sửa "kinh điển" trước kia của chúng ta, hôm nay chúng ta sẽ đi tìm một chính sách mở cửa đối với Trung Cộng. Chúng ta quyết tâm duy trì mở cửa đối với bất cứ khả năng thay đổi nào trong quan hệ với Trung Cộng và không cự tuyệt bất cứ sự phát triển có lợi cho chúng ta, cho thế giới tự do và cho nhân dân Trung Quốc. Chúng ta quyết không gieo những hạt giống hằn thù với Trung Cộng, điều này sẽ khiến cho muôn đời còn cháu Trung Quốc sau này chịu hậu quả khổ đau. Nhưng chúng ta cũng quyết không bán rẻ lợi ích của chính chúng ta và đồng minh để thỏa mãn dã tâm của các lãnh tụ Trung Cộng."

Do đó, "chính sách mở cửa" mới tức là "không bán rẻ lợi ích của chính mình và đồng minh Đài Loan", tranh thủ cải thiện quan hệ với Bắc Kinh đã trở thành những nguyên tắc quan trọng trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc.

"Chính sách mở cửa" mới này đã lộ rõ chẳng qua vẫn là phiên bản của "hai nước Trung Quốc", tiền đề của nó vẫn là đồng thời thừa nhận hai chính quyền Bắc Kinh và Đài Bắc đều là đại biểu cho Trung Quốc. Lúc đó, các nhân sĩ chính giới và chuyên gia về vấn đề Trung Quốc của Mỹ khi giải thích về chính sách mở cửa mới chia thành phái Bảo thủ và phái tự do. phái Bảo thủ có Tổng thống Johnson và những nhân vật đương quyền làm đại biểu. Phái tự do có Eastman và những quan chức Bộ ngoại giao phụ trách cụ thể về Viễn Đông cùng các chuyên gia về vấn đề Trung Quốc làm đại biểu. Họ thống nhất về mục tiêu chính là cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Nhưng phái Bảo thủ đề nghị trước tiên hỏi Bắc Kinh có muốn cải thiện quan hệ không, còn phái tự do thì cho rằng Mỹ trước tiên phải chủ động, tác động và thúc đẩy Cộng sản Trung Quốc thay đổi thái độ. Từ góc độ khác mà nhìn, cũng là chủ trương "hai nước Trung Quốc", phái Bảo thủ thiên về ủng hộ lợi ích của "Trung Hoa Dân Quốc"; còn phái tự do thì coi trọng sẽ sớm mở quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Trong những nước đồng minh của Mỹ, tiếng hô yêu cầu cải thiện quan hệ với Trung Quốc ngày càng cao. Ngay từ tháng 9 năm 1961, Matsumura Kenzō thuộc Đảng Tự do Dân chủ Nhật đi thăm Trung Quốc, đã ký với Thủ tướng Chu Ân Lai về "Ba nguyên tắc chính trị" và "Ba nguyên tắc mậu dịch" của mậu dịch dân gian. Tháng 11 năm 1962, Liêu Thừa Chí của Trung Quốc và Tô Chí Ta của Nhật Bản đã ký "Giác thư (bản ghi nhớ) mậu dịch". Đến năm 1963, các thương gia Nhật Bản có tới trên 200 người có quan hệ mậu dịch với Trung Quốc.

Mậu dịch dân gian Trung – Nhật, còn gọi là "Mậu dịch LT" (lấy chữ cái tiếng Anh đầu tiên của Liêu Thừa Chi và Tô Chi Ta làm tên gọi) trên thực tế đã được sự thông cảm và giúp đỡ của Chính phủ Nhật Bản. Hình thức mậu dịch này đã phá vỡ chính sách "bao vây cô lập" của Mỹ đối với Trung Quốc, tất nhiên dẫn đến sự phản kháng liên tục của Đài Loan. Nhưng Chính phủ Nhật Bản đều cự tuyệt vì lý do "không có cách nào có thể can thiệp vào tự do thông thương của quần chúng". Cuối cùng, Đài Loan bắt buộc phải chấp nhận. Còn Mỹ, khi đó có ảnh hưởng rất lớn đối với các chính sách của Nhật lại mặc nhiên công nhận lập trường này của Chính phủ Nhật Bản.

Ngày 20 tháng 8 năm 1963, Nội các Ikeda Hayato Nhật ngoài việc phê chuẩn cho Công ty Ka-xi-lô-tô chuyển toàn bộ nhà máy và trang thiết bị Vinylon cho Trung Quốc, còn quyết định giúp hai triệu đô-la do Ngân hàng Quốc gia Nhật chuyển khoản. Đài Loan cho rằng việc làm này rõ ràng đã vượt quá phạm vi mậu dịch tư nhân và trở thành một loại "viện trợ kinh tế" của Chính phủ Nhật cho Trung Quốc. Họ phản kháng Nhật, còn Nhật lấy lý do coi "đây là sự giao lưu mậu dịch dựa theo nguyên tắc tách rời chính trị và kinh tế", quyết không nhượng bộ.

Ngày 10 tháng 9, Ikeda Hayato nói chuyện với nhà báo Mỹ phê bình chính sách "phản công" của Đài Loan là "không có căn cứ, là ảo tưởng". Câu nói này bị Đài Loan coi là một sự lăng mạ

công khai.

Ngày 20 tháng 9, có cuộc biểu tình phản đối trước "Sứ quán" Nhật tại Đài Loan. Cửa "Sứ quán" bị người ta ném gạch đá làm hỏng. Ngày 21 tháng 9, Tưởng Giới Thạch tiếp kiến nhà báo Mỹ, đã lớn tiếng chửi Ikeda Hayato "vốn đã có những bài học thu được trong lịch sử, nhưng ông ta vẫn chưa tỉnh ngộ". Cùng ngày, chính quyền Đài Loan đã triệu hồi Trương Lịch Sinh, "Đại sứ" ở Nhật, về. Ngày 24 tháng 9, Đài Loan đã thông qua quyết định tại "Viện Lập pháp", yêu cầu thực hiện chế độ đối địch kinh tế, thậm chí cắt đứt "bang giao" với Nhật. Cùng trong thời gian này, "Sứ quán" Nhật ở Đài Loan luôn bị tấn công bao vây và la ó của đám "dân chúng" không rõ lai lịch.

Giữa tháng 10, Chu Hồng Khánh, nhân viên phiên dịch của đoàn đại biểu thiết bị dầu mỏ Trung Quốc chạy vào Sứ quán Liên Xô tại Nhật xin tị nạn chính trị, bị Sứ quán Liên Xô giao cho phía quan chức Nhật. Chu Hồng Khánh lại đề nghị xin về Đài Loan, phía Đài Loan yêu cầu Nhật dẫn độ, nhưng bị Nhật từ chối. Đến ngày 9 tháng 1 năm 1964, Nhật đưa Chu Hồng Khánh trả về Trung Quốc. Sự việc này vốn đã làm cho mâu thuẫn giữa Nhật – Tưởng rất sâu sắc lại càng thêm gay gắt hơn.

Để phản đối Nhật về cái gọi là hành vi "ninh bợ Cộng sản", phía Đài Loan tuyên bố tạm đình chỉ buôn bán với Nhật, rút phần lớn nhân viên "Sứ quán" ở Nhật về; chấp nhận đơn xin từ chức của Trương Lịch Sinh. "Sứ quán" Nhật ở Đài Loan bị những người chống đối xông vào đập phá, một nữ điện báo bị đánh trọng thương. Quan hệ Nhật – Tưởng trở nên xấu nhất kể từ sau chiến tranh.

Ngày 23 tháng 2 năm 1964, Cựu Thủ tướng Nhật đã đến Đài Loan, qua năm lần đàm phán với Tưởng Giới Thạch, tỏ ra: Ủng hộ quân Tưởng "Phản công Đại Lục" về mặt tinh thần; phản đối ý tưởng về "hai nước Trung Quốc"; thanh minh rằng quan hệ mậu dịch của Nhật với Trung Quốc chỉ giới hạn ở phương thức tư nhân. Tưởng Giới Thạch nhân đó xuống thang, quan hệ Nhật – Tưởng mới dần được khôi phục.

Cơn sóng này chưa phẳng lặng, cơn sóng khác lại ập đến. Ngày 27 tháng 1 năm 1964, Chính phủ Pháp do Charles de Gaulle lãnh đạo đã ký tuyên bố chung về đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Trung Quốc, rằng: (Chính phủ hai nước) đã quyết định xây dựng quan hệ ngoại giao trong hiệp nghị chung, để đạt được mục đích này, Chính phủ hai nước đã đồng ý cùng cử đại sứ trong vòng ba tháng. Đây là nước phương Tây quan trọng đầu tiên công nhận Trung Quốc kể từ chiến tranh Triều Tiên, do đó được cho là sự đột phá lớn của nền ngoại giao Trung Quốc.

Đặc điểm nổi bật của Tuyên bố chung về quan hệ ngoại giao Trung – Pháp là ở chỗ: Trung Quốc không nằng nặc yêu cầu Chính phủ Pháp khi đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc thì phải cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân Quốc. Các nhà ngoại giao và báo chí đoán rằng Trung Quốc đã vứt bỏ lập trường phản đối "hai nước Trung Quốc".

Theo phương châm chống Cộng của Tưởng Giới Thạch "Ta địch không đội trời chung", tuy rằng Pháp đã công nhận chính quyền Bắc Kinh, mặc cho Pháp chưa chủ động yêu cầu cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Trung Hoa Dân Quốc, phía Đài Loan cũng đã chủ động cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Pháp. Như vậy mới tỏ rõ lập trường nhất quán phản đối "hai nước Trung Quốc" mà Đài Loan theo đuổi.

Lúc này, Mỹ một mặt gia tăng áp lực với Pháp, cho rằng Pháp công nhận Trung Quốc "là không thông minh và vi phạm lợi ích của thế giới tự do". Mặt khác, thuyết phục phía Đài Loan, không cho Đài Loan chủ động cắt đứt quan hệ ngoại giao với Pháp. Lý do là: (1) Nếu Pháp xây dựng quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh thì phải cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Trung Hoa Dân Quốc, nhưng Pháp lại chưa muốn chủ động cắt đứt quan hệ "ngoại giao", Bắc Kinh sẽ không tiếp nhận lễ tiết ngoại giao của Pháp, do đó sẽ là điều rất khó khăn đối với chính quyền Charles de Gaulle và trách nhiệm thuộc về Bắc Kinh; (2) Nếu Bắc Kinh đồng ý Pháp lập quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh, lại không cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Đài Bắc thì rõ ràng Trung Cộng đã

chấp nhận "hai nước Trung Quốc", đây là một sự chuyển biến có tính chất chính sách to lớn, làm giảm yêu cầu chủ quyền của Bắc Kinh đối với Đài Loan; (3) Phương án "hai nước Trung Quốc" đối với việc Mỹ tiếp tục ủng hộ Đài Loan ở Liên Hợp Quốc có lợi rất lớn, vì trong tình hình Pháp công nhận Bắc Kinh, có thể dẫn đến nhiều nước ở Liên Hợp Quốc quyết định chấp nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Liên Hợp Quốc. Lúc này, Mỹ muốn giữ ghế của Đài Loan ở Liên Hợp Quốc, không thể không giương chiêu bài "hai nước Trung Quốc".

Lúc này Đài Loan lưu ý các "nhân viên ngoại giao" tại Pháp ở Paris, thậm chí còn chỉ thị khi các nhân viên ngoại giao Trung Cộng đến, "nhân viên ngoại giao" Đài Loan sẽ không rút về, mà "kiên trì đấu tranh đến cùng về mặt ngoại giao với Trung Cộng".

Biện pháp này chứng tỏ, phía Đài Loan mồm la rất lớn luận điệu phản đối "hai nước Trung Quốc", nhưng trên thực tế trong bụng, chỉ cần Bắc Kinh chấp nhận "hai nước Trung Quốc", phía Đài Loan cũng sẽ "không thể không lựa chiều" mà chấp nhận.

Do đó, phía Đài Loan đánh giá thấp tính nguyên tắc của những người Cộng sản ủng hộ lợi ích căn bản của dân tộc, đã đánh giá cao ảnh hưởng của Mỹ đối với Pháp, cho rằng Pháp sẽ không dám chủ động đề ra cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Đài Loan.

Thực ra, Tuyên bố chung về quan hệ ngoại giao Trung – Pháp tuy chưa tiến triển và vấn đề Pháp cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân Quốc chưa xảy ra. Nhưng thực tế hai bên Trung – Pháp đã có thỏa thuận ngầm, sở dĩ phải bố trí cử đại sứ cho nhau sau ba tháng, chính là để Chính phủ Pháp có thời gian hòa hoãn, để Chính phủ Pháp sắp xếp việc rút "các nhân viên ngoại giao" của Đài Loan một cách "thể diện".

Ngày 3 tháng 2, Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố: "Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho nhân dân toàn Trung Quốc, chuẩn bị cử đại diện ngoại giao đến Paris. Tôi trịnh trọng tuyên bố rằng: Ngoài đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở Paris ra, không thể có bất cứ người nào khác lấy danh nghĩa đại diện ngoại giao cho Trung Quốc được." Điều này lại một lần nữa chứng tỏ rằng Chính phủ Trung Quốc quyết không chấp nhận lập trường "hai nước Trung Quốc".

Ngày 7 tháng 2, Thủ tướng Pháp Ford, đại diện đàm phán về lập quan hệ ngoại giao giữa Pháp và Trung Quốc tuyên bố: "Khi Pháp công nhận Trung Quốc, đồng thời đã chấm dứt công nhận Trung Hoa Dân Quốc". "Trung Quốc chỉ có một... từ ngày chúng tôi công nhận Bắc Kinh trở đi, đại diện của Đài Loan rất rõ ràng là không thể đại diện cho Trung Quốc." "Đại sứ quán Trung Quốc sau khi thành lập vào thời gian này, Đài Bắc có thể có một dạng liên lạc với Paris thông qua người đại diện riêng hoặc một vị lãnh sự của Tưởng Giới Thạch, nhưng không có chức năng đại diện cho Trung Quốc." Bài nói này, giống như một gáo nước lạnh đổ xuống, khiến cho Đài Loan mất mặt, dẫn đến ngày 10 tháng 2 tuyên bố cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Pháp.

Sự việc lập quan hệ ngoại giao Trung – Pháp sau này đã trở thành hình mẫu cho việc lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc với nhiều nước, tức là chỉ cần viết rõ nước nào đó công nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc trên thông báo lập quan hệ ngoại giao và không cần viết rõ nước này cắt đứt quan hệ "ngoại giao" với Đài Loan. Còn phía Đài Loan sau khi biết thông báo lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, sẽ phát đi lời phản đối, tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với nước đó. Những người không hiểu rõ nội tình đều cho rằng Đài Loan kiên quyết phản đối "hai nước Trung Quốc", thậm chí một số người trong Quốc dân đảng ngầm oán trách chính sách quá cứng nhắc "Ta địch không đội trời chung" của Tưởng Giới Thạch. Trong khi lập quan hệ ngoại giao Trung – Pháp, phía Đài Loan vốn muốn chấp nhận "hai nước Trung Quốc", có điều Chính phủ Trung Quốc không chịu nhượng bộ. Phía Đài Loan thì mềm yếu trong tình hình đối phương lạnh nhạt, nên không thể không dùng biện pháp "vớt vát thể diện".

Ngày 16 tháng 10, Trung Quốc cho nổ thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên. Từ đó, không có bất cứ người nào dám coi thường địa vị quốc tế của Trung Quốc. Đám mây hình nấm

này cũng khiến cho Mỹ không thể không đi tìm sự tiếp xúc thêm với Trung Quốc.

Ngày 26 tháng 2 năm 1965, Glen, Thứ trưởng Bộ ngoại giao về Viễn Đông của Mỹ, tuyên bố: "Tôi thiết tha mong muốn mở rộng quan hệ giữa Mỹ và Trung Cộng, càng mong Bắc Kinh không tiếp tục phản đối những đề nghị từ phía chúng tôi, vì tôi tin tưởng rằng tăng thêm sự hiểu biết giữa chúng ta phù hợp với lợi ích chung của hai nước."

Đến năm 1965, tình hình trong Liên Hợp Quốc cũng diễn biến theo chiều hướng không có lợi cho Mỹ – Tưởng. Những nước tán thành đề án kết nạp Trung Quốc, trục xuất Đài Loan và những nước phản đối đề án này đạt mức bằng nhau (47/47, còn có 20 nước bỏ phiếu trắng); những nước tán thành "đề án vấn đề quan trọng" (tức là trên 2/3 nước thông qua việc kết nạp Trung Quốc, trục xuất Đài Loan) từ 61 nước giảm xuống 56 nước năm 1961; và những nước phản đối đề án không hợp lý này từ 34 nước tăng lên 49 nước. Nghĩa là lúc này trong tay Mỹ – Tưởng chỉ có ưu thế bảy phiếu, chỉ cần ưu thế này mất đi, "đề án vấn đề quan trọng" sẽ không thể thông qua, Trung Quốc sẽ có được sự ủng hộ quá bán và sẽ khôi phục ghế hợp pháp tại Liên Hợp Quốc.

Trong tình hình này, phái tự do ở Mỹ do bà J. William Fulbright, Chủ tịch Ủy ban Ngoại giao Thượng viện và John King Fairbank, Giáo sư nổi tiếng trường Đại học Harvard, Scalapino, Chủ nhiệm Khoa Chính trị trường Đại học bang California và Parnet Quyền Giám đốc SởNghiên cứu Đông Á trường Đại học Columbia… làm đại biểu, đề ra chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc nên từ chính sách "bao vây cô lập" sửa thành chính sách "bao vây không cô lập".

Chính sách "bao vây cô lập" là do Dulles đặt ra, tiền đề của nó là cho rằng chính quyền Trung Cộng khó có thể tồn tại lâu dài, nên Mỹ cần liên kết với các nước đồng minh "bao vây cô lập" Trung Quốc, làm cho nó tự sinh tự diệt. Đồng thời, tiếp tục ủng hộ chính quyền của Quốc dân đảng là "Chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho Trung Quốc".

Nhưng nước Trung Quốc mới do Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, chẳng những không "tự sinh tự diệt", ngược lại ngày càng phát triển, phồn vinh, đồng thời ngày càng được nhiều nước trên thế giới khâm phục và ủng hộ. Sự thực đanh thép này đã nói rõ một cách hùng hồn rằng "việc bao vây cô lập" của Mỹ chẳng có chút hiệu lực nào. Do đó, Fulbright và một số người nữa đã đề ra chính sách "bao vây không cô lập" để thay thế cái gọi là chính sách "bao vây không cô lập" có hai điểm chính: Một là vẫn dùng nhãn quang của chủ nghĩa đế quốc để nhìn nhận nước Trung Quốc mới, có ý chụp cho Trung Quốc cái mũ của "kẻ xâm lược"; hai là công nhận sự tồn tại của Trung Quốc như một hiện thực, đồng thời thừa nhận, Trung Quốc chẳng những không thể tự sinh tự diệt mà còn tiếp tục phát triển và phát huy tác dụng càng ngày càng lớn trên trường quốc tế. Xuất phát từ điểm thứ nhất, Mỹ phải tiếp tục "bao vây" đối với Trung Quốc, do đó phải đạt được cái gọi là "uy thế vũ lực giúp các đồng minh của chúng ta chống đối Bắc Kinh một cách trực tiếp hay gián tiếp khi lãnh thổ của họ bị xâm phạm; giúp các nước châu Á thành lập các Chính phủ có hiệu lực và có đầy đủ cơ sở rộng lớn để có đủ lực thực hiện từng bước chính sách kinh tế và xã hội. Tiếp tục giúp đỡ Đài Loan phòng thủ, đồng thời khuyên Trung Cộng cùng với chúng ta buông lỏng sử dụng vũ lực ở khu vực Đài Loan". Nói tóm lại, tiếp tục ủng hộ những kết quả xâm lược của Mỹ ở châu Á, kiên trì lập trường chống Cộng, can thiệp vào công việc nội bộ Trung Quốc. Xuất phát từ điểm thứ hai, Mỹ lại tỏ ra: "Chúng ta phải tiếp tục nỗ lực để Bắc Kinh biết là Mỹ không đánh vào Đại Lục Trung Quốc. Trong tình hình không khẩn cấp và vì những lợi ích khác của Mỹ, chúng ta phải tiếp tục mở rộng khả năng tiếp xúc không chính thức giữa Trung Cộng và chúng ta, chúng ta nên tiếp tục duy trì các cuộc tiếp xúc ngoại giao trực tiếp giữa chúng ta với đại diện Bắc Kinh ở Vacsava… Chúng ta mong rằng các cuộc tiếp xúc này một ngày nào đó có thể trở thành viễn cảnh ngoại giao có ích hơn. Chúng ta chuẩn bị sẵn sàng ngồi với Bắc Kinh và các nước khác để thảo luận vấn đề giải trừ quân bị và cấm phổ biến vũ khí hạt nhân cùng những vấn đề quan trọng khác."

Nói chung, cũng là chủ trương "bao vây không cô lập", nhưng phái Bảo thủ thì nặng về "bao vây", còn phái tự do thì nặng về "không cô lập". Tổng thống Mỹ Johnson nguyên thuộc phái Bảo

thủ, lúc này đã có khuynh hướng tán thành phái tự do. Ngày 10 tháng 1 năm 1967, trong bài nói về tình hình trong nước Johnson tuyên bố: "Chúng tôi vẫn mong rằng nhân dân Trung Quốc có thể hiểu và thông cảm với xã hội Mỹ, bao gồm các mặt công tác quản lý quân sự, mặt an toàn và có sự hợp tác thêm về các mặt khác giống như vận mệnh của nhân dân Trung Quốc và của chúng tôi. Chúng tôi sẽ là người đầu tiên hoan nghênh Trung Quốc quyết tâm tôn trọng lợi ích của nước láng giềng, chúng tôi sẽ là người đầu tiên tán dương họ, nếu họ có thể tập trung sức lực và trí tuệ vào việc cải thiện phúc lợi của nhân dân, chúng tôi không bao giờ tước đoạt quyền lợi hợp pháp của họ và quan hệ hữu hảo với các nước láng giềng."

Khi Đài Loan đọc bài phát biểu này của Johnson đương nhiên là rất đau đầu, cho rằng trong đó "đã thỏa mãn mong muốn của Trung Cộng và bao hàm nội dung thỏa hiệp", sẽ ngăn ngừa chính sách "tả khuynh" hơn nữa của Mỹ đối với Trung Quốc. Tháng 5 năm 1967, Đài Loan cử Nghiêm Gia Kiềm, "Phó Tổng thống" kiêm "Viện trưởng Viện Hành chính" đi thăm Mỹ. Nhưng trong "tuyên bố chung" của Nghiêm Gia Kiềm và Johnson có thể thấy là họ không đạt được dự định.

Đầu tiên, một trong những điểm quan trọng Nghiêm Gia Kiềm trao đổi với phía Mỹ là khẳng định vấn đề "phản công". Vì lúc này ở khắp nơi trên Đại Lục Trung Quốc nổ ra cuộc đấu tranh giữa các phe phái, Đài Loan cho rằng đây là thời cơ ngàn năm có một. Nhưng trong tuyên bố chung, Mỹ chỉ tôn trọng Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng năm 1954, đồng thời ghi rõ "hai bên đồng ý cùng nhau trao đổi thêm về sự phát triển sau này của Đại Lục Trung Quốc", trái lại không khẳng định nghĩa vụ thêm một chữ nào nữa. Như vậy, rõ ràng Mỹ không ủng hộ Đài Loan phản công quân sự.

Thứ hai, Nghiêm Gia Kiềm yêu cầu Johnson bỏ "bao vây không cô lập" hoặc "hai nước Trung Quốc" và nói rõ chính sách và thái độ của Mỹ trước sau đối với Trung Quốc trong "Tuyên bố chung", nhưng Johnson đã cự tuyệt yêu cầu này của Nghiêm Gia Kiềm.

Thứ ba, về vấn đề quyền đại diện ở Liên Hợp Quốc, "Tuyên bố chung" chỉ viết một câu: "Mỹ kiên quyết ủng hộ ghế hợp pháp tại Liên Hợp Quốc của Trung Hoa Dân Quốc" và không theo thói quen hành văn trước nay viết là "Mỹ thừa nhận Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc" và "Mỹ kiên quyết phản đối để Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc". Theo dư luận lúc đó ở Mỹ, "ủng hộ ghế của Trung Hoa Dân Quốc ở Liên Hợp Quốc", không thể bằng "phản đối Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc". Vấn đề này có thể giải quyết phương án "quyền hai đại diện", tức là đồng thời để Bắc Kinh và Đài Bắc có ghế ở Liên Hợp Quốc và trong điều lệ hai Chính phủ Trung Quốc đều tồn tại, nên Mỹ tất nhiên không muốn nhấn mạnh thêm Trung Hoa Dân Quốc là "Chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho toàn Trung Quốc", đây chính là điều Johnson phải cân nhắc.

Tóm lại, từ sự phát triển trong những năm 1960 về quan hệ ba bên giữa Chính phủ Trung Quốc, Chính phủ Mỹ và chính quyền Đài Loan, có thể thấy Chính phủ Trung Quốc và Đảng cộng sản Trung Quốc trước sau vẫn có ý muốn giải quyết vấn đề Đài Loan thông qua các biện pháp hòa bình. Nhưng phía Đài Loan, trái lại, ngoan cố không chấp nhận đề nghị hòa đàm mà phía Đảng cộng sản Trung Quốc đề ra, họ còn hô hào "Phản công Đại Lục" lần nữa, làm cho tình hình căng thẳng ở khu vực eo biển Đài Loan đã từ lâu không dịu đi được.

Độc ác hơn là chính quyền Đài Loan còn ra sức lôi kéo các thế lực nước ngoài bao vây phong tỏa Đại Lục. Tìm mọi cách phá hoại việc xây dựng kinh tế, vui mừng trước các thiên tai và những rối loạn phát sinh trên đất Đại Lục. Là người Trung Quốc, nhưng lại ra sức ngăn cản Nhật xuất khẩu thiết bị cho Trung Quốc, ngăn cản Mỹ cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Đây chính là sự đả kích to lớn vào "Chủ nghĩa dân tộc" của ngài Tôn Trung Sơn.

Không quản Mỹ – Tưởng tốn nhiều công sức "bao vây", địa vị quốc tế của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày càng được nâng cao, không chỉ những nước đang phát triển của thế giới thứ ba là bạn hữu chân thành của Trung Quốc, mà cả những nước tư bản phát triển chủ yếu,

ngày càng yêu cầu mạnh mẽ cải thiện quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đứng trước trào lưu có tính chất thế giới này, cán cân chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc dần nghiêng về nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đài Loan có la ó, phản đối đều không cách nào thay đổi được xu thế lịch sử cơ bản này.

11. VẠN MÃ CÙNG HÝ THẬT ĐÁNG THƯƠNG

I. MÂU THUẪN SÂU SẮC GIỮA QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ PHÁI PHẢN ĐỐI

Sau khi kết thúc cuộc "khủng hoảng Kim Môn, Mã Tổ" phái phản đối ngoài Đảng và Quốc dân đảng đều có sự thay đổi về mặt tâm lý đấu tranh chính trị. Phái phản đối cho rằng, Tưởng Giới Thạch đã thừa nhận nguyên tắc "không dùng vũ lực" có nghĩa là đã khẳng định "thuyết phản công vô vọng" mà họ chủ trương (từ trước vẫn bị chính quyền Tưởng phê phán); cũng tức là Tưởng Giới Thạch đáp ứng "con đường chủ yếu" phải lấy "Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn" để thực hiện cái gọi là "khôi phục tự do của nhân dân Đại Lục". Đó là điều họ cần nắm lấy để hành động, đầu tiên là kết thúc thể chế giới nghiêm, thực hiện hiến chương dân chủ mà Tôn Trung Sơn đã suốt đời phấn đấu để hoàn lại bộ mặt vốn có của chủ nghĩa dân quyền.

Quốc dân đảng thì cho rằng, tuy Đảng cộng sản đã nới lỏng áp lực quân sự, Mỹ đã chính thức thừa nhận Hiệp ước phòng thủ Kim Môn, Mã Tổ, giữ "ô cửa dân chủ" của Trung Quốc tự do là không cần thiết, phải ra sức dẹp phái phản đối trên Đảo, thanh trừ mối đe dọa nội bộ đã.

Với nhận thức khác nhau này, bắt đầu từ cuối năm 1958 phái phản đối đã phê phán mạnh mẽ chính quyền, còn Quốc dân đảng thì không chút nhượng bộ, ngày càng trấn áp phái phản đối ác liệt hơn.

Tháng 1 năm 1959, xã luận báo Trung Quốc tự do có bài nhan đề Xóa bỏ chuyên chính một đảng, viết rằng Tưởng Giới Thạch chấp nhận "không dùng vũ lực là một tiến bộ lớn, một chuyển biến lớn". Đến nay, những nguyên tắc chuyển biến quan trọng về mặt chính sách thực hiện, cần phải chuyển từ "quân sự làm đầu" đến "chính trị làm đầu".

Xã luận phê phán Quốc dân đảng: từ hạn chế xuất nhập cảnh đến bắt bớ, ngăn cấm, thẩm vấn, xử tội phi pháp đã xâm phạm tự do thân thể; tự bưng bít thông tin đến không cho phép nhập các báo chống Cộng phê bình Chính phủ, đến cấm lưu hành những ấn phẩm đã đăng ký trong quân đội, ban hành Luật Xuất bản là đã vi phạm tự do ngôn luận, xuất bản; từ cấm đoán nhân dân hội họp đến không cho đăng ký hoạt động của "Hội nghiên cứu tự trị địa phương Trung Quốc" là đã vi phạm tự do lập hội, tụ họp của nhân dân. Kết quả là, Chính phủ đã cướp mất địa vị làm chủ của nhân dân, hơn nữa còn xây dựng một chế độ công tác chính trị đồ sộ, để Quốc dân đảng thông qua bàn tay của nhân viên công tác chính trị này, hoạt động tích cực trong các binh chủng hải, lục không quân, phục vụ công tác Đảng hóa quân đội. Biến quân đội quốc gia thành quân đội của một đảng để giữ vững địa vị thống trị của mình. Với biện pháp này chẳng những khiến cho hai Đảng Xã hội Dân chủ và Thanh niên chỉ còn địa vị hữu hảo, là vật trang điểm chính trị, mà còn khiến nhân dân Trung Hoa Dân Quốc, vĩnh viễn chịu sự thống trị của Quốc dân đảng, không cách nào được hưởng quyền lợi thiêng liêng mà "Hiến pháp" đã bảo đảm rõ ràng. Chính phủ vẫn sợ cơ sở của Đảng này rồi sẽ bị nhân dân hiểu ra, nên đẩy mạnh thêm việc Đảng hóa giáo dục dẫn đến cái gọi là "giáo dục cách mạng", giáo điều về Đảng cho đời sau, khiến quân dân của Trung Hoa Dân Quốc, bắt đầu từ khi còn nhỏ, đã dần được tạo dựng thành những Đảng viên của Quốc dân đảng. Chính phủ sợ việc Đảng hóa giáo dục này ít có hiệu quả, lại mượn danh nghĩa huấn luyện quân sự tại trường để thành lập "Đoàn Thanh niên Cứu quốc", chiếm đoạt công tác huấn đạo vốn có của nhà trường để khống chế triệt để những hoạt động trường học từ trung học trở lên, hòng lấy học sinh thanh niên cả nước làm vốn liếng chính trị cho Quốc dân đảng.

Vấn đề bộ máy dân chủ, xã luận nêu lên: "Đại biểu Dân ý Trung ương theo 'Hiến pháp' đáng lẽ phải bầu lại từ lâu rồi, kéo dài nhiệm kỳ không thời hạn càng khiến quyền lực chính trị của nhân dân bị hạn chế bởi hoàn cảnh khách quan." "Cơ cấu của "Hội đồng Quốc phòng", "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" và "Bộ Tổng Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Loan có thể xây dựng không qua thủ tục lập pháp." Biện pháp lên lớp miễn thi vẫn được thực hiện mặc dù có sự phản đối của "Viện Lập pháp"… Quyền điều tra của "Viện Giám sát" cũng bị áp chế của Đảng, không có cách nào thi

hành. Viện Thẩm phán của Tư pháp cũng chịu sự can thiệp của Đảng, không thể độc lập… Với cơ cấu ý dân các cấp như vậy, căn bản không có cách nào phản ánh được ý dân, càng không thể phụ trách trước nhân dân.

Về tự trị địa phương, xã luận nêu: "Quốc dân đảng trong thời gian tranh cử đã lợi dụng một cách phi pháp lực lượng quân nhân, công chức và giáo viên để cổ động cho họ. Thời gian bầu cử lại lợi dụng một cách phi pháp nhân viên giám sát, khiến cho 'giám sát' đã trở thành 'giám thị'; 'bỏ phiếu kín' đã trở thành 'thao túng công khai'; 'tuyển cử tự do' trở thành 'tuyển cử gian lận; thậm chí còn dùng cái gọi là 'biện pháp an toàn' và gian lận nhiều phiếu bầu trong thời gian bầu cử. Càng phi pháp hơn nữa là lợi dụng nhân viên bầu cử để tăng thêm những phiếu không hợp lệ của người ứng cử không thuộc Quốc dân đảng để ứng cử viên của Quốc dân đảng thắng cử một cách dễ dàng. Còn những người không thuộc Quốc dân đảng không trúng cử, không có cách gì khiếu nại. Quốc dân đảng còn có thể thông qua cơ quan hành chính để can thiệp vào công việc của Tư pháp, để đảm bảo cho kết quả thắng lợi của Đảng. Tuy nhiên những người không thuộc Quốc dân đảng cũng được một hai người trúng cử, nhưng không có cách nào thoát khỏi sự khống chế và trói buộc của các đảng bộ thành phố, huyện của Quốc dân đảng. Các tổ chức vòng ngoài, thực tế, không có cách nào thực thi chức trách và quyền hạn của mình."

Cuối cùng, xã luận yêu cầu Quốc dân đảng "xóa bỏ quan niệm chuyên chính một đảng của 'một đảng muôn đời'… lấy tinh thần thay cũ đổi mới đi lên con đường rộng lớn của Hiến pháp dân chủ; tiến tới xây dựng một cơ sở hoàn toàn mới về mặt chính trị, để dần đạt được mục tiêu của nước cộng hòa dân chủ: Dân có, dân trị, dân hưởng".

Tiếp sau bài xã luận này, các "phần tử tự do" nhân dịp tháng 2 Mỹ cử đoàn điều tra đến Đài Loan tìm hiểu tình hình "viện trợ kinh tế", đã thu thập được rất nhiều tài liệu không có lợi cho Quốc dân đảng, do Hồ Thích giao cho trưởng đoàn điều tra Mỹ. Tài liệu này đề nghị Mỹ sáu điểm: (1) Đề nghị Mỹ giúp đỡ xây dựng một Đảng đối lập, thông qua hình thức bầu cử tự do, bắt Quốc dân đảng rút lui; (2) Đề nghị Mỹ yêu cầu nhà cầm quyền Đài Loan cắt giảm quân bị; (3) Đài Loan hoàn toàn là ách thống trị của cảnh sát; trong quân đội, trường học và cơ quan các cấp đều có mật thám theo dõi. Từ tháng 8 năm 1958 trở đi, những nhân sỹ dân chủ bị bắt cầm tù tới trên 1400 người, đều quy chung là "gián điệp Cộng sản". Trong số này bị giết chết bí mật tới 400 người. Đề nghị mở tòa án liên hợp Trung – Mỹ để thẩm xét những người vô tội; (4) Nếu Chính phủ độc tài không chấp nhận lời khuyên của Mỹ, đề nghị Mỹ cắt viện trợ. Từ nay về sau viện trợ của Mỹ sẽ do một cơ quan của những người dân chủ quản lý và chịu trách nhiệm phân phối, tránh làm đầy túi tham bọn độc tài; (5) Khuyên Tưởng Giới Thạch tuyên bố rõ ràng không mưu cầu làm Tổng thống khóa tiếp; (6) Thuyết phục chính quyền Đài Loan trả tự do cho Tôn Lập Nhân, Bạch Sùng Hy… tổng cộng 73 người và cho phép họ rời khỏi Đài Loan.

Cùng với sự việc này, Lý Vạn Cư ở "Nghị viện tỉnh" nêu ra 22 ý kiến chất vấn chính quyền Đài Loan, cho rằng Quốc dân đảng có quan niệm sai lầm, tức là cho rằng những người trước đây chống đế quốc Nhật mạnh mẽ, nhất là những chiến sỹ cách mạng Đài Loan đã nhiều năm lưu vong ở Đại Lục đều là những người không đáng tin cậy. Ngoài ra, chính những người chân chính chủ trương tự do dân chủ, dân quyền ở Đài Loan thường bị quy tội là "tư tưởng đầu cơ", là "bạn đồng hành với Đảng cộng sản". Điều này chẳng phải là một sự đả kích vào di huấn của ngài Tôn Trung Sơn sao?

Lý Vạn Cư nêu lên vấn đề những nhân vật quan trọng trong các giới quân chính do người gốc Đài Loan đảm nhận chẳng qua chỉ rất nhỏ. Ông ta yêu cầu chính quyền phải xét đến việc đào tạo nhiều nhân tài địa phương.

Ngoài ra, Lý Vạn Cư còn chất vấn Quốc dân đảng về vấn đề tổ chức Đảng, pháp trị và thuế khoá… phần lớn nhắc lại chủ trương nhất quán của những "phần tử tự do".

Lý Vạn Cư đã tố cáo công khai ở "Nghị viện tỉnh", Quốc dân đảng trong thời gian dài đã bức hại

ông và Công luận báo như thế nào. Bọn mật thám đã nhiều lần đến nhà Lý khủng bố và đe dọa, thậm chí dọa đốt nhà và tòa soạn Công luận báo. Ngày 6 tháng 11 năm 1957, Nghê Sư Đàn, Chủ bút Công luận báo bị bắt và bị xử, lý do càng không rõ ràng. Lý Phúc Tường, Phó Tổng biên tập đã từng bị giam giữ hơn ba tháng không có lý do. Biên tập viên Nguyễn Cảnh Đào bị giam một năm một tháng. Tổng biên tập Hoàng Tinh Chiếu, biên tập viên Trần Tú Phu, nhà báo Giang Hàm Ân bị bỏ tù về cái gọi là tội "phương hại quân cơ"; Chủ nhiệm Kinh doanh kiêm nhà báo Lưu Kỹ Tử, Tiêu Khê, Chủ nhiệm doanh nghiệp kiêm nhà báo; Trương Quang Tri, Đồng Kim Long… đều đã từng bị bắt giam từ vài tháng đến vài năm. Những nhân viên nghiệp vụ khác và bạn đọc của báo này đều bị mật thám của Quốc dân đảng theo dõi và giám sát. Chính quyền Đài Loan cấm đoán các cơ quan, trường học và quân đội mua đọc Công luận báo và Trung Quốc tự do, tìm mọi cách bắt đóng cửa hai tờ báo này.

Đối phó với sự chất vấn và kháng nghị của Lý Vạn Cư, Quốc dân đảng dùng hai biện pháp "phản chế": (1) Thiết lập "Hội đồng Kỷ luật". Từ nay về sau các "nghị sỹ" không được tùy ý vắng mặt, không được làm mất trật tự ở hội trường, nếu ai vi phạm "Chủ tịch Quốc hội" có thể cảnh cáo, không cho phát ngôn thậm chí đuổi ra khỏi hội trường. Đối với "Nghị sĩ" có thể áp dụng ba hình thức "cảnh cáo công khai", "xin lỗi công khai" và "đình chỉ tham dự hội nghị". (2) Thực hiện phương thức mới chất vấn theo tổ, mỗi người phát biểu và trả lời không quá 30 phút, vừa hết thời gian lập tức phải ngừng lại, thứ tự phát biểu theo rút thăm.

Với hai biện pháp này, các "nghị sỹ" chỉ còn một chút quyền hạn – quyền "nghị luận" cũng bị hạn chế, khiến cho "nghị sỹ" thậm chí không được tự do phát biểu. Do đó, đã trói chặt chân tay Lý Vạn Cư và các "nghị sỹ" phái đối lập. Đồng thời sự áp chế, bức hại của Quốc dân đảng đối với Công luận báo chẳng những không giảm, trái lại càng tăng thêm.

Đối với báo Trung Quốc tự do, Quốc dân đảng cũng gây nhiều rắc rối. Bản thảo của báo này khi vừa đưa đến xưởng in đã bị mật vụ của "Tổng bộ Cảnh bị", "Bộ Tư lệnh Hiến binh", "Cục Cảnh sát Đài Bắc"… đến kiểm duyệt gây phiền phức. Có khi tốp này vừa đi tốp kia đã tới. Xưởng in không chịu nổi đành phải từ chối hợp đồng in. Báo Trung Quốc tự do phát hành trong mười năm đã phải thay đổi tới bảy xưởng in. Các biên tập viên của báo này luôn bị bọn mật vụ đe dọa và khủng bố, phân hoá, mua chuộc, khiến cho một số kém ý chí đã thoái lui. NhưngTrung Quốc tự do vẫn ngược dòng mà tiến, ngôn luận càng ngày càng sâu sắc, tầm ảnh hưởng ngày càng lớn. Để xóa bỏ triệt để tờ báo này, Quốc dân đảng đã thiết lập một vòng vây.

Cuối tháng 11 năm 1958, báo Trung Quốc tự do nhận được bài báo lấy tên là Quân nhân cách mạng tại sao lại tự xưng là chó tác giả lấy tên là Trần Hoài Kỳ, tự xưng là một sỹ quan, đã từng dự lớp học Chủ nghĩa Tam dân trong quân đội kể rằng: vị Chủ nhiệm huấn luyện đã kể cho họ nghe câu chuyện của một người tên là Đới Lập, nói Đới Lập rất vinh dự, tự nhận là chó của "Tổng tài". Quân nhân cách mạng chúng ta cũng phải tự nhận là chó của lãnh tụ, nếu có người nào đả kích lãnh tụ, chúng ta sẽ không ngần ngại cắn ngay cho nó một miếng. Vậy nên Trần Hoài Kỳ cảm thấy rất vô cùng bất mãn lập tức viết bài này cho Trung Quốc tự do nhằm tố cáo, đả kích. Tờ Trung Quốc tự do sau khi nhận được bài này vô cùng thích thú, không điều tra thực hư, cho đăng bài này vào kỳ 2, tập 20 ngày 16 tháng 1 năm 1959; cùng lúc đó đó lại có bài xã luận Xóa bỏ chuyên chính một đảng.

Sau hai tuần, Trần Hoài Kỳ, Trung tá Chủ nhiệm hành chính một đơn vị quân đội Quốc dân đảng, gửi một bức thư dài đến tờ Trung Quốc tự do nói rằng bài Quân nhân cách mạng sao lại tự xưng là chó là người khác lợi dụng họ tên quân tịch, lý lịch và quá trình học tập của ông để "bôi nhọ quân nhân cách mạng, yêu cầu đăng toàn văn lá thư phủ nhận này".

Do bức thư này quá dài, tờ Trung Quốc tự do không thể đăng toàn văn, nên chỉ đăng lời đính chính vào kỳ 4 tập 20 xuất bản ngày 16 tháng 2.

Ai ngờ sau hai ngày, Trung ương nhật báo của Quốc dân đảng, báo Tân sinh của chính quyền Đài Loan, báo Chiến sỹ thanh niên của quân đội Quốc dân đảng và các báo của chính quyền

hoặc nửa chính quyền nhao nhao lên tiếng, dùng phương thức quảng cáo đăng hết lá thư dài của Trần Hoài Kỳ, lấy "sự việc Trần Hoài Kỳ để cảnh cáo tạp chí Trung Quốc tự do". Trần Hoài Kỳ tự xưng là người bảo vệ danh dự, nhưng người nào tinh tường đều biết có người khác đứng sau lợi dụng ông ta.

Ngoài việc quảng cáo ra, đài phát thanh của chính quyền Đài Loan cũng phát thanh nhiều buổi về "sự việc" Trần Hoài Kỳ, khiến náo động cả một thời gian.

Lúc này, người đứng tên phụ trách phát hành tờ Trung Quốc tự do là Hội đồng Biên tập, là pháp nhân đoàn thể. Ngày 23 tháng 2, Sở Thông tin Đài Loan gửi thông báo cho tờ Trung Quốc tự do, yêu cầu viết họ tên thực của người phát hành. Tờ Trung Quốc tự do kỳ 5, tập 20 phát hành ngày 1 tháng 3, người đứng tên phụ trách phát hành đã được đổi thành "Lôi Chấn". Do đó Lôi Chấn đã trở thành người đại diện pháp nhân phụ trách mọi ngôn luận của tờ Trung Quốc tự do.

Vào ngày 2 tháng 3 Quốc dân đảng vội vàng phát lệnh gọi Lôi Chấn ra tòa án địa phương Đài Bắc, nói Trần Hoài Kỳ kiện Lôi Chấn trước tòa về ba tội: "Viết thư giả mạo", "bôi nhọ danh dự" và "tuyên truyền cho địch", tòa án đã thụ lý. Ngày 3 tháng 3, Lôi Chấn đã cùng với Hạ Đào Thanh, Lý Ngọc Giai (Chủ nhiệm tờ báo Tự lập buổi chiều), Chu Khí Tử (nhà thơ nổi tiếng) ra hầu toà, đã đọc lời phản kháng. Ngày 25 tháng 3, Lôi Chấn lại bị gọi ra toà và phải chịu sự quản thúc, dư luận ào ào phản đối. Vương Thế Kiệt, Hồ Thu Nguyên trong Quốc dân đảng và Thành Xá Ngã… đều cho rằng vụ án này chẳng ra sao cả. Dù Lôi Chấn có phải ngồi tù, nhưng chính quyền Đài Loan cũng sẽ mất hết danh dự. Hồ Thích cũng rất khổ sở, ngày 12 tháng 3 đã viết một bài nhan đề Chịu đựng và tự do, khuyên khéo Quốc dân đảng chấp nhận những hành vi tín ngưỡng và tư tưởng khác nhau. Bài báo ra ngày 16 tháng 3. Nhưng chính quyền Quốc dân đảng không chịu lui, quyết ý bắt Lôi Chấn vào tù. Hồ Thích không biết phải làm gì đành nhờ Vương Văn Ngữ khi đó đang được mời làm "Phó Viện trưởng Viện Hành chính" nói khéo hộ để ông đăng một lá thư trên tờ Trung Quốc tự do vào kỳ 7 tập 20 phát hành ngày 1 tháng 4. Trong thư thừa nhận Ban biên tập tờ Trung Quốc tự do chưa điều tra Trần Hoài Kỳ là tên thật hay tên giả, "đây là sai lầm lớn của chúng tôi" và đề nghị ba điểm: (1) Sau này sẽ không đăng những bài của độc giả không ghi tên thật; (2) Sau này các bài xã luận đều ghi rõ tên tác giả; (3) Sau này sẽ không "bình luận ngắn". Trên thực tế, lá thư này đã có ý nói tờ Trung Quốc tự do xin quỳ gối trước chính quyền. Trong tình hình này bọn mật vụ đã nhận được chỉ thị của cấp trên, tạm thời nới lỏng tay. Sau đó việc tố cáo của Trần Hoài Kỳ chưa kết thúc, nhưng Lôi Chấn không còn bị gọi ra hầu toà nữa, tòa án cũng không đưa ra phán quyết, việc này tạm thời gác lại.

Sau hai tháng tức là vào tháng 6 năm 1959, Tả Thuấn Sinh đã có bài nhan đề Thời gian cứu lấy Trung Hoa Dân Quốc không còn nhiều nữa đăng trên tờ Bình luận liên hợp ở Hồng Kông, lại dấy lên một làn sóng lớn. Bài báo này nói 16 điểm về các mặt chính trị, quân sự, giáo dục, kinh tế… của Đài Loan, trong đó nhạy cảm nhất là những đề nghị về cải cách thể chế chính trị:

1. Chỉ cần một "Chính phủ" hoặc lấy tên là "Chính phủ thời kỳ đặc biệt" ở Đài Loan, không cần tổ chức "chính quyền tỉnh Đài Loan".

2. Cơ cấu của "Chính phủ lâm thời", hoàn toàn quyết định theo nhu cầu, không thừa người thừa việc, bỏ hình thức Chính phủ Trung ương thời kỳ trong Đại Lục.

3. "Đại biểu Quốc hội" ở Đài Loan bầu 60 người, "Viện Lập pháp" bầu 40 người, "Viện Giám sát" bầu 30 người, hiện có 20 người trong "Nghị viện tỉnh" Đài Loan. Trên thế giới phàm nơi nào tập trung trên mười nghìn kiều bào và có đoàn thể chính thức của kiều bào, được quy định đề cử từ một đến một số người, giới hạn tổng số không được quá 50 người, qua đây bầu ra 200 tổ chức, một cơ quan dân ý tối cao lâm thời. "Chính phủ lâm thời" sẽ chịu trách nhiệm trước dân ý tối cao lâm thời này.

4. "Đại biểu Quốc hội" vẫn có quyền (bầu cử, bãi miễn "Tổng thống", "Phó Tổng thống", sửa đổi hiến pháp, thông qua những điều sửa đổi hiến pháp mà "Viện Lập pháp" đề ra và quyền đình chỉ) khi quyền hạn của Hội đồng Lập pháp và Giám sát đã quá hạn, giải thể Ủy ban lấy lại Đại

Lục trong Quốc hội.

Trong số các "phần tử tự do" của thập kỷ 1950, nhất là các "nhân sỹ nổi tiếng" có ảnh hưởng nhất định, Tả Thuấn Sinh là người đầu tiên dám chính diện nói đến thể chế chính quyền Đài Loan. Bài báo này của ông trên thực tế đã phá vỡ bộ khung của Hiến pháp ngụy. Do đó, ngay cả Hồ Thích, Lôi Chấn cũng không dám tán thành.

Ngày 29 tháng 6, Nhật báo Trung ương Đài Loan đăng bài của Tả Thuấn Sinh và phụ thêm lời tòa soạn, bài xích Tả Thuấn Sinh "muốn làm người đào mồ cho Trung Hoa Dân Quốc", gọi những đề xuất đó là "chủ trương hoang tưởng nguy hại lợi ích quốc gia". Tiếp theo các giới kinh doanh báo chí Đài Loan và các tờ báo thân Tưởng ở Hồng Kông, Áo Môn, Indonesia, Mỹ… đều lên tiếng đả kích mạnh mẽ Tả Thuấn Sinh. Dấy lên phong trào "phê Tả" một thời gian.

Ngày 7 tháng 7, Chân báo Hồng Kông có bài bình luận cho rằng Quốc dân đảng trước đây rất độ lượng đối với các "nhân sỹ hải ngoại" mà hiện nay trái lại quá khắt khe, bao vây Tả Thuấn Sinh, đây là "sự thay đổi lớn và rất đáng chú ý".

Thực ra, từ một số sự kiện ở trên có thể thấy Quốc dân đảng đã quyết tâm "lấy máu trả máu, ăn miếng trả miếng", kiên quyết đánh vào phái phản đối. Đối với các "phần tử tự do", đây là thời điểm đỉnh cao của "mưa lũ tràn về, gió đầy nhà".

II. LUẬN CHIẾN GIỮA "PHÁI BẢO VỆ HIẾN PHÁP" VÀ "PHÁI SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP"

Cùng với một số sự kiện nói ở trên, từ cuối năm 1958 trở đi, đã nổ ra cuộc luận chiến lớn giữa phái phản đối và Quốc dân đảng về "bảo vệ hiến pháp và sửa đổi hiến pháp".

Nhiệm kỳ "Tổng thống, Phó Tổng thống" theo Điều 47 của Hiến pháp ngụy là sáu năm, theo quy định được bầu liên nhiệm một lần. Nhiệm kỳ thứ hai của Tưởng Giới Thạch kết thúc vào ngày 20 tháng 5 năm 1960, theo luật không được kế tiếp nhiệm kỳ thứ ba.

Lại theo quy định của Điều 29 Hiến pháp ngụy, Đại hội quốc dân họp trước khi mãn nhiệm mỗi khóa Tổng thống 90 ngày. Đại hội quốc dân ngụy họp vào 20 tháng 2 năm 1960 và bầu ra "Tổng thống" khóa 3 trong kỳ họp lần này. Quốc dân đảng phải đưa ra ứng cử viên "Tổng thống" của mình trước thời điểm đó.

Nếu Tưởng Giới Thạch tuân theo "Hiến pháp" quy định mãn nhiệm rút lui. Theo danh sách xếp hàng trong Quốc dân đảng lúc này, ứng cử viên "Tổng thống" khóa III chính là Trần Thành. Phái quan hầu, phái Tưởng Kinh Quốc và phái CC đều không muốn cục diện này xuất hiện nên đã cùng nhau phát động phong trào đòi "sửa đổi hiến pháp" chủ yếu là xóa bỏ hạn chế liên nhiệm của Điều 47 trong "Hiến pháp" đối với "Tổng thống". Do đó, khiến Tưởng Giới Thạch có thể liên nhiệm "Tổng thống" khóa III một cách hợp pháp.

Phái phản đối lấy tờ Trung Quốc tự do làm đại biểu, khẳng định giữa hai người Tưởng và Trần thì họ chọn Trần Thành và hy vọng đưa Hồ Thích ra tranh cử "Tổng thống" nhiệm kỳ III. Do đó, họ kiên quyết phản đối sửa đổi hiến pháp.

Như vậy, những người ủng hộ Tưởng Giới Thạch chủ trương "sửa đổi hiến pháp" và những người phản đối Tưởng Giới Thạch chủ trương "bảo vệ hiến pháp", hai bên đấu tranh trên báo chí, làm nổ ra cuộc bút chiến lớn.

Ngày 29 tháng 11 năm 1958, tờ Nhật báo tự nhiên ở Hồng Kông có bài ca ngợi Hồ Thích: "Tuy không phải là chuyên gia quân sự, nhưng ông gần đây liên tục luận bàn về tình hình quân sự, chính trị, ngoại giao và tình hình quốc tế. Điểm này đã chứng minh rằng "vị thánh sống" này không những là một học giả nổi tiếng, còn là người thầy của mọi người về mặt chính trị."

Bài báo hô hào: "Chúng ta đã phải đợi đến hôm nay mới xuất hiện nhà bác học Hồ Thích… Nhà

bác học Hồ Thích "xuống núi mang tinh thần và trí tuệ cứu lấy lớp thanh niên trí thức Trung Quốc, sự việc này dù cho về mặt bản thân Hồ Thích và bất cứ mặt nào của quốc gia đều phải tỏ ra tán thành và hoan nghênh."

Đồng thời, trên Trung Quốc tự do có bài bình luận ngắn dẫn một câu nói của Tổng thống Mỹ Eisenhower: "Người đã qua tuổi 70 không nên nắm chức quyền" để ám chỉ Tưởng Giới Thạch năm đó đã 72 tuổi. Bài bình luận ngắn còn cố ý lấy câu nói này của Eisenhower để tranh luận với bài đề "Bảy mươi tuổi là sự bắt đầu của một đời người" mà Tưởng Giới Thạch tuyên truyền.

Ngày 17 tháng 12 là ngày chúc thọ của Hồ Thích, các "phần tử tự do" đã bố trí nơi chúc thọ tại Viện nghiên cứu Trung ương ở Đài Bắc và đến chúc thọ Hồ Thích rất náo nhiệt. Khi Lôi Chấn đọc lời chào mừng, đầu tiên đã nêu ra sự việc Mao Trạch Đông chủ động xin thôi chức Chủ tịch nước (Hội nghị toàn thể Trung ương 6 khóa VIII, từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 10 tháng 12 năm 1958 của Đảng cộng sản Trung Quốc. Hội nghị đã đồng ý với đề nghị của Mao Trạch Đông về việc ông không ra ứng cử Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khóa tới), tiếp tục lại nêu lên câu nói của Eisenhower để yêu cầu Tưởng Giới Thạch về hưu. Ông ta nói: "Bác học Hồ Thích năm nay 68 tuổi, nếu có dịp để ông ra gánh vác trọng trách lớn của quốc gia tôi cũng chủ trương ông chỉ có thể làm hai năm." Có nhà báo hỏi Lôi Chấn, chúc thọ Hồ Thích và chúc thọ Tưởng Giới Thạch có gì khác nhau? Lôi Chấn trả lời: "Những người đến chúc thọ Hồ Thích đều là học giả, không có lấy một quan chức, những người đến chúc thọ Tưởng Giới Thạch đều là quan chức, không có lấy một học giả." Lại có nhà báo hỏi: "Có phải ngài Lôi Chấn chủ trương 'Tổng thống' Tưởng từ chức để bác học Hồ Thích lên thay?" Lôi Chấn trả lời: "Ngài Tưởng Giới Thạch không có tính cách của Mao Trạch Đông. Chẳng qua việc Mao Trạch Đông có thể làm, ngài Tưởng Giới Thạch cũng nên làm."

Ngày 23 tháng 12, Tưởng Giới Thạch có bài nói tại Hội nghị thứ 5 của Ủy ban nghiên cứu chính sách lấy lại Đại Lục, như sau: "Tôi thay mặt Quốc dân đảng Trung Quốc, thay mặt Chính phủ nói rằng, chúng ta chẳng những không có ý định sửa đổi, mà còn phản đối việc sửa đổi hiến pháp. Hiến pháp mới là vũ khí phản công phục quốc có hiệu lực nhất. Cho nên chúng ta phải coi trọng và ủng hộ nó, như thế mới có thể đạt được mục đích phản công phục quốc."

Lần nói chuyện này, khiến cho những người ủng hộ Tưởng Giới Thạch tiếp tục nắm quyền bỗng nhiên bối rối, còn các "phần tử tự do" thì vui vẻ lạ thường. Mỹ cũng nhanh chóng có phản ứng, dẫn ra câu nói của Tưởng Giới Thạch, chứng tỏ ông ta đã sẵn sàng rút lui và cho rằng người kế tục Tưởng là Trần Thành có thể tiếp tục các chính sách của ông ta.

Ngày 24 tháng 12, Hồ Thích có bài nói chuyện tại cuộc họp của Ủy ban nghiên cứu chính sách lấy lại Đại Lục, nói rằng ông phải "tuyên truyền" thay cho Trần Thành. Trần Thành đã từng nói rằng "Không nên so sánh sự thông minh với người khác". Hồ Thích tán dương, nói: "Tôi cảm thấy Trần Chủ nhiệm (lúc đó Trần Thành kiêm Chủ nhiệm Ủy ban nghiên cứu chính sách lấy lại Đại Lục) nói câu này là đã có tư cách làm Tổng thống. Có thông minh nhưng không so sánh sự thông minh với người khác, đó là trí tuệ, khí phách của người xứng đáng làm lãnh tụ."

Bài nói chuyện này lập tức gây dư luận rộng rãi trên các mặt báo ở Hồng Kông và Đài Loan. Rất nhiều người phân tích rằng, các "phần tử tự do" đã vạch rõ hai mặt: "Mọi người phục Hồ Thích, Hồ Thích phục Trần Thành", yêu cầu Tưởng nhanh chóng rút lui.

"Phái sửa đổi hiến pháp" cũng rất nhanh chóng thoát khỏi sự hỗn loạn tư tưởng do bài nói của Tưởng Giới Thạch gây ra. Họ tập trung chú ý đến lời của Tưởng Giới Thạch tuy phản đối "sửa đổi hiến pháp" nhưng không nói ông không muốn tiếp tục nắm quyền. Họ đề ra biện pháp giao cho "Hội đồng Tư pháp" giải thích hoặc sửa đổi "Điều khoản lâm thời", để loại bỏ những hạn chế trong Điều 47 của "Hiến pháp", khiến Tưởng Giới Thạch vẫn có thể tiếp tục nắm quyền, mặt khác lại có thể không vi phạm những lời hứa của ông ta về việc "phản đối sửa đổi hiến pháp". Còn một số người cấp tiến hơn thì nói một cách rõ ràng rằng câu nói của Tưởng Giới

Thạch chỉ đại biểu cho cá nhân ông ta, "sửa đổi hiến pháp" hay không là do đại biểu "Đại hội quốc dân" trực tiếp quyết định. Nói cách khác, số người này quyết tâm bất kể cá nhân Tưởng Giới Thạch muốn hay không, đều phải thông qua phương pháp "sửa đổi hiến pháp" để đưa ông ta lên nắm quyền.

Nhằm đúng động hướng mới này của "phái sửa đổi hiến pháp", các tờ báo của "phái bảo vệ hiến pháp" đều có bài bình luận, lớn tiếng chửi "rất bỉ ổi và vô cùng thối tha" khi nói "tình hình trước mắt vẫn cần 'Tổng thống' Tưởng tiếp tục lãnh đạo". Họ yêu cầu Tưởng Giới Thạch để xóa bỏ hoài nghi của mọi người phải tỏ rõ một lần nữa là "bất luận sửa đổi hiến pháp hay không, vẫn không tiếp tục nắm quyền nữa". Có tờ báo còn yêu cầu triển khai ngay hoạt động tranh cử "Tổng thống". Những người chủ trương Tưởng Giới Thạch tiếp tục lãnh đạo coi như không nghe lời Tổng tài, phải chịu kỷ luật của Quốc dân đảng. Lúc này các tờ báo Trung văn ở Hồng Kông và Đài Loan hầu như đều lấy "vấn đề liên nhiệm" làm chủ đề hàng đầu, bàn luận rất sôi động.

Tháng 3 năm 1959, La Trác Anh là người của phe Trần Thành phát biểu phê phán Hồ Thích, nói Trần Thành "có tư cách làm Tổng thống" là "thất ngôn", "có nhiều dụng ý chính trị". Đồng thời, ông ta tỏ ra kiên quyết ủng hộ Tưởng Giới Thạch tiếp tục nắm quyền. Thực tế này là thái độ "né tránh" của Trần Thành. Nhưng sở dĩ phái Trần Thành có thái độ như vậy là vì đã thấy rõ Tưởng Giới Thạch không muốn rút lui.

Từ tháng 4 đến tháng 5, hai bên đấu tranh quyết liệt hơn. "Phái sửa đổi hiến pháp" tổ chức Hội nghị liên tịch. Đại biểu "Đại hội quốc dân" đề nghị in truyền đơn yêu cầu "sửa đổi hiến pháp" hoặc sửa đổi "Điều khoản lâm thời" để Tưởng Giới Thạch tiếp tục nắm quyền rồi đem rải khắp đường phố. "Phái bảo vệ hiến pháp" thì ngầm phân phát hành những cuốn sách chính trị, trong đó có một cuốn lấy tên là Chống Cộng phải bảo vệ hiến pháp, đề mục của chương một là "Ủng hộ những lời hứa của 'Tổng thống' Tưởng, phản đối sửa đổi hiến pháp"; một quyển lấy tên là Trung Quốc tự do cần một Washington, khuyên Tưởng Giới Thạch học tập câu chuyện của Washington làm Tổng thống hai nhiệm kỳ xong nhường chức cho người hiền tài. Một quyển khác in nhiều bài tán dương Hồ Thích và thư của bạn đọc nói rằng Tưởng Giới Thạch đã từng tranh cử "Tổng thống" nhiệm kỳ đầu với Hồ Thích năm 1947, giờ đây không muốn tái diễn lần nữa. Ba quyển sách nhỏ này có thể là những chiến thư của "phái bảo vệ hiến pháp".

Ngày 18 tháng 5 năm 1959, Tưởng Giới Thạch có bài nói chuyện tại Hội nghị toàn thể Trung ương 2 khóa VIII của Quốc dân đảng: "Tôi không xét đến xuất xứ của mình, nhưng trước mắt phải xét đến ba điểm sau: (1) Không được làm cho kẻ địch vừa lòng; (2) Không được làm cho hàng trăm triệu đồng bào Đại Lục thất vọng; (3) Không được làm cho quân dân trong và ngoài nước hoang mang." Bài nói này vừa phát ra, những người sáng suốt lập tức nhìn thấy Tưởng Giới Thạch muốn đi lại con đường cũ "tiếp tục nắm quyền lãnh đạo". Ngày 16 tháng 6, tờTrung Quốc tự do có bài xã luận nhan đề Tổng thống Tưởng không thể có quyết định sai lầm, một lần nữa cảnh cáo Tưởng Giới Thạch "vi phạm hiến pháp tiếp tục nắm quyền".

Tưởng Giới Thạch có bài nói chuyện ngày 18 tháng 5 cổ vũ thêm cho "phái ủng hộ Tưởng". Tờ Đài thiên văn, Nhật báo Công thươngcủa Hồng Kông, tờ Nhật báo Trung ương của Đài Loan… đều đề cao việc sửa đổi "Điều khoản lâm thời", khiến cho Tưởng Giới Thạch không "sửa đổi hiến pháp" mà vẫn tiếp tục nắm quyền lãnh đạo. Đến ngày 4 tháng 7, ngay trên trang đầu tờ Nhật báo Trung ương của Quốc dân đảng đăng tải: "Sửa đổi Điều khoản lâm thời không phải là sửa đổi hiến pháp, Đại hội quốc dân lần thứ ba sang năm có quyền làm như vậy." Thực tế này là thay Tưởng Giới Thạch tỏ rõ thái độ muốn tiếp tục nắm quyền thông qua sửa đổi "Điều khoản lâm thời".

Sau đó, tiêu điểm tranh luận giữa "phái sửa đổi hiến pháp" và "phái bảo vệ hiến pháp" từ "tiếp tục nắm quyền hay không" chuyển sang "sửa đổi Điều khoản lâm thời có phải là sửa đổi hiến pháp không". Lúc này các "phần tử tự do" đã biết Tưởng muốn tiếp tục nắm quyền, nhưng nhất định phải đội cho ông cái mũ "vi phạm hiến pháp", khiến ông ta "tiếp tục nắm quyền" nhưng

không thoải mái. Vì vậy, tờ Trung Quốc tự do đã mở cuộc luận chiến lớn trong suốt nửa năm với "phái ủng hộ Tưởng". Tả Thuấn Sinh, Lý Hoàng, Hạ Đào Thanh, Chu Văn Bá của Đảng Thanh niên, Trương Quân Lệ, Dương Kim Hồ của Đảng xã hội dân chủ, Lôi Chấn, Phó Chính và Trương Phát Khuê của tờ Trung Quốc tự do… đều chấp bút vào trận trong cuộc luận chiến này. Ngày 17 tháng 2 năm 1960, Ủy Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng thông qua đề án Sửa đổi Điều khoản lâm thời trong thời chiến để củng cố trung tâm lãnh tụ quốc gia. Ngày 20 tháng 2, chính quyền Đài Loan triệu tập "Đại hội quốc dân" lần 3 khóa I và khai mạc như đã định. Ngày 11 tháng 3, "Đại hội Quốc dân" đã thông qua đề án "sửa đổi hiến pháp" do Mạc Đức Huệ cùng 966 đại biểu đề nghị quyết định trong "Điều khoản lâm thời" tăng thêm một Điều là: "Trong thời chiến, Tổng thống và Phó Tổng thống được tiếp tục ứng cử, tiếp tục nắm quyền không bị hạn chế bởi Điều 47 Hiến pháp". Khi biểu quyết đề án này, Hồ Thích, Lôi Chấn bỏ ra ngoài kháng nghị, Vương Thế Kiệt bỏ phiếu phản đối. Ngày hôm sau, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Quốc dân đảng triệu tập Hội nghị toàn thể lâm thời, đề cử Tưởng Giới Thạch, Trần Thành là ứng cử viên "Tổng thống" và "Phó Tổng thống". Đảng Dân chủ Xã hội và Đảng Thanh niên không tán thành tổ chức "bầu cử bổ sung", không đề cử ứng cử viên. Do đó việc bầu cử "Tổng thống" của Đài Loan hoàn toàn do Quốc dân đảng nắm. Ngày 21 tháng 3, "Đại hội quốc dân" bầu "Tổng thống". Lôi Chấn không tham dự để kháng nghị. Hồ Thích tham dự nhưng không bỏ phiếu cho Tưởng Giới Thạch, bị Lôi Chấn cho là "có chút ý thức đầu cơ trục lợi". Hôm đó, số đại biểu tham dự đại hội là 1.509 người, kết quả bầu cử Tưởng Giới Thạch trúng cử "Tổng thống" khóa 3 với số phiếu cao là 1.481 phiếu bầu, từ đó liên tục được bầu, liên tục nắm quyền cho đến khi chết, khiến "Tổng thống" đã trở thành "Hoàng đế" trên thực tế. Ngày 22 tháng 3, "Đại hội quốc dân" bầu cử "Phó Tổng thống", đại biểu tham gia là 1.505 người, kết quả bầu cử bỏ phiếu, Trần Thành được 1.381 phiếu, trúng cử làm "Phó Tổng thống".

Đến đây, các "phần tử tự do" ra sức ép Tưởng rút lui đã thất bại. Ý đồ muốn nhân dịp này làm lung lay thể chế thống trị của Quốc dân đảng đã tan thành mây khói.

III. THẤT BẠI TRONG THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ SỰ TAN RÃ TRẬN ĐỊA CỦA "PHẦN TỬ TỰ DO"

Sau khi "bảo vệ hiến pháp" thất bại, các "phần tử tự do" biết rằng, đòi thực hiện "Hiến pháp" với Quốc dân đảng chẳng khác sờ tay vào da hổ, tranh luận trên báo chí và trong "Nghị viện tỉnh" cũng chẳng qua là gãi ngứa ngoài giầy. Con đường duy nhất của phái phản đối là xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Lôi Chấn và một số người đối với việc thành lập Đảng còn đôi chút do dự, phẫn nộ vì Tưởng Giới Thạch lấy "Hiến pháp" làm trò chơi, cuối cùng đã quyết tâm, thấy cần phải tổ chức một Đảng mới.

Ngày 18 tháng 5 năm 1960, Ngô Tam Liên, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ… đại biểu chủ yếu của thế lực địa phương Đài Loan, Lôi Chấn, Phó Chính… các thành viên chủ yếu của tờ Trung Quốc tự do, Hạ Đào Thanh, Chu Văn Bá… cùng một bộ phận nhân sỹ của hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên, tổng cộng được 72 người, đã họp tại Tổng bộ Trung ương Đảng Dân chủ Xã hội (số 6 cảng 225 đoạn 2, đường Hòa Bình, phía đông thành phố Đài Bắc). Hội nghị mới đầu định thảo luận những hành vi gian lận trong bầu cử địa phương khóa IV của Quốc dân đảng. Sau khi thảo luận được gần một giờ, có người đề nghị vì cho rằng thảo luận chuyện này là tốn công vô ích, vấn đề then chốt trước mắt là nhanh chóng tổ chức đảng đối lập, đề nghị mọi người thảo luận vấn đề này trước. Do đó, vấn đề cơ bản của cuộc họp sửa thành vấn đề thành lập tổ chức đảng.

Trải qua một lúc thảo luận sôi nổi, những người dự họp đã nhất trí, mặc cho Quốc dân đảng đồng ý hay không, chúng ta cũng phải tổ chức đảng. Cuộc họp đã quyết định trước tiên thành lập một "Cuộc tọa đàm cải tiến bầu cử địa phương", làm cơ cấu trù bị của đảng mới.

Ngày 20 tháng 5, Hồ Thích gặp Lôi Chấn tỏ thái độ rất vui vẻ đối với việc tổ chức đảng và thông báo rằng "Đại sứ và Tham tán Sứ quán Mỹ" ở Đài Loan tỏ ra rất tán thành việc này.

Báo chí Mỹ cũng nhộn nhịp đưa tin về việc thành lập đảng mới với thái độ "rất lạc quan". Nhà báo Henri Rosh thuộc tuần báo Thời đạicủa Mỹ tuy thân Tưởng cũng công khai cho rằng việc

thành lập đảng mới sẽ khiến cho Mỹ không bị chỉ trích là ủng hộ kẻ độc tài nữa.

Trong thời gian này, Lôi Chấn và một số người rất tích cực hoạt động. Họ đến các nơi như Đài Trung, Gia Nghĩa, Cao Hùng, Trung Lịch để tổ chức hội thảo về cải tiến việc bầu cử của Quốc dân đảng, thực tế là họp trù bị cho việc thành lập đảng mới. Ngày 15 tháng 6, Hội thảo cải tiến bầu cử ra tuyên bố "quyết định đoàn kết tất cả nhân sỹ chống Cộng dân chủ trong và ngoài nước, hiệp thương với hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên tổ chức ngay một chính đảng mới. Về tên gọi của chính đảng mới, Lôi Chấn và một số người muốn đặt là Đảng Tự do Trung Quốc để tỏ ra tiếp tục những "việc chưa làm" của Hồ Thích. Còn Hồ Thích thì nói rằng "cái tên xúi quẩy đó không nên dùng nữa, chúng ta hôm nay tổ chức đảng là cải tiến việc bầu cử, là đấu tranh cho dân chủ, gọi là Đảng chủ chủ Trung Quốc tốt hơn". Vậy là đảng mới quyết định lấy tên là "Đảng Dân chủ Trung Quốc".

Ngày 26 tháng 6, Hội thảo cải tiến bầu cử tuyên bố Lôi Chấn, Lý Vạn Cư và Cao Ngọc Thụ là người phát ngôn. Lôi Chấn, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ, Hạ Đào Thanh, Ngô Tam Liên, Quách Vũ Tân, Tề Thế Anh, Lý Nguyên Sạn, Thạch Tích Huân, Vương Địa, Quách Quốc Cơ, Dương Kim Hồ, Tạ Hán Nhu, Hứa Thế Hiền, Hoàng Ngọc Kiều… gồm 17 người là Ủy viên chấp hành.

Quốc dân đảng động viên khẩn cấp đánh ngay vào các hoạt động thành lập đảng của Lôi Chấn và một số người. Trần Thành tuyên bố chỉ trích việc thành lập đảng là "vi phạm quốc sách". Các tờ Nhật báo Trung ương, Nhật báo Trung Hoa, Nhật báo Tân sinh của Quốc dân đảng đều đồng loạt lên tiếng đả kích, gọi đảng mới là "phục vụ cho mặt trận thống nhất của Đảng cộng sản", Đảng cầm quyền "không thừa nhận"…

Bọn mật vụ Quốc dân đảng ra sức bao vây lùng sục, giám sát "suốt ngày đêm", 24/24 tiếng đối với Lôi Chấn và một số Ủy viên trù bị của đảng mới. Tổ trù bị mỗi lần họp đều bị bọn mật vụ đến bao vây, ghi âm tỉ mỉ tình hình hoạt động của mỗi người đến họp. Số mật vụ này không chỉ bí mật giám sát trong đêm, mà còn công khai vào tận nơi họp hoặc theo sát sau Lôi Chấn và một số người, "một bước không rời, như hình với bóng", khiến cho Lôi Chấn và một số người bị uy hiếp mạnh về mặt tinh thần, khiến quần chúng không dám đến gần họ.

Quốc dân đảng còn tăng áp lực đối với các nhân vật chủ yếu người gốc Đài Loan trong tổ trù bị đảng mới. Đối với Ngô Tam Liên dùng phương pháp khống chế về kinh tế, ép buộc ông ta tạm thời rời khỏi Đài Loan sáu tháng. Đối với Lý Vạn Cư, ra sức bức hại tờ Công luận báo của ông, gây trở ngại và cắt đứt đường tiêu thụ của tờ báo này. Do khó khăn, tờ báo này đã phải đình bản vào tháng 7 năm 1959; tiếp đến tháng 7 năm 1960, bị buộc phải trở thành công ty hữu hạn, cổ phần. Trương Tường Truyền, "Nghị trưởng thành phố Đài Bắc" của Quốc dân đảng nhân dịp này thâm nhập vào, đã khống chế nhiều cổ phần của tờ báo này. Do đó Lý Vạn Cư từ bỏ việc thành lập đảng mới, còn phải tốn nhiều công sức để giữ tờ Công luận báo.

Bất kể bị đàn áp, công tác trù bị đảng mới vẫn được tiến hành. Tờ Trung Quốc tự do liên tục ra bảy số xã luận lấy đề là Bàn về đảng đối lập tạo thêm thanh thế cho việc thành lập đảng mới. Tờ Công luận báo cũng phỉ báng cái gọi là "Đảng cầm quyền không thừa nhận", đề ra việc công dân có quyền tự do lập hội theo "Hiến pháp", một số công dân tổ chức chính đảng căn bản không cần sự phê chuẩn và thừa nhận của chính đảng khác. Đảng Dân chủ Xã hội có tờ Trung Quốc dân chủ và Đảng Thanh niên có tờ Dân chủ triều chịu ảnh hưởng cũng có bài xã luận phê phán sâu sắc, vạch trần những lời nói quỷ quái, dối trá "các đảng phái bình đẳng" của Quốc dân đảng. Theo họ, trên thực tế: "Quốc dân đảng không chỉ thù ghét chúng ta, áp bức chúng ta, thậm chí còn dùng các thủ đoạn độc ác phân hóa chúng ta." Trương Quân Lệ, Tả Thuấn Sinh… tổ chức lực lượng ở hải ngoại lớn tiếng ca ngợi việc thành lập đảng mới. Cuối tháng 8, công tác trù bị cơ bản hoàn tất. Dự định Lôi Chấn là Tổng Bí thư, thực tế phụ trách công tác đảng. Có một Ban Thường vụ do Lý Vạn Cư làm Chủ tịch, Cao Ngọc Thụ, Dương Kim Hồ, Tề Thế Anh, Dương Dục Từ làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Các văn bản cương lĩnh, điều lệ, tuyên ngôn… cũng tiếp tục được hoàn tất.

Ngày 1 tháng 9, xuất bản kỳ 5 tập 23 Trung Quốc tự do là số chuyên đề về thành lập đảng. Xã luận do Ban biên tập tờ Trung Quốc tự do viết nhan đề Không ngăn được dòng chảy đại giang trong đó chỉ trích tờ Nhật báo Trung ương của Quốc dân đảng là: "Vi phạm ý thức công luận thông thường; ngăn cản dòng thác dân chủ thế giới; phê bình đả kích, uy hiếp, lăng mạ các nhân sỹ yêu nước dân chủ làm việc trù bị thành lập đảng mới" và tuyên bố việc thành lập Đảng Dân chủ Trung Quốc là xu hướng lớn, giống như "dòng chảy đại giang, không thể ngăn nổi".

Ngoài ra, số chuyên đề kỳ này còn đăng tải sáu bài chuyên luận trên tờ Nhật báo tinh đảo, Công luận báo và các tờ báo khác nhằm ủng hộ việc thành lập đảng mới. Họ còn đăng bài Tuyên bố khẩn cấp của Hội thảo cải tiến bầu cử do ba vị Lôi Chấn, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ cùng ký tên người phát ngôn, trong đó đã vạch trần những hành vi gian lận trong bầu cử của Quốc dân đảng, đã tường thuật rõ những thủ đoạn can thiệp phân hoá, phá hoại của Quốc dân đảng sau khi công khai trù bị thành lập đảng mới. Đặc biệt quan trọng là văn kiện "trịnh trọng tuyên bố": "Phong trào thành lập đảng mới là nguyện vọng chung của các nhân sỹ chống Cộng dân chủ trong và ngoài nước… Về chính cương, chính sách, tên đảng và điều lệ đảng… của chúng ta hiện nay đều đã được quy định bước đầu, dự định sẽ tuyên bố thành lập trước cuối tháng 9. Chúng ta quyết định điều đó, không thể có sự can thiệp nào ngăn cản được."

Nhưng Quốc dân đảng lẽ nào chịu để "dòng chảy đại giang" của phe đối lập phá vỡ con đê phòng thủ chuyên chế trong nhiều năm của nó. Ba ngày sau khi tờ Trung Quốc tự do kỳ này phát hành, bọn mật vụ đã rút dao ra khỏi vỏ, nạp tên lên dây cung, cuối cùng nhận được lệnh hành động.

Sáng ngày 4 tháng 9, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Loan đột nhiên bắt Lôi Chấn và Phó Chính, biên tập viên tờ Trung Quốc tự do, Giám đốc Mã Chi Túc và Lưu Tử Anh, viên chức Quốc Sở quán, nguyên là kế toán của tờ Trung Quốc tự do. Buổi chiều hôm đó, Đào Hy Thánh, Tào Thanh Phấn, viên chức tuyên truyền, Thẩm Kỳ và Cốc Phong Tường viên chức Tư pháp đã triệu tập các chủ bút và tổng biên tập các báo ở Đài Bắc, phân phát cuốn sách nhỏ nói về Tóm tắt những bài báo phạm pháp của tờ Trung Quốc tự do, yêu cầu các báo trích đăng.

Ngày 5, Vương Siêu Phàm, "Chủ nhiệm Ban Chính trị Cảnh vệ", tổ chức họp báo đã tuyên bố tờ Trung Quốc tự do từ năm 1957 đến nay đã đăng 75 bài "chỉnh lý tổng hợp", phát hiện nội dung chủ yếu của nó là những lời nói kích động, phân hóa lật đổ, những bức thư giả kích động tình cảm quân nhân, lật đổ Chính phủ, tờ báo này đã vi phạm quốc sách chống Cộng, chống Nga, chia rẽ tình cảm giữa Chính phủ và nhân dân, cố ý phá hoại đoàn kết, phát ngôn bừa bãi ảnh hưởng đến sỹ khí, lòng dân, gây tình hình bất ổn, tạo điều kiện có lợi cho việc tuyên truyền phản loạn, do đó đề nghị giao cho tòa án quân sự xét xử.

Quốc dân đảng phân phát cuốn sổ tay nhỏ Tóm tắt những bài báo phạm pháp của tờ Trung Quốc tự do. Đối với 40 bài của tờ Trung Quốc tự do đã cắt đầu bỏ đuôi, chép ghép lung tung đầu Ngô mình Sở để quy vào sáu tội lớn: (1) Tuyên truyền "phản nghịch, ảnh hưởng sỹ khí, lòng dân"; (2) Chủ trương Mỹ can thiệp nội chính Trung Quốc; (3) Kích động tư tưởng quân đội, hòng lật đổ Chính phủ; (4) Tuyên truyền cho Đảng cộng sản; (5) Chia rẽ tình cảm giữa người Đại Lục với người Đài Loan; (6) Kích động nhân dân làm cách mạng đổ máu, chống đối Chính phủ. Ba ông Ân Hải Quang, Hạ Đạo Bình, Tống Văn Minh trong Ban biên tập tờ Trung Quốc tự do ra tuyên bố chung ngày 30 tháng 9 về sự chỉ trích của cuốn sách nhỏ này, tuyên bố có đoạn "thực ra chúng tôi chưa thấy ngôn luận của chúng tôi vi phạm pháp luật ở chỗ nào" và tỏ rõ muốn chia sẻ trước pháp luật về mặt ngôn luận với tờ Trung Quốc tự do. Chu Văn Bá, Quách Vũ Tân… cũng có bài phản bác cho rằng Quốc dân đảng chụp cho cái mũ về những bài viết của tờ Trung Quốc tự do như ở trên là hoàn toàn vô lý.

Lúc này, Công luận báo đã trở thành trận địa dư luận quan trọng nhất của phái đối lập. Lôi Chấn vừa bị bắt, báo này đã có bài Cách nhìn của nhân sỹ hải ngoại đối với vụ Lôi Chấn, cổ vũ phong trào phát động mười nghìn người tình nguyện, nếu chính quyền không thả Lôi Chấn, đại biểu những người tình nguyện sẽ cùng ngồi tù với Lôi Chấn. Ngày 12 tháng 9, Sở Thông tin tỉnh

Đài Loan đưa ra Luật Thông tin và quy định những biện pháp quản lý thông tin báo chí và sách trong thời kỳ giới nghiêm, nhằm cảnh cáo Công luận báo.

Thực ra Quốc dân đảng cũng biết rõ, dựa vào những bài tờ Trung Quốc tự do đăng tải thì rất khó xử án nặng Lôi Chấn, cũng rất khó cản trở việc thành lập đảng mới một cách hiệu quả. Chỉ dựa vào những sơ suất về lời văn cũng không dễ khiến người ta tin rằng Lôi Chấn "tuyên truyền cho Đảng cộng sản". Do đó, cùng với bắt Lôi Chấn họ đã bắt Lưu Tử Anh, viên chức Quốc Sử quán, hoàn toàn không chịu trách nhiệm về ngôn luận của tờ Trung Quốc tự do. Lưu Tử Anh là do Lôi Chấn bảo lãnh đưa từ Hồng Kông về Đài Loan, đã từng làm kế toán cho tờ Trung Quốc tự do và ở trong tòa soạn Trung Quốc tự do. Sau do ông ta không hợp với đồng nghiệp nên được Lôi Chấn giới thiệu đến làm việc ở Quốc Sử quán, nhưng vẫn giúp Lôi Chấn sửa bài. Nếu coi Lưu Tử Anh là "gián điệp Cộng sản", lại để ông ta ra mặt vu cáo Lôi Chấn thì đảm bảo Lôi Chấn có "nhảy xuống sông Hoàng cũng không rửa sạch tội". Lưu Tử Anh vào tù cũng giống như vai trò của Quách Đình Lượng trong "vụ án Tôn Lập Nhân" năm đó.

Sáng ngày 4 tháng 9 Lưu Tử Anh và Lôi Chấn… cùng bị bắt, nhưng giam ở những chỗ khác nhau. Từ 5 giờ chiều đến 10 giờ đêm hôm đó, từ 6 giờ đến 12 giờ sáng hôm sau, Lưu bị "thẩm vấn" tất cả 11 tiếng đồng hồ, đến chiều ngày hôm sau mới cho nghỉ, tờ "Tự khai báo" của ông ta được "bổ sung" tất cả sáu lần, tóm lại đạt "yêu cầu" về các mặt, đã hoàn thành "sứ mạng đặc biệt" của nó.

Theo tài liệu của Quốc dân đảng công bố, Lưu Tử Anh đã nhận là "gián điệp" của Đảng cộng sản, mang tin nhắn miệng của vợ Thiệu Lực Tử đến Đài Loan xui Lôi Chấn làm phản. Lôi Chấn sau khi nghe xong "không thể làm", nhưng không khai báo, còn sắp xếp chỗ ăn ở cho ông ta, giới thiệu việc làm, bao che và bảo vệ ông ta. Như vậy coi như đã chụp xong cho Lôi Chấn cái mũ "đỏ".

Ngày 27 tháng 9, Quốc dân đảng công bố khởi tố Lôi Chấn về hai tội danh lớn: Một là "bao che bảo vệ gián điệp Cộng sản"; hai là "phổ biến ngôn luận bất hợp pháp", bao gồm sáu mục trong "tóm tắt những bài phạm pháp nửa tháng qua của tờ Trung Quốc tự do". Đem xem xét hai tội lớn này, coi "phổ biến ngôn luận bất hợp pháp" cũng là tuyên truyền thay cho Đảng cộng sản".

Ngày 3 tháng 10, tòa án quân sự Đài Loan mở phiên tòa xử Lôi Chấn. Lương Túc Nhung, đại tướng của phái CC, bạn thân của Lôi Chấn bất kể áp lực trong Đảng đã ra tay biện hộ cho Lôi Chấn. Nhưng ông chỉ có thời gian một ngày rưỡi trước khi mở phiên tòa để xem hồ sơ bản án, căn bản không rõ chi tiết nên không thể biết thực hư. Ông yêu cầu gặp Lưu Tử Anh – nhân vật chính trong vụ án này – lại không được gặp. Hôm xử án, đọc bản luận tội mất hơn nửa thời gian. Lôi Chấn yêu cầu được chất vấn đối mặt với Lưu Tử Anh trước toà, tòa án không cho phép, những biện hộ của Lương Túc Nhung cũng bị gây nhiễu lung tung. Toàn bộ thời gian xử án đã kết thúc trong vòng tám tiếng rưỡi. Ngày 8 tháng 10, tuyên bố phán quyết: Lôi Chấn biết rõ hành vi "gián điệp" mà không khai báo xử phạt bảy năm tù giam, tước quyền công dân năm năm, liên tục dùng lời văn tuyên truyền có lợi cho địch xử phạt bảy năm tù giam, tước quyền công dân bảy năm. Lưu Tử Anh thụ án 12 năm tù giam; Mã Chí Túc chịu án năm năm tù giam; Phó Chính ba năm cảm hoá. Lôi Chấn không chịu, yêu cầu chống án. Ngày 17 tháng 11 "Tòa án phúc thẩm cấp cao Bộ Quốc phòng" mở phiên tòa xử phúc thẩm và phán quyết, ngoài Mã Chí Túc được sửa là ba năm cảm hóa ra, ba người còn lại giữ nguyên án. Vụ án lớn này được khép lại một cách nhanh chóng.

Những "phần tử tự do" trong hai "Viện Lập pháp và Giám sát" đã nêu ra rất nhiều điều phi lý trong vụ án Lôi Chấn. Hồ Thu Nguyên, Thành Xá Ngã cho rằng: "Các bài báo của Lôi Chấn thực ra không thể ghép vào tội phản bội"; tức là về ngôn luận tuy có sơ suất nhưng "không thể ghép tội phản loạn" và dùng tòa án quân sự để xử. Ngày 23 tháng 9, Phí Hy Bình đã chất vấn "Viện Hành chính" sáu điểm: (1) Cho rằng Lôi Chấn "Phổ biến những lời nói bất hợp pháp", sao không bắt khi làm báo, viết bài mà lại bắt khi thành lập đảng mới? (2) Lôi Chấn chỉ là một nhà văn trong tay không một tấc sắt, chỉ dựa vào một quyển tạp chí làm thế nào có thể phản loạn?

(3) Lôi Chấn không phải là quân nhân, vì sao dùng tòa án quân sự xét xử mà không dám xử ở tòa án dân sự một cách công khai? (4) Không thể kết tội làm giặc cho Lôi Chấn, nếu Lôi Chấn thực là "gián điệp" của Đảng cộng sản tại sao ông ta dám công khai phê bình Chính phủ, điều đó "chẳng lẽ ngu xuẩn đến mức không thể tin được hay sao?" (5) Nếu nhân viên an ninh đến đâu cũng hoài nghi khiến cho mọi người lo sợ thì sự an toàn của Chính phủ cũng chỉ là xây nhà trên cát; (6) Ngôn luận của tờ Trung Quốc tự do tuy rằng quá khích, thậm chí có những chỗ không thỏa đáng, nhưng trong một nước dân chủ vẫn cho phép loại ấn phẩm này tồn tại.

Đào Bách Xuyên, Lưu Dục Từ ở "Viện Giám sát" (thuộc Đảng Thanh niên) và một số người cũng nêu ra những chỗ "khiến người ta hoài nghi" trong quá trình xử vụ án này, yêu cầu "Viện Giám sát" thực hiện chức trách và quyền hạn của mình tham gia điều tra. Nhiều "nhân viên giám sát" thuộc Quốc dân đảng không muốn nhúng tay vào vụ án này, nhưng để bảo vệ địa vị của "Viện Giám sát" không thể bỏ qua yêu cầu của Đào Bách Xuyên và một số người. Do đó, họ đã để Đào Bách Xuyên, tổ chức thành một tổ nhỏ năm người, thay mặt "Viện Giám sát" tiến hành điều tra. Tổ điều tra yêu cầu gặp bốn bị cáo, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" gây trở ngại đủ điều, cuối cùng chỉ để họ gặp ba người, nhưng kiên quyết không để họ gặp Lôi Chấn. Tổ này sau đó làm báo cáo nói rằng Phó Chính cho biết họ sau khi bị bắt đã từng bị xét hỏi lâu tới 19 giờ đồng hồ, ông ta hai lần yêu cầu mời luật sư đều bị bác bỏ. Lưu Tử Anh nói ông ta không phải là "gián điệp Cộng sản" và từ trước đến nay chưa làm việc này bao giờ. Ông ta có nhắc đến chuyện tiếp xúc với Phó Học Văn, nhưng chỉ có tính chất báo cáo và không có ý thuyết phục Lôi Chấn làm gián điệp Cộng sản. Lôi Chấn sau khi nghe còn mắng thẳng vào mặt ông ta. Do đó, đã bộc lộ đầy đủ tính chất "đặt lưới" và "giăng bẫy" của vụ án này. Báo cáo điều tra còn nêu có bảy lần vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra thụ lý vụ án này, nhưng cuối cùng đề nghị xử lý và "nhân viên sai phạm không phải không có lý do cho nên miễn truy cứu trách nhiệm" và tuyên bố "bản án này tuy xét thấy có nhiều chỗ sai trái, nhưng không thể làm mất tính xác định và sức phán quyết của nó". Đề nghị xử lý này mâu thuẫn với hồ sơ trước đó. Về sau Lôi Chấn nêu ra: "Nếu không có đề nghị xử lý này sẽ không thể có chuyện thông qua ở đại hội "Viện Giám sát", như vậy ngay cả "ý kiến điều tra" rõ ràng rành rành cũng không thể ra mắt thiên hạ được, huống chi những tội ác của chính quyền Quốc dân đảng đã phạm trong cái gọi là vụ án Lôi Chấn, làm sao có thể bộc lộ rõ trước mặt mọi người. Đây là nỗi khổ tâm của người cầm bút."

Trong quá trình thụ lý vụ án Lôi Chấn. Dư luận Mỹ dứt khoát thái độ "ủng hộ Lôi Chấn phản đối Tưởng". Các tờ báo Bưu điện, Khoa học Cơ Đốc giáo, Bưu điện Washington, Tuần báo Cộng hòa mới, Thời báo New York đều đăng những bài chỉ trích Quốc dân đảng chà đạp tự do ngôn luận, thực hiện thống trị bằng cảnh sát. Nhiều giáo sư đại học như Fairbank, Scalapino… đều có bài phản đối, kêu gọi Mỹ tăng thêm áp lực với chính quyền Đài Loan, trả lại tự do cho Lôi Chấn. Nghị sỹ, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện và nhiều nghị sỹ khác đều lên tiếng chỉ trích cách làm của chính quyền Đài Loan, thậm chí có người còn tự coi mình là "người bạn thân của Trung Hoa Dân Quốc" như nhà báo Henri Rosh của tờ Tuần báo thời đại cũng tỏ ra bất bình khi gặp các quan chức của Quốc dân đảng ở Mỹ.

Những "phần tử tự do" ở Hồng Kông, Áo Môn, Mỹ và Nhật đều rất phẫn nộ trước vụ án Lôi Chấn. Trương Văn Lệ liên tục gửi hai bức điện từ Mỹ về phản đối Tưởng Giới Thạch, chỉ trích Tưởng là "kẻ độc tài hèn hạ". Việc bắt giam Lôi Chấn gây nên sự phẫn nộ quốc tế, Tưởng khi xử lý vấn đề quân sự, tài chính và ngoại giao "đã phạm những sai lầm nghiêm trọng", "chỉ khi nào ông ta từ chức mới có thể khôi phục uy tín ngày càng giảm của Trung Hoa Dân Quốc" (điện ngày 19 tháng 9). Kiều bào ở Mỹ có phong trào mười nghìn chữ ký, yêu cầu trả tự do cho Lôi Chấn. Tả Thuần Sinh, Lý Hoàng... đã liên lạc với nhiều nhân sỹ giới văn hóa ở Hồng Kông, ngày 5 tháng 10 năm 1960 đã gửi công hàm cho Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp Quốc yêu cầu lên tiếng và giúp đỡ Lôi Chấn. Tả Thuần Sinh và một số người mở cuộc họp các nhà báo ở Hồng Kông đã lớn tiếng chửi Tưởng Giới Thạch. Mấy chục tờ báo Trung văn ở Hồng Kông, trừ mấy tờ do Quốc dân đảng khống chế, đều giữ lập trường ủng hộ Lôi Chấn. Thậm chí cả Phan Công Triển, lão tướng của phái CC thuộc Quốc dân đảng, cũng từ Mỹ gửi bài về cho tờ Nhật báo Thượng Hải ở Hồng Kông cho rằng nhiều cách làm của Quốc dân đảng trong vụ án Lôi Chấn "là sự việc bất hạnh, cũng là việc làm ngu dốt".

Sự phản đối của những "phần tử tự do" ở Mỹ và các nơi khác Quốc dân đảng cũng đã dự liệu từ trước, họ mặt dày mày dạn chịu đựng cho qua. Về Quốc dân đảng mà nói, sau khi Lôi Chấn bị bắt, thực sự chỉ còn phải đối phó với hai người là Lý Vạn Cư và Cao Ngọc Thụ, đánh đổ được hai người này thì đảng mới sẽ như rắn không đầu, tất phải tan vỡ.

Lý Vạn Cư và Cao Ngọc Thụ vừa biết tin Lôi Chấn bị bắt đã sẵn sàng chờ vào tù. Nhưng do Quốc dân đảng muốn thu hẹp ảnh hưởng của vụ án Lôi Chấn nên đã trót phủ nhận vụ án này liên quan tới việc thành lập đảng mới, do đó chưa đưa hai người này vào cùng vụ Lôi Chấn. Lý Vạn Cư và Cao Ngọc Thụ nắm được điều này tiếp tục đẩy mạnh công tác thành lập đảng. Ngày 11 tháng 9, Lý Vạn Cư và một số người tổ chức cuộc họp quyết định sửa tên "Tọa đàm cải tiến bầu cử" thành "Ban trù bị Đảng Dân chủ Trung Quốc", sớm phất ngọn cờ "Đảng Dân chủ Trung Quốc" để mở rộng ảnh hưởng.

Ngày 12 tháng 9, Ban trù bị "Đảng Dân chủ Trung Quốc" ra tuyên bố: Thông báo tin đổi tên, Lý Vạn Cư là Quyền Chủ tịch Ban trù bị. Tuyên bố Ban trù bị sẽ thảo luận ngày tháng thành lập chính thức của đảng mới trong thời gian sớm nhất. Đến tháng 1 sang năm khi bầu cử chính quyền thành phố, đảng mới sẽ ra tranh cử với Quốc dân đảng, tuyên bố còn yêu cầu trả ngay tự do cho Lôi Chấn và một số người, ít nhất cũng đề nghị giao cho bên tòa án dân sự xét xử.

Cùng ngày, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ tất cả 12 người trong Ban trù bị Đảng mới yêu cầu được đến thăm Lôi Chấn, nhưng bọn cảnh vệ không cho phép bất cứ người nào tiếp xúc với Lôi Chấn. Các hãng tin nước ngoài bình luận rằng những người đi thăm thực ra đã biết sẽ bị cự tuyệt, chẳng qua họ muốn thông qua hành động lần này biểu thị sức mạnh với Quốc dân đảng và nhờ đó mở rộng được ảnh hưởng của việc thành lập đảng.

Ngày 25 tháng 9, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ, Hạ Đào Thanh, Vương Địa, Quách Vũ Tân, Hứa Thế Hiền, Diệp Bính Hoàng, Tô Đông khởi, Hoàng Ngọc Kiều mở Hội nghị Ban trù bị, nghe đại biểu các nơi về họp báo tình hình. Sau hội nghị Lý Vạn Cư nói chuyện với phóng viên tờ Công luận báo, tuyên bố Lôi Chấn bị bắt là vì việc thành lập đảng mới nên đảng mới phải mời luật sư bào chữa cho ông và chịu mọi phí tổn cho vụ án này. Lý Vạn Cư còn tuyên bố công tác trù bị thành lập đảng mới đã được sự đồng tình và ủng hộ của đông đảo quần chúng, những người yêu cầu tham gia đảng mới ngày càng nhiều. Do đó, vụ Lôi Chấn chẳng những không ảnh hưởng đến công tác trù bị thành lập đảng mới, trái lại còn xúc tiến việc thành lập đảng mới đạt kết quả vượt bậc.

Tuy rằng Lý Vạn Cư tuyên truyền như vậy, nhưng trên thực tế đảng mới do bốn nguyên nhân sau đây đã lâm vào tình huống khó khăn: (1) Khi Quốc dân đảng bắt Lôi Chấn, đã lấy đi tất cả văn bản của Đảng Dân chủ Trung Quốc để trong nhà Lôi Chấn bao gồm chính cương, dự thảo tuyên ngôn và danh sách Đảng viên... Lý Vạn Cư và một số người còn lại không có bản thứ hai, mà họ lại không có kinh nghiệm tổ chức đảng, viết lại các văn bản này có khó khăn nhất định; (2) Lôi Chấn bị bắt, biết được Quốc dân đảng dùng thủ đoạn trấn áp bằng sức mạnh đối với đảng mới, rất nhiều người vốn ủng hộ đảng mới này sợ liên lụy chuyển sang thái độ bàng quan, có một số Ủy viên trù bị rút vào hậu trường; (3) Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ và một số người chủ yếu đại biểu cho thế lực địa phương Đài Loan, còn thành viên của hai Đảng Dân chủ Xã hội, Thanh niên và các "phần tử tự do" người gốc Đại Lục chủ yếu là do quan hệ của Lôi Chấn mà tham gia Phong trào đảng mới. Sau khi Lôi Chấn bị bắt, số nhân sỹ này cho rằng đảng mới là do người gốc Đài Loan nắm nên đã rút lui; (4) Tòa án Đài Bắc đã nhiều lần gọi Cao Ngọc Thụ ra thẩm vấn, Lý Vạn Cư cũng bị gây rắc rối, sự an toàn của bản thân họ không được đảm bảo, làm sao có thể mang hết sức mình cho công tác tổ chức đảng mới.

Trong tình hình này, Hồ Thích đã trở thành chính yếu của các giới. Khi đó Hồ Thích không còn ở Đài Loan, ông ta đã sang Mỹ ngày 9 tháng 7, khi đó từng có tin rằng ông đi tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ đối với đảng mới. Các nhà bình luận cho rằng, nếu Hồ Thích về nước kịp thời phản kháng Quốc dân đảng, thậm chí từ bỏ chức vụ "Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung ương" thì sẽ là ánh sáng duy nhất của phong trào đảng mới. Bởi vì: (1) Địa vị của Hồ Thích rất quan

trọng, Quốc dân đảng không thể gạt bỏ ông ta. Nếu ông ta vào cuộc, trong tình hình dư luận quốc tế lúc này thống nhất chỉ trích Quốc dân đảng, rất có thể ép Quốc dân đảng phải nhượng bộ, điều đó sẽ khiến cho rất nhiều người ngoài cuộc và người thoái chí tiếp tục ủng hộ đảng mới; (2) Hồ Thích làm lãnh tụ mới, sẽ khiến cho các nhân sỹ người gốc Đại Lục khôi phục được tính tích cực tham gia đảng mới, tăng thêm mạnh mẽ sức kêu gọi của đảng mới ở trong và ngoài nước; (3) Quốc dân đảng bắt Lôi Chấn là để tiêu diệt đảng mới, nếu bắt Lôi Chấn lại xuất hiện Hồ Thích có ảnh hưởng lớn hơn so với Lôi Chấn thì cái được lớn hơn cái mất; (4) Trong tình hình Hồ Thích vào cuộc, tầm quan trọng của Lôi Chấn giảm đi, có thể hỗ trợ cho việc làm giảm nhẹ bản án với ông ta.

Ngày 7 tháng 10, Cao Ngọc Thụ thay mặt cho Ban trù bị đảng mới tuyên bố, ngày thành lập đảng mới tạm thời kéo dài, tất cả đều đợi Hồ Thích về Đài Loan. Điều này chứng tỏ sự sống chết tồn vong của đảng mới đều quan hệ đến bản thân Hồ Thích.

Khi vụ án Lôi Chấn xảy ra, tâm tư Hồ Thích rất mâu thuẫn và phức tạp. Sau này, Giáo sư Đường Đức Cương học trò của ông đã nói: "Ông mặt mày khổ não, như già đi 20 tuổi, tôi chưa thấy bao giờ." Hồ Thích rất đau lòng vì việc này. "Trăm điều khó nói lấy thơ ngâm". Người cứ đọc đi đọc lại bài Quế nguyên phổ tuyệt cú của nhà thơ lớn Dương Vạn Lý đời Nam Tống:

Vạn sơn bấc hứa nhất khê bôn,

Lan đắt khê thanh nhật dạ huyền.

Đáo đắt tiền đầu sơn cước tận,

Đường đường khê thủy xuất tiền thôn.

Tạm dịch là:

Vạn núi không cho một suối qua,

Có chăng ngăn được suối rầm rì.

Đến khi núi cạn mòn chân núi,

Đường hoàng suối nước trước thôn ta.

Tháng 7 năm sau, Hồ Thích đã từng đưa bài thơ này vào một bức trướng để chúc mừng ngày sinh lần thứ 65 của Lôi Chấn ở trong tù. Từ ý thơ ấy, Hồ Thích ngược lại "chưa mất tinh thần" và còn khuyên Lôi Chấn gắng sức.

Nhưng về mặt hành động thực tế, Hồ Thích tuy là "Danh nhân văn hoá" nhưng lại là con người rất tầm thường về mặt chính trị. Ông chưa bao giờ nghĩ đến việc lật đổ triệt để Tưởng Giới Thạch, điều này chính là nguyên nhân ông đẩy Lôi Chấn ra tổ chức đảng còn mình thì nấp đằng sau. Sau khi Lôi Chấn bị bắt, Hồ Thích càng bộc lộ rõ tính dao động và yếu kém về mặt chính trị. Ông ta không dám từ chức để phản đối Quốc dân đảng, thậm chí không dám như Lý Vạn Cư, Ân Hải Quang, Phí Hy Bình... công khai chỉ trích bản án này là "tù chữ", "tù Đảng", "tù oan". Ông ta chỉ đánh hai bức điện từ Mỹ về cho Trần Thành, viết một lá thư cho Trần Tuyết Bình người quản giáo quan trọng của Quốc dân đảng, đề nghị Trần Thành và Trần Tuyết Bình ra sức can thiệp để sửa bản án Quân pháp của Lôi Chấn thành bản án dân sự. Ông còn tuyên bố với các nhà báo rằng Lôi Chấn là một người "yêu nước chống Cộng". Như vậy, sự chống đối kiểu "gãi ngứa ngoài giầy" đó đương nhiên không có ảnh hưởng gì đối với chính quyền Đài Loan.

Hồ Thích dự định cuối tháng 9 về Đài Loan, sau lấy lý do chữa răng, mãi đến trung tuần tháng 10 tức là sau khi phán quyết Lôi Chấn mới trở về Đài Loan. Do đó, có người cho rằng ông ta có ý tỏ thái độ về vụ án Lôi Chấn và không muốn dùng sức mình ủng hộ đảng mới và chống đối

chính quyền.

Ngày thứ hai sau khi Hồ Thích trở về Đài Loan, Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ, Quách Vũ Tân, Vương Địa, Hoàng Ngọc Kiều và các Ủy viên trù bị đảng mới đều đến thăm ông. Vì hôm đó Hồ Thích tiếp rất nhiều khách, nên đã hẹn những người này ngày 26 tháng 10 đến ăn cơm, nói chuyện. Sáng ngày 26 tháng 10, Hồ Thích đi gặp mặt, hội báo trước với Trần Thành những câu ông ta chuẩn bị nói với Lý Vạn Cư và một số người khác. "Lý Vạn Cư và một số người nói rằng, họ muốn đưa tôi về nước, yêu cầu tôi chỉ giáo, tôi muốn khuyên họ hai điểm: (1) Về mặt thời gian phải trì hoãn ngày thành lập đảng mới của họ. Họ nên xem sự phát triển của vụ án Lôi Chấn, nên xem tình hình thế giới, như tổng tuyển cử ở Mỹ chẳng hạn, không thể vội vàng thành lập đảng; (2) Tôi muốn khuyên họ thay đổi hẳn thái độ: "Thứ nhất phải có thái độ hòa bình, không thể có thái độ đối địch với Đảng và Chính phủ, anh muốn lật đổ Đảng và Chính phủ, Đảng và Chính phủ đương nhiên trước tiên phải lật đổ anh. Thứ hai, nhất thiết không thể để Đảng của các anh biến thành Đảng của người Đài Loan, phải hợp tác với hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên, phải hợp tác với đồng bào Đại Lục không đảng phái. Thứ ba, tốt nhất là phải tranh thủ sự thông cảm, đồng tình của Chính phủ." Sau khi đưa Trần Thành xem qua, Hồ Thích lại tỏ ra hy vọng Tưởng Giới Thạch và các lãnh tụ khác của Quốc dân đảng nới lỏng tay một chút đối với những người muốn tổ chức một đảng mới.

Sau đó Hồ Thích lại thổ lộ với các nhà báo, ông ta đã tỏ rõ thái độ đối với Lý Vạn Cư và một số người: "Các anh cứ tổ chức thành đảng đã, còn thái độ của tôi phải xem tình hình đảng mới sẽ quyết định sau. Nếu tổ chức đúng được một đảng, tôi có thể công khai ủng hộ; nếu không tốt tôi có thể bảo lưu quyền tự do không phát biểu, thậm chí quyền phê bình." Hồ Thích còn nhấn mạnh nhiều lần, thái độ của ông ta đối với đảng mới là: (1) Không làm lãnh tụ; (2) Phải xem trước đã.

Khi các nhà báo hỏi Hồ Thích có muốn chủ trì phục hồi tờ Trung Quốc tự do không, Hồ Thích cho biết cái đó để Ban biên tập quyết định và nói: "Một tờ tạp chí vì tranh thủ tự do ngôn luận mà đình bản cũng không mất đi sự quang vinh."

Hồ Thích đã từng ghi lại hai bài thơ Quế hoa khúc của Bạch Cư Dị gửi cho Hồ Kiện Trung, Chủ bút tờ Nhật báo Trung ương của Quốc dân đảng, ẩn ý yêu cầu Quốc dân đảng giải tỏa những điều cấm kỵ của Đảng, thơ rằng:

Xa tít trên mây một chị Hằng,

Cung quế thênh thênh vẫn bỏ không.

Vườn rộng để hoang cây quế cọc,

Sao chẳng trồng đôi ở giữa cung?

Hoa quế buồn lòng nhắc nhở mãi,

Hằng Nga say đắm vẫn chưa thông.

Ấy khúc đoạn trường người trần tục,

Bạn lòng chẳng biết thấu cho chăng?

Hồ Kiện Trung sau khi nhận được thư, dựa vào hai bài thơ đó đối lại, khuyên Hồ Thích hãy sáng suốt giữ gìn lấy bản thân, thơ rằng:

Đừng nói trên trời một chị Hằng,

Cây quế xa nhòe vẫn tưởng không.

Ruộng vườn đào xới lung tung cả,

Sao chỉ trồng đôi ở giữa cung?

Hãy tự nhủ mình hoa quế nhé.

Chớ thức Hằng Nga giữa đêm thông.

Khúc ấy chỉ nên trên trời có,

Đừng vội ca cho thế tục chăng?

Từ đó Hồ Thích nói chuyện càng thận trọng hơn, không dám đem việc tổ chức đảng đối lập "ca cho thế tục" nghe nữa.

Ngày 18 tháng 11, tức là một hôm sau khi vụ án Lôi Chấn được phán quyết, Tưởng Giới Thạch gặp Hồ Thích. Hồ Thích cơ bản không dám nói đến vụ án Lôi Chấn, nhưng cuối cùng đã nói ra mấy câu: "Vụ án Lôi Chấn tổng cộng tất cả thụ án 31 năm, luật sư của bị cáo chỉ có thời gian một ngày rưỡi để xem xét hồ sơ. Ngày 3 tháng 10 mở phiên toà, chỉ xử trong tám giờ rưỡi là tuyên bố kết thúc. Đến ngày 8 tháng 10 tuyên án, xét xử quái gì như thế? Tôi ở nước ngoài, thực không dám ngẩng đầu lên gặp ai." Tưởng Giới Thạch nghe xong nét mặt không vui, trả lời: "Hồ tiên sinh trước đây vẫn rất tốt với tôi, nhưng vài năm lại đây ngài chỉ tin vào Lôi Chấn, không tin vào Chính phủ của chúng ta." Hồ Thích vội vàng đáp: "Câu nói này quá nặng, tôi không chịu nổi."

Tháng 2 năm 1961, Hồ Thích liên lạc với Tưởng Vân Điền, Thành Xá Ngã, Hồ Thu Nguyên… tất cả hơn 50 người, liên danh viết thư cho Tưởng Giới Thạch, đề nghị ông ta lấy danh nghĩa "Tổng thống" đặc xá cho Lôi Chấn. Nói đến "đặc xá" tức là họ cho rằng Lôi Chấn có tội. Hồ Thích còn nói đi nói lại với các nhà báo: "Đây không phải là phong trào chính trị, chỉ là sự thỉnh cầu rất khách sáo".

Tưởng Giới Thạch đưa thư của Hồ Thích và số người này cho "Bộ Quốc phòng" xử lý, xét đi xét lại, không có hồi âm. Sau đó Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc gửi công hàm cho chính quyền Đài Loan, yêu cầu giảm 1/3 thời gian thụ án của Lôi Chấn. Tưởng Giới Thạch vẫn không giải quyết. Lôi Chấn đã phải ngồi tù đúng 10 năm, không thiếu một ngày. Sau khi mãn hạn tù phải ký vào một tờ cam đoan, bảo đảm từ nay về sau không làm chính trị, mới được ra tù.

Với tình thế "Lôi Chấn bị bắt, Hồ Thích cúi đầu", các thành viên trù bị đảng mới tìm đường tháo lui. Cao Ngọc Thụ ba lần liên tục bị gọi ra thẩm vấn, đe dọa diễn lại màn kịch Lôi Chấn, tỏ ý muốn chính quyền Đài Loan cho ra nước ngoài khảo sát, thoát ly chính trị một thời gian. Quốc dân đảng xét thấy con người này có ảnh hưởng nhất định đối với dân chúng Đài Loan, cũng thuận chiều "giơ cao đánh khẽ", cho phép Cao Ngọc Thụ lặng lẽ rời khỏi Đài Loan.

Cao Ngọc Thụ sau khi đi, Lý Vạn Cư gặp khó khăn. Ngày 14 tháng 10, "Sở Báo chí Đài Bắc" một lần nữa cảnh cáo Công luận báo do trong bài Xem vụ án Lôi Chấn mà buồn có những câu từ phỉ báng chính quyền. Cùng lúc này, Trương Tường Truyền với lý do nắm giữ nhiều cổ phần trong tờ Công luận báo, khởi kiện Lý Vạn Cư ra tòa, yêu cầu được tiếp quản toàn bộ tờ báo này. Ngày 2 tháng 7, ngay sau khi Lôi Chấn vào tù, Tòa án địa phương Đài Bắc xử Lý Vạn Cư thua kiện.

Tờ Trung Quốc tự do sau khi Lôi Chấn bị bắt, phải đình bản. Nó đã sống được mười năm trên văn đàn Đài Loan, được gọi là ấn phẩm chính luận "cam tuyền sa mạc" (suối nước ngọt trên sa mạc), kết cục bị đả kích: Vừa hô xong khẩu hiệu "Dòng thác đại giang không ngăn được" đã bị bỏ khát trong hoang mạc của chế độ độc tài. Trải qua hô hào cổ động mười năm, tờ Trung Quốc tự do đã để lại di chúc chính trị cho đời sau với bảy chữ cảm khái lòng người – Dòng thác đại giang không ngăn được!

Đến cuối năm 1960, nhiều "phần tử tự do" bị buộc phải giữ thân, vấn đề thành lập đảng không còn ai dám nói đến nữa. "Đảng Dân chủ Trung Quốc" nổi lên chẳng bao lâu, cuối cùng bị tan rã. Phong trào của phái đối lập cũng từ đó kém đi.

IV. THỜI KỲ ĐÓNG BĂNG CHÍNH TRỊ

Vụ án Lôi Chấn và sự thất bại của "Đảng Dân chủ Trung Quốc" đã đánh dấu sự thống trị đàn áp cao độ của Tưởng Giới Thạch còn hà khắc hơn so với những năm 1950. Đài Loan bước vào những năm 1960 được gọi là "thời kỳ đóng băng chính trị".

Ngày 5 tháng 2 năm 1961, Trương Tuyền Truyền sau khi thắng kiện đã tiến hành cải tổ Công luận báo và cách chức Lý Vạn Cư. Ngày 1 tháng 6, Công luận báo do Trương Tường Tuyền chủ trì và được "Bộ Nội chính" Đài Loan cấp giấy phép mới. Lý Vạn Cư gặp nhà báo nước ngoài đã phản kháng mạnh mẽ chính quyền Đài Loan về việc "vi phạm hiến pháp", công khai tước đoạt Công luận báo, đồng thời tuyên bố sẽ "đấu tranh đến cùng". Nhưng từ sau đó, Công luận báo đã thuộc về người khác. Công luận báo sau hai quý, chuyển cổ phần, ban giám đốc và biên tập thay đổi hoàn toàn, người cũ phần lớn ra đi, cuối cùng rơi vào tay Vương Thích Ngô, một tay báo phiệt của Quốc dân đảng, đổi tên là Nhật báo kinh tế.

Ngày 1 tháng 6, Sở Cảnh sát ra lệnh cấm hát các bài Ngư quang khúc, Xừ đầu ca, Thiên nhai ca nữ, Gia lăng giang thượng... tổng cộng 25 bài hát gồm rất nhiều ca khúc ủy mị sướt mướt, ngoài việc cấm báo, cấm Đảng, cấm sách – cấm mua bán tác phẩm của Lỗ Tấn, Ba Kim và tất cả các nhà văn Đại Lục ra, nay lại thêm cấm hát.

Ngày 6 tháng 11, Hồ Thích có bài phát biểu Muốn phát triển khoa học cần phải cải tiến xã hội ở một hội nghị của Văn phòng khai thác quốc tế Mỹ đặt tại Đài Loan. Ông ta nói: "văn minh phương Đông không có tính linh hoạt, văn minh phương Tây đúng là đại biểu cho lý tưởng mới và có tính linh hoạt." Khi phê bình văn minh phương Đông, Hồ Thích đã chỉ trích chế độ dòng giống của Ấn Độ. Do "vấn đề dòng giống" đã đâm trúng huyệt của Quốc dân đảng nên gây thành phong trào "phê Hồ". Báo chí các nơi đều lên tiếng chửi Hồ Thích "xuyên tạc dân tộc Trung Hoa trước nước ngoài".

Lúc này, Hồ Thích đã thận trọng tránh phê bình trực tiếp Quốc dân đảng, vì vậy, bị nhiều người coi thường. Nhà thơ nổi tiếng Chu Khí Tử đã công khai làm thơ châm biếm, chế giễu ông ta:

Đồng tượng đương niên cô mạn ngữ,

Thiết song kim nhật thị chu niên.

Đồ cùng mạt tất quan năng khí,

Kỳ bại hà tăng tốt hướng tiền.

Tạm dịch là:

Tượng đồng năm nao còn nói khoác,

Song sắt hôm nay đã đủ năm.

Một bước chức quan đâu dám bỏ,

Cờ thua sao chẳng đấm tốt lên?

(Hồ Thích đã từng ví mình như con tốt đã qua sông.)

Do đó, dù Hồ Thích có là con tốt đã qua sông, không dám tiến nhưng Quốc dân đảng vẫn bao

vây ông ta.

Hồ Thích đối với việc của Lôi Chấn và đảng mới vốn vẫn ân hận "ta tuy không giết bá nhân, bá nhân vì ta mà chết", lại bị mọi người khinh bỉ và bọn quan chức nhũng nhiễu, khiến tinh thần và sức khỏe của ông ta xấu đi rõ rệt, đã mấy lần phát bệnh tim.

Ngày 19 tháng 1 năm 1962, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" Đài Loan đã lấy lý do "Có âm mưu vũ trang phản loạn" đã bắt vợ chồng Tô Đông Khải, nhân sỹ gốc Đài Loan và tất cả hơn 40 người. Vợ chồng Tô là người cùng huyện Vân Lâm với Lý Vạn Cư, đã từng tích cực tham gia công tác trù bị thành lập đảng mới, đều được bầu vào Ban trù bị đảng mới. Sau khi họ bị bắt giam hơn một năm, tòa án quân sự do "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" lập ra xử Tô Đông Khải, Trương Mậu Trọng tất cả bốn người về tội "tổ chức đoàn thể phản loạn" kết án chung thân và tước quyền chính trị.

Sau khi xảy ra vụ án Tô Đông Khải, Lý Vạn Cư đã từng lấy danh nghĩa Nghị sỹ tỉnh đưa ra chất vấn hàng mười nghìn chữ ở "Nghị viện tỉnh" nêu ra việc bắt người của Quốc dân đảng khiến người ta kinh ngạc vì không có căn cứ. Quốc dân đảng đã gặp Lý "hăm dọa" và dùng thủ pháp "vu cáo", nhắc lại một sự việc cách đây mười năm nói rằng Lý Vạn Cư "tham nhũng" tịch thu của ông căn nhà nhỏ còn lại. Từ đó, Lý Vạn Cư phải chịu đựng sự nghèo khổ và bệnh tật, thường phải vay mượn sống qua ngày.

Ngày 24 tháng 2 năm 1962, Hồ Thích tham gia bữa tiệc chúc mừng ông được bầu là Viện sỹ "Viện Nghiên cứu Trung ương". Khi tiệc mừng sắp kết thúc, Hồ Thích đứng dậy phát biểu, nói về vấn đề phát triển khoa học, dần dần chuyển sang vấn đề "tự do ngôn luận" và "bao vây Hồ Thích", tiếng nói của Hồ Thích càng ngày càng lên giọng, người nghe vô cùng cảm động. Kết quả khi sắp tan tiệc, bệnh tim đột phát ông ngã xuống đất và chết.

Quốc dân đảng đã tổ chức lễ tang rất long trọng cho Hồ Thích. Tưởng Giới Thạch đích thân viết câu đối viếng "Người mở màn đạo đức cũ trong văn hóa mới. Người thầy của tư tưởng mới trong lý luận cũ" để tỏ lòng thương tiếc. Tưởng Văn Điền, bạn hữu của Hồ Thích, người Đảng Dân chủ Xã hội phúng hai bức trướng, một bức ghi: "Phá vỡ quyền uy truyền thống, từ nay đâu còn người xông trước. Luận bàn dân chủ tự do, cùng bác nằm trong cuộc bao vây". Bức nữa ghi "Người còn sống, một số nhe nanh giương vuốt. Bác chết rồi, cũng lắm người mèo khóc chuột con".

Trong phái đối lập, Hồ Thích là người duy nhất có thể phê bình Quốc dân đảng mà không phải ngồi tù. Ông ta rất cẩn thận lợi dụng địa vị đặc biệt của mình, nhưng thực ra chưa gây phiền phức gì cho chính quyền Đài Loan. Sau khi Hồ Thích chết, ngoài Lý Vạn Cư và cá biệt một số người vẫn chất vấn, chỉ trích các chính sách của nhà đương cục ở "Nghị viện tỉnh" ra, cả Đài Loan không thấy một tờ báo nào dám lên tiếng, không có bài báo nào dám phê phán chính trị cho ra hồn. Đôi khi có tờ báo hay phần tử trí thức nào có lời đụng đến chính quyền, lập tức bị trừng phạt nghiêm khắc. Như tờ tạp chí Thời và triều chỉ vì đăng bài Thơ tự an ủi của Lôi Chấn viết trong tù đã phải đình bản một năm.

Thành Xá Ngã, "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái Khai minh đã lấy bốn câu sau đây để hình dung nỗi khổ tâm của giới trí thức: "Không viết cổ và kim, nhưng viết gió và trăng, chuyện cổ đã qua rồi, chuyện kim không nói được."

Trong không khí chính trị tối tăm này, tâm tình của rất nhiều trí thức bị ức chế, tìm dịp rời khỏi Đài Loan, thường đến định cư ở Hồng Kông, Áo Môn hoặc Âu Mỹ. Nhiếp Hoa Linh, Đái Đỗ Hành Nguyên Ủy viên Ban biên tập tờ Trung Quốc tự do và Bạch Tiên Dũng, nhà văn nổi tiếng... đều đã chọn con đường này. Còn một số người không chịu nổi sự đàn áp cao độ của Quốc dân đảng đành phải vào hùa với chính quyền Đài Loan. Như Mao Tử Thủy trước vụ án Lôi Chấn là một hỏa lực mạnh của Trung Quốc tự do, phê phán Tưởng đến nỗi mất cả chức vụ Ủy viên Ban biên tập, sau vụ Lôi Chấn đã nhận lời mời của Quốc dân đảng và trở thành chủ bút của tờ Thời đại mới của Quốc dân đảng.

Cũng có một số trí thức tiếp tục kiên trì lập trường phản đối tập quyền, phản đối chuyên chế. Vì không thể bàn luận chính trị trực tiếp, họ đã chuyển ngòi bút sang lĩnh vực học thuật văn hóa, cổ vũ "Âu hóa toàn diện" để tuyên truyền hướng theo chế độ dân chủ phương Tây, lấy việc phủ định triệt để văn hóa truyền thống Trung Quốc để biểu đạt quyết tâm đoạn tuyệt với chính quyền chuyên chế và sự bất mãn với hoàn cảnh xã hội đen tối. Đại biểu nổi bật của nhóm người này là Ân Hải Quang và Lý Ngạo.

Ân Hải Quang đã từng nhiệt tình ủng hộ Quốc dân đảng khi ở Đại Lục. Từ năm 1947 – 1948, ông ta từng là Chủ bút tờ Nhật báo Trung ương của Quốc dân đảng. Sau khi ra Đài Loan, ông chủ yếu viết bài và có chân trong Ban biên tập tờ Trung Quốc tự do. Ông viết rất nhiều, lập luận cũng rất sắc bén. Dòng nước đại giang không ngăn nổi chính là bài viết của ông. Trong những năm 1950 ông được coi là trụ cột của tờ Trung Quốc tự do. Sau vụ án Lôi Chấn, ông bị buộc không được viết văn chính luận, cam phận làm Giáo sư Khoa Triết tại Đại học Đài Loan, vùi đầu vào nghiên cứu học thuật và giảng dạy. Sau này khi Hồ Thích chết, Ân Hải Quang được gọi là "lãnh tụ tinh thần" của chủ nghĩa tự do Đài Loan.

Lý Ngạo đã từng học ở Khoa Luật và Khoa Sử, Đại học Đài Loan. Tuy chưa từng học qua Khoa triết, nhưng đã được nghe bài giảng của Ân Hải Quang, do đó cũng tự nhận mình là "đệ tử của Ân". Tháng 11 năm 1961, Lý Ngạo có bài đề là Người già và cái gậy đăng trên tạp chí Văn tinh, nêu lên một cách sâu sắc về người già có thực tâm giao gậy cho thanh niên không, có biết cách giao gậy không, hay vẫn chỉ là vấn đề đánh cho thanh niên một gậy. Ông ta đã chế giễu "lão già ngoan cố, suy đồi lạc hậu" lớn tiến hô hào thanh niên lao nhanh về phía trước và đã hô to khẩu hiệu: "Các cụ ơi, đừng có ngáng chân, tránh ra đi."

Bài báo này vừa phát ra, lập tức gây nên tiếng vang mạnh mẽ trong xã hội. Tờ Văn tinh chẳng có gì nổi bật bỗng nhiên trở thành đơn vị ngôn luận được mọi người chú ý đến. Dẫn câu của Ân Hải Quang nói: "Người già và cái gậy của Lý Ngạo đã gây nên sự bất an của một thế hệ trí thức rộng rãi, cũng gây nên tiếng nói chung của một thế hệ trí thức sau này." Do đó, ông coi Lý Ngạo là người đầu tiên thảo luận vấn đề "dòng đời khẩn trương và xung đột" một cách chân thực và khá sâu sắc ở Đài Loan.

Tháng 1 năm 1962, tờ Văn tinh đăng bài Hồ Thích, người gieo hạt giống do Lý Ngạo viết. Ngày 24 tháng 2, Hồ Thích chết, ngày hôm đó Lý Ngạo vừa viết xong bài Tính sổ cho Hồ Thích, người gieo hạt giống, tiếp đó lại viết bài Hồ Thích đã đi vào địa ngục, hai bài cùng đăng trên tờ Văn tinh ngày 1 tháng 3. Trong các bài báo này, Lý Ngạo đều tán thành Hồ Thích chủ trương "Âu hóa toàn diện" thậm chí còn gọi là "lãnh tụ vĩ đại của giới tư tưởng", nhưng lại chỉ ra Hồ Thích đi chưa xa, ông ta chỉ là một người phái hữu tự do, một người "tự do bảo thủ". Ông ta tuy chủ trương "Âu hóa toàn diện" nhưng tự mình ngược lại dùng thời gian và sức lực vào việc nghiên cứu quốc học, đây là "học thuật lái xe lùi" là "nhầm lẫn lớn của ông". Do đó, Lý Ngạo đề ra phải "vượt qua Hồ Thích" phải "phát huy sự tiến bộ của chúng ta", "vứt bỏ sự thờ ơ của chúng ta".

Ngoài việc bình luận Hồ Thích ra, Lý Ngạo trước sau đã viết một loạt bài văn và trước tác đề là Khám bệnh cho những người bàn về văn hóa Trung Quốc và phương Tây, Tôi phải tiếp tục khám bệnh cho người, Một đáp án của xu hướng tư tưởng Trung Quốc, Tâm sự với truyền thống... Cao giọng ca "Âu hóa toàn diện" tới mức không thể cao hơn được nữa. Ông ta cho rằng tính bảo thủ hẹp hòi của văn hóa Trung Quốc khiến cho người Trung Quốc dễ mắc 11 bệnh.

Quan niệm giá trị của tất cả truyền thống Trung Quốc, "bất luận là tốt hay xấu, tất cả đều làm han rỉ những sợi dây sinh ra đã tốt đẹp, tất cả đều không thể phát huy tác dụng phối hợp những bánh răng mới". Do đó, phải "cắt rốn ngay truyền thống", "hoặc trực tiếp học cho hết, học thật giống", "ngoài việc học tập phương Tây ra, tất cả cái khác đều không thực tế". Trong các bài báo này, Lý Ngạo điểm danh hơn 40 nhân sĩ có tiếng trong giới chính trị và học thuật. Rất nhiều quan chức cao cấp của Quốc dân đảng cũng trở thành đối tượng phê phán đả kích của ông.

Những người bị đả kích đương nhiên không thua. Sau khi Lý Ngạo có bài đề Khám bệnh cho những người bàn về văn hóa Trung Quốc và văn hóa phương Tây đăng ở kỳ 52 tờ Văn tinh xuất bản tháng 2 năm 1962. Hồ Thu Nguyên đã có bài phản báo lại dài tới hơn 60 nghìn chữ cũng đăng tiếp luôn tại kỳ 53 tờ Văn tinh. Sau đó, Từ Phúc Quan, Trịnh Học Giá, Nhiệm Trác Tuyên, Đường Quân Nghị, Từ Cao Nguyễn... cũng có bài viết tham chiến, liên tiếp có bài Bình luận chính trị, Bình luận dân chủ, Bình luận thế giới phê phán Lý Ngạo về cả "Ba mặt bình luận".

Cuộc đấu "Tranh luận vấn đề văn hóa Trung Quốc và phương Tây" chấn động giới văn hóa Đài Loan này không bao lâu trở thành công kích lẫn nhau. Lý Ngạo chỉ trích Hồ Thu Nguyên và một số người: "20 năm qua luôn diễn ra trong bịt mắt, thực là một lũ người điên khoác lác, là ung nhọt di hại cho thanh niên". Hồ Thu Nguyên chửi lại Lý Ngạo là "Tiểu quân phiệt, người thiếu văn hóa, bộ xương khô". Ân Hải Quang cho rằng Hồ và một số người là "kẻ cầm bút giết người", là "coi một thế hệ người sau, hơi không hợp khẩu vị của mình là tội phạm". Từ Phúc Quan thì nói Ân Hải Quang là "ác ôn văn hóa, đầy tớ độc ác của người phương Tây". Từ Cao Nguyễn thì nắm được những yếu điểm trong sáng tác học thuật của Ân Hải Quang đã chỉ trích ông ta là "trí thức dởm".

Kết quả đả kích là đội cho nhau "cái mũ đỏ" trên các ấn phẩm của hai bên. Lý Ngạo chửi Hồ Thu Nguyên là "chính khách thân Liên Xô", chửi Nhiệm Trác Tuyên, Trịnh Học Giá... trước sau chưa bỏ hết những "khoái cảm trước đây" của những năm là Đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc. Hồ Trung Nguyên chửi Lý Ngạo là "tên bảo hoàng văn hóa, con cháu thổ phỉ, con cháu Hán gian". Khi nắm được sự việc thầy giáo trung học của Lý Ngạo là Đảng viên Cộng sản, liền gán cho Lý Ngạo là "gián điệp". Cuối cùng Hồ Thu Nguyên kiện Lý Ngạo trước tòa án về tội xuyên tạc, phỉ báng, khiến cho cuộc luận chiến học thuật về vấn đề văn hóa này biến thành cuộc kiện tụng kéo dài trong nhiều năm.

Đứng trên lập trường của người thứ ba bình luận về cuộc luận chiến này, Lý Ngạo và một số người sở dĩ ủng hộ cho việc "Âu hóa toàn diện", một là bất mãn với những thế lực chuyên chế tự cho mình là ủng hộ truyền thống cũ; hai là, đã quá say mê nền tự do dân chủ phương Tây; ba là, nhìn thấy một cách xác thực những thói hư tật xấu trong tính cách của người dân Trung Quốc do mặt tiêu cực của văn hóa truyền thống sinh ra. Về mặt chính trị, tính khuynh hướng của họ có chỗ đúng đắn về mặt học thuật, tuy họ chỉ ra những hạn chế trong tính cách người dân Trung Quốc, làm người ta không hài lòng. Nhưng về tổng thể, quan điểm của họ lộ ra đậm nét mùi vị của chủ nghĩa hư vô dân tộc. Về phương pháp lập luận cũng quá khinh suất võ đoán, khí mạnh hơn lý, không kín kẽ, dễ khiến người ta tóm được đuôi.

Hồ Thu Nguyên, Từ Phúc Quan và một số người đứng trên lập trường của chủ nghĩa dân tộc để phê phán về mặt học thuật đối với Ân Hải Quang, Lý Ngạo rõ ràng có lý lẽ nhất. Như Từ Phúc Quang nêu ra phải có thái độ thận trọng, yêu mến đối với nền văn hóa lịch sử của mình; đồng thời cũng phải có thái độ thận trọng, yêu mến đối với tất cả nền văn hóa, có đức tính này mới được nói đến dân chủ tự do và dân chủ tự do mà họ nói mới có nội dung. Còn Lý Ngạo và một số người (chỉ cho mình là đúng), đánh đổ tất cả những người không đồng ý với quan điểm của họ, "điều này bản thân nó thể hiện thái độ không dân chủ".

Nhưng về mặt chính trị, bất kể nguyện vọng chủ quan của Hồ Thu Nguyên và một số người như thế nào, quan điểm của họ về mặt khách quan phù hợp với tính bảo thủ vủa chính quyền Quốc dân đảng. Thực ra Hồ Thu Nguyên, Nhiệm Trắc Tuyên và một số người vốn thuộc giới quan lại, do đó, việc phê phán của họ đối với Ân, Lý... sẽ khó tránh khỏi ấn tượng bao vây văn hóa của phía quan lại. Đây có lẽ cũng là một nhân tố kích thích lớn khiến cho Lý Ngạo và một số người, ngôn luận ngày càng có xu hướng kích động thêm.

Chính vì về mặt khách quan, quan điểm của Hồ Thu Nguyên và một số người phù hợp với tính bảo thủ của chính quyền Đài Loan, còn quan điểm của của Ân Hải Quang, Lý Ngạo và một số người về mặt khách quan đụng chạm đến đạo đức truyền thống của Quốc dân đảng, do đó chính quyền Đài Loan trước sau giữ lập trường ủng hộ Hồ, áp chế Ân, Lý. Đối với Ân Hải Quang

họ dùng chiến thuật "vây kín bốn mặt", xóa bỏ chức danh Giáo sư đại học của ông ta. "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" cử người mang công văn của "Bộ Giáo dục" đưa đến tận tay Ân, mời ông đến ngay văn phòng Bộ, trên thực tế là không cho ông lên bục giảng. Ở hội thảo có học giả nước ngoài tham gia, Ân cầm giấy mời đến cửa, liền bị đặc vụ chặn lại không cho vào. Qua nhiều năm tâm huyết, ông ta viết một quyển sách lấy tên là Triển vọng của văn hóa Trung Quốc mới xuất bản, liền bị chính quyền cho là "gây rối loạn, làm ảnh hưởng đến sỹ khí dân tâm" thế là lục soát và thu hồi. Một trường đại học ở Mỹ muốn mời Ân giảng dạy nhưng chính quyền Đài Loan không cho phép xuất cảnh. Trong hoàn cảnh bị bịt mồm, bịt tai, cấm viết, giữ chân này, sức khỏe của Ân Hải Quang sa sút nhanh chóng, dẫn đến bệnh dạ dày.

Từ năm 1963 đến năm 1966, tất cả 15 quyển sách của Lý Ngạo viết đều bị cấm. Hành động dùng bạo lực áp chế học thuật này đã gây nên sự bất mãn của Lý Ngạo đối với chính quyền, khiến ông ta chuyển ngòi bút từ lĩnh vực học thuật văn hóa sang lĩnh vực chính trị vốn trước đây ông luôn né tránh.

Ngày 1 tháng 12 năm 1965, bài xã luận lấy đề là Sự biểu thị nghiêm chỉnh của chúng tôi đối với những hạn chế của Đảng và pháp luật nhà nước đăng ở kỳ 98 báo Văn tinh. Bài báo này bình luận về việc Tạ Nhiên Chi, Chủ nhiệm Tổ 4 Đảng bộ Trung ương phụ trách tuyên truyền của Quốc dân đảng gửi thư cho tờ Chinh tín tân văn báo, yêu cầu điều tra Lưu Nham, phóng viên của tờ báo này. Bài xã luận viết Tạ Nhiên Chi đã "vu khống" thanh niên yêu nước, hòng lấy tay che tai mắt thiên hạ, hãm hại người trung thực và yêu cầu Tạ phải từ chức. Bài báo này còn tố cáo những người ngồi trong Đảng bộ Trung ương và Đảng bộ các cấp quản lý trực tiếp các sự việc ở bên ngoài… cả ngày chỉ làm những việc hạch sách nhân dân như gọi điện thoại khiến cho bà con không biết đằng nào mà lần, hiểu sai mọi người, lẽ nào lại có thể như vậy được?

Bài báo còn yêu cầu, dưới thể chế chính quyền lập hiến, "Quốc dân đảng chẳng những phải rút khỏi Bộ Tư pháp, rút khỏi quân đội, mà còn phải chú ý những làn sóng và tập tính kiểu huấn chính về chính trị để lại." Ngày 25 tháng 12, tờ Bình luận chính trị có bài xã luận do Nhiệm Trác Tuyên – người đối đầu của Lý Ngạo Chủ biên, chửi tờ Văn tinh đã đi con đường của tờ Trung Quốc tự do, "chủ trương chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do, phản đối chủ nghĩa dân tộc"; "Không tính chuyện đúng sai, lấy phản đối và phá hoại là chính, chuyên đả kích ác ý, hoàn toàn bịa đặt vu vạ kích động nhân dân chống Đảng". Sau khi chụp xong đống mũ này, lại chỉ trích tờ Văn tinh là đã vu khống Tạ Nhiên Chi và là kẻ vu vạ, sỉ nhục, phỉ báng, tội xúc phạm rất rõ ràng.

Ngày 28 tháng 12, "Phòng Thông tin chính quyền thành phố Đài Bắc" ra thông báo, đình bản tờ Văn tinh một năm, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1966, với lý do "vi phạm quy chế phát hành". Đồng thời, phía Cảnh vệ thông báo cho Ban biên tập tờ Văn tinh cấm phát hành hai kỳ số tháng 4 và số tháng 12. (Số tháng 4 bị cấm vì đăng bài Tứ thư không giúp gì cho việc cứu vãn tình hình xã hội ngày nay.)

Trên thực tế, các bài báo của Lý Ngạo đăng trên tờ Văn tinh tuy đề cập nhiều đến những vấn đề về mặt tư pháp, nhân quyền, giáo dục, chính đảng... nhưng về mặt tỷ lệ chỉ chiếm địa vị thứ yếu. Tờ Văn tinh chủ yếu quan tâm đến những vấn đề của giới văn hóa học thuật, đối tượng luận chiến mà Lý Ngạo tham gia cũng không thoát khỏi phạm vi của giới văn hóa học thuật. Bất luận nhìn từ góc độ nào, tờ Văn tinhđều chỉ là ấn phẩm văn nghệ mang tính tổng hợp và không phải là ấn phẩm mang tính chính luận kiểu tờ Trung Quốc tự do. Tuy vậy, nó vẫn không thoát khỏi mạng lưới của Quốc dân đảng, cuối cùng cũng bị đình bản.

Sau khi tờ Văn tinh bị cấm, Lý Ngạo không còn nơi đăng các tác phẩm của mình nên phải bán đồ điện cũ để duy trì cuộc sống; cũng giống như Ân Hải Quang, người thầy của ông, phải sống trong buồn rầu khổ sở. Năm 1967, "Quan thanh tra người đứng đầu Tòa án Tối cao Đài Loan" ra lệnh khởi tố Lý Ngạo về "tội làm hại công vụ", tuy không phạt tù nhưng bị giam lỏng. Trong những năm này, Quốc dân đảng không ngừng tăng cường bộ máy thống trị của họ. Tháng 1 năm 1965, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" tuyên bố: Từ 20 tháng 1 đến 20 tháng 2 sẽ tiến hành diễn tập

“Phòng vệ mùa đông” một tháng. Thời gian này cấm các hoạt động tụ họp phi pháp, lập hội, diễu hành, thỉnh nguyện... thực hiện phong tỏa hải cảng Cơ Long, Cao Hùng và khu vực tả doanh... ngừng hoạt động kinh doanh ở các hiệu buôn, tiệm nhảy, rạp hát công cộng vào ban đêm.

Ngày 8 tháng 6, “Bộ Tư lệnh Cảnh vệ” lại đột nhiên tiến hành kiểm tra an ninh toàn tỉnh, bắt giữ hơn 16 nghìn người, trong đó đa số là người vi phạm “pháp luật và hộ tịch” hoặc không mang theo chứng minh thư; cũng có một số người khác thuộc loại lưu manh, cờ bạc. Ngày 29 tháng 6, “Bộ Tư lệnh Cảnh vệ” huy động hơn 400 người thực hiện “diễn tập trấn áp bạo động” ở thành phố Đài Bắc.

Ngày 15 tháng 7, mở rộng biên chế “Đại đội cảnh sát hình sự Đài Loan”. Không lâu sau lại thiết lập phổ biến ở các nơi Trung tâm liên hệ hộ dân và cảnh sát để tăng cường giám sát dân chúng.

Tháng 1 năm 1966, “Viện Hành chính” Đài Loan công bố Pháp lệnh bảo mật, phòng gián, quy định viên chức các cơ quan, nhân viên cơ sở, viên chức các trường học, công nhân viên chức nhà máy, hầm mỏ, tập đoàn tài chính... đều phải có hai người trở lên đứng tên bảo lãnh.

Ngày 15 tháng 1, “Bộ Tư lệnh Cảnh vệ” lại thực hiện “Phòng vệ mùa đông” lần nữa, tất cả Quân cảnh không được nghỉ phép, trong thời gian một tháng, nghiêm cấm tụ họp phi pháp, lập hội biểu tình thị uy, loan tin thất thiệt, phá rối làm loạn, đồng thời yêu cầu dân chúng “chú ý những người và việc làm khả nghi”.

Những biện pháp ở trên phần nhiều lấy chiêu bài “chống Cộng phòng gián điệp”, kỳ thực đều là vì bảo an nội bộ. Bởi giai đoạn 1965-1966 là thời kỳ Đại Lục chuẩn bị bắt đầu làm “Cách mạng văn hóa”, cơ bản không có điều kiện uy hiếp Đài Loan.

Tháng 4 năm 1966, Lý Vạn Cư qua đời vì bệnh hiểm nghèo. Cái chết của ông ta khiến cho thế lực địa phương Đài Loan mất đi một nhân vật hàng đầu. Lúc này, Cao Ngọc Thụ, người cùng Lôi Chấn và Lý Vạn Cư thành lập đảng mới đã trở lại hoạt động. Năm 1964, ông trúng cử làm Thị trưởng Đài Bắc. Ông ta vừa nhận việc đã bị Quốc dân đảng dùng thủ đoạn vừa mềm vừa cứng lừa ông phạm tội. Đầu tiên dùng các thủ đoạn ly gián, khiến những phần tử cốt cán cổ động cho Cao trong cuộc tranh cử dần xa lánh ông. Tiếp đến năm 1966, Dương Ngọc Thành, em ruột của Cao bị kết án tù tám năm. Dương Ngọc Thành là người kế tục được Cao Ngọc Thụ chú ý bồi dưỡng, đã qua hai khóa “nghị sỹ” thành phố Đài Bắc và một khóa “Nghị sỹ tỉnh”, do tham ô bị Quốc dân đảng bắt bỏ tù. Việc này liên lụy đến Cao Ngọc Thụ, khiến ông nhanh chóng mất hết uy tín.

Tháng 7 năm 1967, thành phố Đài Bắc chính thức trực thuộc “Viện Hành chính”, chức Thị trưởng từ do nhân dân bầu thành do trên chỉ định. Cao Ngọc Thụ cho rằng lần này chắc sẽ mất chức, ai ngờ Tưởng Giới Thạch là con người lắm mưu nhiều kế lại cử ông làm Thị trưởng Đài Bắc trực thuộc khóa đầu tiên. Cao rất cảm kích còn quyết tâm gia nhập Quốc dân đảng để đền đáp, sau đó do trở ngại mà chưa vào Đảng. Nhưng ông ta từ đó giữ thái độ hợp tác với chính quyền. Những năm 1970, ông ta tham gia “Nội các” làm “Bộ trưởng Bộ Giao thông” và giữ chức “Ủy viên chính trị”...

Năm 1968 nhà văn nổi tiếng Bá Dương bị bắt vào tù. Bá Dương tên thật là Quách Y Đông, những năm 1950 đã cho xuất bản tập tiểu thuyết Làm đổ bát chữ in. Từ năm 1960 trở đi ông viết chuyên mục “Nhàn thoại mộng mơ”của tờ Tự lập buổi chiều, coi như “bắt đầu viết tạp văn”. Từ năm 1955 đến 1968, trước sau ông đã cho xuất bản chín quyển tiểu thuyết và 21 tập tạp văn. Nội dung tạp văn của ông rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực nhân sinh, văn hóa, chính trị, văn học, giáo dục, lịch sử, xã hội, tôn giáo, gia đình, tình yêu... Đối với mặt tối của xã hội Trung Quốc, những hạn chế trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, những nhược điểm của tính quốc dân Trung Quốc, Bá Dương đã từng bình luận khá sâu sắc, thậm chí có chỗ còn quá khích. Ngòi bút của ông tất nhiên khó tránh khỏi đả thương nền chuyên chế bảo thủ của Quốc dân đảng. Ngày 3 tháng 1 năm 1968, Bá Dương đã đăng một truyện tranh khôi hài dịch từ báo

Mỹ trên tờ Nhật báo Trung Hoa Đài Loan. Tranh vẽ hai cha con trên một hòn đảo nhỏ và cả hai đều tranh cử Tổng thống. Người cha đứng với tư thế diễn thuyết, nói to: "Thưa đồng bào toàn quốc…". Điều này đã phạm vào cấm địa của Quốc dân đảng. Ngày 4 tháng 3, "Bộ Tư lệnh Cảnh vệ" đã bắt Bá Dương về "tội nói xấu nguyên thủ" giao cho bên Quân pháp xét xử. Trong thời gian xét xử, tội danh của Bá Dương được nâng lên là "dùng kỹ xảo văn học để moi móc những điều xấu xa, kém cỏi của Chính phủ", "phổ biến công tác mặt trận văn hóa của đối phương". Dựa vào "Điều luật về tội xúc phạm, làm loạn" phải xử tử hình. Sau được sửa lại cho thụ án mười năm tù giam. Bá Dương ngồi tù tất cả chín năm 26 ngày, bị đánh gãy một chân trong tù. Vợ ông là Nghê Minh Hoa bị buộc thôi việc một cách vô lý, buộc phải bỏ ông, mang con gái đi tìm kế sinh nhai.

Ngày 16 tháng 9 năm 1969, Ân Hải Quang chết vì ung thư dạ dày. Trong giai đoạn cuối đời, ông đã uốn nắn lại tư tưởng của mình, phê phán nền văn minh phương Tây, đồng thời đã khẳng định một phần giá trị tồn tại của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Như ông đã từng chỉ ra: "Sở dĩ tôi thích thú nhân sinh quan của Trung Quốc cổ điển và có giá trị cơ bản của chúng vì chúng xử lý tương đối thỏa đáng nhiều vấn đề nhân sinh và tâm linh." Ông còn nói: "Phê bình phạm vi giá trị đạo đức cũ là có thể. Nhưng phê bình những điều này không có nghĩa là không cần tất cả, không cần tất cả sẽ quy về cái không đâu có, cái hoàn toàn không đâu sẽ là sống phiêu lãng." Trong một bài chính luận, ông còn nêu ra: "Tôi hy vọng những người trí thức chúng ta hãy mở rộng tâm não, mở rộng tầm nhìn tin vào tương lai của nền văn hóa Trung quốc. Chúng ta đều là những người lưu lạc tứ phương, thái độ nên có của chúng ta là tôn trọng nhau, khát vọng của chúng ta là quan tâm đến nhau. Chúng ta cần sự giúp đỡ của mọi người. Thời gian rất phũ phàng, sao lại để sinh mệnh lao vào vòng đố kỵ, sao lại không để tâm sức và tinh thần vào việc làm có ích. Tôi hy vọng các bạn có trách nhiệm với văn hóa Trung Quốc, tất cả cùng nắm chắc những bàn tay ấm áp, cùng nhau làm những công việc nghiêm túc, sáng tạo cho nền văn hóa Trung Quốc".

Ngày 19 tháng 3 năm 1971, Cảnh vệ Đài Loan lấy lý do Lý Ngạo tham gia vụ phản loạn của nhóm "Đài độc" Bành Minh Mẫn, bắt ông. Đến tháng 2 năm sau xử án mười năm tù giam. Thực ra, Lý Ngạo đã ngồi tù năm năm tám tháng, đến tháng 11 năm 1976 được tạm tha. Sau đó lại bị bắt xử tù mấy lần nữa.

Bá Dương, Lý Ngạo nối nhau vào tù và cái chết của Ân Hải Quang đánh dấu sự kết thúc cuộc đấu tranh của các nhà trí thức phái tự do chống Quốc dân đảng trong những năm 1960. Hình thức chủ yếu của cuộc đấu tranh này, phía Quốc dân đảng dùng sự thống trị áp chế mạnh mẽ còn phái tự do châm chọc đánh lẻ. Trong khi Quốc dân đảng quyết định "lấy sức đè người" và không "lấy lý phục người", kết cục bi thảm của phái tự do cũng đã quyết định rồi.

Trong "thời kỳ đóng băng chính trị này", các "phần tử tự do" ở hải ngoại có Trương Lệ Quân, Tả Thuấn Sinh làm đại biểu, vẫn kiên trì thái độ chống Cộng chửi Tưởng. Nhưng ách thống trị đàn áp mạnh của cha con Tưởng đã trở thành cố hữu, "phần tử tự do" trên đảo mất đi nội ứng, họ biết không làm gì được, chửi Tưởng chẳng qua chỉ có ý làm ra vẻ có lập trường thế thôi. Mỹ cũng biết họ đã lỗi thời, nên cũng không tài trợ cho họ làm báo nữa. Vì vậy, báo chí ở Hồng Kông, Áo Môn đóng cửa hàng loạt. Sau khi Hồ Thích chết, Tả Thuấn Sinh, Trương Lệ Quân nghiên cứu văn học Trung Quốc là chính, tích lực dồn vào việc viết sách và dạy học. Trong bi kịch của "Cách mạng văn hóa" ở Đại Lục, họ lấy tư thế của kẻ bảo vệ văn hóa Trung Quốc, công kích Đảng cộng sản rất nhiều, dần dần họ ngả hẳn về phía chính quyền Đài Loan. Tháng 8 năm 1966, Tử Thuấn Sinh trở về Đài Loan để "thống nhất" Đảng Thanh niên, trên thực tế là muốn chứng tỏ thái độ "quy phục" của họ. Tháng 2 năm 1969, Trương Quân Lệ ốm, chết ở Mỹ. Trước khi chết đã bày tỏ muốn ủng hộ sự lãnh đạo của Tưởng. Tháng 10 năm đó, Tả Thuấn Sinh, sau khi hoàn thành sứ mạng thống nhất Đảng Thanh niên trong đại hội XII, cũng qua đời vì bạo bệnh tại Đài Bắc. Cái chết của Tả và Trương đánh dấu sự kết thúc những hoạt động phê Tưởng của cái gọi là "Thế lực thứ ba" ở hải ngoại.

12. TĂNG CƯỜNG "GIA ĐÌNH TRỊ"

I. GIẢI THỂ PHÁI CC

Trong khi dùng sức mạnh trấn áp phái phản đối ngoài Đảng, cha con Tưởng Giới Thạch và Tưởng Kinh Quốc cũng tăng cường áp chế phe phái khác trong nội bộ Đảng. Đầu tiên, họ dùng thủ đoạn tổ chức ép buộc những phần tử Khai minh trong phái CC đóng vai "phái chống đối trung thành".

Tháng 7 năm 1958, khi nói chuyện ở Ủy ban Bình nghị Trung ương, Tưởng Giới Thạch đã quở trách: "Đảng viên của ta, nhất là các Đảng viên ở năm viện Trung ương đã phụ họa theo đuôi bọn theo chủ nghĩa tự do ngoài Đảng"; "nghênh ngang kiêu ngạo, cho việc chống đối Đảng là tự do, cho thoát ly Đảng là dân chủ". "Trực tiếp hoặc gián tiếp làm công cụ cho địch phá hoại cách mạng và chống lại chính quyền, tự cho mình là chiến sỹ đấu tranh cho dân chủ tự do." "Những 'nhân sỹ dân chủ' đó chỉ trích chúng ta không dân chủ, Đảng viên của Đảng cũng phụ họa theo đuôi họ, cho rằng mình chưa đủ dân chủ, rồi công kích thêm. Họ phê bình Đảng không tự do, Đảng viên của ta cũng muốn chứng tỏ mình độc lập tự do bằng những lời nói và hành động chống lại Đảng." "Thử hỏi hai ba năm nay, không một sự kiện chính trị nào làm chấn động xã hội, không một cuộc tranh đấu nào ảnh hưởng đến chính quyền lại không do Đảng viên ta gây ra đó sao. Một Đảng như thế không thể gọi là một chính Đảng cách mạng dân chủ được."

Vì thế, Trung ương Quốc dân đảng quyết định đăng ký lại Đảng viên. Phương án là vạch ra một "quy ước", muốn đăng ký phải tuyên thệ tuân thủ quy ước, tôn trọng tổ chức, phục tùng người đứng đầu Đảng. Sau khi đăng ký, Đảng viên được chia tổ lại chỉnh đốn kỷ luật. Mục đích đăng ký lại làm cho Đảng viên "chấp hành nghị quyết của Đảng không gây chia rẽ, hết lòng tin tưởng vào trung tâm lãnh đạo cách mạng". Cái gọi là "trung tâm lãnh đạo cách mạng, phục tùng mệnh lệnh của lãnh tụ cách mạng" chính là cá nhân Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch nói, phục tùng chủ nghĩa của họ; tổ chức của họ, cũng chính là phục tùng chính bản thân họ, chứ không phải là phục tùng cá nhân lãnh tụ của họ. Ông tuyên bố: "Đây là yêu cầu thấp nhất của Đảng đối với Đảng viên và là lời kêu gọi khẩn thiết nhất của tôi đối với đoàn thể đồng chí Đảng viên".

Đồng thời, Tưởng Giới Thạch khuyên nhủ toàn Đảng: "Hôm nay chúng ta ở Đài Loan, thực đã tới bước đường cùng, nếu lùi thêm một bước, chỉ là nhảy xuống biển, không thể quay lại được… Vì thế, mọi người cần phải, không phân chia phe này phái nọ, không tính ân oán, cùng nhau cổ vũ, khuyên nhủ, đối đãi chân thành cởi mở với nhau, cùng nhau nhẫn nhịn vì đất nước. Hay ít nhất cũng phải giúp nhau, tha thứ cho nhau, đồng tâm hiệp lực chống xâm lược nước ngoài. Còn như gây xung đột, chia rẽ, chỉ làm cho kẻ địch thích thú, thậm chí bị chúng lợi dụng, như vậy khiến cho cách mạng của Đảng ta cứ đi theo vết xe đổ, thất bại hết lần này đến lần khác."

Đăng ký lại lần này, hoàn toàn nhằm vào "Đại biểu Quốc hội" của phái CC và các "Ủy viên Lập pháp và Giám sát". Tưởng Giới Thạch nói rất rõ: "Tôi cũng biết có một số đồng chí Đại biểu Dân ý Trung ương cho rằng, ngày nay họ đã không còn hy vọng gì ở Đảng, càng không kiếm chác được gì. Cho nên là Đảng viên, họ chỉ gánh nặng mà chẳng có lợi ích, bởi thế hôm nay tôi không hề trách mọi người thoái chí hết hy vọng vào Đảng, cũng không trách mọi người mất lòng tin đối với chủ nghĩa… do đó tôi luôn nghiên cứu tìm cho họ lối thoát… cuối cùng đã tìm ra kết quả, đó là biện pháp để cho Đảng viên đăng ký lại. Ai bằng lòng với cách mạng chống Cộng hoặc mất lòng tin với Đảng và lãnh tụ, lần này, không đăng ký lại coi như ra khỏi Đảng, để họ được tự do."

Lúc này rất nhiều cán bộ cao cấp của Quốc dân đảng lo rằng số người không đăng ký lại quá nhiều, sẽ gây tác dụng phụ, nhất là cho ra khỏi Đảng trên 100 "Đại biểu Dân ý Trung ương" thuộc phái CC được hưởng chế độ suốt đời quả là một tổn thất không gì bù đắp được đối với Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch cũng nói: "Dự tính trong lần đăng ký này, số người không

muốn đăng ký, không chịu tham gia tổ Đảng, không phải là ít." Nhưng ông vẫn làm theo ý mình và khích lệ toàn Đảng bằng lời dạy của Tôn Trung Sơn: "Đảng viên cách mạng quý tinh bất quý đa", có thể xem như đã chuẩn bị tư tưởng. Đúng lúc đó, các "phần tử tự do" ngoài Đảng hô hào "thành lập đảng đối lập" và chuẩn bị thu hút "nhân sỹ tự do dân chủ" trong Quốc dân đảng tham gia. Quốc dân đảng không muốn bắt cá dưới vực, hơn nữa Kim Môn, Mã Tổ lúc này lại đang căng thẳng, thế là việc "đăng ký" tạm gác lại. Phái CC phải tiếp tục diễn vai phe chống đối trung thành.

Năm 1958, "Nội các" của Trần Thành đưa ra "phương án tăng giá điện", đề nghị "Viện Lập pháp" phê chuẩn tăng giá điện tiêu thụ của Đài Loan lên 54%. "Ủy viên Lập pháp" tiến bộ trong phái CC cho rằng việc tăng giá điện này là để đối phó với việc tăng thêm tiền vốn cho thiết bị điện, cần làm bằng con đường khai thác tài nguyên, chứ không thể đem gánh nặng này đổ lên người dân được. Vì thế, trong "Viện Lập pháp" đã xảy ra tranh luận hòng ngăn chặn việc thông qua "phương án tăng giá". Thực tế, tăng giá điện là nhằm kích thích công nghiệp bằng đòn bẩy kinh tế, làm cho công nghiệp Đài Loan phát triển thêm một bước, làm cơ sở cho nguồn năng lượng. Hành động này không phải là quá đáng. Sở dĩ các Ủy viên của phái CC gây sự với "phương án tăng giá" do:

Một là, việc tăng giá này sẽ dẫn tới tăng giá về mọi mặt, nói chung nhân dân khó chấp nhận. Là "Đại biểu Dân ý", họ muốn làm theo ý dân.

Hai là, trong cuộc tranh cãi về Đề án sửa đổi Luật Xuất bản. Gần đây phái CC buộc phải thay đổi lập trường, khiến mọi người dị nghị. Cho nên nhân dịp này định tô vẽ lại bộ mặt chính trị của mình. Kết quả là "Viện Hành chính" buộc phải đồng ý đưa giá điện định tăng từ 54% xuống 32%.

Năm 1960, "Nội các" của Trần Thành lại một lần nữa đề xuất "phương án tăng giá điện", đòi tăng 36%. "Ủy viên Lập pháp" của phái CC lại gây sự một lần nữa. Thái độ của Tưởng Giới Thạch hết sức kiên quyết đối với hành động lần này của phái CC. Tiếp thu ý kiến của Tưởng, Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng ra quyết nghị khai trừ Tề Thế Anh, "Ủy viên Lập pháp" phái CC, là kẻ đầu trò. Họ còn ra nghiêm lệnh yêu cầu mọi "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên phải thi hành quyết nghị Trung ương. Dù ý kiến cá nhân ra sao, khi biểu quyết phải bỏ phiếu tán thành. Vì thế "phương án tăng giá" được thông qua một cách bắt buộc.

Trước khi bị khai trừ vào tháng 3 năm 1959, khi "Viện Lập pháp" họp tổ chức lấy ý kiến, Tề Thế Anh đã đòi "cắt giảm quân bị", "mở đường cho dân nói", "nhanh chóng triệu tập Hội nghị chống Cộng cứu quốc", "nên bỏ Lệnh giới nghiêm, trước hết là ở khu vực không có chiến sự". Ông còn thuật lại những điều dân nói rằng Đài Loan có ngũ hại: Đảng bộ, đặc vụ, tư pháp, thuế vụ và cảnh sát. Sau khi bị khai trừ đảng tịch, Tề Thế Anh tham gia nhóm Lôi Chấn, trở thành một trong năm Ủy viên Thường vụ Trung ương của Đảng mới.

Những hành động này của Tề Thế Anh được một số thành viên trong phái CC ngầm đồng tình và ủng hộ. Lúc đó, nhóm Lôi Chấn tính toán thành phần Đảng viên sẽ gồm có phái Khai minh trong Quốc dân đảng, các trí thức ngoài Đảng, hai Đảng Dân chủ Xã hội, Thanh niên và các nhân vật đại biểu cho thế lực địa phương Đài Loan. Lôi Chấn, Tổng Bí thư Trung ương của Đảng mới, đại biểu cho giới trí thức ngoài Đảng. Các vị Lý Vạn Cư, Cao Ngọc Thụ đại biểu cho thế lực địa phương Đài Loan; Dương Kim Hổ đại biểu Đảng Dân chủ Xã hội; Dương Dục Từ đại biểu Đảng Thanh niên. Trong khi đó, Tề Thế Anh là đại biểu của Khai Minh trong Quốc dân đảng nên ý định này đương nhiên làm cho Tưởng Giới Thạch cảnh giác.

Vì thế, ngày 4 tháng 9 năm 1960, sau khi Quốc dân đảng ngang nhiên bắt Lôi Chấn, lập tức đến ngày 28 tháng 9 triệu tập Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII để tăng cường uốn nắn các "phần tử xấu" trong Đảng. Tưởng Giới Thạch trong báo cáo Công tác cơ bản và phương hướng phát triển của Đảng nói: "Cho đến hôm nay, Đảng ta đã có hiện tượng Đảng đức bại hoại, Đảng kỷ suy đồi, có thể nói là đã tới cực điểm… Đảng viên chúng ta vẫn tiếp tục công kích làm nhục Đảng, đồng

chí và Chính phủ không thương tiếc. Hình như ngày nào Đảng còn chưa đổ, họ còn chưa sung sướng. Những người này về tinh thần đã ra khỏi Đảng từ lâu, đã phản bội lại Đảng, nhưng vẫn còn muốn ở lại Đảng để phá rối cách mạng, phá hoại chủ nghĩa. Như thế chẳng khác gì kẻ địch lọt sâu vào mặt trận cách mạng của chúng ta, còn nguy hiểm hơn là công khai ra khỏi Đảng, công khai phản bội Đảng. Tưởng Giới Thạch yêu cầu toàn Đảng cùng nhau tấn công tiêu diệt một cách có hiệu quả đối với các phần tử này. Trung ương Đảng càng phải có tinh thần tráng sỹ chặt tay khi rắn cắn cổ tay, kiên quyết thi hành kỷ luật đối với những Đảng viên vô nguyên tắc. Khoan dung với họ, chẳng khác gì khuyến khích họ phạm kỷ luật, phá Đảng. Ngày nay muốn phục hưng từ cái thất bại, đẩy lên từ cái suy tàn, sống lại từ cái mục nát, không thể không bắt tay uốn nắn kỷ luật của Đảng."

Lúc đó, Tưởng Giới Thạch đã muốn khai trừ một loạt Đảng viên phái CC, nhưng sau khi tham khảo lời khuyên của bộ hạ và bản thân suy nghĩ nhiều, đã đổi thành phương án giải quyết nội bộ Đảng. Kết quả Trung ương 3 khóa VIII thông qua quyết nghị, đối với những người như Tào Đức Tuyên, "Ủy viên Giám sát" thuộc phái CC đã từng viết bài cho Trung Quốc tự do, Phí Huy Bình, Hồ Thu Nguyên thuộc phái CC đã từng bất bình với Đảng trong vụ Lôi Chấn, dám tranh kiện với Đảng, đều thi hành kỷ luật từ cảnh cáo đến khai trừ khỏi Đảng ba tháng hoặc một năm.

Đồng thời với việc "khua chiêng dọa hổ" này, Tưởng Giới Thạch còn lớn tiếng ca "điệu đoàn kết", "ban ơn" đối với một số người phái CC. Chẳng hạn, cho lão tướng của phái CC là Lục Kinh Sỹ làm Phó Thư ký Ủy ban Chính sách Đảng bộ Trung ương. Trong Đảng, Đoàn Quốc dân đảng ở "Viện Lập pháp" và "Quốc hội" cũng giữ lại đủ số ghế Ủy viên của phái CC. Để xoa dịu sự đối lập của họ, Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII đã thông qua Văn bản đẩy mạnh hợp tác đoàn kết với nhân sỹ yêu nước chống Cộng trong và ngoài nước, nhấn mạnh tăng cường đoàn kết trong Đảng để tăng cường đoàn kết với các nhân sỹ chống Cộng trong và ngoài nước. Để thu phục phái CC, Tưởng Giới Thạch đã nghĩ tới Trần Lập Phu đang lưu lạc ở Mỹ. Sau khi Trần Lập Phu rời Đài Loan, tạm dừng chân ở châu Âu rồi chuyển sang Mỹ, ở ẩn tại New Jersey, "ngậm miệng không bàn chính trị". Lúc Trần Quả Phu chết, Trần Lập Phu khóc một trận, nhưng không dám về Đài Loan dự lễ mai táng anh ruột. Sau khi "cải tạo", Đảng phong tặng Trần Lập Phu các hư hàm như "Cố vấn quốc sách", "Tư chính Phủ Tổng thống"; thời kỳ Đại hội khóa VIII, lại cử ông làm Ủy viên Bình nghị Trung ương, hàng tháng gửi cho ít tiền. "Nhưng cũng chỉ để ông ta đỡ chết đói mà thôi."Trải qua bước đường công danh chìm nổi, lòng dạ Trần Lập Phu cũng đã thay đổi. Khi Tưởng Quân Điển nói chuyện chính trị với ông, ông nói: "Đã thất bại rồi, còn nói làm gì nữa." Vợ Trần bảo: "Đừng cho là chúng tôi vất vả, tôi thấy đây mới là cuộc sống. Trước kia ở Nam Kinh làm gì có cuộc sống của con người?" Sau năm 1958, Tưởng Giới Thạch đã mấy lần nhờ người nhắn, để Trần Lập Phu trở về Đài Loan, đều bị Trần thoái thác chối từ. Đầu năm 1961, vì bố của Trần bệnh nặng, Trần Lập Phu mới phải về Đài Loan. Lúc đó, lại xảy ra một trận xung đột giữa phái CC và phái Chính thống vì Tưởng Giới Thạch tăng cường khống chế "Viện Lập pháp". Ông cho Hoàng Quốc Thủ và Nghê Văn Á, thân tín của Tưởng Kinh Quốc, nhậm chức "Viện trưởng và Phó Viện trưởng Lập pháp".

Trương Đạo Phiên là một trong số rất ít nhân vật quan trọng của phái CC vẫn giữ được địa vị "Thường vụ Trung ương" của mình sau "cải tạo". Thực tế, ông cũng đã thay đổi lập trường nhưng vì mối quan hệ lịch sử và cũng không nỡ để cho phái này bị ép nên không thể hoàn toàn đứng về phía cha con Tưởng để áp chế phái CC. Vì thế, thân làm "Viện trưởng Lập pháp" trong chín năm, nhưng cũng đã bao lần để xảy ra sóng gió trong "Viện Lập pháp". Cha con Tưởng cho rằng Trương Đạo Phiên không thể điều khiển được "Viện Lập pháp" để phối hợp với quyết sách của Đảng; còn các "Ủy viên Lập pháp" khai minh trong phái CC lại cho rằng Trương Đạo Phiên quá khuất phục áp lực của trên. Trương Đạo Phiên bị hai bên chửi, nhiều lần muốn vứt bỏ không làm nữa, đã 14 lần từ chức. Nhưng Tưởng xét thấy chỉ có Trương là còn có chút ảnh hưởng đến các "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái CC nên vẫn không đồng ý. Cho tới tháng 2 năm 1961, Tưởng Giới Thạch kiên quyết dẹp phái CC, mới cho Trương Đạo Phiên từ chức. Trương Đạo Phiên rời vũ đài, rõ ràng là phái CC đã thất bại lớn. Từ đó, phái CC không thể bén bảng đến được chiếc ghế "Viện trưởng Lập pháp nữa". Các "Ủy viên Lập pháp" của phái CC biết vậy nhưng không cam chịu, bèn tập trung sức giành lại chiếc ghế "Viện trưởng, Viện phó Lập

pháp". Người được Trung ương Quốc dân đảng đề cử làm Phó Viện trưởng vốn là Nghê Văn Á. Còn phái CC liên kết với "Ủy viên Lập pháp" của hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên đưa Đặng Trường Vũ ra tranh cử với Nghê Văn Á. Tưởng Giới Thạch hầm hầm tức giận, lại một lần nữa thắt chặt phái CC bằng kỷ luật Đảng, ra lệnh cho họ phải bỏ phiếu tán thành Nghê Văn Á. Ngày 28 tháng 2, với sự bảo hộ của Trung ương Quốc dân đảng, Hoàng Quốc Thủ, Nghê Văn Á được cử làm "Viện trưởng, Phó Viện trưởng Lập pháp".

Bốn ngày trước đó, tức là ngày 24 tháng 2, Trần Lập Phu trở về Đài Loan. Trong thời gian ông ở Đài Loan, Tưởng Giới Thạch tìm ông nói chuyện ba lần, Tưởng Kinh Quốc lại đích thân đưa ông đi tế lễ Trần Quả Phu và nhiều lần thăm Trần Kỳ Nghiệp, bố của Trần Lập Phu. Sau khi Trần Kỳ Nghiệp chết, vợ chồng Tưởng Giới Thạch thân chinh đến phúng viếng. Tưởng Kinh Quốc phái hơn hai nghìn nhân viên quan trọng của Quốc dân đảng đến tham gia lễ mai táng. Báo Chinh tín tân văn ở Đài Loan cũng có xã luận, ca ngợi Trần Lập Phu là "một nhà nho tư tưởng, có trách nhiệm và có kỷ luật", khuyên Trần "không nên để tâm đến những việc mười mấy năm qua đã mờ nhạt từ lâu rồi, đứng ra báo đền Tổ quốc". Nhưng Trần Lập Phu thấy mâu thuẫn giữa phái CC và phái Chính thống chưa được giải quyết. Nếu ông ta giúp phái Chính thống khuất phục phái CC, chẳng khác nào đào chân tường nhà mình; còn nếu giúp phái CC, cha con Tưởng sẽ không tha cho ông, cho nên chỉ có thể nói không bàn chính trị, mặc kệ đôi bên. Lúc đó có người khuyên Trần Lập Phu nên ở lại Đài Loan. Trần trả lời: Ngày xưa có câu nói "động thì phải tội", bây giờ tôi "không động cũng phải tội". Tang lễ xong, ông bay về Mỹ, tính ra lần về Đài Loan này chỉ có 42 ngày.

Tháng 11 Quốc dân đảng triệu tập Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII. Trong hội nghị này, Tưởng Giới Thạch báo cáo "Quán triệt sứ mạng thời đại và nhiệm vụ cách mạng của Đảng ta", đồng thời phê bình về tình trạng tổ chức và kỷ luật của Quốc dân đảng.

Về tổ Đảng, Tưởng Giới Thạch nêu: "Hiện nay các tổ đảng đều biểu lộ trạng thái lỏng lẻo, tinh thần bạc nhược, các buổi tổ chức họp chỉ cho có, hầu như rất ít tác dụng, nghĩa là nội dung đưa ra rỗng tuếch chỉ là để cho có chuyện để nói, điều này chứng tỏ là lãnh đạo yếu kém, bất lực, quan liêu."

Về Đảng kỷ, Đảng đức, Tưởng Giới Thạch nhắc lại: "Hiện nay kỷ luật Đảng lỏng lẻo, đạo đức Đảng bại hoại, đã tới cực điểm, nhiều Đảng viên đã không ngó ngàng tới lợi ích của cách mạng, không gánh trách nhiệm của một người Đảng viên, mà thậm chí còn chống phá Đảng, lấy việc chửi lại Đảng là vẻ vang, lấy vu cáo Đảng làm tự hào, coi kẻ thù là bạn. Những người này chỉ là thiểu số, nhưng nhiều Đảng viên cũng không dám lên tiếng bảo vệ chính nghĩa của Đảng, không phân biệt đúng sai. Không có khí tiết, không giữ kỷ luật". Về phong cách chính trị, Tưởng Giới Thạch trách móc Đại biểu Dân ý thuộc phái CC "có chức vụ đã lợi dụng đặc quyền, vô ý thức, vô kỷ luật, đặc biệt cố tình chỉ trích và làm nhục những đồng chí phụ trách công việc nội chính". Ông chửi thậm tệ một số người đã chỉ trích Đảng bộ, đặc vụ, tư pháp, thuế vụ, cảnh sát là "ngũ hại" là lệch lạc, phá hoại thanh danh của Chính phủ, gào rống ầm ĩ để làm hại sự ổn định chính trị".

Tưởng Giới Thạch còn nhấn mạnh việc "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái CC thắc mắc Nghê Văn Á nhậm chức "Phó Viện trưởng Lập pháp", ông nói: "Khi bầu Phó viện trưởng Lập pháp lần này, một số phần tử chống Đảng đã ngang nhiên làm trái với quyết định của Trung ương, câu kết với thế lực ngoài Đảng, hợp sức chống lại Đảng, như thế còn có thể coi là một Đảng viên không? Như thế còn có thể coi là cán bộ cách mạng không? Nhưng Ủy ban kỷ luật Trung ương cũng không nhìn thấu suốt, không đề xuất kiểm điểm với Trung ương và đại hội, tính đảng của các anh ở chỗ nào? Mà kỷ luật, đạo đức đảng ở đâu rồi nhỉ? Đối với công tác đăng ký lại Đảng viên, chúng ta còn có thể dây dưa đến bao giờ?"

Tưởng Giới Thạch nhiều lần lên giọng nghiêm khắc răn đe, nhắc nhở, nhưng việc đăng ký vẫn chậm, sau một năm mới chính thức được bắt đầu. Trong một năm này Ban tổ chức Quốc dân đảng đưa ra các phương thức, cố gắng làm dịu tình hình đối lập của phái CC. Vừa đánh vừa xoa

cuối cùng đã phân hóa được phái CC.

Một nhóm "Ủy viên Lập pháp" như Mạc Huyên Ngôn, Phiên Liêm Phương, Lưu Tích Ngũ… không muốn làm mất lòng cha con Tưởng quá đáng, họ đã tách ra khỏi phái CC, tổ chức "trung xã" nêu chiêu bài trung lập. Những người này giữ khoảng cách với "phái tọa đàm" và phái chính thống ở "Viện Lập pháp" nhưng cũng không đồng ý lập trường "phái phản đối" của các "Ủy viên Lập pháp" Khai minh của phái CC. Họ ra tạp chí bán nguyệt san Dân chủ chính trị, vì thế được gọi là "phái tạp chí Dân chủ chính trị".

Ngoài ra, còn có một số "Ủy viên Lập pháp" phái CC có ý đồ chính trị tương đối lớn, vì mong ra làm quan phát tài, mà ủng hộ tiếp cận phái Chính thống. Thành viên chủ yếu của loại này có Trương Hy Triết, Vương Đại Nhiệm, Hoàng Cường, Vũ Thế Bành, Sử Huy Anh, có thái độ tích cực ủng hộ Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng, trái lại ngày càng hời hợt với các thành viên phái CC có lập trường chống đối trung thành. Những người này vào hùa với Trung ương Quốc dân đảng, nên gọi là "phái Trung ương mới". Sau khi hai phái này tách khỏi phái CC, vẫn còn một nhóm người tiêu biểu là Lương Túc Nhung, Ngô Diên Hoàn, Trương Tử Dương, tiếp tục giữ vững lập trường tiến bộ, không ngớt phê bình chính sách của Trung ương. Nhưng lúc này do họ không được các "phần tử tự do" ngoài Đảng hưởng ứng và chỉ chiếm số ít trong "Viện Lập pháp" nên không thể dấy lên làn sóng nào. Khi Quốc dân đảng tăng cường kỷ luật Đảng, buộc họ chọn "trung thành" hoặc "phản đối", đa số trong bọn họ chọn "trung thành". Cá biệt có Phí Huy Bình chịu "ngừng sinh hoạt Đảng một năm", hết hạn, từ chối đăng ký lại và ra khỏi Đảng từ đấy.

Đến tháng 11 năm 1962, do điều kiện các mặt đã chín muồi, Quốc dân đảng bèn triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa VIII. Hội nghị quyết định chia thành ba nhóm tiến hành đăng ký Đảng viên. Nhóm thứ nhất, đối tượng đăng ký là Đảng viên thuộc "Chính phủ Trung ương", bao gồm đầu não các bộ như: "Ủy viên Lập pháp", "Ủy viên Giám sát", "Đại biểu Quốc hội" quốc dân... tất cả hơn 1.800 người. Thời hạn đăng ký từ 21 tháng 12 đến hết năm. Nhóm thứ hai, đối tượng đăng ký là thành viên thuộc chính quyền cấp tỉnh và Nghị sỹ tỉnh. Nhóm thứ ba là Đảng viên nói chung. Dự tính đến tháng 1 và tháng 2 năm 1963 thì đăng ký xong.

Lần đăng ký quy định, người muốn đăng ký phải ký tên vào "Quy ước thực tiễn". Nếu có Đảng viên cho rằng quan điểm chính trị của họ không phù hợp với đường lối của Đảng, có thể không đăng ký, nghĩa là ra khỏi Đảng. Nếu không đăng ký trước thời gian quy định, cũng coi như ra khỏi Đảng. Kết quả là: Đảng viên thuộc "Chính phủ Trung ương" đăng ký 99,9%, chỉ có 0,1% không đăng ký; Đảng viên nói chung đăng ký 99,36%, chỉ 0,64% không đăng ký. Tưởng Giới Thạch cho là "đã thu được thành quả ngoài ý muốn".

"Tổng đăng ký" mà Tưởng Giới Thạch nghĩ trước đây, là muốn mỗi người đăng ký, ngoài việc ký vào "Quy ước thực tiễn", còn phải tuyên thệ trước mọi người. Về sau vì rất nhiều Đảng viên phản đối nên đã bỏ tuyên thệ này. Coi "Quy ước thực tiễn" là lời thề tại chỗ. Nội dung cơ bản của "Quy ước thực tiễn", ngoài những câu như "tuân theo lời dạy của Thủ tướng Tôn Trung Sơn", "thực hiện Chủ nghĩa Tam dân" ra, chủ yếu nhấn mạnh "phục tùng Trung ương", "tuân thủ kỷ luật Đảng", "nếu có hai lòng, phải cam chịu cực hình", thực tế là yêu cầu mỗi Đảng viên làm công cụ phục tùng Tưởng Giới Thạch.

Sau khi đăng ký, Quốc dân đảng dựa vào phân công xã hội khác nhau và nhu cầu chính trị đã tiến hành chia Đảng viên theo tổ mới. Họ chú trọng lựa chọn kỹ càng và phụ đạo các tổ trưởng, tăng cường hoạt động của tổ đảng. Tưởng Giới Thạch còn nêu mỗi Đảng viên phải tự ký chính thức vào "Quy ước thực tiễn" kèm sau thẻ đảng, họp tổ thường xuyên tự kiểm tra và kiểm điểm lẫn nhau. Đồng thời, Ban tổ chức Trung ương Quốc dân đảng cũng đưa ra một số biện pháp, tăng cường kiểm tra và quan sát cán bộ.

Tháng 11 năm 1963, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội khóa IX. Trong Đại hội, Tưởng Giới Thạch

nêu: “Sau cuộc tổng đăng ký, tất cả đều thề ước hoạt động theo sự lãnh đạo của Đảng. Ở các cấp tổ chức này, nhất là trong các Đại biểu Dân ý, có hiệu quả rõ ràng.” Đồng thời Tưởng cũng tiết lộ: “Hội nghị tổ hiện giờ, nửa báo cáo bị thay bằng ghi chép giả, một số tổ hầu như có tên mà không có thực. Hàng loạt Đảng viên công nông vì không biết chữ, phải nhờ người ký tên, không biết ghi chép, cho nên đã bị khai trừ khỏi Đảng. Đảng viên lẩn tránh nghĩa vụ tổ, coi hoạt động tổ là trò đùa, tổ trưởng lại có người trúng cử liên tiếp tới 23 lần.”

Hai lời dẫn trên đây, chứng tỏ việc “tổng đăng ký” và một số biện pháp của Quốc dân đảng chủ yếu hạn chế phái CC, tức là “đặc biệt trong Đại biểu Dân ý, có hiệu quả rõ rệt”. Còn phong cách bộ mặt của Quốc dân đảng vẫn như bệnh đã ngấm tới xương, không thuốc gì có thể chữa chạy được.

Sau đó, phái CC cơ bản không còn thế lực ở “Viện Lập pháp” nữa. Lương Túc Nhung, Ngô Diên Hoàn tuy thuộc phái CC, nhưng thực ra là phái Khai minh sinh ra trong quá trình giải thể phái CC. Vả lại, họ đã chính thức ký “Quy ước thực tiễn” thì cũng như đã khuất phục Trung ương. Theo năm tháng đổi thay, màu sắc chống đối ở những người này ngày một nhạt phai, “chửi ít giúp nhiều” đối với “Viện trưởng Hành chính”. Trong “Viện Lập pháp”, hô lên vài tiếng tự do dân chủ trong Đảng, nhưng cũng chỉ thế mà thôi.

Nhưng phái CC vẫn có một thế lực nhất định trong “Viện Giám sát” vì “Hiến pháp” quy định chỉ cần có một “Ủy viên Giám sát” đề nghị, chín “Ủy viên Giám sát” trở lên xét xử và quyết định là có thể hỏi tội các quan chức ở Trung ương hay địa phương. Vì thế, số người trong “Ủy viên Giám sát” thuộc phái CC tuy ít nhưng vẫn có thể làm mưa làm gió được.

Cuối năm 1960 đầu năm 1961, năm “Ủy viên Giám sát” thuộc phái CC như Tào Đức Tuyên tiến hành phúc tra vụ Lôi Chấn, đã làm Trung ương Quốc dân đảng không thích thú gì. Nhưng lần phúc tra này vạch ra được nhiều vấn đề, cuối cùng thì kết luận vẫn giữ nguyên “tính xác thực trong phán quyết” về bản án. Về chủ quan, đây là điều phái CC không muốn đối lập quá đáng với Trung ương. Về khách quan, họ cũng không có lực để phủ định hẳn.

Từ đó về sau, vì Tưởng Giới Thạch liên tiếp chửi mắng dọa nạt nên các “Ủy viên Giám sát” phái CC đành câm như hến. Lúc thực hiện tổng đăng ký, họ tham gia tất cả. Đảng, đoàn toàn quốc trong “Viện Giám sát” cũng tăng cường khống chế và giám sát các “Ủy viên Giám sát” là Đảng viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 1965, Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng hạ lệnh khai trừ “Ủy viên Giám sát” Tào Đức Tuyên vì ông viết bài cho báo Tự lập buổi chiều, đã tuyên truyền khuynh hướng “hai nước Trung Quốc”, vi phạm quốc sách cơ bản, phụ họa với các phần tử gây chia rẽ. Đây là đòn đầu tiên đánh vào phái Khai minh CC trong “Viện Giám sát”.

Tháng 10, vấn đề bầu lại “Viện phó Viện Giám sát” được đưa vào chương trình. Trung ương Quốc dân đảng cử Trương Huy Hàn ra ứng cử, còn Vu Trấn Châu của phái CC lại công nhiên chống lệnh Đảng, ra tranh cử. Ngày 16 tháng 10 tiến hành bỏ phiếu vòng một, Trương Duy Hàn thiếu một phiếu bị rớt; Vu Trấn Châu cũng chưa đạt được đa số phiếu quy định. Tưởng Giới Thạch nghe tin, tức giận ra lệnh cho các “Ủy viên Giám sát” là Đảng viên đã bỏ phiếu cho Vu Trấn Châu phải đổi lại bỏ cho Trương Duy Hàn, nếu không sẽ khai trừ khỏi Đảng. Ngày 29 tháng 10, tiến hành bỏ phiếu vòng hai, Trương Duy Hàn cuối cùng cũng trúng cử trong tiếng vang “chiếc roi của Đảng”.

Ngày 17 tháng 11, Trung ương Quốc dân đảng ra lệnh khai trừ Vu Trấn Châu. Tháng 12 năm đó lại khai trừ Tào Khải Văn, “Ủy viên Giám sát” phái CC, vì đã cổ động cho Vu Trấn Châu trong cuộc tranh cử. Điều này chứng tỏ Tưởng Giới Thạch đã hạ quyết tâm chỉnh đốn kỷ luật Đảng và áp chế phái CC.

Tháng 8 năm 1966, những người như Vu Trấn Châu phản kích lại. Trong 20 ngày liên tiếp hỏi tội “Bộ trưởng Tài chính” Trần Khánh Du; “Bộ trưởng Kinh tế” Lý Quốc Đinh; Trần Miền Tu

(em Trần Thành), Giám đốc Ngân hàng Đài Loan và Tổng Giám đốc Mao Tùng Niên. Sự việc này đã gây ảnh hưởng to lớn, làm náo động cả Đảo. Trung ương Quốc dân đảng triệu tập hội nghị khẩn cấp, vừa dọa vừa dỗ ngăn cản các "Ủy viên giám sát" truy cứu ba văn bản khác cho vay tiền theo chính sách ưu tiên đối với các "Ủy viên Giám sát".

Tháng 9, cảnh sát Đài Loan đã phát giác bọn tham ô trong vụ đậu đỗ. Lần theo dấu vết, lại phát hiện trong vấn đề giảm thuế nhập khẩu đậu tương có rất nhiều "Đại biểu Dân ý Trung ương" đã nhận hối lộ, lạm dụng chức quyền. Bao gồm Chu Liệt Can, "Đại biểu Quốc hội"; các "Ủy viên Lập pháp" Từ Quân Bội, Lưu Cảnh Kiện, Diêu Đình Phương; các "Ủy viên Giám sát" Vu Trấn Châu, Tôn Ngọc Lâm, Hách Ngô Lâm. Đến cuối tháng 9, những người nói trên đều bị bắt, năm sau thì tuyên án. Tháng 1 năm 1968, họ bị tước bỏ tư cách "Đại biểu Dân ý Trung ương" vì bị phạt tù.

Các "Ủy viên Giám sát" như Vu Trấn Châu, Tôn Ngọc Lâm bị tuyên án tuy dính líu vào vụ đậu đỗ, nhưng cũng có thể coi là "Đại biểu Dân ý Trung ương" không nghe lời nên bị chính quyền Đài Loan cho ăn đòn. Sau vụ án này, số vụ hỏi tội hàng năm của "Viện Giám sát" giảm đi rõ rệt. Các quan chức bị hỏi tội cũng giảm xuống. Tranh chấp giữa các phái cũng nhạt dần.

Tháng 10, Tưởng Giới Thạch thọ 60 tuổi. Trước đó Tưởng đã cử Tiêu Tranh sang Mỹ khuyên Trần Lập Phu về Đài Loan chúc thọ và ở lại Đài Loan. Ngày 26 tháng 10, Trần Lập Phu về Đài Loan, dâng biếu Tưởng Giới Thạch cuốn Tứ thư đạo quán tập 1 của ông. Tưởng đọc xong, nói chuyện với Trần Lập Phu nhiều lần và chủ động viết đề tựa sáu chữ "Tứ thư nhất quán chỉ đạo", in ở trang đầu. Về Đài Loan lần này, hoạt động của Trần Lập Phu không bị hạn chế; trong 70 ngày được các nơi mời diễn thuyết 75 lần. Điều này làm cho ông ta rất cảm động. Nhưng chưa trả hết nợ ở Mỹ, việc xuất bản mấy tập sau của cuốn Tứ thư đạo quán cũng chưa thu xếp xong. Thêm vào đó, những buổi tiệc tùng, diễn giảng ở Đài Loan mệt nhọc quá độ nên bị viêm gan, phải về Mỹ chữa bệnh. Cho nên, sau lễ chúc thọ ông lại bay về Mỹ. Tuy Trần Lập Phu về rồi đi, nhưng sự ngăn cách giữa ông và gia đình họ Tưởng không còn nữa.

Tháng 6 năm 1967, nhằm vào "Cách mạng văn hóa" ở Đại Lục, chính quyền Đài Loan thành lập Ủy ban đẩy mạnh phong trào phục hưng văn hóa Trung Hoa. Tưởng Giới Thạch làm Chủ tịch, đề nghị Trần Lập Phu làm Phó Chủ tịch. Tưởng cử người đi Mỹ lệnh cho Trần Lập Phu chuẩn bị về Đài Loan gấp. Cùng lúc đó, cử Tiêu Tranh đốc thúc lập dinh quan cho Trần Lập Phu ở Đài Loan. Tưởng Kinh Quốc lúc đó đã nhậm chức "Bộ trưởng Quốc phòng". Để tỏ lòng với "ông anh Lập Phu", đích thân chọn địa điểm làm nhà cho Trần Lập Phu. Ngày 26 tháng 4 năm 1969 Quốc dân đảng kết thúc đại hội khóa X, Trần Lập Phu cho đón gia đình về Đài Loan.

Trần Lập Phu về sống ở Đài Loan chứng tỏ phái CC đã không còn là một con bài chính trị nên cha con Tưởng không lo Trần Lập Phu về Đài Loan làm ăn ra sao. Bản thân Trần Lập Phu cũng không phải "tự đi đày" để né tránh nữa.

II. PHÁI TRẦN THÀNH XUỐNG DỐC

Trong lúc phái CC đi tới chỗ giải thể, phái Trần Thành một dạo đã bằng vai với Tưởng Kinh Quốc, cũng dần bị mất thế.

Trần Thành xuất thân là quân nhân. Thời kỳ ở Đại Lục, ông giữ địa vị cao trong quân đội. 18 quân đoàn của ông đã đào tạo ra mười tướng lĩnh cao cấp như La Trác Anh, Châu Chí Nhu, Hoàng Duy, Hồ Liên... Mùa thu năm 1949 đến đầu năm 1950, Trần Thành lấy tư cách Trưởng quan ban hành chính đông nam và "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" trấn giữ Đài Loan, tiến hành biên chế lại quân đội Quốc dân đảng trốn chạy ra Đài Loan; xếp đặt người thân tín vào những cương vị then chốt trong các đội quân. Các tướng lĩnh cao cấp thuộc phe phái Hà Ứng Khâm, Hồ Tôn Nam hoặc phe phái quân đội khác, hoặc có quan hệ bạn học ở Hoàng Phố, hoặc cùng cánh với nhau (không muốn nhìn Tưởng Kinh Quốc), hoặc có chung tâm lý khinh thường các cán bộ chính trị, đều ngả về phía Trần Thành. Vì vậy, Trần Thành có thế lực rất lớn trong các tầng lớp trên của quân đội. Ví dụ năm 1957, "Tư lệnh Phòng vệ Kim Môn" Hồ Liễn; "Phó Tư lệnh" Kha Viễn Phần và Triệu Gia Tương; "Phó Tổng Tư lệnh Lục quân" Cao Khôi Nguyên; "Tư lệnh Hiến

binh" Doãn Tuấn; "Tư lệnh Binh đoàn 2" Thạch Giác; "Quân đoàn trưởng Quân đoàn 1" Lưu Đình Hán; "Quân đoàn trưởng Quân đoàn 2" Trịnh Vi Nguyên; "Quân đoàn trưởng Quân đoàn 5" La Thứ Nhân; "Quân đoàn trưởng Quân đoàn 10" Tào Vĩnh Tương; Phó tư lệnh "Bộ Tư lệnh Cung ứng Lục quân" Lưu Vân Hàn đều là tướng lĩnh thuộc phe Trần. Ngoài ra, những người giữ chức Cục trưởng, Vụ trưởng trở lên trong "Bộ Quốc phòng", những người giữ chức trong "Bộ Tổng tham mưu", tổng bộ các binh chủng và từ cấp sư trưởng trở lên trong đội quân, rất nhiều người từ cửa Trần Thành mà ra.

Trần Thành trước sau đảm nhiệm các chức vụ Chủ tịch tỉnh Hồ Bắc, "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", "Viện trưởng Hành chính" (1950-1954). Tay chân của ông cũng chiếm các địa vị quan trọng trong hệ thống tài chính và các ngành trong "Chính phủ". Tháng 4 năm 1953, Trần Thành làm "Phó Tổng thống". Tháng 7 năm 1958, ông là "Phó Tổng thống" kiêm "Viện trưởng Hành chính". "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" Chu Chí Nhu lúc đó là bộ hạ và cũng là bạn cũ của ông. Ngoài ra, Trịnh Đạo Nho, Dương Kế Tằng, thân tín của Trần Thành, lần lượt giữ chức "Bộ trưởng Kinh tế". Em trai Trần Thành là Trần Miễn Tu giữ chức Tổng Giám đốc Ngân hàng Ruộng đất Đài Loan; Thiện Chí Nghiêu, bộ hạ bám theo Trần Thành hơn 30 năm, giữ chức Giám đốc Ngân hàng Giao thông kiêm Giám đốc Công ty Dệt Đài Bắc. Ngoài ra, công trình thủy lợi lớn nhất được xây dựng sau khi Quốc dân đảng chạy ra Đài Loan – hồ chứa nước Thạch Môn, cũng nằm trong tay phái Trần. Từ chỉ huy ban kiến thiết hồ chứa nước đến quan lại các cấp, phần lớn là cán bộ tài chính thuộc phe phái Trần.

Trong hệ thống công tác Đảng, Phái Trần Thành cũng đang không muốn để người khác làm. Bản thân Trần Thành đã là Bí thư thứ nhất Đoàn Tam Thanh. Đối với những người theo con đường Đoàn Tam Thanh vào Trung ương Đảng, ông ta có ảnh hưởng nhất định. La Trác Anh, tâm phúc của Trần Thành, đã giữ chức Phó Chủ nhiệm "Viện Nghiên cứu thực tiễn cách mạng" (được gọi là chính trị Hoàng Phố) trong thời gian dài. Quách Ký, bộ hạ của Trần Thành, sau Đại hội VII Quốc dân đảng, đã làm Phó Chủ nhiệm tổ thứ nhất trong Ban Chấp hành Trung ương (tổ công tác Đảng Đài Loan). Trương Lệ Sinh thân với Trần Thành ở kỳ họp Trung ương 4 khóa VII của Quốc dân đảng năm 1959 được bầu làm Bí thư Trung ương Quốc dân đảng thay cho Trương Kỳ Vân. Tháng 10 năm 1957, Đại hội khóa VIII Quốc dân đảng lại dựng ghế "Phó Tổng tài" cho Trần Thành; khiến Trần Thành trên danh nghĩa sẽ là "người kế tục".

Đến năm 1958, một mình Trần Thành kiêm ba chức quan trọng là "Phó Tổng tài", "Phó Tổng thống" và "Viện trưởng Hành chính", quyền lực địa vị đã đạt tới đỉnh cao.

Địa vị của Trần Thành không ngừng nâng lên là vì Tưởng Giới Thạch tuy vậy cuối cùng cũng phải "truyền ngôi". Nhưng Tưởng con là hậu sinh, chưa từng trải, ít công lao, còn phải bồi dưỡng thêm.

Trọng dụng Trần Thành, một là có thể yên lòng các trọng thần, thể hiện "tấm lòng chính trực vô tư"; hai là có thể chờ cho Tưởng con lớn lên, bảo đảm một chính quyền ổn định; ba là có thể mượn lực lượng của Trần Thành để giải quyết nhiều vấn đề khó xử.

Thế nhưng, thực lực của Trần Thành lên quá nhanh, cũng khó tránh khỏi sinh ra "trung tâm thứ hai", sẽ uy hiếp cha con Tưởng. Tưởng Giới Thạch vừa muốn lợi dụng sự phục vụ của Trần Thành, lại muốn đề phòng sự phát triển của nó. Trước năm 1958, vì sức ép của hoàn cảnh trong ngoài, cũng vì Tưởng con chưa đủ lông cánh, Tưởng Giới Thạch phải dựa vào Trần Thành. Nhưng sau năm 1958, do hoàn cảnh đối ngoại đã ổn định, đối nội cũng đã trấn áp được các phe phái chống đối trong, ngoài Đảng, giá trị của Trần Thành giảm xuống. Tưởng Giới Thạch đổi thái độ, lấy áp chế làm chính.

Bản thân Trần Thành rất trung thành với Tưởng Giới Thạch, nhưng một số vấn đề cũng khó tránh khỏi tính lợi riêng và có khuynh hướng cá nhân. Vì thế, cha con Tưởng nghi ngờ và cảnh giác. Tóm lại, nguyên nhân bất hòa giữa Tưởng – Trần chủ yếu có bốn điểm:

1. Trần Thành là đối tượng Mỹ cố ý lôi kéo. Nếu Mỹ diễn trò "thay ngựa" ở Đài Loan, Trần

Thành sẽ là người duy nhất được Mỹ chọn. Ngày 14 tháng 2 năm 1949, Mỹ cho Tham tán Sứ quán Mỹ ở Trung Hoa bay ra Đài Loan đề nghị năm điểm với Trần Thành (khi ấy vừa nhậm chức Chủ tịch tỉnh Đài Loan): (1) chính trị Đài Loan do Trần Thành phụ trách, tách khỏi Chính phủ Quốc dân đảng. Cắt đứt mậu dịch kinh tế với Trung Cộng. Chính quyền ở Đài Loan do Trần Thành nắm; (2) Về hình thức, liên lạc với các nước Philippin, Australia, Ấn Độ, Pakista, Sri Lanca, xuất binh lực có tính chất tượng trưng, sẽ cùng quân Mỹ chiếm lĩnh Đài Loan, hy vọng trong hai tuần triệu tập hội nghị chuyển giao chính quyền ở Đài Loan. Liên Xô và Chính phủ Quốc dân đảng cũng có thể tham gia; (3) Sau khi hội nghị đã quyết định, Mỹ lập tức đảm nhiệm hoạt động tuần tra cảnh giới, liên hệ từ ngoài biển và trên không vùng Đài Loan để tránh quân đội bên ngoài tới tập kích, đồng thời di chuyển những phần tử ở Đại Lục không được Đài Loan hoan nghênh; (4) Báo cho Tưởng Giới Thạch nếu muốn ở lại Đài Loan, sẽ đối xử với tư cách người tị nạn chính trị; (5) Mời Tôn Lập Nhân tham gia chính quyền mới ở Đài Loan. Những kiến nghị này Trần Thành không chấp nhận. Tham tán Đại sứ quán Mỹ ở Trung Hoa báo cáo với Quốc hội Mỹ rằng: "Trần Thành là thân tín của Tưởng Giới Thạch, không thể hy vọng ông ta làm theo Mỹ, phản lại Tưởng." Nhưng Mỹ đã nhắm chọn Trần Thành, Tưởng Giới Thạch không thể không đề phòng.

Theo nhật ký của Tưởng Kinh Quốc, ngày 17 tháng 5, Tưởng Giới Thạch quyết định tới Đài Loan, nhưng vẫn ở lại Mã Công. Có người cho rằng như thế là để thử xem thái độ "mời khách" của Trần Thành. Đến ngày 21 tháng 5, Trần Thành, Du Hồng Quân, Tưởng Đỉnh Vân đi Mã Công gặp Tưởng. Chiều hôm ấy, chỉ mình Trần Thành bay về Đài Bắc. Đến ngày 26 tháng 5, Tưởng Giới Thạch đáp chuyên cơ đi Đài Loan. Nhưng thật thú vị là Tưởng Giới Thạch lại không hạ cánh ở Đài Bắc, nơi Trần Thành cai quản, lại hạ cánh ở Cao Hùng, nơi Tôn Lập Nhân điều khiển. Sau khi xuống máy bay, câu đầu tiên Tưởng hỏi Tôn Lập Nhân là: "Tôi ở đây có an toàn không?" Có thể thấy lúc ấy Tưởng đã có ý đề phòng Trần Thành.

Theo tư liệu khác, Trần Thành lúc đó đã hạ lệnh cho cơ quan đặc vụ của mình, tiến hành theo dõi "24/24 giờ đối với các hoạt động của Tưởng Kinh Quốc ở Đài Loan" Nếu đúng như thế có nghĩa là Trần Thành cũng cảnh giác với cha con Tưởng.

Sau đó, Mỹ vẫn chú ý đến Trần Thành. Báo chí Mỹ khi bình luận về Trần Thành hầu như đều có ý tôn trọng, còn khi bình luận về cha con Tưởng lại có vẻ coi thường. Quan chức cao cấp của Mỹ và các sứ giả ngoại giao nhiều lần tỏ ra muốn thấy Đài Loan có sự kế thừa "bình thường, hòa bình, hợp pháp". Người có thể phù hợp với ba điều kiện này, đương nhiên ngoài Trần Thành không còn ai khác.

Trước thái độ của Mỹ, tâm lý Trần Thành rất phức tạp. Từ đáy lòng, ông rất có thể cũng mong chờ cái ngày "kế thừa bình thường, hòa bình, hợp pháp" đó. Có sự giúp đỡ của Mỹ, đương nhiên là việc rất tốt. Nhưng Mỹ vẫn "nâng Trần, ghìm Tưởng", không tránh khỏi gượng gạo với địa vị của Trần Thành. Trần Thành vốn là nhà chính trị có lòng tự tôn dân tộc, không cam chịu mọi việc do người nước ngoài sắp đặt. Vả lại, ông cũng rất rõ, chỉ dựa vào sức mình không chắc giữ được Đài Loan. Nếu vứt bỏ Tưởng Giới Thạch, ông ta vị tất có thể trở thành vị lãnh tụ được các nơi tôn sùng, ủng hộ. Một khi cục diện rối ren, Mỹ cũng có thể vứt bỏ ông ta. Vì thế, Trần Thành không thể ca theo điệu người Mỹ như Tôn Lập Nhân. Đối với các vấn đề "Phản công Đại Lục", phản đối "hai nước Trung Quốc", phản đối rút quân khỏi Kim Môn, Mã Tổ, Trần Thành đều kiên quyết ủng hộ Tưởng Giới Thạch. Ông luôn lớn tiếng "ủng hộ Tổng tài, đoàn kết toàn Đảng", cần phải "củng cố trung tâm lãnh đạo cách mạng" để phơi bày lòng dạ với Tưởng Giới Thạch.

2. Tuy Trần Thành giữ lập trường ủng hộ Tưởng, nhưng thái độ của ông đối với các "phần tử tự do" khác hẳn cha con Tưởng. Cha Trần Thành là Hiệu trưởng trường trung học, bản thân Trần tuy xuất thân từ quân ngũ, nhưng luôn tôn trọng giới trí thức, nhất là các nhà trí thức lớn. Khi làm Chủ tịch tỉnh Đài Loan, ông đã từng đích thân tới sân bay đón Truyền Tư Niên, người mới nhậm chức Hiệu trưởng trường Đại học Đài Loan, lấy tư cách người đứng đầu một tỉnh đón mừng người đứng đầu một trường, đây là một trường hợp ít thấy trong quan lại Quốc dân

đảng.

Trần Thành quan hệ rất mật thiết với Hồ Thích, Vương Thế Kiệt. Mỗi khi Lôi Chấn và tờ Trung Quốc tự do bị đặc vụ bức hại, Hồ Thích đều kêu với Trần Thành. Cũng có mấy lần Trần Thành nhận lời thỉnh cầu của Hồ Thích, làm trung gian điều đình. Thậm chí sau vụ Lôi Chấn, Hồ Thích muốn Quốc dân đảng thông cảm trong vấn đề đảng mới cũng tìm đến Trấn Thành. Các "phần tử tự do" bàn luận về thời sự chính trị nói chung đều không thể không đề cập tới Trần Thành. Mỗi lần đề cập tới đều tỏ ý tôn trọng, đặc biệt trong cuộc tranh luận lớn về "bảo vệ hiến pháp và sửa đổi hiến pháp". Hồ Thích đã công khai "tuyên truyền" cho Trần Thành, nói Trần Thành "có tư cách làm Tổng thống", "có trí của một lãnh tụ", "thông minh nhưng không so sánh với người khác là sự thông minh nhất". Không những đặt Trần Thành vào thế đối lập với Tưởng Giới Thạch mà còn dễ làm cho người ta có ấn tượng Trần Thành là "phần tử tự do" ở hậu trường.

Cha con Tưởng Giới Thạch rất lo ngại về quan hệ mật thiết của Trần Thành với "phần tử tự do". Có lần, Trần Thành hẹn Hồ Thích, Vương Thế Kiệt, Mai Di Kỳ, Tưởng Mộng đi thăm quan thành tích của Hội Phục hưng nông nghiệp ở Trung lịch và Đài Trung, những thân tín của Tưởng Kinh Quốc lập tức đơm đặt là "Thương Sơn Tứ Hạo", ám chỉ Trần Thành có dã tâm kế vị. Khi nổ ra vấn đề "Tổng thống liên nhiệm", Trần Thành càng bị cuốn vào. Cha con Tưởng ghen ghét càng đẩy Trần Thành vào chỗ khó xử.

3. Bàn về chính kiến cụ thể, về vấn đề khác, Trần Thành chưa có sự chia rẽ với Tưởng Giới Thạch. Nhưng riêng với vấn đề triệu tập "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", vốn là một việc lớn mà Trần Thành đã hứa khi tổ chức "Nội các". Chính Tưởng Giới Thạch mới đầu cũng đồng ý, về sau lại giở quẻ, khiến Trần Thành khó xử.

Đáng chú ý là ngày 17 tháng 11 năm 1953, cũng vì Vương Thế Kiệt muốn mở "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", mà Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cách chức "Thư ký trưởng Phủ Tổng thống" của ông ta. Thế mà hôm sau Trần Thành lại mời thành viên hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên và đại biểu không đảng phái đến tọa đàm tại nơi ở của ông, thảo luận các vấn đề về "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" như về thời gian, Ủy ban trù bị, đề cương tổ chức, nhận thức cơ bản. Về sau vì Tưởng Giới Thạch ngăn cản, "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" thành ra đánh trống bỏ dùi. Do các "phần tử tự do" vẫn không ngừng đòi hỏi, Trần Thành đành phải hứa "sẽ triệu tập vào dịp thích hợp".

Tháng 7 năm 1958, Trần Thành tổ chức "Nội các" lần thứ hai. Ông đề nghị Vương Thế Kiệt đảm nhiệm chức "Ủy viên chính trị". Ngày 15 tháng 7, Vương Thế Kiệt nhậm chức. Hôm sau, tức ngày 16 tháng 7, nói chuyện ở Ủy ban Bình nghị Trung ương Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch trách các "phần tử tự do" có dụng ý đòi triệu tập "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", thực sự làm cho người ta lo lắng. Dụng ý của họ là gì? Bước thứ nhất họ muốn dùng "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" làm điểm hẹn, rồi thành lập hội nghị Chính trị Hiệp thương biến tướng của họ. Kết quả của Hội nghị Hiệp thương biến tướng này cuối cùng tất yếu sẽ để Cộng sản tham gia. Bước thứ hai là dùng Hội nghị Hiệp thương biến tướng này để tổ chức "Chính phủ liên hợp". Bước cuối cùng tất nhiên sẽ hủy bỏ Hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc, thủ tiêu thể chế Hiến pháp dân chủ hôm nay. "Đem Đài Loan, căn cứ duy nhất đấu tranh khôi phục đất nước của chúng ta và toàn bộ dân quân chúng ta hôm nay dâng cho phỉ Cộng." Những lời này chứng tỏ hết sức rõ ràng là Tưởng Giới Thạch muốn đóng chặt cửa "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", đồng thời Tưởng cũng muốn đánh tiếng với nội bộ Đảng.

Sau đó, Tưởng không ngừng tung tin Trần Thành muốn tổ chức "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", dư luận Đài Loan, Hồng Kông, Áo Môn sôi nổi bàn luận về vấn đề này. Tưởng chừng "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" khai mạc đến nơi rồi. Các "phần tử tự do" bàn tán ầm ĩ xem hội nghị to hay nhỏ; người được mời là "tượng gỗ" hay "người khổ tâm"; tên gọi là "chống Cộng cứu quốc" hay "việc nước", hay "đoàn kết chống Cộng"…

Đến cuối tháng 10, Trương Quân Lệ từ miền Tây nước Mỹ trở về dạy học ở Hồng Kông, Nhật Bản. Trần Thành và Trương Quần phái người viết một bức thư nhờ em vợ Trương Quân Lệ là Vương Thế Hiền đến Tokyo thuyết phục Trương, hy vọng ông đến Đài Loan bàn bạc. Những nhà bình luận đều nhất trí cho rằng Trần Thành và Trương Quần thực sự muốn mở "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" và muốn Trương Quân Lệ về Đài Loan để thúc đẩy việc này. Nhưng vì Trương Quân Lệ chưa được các "phần tử tự do" khác ở nước ngoài đồng ý, Trần Thành chưa thuyết phục được Tưởng Giới Thạch thay đổi thái độ, cuối cùng việc nay cũng bỏ.

Mùa xuân năm 1959, lời kêu gọi mở "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" hay "Hội nghị việc nước" càng vang rộng, phối hợp với cuộc tranh luận lớn về "bảo vệ hiến pháp và sửa đổi hiến pháp" càng chặt chẽ. Tháng 4, khi bị chất vấn ở "Viện Lập pháp" Trần Thành vẫn tuyên bố sẽ mở "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" hoặc "Hội nghị bàn việc nước" vào thời gian thích hợp. Trong khi đó Tưởng Giới Thạch không cho phép nêu hội nghị việc nước. Vì ông ta cho rằng "việc" đã định rồi, không cần thảo luận nữa, cấm thảo luận. Đây là sự bất đồng quan điểm quan trọng giữa Tưởng và Trần.

4. Trần Thành tuy thời trước tự cho mình là "trung thần", nhưng khi đã đủ lông đủ cánh, cũng không còn "làm theo từng lời" của Tưởng Giới Thạch. Khi Trần Thành tổ chức "Nội các" lần thứ hai. Tưởng Giới Thạch mong muốn Trương Kỳ Vân, người đồng hương Chiết Giang với ông ta làm "Bộ trưởng giáo dục". Trần Thành lại muốn để Mai Dĩ Kỳ, Nguyên Hiệu trưởng Đại học Thanh Hoa làm. Tưởng Giới Thạch thân chinh dẫn Trương Kỳ Vân đến nhà Trần Thành nói hộ cho Vân. Nhưng cuối cùng Trần Thành vẫn dùng Mai Di Kỳ. Đối với Tưởng Kinh Quốc, Trần Thành càng cậy lớn tuổi. Công tác chính trị trong quân đội và "Đoàn Thanh niên Cứu quốc" do Tưởng Kinh Quốc lãnh đạo thường thiếu kinh phí. Một trong những nguyên nhân là do Trần Thanh đã cắt xén dự toán. Tháng 12 năm 1959, Tưởng Kinh Quốc đã làm một bài thơ, nói rằng ông ta nên làm như thế nào trong giờ phút cảm thấy "căm ghét, đau đớn, nghi ngờ, thất vọng, đen tối, buồn phiền". Tháng 3 năm 1962, Tưởng Kinh Quốc lại viết: "Có lúc đột nhiên thấy bốn phía hình như ai cũng chống lại mình, hình như ở vào hoàn cảnh không thể nào chịu đựng nổi". Tháng 11 năm 1963, Tưởng Kinh Quốc lại viết một bài thơ tự nhủ, trong đó nói: "Trong lúc mọi người vây quanh anh tứ phía, mất hết lý tính, trái với lương tâm, họ sẽ trút mọi tội lỗi lên đầu anh, cần phải giữ cho đầu óc bình tĩnh, tỉnh táo. Nếu có nhiều người nghi ngờ anh, cứ để họ nghi ngờ. Đồng thời, càng phải tin tưởng ở mình hơn. Không thể vì bị người khác vu tội không chịu được mà phẫn uất, nếu trong lòng tức giận tới mức muốn nổ tung, anh càng phải nhẫn nại đợi chờ…" Từ những lời bài thơ này có thể thấy, trong thời gian từ 1953-1963, Tưởng Kinh Quốc đã gặp sức ép to lớn trong nội bộ, người dám đối đầu với Tưởng Kinh Quốc lúc đó, đến nỗi làm cho ông "đầu óc căm tức đến mức sắp vỡ tung" nhưng vẫn phải "kiên tâm nhẫn nại chờ đợi" rõ ràng chỉ có Trần Thành.

Bước ngoặt từ thịnh chuyển thành suy của phái Trần Thành là tháng 3 năm 1960, Tưởng Giới Thạch thông qua sửa đổi Điều khoản lâm thời, tiếp tục làm "Tổng thống" nhiệm kỳ thứ ba. Ông quyết triệt con đường tiến lên của Trần Thành. Trước đây, Trần Thành sau khi im miệng không nói một thời gian dài về vấn đề "liên nhiệm", tới tháng 2 ông mới nói: "xét tình thế trước mắt, Tổng thống không nên thay đổi, nhưng Viện trưởng Hành chính có thể thay đổi… Cá nhân tôi đi hay ở, tôi không để ý từ lâu rồi." Ngày 16 tháng 2, Trần Thành khi trả lời Phí Hy Bình chất vấn ở "Viện Lập pháp", đột nhiên nổi trận lôi đình, không tự chủ được. Ngay sau đó ông ta biết mình thất thố, nói: "Tôi trả lời có quá đáng, vì tâm tư không thoải mái, xin các vị Ủy viên Lập pháp thứ lỗi." Ngày 19 tháng 2, Trần Thành lại phát biểu ở "Viện Lập pháp": "Nói đến sự khó chịu tôi còn khó chịu hơn các vị nhiều, cái nhà này thật khó trông nom." Những biểu hiện này chứng tỏ, trong tình thế Tưởng Giới Thạch liên nhiệm đã quá rõ ràng, Trần Thành cảm thấy thất vọng và buồn khổ.

Đồng thời khi Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm tiếp cương vị "Tổng thống" khóa 3, Trần Thành cũng liên danh giữ chức "Phó Tổng thống" kiêm "Viện trưởng Hành chính", nhưng luôn bị phái CC trong "Viện Lập pháp" gây khó dễ. Theo "Hiến pháp", ngay "Viện trưởng Hành chính" phải được "Tổng thống" đề cử và "Viện Lập pháp" phê chuẩn. Hiện nay, mặc dù Tưởng Giới Thạch

và Trần Thành vẫn là "Tổng thống" và "Phó Tổng thống", nhưng đã hết khóa. Chức "Viện trưởng Hành chính" của Trần Thành cần được đề cử theo đúng thủ tục mới có hiệu lực, nhưng Trần Thành tự tiện làm việc với danh nghĩa "Viện trưởng Hành chính" mà chưa được "Viện Lập pháp" phê chuẩn là vi phạm hiến pháp. "Viện Lập pháp" vặn lý như vậy, Trần Thành tức điên lên, liên tiếp đưa trực tiếp cho Tưởng Giới Thạch hai lá đơn từ chức. Trong cuộc tranh chấp này, cuối cùng Tưởng Giới Thạch đứng ra giải quyết, đơn từ chức Trần Thành cũng không được chấp thuận.

Ngày 14 tháng 6, "Viện Lập pháp" thông qua dự án điều chỉnh 460 triệu Đài tệ mới để đãi ngộ cho các nhân viên cơ quan quân đội và trường học, giao cho "Viện Hành chính" thi hành. Trần Thành nghiên cứu cân đối dự toán, giảm khoản chi này xuống 280 triệu, lại bị chửi một trận nữa. Báo chí nhận được hàng chục nghìn bức thư phản đối của nhân viên các cơ quan, quân đội và trường học. Cuối cùng Tưởng Giới Thạch ra lệnh thi hành theo dự toán cũ, kết quả là Tưởng Giới Thạch và "Ủy viên Lập pháp" phái CC đều thành người tốt, duy chỉ có Trần Thành mang tiếng xấu.

Để hòa giải mâu thuẫn giữa Trần Thành với "Viện Lập pháp", Tưởng Giới Thạch mở tiệc chiêu đãi các "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên, đề nghị họ "nhẫn nhịn, hiểu biết lẫn nhau, hợp tác đoàn kết" với "Viện Hành chính". Trần Thành cũng buộc phải nói: "Xin tất cả hãy thông cảm và thứ lỗi cho tôi." Rõ ràng là lúc này khí thế của Trần Thành đã xẹp xuống.

Tháng 6 năm 1960, Trần Thành phát biểu ý kiến về vấn đề thành lập đảng với những người như Lôi Chấn, rằng ông ta "muốn thấy một đảng đối lập có sức mạnh. Chỉ cần đảng mới "không phá hoại quốc sách cơ bản là chống Cộng, chống Nga và mục tiêu xây dựng Đài Loan." Nhưng không bao lâu sau, Trần Thành lại đổi giọng chửi Đảng mới là "vì lợi tư", "nếu phản lại quốc sách chống Cộng chống Nga, Chính phủ nhất định thủ tiêu". Rõ ràng là về vấn đề này, ông ta lại bị sức ép của Đảng.

Hạ tuần tháng 7 đến trung tuần tháng 9 năm 1960, Trần Thành nghỉ ốm gần hai tháng. Làm việc không được bao lâu lại xin nghỉ tiếp đến đầu tháng 11. Báo Tân Sinh cũng buồn thay cho ông, viết rằng "phần lớn thời gian và sức lực của ông dùng để đối phó với chính mình." Thời gian Trần Thành dưỡng bệnh, đã nổ ra vụ án Lôi Chấn. Khi Lôi Chấn bị bắt, Trần Thành là "Viện trưởng Hành chính" đã hoàn toàn không biết điều nay. Chứng tỏ ông ta hoàn toàn không khống chế được hệ thống đặc vụ. Tiếp theo vụ Lôi Chấn, đến "thời kỳ đóng băng chính trị", cũng kết thúc luôn con đường Khai minh của Trần Thành.

Sau khi dùng thủ đoạn làm tan rã phe phái của các "phần tử tự do", Tưởng Giới Thạch mới đồng ý thanh toán món nợ "Hội nghị chống Cộng cứu quốc". Nhưng không được gọi là "Hội nghị bàn việc nước", thậm chí cũng không được gọi là "Hội nghị chống Cộng cứu quốc", chỉ gọi là "Hội đàm núi Dương Minh". Vấn đề bàn bạc chỉ giới hạn về "văn hóa, khoa học, kinh tế, tài chính", miễn bàn đến vấn đề chính trị. Đối tượng mời họp là các nhà tư bản địa chủ lớn ở Đài Loan và những người đứng đầu các đoàn thể xã hội như công hội, ngư hội, nông hội. Ở nước ngoài chủ yếu mời những người lãnh đạo kiều dân chống Cộng của các nơi. Tác dụng của hội nghị chủ yếu là trưng cầu ý kiến, có tính chất tư vấn; quyết định của hội nghị không ràng buộc gì cả. Một hội nghị như vậy so với một "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" định tổ chức năm xưa rõ ràng chẳng hề có liên quan với nhau. "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" lúc đó nhằm lập "Mặt trận liên hiệp chống Cộng", chủ yếu thảo luận vấn đề chính trị. Đối tượng được mời phải là những "phần tử tự do" vừa chống Cộng vừa chống Tưởng. Thậm chí, những người ủng hộ Tưởng không được mời tham dự.

Tháng 7 năm 1961, "Hội đàm núi Dương Minh" bắt đầu. Sau này tiếp tục tổ chức, dần thành lệ mỗi năm một lần, được đổi tên là "Hội nghị tọa đàm kiến thiết đất nước". Cũng gọi là "Hội nghị kiến quốc". Trần Thành được chỉ định làm Trưởng ban Chỉ đạo (thành viên của ban gồm sáu người là Trương Quần, Cốc Chính Cương; Đào Hy Thánh; Trương Kỳ Vân, Đường Tung, Viên Thủ Khiêm). Sự chỉ định này quả là có ý giễu cợt, bởi "Hội nghị chống Cộng cứu quốc" ẩm ĩ một

thời, cuối cùng đã biến thành trò đùa chẳng ra gì. Điều đó phản ánh sự thất bại chính trị của Trần Thành. Với cục diện "trong ngoài đều không tốt" này, tình trạng sức khỏe của Trần Thành ngày một xấu đi. Tháng 11 năm 1961, Quốc dân đảng triệu tập Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII. Trần Thành bị bệnh không dự họp được, chỉ gửi một kiến nghị tới Đại hội; nội dung chính là hy vọng "toàn đảng đoàn kết, ủng hộ Tổng tài". Về sau Trần Thành buổi đi buổi nghỉ, sức khống chế và tầm ảnh hưởng của ông giảm dần. Năm 1963, bệnh tình nặng hơn, cũng tháng 12 năm đó, Trần Thành đã bỏ kiêm nhiệm "Viện trưởng Hành chính", Nghiêm Gia Kiềm lập tức lên thay. Ngày 5 tháng 3 năm 1965, Trần Thành mất ở Đài Loan vì ung thư gan.

Lúc Trần Thành ốm nặng, cha con Tưởng đến thăm mấy lần, nếu không đi thăm được thì cũng thường điện thoại hỏi thăm. Trần Thành qua đời, Đài Loan tổ chức tang lễ rất lớn, cha con Tưởng Giới Thạch và Tưởng Kinh Quốc cũng gửi câu đối phúng viếng. Điều này mặc dù cốt để yên lòng thuộc hạ của Trần Thành và các nguyên lão trong Quốc dân đảng, nhưng thực sự cũng thể hiện tình cảm chân thành cha con Tưởng. Tuy giữa Tưởng và Trần cũng có mâu thuẫn và va chạm, nhưng suy cho cùng, Trần Thành vẫn là một công thần bậc nhất của gia đình họ Tưởng, vì vậy con cháu Trần Thành luôn được cha con Tưởng tận tâm chăm sóc và dìu dắt.

Mối quan hệ giữa phái Trần Thành và phái CC lại khác, họ không mối liên hệ về mặt tổ chức, cũng không có "địa bàn" cố định, chỉ một loạt thành viên được Trần Thành kết nạp và trọng dụng trong cuộc đời hoạt động chính trị mấy chục năm của ông. Chính Trần Thành tự khóc là "không phe phái", để tránh sự nghi ngờ của Tưởng Giới Thạch, ông không dám móc nối quá nhiều với những người ủng hộ tôn sùng mình. Cái gọi là "phái Trần Thành" hoàn toàn là sự gắn bó với cá nhân ông. Ông vừa chết đi, phái này mất hạt nhân ngưng tụ đã không còn ý nghĩa để tồn tại. Tay chân cũ của Trần Thành tùy theo sự yêu ghét của nhà họ Tưởng có lên có xuống, nhưng điều đó chỉ có thể chứng tỏ bước đường chính trị sáng sủa hay đen tối của từng cá nhân thôi, chứ có nghĩa tăng giảm của thế lực phe phái.

III. BINH BIẾN HỒ KHẨU

Tháng 1 năm 1964, sau hàng loạt sự kiện như Quốc dân đảng tiến hành "tổng đăng ký", phái CC giải thể, Trần Thành từ chức, một số phần tử trai trẻ trong quân đội lại mưu đồ gây một cuộc binh biến. Nhân vật chính trong sự kiện này là Triệu Chí Hoa, "Phó Tư lệnh Binh đoàn Thiết giáp".

Triệu Chí Hoa tốt nghiệp trường sỹ quan lục quân Trung ương Quốc dân đảng khóa 10, đã làm vệ sỹ cho Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh, cũng được tính là xuất thân từ phái "Quan nhà binh". Về sau, theo Tưởng Vĩ Quốc nhậm chức ở Binh đoàn Thiết giáp và dần leo lên tới chức "Phó tư lệnh".

Binh đoàn Thiết giáp quân Tưởng, từ vũ khí đến nhân viên là đơn vị quân sự được nhận "viện trợ Mỹ" nhiều nhất, sức chiến đấu có thể gọi là mạnh nhất trong lục quân, rất nhiều tướng lĩnh của đơn vị này được Mỹ huấn luyện, có mối quan hệ tương đối chặt chẽ với Tống Mỹ Linh, người phụ trách từ lâu về ngoại giao với Anh Mỹ.

Tưởng Vĩ Quốc là con thứ của Tưởng Giới Thạch đã tốt nghiệp Khoa Vật lý trường Đại học Đông Ngô. Sau khi tốt nghiệp, vâng lệnh cha theo học nhà quân sự nổi tiếng Tưởng Bách Li. Bấy giờ đã có người cho rằng Tưởng Giới Thạch xếp đặt như vậy là muốn để Tưởng Vĩ Quốc sau này sẽ nắm quân đội phò tá ông anh Tưởng Kinh Quốc. Đáng chú ý là Tưởng Giới Thạch muốn đào tạo con trai lại không cho học Trường Quân sự Hoàng Phố mà ông đắc ý nhất, lại cho sang Đức du học. Năm 1937, Tưởng Vĩ Quốc tới Đức. Mới đầu ông gia nhập Quân đoàn 98 thuộc Sư đoàn bộ binh miền núi ở Đức: Từ binh nhì lên Đại đội trưởng, về sau vào trường sỹ quan lục quân nổi tiếng của Đức, tốt nghiệp xong vẫn phục vụ trong quân đội Đức, đã tham gia chiến dịch Đức thôn tính Áo và Tiệp Khắc. Năm 1939, Tưởng Vĩ Quốc rời Đức đi Mỹ, mới đầu vào học ở Trường Chiến thuật đổ bộ Hàng không, tiếp đó học ở Trung tâm Binh đoàn Thiết giáp. Tháng 11 năm 1940 về nước nhậm chức ở đội quân Hồ Tôn Nam. Một dạo làm Tiểu đoàn

trưởng đội quân thanh niên. Sau khi chiến tranh kết thúc, 33 tuổi nhậm chức Thiếu tướng, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Binh đoàn Thiết giáp.

Học lực quân sự và tài năng của Tưởng Vĩ Quốc nổi tiếng trong giới tướng lĩnh quân Tưởng. Sau khi về Đài Loan, để khống chế quân đội hơn nữa, Tưởng Giới Thạch giao trách nhiệm cho Tưởng Vĩ Quốc làm "Tư lệnh Binh đoàn Thiết giáp". Nhưng Tưởng Vĩ Quốc trước đây không có quan hệ gì với phe phái Hoàng Phố và phe công tác chính trị. Hơn nữa, Tưởng Giới Thạch xét đến các ảnh hưởng khác nên từ đó về sau không đề bạt Tưởng Vĩ Quốc nữa. Còn Tưởng Kinh Quốc, người chưa hề trải qua một trận đánh nào lại nhanh chóng có thanh thế trong quân đội.

Chỗ dựa chính của Tưởng Vĩ Quốc là Tống Mỹ Linh. Tống Mỹ Linh có nguồn gốc quan hệ sâu xa với Anh, Mỹ, vì thế có phần không bằng lòng với Tưởng Kinh Quốc là người trưởng thành ở Liên Xô. Còn với Tưởng Vĩ Quốc được tiếp thu nền giáo dục phương Tây từ nhỏ, nên coi là con cưng của mình. Năm 1948, Tưởng Kinh Quốc "đả hổ" ở Thượng Hải, đã xúc phạm đến nhà Khổng Tống. Tống Mỹ Linh mời Tưởng Giới Thạch đến "dạy con", làm cho Tưởng Kinh Quốc bị bẽ mặt. Sau khi chạy ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc, Tống Mỹ Linh đều phát triển thế lực cá nhân. Quan trường bây giờ cũng rất khéo khôi hài, những người đi theo con đường của Tưởng Giới Thạch gọi là "nội khoa"; người đi theo con đường của Tống Mỹ Linh gọi là "phụ khoa"; người đi theo con đường của Tưởng Kinh Quốc gọi là "nhi khoa"; người đi theo đường của Mỹ là "ngoại khoa". Ai muốn theo con đường làm quan không qua "bốn khoa" đó thì không có cửa. Nhưng theo thời thế phát triển, "ngoại khoa" và "phụ khoa" không thể địch được "nội khoa" và "nhi khoa". Tống Mỹ Linh ủng hộ mưu đồ của Tưởng Giới Thạch trong việc "truyền ngôi cho con" nên cũng giảm dần quyền lực.

Năm 1963, Tưởng Giới Thạch hạ lệnh tước bỏ chức "Tư lệnh binh đoàn Thiết giáp" của Tưởng Vĩ Quốc, điều sang nhậm chức Hiệu trưởng trường Đại học Tham mưu Lục quân. Từ đó trở đi, Tưởng Vĩ Quốc chấm dứt cuộc đời binh nghiệp, trở thành thầy giáo mặc áo lính. Lúc đó, có người đã phân tích trong việc điều động công tác của Tưởng Vĩ Quốc là có bàn tay của Tưởng Kinh Quốc. Vì hai người có ý kiến khác nhau về nhân sự của Binh đoàn Thiết giáp và một số công tác cụ thể. Người gần gũi Tưởng Vĩ Quốc đã tiết lộ, Tưởng Vĩ Quốc cũng đã biết dụng ý của "ông già" muốn giúp cho Tưởng Kinh Quốc nắm quân đội nên hạn chế mình phát triển trong quân đội. Để báo đáp công ơn nuôi dưỡng của Tưởng Giới Thạch, Tưởng Vĩ Quốc đành lòng với cương vị Hiệu trưởng trường Đại học quân sự.

Tưởng Vĩ Quốc tuy là "hoàng tử", nhưng hoàn cảnh thân thế phức tạp. Ông là người tương đối liêm khiết, trung thực hiền hậu, không thích bè phái, lạm quyền, được gọi là "tướng quân dân chủ", có uy tín lớn trong Binh đoàn Thiết giáp. Ông bị thay đổi công tác khiến rất nhiều quan quân thuộc Binh đoàn Thiết giáp không bằng lòng, thậm chí có người công khai chửi thẳng Tưởng Kinh Quốc là "bài trừ dị kỷ" (loại bỏ người khác chính kiến với mình).

Khi Tưởng Vĩ Quốc còn đương chức, nếu có việc phải rời Đài Loan ra nước ngoài đều giao cho Triệu Chí Hoa làm Quyền Tư lệnh. Khi mất chức, ông đã chính thức đề cử Triệu Chí Hoa lên thay, rất nhiều người cho rằng đó cũng là việc nghiễm nhiên. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch lại cử người tài năng và quá trình công tác không bằng Triệu lên làm "Tư lệnh Binh đoàn Thiết giáp". Điều đó càng làm cho quan quân thêm bất mãn.

Vừa khéo, "Tư lệnh" mới nhậm chức không lâu đã được cử đi học ở Viện Nghiên cứu thực tiễn cách mạng. Theo lệ thường, lúc này Triệu Chí Hoa phải thay mặt Tư lệnh. Thế nhưng, cũng như Tôn Lập Nhân hai lần tưởng được làm "Tổng Tham mưu trưởng", đều bị hẫng, Triệu Chí Hoa bị vấp hai lần liền. Tưởng Giới Thạch lại cử đại diện "Tư lệnh" khác không có liên hệ gì với Binh đoàn Thiết giáp, làm cho Triệu Chí Hoa không còn mặt mũi gì trước các bộ hạ. Ông ta kêu với Tưởng Vĩ Quốc xin từ chức ngay, nhưng Tưởng Vĩ Quốc hết lời khuyên can.

Tháng 2 năm 1964, đột nhiên ở Đài Loan có tin Binh đoàn Thiết giáp có người âm mưu gây cuộc "binh gián" đã thất bại. Triệu Chí Hoa bị giam giữ, các phần tử "Đài độc" ở Tokyo cũng

bàn tán về binh biến ở Đài Loan. Các nhà báo nước ngoài ở Đài Loan lùng tin khắp nơi, nhưng chính quyền Đài Loan giữ kín, làm cho người ta không biết thực hư thế nào. Khi có người hỏi phát ngôn "Bộ Quốc phòng" Đài Loan, chỉ nhận được trả lời là "có một sỹ quan phát biểu một số điều không thích hợp", "không có chuyện liên quan đến binh lính", "việc này không đáng để nêu ra", "chỉ là một việc ngoài ý muốn"…

Đến ngày 13 tháng 3, tờ Bình luận liên hợp Hồng Kông đăng một bài với tiêu đề Tình hình có thực về cái gọi là Binh biến Đài Loan, nói ngày 21 tháng 1 phát sinh Binh đoàn Thiết giáp Đài Loan diễn tập gần Hồ Khẩu ở Đài Bắc, do Triệu Chí Hoa chỉ huy. Sau khi Triệu Chí Hoa truyền đạt xong khoa mục diễn tập, đột nhiên hăng máu rút súng lục, kêu gọi binh sỹ ở thao trường: "Chính phủ ở Đài Bắc không chỉ tham lam làm sai pháp luật, bạc nhược không có năng lực, mà còn dùng người làm việc tự tư tự lợi. Để cứu nước nhà khỏi nguy cơ diệt vong, tất cả chúng ta cần phải xua đuổi lũ tham quan ô lại này ra khỏi Chính phủ. Khi cần thiết, quân nhân chúng ta phải can ngăn Tổng thống!" Binh lính sỹ quan ở đó bấy giờ có người vỗ tay tán thưởng, có người hô to "Đúng". Lúc đó, có một viên sỹ quan giơ cao tay tiến về trước mặt Triệu Chí Hoa nói lớn: "Tôi ủng hộ kiến nghị của Phó Tư lệnh Triệu." Triệu Chí Hoa nói rất vui, bắt tay người sỹ quan này. Ai ngờ người sỹ quan này nhân dịp Triệu Chí Hoa không đề phòng, đột ngột đánh rơi súng lục của Triệu Chí Hoa, ôm chặt ngang lưng Triệu. Bấy giờ có mấy hiến binh thừa cơ xông vào, trói Triệu mang đi. Sau việc này được biết sỹ quan "lập công lớn" đó là "nhân viên huấn luyện chính trị" được "Tổng Bộ Chính trị" phái đến đây.

Bài văn "nội bộ" này rất có thể phía Đài Loan cố ý lộ ra, để xoa dịu tính hiếu kỳ của nhiều người về vụ án này. Nhưng, chữ nghĩa sao chép trong truyện trinh thám lộ ra quá nhiều: (1) Nếu đúng là Triệu Chí Hoa muốn làm cuộc binh biến, tại sao lại không bố trí người thân tín để bảo vệ mình? (2) Triệu Chí Hoa đã từng là sỹ quan thị vệ của Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh, lại là "Phó Tư lệnh Binh đoàn Thiết giáp" được nhận xét là có năng lực, làm sao lại khờ khạo ngu xuẩn như thế được? (3) Trong hoàn cảnh đột nhiên Triệu Chí Hoa gây loạn, lý ra nhân viên công tác chính trị hoặc là phải thăm dò thực hư, hoặc rồi sẽ tính sau, hoặc là sợ gặp nguy hiểm có thể bị tay chân của Triệu bắn chết, phải bắn chết Triệu trước, chứ đâu lại diễn kịch bắt sống, lẽ nào biết trước chỉ có đơn độc một mình Triệu?

Theo tin nước ngoài và các báo chí ở Hồng Kông và Áo Môn, sau khi Triệu Chí Hoa bị bắt, lại có thêm hơn 30 tướng lĩnh trung, cao cấp trong Binh đoàn Thiết giáp bị bắt. Bản thân Tưởng Vĩ Quốc cũng "xin thứ tội" với Tưởng Giới Thạch. Sau này, Thượng tướng Bì Tông Cảm, người đã từng là Thị vệ trưởng của Tưởng Giới Thạch về làm Hiệu trưởng trường Đại học Liên hợp ba quân chủng nhận định: Đây là Tưởng Vĩ Quốc tự "hy sinh" bản thân, giữ gìn "huyết mạch" của Binh đoàn Thiết giáp. Nếu Tưởng Vĩ Quốc không "bày tỏ thái độ" thì sự việc này không biết còn liên quan đến bao nhiêu người nữa.

Bì Tông Cảm còn tiết lộ: "Ở trong tù Triệu Chí Hoa đã nhờ Tưởng Vĩ Quốc đệ trình lên Tưởng Giới Thạch một bức thư dài, Tưởng Giới Thạch xem xong trong lòng cũng có cảm động. Từ đó, ông chú trọng hơn đến chế độ nhân sự thăng chức, điều động hợp lý trong quân đội; xét duyệt nghiêm ngặt chế độ quản lý tài vụ trong quân đội, có ảnh hưởng rất lớn về mọi mặt đối với sự phát triển quân đội sau này."

Lúc đó, Tống Mỹ Linh đứng ra xin Tưởng Giới Thạch đổi lệnh tử hình Triệu Chí Hoa thành tù chung thân. Hơn 30 tướng tá bị liên lụy cũng được Tống Mỹ Linh bảo lãnh, cho nguyên chức chờ hưu, nghĩa là bề ngoài vẫn giữ nguyên chức cũ, thực tế hết quyền hành, chờ đủ thời hạn về hưu không bị truy cứu nữa.

Đáng chú ý là, khi xảy ra sự việc, Tưởng Vĩ Quốc đã không ở Binh đoàn Thiết giáp nữa, vì lẽ gì ông ta "xin chịu hình phạt"? Chỉ vì trước đây ông là thủ trưởng của Triệu Chí Hoa, rõ ràng không đủ lý do xử tội. Nếu ông xin chịu phạt, quả có phần lập dị, cấp trên cũng không thể chấp nhận.

Căn cứ vào thái độ chính trị của Tưởng Vĩ Quốc vốn không theo theo danh vị quan hệ của ông với gia đình. Bản thân ông, dù công khai hay ngấm ngầm, đều không thể ủng hộ Triệu Chí Hoa làm binh biến, điều này có thể khẳng định được. Nhưng những người như Triệu Chí Hoa thực sự nhiều lần đã tìm Tưởng Vĩ Quốc để bày tỏ nỗi bất mãn. Tưởng Vĩ Quốc có thể nói với họ những câu như "có ý kiến thì hãy phản ánh lên cấp trên" để an ủi họ, nhưng Triệu Chí Hoa lại cho đó là khuyến khích. Hơn nữa, Tưởng Vĩ Quốc nghe lời oán thán của những người như Triệu Chí Hoa, không hề tiết lộ với ai, điều này đối với Triệu Chí Hoa càng chứng tỏ ông ta là "người cha", cuối cùng bí quá hóa liều. Sau khi sự việc xảy ra, Tưởng Vĩ Quốc tự kiểm điểm, một là có thể có những lời nói bị Triệu Chí Hoa hiểu nhầm, tưởng rằng "Vĩ Quốc, thậm chí cả bà Mỹ Linh đều ủng hộ ta", hai là nghe những lời oán trách của những người như Triệu Chí Hoa, không báo cáo lên trên, vì vậy phải chịu một phần trách nhiệm, do đó "xin chịu tội".

Đại loại, cũng có tâm lý áy náy như "ta tuy không giết bá nhân, nhưng bá nhân vì ta mà chết". Tưởng Vĩ Quốc đã đến thăm Triệu Chí Hoa trong ngục nhiều lần và thu xếp ổn thỏa cho vợ Triệu. Về sau, Triệu Chí Hoa bị bệnh chết trong tù, Tưởng Vĩ Quốc lại lo ma chay cho ông ta và thu xếp công ăn việc làm cho con cái Triệu.

Còn bản thân Tưởng Vĩ Quốc, sau vụ "binh biến Hồ Khẩu", chỉ làm Trung tướng, Hiệu trưởng Trường Đại học Ba quân chủng. Học sinh được ông ta đào tạo như Tưởng Trọng Linh, Lưu Hòa Khiêm, Hứa Lịch Nông, Tống Tâm Liêm đều giữ chức vụ quan trọng trong quân đội, thanh thế, quyền lực, địa vị hơn ông ta.

Cho đến nay, những người đứng đầu Đài Loan bao gồm cả Tưởng Vĩ Quốc vẫn chối cãi sự thực về "cuộc binh biến Hồ Khẩu"; vẫn tuyên bố "chỉ là những lời phát biểu không thích hợp của một viên sỹ quan". Nhưng Triệu Chí Hoa bị tù chung thân là có thật. Với tư cách, địa vị và tài năng của ông ta, nếu không có người giúp đỡ, há lại tùy tiện nói được những "lời không thích hợp ư". Chỉ phát biểu những "câu không thích hợp" mà phải chịu hình phạt nặng nề thế sao? Còn Tưởng Vĩ Quốc nhiều năm vắng bóng sau "cuộc binh biến Hồ Khẩu", đây cũng là sự thực nhiều người đều biết, nếu sự việc đúng là một việc nhỏ không đáng đưa ra, tại sao ảnh hưởng đến đường công danh của Tưởng Vĩ Quốc? Theo tin nước ngoài và báo chí Hồng Kông, Áo Môn về việc này lại lấy tin từ một cận thần là Bì Tông Cảm, không phải là trầm phào tùy theo ý muốn, vì thế các luận điệu của chính quyền Đài Loan không làm cho người ta tin được.

Trước mắt có thể khẳng định, ít nhất bản thân Triệu Chí Hoa muốn làm cuộc binh biến. Nhưng việc có đồng mưu, có sự chuẩn bị sẵn về lực lượng, ở trên có người giúp đỡ hay không, binh biến trong hoàn cảnh nào, bị bắt ra sao, những vấn đề này đều khó kết luận. Vụ án khó hiểu này chính vì có liên quan đến chốn thâm cung.

IV. "TRUYỀN NGÔI" VÀ TẬP QUYỀN

Trong quá trình tan rã của các phe phái khác được sự giúp đỡ hết lòng của Tưởng Giới Thạch quyền thế của Tưởng Kinh Quốc ngày một phát triển. Cùng lúc ấy, Tưởng Giới Thạch thông qua điều chỉnh nhân sự về thủ đoạn lập pháp làm đảo lộn mối quan hệ bằng vốn có giữa các bộ ngành trong "Chính phủ", khiến cho địa vị độc tài của mình ngày một mạnh thêm.

Sau sự kiện "24-5" năm 1957, Tưởng Kinh Quốc bị Mỹ công khai coi là "phần tử chống Mỹ", Tưởng Giới Thạch đành phải đưa Kinh Quốc lui vào hậu trường, với tư cách "Chủ nhiệm Ủy ban phụ đạo binh sỹ thoái ngũ", lãnh đạo binh sỹ phục viên xây dựng con đường Hoành quán dài 348km. Khi Trần Thành lập "Nội các" lần thứ 2; cho Tưởng Kinh Quốc làm "Ủy viên chính trị", khi "Nội các" họp, Tưởng Kinh Quốc luôn yêu cầu bản thân "phải tự kiềm chế mình", "nhẫn nại chờ đợi", "phải miệt mài làm việc nghiêm túc cẩn thận không bộc lộ tài năng" ông đã từng nói rằng ông làm việc theo 3 nguyên tắc: (1) không nêu tên; (2) làm việc không có địa vị; (3) gánh vác việc người khác không dám làm và không dễ làm.

Ngấm ngầm, Tưởng Kinh Quốc lợi dụng quyền "Phó thư ký trưởng "Hội đồng Quốc phòng", nắm thật chắc hệ thống công tác chính trị, đặc vụ và "Đoàn Cứu quốc", đồng thời dùng sách

lược "trọng người không trọng chức vụ; tranh quyền hơn tranh địa vị" trong các Đảng, Chính, Quân, cài nhiều thân tín giữ các chức phó, để xây dựng cơ sở hạ tầng hùng hậu.

Tháng 9 năm 1963, trong tình trạng sức khỏe của Trần Thành ngày một xấu, Tưởng Kinh Quốc nhận lời thăm Mỹ. Điều đó chứng tỏ Mỹ đã hết hy vọng ở Trần Thành bắt đầu chuyển sang trông đợi ở Tưởng Kinh Quốc. Tháng 12, Tưởng Kinh Quốc nhậm chức "Phó Bộ trưởng Bộ quốc phòng" trong "Nội các" Nghiêm Gia Kiềm, điều này chứng tỏ ông ta đã bỏ hậu trường chính thức lên vũ đài. Du Đại Duy bấy giờ đang làm "Bộ trưởng quốc phòng" là thân gia của Tưởng Kinh Quốc, Du là chuyên gia đạn dược, không màng quyền lợi danh vọng, nhiệm vụ cấp trên giao cho ông ta đều hoàn thành chu đáo tỉ mỉ với tư cách một nhân viên kỹ thuật, vì thế rất được Tưởng Giới Thạch coi trọng, tuy không phải là Đảng viên Quốc dân đảng vẫn giữ chức "Bộ trưởng quốc phòng" mười năm. Sau khi Tưởng Kinh Quốc giữ chức "Thứ trưởng Bộ quốc phòng", Du Đại Duy tự động nhường lại công việc. Một năm sau, Du Đại Duy từ chức, đề cử Tưởng Kinh Quốc. Tháng 1 năm 1965 Tưởng Giới Thạch giao cho Tưởng Kinh Quốc làm "Bộ trưởng quốc phòng". Từ đó trở đi, Tưởng Kinh Quốc nắm toàn quyền hành trong quân đội.

Tháng 9 năm 1965, nửa năm sau khi Trần Thành chết, Tưởng Kinh Quốc thăm Mỹ lần thứ 3, cốt cho người cầm lái sau này của Đài Loan được sự công nhận và chúc mừng của Mỹ. Từ Mỹ về, Tưởng Kinh Quốc đã thành "người kế vị" duy nhất.

Tháng 2, tháng 3 năm 1966, Đại hội đại biểu quốc dân lần thứ 4 khóa I sẽ khai mạc. Trong Đại hội lần này, cha con Tưởng dự tính đạt mục tiêu cơ bản:

Thứ nhất, Tưởng Giới Thạch cần tiếp tục làm "Tổng thống", để dễ "truyền ngôi" sau này. Đối với Tưởng Giới Thạch, mục tiêu này quá không khó. Vì "Hiến pháp" đã bỏ điều hạn chế về liên nhiệm, chuyện trúng cử chẳng qua bầu cho phải phép. Điều duy nhất phải lo lắng là lúc đó Tưởng Giới Thạch đã 80 tuổi, nhiều năm khoác lác "phản công" mà chưa thực hiện được; giữ mãi địa vị "Tổng thống", khó tránh bị chế giễu là "già nua vô tác dụng", "Tổng thống suốt đời". Vì thế, ông ta giả bộ khẩn cầu Ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng để ông ta chuyên tâm đảm đương công việc Đảng và quân đội, không nên đề cử ông ta vì "còn nhiều đồng chí lão thành tài đức có cống hiến cho đất nước, cho nhân dân". Đồng thời ông ta còn yêu cầu hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên đề cử người ra ứng cử "Tổng thống" và "Phó Tổng thống". Kết quả không ngoài dự đoán, hai Đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên từ chối tranh cử với Tưởng, cho Trung ương Quốc dân đảng lặp lại luận điệu cũ rích "nhất trí mời Tưởng tiếp tục lãnh đạo". Do đó, Tưởng Giới Thạch lại trở thành ứng cử viên "Tổng thống" duy nhất không người tranh cử và "được bầu với số phiếu cao" trong ngày 21 tháng 3.

Thứ hai, chỉ liên nhiệm "Tổng thống" vẫn chưa đủ. Tưởng Giới Thạch còn muốn mở rộng quyền lực của "Tổng thống" hơn nữa, nghĩa là tước đoạt quyền hành chính của "Viện Hành chính" và quyền nhân sự của "Viện Khảo thí".

"Hiến pháp" Đài Loan lai tạp giữa chính thể lập hiến theo kiểu Anh, Mỹ và Ngũ quyền phân lập của Tôn Trung Sơn. Trong đó quy định chức trách của Tổng thống, không giống Tổng thống của Mỹ là Nguyên thủ quốc gia và đứng đầu hành chính, cũng không giống vua nước Anh là Nguyên thủ quốc gia chỉ có danh mà không có thực quyền. Giá trị quyền lực tựa hồ nằm giữa trách nhiệm thực tế và nguyên thủ hư vị. Về danh vị, "Tổng thống" cao hơn "Viện trưởng Hành chính". "Tổng thống" đề nghị "Viện Lập pháp" quyết định "Viện trưởng Hành chính". Nhưng về chức trách, quy định "Viện Hành chính" là cơ quan hành chính cao nhất. "Viện trưởng Hành chính" không chịu trách nhiệm trước "Tổng thống", chỉ chịu trách nhiệm trước "Viện Lập pháp". "Tổng thống" theo luật, công bố luật pháp, mệnh lệnh, phải phụ thuộc vào "Viện trưởng Hành chính" hoặc các ban bộ có liên quan. Có nghĩa là "Tổng thống" thực tế ít quyền hành chính hơn "Viện trưởng Hành chính". Sở dĩ những người như Hồ Thích không ngừng yêu cầu Tưởng Giới Thạch chỉ làm nguyên thủ "vô tri, vô năng, vô vi" (không biết, không năng lực, không làm), chính là đã nắm được những điều ghi trong "Hiến pháp" mà chiếu tướng Tưởng Giới Thạch.

Đồng thời, căn cứ vào lý luận Ngũ quyền phân lập, "Hiến pháp" còn quy định "Viện khảo thí là cơ quan thi cử cao nhất, nắm các công việc thi cử, bổ nhiệm, thẩm tra sắp xếp chức vụ, kiểm tra thành tích công tác của viên chức, cấp bổng lộc thăng chức, khen thưởng, trợ cấp vật chất về hưu, dưỡng lão..." Nghĩa là quyền nhân sự ở các bộ ngành do "Viện Khảo thí" nắm, chứ không nằm trong tay "Tổng thống".

Vì thế, Tưởng Giới Thạch gợi ý cho Đại biểu Đại hội toàn quốc lần này đưa ra đề án sửa đổi "Điều khoản lâm thời trong thời kỳ động viên thời chiến" để lợi dụng "Điều khoản lâm thời" giao cho Tưởng Giới Thạch quyền giải quyết khẩn cấp. Đây là lần thứ ba ông phát động chiếc tủ lạnh "Hiến pháp" để mở rộng quyền lực độc tài của "Tổng thống".

Điều khoản lâm thời thay đổi lần này, chủ yếu là tăng thêm hai Điều 4 và 5. Điều 4 quy định: "Trong động viên thời chiến, thể chế Hiến pháp trao quyền cho Tổng thống xây dựng bộ máy động viên thời chiến, quyết định các phương châm lớn có quan hệ với động viên thời chiến và xử lý các chính sách ngoài mặt trận." Trên thực tế là đồng ý để "Tổng thống" tiếp quản quyền hành chính vốn do "Viện trưởng Hành chính" nắm giữ. Điều 5 quy định: "Tổng thống để thích ứng với nhu cầu động viên thời chiến được điều chỉnh bộ máy hành chính, bộ máy nhân sự và tổ chức của Chính phủ Trung ương". Trên thực tế là đồng ý cho "Tổng thống" tiếp quản quyền nhân sự trước đây do "Viện Khảo thí" nắm.

"Điều khoản lâm thời" được sửa chữa lần này còn do "Đại hội quốc dân" thông qua hai điều văn về sử dụng vấn đề "mở niêm phong" hai quyền "soạn thảo" và "phúc quyết".

Ngài Tôn Trung Sơn chủ trương, nhân dân là chủ nhân của đất nước, được hưởng bốn quyền cơ bản là bầu cử, bãi miễn, soạn thảo và phúc quyết. Bốn quyền này, ở địa phương người dân được sử dụng trực tiếp, ở Trung ương do "Đại hội quốc dân" thực hiện. Hai quyền bầu cử và bãi miễn, có ý nghĩa không cần phải giải thích nhiều. Quyền "Soạn thảo" là chỉ "Đại hội quốc dân" có quyền soạn thảo các nguyên tắc pháp luật, giao trách nhiệm cho Viện Lập pháp căn cứ vào nguyên tắc này để định ra pháp luật. "Phúc quyết" là chỉ "Đại hội quốc dân" có quyền thẩm tra pháp luật do Viện Lập pháp định ra và có thể đồng ý, sửa đổi, phủ quyết hoặc hủy bỏ những luật đó. Pháp luật đã được "Đại hội quốc dân" phúc quyết, Viện Lập pháp không được tự tiện hủy bỏ, luật pháp mà "Đại hội quốc dân" đã sửa đổi, phúc quyết hoặc hủy bỏ. "Viện Lập pháp" không được đặt ra luật tương tự. Sử dụng hai quyền soạn thảo, phúc quyết, thể hiện sự công bằng trong nội bộ cơ quan dân ý. Đây là nguyên tắc "dân làm chủ" của ngài Tôn Trung Sơn, ông cho rằng có một số nước có áp dụng bộ ngành hành chính có quyền giải tán Quốc hội làm việc không hiệu quả, cho nên thay bằng cơ cấu dân ý hai cấp để làm đối trọng của nhau…

Khi soạn thảo "Hiến pháp", đại biểu hai đảng Dân chủ Xã hội và Thanh niên thấy Quốc dân đảng bao biện tuyển cử đã phản đối sử dụng ngay hai quyền soạn thảo và phúc quyết, để đề phòng lực lượng chính trị của Quốc dân đảng mạnh thêm, xem xét mọi phía, chủ yếu thấy trình tự dân chủ càng thiếu, sự chế ước lẫn nhau càng kém, càng có lợi cho độc tài, vì Tưởng Giới Thạch cũng bằng có ý nhượng bộ trong vấn đề này, do vậy điều 27 trong "Hiến pháp" đã viết: "Về hai quyền soạn thảo và phúc quyết, ngoài hai điều khoản 3, 4 quy định ở mục trước, đợi đến khi một nửa số huyện thị trong cả nước sử dụng hai quyền soạn thảo, phúc quyết thì Đại hội quốc dân định ra biện pháp và sử dụng." Vì tồn tại khu giải phóng rộng lớn, việc chờ đến khi "quá nửa số huyện thị trong cả nước" sử dụng hai quyền là không thể, vì vậy mà điều thứ 27 chẳng khác gì đem niêm phong hai quyền này lại, vấn đề "mở niêm phong" cũng từ đó mà được đặt ra.

Từ "Đại hội quốc dân" lần thứ nhất khóa I năm 1948 trở đi, "Đại biểu Quốc hội" chiếm đa số áp đảo, về cơ bản là các đại biểu của Quốc dân đảng muốn mở rộng quyền lực của mình đã từng đưa ra đề án "mở niêm phong" đòi sửa đổi điều 27 của "Hiến pháp", nhưng đều bị Trung ương Quốc dân đảng kìm hãm bằng chiến thuật dây dưa kéo dài.

Tháng 7 năm 1960, Quốc dân đảng đồng ý thành lập "Ủy ban nghiên cứu soạn thảo quyền lập

hiến ở Đại hội Quốc dân", đưa ra giải pháp thi hành hai quyền soạn thảo, phúc quyết". Tới tháng 2 năm 1966, cũng tức là trước khi khai mạc "Đại hội quốc dân" lần thứ 4 khóa I, nhằm tranh thủ các đại biểu bỏ phiếu đồng ý giao quyền cho "Tổng thống" lập bộ máy động viên thời chiến và cơ cấu điều chỉnh nhân sự về hình thức, nhà cầm quyền lúc bấy giờ không thể không hoàn thành việc mở niêm phong. Do vậy khi sửa đổi "Điều khoản lâm thời" lần này, đã tăng thêm hai điều: "Thời kỳ động viên thời chiến Đại hội quốc dân được đặt ra biện pháp soạn thảo các nguyên tắc luật soạn thảo và phúc quyết luật pháp Trung ương, không bị hạn bởi mục 2 điều 27 trong Hiến pháp"; "Thời gian Đại hội quốc dân họp, xây dựng bộ máy nghiên cứu, để xem xét các vấn đề chính trị dân chủ liên quan."

Ngày 8 tháng 2, hội nghị lâm thời "Đại hội quốc dân" thông qua Biện pháp thi hành quyền soạn thảo và phúc quyết của Đai hội quốc dân, cơ bản dựa theo lý luận chủ nghĩa dân quyền của ngài Tôn Trung, quy định phạm vi sử dụng và biện pháp sử dụng hai quyền đó.

Vậy mà, Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa diễn trò ảo thuật chính trị "tay trái duỗi ra, tay phải rụt lại". Tức là, về hình thức đồng ý "mở niêm phong và thông qua" biện pháp sử dụng hai quyền, nhưng ngược lại không quy định thời gian thi hành biện pháp đó. Đồng thời, ông còn dùng mệnh lệnh để cấm các Đảng viên là "Đại biểu Quốc hội" sử dụng hai quyền này, khiến cho những quy định về "mở niêm phong" đều trở thành phi thực tế.

Do hai quyền soạn thảo và phúc quyết không được sử dụng, thành ra "Quốc hội", cơ quan quyền lực cao nhất chỉ là một cái máy bỏ phiếu cử "Tổng thống" và "Phó Tổng thống" sáu năm một lần. Cái mà Tôn Trung Sơn mong muốn là một Quốc hội hữu hình, một bộ máy thường trực có chức năng lập pháp nay đã trở thành "Quốc hội vô hình" ngay sau khi bầu xong "Tổng thống". Để làm yên lòng các vị "Đại biểu Quốc hội" bị thu hẹp quyền lực. Căn cứ vào "Điều khoản lâm thời" về thời kỳ "Đại hội quốc dân không họp, xây dựng cơ cấu nghiên cứu, xem xét các vấn đề lập hiến." Do đó, người ta đã thành lập Ủy ban Xem xét chính trị lập hiến của "Quốc hội". Nhìn hình thức biết ngay nội dung: Đây chỉ là "cơ cấu nghiên cứu" chứ không phải "cơ cấu quyền lực", chẳng qua là cho một chỗ để các "Đại biểu Quốc hội" không thích yên tĩnh đến chơi trò "Hiến pháp" cho hết thời gian mà thôi.

Tình cảnh này, đương nhiên các "Đại biểu Quốc hội" tức điên lên. Khi bầu "Tổng thống", họ không dám "động thổ trên đầu Thái tuế", ngoan ngoãn bỏ phiếu cho Tưởng Giới Thạch. Nhưng khi bầu "Phó Tổng thống", họ không kìm giữ được nữa, phải cho chính quyền biết tay.

Theo quy định trong "Hiến pháp", "Phó Tổng thống" Đài Loan không có thực quyền. Nhưng Tưởng Giới Thạch là "Tổng thống" khóa 4 đã ngoài 80 tuổi. Nếu bỗng dưng "băng hà", "Phó Tổng thống" đương nhiên sẽ lên làm "Tổng thống". Nếu trong nhiệm kỳ lại cử người khác thì mọi thủ đoạn Tưởng Giới Thạch đã dùng để mở rộng quyền lực của "Tổng thống", chẳng hóa là "may áo cho người ta đi lấy chồng ư"?

Nếu Tưởng Kinh Quốc làm "Phó Tổng thống", đương nhiên không cần lo lắng về vấn đề quyền lực tuột khỏi tay. Nhưng hai cha con, một người làm "Tổng thống", một người làm "Phó Tổng thống", không tránh khỏi làm trò cười. Vì thế Tưởng Giới Thạch không thể sắp xếp vậy. Sự thực lúc đó có một số "Đại biểu Quốc hội" muốn thấy cảnh nhốn nháo, ngầm vận động đề cử Tưởng Kinh Quốc làm "Phó Tổng thống". Bề ngoài có vẻ tâng bốc Tưởng, thực tế hại Tưởng, cho nên "bị phía có liên quan can ngăn" ngay.

Sau khi Quốc dân đảng thi hành "Hiến pháp", mới chỉ có Lý Tôn Nhân và Trần Thành làm "Phó Tổng thống". Hai vị này đều có cơ sở quyền lực và vốn chính trị của mình. Lý Tôn Nhân đã lợi dụng địa vị "Phó Tổng thống" diễn vở ăn hiếp vua. Trần Thành tuy trung thành nhưng khi còn sống vẫn có người muốn đưa ông lên. Thời kỳ tranh luận "bảo vệ hiến pháp và sửa đổi hiến pháp" năm 1960, ông đã gây cho Tưởng Giới Thạch khá nhiều phiền phức. Vì thế, Trần Thành chết đi Tưởng Kinh Quốc không tiện làm "Phó Tổng thống", cũng không thể tiếp nhận một số người có thực lực khác được. Chức vụ này phải để người nào không có mưu đồ cá nhân, không

có phe phái và lực lượng riêng, cam tâm làm bình phong và giàn hoa, bằng lòng giúp đỡ Tưởng con.

Tưởng Giới Thạch đã chọn được con người như vậy, đó là Nghiêm Gia Kiềm. Ông tốt nghiệp Khoa Hóa trường Đại học Thánh Ước Hàn, Thượng Hải; vốn là quân của Trần Nghị, sau được Trần Thành coi trọng. Ông là quan chức kỹ thuật, đã từng chủ trì cải cách tiền tệ, rất nổi tiếng về khả năng cân bằng tài chính. Ông tinh thông triết học chính trị Hoàng Lão, không bè phái, không dùng người riêng, khả năng quyền lực như vậy không thể là chướng ngại cho Tưởng Kinh Quốc kế vị sau này.

Khi Quốc dân đảng chạy ra Đài Loan, Nghiêm Gia Kiềm chỉ là Trưởng Ty Tài chính tỉnh Đài Loan. Với quá trình công tác như vậy lại làm "Phó Tổng thống", rất nhiều người chắc sẽ không phục. Vì thế, trước khi đề cử, Tưởng Giới Thạch đã phải tốn công sắp đặt.

Theo lệ thường, ứng cử viên "Phó Tổng thống" trước hết phải do Tưởng Giới Thạch đề nghị Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng thông qua mới được coi là ứng cử viên do Quốc dân đảng giới thiệu, sau đó giao cho "Đại hội Quốc dân bầu cử".

Ngày 7 tháng 3, Tưởng Giới Thạch phát biểu ở Hội nghị Trung ương 3 khóa IX rằng: "Trung ương lấy nhân tài làm đầu." "Đảng phải bằng mọi khả năng để bạt người tận tiến." Rào đón xong, Tưởng Giới Thạch lại giả bộ chọn trong bốn người là Trương Quần, Hà Ứng Khâm, Khổng Khoa, Nghiêm Gia Kiềm. Thông tấn xã Trung ương Đài Loan sắm đạo cụ chuẩn bị bốn bức ảnh tiêu chuẩn của bốn ứng cử viên này. Tưởng Giới Thạch làm việc riêng với Trương Quần, đề nghị ông ứng cử "Phó Tổng thống". Lão luyện trong quan trường, Trương Quần đã hiểu ý Tưởng Giới Thạch, ông vội vàng thoái thác nói mình đã già, đề nghị cử người dưới 70 tuổi mới phải.

Đến ngày 10 tháng 3, theo chương trình của Hội nghị Trung ương 3 khóa IX, đã đến ngày bỏ phiếu thông qua danh sách người được đề cử Phó Tổng thống, nhưng Tưởng Giới Thạch tạm thời triệu tập Trương Quần và Ủy viên Thường vụ Trung ương hỏi ý kiến về danh sách, quyết định đề cử Nghiêm Gia Kiềm, lấy biểu quyết ngay. Tưởng Giới Thạch nói: "Chỗ mạnh của đồng chí Nghiêm Gia Kiềm chính là chỗ yếu của tôi; chỗ mạnh của tôi cũng chính là chỗ yếu của đồng chí Nghiêm Gia Kiềm." Kết quả bỏ phiếu, Nghiêm Gia Kiềm được thông qua với số phiếu gần như tuyệt đối.

Tiếp theo, lại phải xem các "Đại biểu Quốc hội" có chịu bỏ phiếu cho Nghiêm Gia Kiềm hay không. Bảo đảm chắc chắn Nghiêm Gia Kiềm trúng cử đó chính là mục tiêu thứ ba mà cha con Tưởng trông cậy ở Đại hội lần này.

Trước khi bỏ phiếu, có một số đại biểu đã gây áp lực đòi Nghiêm Gia Kiềm đáp ứng các điều kiện phúc lợi, nếu không sẽ xảy ra trường hợp "để khó". Đến ngày 22 tháng 3, khi bỏ phiếu, quả nhiên xuất hiện "tình hình nguy hiểm". Tổng số phiếu phát ra ngày hôm ấy là 1.417, thu về 1.416 phiếu. Số phiếu quá bán tức là số phiếu trúng cử thấp nhất là 708. Nghiêm Gia Kiềm lại được 782 phiếu trúng cử với vẻn vẹn dư 74 phiếu, trong đó có rất nhiều phiếu khả nghi (theo quy tắc, phiếu tán thành phải khoanh một vòng dưới tên ứng cử viên, nhưng có phiếu lại khoanh rất nhiều vòng, những phiếu này đáng lý là phiếu hỏng, nhưng lúc kiểm phiếu vẫn tính là phiếu tán thành).

Hơn sáu trăm Đại biểu không bỏ phiếu cho Nghiêm Gia Kiềm, tuyệt đại đa số là Đảng viên Quốc dân đảng. Việc họ từ chối bỏ phiếu theo danh sách Trung ương đưa ra, chẳng khác gì một cuộc thị uy chính trị với quy mô lớn. Hành động chưa từng thấy này phản ánh tâm lý chán chường đã tới cực điểm của các đại biểu đối với cuộc sống tượng gỗ chính trị của họ.

Dù sao Nghiêm Gia Kiềm, với số phiếu ít ỏi đáng thương, cũng đã trúng cử. Ba mục tiêu cha con Tưởng trông mong ở "Đại hội quốc dân" lần 4 khóa I thế là đã hoàn thành, "có sợ nhưng không nguy hiểm".

Đến đây, việc truyền ngôi của Tưởng Giới Thạch đã được sắp đặt đâu vào đấy. Đó là thể chế "Tưởng (cha) – Nghiêm" hiện hành trên danh nghĩa sẽ quá độ sang thể chế "Tưởng (con) – Nghiêm". Về thực chất, sau này Tưởng Kinh Quốc muốn hiệp sức với ai là tùy sự yêu ghét của cá nhân ông ta.

Tháng 2 năm 1967, Tưởng Giới Thạch căn cứ vào quyền được giao theo Điều 4 trong "Điều khoản lâm thời", công bố Cương yếu tổ chức Hội đồng An ninh quốc gia thời chiến; đổi "Hội đồng Quốc phòng" có quyền lực vô hạn bấy lâu nay nhưng không có cơ sở pháp lý, thành "Hội đồng An ninh quốc gia thời chiến", cho các bộ ngành hành chính ra lệnh chỉ huy "một cách hợp pháp".

Cương yếu tổ chức Hội đồng An ninh quốc gia thời chiến quy định "Tổng thống" làm "Chủ tịch". Các thành viên bao gồm "Phó Tổng thống", "Bí thư trưởng Phủ Tổng thống", "Tham quân trưởng", "Viện trưởng", "Viện phó Hành chính", "Bộ trưởng" các Bộ Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Kinh tế, Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các đơn vị tự trị, "Bí thư trưởng Hội đồng An ninh Quốc gia" và các thành viên do "Tổng thống" chỉ định. Nhiệm vụ của nó là: (1) Quyết định các phương châm chính sách lớn; (2) Quyết định các chính sách lớn về quốc phòng; (3) Quyết định các dự án, kế hoạch kiến thiết quốc gia; (4) Hoạch định và chỉ đạo tác chiến tổng thể; (5) Quyết định chính sách và đôn đốc chỉ đạo về tổng động viên nhà nước; (6) Xử lý công việc hành chính trên chiến trường; (7) Ra các quyết sách quan trọng về động viên thời chiến khác. Như vậy, "Hội đồng An ninh Quốc gia" sẽ trở thành "Nội các thái thượng" trực tiếp nghe lệnh "Tổng thống". Còn những quy định về địa vị, quyền lực của "Viện Hành chính" trong "Hiến pháp" đã thành những điều nói suông. Đúng như Tưởng Giới Thạch thừa nhận: "...Hội đồng An ninh Quốc gia chính là cơ cấu lãnh đạo thời chiến được xây dựng trong thể chế lập hiến. Nó vừa là một cơ cấu quyết định chính sách, chỉ đạo và kiểm tra, đồng thời là cơ cấu tổng hợp, điều tiết. Sau khi cơ cấu này được thành lập, "Viện Hành chính" phải báo cáo với cơ quan này mọi phương châm, kế hoạch thi hành chính sách, dự toán hàng năm và những việc trọng yếu khác. Đồng thời, còn phải chịu trách nhiệm thực hiện những quyết nghị của cơ quan này. Thế là "Viện Hành chính" vốn chỉ chịu trách nhiệm trước "Viện Lập pháp", bây giờ trước hết phải chịu trách nhiệm với "Tổng thống"; thực tế đã trở thành ê kíp tay sai của "Tổng thống", là bộ máy chấp hành cấp dưới của "Hội đồng An ninh quốc gia".

Tháng 7 năm 1967, Tưởng Giới Thạch lại lấy quyền được giao theo Điều 5 của "Điều khoản lâm thời", hạ lệnh thành lập "Cục Hành chính Nhân sự Viện Hành chính". Vương Chính Nghị, người nhà bên ngoại, làm "Cục trưởng". Vương nắm các công việc hành chính, nhân sự trong các đơn vị thuộc "Viện Hành chính", khống chế phần lớn quyền nhân sự vốn do "Viện Khảo thí" nắm.

Từ đó Tưởng Giới Thạch trở thành "Tổng thống" có quyền xử lý khẩn cấp, quyền hành chính tối cao, quyền nhân sự và nhiệm kỳ vô kỳ hạn. Quan hệ ước chế lẫn nhau của Ngũ quyền phân lập được quy định trong "Hiến pháp" đã bị đảo lộn hoàn toàn.

Mặt khác, vấn đề sử dụng hai quyền soạn thảo và phúc quyết của "Quốc hội" đã mở niêm phong khỏi "Điều khoản lâm thời", chính quyền Đài Loan cứ trì hoãn mãi không chịu thi hành. Sau này, mấy lần trước khi họp "Đại hội Quốc dân", Trung ương Quốc dân đảng đều phải thông qua quyết nghị, ra lệnh cấm đại biểu là Đảng viên không được kiến nghị đòi sử dụng hai quyền soạn thảo và phúc quyết. Trong "Đại hội Quốc dân" lần thứ 5 khóa I năm 1972 và "Đại hội Quốc dân" lần thứ 6 khóa I năm 1978, có một số đại biểu là Đảng viên Quốc dân đảng không chấp hành lệnh cấm, liên kết với đại biểu ngoài Đảng, đề xuất bàn về hai quyền soạn thảo và phúc quyết, bị Trung ương Quốc dân đảng dọa khai trừ, họ phải rút lui ý kiến, khiến cho không đủ đa số phiếu pháp định, phải gác lại. Cho đến nay, "Quốc hội" vẫn chưa bao giờ thông qua một soạn thảo, phúc quyết nào.

Những điều trên đây đủ chứng tỏ bản chất thể chế chính trị Đài Loan hiện nay. "Hiến pháp" thiêng liêng bị xuyên tạc tùy ý do "Điều khoản lâm thời". Chẳng hạn như nhiệm kỳ của "Tổng thống", quyền nhân sự, quyền hành chính... đều bị "Điều khoản lâm thời" vô hiệu hóa. Nhưng

“Điều khoản lâm thời” đầy uy lực cũng chẳng thiêng liêng gì đối với cha con Tưởng. Điều nào trong đó bất lợi cho họ, vẫn có thể bị thủ tiêu bằng nhiều cách. Ví dụ như vấn đề mở niêm phong đối với hai quyển soạn thảo và phúc quyết chẳng hạn. Do đó, phương hướng chính trị ở Đài Loan không phải do dân ý lựa chọn, cũng chẳng do quy định trong “Hiến pháp”, thậm chí “Điều khoản lâm thời” cũng không là gì, mà chỉ do ý chí cá nhân của cha con Tưởng. “Chính trị lập hiến” mũ áo đàng hoàng thực tế chỉ là bộ máy gia đình trị mà thôi.

13. PHÒNG TUYẾN NGOẠI GIAO LIÊN TIẾP ĐỔ VỠ

I- NIXON GÂY CHẤN ĐỘNG

Tháng 11 năm 1968, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ kết thúc, ứng cử viên của Đảng Cộng hòa Mỹ là Richard M. Nixon chiến thắng đối thủ Johnson, trở thành vị Tổng thống thứ 37 của nước Mỹ.

Trong quá trình tranh giành chiếc ghế Tổng thống, Nixon cân nhắc, phân tích thời cuộc, nhận thấy Mỹ không còn sức đóng vai trò "Cảnh sát quốc tế" nữa. Trước tình hình Liên Xô ráo riết bành trướng, Nixon cho rằng tiêu điểm giành giật Mỹ – Xô là ở châu Âu và Trung Âu. Vì thế, Mỹ cần phải nhanh chóng rút khỏi vũng lầy chiến tranh Việt Nam, đồng thời tìm cách cải thiện quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Phong trào chống chiến tranh và phong trào học sinh, sinh viên nổi lên rầm rộ ở Mỹ lúc đó buộc bất kỳ nhà cầm quyền nào của Mỹ cũng phải gắng theo hướng đó.

Tháng 10 năm 1967, trong một bài báo quan trọng đăng trên tạp chí Ngoại giao của Mỹ, Nixon nêu rõ: "Hành tinh nhỏ bé này không đủ chứa nên đã khiến một tỷ nhân dân giàu tài năng nhất phải sống trong cảnh căm phẫn và cô lập." Đây là lần đầu tiên Nixon để lộ ý định muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Ngày 9 tháng 8 năm 1968, tức là ít ngày sau khi đồng ý làm ứng cử viên Tổng thống do Đảng Cộng hòa đề cử, khi nói chuyện với phóng viên một tạp chí của Mỹ, Nixon đã nhắc lại: "Chúng ta không được lãng quên Trung Quốc, chúng ta cần thường xuyên tìm cơ hội đối thoại với Trung Quốc, như đối thoại với Liên Xô vậy."

Tháng 1 năm 1969, Nixon tuyên thệ nhậm chức Tổng thống. Trong diễn văn nhận chức, Nixon ngầm bày tỏ cử chỉ hòa giải với Trung Quốc. Ông nói: "Hãy để cho tất cả các nước đều biết rằng, trong thời gian chính quyền này cầm quyền, con đường nói chuyện của chúng tôi luôn rộng mở. Chúng tôi mưu cầu một thế giới mở cửa – mở cửa về tư tưởng, mở cửa về mặt giao lưu, trao đổi hàng hóa và người qua lại – một dân tộc, bất kể dân số nhiều hay ít, đều không thể sống trong cảnh căm phẫn và cô lập." Nhóm từ "căm phẫn và cô lập" này lập tức làm mọi người nghĩ ngay đến bài báo đăng trên tạp chí Ngoại giao năm 1967. Do đó, người ta càng tiết lộ rằng câu "mưu tìm mở cửa" là nhằm nói với Trung Quốc. Sau này, nhóm từ "căm phẫn và cô lập" đã trở thành một thuật ngữ cơ bản trong Chủ nghĩa Nixon và được rất nhiều người dùng để hình dung về Trung Quốc trong thập kỷ 1950-1960.

Tuy nhiên, tư tưởng của Nixon lúc đó tự mâu thuẫn nhau. Thậm chí, trong diễn văn nhậm chức, ông ta không dám nói đến chữ "Trung Quốc", khiến cho Kissinger, Trợ lý An ninh Quốc gia của Nixon lúc đó cho rằng "nhẽ ra có thể có phong độ chính khách hơn nữa". Nói cách khác là còn thiếu phong cách của một chính khách. Năm ngày sau khi nhậm chức, Nixon đã ra lệnh thay thế một vị đại sứ với lý do vị đại sứ Mỹ này đã không ngăn cản được nước sở tại lập quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh. Trong cuộc họp báo đầu tiên tổ chức ngày 27 tháng 1 năm 1969, Nixon vẫn công kích Trung Quốc như cách làm cũ ở Mỹ.

Do thái độ tự mâu thuẫn này của Nixon, thêm vào đó là sự quấy nhiễu của đường lối tả khuynh trong ngành ngoại giao Trung Quốc đã khiến cho Bắc Kinh không để ý đến tín hiệu hòa giải do Nixon đưa ra.

Tháng 2 năm 1969, trong một bản ghi nhớ gửi cho Kissinger, Nixon yêu cầu "phải khuyến khích thăm dò khả năng cải thiện quan hệ với Trung Quốc", nhưng "việc này phải được làm kín đáo, riêng tư, tuyệt đối không được do phía chúng ta công khai cho báo chí biết". Về việc này, Kissinger nêu rõ: "Chính quyền mới có ý đi tới Trung Quốc, nhưng vẫn chưa phải là một chiến

lược." "Mãi đến tháng 3 năm 1969, quan hệ Trung Quốc – Mỹ thực chất xem ra vẫn đóng băng trong tình trạng thù địch; không hiểu biết nhau, không tin tưởng nhau như 20 năm qua."

Tháng 3 năm 1969, hai nước Trung Quốc – Liên Xô xảy ra mấy lần chiến đấu ác liệt ở khu vực đảo Trân Bảo thuộc biên giới đông bắc Trung Quốc. Tháng 4, tháng 5, hai nước lại nổ ra cuộc xung đột vũ trang ở biên giới Tân Cương. Quan hệ Trung Quốc – Liên Xô căng thẳng đến cực điểm.

Khi xảy ra chiến tranh ở Trân Bảo, Nixon và Kissinger đều cho là "có thể do Bắc Kinh gây ra cuộc chiến". Song chính họ lại nghi hoặc, vì lẽ: "Kẻ ở vào thế yếu thường không bao giờ tiến hành cuộc tiến công không giới hạn để tự chuốc lấy thất bại." Đến khi xảy ra xung đột ở Tân Cương, Kissinger nghiên cứu kỹ các tài liệu tình báo do vệ tinh Mỹ thu thập được, phát hiện ra rằng địa điểm xảy ra xung đột cách điểm cuối cùng của đường xe lửa Liên Xô chỉ có mấy dặm, ngược lại cách các đường xe lửa của Trung Quốc những mấy trăm dặm. Phát hiện đó chứng minh rằng Trung Quốc không phải là kẻ khiêu khích, bởi lẽ một sỹ quan chỉ huy quân sự dù ngu ngốc đến mấy cũng không chọn địa điểm bất lợi như vậy để mở cuộc tiến công. Cuối cùng Mỹ đã nhận định là Liên Xô có ý đồ xâm lược Trung Quốc. Đứng trên lập trường của Mỹ để xem xét, tuyệt nhiên Mỹ không muốn thấy Trung Quốc bị Liên Xô khống chế. Đồng thời, Mỹ cũng ý thức được rằng, sức ép quân sự của Liên Xô đối với Trung Quốc có thể sẽ buộc Trung Quốc phải dịu bớt sự thù địch với Mỹ, do đó có lợi cho Mỹ thoát khỏi cuộc chiến ở Việt Nam. Mặt khác, việc Trung Quốc lôi kéo, ghìm chân hàng triệu quân Liên Xô có thể giúp làm giảm sức ép mà Mỹ phải chịu ở châu Âu. Trên cơ sở nhận thức như vậy, Kissinger báo cáo với Nixon, cho rằng Mỹ nên nắm lấy thời cơ chiến lược tốt đẹp này, nhanh chóng cải thiện quan hệ với Trung Quốc, nhằm làm cho "sự quan tâm của Liên Xô" đạt đến "mức độ có lợi cho chúng ta". Nixon ghi lời phê duyệt vào bản báo cáo này rằng: "Đây chính là mục tiêu của chúng ta."

Kissinger viết: "Từ đó trở đi, mọi sự mông lung mơ hồ đều tan biến, chúng tôi không hề do dự đi đến những biến đổi trọng đại trong nền ngoại giao thế giới." "Chúng tôi phải khắc phục trạng thái tâm lý được hình thành lâu nay, không nên coi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là kẻ thù không đội trời chung, mà chỉ coi họ là một nước bị thiệt thòi có liên quan với vấn đề Đài Loan." Vì lẽ đó, chính quyền Nixon bắt đầu khuyến khích các nghị sỹ Quốc hội Mỹ đi thăm Trung Quốc và chỉ thị cho các sứ quán Mỹ ở nước ngoài, yêu cầu "khéo léo khuyến khích" họ thiết lập quan hệ với các nước bị Liên Xô thúc ép không được thiết lập quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh. Đây cũng là một sự thay đổi đầy kịch tính, bởi chỉ mấy tháng trước đó, Nixon đã cách chức một đại sứ chỉ vì ông ta đã không ngăn cản được nước sở tại thiết lập quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh.

Ngày 21 tháng 7, Chính phủ Mỹ tuyên bố cho phép sáu loại người Mỹ được đến Đại Lục Trung Quốc với danh nghĩa thăm quan. Các công dân Mỹ từ nước ngoài về được phép đem theo đồ dùng do Trung Quốc sản xuất, giá trị một trăm đô-la Mỹ.

Ngày 24 tháng 7, Trung Quốc tuyên bố hai người Mỹ bị mất tích trên du thuyền ở vùng biển Hồng Kông đã được cứu thoát tại vùng lãnh hải Trung Quốc, có thể trở về một vài ngày tới. Từ sự việc nhỏ này, ngay lập tức phía Mỹ hiểu rằng phía Bắc Kinh có nguyện vọng cải thiện quan hệ với Mỹ. Ngày 1 tháng 8, khi tới thăm Pakistan, Nixon đã nhờ Tổng thống Pakistan Yahya Khan chuyển lời tới vị lãnh đạo "cấp cao nhất" của Trung Quốc biết rằng Mỹ tuyệt đối sẽ không tham dự vào bất kỳ sự sắp xếp nào nhằm cô lập Trung Quốc nữa. Đây là sự dọn đường cho "con đường Pakistan" về "ngoại giao bí mật" Trung Quốc – Mỹ sau này.

Ngày 2 và ngày 3 tháng 8, Nixon lặp lại chuyện này với Chủ tịch Rumani là Nicolae Ceauşescu tại Bucharest. Nixon nhờ Ceauşescu nói lại với các nhà lãnh đạo Trung Quốc rằng Mỹ phản đối việc thành lập bất kỳ một khối nhỏ nào ở châu Á nhằm chống lại Trung Quốc; rằng chính sách của Mỹ là xây dựng quan hệ hữu hảo với cả Liên Xô và Trung Quốc. Ceauşescu đồng ý sẽ chuyển cho Bắc Kinh ý tứ đó của phía Mỹ và sẽ thông báo cho Mỹ biết phản ứng từ phía Bắc Kinh. Như vậy là lại mở thêm "con đường Rumani" trong quan hệ Trung Quốc – Mỹ.

Ngày 9 tháng 9, Kissinger thông báo cho Đại sứ Mỹ tại Vacsava là Stoessel, yêu cầu ông ta khi gặp Đại sứ Trung Quốc trong các buổi tiếp tân xã giao thì chuyển cho phía Trung Quốc một tin là: Mỹ sẵn sàng cùng Trung Quốc "tiến hành hội đàm nghiêm chỉnh". Ngày 3 tháng 12, Stoessel đã thông báo tin đó cho đại biểu lâm thời Trung Quốc tại Vacsava là Lôi Dương. Tám ngày sau, Đại sứ quán Trung Quốc tại Vacsava đã mời Stoessel đến Sứ quán Trung Quốc với tư cách khách mời. Stoessel nhận lời và nói rằng: "Tôi sẽ vui mừng và thận trọng đi cửa sau vào Đại sứ quán." Ngược lại, phía Đại sứ quán Trung Quốc tỏ rõ rằng không cần phải làm như vậy, hoan nghênh ngài Đại sứ đi vào từ cổng chính. Thế là, Đại sứ Stoessel đã thật sự bước vào Đại sứ quán Trung Quốc từ cổng chính, đồng thời đã trao đổi chuyện trò với Lôi Dương trong bầu không khí "chan hòa". Đây là lần đầu tiên kể từ ngày nước Trung Quốc mới được thành lập, một người Mỹ với tư cách quan chức Chính phủ bước vào một cơ quan chính thức của Trung Quốc. Kissinger nói: Việc này khiến "chúng tôi rất ngạc nhiên".

Ngày 19 tháng 12, Chính phủ Mỹ tuyên bố các công ty Mỹ có thể tiến hành trao đổi hàng hóa không mang tính chất chiến lược với Trung Quốc, hủy bỏ các quy định trước đây về việc công dân Mỹ ở nước ngoài về chỉ được mang theo hàng hóa Trung Quốc trị giá một trăm đô-la.

Ngày 25 tháng 12, Chính phủ Mỹ lại tuyên bố về việc tuần tiễu của Hạm đội 7 của Mỹ ở vùng eo biển Đài Loan từ chỗ định kỳ nay chuyển thành không định kỳ. Cùng ngày, Nhà Trắng tuyên bố phản đối việc bán cho Đài Loan một trung đội máy bay F-4D.

Ngày 26 tháng 1 và ngày 18 tháng 2 năm 1970, Thượng viện và Hạ viện Mỹ lần lượt thông qua nghị quyết nêu rõ, trong dự án luật viện trợ quân sự cho bên ngoài, cắt giảm 54,5 triệu đô-la Mỹ trước đây định cung cấp cho Đài Loan để mua máy bay F-4D.

Tháng 2 năm 1970, Nixon đệ trình trước Quốc hội Mỹ một bản báo cáo, trong đó viết: "Trung Quốc là một dân tộc vĩ đại, giàu sức sống, họ không nên bị cô lập với đại gia đình quốc tế… Chúng ta sẽ áp dụng mọi cách có thể được để cải thiện quan hệ thực tế với Bắc Kinh, điều đó khẳng định sẽ có ích đối với chúng ta, đồng thời cũng giúp ích cho hòa bình và ổn định ở châu Á và thế giới." Câu nói được Nixon gọi là: "Bước đi công khai nghiêm chỉnh đầu tiên trong hành động chủ động của Mỹ đối với Trung Quốc, đã từ chỗ "bao vây không cô lập" chuyển thành "lấy đàm phán thay thế đối kháng".

Hai ngày sau, tại cuộc hội đàm cấp Đại sứ ở Vacsava, đại biểu Trung Quốc đề nghị chuyển địa điểm hội đàm về Bắc Kinh và ngầm tỏ ý phía Trung Quốc hoan nghênh phía Mỹ cử một quan chức cao cấp làm trưởng đoàn đàm phán. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc bày tỏ nguyện vọng đón tiếp quan chức cấp cao của Chính phủ Mỹ tại Bắc Kinh.

Ngày 16 tháng 3, Chính phủ Mỹ lại nới lỏng những hạn chế trước đây trong việc cho phép các công dân Mỹ du lịch tới Trung Quốc, chỉ cần có lý do hợp pháp. Chính phủ Mỹ không phản đối bất kỳ người Mỹ nào đến Đại Lục Trung Quốc và cũng sẽ không khởi tố bất kỳ ai trở về nước.

Ngày 6 tháng 4, Chính phủ Mỹ lại tuyên bố một số hàng hóa sản xuất bên ngoài lãnh thổ nước Mỹ, trong đó có chứa thành phẩm hoặc kỹ thuật của Mỹ, có thể bán sang Đại Lục Trung Quốc.

Trước hàng loạt dấu hiệu cải thiện quan hệ Trung Quốc – Mỹ, nhà cầm quyền Đài Loan hết sức lo lắng, nhiều lần thông qua con đường ngoại giao để nêu ra sự phản kháng với phía Mỹ, hoặc tỏ rõ sự bất bình bằng cách ra tuyên bố, nhưng phía Mỹ vẫn không thèm để ý đến. Hơn nữa, từ sau ngày Nixon lên cầm quyền, ông đã thay đổi cách làm trước đây của những Chính phủ trước là vẫn thường thông báo cho nhà cầm quyền Đài Loan biết nội dung Hội đàm Vacsava. Đại sứ hai nước Trung Quốc – Mỹ thảo luận những chuyện gì, tất nhiên là vấn đề Đài Loan rất quan tâm, trước kia đều do phía Mỹ chủ động thông báo cho Đài Loan và Mỹ thường nhiều lần tuyên bố "tuyệt đối không dấu giếm Đài Loan bất cứ chuyện gì trong đàm phán với Trung Cộng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Trung Hoa Dân Quốc". Nhưng, từ cuộc hội đàm thứ 135 tháng 1 năm 1970 trở đi, Mỹ không thông báo trước cho Đài Loan biết nội dung đàm phán nữa, khi các quan chức Đài Loan dò hỏi, các quan chức Mỹ chỉ trả lời chung chung hoặc tránh không trả lời.

Trước tình hình đó, Tưởng Kinh Quốc lên đường đi thăm Mỹ với tư cách "Phó Viện trưởng Hành chính". Trước khi lên đường, Tưởng Giới Thạch chuẩn bị trên mười vấn đề để trao đổi, thăm dò lập trường của Mỹ.

Ngày 20 tháng 4, Tưởng Kinh Quốc tới Washington. Ngày 22, khi hội đàm, Kissinger hỏi Tưởng Kinh Quốc rằng ông ta có ý kiến gì về việc chuyển địa điểm đàm phán cấp đại sứ Trung Quốc – Mỹ từ Vacsava về Bắc Kinh không? Tưởng Kinh Quốc nói rằng ông ta kiên quyết phản đối việc đó.

Ngày 23, Tưởng Kinh Quốc hội đàm với Nixon, chủ yếu thảo luận về tình hình thời cuộc ở vùng Viễn Đông. Tưởng Kinh Quốc lặp lại về tầm quan trọng của Đài Loan trong "tiền tuyến chống Cộng" ở Viễn Đông, yêu cầu lập ra hệ thống phòng vệ tập thể gần Đài Loan, miền Nam Việt Nam, Nam Triều Tiên và Thái Lan. Đồng thời yêu cầu Mỹ ủng hộ và lãnh đạo hệ thống này. Nixon chỉ lắng nghe theo phép lịch sự, không hề có cam kết gì. Tưởng Kinh Quốc mời Nixon đi thăm chính thức Đài Loan với danh nghĩa "Tổng thống", Nixon cũng không nói gì.

Về một số vấn đề khác do Tưởng Kinh Quốc nêu ra, như vấn đề yêu cầu Mỹ báo cáo loại vũ khí mũi nhọn; yêu cầu Mỹ tỏ rõ thái độ phản đối "Đài Loan độc lập"; yêu cầu Mỹ khẳng định lại việc ủng hộ quyền đại diện của Trung Hoa Dân Quốc ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc... Phía Mỹ úp mở không trả lời một cách khẳng định. Do hai bên không thể thỏa thuận được nên cuối cùng không ra được tuyên bố chung hoặc thông báo chung, Tưởng Kinh Quốc đành tay trắng trở về Đài Loan.

Trong lúc Tưởng Kinh Quốc thăm Mỹ, đúng lúc Trung Quốc phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên, báo chí Mỹ đua nhau đưa tin sự kiện này nhưng lại không đưa tin gì về hoạt động của Tưởng Kinh Quốc cả. Ngày 24 tháng 4, các phần tử chủ trương "Đài độc" như Hoàng Văn Hùng, Trịnh Tư Tài âm mưu sát hại Tưởng Kinh Quốc ở cửa khách sạn Lhasa ở New York nhưng không thành, do đó mới làm cho Tưởng Kinh Quốc trở thành nhân vật được báo chí Mỹ chú ý.

Tóm lại, đúng như phát biểu của Thẩm Kiếm Hồng, người tháp tùng Tưởng Kinh Quốc trong chuyến thăm Mỹ, sau đó nói rằng sở dĩ Mỹ mời Tưởng Kinh Quốc thăm Mỹ chẳng qua chỉ là "một phương thức để Nixon chào tạm biệt bè bạn của ông ta ở Trung Hoa Dân Quốc mà thôi".

Điều đáng chú ý nữa là Trịnh Tự Tài và Hoàng Văn Hùng bị bắt vì mưu sát Tưởng Kinh Quốc, cũng lần lượt được tha có bảo lãnh vào ngày 26 tháng 5 và ngày 8 tháng 7. Đến khi Tòa án Mỹ xét xử vụ án này thì hai người đó đã cao chạy xa bay rồi. Mỹ "khoan hồng độ lượng" đến như vậy đối với bọn thích khách toan giết hại "khách quý, đồng minh", chẳng khác gì sát thêm nắm muối vào vết thương đau đớn của nhà cầm quyền Đài Loan. Tháng 10, Canada thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Việc Trung Quốc và Canada lập quan hệ ngoại giao là một đòn nặng nữa giáng vào phòng tuyến ngoại giao của Đài Loan tiếp sau việc Trung Quốc và Pháp lập quan hệ ngoại giao năm 1964. Điều khác nhau ở đây là, khi Trung Quốc và Pháp lập quan hệ ngoại giao, Mỹ đã cố hết sức ngăn cản Pháp, còn khi Trung Quốc – Canada lập quan hệ ngoại giao thì Mỹ lại có lập trường cổ vũ và "lạc quan". Đầu tháng 10, Nixon phát biểu với phóng viên tạp chí Thời đại: "Nếu nói rằng trước khi chết tôi có việc gì cần làm thì đó là đi Trung Quốc. Nếu tôi không đi được, tôi sẽ yêu cầu con tôi đi." Ngày 25, Nixon thông qua "con đường Pakistan" thông báo cho Bắc Kinh biết rằng Mỹ đã quyết định tìm cách bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Ngày 26, trong bữa tiệc chào mừng Chủ tịch Rumani Ceauşescu sang thăm Mỹ, lần đầu tiên Nixon đã thay đổi cách gọi "Trung Cộng" bằng dùng tên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đây là một tín hiệu ngoại giao có ý nghĩa sâu xa.

Ngày 27, Nixon lại bày tỏ với Ceauşescu, rằng nếu không thể đạt được ý tưởng cuối cùng là lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn với Trung Quốc thì có thể trao đổi các cuộc thăm viếng thông qua các đại diện tư nhân cấp cao. Tin tức đã nhanh chóng thông qua "con đường Rumani" chuyển đến Bắc Kinh.

Ngày 22 tháng 11, Nixon giao một bản ghi nhớ bằng miệng cho Kissinger, yêu cầu "trên cở sở hết sức bí mật", nghiên cứu cách thức sao cho vừa duy trì được nghĩa vụ đối với Đài Loan lại vừa có thể để cho Trung Quốc tham gia vào Liên Hợp Quốc.

Ngày 9 tháng 12, Đại sứ Pakistan tại Mỹ là bà Agaha Hilaly đã chuyển tới Kissinger bức thư miệng của Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai mời một vị đặc sứ Mỹ sang thăm Trung Quốc. Ngày 16 tháng 2, Kissinger nhờ Hilaly trả lời Bắc Kinh rằng Mỹ đồng ý cử đặc phái viên của Tổng thống Mỹ sang thăm Bắc Kinh.

Ngày 18 tháng 12, khi tiếp nhà văn Mỹ Edgar Snow, Mao Trạch Đông bày tỏ ý muốn hội đàm với Tổng thống Nixon tại Bắc Kinh, dù Nixon đến với tư cách Tổng thống Mỹ hay với tư cách một người du lịch bình thường, đều được hoan nghênh.

Đầu năm 1971, thông qua "con đường Rumani", Trung Quốc lại một lần nữa bày tỏ rằng: "Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẵn sàng đón tiếp Đặc phái viên của Mỹ tại Bắc Kinh."

Ngày 15 tháng 3, Chính phủ Mỹ tuyên bố hủy bỏ mọi sự hạn chế trong việc dùng hộ chiếu Mỹ du lịch đến Đại Lục Trung Quốc. Ngày 6 tháng 4, Trung Quốc phản ứng bằng cách mời đoàn bóng bàn Mỹ đang tham gia thi đấu giải bóng bàn quốc tế ở Nhật Bản sang thăm Trung Quốc, sau này được mọi người gọi đùa là "nền ngoại giao bóng bàn" trong lịch sử quan hệ Trung Quốc – Mỹ.

Nixon nhận được tin Trung Quốc mời đoàn bóng bàn Mỹ, "vừa kinh ngạc, vừa vui mừng", đồng thời nhanh chóng phê chuẩn việc đồng ý nhận lời mời.

Ngày 14 tháng 4, Nixon tuyên bố chấm dứt lệnh cấm buôn bán với Trung Quốc tồn tại từ 20 năm qua, đồng thời hạ lệnh áp dụng hàng loạt biện pháp mới, nới lỏng biện pháp quản lý kiểm soát tiền tệ và vận tải hàng hóa đối với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Cùng ngày, tại Bắc Kinh, Chu Ân Lai thân mật tiếp các cầu thủ bóng bàn Mỹ.

Ngày 27 tháng 4, "con đường Pakistan" lại chuyển tiếp một bức thư miệng của Bắc Kinh: "Chính phủ Trung Quốc khẳng định lại ý nguyện công khai đón tiếp một Đại sứ của Tổng thống Mỹ (chẳng hạn ngài Kissinger) hoặc Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, hoặc bản thân ngài Tổng thống Mỹ tại Bắc Kinh để trực tiếp gặp gỡ và bàn bạc."

Bức thư miệng này lần đầu tiên lấy danh nghĩa Chính phủ Trung Quốc chính thức bày tỏ rằng không chỉ mong muốn đón tiếp đại sứ của Tổng thống Mỹ, mà hơn nữa còn mong muốn đón tiếp bản thân ngài Tổng thống Mỹ, do đó được Kissinger coi là "bước đột phá thật sự". Sau khi nhận được thư này, Nixon đã nhanh chóng quyết định sẽ đích thân sang thăm Trung Quốc và bàn với Kissinger bí mật đi Bắc Kinh trước để thu xếp việc này.

Ngày 29 tháng 4, ngày 17 tháng 5 và ngày 22 tháng 5, Nhà Trắng liên tiếp thông qua "con đường Pakistan" thăm dò Bắc Kinh có phải thật sự muốn đón tiếp Nixon sang thăm Trung Quốc hay không. Ngày 31 tháng 5, Tổng thống Pakistan, Agha Muhammad Yahya Khan, chuyển bức thư miệng, thông báo với Nhà Trắng biết tất cả đều thuận lợi. Ngày 2 tháng 6, cuối cùng Nixon cũng nhận được thư trả lời chính thức của Thủ tướng Chu Ân Lai, trong đó viết: "Chủ tịch Mao Trạch Đông bày tỏ hoan nghênh Tổng thống Nixon tới thăm, đồng thời chờ đợi được nói chuyện trực tiếp với ngài Tổng thống. Hai bên có thể tự do nêu ra những vấn đề chính mà mình quan tâm. Thủ tướng Chu Ân Lai hoan nghênh Tiến sỹ Kissinger tới thăm Trung Quốc, đại diện phía Mỹ đến Trung Quốc trước để cùng quan chức cấp cao Trung Quốc hội đàm bí mật sơ bộ, nhằm chuẩn bị và thu xếp cần thiết cho chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Nixon."

Sau khi đọc xong thư trả lời này, Kissinger nói: "Đây là bức thư quan trọng nhất mà một vị Tổng thống Mỹ nhận được kể từ ngày Đại chiến thế giới thứ II kết thúc đến nay." Nixon và Kissinger phấn khởi nói chuyện với nhau đến tận đêm khuya và phá vỡ tập quán lâu nay của hai người là không uống rượu sau khi ăn tối. Họ đã nâng cốc chúc mừng.

Ngày 15 tháng 7, tại Washington và Bắc Kinh, Nixon và Chu Ân Lai cùng lúc công bố bảng thông cáo, nội dung chính là: Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mời Tổng thống Nixon sang thăm Trung Quốc vào một thời gian thích hợp trước tháng 5 năm 1972. Tổng thống Nixon đã vui vẻ nhận lời. Đọc xong thông cáo này, Nixon còn tuyên bố ngắn gọn rằng: "Hành động của chúng tôi là nhằm tìm kiếm việc xây dựng mối quan hệ mới với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và sẽ không trả giá bằng cách hy sinh lợi ích của những bạn bè cũ của chúng tôi."

Trước chiều hướng quan hệ Trung Quốc – Mỹ ngày càng được cải thiện này, nhà cầm quyền Đài Loan rất cảnh giác. Ngày 15 tháng 6 năm 1971, trong cuộc họp "Hội đồng An ninh quốc gia", Tưởng Giới Thạch thừa nhận: trong năm tháng qua, mọi người đã phải trải qua cái gọi là "sự ngang ngược, nỗi tủi nhục, sự đau khổ" dồn dập. Tưởng Giới Thạch nêu ra phương châm 12 chữ "Trang kính tự cường, xử biến bất kinh, thâm mưu năng đoán" (tạm dịch: Kính trọng tự lực tự cường; bình tĩnh đối phó; thận trọng đi sau phán đoán) nhằm làm cho Đảng viên Quốc dân đảng và dân chúng Đài Loan chuẩn bị tốt về mặt tâm lý để ứng phó với mọi đổi thay. Tuy nhiên, ông ta vẫn hoàn toàn không thể ngờ được rằng sự "thay đổi" này lại mạnh mẽ, khốc liệt như vậy. Nixon lại có thể đích thân sang thăm Bắc Kinh. Được biết là trong lịch sử nước Mỹ chưa có một vị Tổng thống nào đi thăm một nước chưa đặt quan hệ ngoại giao với nước mình. Hơn nữa, nước ấy trong một thời gian dài đã từng là kẻ thù của Mỹ.

Vì thế, "Đại sứ" Đài Loan ở Mỹ lúc đó là Thẩm Kiếm Hồng, sau này viết: "Khi được tin Nixon sẽ thăm Trung Quốc, tôi kinh ngạc đến mấy phút không nói ra lời. Quả thật tôi không thể tin rằng điều mình vừa được nghe lại là sự thật." "Tương tự như tôi, ở Đài Bắc khi nghe tin này cũng thấy rất khó tin." Đối với dân chúng Đài Loan, khi nghe tin này lại càng hoang mang khó hiểu. Vì họ đã quen với những lời lẽ tuyên truyền của nhà cầm quyền Đài Loan rằng Mỹ kiên quyết chống Cộng ra sao, kiên quyết ủng hộ Trung Hoa Dân Quốc như thế nào. Họ luôn cho rằng Mỹ là bảo đảm chắc chắn nhất về sự an toàn của Đài Loan. Họ cũng đã quen nghe những lời phỉ báng, khinh miệt của nhà cầm quyền Đài Loan đối với Đảng cộng sản, ngộ nhận ra Đại Lục chỉ là một mảnh đất hoang dại tăm tối. Đã như vậy, vì sao Tổng thống Mỹ nhiều năm qua không đến Đài Loan, nay bỗng nhiên lại đến Bắc Kinh? Tâm lý trong các quan chức và dân chúng Đài Loan nữa, buộc họ phải nhận thức lại về thời cuộc thế giới, thời cuộc ở Viễn Đông, tình hình Trung Quốc và nhận thức lại về Đảng cộng sản và Quốc dân đảng. Nhận thức này có ảnh hưởng sâu xa đối với tình hình phát triển chính trị nội bộ Đài Loan sau nay.

II– HOA RƠI RỤNG KHÔNG GÌ CƯỠNG NỔI

Phòng tuyến ngoại giao của Đài Loan giống như cỗ bài domino, trong đó quan hệ với Mỹ là quân chủ bài. "Chấn động Nixon" gây rung chuyển làm đổ quân chủ bài này, lập tức làm cho các con bài khác liên tiếp đổ vỡ.

Đồng thời với việc Trung Quốc và Mỹ tiếp xúc với nhau bí mật qua "con đường Pakistan" và "con đường Rumani", phía Mỹ cũng chuẩn bị công khai phương án "Quyền đại diện song song tồn tại" về chiếc ghế Trung Quốc tại Liên Hợp Quốc. Tháng 4 năm 1971, Nixon cử nhà ngoại giao có uy tín là Murphy đến Đài Bắc để trưng cầu ý kiến Tưởng Giới Thạch về vấn đề "Quyền đại diện song song tồn tại" đó. Murphy bày tỏ với Tưởng Giới Thạch rằng: Sau khi Canada lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, có thêm nhiều nước đã hoặc sẽ chuẩn bị lập quan hệ với Trung Quốc. Do đó, không thể loại Trung Quốc ra khỏi Liên Hợp Quốc được nữa. Vì thế Chính phủ Mỹ quyết định đồng ý kết nạp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Liên Hợp Quốc, đồng thời vẫn giữ chiếc ghế của Trung Hoa Dân Quốc. Còn về chiếc ghế tại Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, Mỹ sẽ cố gắng để Trung Hoa Dân Quốc tiếp tục chiếm giữ. Trong kỳ họp lần này, có thể Trung Quốc sẽ từ chối không tham gia Liên Hợp Quốc. Nếu vậy, chiếc ghế của Trung Hoa Dân Quốc sẽ không có gì thay đổi, ít nhất là trong một nhiệm kỳ nhất định.

Tưởng Giới Thạch nghe xong, suy nghĩ rất lâu, cuối cùng đồng ý làm theo kế hoạch của Mỹ. Nhưng Tưởng Giới Thạch đưa ra ba điều bảo lưu: (1) Hy vọng Mỹ vận dụng một lần nữa "Nghị

quyết án về vấn đề quan trọng" để bảo lưu khả năng hoàn toàn loại Trung Quốc ra khỏi Liên Hợp Quốc; (2) Hy vọng Mỹ không ký vào đề án về vấn đề "Quyền đại diện song song tồn tại", song Đài Loan không phản đối Mỹ thúc giục các nước bạn hữu nêu ra đề án đó; (3) Chiếc ghế của Đài Loan ở Hội đồng bảo an phải được duy trì, không thay đổi. Khi cần, Mỹ phải sử dụng quyền phủ quyết về điểm này.

Đối với ba điểm bảo lưu do Tưởng Giới Thạch nêu ra, trong tình huống "rất miễn cưỡng" Mỹ trì hoãn không tỏ rõ lập trường cuối cùng của mình.

Nhìn vào nội dung trả lời của Tưởng Giới Thạch với Murphy, cho thấy Tưởng đã từ bỏ lập trường phản đối "hai nước Trung Quốc", hoặc nói là nhà cầm quyền Đài Loan đã không còn phản đối "hai nước Trung Quốc" nữa. Nhưng họ lại hy vọng Bắc Kinh sẽ phản đối "hai nước Trung Hoa" để nhà cầm quyền Đài Loan tự hưởng kỳ thành. Tuy nhiên, trong các trường hợp công khai, phía Đài Loan vẫn tỏ ra kiên quyết phản đối "hai nước Trung Quốc". Trong số người Hoa theo Đài Loan ở hải ngoại như Hồng Kông, Ma Cao, Mỹ... thường xuyên xảy ra "phong trào lấy chữ ký phản đối Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc". Các tổ chức trưng cầu dân ý và báo chí Đài Loan tới tập lên tiếng, công kích Mỹ muốn Trung Quốc gia nhập Liên Hợp Quốc là "lập trường tự hủy diệt", "mở cửa cho trộm cướp vào nhà".

Ngày 15 tháng 7, Nixon tuyên bố nhận lời mời đi thăm Trung Quốc. Ngày 19 tháng 7, Ngoại trưởng Mỹ William Rogers tiếp Thẩm Kiếm Hồng. Rogers bày tỏ là sau khi Nixon tuyên bố đi thăm Trung Quốc, tình hình đã thay đổi, theo sự thăm dò sơ bộ của Mỹ với các nước trong khối NATO trừ phi để cho Trung Quốc được giữ chiếc ghế ở Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, nếu không rất khó thông qua phương án "Quyền đại diện song song tồn tại". Mỹ đồng ý một lần nữa nêu lại "dự án vấn đề quan trọng", song rất có khả năng không thể giành được quá bán số phiếu ủng hộ. Sự việc đã đến mức này, điều mà Mỹ có thể làm chỉ là duy trì chiếc ghế của Trung Hoa Dân Quốc tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc mà thôi. Vì lần tỏ thái độ này khác khá nhiều so với cam kết của Murphy với Tưởng Giới Thạch hồi tháng 4, nên nhà cầm quyền Đài Loan một lần nữa cảm thấy bị Mỹ lừa dối.

Ngày 2 tháng 8, Rogers ra tuyến bố công khai hủy bỏ phương án "Quyền đại diện song song tồn tại", đồng thời bày tỏ rằng Mỹ vẫn đưa ra "đề án vấn đề quan trọng". Ông ta giải thích việc kết nạp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Liên Hợp Quốc không phải là vấn đề quan trọng, Mỹ cũng đồng ý kết nạp. Nhưng việc trục xuất Trung Hoa Dân Quốc ra khỏi Liên Hợp Quốc là vấn đề quan trọng. Việc làm này rõ ràng khác với cách giải thích trước đây của Mỹ về "vấn đề quan trọng". Về chiếc ghế ở Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc. Rogers từ chối trả lời Mỹ sẽ không ủng hộ Đài Loan, chỉ nói "chúng tôi sẽ theo ý kiến đa số các nước". Những ai sáng suốt đều hiểu rằng, nói như thế là biểu hiện một cách khéo léo việc Mỹ sẽ ủng hộ việc trao chiếc ghế ở Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Thái độ này của Mỹ làm cho nhà cầm quyền Đài Loan lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Trước đây, Tưởng Giới Thạch đã nêu rõ ba điểm bảo lưu, yêu cầu Mỹ không công khai bày tỏ thái độ ủng hộ việc kết nạp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Liên Hợp Quốc và yêu cầu Mỹ khi cần có thể dùng quyền phủ quyết để duy trì chiếc ghế của Trung Hoa Dân Quốc ở Hội đồng bảo an. Cả hai điểm này đã bị Mỹ bác bỏ, còn việc yêu cầu Mỹ một lần nữa đưa ra "đề án vấn đề quan trọng", khiến bước đi này đã mất hết tác dụng vốn có của nó. Vì vậy, nhà cầm quyền Đài Loan nếu như "kiên trì nguyên tắc", phải lập tức tuyên bố bác bỏ đề án "Quyền đại diện song song tồn tại". Vì đề án này tuy yêu cầu duy trì chiếc ghế của Trung Hoa Dân Quốc ở Liên Hợp Quốc, nhưng cũng yêu cầu kết nạp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Liên Hợp Quốc. Nhà cầm quyền Đài Loan không thể đồng ý để cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa gia nhập Liên Hợp Quốc được. Cho nên, sau khi tuyên bố của Rogers được công bố, phản ứng từ phía Đài Loan rất ôn hòa, chỉ nhấn mạnh việc phản đối Trung Cộng gia nhập Liên Hợp Quốc, yêu cầu các nước thành viên Liên Hợp Quốc "giữ vững chính nghĩa". Song, trong khi nói chuyện riêng, một số nước có quan hệ "hữu hảo" với Đài Loan hỏi họ rằng cuối cùng nên bỏ phiếu như thế nào thì các "quan chức Ngoại giao Đài Loan không biết trả lời ra sao", chỉ có thể nói cho họ hiểu hoàn

cảnh khó khăn của chúng ta, yêu cầu họ dựa vào phán đoán của bản thân mình mà bỏ phiếu. Nói thẳng ra là lập trường của nhà cầm quyền Đài Loan lúc đó là hy vọng các nước này trước hết bỏ phiếu tán thành đề án về "Quyền đại diện song song tồn tại", nhưng không tiện nói rõ điểm sau đó.

Đối chiếu so sánh với thái độ xuống giọng của nhà cầm quyền Đài Loan ngày 28 tháng 8. Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố: "Nhân dân và Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối chủ trương hoang đường 'hai nước Trung Quốc', 'một Trung Quốc một Đài Loan', 'địa vị của Đài Loan chưa xác định' hoặc các tình hình tương tự khác thì Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ quyết không có bất kỳ quan hệ gì với Liên Hợp Quốc. Lập trường nghiêm chỉnh này của Chính phủ Trung Quốc là không thể lay chuyển."

Ngày 22 tháng 9, Chính phủ Mỹ chính thức đưa ra Liên Hợp Quốc hai đề án, một là "Đề án về vấn đề quan trọng", tức yêu cầu coi trục xuất Trung Hoa Dân Quốc là vấn đề quan trọng, đề án này chỉ yêu cầu một vấn đề như vậy. Đề án thư hai là về "Quyền đại diện song song cùng tồn tại". Ngoài việc yêu cầu công nhận đồng thời quyền đại biểu của cả Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa lẫn Trung Hoa Dân Quốc, đề án còn nêu rõ: "Đề nghị để Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được giữ chiếc ghế của một trong năm nước thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc." Rõ ràng đây là một bước tiến bộ mới nữa so với tuyên bố của Rogers trước đây về "chúng tôi sẽ theo ý kiến đa số các nước."

Ngày 25 tháng 9, Nhân dân nhật báo đăng xã luận nhắc lại lập trường nghiêm chỉnh rằng Trung Quốc phản đối hai đề án của Mỹ. Còn nhà cầm quyền Đài Loan thì tỏ ý phản đối Trung Cộng "chui vào" Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, mới trước đây họ phản đối Trung Quốc gia nhập Liên Hợp Quốc coi như đã lùi một bước.

Ngày 20 tháng 10, Kissinger đến thăm Bắc Kinh lần thứ hai nhằm chuẩn bị cụ thể cho chuyến đi thăm Trung Quốc của Nixon. Trước đó hai ngày, Liên Hợp Quốc đã bắt đầu tranh luận về vấn đề quyền đại diện của Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc, Kissinger đi Bắc Kinh vào thời điểm đó, hơn nữa lần này đi thăm công khai "không nghi ngờ gì nữa, được các nước coi là một dấu hiệu Mỹ đã thay đổi lập trường… tuy đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc Bush ra tuyên bố nói rằng Washington hy vọng Trung Hoa Dân Quốc được lưu lại trong Đại hội đồng Liên Hợp Quốc như một nước thành viên bình thường, song chẳng có ai coi lời nói này của Bush là thật cả" (trang 67, sách Ghi chép về tám năm làm đại sứ ở Mỹ của tác giả Thẩm Kiếm Hồng).

Ngày 25 tháng 10, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa XXVI biểu quyết về vấn đề quyền đại diện Trung Quốc tại Liên Hợp Quốc. Trước tiên biểu quyết về "đề án vấn đề quan trọng" do 19 nước trong đó có Mỹ đưa ra. Vấn đề này bị phủ quyết bằng 59 phiếu chống, 55 phiếu thuận, 15 phiếu trắng và 2 phiếu vắng mặt. Trưởng đoàn đại biểu nhà cầm quyền Đài Loan tham dự khóa họp này là Chu Thư Côn thấy tình thế đã thay đổi, mắt rưng rưng lệ tuyên bố "Trung Hoa Dân Quốc" rút khỏi Liên Hợp Quốc, sau đó lập tức rời khỏi phòng họp. Tiếp đó, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc biểu quyết đề án Albania cùng 22 nước khác đưa ra, yêu cầu khôi phục tất cả mọi quyền lợi hợp pháp của Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc và ngay lập tức trục xuất đại diện của tập đoàn Tưởng Giới Thạch ra khỏi Liên Hợp Quốc và tất cả các cơ quan thuộc Liên Hợp Quốc. Đề án này đã được thông qua với đa số áp đảo với 70 phiếu tán thành, 35 phiếu chống, 17 phiếu trắng, 3 phiếu vắng mặt. Đề án về "Quyền đại diện song song cùng tồn tại" do Mỹ đề nghị, cơ bản không có dịp đưa ra thảo luận đã bị chết yểu ngày từ khi thai nghén.

Ngày 27 tháng 2, Chu Ân Lai và Nixon ký thông cáo chung tại Thượng Hải. Hai bên dùng hình thức "ai nói người ấy nghe", lần lượt đưa ra chủ trương khác nhau của đôi bên đối với các vấn đề có liên quan, đồng thời cũng nêu rõ những điểm nhất trí giữa đôi bên. Về vấn đề Đài Loan, phía Trung Quốc khẳng định lại rằng. "Đài Loan là vấn đề chủ yếu gây trở ngại cho việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc. Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, từ lâu đã thuộc về tổ quốc. Giải phóng Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, nước khác không có

quyền can thiệp. Toàn bộ lực lượng vũ trang Mỹ và căn cứ quân sự Mỹ phải rút hết khỏi Đài loan. Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối bất kỳ hành động nào nhằm nặn ra 'một Trung Quốc, một Đài Loan', 'một Trung Quốc, hai Chính phủ', 'hai nước Trung Hoa', 'Đài Loan độc lập' và các hoạt động nhằm gieo rắc vấn đề 'địa vị của Đài Loan chưa xác định'". Còn phía Mỹ tuyên bố: "Nước Mỹ nhận thức rằng, mọi người Trung Quốc nằm ở hai bờ eo biển Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Chính phủ Mỹ không có ý kiến gì khác đối với lập trường này." Như vậy là cuối cùng đã bịt chặt hang ổ của luận điệu "địa vị của Đài Loan chưa xác định".

Mỹ cũng nhắc lại sự quan tâm của Mỹ đối với vấn đề người Trung Quốc tự mình hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan. Xem xét triển vọng của vấn đề này, Mỹ xác nhận mục tiêu cuối cùng là rút toàn bộ lực lượng vũ trang và căn cứ quân sự Mỹ ra khỏi Đài Loan. Trong thời gian đó, Mỹ sẽ từng bước giảm dần lực lượng vũ trang và căn cứ quân sự của mình ở Đài Loan, tùy theo sự hòa dịu của tình hình căng thẳng trong khu vực này.

Thông cáo Thượng Hải là do Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký kết. Danh từ "Trung Quốc" nêu trong văn kiện này đương nhiên là chỉ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trên thực tế, sau khi Nixon thăm Trung Quốc, trong các tài liệu văn kiện chính thức của Mỹ và trong phát biểu của các quan chức quan trọng trong Chính phủ Mỹ, họ đều gọi Trung Quốc là "nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" hoặc "Trung Quốc"; còn gọi là nhà cầm quyền Đài Loan thì họ cố ý dùng từ "Đài Loan", tránh dùng từ "Trung Hoa Dân Quốc". Thông cáo Thượng Hải đã đặt cơ sở để sau đó Trung Quốc và Mỹ bình thường hóa quan hệ.

Ngày 3 tháng 3, Nixon cử Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách khu vực Viễn Đông – Thái Bình Dương là Green đến Đài Bắc, thông báo vắn tắt chuyến thăm Bắc Kinh của Nixon. Green đã gặp các quan chức chủ chốt của Quốc dân đảng như Nghiêm Gia Kiềm, Tưởng Kinh Quốc, Chu Thư Côn..., thông báo với họ rằng Mỹ sẽ tiếp tục gánh nghĩa vụ ghi trong Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng, tiếp tục duy trì "quan hệ ngoại giao" và các quan hệ khác với Đài Loan. Đồng thời, Green cũng cảnh báo nhà cầm quyền Đài Loan rằng nếu Mỹ – Tưởng chỉ trích lẫn nhau, người vui mừng nhất sẽ là Trung Cộng.

Đại khái là lời cảnh báo của Green đã có tác dụng. Hơn nữa, vì Đài Loan thực tế không thể "kết tội" Mỹ nên nhà cầm quyền Đài Loan chỉ dám phê bình một cách thấp giọng đối với chuyến thăm Nixon ở Bắc Kinh. "Bộ Ngoại giao" ra bản tuyên bố, công kích Trung Cộng là "tập đoàn phiến loạn", rêu rao rằng Mỹ – Trung Cộng ký kết bất kỳ hiệp định gì cũng đều không có giá trị. Nhưng Tưởng Giới Thạch không sao nuốt nổi cơn giận này, nên từ chối không tiếp Green, Nixon bày tỏ "rất đáng tiếc" trước việc làm này của Tưởng.

Ngày 8 tháng 3, "Bộ trưởng Ngoại giao" Đài Loan là Chu Thư Côn nói chuyện với phóng viên Mỹ. Ông ta cho biết: "Dự kiến Moscow và Đài Bắc sẽ họp hội nghị bí mật." Đây rõ ràng là bắt chước Mỹ chơi "con bài Trung Quốc" với Liên Xô, mưu toàn dùng "con bài Liên Xô" để dọa Mỹ. Tuy nhiên, do vốn liếng của nhà cầm quyền Đài Loan quá ít, phải dựa vào Mỹ về mọi mặt nên nếu đúng họ chơi "con bài Liên Xô" thật thì việc Liên Xô có đồng ý chơi với Đài Loan hay không chưa thành vấn đề, mà trước hết là Đài Loan sẽ mất sự ủng hộ của Mỹ. Đây là việc tự đào mồ chôn mình. Bởi thế, khi Mỹ vừa để lộ ý bất bình với bài phát biểu của Chu Thư Côn, nhà cầm quyền Đài loan vội vàng bày tỏ "kiên quyết không bao giờ giao du với bọn ma quỷ". Ít lâu sau liền cách chức "Bộ trưởng Ngoại giao" của Chu Thư Côn; cử Thẩm Xương Hoán, một người thân tín của Tống Mỹ Linh lên thay.

Trải qua trận phong ba này, Tưởng Giới Thạch đã thấm thía nỗi khổ nhục phụ thuộc vào người khác. Ông ta nói với đám thuộc hạ: "Từ nay trở đi, chúng ta càng phải dựa vào sức mình nhiều hơn trước kia."

Kể từ ngày Nixon tuyên bố nhận lời mời thăm Trung Quốc đến khi nhà cầm quyền Đài loan rút khỏi Liên Hợp Quốc, rồi đến ngày ký kếtThông cáo Thượng Hải, thời gian tổng cộng không quá

nửa năm. Trong thời gian ngắn ngủi này, đã có hơn 20 nước như Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ... thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và "cắt đứt quan hệ ngoại giao" với nhà cầm quyền Đài Loan, khiến cho "Bộ Ngoại giao" của nhà cầm quyền Đài Loan bị mọi người gọi một cách hài hước là "Bộ đoạn giao". Sau chuyến thăm Trung Quốc của Nixon, một đòn đả kích mới lại tiếp tục giáng xuống – lần này từ Nhật Bản, người bạn đồng minh số hai của nhà cầm quyền Đài Loan.

Ngày 6 tháng 7 năm 1972, Keishu Tanaka lên làm Thủ tướng Nhật Bản thay Eisaku Sato. Hai năm sau khi Sato lên cầm quyền, dưới sức ép của các nhân sỹ trong nước thân Trung Quốc, đồng thời cũng xuất phát từ lợi ích của bản thân Nhật Bản, Chính phủ đã thông qua nhiều con đường khác nhau, tìm kiếm việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Thay mặt Chính phủ Trung Quốc, Thủ tướng Chu Ân Lai nêu rõ ba nguyên tắc về bình thường hóa bang giao với Nhật Bản: (1) Nhật Bản phải thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc; (2) Nhật Bản phải thừa nhận Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc; (3) Nhật Bản phải hủy bỏ bản Hòa ước ký kết với nhà cầm quyền Đài Loan. Nhưng do Mỹ ngăn cản và có sức ép của thế lực phái hữu trong nước nên Chính phủ Sato trì hoãn mãi không dám hạ quyết tâm. Họ muốn mặc cả với Trung Quốc, còn phía Trung Quốc thì không thể nhượng bộ về ba nguyên tắc cơ bản này.

Việc Nixon tuyên bố nhận lời đi thăm Trung Quốc, khiến Chính phủ Nhật Bản vừa ngạc nhiên vừa tức giận. Hóa ra Mỹ một mặt ép không muốn cho Nhật cải thiện quan hệ với Trung Quốc, còn bản thân lại bí mật nhích gần đến Bắc Kinh. Thế là chính quyền Sato liền đẩy mạnh nhịp độ thực hiện việc bình thường hóa bang giao Nhật Bản – Trung Quốc. Đoàn đại biểu hai nước Trung Quốc và Nhật Bản liên tiếp hội đàm với nhau tại Bắc Kinh, Tokyo, Hồng Kông. Chính phủ Nhật Bản yêu cầu nghiêm chỉnh cân nhắc đồng ý ba nguyên tắc do phía Trung Quốc đưa ra, tranh thủ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc trước Mỹ. Sau khi Tanaka lên cầm quyền, trên cơ sở để lại của người tiền nhiệm, ông đã tiếp tục thúc đẩy việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Ngày 24 tháng 7, Tanaka phát biểu tại Hội nghị cán bộ của Đảng Dân chủ Tự do cầm quyền ở Nhật Bản, nêu rõ thời cơ để bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc theo ba nguyên tắc do Trung Quốc nêu ra.

Ngày 25 tháng 7, "Đại sứ" Đài Loan tại Nhật Bản là Bành Mạnh Tập đã đưa ra "lời khuyên chân thành" với Ngoại trưởng Nhật Bản Masayoshi Ohira, phản đối Nhật "nghiêng" về Bắc Kinh. Ngày 8 tháng 8, Tưởng Kinh Quốc đọc bài phát biểu, coi việc Tanaka muốn lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc là "thái độ không hữu nghị nhất" và "cảnh cáo Chính phủ Nhật Bản hãy đình ngay mọi hoạt động gây tổn hại tới mối bang giao hai nước và gây tác hại đối với hòa bình và an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nhằm tránh phạm những sai lầm nghiêm trọng trong lịch sử". Cuối tháng 8, Nixon gặp Tanaka tại Hawaii. Nixon dùng "những lời lẽ cứng rắn, mạnh mẽ nhất" đòi phía Nhật phải "phối hợp hành động nhịp nhàng" với phía Mỹ và nên là "chậm lại" trong vấn đề lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Kissinger cũng mớm lời cho nhà cầm quyền Đài Loan, đề nghị họ nên có thái độ cứng rắn khi trao đổi với phía Nhật Bản.

Tuy nhiên, Chính phủ Nhật Bản trước sau luôn có lập trường độc lập tự chủ. Hơn nữa, bản thân Nixon đã đến thăm Bắc Kinh, lẽ nào chỉ cho phép quan quân đốt lửa, cấm dân chúng thắp đèn? Về kháng nghị của nhà cầm quyền Đài Loan thì phía Nhật Bản đã dự kiến từ trước, vì thế không ảnh hưởng gì đến quyết tâm của Tanaka.

Ngày 25 tháng 9, với sự tháp tùng của Ngoại trưởng Ohira, Thủ tướng Nhật Bản Tanaka đã đến thăm Bắc Kinh theo kế hoạch. Ngày 29 tháng 9, tại Bắc Kinh, Tanaka và Chu Ân Lai đã ký kết "Thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao". Trong đó viết: "Nhật Bản thừa nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc khẳng định lại rằng Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể chia cắt của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Chính phủ Nhật Bản hiểu rõ và tôn trọng lập trường này của Chính phủ Trung Quốc, đồng thời tôn trọng những quy định trong Điều 8 của Thông cáo Potsdam. Chính phủ hai nước Trung Quốc và Nhật Bản đồng ý thiết lập quan hệ

hòa bình hữu nghị lâu dài giữa hai nước trên cơ sở của năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Sau khi ký Thông cáo, Ngoại trưởng Ohira họp báo tuyên bố kể từ hôm nay (ngày 30 tháng 9) trở đi cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân Quốc; xóa bỏ Hòa ước Nhật Bản – Đài Loan.

Đêm khuya hôm đó, Bộ trưởng Ngoại giao Đài Loan Thẩm Xương Hoán ra tuyên bố mạnh mẽ, chửi bới Nhật Bản "hành động không tín nghĩa. Trốn tránh nghĩa vụ do Hòa ước quy định, đó là vết nhơ của dân tộc Nhật Bản… Chính phủ Nhật Bản phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hậu quả nghiêm trọng do hành động đó gây ra."

Ngày hôm sau, báo chí Đài Loan tới tấp công kích Tanaka. Tờ Trung ương nhật báo của Quốc dân đảng đi đầu, nguyền rủa Tanaka "tiếp tay cho bọn hải tặc vẫn là trang sử bẩn thỉu trong lịch sử Nhật Bản, đồng thời đây cũng là một quả bom nổ chậm để Nhật Bản rước sói vào nhà, bảo hổ lột da, quả bom này nhất định nổ tung", Thông cáo chung Tanaka – Chu Ân Lai, thực ra không khác gì một sự kiện Trân Châu Cảng trên phương diện ngoại giao, sẽ gây chấn động chung trong các nước Thái Bình Dương như Mỹ, Australia, Philippines, Thái Lan, Triều Tiên. Từ "chấn động Nixon" đến khi công bố Thông cáo chung Thượng Hải nhà cầm quyền Đài Loan tuy căm giận nghiến răng nghiến lợi, nhưng không làm gì được đành phải tự kiềm chế, phản ứng ở mức thấp nhất. Song trước việc Tanaka thăm Trung Quốc và Trung Quốc – Nhật bản thiết lập quan hệ ngoại giao thì nhà cầm quyền Đài Loan không thể nhẫn nhịn được nữa, nên đã dùng lời lẽ gay gắt, thô lỗ nhất để công kích Nhật Bản cũng nhằm "chửi mèo đánh chó" để hả nỗi căm tức Mỹ mà thôi.

Mỹ cũng thắc mắc việc Nhật Bản và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao. Nixon tuy đến thăm Trung Quốc nhưng lại chưa quyết tâm cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan và hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng, vì vậy họ hy vọng việc lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Nhật Bản diễn ra "từ từ"; còn Tanaka tuy đến (thăm Trung Quốc) sau nhưng lại đi trước, quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân Quốc, làm như vậy là chọc sườn Mỹ. Vì thế, báo chí Mỹ gọi hành động của Tanaka là "tranh cướp Paska" (tranh giành ảnh hưởng). Sự phê phán trên đây của phía Mỹ một mặt lộ rõ ý thức Chủ nghĩa sô vanh nước lớn của Mỹ, bởi vì làm ngoại giao tốt rốt cuộc không phải là việc đi xe buýt, làm gì có chuyện phải để cho Mỹ lên trước rồi mới để nước khác lên sau? Song, mặt khác nó chứng tỏ, đầu óc sâu xa của người Mỹ họ đã ý thức được rằng việc lập quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ, đã trở thành xu thế lớn, sớm muộn họ cũng phải theo.

Thực ra, so với Mỹ, Nhật Bản còn thẳng thắn chân thành hơn nhà cầm quyền Đài Loan. Trước đó Mỹ không hề tiết lộ cho nhà cầm quyền Đài Loan biết một chút tin tức gì về việc tiếp xúc với Bắc Kinh. Ngược lại, Chính phủ Tanaka trước sau luôn giấu giếm nhà cầm quyền Đài Loan về ý định của Nhật thiết lập ngoại giao với Trung Quốc. Trước khi đi thăm Trung Quốc, Tanaka đã cử Cựu Bộ trưởng Ngoại giao đến Đài Bắc, thông báo về quyết định của Nhật và bàn xem làm thế nào sau khi Nhật Bản – Đài Loan cắt đứt quan hệ ngoại giao, vẫn tiếp tục duy trì quan hệ buôn bán, trao đổi văn hóa và các hoạt động phi Chính phủ khác. Cuối cùng quyết định phía Nhật Bản là thành lập "Hiệp hội giao lưu", phía nhà cầm quyền Đài Loan lập ra "Hiệp hội quan hệ Đông Á". Cả hai tổ chức này đều gồm những nhân sỹ không phải quan chức Chính phủ, trao đổi văn phòng tại Đài Bắc và Tokyo nhằm tạo sự tiếp xúc, liên lạc không chính thức giữa đôi bên.

Phương thức thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Trung Quốc, về sau được gọi là "mô thức Nhật Bản". Gồm ba điều: (1) thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc; (2) Cắt đứt quan hệ ngoại giao với nhà cầm quyền Đài Loan, hủy bỏ các hiệp ước và chấm dứt mọi mối liên hệ chính trị; (3) Trung Quốc ngầm thừa nhận Nhật Bản và nhà cầm quyền Đài Loan lập các cơ cấu không chính thức để duy trì quan hệ thương mại và văn hóa giữa đôi bên.

Tháng 2 năm 1973, Kissinger đến thăm Bắc Kinh lần thứ 4, cùng Chu Ân Lai bàn bạc kế hoạch

cụ thể mở rộng trao đổi về mậu dịch, khoa học, văn hóa và các lĩnh vực khác giữa hai nước, đồng thời bàn việc hai nước lập ra văn phòng liên lạc ở thủ đô mỗi nước. Trung Quốc và Mỹ lập văn phòng liên lạc ở thủ đô của nhau là một sự sáng tạo trong lịch sử ngoại giao thế giới, đó là một hình thức tổ chức nằm giữa có quan hệ ngoại giao và không có quan hệ ngoại giao, trên thực tế hai bên dùng hình thức tổ chức này làm trạm trung gian nhằm tiến tới lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn, tuy nhiên trạm trung gian này tồn tại dài hay ngắn đều do bất cứ bên nào quyết định tùy theo quan điểm và sự phán đoán của mình trước tình hình. Mục đích của việc thiết lập cơ cấu tổ chức này là nhằm thúc đẩy cuối cùng đi đến thiết lập quan hệ ngoại giao.

Vì lẽ đó, nhà cầm quyền Đài Loan lập tức phản kháng và thông qua nhiều con đường thăm dò Mỹ về vị trí, chức năng, tác dụng của văn phòng liên lạc này.

Theo "Đại sứ" Đài Loan ở Mỹ là Thẩm Kiếm Hồng, phía Mỹ trả lời nhà cầm quyền Đài Loan rằng văn phòng liên lạc không có vai trò ngoại giao; ngoài cửa không treo quốc kỳ; nhân viên văn phòng không có trong danh sách đoàn ngoại giao, cũng không được phép tới dự các hoạt động ngoại giao chính thức như chiêu đãi, tiệc tùng... Còn về chức năng tác dụng thì giới hạn trong việc trao đổi mậu dịch, văn hóa và khoa học mà thôi. Những liên lạc có tính chất ngoại giao giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn sẽ thông qua một nước thứ ba. Vì vậy, việc thiết lập văn phòng liên lạc không có nghĩa là Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, lại càng không phải là sẽ cắt đứt quan hệ ngoại giao với nhà cầm quyền Đài Loan.

Tháng 5, các nhân viên Văn phòng liên lạc Trung Quốc tại Mỹ đến Washington. Nhân viên sứ quán của Đài Loan tại Mỹ đích thân xuất trận, xúi giục học sinh thân Đài Loan tổ chức biểu tình phản đối. Chính phủ Mỹ tỏ vẻ rất bất mãn trước việc này, "Đại sứ" Đài Loan tại Mỹ buộc phải xin lỗi phía Mỹ.

Rất nhanh, Đại sứ Đài Loan tại Mỹ đã phát hiện thấy trước cửa Văn phòng liên lạc Trung Quốc đã treo lá cờ đỏ năm cánh sao của Trung Quốc, toàn bộ nhân viên văn phòng liên lạc đều được hưởng mọi đặc quyền ngoại giao và quyền miễn trừ ngoại giao; các quan chức Chính phủ Mỹ gọi Chủ nhiệm văn phòng liên lạc là "Đại sứ". Những vấn đề thảo luận giữa chính giới Mỹ và văn phòng liên lạc không chỉ giới hạn trong phạm vi trao đổi mậu dịch, du lịch, khoa học kỹ thuật, mà gồm cả các vấn đề chính trị và ngoại giao. Điều này khiến phía Đài Loan một lần nữa cảm thấy bị Mỹ lừa dối.

Trong các hoạt động ngoại giao do sứ quán các nước ở Washington tổ chức, nước nào có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc đều mời các quan chức của Văn phòng liên lạc Trung Quốc tới dự, không thèm để ý đến "Sứ quán" Đài Loan. Song với sứ quán của những nước có quan hệ "ngoại giao" với Đài Loan thì ngược lại. Bởi số nước có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc vượt rất xa số nước có quan hệ "ngoại giao" với Đài Loan, cho nên các quan chức Văn phòng liên lạc Trung Quốc hoạt động ngoại giao ở Washington sôi động hơn rất nhiều và được hoan nghênh hơn so với "Đại sứ" Đài Loan trong các sự kiện ngoại giao.

Điều làm cho phía Đài Loan cảm thấy khó xử nhất là lúc này tuy Mỹ vẫn chính thức thừa nhận Đài Loan là Trung Hoa Dân Quốc, song những nghi lễ phía Mỹ dành cho Đại sứ Đài Loan lại kém xa đối với Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc Trung Quốc. "Đại sứ" Đài Loan Thẩm Kiếm Hồng muốn đến gặp Tổng thống Mỹ thì khó khăn vô cùng, thậm chí muốn gặp Bộ trưởng ngoại giao Mỹ cũng phải chờ đợi khó khăn, Kissinger đều thoái thác hoặc để cho cấp phó của mình ra tiếp. Thái độ này thực ra chẳng có gì là lạ, "Đại sứ" của phía Đài Loan gặp các quan chức Mỹ, nếu không phải là yêu cầu Mỹ nhắc lại những cam kết với nhà cầm quyền Đài Loan thì lại phản đối "chủ nghĩa vô nguyên tắc" của Mỹ. Chẳng khác gì lặp đi lặp lại điệu hát cũ rích, ai mà chẳng ghét? Còn Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc Trung Quốc tại Mỹ là Hoàng Trấn lại có thể gặp Tổng thống Mỹ bất kỳ lúc nào, chỉ cần Hoàng Trấn gặp Ngoại trưởng Mỹ thì trong thời gian ngắn là có thể được toại nguyện. Đúng như Thẩm Kiếm Hồng nói: "Đặc quyền và nghi lễ đối với Hoàng Trấn. Rất ít nhà ngoại giao khác được hưởng."

Có lần, Nixon dùng máy bay riêng của Tổng thống đón Hoàng Trấn đến trang trại riêng của mình ở San Clemente để gặp gỡ. Báo chí Mỹ lại đưa tin là Chính phủ Mỹ đã thu xếp bố trí cho Hoàng Trấn gặp gỡ với một số ngôi sao điện ảnh Hollywood. Thế là Thẩm Kiếm Hồng nêu ra với Kissinger rằng ông ta đã giữ chức "Đại sứ" ở Mỹ được hơn hai năm, cũng muốn được một lần đi máy bay riêng của Tổng thống và gặp gỡ các ngôi sao điện ảnh, liệu Chính phủ Mỹ có sắp xếp bố trí được không? Kết quả là ông ta không được đáp chuyên cơ của Tổng thống, nhưng việc Đại sứ Đài Loan xin gặp các ngôi sao màn bạc Hollywood thì đã trở thành trò cười trong giới ngoại giao ở Washington.

Một lần khác, theo hẹn ước, Thẩm Kiếm Hồng đi gặp Bush, Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Đảng Cộng hòa. khi bước vào tòa nhà của Đảng Cộng hòa, một cô gái phục vụ mỉm cười lễ phép nói với Thẩm Kiếm Hồng: "Chào ngài Đại sứ, thời tiết sáng nay thật là đẹp!". Thẩm nói: "Thái độ này khiến tôi rất ngạc nhiên. Tôi đã đến gặp Ủy ban Toàn quốc Đảng Cộng hòa mấy lần rồi, nhưng chưa từng được đón tiếp nồng nhiệt như thế." Khi thang máy đưa Thẩm đến tầng có Văn phòng của Bush thì thấy Bush đã đứng chờ ở cửa thang máy, Thẩm lại càng mừng. Nào ngờ, Bush vừa nhìn thấy khách đến thì "nét mặt tươi cười rạng rỡ lập tức biến mất". Thẩm Kiếm Hồng như chợt tỉnh cơn mê, liền hỏi: "Thưa ngài Bush, có lẽ ngài đang đợi người khác? Chẳng hạn ông Hoàng Trấn?" Sau này được biết, sự "hiểu lầm" này là do thư ký của Bush nhầm lẫn giữa Hoàng Trấn và Thẩm Kiếm Hồng.

Hai thí dụ trên đây nói lên rằng thái độ của Mỹ đối với nhà cầm quyền Đài Loan ngày càng lạnh nhạt, đó cũng là xu thế chung. Mặt khác, do Mỹ có nguồn lợi lớn về quân sự và kinh tế ở Đài Loan nên còn phải cân nhắc rằng nếu từ bỏ Đài Loan liệu có ảnh hưởng gì về mặt tâm lý đối với các nước đồng minh khác của Mỹ. Liệu các nước đồng minh này có nghĩ rằng Mỹ không chắc chắn, thêm vào đó là sức ép của các nghị sỹ thân Đài Loan và của các tập đoàn hoạt động bên ngoài Quốc hội. Những yếu tố này khiến Mỹ trù trừ chưa có quyết tâm thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Về việc hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, Chính phủ Trung Quốc nhiều lần hy vọng Mỹ có thể hành động theo "mô thức Nhật Bản", cụ thể là yêu cầu thực hiện được ba điểm: (1) Rút hết lực lượng vũ trang và nhân viên quân sự Mỹ ra khỏi Đài Loan; (2) Hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng; (3) Cắt đứt quan hệ ngoại giao với nhà cầm quyền Đài Loan. Đó là ba nguyên tắc "rút quân, hủy bỏ hiệp ước, cắt đứt quan hệ" mà phía Trung Quốc không cho phép đàm phán.

Trong ba nguyên tắc này, điều Mỹ khó chấp nhận nhất là "cắt đứt quan hệ ngoại giao". Thượng nghị sỹ Đảng Dân chủ là Edward Kennedy và Henry Jackson lần lượt đưa ra phương án đánh đổi "Đại sứ quán Mỹ" ở Đài Bắc với Văn phòng liên lạc ở Bắc Kinh. Nghĩa là sau khi Mỹ và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao, cần cho phép bên Mỹ và nhà cầm quyền Đài Loan lập Văn phòng liên lạc ở hai bên, các quan chức của Văn phòng liên lạc này được hưởng đặc quyền ngoại giao và miễn trừ ngoại giao. Chính phủ Trung Quốc dứt khoát bác bỏ đề nghị và tuyên bố nghiêm chỉnh rằng: Sau khi Trung Quốc và Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao, phía Mỹ không được duy trì bất kỳ quan hệ chính thức nào với nhà cầm quyền Đài Loan.

Vì Trung Quốc kiên trì với ba nguyên tắc trên, nên Mỹ phải dần nhượng bộ. Từ ngày 1 tháng 7 năm 1973, viện trợ quân sự của Mỹ cho nhà cầm quyền Đài Loan từ chỗ cho không chuyển thành hình thức cho phía Đài Loan vay với lãi suất thấp để mua vật tư quân sự của Mỹ hoặc là mua với giá rẻ, tức là chuyển từ viện trợ quân sự thành ra "mua đồ dùng quân sự". Đồng thời, Mỹ tuyên bố rút Đại đội vận tải hàng không chiến thuật số 374, gồm 3.000 lính không quân và 65 máy bay khỏi Đài Loan. Ngày 14 tháng 11, "Bộ Tư lệnh phòng thủ phối hợp Mỹ" ở Đài Loan tuyên bố đến cuối năm sẽ cắt giảm 1/3 số quân Mỹ ở Đài Loan.

Được biết, Nixon vốn có thời gian biểu trong nội bộ, định đến cuối năm 1974 thì thực hiện việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Song do vụ bê bối Watergate nên ông bị mất chức vào tháng 8 năm 1974. Phó Tổng thống Gerald Ford lên thay.

Sau khi lên làm Tổng thống, Ford tuyên bố sẽ tiếp tục thực hiện Thông cáo Thượng Hải. Ngày 28 tháng 10, Ford tuyên bố hủy bỏ Nghị quyết Đài Loan về việc Quốc hội trao cho Tổng thống quyền phối hợp phòng thủ Kim Môn, Mã Tổ khi cần thiết. Tháng 1 năm 1974, Nixon lại đến Bắc Kinh cùng lãnh đạo Trung Quốc bàn việc Ford sẽ thăm Trung Quốc trong năm tới.

Tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch chết. Lúc đầu, Chính phủ Gerald Ford định cử Bộ trưởng Nông nghiệp sang Đài Loan dự lễ tang Tưởng, đây rõ ràng là ý lạnh nhạt với nhà cầm quyền Đài Loan. Sau do các nghị sỹ thân Đài Loan và các chính khách phái Bảo thủ phản đối nên Ford đã thay đổi ý định, cử Phó Tổng thống Nelson Rockefeller đi Đài Bắc tham dự. Tháng 5, đơn vị không quân cuối cùng của Mỹ rút khỏi Đài Loan.

Tháng 12, Ford đi thăm Bắc Kinh. Trước đó, Mỹ đã thông báo cho phía Đài Loan biết quan hệ hai bên sẽ không có "diễn biến kịch tính nào" trong thời gian Ford thăm Trung Quốc. Tuy nhiên, khi ở Bắc Kinh, Ford đã ngầm bày tỏ rằng nếu ông trúng cử Tổng thống nhiệm kỳ tới, nhất định trước cuối năm 1978 sẽ bắt chước "mô thức Nhật Bản" để hoàn thành việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Tháng 3 năm 1976, Ford tuyên bố sẽ từng bước rút hết toàn bộ quân Mỹ ra khỏi Đài Loan. Tháng 6, Mỹ rút cố vấn quân sự khỏi Kim Môn, Mã Tổ và đóng cửa trạm không quân ở Đài Bắc.

Tháng 7, Mỹ tổ chức lễ kỷ niệm hai trăm năm ngày độc lập. Mỹ khuyến khích các nước cử các đoàn ca múa, đoàn nghệ thuật đến Mỹ tham gia biểu diễn, nhưng lại đặc biệt lưu ý Đài Loan rằng Mỹ không muốn Đài Loan cử đoàn đến chúc mừng.

Tháng 11 năm 1976, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ kết thúc, ông Jimmy Carter thuộc Đảng Dân chủ đã thắng Gerald Ford, trở thành Tổng thống thứ 39 của nước Mỹ. Ý nguyện của Ford muốn hoàn thành việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vào cuối năm 1978, nay chỉ có thể do Tổng thống Carter thực hiện.

Trong hai nhiệm kỳ Tổng thống của Đảng Cộng hòa (Nixon và Ford), quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đã có những biến đổi to lớn. Quan hệ giao lưu và sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước cũng như mối liên hệ và hợp tác giữa Chính phủ hai quốc gia đều không ngừng được tăng cường. Tuy rằng trong trào lưu lịch sử này vẫn còn đá ngầm và dòng nước ngược – như năm 1975, Mỹ viện trợ quân sự 80 triệu đô-la cho Đài Loan, tăng gấp hai lần so với năm 1973, làm cho Chính phủ Trung Quốc rất bất bình. Nhưng nhìn chung, băng đã tan, con đường đã được khơi thông. Việc Trung Quốc – Mỹ lập quan hệ ngoại giao đã là tất yếu lịch sử không ai ngăn nổi. Đứng trước tất yếu lịch sử này, trạng thái khổ sở đau buồn của nhà cầm quyền Đài Loan có thể tóm lại trong bảy chữ: Hoa rơi rụng không gì cưỡng nổi.

III – THẾ CỜ MỚI TRONG QUAN HỆ TRUNG QUỐC – MỸ – ĐÀI LOAN

Ngày 20 tháng 1 năm 1977, chính quyền Carter tuyên bố nhậm chức. Nhà cầm quyền Đài Loan chỉ thị cho Thẩm Kiếm Hồng, "Đại sứ" tại Mỹ cố gắng sớm gặp Carter sau ngày Carter nhậm chức để thăm dò phía Mỹ. Nhưng, chẳng những Carter từ chối không gặp Thẩm Kiếm Hồng, mà ngay cả Phó Tổng thống Walter Mondale và Ngoại trưởng Cyrus Vance cũng thoái thác, không muốn tiếp Thẩm. So sánh với tình hình trên, một tuần lễ trước ngày Carter làm lễ chính thức nhậm chức, Vance đã cùng họp bàn với Hoàng Trấn. Nửa tháng sau khi Carter nhậm chức (ngày 8 tháng 2) đã tiếp Hoàng Trấn tại Nhà Trắng, thời gian gặp gỡ kéo dài hơn thời gian Carter gặp Đại sứ Liên Xô.

Khi gặp Hoàng Trấn, Carter đã xem biên bản ghi chép hàng năm về việc tiếp xúc ngoại giao giữa Trung Quốc và Mỹ và nắm rõ ba nguyên tắc của Trung Quốc. "Rút quân, xóa bỏ hiệp ước, cắt đứt quan hệ ngoại giao" là ba nguyên tắc không cho phép thảo luận. Carter viết: "Đối với những nguyên tắc này, chỉ cần chúng ta có thể thực hiện được một phương thức giữ được thể diện và có trình tự thì tôi vui lòng chấp nhận. Đối với tôi, phương thức này có nghĩa là: Mỹ có thể tiếp tục bán cho Đài Loan một số vũ khí có tính chất phòng thủ; có thể duy trì quan hệ mậu

dịch và các quan hệ khác với Đài Loan trên cơ sở không chính thức. Về Hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ và Đài Loan, có thể dựa vào quy định của Hiệp ước này, thông báo giữa người Trung Quốc ở Đại Lục và Đài Loan, Mỹ vẫn có thể công khai lên tiếng là cần phương thức hòa bình để giải quyết và Bắc Kinh không phản bác điều này" (Trang 8 sách Trước và sau ngày Trung Quốc – Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao, hồi ký của Carter, Brzezinski và Vance.)

Trên thực tế, vấn đề đặt ra đối với Chính phủ Carter không còn là "có thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc hay không", mà là làm thế nào thực hiện được việc này một cách "có thể diện và trình tự". Nói cách khác là làm thế nào để hạn chế sự tồn tại đối với nhà cầm quyền Đài Loan. Vì thế, Carter tuy từ lâu đã có dự định chấp nhận "ba nguyên tắc thiết lập quan hệ ngoại giao" của phía Trung Quốc, nhưng lại quyết định "làm từ từ, không đi đâu mà vội".

Từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1977, Ngoại trưởng Mỹ Cyrus Vance phát biểu trong nhiều trường hợp khác nhau, nhắc lại rằng cần lấy những nguyên tắc chỉ đạo đôi bên nêu trong Thông cáo Thượng Hải làm cơ sở và Mỹ sẽ tiếp tục cố gắng theo hướng đó nhằm mục tiêu thực hiện việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Trong tuyên bố của mình, Vance hoàn toàn không đề cập đến vấn đề quan hệ ngoại giao Mỹ – Đài Loan và Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng.

Ngày 22 tháng 5, Carter đọc diễn văn tại trường Đại học Notre Dame: "Chúng ta coi quan hệ với Trung Quốc như một lực lượng có tính chủ chốt của nền hòa bình toàn cầu. Chúng ta hy vọng hợp tác chặt chẽ các vấn đề đang đặt ra trước toàn nhân loại với nhân dân Trung Quốc giàu sáng tạo. Hy vọng tìm được một phương pháp khiến chúng ta có thể vượt qua một số trở ngại mà cho đến nay vẫn ngăn cách chúng ta."

Để ngăn cản Carter vượt qua "trở ngại", nhà cầm quyền Đài Loan quả là không từ một thủ đoạn nào. Carter ghi lại rằng: "Các phần tử Đài Loan thuộc tập đoàn hoạt động hậu trường có vẻ chiếm ưu thế trong quyết sách của Mỹ đối với vấn đề Viễn Đông cơ bản này. Cuộc bầu cử năm 1976, sau khi tôi giành được thắng lợi trong mấy lần bầu thử, tôi bắt đầu thấy rõ tác dụng lớn lao của những người này. Bà con họ hàng, bạn hữu và láng giềng gần nhà tôi ở bang Georgia liên tiếp nhận được giấy mời đi nghỉ mát miễn phí do phía Đài Loan khoản đãi. Phía Đài Loan còn tặng họ quà rất hậu, yêu cầu họ gây ảnh hưởng với tôi với một số bà con bạn bè tại quê hương."

Ở Đài Loan còn có người mở cuộc vận động "Mỗi người viết một lá thư", kêu gọi mỗi người dân Đài Loan thư gửi Carter. Cầu xin ông ta đừng bỏ Đài Loan. Hành động này sau đó đã bị các nhân sỹ Đài Loan phê phán, coi là "vết nhục" và một sự "bùng nổ hồ đồ".

Công sức này của nhà cầm quyền Đài Loan cũng có tác dụng trong thời gian nhất định. Các nghị sỹ phái hữu trong Quốc hội thường đứng ra làm "hộ pháp" giúp nhà cầm quyền Đài Loan. Khiến cho Carter do dự không dám tiến tới trong vấn đề bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Tháng 8 năm 1977, Cyrus Vance thăm Bắc Kinh. Trước chuyến đi, Carter vốn đã quyết tâm sẽ thực hiện việc bình thường hóa và giao cho Vance đi bàn bạc. Thực tế, khi Vance đến Bắc Kinh, trong túi ông ta vẫn có bản thảo hiệp định bình thường hóa. Nhưng đến ngày 23 tháng 8, khi cố vấn về vấn đề an ninh quốc gia là Zbigniew Brzezinski chuẩn bị đưa bản thảo bức điện sẽ phát đi Bắc Kinh cho Carter (bức điện này ra lệnh cho Vance lợi dụng mọi cơ hội hoàn thành việc bình thường hóa quan hệ Mỹ – Trung) thì Carter lại co lại. Vì lúc này Carter đang muốn Quốc hội thông qua Hiệp ước về vấn đề kênh đào Panama. Ông không muốn vì vấn đề Đài Loan mà chuốc lấy những phiền toái không cần thiết. Do đó, nhiệm vụ của Vance ở Bắc Kinh được chuyển từ chỗ "đàm phán" thành "thăm dò". Ông đưa ra đề nghị nâng cấp Văn phòng liên lạc Trung Quốc thành Đại sứ quán và hạ thấp "Đại sứ quán" của nhà cầm quyền Đài Loan xuống thành Văn phòng liên lạc, lập tức bị Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình bác bỏ tại trận và vạch rõ đây là sự thụt lùi của Mỹ so với lập trường cũ.

Mặc dù có bước thăng trầm này, song quan hệ hai nước Trung Quốc – Mỹ vẫn tiến triển theo

hướng hòa giải. Đầu năm 1978, việc trao đổi khoa học kỹ thuật giữa hai nước đã tiến lên một nấc cao hơn. Mỹ nới lỏng những hạn chế trong việc xuất sang Trung Quốc những ngành nghề kỹ thuật mũi nhọn có tác dụng dùng trong quân sự và cũng không phản đối các nước đồng minh (như Anh) bán các loại kỹ thuật này cho Trung Quốc. Brzezinski còn thu xếp cho các quan chức Trung Quốc nghe giới thiệu tóm tắt tình hình của khối NATO về vấn đề chiến lược toàn cầu, "từ đó chủ động xây dựng quan hệ an toàn ngầm với họ" (cuốn hồi ký của Carter, Brzezinski và Vance, nhan đề Trước và sau ngày lập quan hệ Mỹ – Trung Quốc, trang 43).

Tháng 3 năm 1978, Carter quyết định cử Brzezinski đi thăm Bắc Kinh. Ngày 16 tháng 5, Nhà Trắng họp các quan chức cấp cao "quyết định có hành động bình thường hóa (với Trung Quốc) trong năm nay, nếu như Trung Quốc mong muốn giúp đỡ". Về thời gian lựa chọn hành động, hy vọng là sau cuộc bầu cử Quốc hội tháng 11.

Ngày 17 tháng 5, Carter chỉ thị bằng văn bản cho Brzezinski, trao quyền cho ông ta thông báo với Bắc Kinh biết rằng: "Mỹ đã hạ quyết tâm", đồng ý chấp nhận ba nguyên tắc thiết lập quan hệ ngoại giao do Trung Quốc đưa ra, nhưng cũng hy vọng phía Trung Quốc có một số nhượng bộ tương ứng. Carter còn chỉ thị cho Brzezinski "có thể bày tỏ không chính thức cho Trung Quốc biết rằng Mỹ đang dự định trong năm nay sẽ cắt giảm hơn nữa sự hiện diện quân sự của họ ở Đài Loan, mở rộng cơ hội chuyển nhượng kỹ thuật mang tính thương nghiệp với Trung Quốc; vì lợi ích chung, tăng cường các cuộc tiếp xúc trực tiếp theo định kỳ hay theo thời gian do hai bên thu xếp. Đồng thời mời đoàn đại biểu mậu dịch và đoàn đại biểu quân sự Trung Quốc sang Mỹ. Các bước kế hoạch được bàn bạc này phản ánh thiện chí của chúng tôi thúc đẩy quá trình bình thường hóa".

Ngày 20 tháng 5, Brzezinski lên đường đi Bắc Kinh. Ngày Brzezinski lên đường trùng vào ngày Tưởng Kinh Quốc nhậm chức "Tổng thống" nhiệm kỳ sáu ở Đài Loan. Phía Đài Loan can thiệp với Chính phủ Mỹ, cho rằng Brzezinski chọn đúng "ngày hội lớn" của Đài Loan để đi Bắc Kinh, quả là sự sỉ nhục lớn đối với Trung Hoa Dân Quốc, hy vọng có thể thay đổi hành trình. Song các quan chức Mỹ không thèm để ý, ngay cả từ "xin lỗi" cũng chẳng nói nữa.

Sau khi Brzezinski đến Bắc Kinh, trong các trường hợp công khai cũng như khi tiếp xúc riêng, nhiều lần hứa với các nhà lãnh đạo Trung Quốc rằng "Mỹ đã hạ quyết tâm", sẽ nhanh chóng sớm bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Brzezinski bày tỏ với Đặng Tiểu Bình rằng: "Bản thân ngài Tổng thống chuẩn bị trong tình hình thực tế cho phép sẽ nhanh chóng giải quyết vấn đề này. Chúng tôi không có ý muốn kéo dài việc giải quyết... Ngài Tổng thống thừa nhận đây là trách nhiệm của chúng tôi chứ không phải là vấn đề từ phía các ngài. Trong quan hệ hai nước, chúng tôi sẽ tiếp tục tuân theo Thông cáo Thượng Hải, tuân theo các nguyên tắc chỉ có một Trung Quốc, giải quyết vấn đề Đài Loan là việc nội bộ của các ngài."

Mặt khác, Brzezinski cũng nói rõ với Đặng Tiểu Bình: "Chúng tôi còn một số vấn đề trong nước và một số vấn đề do lịch sử để lại cần phải khắc phục. Những vấn đề này phức tạp và khó khăn, trên một phương diện nào đó có màu sắc tình cảm." Ông ta hy vọng phía Trung Quốc cũng có một ít nhượng bộ, để tiện cho việc Chính phủ Mỹ khắc phục những khó khăn đó, thực hiện một cách "có thể diện" việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Chuyến đi của Brzezinski đã làm cho Chính phủ hai nước Trung Quốc và Mỹ đều nhận thấy thời cơ thực hiện bình thường hóa đã sắp chín muồi. Bước đi hướng tới việc bình thường hóa đã được đẩy lên nhanh chóng.

Ngày 13 tháng 6, Vance đưa ra bản bản ghi nhớ với Carter, đề nghị hoàn thành việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vào trung tuần tháng 12, đồng thời hy vọng một nhà lãnh đạo cấp cao của Chính phủ Trung Quốc sang thăm Mỹ để đánh dấu mốc quan hệ giữa hai nước. Về vấn đề đàm phán thực hiện bình thường hóa, đề nghị cử Leonard Woodcock, Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc Mỹ tại Bắc Kinh đàm phán trực tiếp với lãnh đạo Trung Quốc, toàn bộ quá trình đàm phán diễn ra tuyệt đối bí mật.

Ngày 20 tháng 6, Carter triệu tập cuộc họp với Vance và Brzezinski, quyết định trung tuần tháng 12 sẽ tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Đồng thời, ông còn thảo ra chỉ thị cụ thể cho Woodcock, chủ yếu là nêu lên lập trường cơ bản và yêu cầu chính của Mỹ đối với việc thực hiện bình thường hóa.

Từ tháng 7 đến tháng 12, Woodcock và các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tiến hành một loạt các cuộc hiệp thương bàn bạc ở Bắc Kinh. Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc Trung Quốc tại Mỹ là Sài Trạch Dân cũng đã hội đàm với Brzezinski tại Washington.

Lập trường cơ bản của phía Mỹ trong đàm phán là:

1. Hy vọng Trung Quốc tuyên bố rõ ràng rằng không sử dụng vũ lực đối với Đài Loan. Nếu Trung Quốc không đồng ý, ít nhất cũng để phía Mỹ được đơn phương bày tỏ hy vọng này trong bản thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, phía Trung Quốc không bác bỏ.

2. Sau khi Mỹ và Đài Loan "cắt đứt quan hệ ngoại giao", Mỹ sẽ bảo lưu toàn bộ quan hệ kinh tế, văn hóa và các quan hệ khác với Đài Loan trên cơ sở không chính thức.

3. Mỹ không thể hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng, chỉ có thể làm theo quy định của hiệp ước, thông báo trước thời hạn một năm cho nhà cầm quyền Đài Loan biết ý định hủy bỏ hiệp ước. Sau một năm, hiệp ước sẽ tự mất hiệu lực. Nói khác đi là Mỹ đồng ý hủy bỏ hiệp ước nhưng yêu cầu hoãn thi hành một năm để giữ thể diện.

4. Sau khi Mỹ – Đài Loan cắt đứt quan hệ ngoại giao, Mỹ sẽ tiếp tục bán vũ khí có tính phòng thủ cho Đài Loan, một cách có chọn lựa và có giới hạn.

5. Hy vọng Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình sang thăm Mỹ, đánh dấu mốc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Ngày 13 tháng 12, Đặng Tiểu Bình tiếp Woodcock, bày tỏ rõ lập trường cuối cùng của phía Trung Quốc:

1. Trung Quốc không thể hứa không sử dụng vũ lực đối với Đài Loan. Tuy nhiên, nếu Mỹ muốn bày tỏ hy vọng hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan trong bản thông cáo chung, Trung Quốc sẽ không bác bỏ, vì từ lâu Trung Quốc đã nhiều lần bày tỏ hy vọng hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan.

2. Trung Quốc đồng ý việc Mỹ, sau khi cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan, tiếp tục duy trì quan hệ mậu dịch, văn hóa và các quan hệ khác với Đài Loan. Nhưng tất cả những quan hệ này đều phải xây dựng nghiêm túc, trên cơ sở "không chính thức".

3. Chấp nhận phương thức hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng do phía Mỹ nêu ra. Song trong một năm "hoãn thực hiện" đó, Mỹ cần đình chỉ việc bán vũ khí cho Đài Loan.

4. Kiên quyết phản đối Mỹ bán đồ dùng quân sự cho Đài Loan, vì như vậy là vi phạm vấn đề can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, hơn nữa cũng không có lợi cho việc hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan. Song, Chính phủ Trung Quốc không muốn vấn đề này ngăn cản việc thực hiện bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Nói cách khác là, vấn đề này tạm gác lại chưa giải quyết giữa hai nước. Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao xong sẽ tiếp tục tìm cách giải quyết.

5. Đặng Tiểu Bình vui vẻ nhận lời mời của Chính phủ Mỹ, sẽ sang thăm Mỹ trong vòng một tháng sau khi tuyên bố việc hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Đến đây, toàn bộ trở ngại trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Trung quốc và Mỹ đã được khắc phục. Woodcock lập tức báo cáo với Washington. Carter nhận được tin vô cùng phấn khởi, đề nghị trong vòng hai ngày sẽ công bố hiệp nghị. Thế là, lãnh đạo hai nước bàn bạc quyết định cùng lúc công bố thông cáo thiết lập quan hệ ngoại giao tại Bắc Kinh và Washington vào 9 giờ tối ngày 15 tháng 12 giờ Washington. Tức 10 giờ sáng ngày 16 tháng 12 giờ Bắc Kinh.

Vì các cuộc hội đàm về việc thiết lập quan hệ ngoại giao của Trung Quốc và Mỹ được tiến hành hết sức bí mật, ngay cả các vị lãnh tụ của Quốc hội Mỹ cũng phải đến mấy ngày cuối mới được biết tin, tất nhiên nhà cầm quyền Đài Loan hoàn toàn không nắm được. Phía Đài Loan cho rằng, Chính phủ Carter lúc này cần ưu tiên xem xét cuộc đàm phán về vũ khí chiến lược giai đoạn hai với Liên Xô và cuộc tranh chấp Ai Cập – Israel. Các nghị sỹ thân Đài Loan trong Quốc hội Mỹ hồi tháng 7 vừa thông qua Dự án sửa đổi Dole-Stone – Dự thảo sửa đổi yêu cầu Tổng thống Mỹ khi soạn thảo bất kỳ hiệp ước gì liên quan đến Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng thì phải bàn bạc trước với Quốc hội. Vì thế, trong thời gian trước mắt Carter không dám mặc nhiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Ai ngờ, đúng lúc Quốc dân đảng đang vui mừng, đắc chí thì một đòn có tính chất hủy diệt đã giáng xuống đầu họ.

Chính phủ Mỹ đã thông báo cho "Đại sứ Mỹ" ở Đài Loan là Leonard S. Unger, hạn cho ông phải thông báo cho nhà cầm quyền Đài Loan biết hai tiếng đồng hồ trước khi Carter chính thức truyền đọc thông cáo về việc thiết lập quan hệ ngoại giao Trung Quốc – Mỹ. Xuất phát từ chỗ đồng tình với nhà cầm quyền Đài Loan, Unger đề nghị Chính phủ Mỹ, hy vọng có thể thông báo cho phía Đài Loan bảy giờ trước khi công bố chính thức. Khi Unger nhận được bức điện cho phép này, lúc đó đã là sáng sớm ngày 16 tháng 12 theo giờ Đài Loan rồi.

Hai giờ sáng, "Phủ Tổng thống" Đài Bắc đột ngột nhận được điện thoại của Unger, yêu cầu gặp khẩn cấp Tưởng Kinh Quốc. Chờ cho cảnh vệ đánh thức được Tưởng Kinh Quốc tỉnh dậy, thay quần áo, đến khi gặp Unger đã là ba giờ sáng rồi. Unger thông báo vắn tắt tình hình với Tưởng Kinh Quốc. Tức là sau bảy giờ nữa lãnh đạo hai nước Trung Quốc và Mỹ sẽ tuyên bố bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1979 sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước. Đồng thời Mỹ sẽ "cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân Quốc và thông báo ý kiến của Mỹ hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng. Sau một năm nữa Hiệp ước này sẽ mất hiệu lực. Bốn tháng sau ngày Trung Quốc – Mỹ lập quan hệ ngoại giao, Mỹ sẽ cho rút hết số nhân viên quân sự còn lại ở Đài Loan. Ngoài ra, Unger cũng giới thiệu với Tưởng Kinh Quốc tình hình vắn tắt về cuộc đàm phán Mỹ – Trung Quốc và lập trường cơ bản của phía Mỹ.

Sau khi nghe xong, Tưởng Kinh Quốc hết sức phẫn nộ, chỉ trích Mỹ đã hành động đơn phương trong vấn đề trọng đại có liên quan tới quyền lợi của Đài Loan; không hiệp thương bàn bạc trước với Trung Hoa Dân Quốc. Sau khi bàn bạc xong chỉ thông báo sớm trước bảy tiếng đồng hồ, không cho người ta có thời gian để chuẩn bị nữa, "đó là điều không thể tưởng tượng được, nó không chỉ gây tổn thất lớn cho nước tôi, cũng là thất tín với thế giới, sau này không còn đồng minh nào tin ở Mỹ nữa." (Báo Đài Loan Trung ương nhật báo đăng ngày 16 tháng 12 năm 1978.)

Sau đó bảy tiếng, Bắc Kinh và Washington cùng lúc công bố bản thông cáo Trung – Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao. Còn ở Đài Bắc, Tưởng Kinh Quốc đã đọc bản tuyên bố kháng nghị mạnh mẽ nhất trong lịch sử quan hệ giữa Đài Loan và Mỹ. Tưởng Kinh Quốc chỉ trích Mỹ "không chỉ gây tác hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Chính phủ và nhân dân Trung Hoa Dân Quốc, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đối với thế giới tự do". "Mỹ hủy bỏ Hiệp ước một cách bội tín, sau này rất khó được các nước tự do khác tin cậy". "Bất kỳ trên góc độ nào, hành động này của Mỹ cũng gây tổn thất lớn cho sự tự do của nhân loại và các chế độ dân chủ, chắc chắn sẽ bị nhân dân yêu chuộng tự do, dân chủ các nơi trên thế giới lên án."

Thực ra, "nhân dân yêu chuộng tự do, dân chủ các nơi trên thế giới", gồm cả "toàn thể thế giới tự do" như nhà cầm quyền Đài Loan vẫn quen gọi đều có thái độ tán thành và ủng hộ việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Mỹ. Trái lại, nhà cầm quyền Triều Tiên, Nam Phi và một số nước nhỏ ở Trung, Nam Mỹ rất tán thành trước hành động này của Mỹ. Song cũng như nhà cầm quyền Đài Loan, bản thân "chế độ tự do và dân chủ" của các chính quyền nước đó đang có vấn đề rồi, làm gì có tư cách để nói đến "tổn thất lớn lao của nền tự do nhân loại và chế độ dân chủ" nữa!

Sau khi công bố thông cáo thiết lập quan hệ ngoại giao Trung Quốc – Mỹ, lòng người Đài Loan hoang mang, xáo động rất lớn, thậm chí có kẻ ôm đầu khóc hu hu ngay trên đường phố. Hàng ngàn người được nhà cầm quyền dung túng đã bao vây "Đại sứ quán Mỹ", giương các biểu ngữ: "Carter là kẻ chủ trương nhân quyền giả tạo", "Carter khẩu phật tâm xà". Họ hô vang các khẩu hiệu chống Mỹ, viết các dòng chữ chống Mỹ lên tường, ném đá, trứng, chai lọ vào khu "Sứ quán". Một số người còn trèo tường xông vào trong tận trong sân, kéo lá cờ thanh thiên bạch nhật lên, cố tình ngồi xung quanh lá cờ đó. Bầu không khí buồn thảm, mất mát bao trùm khắp Đài Loan.

Ngày 27 tháng 12, Carter cử Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Warren Christopher đi Đài Bắc cùng nhà cầm quyền Đài Loan bàn về quan hệ hai bên sau khi "cắt đứt quan hệ ngoại giao". Khi đoàn xe chở Christopher ra khỏi sân bay Tung Sơn, đoàn xe đã bị bao vây trùng trùng điệp điệp bởi hàng mấy chục nghìn người. Ô tô chở Christopher bị ném đầy trứng thối, sơn, bùn đất, cà chua thối, có người còn định dùng cả gậy đập vỡ kính. Tuy nhiên trình độ "đùa với lửa" lần này của nhà cầm quyền Đài Loan không giống như sự kiện "24-5", khi đám biểu tình sắp sửa không thể kiểm soát thì lực lượng cảnh sát được chuẩn bị sẵn từ trước lập tức can thiệp làm cho đoàn xe chở khách tuy kinh hoàng nhưng không gặp nguy hiểm, an toàn đi tới khách sạn Viên Sơn. Carter được tin, phán đoán rằng: "Đây là cuộc biểu tình quần chúng rõ ràng được Tổng thống Tưởng Kinh Quốc dung túng." Ông ta lập tức triệu Christopher quay về Mỹ, nhưng sau lại được biết phía Đài Loan đã xin lỗi Christopher và bảo đảm từ nay về sau tuyệt đối không để xảy ra sự việc tương tự nữa, cho nên lại đồng ý để Christopher thực hiện theo chương trình đã định.

Sau hai ngày đàm phán, hai bên không đi đến thỏa thuận. Trở ngại chính là phía Đài Loan đòi thiết lập "bộ máy đại diện Chính phủ" tại Đài Bắc và Washington; phía Mỹ thì kiên trì rằng quan hệ sau này chỉ có thể xây dựng trên cơ sở không chính thức. Mỹ đề nghị cơ quan của Mỹ ở Đài Loan sẽ đổi thành Trung tâm phục vụ Á – Mỹ, đổi cơ quan của Đài Loan ở Mỹ là Trung tâm Tôn Dật Tiên. Đề nghị này bị phía Đài Loan dứt khoát bác bỏ.

Ngày 29 tháng 12, Christopher chào từ biệt Tưởng Kinh Quốc. Tưởng nêu ra nguyên tắc năm điểm, coi đó là "cái giá" cần thiết của nhà cầm quyền Đài Loan đối với quan hệ Mỹ – Đài trong tương lai:

1. Cơ sở pháp lý – yêu cầu Mỹ tiếp tục thừa nhận, tôn trọng vị trí pháp lý và tư cách quốc tế của Trung Hoa Dân Quốc.

2. Duy trì liên tục – hai bên từ nay về sau phải tăng cường hợp tác, tiếp tục hữu hảo.

3. Bảo đảm an toàn – yêu cầu Mỹ tái khẳng định cam kết bảo vệ Đài Loan không bị đe dọa bằng vũ lực.

4. Pháp luật ổn định – yêu cầu Mỹ dưới hình thức pháp luật, bảo đảm hơn 50 hiệp ước, hiệp định khác giữa Mỹ và Đài Loan tiếp tục có hiệu lực, đồng thời bảo đảm mối quan hệ Mỹ – Đài Loan từ nay trở về sau.

5. Quan hệ Chính phủ – yêu cầu hai bên thiết lập cơ quan đại diện Chính phủ tại thủ đô mỗi nước, không chấp nhận cơ sở "không chính thức".

Về việc này, Christopher trả lời sẽ chuyển đến Tổng thống Carter, rồi vội vã lên đường trở về

Washington.

Ngày 1 tháng 1 năm 1979, hai nước Trung Quốc – Mỹ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao và tuyên bố cùng lập Đại sứ quán vào ngày 1 tháng 3. Để kịp xác nhận quan hệ Mỹ – Đài Loan trong tương lai trước thời hạn này, "Thứ trưởng Ngoại giao" Đài Loan là Dương Tây Côn bắt đầu vòng đàm phán thứ hai với đại diện Mỹ ở Washington.

Không khí vòng đàm phán này khá căng thẳng, "hai bên đầy rẫy sự gay gắt, phẫn nộ và không tín nhiệm nhau". Tiêu điểm của sự bất đồng vẫn là quan hệ sau này "chính thức" hay "không chính thức". Mỹ đề nghị sẽ lập ở Đài Bắc "Hiệp hội châu Mỹ", thuộc loại hình cơ cấu dân gian và yêu cầu Đài Loan cũng lập một cơ quan không chính thức ở Mỹ. Phía Đài loan từ chối việc này.

Ngày 17 tháng 1, Mỹ đơn phương tuyên bố thành lập "Hiệp hội châu Mỹ" ở Đài Loan. Sau đó, "Bộ Ngoại giao" Đài Loan ra tuyên bố bày tỏ "không đồng ý với sự sắp xếp này".

Ngày 8 tháng 2, Ngoại trưởng Mỹ Cyrus Vance tuyên bố Mỹ – Đài Loan đã đạt được thỏa thuận về việc lập ra "cơ quan không chính thức" ở hai nước. Ngày 9, người phát ngôn "Bộ Ngoại giao" Đài Loan kiên quyết bác bỏ tuyên bố của Vance. Thế là Mỹ ra thông điệp cuối cùng, thông báo cho phía Đài Loan biết đến 10 tháng 2, nếu các cuộc đàm phán song phương vẫn không có tiến triển, Mỹ sẽ rút các nhân viên "sứ quán" Mỹ tại Đài Loan về nước và yêu cầu các nhân viên "sứ quán" Đài Loan tại Mỹ phải rời khỏi nước Mỹ. Đến trước ngày 1 tháng 3, nếu hai bên không thể thiết lập được "cơ quan không chính thức", Mỹ chỉ còn cách duy nhất là chấm dứt tất cả mọi quan hệ với Đài Loan.

Đến lúc này, nhà cầm quyền Đài Loan không còn dám cứng rắn nữa, chỉ biết nén trạng thái đau khổ, "ngậm bồ làm ngọt" nhượng bộ Mỹ, đồng ý lập ra "cơ quan không chính thức" tại Washington và Đài Bắc. Về tên gọi của các cơ quan không chính thức này, phía Đài Loan không muốn dùng tên "Hiệp hội châu Mỹ tại Đài Loan", mà muốn đổi thành "Hiệp hội nước Mỹ tại Đài Loan". Như thế ít nhất vẫn còn tồn tại chữ "nước Mỹ". Còn cơ quan Đài Loan ở Mỹ thì muốn gọi là "Văn phòng điều phối công việc Bắc Mỹ". Cái diệu kế của tên gọi này ở hai chữ "Văn phòng", có thể gây cho mọi người lầm tưởng là "cơ quan chính thức".

Trước yêu cầu này của Đài Loan, Mỹ đưa ra phương án cuối cùng: (1) Đổi tên "Hiệp hội châu Mỹ tại Đài Loan" thành "Hiệp hội nước Mỹ tại Đài Loan"; (2) Cơ quan của Đài Loan ở Mỹ không được dùng chữ "Văn phòng", đề nghị đổi thành "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ"; (3) Thông qua sự bàn bạc giữa hai bên, "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" có thể lập một số cơ quan chi nhánh ở một số thành phố của Mỹ, các chi nhánh này có thể lấy tên là "Văn phòng". Trên thực tế, phương án cuối cùng này là dứt khoát, không cho phép thảo luận lại nữa. Đại diện Đài Loan chỉ còn biết đồng ý hạ bút ký.

Ngày 15 tháng 2, Tưởng Kinh Quốc phát biểu về kết quả các cuộc bàn bạc Mỹ – Đài Loan. Ông nói: "Hai tháng qua, với tâm trạng ngàn lần khổ đau, chúng ta lấy nguy nan để xét hậu họa, thảo luận với phía Mỹ nhằm cố gắng hết mình để bảo vệ quyền lợi của nhà nước và nhân dân, giảm tổn thất do những bất hạnh đó gây ra... Do nhu cầu từ hiện thực, chúng ta buộc phải có nghị lực và kiên nhẫn ngậm đắng nuốt cay để giải quyết thời cuộc đang thay đổi hiện nay". Sau khi Carter tuyên bố thực hiện bình thường hóa quan hệ hai nước theo ba nguyên tắc do Trung Quốc đưa ra, một số thượng nghị sỹ thân Đài Loan trong Quốc hội, tiêu biểu là Barry Goldwater, tỏ ra hết sức bất bình. Goldwater và Vance chưa bàn bạc với Quốc hội đã hủy bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng là hành động vi phạm pháp luật. Vụ kiện này lên đến tận Tòa án tối cao Mỹ. Mãi đến tháng 12 năm 1979, do Tòa án tối cao bác bỏ đơn tố cáo mới kết thúc được.

Cùng với vụ kiện nói trên, Goldwater còn tác oai tác quái ở Thượng viện Mỹ, đưa ra bàn Đạo luật quan hệ với Đài Loan; ngày 28 tháng 3 năm 1979 được Hạ viện Mỹ thông qua; ngày 29 tháng 3 được Thượng viện Mỹ thông qua. Carter có lúc đã định dùng quyền phủ quyết để phủ quyết đạo luật này, nhưng do sức ép của các thế lực thân Đài Loan trong Quốc hội, hơn nữa bản

thân Carter cũng muốn đồng thời với việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, cố gắng ít gây phương hại cho nhà cầm quyền Đài Loan. Cho nên ngày 10 tháng 4 đạo luật này đã được ký và ngày 20 tháng 6 ký lệnh cho thi hành.

Mục B, Điều 2 trong Đạo luật quan hệ với Đài Loan quy định: "Mỹ quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là dựa trên cơ sở hy vọng rằng tương lai của Đài Loan sẽ được quyết định bằng phương thức hòa bình. Bất kỳ mưu toan dùng phương thức không phải biện pháp hòa bình – kể cả việc tẩy chay và cấm vận kinh tế – để quyết định tương lai của Đài Loan, sẽ được coi là mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh ở Tây Thái Bình Dương và được Mỹ quan tâm nghiêm túc; (Mỹ sẽ) cung cấp vũ khí phòng thủ cho Đài Loan nhằm duy trì năng lực của Mỹ chống lại mọi khả năng vũ lực gây nguy hại cho an ninh của nhân dân Đài Loan hoặc chế độ kinh tế – xã hội của Đài Loan; sẽ thi hành những hành động cưỡng chế (hoặc các hành động khác)."

Lời lẽ rõ ràng nhằm vào khả năng Chính phủ Trung Quốc dùng vũ trang để giải phóng Đài Loan, đây là sự can thiệp trắng trợn và thô bạo vào công việc nội bộ của Trung Quốc.

Mục C, Điều 2 của đạo luật này quy định: "Bất cứ điều khoản nào trong đạo luật này cũng không được trái với mối quan tâm của Mỹ đối với vấn đề nhân quyền, nhất là vấn đề nhân quyền của toàn thể mười tám triệu dân đang sinh sống ở Đài Loan. Trong phần này, bảo vệ và nâng cao nhân quyền của nhân dân Đài Loan một lần nữa được xác định là mục tiêu của Mỹ."

Điều khoản này rõ ràng nhằm vào cách thống trị độc đài chuyên chế của nhà cầm quyền Đài Loan, tạo sẵn cớ để Mỹ tiếp tục can thiệp vào công việc chính trị nội bộ của Đài Loan. Một khi có nhu cầu, Mỹ có thể lấy lý do vấn đề nhân quyền ở Đài Loan không được đảm bảo làm cái cớ để chấm dứt việc thực hiện Đạo luật quan hệ với Đài Loan, dựa vào đó để gây sức ép với nhà cầm quyền Đài Loan.

Đạo luật quan hệ với Đài Loan còn dành nhiều trang, nhiều chỗ quy định cụ thể rằng: Tuy quan hệ ngoại giao giữa hai bên đã chấm dứt, nhưng luật pháp của Mỹ vẫn áp dụng được ở Đài Loan dưới các phương thức như cũ; mọi quyền lợi của Đài Loan ở Mỹ như các khế ước, nợ nần, các lợi ích, tài sản khác, sự đãi ngộ về di dân hoặc hồi hương, tư cách khởi tố hoặc bị tố trước các tòa án ở Mỹ vẫn được pháp luật Mỹ bảo vệ. "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" của Đài Loan ở Mỹ có thể có số nhân viên nhiều như "Đại sứ quán" trước đây. Quốc hội cho phép Tổng thống, trong những điều kiện và nghĩa vụ thích hợp, có quyền dành cho các nhân viên công tác trong "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" được hưởng đặc quyền và miễn trừ cần thiết để họ thực thi có kết quả chức trách quyền hạn của mình.

Tóm lại, Đạo luật về quan hệ với Đài Loan đã can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Đây là "Đạo luật", có nghĩa là quan hệ với Đài Loan không phải chỉ thuần túy là "không chính thức", mà trên thực tế có chứa đựng màu sắc chính thức. Về vấn đề này, rõ ràng nhà cầm quyền Đài Loan đã gặp may. Còn phía Chính phủ Trung Quốc, sau khi Mỹ tung ra đạo luật này ra, đã lập tức vạch rõ đây là bước thụt lùi của Mỹ so với lập trường trước đây.

So sánh Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng trước kia với Đạo luật quan hệ với Đài Loan hiện nay, cái trước chủ yếu đề cập đến quan hệ đồng minh quân sự, cái sau thì đề cập đến toàn diện nguyên tắc chỉ đạo và chính sách cơ bản của Mỹ trong quan hệ với Đài Loan. Trừ sự khác biệt trên đây, về mặt hình thức, Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Tưởng là một hiệp ước quốc tế của nhà cầm quyền Đài Loan với danh nghĩa một chính quyền quốc gia ký với một nước có chủ quyền khác, lấy luật quốc tế làm cơ sở. Còn Đạo luật về quan hệ với Đài Loan chỉ là luật nội bộ trong nước Mỹ, việc thi hành hay hủy bỏ đều do phía Mỹ đơn phương quyết định, nhà cầm quyền Đài Loan không có quyền gì cả. Đứng về lập trường của nhà cầm quyền Đài Loan mà xét, trước đây họ dùng danh nghĩa một nhà nước có chủ quyền, đem Đài Loan, lãnh thổ của Trung Quốc "trao cho" Mỹ làm căn cứ quân sự.

Xét trên lập trường của Mỹ, trước đây xâm nhập Đài Loan là do "Chính phủ Trung Hoa Dân

Quốc cho phép, Chính phủ Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ chấp nhận". Khi đó Mỹ thừa nhận nhà cầm quyền Đài Loan là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc nên chiếc ghế ở Liên Hợp Quốc cũng do nhà cầm quyền Đài Loan chiếm giữ. Lô-gic của Mỹ là, chúng tôi chấp nhận sự "cho phép" của Chính phủ Trung Quốc, nên tất niên không thể coi là can thiệp vào công việc nội bộ nước khác và xâm lược lãnh thổ nước khác được.

Sau khi Trung Quốc – Mỹ lập quan hệ ngoại giao, tình hình khác trước rất nhiều. Mỹ đã thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, đồng thời đã nhiều lần tuyên bố "Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc". Do đó, Mỹ phải thừa nhận Đài Loan là vấn đề nội bộ của Trung Quốc và việc giải quyết như thế nào hoàn toàn không quan hệ tới Chính phủ Mỹ.

Thế nhưng, Mỹ lại tự đề ra đạo luật trong nước, rêu rao: "Bất kỳ hành động nào nhằm giải quyết tương lai Đài Loan bằng phương thức không hòa bình" sẽ khiến "Mỹ quan tâm nghiêm túc". Đồng thời, Mỹ sẽ "chống lại bất kỳ hành động cưỡng chế nào có nguy cơ gây hại đến an ninh của nhân dân Đài Loan và chế độ kinh tế – xã hội của Đài Loan bằng cách sử dụng vũ lực hoặc bằng hình thức khác". Như vậy, Mỹ đã mâu thuẫn với những cam kết của mình với phía Trung Quốc. Mỹ không thể đòi bảo lưu quyền phòng thủ trên Đảo Đài Loan – nơi họ đã thừa nhận là thuộc lãnh thổ của Trung Quốc?

Thử hỏi, nếu Trung Quốc cũng đề ra đạo luật tuyên bố "quan tâm nghiêm túc" tới các sự việc xảy ra ở New York và tuyên bố sẽ "chống lại bất kỳ hành động cưỡng chế nào có nguy cơ tác hại đến an ninh của nhân dân New York bằng cách dùng vũ lực hay các hình thức khác" thì liệu Chính phủ Mỹ sẽ phản ứng như thế nào?

Đạo luật quan hệ với Đài Loan ra đời đánh dấu mốc mới, cục diện mới trong mối quan hệ giữa Chính phủ Trung Quốc, Chính phủ Mỹ và nhà cầm quyền Đài Loan. Mỹ vừa chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Trung Quốc, nhưng lại vừa lợi dụngĐạo luật quan hệ với Đài Loan để duy trì "quan hệ thực chất" với nhà cầm quyền Đài Loan. Nhà cầm quyền Đài Loan, một mặt căm tức sự "bội tín" của Mỹ, mặt khác lại buộc phải tiếp tục dựa vào Mỹ. Đồng thời, nhờ Mỹ nâng đỡ, nhà cầm quyền Đài Loan mới dám bám lấy phương châm ngoan cố gọi là "không tiếp xúc, không đàm phán, không thỏa hiệp", từ chối hưởng ứng đề nghị hòa bình do Đảng cộng sản Trung Quốc nêu ra.

Về phía Chính phủ Trung Quốc, xuất phát từ thế chiến lược và nhu cầu hiện đại hóa, đồng thời cân nhắc đến tình hình chính trị thực tế ở Mỹ và một số nhân tố phức tạp hình thành trong lịch sử, nên không vì Đạo luật quan hệ với Đài Loan mà cắt đứt quá trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Nhưng trở ngại vẫn là trở ngại. Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần yêu cầu phía Mỹ hủy bỏ đạo luật này, đình chỉ việc bán thiết bị quân sự cho Đài Loan và sau này vẫn sẽ luôn yêu cầu như vậy cho đến khi Mỹ thực hiện mới thôi.

Do sự kiềm chế lẫn nhau giữa các thế lực chính trị thuộc các phe phái trong nước Mỹ và sự tồn tại của một số yếu tố ràng buộc trên trường quốc tế, hiện nay Mỹ chưa thể hủy bỏ Đạo luật quan hệ với Đài Loan được. Tuy nhiên, cách Mỹ "một lúc đặt chân trên hai chiếc thuyền" Đại Lục và Đài Loan sớm muộn sẽ phải thay đổi. Hơn nữa, có thể đoán trước rằng cuối cùng Mỹ nhất định sẽ phải tôn trọng ý chí của 1,3 tỷ dân Trung Quốc, hủy bỏ Đạo luật quan hệ với Đài Loan, vứt bỏ nhà cầm quyền Đài Loan.

Có rất nhiều căn cứ hỗ trợ cho điều tiên đoán này: (1) Về mặt pháp lý, Đạo luật quan hệ với Đài Loan là trái với cam kết của Mỹ và Trung Quốc, trái với tri thức thông thường trong luật pháp quốc tế, như vậy là "thiên thời không thuận"; (2) Quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc có liên quan tới lợi ích chiến lược toàn cầu, còn quan hệ Mỹ – Đài Loan chỉ là quan hệ tư lợi, mang lại lợi ích cục bộ của Mỹ mà thôi. Trong thế giới ngày nay, nếu vứt bỏ 1,3 tỷ dân Trung Quốc ổn định, lớn mạnh đứng sừng sững ở phương Đông là không có lợi cho hòa bình và phồn vinh của Mỹ. Thị trường khổng lồ của Trung Quốc và tiềm lực phát triển kinh tế khó dự đoán trước của Trung

Quốc càng thu hút sự chú ý của các nước trên thế giới. Ngược lại, địa vị của Đài Loan quả là rất nhỏ bé, khi Mỹ cuối cùng buộc phải lựa chọn giữa hai bên, chỉ kẻ ngu đần mới vứt bỏ miếng to để lấy miếng bé; (3) Nhân dân Mỹ cũng như nhân dân các nước trên thế giới, đều muốn hữu nghị với Trung Quốc. Ngày nay, bất kỳ một ứng cử viên Tổng thống nào của Mỹ, nếu chủ trương cắt giảm khoản viện trợ cho Đài Loan thì họ sẽ không mất triển vọng thắng cử; Song nếu họ phản đối việc hữu hảo với Trung Quốc thì chắc chắn người đó sẽ bị loại. Vì vậy, báo chí Đài Loan gọi Trung Quốc Đại Lục là "hòm phiếu lớn"của các vị ứng cử viên Tổng thống Mỹ. Trên trường quốc tế, những nước đồng minh quan trọng của Mỹ như Anh, Nhật, Tây Đức, Canada... không nước nào muốn Mỹ gây căng thẳng với Trung Quốc, ngoại trừ đảo Đài Loan nhỏ bé đó. Sức ép trong và ngoài nước này sớm muộn sẽ lớn mạnh lên, đủ sức buộc Mỹ phải bỏ Đạo luật quan hệ với Đài Loan.

Vì những nguyên nhân trên đây và có những nguyên nhân khác nữa nên Chính phủ Carter không nhiệt tình trong việc chấp hành Đạo luật quan hệ với Đài Loan. Chẳng hạn như mục B, Điều 10 của Đạo luật yêu cầu Tổng thống Mỹ cho phía Đài Loan được lập ra với số lượng Văn phòng và nhân viên Đài Loan ở Mỹ bằng con số trước ngày Trung Quốc – Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao. Nhưng Chính phủ Mỹ chỉ cho phép "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" của Đài Loan được lập một Văn phòng trụ sở ở Washington và tám chi nhánh ở các nơi khác, trong khi trước đó phía Đài Loan có tới 14 lãnh sự quán ở Mỹ.

Mục C Điều 10 của Đạo luật quan hệ với Đài Loan yêu cầu Tổng thống Mỹ cho phép các nhân viên Đài Loan công tác trong các cơ quan đóng tại Mỹ "có đặc quyền và quyền miễn trừ để họ chấp hành có kết quả chức trách, quyền hạn của mình khi cần thiết". Song Chính phủ Carter kiên trì tính chất quan hệ hai bên là quan hệ "không chính thức" nên đã cấm không cho treo cờ trước trụ sở. Hai bên nếu muốn gặp nhau thì chỉ được gặp trong các trường hợp xã giao ngoài phạm vi cơ quan Chính phủ. "Hiệp hội ở Đài Loan" của Mỹ lập ra tại Đài Bắc cũng chịu những hạn chế đó: Không treo quốc kỳ trước cửa, nhân viên không đến các cơ quan Chính phủ phía Đài Loan.

Mục C, Điều 10 của đạo luật này quy định: Các hiệp định ký kết giữa Mỹ và Đài Loan trước ngày 1 tháng 1 năm 1979, kể cả các hiệp định quốc tế khác, trong đó có hiệp định đa phương, tiếp tục có hiệu lực, trừ khi bị hủy bỏ hoặc hết hạn theo pháp luật mới chấm dứt. Nhưng tháng 8 năm 1979, Chính phủ Carter đột ngột thông báo cho phía Đài Loan biết một năm sau sẽ hủy bỏ Hiệp định vận tải hàng không ký kết với Đài Loan. Chính phủ Mỹ vốn có ý định chuyển 59 hiệp định khác đã ký với Đài Loan trước đây thành hiệp định không chính thức, nhưng do các thế lực thân Đài trong Quốc hội phản đối nên lại thôi. Đạo luật quan hệ với Đài Loan tốn nhiều giấy mực về việc bán vũ khí cho Đài Loan, Chính phủ Carter cũng có thái độ thận trọng nhằm làm giảm sự bất bình của Chính phủ Trung Quốc. Từ năm 1979 đến 1980, Mỹ dựa vào thỏa thuận ngầm với Chính phủ Trung Quốc, ngừng một năm việc bán vũ khí cho phía Đài Loan. Năm 1980, sau khi Mỹ khôi phục lại việc buôn bán vũ khí, phía Đài Loan đòi mua 18 loại vũ khí, Mỹ chỉ phê chuẩn có sáu loại, đều là những loại "vũ khí phòng thủ đã được lựa chọn". Phía Đài Loan nhiều lần yêu cầu mua loại máy bay chiến đấu kiểu mới F-16 và F-18, nhưng Mỹ từ chối không bán.

Đối chiếu với tình hình trên, từ tháng 1 năm 1980, Mỹ đã xóa bỏ những hạn chế trong việc mua bán một số sản phẩm quân sự đối với Đại Lục Trung Quốc. Nhà cầm quyền Đài Loan căm phẫn phản đối rằng: "Sẽ có ngày số vũ khí đó được dùng để tiến công Đài Loan."

Chính phủ Mỹ còn quy định, chấm dứt việc các sỹ quan Đài Loan từ cấp thiếu tá trở lên sang Mỹ huấn luyện hoặc vào học trong các trường quân sự của Mỹ. Các sỹ quan Đài Loan từ cấp thiếu tá trở xuống có thể sang Mỹ huấn luyện cách sử dụng vũ khí được phép mua, nhưng không được huấn luyện về mặt chiến thuật quân sự, chỉ huy, quản lý.

Tháng 4 và tháng 5 năm 1980, Đài Loan lần lượt bị trục xuất khỏi Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB), từ đó Đài Loan bị đứng ra ngoài các tổ chức quan trọng của thế giới.

Khi IMF và WB tổ chức bỏ phiếu trục xuất Đài Loan, phía Mỹ tuyên bố từ ngày 1 tháng 8 trở đi tất cả hàng hóa có ghi "Sản xuất tại Trung Hoa Dân Quốc" đều phải sửa lại là "Sản xuất tại Đài Loan", nếu không sẽ không được đưa vào nước Mỹ. Quyết định này bị các nghị sỹ phái hữu phản đối cho nên cuối cùng không thực hiện.

Tóm lại, như Thẩm Kiếm Hồng, Nguyên Đại sứ Đài Loan ở Mỹ Đã nói: "Sự thật rất rõ ràng, không thể hy vọng Chính phủ Carter sẽ quán triệt thực hiện Đạo luật quan hệ với Đài Loan."

Tháng 11 năm 1980, Ronald Reagan trúng cử Tổng thống thứ 40 của nước Mỹ. Trong thời gian tranh cử, Reagan đã chỉ trích Carter là "tùy tiện làm nhục bè bạn chúng ta ở Đài Loan", đồng thời hứa sau khi lên cầm quyền, ông ta sẽ thiết lập lại "quan hệ chính thức" với nhà cầm quyền Đài Loan và sửa lại những "biện pháp không chính đáng" của Chính phủ Carter đối với nhà cầm quyền Đài Loan. Vì thế, việc Reagan thắng cử đã khiến nhà cầm quyền Đài Loan vui vẻ hoan hỉ một thời gian.

Tuy nhiên, sau khi Reagan lên nắm quyền, lập tức nhận ra rằng vì Đài Loan mà gây căng thẳng với Trung Quốc thì thật là ngu xuẩn. Tuy trên một số vấn đề chi tiết, ông ta có chiếu cố đến vấn đề Đài Loan, về lễ nghi có vẻ "lịch sự hơn", nhưng về bản chất vẫn là tiếp tục việc làm của chính quyền Carter. Nhân viên của hiệp hội ở hai nước chỉ được gặp gỡ trong các trường hợp xã giao không chính thức; các cơ quan chi nhánh của Đài Loan ở các nơi trên đất Mỹ vẫn không được phép khôi phục; việc Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan vẫn không thỏa mãn được đơn đặt hàng của phía Đài Loan; việc khôi phục "quan hệ chính thức" như Reagan từng hứa hẹn lại càng không ai nhắc tới.

Mặt khác, mối liên hệ giữa Trung Quốc và Mỹ lại càng khăng khít hơn. Ngoại trưởng Mỹ Alexander Haig và Phó Tổng thống George Herbert Walker Bush liên tiếp đến thăm Trung Quốc. Việc hợp tác quân sự giữa Trung Quốc – Mỹ và hoạt động trao đổi khoa học kỹ thuật bậc cao có thể ứng dụng vào quân sự được sâu rộng hơn. Tháng 10 năm 1981, Thủ tướng Trung Quốc Triệu Tử Dương và Tổng thống Mỹ Reagan hội đàm tại thành phố Cancun của Mexico. Ngày 17 tháng 8 năm 1982, Chính phủ Mỹ và Chính phủ Trung Quốc lại ký thông cáo chung, Mỹ hứa tiếp tục tuân theo lập trường của Thông cáo Thượng Hải và sẽ hạn chế chất lượng và số lượng vũ khí bán cho Đài Loan.

Tất cả các việc nêu trên khiến cho những người hy vọng Reagan quay về đường cũ đều "cảm thấy thất vọng vô cùng, nhất là sau khi công bố thông cáo chung ngày 17 tháng 8 năm 1982 nhà cầm quyền Đài loan càng đau khổ hơn, vì nó chứng tỏ Mỹ chẳng những không có ý muốn "bổ sung quan hệ" với nhà cầm quyền Đài loan, mà càng "xa lánh Đài Loan hơn". Trái lại, quan hệ Mỹ – Trung Quốc đã hình thành xu thế phát triển không gì đảo ngược được.

Tháng 4 năm 1984, Reagan là vị Tổng thống Mỹ thứ tư đi thăm Trung Quốc, đến Bắc Kinh. Khi các "chuyên gia về vấn đề quốc tế" của Đài Loan nhìn thấy cảnh vợ chồng Reagan tươi cười đứng chụp ảnh ở Vạn Lý Trường Thành thì giấc mộng của họ về việc Mỹ quay lại thời kỳ chiến tranh lạnh đã hoàn toàn tan vỡ.

Nhớ lại trước đây, trước sự bao vây phong tỏa của Mỹ, Trung Quốc vẫn hiên ngang đứng vững, không lùi một bước, cuối cùng buộc Mỹ phải thay đổi chính sách. Ngay các học giả Đài Loan ủng hộ Quốc dân đảng cũng đều thừa nhận: "Trung Cộng chưa hề công khai phát biểu một lời yếu kém nào trước Mỹ", còn phía Mỹ lại "hạ thấp giọng để gây quan hệ (với Trung Cộng)". Mấy đời Tổng thống Mỹ đều đến Bắc Kinh "triều kiến". Những từ "hạ giọng", "triều kiến" ở đây là thiên kiến, Tổng thống Mỹ thăm Trung Quốc là đóng góp cho hòa bình thế giới và tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Trung Quốc – Mỹ, chỉ nhà cầm quyền Đài Loan mới phản đối. Nhưng câu "phía Trung Cộng chưa hề công khai phát biểu một lời yếu kém nào trước Mỹ" là sự thật không cần tranh cãi.

Nhìn lại nhà cầm quyền Đài Loan, tuy cũng có ý nguyện ủng hộ chủ quyền và lòng tự tin dân tộc của người Trung Quốc, nhưng rốt cuộc do ỷ lại vào người khác, khó có thể tự chủ. Tuy đã

nhượng bộ Mỹ hết lần này đến lần khác nhưng cuối cùng vẫn phải chịu nhục nhã. Ngay từ tháng 12 năm 1944, Tưởng Giới Thạch đã từng ghi trong nhật ký "Hỡi ôi ! Cái gọi là 'đồng minh', 'quân đội nước bạn' cũng đều là thừa gió bẻ măng. Khi ta gặp khó khăn và thất bại họ không giúp đỡ… Ngày nay lòng dân ta càng thêm dao động, xã hội càng thêm lo âu hoảng sợ… Ngày đông uống nước đá, từng giọt, từng giọt thấm trong tim. Đời đời con cháu, nếu không biết tự lập, tự cường thì không có tuyết nào rửa sạch vết nhơ được."

Tưởng Giới Thạch sau khi chạy ra Đài Loan, mỗi khi gặp cơn sóng ngoại giao nào đều đem câu "ngày đông uống nước đá, từng giọt, từng giọt thấm trong tim" để giáo dục đám thuộc hạ. Nhưng "nước đá" vẫn phải uống. Mặc dù trong bụng nhớ rất rõ từng giọt, từng giọt một nhưng ngoài miệng vẫn không dám nói cứng.

Sau khi Tưởng Kinh Quốc lên cầm quyền, tình hình càng xấu hơn. Khi "đoạn giao" giữa Đài Loan và Mỹ, Tưởng Kinh Quốc đã dùng câu "ngậm đắng nuốt cay" để miêu tả tâm trạng của nhà cầm quyền Đài Loan, rõ ràng là chẳng ngọt ngào hơn gì "ngày đông uống nước đá".

Một học giả thân Quốc dân đảng sau khi tổng kết quan hệ Mỹ -Đài Loan đã than rằng: "Mấy chục năm sau chiến tranh đến nay, làm bạn với Mỹ khổ quá, là kẻ thù của Mỹ sao mà sướng quá như vậy." Câu này đúng một nửa, nửa kia cần phân tích thêm. Nhiều nước bạn của Mỹ như Anh, Đức, Nhật tuy cũng có mâu thuẫn với Mỹ nhưng hình như đều không nói "khổ quá", chỉ có Đài Loan nói như vậy. Tại sao? Một lời đủ rõ, Mỹ không hề coi Đài Loan là "bạn", chẳng qua chỉ coi họ như con tốt trên bàn cờ chiến lược mà thôi. Vì vậy, Đài Loan "khổ quá" chính là kết quả tự mình chuốc lấy. Dựa vào nước ngoài để duy trì tình trạng chia cắt không thể xem là kế sách lâu dài. Điều này mong các vị cầm quyền ở Đài Loan xem xét kỹ.

14. CHÍNH SÁCH MỚI CỦA TƯỞNG KINH QUỐC

I. HOÀN THÀNH CHUYỆN GIAO BAN CỦA CHA CON TƯỞNG

Sau hội nghị thứ 4 "Quốc hội" khóa I, "Phó Tổng thống" kiêm "Viện trưởng Hành chính" Nghiêm Gia Kiểm đã đóng vai trò "con lăn" trong vở kịch giao ban của cha con Tưởng. Ông phát huy sở trường về kinh tế – tài chính, trước tiên giúp đỡ Tưởng Kinh Quốc làm quen với nghiệp vụ kinh tế – tài chính.

Thời kỳ Tưởng Kinh Quốc lãnh đạo làm con đường Hoành Quán, cũng đã học được một số kiến thức về xây dựng kinh tế. Sau khi chủ trì công tác ở Bộ Quốc phòng, lại có quan hệ với giới kinh tế – tài chính qua kênh quân khu. Đó là vốn liếng để ông giải đáp được các vấn đề kinh tế.

Ngày 25 tháng 6 năm 1969, "Nội các" Nghiêm Gia Kiểm cải tổ cục bộ. Tưởng Kinh Quốc từ "Bộ trưởng Quốc phòng" thăng lên "Phó Viện trưởng Viện Hành chính". Ngày 26 tháng 6, "Viện Hành chính" Đài Loan thông qua quyết nghị quyết định lập ra "Ban hội báo tài chính, kinh tế, tiền tệ", phụ trách điều hành và lãnh đạo toàn diện việc quy hoạch xây dựng kinh tế, giao cho Tưởng Kinh Quốc phụ trách.

Ngày 31 tháng 7 "Ban hội báo tài chính, kinh tế, tiền tệ" chính thức ra mắt. Tưởng Kinh Quốc với danh nghĩa "Phó Viện trưởng Hành chính" nghe thủ trưởng các bộ ngành hữu quan hội báo, nghiễm nhiên trở thành đại tổng quản kinh tế – tài chính Đài Loan.

Cùng ngày, Nghiêm Gia Khiêm từ chức "Chủ nhiệm Ủy ban Phát triển hợp tác kinh tế quốc tế" (gọi tắt là "Ban Kinh hợp"), giao cho Tưởng Kinh Quốc đảm nhiệm. Ngày 4 tháng 8, Tưởng Kinh Quốc chính thức đến "Ban Kinh hợp" nhậm chức. "Ban Kinh hợp" là biến tướng của "Ban viện trợ Mỹ" của những năm 1950, ban này ở trong tay Nghiêm Gia Kiểm đã trở thành trung tâm quyết sách của kinh tế Đài Loan. Sau khi Tưởng Kinh Quốc tiếp nhận. Ông đã mở rộng quyền lực của ban này về mặt Giám đốc việc chấp hành, vì trước kia ban chỉ đưa ra phương châm về các chính sách kinh tế lớn, nhưng các đơn vị chấp hành như "Bộ kinh tế", "Bộ tài chính", "Ngân hàng Trung ương" mỗi nơi đều có hệ thống bài bản riêng. Về mặt danh nghĩa, họ ngang cấp với "Ban Kinh hợp". Sở dĩ họ chấp hành quyết sách của "Ban Kinh hợp" chỉ vì người, chứ không phải vì tổ chức. Tưởng Kinh Quốc đề xuất quyền được bới lông tìm vết, có nghĩa là được quyền giám sát về nghiệp vụ đối với các ngành kinh tế; kiểm tra nhân viên công tác trong các ngành này. Như vậy Ban này đã trở thành "tiểu Nội các kinh tế – tài chính", một cơ quan siêu bộ. Quyền lực của nó bao gồm: Vạch các kế hoạch xây dựng kinh tế, giám sát việc chấp hành kế hoạch; kiểm tra nhân viên các bộ ngành kinh tế, tài chính; tranh thủ đầu tư của nước ngoài, cải thiện điều kiện đầu tư; quy hoạch về nhân lực…

Khi đó, phò tá Tưởng Kinh Quốc trong công việc của ban này có những người rất thông thạo nghiệp vụ như Lý Quốc Đính, Trương Kế Chính, Phi Hoa, Đào Thanh Dương ("Bộ trưởng giaoThông"). Công trình sư Tôn Vận Toàn cũng kết giao với Tưởng Kinh Quốc trong thời gian này và được Tưởng con rất hâm mộ. Du Quốc Hoa, Chu Hồng Đào thuộc phái Quan nhà (phục vụ riêng gia đình quý tộc), vốn có quyền ăn to nói lớn đối với các quyết sách kinh tế, khi đó cũng trở thành nội ứng của Tưởng con trong lĩnh vực kinh tế – tài chính.

Tưởng Kinh Quốc là "Phó Viện trưởng Hành chính", tiếp theo lại chủ trì "Hội báo tài chính, kinh tế, tiền tệ", kiêm "Chủ nhiệm Ban Kinh hợp", nghĩa là ông đã lấp đầy mọi khoảng trống quyền lực. Thế lực của ông từ Đảng, quân đội, đoàn nay mở rộng sang lĩnh vực chính phủ và kinh tế. Đến đây, chuyện giao ban của Tưởng Giới Thạch chỉ còn là vấn đề danh nghĩa và hẹn ngày nữa mà thôi. Trên thực tế, thời đại của Tưởng Kinh Quốc đã đến.

Nhưng trên danh vị, Tưởng Kinh Quốc vẫn còn cách một khoảng nữa mới vươn tới đỉnh cao. Rất nhiều sự kiện trọng đại cuối cùng vẫn phải do Tưởng Giới Thạch quyết định.

Tháng 3 năm 1972, Tưởng Giới Thạch làm "Tổng thống" tiếp nhiệm kỳ thứ năm. Nghiêm Gia Kiềm cũng trúng cử "Phó Tổng thống". Bấy giờ Tưởng Giới Thạch đã 86 tuổi, vấn đề hậu sự cũng đã đến nơi rồi. Để cho vở kịch truyền ngôi diễn ra được đàng hoàng một chút, Tưởng Kinh Quốc tất phải lên thêm một tầng lầu, từ phó lên trưởng. Để khi Tưởng cha chết, Tưởng con mới có thể tiếp nhận giao ban. Nghiêm Gia Kiềm biết rõ điều đó, ngày 11 tháng 5 đệ đơn từ chức, kiên quyết xin thôi không kiêm chức "Viện trưởng Hành chính" và cố tiến cử Tưởng Kinh Quốc "kiên nhẫn cương nghị, biết tiến biết thoái", là "người kế nhiệm viện trưởng lý tưởng nhất".

Ngày 17 tháng 5, Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng họp, các Ủy viên Thường vụ Cốc Chính Cương, Nghê Văn Á, Quách Đăng và các Ủy viên Bình nghị Trung ương Trương Quần, Tôn Khoa, Điền Quýnh Cẩm đều tán dương Tưởng Kinh Quốc là "Viện trưởng Hành chính" xứng đáng nhất. Cuối cùng, thông qua quyết nghị: Nhất trí đề nghị Tưởng Giới Thạch đừng e ngại là thiên vị người nhà, để hổng kế sách phục hưng đất nước, cho phép đồng chí Tưởng Kinh Quốc ra nhậm chức "Viện trưởng Hành chính".

Trước đó, đã có 1.183 vị "Đại biểu Quốc hội" như Trương Tri Bản, Vương Vân Ngũ, liên danh viết thư cho Tưởng Giới Thạch nói Tưởng Kinh Quốc "tâm chí và hành động đều cao thượng, hiểu biết rộng, khí phách hào hùng, trung thực khiêm tốn... hiện nay chủ trì 'Viện Hành chính' thật là xứng đáng. Trước nay vẫn ẩn tài, chưa phát huy được hết, thật là thiệt thòi cho đất nước."

Bệ đỡ đâu vào đấy rồi, Tưởng Giới Thạch cũng không giữ ý nữa, lập tức đưa Tưởng Kinh Quốc lên làm "Viện trưởng Hành chính". Hiện tượng hai cha con, một người làm "Tổng thống", một người đứng đầu Nội các trong lịch sử chính thể Hiến pháp trên thế giới, có thể coi là một kỳ quan.

Ngày 20 tháng 5, Tưởng Giới Thạch tuyên thệ, trong lễ nhậm chức hôm ấy xảy ra "điềm gở". Công ty Truyền hình Đài Loan truyền hình trên toàn Đảo buổi lễ đó. Sau khi truyền hình ảnh bộ mặt Tưởng đón nhận quần chúng hoan hô xong, ống kính chuyển sang đặc tả Nghiêm Gia Khiêm, không hiểu ở đài có sự cố gì mà trên màn hình bỗng xuất hiện dòng chữ của một bộ phim dài nhiều tập "Ông anh hỏng rồi…", tựa như Nghiêm Gia Kiềm đang nguyền rủa Tưởng Giới Thạch. Một số nguyên lão Quốc dân đảng có đầu óc mê tín cho rằng câu đó cũng giống như câu Tải Phong nói khi vua Tuyên Thống lên ngôi: "Sắp, sắp, sắp xong rồi !" Thật là không cát lợi (không lành)! Rất nhiều người trong bụng cũng nghĩ, sợ rằng Tưởng Giới Thạch không trụ nổi hết nhiệm kỳ này.

Ngày 26 tháng 5, "Viện Lập pháp" bỏ phiếu đồng ý Tưởng Kinh Quốc nhậm chức "Viện trưởng Hành chính". Trong 408 phiếu, có 381 phiếu thuận, 13 phiếu chống, 13 phiếu trắng, không thu về một phiếu. Coi như Tưởng Kinh Quốc đạt được 93,38% phiếu tán thành. Đây là lần đầu tiên "Viện Lập pháp" có số phiếu tín nhiệm kỳ này, chứng tỏ Tưởng Kinh Quốc đã có một cơ sở vững vàng trong Quốc dân đảng. Ngày 1 tháng 6, "Nội các" Tưởng Kinh Quốc ra mắt. "Thời đại Kinh Quốc" chuyển từ "mặc nhiên" sang "công nhiên".

Sau đó hai tháng năm ngày, tức là ngày 6 tháng 8 năm 1972, Tưởng Giới Thạch trên đường đến tư dinh Song Khê, ngoại Sỹ Lâm, chiếc xe của một thiếu tướng đâm vào xe ông. Tưởng Giới Thạch bị thương nhẹ, cộng thêm nỗi sợ của ông già 86 tuổi, lập tức phải vào viện. Sau tai nạn đó, Tưởng Giới Thạch rất ít khi hỏi chuyện chính trị, sức khỏe ngày càng kém. Đến đêm ngày 5 tháng 4 năm 1975 lìa đời trong tiếng mưa dầm. Chính quyền Đài Loan dùng từ "băng hà" như đối với bậc đế vương phong kiến khi xưa để chỉ sự ra đi của ông.

Trong di chúc của Tưởng Giới Thạch có bốn câu: "Thực hiện Chủ nghĩa Tam dân. Khôi phục quốc thổ Đại Lục. Chấn hưng văn hóa dân tộc. Giữ vững tinh thần dân chủ." Đây vẫn là "bốn

nguyên tắc cơ bản" của chính quyền Đài Loan ngày nay. Khi còn sống, Tưởng Giới Thạch mong được chôn bên cạnh lăng Tôn Trung Sơn ở Nam Kinh. Vì vậy, chính quyền Đài Loan tạm quàn linh cữu ông ở Từ Hồ. Thực hiện theo di chúc.

Cái chết của Tưởng Giới Thạch gây chấn động lớn trong lòng người Đài Loan. Các lão thành trong Quốc dân đảng càng thấy bàng hoàng. Nhưng vì Tưởng Kinh Quốc thực tế đã nhận giao ban từ trước nên chỉ mấy ngày sau tình hình lại ổn định.

Ngày 6 tháng 4, Nghiêm Gia Kiềm theo quy định của "Hiến pháp", tuyên thệ nhậm chức "Tổng thống". Khi đó đã có người lo ngại tranh việc chấp Phủ viện lại tái diễn vào những năm Dân quốc 5-6 và Nghiêm Gia Kiềm sẽ đóng vai Lê Nguyên Hồng của thập kỷ 1970. Nhưng sự thực đã chứng tỏ Tưởng Giới Thạch là người "sáng suốt hiểu người", ông đã đặt cho con trai một "con lăn" biết thân biết phận, cam lòng đóng vai trò của mình, chỉ giúp đỡ Tưởng Kinh Quốc, chứ không hề gây một chút phiền toái nào.

Ngày 28 tháng 4, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lâm thời khóa X thông qua quyết định Sửa đổi Điều lệ tổ chức Trung ương, bảo lưu chương "Tổng tài", dành danh hiệu "Tổng tài" vĩnh viễn cho Tưởng Giới Thạch, đặt thêm chức Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương và Chủ tịch Ban Thường vụ Trung ương, xem xét toàn Bộ công tác Đảng. Tưởng Kinh Quốc được nhất trí bầu làm Chủ tịch Quốc dân đảng. Điều này chứng tỏ Tưởng Kinh Quốc không chỉ có "thực" mà còn có cả danh nữa.

Lúc đó, người duy nhất làm vướng chân Tưởng Kinh Quốc là "Mẫu hậu" Tống Mỹ Linh. Tuy các lão thân nhất trí ủng hộ Tưởng Kinh Quốc nhưng nếu "phu nhân" có ý kiến khác, bọn người này lại vui lòng nghe theo. Tưởng Kinh Quốc tuy là Chủ tịch, nhưng mỗi lần có quyết sách lớn, nếu không thương lượng với Tống Mỹ Linh, xem ra cũng khó nói, nên vẫn phải thương lượng với Tống Mỹ Linh trước. Bà đồng ý thì may, nếu bà không đồng ý lại gây khó khăn cho Tưởng Kinh Quốc. Tình cảnh này dĩ nhiên khiến Tưởng Kinh Quốc khó chịu.

May sao tình trạng này kéo dài không lâu. Ngày 17 tháng 9, tức là 165 ngày sau khi Tưởng Giới Thạch chết. Tống Mỹ Linh lấy lý do chữa bệnh rời Đài Loan đi Mỹ. chuyện bà rời khỏi Đài Loan, người ngoài chẳng ai biết. Báo chí thân Tưởng cho rằng "phu nhân thấu hiểu đại nghĩa" có ý tránh đi để "cục cưng" rộng rãi chân tay. Hoặc cho rằng Tống Mỹ Linh thương nhớ người chồng quá cố, không muốn ở nơi cũ, thấy cảnh sinh tình, nên ra đi để thay đổi không khí. Nhưng cũng có người đoán thân tín của Tưởng Kinh Quốc đã gây áp lực với Tống Mỹ Linh. Cũng có nguyên lão đã nhờ Tống Kiến Nghĩa mời bà đi.

Tống Mỹ Linh trước khi đi cũng đã viết một bài, trong đó có dẫn một câu trong Vịnh thánh: "Đều không có đạo hành. Nhục đứng cùng lũ nhỏ. Tránh đám người mạn kinh. Khỏi ngồi chung chiếu họ" lộ ra rằng bà đã bị bài xích, phải ôm hận ra đi.

Sau khi đi khỏi Đài Loan, chỉ một lần bà về ăn giỗ Tưởng Giới Thạch năm 1976, còn thì ở hẳn tại Mỹ. Khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Tổng thống"; Quốc khánh lần thứ 70; Đại hội Quốc dân đảng lần thứ XI và XII đều mời bà, nhưng bà không về.

Người đi theo bà đều do Tưởng Vỹ Quốc chọn. Sau khi ông anh kế vị, Tưởng Vỹ Quốc vẫn chịu lẻ loi. Trong Ghi chép trong tháng bên linh cữa cha, Tưởng Kinh Quốc nhắc nhiều đến vợ, con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu trai, cháu gái, duy chỉ có Tưởng Vỹ Quốc là không hề nhắc đến. Tưởng chừng như Tưởng Vỹ Quốc không phải là người nhà họ Tưởng vậy. Mãi đến khi Tống Mỹ Linh ra đi, mọi mọi người mới thấy "một nhà hạnh phúc", "thằng Kinh", "thằng Vỹ" mỗi đứa một bên nâng đỡ "Mẫu hậu".

Tuy Tưởng Kinh Quốc và Tống Mỹ Linh có mâu thuẫn, nhưng vào những thời điểm quan trọng bà lấy lợi ích họ Tưởng làm trọng, ra sức giúp đỡ. Khi ở Mỹ viết bài hoặc nói chuyện bà vẫn giữ lập trường đó. Tưởng Kinh Quốc cũng thường xuyên cắt cử con cháu sang Mỹ thăm hỏi để tỏ lòng hiếu thảo.

Tháng 3 năm 1978, "Tổng thống" Nghiêm Gia Khiêm hết nhiệm kỳ, kiên quyết nhường Tưởng Kinh Quốc. Lúc đầu Tưởng Kinh Quốc hơi do dự, vì chức vụ "Tổng thống" dù muốn hay không cũng không hề ảnh hưởng đến địa vị lãnh tụ tối cao của ông. Vả lại, các nguyên lão tiền bối như Hà Ứng Khâm, Trương Quần vẫn còn đó. Nhường cho họ cái hư vị ấy càng tỏ ra ông là người "kính lão trọng hiền". Lúc bấy giờ Cốc Chính Cương, Trương Bảo Thụ và Trần Lập Phu phải khuyên bảo, cho rằng Tưởng Kinh Quốc đảm nhiệm chức "Tổng thống" mới đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo "Đảng – Chính hợp nhất". Tưởng Kinh Quốc nếu không làm "Tổng thống" đều chỉ có thể do các nguyên lão đảm nhiệm, sẽ không lợi cho việc khai thác cục thế mới và bồi dưỡng thế hệ sau. Hơn nữa, theo thể chế "Hiến pháp", "Tổng thống" dù sao cũng vẫn cao hơn "Viện trưởng Hành chính", đỡ nhiều phiền phức. Do đó, Tưởng Kinh Quốc tiếp nhận "sự đề cử của các đồng chí trong Đảng" ra làm "Tổng thống" nhiệm kỳ sáu, sau đó liên nhiệm cho đến chết.

II. KHÚC NHẠC GIAO BAN – ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN

Tưởng Kinh Quốc nắm quyền trong giai đoạn chính quyền Quốc dân đảng gặp khó khăn chồng chất cả đối nội lẫn đối ngoại. Do đó, người ta nói ông "nhận lệnh lúc gian nguy, nội các thời gian khó".

Về đối ngoại, năm 1969 Tưởng Kinh Quốc làm "Phó Viện trưởng Viện Hành chính". Khi đó Mỹ, Nhật đã có tiếp xúc bí mật với Trung Quốc. Vị trí của Đài Loan ở Liên Hợp Quốc đang chao đảo. Toàn bộ cục diện có thể nói là "Mưa lũ tràn về, gió đầy nhà".

Về đối nội, qua gần mười năm bị thống trị với sức ép mạnh, lòng bất mãn của người dân đã tích tụ đến độ có thể bùng nổ. Lớp trí thức mới bị kích thích bởi thất bại ngoại giao bắt đầu ưỡn ngực ngẩng đầu bàn luận chính trị. Vấn đề "Đại biểu Dân ý Trung ương" suốt đời; vấn đề người gốc Đại Lục độc chiếm các vị trí chính trị; vấn đề các quan lại già áp chế cánh trẻ; vấn đề quân cảnh thống trị và sự hoành hành của bọn đặc vụ; vấn đề nhân quyền; các vấn đề tự do ngôn luận... thật giống như dây dẫn lửa đến các thùng thuốc nổ. Không biết khi nào thùng nào sẽ bắt lửa và gây nên vụ nổ dây chuyền.

Vì là một hải đảo yên ổn gần 20 năm, nền kinh tế lại phát triển nhanh nên Đảng viên Quốc dân đảng có nhiều biến đổi lớn so với thời kỳ cải tạo, cả về ý thức lẫn tác phong. Khi đó, tác phong khẩn trương, sôi nổi và thái độ cẩn thận kín đáo đã thay thế cho chủ nghĩa quan liêu, ỷ quyền cậy thế mưu lợi riêng, đùn đẩy, lảng tránh, chậm trễ, phô trương không có hiệu quả. Đúng như Tưởng Giới Thạch đã nói ngày 9 tháng 6 năm 1969: "Vấn đề nghiêm trọng nhất của Đảng ta hiện nay chính là hiện tượng già nua và trì trệ đâu đâu cũng có… Nói thẳng ra Đảng bộ các cấp của chúng ta hôm nay, về mặt tổ chức không phải vì người bày việc, tay lớn hơn chân thì cũng là lỏng lẻo, rệu rã, không có chút khí thế cách mạng; về mặt nhân sự, giống như đường ống bị nút chặt, người già đáng về hưu không về, người trẻ muốn tiến không có đường; về phương hướng công tác mang căn bệnh bảo thủ, bị động, khoa trương, chính trị đầu lưỡi, hữu danh vô thực đến nay vẫn chưa dứt. Tình hình có việc, không có người làm; có người, không có việc làm, không chỉ tổ chức Đảng mà bộ máy chính quyền cũng vậy."

Về phong cách chính trị và hiệu quả hành chính, Tưởng Giới Thạch cũng chỉ rõ: "Phong cách chính trị hiện nay nói chung, nhất là phong cách trong các cơ quan cấp trung và cấp thấp vẫn không khác gì dân thường. Rồi đến nhân viên thu thuế, địa chính, hộ tịch, công vụ, kiểm toán, tư pháp, cảnh sát... mặc sức tác oai tác quái. Họ là những viên chức tiếp xúc nhiều với dân, không những không giúp dân lại còn nhũng nhiễu dân, nói ra thật đau lòng…"

Những vấn đề trên nếu không uốn nắn, Quốc dân đảng sẽ lâm vào tình trạng đối ngoại bị "quốc tế bỏ rơi" không có nước nào công nhận; đối nội sẽ mất cơ sở dân chúng, sớm muộn sẽ trở thành đối tượng của cách mạng. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch coi đó là "mối lo suốt đời", Tưởng Kinh Quốc gọi là "thời đại có nhiều việc lớn phải làm". Ông lên gân xuống tấn, muốn trừ bỏ các tật xấu, mở ra một cục diện mới, làm một cuộc chấn hưng. Hai cha con, một người lo lắng, một người có chí lớn, tuy xuất phát điểm khác nhau, nhưng đều chung một ý tưởng: "Đổi mới toàn

diện". Tưởng Giới Thạch đích thân ra trận nói với toàn Đảng: "Hôm nay không chỉ là yêu cầu của thời đại buộc chúng ta phải đổi mới, sức ép của hoàn cảnh buộc chúng ta phải đổi mới. Các đồng chí trong Đảng phải đổi mới trước tiên, coi đổi mới là nhiệm vụ cấp bách."

Năm 1966, Tưởng Giới Thạch bắt đầu đổi mới hành chính. Tháng 12 năm ấy, tại Hội nghị đổi mới hành chính của Viện Nghiên cứu thực tiễn cách mạng, ông nói: "Làm cho đổi mới hành chính thành đổi mới toàn diện của chúng ta, nó mang tính chất dẫn đường, trở thành bước ngoặt, điểm xuất phát…"

Một năm sau Tưởng Giới Thạch đề xuất mười mục lớn: (1) Đổi mới công tác Đảng; (2) Thay đổi khí chất; (3) Phát triển khoa học; (4) Cải tiến giáo dục; (5) Phát triển kinh tế; (6) Chỉnh đốn nhân sự; (7) Đổi mới hành chính; (8) Tác phong làm việc; (9) Nghiên cứu phát triển; (10) Chú ý thống kê. Ở đây đặt lên hàng đầu là đổi mới công tác Đảng. Còn đổi mới hành chính trước định đặt vị trí dẫn đường, nay đưa xuống hàng thứ bảy.

Tháng 1 năm 1969, Tưởng Giới Thạch lại nêu: "Lấy đổi mới làm trung tâm, triển khai toàn bộ kế hoạch đổi mới một cách lâu dài và toàn diện trên mọi cương vị công tác chính trị, kinh tế, tài chính, ngoại giao, quân sự, xã hội, văn hóa, giáo dục…" Ông đã quay về năm mặt đổi mới: Chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục và công tác Đảng. Có vẻ hơi khác với đề xuất ban đầu.

Từ ngày 29 tháng 3 đến ngày 9 tháng 4 năm 1969, Đại hội Quốc dân đảng họp lần thứ X. Nhiệm vụ trung tâm của đại hội X là xác lập một nhận thức thống nhất về đổi mới. Đại hội thông qua phương án "Xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện tại", nhấn mạnh phải "tiếp tục đổi mới toàn diện, lấy đổi mới Đảng để thúc đẩy đổi mới chính trị và đổi mới xã hội". Đại hội còn thông qua: "Các mục đổi mới chủ yếu về chính trị". Đó là: (1) Phong cách chính trị mới; (2) Cai trị bằng pháp luật; (3) Kiện toàn bộ máy; (4) Cải tiến nhân sự; (5) Tăng cường nghiên cứu và phát triển.

Qua những điều trên đây ta được biết, về mặt nhận thức đổi mới toàn diện Quốc dân đảng từ chỗ lấy đổi mới hành chính là hướng chủ đạo, sau lại lấy đổi mới Đảng làm trung tâm. Trước cái gì cũng ôm, về sau chủ yếu tập trung vào quá trình phát triển chính trị. Sở dĩ có thay đổi này, mấu chốt là ở chỗ khẩu hiệu đổi mới toàn diện ở một mức độ nào đó, có nghĩa là phủ nhận toàn bộ công tác của các ngành, tất nhiên sẽ dẫn tới sự phản đối ngầm của các ngành chủ quản. Tháng 6 năm 1969, Tưởng Giới Thạch đã từng nói: "Đổi mới cũng như cách mạng, trong đó đối với cá nhân không tránh khỏi đau khổ, tất nhiên cũng sẽ có mất mát." Nói vậy rõ ràng là trong Đảng có người không bằng lòng với chương trình đổi mới. Tháng 1 năm ấy, Tưởng Giới Thạch còn nói: "Hiện nay các cơ quan nói chung, khi làm theo chỉ thị của cấp trên, vì người chấp hành không nghiên cứu kỹ cũng không thể quán triệt vấn đề, vẫn thường giải thích sai mệnh lệnh, thậm chí hoàn toàn biến chất… về mặt tiến độ. Mỗi lần cấp trên dặn dò công việc, nói chung chưa nghiên cứu cách làm, vẫn đốc thúc thực hiện, không thể đi sâu, giữ vững, dần dần buông lỏng sau đó chẳng ai đoái hoài đến nữa. Cho nên hết phong trào này đến phong trào khác; hết phương án này đến phương án khác; hết mệnh lệnh này đến mệnh lệnh khác, qua mấy tháng không ai kiểm tra, xem xét, vì vậy bặt tăm hơi. Cái lối sấm thì to, mưa lại nhỏ, ầm ĩ một dạo sau đó tan biến, chính là căn bệnh cố kết của chúng ta về chính trị hiện đang tồn tại!"

Kêu gào ầm ĩ đổi mới toàn diện đã hơn ba năm, thật đúng là tình trạng sấm to mưa nhỏ. Trước tháng 6 năm 1969, ngoài một số quy định mới về hành chính ra, những ngành khác không đổi mới được là bao.

Thực ra, phân tích về mặt đấu tranh phe phái, nêu ra đổi mới toàn diện, chủ yếu để phe Tưởng Giới Thạch chiếm lĩnh được nhiều vị trí. Vì đã đổi mới tất phải có hàng loạt người mới đứng ra thực hiện, người cũ tuy cũng có đổi mới theo phong trào, nhưng sự việc cũ ràng buộc họ quá nhiều, thậm chí bản thân phải chịu trách nhiệm trước một số việc nào đó cần đổi mới, nên không thích hợp là người lãnh đạo đổi mới toàn diện.

Còn đối với Tưởng Giới Thạch, ông nêu ra đổi mới toàn diện trước khi buông màn chẳng qua là

muốn bảo đảm cho Quốc dân đảng tiếp tục tồn tại và chấp chính lâu dài ở Đài Loan; muốn đảm bảo cho con ông tiếp nhận giao ban được thuận tiện, nên mới cố công một chuyến cuối cùng. Đối với Tưởng Kinh Quốc, đây là "ba bó đuốc của ông quan mới". Chỉ có đổi mới mới loại bỏ được những trở lực do đời trước có ý thức hoặc vô ý để lại, mới khiến ông thoát khỏi cái bóng của cha và để lại cho lịch sử địa vị của mình.

Tháng 6 năm 1969, chớp lấy thời cơ Đại hội X đưa ra đường lối đổi mới, Tưởng Kinh Quốc được lên chức "Phó Viện trưởng Hành chính". Ông đã triển khai mạnh công cuộc đổi mới toàn diện.

Nhờ những cố gắng trong nhiều năm, công cuộc đổi mới đã mang lại một số thành quả. Số thành quả này khiến cho Tưởng Kinh Quốc thống trị khác Tưởng Giới Thạch. Do đó, mọi người gọi là Chính sách mới của Tưởng Kinh Quốc hoặc Thời đại Tưởng Kinh Quốc. Đổi mới toàn diện cũng được coi là ngọn cờ của thời đại Tưởng Kinh Quốc. Thực ra, nhiệm vụ đổi mới toàn diện là do Tưởng Giới Thạch đề ra. Trong những năm đầu đổi mới, Tưởng Kinh Quốc cũng không tránh khỏi sự giúp đỡ của cha. Do vậy, có thể nói đổi mới toàn diện là di sản chính trị Tưởng Giới Thạch để lại cho con.

Các nhà văn của chính quyền Tưởng đã hết lời ca ngợi thành quả đổi mới trong chính sách mới của Tưởng Kinh Quốc. Kỳ thực, nó không được toàn diện như Tưởng Giới Thạch lúc đầu. Rất nhiều lĩnh vực quân sự, văn hóa giáo dục, tư pháp, xã hội và giao thông vẫn như cũ. Về ngoại giao không những không đạt được thành quả mà càng đổi mới lại càng tệ. Đổi mới Đảng được coi là khâu trung tâm. Ngoài chuyện thay đổi cũ mới về nhân sự có một số thành quả ra, những chuyện khác đều chẳng là mới lắm.

Cái gọi là thành quả đổi mới gồm năm mặt sau đây:

1. Thái độ đối với phe đối lập bắt đầu rộng rãi hơn so với những năm 1960. Một dạo khuyến khích thanh niên nói chuyện chính trị và mở cửa cho phong trào học sinh. Mức độ kiểm soát ngôn luận báo chí của phe đối lập cũng nới rộng dần. Tất nhiên, sự biến đổi này vẫn nằm trong phạm vi không tổn hại gì đến chuyên chính một đảng. Trong xu thế "nới rộng" cũng không thiếu dịp lặp lại "ép chặt".

2. Thái độ với dân chúng, coi "phục vụ nhân dân" là nội dung quan trọng của đổi mới Đảng và đổi mới hành chính. Nhất là bản thân Tưởng Kinh Quốc nhiều lần tự mình đi thị sát trong dân chúng. Ngành hành chính cũng thực hiện nhiều quy định mới, nâng cao hiệu suất công tác, giảm chủ nghĩa quan liêu, đả kích mạnh vào thói tham ô, tham nhũng.

3. Chế độ nhân sự, thực hiện phương châm "đề bạt tài năng trẻ" và "bản thổ hóa chính trị", khiến cho hàng loạt người trẻ được đưa vào đội ngũ lãnh đạo, tỷ lệ người gốc Đài Loan vào chính quyền cũng tăng lên đáng kể.

4. Việc thực hiện bầu cử bổ sung "Đại biểu Dân ý Trung ương" đã phần nào làm dịu cuộc khủng hoảng pháp thống và thỏa mãn một phần yêu cầu tham gia chính trị của phe đối lập.

5. Về kinh tế, tiếp tục phát triển của giữa những năm 1960 đồng thời hình thành công nghiệp chế biến xuất khẩu. Đài Loan đã tiến hành "thập đại kiến thiết" trong giao thông, năng lượng, công nghiệp nặng, cơ khí lớn... Đặt nền tảng cho sự "thăng hoa" của kinh tế. Tốc độ phát triển kinh tế nhanh đã tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh lập nghiệp. Mức sống của nhân dân cũng tương đối được cải thiện.

Năm thành quả trên đây đã phản ánh những biến đổi dưới sự lãnh đạo của Tưởng Kinh Quốc và xu hướng diễn tiến. Những phần sau đây sẽ phân tích tỉ mỉ một số nội dung đổi mới tương đối quan trọng.

III. BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI THU PHỤC LÒNG DÂN VÀ CHUYỂN BIẾN KHÔNG KHÍ CHÍNH TRỊ

Dưới ngọn cờ đổi mới toàn diện, hệ thống Đảng và chính quyền Quốc dân đảng đều áp dụng các phương pháp mới, tóm lại không nằm ngoài ba mặt sau đây: (1) Liên hệ mật thiết với dân chúng; (2) Nâng cao hiệu suất công tác; (3) Đả kích thói tham ô, chỉnh đốn kỷ luật trong quan chức.

Ngay trong thập kỷ 1960, Tưởng Giới Thạch sau khi phân tích hoạt động của Trung Quốc tự do đã nêu: "Thế lực chống Đảng sở dĩ lớn mạnh được, chính là do Đảng ta không có quan hệ tốt với quần chúng, có nghĩa Đảng không bén rễ sâu trong xã hội và dân chúng Đài Loan." Để Đảng có thể thống trị lâu dài, Tưởng Giới Thạch nêu ra: "Trước hết phải làm tốt công tác bén rễ ở Đài Loan. Đầu tiên phải đi sâu vào dân chúng, thiết thực làm công tác thường dân và phục vụ, khiến cho Đảng kết hợp chặt chẽ với dân chúng." Câu nói này có từ năm 1961. Chín năm trôi qua, đến tháng 3 năm 1970 tại Hội nghị Trung ương 2 khóa X Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch lại nói: "Ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng vẫn nhạt nhẽo"; "tinh thần trách nhiệm, phục vụ của cán bộ vẫn thiếu và yếu". Nói cách khác, Quốc dân đảng bám rễ vào Đài Loan vẫn chỉ là nói suông. Thực ra, Tưởng Giới Thạch tự phê bình cũng chỉ cho qua, vì bản chất giai cấp của Quốc dân đảng là như vậy. Trongquan trường, bạn còn tệ hơn kẻ gian; các hành động ác độc, tham ô, hủ hóa, ức hiếp nhân dân nhiều không kể xiết; ảnh hưởng của Đảng trong dân chúng nói "nhạt nhẽo" còn nhẹ, phải nói là "rất xấu" mới đúng. Vì thế, Trung ương 2 khóa X thông qua các văn kiện: "Tăng cường chức năng tổ chức, quán triệt đường lối đổi mới của Đảng", "cải thiện bầu không khí chính trị hạ tầng và tư pháp"; coi "thâm nhập dân chúng và phục vụ nhân dân" là khâu trung tâm của công cuộc đổi mới toàn diện. Tháng 2 năm 1971, Tưởng Kinh Quốc đích thân chủ trì chỉ ra "Những điểm chủ yếu trong việc thực hiện công tác thường dân trong các cơ quan hành chính các cấp" yêu cầu các cấp đi sâu xuống cơ sở, điều tra và giả quyết mọi vấn đề ở đó. Về mặt này, bản thân Tưởng Kinh Quốc rất gương mẫu. Khi còn trẻ, ông đã được giáo dục về chủ nghĩa Cộng sản tương đối có hệ thống, đã từng lăn lộn ở Liên Xô, vì thế cũng đã tập được tác phong giản dị và thói quen gần gũi quần chúng. Vợ Tưởng Kinh Quốc, bà Vania vốn là một nữ công nhân bình thường, mồ côi cha mẹ. Điều này trong xã hội của Quốc dân đảng cũng rất hiếm có. Sau khi từ Liên Xô trở về, Tưởng Kinh Quốc dù ở Càn Nam, Trùng Khánh, Thượng Hải, hay ở Đài Loan luôn coi mình là "bạn dân".

Tưởng Kinh Quốc từ khi là chuyên viên, Giảng viên chính, "Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị", "Phó Viện trưởng Viện trưởng Hành chính" cho đến "Tổng thống", chức vụ ngày càng cao nhưng vẫn giữ thói quen xuống cơ sở. Sau khi ông làm "Phó Viện trưởng Hành chính", không đâu là không thấy bóng dáng của ông, từ nhà máy, bến cảng, mỏ than, nông thôn, bênh viện… Ông đã từng chui vào hầm lò đầy than bụi để thăm những người thợ mỏ, đã từng vào sâu trong rừng thẳm, núi cao thăm hỏi cuộc sống của người miền núi, đã từng đêm 30 tết đến chúc tết các hộ dân thường. Khi ông lên làm "Tổng thống" thường xuyên thị sát trường học nông thôn… trung bình mỗi tuần một lần. Trong những lần đi thí át, ông đã giúp đỡ những người nghèo gặp khó khăn trong cuộc sống như chữa bệnh, đi học... Đài Loan có rất nhiều tác phẩm kể về đời sống của Tưởng Kinh Quốc, trong những câu chuyện kể đó ông được người dân ưu ái gọi là "Ngài Kinh Quốc".

Tưởng Kinh Quốc tuần du ở địa phương, thường giữ một nụ cười trên mặt; không một chút kênh kiệu, bắt tay và tán dóc với mọi người. Bất kể là ai, sỹ, nông, công, thương, lính già về hưu, chị em nội trợ, hễ ai có chuyện muốn nói ông đều kiên nhẫn lắng nghe. Khi ông đi thăm các nhà tù, bắt tay từng tù nhân khiến nhiều người trong số họ rơi nước mắt. Một phóng viên phương Tây đến thăm Đài Loan nói: Sự kiện ấn tượng sâu sắc nhất ở Đài Loan là Tưởng Kinh Quốc tựa hồ như ngày nào cũng đi tranh cử.

Tác phong gần gũi nhân dân của Tưởng Kinh Quốc khác hẳn tác phong đế vương cao vời vợi của Tưởng Giới Thạch. Vì vậy, có tạp chí chính luận ở Đài Loan gọi Tưởng Giới Thạch là nhà chính trị kiểu đế vương, còn gọi Tưởng Kinh Quốc là nhà chính trị phái Dân túy. Tờ tạp chí này còn nói: Mặc dù nhà chính trị phái Dân túy có quan hệ gắn bó với dân hơn nhà chính trị kiểu đế

vương, nhưng cả hai về bản chất đều thống trị theo kiểu quyền uy truyền thống. Vì vậy, không thể coi là lãnh tụ dân chủ thực sự. Nhà chính trị dân chủ tranh thủ cử tri là thể hiện mối quan hệ giữa đầy tớ và chủ nhân, còn chuyện "gần dân" của nhà chính trị dân túy, cũng giống như phái Dân túy của nước Nga thế kỷ XIX, hoặc các giáo sỹ truyền đạo Cơ đốc, đều mang tâm lý Chúa cứu thế từ trên trời xuống để "mở mang dân trí".

Nhưng, như ngài Giang Nam nói: "Kinh Quốc mong muốn tiếp xúc với dân, thật khó nói là việc xấu." Dưới sự dẫn dắt của Tưởng Kinh Quốc, hệ thống công tác Đảng của Quốc dân đảng cũng lấy việc "định kỳ điều tra nghiên cứu dân gian" làm tiêu chí quan trọng để đánh giá cán bộ và áp dụng một số biện pháp gắn bó giữa Đảng và dân, có lợi cho dân. Chẳng hạn, định kỳ tổ chức hoạt động "liên hợp phục vụ", lập ra Ủy ban liên hợp phục vụ, tổ chức cho Đảng viên ở mọi nơi phục vụ dân theo nghề nghiệp của họ. Chẳng hạn, Đảng viên là y sỹ phải có nghĩa vụ chữa bệnh cho dân; Đảng viên là luật sư phải có nghĩa vụ bào chữa cho dân; Đảng viên công – nông giúp đỡ nhau… Ở địa phương, lập ra "phân xã phục vụ dân chúng". Ở Đảng bộ khu, thực hiện phương thức "làm việc tại bàn" để dân chúng lúc nào cũng có thể đến Đảng bộ phản ánh, tìm sự giúp đỡ, qua đó tăng cường sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau. Phát triển tổ chức cơ sở một cách sâu rộng. Ở các xóm thôn đều phổ biến thành lập chi bộ hoặc trung tâm, hình thành một mạng lưới tổ chức kín khắp Đài Loan. Đồng thời, tăng cường thâm nhập vào các nông hội như ngư hội, nông hội, thương hội, công đoàn…

Phát triển mạnh Đảng viên: Năm 1969, Đại hội Quốc dân đảng lần thứ X có 919.327 Đảng viên. Đến Đại hội XI năm 1976 có 1.568.749 Đảng viên. Như vậy, trong bảy năm đã tăng gần 650 nghìn Đảng viên.

Yêu cầu Đảng viên cơ sở ít dùng công văn, nên dùng điện thoại, tạo nên một quan niệm và phương pháp công tác, xử lý vấn đề và giải quyết vấn đề tại chỗ. Các loại biểu mẫu của tổ chức cơ sở ở Đại hội X có hơn 90 loại, đến Đại hội XI chỉ còn hơn 30 loại. Hội nghị ở cấp cơ sở cũng giảm nhiều. Đồng thời với đổi mới Đảng, hệ thống hành chính cũng áp dụng hàng loạt các biện pháp đổi mới. Mục đích tiêu diệt chủ nghĩa quan liêu, nâng cao hiệu suất công tác. Đương nhiên cũng nhờ đó làm dịu sự bất mãn của dân chúng.

Cải thiện hình tượng của Quốc dân đảng trong dân chúng. Những biện pháp được áp dụng là:

1. Quy định rõ quyền hạn của các ngành trong Chính phủ, thực hiện chế độ phân cấp. Các công văn trong quyền hạn của ngành nào, ngành đó phải trả lời trong thời hạn quy định, không được đùn đẩy lên cấp trên hoặc họp hành nghiên cứu mãi trong ngành mình mà không giải quyết.

2. Thực hiện chế độ điều động theo nhiệm kỳ đối với nhân viên do ngành mình quản lý, điều động để phòng ngừa hiện tượng lợi dụng chức quyền. Đối với một số ngành chủ quản hành chính cũng áp dụng chế độ này.

3. Hợp nhất bộ máy, giảm tình trạng kiêm chức. Tháng 5 năm 1969, quy định trong nửa năm phải điều chỉnh người kiêm chức. Nguyên tắc là mỗi người một việc, nếu có người kiêm chức ở đơn vị nào thì chỉ được lĩnh công tác phí (tiền xe), cấm các khoản chi phí khác.

Tháng 2 năm 1969, "Viện Hành chính" Đài Loan đã hợp nhất bảy đơn vị thành Ủy ban kiểm tra đánh giá việc nghiên cứu và phát triển. Năm 1972, sau khi Tưởng Kinh Quốc làm "Viện trưởng Hành chính", càng ra sức tinh giản bộ máy. Ngày 1 tháng 6 là ngày nhậm chức của ông, đã đưa ra chỉ thị tám Điều: (1) Những đơn vị thành lập ngoài pháp quy của tổ chức, nếu thật cần thiết phải đưa vào trong pháp quy để hợp pháp hóa; nếu không cần hoặc chỉ có tính chất lâm thời thì phải cắt bỏ, nghiệp vụ của đơn vị này giao cho cơ quan chủ quản pháp định; (2) Kiêm chức không đúng pháp luật, đều phải hủy bỏ. Quan chức các cấp đều phải hết sức giảm kiêm chức; (3) Cấp "phòng" của cơ quan Trung ương và cấp "ban" ở cơ quan địa phương, nếu không đủ ba người, nhưng do tình hình đặc biệt vẫn cần, phải trình cơ quan chủ quản phê duyệt lại, nếu không phải tìm cách cắt bỏ. Các ông trưởng phòng, trưởng ban phải bố trí công tác khác, thiếu không bổ sung; (4) Các nhân viên tạm thời, nhân viên điều động và nhân viên đứng tên (không

có chức năng) đều phải tìm cách cắt giảm; (5) Nếu không tăng thêm nghiệp vụ mới, không được tăng thêm chức vụ; (6) Cần tăng cường quản lý chức vụ. Những chức vụ nào không phù hợp giữa hạng mục công tác với chức trách, cần phải làm lại cho đúng cương vị; (7) Phân cấp bậc trong nội bộ cơ quan với nguyên tắc không quá ba cấp, tên gọi đơn vị các cấp cần tương xứng.

Mệnh lệnh này được quán triệt nhanh chóng trong các cơ quan. Chẳng hạn, Bộ Kinh tế trong tám ngày đã giảm 13 đơn vị. Đồng thời, Tưởng Kinh Quốc ra lệnh cắt giảm rất nhiều ban bình nghị trong "Viện Hành chính", đưa nghiệp vụ của các ban này vào các ban, bộ hữu quan để thống nhất quyền hạn. Để tăng cường trách nhiệm quyền hạn của các thủ trưởng ban/bộ cần bỏ hết các tổ công tác ban/bộ trước kia và quy định các ban/bộ có toàn quyền quyết định kinh phí nhân sự và nghiệp vụ trong phạm vi quyền hạn của mình; nếu không dính dáng đến hai bộ trở lên hoặc những công tác trọng đại, không được đưa lên "Viện Hành chính".

Ngày 8 tháng 6, Tưởng Kinh Quốc lại chỉ thị cho các ngành "Mười điều đổi mới": (1) Trừ những cái đã đưa vào dự toán, ngừng xây dựng trụ sở văn phòng; (2) Khi khởi công hoặc kết thúc công trình không được tổ chức bất kỳ nghi lễ nào; (3) Các phái viên ra khỏi Đài Loan để dự hội nghị quốc tế phải có kế hoạch chu đáo từ trước, người được cử đi phải tinh thông nghiệp vụ và ngoại ngữ; (4) Cơ quan các cấp không được đi thị sát khi không cần thiết. Khi phải đi, người thị sát không được nhận bất kỳ cuộc chiêu đãi nào. Cơ quan đoàn thể, trường học bị thị sát không được đưa đón, trương biểu ngữ hoặc tổ chức hoan nghênh, nhất là không được cử học sinh tham gia đưa đón; (5) Các cấp nhân viên hành chính trừ những quy định chính thức của Chính phủ hoặc tiếp khách nước ngoài, đều không được đặt tiệc chiêu đãi khách và phải từ chối nhậu nhẹt; (6) Nhân viên không được ban phát thiếp mời hoặc cáo phó khi có việc hiếu hỉ, trừ khi là người thân thích hoặc bạn thâm giao; (7) Nhân viên hành chính không được vào hộp đêm, vũ trường, quán bar.... Các cấp chủ quản phải giám sát chặt chẽ việc này; (8) Thủ trưởng phải từ chối các cuộc cắt băng, khai mạc... Nếu nhân viên của mình vi phạm sẽ bị nghiêm trị; (9) Các cơ quan cần kiểm tra chặt chẽ các loại kinh phí, nhưng đối với phúc lợi của nhân viên phải giải quyết thỏa đáng; (10) Công việc của ai người đó chịu trách nhiệm xử trí, vấn đề tự mình có thể giải quyết được phải tự giải quyết, hôm nay có thể làm xong, phải làm xong hôm nay, không cần họp thì không được hội họp, cần họp thì phải chuẩn bị đầy đủ, họp xong phải có kết quả.

Từ 1 tháng 1 năm 1973, Tưởng Kinh Quốc lại ra lệnh cho cơ quan các cấp thực hiện chế độ thời hạn của công văn. Tùy theo tính chất của công văn, chia ra làm nhiều loại. Mỗi loại quy định một thời hạn có hiệu lực. Công văn cấp dưới trình cấp trên, nếu trong thời hạn quy định không được trả lời, cấp dưới coi như đã được phê chuẩn. Công văn cấp trên đưa xuống nếu quá thời gian quy định mới tới, cấp dưới có thể không chấp hành. Chế độ này sau khi áp dụng đã làm tăng tốc độ phê chuyển công văn. Năm 1973, mỗi công văn thời gian vận hành trung bình là 5,66 ngày, đến năm 1978 giảm xuống còn 4,31 ngày. Điều này, tất nhiên có tác dụng nâng cao hiệu suất công tác.

Ngày 23 tháng 5 năm 1974 lại thông qua: "Cơ quan hành chính thực hiện bốn công khai". Điều này làm theo Tưởng Kinh Quốc khi tiến hành công tác chính trị trong quân đội: Kinh phí công khai; nhân sự công khai; ý kiến công khai; thưởng phạt công khai. Công tác này nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên hành chính và sự minh bạch của quan trường.

Để nâng cao hiệu suất công tác, Tưởng Kinh Quốc rất coi trọng công tác kế hoạch và dự tính trước. Ông mới lên chức "Phó Viện trưởng Hành chính" đã tiến hành nghiên cứu cách thức để các ngành đổi mới nghiệp vụ, cải tiến phương pháp công tác, đơn giản hóa trình tự công tác. Năm 1972, khi lên làm "Viện trưởng Hành chính", ông càng yêu cầu các bộ, ban, ngành, chính quyền tỉnh, thành phố hàng năm đều phải đưa ra các hạng mục nghiên cứu, khiến hiệu suất công tác được nâng cao.

Tháng 8 năm 1978, Tưởng Kinh Quốc với danh nghĩa "Tổng thống" mới nhậm chức ra lệnh cho "Viện Hành chính" thành lập "Tổ giám sát chỉ đạo tăng cường phục vụ nhân dân". Tổ này trở

thành bộ máy thường trực nghiên cứu, vạch kế hoạch, điều phối, giám sát, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá công tác phục vụ nhân dân của các ngành, nhờ đó công tác này trở thành chế độ thường ngày.

Đồng thời với hàng loạt các biện pháp kể trên, Quốc dân đảng cũng tăng cường giám sát đạo đức sinh hoạt của các quan chức, nhất là đánh mạnh vào bọn quan chức lợi dụng chức vụ để tư túi riêng, tham ô, hối lộ.

Bản thân Tưởng Kinh Quốc vẫn tự cho mình là người liêm khiết. Nhà văn Giang Nam khi viết về ông với thái độ phê phán, cũng thừa nhận rằng Tưởng Kinh Quốc "thực ra không có tài sản, bản thân ông không hề tham ô". Trong nhật ký của Tưởng Kinh Quốc, thường có lời tự động viên khuyến khích mình. Chẳng hạn ngày 11 tháng 1 năm 1975, viết: "Giàu có sinh hủ hóa, nhàn cư mất ý chí đấu tranh, đó là cái chúng ta, những người phục vụ nhân dân cần tránh". Tháng 6 (không rõ ngày, chỉ biết là điều thứ nhất trong tháng 6) ghi: "Người nắm quyền sa đọa lúc nào không biết, điều này ta nên suy nghĩ kỹ". Ngày 19 tháng 6 ghi: "Ta ở Đài Loan xã hội phồn vinh! Tác dụng phụ của nó hình thành lối sống cầu an hủ bại, đây là hiện tượng chúng ta sợ nhất."

Tưởng Kinh Quốc đề bạt cán bộ cũng rất coi trọng chữ "liêm". Những người được ông cất nhắc đều nắm quyền lớn như Vương Thăng, Lý Hoán, Tôn Vận Toàn, Du Quốc Hoa, Lý Đăng Huy sống rất giản dị; lúc rỗi rãi chỉ ở nhà đọc sách, không thích đến các nhà hàng cao cấp hoặc nơi xã giao xa hoa mất thời gian. Nghe nói có lần chọn "Tổng Tư lệnh Lục quân", Tưởng Kinh Quốc đến thăm một người định chọn, thấy trong nhà trang trí xa hoa, trong lòng không vui; lại đến thăm một người khác, bà vợ ông này mặc áo thô ra mở cửa, trong nhà bày biện giản dị, Tưởng Kinh Quốc trở về lập tức chọn ngay ông này.

Trong quan trường Đài Loan mọi người đều biết tham ô là điều Tưởng Kinh Quốc ghét nhất. Bất kể ai, nếu về tiền tài không rõ ràng, để Tưởng Kinh Quốc biết được coi như kết thúc con đường chính trị.

Đường lối dùng người của Tưởng Kinh Quốc khác hẳn cái lối lấy tiền tài làm vũ khí, thu phục đám tài phiệt và bọn xã hội đen của Tưởng Giới Thạch.

Trong văn chương chữ nghĩa và nói chuyện công khai, Tưởng Giới Thạch cũng rất cao giọng với bọn tham ô, buôn quan bán tước, nhưng thực tế chỉ giơ cao đánh khẽ, bắt cóc bỏ đĩa. Các nhân vật được Tưởng Giới Thạch trọng dụng đều là hạng tham ô hủ hóa, xa rời quần chúng, coi thường phép tắc như bọn Khổng Tường Hy, Tống Tử Văn. Tưởng Kinh Quốc thì ngược lại, châm ngôn chính trị của ông theo kiểu nho giáo "Thưởng quý tiểu, sát quý đại", khi "thưởng" cũng không ra ngoài khuôn khổ còn khi đã "sát" bất kể thân hay sơ đều không nương nhẹ.

Khi còn ở Đại Lục, Tưởng Kinh Quốc "bắt cọp ở Thượng Hải" không được lòng nhà Khổng, Tống, hơn nữa lại do Tưởng Giới Thạch can thiệp ông đành phải về không. Đến thời kỳ đổi mới toàn diện, Tưởng Kinh Quốc lấy tư cách người nhận ca, có quyền lớn, uy phong vượt xa những năm đó, còn Tưởng Giới Thạch khi đã buông màn, cũng vui lòng để con thể hiện mặt thưởng liêm phạt tham, nhờ đó mà gây dựng uy danh. Cuối thập kỷ 1960, theo bước chân lên cao của Tưởng Kinh Quốc, vũ đài chính trị Đài Loan thường được tin chỉnh đốn kỷ luật quan trường và đả kích bọn tham ô.

Tháng 11 năm 1968, "Viện Hành chính" ban bố "Biện pháp cấm nhân viên nhà nước chơi cờ bạc". Đến tháng 12, Trung ương Quốc dân đảng lại đưa ra Biện pháp hạn chế việc đưa thiệp chúc tết và yêu cầu ăn tết đơn giản, yêu cầu quan lại các cấp cố tránh "chiêu đãi người khác và cũng không tiếp nhận sự chiêu đãi của người khác".

Tháng 3 năm 1969, nổ ra vụ "chuối tiêu" của Hội Rau quả Cao Hùng. Chủ tịch Hội là Ngô Chấn Thụy và nhiều viên chức cao cấp đã tham ô tập thể, bóc lột dã man đối với nông dân trồng chuối; dùng nhiều thủ đoạn phi pháp để kiếm lợi bất chính, bị ngành trị an do Tưởng Kinh

Quốc lãnh đạo phát hiện, bắt 25 người bọn Ngô xử phạt. Hội này mượn cớ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, đã làm quà biếu cho khách. Những người nhận quà biếu có "Chủ nhiệm Ban Mậu dịch", "Ủy viên chính trị Viện Hành chính", "Trọng tài Ngân hàng Trung ương" Từ Bá Viên. Tưởng Kinh Quốc cho là nhận hối lộ, trình bày rõ với Tưởng Giới Thạch rồi cho cách chức Từ Bá Viên. Từ Bá Viên là tâm phúc của Tống Mỹ Linh, nắm tiền tệ của Đài Loan đã gần 20 năm, là một Bộ trưởng đã lập nhiều công to trong phát triển kinh tế Đài Loan, vì dính vào vụ này mà một bước sa cơ.

Tháng 6 năm 1969, Tưởng Kinh Quốc thăng chức "Phó Viện trưởng Hành chính". Tháng 7, "Viện Hành chính" ban bố mệnh lệnh trong quy trình kiểm tra sinh hoạt đạo đức của quan chức, ai bị xử vì tội tham ô, khi mãn hạn sẽ không được nhận trở lại làm việc. Ngày 23 tháng 8, Chính quyền Đài Loan hưởng ứng lời kêu gọi của "Viện Hành chính" bắt đầu thực hiện "Biện pháp thưởng liêm phạt tham". Ngày 23 tháng 9, "Viện Hành chính" lại ra nghiêm lệnh quy định quan chức không làm tròn trách nhiệm, vi phạm pháp luật, ngành chủ quản liên đới chịu trách nhiệm cũng bị xử phạt. Ngày 4 tháng 12 "Viện Hành chính" lại đưa ra "Biện pháp đối với các quan chức nhận tặng vật và nhận chiêu đãi", quy định nghiêm khắc đối với quan chức nhận lễ vật và nhận lời mời.

Tháng 3 năm 1970, Trung ương 2 khóa X Quốc dân đảng thông qua nghị quyết "Nghiêm trị các quan chức có hành động tham ô; chấm dứt trò gian nhận hối lộ của các quan chức ngành Tư pháp; giải quyết nhanh các vụ án dân sự", coi đây là biện pháp quan trọng nhất để đổi mới ngành Tư pháp. Tiếp theo, Tưởng Kinh Quốc lấy danh nghĩa "Phó Viện trưởng Hành chính" ra lệnh cho "Cục Điều tra Bộ Tư pháp" đưa các vụ án tham ô trọng điểm vào điều tra. Trong các buổi mít tinh quần chúng, Tưởng Kinh Quốc đều thẳng thắn chửi mắng thậm tệ bọn tham ô. Ông công khai chỉ trích những chiếc "phong bì đỏ" vốn thịnh hành ở Đài Loan, gọi chúng là "phong bì thối". Đồng thời, phát động các cơ quan tuyên truyền phải tạo ra một không khí xã hội mọi người đều hô đánh đối với kẻ tham ô.

Tháng 1 năm 1972, "Viện Hành chính" ra chỉ thị "Yêu cầu mọi ngành tăng cường chống tham ô, coi đây là công tác hàng đầu của các cơ quan". Đúng lúc này nổ ra vụ gian lận ở công trình khu Trung ương Song Khê, ngoại thành Sỹ Lâm. Vương Chính Nghị là "Cục trưởng Cục nhân sự Viện Hành chính" kiêm "Chủ nhiệm Ủy ban Trợ cấp nhà ở của quan chức Trung ương" đã lợi dụng công tác để tham ô 137.500 đô-la. Vì Vương là thân thích bên ngoại của Tưởng Giới Thạch, nên vụ này xử lý thế nào, mọi người đều rất chú ý.

Ngày 1 tháng 6, Tưởng Kinh Quốc lên chức "Viện trưởng Viện Hành chính", cùng ngày lập tức ra lệnh cách chức của Vương Chính Nghị và bắt đưa ra tòa xét xử. Qua ba lần thẩm vấn, chứng cứ rõ ràng, tòa xử Vương Chinh Nghị tù chung thân.

Tháng 2 năm 1973, tòa lại xử Thị trưởng Cao Hùng là Dương Kim Hổ năm năm tù giam về tội "tham ô, mua quan bán tước". Vợ Dương là mối lái đóng vai chính trong vụ này, xử mười năm tù. Bạch Khánh Quốc là "Phó ty thuế vụ hải quan, kiêm Chủ nhiệm Ban Kiểm tra" tham ô nhận hối lộ có tình tiết nghiêm trọng bị xử tử hình.

Từ đó về sau, làn sóng chống tham ô ở Đài Loan cuồn cuộn dâng hết đợt này đến đợt khác. Chính quyền do Tưởng Kinh Quốc dẫn đầu cũng không ngừng vận dụng các biện pháp mới đánh vào bọn tham ô. Chẳng hạn, tháng 8 năm 1979 thành lập "Trung tâm phòng chống tội phạm kinh tế và tham ô", công bố rộng rãi số điện thoại của trung tâm này cho mọi người được biết, kêu gọi dân chúng nếu phát hiện kẻ tham ô, báo qua số điện thoại cho trung tâm biết. Tháng 12 lại ban bố "Điều lệ bảo vệ và thưởng người có công phát hiện kẻ tham ô", để khuyến khích dân chúng tố cáo các kẻ tham ô. Tháng 12 năm 1980 lập ra 52 tòa án xử tham ô ở mọi nơi trên toàn Đài Loan, chuyên xét xử tội tham ô.

Xét về mặt khách quan, Tưởng Kinh Quốc đánh mạnh vào tội tham ô, cùng với tác phong gần gũi dân và các biện pháp đổi mới khác, ở mức độ nhất định đã cải thiện hình ảnh Quốc dân

đảng trong trái tim và khối óc dân chúng; có ảnh hưởng không thể đánh giá hết đối với việc củng cố sự thống trị của Quốc dân đảng. Tưởng Kinh Quốc cũng nhờ đó nhận được không ít lời khen ngợi và được các tầng lớp nhân dân ủng hộ. Những điều này đều là sự thực chúng ta không hề chối cãi.

Nhưng chúng ta cũng phải biết rằng Chính quyền Quốc dân đảng, về bản chất, phục vụ cho giai cấp đại tư sản và bọn đặc quyền. Họ muốn được lòng dân chúng phổ thông nên đã tiến hành các kiểu đổi mới, nhưng một số hoạt động đổi mới mang tính hình thức nhiều hơn nội dung. Chẳng hạn như công tác Liên hợp phục vụ của Quốc dân đảng, ào một trận rồi mất tăm. Một số khác có hiệu lực trong thời gian ngắn, ít lâu sau, đâu lại hoàn đó. Các chế độ lại trói chặt thêm. Các loại quy định về phẩm chất đạo đức của quan chức chỉ vài năm sau chẳng còn ai để tâm nữa.

Dưới sự ô nhiễm không khí xã hội "đồng tiền vạn năng", trong cơ cấu thống trị bằng con người, chỉ dựa vào ý chí của nhà lãnh đạo hoặc chỉ đưa ra một vài vụ lớn, quan trọng theo kiểu "giết gà răn khỉ", không đủ để ngăn cản sự hủ hóa và tham ô của các quan chức. Đồng thời với phong trào chống tham ô của Tưởng Kinh Quốc, các xí nghiệp lớn cũng làm thành một mạng lưới quan hệ với nhau; tuyển cử ở địa phương cũng bị kim tiền khống chế. Chẳng hạn tập đoàn tài phiệt có vốn bạc tỷ – Tập đoàn Quốc Thái họ Sái – dùng trăm phương ngàn kế để lôi kéo các quan chức trong Chính phủ, quân đội và các Đại biểu Dân ý để bao che cho các trò móc ngoặc phi pháp và gian lận tiền tệ của chúng. Tập đoàn này thuê rất nhiều quan chức cao cấp về hưu như: Trung tướng Tiêu Chính Chi, "Phó Chủ nhiệm Bộ Đấu tranh chính trị"; Trung tướng Hoa Tâm Quyền "Chủ nhiệm Bộ Chính trị Lục quân". Sau khi giải ngũ họ đến xí nghiệp họ Sái "đứng tên ăn lương". Họ Sái mở một nhà hàng lớn, đưa "thẻ Vip" đến các nhân vật quan trọng trong Chính phủ, quân đội, trong "Viện Lập pháp", "Viện Giám sát" và các sỹ quan tình báo. Người cầm thẻ Vip có thể đến nhà hàng bất kỳ lúc nào, hưởng thụ các cuộc chiêu đãi xa xỉ. Hợp tác xã tín dụng thứ Mười (Thập tín) của tập đoàn này còn nhận tiền gửi lãi xuất siêu cao và cho vay không cần thế chấp đối với các nhân vật quan trọng trong chính giới. Theo báo chí Hồng Kông tiết lộ, "Ủy viên Lập pháp" Quốc dân đảng vay của Thập tín không thế chấp, sơ bộ điều tra là năm người, tổng cộng hơn 35 triệu đô-la. Nếu đến kỳ không trả, ngân hàng không có cách gì khác là cứ việc bồi thường. Những hoạt động phi pháp này từ thập kỷ 1970 kéo dài mãi đến năm 1985 cuối cùng mới bị phát giác thành vụ gian lận tiền tệ cực lớn, gây chấn động toàn Đài Loan, được gọi là vụ Thập tín. Về chi tiết của vụ này chúng tôi sẽ giới thiệu tường tận ở phần sau.

Tóm lại, Tưởng Kinh Quốc đổi mới dưới sự giúp đỡ của cha tuy có tác dụng tích cực, nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn giữa quan và dân ngày càng sâu sắc; cũng không thể xây dựng được một Chính phủ liêm khiết như chính quyền Đài Loan vẫn rêu rao.

IV. QUÁN TRIỆT CHẾ ĐỘ VỀ HƯU VÀ ĐỀ BẠT TÀI NĂNG TRẺ

Bất kỳ biện pháp đổi mới nào cũng phải do con người thực hiện. Đổi mới hệ thống Đảng, chính quyền, pháp luật đều không tách rời việc điều chỉnh và đổi mới nhân sự.

Mục tiêu cuối cùng của đổi mới nhân sự gồm hai điểm: Một là, xác lập chế độ về hưu, khiến cho các quan chức cao cấp ra khỏi vũ đài chính trị để tiến dẫn người mới, đưa vào tư tưởng mới, quan niệm mới, tác phong mới.

Hai là, cải tiến chế độ thi cử và chế độ nhân sự, để cho nhân tài có dịp thể hiện bản lĩnh, dễ dàng thoát vỏ bọc nảy mầm.

Bắt đầu từ thập kỷ 1950, Quốc dân đảng đã xây dựng chế độ về hưu; giữa những năm 1960, lại đẩy mạnh việc phân loại quan chức, qua kiểm tra thi cử để chọn những người thực sự có tài năng đưa dần lên lớp cao hơn. Nhưng do sống trong tâm lý "quan bản vị", trong cơ cấu chính sách "nhân trị", người cầm quyền tham chức không chịu về, giăng ra cản đường không cho nhân tài mới tiến bước, khiến cho mọi chế độ thành ra nói suông.

Trong Quốc dân đảng, người mong cho chế độ về hưu thành hiện thực nhất dĩ nhiên là Tưởng Kinh Quốc. Nhưng chính vì ông và các thân tín của ông đều là kẻ hậu sinh, nếu lại đứng ra đòi "các cụ đáng về hưu" về vườn, sợ các cụ chống lại, thêm rắc rối, thậm chí còn mang tiếng là "hiếp vua".

Do đó, Tưởng Giới Thạch đích thân ra trận, dùng uy tín cá nhân đưa ra chế độ về hưu. Đây là một việc lớn Tưởng Giới Thạch làm cho Tưởng Kinh Quốc – đương nhiên cũng là cho Đảng của ông vào lúc cuối đời.

Tháng 11 năm 1967, Tưởng Giới Thạch nêu "người ta 65 tuổi (nếu cần thiết cũng không quá 70) nên về hưu thôi". Do ông đốc thúc "Viện Hành chính" đến tháng 8 năm 1968 phải ra lệnh nghiêm chỉnh chấp hành điều lệ về hưu, ai không về ngừng trả lương. Nhưng vì quy định này động chạm đến quyền lợi của những người nắm quyền, nhất là các quan chức cao cấp, nên trong quá trình chấp hành cũng bị rơi rụng, không thực sự phát huy hiệu lực.

Ngày 9 tháng 6 năm 1969, nửa tháng trước khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Phó Viện trưởng Hành chính", Tưởng Giới Thạch mời cơm Ủy ban Bình nghị Trung ương Quốc dân đảng. Trong bữa cơm này, ông phát biểu một bài dài mấy tiếng đồng hồ, nói: "Chế độ về hưu đến nay vẫn chưa được thực hiện triệt để, vẫn là nguyên nhân chính trở ngại toàn bộ vấn đề tổ chức nhân sự… Nói chung, các cụ đã đến tuổi không muốn theo điều lệ về nghỉ, khiến cho những người có tài vẫn không thể sử dụng đúng lúc. Trực tiếp ảnh hưởng chính là tắc đường nhân sự, không phát huy được chức năng thay cũ đổi mới. Gián tiếp ảnh hưởng là không thể thu hút được tài năng mới, nhiệt tình mới và do đó không thu hút được học thuật mới, tri thức mới."

Tiếp theo, Tưởng Giới Thạch khen ngợi các cán bộ lão thành, "không ngại gian khổ hy sinh, trải qua trăm trận, nhất là 20 năm qua, nếm mật nằm gai, sống chết có nhau, là những người không ai thắng nổi". Vỗ về một hồi xong, quay về chuyện cũ, lại nói: "Đồng thời cũng không thể không thừa nhận đồng chí cán bộ ta mỗi dịp đến hẹn về hưu, tinh thần và thể lực ngày một suy yếu, cần phải nghỉ ngơi, nhường cương vị của mình, chuyển giao cho thế hệ trẻ, đem kinh nghiệm, trí tuệ của mình chuyển giao cho họ, âu cũng là một lần nữa báo đáp Quốc gia."

Tiếp theo Tưởng Giới Thạch nghiêm khắc phê bình một số cán bộ cao cấp không chịu tu dưỡng thành quan chức hiện đại, có quan niệm mới về hưu trí, nghĩa là đã làm tròn trách nhiệm của mình. Ngược lại, nếu cứ tham quyền cố vị "sẽ gây cho tiền đồ cách mạng một con đường chết tắc, vận mệnh đất nước cũng chính do mình đưa đến chỗ chấm hết".

Cuối cùng Tưởng Giới Thạch nói: "Hôm nay tôi rất mong các đồng chí cán bộ lãnh đạo cao cấp, ngay từ bây giờ hãy gương mẫu, tạo lên một phong trào từ trên xuống dưới "theo điều lệ mà về hưu", nói cách khác, cũng mong mọi người đến tuổi về hưu, hãy chủ động xin về, coi đó là hành động là vinh quang, là hạnh phúc, không cần phải để bộ phận nhân sự thôi thúc."

Cũng vào khoảng thời gian này, Quốc dân đảng dùng bộ máy tổ chức và công cụ dư luận, gây thanh thế, khiến cho các cụ đến tuổi không thể không về. Tháng 7, tức là sau buổi nói chuyện của Tưởng Giới Thạch được một tháng chính quyền Đài Loan phải giải quyết hơn hai nghìn trường hợp về hưu. Tháng 9, có năm vị nguyên lão như Mã Siêu Tuấn "hưởng ứng lời kêu gọi, theo lệ mà về". Tháng 1 năm 1970, "Viện Hành chính" lại thông qua "Biện pháp tăng lương cho người về hưu", nâng cao mức đãi ngộ đối với nhân viên về hưu, đồng thời tăng số lượng chức vụ suông chẳng hạn như tư vấn chính trị "Phủ Tổng thống", cố vấn quốc sách, cố vấn chiến lược, Ủy viên Bình nghị Trung ương Đảng... Thế rồi "Viện Hành chính" chính quyền tỉnh, các ban, bộ, ty, cục cũng đều làm theo, cũng lập ra các chức vụ "cố vấn" để khuyến khích các lão thủ trưởng nhường chỗ cho người hiền tài.

Sau khi tiến hành được mấy năm, cơ bản đã hình thành chế độ "độ tuổi về hưu" trong cán bộ từ cấp ban, bộ thuộc hệ thống Đảng, chính quyền trở xuống. Các quan chức đến tuổi, ít nhất về hình thức cũng phải làm một báo cáo xin về hưu, chính quyền hoặc cho về hoặc giữ lại. Người được giữ lại tất nhiên phải là thân thích hoặc có chuyên môn cần phải giữ lại, còn không có lý

do đặc biệt gì, nói chung không giữ lại.

Các quan chức cao cấp về hưu, một số chuyển sang xí nghiệp quốc doanh với các chức sắc danh dự; một số chuyển sang kinh doanh trong các xí nghiệp tư nhân; một số mở các sự nghiệp xuất bản văn hóa; còn lại đa số ở gia đình dưỡng lão.

Cũng cá biệt rất ít người, danh nghĩa tuy về hưu, nhưng thực chất không về, như trường hợp Thẩm Chi Nhạc, đã nhiều năm chủ trì công tác của "Cục Điều tra". Sau khi về hưu, được mời làm "Cố vấn quốc sách", hằng ngày vẫn đến "Phủ Tổng thống" làm việc, phụ trách chỉnh lý tình báo từ các kênh khác nhau cho Tưởng Kinh Quốc. Hoặc trường hợp của Uông Đạo Uyên, người đã từng làm "Cục trưởng Quân pháp", lại ra làm "Cố vấn quốc sách", rồi đảm nhận "Bí thư trưởng Ủy ban An ninh quốc gia", "Bộ trưởng Quốc phòng", "Phó Viện trưởng Viện Tư pháp".

Thẩm Chi Nhạc và Uông Đạo Uyên là những ví dụ chứng tỏ cơ chế chính trị của Đài Loan mang đậm màu sắc "nhân trị", người được chính quyền coi trọng, tuy về hưu vẫn đi làm hằng ngày, thậm chí còn gánh vác trọng trách. Nhưng những trường hợp như vậy rất hiếm, tuyệt đại đa số các vị chỉ làm tư vấn chính trị. Cố vấn quốc sách, Cố vấn chiến lược và Ủy viên Bình nghị chẳng qua chỉ có hư danh để thỏa mãn một chút về mặt tâm lý mà thôi, họ không thể can dự đến công tác của đơn vị. Các cố vấn của "Viện Hành chính", chính quyền tỉnh và các ban, bộ, ty, cục cũng vậy, chỉ là các chức vụ an ủi mà thôi.

Trong hệ thống quân đội, đã xác lập chế độ nhiệm kỳ và chế độ giải ngũ. Vì vậy, vấn đề đến tuổi không chịu về không nghiêm trọng như trong hệ thống Đảng và chính quyền, việc giải quyết cũng tương đối thuận lợi. Quán triệt chế độ về hưu khiến cho thủ trưởng các cấp Đảng và chính quyền có thể đưa người trẻ vào. Điều đó là đảm bảo quan trọng để Tưởng Kinh Quốc áp dụng hàng loạt các biện pháp đổi mới.

Mặt khác, Tưởng Giới Thạch tuy yêu cầu các cán bộ cao cấp về hưu là vinh quang, hạnh phúc nhưng bản thân ông không thể gương mẫu. Những năm cuối đời, thực tế ông rất ít khi bàn chuyện chính trị, nhưng danh vị vẫn là "Tổng thống", "Tổng tài". Có tấm gương như vậy, các thành viên lãnh đạo hạt nhân của Quốc dân đảng, tức các vị Ủy viên Thường vụ cũng phần lớn không về hưu. Chẳng hạn "các cụ Đảng Quốc" như Hoàng Thiếu Cốc, Viên Thủ Khiêm, Cốc Chính Cương, Thẩm Xương Hoán đều mấy chục năm cũng như một ngày, giữ mãi vị trí Thường vụ, sét đánh không dời. Tuy nhiên, cách mấy năm rồi cũng có gương mặt mới vào Thường vụ, nhưng quyền ăn nói thực sự vẫn là các cụ "Đảng Quốc". Tuổi chưa đến bảy mươi, thật khó có được địa vị ăn to nói lớn trước mặt Chủ tịch Đảng. Do đó, hình thành tình trạng là các đơn vị dưới ban/bộ trong hệ thống Đảng, chính quyền có thể thực hiện thay cũ đổi mới, nhưng trung khu chính quyết sách có thực quyền vẫn bị các nhân vật chính trị già nua nắm giữ.

Tình hình này, Tưởng Giới Thạch đến chết vẫn không thay đổi được. Tưởng Kinh Quốc sau khi cha chết, nắm quyền 12 năm vẫn không sao khắc phục được bệnh già trong hạt nhân lãnh đạo. Hai năm cuối đời, ông cố gắng giải quyết vấn đề này nhưng giời bắt tội, chưa kịp làm đã tạ thế. Trong Ủy ban tang lễ, toàn bộ Ban Thường vụ Trung ương Đảng đều có mặt, trong đó không ít người già hơn Tưởng Kinh Quốc.

Chế độ về hưu dần xác lập đồng thời với việc thu hút và đề bạt tài năng trẻ. Ngay từ những năm 1960, Tưởng Giới Thạch đã luôn nhấn mạnh "Trung hưng dĩ nhân tài vi bản", yêu cầu các cấp tổ chức và lãnh đạo chú ý bồi dưỡng và tiến cử nhân tài. Tháng 2 năm 1960, Quốc dân đảng lập ra quỹ học bổng Trung Sơn để tuyển chọn thanh niên đưa sang Âu, Mỹ đào tạo; sau đó lại ban hành chế độ mới về thi tuyển viên chức nhà nước. Nhưng nhìn chung, trước khi Tưởng Kinh Quốc lên nắm quyền, số thanh niên xuất đầu lộ diện trong hệ thống Đảng và chính quyền có thể nói là đếm trên đầu ngón tay.

Tháng 11 năm 1967 Tưởng Giới Thạch nói chuyện trong Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, nêu ra "cán bộ bồi dưỡng, tiến cử nhân tài là nghĩa vụ". Để bổ sung cho ý tưởng "Trung hưng dĩ nhân tài vi bản", ông yêu cầu: "Từ nay về sau, từ tổ đảng cho đến Trung ương, Ban Thường vụ và các

đồng chí ở các cấp chủ quản đều phải thường xuyên phát hiện nhân tài, bồi dưỡng và tiến cử nhân tài, ít nhất mỗi năm phải tiến cử được một người. Các đồng chí chủ quản về chính quyền, quân đội cũng đều phải có chung ý tưởng đó, thiết thực chú trọng việc này."

Khi Tưởng Giới Thạch nói chuyện này, Lý Hoán được Tưởng Kinh Quốc phong Tướng, làm Chủ nhiệm Tổ 1 Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng, nắm công tác phát triển Đảng ở Đài Loan. Năm sau, Lý Hoán lại kiêm Quyền Chủ tịch Đảng bộ tỉnh Đài Loan, đảm nhiệm trọng trách xem xét tài năng trẻ của Quốc dân đảng.

Từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1969, Quốc dân đảng họp Đại hội X thảo luận trọng tâm vấn đề Đảng cần mở rộng cơ sở thanh niên trí thức. Tháng 3 năm 1970, Tưởng Giới Thạch một lần nữa nhấn mạnh: "Trọng điểm công tác nhân sự từ nay về sau là một mặt quán triệt độ tuổi về hưu, giải quyết vấn đề ách tắc nhân sự; một mặt bồi dưỡng tài năng trẻ."

Khi đó Tưởng Kinh Quốc đã là Phó Viện trưởng, nắm công tác của "Viện Hành chính". Ông nhiều lần nói chuyện, cổ vũ thanh niên quan tâm đến chính trị, "thực hiện ước mơ của thời đại", "hãy nói hết tâm sự". Để phối hợp với công tác của Tưởng Kinh Quốc, Lý Hoán cũng từ hệ thống Đảng bước sang hệ thống chính quyền, kiêm chức "Chủ nhiệm Ủy ban Phụ đạo thanh niên Viện Hành chính".

Nhờ sự thúc đẩy của Tưởng Kinh Quốc và Lý Hoán, cộng thêm các nhân tố khác, đã tạo nên cao trào của nhà trí thức nói chuyện chính trị thời kỳ đầu thập kỷ 1970 mà Tạp chí Đại học là đại diện. Hàng loạt tài năng trẻ xuất đầu lộ diện, trong đó không ít người sau này được Quốc dân đảng thu nhận và đề bạt.

Năm 1971, Lý Hoán nhận lệnh lập một tổ nghiên cứu để bồi dưỡng và đề bạt nhân tài. Ngày 8 tháng 12, tổ này đưa ra đề án "Mở rộng diện thu nhận nhân tài". Ngày 29, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng thông qua đề án này, nghĩa là nới rộng sự hạn chế tư cách quan chức đặc biệt, cho phép thủ trưởng cơ quan thu nhận nhân tài.

Tháng 6 năm 1972, sau khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Viện trưởng Hành chính" đã đề bạt hàng loạt tài năng trẻ. Đồng thời, Lý Hoán cũng là Chủ nhiệm Ban tổ chức Trung ương Quốc dân đảng, ít lâu sau tiếp nhận chức "Chủ nhiệm Đoàn Cứu quốc" của Tưởng Kinh Quốc, ông đã tiến hành cuộc thay máu cho thế hệ công tác Đảng.

Tháng 4 năm 1975, sau khi Tưởng Kinh Quốc làm Chủ tịch Quốc dân đảng, Lý Hoán lại kiêm chức "Chủ nhiệm Viện nghiên cứu thực tiễn cách mạng". Viện này được coi như kho nhân tài của Tưởng Kinh Quốc. Rất nhiều tài năng trẻ sau khi được mạ vàng tại Viện này trở thành nhân vật quan trọng của Đảng, chính, quân ở Đài Loan.

Đến năm 1977, Lý Hoán vì làm cuộc thay máu lớn này mà mang tội với phe phái Bảo thủ, bị các bậc lão thành chỉ trích trong vụ Trung Lịch. Tưởng Kinh Quốc buộc lòng phải "gạt lệ chém Mã Tốc", cách ba chức Chủ nhiệm của Lý Hoán (Ban tổ chức, "Đoàn Cứu quốc", Ban Nghiên cứu thực tiễn cách mạng), chuyển ông đi dạy đại học ở Đài Nam. Sắp xếp như vậy, vẫn nhằm phát huy sở trường của Lý Hoán trong việc bồi dưỡng và tuyển chọn tài năng trẻ và cũng là yểm Lý Hoán ở một nơi, chờ sau này có dịp lại đưa ra. Khi ấy, công cuộc đổi mới đã thu được thành quả rõ rệt, không cần có sự trợ giúp của Lý Hoán, Tưởng Kinh Quốc cũng vẫn có thể tùy ý dùng người. Vì vậy, khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Tổng thống" năm 1978, lại đặc cách đề bạt hàng loạt tài năng trẻ.

Như đã nói, từ cuối thập kỷ 1960 đến cuối thập kỷ 1970, mười năm này là thời đại hoàng kim của tài năng chính trị ở Đài Loan. Trong thời gian này, Tưởng Kinh Quốc nhảy vọt bốn cấp: Năm 1969 làm "Phó Viện trưởng Viện Hành chính"; năm 1972, làm "Viện trưởng"; năm 1975, làm Chủ tịch Quốc dân đảng; năm 1978, làm "Tổng thống" Đài Loan. Tính ra vừa đúng ba năm thăng một cấp. Cứ mỗi lần Tưởng Kinh Quốc lên là một lần điều chỉnh nhân sự. Mỗi lần đề bạt hàng loạt nhân tài trung, thanh niên, những người được đề bạt kỳ trước, đến lần điều chỉnh

sau, nếu không bị thất sủng bao giờ cũng được nâng thêm một nấc. Như vậy đã hình thành một thê đội cán bộ. Báo chí Đài Loan gọi là "đời trung sinh" và "đời tân sinh". Đời trung sinh để chỉ các nhân vật xuất hiện thời kỳ Tưởng Kinh Quốc từ phó lên đến trưởng "Viện hành chính". Đời tân sinh để chỉ các nhân vật đề bạt sau khi Tưởng Kinh Quốc làm "Chủ tịch Đảng" và "Tổng thống". Nhưng Tưởng Kinh Quốc dùng người không hề lệ thuộc vào đời trước đời sau. Cho nên trong đời tân sinh có những nhân tài lại vượt trên người ở đời trung sinh.

Bất kể đời nào, nguyên nhân được chọn có bốn loại, nghĩa là nhân tài mới có bốn loại:

Loại thứ nhất: Cán bộ cơ sở trong hệ thống Đảng, Chính quyền có thành tích xuất sắc được đề bạt. Đại biểu thuộc loại này có:

Lý Đăng Huy, lưu học sinh lại Nhật, Mỹ, Tiến sỹ Nông học Mỹ. Ở Đài Loan, Lý vốn làm nghề dạy học, sau tham gia công tác ở Ban Khuyến nông làm Chủ nhiệm Ban phục hưng nông thôn. Năm 1972 được Tưởng Kinh Quốc đặc cách đề bạt làm "Ủy viên chính trị Viện Hành chính". Năm 1978 là Thị trưởng Đài Bắc. Năm 1979 được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, năm 1981 làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", năm 1984 làm "Phó Tổng thống". Tháng 1-1988, sau khi Tưởng Kinh Quốc chết, lên thay làm "Tổng thống", ông được đặc cách làm "Ủy viên chính trị" năm 49 tuổi và làm Ủy viên Thường vụ năm 56 tuổi.

Khâu Sáng Hoán, tốt nghiệp Thạc sỹ chính trị trường Đại học chính trị Đài Loan năm 1969, trưởng ban xã hội của Chính quyền Đài Loan. Năm 1972 ông được đặc cách đề bạt làm "Chủ nhiệm Ban xã hội" của Đảng Bộ Trung ương Quốc dân đảng (tương đương Bộ trưởng) kiêm Phó "Chủ nhiệm Đoàn Cứu quốc". Năm 1976, làm Ủy viên chính trị của "Viện Hành chính". Năm 1978, làm Phó Bí thư Trung ương Quốc dân đảng kiêm "Bộ trưởng Nội chính Viện Hành chính". Năm 1984, làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan". Khâu Sáng Hoán làm chủ nhiêm Ban xã hội năm 47 tuổi, làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng năm 54 tuổi.

Hứa Thủy Đức, Thạc sỹ Giáo dục Đại học chính trị Đài Loan. Sau khi tốt nghiệp vào ngay hệ thống Chính quyền. Đã từng làm "Cục trưởng Giáo dục" thành phố Cao Hùng. Năm 1979 làm Chủ nhiệm Ban Xã hội Trung ương Quốc dân đảng. Năm 1984 làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Ông làm Chủ nhiệm Ban xã hội năm 48 tuổi vào banThường vụ Trung ương năm 53 tuổi.

Đinh Mậu Thời, Năm 1958 công tác tại "Bộ Ngoại giao", từng giữ chức trưởng phòng, Bí thư Văn phòng ở châu Âu, "Đại sứ" tại Cộng hòa Rwanda. Năm 1973, làm "Vụ trưởng Vụ châu Phi", 1975 làm "Cục trưởng Báo chí", năm 1977 kiêm chức "Chủ nhiệm Ban Văn hóa Trung ương", sau làm "Thứ trưởng chính trị Bộ ngoại giao", "Thứ Trưởng thường trực". Tháng 4 năm 1987, làm Bộ trưởng Ngoại giao. Đinh Mậu Thời làm "Vụ trưởng" năm 48 tuổi, làm "Bộ trưởng Ngoại giao" năm 62 tuổi.

Ngoài ra còn có Châu Ứng Long, từng là thư ký riêng của Tưởng Giới Thạch, sau được Tưởng Kinh Quốc đề bạt làm Chủ nhiệm Văn phòng của Tưởng Kinh Quốc. Tiền Thuần, tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế ở Mỹ. Tiền Phúc, tốt nghiệp Thạc sỹ Quan hệ quốc tế, Tiến sỹ Triết học ở Mỹ. Chương Hiếu Nghiêm, Thạc sỹ ở Mỹ. Về Đài Loan làm "Bí thư Bộ ngoại giao". Tưởng Hiếu Vũ, Thạc sỹ Trung Mỹ trường Đại văn Hóa Đài Loan. Vương Kiến Tuyên Nghiên cứu sinh Khoa Tài chính trường đại học chính trị…

Nhìn chung, lớp người này, phần lớn đều là có học vị Thạc sỹ, cá biệt có Lý Đăng Huy và Tiền Phúc là có học vị Tiến sỹ. Trong đó một số hoàn cảnh gia đình thuận tiện, như Tưởng Hiếu Vũ là con Tưởng Kinh Quốc, Chương Nghiêm là con ngoài giá thú của Tưởng Kinh Quốc, Tiền Thuần, Tiền Phúc là con Tiền Từ Lương, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Trung ương. Tiền Thuần còn là con rể nguyên lão phái CC là Trịnh Thiên Phương. Cậu của anh họ Tiền là Trương Từ Khải, nguyên "Bộ trưởng kinh tế". Nhưng hoàn cảnh gia đình là thứ yếu, chủ yếu là dựa vào chính tài năng của họ. Ở Đài Loan, thậm chí các báo chống Quốc dân đảng cũng thừa nhận. Anh em họ Tiền, Chương Hiếu Nghiêm không phải là loại cán bộ nhờ vợ. Ở đây chỉ có Tưởng Hiếu Vũ là ngoại lệ, vừa xuống núi đã làm quan to, rõ ràng nhờ gia đình. Nhưng về sau,

có người nâng đỡ ông, đều bị Tưởng Kinh Quốc gạt xuống, cho đến khi Tưởng Kinh Quốc chết Tưởng Hiếu Vũ vẫn không được thăng chức, vì thế chỉ có thể liệt vào hạng trung. Sở dĩ ở đây nhắc đến Tưởng Hiếu Vũ chủ yếu là vì thân thế đặc biệt, chứ nói về quan chức, loại như ông ta có rất nhiều, không thể giới thiệu hết được.

Những nhân vật này không những có kinh nghiệm công tác phong phú và trí thức nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, mà còn trải qua các cấp bậc trong bộ máy quan chức mà lên dần, cho nên thuộc đội ngũ dòng chính thống của chính quyền, luôn nắm thực quyền, có thể độc lập quản lý một mặt. Nhưng vì họ phần lớn hạn chế trong nghiệp vụ chuyên môn, cao nhất chỉ có thể làm đến Bộ trưởng một ngành, rất ít người có thể được Chính quyền chọn làm người nối nghiệp.

Loại thứ hai, thông qua kênh bầu cử, tranh cử trúng Huyện, Thị trưởng, Nghị sỹ tỉnh, hoặc "Đại biểu Dân ý Trung ương", sau đó vì có cơ sở dân ý và xây dựng được thành tích chính trị, được chính quyền biết đến đề bạt. Đại biểu cho loại này nổi bật có:

Lâm Dương Cảng, Năm 1967 được bầu là Thanh niên kiệt xuất được Quốc dân đảng chú ý đến, năm sau đưa ra tranh cử Huyện trưởng, giành được thắng lợi ở huyện Nam Đầu. Năm 1972 thăng làm trưởng ty kiến thiết tỉnh Đài Loan, năm 1976 lại thăng làm Thị trưởng Đài Bắc. Năm 1978 là Chủ tịch Đài Loan, Năm 1979 trúng Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, sau làm "Phó Viện trưởng Hành chính", "Viện trưởng lập pháp". Khi làm "Thị trưởng Đài Bắc" Ông 48 tuổi. Vào Thường vụ Trung ương năm 51 tuổi.

Cao Dục Nhân. Tháng 2-1973, bầu cử địa phương khóa VII, Ông là ứng cử viên của Quốc dân đảng trúng cử Huyện trưởng Đài Nam. Năm 1979 làm Chủ nhiệm Ban Bí thư Trung ương Quốc dân đảng. Năm 1982 trúng cử "Nghị sỹ tỉnh". Tháng 2 năm 1984 vào Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng. Khi làm Chủ nhiệm Ban Bí thư Trung ương, Cao Dục Nhân 44 tuổi vào Thường vụ năm 49 tuổi.

Ngô Bá Hùng. Tháng 6-1968 ứng cử viên Quốc dân đảng, trúng cử Nghị sỹ tỉnh năm đó mới 29 tuổi. Năm 1972 lại thắng cử Huyện trưởng Đào Viên. Năm 1982 làm Chủ nhiệm Ban Bí thư Trung ương, năm 1984 làm "Viện trưởng Viện Hành chính", "Bộ trưởng Nội chính" kiêm ủy viên "Chủ nhiệm Ủy ban tuyển cử Trung ương". Tháng 3-1986 vào Thường vụ Trung ương năm 47 tuổi.

Ngoài ra còn có Trương Kiến Bang, được đặc cách đề bạt làm Thị trưởng Đài Bắc năm 45 tuổi, sau làm "Bộ trưởng Nội chính", "Ủy viên chính trị Viện Hành chính". Tiêu Thanh Toản, giữ chức Chủ nhiệm Ban xã hội Trung ương. Trần Kim Nhượng, nhà kinh doanh trẻ, được Quốc dân đảng mời dự tuyển trúng "Đại biểu Quốc hội", làm Chủ nhiệm Đảng bộ Đài Bắc, khi đó mới 39 tuổi.

Nhìn những nhân vật này chỉ tốt nghiệp Đại học hầu như không có ai học vị trên đại học. Vốn liếng chủ yếu là có cơ sở quần chúng, có kinh nghiệm ở cơ sở, nhất là được rèn luyện khi làm Viện trưởng hoặc nghị sỹ, khả năng ăn nói và ứng biến tốt.

Ở Đài Loan, những người gốc Đại Lục rất khó qua cầu dân ý, vậy mà bảy người này đều là người gốc Đại Lục.

Những người "áo vải" này với tư cách chính trị và tham vọng chính trị của họ, Quốc dân đảng không thể không sử dụng, nhưng cũng không thể không đề phòng. Vì vậy, trong số họ vào được Thường vụ không ít, nhưng người nắm thực quyền lại không nhiều. Ngoài một số rất ít, đa số chỉ lên đến một mức nào đó rồi dậm chân tại chỗ không tiến được nữa.

Loại thứ ba, quan chức cao cấp có học vị Tiến sỹ cộng với là con ông cháu cha. Những người nay thường có học vị Tiến sỹ ở các trường Đại học nổi tiếng ở Âu, Mỹ, lại có hoàn cảnh gia đình hiển hách. Sau khi về nước, tham gia chính quyền với tư cách là học giả, vừa trở về đã được bổ

nhiệm từ "Vụ trưởng" trở lên, thăng tiến nhanh chóng, nổi bật có:

Trần Phúc An, con Trần Thành. Tiến sỹ toán Đại học New York. Năm 1970 từ Mỹ trở về làm Hiệu trưởng chuyên khoa công nghiệp Minh Trí. Năm 1972 được Tưởng Kinh Quốc đặc cách đề bạt làm "Vụ trưởng Vụ Giáo dục kỹ thuật và nghiệp vụ Bộ Giáo dục". Năm 1977 thăng lên "Thứ Trưởng thường trực Bộ Giáo dục". Năm 1979 làm Chủ nhiệm Ban tổ chức Trung ương đảng. Sau làm "Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước (cấp Bộ)". Tháng 3-1980 được bầu vào Thường vụ. Ông làm "Vụ trưởng" khi 35 tuổi. Vào Thường vụ năm 49 tuổi.

Liên Chiến, con Liên Chân Đông, một Đảng viên lão thành của Quốc dân đảng, người gốc Đài Loan. Liên Chiến tốt nghiệp Tiến sỹ Chính trị trường Đại học Chicago, Mỹ. Năm 1969 về Đài Loan làm cố vấn của Đài Loan ở Liên hợp quốc, khi đó mới 33 tuổi. Năm 1975 làm "Đại sứ" tại Cộng hòa El Salvador. Năm 1976 về Đài Loan làm Chủ nhiệm Ban Thanh niên của Quốc dân đảng ở tuổi 40. Năm 1978 làm phó Bí thư Trung ương Quốc dân đảng kiêm Chủ nhiệm Ban phụ đạo thanh liên của "Viện Hành chính" (cấp Bộ). Năm 1980 làm "Bộ trưởng Giao thông", 1984 vào Thường vụ, khi đó 48 tuổi. Tháng 4 năm 1987 làm "Phó Viện trưởng Viện Hành chính".

Tống Sở Du, con Tống Đạt, trung tướng thị vệ của Tưởng Giới Thạch. Tiến sỹ chính trị Đại học Jackson. Về Đài Loan ít lâu làm thư ký tiếng Anh cho Tưởng Kinh Quốc, sau chuyển sang dạy học ở Đại học Đài Loan và Đại học sư phạm Đài Loan. Sau mới về làm "Phó cục trưởng Cục báo chí". Năm 1979 thăng chức "Cục trưởng", khi đó mới 37 tuổi. Năm 1984 làm Chủ nhiệm Ban văn hóa Trung ương Quốc dân đảng, năm đó 42 tuổi. Năm 1987 làm Phó Bí thư thứ nhất của Trung ương Quốc dân đảng, 45 tuổi.

Mã Anh Cửu, con Mã Hạc Lăng, Phó Chủ nhiệm Ban kiểm tra Trung ương Quốc dân đảng. Tiến sỹ luật Đại học Harvard Mỹ. Khi còn học ở Mỹ đã tích cực tham gia hoạt động "liên minh yêu nước chống Cộng" của Quốc dân đảng ở hải Ngoại, nhờ đó tích lũy được ít vốn liếng chính trị. Về Đài Loan được Tưởng Kinh Quốc tuyển ngay làm "Phó Cục trưởng Cục thứ nhất Phủ Tổng thống", kiêm phiên dịch viên tiếng Anh. Tháng 6 năm 1984, mới 34 tuổi đã làm "Phó Bí thư Trung ương Quốc dân đảng". Khi đó được coi là phá kỷ lục về sự đề bạt đặc cách, làm kinh động cả quan trường Đài Loan.

Những nhân vật này bản thân được học tập đầy đủ, lại có quan hệ dây mơ rễ má với hệ thống Quân, Chính, Đảng nên làm việc được dễ dàng, vừa dễ sáng tạo vừa dễ được các nguyên lão ủng hộ, tăng được hệ số thành công. Nhưng tính chất đặc biệt của họ cũng khiến mọi người bàn luận. Họ không qua bầu cử, cũng không qua rèn luyện ở cơ sở, từ trời xuống nắm ngay quyền lớn. Điều này phá vỡ chế độ của các quan văn bình thường, cũng làm nhụt đi sỹ khí của các nhân viên trong đơn vị cũ. Ở góc độ này mà nói, sự nhẹ bước thanh vân của họ phản ánh Quốc dân đảng vẫn giữ tình riêng về đặc quyền chính trị.

Loạt người này kết hợp với con em của các quan chức cao cấp làm thành một "binh đoàn con em". Đây chính là lực lượng chính thống của Quốc dân đảng chế ngự người Đài Loan trong tương lai.

Loại thứ tư. Học giả đơn thuần, so với loại trước có điểm chung là đều có học vị tiến sỹ, giáo sư, đều là các học giả tham gia chính trị. Điểm khác của là họ không có thế gia vọng tộc. Vì vậy họ là loại học giả đơn thuần. Những đại biểu nổi bật có:

Vương Duy Nông, Tiến sỹ vật lý ở Mỹ. Năm 1972 Trung ương Quốc dân đảng mới lập ra Ban Thanh niên, Ông được mời làm Chủ nhiệm kỳ đầu tiên, khi đó mới 36 tuổi. Năm 1976 giao lại chức Chủ nhiệm này cho Liên Chiến, xin về dạy Đại học.

Lâm Thanh Giang có bằng Tiến sỹ ở Anh. Năm 1976 được mời tham gia chính quyền, làm Chủ nhiệm Ban Hải ngoại Trung ương. Khi đó ông mới 36 tuổi. Nhưng ông không đủ sức kêu gọi Hoa kiều, chỉ làm được một năm ba tháng đã về dạy học ở Đại học sư phạm Đài Loan, sau làm Viện trưởng Học viện Sư phạm Cao Hùng, làm "Trưởng ty Giáo dục tỉnh".

Trần Thủy Phùng, Tiến sỹ khoa chính trị Đại học Chính trị, chuyên gia về vấn đề Nhật Bản. Năm 1968 hưởng ứng lời kêu gọi "Học giả tham gia chính trị". Ông bước vào hệ thống công tác Đảng. Đầu tiên làm Bí thư trưởng Đảng Bộ tỉnh Đài Loan, hai năm sau làm Chủ tịch Đảng bộ Đài Bắc. Năm 1976 làm Chủ nhiệm Văn phòng Bí thư Trung ương. Năm 1978 làm Phó Bí thư Trung ương, khi đó mới 45 tuổi.

Lý Chung Quế (nữ) Tiến sỹ Đại học Paris về Đài Loan dạy Đại học Đài Loan, Đại học chính trị. Năm 1966 được bầu làm một nữ thanh niên kiệt xuất. Năm 1969 trúng cử Ủy viên Trung ương, khi ấy bà mới 31 tuổi. Năm 1972 làm "Trưởng ban văn hóa quốc tế Bộ Giáo dục". Năm 1977 làm Chủ tịch Ban chấp hành Hội Văn hóa Thái Bình Dương, sau làm Phó Chủ nhiệm Ban thanh niên Trung ương Quốc dân đảng. Năm 1987 làm "Chủ nhiệm Đoàn Cứu quốc". Đồng thời kiêm Giáo sư Đại học chính trị. Khi làm "Chủ nhiệm Đoàn Cứu quốc", bà 69 tuổi.

Nhìn chung, nhóm người này có mấy đặc điểm sau:

1. Vì họ không dựa được vào đâu, nên muốn tiến trên con đường chính trị, họ phải thể hiện rõ tài năng gấp bội và năng lực công tác tốt. Khi tài không có chỗ dùng nữa, họ sẽ bị đào thải ngay như trường hợp Lâm Thanh Giang.

2. Những người này không có nguồn gốc sâu xa Quốc dân đảng, họ tham gia Chính quyền chẳng qua do nhiệt tình chính trị hoặc có khả năng lập công, vì vậy ở thời điểm đổi mới: khá hăng hái, ít quan tâm đến quan niệm bảo thủ và tác phong quan liêu hình thành trong lịch sử Quốc dân đảng. Loạt người này tương đối đông như Thi Khởi Dương, Lý Chung Quế, Lâm Thanh Giang, Tôn Chấn lúc đầu cũng nhờ lời phê phán Quốc dân đảng mới xuất đầu lộ diện. Nhưng khi họ phê phán thì rất gay gắt, phủ nhận sự thống nhất tính hợp pháp sự thống trị của Quốc dân đảng. Còn Quốc dân đảng không muốn vì nước sâu đuổi cá, vì rừng rậm đuổi chim, họ muốn sử dụng tài năng của họ, nên mới vơ lấy và đề bạt họ.

3. Nhờ hai điểm trên, những người này một bước thăng cao, có ấn tượng tốt với dân chúng. Còn như tiền đồ chính trị của họ ở trong Đảng, muốn chen vai với loại con ông cháu cha leo lên vị trí cao như Ủy viên Thường vụ thì chẳng khác gì đòi lông chim phượng, vẩy kỳ lân.

Những người này, ngoài công việc chính quyền, thường dạy tại các trường đại học. Đây là truyền thống của các nhân vật cao cấp trong Quốc dân đảng. Nhưng hiện tượng đó đối lớp người này phổ biến hơn, có lẽ họ vốn là học giả đơn thuần, không muốn mất đi chuyên môn của mình, hoặc không thấy có ô dù bảo đảm cho tương lai chính trị, vì thế càng coi trọng "bước lùi" dạy học này.

Bốn loại kể trên hoặc được bầu vào Thường vụ hoặc được coi trọng về chính trị, giới báo chí Đài Loan gọi họ là những "Ngôi sao ban ngày". Những tài năng trẻ ngoài họ ra còn rất nhiều, trong đó khẳng định có kẻ trội hơn, không thể kể hết. Ngay cả những người kể trên, có người về sau bất đắc chí, dần dần về ẩn cũng không ít.

Về khuynh hướng chính trị, dĩ nhiên họ không hoàn toàn đồng nhất, có người bảo thủ một chút, có người khai minh một chút, có người bảo thủ trước sau khai minh, có người vốn khai minh sau dần bảo thủ. Nhưng so với phe Bảo thủ của các bậc nguyên lão và đặc vụ trong Quốc dân đảng, họ có khuynh hướng dân chủ đổi mới hơn. Sự trỗi dạy của họ có ảnh hưởng sâu xa đối với phương hướng phát triển dân chủ hóa của Quốc dân đảng và cục diện chính trị Đài Loan. Do đó dư luận Đài Loan và hải ngoại phần đông đều cho rằng Tưởng Kinh Quốc đề bạt tài tài năng trẻ là thành tựu chủ yếu của đổi mới chính trị, họ đánh giá rất cao đối với tài năng trẻ. Bản thân hành động của Tưởng Kinh Quốc ở Đài Loan, có hai việc đáng được an ủi, một là có quan hệ sâu nặng với công chúng, hiểu nhau, tha thứ cho nhau, hai là bồi dưỡng được thanh niên ưu tú.

V. PHƯƠNG CHÂM "BẢN THỔ HÓA" VÀ CÔNG TRÌNH TRUYỀN MÁU CHO QUỐC HỘI

Tưởng Kinh Quốc hiểu rõ rằng, muốn tạo cho Quốc dân đảng một thế đứng vững vàng và lâu dài phải giải quyết mâu thuẫn địa phương gốc tộc đã tích lũy nhiều năm nay, tất phải mở của cho các nhân sỹ gốc Đài Loan tham gia vào các vị trí từ trung cấp trở lên trong hệ thống Quân, Chính, Đảng thu hút họ tham gia vào các quyết sách chính trị ở cấp cao. Chỉ có như vậy, Quốc dân đảng mới được dân chúng Đài Loan ủng hộ, đối phó với sự thách thức của các thế lực địa phương Đài Loan và các phần tử Đài độc.

Thời kỳ Tưởng Giới Thạch, cũng không chỉ một lần nhấn mạnh cần phá bỏ hàng rào gốc gác, đề bạt nhân sỹ gốc Đài Loan, nhưng trước sau vẫn chưa thành hiện thực. Trước khi Tưởng Kinh Quốc lập "Nội các", Thủ tướng trong tám Bộ, hai Ban của "Viện Hành chính" và các "Ủy viên chính trị" chỉ có ba vị người gốc Đài Loan là Liên Chấn Đông, Sái Bối Hỏa và Từ Khánh Chung.

Trong Thường vụ Quốc dân đảng từ thời kỳ "cải tạo" đến trước Trung ương 2 khóa VIII năm 1959, chỉ có một vị người gốc Đài Loan. Từ Trung ương 2 khóa VIII đến trước Trung ương 3 khóa X năm 1972, có hai vị. Trước năm 1972, Viện phó, Viện trưởng của năm viện Hành chính, Lập pháp, Giám sát, Tư pháp, Khảo thí và Chủ tịch tỉnh đều là người gốc Đại Lục. Tóm lại các chính khách gốc Đài Loan chỉ phát huy được ở địa phương, chứ còn ở cấp Trung ương chỉ được một vài người có tính chất tượng trưng mà thôi.

Năm 1972, sau khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Viện trưởng Hành chính", ông lập tức thực hiện phương châm bản thổ hóa, coi đó là một chính sách mới quan trọng. Ông đưa ra một danh sách "Nội các" của Chính phủ gồm nhiều người gốc Đài Loan, như Từ Khánh Chung làm "Phó Viện trưởng Hành chính", Lâm Kim Sinh làm "Bộ trưởng Nội chính", Cao Ngọc Thụ làm "Bộ trưởng Giao thông", trong các "Ủy viên chính trị" có Lý Đăng Huy, Liên Chấn Đông, Lý Liên Xuân là người gốc Đài Loan. Cùng năm này, người gốc Đài Loan như Lưu Khoát Tài được bầu làm "Phó Viện trưởng Viện Lập pháp", Đới Viêm Huy được bầu làm "Phó Viện trưởng Tư pháp", Tạ Đông Mân làm "Chủ tịch tỉnh Đài Loan". Năm 1973 Chu Bách Luyện, người gốc Đài Loan lại được bầu làm "Phó Viện trưởng Viện Giám sát".

Như trên đã nói, chỉ trong vòng hơn một năm, trừ "Bộ trưởng Nội chính", theo lệ cũ vẫn do người gốc Đài Loan đảm nhiệm, Quốc dân đảng đã mở rộng cửa cho người gốc Đài Loan vào các viện Hành chính, Lập pháp, Tư pháp, Giám sát làm các "Phó viện trưởng", "Bộ trưởng Giao thông", "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" và ba ghế "Ủy viên chính trị". Về sau, những vị trí này theo lệ vẫn do người gốc Đài Loan đảm nhiệm.

Năm 1978, Tưởng Kinh Quốc lại đề bạt Tạ Đông Mân làm "Phó Tổng thống", cũng từ đó về sau, vị trí này trở thành độc quyền của người gốc Đài Loan.

Năm 1984, Thi Khởi Dương, người gốc Đài Loan giữ chức "Bộ trưởng Pháp vụ". Thế là trong tám Bộ, hai Ban ở "Viện Hành chính", người gốc Đài Loan đã gánh vác 3 Bộ: Nội chính, Giao thông và Pháp vụ. Trong bảy "Ủy viên chính trị" có bốn người gốc Đài Loan là Cao Ngọc Thụ, Trương Phong Thụ, Quách Vi Phiên, Tiêu Thiên Toản.

Năm 1987, Hoàng Tôn Thu người gốc Đài Loan làm "Viện trưởng Giám sát", Lâm Dương Cảng làm "Viện trưởng Tư pháp", hai viện này trước đây do người gốc Đài Loan làm "Phó Viện trưởng", đến nay vẫn do người gốc Đài Loan nắm giữ.

Trong hệ thống Đảng, tháng 3 năm 1977, Trung ương 3 khóa X bầu Từ Khánh Chung vào Ban Thường vụ. Năm 1959 từ hai người, tăng thêm một người là ba. Năm 1975 sau khi Tưởng Kinh Quốc lên làm Chủ tịch Đảng, Ông đã tăng nhịp độ đưa người gốc Đài Loan vào Ban Thường vụ, tháng 11 năm 1976 Trung ương 1 khóa XI bầu thêm Lâm Kim Sinh, Sái Hồng Văn vào Thường vụ, tăng số người gốc Đài Loan lên thành năm người, tháng 12 năm 1979 Trung ương 2 khóa XII tăng thêm năm người gốc Đài Loan vào Thường vụ là Hứa Thủy Đức, Cao Dục Nhân, Trương Kiến Bang, Liên Chiến, Hoàng Tôn Thu. (Lâm Kim Sinh, Sái Hồng Văn ra khỏi Ban Thường vụ.

Từ Khánh Chung đã về hưu, chỗ khuyết do Cố Chấn Phủ đảm nhiệm), khiến cho người gốc Đài Loan tăng lên đến 12 người. Năm 1986 Trung ương 3 khóa XII lại bầu Ngô Bá Hùng, Thi Khởi Dương vào Thường vụ, người gốc Đài Loan tăng lên 14 người, chiếm 46% trong tổng số 31 người trong Ban Thường vụ.

Các cán bộ Trung ương Quốc dân đảng và Đảng bộ địa phương cũng liên tục có các tài năng trẻ người gốc Đài Loan phụ trách.

Đến trước khi Tưởng Kinh Quốc tạ thế, người gốc Đài Loan chiếm vị trí quan trọng có "Phó Tổng thống", "Viện trưởng Viện Giám sát", "Viện trưởng Viện Tư pháp", bốn "Phó Viện trưởng Hành chính, Tư pháp, Lập pháp, Giám sát, ba "Bộ trưởng", bốn "Ủy viên chính trị". "Chủ tịch tỉnh Đài Loan", Thị trưởng hai thành phố trực thuộc Cao Hùng và Đài Bắc, 78% thủ trưởng đơn vị chính quyền tỉnh 100% Huyện, Thị trưởng.

Trong Đảng có 14 Ủy viên Thường vụ Trung ương, một phó Bí thư Trung ương, hai trưởng ban, sáu phó ban, Chủ tịch Đảng Bộ Đài Loan, Cao Hùng và tuyệt đại đa số người phụ trách Đảng ở huyện, thị các địa phương đều là người gốc Đài Loan.

Sao khi Tưởng Kinh Quốc chết, Lý Đăng Huy tiếp nhận làm "Tổng thống" đánh dấu một bước nâng cao của người gốc Đài Loan tham gia chính quyền.

Thực hiện phương châm "bản thổ hóa" khiến cho Quốc dân đảng được một loạt nhân tài chính trị gốc Đài Loan hợp tác, cũng khiến cho nhiều thanh niên gốc Đài Loan thấy được tương lai và hy vọng, tuy nhiên người thực sự thành đạt thực hiện được nguyện vọng của mình, vẫn là số ít. Nhưng, những người tự đánh giá mình quá cao, muốn thử sức, không phải là ít, vì vậy cơ sở thống trị của Quốc dân đảng nhờ đó được củng cố.

Nhưng, phương châm bản thổ hóa được thể hiện trong sắp xếp nhân sự còn cách xa mục tiêu xóa hẳn mâu thuẫn về gốc gác. Trọng tâm của chính quyền Quốc dân đảng là hệ thống quân đội và đặc vụ. Hai hệ thống này vẫn do người gốc Đại Lục và con em họ thuộc thế hệ thứ hai nắm giữ. Trong Ban Thường vụ của trung khu quyết sách, tuy tỷ lệ người gốc Đài Loan ngày càng cao, nhưng người thực sự có quyền phát ngôn vẫn là các cụ từ Đại Lục ra. Các ban bộ trong "Viện Hành chính" thì các "Bộ trưởng" chủ yếu như Bộ Quốc phòng, Ngoại giao, Kinh tế, Tài chính vẫn là các nhân sỹ Đại Lục đảm nhiệm. Mặt khác, một số chức vụ trở thành độc quyền của người gốc Đài Loan về chính trị cố nhiên có sức kêu gọi người Đài Loan, nhưng lấy tập quán làm tiêu chuẩn chọn cán bộ rõ ràng là vi phạm nguyên tắc "bình đẳng công minh" trong chế độ nhân sự, khiến cho con em thuộc thế hệ sau cảm thấy xa cách và lạc lõng, nhất là con em ngoài tỉnh (Đài Loan) không có ô dù ở trên, trong quá trình lập nghiệp họ bị các nhà doanh nghiệp gốc Đài Loan phân biệt đối xử, về mặt chính trị, lại không sánh được với con ông cháu cha gốc ngoài tỉnh, vì vậy thường ra nước ngoài lập nghiệp có người lao vào xã hội đen kiếm sống. Như vậy khoảng cách giữa người gốc Đại Lục và người gốc Đài Loan vẫn chưa được hàn gắn, lại thêm lòng oán hận của thế hệ thứ hai người gốc tỉnh ngoài đối với người gốc Đài Loan.

Hai vấn đề trên cần có biện pháp giải quyết, nhưng không thể gỡ được nút thắt về chính trị, đó là bầu cử "Đại biểu Dân ý Trung ương", đó là trở ngại lớn nhất trong phương châm "bản thổ hóa".

Chính quyền Đài Loan muốn giữ hệ thống pháp luật "đại biểu toàn Trung Quốc", họ xuyên tạc "Hiến pháp" thực hiện "chế độ suốt đời" làm "Đại biểu Dân ý Trung ương". Ở đây nảy sinh một vấn đề là Quốc dân đảng thực tế chỉ thống trị khu vực Đài Loan, nhưng Đại biểu Dân ý được công chúng Đài Loan bầu trong "Bộ máy Dân ý Trung ương" lại chiếm thiểu số và họ cũng hết nhiệm kỳ từ lâu. Từ năm 1949 đến nay chính khách Đài Loan không có cách gì vào "Bộ máy Dân ý Trung ương", mà phải dựa vào những người già khọm từ Đại Lục để làm đại biểu dân chúng thi hành các quyền dân chủ, như lập pháp, quyền giám sát… thật quá bất hợp lý. Các phần tử "Đài độc", thế lực địa phương Đài Loan và phe đối lập đều nắm cái chuôi đó để hành động, chửi bới. Những người gốc Đài Loan thân Quốc dân đảng cũng theo mọi kênh, đòi chính

quyền giải quyết vấn đề này.

Trong thời gian 20 năm, Quốc dân đảng vẫn lấy cớ "thời chiến" để bưng bít chuyện đó, chỉ mong "Phản công Đại Lục" thắng lợi là bầu cử lại, nhưng vấn đề này đâu có dễ. Nhưng năm tháng qua đi, hy vọng phản công ngày càng xa vời, Quốc dân đảng lờ đi mãi cũng không được. Vì chính quyền không có cơ sở dân ý, làn sóng nghi ngờ tính hợp pháp của chính quyền ngày cũng càng dâng cao. Nhất là sau khi Tưởng Kinh Quốc đề ra phương châm bản thổ hóa, các bộ ngành, Đảng, chính quyền đã đề bạt hàng loạt "Tinh anh Đài Loan". "Bộ máy Dân ý Trung ương" càng không có lý do để đóng của mãi.

20 năm nay, Quốc dân đảng ngừng bầu "Đại biểu Dân ý Trung ương", dĩ nhiên do mâu thuẫn giữa cái mà họ gọi là đại biểu toàn quốc, nhưng không có cách gì để tiến hành bầu cử ở Đại Lục, mặt khác cũng muốn củng cố sự chuyên chính một Đảng vì kéo dài mãi nhiệm kỳ "Đại biểu Dân ý Trung ương", cũng có nghĩa là kéo dài tuổi thọ của bộ máy bỏ phiếu cho Quốc dân đảng, để họ có thể tùy ý thông qua các "pháp lệnh". Nhưng nhiệm kỳ có thể kéo dài, tuổi thọ của người lại có hạn, 20 năm qua những đại biểu chết đi không nói làm gì, những đại biểu còn sống cũng đầu bạc răng long cả, tần số thông tin ngày càng nhanh, nếu những vị "quốc túy" này tàn tạ cả, hệ thống pháp luật của Quốc dân đảng coi như xong đời. Điều này bắt buộc Đài loan không thể mở cửa "Bộ máy Dân ý Trung ương", để thay máu mới.

Do đó, năm 1969 khi Tưởng Kinh Quốc lên làm "Phó Viện trưởng Hành chính", Quốc dân đảng bắt đầu công trình truyền máu cho "Quốc hội". Công việc này chứng tỏ chính sách mới của Tưởng Kinh Quốc đưa ra phương châm bản thổ hóa là thực sự thành tâm, cũng là tạm thời giải quyết cuộc khủng hoảng trong hệ thống luật pháp do sự già nua tàn tạ gây ra.

Phương pháp "truyền máu" khi đó nghĩ ra vẫn nằm trong quỹ đạo của "Hiến pháp", nghĩa là theo "Hiến pháp" quy định "tăng số" và "bổ sung". Cái gọi là "tăng số" nghĩa là định mức số đại biểu theo số nhân khẩu tăng lên. "Hiến pháp" quy định cứ tăng 500 nghìn nhân khẩu, được tăng một "Đại biểu Quốc hội" cứ tăng một triệu nhân khẩu, được tăng một "Ủy viên Lập pháp". "Ủy viên Giám sát" mỗi tỉnh năm người, thành phố trực thuộc hai người. Cho nên muốn tăng số "Ủy viên Giám sát" chỉ có thể tăng thêm tỉnh hoặc thành phố trực thuộc. Cái gọi là "bổ sung" chỉ hạn chế trong "Đại biểu Quốc hội", vì theo sự xuyên tạc của Quốc dân đảng, chế độ suốt đời của "Đại biểu Quốc hội" là làm đại biểu đến chết, nên đại biểu dự khuyết cũng dự khuyết suốt đời. Một đại biểu chính thức nào đó chết đi mới được bổ sung người mới. Còn chế độ suốt đời đối với các "Ủy viên Lập pháp và Giám sát" khi đã hết nhiệm kỳ, nhưng trong tình hình đặc biệt, vẫn có thể kéo dài nhiệm kỳ vô thời hạn, ai chết cũng không người thay thế, nên chỉ có bầu "tăng thêm" chứ không có bầu "bổ sung". Theo lô-gic đó, người được "bổ sung" chẳng qua là bổ sung vào nhiệm kỳ của "Đại biểu Quốc hội" già chết, cho nên vẫn là chế độ suốt đời. Con người "tăng thêm" thực tế không phải là "Ủy viên Lập pháp, Giám sát" khóa đầu tiên, không thể kéo dài vô hạn, cho nên mãn nhiệm kỳ là phải ra. Nhiệm kỳ của "Ủy viên Lập pháp" là ba năm, của "Đại biểu Quốc hội" tăng thêm và "Ủy viên Giám sát" tăng thêm là sáu năm.

Bất kể là "tăng thêm" hay "bổ sung" đều chỉ dựa vào nhân khẩu ở khu vực Đài Loan mà suy ra. Số người tính ra tất nhiên là quá ít, tháng 10 năm 1969, chính quyền Đài Loan tuyên bố bổ sung 15 vị "Đại biểu Quốc hội", tăng 11 vị "Ủy viên Lập pháp", vì Quốc dân đảng mới đặt thành phố Đài Bắc trực thuộc, nên tăng thêm hai vị "Ủy viên Giám sát", tổng cộng 28 vị. Trong hai mươi tám vị này, chỉ có "Đại biểu Quốc hội" được hưởng chế độ suốt đời, nhưng ai đồng thời trúng cử sẽ được hưởng cả hai đãi ngộ, thật khó san đều, nên Quốc dân đảng tuyên bố tất cả 28 vị đều được hưởng chế độ suốt đời.

Lần truyền máu này, một là "máu mới" vào ít quá không giải quyết được gì lại không thỏa mãn được nguyện vọng của nhân sỹ Đài Loan đòi vào "Bộ máy Dân ý Trung ương", chưa thực hiện được mấy lời hứa chính trị về "bản thổ hóa". Hai là "máu mới" vẫn hưởng chế độ suốt đời, cũng lại vi phạm yêu cầu tối thiểu của Hiến pháp dân chủ, lại làm cớ cho phe đối lập công kích. Nhưng vì "Hiến pháp" quy định chặt chẽ mức "Đại biểu Dân ý Trung ương", khiến cho chính

quyền Đài Loan không thể tùy ý tăng thêm, những vướng mắc trên đây không thể khắc phục một cách cơ bản được.

Vì vậy, chính quyền Đài Loan quyết định một lần nữa "sửa đổi" Hiến pháp theo phương thức "không sửa đổi", nghĩa là lợi dụng "Điều khoản lâm thời trong giai đoạn động viên thời chiến" để đạt mục đích thoát khỏi ràng buộc của "Hiến pháp". Sau một thời gian chuẩn bị và mặc cả với nhau, cuối cùng ngày 2 tháng 3 năm 1972 "Quốc hội" lần thứ 5 khóa I được triệu tập để thông qua nghị quyết thêm một điều trong "Điều khoản lâm thời" đó là: Giai đoạn động viên thời chiến, Tổng thống được theo quy định sau: Đưa ra các biện pháp bổ sung bộ máy "Đại biểu Dân ý Trung ương", không bị hạn chế bởi các điều 26, điều 64, điều 91. Căn cứ vào đó Tưởng Giới Thạch tuyên bố tăng nhiều hạn mức dân ý Trung ương trong khu vực Đài Loan. Tuyên bố này đưa ra vào tháng 6 năm 1972 tức là tháng Tưởng Kinh Quốc lên làm "Viện trưởng Hành chính". "Đại biểu Quốc hội" tăng 53 người, "Ủy viên Lập pháp" tăng 51 người, "Ủy viên Giám sát" tăng 15 người, tổng cộng 119 người. Đồng thời, xét người bổ sung được hưởng chế độ suốt đời, còn người tăng thêm không được hưởng, có nghĩa là mâu thuẫn giữa người và chế độ, nên từ đó trở đi ngừng không bổ sung, chỉ tăng thêm. Từ sau 1972, các "Đại biểu Dân ý Trung ương" ở khu vực Đài Loan cứ hết nhiệm kỳ lại bầu lại.

Muốn cho số "Đại biểu tăng thêm" chiếm đa số, Quốc dân đảng nghĩ ra phương pháp "lân tuyển". Có nghĩa là quy định trong "Điều khoản lâm thời động viên thời chiến", "Ủy viên Lập pháp và Giám sát" do kiều bào bầu, thực tế không thể tham gia bầu cử được. "Tổng thống" có thể lân tuyển. Chung quanh điều khoản này có nhiều tranh cãi gay gắt. Một nhóm khá lớn đại biểu cho rằng trong "Hiến pháp" không có chữ lân tuyển. Lân tuyển là nói phe phái, là hệ thống hành chính thọc tay vào hệ thống dân ý, hoàn toàn vi phạm nguyên tắc Ngũ quyền phân lập. Nếu "Ủy viên Giám sát" có quyền "hỏi tội Tổng thống", nhưng "Tổng thống" lại lân tuyển "Ủy viên Giám sát" thế thì làm sao sử dụng quyền đó. Nhưng Quốc dân đảng dàn xếp một hồi, cuối cùng "Đại biểu Quốc hội" vẫn thông qua điều khoản này. Thế là năm 1972, định mức lân tuyển "Ủy viên Lập pháp" là 16 người, "Ủy viên Giám sát" năm người.

Ngoài mức lân tuyển, Quốc dân đảng còn tách trong số ghế cho đoàn thể chức nghiệp và phụ nữ. Bề ngoài có vẻ chiếu cố tính chất đại biểu các mặt, thực chất các đoàn thể chức nghiệp và phụ nữ đều do Quốc dân đảng nắm cả. Đưa ra định mức này, có nghĩa là Quốc dân đảng giữ được quyền ưu tiên.

Trước khi bầu tăng thêm, Quốc dân đảng đề nghị các đại biểu được bầu là đại biểu "khóa sau", để các đại biểu suốt đời "giống như khóa sau", nhưng bị các đại biểu mới được bầu nhất loạt phản đối. Vì đại biểu suốt đời sở dĩ được hưởng chế độ suốt đời là do ở chữ "khóa sau", tức là lợi dụng điều trong "Hiến pháp" quy định nhiệm kỳ đến khi triệu tập đại hội khóa sau", nếu khóa sau không triệu tập, họ sẽ vĩnh viễn tại nhiệm. Hơn nữa lần này tăng thêm 119 vị, không được 1/10 số đại biểu suốt đời. Hơn nữa số "Đại biểu tăng thêm" chỉ đại diện cho khu vực Đài Loan hoặc kiều bào hải ngoại, còn đại biểu suốt đời là đại biểu toàn Trung Quốc. Nếu cho họ giống như khóa sau, có nghĩa là số đông phải theo số ít, lớn phải theo thiểu số thật là khó thông. Đúng như các nhà luật học Đài Loan đã nói: Họ không muốn "cùng Tiến sỹ xuất thân, mà muốn ở nguyên chính vị". Các vị đại biểu suốt đời này nêu ra cần tăng thêm số đại biểu cho đủ "bằng đại biểu khóa đầu tiên, chứ không để lại đại biểu khóa đầu "phụ thuộc" vào "Đại biểu tăng thêm". Vì đại biểu suốt đời là phe "pháp thống" của Quốc dân đảng, bắt họ "giống như khóa sau" rõ ràng là có tổn thương đến "pháp thống", cho nên Quốc dân đảng cuối cùng phải đồng ý không nhắc gì đến "khóa sau" nữa. Như vậy "Bộ máy Dân ý Trung ương" của Đài Loan hiện nay vẫn là khóa đầu.

Lần tăng thêm năm 1972, tổng số 119 người, lân tuyển 21 người, còn lại 98 người (kể cả số đoàn thể chức nghiệp và phụ nữ) sẽ do Quốc dân đảng và ngoài Đảng tranh cử, kết quả Quốc dân đảng trúng 82 người, nhân sỹ ngoài Đảng 16 người. Trong đó, một số thân Quốc dân đảng hoặc trung lập tuyệt đối. Thực sự thuộc phe đối lập chỉ có năm người.

Tháng 6 năm 1980, Quốc dân đảng lại mở rộng thêm "Đại biểu Dân ý Trung ương", "Đại biểu Quốc hội" tăng đến 76 ghế, "Ủy viên Lập pháp" tăng đến 97 ghế, "Ủy viên Giám sát" tăng đến 32 ghế, tổng cộng 205 vị. Vì "Ủy viên Giám sát" do các vị Nghị sỹ tỉnh bầu gián tiếp, chứ không phải dân bầu trực tiếp. Trong số "Ủy viên Lập pháp" phải trừ đi số lân tuyển, nên "Đại biểu Quốc hội" và "Ủy viên Lập pháp" thực sự do dân bầu chỉ có khoảng 150 ghế. Trong số 205 ghế, thế lực ngoài Đảng được 13 ghế chiếm 5%, còn lại đều do Quốc dân đảng nắm giữ.

Kết quả hai lần bầu cử này chứng tỏ, cái gọi là phương châm "bản thổ hóa", không đơn thuần chỉ để người gốc Đài Loan tham gia chính quyền, mà còn để người của Quốc dân đảng tham dự. Không những hệ thống Đảng, Chính, Quân, "tinh anh Đài Loan" không phải Đảng viên Quốc dân đảng, đừng hòng lọt vào, mà ngay cả "Đại biểu Dân ý Trung ương" được mở cửa cho dân bầu tăng thêm, ứng cử viên thuộc Quốc dân đảng cũng chiếm tuyệt đại đa số.

Nhưng về mặt khách quan, mở cửa "Bộ máy Dân ý Trung ương", cũng là dịp cho dân chọn lựa và để cho nhân sỹ phe đối lập có đường tham gia chính trị. Số ghế nghị sỹ của ngoài Đảng có chiều hướng tăng, điều này buộc Quốc dân đảng phải chuyển phương thức thống trị từ "độc đoán" sang "cạnh tranh".

Sau khi bầu bán, "Bộ máy Dân ý Trung ương" của Đài Loan trở thành một "Quốc hội quái thai" có một không hai trên thế giới. Về nghị sỹ, có người không bầu cũng thành; có người được bầu thêm vào; có người được chọn (lân tuyển); có người trúng cử. Về nhiệm kỳ, có người được hưởng chế độ suốt đời; có người phải theo nhiệm kỳ. Về tư cách, có Đại biểu Dân ý; có đại biểu đoàn thể chức nghiệp và phụ nữ; có đại biểu được chọn làm đại biểu Hoa kiều. Người ta gọi "Quốc hội" này là "nồi cơm có ba loại gạo". Trong những đại biểu này, nhưng đại biểu khóa I được bầu năm 1948 và 28 vị đại biểu được bầu thêm năm 1969 hưởng chế độ suốt đời gọi là "Đại biểu thâm niên". Còn đại biểu bầu sau năm 1972 gọi là "Đại biểu tăng thêm", hết nhiệm kỳ phải bầu lại.

"Đại biểu tăng thêm" có ba ưu thế lớn so với "Đại biểu thâm niên": (1) do bầu cử, nên danh chính ngôn thuận; (2) thực sự có năng lực đầy đủ; (3) hầu hết được học hành tử tế; tố chất chính trị cao. "Đại biểu thâm niên" cũng có ba ưu thế lớn so với "Đại biểu tăng thêm"; (1) người đông thế mạnh, nếu có gì ép thông qua, bao giờ họ cũng chiếm đa số; (2) nhiệm kỳ suốt đời, nên hành động và nói năng đều không phải giữ ý tứ; (3) Kinh nghiệm phong phú, trong biện luận họ luôn tóm được sơ hở của đối phương, chuyển bại thành thắng. Nói chung, bàn chuyện chính trị, "Đại biểu tăng thêm" tương đối mạnh dạn, quan niệm tương đối mới. Vì thế, số người này tuy ít, nhưng sắc nhọn mạnh mẽ. Cuối cùng khi bỏ phiếu, các "Đại biểu thâm niên", chiếm tuyệt đại đa số, vẫn giành phần thắng.

Trong số "Đại biểu tăng thêm", tỷ lệ nhân sỹ ngoài Đảng tranh cử với Quốc dân đảng ngày càng tăng. Họ đều là những phần tử trung kiên trong phe đối lập. Họ thay thế vị trí các phần tử khai minh của phái CC, trở thành lực lượng chống đối trong "Viện Lập pháp". Đứng trước sự đe dọa của ngoài Đảng, Các "Đại biểu thâm niên", không phân biệt phe phái đều có chung một tình cảm "thân thuộc lo chung tai họa". Các "Ủy viên Lập pháp" khai minh thuộc phái CC ngày trước, khẳng khái, hiên ngang, nghị luận chính sự đến thế, mà nay, hoặc đứng trên lập trường Quốc dân đảng, biện hộ các chính sách của chính quyền hoặc giữ thái độ lặng thinh.

Tuyệt đại đa số "Đại biểu tăng thêm", lại do Quốc dân đảng đưa lên, họ đứng về phía Quốc dân đảng trợ chiến cho các "Đại biểu thâm niên", hình thành nên một thế lực đa số áp đảo phe đối lập. Nhưng, các "Đại biểu tăng thêm" về mọi phương diện tuổi tác, học lực, hoàn cảnh trưởng thành, đều khác các "Đại biểu thâm niên", họ không phục tùng các quy tắc bài vở và lý luận cũ rích của các "Đại biểu thâm niên", càng không thích "Đại biểu thâm niên" nắm giữ "Quốc hội". Do đó tự nhiên hình thành "ý thức cùng lứa", vô tình hay hữu ý đều coi "Đại biểu thâm niên" là "nhóm khác". Tâm lý đó phản ánh sự đối lập giữa cũ và mới trong Quốc dân đảng. Muốn tranh hơn với các "Đại biểu thâm niên", "Đại biểu tăng thêm" là Đảng viên Quốc dân đảng đã bất chấp cả sự cảnh cáo của Trung ương, tháng 3 năm 1981, họ thành lập tổ chức có tính chất kết

nghĩa gọi là "Hội hỗ trợ Ủy viên Lập pháp" có 54 "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên Quốc dân đảng tham gia. Ngày 5 tháng 5 năm đó, tổ chức này mở tiệc lần thứ ba, do người của Công ty Hàng không Trung Hoa chủ chi. Khi đó có một khoản dự toán không chính đáng của công ty này đang bị "Viện Lập pháp" thẩm tra, nên bữa tiệc đó bị các "Đại biểu thâm niên" chỉ trích là "bữa tiệc không danh dự" (ý nói hối lộ). Trung ương Quốc dân đảng cũng nhân dịp này ra nghiêm lệnh giải tán hội, đề phòng tổ chức này phát triển phá hoại đoàn kết nội bộ Đảng. Nhưng tuy hoạt động của hội bị cấm, vẫn tồn tại một rãnh sâu giữa "Đại biểu tăng thêm" trong Đảng và "Đại biểu thâm niên". Nhất là những năm gần đây, "Đại biểu thâm niên" ngày càng ra đi nhiều, vị trí "Đại biểu tăng thêm" ngày càng cao, hơn nữa quá trình dân chủ hóa đang tăng nhanh, "Đại biểu tăng thêm" trong Đảng gồm các nhà tri thức có học vấn cao tổ chức thành phe. Đổi mới trong Đảng. Họ một mặt liên kết với "Đại biểu thâm niên" chống lại phe đối lập Ngoài Đảng, mặt khác họ lại phê bình gay gắt các việc làm của chính quyền, lớn tiếng đòi cải cách, thậm trí trên một số vấn đề hát cùng giọng điệu với "Đại biểu tăng thêm" ngoài Đảng. Dưới mắt họ, "Đại biểu thâm niên" đã trở thành một gánh nặng cần vứt bỏ càng sớm càng tốt. Còn "Đại biểu thâm niên" cảm thấy tự ái, nghi ngờ thậm trí đối địch với "Đại biểu tăng thêm". Họ vì tuổi cao sức yếu, rất nhiều người đã không thể đi dự họp, những người đi dự họp được cũng khó chịu đựng nổi những biện luận gay gắt và những điều chất vấn. Càng như vậy họ càng sợ người ta coi thường, càng kết lại với nhau thành một khối, lấy đa số im lặng để dành thắng lợi.

Đối với Quốc dân đảng, "Đại biểu thâm niên" và "Đại biểu tăng thêm" đều lợi dụng được. Loại trước thuộc pháp thống của Trung Hoa Dân Quốc, chứng tỏ chính quyền Đài Loan là "Chính phủ Trung ương" của toàn Trung Quốc. Loại sau là tượng trưng cho "bản thổ hóa", chứng tỏ Quốc dân đảng thống trị được sự ủng hộ của dân chúng Đài Loan, cả hai loại đại biểu này không thể thiếu được loại nào.

Phân tích từ góc độ này, mâu thuẫn giữa hai loại đại biểu, thực tế phản ánh vết thương chí mạng của thể chế chính quyền Đài Loan, tức là mâu thuẫn giữa pháp thống của "Chính phủ Trung ương" và phương châm "bản thổ hóa".

Muốn duy trì pháp thống, Quốc dân đảng phải để số ghế trong "Bộ máy Dân ý Trung ương" do các đại biểu từ Đại Lục ra chiếm đa số. Nếu đại biểu do dân Đài Loan bầu chiếm đa số thì "Quốc hội" lại không thể gọi là Quốc hội Trung ương, lại trùng với "Nghị viện tỉnh Đài Loan".

Trong hệ thống Đảng, Chính quyền, tỷ lệ người gốc Đài Loan không ngừng tăng nhưng cho đến nay vẫn chưa vượt người gốc Đại Lục, một trong những nguyên nhân cũng ở chỗ nếu tỷ lệ người gốc Đài Loan quá cao, "Chính phủ Trung ương" sẽ trở thành Chính phủ địa phương. Quốc dân đảng Trung Quốc sẽ phải đổi là Quốc dân đảng Đài Loan.

Bởi vậy, Tưởng Kinh Quốc rơi vào tình trạng khó xử, buộc phải giữ người tỷ lệ người gốc Đại Lục trội hơn người gốc Đài Loan, ngược với hướng chỉ đạo phương châm "bản thổ hóa". Hơn nữa người gốc Đài Loan không thỏa mãn với số ghế họ giành được, nhượng bộ của Quốc dân đảng càng kích thích lòng ham muốn tham gia chính trị của họ, trong hệ thống quyền lực, nơi nào người Đại Lục còn chiếm đa số, người gốc Đài Loan còn dọa ầm lên phương châm "bản thổ hóa" chẳng qua chỉ là một trò bịp.

Trong hệ thống Đảng, chính quyền, Tưởng Kinh Quốc vẫn có thể phân phối đều quyền lợi giữa người gốc đảo và người các tỉnh ở thế hệ thứ hai tìm được sự thỏa hiệp giữa hai bên, thể hiện tính toàn quốc và tính bản thổ hóa. Trước khi thống nhất tổ quốc, chính quyền Đài Loan rất có thể dựa vào mô hình dối mình, dối người như vậy để cố đứng thêm.

Nhưng vấn đề "Bộ máy Dân ý Trung ương", mô hình này không thông. Nói cách khác, không thể dối người được, vì Đại biểu Dân ý chỉ có thể dân bầu, cũng chỉ có thể đại biểu cử tri ở địa phương, đã là do khu vực Đài loan bầu ra, bất kể gốc gác ở đâu, ngôn ngữ nào, đều chỉ có thể đại biểu cho dân ý Đài Loan, chứ không thể đại biểu cho tỉnh khác.

“Đại biểu tăng thêm” của ngoài Đảng và Quốc dân đảng không chỉ một lần nêu chủ trương bầu lại toàn bộ “Quốc hội”. Nếu thật sự bầu lại, toàn bộ Đại biểu Dân ý sẽ đều do cử tri Đài Loan bầu ra. Như vậy cố nhiên là dân chủ rồi, cũng triệt để thực hiện được bản thổ hóa. Nhưng “Bộ máy Dân ý Trung ương” cũng sẽ trở thành bộ máy dân ý Đài Loan. “Pháp thống” sẽ không tồn tại. Cho nên Quốc dân đảng nghĩ mãi, cuối cùng vẫn phải từ chối “bầu lại toàn bộ”, tiếp tục giữ “Đại biểu thâm niên” và mức “Đại biểu tăng thêm” vẫn giữ mãi con số 205 ghế của năm 1980, vẫn chiếm thiểu số trong “Quốc hội”. Nhưng “Đại biểu thâm niên” không do dân Đài Loan bầu lại đại biểu ý dân Đài Loan, điều này thật là trò cười đối với bản thổ hóa, hơn nữa “Đại biểu thâm niên” ngày càng qua đời nhiều, tương lai rồi đến ngày “Đại biểu tăng thêm” sẽ chiếm đa số. Quốc dân đảng nếu muốn bổ sung chỗ trống của các “Đại biểu thâm niên”, mà lại do dân Đài Loan bầu, chẳng khác nào là không bổ sung, vì cử tri Đài Loan chỉ có thể bầu đại biểu tỉnh Đài Loan. Nếu chính quyền chỉ định hoặc lân tuyển đại biểu các tỉnh thì sao? Một là không thể đại diện cho dân ý các cấp, hai là cũng không đại diện cho dân ý Đài Loan, điều này lại càng khó thuyết phục, đây vấn đề gây trở ngại lớn nhất trong việc Tưởng Kinh Quốc đi sâu vào đổi mới.

15. NGOÀI ĐẢNG VÙNG LÊN

I. TẠP CHÍ ĐẠI HỌC VÀ PHONG TRÀO VƯỜN TRƯỜNG

Qua 10 năm của thời kỳ "chính trị đóng băng", lặng lẽ hình thành một thế hệ mới các nhà trí thức Đài Loan. Từ lâu họ đã tích tụ sự bất bình mạnh mẽ đối với hiện thực và sẵn có ý thức tham gia chính trị rất bức thiết. Chính sách mới của Tưởng Kinh Quốc và những thất bại về ngoại giao của chính quyền Đài Loan ở thập kỷ 1970, từ hai phía trong ngoài đã kích thích dũng khí đấu tranh chính trị trong tầng lớp trí thức này. Họ lập lại trận địa chính trị, phê phán chính quyền, bắt đầu đưa ra những chính kiến có tính chất tập thể.

Trong thời kỳ đầu chủ trương "đề bạt tài năng trẻ" của Tưởng Kinh Quốc, với tư cách là bạn của thanh niên, một dạo ông đã nâng và cổ vũ thanh niên quan tâm đến chính trị, tham gia việc nước. Chính ông là Chủ nhệm báo Cứu Quốc, đã nhiều lần hội kiến với học giả là thanh niên và các phần tử hăng hái trong sinh viên đại học, lắng nghe ý kiến của họ.

Tiếp thu ý kiến của Tưởng Kinh Quốc, Bí thư trường Trung ương Đảng Trương Bảo Thụ trong tháng 10 năm 1970 đã hai lần triệu tập thanh niên bàn "việc nước" ở đảng bộ Trung ương. Trương Bảo Thụ động viên mọi người muốn gì cứ nói và biểu thị, 20 năm nay chưa bao giờ có cuộc tọa đàm thoải mái như thế ở Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, hơn nữa các thành viên đến dự, nhiều người lại không phải là Đảng viên, đủ chứng tỏ thiện ý của Quốc dân đảng muốn lắng nghe mọi ý kiến…

Những người tham dự, trước kia đã nhiều lần muốn thử sức, nghe Trương Bảo Thụ nói, càng vững dạ do đó dồn dập phát biểu ý kiến phê phán gay gắt Quốc dân đảng là đã áp dụng biện pháp ngoại giao cứng nhắc và các tệ tham nhũng trong nội chính.

Trong hội nghị, Hội trưởng thương hội thanh niên thành phố Đài Bắc là Trương Thiệu Văn đề xuất xin chính quyền triệu tập hội nghị "việc nước" của thanh niên để động viên các thanh niên ưu tú, quán triệt sự đổi mới chính trị đồng thời ra một tờ Liên hợp báo thanh niên trong ngoài nước. Trương Bảo Thụ đề nghị những người dự họp chuẩn bị cho tờ báo Thanh niên Trung Quốc, để làm trận địa dư luận chính trị của thanh niên và làm trung tâm đoàn kết trong ngoài nước. Nhưng, những người dự họp cho rằng cuộc tọa đàm này do đảng bộ Quốc dân đảng triệu tập. Nếu cho ra đời một tờ tạp chí xuất phát từ đây thì tờ tạp chí sẽ nhiễm màu sắc của Quốc dân đảng, là mất đi hương vị độc lập của thanh niên trí thức tham gia đấu tranh chính trị, nên đã nói khéo để từ chối đề nghị của Trương Bảo Thụ.

Sau cuộc tọa đàm lần này, nhóm trí thức khẩn trương liên hệ và thảo luận, cuối cùng quyết định tập thể tham gia biên tập tờ Tạp chí Đại học, đưa tờ Tạp chí Đại học tầm thường không có tiếng tăm gì thành tạp chí có tính chất chính trị, trở thành quảng trường ngôn luận và trận địa trung tâm của thanh niên trí thức. Quyết định này cũng được Quốc dân đảng tán thành.

Ngày 15 tháng 12, Tưởng Kinh Quốc nói chuyện tại hội nghị nghiên cứu âm nhạc cho thanh niên của "Đoàn Cứu quốc", ông nói: "Hiện nay có rất nhiều thanh niên học sinh bình thường chẳng thắc mắc chuyện gì cả, thấy vấn đề gì cũng không phát biểu ý kiến, đến khi có người hỏi, cũng không muốn nói hết những điều nghĩ trong bụng, đây là hiện tượng không tốt vì thanh niên phải có lòng hăng hái, nên thẳng thắn bộc bạch mọi điều." Tưởng Kinh Quốc cũng than phiền và không thấy có tiếng hát của thanh niên.

Tưởng Kinh Quốc yêu cầu: Từ nay về sau nhất định phải để cho thanh niên nói nhiều, phát biểu nhiều ý kiến, phải tạo điều kiện cho thanh niên, bất cứ vấn đề gì cũng phải để thanh niên thảo luận kỹ và tranh luận về nhiều mặt.

Ngày 17, tờ Trung Hoa nhật báo và Liên hợp báo của Đài Loan đều đăng xã luận, hoan nghênh

đề xướng của Tưởng Kinh Quốc: "Nắm bắt đúng tình hình hiện nay có giá trị rất cao", thổi phồng "giấc mộng thời đại" của thanh niên. Xã luận Liên hợp báo chỉ rõ: "Hoặc giả có người khuyến khích thanh niên nói nhiều, phát biểu nhiều sẽ có hại cho phong trào học thuật tốt đẹp hiện nay, tạo ra hậu quả nên tránh là học sinh tham gia chính trị, kỳ thực không phải như vậy. Chủ nhiệm Tưởng Kinh Quốc lãnh đạo thanh niên nhiều năm, chủ chương khuyến khích thanh niên lúc này nên nói nhiều, phát biểu nhiều ý kiến là đã hiểu rõ bối cảnh thời đại của thanh niên".

Đồng thời tạp chí Thời đại cải tổ xong. Các Ủy viên làm báo chí lên đến 57 người, thu thập hết mọi "tài năng trẻ" của các giới học thuật, chính trị, công thương, trong đó Dương Quốc Khu, Trương Tuấn Hồng, Trần Cổ Ứng, Hưa Tín Lương, Trương Thiệu Văn, Tôn Chân, Trần Thiếu Đình, Khâu Hồng Đạt, Bao Thanh Thiên (tức Ích Hồng), Lý Chung Quế, Quan Trung… rất nhanh chóng trở thành những nhân vật tên tuổi trên võ đài chính trị, hoặc thành các nhân sĩ lừng danh trong giới chính luận.

Đáng chú ý là trong những người kể trên, Dương Quốc Cung, Trần Thiếu Đình là học giả của phái tự do ra, những người còn lại phần lớn là những người còn trẻ của Quốc dân đảng. Đứng ở góc độ này mà xét, Tạp chí Đại học không phải là tờ báo ngoài Đảng, người ta gọi là "Trí giả Quyền giả kết hợp".

Trên thực tế, Tưởng Kinh Quốc muốn cải tổ tờ tạp chí thành bộ máy tuyên truyền tạo thanh thế cho chính sách của ông đồng thời lợi dụng nhiệt tình đòi đổi mới của các trí thức, gây sức ép đối vói các nhân vật chính trị thuộc phải già, ép họ giao quyền, nhường quyền. Nhưng mặt khác, Tưởng Kinh Quốc không thể tiếp thu mọi yêu cầu của họ, đối với những ý kiến phê bình gay gắt ông cảm thấy khó chịu, thậm chí có thái độ thù địch. Như vậy đã hình thành một mối quan hệ tế nhị giữa phái trẻ trong Quốc dân đảng do Tưởng Kinh Quốc làm đại biểu với Tạp chí Đại học, họ vừa "cùng ra đời và phát triển" vừa "chống đối lẫn nhau". Mẫu thuẫn này sẽ dẫn đến có ngày Quốc dân đảng trở mặt và có sự chia rẽ của Tạp chí Đại học.

Tạp chí Đại học ra đời năm 1968. Tháng 1 năm 1971, ra số kỷ niệm 3 năm thành lập, cũng là số sau khi cải tổ Ban biên tập (tức số 37). Từ đó trở đi, xuất hiện loại ngôn luận quan tâm mật thiết với hiện thực chính trị.

Tạp chí Đại học số này đăng các bài văn quan trọng như Chịu đựng và tìm hiểu của Trần Cổ Ưng, Trừ bỏ ba trở ngại cho hiện đại hóa của Trương Tuấn Hồng; Vấn đề phát triển kinh tế của Đài Loan của Trần Thiếu Đình, kêu gọi đổi mới mọi mặt về chính trị, kinh tế Đài Loan. Đáng chú ý là Thư gửi Ngài Tướng Quốc của ba ông Trương Thiệu Văn, Lưu Phúc Tăng và Trần Cổ Ứng. Trong đó đề nghị Tưởng Kinh Quốc: (1) Tiếp xúc nhiều hơn nữa đối với những người nói thật lòng; (2) Tạo diễn đàn ngôn luận; (3) Nếu có thanh niên nào bị đưa vào sổ đen mà bị ảnh hưởng đến công tác hoặc đi công tác nước ngoài của họ, đề nghị cho họ có dịp trình bày, giải thích.

Tháng 7, Tổng thống Nixon tuyên bố sang thăm Bắc Kinh, làn sóng đòi cải cách của thanh niên trí thức Đài Loan trào lên. Tạp chí Đại học xuất bản trong tháng đó đã đăng bài Phân tích lực lượng xã hội Đài Loan của các ông Trương Cảnh Hàm (Trương Tuấn Hồng), Trương Thiệu Văn, Hứa Nhàn Chân (Tín Lương), Bao Thanh Thiên (Bao Ích Hồng) đã có tiếng vang lớn. Bài báo phân tích tỉ mỉ các tầng lớp nhân dân Đài Loan: Địa chủ cũ, nông dân và con cháu họ, thanh niên trí thức, tài phiệt, cán bộ xí nghiệp, các nhà kinh doanh vừa và nhỏ, lao công, viên chức… đề nghị chính quyền Quốc dân đảng coi trọng "nguồn nhân lực dồi dào" của thanh niên trí thức, của nhà kinh doanh vừa và nhỏ, của các viên chức… và thực hiện cải cách chính trị để phù hợp với việc vận dụng tiềm năng đó.

Bài Phân tích lực lượng Đài Loan được coi là tham luận toàn diện nhất, sâu sắc nhất đối với xã hội Đài Loan kể từ hơn 20 năm nay. Bài báo đã nêu lên các vấn đề xã hội ẩn dấu đằng sau các biểu tượng "giàu có" trong sự tăng trưởng kinh tế cao ở Đài loan, mong Quốc dân đảng mau

chóng cái cách. Vì lập luận bài viết dựa vào "hy vọng Quốc dân đảng tiến bộ", nên có lay động thậm chí còn tổn hại đến chính quyền Đài Loan, nhưng chưa bị Quốc dân đảng cấm đoán, thậm chí Tưởng Kinh Quốc còn yêu cầu cán bộ Đảng nghiên cứu kỹ bài viết đó.

Tháng 10, Tạp chí Đại học số 46 đăng bài Tranh luận việc nước của 15 tác giả là: Dương Quốc Khu, Trương Tuấn Hồng, Cao Chuẩn, Trần Cổ Ứng, Hứa Tín Lương, Bao Ích Hồng, Khâu Hồng Đạt, Lã Tuấn Phổ, Ngô Đại Trung, Kim Thần Bảo, Tôn Chấn, Trần Thiếu Đình, Trương Thượng Đức, Trương Thiệu Văn, Tô Tuấn Hùng. Đây là bài viết đại biểu nhóm Tạp chí Đại học, có tính cương lĩnh, nêu lên những quan điểm chủ yếu của họ. Nội dung đề cập đến mặt nhân quyền, kinh tế, tư pháp, luật pháp, giám sát… Những điểm chủ yếu là:

1. Đổi mới kinh tế, yêu cầu tăng cường quản lý giám sát các khoản chi tiêu về quân sự, ngoại giao, bộ máy hành chính và nghiệp vụ quốc doanh, tiết kiệm nguồn chi.

2. Xác lập chính trị pháp pháp trị, yêu cầu sửa đổi tính trạng quyền lực bành trướng vô hạn độ, kiện toàn lập pháp, khiến cho ngành Tư pháp độc lập, cải cách chế độ giám sát để thực hiện thật sự ngũ quyền phân lập.

3. Hướng đến xã hội đa nguyên, không thể lấy thống nhất tư tưởng làm điều kiện tiên quyết cho sự thống nhất đất nước, yêu cầu cải cách chế độ giáo dục, đảm bảo tự do cho học sinh và chứng minh tầm quan trọng cho việc nghiên cứu tình hình Đại Lục và mở cửa; tiến hành phê phán đối với các đơn vị tình báo an ninh.

Bài "Tranh luận việc nước đáng chú ý ở chỗ chỉ trích một cách nghiêm khắc "Tập đoàn đặc quyền công kềnh, già cỗi, hoàn toàn thoát ly khỏi đại chúng, vẫn mang danh là ý dân mà chúng ta đã duy trì đã hai mươi mấy năm nay". Điều này đụng chạm vào khu cấm của Quốc dân đảng – vấn đề hệ thống pháp luật. Cùng hưởng ứng với bài viết này, Tạp chí Đại học trong cùng số có đăng bài Vấn đề sửa đổi tuyển cử "Đại biểu Dân ý Trung ương" bình luận về phương án của ngài Chu Đạo Tế lần đầu tiên nêu ra đòi sửa đổi tuyển cử "Đại biểu Dân ý Trung ương".

Tạp chí Đại học trong số này đăng bài Nhớ Vương Kế Xuân, người bạn của tôi của Tưởng Kinh Quốc, trong đó nhắc đến thời kỳ họ Tưởng ở Cán Châu, Vương Kế Xuân đã giúp ông tiến hành cải cách như thế nào, cho đến khi vất vả quá, mang bệnh hy sinh. Đăng lại bài viết đó khiến cho trong nước, ngoài nước đoán già đoán non, thậm chí có người cho rằng ông liên kết với Tạp chí Đại học, cùng đối phó với thế lực bảo thủ già nua. Kỳ thực, Tạp chí Đại học đăng bài đó, chỉ để nhắc ông trong nhưng năm đó ông đã ra công cải cách, ngày nay mọi người vẫn mong chờ ông chịu tiếp thu ý kiến của các nhà trí thức, chấn chỉnh các tệ nạn. Đối với một vài người nào đó cũng muốn mượn bài này để trình bày với Tưởng: nguyện làm người kế tục Vương Kế Xuân, mong được ông bồi dưỡng.

Cùng trong tháng, Tạp chí Đại học xuất bản số này, chính quyền Đài Loan bị đuổi ra khỏi Liên Hợp Quốc. Người Đài Loan nghe tin loạn cả lên, các trí thức cảm thấy buồn khổ, bàng hoàng, nghi hoặc. Uy tín của chính quyền giảm thêm một lần nữa.

Khi đó "Tiền đồ tương lai của Đài Loan" đã trở thành vấn đề được rất nhiều người lo lắng, đàm luận chính trị chở thành chuyện "Mốt". Sinh viên chịu ảnh hưởng của Tạp chí Đại học, tấp nập cầm bút tranh luận, người thì viết cho Tạp chí Đại học, có người thì lập ra tạp chí của trường để hưởng ứng chủ trương của Tạp chí Đại học. Các xã đoàn của sinh viên, cũng được Tạp chí Đại học cổ vũ động viên tổ chức các loại mít tinh và hoạt động chính trị.

Ngày 15 tháng 11, sinh viên Đại học Đài Loan tổ chức tọa đàm "Tự do ngôn luận trong đại học Đài Loan", mời quyền huấn đạo trưởng Trương Đức Hồng và Giáo sư Trần Cổ Ứng, Dương Quốc Khu, Tô Tuấn Hùng, Vương Hiểu Ba, Kim Tổ Niên, Vương Văn Hưng tham gia, thảo luận tự do ngôn luận và tự do xuất bản trong nhà trường. Ngày 25 tháng 11, sinh viên trường Đại học Đài Loan lại tổ chức tọa đàm "Sinh hoạt dân chủ trong trường đại học Đài Loan" có các Giáo sư Trần Cổ Ứng, Hồ Phật, Hoàng Mạc, Mã Hạc Lăng, Trương Đức Phố, Hồng Hoàn Thành,

Lâm Chính Hoằng tham gia. Trần Cổ Ứng phát biểu hăng hái tại hội nghị về tính tất yếu và quan trọng của việc mở cửa cho phong trào học sinh sinh viên. Ngày 17 tháng 12, Đại học Đài Loan lại tổ chức cuộc tranh luận "Đại biểu Dân ý Trung ương có lên bầu lại toàn diện hay không" giữa Chủ nhiệm Tạp chí Đại học là Trần Thiếu Đình và Chu Đạo Tế, thân Quốc dân đảng. Trần Thiếu Đình cho rằng Đại biểu Dân ý suốt đời, bản thân nó đã mất tính chất của đại biểu, nên bầu lại toàn bộ, để có một "Quốc hội" mới thay thế "Quốc hội vạn năm", còn Chu Đạo Tế đưa ra sáu phương án cải cách, chốt cốt lõi là bất cứ loại nào đều thừa nhận tính đại biểu và tính hợp pháp của Đại biểu Dân ý suốt đời và bảo về chế độ hỗn hợp giữa dân cử và Chính phủ đã chọn. Điều này thực tế là nhắc lại cái mà Quốc dân đảng vẫn làm, đó là phương pháp "bình cũ rượu mới", vì thế bị Trần Thiếu Đình chửi cho một trận. Cuộc tranh luận này, vấn đề tính hợp pháp và tính đại biểu trong sự thống trị của Quốc dân đảng và khủng khoảng thể chế chính trị ở Đài Loan, lần đầu tiên phơi ra trước sinh viên và thông qua sinh viên nhanh chóng lan truyền ra dân chúng Đài Loan để mọi người biết.

Nhờ sự thúc đẩy của ba cuộc hội nghị trên, Tạp chí Đại học càng cao giọng nói chuyện chính trị. Tháng 1 năm 1972, Tạp chí Đại họcđăng bài: Việc nước chín điều của 15 tác giả Dương Quốc Khu, Trần Thiếu Đình, Trần Cổ Ứng, Trương Tuấn Hồng, Hứa Tín Lương, Cao Chuẩn, Trương Thiệu Văn, Chiêm Trường Thanh, Vương Văn Hưng, Bao Ích Hồng, Lã Tuấn Phổ, Ngô Đại Trung, Lâm Bao Thạch, Lâm Chung Hùng, Kim Trần Bảo, nói về nhân quyền cơ bản, chế độ nhân sự, vấn đề ngoại giao, phát triển kinh tế, nông nghiệp và nông dân, phúc lợi xã hội, đổi mới giáo dục, chính trị địa phương, thanh niên với chính trị. Đây là một thư kiến nghị dài của sự liên kết giữa các trí thức lớn tuổi và thanh niên, phê phán toàn diện các tệ nạn tích tụ đã lâu của bộ máy thống trị, cũng là kiến nghị đổi mới cụ thể hóa một cách có bài bản tiếp theo bài Tranh luận việc nước của phe cải cách có tính chất học giả.

Trên Tạp chí Đại học kỳ này còn có bài Mở cửa cho phong trào học sinh đăng lại bài nói của Trần Cổ Ứng trong cuộc tọa đàm ngày 25 tháng 11 năm 1971, trong đó yêu cầu Đại học Đài Loan mở một diễn đàn dân chủ để học sinh được tự do tranh luận chính trị, đã được đông đảo dân chúng, xã hội coi trọng.

Khi đó các nhà báo trong Tạp chí Đại học, sau cải tổ là 57 người, đã tăng lên là 102 người. Đa số đều có học vị tiến sĩ, hoặc thạc sĩ có thể nói là nơi chứa đựng tinh hoa các học giả thanh niên Đài Loan. Việc nước chín điều và Mở cửa phong trào học sinh phát biểu công khai, càng chứng tỏ học sinh nói chuyện chính trị đã đạt đến đỉnh điểm.

Lúc này rất nhiều học sinh đưa bài đăng báo Tạp chí Đại học, tham dự các cuộc luận đàm chính trị, phong trào học sinh đã có chiều hướng "vượt khỏi vườn trường ra ngoài xã hội". Chủ tịch Hội Liên hiệp sinh viên đại học Đài Loan Vương Phúc Đồ đề nghị thành lập "Đội quân phục vụ xã hội" (sau gọi là "Đoàn phục vụ xã hội") tổ chức hơn 100 sinh viên hô khẩu hiệu "Mở cửa trường học ra xã hội", bước ra khỏi cổng trường, làm công tác xã hội, tìm hiểu nỗi khổ của nhân dân. Cách làm này được các trường khác hưởng ứng rất nhanh. "Phục vụ xã hội" trở thành dòng chính của phong trào học sinh.

Cho đến bấy giờ, chính quyền Quốc dân đảng vẫn giữ thái độ khoan dung đối với Tạp chí Đại học và phong trào học sinh. "Tuy chính quyền nhà trường không ra mặt ngăn cản học sinh kháng nghị hoặc tọa đàm, nhưng vẫn uốn nắn và giúp đỡ một cách có mức độ, nhiều lãnh tụ học sinh nhớ lại nói, khi đó các học sinh đều cảm nhận được một điều là nhà trường thậm chí cả chính quyền sở tại đã để yên cho họ làm một số việc".

Nhưng Quốc dân đảng quen độc quyền chuyên chế rồi, khẩu hiệu và hành động tiến quân vào xã hội, khiến cho phe Bảo thủ không yên tâm. Tưởng Kinh Quốc vẫn tự cho là "bạn của thanh niên" cũng thấy rằng nếu cứ thả lỏng mãi, sẽ dẫn đến những biến động bất lợi, nhất là sau tháng 5 năm 1972, Tưởng Kinh Quốc đã giữ chức "Viện trưởng Hành chính", quyền lực đã nắm gọn, muốn được các nguyên lão ủng hộ cần phải dãn cách các nhà trí thức phái tự do ra một đoạn.

Do đó, Trung ương nhật báo của Quốc dân đảng phải ra trận, trong sáu ngày liền đăng bài Tiếng nói tâm tình của một tiểu thị dâncủa Cô Ánh lừng danh, lên án bài Mở cửa cho phong trào học sinh của Trần Cổ Ứng. Trần Cổ Ứng và các chiến hữu Tạp chí Đại họcphản bác lại. Hai bên nổ ra một cuộc tranh luận. Đại học Đài Loan còn tổ chức tọa đàm về chuyện đó. Xét về điểm Quốc dân đảng vẫn để cho tranh luận, có nghĩa là hoàn cảnh chính trị lúc đó còn nới lỏng, nhưng ai tinh ý đã có thể thấy, "phê Trần" lần này là tín hiệu Quốc dân đảng từ "thả" đến "bắt" rồi đó.

Đồng thời Quốc dân đảng tiến hành phân hóa các cốt cán trong Tạp chí Đại học. Họ thăng quan tiến chức cho bộ phận kiên quyết chống Cộng trong số cốt cán đó và gây sức ép với mọi mặt đối với phe tả của Trần Cổ Ứng. Các phong huấn đạo ở các trường lại hoạt động, khống chế tư tưởng và hành vi của học sinh ngày càng nghiêm ngặt. Các báo cáo điều tra xã hội của "Đoàn phục vụ xã hội", vì vạch trần bộ mặt đen tối một cách toàn diện, nên gặp phải biết bao cản trở và sức ép to lớn, đến nỗi không có cách gì công bố ra được. Phong trào Phục vụ xã hội của học sinh các trường cũng bị chính quyền trói buộc, dần đi vào hướng hoạt động câu lạc bộ của "Đoàn thanh niên chống Cộng Cứu quốc".

Ngày 4 tháng 12 năm 1972, nhóm luận đàm đại học của Đại học Đài Loan tổ chức tọa đàm về chủ nghĩa dân tộc. Trần Cổ Ứng khẳng khái trình bày, phê phán "chủ nghĩa bành chướng nước lớn" (ở Đài Loan không được dùng từ chủ nghĩa bá quyền) và chỉ trích các tệ nạn trong nội chính Đài Loan. Khi đó Phùng Lô Tường, "học sinh" khoa triết năm thứ hai nhảy ra chỉ trích Trần Cổ Ứng "chuyên môn công kích mặt đen của chính quyền" và ngầm ám chỉ nghi ông là "tuyên truyền cho giặc", Trần Cổ Ứng quát to: "Mọi người đều biết anh là một học sinh hàm thụ, có gì cứ báo cáo lên cấp trên của anh là được rồi". Tiếp theo học sinh năm thứ tư khoa triết là Tiền Thủy Tường đứng lên nói: "Những lời của học sinh hàm thụ nói chúng tôi không nghe". Sau cuộc tranh luận đó, huấn đạo trường Đại học Đài Loan ra lệnh "điều chỉnh" tư cách phụ giáo của Trần Cổ Ứng, thi hành kỷ luật Tiền Thủy Tường và gửi công văn cho khoa triết, nói là "cấp trên đã ra lệnh cho trường ta phải điều tra, báo cáo". Đó là sự kiện "Tọa đàm chủ nghĩa dân tộc" gây chấn động một thời.

Tháng 1 năm 1973, Dương Quốc Khu từ chức tổng biên tập Tạp chí Đại học, số 61 xuất bản trong tháng này không đăng danh sách các Ủy viên biên tập của Tạp chí Đại học nữa. Thực ra không khí chính trị đã thay đổi, đã có triệu chứng chia rẽ trong nhóm các nhà trí thức của Tạp chí Đại học. Sau đó Tạp chí Đại học mất hẳn sức tập hợp chính trị một cách nhanh chóng.

Ngày 17 tháng 2, "Tổng cảnh" đột nhiên ập vào khoa triết của Đại học Đài Loan, bắt đi các giáo sư tiến bộ như Trần Cổ Ứng, Vương Hiểu Ba. Ngày 18, Quách Dự Phù, sinh viên Đại học Đài Loan, cầm dao cắt cổ để phản đối đặc vụ bắt giáo sư ngay tại cổng trường và lấy máu viết khẩu hiệu "Hòa bình, Thống nhất cứu Trung Quốc", khiến cho hơn 2.000 người vây lại xem, dư luận ầm lên. Do sự kiện bất ngờ này, chính quyền Đài Loan chịu sức ép của các ngành, các giới, buộc phải thả Trần Cổ Ứng và Vương Hiểu Bá và nói "chỉ mời họ đi nói chuyện" chứ không phải bắt đi.

Nhưng cách đó không lâu, chính quyền Đài Loan lại nghe lệnh trên, cách chức giáo sư của 14 vị nhóm Trần Cổ Ứng. Tuần trăng mật giữa Quốc dân đảng và cuộc động chính trị của các nhà trí thức đến đó coi như chấm dứt. Hoạt động chính trị trong nhà trường cũng theo đó mà chìm đi.

Lúc đó, Tạp chí Đại học cũng giải thể, quan điểm lập trường của những người tham gia cũng khác nhau, bình thường cũng đã không có quan hệ chặt chẽ và ý kiến thống nhất, lại không có nhân vật trung tâm và hạt nhân lãnh đạo được mọi người công nhận, chỉ là một liên minh chính trị lỏng lẻo trong điều kiện đặc biệt được Quốc dân đảng thả lỏng mà thôi. Đến khi họ ngừng "thả", bắt đầu "bắt", những người trong liên minh đó, ai lo phận nấy, tứ tán mỗi người một ngả. Các nhân sĩ tiến bộ như Trần Cổ Ứng vì bị Quốc dân đảng bức hại, nên đành phải rời khỏi Đài Loan, vẫn thường về Đại Lục giảng dạy, Dương Quốc Khu, Trần Thiếu Đình trở thành các giáo sư phái tự do giữ một khoảng cách với Quốc dân đảng và phe đối lập ngoài Đảng thực

tế có thân Quốc dân đảng hơn một chút. Trương Tuấn Hồng, Hứa Tín Lương vì muốn tranh cử Nghị viện, hoặc Thị trưởng, nhưng không được Quốc dân đảng giới thiệu, tức giận ra khỏi Đảng về sau trở thành các kiện tướng ngoài Đảng chống lại Quốc dân đảng. Thi Khởi Dương, Lý Chung Quế, Quan Trung, Tôn Chân, vì có cơ duyên với Tạp chí Đại học, bộc lộ được tài năng, được Quốc dân đảng lôi kéo, cứ thế thăng quan tiến chức trở thành "tài sản quý giá" của Quốc dân đảng.

II. TỪ "CHÍNH LUẬN ĐÀI LOAN" ĐẾN SỰ KIỆN TRUNG LỊCH

Đồng thời, với các thành viên của Tạp chí Đại học nhảy lên vũ đài chính trị lớn tiếng kêu gào cải cách dân chủ, một nhánh chống đối khác khiến cho Quốc dân đảng đau đầu cũng đang hình thành, hai nhân vật tiêu biểu là Khang Ninh Tường và Hoàng Tín Giới.

Khang Ninh Tường tốt nghiệp khoa hành chính Đại học Trung Hưng năm 1961, tốt nghiệp xong đi nghĩa vụ quân sự trở về làm nghề tiếp thị, hơn một năm sau chuyển đến trạm bán xăng dầu làm công nhân bảy năm. Đến tháng 1 năm 1969, Đài Bắc tổ chức bầu Nghị sĩ của thành phố, Khang Ninh Tường khi đó mới 31 tuổi, cho rằng "thời cơ đã đến" dù không có đảng phái nào ủng hộ, ông vẫn đơn thương độc mã ra tranh cử Nghị sĩ. Lúc bấy giờ rất nhiều người cho ông là một nhà không tưởng cao ngạo, làm sao mà trúng cử được. Nhưng Khang Ninh Tường vẫn thẳng tiến, ông lấy báo cũ làm biểu ngữ, tự mình viết biểu ngữ, tự mình viết khẩu hiệu tranh cử, tự mình đi phân phát, khoác một tấm vải đề ba chữ rất to "Khang Ninh Tường" đứng trên thùng đựng xà phòng ở đầu đường, diễn thuyết tranh cử, người nghe ngày càng đông. Chính kiến của ông cũng không hơn gì ai, vốn liếng duy nhất chỉ là sự trong sạch chính trị, dám ưỡn ngực xông ra và có dũng khí nói thay nhân dân. Kết quả là ông trúng cử một cách dễ dàng, ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Điều này được coi là một con "số lạ" trên vũ đài chính trị Đài Loan, nhưng cũng có nguồn gốc của nó. Khi ấy Đài Loan đã trải qua mười năm đóng băng chính trị, đang đến thời kỳ băng tan, nhân dân yên lặng mãi rồi đến ngày hoạt động, họ cần một anh hùng áo vải như Khang Ninh Tường mang gậy đứng lên. Vì vậy, việc Khang trúng cử cứ tưởng như ngẫu nhiên nhưng thực ra là tất yếu.

Sau khi trúng cử, Khang Ninh Tường lập tức bắt mối ngay với các nhân sĩ gốc Đài Loan trước đã ở trong Nghị viện. Tháng 12 năm 1969, bầu cử "Ủy viên Lập pháp", ông vận động bầu cử cho một trong năm hổ tướng trước kia vận động bầu cử cho Cao Ngọc Thụ, đó là Hoàng Tín Giới. Ông này 19 tuổi đã bước vào hoạt động chính trị, đã làm Nghị sĩ của Đài Bắc hai khóa, lần này được Khang Ninh Tường ủng hộ, đã trúng cử "Ủy viên Lập pháp". Hai ông Khang Hoàng một người ở Nghị viện Đài Bắc, một người ở "Viện Lập pháp" phê phán Quốc dân đảng không tiếc lời, nhanh chóng mọi người đặt cho danh hiệu "miệng lưỡi của dân chúng".

Tháng 6 năm 1970, Khang Ninh Tường sang thăm Mỹ với danh nghĩa là Nghị sĩ thành phố, càng làm tăng giá trị của ông. Tháng 12 năm 1972, với danh tiếng Nghị sĩ thành phố đã ba năm, ông tham gia ứng cử bổ sung vào "Ủy viên Lập pháp", trúng cử với số phiếu cao. Em của Hoàng Tín Giới và Hoàng Thiên Phúc liên danh với Khang Ninh Tường cũng trúng cử vào "Đại biểu Quốc hội". Khi đó đúng vào lúc tập đoàn trí thức của Tạp chí Đại học đang đứng trước ngưỡng cửa của sự chia rẽ.

Đầu năm 1973, tập đoàn Tạp chí Đại học giải thể, một trong những thành phần cốt cán là Trương Tuấn Hồng, người viết chủ yếu bàiPhân tích lực lượng xã hội Đài Loan, muốn tranh cử Nghị sĩ Đài Bắc khóa II, nhưng không được đảng bộ Quốc dân đảng giới thiệu, liều gửi trả thẻ đảng chuyển sang nhóm Khang Ninh Tường và Hoàng Tín Giới. Ông cùng với Khang Nghĩa Hùng, Trần Di Vinh, Vương Côn Hòa lập thành một mặt trận liên hiệp, được nhóm Khang Ninh Tường ủng hộ, tham gia tranh cử Nghị sĩ thành phố tháng 11 năm 1973 (ngày 1 tháng 12 bỏ phiếu). Kết quả trúng cử với số phiếu cao. Trong thời gian tranh cử, ông và các cổ động viên thuộc nhóm Khanh Ninh Tường diễn thuyết ở mọi nơi tạo nên một không khí náo nhiệt trong dân chúng, họ lắng nghe chính kiến của các ông.

Cách diễn thuyết đầu đường là đặc điểm nổi bật của nhóm Khang Ninh Tường, họ khác hẳn với tập đoàn Tạp chí Đại học chỉ toàn là các nhà chính trị sách vở, quanh quẩn trên bục giảng và trong nhà trường.

So với chính trị sách vở, chính trị đầu đường có tính kích động hơn, sức uy hiếp đối với nhà cầm quyền cũng mạnh hơn. Nhưng trong thể chế giới nghiêm của Đài Loan, loại hoạt động này chỉ được thực hiện trong thời gian tranh cử. Kết thúc bầu cử, người trúng cử nếu muốn bàn chuyện chính trị, chỉ có thể đi trên con đường báo chí. Để có thể liên hệ được với công chúng, tăng cường lực sáng tác thì vẫn cần một tờ báo. Nếu có một tờ báo, họ có thể đánh vào lòng dân, tạo thanh thế, nhờ đó mở rộng trận địa của mình. Do vậy, tháng 8 năm 1975 nhóm Khang Ninh Tường đã lập tờ Chính luận Đài Loan.

Chính luận Đài Loan do Hoàng Tín Giới làm người phát hành, Khang Ninh Tường làm Chủ nhiệm, Trương Tuấn Hồng làm Tổng biên tập, mời Diêu Gia Văn làm cố vấn luật pháp. Chính luận Đài Loan tuyên bố sẽ "kế thừa truyền thống của hai tờ Trung Quốc tự do và Tạp chí Đại học, xây dựng diễn đàn ngôn luận dân gian, đi trên con đường phê phán chế độ quan liêu, hủ hóa, phát huy tinh thần quét sạch những rác rưởi nhũng loạn".

Tuân theo tôn chỉ này, số báo nào Chính luận Đài Loan đều đăng những hàng tít lớn đả kích các thói hư tật xấu, kêu gọi dân chúng, gây khó khăn cho thể chế thống trị của Quốc dân đảng ở mọi khía cạnh. Tờ báo nhanh chóng được công nhận là ngọn cờ của phe đối lập.

Từ tháng 11 đến tháng 12, Đài Loan tổ chức tuyển cử "Đại biểu Lập pháp" bổ sung. Để phối hợp với sự tranh cử của Khang Ninh Tường và Hoàng Tín Giới, tháng 11, Chính luận Đài loan ra số đặc biệt, kêu gọi cử tri coi chừng Quốc dân đảng gian lận, hô hào mọi người lựa chọn sáng suốt, xây dựng chế độ lấy phiếu bầu thay cho súng đạn, hãy bỏ lá phiếu thiêng liêng của mình cho người xứng đáng. Tháng 12,Chính luận Đài Loan số 5, tăng cường thêm mục tiêu chính trị, chĩa hỏa lực vào các khu cấm địa như "Hiến pháp", "Quốc sách", "thể chế giới nghiêm" và cho đăng bài Hãy sớm bỏ giới nghiêm" của Trần Cổ Ứng và bàn về Thuyết của Tưởng Viện Trưởng, Không thể không phê phán Hiến pháp và Quốc sách chăng? của Diêu Gia Văn, điều khiến mọi người chú ý hơn là bài Hai tâm hướng của Giáo sư Khâu Thùy Lượng (dạy đại học bên Úc) phê bình các chính sách của "Viện trưởng" Tưởng Kinh Quốc đều chỉ là trò ảo thuật chính trị mang tính hình thức bề ngoài, hoàn toàn không đáng tin và không có thực chất. Ngoài ra còn dẫn lời một giáo sư Đại Lục rằng: "Ông tin nhân dân Đài Loan muốn làm chủ chỉ có hai con đường một là tự vũ trang đứng lên lật đổ chính quyền độc tài của Quốc dân đảng, hai là đoàn kết đấu tranh sớm giành lại hòa bình thống nhất tổ quốc". Điều này đã đụng vào nỗi đau khó có thể chịu đựng được của Quốc dân đảng.

Cuộc bầu cử lần này náo nhiệt khác thường. Khang Ninh Tường và Hoàng Tín Giới ra tranh cử đã dành, các nhân vật đại biểu phái chống đối địa phương già một đời như Hứa Thế Hiền, Quốc Vũ Tân, Hoàng Thuận Hưng cũng náo nức tranh cử. Đâu đâu cũng diễn thuyết tranh cử, một số thanh niên "anh hùng áo vải" cũng nứt vỏ nảy mầm, lấy tư thế hảo hán "thề không đội trời chung với Quốc dân đảng" để tranh thủ phiếu bầu. Đảng chú ý có hai vị: Bạch Nhã Xán và Nhan Minh Thánh.

Bạch Nhã Xán tốt nghiệp khoa Luật Đại học Chính trị. Năm 1969 cổ động cho Hoàng Tín Giới tranh cử. Năm 1971 bị đặc vụ bắt nhốt hơn bốn tháng. Năm 1973 lại cổ động cho Vương Côn Hòa cử tranh và lần này cổ động cho chính mình, viết Thông cáo chính thức tuyên bố tranh cử Ủy viên Lập pháp bổ sung ngày 22 tháng 12 năm nay, mở màn bằng vốn liếng chính trị là đã ngồi tù trong nhà lao đen tối của Quốc dân đảng, tiếp theo nêu ra 29 điều kiến giải chính trị, điều nào cũng làm cho Quốc dân đảng không có cách gì ứng phó được, đáng kích động nhất là: (1) Đề nghị Tưởng Kinh Quốc công bố tài sản riêng để chặn làn sóng tham ô của trăm quan đang thống trị ở Đài Loan. (2) Đề nghị Tưởng Kinh Quốc công bố di sản của Tưởng Giới Thạch và tình hình nộp thuế; (3) Đề nghị Tưởng Kinh Quốc đi xe hơi Du Long để khuyến khích hàng nội, để chặn làn sóng bọn tài phiệt quyền quý ăn cắp thuế và lậu thuế; (4) Đề nghị Tưởng Kinh

Quốc triệu hồi con trai, con gái, dâu, rể và các cháu từ Mỹ về để chặn làn sóng các quan lớn nhỏ chạy sang Mỹ không chịu về; (5) Đòi Tương Kinh Quốc công bố chuyện Tưởng Hiếu Dũng "đi cổng sau" vào đại học; (6) Đòi Tưởng Kinh Quốc từ chức để chịu trách nhiệm về việc thất bại ngoại giao của Trung Hoa Dân Quốc; (7) Đòi giải tán các công ty quốc doanh như Công ty Hàng không để giảm các đặc quyền của các xí nghiệp quốc doanh…; (17) Đòi giao vấn đề có giải tán "Quốc hội" hay không cho toàn dân biểu quyết…; (19) Đòi thả tất cả tù chính trị; (23) Đòi hủy bỏ Luật Giới nghiêm…; (25) Đòi cấm "Đoàn Cứu quốc" thọc tay vào các tội ác. (26) Đòi triệu hồi Bành Minh Mẫn, phần tử "Đài độc" về cùng ông ta lập Chính phủ; (27) Đòi cử khang Ninh Tường, Quách Vũ Tân là "Đại sứ lưu động quốc tế" để tranh thủ viện trợ của nước ngoài; (28) Đòi chính quyền Đài Loan liên kết với Liên Xô để kiềm chế Trung Cộng và Mỹ, Nhật; (29) Đòi đàm phán trực tiếp với Đại Lục vấn đề mậu dịch để phát triển kinh tế Đài Loan.

Bạch Nhã Xán in hơn 40 nghìn bản thông cáo này, phân phát cho các nhân sĩ Đài Loan và nước ngoài đóng tại Đài Loan, phân phát ở ngoài đường và từng nhà, trong chớp mắt, cả thành phố đầu cũng có. Đặc vụ Đài Loan thẹn quá hóa giận, định bắt ông. Bạch Nhã Xán và hai cổ động viên chạy vào đại sứ quán Mỹ, xin bảo vệ chính trị, người Mỹ lờ đi. Ngày 12 tháng 12, Bạch Nhã Xán được "mời đến Cục cảnh sát nói chuyện". Vì đang trong thời kỳ tranh cử Quốc dân đảng không muốn sinh sự thêm, "nói chuyện" xong thả ông ta về. Sau tuyển cử, lập tức lại bắt đi.

Nhan Minh Thanh cũng là tù chính trị, chính kiến của ông còn hơn Bạch Nhã Xán, ngoài chuyện bắt Tưởng Kinh Quốc công bố tài sản riêng và di sản của Tưởng Giới Thạch, đòi đưa Bạch Minh Mẫn về tham gia chính quyền ra, Nhan Minh Thánh còn đòi Quốc dân đảng định ngày phản công Đại Lục, nếu đến ngày đó không thành, phải xin từ chức, tạ tội về vườn. Ông còn mở miệng chửi "Quốc dân đảng là Đảng chó, Đảng giặc" và nói: "Sau khi tôi trúng cử vào "Viện Lập pháp" không đời nào vào Quốc dân đảng, trừ phi Quốc dân đảng giải tán, làm sạch Đảng, tiêu diệt hết bọn chó má đi đã".

Đến ngày 22 tháng 12, mở hòm phiếu, Khang Minh Tường, Hoàng Tín Giới đều trúng cử. Hứa Thế Hiền, người tham gia sáng lập "Đảng Dân chủ Trung Quốc" và Hoàng Thuận Hưng, người đã từng làm Huyện trưởng Đài Đông cũng đều trúng cử tại quê nhà ở Gia Nghĩa và Chương Hóa. Bạch Nhã Xán và Nhan Minh Thánh, tuy nhờ ngôn từ mạnh mẽ được nổi danh, nhưng chính kiến của họ chỉ là "chống đối để mà chống đối", công kích bừa bãi chửi bới ồn ào không được cử tri chấp nhận.

Bạch, Nhan không trúng cử đã đành, nhưng cả lão tướng của phe chống đối địa phương như Quách Vũ Tân, cốt cán của "Đảng Dân chủ Trung Quốc", cũng thất bại, thật là chuyện bất ngờ. Quách lúc đó đầy uy lực tranh cử với Lâm Vĩnh Tam của Quốc dân đảng, tưởng chừng đã lắm chắc phần thắng. Nhưng khi bỏ phiếu xong, khu bầu cử của Quách xuất hiện gần 30 nghìn phiếu không hợp lệ, do đó bị Lâm Vĩnh Tam đánh bại. Tin truyền ra, dân chúng huyện Nghi Lan, quê hương Quách đều nhất trí cho rằng có chuyện gian lận, đứng lên kháng nghị, đến nỗi suýt xảy ra bạo loạn. Quách Vũ Tân sau đó có làm đơn kiện Lâm Vinh Tam hối lộ. Cố vấn luật pháp của Đài Loan là Diêu Gia Văn và một luận sư trẻ khác là Lâm Nghi Hùng làm luận sư biện hộ cho Quách Vũ Tân. Vụ kiện này cuối cùng tòa tuyên bố Quách không đưa ra được chứng cứ, tòa không chịu điều tra, án phí do Quánh chịu và kết thúc. Nhưng nhờ đó hai luật sư Diêu Gia Văn và Lâm Nghĩa Hùng trở thành vai trò quan trọng trong phong trào ngoài Đảng sau này.

Qua 3 kỳ tuyển cử năm 1969, 1972 và năm 1975, các nhóm không đảng phái dần liên kết thành một khối, báo chí Đài Loan ngày càng nhiều người dùng từ ngoài Đảng để gọi họ, đồng thời họ cũng không hẹn mà nên, nhất trí dùng từ "Ngoài Đảng" để gọi tên. Khái niệm này trong định nghĩa mơ hồ, nhưng đơn giản dễ hiểu ngầm chỉ cái ý nghĩa đối lập với Quốc dân đảng. Đến năm 1975 Ngoài Đảng đã trở thành tập đoàn kế tục Trung Quốc tự do và Tạp chí Đại học và dấu hiệu của "làn sóng chống đối" của phe đối lập.

Để ngăn chặn mầm mống của phong trào Ngoài Đảng, năm 1975, sau tuyển cử Quốc dân đảng áp dụng hàng loạt biện pháp trấn áp. Ngày 27 tháng 12, cơ quan kiểm duyệt nhân Chính luận

Đài Loan số 5 đăng Hai tâm hướng, ghép cho tội "xúi giục làm loạn" rồi ra lệnh đóng cửa. Thế là, Chính luận Đài Loan chỉ tồn tại được năm tháng, ra được năm số đã chết non.

Tiếp đến tháng 2 năm 1976, ghép Bạch Mã Xán vào tội viết văn bậy bạ xúi giục, kích động chống Chính phủ, phạt tù chung thân. Tháng 5, chính quyền Đài Loan lại tố cáo Nhan Minh Thánh và Dương Kim Hải, một nhà buôn lớn, người ủng hộ Nhan Minh Thánh trong cuộc tranh cử về tội "Âm mưu thông qua các hoạt động lật đổ để trục lợi tài chính, kế hoạch bao gồm làm bạc giả để làm nhiễu loạn tiền tệ, phá hoại hai đường ống dẫn dầu, gây ra các vụ khủng bố phá hoại..." phạt Nhan Minh Thánh tù chung thân, Dương Kim Hải 12 tháng tù giam.

Ngày 7 tháng 8, chính quyền Đài Loan lại ghép tội "gián điệp Cộng sản" cho bốn vị trong giới công thương và bắt con gái ông "Ủy viên Lập pháp" mới trúng cử Hoàng Thuận Hưng là Hoàng Ni Na.

Sau hàng loạt cuộc tấn công đó, phong trào Ngoài Đảng mới thoái trào. Nhưng nhờ kinh tế phát triển và phổ cập giáo dục đã hình thành một đội ngũ các nhà trí thức thuộc tầng lớp dưới bao gồm các chủ xí nghiệp cỡ vừa và nhỏ, các giám đốc, các nhân viên kỹ thuật cao cấp, trung cấp... những người này có học vấn đầy đủ, đi theo hướng dân chủ phương Tây. Họ đều có quan niệm khác nhau với hệ thống lý luận và thể chế thống trị của Quốc dân đảng trong lòng mang ý thức tham gia chính trị một cách mãnh liệt, không một sức mạnh bạo lực nào có thể áp chế được họ. Sự có mặt của tầng lớp này đặt nền móng xã hội cho phong trào Ngoài Đảng, dập rồi lại bùng lên, cháy mãi không tắt.

Năm 1976-1977, một số nhà văn trẻ và trung niên như Vương Thác, Dương Thanh Xúc, Trần Ánh Chân, Cao Chuẩn… phát động phong trào "Văn học nông thôn" sôi nổi. Họ chủ trương kế thừa truyền thống ưu tú của văn học tiến bộ từ "Ngũ tứ", tích cực phát huy tinh thần yêu nước của văn học dân tộc kháng chiến trong lịch sử Đài Loan, sáng tác hàng loạt tác phẩm có tính chất châm cứu căn bản đối với thời đại. Cũng trong thời gian này, tờ Hạ Triều của Tô Khánh Lê thuộc phái Tả Ngoài Đảng chủ trương tán thành thống nhất Đại Lục, cũng dùng phương thức đơn thuần về lý luận chỉ ra bộ mặt đen tối trong thể chế hiện hành của Đài Loan, nhấn mạnh chủ đề "Đoàn kết giữa các nhân vật quan trọng của Trung Quốc" và kiên quyết phản đối "Âm mưu chia rẽ Trung Quốc và ý thức tự ti dân tộc". Những điều này có sức đe dọa đối với chính quyền Đài Loan.

Tháng 11 năm 1977, Đài Loan tiến hành tuyển cử các quan chức ở địa phương (Nghị sĩ tỉnh, Nghị sĩ huyện, Nghị sĩ thành phố, Huyện trưởng, Thị trưởng). Nhân dịp đó phong trào Ngoài Đảng lại bùng lên.

Lần tuyển cử này, Ngoài Đảng triển khai liên kết toàn đảo. Các "Ủy viên Lập pháp" nhưng Khang Ninh Tường, Hoàng Tín Giới, Hoàng Thuận Hưng bôn ba khắp Nam Bắc cổ động cho ứng cử viên Ngoài Đảng ở các nơi. Ngay đến cả Hứa Tín Lương, người được Quốc dân đảng yêu mến, nhưng lần này không được Quốc dân đảng giới thiệu cũng dứt khoát quay giáo, liên danh với Ngoài Đảng, tranh cử chức Huyện trưởng với Quốc dân đảng ở huyện Đào Viên. Trương Tuấn Hồng, Lâm Nghĩa Hùng cũng vậy, ra tranh cử Nghị sĩ tỉnh. Hứa Tín Lương, Trương Tuấn Hồng, Lâm Nghĩa Hùng đều là trí thức có học lực cao, họ ra tranh cử khiến cho hàng loạt các sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên của các trường đại học, các nghiên cứu sinh đều xông ra trận. Họ làm công tác cổ động đằng sau, trong đó có rất nhiều người trở thành nhật vật ưu tú và cốt cán trong phong trào Ngoài Đảng.

Vì Ngoài Đảng dùng phương thức mặt trận liên hợp, khiến cho tuyển cử lần này có thể nói là lần tuyển cử cho địa phương tự trị có quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Quần chúng quan tâm nhiều hơn, tinh thần cũng cao hơn bao giờ hết. Thực lực Ngoài Đảng ở các địa phương cũng thật hùng hậu, tiếng vang thật cũng mạnh mẽ.

Ở huyện Đào Viên, có Hứa Tín Lương ra tranh cử Huyện trưởng. Cổ động viên có Lâm Chính Kiệt, Hứa Quốc Thái, Lâm Thanh Tùng, Khâu Thừa Trinh. Ngoài ra còn có các nhân sĩ nổi tiếng

Ngoài Đảng như Hoàng Ngọc Kiều, Trương Đức Minh, Lã Tú Liên đều rất có thế lực. Ngày 19 tháng 11, thành phố Trung Lịch của huyện này có hơn một mười nghìn cử tri ủng hộ Hứa Tín Lương, bao vây phân cục cảnh sát, kháng nghị về việc xử lý bất công trong tác tuyển cử, trong quá trình tranh chấp, cử tri phẫn nộ, đốt cháy tám xe cảnh sát và 60 xe máy, đập vỡ các cửa sổ của Cục Cảnh sát, gây ra bạo loạn quần chúng quy mô lớn lần thứ hai sau "vụ 24-5" được gọi là sự kiện Trung Lịch.

Khi xảy ra vụ này, Quốc dân đảng không muốn mở rộng sự việc đã ra lệnh cho cảnh sát rút lui và yêu cầu "đánh không đánh trả, chửi không đáp lời". Sau vụ này cũng không truy cứu. Hứa Tín Lương được 220 nghìn phiếu thắng tuyệt đối; Âu Hiếu Du, người của Quốc dân đảng chỉ được 130 nghìn phiếu bầu.

Thành phố Cao Hùng xưa nay vẫn là thế lực địa phương chiếm ưu thế. Năm 1968-1973 Dương Kim Hổ người của Đảng Dân chủ Xã hội đã thắng Trần Vũ Chương người của Quốc dân đảng, trúng cử Thị trưởng. Tháng 12 năm 1973, chính quyền Quốc dân đảng đã khép Dương Kim Hổ vào tội "tham ô, buôn quan bán tước", xử ông năm năm tù giam, xem như là đã trấn áp được chim đầu đàn của thế lực Ngoài Đảng. Nhưng đến năm 1977, Hồng Chiếu Nam tranh cử với Quốc dân đảng là Vương Ngọc Vân đã là một mối đe dọa lớn. Vương Ngọc Vân phải một phen sóng to gió cả mới vượt qua được mối nguy, thắng Hồng Chiếu Nam.

Các phe trong huyện Cao Hùng chia ra thành 3 phái trắng, đỏ, đen. Trong đó phái đen là phái Ngoài Đảng cạnh tranh với hai phe kia. Phái đỏ là phái của Quốc dân đảng và phái trắng. Người trấn ải của phái đen là Dư Đăng Phát, đã từng làm Huyện trưởng Cao Hùng. Ông chống Quốc dân đảng khá mạnh, đã từng phát biểu chủ trương thống nhất với Đại Lục, vì thế được gọi là phái thống nhất – cánh tả trong mặt trận Ngoài Đảng – Dư Đăng Phát có thế lực rất lớn ở Cao Hùng. Con trai Dư Thụy Ngôn, con dâu Trần Nguyệt Anh, con gái Dư Tú Loan, cháu là Dư Linh Nhã, đều làm chính trị và rất thành đạt. Năm 1977, Trần Nguyệt Anh trúng cử Nghị sĩ tỉnh lần thứ ba. Con rể Dư Đăng Phát là Hoàng Hưu Nhân trúng cử Huyện trưởng.

Ở huyện Nghi Lan, quê của lão tướng của phe đối lập Quách Vũ Tân, người gốc Đài Loan, đây cũng là vùng chống Tưởng mạnh. Tháng 4 năm 1977, Quách Vũ Tân bị buộc phải sang Mỹ "thăm người nhà", Quốc dân đảng mới được xả hơi một chút, nhưng Quánh Vũ Tân đã đi, công chúng ủng hộ Ngoài Đảng vẫn còn nguyên. Luật sư Lâm Nghĩa Hùng người đã bào chữa cho Quách Vũ Tân năm 1975, về tranh cử Nghị sĩ tỉnh ở Nghi Lan, trúng ngay. Lần này còn xuất hiện một số người hăng hái như Hoàng Hoàng Hùng, Trần Định Nam, Du Tích Khôn, mấy năm sau, người trúng cử Nghị sĩ tỉnh, người trúng cử Huyện trưởng.

Thành Phố Đài Nam, người trấn ải Ngoài Đảng thành phố này là Tô Nam Thành. Năm 1968 không được Quốc dân đảng giới thiệu ra tranh cử Thị trưởng, ông xin ra khỏi Đảng, tranh cử với Quốc dân đảng là Trương Vũ Đường. Năm đó ông thua, nhưng lời lẽ công kích Quốc dân đảng rất mạnh mẽ gây được thanh thế lớn. Năm 1977 Tô Nam Thành lại ào đến, được Ngoài Đảng ủng hộ, trúng cử Thị trưởng. Đây có thể nói là thắng lợi của phe Ngoài Đảng lúc bấy giờ.

Ngoài các địa phương trên, quê hương của một số nhân vật nổi tiếng thuộc phe chống đối Ngoài Đảng cũng tạo ra được một không khí nhất định ở các nơi khác. Chẳng hạn huyện Gia Nghĩa, con gái của "người đàn bà mạnh mẽ" Hứa Thế Hiền là Trương Bác Nhã nổi lên là một ứng cử viên đáng gờm và năm 1985 bà đã trúng cử Huyện trưởng huyện Vân Lâm, sau khi lão tướng phe đối lập là Lý Vạn Cư chết đi, một trong những người khởi xướng "Đảng Dân chủ Trung Quốc" là Tô Đông Khởi và vợ là Hồng Nguyệt Kiều đã tiếp tục sự nghiệp và cũng là mối đe dọa của Quốc dân đảng.

Trong những người cổ động cho vợ chồng Tô Đông Khởi có Thi Minh Đức, sau này tiếng tăm lừng lẫy. Năm 1962 bị xử tù chung thân vì bị khép tội hoạt động "Đài độc" trong quân Tưởng, lúc đó mới 20 tuổi. Ở trong tù, ông bị đánh đập tàn nhẫn, gẫy hết cả hai hàm răng. Năm 1975, sau khi Tưởng Giới Thạch chết, Tưởng Kinh Quốc thả tù chính trị, ông được giảm án còn 15

năm, ngày 16 tháng 6 năm 1977 được tha. Sau khi ra tù, lập tức cổ động cho vợ chồng Tô Đông Khởi và Hồng Nguyệt Kiều, đi đến đâu cũng thề "chơi đến cùng" với Quốc dân đảng, biểu thị một ý thức cuồng nhiệt và cực đoan, nhanh chóng trở thành một trong những nhân vật hạt nhân ở phe Ngoài Đảng.

Năm 1977, trong số 20 huyện, thị, Ngoài Đảng thu được bốn chức huyện, Thị trưởng, 21 ghế Nghị sĩ trong tổng số 77 ghế; ở Nghị sĩ huyện, thị trong số 51 ghế. Đây có thể nói là thắng lợi huy hoàng chưa từng có của phe Ngoài Đảng. Trong danh sách trúng cử của phe Ngoài Đảng có Hứa Tín Lương, Lâm Nghĩa Hùng và Trương Tuấn Hồng là có ý nghĩa nhất, ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của phong trào Ngoài Đảng sau này.

Sau cuộc tuyển cử này, Quốc dân đảng cách chức "Chủ nhiệm Ban Tổ chức phụ trách bầu cử" Lý Hoán. Các kiêm chức khác của Lý Hoán là "Chủ nhiệm Đoàn Thanh niên Cứu quốc", "Chủ nhiệm Viện Nghiên cứu thực tiễn cách mạng" cũng bị cách tuốt. Điều này có nghĩa là Quốc dân đảng sẽ dùng thủ đoạn cứng rắn để đối phó với Ngoài Đảng.

Mặt khác, lần tuyển cử này cũng khiến cho Mặt trận Ngoài Đảng vốn rất lỏng lẻo, bị phân hóa. Ngoài Đảng vẫn do các loại nhân sĩ tổ hợp lại, không có ý thức thống nhất, mọi người chỉ tập hợp với nhau dưới tiền đề chống Quốc dân đảng. Nhưng sau sự kiện Trung Lịch, Ngoài Đảng đã không thống nhất được với nhau về phương pháp đấu tranh với Quốc dân đảng. Phái Khang Ninh Tường, Trương Đức Minh, Hoàng Hoàng Tùng, Tư Mã Văn Vũ (Giang Xuân Nam) muốn đi theo con đường hợp pháp, lợi dụng nhược điểm của Quốc dân đảng không dám vứt bỏ "Hiến pháp" một cách công khai, để phát triển thế lực của phe Ngoài Đảng thông qua những sơ hở của hệ thống thống trị của Quốc dân đảng, có nghĩa là thông qua còn đường báo chí và tuyển cử, dẫn đến phát triển thế lực, cuối cùng tạo thành tình thế Quốc dân đảng không nhượng bộ không được. Đến lúc đó sẽ thành lập Đảng đối lập, phá thế chuyên chính một Đảng của Quốc dân đảng.

Trong quá trình này Ngoài Đảng sẽ cẩn thận trong phương thức "xuống đường đấu tranh", như vụ Trung Lịch, quần chúng bạo loạn dễ bị Quốc dân đảng nuốt chửng. Nếu để cho Quốc dân đảng có cớ trấn áp, phong trào mới nhú mầm như "Đảng Dân chủ Trung Quốc" đã bị bóp chết ngay trong nôi. Còn phe Hoàng Tín Giới, Hứa Tín Lương, Dư Đăng Phát, Trương Tuấn Hồng lại cho rằng vụ Trung Lịch cho thấy rõ lực lượng quần chúng, nhân tâm có thể dùng được rồi, từ đó về sau, coi xuống đường đấu tranh là một trong nhưng phương thức chủ yếu. Trục Khang – Hoàng hình thành trong thời kỳ Chính luận Đài Loan, bắt đầu chia rẽ và dần dần đi đến chỗ lỏng lẻo.

Nhưng sự kiện Trung Lịch, dù sao cũng là lần đánh bài ngửa giữa thế lực Ngoài Đảng và Quốc dân đảng, là sự kiện hiếm có gần 30 năm nay có sức công phá làm lay động cơ sở xã hội của chính quyền Quốc dân đảng ở Đài Loan, bộc lộ hết nguy cơ đe dọa quyền thống trị của Quốc dân đảng.

III. MƯA LŨ TRÀN VỀ, GIÓ ĐẦY NHÀ

Sau vụ Trung Lịch, Quốc dân đảng và Ngoài Đảng chuẩn bị binh mã cho một trận đấu tiếp theo.

Tháng 12 năm1978, Đài Loan sẽ tuyển cử "Đại biểu Dân ý Trung ương". Ngoài Đảng với thanh thế của cuộc tuyển cử Nghị sĩ và thị, Huyện trưởng năm ngoái, động viên mọi lực lượng ra tham gia tranh cử. Không chỉ có các lão tướng "Ủy viên Lập pháp" như Khang Ninh Tường, Hoàng Tín Giới, muốn tiếp tục nhiệm kỳ, hàng loạt trí thức có học vấn cao như Diêu Gia Văn, Hoàng Hoàng Hùng, Dương Thanh Xúc, Trương Đức Minh, Hà Văn Trấn, Lã Tố Liên, Vương Thác, Trần Cổ Ứng, Trần Uyển Chân cũng vào cuộc cả. Sau Tạp chí Đại học, lần này lại dấy lên cao trào các trí thức nói chuyện chính trị.

Từ hạ tuần tháng 9 năm 1978, những ứng cử viên Ngoài Đảng kể trên tổ chức các loại họp hành: trình bày chính kiến, bữa tiệc thân mật… Cuối tháng 9, Hoàng Tín Giới tổ chức bữa tiệc

thân mật để vận động bầu cử cho Vương Thác, đã tuyên bố Ngoài Đảng quyết định tổ chức "Đoàn cổ động bầu cử Ngoài Đảng Đài Loan", đi vận động trên toàn tỉnh.

Ngày 25 tháng 11, gần 20 nhân sĩ chủ yếu Ngoài Đảng họp mặt nhau tại Đài Trung thành lập "Đoàn cổ động bầu cử". Ngày 18 tháng 11, phát biểu "12 điểm chính kiến chung" để làm cương lĩnh tranh cử Ngoài Đảng, chủ yếu gồm:

1. Triệt để tuân theo quy định của "Hiến pháp": bầu lại toàn bộ "Đại biểu Dân ý Trung ương", Tỉnh trưởng, Thị trưởng do dân trực tiếp bầu; Nhà nước hóa quân đội; Tư pháp độc lập. Tòa án các cấp đổi thành Viện Tư pháp; bỏ Luật Vi cảnh, siêu nhiên hóa tư tưởng học thuật; cấm các Đảng khống chế trường học; tự do ngôn luận và xuất bản; sửa đổi Luật Xuất bản; mở cửa cho tạp chí, báo chí; tự do tham gia chính trị; mở cửa cấm Đảng, tự do đi lại, mở cửa du lịch.
2. Hủy bỏ Lệnh giới nghiêm.
3. Tôn trọng nhân cách, cấm bắt người và giam người trái pháp luật. Cấm xâm phạm nhà cửa và phá hoại quyền riêng tư của công dân.
4. Thi hành chữa bệnh toàn dân và bảo hiểm thất nghiệp.
5. Hủy bỏ chính sách bảo hộ các xí nghiệp giả tạo, bảo hộ các nhà tư sản.
6. Xây dựng nhà ở cho dân với lãi suất thấp.
7. Bỏ thuế ruộng, bảo đảm thu mua thóc theo giá thị trường, thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.
8. Định ra Luật tiêu chuẩn lao động, thi hành Luật Lao công, thừa nhận đàm phán giữa lao công và chủ.
9. Giúp ngư dân cải thiện vạn chài, xây dựng chế độ thu mua hợp lý, bảo đảm an toàn và sinh hoạt cho ngư dân.
10. Định ra Luật đề phòng ô nhiễm môi trường và Luật bồi thường nhà nước.
11. Phản đối phân biệt địa phương và ngôn ngữ, phản đối việc hạn chế thời gian phát sóng của đài truyền hình tiếng địa phương.
12. Thả tù chính trị, phản đối phân biệt đối xử với tù chính trị và gia đình họ về mặt kinh tế xã hội…

Ngày 24 tháng 11, Tổng bộ "Đoàn cổ động bầu cử Ngoài Đảng Đài Loan" chính thức thành lập, bầu Khang Ninh Tường làm Chủ tịch, Hoàng Tín Giới, Dư Đăng Phát làm Tổng liên lạc, Thi Minh Đức làm Tổng cán sự. Đoàn cổ động thực tế đã là mầm mống của một Đảng chính trị. Lúc bấy giờ rất nhiều người cho rằng, lần đầu tiên có một Đảng đối lập thực sự đã ra đời kể từ khi Quốc dân đảng thống trị Đài Loan đến nay.

Khi đó các ứng cử viên Ngoài Đảng phát những tờ truyền đơn công kích mạnh, trong đó kích động lòng người dân nhất là mấy loại sau:Thư gửi Quốc dân đảng Trung Quốc của Trần Cổ Ứng và Trần Uyển Chân công kích Quốc dân đảng 30 năm nay "phản công không tiến triển, vì nước không hết lòng, hổ nhục trong cô đảo" vì thế vi phạm chủ nghĩa dân tộc. "Đặt ra thời chiến và giới nghiêm, tùy tiện cắt bỏ Hiến pháp, dân chủ chỉ nói suông" vì thế vi phạm chủ nghĩa dân quyền; "Chính quyền câu kết với tài phiệt, phú thương được tôn quý. Công nông bị khinh rẻ, giàu nghèo cách biệt hẳn" vì thế vi phạm chủ nghĩa dân chủ. Tóm lại, Quốc dân đảng "Dân tộc không có địa vị, dân quyền không rõ ràng, dân chủ không đều nhau". Bản tuyên truyền này lời lẽ sắc sảo, khiến cho dân chúng Đài Loan có một nhận thức mới.

Dương Thanh Xúc, một "nhà văn công nhân" truyền đơn tranh cử của ông chủ trương "Công hữu, công trị, công hướng". "Công hữu" có nghĩa là công nhân có nhà máy của họ. "Công trị" là ăn chia công bằng, đổi mới tổ chức công đoàn. "Công hưởng" là nói tiền tương cao, phân phối về thành phần kinh tế. Lời kêu gọi này đã chứng tỏ giai cấp công nhân Đài Loan đã bắt đầu có ý thức giai cấp và đấu tranh đòi quyền lợi cho giai cấp mình.

Vương Thác, nhà văn nổi tiếng trong truyền đơn tranh cử, ông chỉ trích sự phân biết giàu nghèo. Ông nói: "Nguồn của cải của chúng ta hiện nay chủ yếu do nông dân, công dân, ngư dân, người lao động làm thuê, các nhà buôn bán vừa và nhỏ, các chủ xí nghiệp vừa và nhỏ, các nhân viên cấp thấp trong quân đội làm ra, nhưng phần lớn số của cải đồ sộ đó lại do một số rất ít các nhà tư bản và tầng lớp quan liêu ra các quyết sách lũng đoạn!... Một xã hội như vậy làm sao có thể nói là xã hội công bằng, hợp lý được".

Hoàng Thuận Hưng lại phân phát rộng rãi một tập sách tuyên truyền gọi là Trả cho tôi dân quyền. Trong đó ông liệt kê từng điều một như sự thật để nói "Hiến pháp" quy định các quyền lợi của nhân dân đều bị Quốc dân đảng lấy lý do về sự cần thiết phản công, dùng Luật Giới nghiêm để tước đoạt tất cả, thực ra bản thân Quốc dân đảng đã biết từ lâu phản công là không có hy vọng gì.

Ngoài mấy thứ kể trên ứng cử viên nào cũng đưa ra những truyền đơn của mình, nội dung chủ yếu xoay quanh 12 chính kiến mà "Đoàn cổ động bầu cử Ngoài Đảng" đã nêu. Nhờ sự phối hợp của Đoàn cổ động bầu cử, các nhóm vận động cho các ứng cử viên giúp đỡ nhau, những phần tử tích cực trên toàn đảo liên tục họp, các xe cổ động nói chuyện thời sự, phân phát truyền đơn, thu hút hàng nghìn dân chúng, tạo nên một bầu không khi sôi nổi chưa từng có trên toàn đảo.

Ngày 5 tháng 12, "Đoàn cổ động" tổ chức cuộc tọa đàm lớn ở hội trường Trung Sơn Đài Bắc. Hoàng Tín Giới, Diêu Gia Văn, Hoàng Ngọc Kiều chủ trì cuộc họp. Khang Ninh Tường, Trương Tuấn Hồng nói chuyện chuyên đề, Khi hát "Quốc ca" người chủ trì đề nghị sửa câu: "Tôn chỉ Đảng ta Tam dân chủ nghĩa" thành "Tôn chỉ dân ta, Tam dân chủ nghĩa", khiến cho các nhân sĩ Quốc dân đảng đến quan sát, ầm ầm phản đối, hai bên ẩu đả. Đây là sự kiện Trung Sơn Đường.

Đang lúc Ngoài Đảng hăng hái hoạt động để mở rộng thanh thế, ngày 6 tháng 12 Tổng thống Mỹ Jimmy Carter tuyên bố, từ tháng 1 năm 1979, chính thức đặt quan hệ ngoại giao với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Cùng ngày, Tưởng Kinh Quốc lấy quyền quy định trong "Điều khoản lâm thời động viên thời chiến" cho "Tổng thống" công bố lệnh "xử trí khẩn cấp", đề ra lệnh đình chỉ "mọi hoạt động tranh cử kể từ ngày hôm đó.

Tối hôm ấy, tổng bộ "Đoàn cổ động" họp, các nhân sĩ Ngoài Đảng liên danh ký tên ra bản Tuyên bố của các nhân sĩ xã hội đối với việc hoãn bầu cử, nói rõ tuyên bố của Carter không ảnh hưởng gì trực tiếp đến sự tồn vong của Đài Loan, yêu cầu khôi phục ngay tuyển cử.

Ngày 22 tháng 12, Tổng tư lệnh Cảnh bị, Uông Kính Húc tuyên bố "Chính phủ" sẽ có những biện pháp cần thiết đối với mọi cuộc họp mít tinh biểu tình trái phép. Mọi sách báo vi phạm "Hiến pháp", tuyên truyền cho "phỉ Cộng", xúi giục phạm tội sẽ xử lý theo các pháp lệnh hữu quan.

Ngày 25 tháng 12, nhân sĩ Ngoài Đảng định triệu tập "Tọa đàm việc nước" ở nhà hàng Quốc Tân, nhưng bị Quốc dân đảng cản trở không họp được, do đó lại đổi thành Tuyên bố nhân sĩ Ngoài Đảng bàn việc nước của liên danh Tổng bộ "Đoàn cổ động". Bản tuyên bố này ngoài việc nhắc lại chủ trương 12 điểm, còn nêu ra "lập trường cơ bản của chúng tôi là: thứ nhất kiên quyết ủng hộ Hiến pháp dân chủ… Vững tin vào Hiến pháp dân chủ là con đường duy nhất đối với chuyển chế, cứu vãn đời sống của dân tộc; thứ hai chống bạo lực, yêu hòa bình. Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng bất kỳ hành động bạo lực nào, không kể là thủ đoạn hay mục đích, đều thiếu cơ sở đạo đức. Nhưng hòa bình của chúng tôi từ trước đến này đều phải là hòa bình dưới ánh sáng của Nhân quyền, Pháp chế chứ không phải yên lặng trong khuất nhục trước cảnh hiện trạng xấu xa, hoặc yên tĩnh như một nấm mồ che giấu đặc quyền, xâm phạm lợi ích Nhà nước và lợi ích của nhân dân".

“Lập trường cơ bản” kể trên, đáng chú ý là đã nhấn mạnh vấn đề chống bạo lực, thể hiện rõ ảnh hưởng của phái “vững mạnh” Khanh Minh Tường, Trương Đức Minh. Nhưng đoạn sau thuyết minh thêm, vẫn lộ rõ khuynh hướng cấp tiến của nhóm Hoàng Tín Giới, Hứa Tín Lương, không cam chịu “yên lặng trước hiện trạng xấu xa”. Thực tế sự ký tên chung trong bản “Tuyên bố việc nước” này vẫn chưa giải quyết được sự chia rẽ trong vấn đề chọn phương thức đấu tranh với Quốc dân đảng của phe Ngoài Đảng, khuynh hướng đấu tranh xuống đường không những không yếu đi mà còn không ngừng tăng lên.

Càng đáng chú ý hơn nữa là bản “Tuyên bố việc nước” này, chính thức nói rõ: “Chúng tôi phản đối bất cứ cường quyền nào chi phối vận mệnh của nước khác, chúng tôi cương quyết chủ chương vận mệnh của Đài Loan phải do 17 triệu nhân dân quyết định.” Đoạn này để lộ một chút khuynh hướng Đài độc nhất định. Đây là vấn đề phổ biến trong phe Ngoài Đảng.

Khi ký tuyên bố này, Ngoài Đảng quyết định từ ngày 29 tháng 1 năm 1979 sẽ tổ chức hoạt động chúc tết vòng quanh đảo, xuất phát từ Đài Bắc, dọc đường sẽ phân phát “Tuyên bố việc nước” và dự định đến ngày 1 tháng 2 sẽ tụ họp tại nhà Dư Đăng Phát tại xã Kiều Đầu huyện Cao Hùng làm một bữa đại tiệc Ngoài Đảng. Dự tính sẽ mời khoảng hơn một nghìn nhân sĩ Ngoài Đảng nổi tiếng trong tỉnh. Có người cho rằng ngày 1 tháng 2 đại tiệc Ngoài Đảng rất có thể trở thành đại hội thành lập Đảng.

Từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 1, Thi Minh Đức, Tổng cán sự Tổng bộ đoàn cổ động đến Cao Hùng thảo luận với Dư Đăng Phát về bữa tiệc. Ngày 20, Thi Minh Đức trở lại Đài Bắc. Ngày 21, Quốc dân đảng đột nhiên ra tay trước, bắt hai cha con Dư Đăng Phát và Dư Thụy Ngôn vì tội “tham gia phiến loạn của gián điệp Cộng sản Ngô Thái An”.

Ngô Thái An bị bắt ngày 4 tháng 10 năm 1978, không hề có quan hệ gì đến cha con nhà họ Dư. Quốc dân đảng bắt họ chẳng qua là “người say đâu tại rượu” muốn nhờ Ngô vu cho Hoàng Thuận Hưng thuộc cánh tả Ngoài Đảng. Nhưng thòng lọng chưa thắt xong, lại nghe tin Ngoài Đảng muốn tổ chức bữa tiệc hàng nghìn người. Quốc dân đảng thấy phạm vào cấm Đảng, mà Dư Đăng Phát là nhân vật trung tâm, chỉ có tóm cổ cha con họ Dư mới bóp chết được từ trong trứng nước bữa tiệc hàng ngàn người Ngoài Đảng. Nhưng sự việc quá vội vàng Quốc dân đảng chưa kịp ra cớ khác hoặc giăng một cái lưới có sức thuyết phục hơn, chỉ có thể giao cho Ngô Thái An “nhiệm vụ mới” thay vu cáo cho Hoàng Thuận Hưng thành hai cha con họ Dư. Như vậy Ngô Thái An giống vai trò của Lưu Tử Anh trong vụ Lôi Chấn vậy, cha con Dư bước sau đám bụi của Lôi Chấn bị Quốc dân đảng chụp cho chiếc mũ đỏ, loạng choạng bước vào tù.

Quốc dân đảng đột nhiên bắt cha con Dư, ngoài lời khai của Ngô Thái An ra không còn bất cứ tang chứng nào, hơn nữa Quốc dân đảng tuyên bố bắt Ngô Thái An trước đó ba tháng rưỡi, nay lại đưa cha con họ Dư dính líu vào, cái lối ép người vào tội đó bị dư luận báo chí gọi là màn kịch hoang đường “chẳng có tình lý pháp luật”.

Ngày 22 tháng 1 năm 1979, 58 nhân sĩ Ngoài Đảng của Khang Ninh Tường liên danh gửi thư cho Tưởng Kinh Quốc, “kháng nghị nghiêm trọng” đối với việc bắt Dư Đăng Phát. Cùng ngày hơn 20 người thuộc nhóm cấp tiến có Hứa Tín Lương, Trương Tuấn Hồng, Hoàng Thuận Hưng, Diêu Gia Văn, Trương Xuân Nam, Lâm Nghĩa Hùng, Trần Cúc (người phụ trách Văn phòng ở Đài Bắc của Quách Vũ Tân), Trần Uyển Chân, Vương Thác, Hà Xuân Mộc, Dương Thanh Xúc, Thi Minh Đức, Lâm Cảnh Nguyên đến nhà Dư Đăng Phát thảo luận với con dâu ông là bà Trần Nguyệt Anh tìm cách cứu cha con họ Dư, họ quyết định thành lập Ủy ban quan tâm đến vụ bắt cha con Dư Đăng Phát. Sau đó họ tổ chức tuần hành thị uy, dọc đường phân phát Thư gửi đồng bào toàn quốc về vụ bắt bớ cha con họ Dư. Họ hô to khẩu hiệu: “Kiên quyết phản đối bức hại chính trị” và “Phải thả ngay cha con họ Dư”. Đây là lần đầu tiên sau vụ 28-2, đoàn biểu tình trực tiếp nhằm vào Quốc dân đảng chứ không nhằm vào một ngành nào khác. Số người tham gia tuy không nhiều nhưng rõ ràng là thách thức đối với thể chế giới nghiêm đã tồn tại 30 năm nay.

Ngày 23 tháng 1, "Chủ tịch Đài Loan" Lâm Dương Cảng tuyên bố: Hứa Tín Lương là Huyện trưởng Đào Viên lại dẫn đoàn biểu tình, rải truyền đơn, quyết định giao cho Ban trừng trị quan chức xử lý. Ngày 24 tháng 1, bộ máy kiểm duyệt ra lệnh đóng cửa tờ Hạ Triều, một tờ báo thuộc cánh tả Ngoài Đảng. Ngày 3 tháng 2, "Viện trưởng Hành chính" Tôn Vận Toàn nói chuyện tại "Viện Lập pháp", cho rằng bất cứ đoàn thể hay cá nhân nào cũng không được làm ảnh hưởng đến vụ án họ Dư; "Chính phủ" tiếp tục giới nghiêm là do hoàn cảnh bắt buộc. Đại loại như việc đó, đều chứng tỏ Quốc dân đảng tăng cường bắt ép đối với Ngoài Đảng.

Nhưng đáng chú ý là, cuộc biểu tình ngày 22 tháng 1 rõ ràng đã vi phạm luật giới nghiêm, vậy mà Quốc dân đảng chỉ dám xử lý mình Hứa Tín Lương, không dám tuyên bố đây là cuộc biểu tình phi pháp để trừng phạt tất cả những người tham gia. Điều này chứng tỏ sự lớn mạnh của phong trào Ngoài Đảng. Quốc dân đảng cũng đã bắt đầu nghi ngờ tính hiệu quả của bộ máy bạo lực và sự ổn định của cơ sở thống trị.

Trong Quốc dân đảng, thế lực bảo thủ gồm bọn đặc vụ và các "đại lão" ngoan cố, chủ trương trấn áp mạnh phong trào Ngoài Đảng, còn phái Khai minh gồm các "tài năng trẻ", các quan chức kỹ thuật và các quan chức ngoại giao, các cán bộ Đảng, lại chủ trương cố gắng làm tan rã, gây chia rẽ Ngoài Đảng, để không làm cho mâu thuẫn sâu sắc thêm. Do có ý kiến khác nhau, nên Quốc dân đảng đối phó với thế công Ngoài Đảng có tính chất hai mặt: "ép" và "buông".

Đối với sức ép của Quốc dân đảng, thế lực Ngoài Đảng cũng không chịu kém. Ngày 30 tháng 1, nhóm Hoàng Tín Giới tuyên bố: "Ủy ban quan tâm đến vụ bắt bớ cha còn họ Dư" đổi tên thành "Ủy ban nhân quyền Đài Loan", do Hoàng Tín Giới làm Chủ nhiệm, Thi Minh Đức làm Tổng cán sự. Ngày 4 tháng 2, gần 30 vị Ngoài Đảng của Khang Ninh Tường, Hoàng Tín Giới đến huyện Đào Viên tặng Hứa Tín Lương bức trướng "Nhân quyền muôn năm", tiếp theo biểu tình thị uy ngay trong huyện Đào Viên.

Người gốc Đài Loan ở Mỹ cũng tổ chức tại Chicago một hội ủng hộ phong trào dân chủ Đài Loan, tuyên bố "tạm gác" mọi bất đồng về tiền đồ của Đài Loan, để "đoàn kết ủng hộ phong trào dân chủ trong đảo" đòi thả ngay cha con Dư Đăng Phát.

Trong bảy tám tháng trời, Quốc dân đảng và Ngoài Đảng đối mặt với nhau, kẻ qua người lại xung đột ngày càng tăng. Nhưng trong bầu không khí chính trị căng thẳng này, vì trong Quốc dân đảng có phái Khai minh, Ngoài Đảng có phái Vững mạnh Khang Ninh Tường, Trương Đức Minh, khiến cho hai bên cũng làm vài lần "thông cảm" và "chuyện trò" chỉ có điều ý kiến quá khác nhau, nên cũng không nói được chuyện gì ra hồn.

Ngày 1 tháng 3, Quốc dân đảng tuyên bố khôi phục lại việc đăng ký tạp chí. Nhưng ngày 14 tháng 3 lại đưa ra "Bản sửa đổi chi tiết về thi hành Luật Xuất bản", thêm điều: "Xuất bản phẩm nào vi phạm quốc sách cơ bản, phá hoại đoàn kết, làm nguy hại đến lòng dân hoặc nguy hại đến trật tự an ninh, ngoài việc xử lý theo Luật Xuất bản, còn phải đưa ra các cơ quan hữu quan xử lý trước tòa án." Ngày 16 tháng 4, Quốc dân đảng thấy phong trào phản kháng mạnh trong và ngoài đảo, đã xử Dư Đăng Phát tám năm tù giam vì tội "biết địch không khai báo và tuyên truyền cho địch"; xử Dư Thùy Ngôn ba năm tù, cho hưởng án treo hai năm về tội "biết địch không khai báo". Ngày 20 tháng 4, "Viện Giám sát" thông qua vụ hỏi tội Hứa Tín Lương. Ngày 8 tháng 6, chính quyền Đài Loan tuyên bố cảnh cáo Hứa Tín Lương. Ngày 29 tháng 6, "Ủy ban Trừng phạt quan chức Bộ Tư pháp" xử Hứa Tín Lương "nghỉ việc hai năm".

Tương ứng với những việc trên, Ngoài Đảng cũng đã tổ chức nhiều cuộc thị uy kháng nghị. Ngày 27 tháng 4, để chống lại Đề án sửa đổi Luật Xuất bản, tạp chí Trào lưu của Ngô Triết Lăng và Trần Uyển Chân ra đời. Đây là tờ báo bí mật đầu tiên từ 30 năm đã xuất bản không đăng ký. Tháng 5, Quốc dân đảng tuyên bố tờ Trào lưu phạm pháp, phải thu giữ, nhưng thực tế vẫn để yên, thậm chí Trào lưu phát hành đến tận số 46. Đối với lời lẽ của Trào lưu, phái Bảo thủ trong Quốc dân đảng cho rằng "cũng là bọn Đài độc, chống lại Chính phủ, nói xấu những người đứng đầu nhà nước" phải nghiêm trị. Ngày 7 tháng 8, "Tổng cảnh" bắt Trào lưu phải đóng cửa và bắt

Trần Bắc Văn và Dương Dụ Vinh là những người in báo. Ngày 10 tháng 8, người phụ trách tờ báo Trào lưu là Trần Uyển Chân gây sự ở Mỹ, bà đến trước cửa "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" của Đài Loan ở Mỹ công bố một bức thư ngỏ gửi Tưởng Kinh Quốc, nói rằng bà chịu trách nhiệm về tờ Trào lưu, bảo Tưởng Kinh Quốc bắt ngay bà… Chính quyền Đài Loan dĩ nhiên là không thể bắt người tại Mỹ do đó Trần Uyển Trân tuyệt thực ngay tại "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ", dần dần có đến 200 người Đài Loan ở Mỹ kéo đến ngồi cùng bà. Hai bên cương nhau đến ngày 20 tháng 8, Trần Uyển Chân không chịu nổi ngất đi, cuộc tuyệt thực mới chấm dứt.

Đối với việc Trần Uyển Chân tuyệt thực, phe Bảo thủ chửi bà là "đồ bán nước", "đi kiện Tây", "để chết cho đáng đời", nhưng thực tế việc này đã gây ảnh hưởng xấu ở Mỹ, Quốc dân đảng suy nghĩ đắn đo mãi cuối cùng theo đề nghị của phái Khai minh, đòi Ngô Triết Lãng, một trong những người chủ trì tạp chí Trào lưu nộp 20 nghìn Đài tệ, bảo lãnh tha cho Trần Bắc Vân và Dương Dụ Vinh. Coi như Quốc dân đảng nhượng bộ và kết thúc vụ này.

Ngoài tờ Trào lưu ra, Ngoài Đảng còn lợi dụng dịp khôi phục đăng ký xuất bản tạp chí, liên tiếp ra báo, xuất bản sách để tạo thế tấn công dư luận lớn mạnh. Chỉ trong có mấy tháng ngắn ngủi, đã có bảy tám tờ báo mới được chính quyền phê duyệt. Trong đó, có tờ chỉ ra hai đến ba số đã bị đóng cửa. Những người ra báo thay đổi tên, lại xin đăng ký, Quốc dân đảng bí ở chỗ "tự do xuất bản" nên đành phải cho phép. Khi thấy "bình mới rượu cũ" lại đóng cửa, người ra báo lại đổi tên mới… cứ như vậy khiến Quốc dân đảng không kịp xả hơi.

Lợi dụng "tính hợp pháp" mà Quốc dân đảng đưa ra, báo chí ra ồ ạt, đại thể chia làm 3 loại. Một loại báo tán thành thống nhất với Đại Lục của phe tả Ngoài Đảng, đại biểu là tờ Tiếng nói Phú Bảo và tiếp theo là các tờ Hạ Triều, Gió xuân, Tiếng trống… Những nhóm người này thuộc phe Ngoài Đảng. Một loại khác đại biểu là tờ Thập kỷ 1980 của phái Vững mạnh của Khang Ninh Tường, Tư Mã Văn Vũ (Giang Xuân Nam) Trương Đức Minh. Loại thứ ba là tờ Mỹ lệ đảo của Hoàng Tín Giới, Hứa Tín Lương.

Tiếng nói Phú Bảo ra mắt ngày 25 tháng 5 năm 1975 do Hồng Chí Lương làm Chủ nhiệm, Lý Khánh Vinh làm Tổng biên tập. Hồng Chí Lương đã thăm quan Đại Lục. Lý Khánh Vinh năm 1977 viết bài chủ trương khôi phục tự do thông tin, tự do đi lại giữa hai bờ eo biển, hai bên trao đổi vật tư. Báo này phần lớn đưa tin của đối phương và nhấn mạnh con đường sống duy nhất của Đài Loan là "Đoàn kết với mọi người Trung Quốc". Sau khi Tiếng nói Phú Bảo được phục hồi, họ đã đăng nhiều bài kiên quyết phản đối "Đài độc" hô mạnh "Hòa Bình thống nhất là nguyện vọng của toàn thể nhân dân Trung Quốc". Họ đề xuất: Hai bên Quốc – Cộng "tiếp tục thiện ý" không nên chửi bới nhau là giặc. Lưu học sinh hai bên lên tọa đàm và liên hoan chung với nhau, nghiên cứu xây dựng một nước Trung Hoa mới.

Ai ra nước ngoài thăm quan cũng lên chủ động tiếp xúc với đồng bào Đại Lục và cán bộ Trung Cộng. Nên cho phép đồng bào Đài Loan đến thăm Đại Lục. Thực hiện thông thương, thông bưu giữa hai bờ. Những chủ trương này đều động chạm đến nỗi đau của chính quyền Đài Loan. Vì vậy, Tiếng nói Phú Bảo chỉ trụ được hơn hai tháng, tức là đầu tháng 8 bị đóng cửa. Ngày 30 tháng 8, "Tổng cảnh" bắt Hồng Chí Lương về tội "ngầm về Đại Lục gặp cán bộ Cộng sản". Ngày 3 tháng 10, Cục điều tra bộ Hành Tư pháp lại "hẹn gặp" Lý Khánh Vinh và nhà văn nổi tiếng tán thành thống nhất là Trần Anh Chân (Trần Vĩnh Thiên) về chuyện "Phiến loạn". Gặp song họ giao hai người cho "Tổng cảnh". Ngày 4 tháng 10, "Tổng cảnh" nhận bảo lãnh tha cho hai ông. Đây là vụ "bắt thả Lý, Trần".

Tháng 6 năm 1979, Tờ Thập kỷ 1980 do Khang Ninh Tường tự nhận làm Chủ nhiệm, Tư Mã Văn Vũ làm Tổng Biên tập. Tờ báo này kế thừa truyền thống của tờ Tạp chí Đại học và tờ Chính luận Đài Loan, chỉ tập hợp các học giả chuyên nghiệp và phóng viên báo chí. Đó là tờ báo của phái Vững mạnh Ngoài Đảng, chuyên viết chính luận có tính chất phê phán và trực tiếp liên hệ với các cuộc xuống đường đấu tranh.

Ngày 16 tháng 8, tờ báo Mỹ lệ đảo của phái cấp tiến Ngoài Đảng ra đời. Người phát hành là Hoàng Tín Giới, Chủ nhiệm là Hứa Tín Lương, Hoàng Thiên Phúc và Lã Tú Liên làm phó Chủ nhiệm. Trương Tuấn Hồng làm Tổng biên tập. Thi Minh Đức làm Tổng Giám đốc. Nhưng người làm công tác thực tế là Diêu Gia Văn, Lâm Nghĩa Hùng, Hoàng Thiên Phúc, Lã Tú Liên, Vương Thác, ngoài ra còn có 61 vị nhân sĩ Ngoài Đảng như Khang Ninh Tường, Hoàng Thuận Hưng làm Ủy viên. Rõ ràng Mỹ lệ đảo đã chứa gần như toàn bộ những tinh anh của Ngoài Đảng. Sau khi ra đời mọi người trong Mỹ lệ đảo nhanh chóng thành lập phân xã, phân ban đều tổ chức diễn thuyết mang tính quần chúng. Do đó thanh thế ảnh hưởng nhanh chóng đánh át cả Thập kỷ 1980 của phái Vững mạnh. Khi đó sự chia rẽ của hai phái này vẫn được che đậy bởi sự đoàn kết bên ngoài. Khang Ninh Tường tuy không để ý đến sự việc cụ thể của Mỹ lệ đảo, nhưng cũng đứng tên làm Ủy viên, điều đó khiến cho dân chúng đông đảo không rõ mâu thuẫn nội bộ, vẫn cho Mỹ lệ đảo là bộ tổng tư lệnh của thế lực Ngoài Đảng. Còn các phần tử trung tâm của Mỹ lệ đảo như Hoàng Tín Giới, Hứa Tín Lương, Trương Tuấn Hồng, Thi Minh Đức cũng đang cố gắng đi theo hướng đó.

Đối với sự mở rộng thế lực Ngoài Đảng, phái Khai minh trong Quốc dân đảng vẫn giữ lập trường "buông". Từ tháng 9 cho đến nay, Phó Bí thư Ủy ban chính sách Trung ương Quốc dân đảng là Quan Trung, Lương Túc Nhung (từng làm luật sư biện hộ cho Lôi Chấn, bị phái Bảo thủ đả kích là ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng), phó Chủ nhiệm Ban Tổ chức Trung ương Chu Kiên Trương đã tham gia các hoạt động của nhân sĩ Ngoài Đảng. Ngày 3 tháng 9, "Đại lão" của thế lực địa phương Đài Loan là Ngô Tam Liên mời Quan Trung, Lương Túc Nhung và các nhân sĩ Ngoài Đảng như Khang Ninh Tường Hứa Tín Lương, Trương Minh Đức, Giang Xuân Nam dự "cơm thân mật" và mới các "Ủy viên Lập pháp" tự do và các giáo sư Phí Hy Bình, Tề Thế Anh, Dương Quốc Khu, Hổ Phật, Hoàng Việt Khâm, Thẩm Sơn Quân cũng tham dự. Bữa tiệc diễn ra trong bầu không khí hài hòa, Quan Trung nhấn mạnh Quốc dân đảng chịu để dư luận phê phán, là xem xét hoàn cảnh trong, ngoài, nhưng trước mắt an ninh vẫn là quan trọng.

Khang Ninh Tường lại bày tỏ: "Tôi không có gì phản đối sự lãnh đạo của Quốc dân đảng, mong chính quyền đừng tùy tiện gọi người ta là phần tử gây chia rẽ hoặc phần tử có âm mưu". Đồng thời, một lần mít tinh ở chính quyền tỉnh, Quan Trung đã nói: "Quốc dân đảng không có kẻ thù nào khác Ngoài Đảng cộng sản, đối với nhân sĩ trong nước không phải là Đảng viên Quốc dân đảng, chính quyền muốn tăng cường mối quan hệ. Đối với một số người bất mãn chính quyền cũng muốn hòa giải bằng một biện pháp thích đáng". Ngày 2 và ngày 9 tháng 9, Chu Kiên Chương cũng đã hai lần tham gia tọa đàm chính trị do nhân sĩ Ngoài Đảng tổ chức, bắt tay với Hoàng Tín Giới, Hoàng Thuận Hưng, Trương Tuấn Hồng, Diêu Gia Văn, Dương Thanh Xúc. Chu Kiện Chướng nói "Mong rằng hai bên thỏa hiệp với nhau, có thể tiếp thu một số nguyên tắc". Những ngày này, các tờ báo của Quốc dân đảng như tờ Trung Hoa nhật báo, Đài Loan tân sinh báo cũng giảm lời lẽ công kích các nhân sĩ Ngoài Đảng.

Mặt khác, các phe Bảo thủ trong Quốc dân đảng cũng đang ngứa ngáy hoạt động. Tạp chí Gió nghịch của đặc vụ, tổ chức một loạt "nghĩa sĩ chống Cộng" với hình thức quần chúng tự phát kháng nghị đến gây rối các cuộc họp của các nhân sĩ Ngoài Đảng. Sách lược đấu tranh "lấy quần chúng diệt quần chúng" là thủ đoạn mới của Quốc dân đảng trong tình hình mới. Đồng thời, mặt trận Ngoài Đảng vẫn còn có chút khuynh hướng "Đài độc", nhất là tạp chí Mỹ lệ đảo, ngoài bìa in một tấm bản đồ Đài Loan màu lục, đi kèm theo chữ "Mỹ lệ đảo" viết bằng tiếng Trung và từ tiếng Anh "FORMASA", có ý nhắc đến nguồn gốc Đài Loan. Điều này cũng là cái cớ để phe Bảo thủ trấn áp.

Ngày 8 tháng 9, Mỹ lệ đảo đăng bài đầu tiên Cùng nhau đẩy mạnh phong trào chính trị của thời đại mới, Cùng ngày, đồng sự của tờ báo đó tổ chức bữa tiệc mừng tờ báo ra mắt bạn đọc tại nhà khách Trung Thái, thành phố Đài Bắc. Muốn tranh thủ sự giúp đỡ của phái Khai minh của Quốc dân đảng, báo này đã xin phép "Tổng cảnh" mít tinh hợp pháp. Đồng thời gửi hàng nghìn thiệp mời, mời cả Tưởng Kinh Quốc, Trương Bảo Thụ, Quan Trung, các "Ủy viên Lập pháp", Giáo sư, Đại sứ, phóng viên nước ngoài tham gia. Hôm đó đến dự có hàng trăm nhân sĩ nổi tiếng Ngoài Đảng, trong đó đáng chú ý là Khang Ninh Tường đến dự với danh nghĩa là người

phát hành tờ Thập kỷ 1980, chứ không phải là Ủy viên của tờ Mỹ lệ đảo. Các ông Ngô Tam Liên, Phí Hy Bình, Thẩm Quân Sơn, Hoàng Việt Khâm lấy danh nghĩa Quốc dân đảng đến chúc mừng. Nhân sĩ Ngoài Đảng phát biểu đều chú ý kiềm chế, lúc đầu định dùng tiếng Đài Loan, sau đổi dùng tiếng "Quốc ngữ". Hoàng Tín Giới còn đứng đầu hô khẩu hiệu ủng hộ Tưởng, không khí rất là hòa hảo.

Nhưng trong quá trình tiệc rượu, "quần chúng" của tờ Gió nghịch bao vây nhà khách Trung Thái, họ hô "Đài độc cút đi", "bọn bán nước cút đi" rồi lấy pin và đá ném vào phòng họp. Nhiều cảnh sát nghe tin chạy đến bố trí một hàng rào cảnh sát trước hội trường, ngăn các "nghĩa sĩ chống Cộng" muốn xông vào hội trường. Đến năm giờ chiều, bữa tiệc kết thúc theo kế hoạch. Cảnh sát điều đến mấy chiếc xe buýt lớn đỗ ở trước nhà khách, mong rằng những người dự họp lên xe ra đi. Hoàng Tín Giới trả lời: "Chúng tôi họp hợp pháp, chúng tôi phải ra đi đàng hoàng, chứ không chui lủi vụng trộm" và đòi cảnh sát phải xua đuổi đám "quần chúng" vây khách sạn đi. Cục trưởng cảnh sát Đài Bắc Hồ Vụ Hy đến khuyên những người bao vây lui lại, những nhân sĩ Ngoài Đảng không bằng lòng cái lối "bảo hộ" của cảnh sát. Họ trương biểu ngữ "mời cảnh sát rút đi" và nói nếu cảnh sát không đủ sức đuổi bọn người này chúng tôi đành tự giải quyết. Vì thế Hứa Tín Lương tổ chức trong hội trường một "đội cảm tử" chia 200 người thành tám tiểu đội chuẩn bị xông thẳng ra. Vì nghe nói những người bên ngoài có mang gậy gộc, cảm tử quân tìm mấy chục chiếc gậy để tự vũ trang cho mình. Hồ Vụ Hy thấy vậy, chạy như con thoi ra vào để dàn xếp, khuyên Hoàng Tín Giới cố giữ bình tĩnh, không vội xông ra, mãi đến bảy giờ chiều, hôm đó "quân chúng" bên ngoài mới nghe lời "khuyên bảo" của cảnh sát rút lui.

"Quần chúng" bên ngoài giải tán rồi, nhưng người dự họp xếp hàng đôi đi ra dưới sự bảo hộ của cảnh sát. Cảnh sát khuyên họ ngồi xe bus ra đi, nhóm Hoàng Tín Giới muốn đi bộ, nhưng đến đường Trường Xuân lại gặp "quần chúng" bao vây chửi bới. Nhóm Hoàng Tín Giới đành phải lên xe cảnh sát. Khi xe chạy bị đá ném, nghe nói một vị bị thương nhẹ.

Hôm sau thiếu tướng Tư Mai Lâm, người phát ngôn của "Tổng cảnh" nói: "Tạp chí Đảo mỹ lệ là tờ báo hợp pháp, hôm qua tổ chức tiệc rượu ở nhà khách Trung Thái, trước đó đã được phép, đó là một cuộc họp hợp pháp, lời lẽ trong cuộc họp trước sau không có gì vi phạm, nên họ được cơ quan bảo vệ trị an bảo hộ hợp pháp. Đám quần chúng thanh niên chống đối trước cửa nhà khách, tuy những điều họ nói là xuất phát từ lòng yêu nước, nhưng hành vi của họ đã phương hại đến trật tự xã hội nên cơ quan trị an đã giải tán họ theo luật pháp." Thực ra, "Tổng cảnh" cũng chỉ nói vậy, chứ không hề có hành động trừng phạt nào. Một nguồn tin khác cho biết, dẫn đầu đám "nghĩa sĩ chống Cộng" là Tiêu Ngọc Tỉnh đã tự xưng thượng cấp của hắn là "Trưởng nha cảnh sát" Khổng Lệnh Thành, người đứng đằng sau tạp chí Gió nghịch không phải ai khác là Tưởng Hiếu Vũ, con trai Tưởng Kinh Quốc.

Sau vụ nhà khách Trung Thái, ngày 30 tháng 9, Hứa Tín Lương đi qua Nhật sang Mỹ, định nhờ làm áp lực với chính quyền Đài Loan. Hồi tháng 6, Trần Cổ Ứng đã bị bức hại một lần ở bộ máy đặc vụ Quốc dân đảng và phải sang Mỹ. Như vậy Ngoài Đảng bớt đi một hảo hán có khuynh hướng Đài độc là Hứa Tín Lương và cũng bớt đi một dũng tướng tán thành huynh hướng thống nhất Đại Lục là Trần Cổ Ứng. Các nhân sĩ Ngoài Đảng ở Đài Loan phổ biến đều cho là Quốc dân đảng sẽ phải nhượng bộ dần, họ ngây thơ tưởng rằng dưới sức ép của hoàn cảnh quốc tế và quần chúng trong Đảo, Quốc dân đảng sẽ không dám trấn áp phong trào Ngoài Đảng, nên đặt nhiều hy vọng vào sự bắt tay giữa họ và phái Khai minh trong Đảng. Đồng thời họ cũng tưởng rằng đám quần chúng đứng lắng tai nghe họ diễn thuyết là người của mình, sẵn sàng làm theo các hoạt động chính trị của họ. Trong những hoạt động phức tạp đã xuất hiện các nhân vật kiểu "Giám đốc" hoặc kiểu "Quân sư" như Thi Minh Đức, họ vỗ ngực hô to "chết cũng không sợ", lôi kéo được rất nhiều cốt cán cơ sở ủng hộ họ. Những người như Hoàng Tín Giới, Trương Tuấn Hồng, Diêu Gia Văn tuy không quá khích như Thi Minh Đức, nhưng trong ý thức sâu thẳm của họ vẫn mê mải với sách lược "bên bờ bạo lực", cho rằng xuống đường đấu tranh, thậm chí quần chúng nổi loạn sẽ buộc Quốc dân đảng nhượng bộ. Còn Lã Tú Liên, Khâu Thùy Trinh, tuy không chủ trương đi quá nhanh, nhưng thực tế vẫn bị người ta mang kiệu khênh đi, cuốn hút vào những cuộc xuống đường đấu tranh. Chỉ có Khang Ninh Tường vẫn giữ lập trường vững mạnh.

Nhưng để duy trì đoàn kết và sợ người ta cho là nhát gan, họ cũng không thể phê bình hoặc chống lại phương thức xuống đường, thậm chí nhiều lúc cũng bị cuốn hút theo.

Trong tình hình như vậy, sách lược đấu tranh của phe Ngoài Đảng rõ ràng là đi theo hướng "bên bờ bạo lực" và kích động quần chúng làm bạo loạn. Quốc dân đảng án binh bất động chờ đợi phản kích. Bầu không khi căng thẳng bao trùm Đài Loan chỉ chực "Mưa lũ tràn về, gió đầy nhà".

IV. SỰ KIỆN CAO HÙNG VÀ TÒA QUÂN SỰ

Tháng 11 năm 1979, các hoạt động của tạp chí Mỹ lệ đảo trở thành điểm chú ý của toàn Đài Loan.

Từ trung tuần tháng 11 trở đi, các đồng sự của tòa báo tỏa đi các nơi liên lạc tổ chức hơn mười lần mít tinh quần chúng với quy mô lớn, xung đột nhiều lần với các "nghĩa sĩ chống Cộng" đến quấy rối. Nhà của Hoàng Tín Giới không rõ kẻ nào đến đốt. Một số phòng làm việc củaMỹ lệ đảo bị côn đồ đập phá. Những hành động đó chứng tỏ phe Bảo thủ đã hành động. Phí Hy Bình một "Ủy viên Lập pháp" thuộc phái tự do lão luyện đã nhắc nhở các đồng sự của Mỹ lệ đảo, khuyên họ lên suy nghĩ kỹ, không nên coi thường Quốc dân đảng. Quan Trung, người thuộc phái Khai minh trong Đảng cũng nói mãi với những người phụ trách Mỹ lệ đảo, yêu cầu họ không nên mở rộng sự việc. Tuy cũng có người nghe theo Quan Trung nhưng nhóm của Khang Ninh Tường chẳng hạn, nhưng đa số đang điên đầu, lại bị các "nghĩa sĩ chống Cộng" quấy đảo, quyết tâm làm đến cùng bằng bất kỳ giá nào. Họ lợi dụng ngày mùng 10 tháng 12 là ngày Nhân quyền Quốc tế tổ chức tại nơi chống Tưởng mạnh nhất là Cao Hùng, một cuộc "Đại hội Nhân quyền" và tuần hành thị uy, biểu dương lực lượng trước Quốc dân đảng.

Ngày 8 tháng 12, thành lập phòng phục vụ Bình Đông của Mỹ lệ đảo, toàn bộ phái cấp tiến Ngoài Đảng đến trợ chiến, mít tinh quần chúng ngay tại chỗ với thanh thế rất lớn làm náo động cả Bình Đông êm đềm. Trong thời gian hội nghị, cảnh sát huy động số lượng lớn nhân viên, xe cộ vây bọc hội trường, đã có một vài xung đột nhỏ và cãi vã với quần chúng. Tối ngày 9 tháng 12, phe Mỹ lệ đảo cho xe tuyên truyền đi khắp thành phố Cao Hùng cổ động nhân dân tham gia ngày "Đại hội Nhân Quyền" vào ngày 10 tháng 12. Vì đặc vụ chụp ảnh, khiến cho người của Mỹ lệ đảo và quần chúng bực mình, đòi người chụp ảnh xuất trình giấy tờ. Đặc vụ núp trong xe của cảnh sát nhưng bị quần chúng vậy chặt không đi được. Hai bên xô xát kính xe bị đập vỡ, nắp máy bị lật lên. Người của Mỹ lệ đảo là Điều Quốc Kiện và Khâu Thắng Hùng bị mật vụ đánh và bắt đi. Thi Minh Đức, Trần Cúc, Lâm Hoàng Tuyên ở Cao Hùng biết tin, dẫn quần chúng đến trước cửa Cục cảnh sát diễn thuyết kháng nghị và phân phát Thư gửi đồng bào toàn quốc, cuối cùng buộc cảnh sát phải thả Diêu Quốc Kiện và Khẩu Thắng Hùng. Vụ này khiến mọi người rất kích động và trở thành khúc dạo đầu cho cuộc xung đột ngày hôm sau.

Ngày 9 tháng 12, bộ tư lệnh cảnh khu Đài Nam đột nhiên tuyên bố ngày 10 tháng 12 sẽ tiến hành "Tập trận mùa đông số 7", thực hiện giới nghiêm, cấm tất cả cả cuộc mít tinh. Đây rõ ràng là muốn bóp chết Đại hội Nhân quyền của Ngoài Đảng định tổ chức ngày 10 tháng 12. Đồng thời dự tính trước Ngoài Đảng không chịu, Quốc dân đảng điều số lớn bộ đội trị an và rất nhiều xe cảnh sát từ ngoài đến, cảnh sát đều đội mũ trụ mặc áo giáp cả. Tưởng Kinh Quốc hạ lệnh "Bình tĩnh chịu đựng, cố gắng giữ trật tự", Quân cảnh nhận được mệnh lệnh "Đánh không đánh trả, chửi không đáp lời", vì thế không cho mang súng đạn chỉ cho mang dùi cui và lựu đạn cay.

Ngày 9 tháng 12, Ngoài Đảng đã tập trung hết ở Cao Hùng, dĩ nhiên không để tâm đến lệnh cấm của Quốc dân đảng. Vì thấy ngoài đường cảnh sát được bố trí dày đặc, nên Ngoài Đảng cũng chuẩn bị gậy gộc và đuốc lửa.

Ngày 10 tháng 12, Trương Tuấn Hồng gọi điện từ Cao Hùng về Đài Bắc cho Giáo sư Hoàng Việt Khâm, thuộc phe tự do nói "tình hình không lạc quan lắm mong Hoàng ra tay giúp đỡ xử lý." Hoàng Việt Khâm là người trung gian hòa giải giữa Quốc dân đảng với Ngoài Đảng. Nhận điện xong lập tức đi ngay, khoảng 13 giờ đã đến Cao Hùng. Sau hơn hai tiếng đồng hồ giao thiệp, Tư

lệnh Cảnh bị khu Đài Nam là Thưởng Trí Tú, đồng ư để Mỹ lệ đảo diễn thuyết, nhưng không cho phép tuần hành thị uy. Hoàng Việt Khâm truyền đạt lại cho những người phụ trách Mỹ lệ đảo, nhóm Lã Tú Liên cho rằng chấp nhận được, nhưng Thi Minh Đức nhất quyết đòi tuần hành. Vì nội bộ bị chia rẽ, khiến cho Mỹ lệ đảo không thảo thuận được với cảnh sát. Hoàng Việt Khâm hòa giải thất bại. Đến 18 giờ, Hoàng Tín Giới vội vàng từ Đài Bắc đến thỏa thuận với Thường Trí Tú ngay tại nhà ga, chỉ tiến hành đại hội trong công viên Phù Luân. Khi Hoàng Tín Giới đến phòng phục vụ của Mỹ lệ đảo ở Cao Hùng, đã có mấy trăm người. Tinh thần kích động mạnh, bắt đầu diễu hành rồi. Tổng chỉ huy là Thi Minh Đức. Hoàng Tín Giới và Trương Tuấn Hồng đành phải theo sau. Vì có rất nhiều đuốc lửa giơ cao, Hoàng Tín Giới hết lòng khuyên họ dập lửa, đề phòng Quốc dân đảng kiếm cớ, rất nhiều người cũng đã dập lửa.

Đội ngũ xuất phát được hơn 10 phút, vì công viên Phú Luân đã bị cảnh sát bao vây, đội ngũ không vào được, vẫn đứng ở vòng ngoài. Khi đó quần chúng ngày càng đông. Đến 18 giờ 55 phút, Hoàng Tín Giới tuyên bố mít tinh ngay tại chỗ và diễn thuyết trong 20 phút. Tiếp theo, có người báo cáo rằng tối ngày mùng 9, người của Mỹ lệ đảo là Diêu Quốc Kiên bị đánh trọng thương và bị bắt. Thi Minh Đức kháng nghị với cảnh sát đứng vây chung quanh đòi họ rút đi. Khi đó Khang Ninh Tường cũng từ Đài Bắc đến, sau khi ông phát biểu ngắn, kêu gọi Quân cảnh bình tĩnh nếu không, một sự kiện có tính chất lịch sử sẽ xảy ra. 19 giờ 15 phút Thi Minh Đức, Diệu Gia Văn tìm gặp người phụ trách Quân cảnh, đòi được mít tinh đến 23 giờ. Nhưng phía Quân cảnh yêu cầu phải về trước phòng phục vụ của Mỹ lệ đảo ở Cao Hùng, rồi mới được mít tinh tiếp. Thi Minh Đức nói quần chúng đông như vậy di chuyển sợ có gì không hay xảy ra, nhưng Quân cảnh không nghe. Đến 19 giờ 40 phút, Thi Minh Đức buộc phải chỉ huy đội ngũ quay trở về., rất nhiều người lại đốt đuốc. Khi đi đến đường Trung Chính, Một số phần tử cấp tiến không nhịn được đã kích động quần chúng ẩu đả với cảnh sát vây xung quanh. Một số cảnh sát bị đánh. Xung đột nổ ra, Hoàng Tín Giới tránh khỏi đoàn diễu hành. Khoảng 21 giờ, đội ngũ trở về đến cửa phòng phục vụ của Mỹ lệ đảo lại xung đột với Quân cảnh lần thứ hai. Quần chúng sử dụng gậy gộc, đuốc lửa, gạch đá, vỏ chai... Theo báo cáo có 56 cảnh sát bị thương, nhưng nhiều Quân cảnh vẫn giữ được bình tĩnh. Người phụ trách Mỹ lệ đảo kêu gọi mọi người dừng tay, khi đó xung đột mới thôi. Mọi người lắng nghe Lã Tú Liên, Lâm Nghĩa Hùng, Trương Tuấn Hồng diễn thuyết. Đồng thời Thi Minh Đức, Trương Tuấn Hồng Vương Thác nhờ Hoàng Việt Khâm đề nghị Quân cảnh vây quanh rút đi, đề phòng làm cho quần chúng tức giận dẫn đến chuyện không lường trước được, nhưng cảnh sát từ chối. Đến 22 giờ, Thi Minh Đức tuyên bố mít tinh kết thúc, nhưng quần chúng vẫn không chịu giải tán. Đến 22 giờ 30 phút, Quân cảnh sát áp sát quần chúng và bắn lựu đạn cay, thế là hai bên xung đột lần thứ ba. Khi đó tinh thần quần chúng phẫn nộ đến mức không một ai có thể khuyên ngăn, họ tháo gỡ lan can bên đường, đẩy lật xe cảnh sát và dùng bất cứ thứ gì trong tay làm vũ khí hỗn chiến với cảnh sát. Đến khoảng 24 giờ, cảnh sát được tiếp viện thêm rất nhiều lựu đạn cay, mới giải tán được quần chúng.

Trong vụ này, người của Mỹ lệ đảo bị thương hơn 40 người, còn phía Quân cảnh, theo báo cáo của Quốc dân đảng có tới 183 người bị thương, trong đó 47 người hiến binh và 16 cảnh sát bị thương nặng phải vào bệnh viện điều trị. Những người bị thương phần lớn do xung đột sau 22 giờ 30 phút trở đi.

Ngày 13 tháng 12, cảnh sát Đài Loan, đột nhiên hành động trong toàn tỉnh, bắt đi 14 người lãnh đạo của Ngoài Đảng là Hoàng Tín Giới, Trương Tuấn Hồng, Diêu Gia Văn, Lâm Nghĩa Hùng, Lâm Hoằng Tuyên, Lã Tú Liên, Trần Cúc, Vương Thác, Dương Thanh Xúc… Đồng thời bộ phận tuyên truyền văn hóa ra lệnh đóng cửa Mỹ lệ đảo và đóng cửa cả 11 phân xã của Mỹ lệ đảo trên toàn Đài Loan. Tổng chỉ huy vụ Cao Hùng là Thi Minh Đức khi cảnh sát đến bắt đã trốn thoát, cảnh sát lập tức truy nã ông trên toàn Đài Loan và căn cứ vào ảnh chụp, bắt nhiều người tham dự khác. Ngày 15 tháng 12, cảnh sát tuyên bố trục xuất vợ của Thi Minh Đức là bà Ailinda, người Mỹ ra khỏi Đài Loan. Ngày 16 tháng 12, cảnh sát bắt Trần Bá Văn, Phạm Chính Hữu, Khâu Mậu Nam cũng trong vụ này. Cùng ngày, tổ trưởng tuyên truyền củaMỹ lệ đảo là Khâu Thùy Trinh và nguyên cốt cán tờ Hạ Triều là Tô Khánh Lê ra khai báo với chính quyền.

Ngày 19 tháng 12, "Cục báo chí Viện Hành chính" ra lệnh cho Khang Ninh Tường phải đình bản tờ báo Thập Kỷ 1980 (ra đến số 7) và Vương Thác đình bản tờ Gió Xuân (mới được hai số).

Ngày 8 tháng 1 năm 1980, Thi Minh Đức trốn được 25 ngày thì bị bắt, bốn người che giấu và hóa trang cho ông cũng bị bắt trong thời gian đó. Ngày 10 tháng 1, cảnh sát Đài Loan tuyên bố cô Monica, người Mỹ là người không được hoan nghênh, vì cô là người liên lạc giữa Thi Minh Đức và vợ. Ngày 11 tháng 1, người phát ngôn Bộ Tư lệnh Cảnh bị Đài Loan tuyên bố trong vụ này đã bắt 102 người bị tình nghi, trong đó có 37 người phạm tội nhẹ đã được tha, còn 65 người đang bị giữ, ngoài ra có 50 người tự thú cũng được bảo lãnh tha.

Phối hợp với sự bắt bớ, các báo Đài Loan sau sự kiện hai ngày đã bao vây Mỹ lệ đảo, gọi đây là "sự kiện bạo lực" gọi Ngoài Đảng là "côn đồ" "phần tử ngoài vòng pháp luật", nói họ "hung bạo, tàn nhẫn tấn công nhân viên cảnh sát đã được lệnh không được đánh trả". Các tờTrung Hoa nhật báo, Liên hợp báo, Đài Loan tân sinh báo đều để nguyên cả trang đăng ảnh hiện trường của cảnh sát, để tuyên truyền thế lực Ngoài Đảng là "côn đồ", còn cảnh sát là "nạn nhân" và các tin khác như "Các giới lên án", "Thư bạn đọc" "Phỏng vấn minh tinh mà bạc"… đầy trên các trang báo. Một số tờ tin địa phương thậm chí còn lăng nhục gia đình những người bị bắt, ra sức bôi nhọ thanh danh của họ. Các học giả thuộc phái tự do như Dương Quốc Khu, Trương Trung Đồng, Hồ Phật, Lý Bằng Hỷ ra tuyên bố chung, muốn thanh minh cho những người bị bắt nhưng không tờ báo nào dám đăng. Thậm chí Thẩm Quân Sơn, là một Đảng viên có học vấn uyên thâm của Quốc dân đảng, viết một bài có tính trung lập về sự kiện này cũng bị từ chối không được đăng. Tóm lại, đúng như Khang Ninh Tường trả lời "Viện Lập pháp" đã nói: Công cụ truyền bá đại chúng chủ động hay bắt buộc, tạo ra dư luận "dân ta đều đáng giết", với mục đích lấy báo chí phán xét phối hợp với chính trị, hình thành lên một không khí Chính phủ và Đảng cầm quyền loại trừ kẻ khác chính kiến. Ngày hôm qua đã bóp chết tươi sinh hoạt dân chủ của mọi người chỉ một đêm giở mặt, dân chủ trở thành vật gở (vật báo điềm gở), quá trình làm lạnh đột ngột này cũng làm cho lòng dân kết tủa lắng xuống.

Sau khi nghe tin về sự kiện Cao Hùng và bắt bớ hàng loạt, các phái Đài độc náu mình ở Mỹ dưới sự xúi giục của Bành Minh Mẫn, Hứa Tín Lương, Trần Uyển Chân, ngày 15 tháng 12 năm 1979, thành lập "Mặt trận liên hợp xây dựng Đài Loan" tại New York, đưa Trần Xán Hồng lên làm Chủ tịch. Họ gọi vụ Cao Hùng là sự kiện "28-2" lần thứ hai và biểu thị "tấn công không thương tiếc một cách toàn diện, liên tục, ngay lập tức vào "Chính phủ" Quốc dân đảng" cho đến khi "Chính phủ này bị tiêu diệt hết mới thôi". Mấy ngày liền, những phần tử "Đài độc" này không ngừng đến trước cửa "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" của Đài Loan đóng tại Mỹ để thị uy, ít thì mấy chục người, nhiều thì cũng chưa đến 200 người. Hoạt động của họ không những không giúp được gì cho những người bị bắt, ngược lại còn làm cho Quốc dân đảng có cớ trấn áp thêm và làm giảm sự ủng hộ của dân chúng đối với những người bị bắt.

Những hoạt động của những phần tử "Đài độc", cũng có tác dụng thổi bùng ngọn lửa phản ứng mạnh của Mỹ vốn vẫn ủng hộ thế lực Ngoài Đảng trước sự kiện Cao Hùng. Tháng 12 năm 1979, Nghị sĩ Paulo, Đảng Dân chủ Mỹ, viết thư cho Tưởng Kinh Quốc yêu cầu ngừng vu tội cho nhóm người Hoàng Tín Giới. Tháng 1 năm 1980, Chánh Văn phòng "Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan", "Đại sứ" cũ ở Đài Loan, Chủ tịch Ủy ban châu Á –Thái Bình Dương của Hạ viện Mỹ và các Nghị sĩ khác tấp nập đến Đài Loan hoạt động. Họ gặp gỡ thân nhân của những người bị bắt trong vụ Cao Hùng và lên tiếng một lần nữa, đòi xét xử công khai đối với những người bị bắt. Ngày 4 tháng 2, các trường đại học ở Mỹ như Đại học Harvard, Đại học UC Berkeley, Đại học Columbia… có 56 vị giáo sư nổi tiếng phát biểu thư ngỏ gửi Tưởng Kinh Quốc, đòi xét xử công khai. Theo tin của Liên hợp báo, những bức thư ngỏ này viết dưới sự gợi ý của Bộ ngoại giao Mỹ, chính là Chính phủ Mỹ muốn bày tỏ thái độ bằng hình thức dân gian. Ngày 6 tháng 2, Tiểu ban châu Á – Thái Bình Dương của Ủy ban ngoại giao Hạ viện Mỹ tổ chức hội nghị nhân quyền của các nước châu Á. Một Nghị sĩ Đảng Dân chủ đã nói: Vụ Cao Hùng nếu xét xử không thỏa đáng sẽ làm nguy hại đến quan hệ Mỹ – Đài Loan. Ngày 5 tháng 3, ứng cử viên Tổng thống thuộc Đảng Dân chủ Mỹ Edward Kennedy lên tiếng cho rằng lực lượng dân chủ Đài Loan bị tổn thất, đòi Chính phủ Mỹ dùng ảnh hưởng của mình ngăn cản chính quyền Đài Loan tiếp tục dùng

sức ép mạnh. Ngày 12 tháng 3, Nguyên Bộ trưởng Tư pháp Mỹ, ông Ramsey Clark thăm Đài Loan về Mỹ, đã họp báo, chỉ trích Đài Loan trấn áp phe đối lập ôn hòa. Ngày 15 và ngày 20 tháng 3, Tổ chức xin ân xá quốc tế đặt tại London, cũng hai lần phát biểu bằng văn bản chỉ trích sự thống trị quân sự của chính quyền Đài Loan trong 30 năm qua.

Các học giả các nhà văn người Hoa, định cư ở nước ngoài cũng ra lời kêu gọi chính quyền Đài Loan. Ngày 18 tháng 12 năm 1979, 13 nhà văn nổi tiếng như Nhiếp Hoa Linh, Vu Lê Hoa, Trần Nhược Hy, Tân Tùng đăng Thư ngỏ gửi Tướng Kinh Quốc yêu cầu giảm án cho Vương Thác và Dương Thanh Xúc. Từ ngày 7 đến ngày 16 tháng 1, Trần Nhược Hy về Đài Loan hoạt động mười ngày, đã từng gặp các nhân vật quan trọng như Tưởng Kinh Quốc, Vương Thăng, Tưởng Ngạn Sĩ, Sở Tùng Thu. Trần Nhược Hy nói trước mặt Tưởng Kinh Quốc rằng: "Trong sự kiện Cao Hùng, phía Quốc dân đảng đã chuẩn bị sẵn bọn lưu manh, đối với quần chúng", "Vị bạo tiên trấn, trấn nhị hầu bạo", nghĩa là cảnh sát trấn áp trước, sau đó quần chúng mới bạo động. Sự kiện xảy ra trong "Toàn tiếng kêu gào, không cho đối phương có dịp trình bày", thậm chí tiếng nói của các nhân sĩ sáng suốt trong Đảng cũng cấm tiệt, chẳng khác nào "áp thấp nhiệt đới, mọi người câm như ve sầu mùa thu", "đây không thể là hiện tượng của xã hội khỏe mạnh". Ông còn đưa cho Tưởng Kinh Quốc một bức thư của 27 vị nhà văn hải ngoại. Bức thư yêu cầu: (1) Giao những người bị bắt cho tòa xét xử, đặc biệt không được dùng tòa án quân sự; (2) Theo án, luận án không được mượn cớ chuyện nọ xọ chuyện kia, nhân vụ án làm liên lụy đến toàn bộ các nhân sĩ Ngoài Đảng; (3) Cần phân biệt rõ người cầm đầu và người vào hùa; (4) Cần phân biệt rõ hoàn cảnh trước khi xảy ra; (5) Cần phân biệt rõ ngay tại hiện trường. Tưởng Kinh Quốc đọc thư xong nói ông rất coi trọng bức thư này.

Chung quanh vấn đề xử lý vụ Cao Hùng, phe Bảo thủ và phe Khai minh cũng có sự chia rẽ. Sự kiện Cao Hùng xảy ra vào lúc Quốc dân đảng đang triệu tập Hội nghị Trung ương toàn thể lần thứ 4 khóa XI, ngày hôm sau của sự kiện tức là ngày 11 tháng 12 năm 1979, nhiều vị Ủy viên Trung ương liên danh đề nghị "không được dung tha những kẻ nuôi ong tay áo", 17 vị Chủ tịch Nghị viện huyện, có mặt tại kỳ họp này cũng ra tuyên bố chung "Mong Chính phủ dùng bàn tay sắt để trừng trị bọn điên cuồng táng tận lương tâm". Ngày 14 tức là ngày sau khi bắt bớ hàng loạt, "Trung ương 4" bầu ra Ban Thường vụ Trung ương mới. Vương Thăng đại diện phe Bảo thủ, người cầm đầu đặc vụ Đài Loan, lần đầu tiên trúng cử Ủy viên Thường vụ. Tiếp theo là quyết định cử Lương Hiếu Hoàng là phó của Vương Thăng đã lâu, thay cho Trần Phúc An làm Chủ nhiệm cho Ban tổ chức Trung ương Quốc dân đảng. Có nghĩa là phe Bảo thủ giành lại được từ tay phe Khai minh một ban quan trọng nhất của Trung ương Quốc dân đảng là Ban tổ chức. Dư luận Đài Loan, chỉ một đêm, đột nhiên chuyển lệch hẳn sang thái độ "Thảo phạt Ngoài Đảng" chính là do sức ép của phe Bảo thủ. phe Bảo thủ cho rằng sự kiện Cao Hùng là phe Ngoài Đảng tự chui đầu vào lưới. Quốc dân đảng phải tranh thủ thời cơ làm mạnh, một mẻ đánh bắt gọn, khiến cho nguyên khí nhụt hẳn, không vực dậy được nữa. Rõ ràng họ muốn hâm lại giấc mộng thời kỳ Lôi Chấn.

Phe Khai minh trong Đảng không có mâu thuẫn lớn lắm với phe Bảo thủ trong việc trấn áp Mỹ lệ đảo, nhưng họ nghĩ nhiều hơn đến phản ứng dây chuyền do sự kiện này gây ra. Một là sợ giống như vụ "28-2", tạo ra mầm mống lâu dài trong lòng dân Đài Loan; hai là sợ thế lực cánh hữu nhân dịp mở rộng thanh thế, xoay ngược tiến trình dân chủ hóa, pháp chế hóa; ba là sợ hình ảnh Quốc dân đảng bị tổn hại, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa chính quyền Đài Loan với Mỹ và kiều bào hải ngoại. Quan trọng hơn nữa là Đài Loan khi đó không còn là Đài Loan năm 1960. Năm 1960, tinh anh của phe đối lập đều tập trung trong "Đảng Dân chủ Trung Quốc", Quốc dân đảng thông qua vụ Lôi Chấn, một mẻ tóm gọn. Hôm nay sau 20 năm, xã hội Đài Loan đã xuất hiện khuynh hướng đa nguyên, nội bộ Quốc dân đảng cũng như phe đối lập Ngoài Đảng cũng đều xuất hiện khuynh hướng đa nguyên. Tuy Quốc dân đảng đã bắt hơn 100 người trong vụ Cao Hùng (Một số đã tha ra), nhưng Mỹ lệ đảo còn có hơn 50 Ủy viên, biên tập viên và những người phụ trách ở nơi khác như Hà Văn Trấn, Hoàng Hoàng Hùng, Giản Cẩm Ích, Tăng Nhân Nghĩa… vẫn chưa bị bắt. Phe Vững mạnh như Khang Ninh Tường, Trương Đức Minh, Tư Mã Văn Vũ, phe tự do như Phí Hy Bình, Hoàng Việt Khâm, đều chưa bị đụng tới. Các nhân sĩ Ngoài Đảng đều tán thành thống nhất với Đại Lục thuộc cánh tả như Hoàng Thuận Hưng cũng

đang tiếp tục hoạt động. Các nhân vật thuộc thế lực địa phương như "Ủy viên Lập pháp" Hứa Thế Hiền, "Đại biểu Quốc hội" Hoàng Thiên Phúc, các "Nghị sĩ tỉnh Đài Loan" Hoàng ngọc Kiều, Khẩu Liên Huy, Tô Hồng Nguyệt Kiều, Dư Trần Nguyệt Anh, Hà Xuân Mộc; "Nghị sĩ thành phố Đài Bắc" Khang Thủy Mộc, Vương Côn Hòa đều dùng danh nghĩa hợp pháp gây sức ép với chính quyền. Trừ những người có thế lực ra, các nhà trí thức trẻ của Đai Loan đã có mầm mống của Ngoài Đảng, sau khi Hoàng Tín Giới bị bắt, chỉ riêng ở Cao Hùng lại có các gương mặt mới như Vương Nghĩa Hùng, Hồng Chiếu Nam, Quách Nhất Thành, Trần Vũ Huân ra tranh cử với Quốc dân đảng. Các gia đình những người bị bắt liên hệ thăm hỏi lẫn nhau. Một số luật sư trẻ dũng cảm tự nhận biện hộ cho những người bị bắt. Họ vẫn đang hình thành một lực lượng mới. Tóm lại, lúc này phe đối lập Ngoài Đảng ở Đài Loan đã không thể trấn áp được sức mạnh. Nếu Quốc dân đảng làm liều, rất có thể lại buộc Ngoài Đảng xuống đường một lần nữa, do đó gieo mầm cho những cuộc bạo loạn lâu dài ở Đài Loan. Nếu tình hình này xảy ra, Mỹ và kiều bào hải ngoại sẽ rất bất bình, phái Khai minh sẽ phải chịu sức ép, chỉ có phe Bảo thủ nhân dịp làm mạnh. Nhưng phe Bảo thủ có cách làm cứng nhắc, thiển cận chỉ là một chính sách tự sát. Vì vậy, phe Khai minh chủ trương khi xử lý vụ Cao Hùng, cố gắng gây ấn tượng dân chủ hóa, pháp chế hóa, dùng phương thức xét xử công khai, trọng điểm trừng phạt những người cầm đầu, không đánh rộng. Tóm lại muốn thông qua sự kiện này trừng phạt những người thuộc nhóm cấp tiến, chủ trương xuống đường đấu tranh nhưng không làm gián đoạn tiến trình dân chủ hóa.

Tưởng Kinh Quốc, người có uy quyền tuyệt đối trong Quốc dân đảng cần nhắc tình hình trong ngoài đảo và ý kiến của hai phái trong Đảng, cuối cùng nghiêng về lập trường của phái Khai minh, thể hiện ở những điều sau đây:

1. Về nguyên tắc xử lý sự kiện, chính quyền Đài Loan từ chỗ gầm gào ầm ĩ quá đáng đến chỗ làm theo pháp luật, trị bệnh cứu người. Cần có thái độ khoan dung, lấy pháp luật trị bạo tàn, lấy đức giải oán. Ngày 7 tháng 1, Quan Trung cùng với Hoàng Việt Khâm gặp gỡ gia đình người bị bắt, sau đó ít lâu cho gia đình được thư từ và gửi tiếp tế cho người bị bắt. Ngày 2 tháng 2, "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" Lâm Dương Cảng, nói: "Chính quyền sẽ không lợi dụng cơ hội của những phần tử phạm tội này để thanh toán những người đáng được tha."

2. Căn cứ vào nguyên tắc này, chính quyền Đài Loan dần dần thu hẹp phạm vi đả kích, 152 người bị bắt và tự thú, đến ngày 1 tháng 2 đã thả 91 người. Ngày 4 tháng 2, tuyên bố thả nhân viên tuyên truyền của Mỹ lệ đảo là Diệu Quốc Kiện, Khâu Thắng Hùng. Ngày 12 tháng 2, cho bảo lãnh tha những người phạm tội nhẹ là Tô Khánh Lê, Khâu Ích Lâm, Tô Thu Trần, sau đó lại thả thêm một số nữa.

3. Những người trước kia bị cảnh sát cho là tội phản loạn có 53 người, đến ngày 20 tháng 2, "Tổng cảnh" tuyên bố chỉ khởi tố tám người tức Hoàng Tín Giới, Thi Minh Đức, Diêu Gia Văn, Trương Tuấn Hồng, Lâm Nghĩa Hùng, Lâm Hoàng Tuyên, Lã Tú Liên, Trần Cúc, tám người này giao cho tòa án quân sự xét xử. Tòa án quân sự sẽ xử công khai cho phép phóng viên và gia đình đến dự, cho phép báo chí tường thuật đầy đủ các điều bị cáo và luật sư bào chữa. Những bị cáo khác là Chu Minh Đức, Vương Thác, Trương Phú Trung, Dương Thanh Xúc giao cho bên Tư pháp xét xử về tội "chỉ huy người khác bạo động, tham gia vào vụ bạo động, dẫn đầu gây thanh thế". Điều này một phần thỏa mãn đòi hỏi của Mỹ và đồng bào Đài Loan ở hải ngoại.

4. Để trấn an nỗi tức giận của dân chúng ở Cao Hùng, ngày 5 tháng 2 phía cảnh sát cho bảo lãnh Dư Đăng Phát. Dư trở về quê, câm lặng không nói chuyện chính trị nữa, còn mở mồm cảm ơn "nhã ý của Chính phủ" hoàn toàn nhận lỗi ngang bướng trước kia đối với Quốc dân đảng. Ngày 9 tháng 2, Chủ tịch Đảng bộ Quốc dân đảng ở Cao Hùng là Y Hồng và chín sĩ quan đóng ở đó đến nhà uống rượu mừng cùng với Dư Đăng Phát, Hoàng Hữu Nhân và Trần Nguyệt Anh. Giới báo chí cố ý tuyên truyền về hòa ý giữa hai bên.

5. Ngày 3 tháng 1 năm 1980, Tưởng Kinh Quốc tuyên bố vụ bạo lực Cao Hùng không ảnh hưởng đến quyết tâm và các chính sách đã định của chúng ta trong việc đẩy mạnh pháp chế dân chủ. Con đường pháp chế dân chủ là con đường chúng ta nhất định phải đi. Tiếp theo chính quyền

Đài Loan tuyên bố sẽ đưa ra Luật Bãi miễn quan chức được bầu khi có chiến sự và sẽ tiến hành bầu cử "Đại biểu Dân ý Trung ương" bị dỡ bỏ vào thời điểm Mỹ – Trung đặt quan hệ ngoại giao vào một thời gian thích hợp, hơn nữa còn tăng mức bổ sung.

Các biện pháp kể trên, các phần tử cánh hữu đều cho là quá mềm yếu chưa được hả giận. Vả lại đem những người bị bắt ra xét xử công khai, làm sao họ có thể nhận tội, làm sao có thể cấm họ nói trước tòa về những điều không hay về hệ thống đặc vụ, đây cũng là chuyện đau đầu. Trước tình hình đó đột nhiên xảy ra vụ tàn sát cả nhà Lâm Nghĩa Hùng, làm kinh động khắp trong ngoài Đài Loan.

Ngày 28 tháng 2 năm 1980, bọn côn đồ đột nhập vào nhà Lâm Nghĩa Hùng, người bị bắt trong vụ Cao Hùng, giết chết mẹ ông 59 tuổi và hai đứa con sinh đôi sáu tuổi, con gái lớn của ông tám tuổi là Lâm Hoán Quân bị thương nặng do nhiều vết dao nhưng chưa chết. Theo chứng cứ hiện trường và lời kể của cháu Lâm Hoán Quân, bọn côn đồ xông vào nhà không phải để lấy tiền và mục đích gì khác ngoài ý muốn giết người. Mẹ Lâm và ba cháu nhỏ chạy trốn trong nhà, bọn chúng đuổi theo không tha, cuối cùng giết tất cả rồi bỏ đi. Khi đó vợ Lâm may mắn có việc không ở nhà mới thoát chết.

Sau vụ này, Chính quyền Đài Loan tạm tha cho Lâm Nghĩa Hùng để lo việc mà chay. Về nhà ông đã tiết lộ, trong tù ông đã từng bị uy hiếp nếu không "thành thật hợp tác" "sẽ không có lợi cho gia đình ông". Lâm nói: "Bây giờ coi như tôi đã biết hàm ý của câu nói ấy".

Phía cảnh sát rõ ràng là đã không tiếc bất kỳ giá nào để phá án, nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Tuy nhiên, trước mắt chưa ai dám khẳng định kẻ nào gây ra vụ thảm sát đó, nhưng dư luận đều cho rằng hung thủ là người của phe cực hữu. Vì kẻ sát nhân không xuất phát từ nhu cầu chính trị, chắc là do thâm thù, mới đuổi giết bà già và trẻ con. Nhưng Lâm Nghĩa Hùng không hề có tư thù đến mức ấy, vì vậy hẳn phải có bối cảnh chính trị. Đáng chú ý là vì Lâm Nghĩa Hùng là một tù nhân quan trọng, nhà của ông chắc phải có cảnh sát theo dõi chặt, thế mà bọn côn đồ (rõ ràng không chỉ có một tên) có thể ập vào dễ dàng giết bốn người một lúc, rồi ung dung ra đi, cảnh sát hoàn toàn không hay biết gì, sau đó mới điều tra chuyện này không thể không làm cho mọi người nghi ngờ.

Vụ thảm sát nhà Lâm nghĩa Hùng khiến cho không khí khủng bố sau vụ Cao Hùng bao trùm toàn Đài Loan đã lên đến cùng cực, có lẽ cũng có hiệu quả nhất định trong việc "hợp tác" giữa những người bị bắt và gia đình họ với chính quyền. Nhưng vụ thảm sát này, ở một khía cạnh khác lại có lợi cho phe Ngoài Đảng, vì trong vụ Cao Hùng, Quốc dân đảng giao hẹn với cảnh sát "chửi không đáp lời, đánh không đánh trả", lại cố ý chụp rất nhiều ảnh "Ngoài Đảng đánh người" để công bố trước công chúng. Do đó khi bắt hàng loạt, Quốc dân đảng hoàn toàn "có lý", còn Ngoài Đảng bị cho là "bọn ô hợp" và "tập đoàn bạo lực", "mất đi ủng hộ vốn có của mọi người". Nhưng vụ thảm sát nhà Lâm xảy ra hoàn toàn phá tan ấn tượng về tính dân chủ và sự bị động của cảnh sát, tình cảm tốt của mọi người hoàn toàn chuyển sang hết phía người bị bắt. Thế là vụ thảm sát này đâm ra hại chủ.

Ngày 18 tháng 3, "Tòa án Quân sự Tư lệnh cảnh bị" mở phiên tòa xét xử vụ "phiến loạn" tám người Hoàng Tín Giới. Sau chín ngày xét xử, ngày 26 tháng 3 bắt đầu tranh luận tại tòa. Ngày 28 tháng 3 bị cáo trình bày lần cuối. Ngày 18 tháng 4 tuyên án: Hoàng Tín Giới bị xử 14 năm tù giam tước quyền công dân mười năm, Thi Minh Đức bị tù chung thân tước quyền công dân suốt đời, sáu người còn lại đều bị 12 năm tù giam tước quyền công dân mười năm. Các bị can không chịu, ngày 28 tháng 4 họ đòi xử lại. Ngày 30 tháng 4, tòa phúc thẩm cao cấp bộ Quốc phòng tuyên bố giữ nguyên bản án.

Từ ngày 21 đến ngày 26 tháng 5, tòa án địa phương Đài Loan mở phiên xét xử 33 người thuộc nhóm Chu Bình Đức. Cuối cùng xử Khâu Minh Đức vô tội, Hồng Dung Phát vì chưa đến 18 tuổi, hoãn xét xử. Còn 31 người khác, nặng nhất như Chu Bình Đức, Vương Thác bị xử sáu năm, nhẹ thì bị phạt mười tháng. Các ông Chu Bình Đức, Vương Thác… chống án lên cấp trên. Đến ngày 2

tháng 8, tòa cấp trên xử chung thẩm, cho Trịnh Quan Minh, Lưu Thái Hòa vô tội. Bảy người Chu Bình Đức, Vương Thác… giữ nguyên mức án. Dương Thanh Xúc, Phạm Chính Hữu… 22 người được giảm án từ một đến hai năm.

Ngoài hai vụ án trên, "Tòa án Quân sự Tư lệnh cảnh bị" còn khởi tố mười người thuộc nhóm Cao Tuấn Minh, Hứa Tỉnh Phú, Lâm Văn Trần, Hoàng Chiêu Huy về tội "biết không khai báo". Ngày 5 tháng 6, xử Cao Tuấn Minh và Hứa Tình Phú bảy năm tù giam, Lâm Văn Trần năm năm, bảy người còn lại mỗi người hai năm, trong đó có số được hưởng án treo.

Mười người trong nhóm Cao Tuấn Minh phạm tội che dấu cho Thi Minh Đức mấy ngày, còn Cao Tuấn Minh mãi đến 24 tháng 4 năm 1980 mới bị bắt, khi đó tòa sơ thẩm đã kết án Hoàng Tín Giới, Thi Minh Đức. Tại sao chính quyền Đài Loan lại không dám bắt ngay Cao Tuấn Minh? Vì thân thế Cao khá đặc biệt, muốn bắt ông cần phải suy xét kỹ lưỡng.

Cao Tuấn Minh là Tổng Cán sự Hội đồng trưởng lão Cơ Đốc giáo Đài Loan. Giáo phái trưởng lão hình thành từ năm 1865, hiện nay Đài Loan còn có hơn 960 nhà thờ, hơn 160 nghìn giáo dân, lại có nhiều trường học và bệnh viện. Đó là giáo phái Cơ Đốc có nhiều tín đồ và lâu đời nhất ở Đài Loan. Chính "Chủ tịch tỉnh Đài Loan" khi đó là Lý Đăng Huy cũng là tín đồ của giáo phái Trưởng lão, mà tổ chức giáo hội lại rất tín ngưỡng và trung thành. Nếu bắt vị Tổng Cán sự (Giáo Trưởng) của họ, không những giáo dân phẫn nộ, cũng còn phải nể các tín đồ trong Quốc dân đảng, cho nên bắt vị "Ủy viên Lập pháp" Hoàng Tín Giới thì dễ, còn bắt mục sư Cao Tuấn Minh rất khó.

Nhưng Cao Tuấn Minh không phải là một mục sư bình thường, mà là một nhân vật đậm màu sắc chính trị, ngày 21 tháng 12 năm 1971 ông đã điều khiển Hội đồng Trưởng lão ra tuyên bố về "việc nước" của Hội Trưởng lão Cơ Đốc giáo Đài Loan đòi bầu lại toàn bộ "Đại biểu Dân ý Trung ương" đồng thời cũng thể hiện rõ khuynh hướng Đài độc. Ngày 18 tháng 11 năm 1975, ông lại điều khiển hội đồng Trưởng lão đưa ra "lời kêu gọi của chúng tôi", trong đó kháng nghị chính quyền Đài Loan thu giữ hơn hai nghìn quyển Kinh thánh bằng tiếng Vân Nam, đòi theo đúng quy định của "Hiến pháp" về tự do tín ngưỡng, cho phép dùng các thứ tiếng để xuất bản Kinh thánh. Cũng trong thời gian này, các ông Hoàng Trương Huy, người đã từng làm Hội trưởng Tổng giáo hội Trưởng lão, Hoàng Vũ Đông, người đa từng làm Hội trưởng và Tổng Cán sự các mục sư Tống Tuyết Thịnh, Lâm Tống Nghĩa lần lượt sang Mỹ tổ chức cái gọi là "Hiệp hội tự quyết của giáo đồ Cơ Đốc giáo Đài Loan" vận động "phong trào tự quyết của nhân dân Đài Loan" tức là các hoạt động "Đài độc". Hiệp hội tự quyết này thực chất là tổ chức hải ngoại của Hội trưởng lão Cơ Đốc giáo. Đến năm 1977, Cao Tuấn Minh càng được thể làm già trước hôm Ngoại trưởng Mỹ đến thăm Bắc Kinh, Ông đã đưa ra Bản tuyên ngôn nhân quyền của Hội Trưởng lão cơ đốc giáo Đài Loan, kêu gào kiên quyết chủ trương tương lai Đài Loan phải do 17 triệu cư dân Đài Loan quyết định. "Để đáp lại nguyện vọng độc lập tự, do của nhân dân Đài Loan, chúng tôi đề nghị chính phủ áp dụng các biện pháp hữu hiệu làm cho Đài Loan trở thành một quốc gia độc lập". Khi đó chính quyền Đài Loan rất không bằng lòng Cao Tuấn Minh, nhưng suy xét kỹ, nên cố nhịn, nếu là người khác chắc chắn đã bị bắt từ lâu rồi.

Thi Minh Đức bị bắt không lâu, cảnh sát tìm được ngay thủ phạm che dấu ông là Cao Tuấn Minh. Nhưng thỉnh thị cấp trên "phê chuẩn có tính chất chính sách" không đụng đến ông. Sau khi cân nhắc chính quyền Đài Loan mới quyết định bắt Cao Tuấn Minh đưa ra tòa. Sau khi Cao Tuấn Minh bị bắt 160 nghìn giáo dân tuyệt thực cầu kinh, rất nhiều đoàn thể Cơ Đốc giáo các nước gửi công hàm hoặc cử người đến xin thả Cao, nhưng chính quyền Đài Loan ương bướng không chịu, cuối cùng xử Cao với chín người khác.

Vì Cao Tuấn Minh bị bắt, nên màu sắc chính trị của hội Trưởng lão Cơ Đốc giáo phai nhạt đi nhiều, khiến cho chính quyền Đài Loan cũng đỡ phần lo lắng, đây có thể nói là một thu hoạch ngoài ý muốn trong vụ Cao Hùng.

Những người bị xử trong vụ Cao Hùng gồm nhóm Hoàng Tín Giới tám người, nhóm Chu Bình

Đức 29 người và nhóm Cao Tuấn Minh mười người, tổng cộng 47 người. Trong số 47 người, vụ xử tám người nhóm Hoàng Tín Giới là được bàn luận nhiều nhất, vì chứng cứ duy nhất trong đơn khởi tố chỉ có lời trình bày và biên bản thẩm vấn, hơn nữa, trước tòa, các phạm nhân đều nói là mình bị bức cung. Xét theo sự việc, phe chống đối Ngoài Đảng, trước vụ Cao Hùng tuy có chuẩn bị gây gộc, đuốc lửa, nhưng chỉ với những thứ đó có thể "phiến loạn" được không? Vì vậy sau khi công bố bản án sơ thẩm ngày 18 tháng 4 thì ngày 21 tháng 4, Chính phủ Mỹ ra tuyên bố sau khi đưa ra một số tiến bộ như xử công khai, biện hộ đầy đủ, đưa tin rộng rãi, đã nêu nhưng chứng cứ đưa ra trong vụ án khiến người ta còn nhiều chỗ nghi ngờ về sự thỏa đáng của tội phiến loạn. Lời tuyên bố này đưa ra được một tiếng đồng hồ, Chính phủ Mỹ lại tuyên bố thu hồi. Ngày 22 tháng 4, Chính phủ Mỹ lại tuyên bố lược bỏ phần bình luận, chỉ mong chính quyền Đài Loan xem xét khi xử phúc thẩm và mong rằng lần xử này không như mấy chục năm trước, có hiện tượng đứt đoạn trong trình tự tự do hóa của chính quyền Đài Loan. Ngày 24 tháng 4, phía Đài Loan phản ứng mạnh, "Quốc hội", "Viện Giám sát" và "Đảng bạn" như Ban chấp hành Trung ương Đảng Dân chủ Xã hội đều ra tuyên bố hoặc theo phương thức người phụ trách nói chuyện, kháng nghị Mỹ can thiệp vào nội chính. Rõ ràng là tám người nhóm Hoàng Tín Giới, chính quyền Đài Loan quyết tâm đả kích, đúng là "đánh rắn đánh dập đầu".

Ngay hôm tuyên bố án sơ thẩm với tám người nhóm Hoàng Tín Giới, chính quyền Đài Loan ban hành Biện pháp trọng điểm tăng cường phúc lợi lao công. Bắt đầu từ ngày 1 tháng 5 đưa mức lương cơ bản lên từ 2.400 Đài tệ lên 3.300 Đài tệ mỗi tháng. Mỗi năm xây mới hoặc bù giá cho hơn mười nghìn hộ, cải thiện an toàn vệ sinh nơi làm việc, tăng phúc lợi lao công. Cũng thời gian này, Chính phủ tuyên bố "Luật Bãi miễn" đại biểu dân bầu, đã thông qua vào tháng 5 từ nay về sau "triệt để kiểm điểm cái được cái mất của bầu cử trước đây", "lấy quan điểm mới, cách làm mới" và "tài năng còn phải có tác phong gương mẫu, gặp gỡ toàn thể nhân dân". Mức bổ sung "Đại biểu Dân ý Trung ương" từ 120 người năm 1972 tăng lên 205 người. Ngoài ra chính quyền tuyên bố sẽ triệu tập hội nghị nghiên cứu kiến thiết quốc gia từ ngày 14 đến ngày 28 tháng 7, mời các đại biểu, học giả trong ngoài nước tham dự "cùng thảo luận việc nước", kế hoạch định mời 280 người, tăng thêm 80 người so với lần trước vào tháng 11 năm kia. Thông qua những biện pháp trên, dân chúng lặng lẽ tiếp nhận vụ xử Hoàng Tín Giới. Các nhân sĩ Ngoài Đảng chưa bị bắt cũng không dám gây ra bất cứ vụ kháng nghị nào. Trong lòng đa số dân chúng hồi đó không tán thành cách làm quá khích của Thi Minh Đức và chính sách "bên bờ bạo lực" của Hoàng Tín Giới, Trương Tuấn Hồng. Họ cho rằng thế lực chống đối Ngoài Đảng có hơi quá khích trong vụ Cao Hùng. Nhưng họ cũng cho rằng Quốc dân đảng coi Hoàng Tín Giới là những phần tử phản loạn, xử 12 đến 14 năm tù là quá nặng, vì vậy ngầm thông cảm với Hoàng.

Tóm lại, có thể nói trong vụ Cao Hùng, Quốc dân đảng và Ngoài Đảng đều có được có mất. Cái được của Quốc dân đảng là phái Khai minh đã kịp thời ngăn chặn được xu thế quá khích Ngoài Đảng, trói buộc vào khuôn khổ chính trị mà phái Khai minh có thể tiếp thu được, đồng thời thể hiện uy lực của pháp chế, nhờ đó đặt nền tảng cho dân chủ hóa tương lai, không bị mất lòng dân. Quốc dân đảng cũng được lợi về mặt tuyên truyền vì đã bôi nhọ được Ngoài Đảng là một nhóm ô hợp và tập đoàn bạo lực. Còn phe Bảo thủ trong Quốc dân đảng, tuy kết quả xử lý chưa được như ý muốn, nhưng phạt nặng các lãnh tụ Ngoài Đảng, làm nhụt trí phong trào Ngoài Đảng đang dần bùng lên tưởng chừng không dập tắt được từ 1975 đến nay, chặn đứng được chiến lược "bên bờ bạo lực" trực tiếp thách thức hệ thống đặc vụ, chính trị của Quốc dân đảng, đồng thời cũng giúp mở rộng thế lực của phe Bảo thủ thêm một bước.

Những cái được kể trên của Quốc dân đảng cũng như những cái mất của phe Ngoài Đảng, nhưng mặt khác, đồng thời trong cái mất cũng có cái được. Coi những cái được của họ, Quốc dân đảng chỉ có mất mà thôi. Cái được của phe chống đối Ngoài Đảng chủ yếu thể hiện ở mấy mặt sau đây:

1. Vì xét xử công khai, lên mọi điều trình bày và biện hộ, đều được đưa lên mặt báo, coi như phe Ngoài Đảng có được một diễn đàn khiến mọi người chú ý nhất. Rất nhiều báo cáo và luật sư bào chữa khẳng khái trình bày trước tòa, chỉ trích thể chế giới nghiêm, cấm Đảng, cấm báo… của chính quyền Đài Loan, xông vào rất

nhiều khu cấm. Những bị cáo đóng vai trò "đấu sĩ dân chủ" trước tòa, nói lớn về lý luận "lật đổ hợp pháp", "bến bờ bạo lực", "bắt buộc đổi mới" rất thôi thúc lòng người. Thi Minh Đức công nhiên chỉ trích Quốc dân đảng trước tòa đi theo chủ nghĩa "Đài độc" mấy chục năm trời, càng khiến cho chính quyền Đài Loan không có chỗ mà chui. Vì vậy trong thời gian xét xử Quốc dân đảng ngược lại trở thành bị cáo. Các học giả văn nhân của phía chính quyền tha hồ vắt óc viết bài phê phán, nhưng không bác nổi những điều chỉ trích trước tòa. Kết quả, càng xét xử càng giúp cho đối phương mở rộng ảnh hưởng. Thẩm Quân Sơn khi đó từng nói: "Tòa Quân sự trở thành nơi trình tấu bản chính kiến hay nhất, quần chúng công khai truyền bá ra ngoài, đã đánh mạnh vào các nhà trí thức lớp giữa và lớp trên, điều đó không thể chối cãi được". Thẩm Quân Sơn đề nghị Quốc dân đảng: "Những vấn đề chủ yếu và thực sự liên quan trong phán xét vụ Cao Hùng còn là những vấn đề đổi mới chính trị và hình thái ý thức, cách nghĩ của bị cáo không phải không có người tán đồng, chúng ta không nên cho là nói láo, cần phải tỉnh táo, dùng lý trí xem xét ý kiến chính trị của họ".

2. Lần phán xử này tuy tiến bộ hơn vụ Lôi Chấn và Dư Đăng Phát, nhưng đứng về mặt xử nặng nhóm Hoàng Tín Giới vì tội phiến loạn, chắc chắn thuộc về một oan ngục bị bức hại chính trị. Trước tòa, Hoàng Tín Giới phanh phui nhân viên điều tra: "Mỗi lần hỏi cung là hàng mấy chục tiếng đồng hồ, con người làm sao chịu nổi, có khi hỏi liền một mạch năm sáu mươi tiếng, đến nước đó, sống còn đau đớn hơn chết… Chỉ cần bọn họ hỏi, muốn sống, cái gì cũng phải nhận cả". Lã Tú Liên lại khóc dàn dụa nước mắt nước mũi trước tòa, tố cáo bọn người làm án, dọa sẽ lột hết quần áo của bà, bức "bà hợp tác". Bà còn bị phạt đứng hai ngày, một ngày bị nhịn đói "mệt mỏi và yếu ớt đến cùng cực" đành phải nhận tội. Ngoài ra còn một số người như Lâm Nghĩa Hùng, Vương Thác, Chu Bình Đức đều tố giác họ đánh đập và không cho ngủ. Vương Thác nói ông đã từng bảy ngày bảy đêm chỉ có ngủ hai tiếng đồng hồ. Thêm vào đó vụ thảm sát nhà Lâm Nghĩa Hùng khiến cho hình ảnh của Quốc dân đảng bị lu mờ trong dân chúng.

3. Quốc dân đảng tuy thông qua vụ Cao Hùng bắt giam được nhiều lãnh tụ và cốt cán của phe Ngoài Đảng, nhưng khi phán xét lại có thêm một số luật sư trẻ như Vưu Thanh, Giang Bằng Kiên, Trần Thủy Biển, Tạ Trường Đình, Tô Trinh Xướng, Lã Truyền Thắng. Đồng thời gia đình các vị cáo cũng xuất hiện hai nữ tướng Hứa Vinh Thục (vợ Trương Tuấn Hồng) và Chu Thanh Ngọc (Vợ Diêu Gia Văn). Còn có loạt người mới Ngoài Đảng như Lâm Chính Kiệt cũng vì các nhân vật đời trước ngồi tù, người sau nhanh chóng xuất đầu lộ diện để bổ sung. Như vậy là thế lực chống đối Ngoài Đảng gặp nạn lớn đã làm nảy sinh một tình thế "đợt sóng nọ nối tiếp đợt sóng kia". Đây chính là điều Quốc dân đảng chưa nghĩ tới.

Vụ Cao Hùng và Tòa quân sự đã có tác dụng như một cột mốc trên lịch sử phát triển chính trị Đài Loan. Trong cái phức tạp rối rắm của sự kiện Cao Hùng này Đài Loan tiến vào thập kỷ 1980 của thế kỷ XX, cũng đồng thời tiến vào một giai đoạn phát triển chính trị mới mẻ.

16. GIỮA "THỐNG NHẤT" VÀ "ĐỘC LẬP"

I. ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC NÊU RA TƯ TƯỞNG "MỘT NƯỚC HAI CHẾ ĐỘ"

Trong khi trên đảo Đài Loan, các phong trào Ngoài Đảng trở lên sôi động, toàn bộ xã hội bắt đầu từ chỗ ổn định tương đối dưới ách thống trị nặng nề bắt đầu chuyển sang tình trạng dao động, bất ổn liên miên vì đa nguyên chính trị thì tình hình chính trị bên bờ đối diện của eo biển Đài Loan, sau khi trải qua cuộc đại biến loạn lớn nhất từ trước đến nay, đã bắt đầu tiến bước theo phương hướng trị an ổn định.

Tháng 1 năm 1975, tại kỳ họp toàn thể lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công Sản Trung Quốc khóa X, Đặng Tiểu Bình một người có trí tuệ chính trị và dũng khí lỗi lạc, một người được Mao Trạch Đông đánh giá là một "nhân tài hiếm có" đã được bầu làm Ủy viên Thường vụ Bộ chính trị và được bầu làm Phó Chủ tịch Trung ương Đảng. Lúc này, về quân đội Đặng Tiểu Bình kiêm giữ chức Tổng Tham mưu trưởng; về mặt Chính phủ kiêm Phó Thủ tướng (về thứ tự, được xếp trước các vị Phó Thủ tướng khác).

Được Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai ủy thác, Đặng Tiểu Bình đã đảm nhận trọng trách chủ trì công tác hàng ngày của Đảng, chính quyền và quân đội.

Đặng Tiểu Bình chủ trì công tác Trung ương, quán triệt chấp hành phương châm "chấn chỉnh toàn diện", chỉ trong mấy tháng ngắn ngủi đã làm cho công tác trong các lĩnh vực có sự chuyển biến rõ rệt. Công tác đối với Đài Loan bị đình trệ mười năm do tác động của cuộc "Cách mạng văn hóa" cũng bắt đầu sôi động trở lại trong bối cảnh chung đó.

Tháng 3 năm 1975, Chính phủ Trung Quốc tuyên bố đặc xá toàn bộ viên chức cao cấp chính quyền và quân đội của Quốc dân đảng đang bị giam giữ và cho họ được hưởng quyền công dân. Những người được đặc xá, nếu muốn đi Đài Loan sẽ được Chính phủ giúp đỡ và tạo điều kiện tự do đi lại. Tiếp đó có mười người, trong đó có Thái Tĩnh Tam, Vương Đình Nga, Trương Thiết Thạch đã công khai bày tỏ nguyện vọng muốn ra Đài Loan.

Ngày 14 tháng 4, Thái Tĩnh Tam và chín người khác tới Hồng Kông và đến cơ quan đại diện Đài Loan tại Hồng Kông xin thị thực vào Đài Loan.

Theo quan điểm chung, mười người này đã từng phục vụ Quốc dân đảng, lại bị Đảng cộng sản giam giữ hơn 20 năm trời, sau khi được thả đã nêu nguyện vọng đi Đài Loan, thật xứng đáng là "bề tôi trung thành" của Quốc dân đảng, hơn nữa họ đều có bà con họ hàng thân thích ở Đài Loan, xét về "cả chung lẫn riêng", lẽ ra nhà cầm quyền Quốc dân đảng nên nồng nhiệt hoan nghênh họ trở về Đài Loan.

Thế nhưng, nhà cầm quyền Đài Loan lại có cách nghĩ khác:

1. Trong số mười người này, có một số vị từ lâu đã được đưa vào "đền thờ Trung liệt" ở Viên Sơn, trở thành thần tượng cho mọi người xùng bái về "sự tích anh hùng" về việc "thề chống Cộng đến chết, tuẫn tiết thành nhân", thế mà nay, liệt sĩ vẫn còn sống trở về chẳng hóa làm cho thiên hạ chê cười sao?

2. Nhà cầm quyền Đài Loan không biết được tình hình biểu hiện của mười người này trong nhà tù Cộng sản như thế nào, không ngoại trừ khả năng họ đã bị tẩy não, sau đó đi Đài Loan đóng vai trò làm công cụ trong công tác mặt trận thống nhất của Cộng sản.

3. Theo cách "chơi bài chính trị", tốt nhất không nên ra những quân bài theo ý nghĩ của đối phương. Hiện nay khẳng định là Cộng sản hy vọng mười người này được đến Đài Loan để mở rộng ảnh hưởng cho Cộng sản, nếu Quốc dân đảng chấp

nhận cho mười người này vào Đài Loan thì hóa ra quá bị động.

4. Nếu chấp nhận cho mười người này về Đài Loan tạo thành tiền lệ, không biết sắp tới Cộng sản sẽ giở trò gì nữa. Nếu tất cả các nhân viên quân sự và chính quyền còn lại ở Đại Lục, bà con thân thích của những người đang ở Đài Loan và cả đồng bào Đài Loan vốn định cư ở Đại Lục đều bắt chước tiền lệ này để yêu cầu trở về Đài Loan thì nhà cầm quyền Đài Loan khó mà chấp nhận được.

Vì thế, nhà cầm quyền Đài Loan bất chấp cả những chuẩn tắc nhân đạo tối thiểu, nhắm mắt làm ngơ, đóng cửa không chịu thu nhận mười người già cả trên 60 tuổi này. Một trong số mười người này là Trương Thiết Thạch, do vừa buồn vừa uất ức lên đã thắt cổ tự tử tại Hồng Kông. Tin buồn lan tới Đài Loan, họ hàng của Trương Thiết Thạch ở Đài Loan vội vàng muốn đi Hồng Kông lo chôn cất, nhà cầm quyền Đài Loan lại không cho phép xuất cảnh. Chín người còn lại ở Hồng Kông chờ đợi khổ sở hơn bốn tháng trời, không thể chịu nổi sự lạnh nhạt của nhà cầm quyền Quốc dân đảng. Cuối cùng Trân Sỹ Chương, Đoàn Khắc Văn, từ Hồng Kông đi Mỹ; Trương Hải Thương, Dương Nam Đôn, Triệu Nhất Tuyết trở về Đại Lục; còn Thái Tĩnh Tam và 3 người khác ở lại Hồng Kông. Sự việc này gây bàn tán rộng rãi ở trong và ngoài Đài Loan, thậm chí ngay trong hệ thống đặc vụ, quân đội Tưởng, lực lượng bảo thủ nhất của Đài Loan tỏ ra bất bình và buồn nản trước thái độ tàn khốc này của nhà cầm quyền Đài Loan.

Ngày 22 tháng 9, cơ quan Tư pháp Trung Quốc quyết định khoan hồng, phóng thích 95 tên đặc vụ vũ trang Đài Loan và 49 tên nhân viên trên các tàu chở bọn đặc vụ Tưởng thâm nhập vào Đại Lục. Đến lúc này, toàn bộ nhân viên Đài Loan thâm nhập vào Đại Lục và bị bắt từ năm 1962-1965 đã được xử lý xong. Chính phủ Trung Quốc tuyên bố cho phép 144 người vừa được tha được hưởng quyền công dân, ai muốn lưu lại Đại Lục sẽ được Chính phủ sắp xếp việc làm, ai muốn trở về Đài Loan, Chính phủ sẽ giúp đỡ đồng thời bảo đảm cho họ được tự do đi hay ở. Tiếp đó 65 người xin về Đài Loan.

Trong số 65 người này, có 60 người đi thuyền gỗ từ Đại Lục ra Kim Môn, quân Tưởng ở Kim Môn coi họ như thù địch, bắt họ ngồi chờ trên thuyền hơn một tiếng đồng hồ mới cho phép họ giơ cao hai tay đi lên bờ, họ vừa lên bờ lập tức lục soát ngay, sau đó cách ly họ để thẩm tra, năm người còn lại đi theo đường Hồng Kông, một người ở lại sống ở Hồng Kông, một người đi Áo Môn, ba người khác chuyển đi chuyển lại cuối cùng được về Đài Loan.

Sự việc này kết thúc như vậy, tuy có cách ly thẩm vấn nhưng vẫn coi như nhà cầm quyền Đài Loan đã tiếp nhận "những người khách từ Đại Lục tới". Đây là cuộc "trao đổi người" lần đầu tiên trong sau 20 năm hai bờ eo biển cách ngăn.

Qua hai đợt thả tù binh này, Chính phủ Trung Quốc đã chứng tỏ cho cả thế giới thấy rõ thiện chí đối với Đài Loan, làm cho vấn đề "hòa bình giải quyết Đài Loan" một lần nữa lại trở thành chuyện bàn tán sôi nổi trong các nhà quan sát tình hình châu Á.

Đáng tiếc là ngay sau đó lại xuất hiện phong trào "chống lại luồng gió ngược hữu khuynh" và "phê phán Đặng Tiểu Bình" làm cho Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ lần thứ ba; chính sách của Trung Cộng đối với Đài Loan có tính chất mềm dẻo vừa mới xuất hiện nay lại chuyển trở thành tình trạng hô khẩu hiệu như thời "Cách mạng văn hóa". Tương tự như xã luận đầu năm của Nhân dân nhật báo, Quân giải phóng, tạp chíHồng Kỳ vẫn thường lặp lại: "Chúng ta nhất định phải giải phóng Đài Loan." Tuy công tác Mặt trận thống nhất trong thời kỳ này vẫn có tiến triển, nhưng nhìn chung vẫn để lại cho mọi người ấn tượng cứng nhắc và máy móc.

Sau khi đập tan được "bè lũ bốn tên" lại trải qua ngay thời kỳ hai năm gập ghềnh khúc khuỷu, đến tháng 12 năm 1978, Đảng cộng sản Trung Quốc họp Hội nghị Toàn thể Trung ương khóa III lần thứ 11 có ý nghĩa lịch sử sâu xa, đường lối của Đảng quay trở lại con đường đúng đắn "thực sự cầu thị". Đồng thời đàm phán về việc lập quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ cũng kết thúc.

Như vậy là đã có đầy đủ nhân tố cả khách quan và chủ quan để thay đổi phương châm với Đài

Loan. Thông cáo hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương khóa III, khi đề cập đến vấn đề Đài Loan, lần đầu tiên không dùng từ "giải phóng" mà thay vào bằng cách là nêu vấn đề "Đài Loan trở về trong lòng Tổ quốc, thực hiện sự nghiệp lớn lao thống nhất đất nước".

Ngày 1 tháng 1 năm 1979, Trung Quốc và Mỹ chính thức tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao. Cùng ngày, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội công bố Thư gửi đồng bào Đài Loan tuyên bố "Khi giải quyết vấn đề thống nhất, tôn trọng hiện trạng của Đài Loan và tôn trọng ý kiến của nhân sĩ các giới ở Đài Loan, áp dụng chính sách và biện pháp hợp lý hơn, không để nhân dân Đài Loan chịu thiệt", "Chúng tôi hy vọng ở 17 triệu cư dân ở Đài Loan, cũng như hy vọng nhà cầm quyền ở Đài loan". Nhà cầm quyền Đài Loan luôn kiên trì lập trường một nước Trung Quốc, phản đối Đài Loan độc lập. Đó chính là chủ trương chung của chúng ta, là cơ sở để hợp tác… Hy vọng nhà cầm quyền Đài Loan lấy lợi ích dân tộc làm trọng, góp phần cống hiến quý báu vào sự nghiệp thống nhất Tổ quốc".

Thư gửi đồng bào Đài Loan tuyên bố, Chính phủ Trung Quốc đã ra lệnh cho Quân giải phóng Nhân dân ngừng pháo kích các đảo thuộc Kim Môn kể từ ngày hôm nay, đồng thời đề nghị thương lượng giữa Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với nhà cầm quyền Đài Loan để chấm dứt tình trạng đối đầu quân sự giữa hai bên, nhằm tạo tiền đề cần thiết và điều kiện an ninh cho bất cứ sự trao đổi, tiếp xúc trong phạm vi nào giữa hai bên.

"Thư gửi đồng bào Đài Loan" hy vọng hai bên nên nhanh chóng thực hiện trao đổi quan hệ hàng không, đường biển, bưu điện và buôn bán, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào hai bên tiếp xúc với nhau, thư từ đi lại, thăm hỏi họ hàng, bạn bè, thăm quan du lịch, trao đổi học thuật, thể thao giáo dục, công nghệ, đồng thời hy vọng nền kinh tế Đài Loan ngày một phồn vinh, phát triển mạnh mậu dịch giữa đôi bên bổ sung hỗ trợ lẫn nhau, tiến hành trao đổi kinh tế.

Ngày 30 tháng 1, Đặng Tiểu Bình đọc bài phát biểu quan trọng, chỉ rõ "Dùng phương thức gì giải quyết vấn đề Đài Loan trở về với Tổ quốc, đó là công việc nội bộ của Trung Quốc. Theo nguyện vọng của chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn hy vọng dùng phương thức hòa bình để giải quyết vấn đề này, bởi vì như vậy tương đối có lợi cho quốc gia, cho dân tộc". Ngày 31 tháng 1, Đặng Tiểu Bình tiếp ông Frank Reynolds thuộc Công ty Phát thanh Mỹ, khi trả lời phỏng vấn nhà báo này, Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng tôi cố gắng dùng phương thức hòa bình để thực hiện đưa Đài Loan trở về với Tổ quốc và hoàn thành thống nhất đất nước… Vấn đề là nếu chúng tôi hứa rằng là chúng tôi căn bản không sử dụng vũ lực, kết quả chỉ có thể thúc đẩy nhà cầm quyền Đài loan căn bản không chịu cùng chúng tôi đàm phán hòa bình thống nhất, như vậy ngược lại chỉ có thể dẫn đến việc cuối cùng phải dùng vũ lực để giải quyết vấn đề".

Theo tinh thần trong "Thư gửi đồng bào Đài Loan", Tổng cục Hàng không dân dụng, Bộ Bưu điện, Bộ Giao thông, Bộ Ngoại thương nối tiếp nhau bày tỏ luôn sẵn sàng bàn bạc cùng các ngành hữu quan của Đài Loan về việc thông đường biển, hàng không bưu điện, buôn bán. Hội Liên hiệp phụ nữ, Bộ Văn hóa, Hội Liên hiệp thanh niên toàn quốc, Hội Liên hiệp học sinh toàn quốc, Tổng hội thể dục thể thao, Ủy ban Olympic quốc gia… cũng liên tiếp bày tỏ sẵn sàng hợp tác cùng các tổ chức hữu quan của Đài Loan. Một số tổ chức đoàn thể học thuật có tính toàn quốc cũng bày tỏ ý muốn cùng các học giả Đài Loan lập mối liên hệ công tác và tiến hành trao đổi học thuật. Nhưng do nhiều tính toán khác nhau, nhà cầm quyền Đài Loan không hề có chút phản ứng tích cực nào đối với các đề nghị nêu trong Thư gửi đồng bào Đài Loan.

Ngày 30 tháng 9 năm 1981, Chủ tịch Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc, Diệp Kiếm Anh, đã nói chuyện với phóng viên Tân hoa xã về vấn đề hòa bình thống nhất Trung Quốc, trình bày rõ hơn phương châm, chính sách chín điểm về việc đưa Đài Loan về với Tổ quốc, thực hiện hòa bình thống nhất:

1. Đề nghị tiến hành đàm phán bình đẳng giữa Đảng cộng sản Trung Quốc và Quốc dân đảng Trung Quốc, thực hiện sự hợp tác lần thứ ba, cùng nhau hoàn thành sự nghiệp lớn thống nhất Tổ quốc. Hai bên có thể cử người gặp gỡ tiếp xúc trước,

trao đổi ý kiến đầy đủ kỹ lưỡng với nhau.

2. Đề nghị hai bên cùng tạo thuận lợi, đi đến những thỏa thuận hữu quan về việc lập quan hệ bưu điện, buôn bán, đường biển, hàng không, thăm họ hàng, du lịch và tiến hành trao đổi học thuật, văn hóa, thể dục thể thao.

3. Sau khi nhà nước thực hiện thống nhất, Đài Loan có thể trở thành khu hành chính đặc biệt, được hưởng quyền tự trị cao, đồng thời có thể giữ lại quân đội, Chính phủ Trung ương không can thiệp các công việc của địa phương Đài Loan.

4. Chế độ kinh tế xã hội hiện hành của Đài Loan hiện nay không thay đổi, phương thức sinh hoạt không thay đổi, quan hệ kinh tế, văn hóa với nước ngoài không thay đổi. Các quyền sở hữu tư nhân, quyền thừa kế hợp pháp và đầu tư nước ngoài về tài sản, nhà cửa, đất đai nhà máy xí nghiệp không bị xâm phạm.

5. Nhà cầm quyền Đài Loan và nhân sĩ đại biểu các giới ở Đài Loan có thể giữ các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy chính trị mang tính chất toàn quốc, tham gia việc quản lý nhà nước.

6. Ngân sách tài chính địa phương Đài Loan khi gặp khó khăn, có thể do Chính phủ Trung ương trợ cấp bổ sung, tùy theo tình hình.

7. Nhân dân các dân tộc Đài Loan, nhân sĩ các giới Đài Loan có nguyện vọng về định cư Đại Lục được bảo đảm, sẽ được thu xếp thỏa đáng, không bị phân biệt đối xử và được tự do đi lại.

8. Hoan nghênh nhân sĩ giới công thương nghiệp Đài Loan về Đại Lục Tổ quốc để đầu tư, xây dựng các ngành kinh tế, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của họ.

9. Việc thống nhất toàn quốc là trách nhiệm của tất cả mọi người. Chúng tôi nhiệt thành hoan nghênh nhân dân các dân tộc Đài Loan đưa ra đề nghị, cùng bàn việc nước thông qua mọi đường và bằng mọi phương thức.

Chín điểm nói trên đã nêu rõ sau khi đất nước thống nhất, chế độ xã hội – chính trị hiện hành của Đài Loan không thay đổi và được coi là khu hành chính đặc biệt, được hưởng quyền tự trị cao, kể cả việc có quân đội riêng. Lúc đó, ý niệm này chưa khái quát lại thành "một nước hai chế độ", nhưng trên thực tế tức là "một nước, hai chế độ".

Điều cần đặc biệt chú ý là bài phát biểu của Diệp Kiếm Anh lấy việc "đàm phán bình đẳng giữa hai Đảng cộng sản và Quốc dân đảng" làm phương thức cụ thể đi đến thống nhất Tổ Quốc, điều này khác với phương thức nêu trong Thư gửi đồng bào Đài Loan lấy việc "thương lượng giữa Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nhà cầm quyền Đài Loan". Phương thức do Diệp Kiếm Anh đưa ra là hai Đảng có địa vị bình đẳng, vứt bỏ hiền khích bắt tay hợp tác, cùng nhau hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, đem lại vinh quang cho tổ tông, đem lại hạnh phúc cho con cháu mai sau. Còn trong Thư gửi đồng bào Đài Loan chỉ nêu chỉ nêu đàm phán giữa Chính phủ Trung ương với nhà cầm quyền địa phương, nếu đứng về góc độ Quốc dân đảng chắc sẽ có cảm giác khó chịu vì bị "kém hơn người một bậc" "bị ép buộc phải phục tùng".

Cũng cần chỉ ra rằng Đảng cộng sản cho Quốc dân đảng làm đối thủ để đàm phán là bởi vì Quốc dân đảng là đảng cầm quyền ở Đài Loan, cũng là lực lượng chính trị duy nhất có khả năng hoàn thành sự nghiệp thống nhất. Nhưng, việc thống nhất Tổ quốc là trách nhiệm của mọi người. Điều 9 trong bài phát biểu của Chủ tịch Quốc hội Diệp Kiếm Anh đã công bố rõ thái độ: "Nhiệt thành hoan nghênh các dân tộc Đài Loan, nhân sĩ các giới, các đoàn thể, quần chúng Đài Loan thông qua mọi con đường và bằng mọi phương thức hãy nêu ra những đề nghị để cùng nhau bàn bạc việc nước", như vậy Tổ quốc không chỉ gửi gắm hy vọng vào nhà cầm quyền Quốc dân đảng, mà còn gửi gắm hy vọng ở nhân dân Đài Loan. Các thế lực chính trị khác ở Đài Loan

không phải Quốc dân đảng nếu có nguyện vọng đóng góp vào sự nghiệp thống nhất Tổ quốc thì họ chắc chắn sẽ có đất dụng võ, miễn là không làm trái với nguyên tắc lớn "một nước Trung Quốc", mọi nguyện vọng và yêu cầu của các phía hữu quan ở Đài Loan nhất định được Chính phủ của các tổ chức xem xét kỹ. Vì thế, một số người ở hải ngoại e ngại sự hợp tác Quốc – Cộng lần thứ ba là hai Đảng "đóng cửa lại buôn bán đối chác với nhau", sự e ngại đó hoàn toàn không có cơ sở.

Mười ngày sau khi bài phát biểu của Diệp Kiếm Anh được công bố, Hồ Diệu Bang lại lấy tư cách là người phụ trách Đảng cộng sản, công khai mời Tưởng Kinh Quốc và các nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng, chính quyền, quân đội Đài Loan cùng các nhân sĩ các giới khác ở Đài Loan hãy "đích thân đến Đại Lục và quê hương cũ để thăm viếng, xem xét, nếu muốn đàm phán tất nhiên là tốt, nếu tạm thời chưa muốn đàm phán chúng tôi cũng nhiệt tình hoan nghênh". Hồ Diệu Bang còn tiết lộ rằng, các phần mộ của gia đình họ Tưởng ở Phụng Hóa đã được sửa chữa mới hoàn toàn và khu vực Mỹ Lô, Lư Sơn đã được gìn giữ như cũ, quê quán và họ hàng của các nhân viên cao cấp khác của Quốc dân đảng cũng đều đã được sắp xếp thỏa đáng.

Tháng 7 năm 1982, Liêu Thừa Chí lại công bố bức thư ngỏ gửi Tưởng Kinh Quốc, hy vọng gặp lại nhau, bởi lẽ "Độ tận kiến ba huynh đệ tại; tương phùng nhất tiếu dẫn ân thù" (tạm dịch: tai họa qua rồi, anh em còn đó; gặp nhau cười hỏi ân oán sẽ tan"), đồng thời hy vọng Quốc dân đảng hãy thuận theo thời thế, dám chịu trách nhiệm trước lịch sử, mạnh dạn đàm phán hòa bình, đi đến thống nhất đất nước, còn hai Đảng sẽ cùng nhau tồn tại lâu dài, giám sát lẫn nhau cùng nhau phấn đấu chấn hưng Trung Hoa.

Tháng 12 năm 1982, Kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khóa V thông qua bản Hiến pháp mới, đặc biệt tăng thêm một điều khoản mới (Điều 31): "Khi cần thiết, nhà nước sẽ lập khu hành chính đặc biệt. Chế độ hành chính trong khu đặc biệt sẽ căn cứ tình hình cụ thể sẽ do Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc quy định theo pháp luật". Đó là sự bảo đảm của luật cơ bản của nhà nước đối với địa vị của Đài Loan sau khi thống nhất Tổ quốc.

Tháng 6 tháng 1983, Giáo sư trường đại học thuộc bang New Jersey Mỹ là Dương Lực Vũ đến Bắc Kinh, phản ánh với Đặng Tiểu Bình về quan niệm và mối lo ngại của Đài Loan, kể cả một số nhân sĩ cao cấp Quốc dân đảng, đối với phương châm chính sách chín điều do Diệp Kiếm Anh nêu ra; nhân đó Đặng Tiểu Bình lại trình bày rõ một số suy nghĩ của mình đối với việc thống nhất Đại Lục với Đài Loan.

Theo tiết lộ sau đó của Dương Lực Vũ, "Phương án mới nhất về hòa bình thống nhất" mà Đặng Tiểu Bình đã nói với ông ta gồm có sáu điểm chính:

1. Sau khi thống nhất, Khu Hành chính đặc biệt Đài Loan có tính độc lập riêng, có thể thực hiện chế độ khác với Đại Lục. Trung ương không đưa quân đội ra đóng ở Đài Loan, càng không cử các quan chức ra đó để tiếp thu, tiếp quản, can thiệp giám sát công việc nội bộ của Đài Loan, không dính líu gì đến vấn đề nhân sự ở Đài Loan cũng như việc điều động quân đội của Đài Loan; hệ thống Đảng, chính quyền, quân đội của Đài Loan sẽ do phía Đài Loan tự quản lấy.

2. Sau khi thống nhất, Đài Loan sẽ có quyền lập pháp độc lập và với nguyên tắc không trái với Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cơ quan Lập pháp Đài Loan có thể định ra luật pháp của mình làm cơ sở để quản lý Đài Loan.

3. Sau khi thống nhất, Đài Loan sẽ có quyền Tư pháp độc lập và bộ máy Tư pháp độc lập. Các đạo luật, quy định ở Đại Lục không thích hợp sử dụng ở Đài Loan, tòa án Đài Loan sẽ xử độc lập, quyền chung thẩm không phải đến Bắc Kinh.

4. Sau khi thống nhất Đài Loan có thể giữ lại quân đội và có thể mua vũ khí phòng thủ của nước ngoài.

5. Sau khi thống nhất Đài Loan sẽ được hưởng quyền ngoại giao nhất định, có thể duy trì quan hệ kinh tế – văn hóa với nước ngoài, cấp phát hộ chiếu riêng cho nhân dân Đài Loan, cấp thị thực nhập cảnh cho các nhân sĩ người nước ngoài, đồng thời có thể lấy danh nghĩa "Đài Loan – Trung Quốc" có quyền đại diện thích đáng cho một số tổ chức quốc tế.

6. Sau khi thống nhất, Đài Loan phải hủy bỏ Quốc hiệu "Trung Hoa Dân Quốc" đổi tên là "Trung Quốc – Đài Loan", nhưng có thể sử dụng lá cờ riêng.

Dương Lực Vũ còn tiết lộ, Đặng Tiểu Bình không tán thành cách nói "người Đài Loan cai trị Đài Loan" và nó mang hàm ý "Đài Loan độc lập". Đặng Tiểu Bình còn nhấn mạnh, Trung Quốc đi theo hướng hòa bình thống nhất, nhưng không thể công khai cam kết rằng hòa bình thống nhất là phương thức duy nhất, bởi vì sự cam kết như vậy sẽ vĩnh viễn không thể làm cho Trung Quốc thống nhất được. Đặng Tiểu Bình còn vạch rõ: Trừ nguyên tắc "Một nước Trung Quốc ra", Đại Lục không có điều kiện tuyệt đối nào khác, tất cả mọi điều kiện và phương án khác đều có thể xem xét, thảo luận và áp dụng. Cân nhắc về lịch sử và tình trạng hiện thực ở Đài Loan, Đại Lục xem xét đầy đủ hợp tình hợp lý các điều kiện mà Đài Loan có thể chấp nhận được.

Theo lời Dương Lực Vũ, Đặng Tiểu Bình còn nhấn mạnh rằng, hai bên sẽ ký kết điều khoản thống nhất làm cho lợi ích tương lai của Đài Loan được bảo đảm về mặt lập pháp, các điều khoản sau khi đã ký kết ít nhất 100 năm sau không thay đổi. Sau khi thống nhất hai bên không tiến hành bất kỳ hành động gì gây phương hại đến nhau. Nếu khi chấp hành các điều khoản thống nhất mà phát sinh vấn đề, hai bên có thể hiệp thương bàn bạc giải quyết.

Ngày 30 tháng 7, tờ Nhân dân nhật báo xuất bản ở Bắc Kinh chính thức đưa tin về bài nói chuyện của Đặng Tiểu Bình với Dương Lực Vũ, có một số điểm khác với nội dung Dương Lực Vũ nói, trong đó những điểm then chốt nhất là:

1. Dương Lực Vũ nói, trong lúc hội đàm, Đặng Tiểu Bình đã phê phán và bác bỏ quan điểm "Người Đài Loan cai trị Đài Loan". Còn Nhân dân nhật báo đưa tin nói Đặng Tiểu Bình đã phê phán và bác bỏ quan điểm Đài Loan "hoàn toàn tự trị". Đặng Tiểu Bình nói: Tự trị không thể không có giới hạn, đã có giới hạn thì không thể nói "hoàn toàn", "hoàn toàn tự trị" nghĩa là hai nước Trung Quốc chứ không phải một nước Trung Quốc. Chế độ có thể khác nhau nhưng đại diện Trung Quốc trên quốc tế chỉ có thể là nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

"Người Đài Loan cai trị Đài Loan"và "hoàn toàn tự trị" tuy có điểm trùng hợp về mặt hàm ý, nhưng cuối cùng vẫn là hai khái niệm. Rất nhiều nhà lãnh đạo cấp cao của Quốc dân đảng đều từ Đại Lục ra, họ có thể lấy cớ đó để nói rằng nền thống trị của họ không phải là "người Đài Loan cai trị Đài Loan". Vì vậy, chỉ phản đối "người Đài Loan cai trị Đài Loan" vẫn không đủ để cơ bản loại trừ khả năng một số người nào đó thực hiện "hoàn toàn tự trị", tức "hai nước Trung Quốc".

2. Dương Lực Vũ đã nói rằng Đặng Tiểu Bình đã hứa là sau khi thống nhất với Đại Lục. Đài Loan có thể sử dụng lá cờ riêng, nhưng Nhân dân nhật báo không có chữ nào nói đến việc này cả. Theo lời Dương Thượng Côn cũng dự buổi nói đó, sau khi thống nhất Đài Loan chỉ có thể là một Khu Hành chính đặc biệt của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, quốc kỳ của Trung Quốc là lá cờ đỏ năm sao, Đài Loan phải đổi cờ. Có người nhắc đến ở Mỹ, mỗi bang có cờ riêng, liệu Đài Loan có thể có cờ Khu Hành chính đặc biệt riêng không, Đặng Tiểu Bình nói: "Đây là chuyện sau, vấn đề chủ yếu hiện nay là đàm phán, còn các vấn đề cụ thể có thể bàn bạc khi hội đàm."

3. Về việc cho Đài Loan có quân đội riêng và có thể mua vũ khí của nước ngoài, Nhân dân nhật báo còn thêm một điều hạn chế so với nội dung Dương Lực Vũ đã tiết lộ, đó là "vũ lực của Đài Loan không được tạo thành mối đe dọa với Đại

Lục".

4. Về việc Đại Lục không cử người đến đóng ở Đài Loan, Nhân dân nhật báo đã chứng thực lời nói của Dương Lực Vũ, nhưng có một điểm bổ sung quan trọng, tức là "Chính phủ Trung ương còn dành một số ghế cho Đài Loan".

5. Về việc sau khi thống nhất, Đài Loan có quyền lập pháp độc lập như Dương Lực Vũ nói, Nhân dân nhật báo không thấy nhắc đến nhưng Nhân dân nhật báo viết rõ là Đài Loan sau khi thống nhất "Tư pháp độc lập, quyền chung thẩm không phải đến Bắc Kinh". Từ đó ta thấy ít nhất Đài Loan có thể lập pháp độc lập trên một mức độ nhất định. Song những vấn đề liên quan đến quyền pháp định về vị trí đặc biệt Đài Loan phải do Đại hội Đại biểu Hội đồng Nhân dân toàn quốc đề ra. Tất nhiên, khi vạch ra những luật cơ bản này, nhất định phải xem xét kỹ ý kiến yêu cầu của nhà cầm quyền Đài Loan và các giới ở Đài Loan.

6. Về việc Dương Lực Vũ nói là Đặng Tiểu Bình bảo đảm hiệp định thống nhất đã ký kết thì 100 năm sau cũng không được thay đổi, Nhân dân nhật báo không xác nhận cũng không phủ nhận.

Do những điểm không khớp nói trên, có người tỏ vẻ nghi ngờ "độ tin cậy" ở những điều Dương Lực Vũ đã nói, Dương Lực Vũ liền giải thích rằng, bài báo tôi viết và tin Tân hoa xã phát có ba điểm khác nhau: (1) Tân hoa xã chỉ nói nguyên tắc và tinh thần; tôi nói chi tiết và cụ thể; (2) Tân hoa xã nêu một cách hàm súc, còn tôi nói thẳng thắn; (3) Tin của Tân hoa xã có tính chất kêu gọi, hô hào, còn tôi phân tích cụ thể và tương đối hiện thực trạng thái tâm lý của nhà cầm quyền Đài Loan. Về cơ bản, tôi cho rằng Tân hoa xã đã xác nhận cách nói của tôi, xong Tân hoa xã đại diện cho chính giới còn tôi đại diện cho cá nhân, do đó cách làm khác nhau.

Sau khi công bố phương án mới nhất mà Đặng Tiểu Bình nêu ra, dư luận hải ngoại chấn động và sôi nổi, nhất trí cho rằng có tiến thêm một bước so với chín điểm do Diệp Kiếm Anh đưa ra. Như xã luận tờ Trung báo Hồng Kông viết: "Phương án Đặng Tiểu Bình không chỉ duy chỉ hiện trạng ở Đài Loan và những lợi ích do phương án này đem lại cho Quốc dân đảng và nhân dân Đài Loan đã gần với mô thức thống nhất do một số học giả thân Quốc dân đảng nêu ra. Phương án Đặng Tiểu Bình đã nhượng bộ đến tuyến phòng thủ cuối cùng – nguyên tắc 'một nước Trung Quốc'. Lùi bước nữa tức là Đài Loan độc lập. Chúng ta rất khó có thể tưởng tượng nhà cầm quyền Bắc Kinh còn có thể đưa ra những điều kiện ưu đãi hơn phương án Đặng Tiểu Bình."

Lúc này vấn đề Trung Quốc sẽ thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông vào năm 1997 đã được đưa ra bàn tán hàng ngày. Chính phủ Trung Quốc đem ý niệm hòa bình giải quyết vấn đề Đài Loan vận dụng vào việc giải quyết vấn đề Hồng Kông và trong quá trình đàm phán với Chính phủ Anh. Trung Quốc nêu rõ phạm trù lý luận về "một nước hai chế độ". Đặng Tiểu Bình và nhiều đồng chí lãnh đạo Trung ương khác nhiều lần phát biểu, đã trình bày một cách rất thâm thúy quá trình ra đời, nội hàm lý luận và ý nghĩa thực hiện của chiến lược này. Họ nói rõ:

1. Khái niệm "một nước hai chế độ" là sản phẩm của đường lối tư tưởng "thực sự cầu thị". Do hoàn cảnh lịch sử và hiện trạng của Đài Loan và Hồng Kông, quyết định không bảo đảm chế độ Chủ nghĩa tư bản nữa sẽ không bảo đảm được sự phồn vinh của địa phương sở tại, nghĩa là không thể ổn định được lòng người. Vì vậy, Trung ương quyết định rằng song song với ý niệm kiên định dứt khoát thực hiện Chủ nghĩa xã hội ở Đại Lục, cho phép Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao… thực hiện chế độ Chủ nghĩa tư bản, nhằm bảo đảm phồn vinh và ổn định của địa phương sở tại. Do đó có lợi cho lợi ích cơ bản của nhà nước và dân tộc. Đó là xuất phát từ hiện thực Trung Quốc, xuất phát từ chỗ tôn trọng lịch sử và hiện trạng của các khu vực Đài Loan và Hồng Kông, chứ không phải giải quyết vấn đề xuất phát từ kiểu hình thái ý thức giáo điều nào đó.

2. Khái niệm "một nước hai chế độ" là nhằm bảo vệ hòa bình ở Trung Quốc và vùng Đông Á, là nhằm bảo đảm hoàn cảnh quốc tế để Trung Quốc thực hiện thành công "bốn hóa". Đặng Tiểu Bình nêu rõ: "Trung Quốc đã đề ra một mục tiêu phát triển hùng vĩ, để thực hiện mục tiêu này,

Trung Quốc cần có một Hồng Kông phồn vinh và ổn định; và cũng như vậy, cuối thế kỷ này và 50 năm đầu thế kỷ XXI cũng cần có một Đài Loan ổn định. Trong khoảng thời gian đó không cần đánh nhau với Đài Loan. Đó chính là một cách nghĩ của chúng tôi khi đề ra chính sách của nhà nước chúng tôi. Vì lẽ đó Chính phủ Trung ương đảm bảo rằng, trong vòng 50 năm kể từ 1997, chế độ Chủ nghĩa tư bản của Hồng Kông sẽ không thay đổi. Sau khi Đài Loan thống nhất với Đại Lục, chế độ hiện hành của Đài Loan ít nhất cũng được duy trì 50 năm không thay đổi."

Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: "Phương thức không phải hòa bình hoặc dùng vũ lực giải quyết vấn đề, nói chung là không tốt". Cuộc nội chiến giữa người Trung Quốc với nhau càng không tốt; nếu không cần thiết chiến tranh thì chỉ áp dụng phương thức "một nước hai chế độ", như thế có thể ăn nói với nhân dân được, tình hình có thể được ổn định và là sự ổn định lâu dài, không phương hại tới bất kỳ phía nào. Vì vậy, một số người Đài Loan cho rằng "một nước hai chế độ" là hỏa mù do Cộng sản tung ra để che đậy việc dùng vũ lực đánh chiếm Đài Loan, quả thực đây là sực hiểu biết hoàn toàn trái ngược với bản ý của Cộng sản.

3. Đặng Tiểu Bình nói: "Dùng phương thức đàm phán hòa bình để giải quyết, đòi hỏi các bên đều có thể chấp nhận được." Phương án "một nước hai chế độ" chính là phương án anh không nuốt chửng tôi, tôi không thủ tiêu anh, cả hai không ai bị thiệt cả. Quan niệm "Để cho các bên đều có thể chấp nhận được" này phản ánh tấm lòng bao dung dân chủ và khí phách Đảng cộng sản Trung Quốc dung nạp cả mặt đối lập. Ngược lại nhà cầm quyền Đài Loan kiên trì đòi Cộng sản "từ bỏ bốn nguyên tắc cơ bản", đổi lại thực hiện "Chủ nghĩa Tam dân" làm điều kiện để đàm phán, như thế ít nhất cũng là thiếu thực tế.

(4) Phương án "một nước hai chế độ" được nêu ra nhằm mục đích thực hiện thống nhất tổ quốc, vì vậy khi xem xét việc "làm cho các bên đều có thể chấp nhận được" tuyệt đối không được quên nguyên tắc "một nước Trung Quốc". "Một nước" nghĩa là muốn thống nhất, "hai chế độ" nghĩa là không ai nuốt chửng ai. Cả hai mặt này hòa quyện, bổ sung chặt chẽ, không thể tách rời. Nếu có ai đó mượn cớ Đảng cộng sản nói: "không ai nuốt chửng ai" để khước từ không chịu tiến bước tới mục tiêu thống nhất thì chắc chắn họ sẽ không có thể có một tiền đồ tốt đẹp được.

Căn cứ khái niệm chiến lược "một nước hai chế độ", ngày 24 tháng 9 năm 1984, Chính phủ hai nước Trung Quốc và Anh đã ký tắt tuyên bố chung về vấn đề Hồng Kông. Tuyên bố chung quy định, ngày 1 tháng 7 năm 1997 Chính phủ Anh sẽ trao trả Hồng Kông cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chính phủ Trung Quốc quyết định khi khôi phục thi hành chủ quyền của mình đối với Hồng Kông, căn cứ vào Điều 31 Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thiết lập Đặc khu Hành chính Hồng Kông. Đặc khu hành chính Hồng Kông trực thuộc Chính phủ nhân dân Trung ương. Trừ các công việc quốc phòng và ngoại giao do Chính phủ Trung ương quản lý ra, Đặc khu hành chính Hồng Kông được hưởng quyền tự trị cao, bao gồm quyền quản lý hành chính, quyền Lập pháp, quyền Tư pháp độc lập và quyền xét xử chung thẩm độc lập. Pháp luật hiện hành của Hồng Kông cơ bản không thay đổi, chế độ kinh tế – xã hội hiện hành không thay đổi, phương thức sinh hoạt hiện hành không thay đổi; Đặc khu hành chính Hồng Kông sẽ duy trì địa vị của một cảng khẩu tự do và khu vực thuế quan độc lập, sẽ duy trì địa vị của một trung tâm tài chính – ngân hàng quốc tế, sẽ duy trì tài chính độc lập, Chính phủ nhân dân Trung ương không thu thuế ở Đặc khu hành chính Hồng Kông. Đặc khu hành chính Hồng Kông có thể lấy danh nghĩa "Trung Quốc – Hồng Kông" để duy trì và phát triển quan hệ kinh tế, văn hóa, ký kết riêng các hiệp định hữu quan với các nước, các khu vực và các tổ chức quốc tế hữu quan. Chính phủ Đặc khu hành chính Hồng Kông có thể cấp các giấy tờ du lịch ra vào Hồng Kông và có trách nhiệm duy trì trị an ở Đặc khu hành chính Hồng Kông. Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ vạch ra luật cơ bản Đặc khu hành chính Hồng Kông nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thiết thực đảm bảo cho các phương châm chính sách nói trên của Hồng Kông không thay đổi trong vòng 50 năm…

Sau khi giải quyết vấn đề Hồng Kông, Chính phủ Trung Quốc lại cùng Chính phủ Bồ Đào Nha ký kết hiệp định về vấn đề Áo Môn (còn gọi là Ma Cao). Ngày 20 tháng 12 năm 1999, Chính phủ Bồ

Đào Nha sẽ trao Áo Môn cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Sau khi thu hồi chủ quyền đối với Áo Môn, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ thiết lập Khu Hành chính đặc biệt Áo Môn, các quyền tự trị của Khu Hành chính đặc biệt này được hưởng giống như Hồng Kông.

Vấn đề Hồng Kông, Áo Môn được giải quyết trọn vẹn đã nêu ra một điển hình thành công của khái niệm "một nước hai chế độ", đó chẳng những đã làm phong phú và phát triển lý luận về nhà nước của chủ nghĩa Marx, mà đồng thời còn cung cấp một nếp nghĩ mới, một con đường mới cho việc giải quyết một số vụ tranh chấp quốc tế, tranh thủ sự ổn định và hòa bình trên thế giới.

Sau khi giải quyết xong vấn đề Hông Kông, Áo Môn, vấn đề Đài Loan sẽ giải quyết ra sao càng làm cho mọi người chú ý, các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc đã nhiều lần nêu rõ: Sau khi thống nhất với Đại Lục, Đài Loan sẽ được hưởng quyền tự trị nhiều hơn so với Hồng Kông, Áo Môn; chẳng hạn như Đài Loan có thể giữ lại quân đội riêng, Trung ương không cử một lính nào ra Đài Loan cả.

Nếu nhà cầm quyền Đài Loan tiếp nhận sự sắp xếp theo "một nước hai chế độ", bắt tay với Đảng cộng sản Trung Quốc, hoàn thành sự nghiệp lớn thống nhất Tổ quốc thì một là sẽ có địa vị ổn định trong cộng đồng quốc tế và trong đại gia đình dân tộc Trung Hoa, triệt để thoát khỏi hiểm họa chiến tranh, được đảm bảo chắc chắn sẽ ổn định lâu dài; hai là có thể được Đại Lục cung cấp mọi nguồn năng lượng và nguyên vật liệu, đồng thời khai thác được thị trường đầu tư và thị trường hàng hóa rộng lớn, do đó có thể triệt để khắc phục nhược điểm của cơ cấu kinh tế ổn định lâu dài; ba là có thể làm tròn trách nhiệm trước lịch sử và với dân tộc Trung Hoa, không phụ vong linh hương hồn các vị đi trước như Tôn Trung Sơn, Liêu Trọng Khải và cũng có thể đưa ngài Tưởng Giới Thạch về an táng tại quê nhà cho thỏa lời di nguyện; bốn là đưa nguồn của cải khổng lồ của Đài Loan, một số kinh nghiệm của Đài Loan về xây dựng kinh tế, xây dựng chính trị có thể đóng góp cho Đại Lục, xây dựng lại khí phách anh hùng của Quốc dân đảng cách mạng năm xưa. Sự việc có ý nghĩa to lớn, tốt đẹp như vậy mà vì lẽ gì nhà cầm quyền Đài Loan lại không muốn nghe theo?

II. NHÀ CẦM QUYỀN ĐÀI LOAN NGOAN CỐ CHỐNG LẠI HÒA BÌNH

Đảng cộng sản Trung Quốc đã có những cố gắng lớn nhất cho việc hòa bình thống nhất tổ quốc, ta hãy xem nhà cầm quyền Đài Loan phản ứng như thế nào.

Một số vị nguyên lão và phái Bảo thủ trong Quốc dân đảng, do hệ thống quân đội – đặc vụ làm tiêu biểu đã có tâm lý hận thù Đảng cộng sản tới mức điên khùng; bất kể Đảng cộng sản tỏ ra chân thành như thế nào, dưới con mắt họ, họ đều cho nó là "chơi trò mặt trận thống nhất", "âm mưu chính trị", "giở trò cho người nước ngoài xem"… Những người này không chỉ coi "đàm phán hòa bình" là đầu hàng, cho rằng căn bản không phải xem xét, mà hơn nữa họ còn cương quyết phản đối cả việc trao đổi dân gian bình thường giữa hai bên bờ eo biển. Quan hệ hai bờ eo biển hễ xuất hiện bất kỳ một dấu hiệu nào theo hướng cải thiện, họ đều coi đó là những vết nứt làm đổ vỡ con đê ngăn Cộng sản và phải lấp cho kín, cho chặt, coi đó là một điều thích thú.

Trong nội bộ Quốc dân đảng, những người này có lập trường kiên trì "một nước Trung Quốc, đồng thời cũng là những người thích bàn luận nhiều nhất đến vấn đề "thống nhất". Nhưng "một nước Trung Quốc" họ nói ở đây chính là "Trung Hoa Dân Quốc", sự "thống nhất" mà họ cần là Quốc dân đảng trở lại Đại Lục thống trị một lần nữa. Từ 1958 trở về trước họ nói "Phản công Đại Lục", đến sau năm 1958 họ nêu "khôi phục tự do cho nhân dân Đại Lục", rồi từ 1966 về sau họ lại nói "lấy lại Đại Lục" đều chỉ là hình thức diễn đạt khác nhau của cái nguyện vọng phục hồi của họ mà thôi.

Số người này rất thích bàn tán tới cái gọi là "kinh nghiệm lịch sử", đua nhau nhớ lại chuyện dĩ vãng và hai lần Quốc – Cộng hợp tác năm xưa, mô tả một cách phiến diện là Trung Cộng đã "nói một đằng làm một nẻo", đã "vong ơn bội tín" ra sao và lấy những kinh nghiệm lịch sử đó để chứng minh những quan điểm đó là "không thể tin vào Đảng cộng sản được", không thể "thí

nghiệm lần nữa về đàm phán hòa bình" được.

Tuy nhiên, lịch sử không phải là một cô gái thơ ngây, có thể do con người hóa trang tùy tiện được. Những chuyện ân oán của hai lần Quốc – Cộng hợp tác trước kia khó có thể nói rõ hết trong vài ba câu ngắn ngủi. Song, lần Quốc – Cộng hợp tác đầu tiên, tạo thành cuộc Bắc phạt, là do Quốc dân đảng lúc đó mới chỉ bó hẹp trong một tỉnh là Quảng Đông đã biến thành một Đảng cầm quyền có tính toàn quốc. Lần Quốc – Cộng hợp tác thứ hai giành được thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến, uy tín và tiếng tăm của Chính phủ Quốc Dân cũng lên đỉnh cao. Có thể thấy Quốc – Cộng hợp tác, cả hai bên đều có lợi. Còn sự tan vỡ cuối cùng của hai lần hợp tác đó đều do Quốc dân đảng đã dùng vũ lực trước để tàn sát những người Cộng sản. Sự thật lịch sử không cần tranh cãi đó chứng tỏ cái gọi là "kinh nghiệm lịch sử" mà phái Bảo thủ nêu ra căn bản không có chỗ đứng được.

Chính vì thuyết "kinh nghiệm lịch sử" thiếu sức thuyết phục, nên phái Bảo thủ chỉ coi đó là luận cứ phụ hỗ trợ cho việc họ chống lại đàm phán hòa bình, con chủ bài chính của họ là "quyền thống trị hợp pháp của Trung Hoa Dân Quốc". Họ cho rằng một khi đồng ý đàm phán hòa bình với Trung Cộng, có nghĩa là đã công nhận tính hợp pháp của chính quyền Bắc Kinh, bàn đi bàn lại mãi cuối cùng sẽ bắt buộc phải công nhận Chính quyền Bắc Kinh là Chính phủ Trung ương, chính quyền Đài Bắc sẽ là Chính phủ địa phương. Và nếu chính quyền Đài Bắc "bị hạ xuống" thành Chính phủ địa phương rồi thì sau đó cơ cấu thống trị hiện hành của Đài Loan, vấn đề phân phối quyền lực, hình thái ý thức của Đài Loan cũng sẽ phải điều chỉnh, tất có khả năng gây sự hoảng loạn trong lòng dân, kinh tế đổ vỡ, vì vậy tuyệt đối không được mở cánh cửa đám phán hòa bình.

Phái Khai minh trong Quốc dân đảng, tương đối biết dùng quan điểm "tùy diễn biến của sự việc" để xem xét vấn đề, họ đã biết cái gọi là "kinh nghiệm lịch sử" kiểu Bát cổ chống Cộng đó, không thể được coi là chỗ dựa để hoạch định chính sách, họ cũng không biết là đóng cửa lại, tự xưng là "Chính phủ Trung ương" thì không được tuyệt đại đa số các nước trên thế giới công nhận. Ngay trong nội bộ Đài Loan, cái gọi là "nền thống trị hợp pháp"mà phái Bảo thủ coi là của quý, cũng không đủ để duy trì lòng dân và sinh khí, ngược lại, chính mục tiêu do dân chúng đòi hỏi phải cải cách đang là một gánh nặng chính trị của Quốc dân đảng. Vì lẽ đó, đối với thứ tình yêu mê muội về "nền thống trị hợp pháp" này, phái Khai minh không tỏ ra mãnh liệt như phái Bảo thủ.

Phái Khai minh cũng hiểu rằng "lấy lại Đại Lục" căn bản không sao làm được. Quốc dân đảng luôn gọi Đảng cộng sản là "Phỉ" không phải là một biện pháp. Sớm muộn họ sẽ phải thừa nhận chính quyền Bắc Kinh và chơi với họ, họ tương đối tán thành cải thiện quan hệ với Đại Lục, có thái độ tích cực trong mọi chủ chương thiết lập và trao đổi quan hệ hàng không, đường biển, bưu điện, buôn bán giữa hai bên bờ eo biển Đài Loan. Nhưng, để cho nhà cầm quyền Đài Loan trở thành Chính phủ địa phương thuộc chính quyền Bắc Kinh thì họ quyết không cam chịu và cũng rất lo lắng.

Nếu để cho phái Khai minh tự do lựa chọn, họ sẽ hy vọng để cho Đài Loan đạt được sự độc lập nào đó trên thực tế. Về quan hệ với Đại Lục thì cạnh tranh hòa bình thay cho sự đối đầu bằng vũ lực. Đứng trên góc độ chính sách thay đổi của Quốc dân đảng để xem xét, đây chính là dùng "đổi mới bảo vệ Đài Loan" thay cho "lấy lại Đại Lục".

Tuy nhiên, thái độ của Chính phủ Trung Quốc và sự thay đổi của hoàn cảnh quốc tế đã làm cho phái Khai minh không sao có thể thành công được trong việc thực hiện "đổi mới để bảo vệ Đài Loan" hoặc còn gọi là "Đài Loan độc lập kiểu B". Đồng thời buộc họ phải xen xét những yếu tố sau:

1. Phái Khai minh tuy biết rõ vấn đề "thống trị hợp pháp" là một gánh nặng chính trị sớm muộn sẽ phải rũ bỏ, nhưng chuyện này liên quan rất rộng, chấn động rất lớn, không ai dám thay đổi. Ngày mà Quốc dân đảng và Trung Cộng tiến hành đàm phán cũng chính là lúc từ bỏ

“nền thống trị hợp pháp”, liệu phái Bảo thủ trong Đảng lâu nay vẫn coi “sự thống trị hợp pháp” làm cuộc sống của chúng, có chịu ngồi yên hay không? Do đó, khi lực lượng của phái Khai minh còn chưa đủ để áp đảo phe Bảo thủ, tuyệt đối không dám mạo hiểm gây chia rẽ trong hàng ngũ cấp cao trong Đảng trước, để đi đàm phán hòa bình với Bắc Kinh

2. Mấy chục năm qua, các phần tử chủ trương “Đài Loan độc lập” và một số nhân sĩ không phải Quốc dân đảng không ngừng gieo rắc tâm lý chủ nghĩa chia rẽ, có ảnh hưởng nhất định trong dân chúng. Nếu Quốc dân đảng và Đảng cộng sản đàm phán, sẽ bị bọn này công kích là “Quốc dân đảng bán rẻ Đài Loan cho Cộng sản”, kết quả đàm phán hòa bình chưa thấy triển vọng gì, nhưng cơ sở thống trị của bản thân Quốc dân đảng Đài Loan lại bị phương hại trước.

3. Vì có những năm do tình hình chính trị Đại Lục xảy ra rối loạn triền miên nên người ta nghi ngờ về tính chất liên tục của chính sách. Một lý do khác càng quan trọng hơn chính là do Mỹ vẫn còn nâng đỡ Đài Loan, sức ép chính trị, kinh tế của Đại Lục vẫn chưa tới mức độ làm cho Đài Loan chịu đựng không nổi, cho nên phái Khai minh ở Đài Loan cho rằng vẫn chưa tới lúc “nhất định phải thay đổi”, chỉ bằng bất cứ trì hoãn kéo dài sẽ tính sau.

Trên cơ sở những suy nghĩ như trên, phái Khai minh cũng muốn phụ họa với phái Bảo thủ duy trì “nền thống trị hợp pháp” và không đàm phán với Trung Cộng, nhưng họ hy vọng về mặt khẩu hiệu chính sách sẽ từng bước loại bỏ dần màu sắc đối địch với Đại Lục tạo nên khoảng trống (dư địa) để sau này có thể ngồi đối diện nhau đàm phán hòa bình giữa chính quyền hai bờ eo biển.

Tưởng Kinh Quốc thực hiện ý kiến chiết trung đối với hai loại ý kiến của hai phái trong Quốc dân đảng, trong cuộc chiêu đãi mở rộng trưa ngày 10 tháng 8 năm 1980 có trên một nghìn nhân vật quan trọng trong Đảng, chính quyền, quân đội và giới công thương nghiệp tham dự, Tưởng Kinh Quốc đưa ra khẩu hiệu “Dùng Chủ nghĩa Tam dân để thống nhất Trung Quốc”, coi đó là thứ vũ khí mới đối chọi lại lời kêu gọi của Trung Cộng về đàm phán hòa bình.

Tháng 4 năm 1981, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Quốc dân đảng thông qua Nghị quyết quán triệt Chủ nghĩa Tam dân để thống nhất Trung Quốc. Đưa vấn đề “dùng chữ Tam dân để thống nhất Trung Quốc” vào trong cương lĩnh chính trị của Quốc dân đảng. Tháng 11, lại triệu tập hơn 300 nhân sĩ các giới tổ chức “Hội thảo nghiên cứu về việc dùng Chủ nghĩa Tam dân để thống nhất Trung Quốc”.

Ngày 22 tháng 10 năm 1982, hơn 1.600 người thuộc các giới ở Đài Loan họp mít tinh tại lầu Trung Sơn, núi Dương Minh thành phố Đài Bắc, tuyên bố chính thức thành lập “Đại đồng minh thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân”, cử Hà Ứng Khâm làm Chủ tịch. Đồng minh này đề ra tám điểm “độc lập, dân chủ, bình đẳng, tự do, giàu có, tiến bộ, mở cửa, hòa bình” làm điều kiện kiên quyết cho thống nhất và rêu rao tôn chỉ của họ là “ủng hộ Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc sớm hoàn thành việc thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân”.

Đối với việc “Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân” do nhà cầm quyền Đài Loan đưa ra, mọi người nói chung đều cho đó là một cách nói khác thay cho từ “lấy lại Đại Lục” mà thôi, nó chỉ chứng tỏ sự ngoan cố, cứng nhắc của Quốc dân đảng. Tuy nhiên, bình tĩnh xem xét, hai khẩu hiệu này vẫn có sự khác biệt. “Lấy lại Đại Lục” diễn đạt rất rõ rệt chính quyền Quốc dân đảng có ý đồ phục hồi, còn “Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân” tuy cũng chứa đựng hàm ý đó, nhưng cũng ngầm chứa đựng một loại ý nghĩa khác, nghĩa là nếu chính quyền Đại Lục thực hành Chủ nghĩa Tam dân thì chính quyền Đài Loan cũng có thể đàm phán thống nhất. Và rốt cuộc như thế nào mới là Chủ nghĩa Tam dân thì có nhiều thứ tiêu chuẩn. Nói cách khác, so với khẩu hiệu “lấy lại Đại Lục”, khẩu hiệu “Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân” mang ý đối địch nhạt hơn đối với Trung Cộng, tính chất co giãn trong hàm ý lại có vẻ lớn hơn, ít nhất nó không đòi Quốc dân đảng và chính quyền Quốc dân đảng phải phục hồi Đại Lục làm điều kiện tiêu quyết cho sự thống nhất, mà chỉ lấy việc thực hành lý luận nào đó để điều kiện tiên quyết mà thôi.

Sự thật, phái Bảo thủ cực đoan trong Quốc dân đảng từ lâu đã cảm thấy "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" không còn hợp khẩu vị nữa, khẩu hiệu này đưa ra không lâu, một vị "Ủy viên Lập pháp" có tư cách chất vấn "Viện trưởng Hành chính" lúc đó là Tôn Vận Toàn ngay tại "Viện Lập pháp" yêu cầu Tôn Vận Toàn phải trả lời vì sao không dám nói "lấy lại Đại Lục nữa, có phải là tự loại bỏ lập trường của mình không? Có phải là sự mềm yếu đối với Cộng sản không? Có phải là đã từ bỏ đi huấn của Tổng thống Tưởng Giới Thạch là lấy lại quốc thổ Đại Lục?"

Lúc đó Tôn Vận Toàn đáp: "Bản chức xuất thân công trình sư, chỉ chú trọng kết quả thực tế, sở dĩ chúng ta không muốn cứ nhắc lại mãi khẩu hiệu 'lấy lại Đại Lục' vì một là sẽ gây tác dụng phụ trên quốc tế; hai là nhấn mạnh khẩu hiệu này có thể gây phản cảm trong nhân dân"

Vậy thì, khẩu hiệu "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" chẳng lẽ không gây ra tác dụng phụ sao? không làm cho nhân dân phản cảm hay sao? Đó là chưa kể tới thực lực của hai bên bờ eo biển chênh nhau một trời một vực, "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" cũng giống như "Phản công Đại Lục", "lấy lại Đại Lục", đều là tên ngốc nói mê, căn bản không thể nào thực hiện được. Nói ngay như bản thân nhà cầm quyền Đài Loan, lẽ nào họ đã thật sự thực hiện Chủ nghĩa Tam dân?

Nhà cầm quyền Đài Loan trông cậy vào sự che chở của luật pháp trong nội bộ nước Mỹ Luật quan hệ Đài Loan mà còn hý hửng vui mừng, còn đối với đồng bào ruột thịt ở Đại Lục thì lại nghiêm cấm "Tam Thông" tức là "Thông hàng" (đường không, đường biển), "Thông bưu" (bưu điện, thư từ), "Thông thương" (buôn bán), như thế là chủ nghĩa dân tộc kiểu gì? Thể chế giới nghiêm thực hiện suốt hơn 30 năm qua, đó là thứ chủ nghĩa dân quyền gì? Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn hơn, "tiết chế tư bản" chỉ là nói suông, ruộng đất "lạm phát nhà nước chịu" đến nay vẫn chưa thực hiện, như vậy là thứ chủ nghĩa dân sinh gì? Đúng như Giáo sư Trần Cổ Ứng ở Đài Loan nói: "Dân tộc không lập, dân quyền không có, dân sinh không đều" thế mà lại nói lấy "Chủ nghĩa Tam dân" để thống nhất người khác.

"Đại đồng minh thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" ở Đài Loan coi "dân chủ thật sự" là điểm đầu tiên của những điều kiện tiên quyết để thống nhất. Song thế nào là "dân chủ thật sự?" Ít nhất cần có một điểm, tức là phải tôn trọng tính hợp lý của sự tồn tại các hình thái ý thức khác nhau, xu hướng giá trị khác nhau, phương thức sống khác nhau.

Quốc Dân đảng kiên trì đòi Đảng cộng sản phải thay đổi tín ngưỡng của mình, từ bỏ những tiêu chuẩn giá trị cũng như phương thức sinh hoạt và chuẩn tắc đạo đức mà Đảng cộng sản mới lựa chọn, để đổi lại thực hiện theo Chủ nghĩa Tam dân, bản thân việc này đã là biểu hiện không dân chủ, mà chỉ là tàn dư độc hại của tâm lý "đào bới Cộng sản", "vây quét Cộng sản" trước kia mà thôi. Chính vì thái độ không dân chủ này mà cuối cùng Quốc dân đảng đã sụp đổ ở Đại Lục.

Còn phương án "một nước hai chế độ" do Đảng cộng sản nêu ra đã thể hiện rõ tình hình dân chủ không gán ghép ý muốn chủ quan của riêng mình cho người khác. Thực hiện theo phương án này, chế độ xã hội, tiêu chuẩn giá trị, phương thức sinh hoạt hiện hành của Đài Loan đều không cần phải thay đổi, điều cần thay đổi duy nhất là cái gọi là "sự thống trị hợp pháp" mà thôi. Song cái nền "thống trị hợp pháp này" căn bản không được quốc tế thừa nhận, ngay trong nội bộ Tỉnh Đài Loan cũng đã có người chỉ trích rồi, cho dù không có sức ép của Đảng cộng sản, nhà cầm quyền Đài Loan sớm muộn cũng sẽ phải vứt bỏ gánh nặng chính trị đó đi.

Qua quá trình diễn biến chính sách từ "Phản công Đại Lục", "Phục hồi Đại Lục" đến "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" có thể thấy nhà cầm quyền Đài Loan cũng đang thay đổi, khuynh hướng thay đổi là sự thù địch với Đại Lục ngày một mờ nhạt hơn, có chút dao động về lòng tin vào chính quyền của bản thân Đài Loan. Song sự thay đổi này quá nhỏ bé, trong khi đó sự thay đổi trào lưu thời đại và hoàn cảnh quốc tế lại nhanh chóng hơn nhiều, kết quả là mọi người càng ngày càng có cảm giác là chính sách của nhà cầm quyền Đài Loan đối với Đại Lục là quá xa rời thực tế.

Nhà cầm quyền Đài Loan vốn cho rằng đưa ra vấn đề "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" là có thể giảm được một số tác dụng phụ và giảm bớt sự phản cảm trong nhân dân. Ai ngờ sau khi tung khẩu hiệu này ra, dư luận quốc tế và kiều bào hải ngoại lại tới tấp phê bình; phổ biến cho là chẳng có gì mới mẻ cả. Trên đảo Đài Loan tuy một số đoàn thể như "Đại đồng minh thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" tổ chức nhiều hoạt động rùm beng, nhưng rất ít người tin tưởng vào cái trò đó. Vì thế, nhà cầm quyền Đài Loan lại tung ra thuyết "Thu hẹp khoảng cách", lấy đó làm cái cớ để tìm kiếm cái mới.

Lý luận này do Tôn Vận Toàn "Viện trưởng Viện Hành chính" của chính quyền Đài Loan đưa ra ngày 10 tháng 6 năm 1982 tại buổi chiêu đãi các chuyên gia và học giả trong và ngoài nước tham gia cuộc "Hội thảo nghiên cứu vấn đề Đại Lục Trung Quốc". Theo lời tiết lộ của Giáo sư Khâu Hùng Đạt thuộc trường Đại học Maryland ở Mỹ có xu hướng thân Đài Loan, trước khi Tôn Vận Toàn đọc bài phát biểu này, nó đã được các nhân sĩ có hiểu biết trong Chính phủ và trong Quốc dân đảng ở Đài Loan bàn bạc thảo luận khá lâu. Tôn Vận Toàn nói: "Miễn là khoảng cách giữa Đại Lục và Đài Loan về mặt chính trị kinh tế, xã hội và văn hóa không ngừng được thu hẹp thì điều kiện hòa bình thống nhất sẽ từng bước trở lên chín muồi. Theo đà thời gian, những trở ngại của vấn đề thống nhất sẽ tự giảm bớt đi" có người phân tích rằng, Tôn Vận Toàn nói như vậy là có ý ám chỉ Quốc dân đảng sau này sẽ đàm phán với Đảng cộng sản, nhưng hiện nay thì không đàm phán.

So với khẩu hiệu "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân", ý nghĩa hiện thực của thuyết "Thu hẹp khoảng cách" có vẻ mạnh hơn đôi chút. Khẩu hiệu trước đòi hỏi Đại Lục phải thực hiện Chủ nghĩa Tam dân, còn luận thuyết sau chỉ yêu cầu Đại Lục thu hẹp khoảng cách, còn việc dựa vào chủ nghĩa gì để thu hẹp khoảng cách thì họ không nói. Vì lẽ đó, phe Bảo thủ trong Quốc dân đảng tỏ ra bất bình, đã viết bài đăng trên Trung ương nhật báo của Đài Loan phê phán cách đặt vấn đề của thuyết "Thu hẹp khoảng cách".

Tuy nhiên, cũng có một số đông, bao gồm quan chức cấp cao Quốc dân đảng, một số nhân sĩ nổi tiếng không phải Quốc dân đảng và một số trí thức ở Đài Loan và nước ngoài cho rằng, đặt vấn đề vào khoảng cách giữa hai bờ eo biển, mới được coi là thật sự "túm được tóc Trung Cộng", mới thật sự "nêu cao chỗ mạnh của mình, đánh vào chỗ yếu của địch". Vì thế, cho đến hôm nay, nhà cầm quyền Đài Loan vẫn lấy thuyết "Thu hẹp khoảng cách" làm lá bùa hộ mệnh chủ yếu để chống lại việc đàm phán hòa bình.

Cần nói thẳng rằng, giữa hai bờ eo biển hiện nay quả thực tồn tại khoảng cách trên rất nhiều phương diện, song cần phải phân tích cụ thể về "khoảng cách" đó. Chế độ xã hội, chế độ chính trị hai bờ eo biển khác nhau, do đó, với những tiền đề khác nhau thì không thể nào so sánh được. Đạo lý rất đơn giản là, những thứ cần đem ra so sánh được dựa trên cùng một cơ sở mới đúng, còn cứ đem ra so sánh một cách khiên cưỡng, kết quả chắc chắn không thể chuẩn xác; dùng kết luận không chuẩn xác làm căn cứ, kết luận rút ra chắc chắn cũng không thể nào chính xác được.

Quốc dân đảng ở Đài Loan tuy đã sáng tạo ra được: "kinh nghiệm Đài Loan", song nền kinh tế Đài Loan được phát triển trong điều kiện xã hội địa lý và lịch sử đặc biệt riêng, bản thân nó bị hạn chế nhiều. Vì vậy, không thể so sánh lung tung kinh tế Đài Loan với Đại Lục.

Về mặt kinh tế, chẳng hạn tính riêng về hạng mục chỉ tiêu kinh tế, Đại Lục có rất nhiều hạng mục không giống Đài Loan, nhưng so sánh này không thực sự nói lên được vấn đề, vì lẽ kinh tế phát triển còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, không kể yếu tố chủ quan con người, do sự can thiệp bằng chế độ chính trị và hành chính ra, nếu so sánh trình độ kinh tế hai vùng cao hay thấp, cần phải lựa chọn những vùng có các yếu tố khách quan gần giống nhau như diện tích, nguồn tài nguyên, môi trường quốc tế, tố chất dân số, cơ sở nông nghiệp sẵn có, điều kiện viện trợ của bên ngoài... để so sánh; còn ở Đại Lục bất kỳ một tỉnh, thành, khu tự trị nào có diện tích gần bằng Đài Loan thì tổng hợp các nhân tố khách quan khác đều không được ưu việt bằng Đài Loan.

Hơn 30 năm qua phương hướng đầu tư xây dựng kinh tế ở hai bên bờ eo biển khác nhau. Đài Loan chủ yếu công nghiệp nhẹ và dệt, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp gia công xuất khẩu thu hút nhiều lao động. Từ sau năm 1972 đến nay, tuy có liên tiếp tiến hành "xây dựng mười công trình lớn", nhưng cơ sở công nghiệp nặng vẫn còn yếu kém, báo chí Đài Loan phải thừa nhận một cách thẳng thắn rằng "về xây dựng ngành công nghiệp nặng còn rất nhỏ bé". Còn ở Đại Lục, tuy nhấn mạnh nhiều năm làm theo thứ tự "nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng" nhưng trên thực tế đã dành khoản đầu tư rất lớn vào công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, công nghiệp quân sự quốc phòng và công nghiệp kỹ thuật cao, chỉ có mười năm gần đây mới đổi lại ưu tiên phát triển công nghiệp nhẹ và dệt, công nghiệp điện tử và công nghiệp xuất khẩu.

Hai hướng đầu tư khác nhau này quyết định kết cấu kinh tế khác nhau. Cơ cấu ngành nghề tập trung về nhiều lao động của Đài Loan chủ thể là công nghiệp dệt, công nghiệp nhẹ và công nghiệp điện tử, vốn đầu tư ít, vòng quay nhanh, thu thập quốc dân bình quân và ngoại tệ tăng nhanh, song lại quá dựa dẫm, phụ thuộc vào kinh tế đối ngoại, cơ sở không vững chắc. Còn Đại Lục trải qua mấy chục năm xây dựng, đã bước đầu xây dựng được hệ thống công nghiệp quốc gia độc lập, có rất nhiều cơ sở sản xuất quy mô lớn về năng lượng, gang thép và các loại nguyên liệu công nghiệp khác, đồng thời lại có một ngành công nghiệp khoa học kỹ thuật cao, bao gồm các loại kỹ thuật mũi nhọn như thu hồi vệ tinh, chế tạo tàu ngầm nguyên tử... Phát triển các loại ngành nghề này phải có vốn nhiều, đầu tư lớn, quay vòng chậm, khó tránh được việc ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của cả nền kinh tế nói chung, nhưng nó lại làm cho toàn bộ nền kinh tế có khả năng ứng biến mạnh mẽ, đồng thời tạo khả năng và điều kiện làm cho kinh tế phát triển liên tục và ổn định.

Hiện nay, dự trữ ngoại tệ của Đài Loan có trên 70 tỷ đô-la Mỹ, giá trị sản phẩm quốc dân bình quân đầu người gấp trên mười lần ở Đại Lục, mức sống chung của nhân dân cũng cao hơn Đại Lục. Nhưng nếu xét về thực lực kinh tế chung và tiềm lực phát triển kinh tế thì Đài Loan vẫn không thể nào so sánh bằng Đại Lục được.

Sau khi Đại Lục thực hiện chính sách "mở cửa với bên ngoài", sản xuất ở một số địa phương phát triển rất nhanh, như vùng tam giác sông Chu, vùng hạ lưu Trường Giang, vùng Hàng Châu – Gia Hưng – Hồ Châu, vùng Ôn Châu... Mức sống của nhân dân các nơi này không chênh lệch lắm so với Đài Loan, tốc độ phát triển lại càng nhanh hơn Đài Loan.

Điều cần nhấn mạnh là, dân số Đại Lục gần 1,3 tỷ dân, còn Đài Loan chỉ có 19 triệu dân. Nâng cao mức sống và giá trị sản lượng quốc dân tính theo bình quân đầu người đối với 1,3 tỷ dân không biết khó khăn gấp bao nhiêu lần so với việc nâng cao mức sống và giá trị sản lượng quốc dân bình quân đầu người của 19 triệu dân. Đồng thời bài báo đăng trong tờ Thế kỷ Á châu của Đài Loan đã viết: "Bạn bè quốc tế đã thiện chí nhắc nhở chúng ta, không nên quên rằng Đại Lục có hơn một tỷ nhân khẩu, riêng số dân sống ở thành phố đã lên tới hơn 200 triệu người, nhiều dân hơn cả số dân toàn nước Mỹ, hàng ngày mở miệng đòi ăn cơm. Dùng con mắt sinh hoạt của Đài Loan hoặc các nước tiên tiến để nhìn Đại Lục là không công bằng. Đặt vấn đề khó khăn của Đại Lục là dân số đông vào nước Mỹ hoặc bất cứ một nước nào khác cũng đều rất khó giải quyết. Huống hồ hiện nay tại Trung Cộng đã cơ bản giải quyết được vấn đề cơm ăn, áo mặc cho hơn 1,3 tỷ dân, hơn nữa mức sống lại đang không ngừng được cải thiện. Riêng về mặt tuổi thọ của người dân, ở Đại Lục có tuổi thọ trung bình là 69 tuổi, còn ở Đài Loan là 71 tuổi, chênh lệch không nhiều; chỉ có về giao thông nói chung, vật dùng hàng ngày không phong phú bằng Đài Loan mà thôi".

Sự phân tích trên đây chỉ muốn nói lên việc xây dựng kinh tế ở hai bờ eo biển cũng như việc xây dựng về chính trị, xã hội, văn hóa nói chung mỗi bên đều có chỗ mạnh chỗ yếu riêng. Nói như thế không có nghĩa là để che dấu sự yếu kém về mặt xây dựng kinh tế của Đại Lục. Nếu không xảy ra cuộc "Đại Cách mạng văn hóa" vô sản và thiên tai thì Đại Lục sẽ làm tốt hơn hiện nay nhiều. Nói như vậy cũng không có nghĩa là hạ thấp kinh tế của Đài Loan. Kinh tế Đài Loan phát triển tới quy mô như ngày nay quả thật là một kỳ tích. Và sở dĩ Quốc dân đảng có thể duy

trì được cục diện chia cắt cũng là dựa vào thành tựu kinh tế làm chỗ dựa duy nhất mà thôi.

Nhìn từ góc độ khác, căn cứ vào một số chỉ tiêu khác để so sánh, như thu nhập quốc dân bình quân đầu người, bình quân mức ngoại tệ tính theo đầu người, mức chi dùng thực tế bình quân đầu người... giữa Đại Lục và Đài Loan quả là có khoảng cách và là khoảng cách rất lớn. Song, chẳng lẽ khoảng cách này lại là nguyên do để chia rẽ dân tộc hay sao?

Trước hết, bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới hiện nay, trình độ phát triển kinh tế của các địa phương trong nước họ đều không thể cân đối tuyệt đối được. Có địa phương khá phồn vinh sung túc, có địa phương lại nghèo khó hoang tàn. Nhưng chưa hề thấy nước nào chỉ vì khoảng cách kinh tế chênh lệch giữa các địa phương (bao gồm cả khoảng cách về chính trị, văn hóa, xã hội) mà dân chúng ở địa phương giàu có lại nêu ra yêu sách đòi lập chính quyền riêng.

Hai là, Chính phủ Trung Quốc và Đảng cộng sản Trung Quốc đã nhiều lần đảm bảo rằng, sau khi Đài Loan và Đại Lục thống nhất, chế độ chính trị, xã hội, kinh tế của Đài loan không thay đổi, phương thức sinh hoạt của nhân dân không thay đổi, Đài Loan được độc lập về tài chính, các công việc nội bộ khác do Đài Loan tự quyết. Như vậy, Đài Loan không vì thống nhất mà bị bất kỳ tổn thất gì. Do đó, bàn luận vấn đề gọi là "khoảng cách" chẳng có ý nghĩa gì cả.

Thứ ba là Đài Loan bàn tán ồn ào về "khoảng cách giữa hai bờ" phải chăng là sợ bị liên lụy bởi Đại Lục? Tâm lý lo lắng này khiến người ta nghĩ đến hộ đi làm ăn bên ngoài phát tài, nhanh chóng giàu sang, không nhận bố mẹ họ hàng quê hương mình nữa. Quốc dân đảng đã tuyên bố họ mới là Đảng "thật sự đại diện cho đồng bào Đại Lục, thật sự quan tâm đồng bào Đại Lục" thì tại sao họ lại không thuận theo lòng dân, thực hiện thống nhất, dùng kinh nghiệm xây dựng và nguồn vốn của Đài Loan áp dụng cho Đại Lục để viết nên những trang mới trong lịch sử của họ? Vậy mà hiện tại họ lại không từ một mưu đồ nào, cố tình gieo rắc một cách độc địa rằng Đại Lục lạc hậu như thế này thế nọ, Đài Loan tiến bộ như thế nọ thế kia, mượn cớ để khoét sâu hố ngăn cách giữa họ với cha mẹ quê hương, làm như vậy quả thật quá thấp hèn, con mắt quá thiển cận.

Tóm lại, cái gọi là thuyết "Thu hẹp khoảng cách" mới nghe tưởng như có lý, thật ra chẳng cần phải mất công phu cũng hiểu đó là lời từ chối đàm phán hòa bình hoặc tạm thời phù hợp với tâm lý hẹp hòi của một số người nào đó ở Đài Loan, song tuyệt đối không thể nhận được sự thông cảm của đồng bào Đại Lục và kiều bào ở hải ngoại, cũng không thể được các nhân sĩ thức thời trên thế giới tán thành.

Nửa năm sau khi Đài Loan đưa ra thuyết "Thu hẹp khoảng cách" nhà cầm quyền Đài Loan tại tung ra thuyết "Kinh nghiệm Tây Tạng" làm chị em kết nghĩa với thuyết "Thu hẹp khoảng cách".

Ngày 14 tháng 12 năm 1982, tờ Trung ương nhật báo ở Đài Loan đăng bài của Hoàng Bản Hiếu nhan đề Bản nhạc ba khúc về sự lâm nạn của Tây Tạng cho rằng "một nước hai chế độ" không phải là mới mẻ gì mà ngay từ năm 1951, khi giải quyết vấn đề Tây Tạng, Trung Quốc cũng đã áp dụng phương án "một nước hai chế độ", cam kết không thay đổi về chế độ chính trị hiện hành của Tây Tạng, cũng không thay đổi địa vị, chức trách quyền hạn vốn có của Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma, nhưng sau khi quân đội Trung Quốc tiến vào Tây Tạng 1954, tiếp đến năm 1959 phát động cuộc chiến tranh dẹp bạo loạn, cuối cùng đi đến thay đổi chế độ chính trị của Tây Tạng chỉ vẻn vẹn tám năm, "một nước hai chế độ" thành "một nước một chế độ" đó chính là kinh nghiệm của Tây Tạng.

Sau đó ba ngày, 17 tháng 12, tại Hội nghị Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, Tưởng Kinh Quốc lập tức yêu cầu Đảng viên trong toàn Đảng và dân chúng Đài Loan đều phải học tập bài báo nói trên của Hoàng Bản Hiếu, thông qua tấn bi kịch của Tây Tạng được Hoàng Bản Hiếu phân tích một cách sinh động, rút ra bài học để đối phó với cuộc tiến công của Trung Cộng về đàm phán hòa bình. Sau đó, phương án "một nước hai chế độ" đã bị những người hiểu lầm gọi là "công thức Tây Tạng".

Trong hội nghị hòa bình giải quyết Tây Tạng ký ngày 23 tháng 9 năm 1951 giữa đại diện Chính phủ địa phương Tây Tạng quả là có nhiều điều khoản về không thay đổi chế độ chính trị hiện hành của Tây Tạng, không thay đổi địa vị và chức trách quyền hạn của Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma... Trong phạm vi lãnh thổ Trung Quốc, cho phép Tây Tạng thực hiện chế độ chính trị khác với nội địa, như vậy cũng có thể gọi là "một nước hai chế độ".

Nhưng, hiệp định về hòa bình giải phóng Tây Tạng hồi đó còn gồm những nội dung khác nữa, không thể xếp nó ngang hàng với phương án giải quyết vấn đề Đài Loan do Đảng cộng sản Trung Quốc đề ra sau đó 30 năm. Thử so sánh hiệp định về vấn đề Tây Tạng với phương án về vấn đề Đài Loan để thấy sự khác nhau quan trọng giữa hai vấn đề này.

1. Điều 2 trong hiệp định Tây Tạng quy định: Chính phủ địa phương Tây Tạng tích cực phối hợp giúp đỡ Quân giải phóng Nhân dân tiến vào Tây Tạng, củng cố quốc phòng; Điều 8 quy định: Quân đội Tây Tạng dần dần thay đổi biên chế thành Quân giải phóng Nhân dân, trở thành một bộ phận vũ trang quốc phòng của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Còn phương án Đài Loan nêu rõ: Đài Loan sau khi thống nhất với Đại Lục, có thể giữ lại quân đội vốn có của Đài Loan và có quyền được mua vũ khí phòng thủ của nước ngoài. Đại Lục không cử một người lính nào đến Đài Loan cả.

2. Điều 11 của hiệp định Tây Tạng quy định: Các công việc cải cách liên quan của Tây Tạng, Trung ương không gò ép, Chính phủ địa phương Tây Tạng cần tự động tiến hành cải cách, cần phải giải quyết theo phương pháp hiệp thương với các nhà lãnh đạo Tây Tạng.

Hàm nghĩa của điều khoản này rất rõ ràng, nghĩa là tuy Trung ương không thay đổi chế độ hiện hành ở Tây Tạng, nhưng yêu cầu Chính phủ địa phương Tây Tạng "tự tiến hành cải cách", Trung ương không gò ép các việc cải cách ở Tây Tạng nhưng không phải là "không hỏi han chú ý" gì đến, bởi vì Chính phủ nhân dân phải phục vụ nhân dân, khi nhân dân nêu ra yêu cầu cải cách thì có thể giải quyết theo phương pháp bàn bạc hiệp thương với các nhà lãnh đạo Tây Tạng, trong quá trình hiệp thương Chính phủ Trung ương tiêu biểu cho lợi ích của nhân dân, tất nhiên sẽ phải tham gia góp ý.

Còn phương án Đài Loan ghi, Đài Loan sau khi thống nhất với Đại Lục mọi công việc nội bộ của Đài Loan đều do phía Đài Loan tự quản lý lấy, Chính phủ Trung ương không tham gia vào. Chính phủ Trung ương chẳng những không yêu cầu Đài Loan "tự tiến hành cải cách", hơn nữa còn dùng các hiệp định và hình thức luật pháp khác công khai bảo đảm "ít nhất 50 năm không thay đổi".

3. Điều 12 của hiệp định Tây Tạng quy định: Các quan chức trước kia thân đế quốc, thân Quốc dân đảng, nếu kiên quyết thoát ly khỏi mối quan hệ với đế quốc và Quốc dân đảng, không tiến hành phá hoại và chống đối thì vẫn có thể tiếp tục làm việc, không đếm xỉa quá khứ. Nói cách khác là, các quan chức cũ trong Chính phủ địa phương Tây Tạng tiếp tục được làm việc trong Chính phủ nhân dân phải có những điều kiện tiên quyết nhất định.

Còn phương án Đài Loan ghi: Đài Loan sau khi thống nhất với Đại Lục, Trung ương không tham gia vào việc điều động nhân sự của Đài Loan, không một điều kiện tiên quyết nào về việc bổ nhiệm các quan chức Đài Loan cả.

4. Điều 14 của hiệp định Tây Tạng quy định: Chính phủ Trung ương thống nhất giải quyết tất cả mọi công việc liên quan đến đối ngoại của Tây Tạng.

Còn phương án Đài Loan ghi: Sau khi thống nhất với Đại Lục, Đài Loan có thể được hưởng quyền đối ngoại nhất định, có thể duy trì quan hệ văn hóa – kinh tế với nước ngoài, phát hộ chiếu riêng cho nhân dân Đài Loan, cấp thị thực nhập cảnh cho các nhân sĩ người nước ngoài, đồng thời có thể lấy danh nghĩa "Đài Loan – Trung Quốc" có quyền đại diện thích đáng trong một số tổ chức quốc tế.

5. Điều 15 trong hiệp định Tây Tạng ghi: Chính phủ nhân dân Trung ương thiết lập Ủy ban quân chính và bộ tư lệnh quân khu ở Tây Tạng, ngoài những người do Chính phủ nhân dân Trung ương cử đến, cố gắng thu hút những người ở địa phương tham gia công tác ở Tây Tạng. Các nhân viên địa phương Tây Tạng tham gia vào Ban quân chính, bao gồm cả những phần tử yêu nước trong Chính phủ địa phương Tây Tạng và trong các địa phương chùa chiền chủ yếu ở Tây Tạng, do đại biểu được Chính phủ nhân dân Trung ương chỉ định, hiệp thương bàn bạc với các ngành hữu quan để đưa ra danh sách, báo cáo lên Chính phủ nhân dân Trung ương bổ nhiệm.

Còn phương án Đài Loan chỉ nêu: Đài Loan sau khi thống nhất với Đại Lục, Trung ương không cử nhân viên hành chính đến Đài Loan tất nhiên cũng không lập cơ quan thường trú ở Đài Loan. Việc bổ nhiệm các quan chức Đài Loan lại càng không phải do đại diện của Trung ương hiệp thương bàn bạc với các ngành hữu quan, mà hoàn toàn do phía Đài Loan tự giải quyết.

Sự so sánh trên đây đủ để chứng minh rằng "công thức Tây Tạng" trong thập kỷ 1950 hoàn toàn khác với "một nước hai chế độ" trong thập kỷ 1980. Về điều này nhiều chuyên gia, học giả Đài Loan chỉ cần nghiên cứu đôi chút cũng có thể nhận ra.

Vậy thì, bàn về "công thức Tây Tạng" là nhằm dụng ý gì? Qua bài báo được Tưởng Kinh Quốc giới thiệu cho toàn Đảng học tập đó, ta có thể tìm được đáp án cho vấn đề này. Đối với phần "hai chế độ" trong "công thức Tây Tạng", bài báo trên không cho là không thỏa đáng, song điều họ làm rùm beng lên là "hai chế độ sau đó tiến hành một chế độ", nói tóm lại vấn đề then chốt là ở chỗ "biến" này.

Khi lật ngược lại vấn đề để hỏi, ta sẽ có những tin tức thú vị. Nếu "một nước hai chế độ" không thay đổi thì liệu Đài Loan có chấp nhận không? Xem ra, ít nhất cũng có một bộ phận trong Quốc dân đảng đã bắt đầu nghiêm chỉnh suy nghĩ về vấn đề này, nếu không họ đã chẳng cần phải đi nghiên cứu tấm gương Tây Tạng trước đây.

Nhà cầm quyền Tây Tạng trước sau luôn là vấn đề quan hệ giữa Trung ương và địa phương. Còn nhà cầm quyền Đài Loan lại tự coi mình là "Chính phủ Trung ương", đồng thời phủ nhận tính hợp pháp của chính quyền Bắc Kinh. Vì vậy, họ lẽ ra nên tránh không nên so sánh với nhà cầm quyền Tây Tạng có phải lô-gic hơn không.

Để duy trì "sự thống trị hợp pháp", nhà cầm quyền Đài Loan lúc đầu dứt khoát từ chối xem xét phương án ngược lại là "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" và "Thu hẹp khoảng cách hai bờ eo biển", như vậy là khác hẳn với vấn đề Tây Tạng trước kia. Chỉ có đang suy nghĩ cân nhắc tiếp nhận phương án "một nước hai chế độ" và chỉ đón sau khi chấp nhận sẽ xảy ra tình hình gì thì việc nghiên cứu vấn đề Tây Tạng mới có ý nghĩa

Quan sát từ góc độ đặc biệt ấy, liệu có thể coi mối quan tâm của nhà cầm quyền Đài Loan đối với "kinh nghiệm Tây Tạng" là dấu hiệu chứng tỏ họ muốn Đại Lục có những bảo đảm chắc chắn hơn nữa về sự "không thay đổi"? Có lẽ ít nhất cũng chứa đựng nhân tố đó.

Nếu quả như vậy, cần nói rõ với nhà cầm quyền Đài Loan:

1. Trong hiệp định hòa bình giải quyết vấn đề Tây Tạng đã ghi rõ: "Chính phủ địa phương Tây Tạng cần tự động tiến hành cải cách" cũng tức là có ghi rõ tính chất chủ yếu của sự "thay đổi". Sau này, sở dĩ phát triển tới mức phải dùng vũ trang dẹp bạo loạn chỉ là những kẻ theo chủ nghĩa chia rẽ người dân tộc thiểu số, nói một đằng làm một nẻo, chống lại cải cách và sử dụng vũ lực trước, chống lại nhân viên của Chính phủ Trung ương ở Tây tạng. Còn đối với Đài Loan lại khác, Trung ương vừa không yêu cầu Đài Loan phải "tự tiện cải cách", cũng không cử nhân viên của mình đến Đài Loan, ngược lại còn bảo đảm rằng chế độ hiện hành của Đài Loan "ít nhất 50 năm nữa cũng không thay đổi".

2. Tây Tạng vốn thực hiện chế độ nông nô rất dã man tàn bạo, cuộc sống người dân không bằng

trâu ngựa. Sau đó Đảng cộng sản đã lãnh đạo công cuộc cải cách dân chủ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là việc làm thuận theo lòng dân Tây Tạng. Còn trong thời kỳ "Cách mạng văn hóa", do ảnh hưởng đường lối "tả khuynh" nên đã gây ra một số tổn thất thì đó lại là một lẽ khác.

Còn Đài Loan, mức phát triển kinh tế và mức sống nhân dân Đài Loan hiện nay đã vượt qua Đại Lục, nếu dùng chế độ Xã hội chủ nghĩa để đi thống nhất Đài Loan thì không phải chỉ nhà cầm quyền Đài Loan phản đối, mà ngay cả dân chúng Đài Loan cũng không chắc đã đồng ý. Đảng cộng sản Trung Quốc chính vì xét đến điều đó, nên mới nêu ra "một nước hai chế độ" nhằm bảo đảm thiệt hại sau khi thống nhất, phương thức sinh hoạt không bị thay đổi, mức sống sẽ không bị giảm sút.

Sau khi thống nhất, hai bờ eo biển can qua thành ngọc quý, vì cớ gì Đại Lục lại bỏ công cuộc xây dựng của mình để sử dụng vũ lực với Đài Loan? Nhân dân Đại Lục cũng không thể đồng tình với việc nổ súng vào đồng bào ruột thịt của mình.

Tóm lại, lòng dân của Đài Loan và Đại Lục là yếu tố vững chắc nhất quyết định thay đổi hay không thay đổi. Lòng dân muốn "biến", nếu không thay đổi cũng vẫn đổi thay; lòng dân không "biến", dù có muốn thay đổi cũng không thể đổi thay được.

3. Theo phương án "một nước hai chế độ", sau khi thống nhất với Đại Lục, Đài Loan có thể được hưởng quyền tự trị nhiều hơn rất nhiều so với Chính phủ địa phương Tây Tạng trước kia. Những quyền tự quyết này, nhất là cho phép Đài Loan được giữ lại quân đội riêng của mình và được mua vũ khí phòng thủ của nước ngoài, sẽ là một nhân tố mạnh mẽ để đảm bảo "không thay đổi".

Tóm lại, nhà cầm quyền Đài Loan lấy cái gọi là "bi kịch Tây Tạng" để lập luận rằng Trung Cộng là bất tín, cũng giống như dùng cái gọi là "kinh nghiệm lịch sử" để lập luận Trung Cộng không thể tin được là điều không thể đứng vững, dễ bị bác bỏ.

Trên đây là giới thiệu phân tích những lý luận chủ yếu của nhà cầm quyền Đài Loan nhằm đối chọi lại lời kêu gọi của Trung Cộng về đàm phán hòa bình, đó là "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân", thuyết "Thu hẹp khoảng cách" và thuyết "Kinh nghiệm Tây Tạng", còn một số cách nói khác "Thuyết kinh nghiệm lịch sử", "tình hình chính trị Đại Lục không ổn định"... chẳng qua chỉ nhằm lập luận rằng Trung Cộng là không thể tin cậy được, có thể xếp vào loại thuyết "Kinh nghiệm Tây Tạng". Nếu loại bỏ đi nhiều lời lẽ chống Cộng chứa đựng trong thứ lý luận đó, để nắm bắt lấy những trạng thái tâm lý khác nhau thể hiện trong mấy cách đặt vấn đề khác nhau nói trên, ta sẽ phát hiện được xu thế diễn tiến trong chính sách của Quốc dân đảng đối với Đại Lục. "Phản công Đại Lục" và "lấy lại Đại Lục" trước đây được nêu ra với tiền đề là "Trung Cộng nhất định thất bại. Quốc dân đảng và chính quyền của họ phải được khôi phục"; còn thuyết "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" và thuyết "Thu hẹp khoảng cách" thì không còn nêu chuyện Trung Quốc nhất định thất bại nữa, mà chỉ là yêu cầu Trung Cộng thay đổi. Thuyết "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" là đòi Trung Quốc phải thay đổi từ chỗ làm theo chủ nghĩa Marx, chuyển sang làm theo Chủ nghĩa Tam dân; thuyết "Thu hẹp khoảng cách" lại càng khách sáo hơn, chỉ nêu là thu hẹp khoảng cách chênh lệch chứ không cần dựa vào chủ nghĩa gì cả; cho đến thuyết "Công thức Tây tạng" trạng thái tâm lý của nhà cầm quyền Đài Loan lại lùi thêm một bước nữa, việc suy nghĩ chủ yếu bây giờ không phải là vấn đề để cho Trung Cộng thay đổi, mà là hy vọng Trung Cộng không thay đổi "một nước hai chế độ" không biến đổi thành "một nước một chế độ". Nếu cứ tiếp tục phát triển theo xu thế này, cuối cùng rất có khả năng hai Đảng Quốc – Cộng tiến hành hợp tác với nhau lần thứ ba.

Nhìn vào thực tiễn, nhà cầm quyền Đài Loan luôn "trì hoãn" và dùng phương châm "ba không" – "không tiếp xúc, không đàm phán, không thỏa hiệp" – để đối lập lại với đề nghị của Trung Cộng về "Tam thông" (tức thông đường hàng không, đường biển; thông đường bưu điện, thư từ; thông thương buôn bán).; "Tứ lưu" (tức thăm viếng người thân; trao đổi về du lịch; trao đổi

học thuật và trao đổi văn hóa thể dục thể thao). Điều đó chủ yếu do phía Đài Loan còn lo ngại quá nhiều đối với Trung Cộng, còn phía Đại Lục thì thực lực của mình chưa đủ mạnh để có thể ép Đài Loan phải nghe theo. Song, về chấp hành cụ thể "phương châm ba không", thực ra nhà cầm quyền Đài Loan càng ngày càng nới lỏng. Quan hệ trao đổi bưu điện thư tín và buôn bán gián tiếp giữa hai bờ eo biển thông qua nơi khác đang ngày càng tấp nập; dân chúng Đài Loan lấy cớ đi thăm quan nước ngoài đã bí mật đi du lich về Đại Lục hoặc trao đổi buôn bán, thư từ gián tiếp với Đại Lục thăm họ hàng thân thích ngày càng nhiều hơn. Lúc đầu, nhà cầm quyền Đài Loan bắt được người bí mật về Đại Lục thì đều trừng phạt họ, nhưng dần dần, mức phạt càng ngày càng nhẹ dần, cuối cùng là làm ngơ. Tình trạng công khai không thông thương nhưng ngấm ngầm thông thương này kéo dài mãi đến năm 1987 mới có sự chuyển biến có tính chất đột phá.

III. CÁC PHƯƠNG ÁN THỐNG NHẤT KHÁC VÀ PHẢN ỨNG CỦA NHÀ CẦM QUYỀN ĐÀI LOAN

Nhà cầm quyền Đài Loan không chịu chấp nhận phương án: "một nước hai chế độ", trong khi phương án "Thống nhất Trung Quốc bằng Chủ nghĩa Tam dân" cũng không ổn, chỉ còn cách đành phải "trì hoãn, chờ đợi". Nhưng trì hoãn kéo dài mãi cũng không phải là một biện pháp, thế là xuất hiện rất nhiều mưu đồ tìm kiếm lối thoát giữa hai phương án "một nước hai chế độ" và phương án "Thống nhất Trung Quốc theo Chủ nghĩa Tam dân".

Ngày 6 tháng 2 năm 1978, Tiến sỹ Trương Húc Thành, một học giả Đài Loan du học tại Mỹ, đã chính thức nêu ra phương án biến Đài Loan trở thành "Singapore ở Viễn Đông", nghĩa là chủ trương nhà cầm quyền Đài Loan công nhận chủ quyền của "Trung Hoa Dân Quốc" đối với Đài Loan, Bành Hồ, đồng thời thành lập ở khu vực Đài Loan, Bành Hồ một nhà nước Hoa giống như Singapore. Rõ ràng, chủ trương "mô thức Singapore" của Trương Húc Thành chỉ là một cách nói khác của thuyết "Đài Loan độc lập" mà thôi.

Tháng 10 năm 1980, tại một hội nghị học thuật ở Nam Triều Tiên. Ngụy Dung, Chủ nhiệm "Ủy ban nghiên cứu phát triển thi cử thuộc "Viện Hành chính" của nhà cầm quyền Đài Loan đã đưa ra một bản tham luận bằng tiếng Anh nhan đề Phân tích so sánh về quan niệm cơ bản, nhân tố tương quan và con đường diễn biến của vấn đề thống nhất quốc gia nhiều thế chế, trong đó đưa ra "mô thức Quốc gia nhiều thể chế". Ông ta chủ trương Trung Quốc chia thành hai chính quyền giống như ở Đức, cả hai bên đều có thể là thành viên của Liên Hợp Quốc, đồng thời đều có quyền lập quan hệ ngoại giao với các nước khác trên thế giới, đồng thời xác lập mục tiêu lâu dài là "một nước Trung Quốc", trong tình hình đó, cả Đại Lục lẫn Đài Loan đều có quyền là nước thành viên Liên Hợp Quốc, nghĩa là "không được dùng vũ lực hoặc các biện pháp đe dọa khác, không được xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ và chính trị đối lập của nước khác", nhưng nếu hai bên dùng phương thức hòa bình để thống nhất thành một nước thì không có nước nào phản đối cả.

"Mô thức Quốc gia nhiều thể chế" do Ngụy Dung nêu ra này, thực ra chính là "mô thức nước Đức" do Ray Cline, Chủ nhiệm Ban nghiên cứu chiến lược trường Đại học Georgetown Washington của Mỹ nêu ra từ năm 1976 về phương án giải quyết vấn đề Trung Quốc. Tháng 9 năm đó, Tiến sĩ Khâu Hùng Đạt, người Đài Loan du học ở Mỹ đã viết bài giới thiệu về mô thức này, còn Ngụy Dung chẳng qua chỉ thêm vào một số khái niệm như "chia rẽ quốc gia", "chia rẽ dân tộc", diễn tả "mô thức nước Đức" có vẻ đường hoàng, sâu sắc hơn mà thôi.

Thực ra, "mô thức nước Đức" hoặc "mô thức Quốc gia nhiều thể chế" cũng vậy, đều là biến tướng của "hai nước Trung Quốc". Hơn 20 năm trước, Mỹ đã định thực hiện điều này vì bị cả hai Đảng Quốc – Cộng cùng phản đối cho nên chưa thành.

Tháng 1 năm 1982, tại "Hội thảo về vấn đề thống nhất Trung Quốc" do Hiệp hội New York – châu Á tổ chức, Trương Húc Thành lại nêu chủ trương xây dựng "liên bang Trung Quốc", tức Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và "Trung Hoa Trung Quốc" là hai chính quyền khác nhau giống như các nước trong khối liên hiệp Anh vậy. Dư luận phổ biến cho rằng "mô thức Liên bang" chỉ

là cách nói khác của "mô thức Singapore" mà thôi.

Tháng 10 năm 1984, một "Đại biểu Quốc hội" uy tín của Đài Loan là Phí Hy Bình lại nêu đề nghị xây dựng phương án "liên bang Đại Trung Hoa", chủ trương Đại Lục và Đài Loan đều là thành viên trong "Đại liên bang", mỗi bang đều có quyền độc lập về nội chính, ngoại giao, quốc phòng, không có cơ cấu quyền lực tối cao nằm trên các bang. Các bang cũng tự do rời bỏ liên bang. Sau 50 năm đến 100 năm hoặc dài hơn nữa cạnh tranh hòa bình, cuối cùng liên bang kiểm soát, thực hiện quyền giải quyết vấn đề thống nhất Trung Quốc bằng hình thức do công dân bỏ phiếu. Tháng 1 năm 1985, Phí Hy Bình lại giải thích phương án này với các nhà báo Nhật Bản rằng nó giống như "một kiểu cộng đồng quốc tế". Khi phóng viên Nhật Bản hỏi lại: "Xét cho cùng Liên bang Đại Trung Hoa, là phương thức hai nhà nước, chẳng lẽ không phải vậy sao?" Phí Hy Bình đáp: "Vâng đúng thế!".

Ngày 25 đến ngày 17 tháng 3 năm 1983, Hiệp hội nghiên cứu vấn đề châu Á của Mỹ tổ chức hội học thuật tại San Francisco về triển vọng "thống nhất Trung Quốc", Khâu Hùng Đạt đã đọc bài phát biểu Quan điểm Đài Loan về vấn đề thống nhất, nêu ra sáu điều kiện đàm phán hòa bình theo ý ông ta, đó là: (1) Trước và sau khi thống nhất, Đài Loan có quyền tự vệ, kể cả việc được mua vũ khí phòng thủ; (2) không cho phép bên nào thay đổi một cách phiến diện điều kiện giải quyết hòa bình; (3) Đài Loan hoàn toàn tự trị chứ không phải chỉ có "quyền tự trị cao"; (4) Sau khi thống nhất Đài Loan phải có địa vị quốc tế; (5) Trung Quốc Đại Lục phải đạt được mức độ chính trị ổn định về kinh tế phát triển nhất định; (6) Nhân dân Trung Quốc phải được hưởng tự do khá hơn về chính trị và kinh tế.

Ba tháng sau, phương án mới nhất về "hòa bình thống nhất" do Đặng Tiểu Bình nêu ra, được công bố công khai, dư luận hải ngoại nói chung đều cho rằng, về nguyên tắc, phương án Đặng Tiểu Bình đưa ra có chấp nhận những điều kiện do Khâu Hùng Đạt nêu ra, chỉ riêng chủ trương "hoàn toàn tự trị" là không đồng ý mà thôi. Khâu Hùng Đạt vội viết bài báo khác, trình bày bổ sung cho "sáu điều kiện" nói trên của mình, nói rằng "quyền tự vệ" mà ông ta yêu cầu phải bao gồm cả "trước khi thống nhất", còn phương án Đặng Tiểu Bình đưa ra lại lờ đi không nói gì về vấn đề đó cả; còn về "sau khi thống nhất" Khâu nêu ra là lực lượng vũ trang của Đài Loan có khả năng uy hiếp được Phúc Kiến, Chiết Giang, phía đông tỉnh Quảng Đông và Giang Tây, nó hoàn toàn mâu thuẫn với phương án của Đặng Tiểu Bình nói rằng "Không được tạo thành mối đe dọa đối với Đại Lục". Khâu Hùng Đạt yêu cầu "bất kỳ bên nào cũng không được thay đổi một cách phiến diện các điều kiện giải quyết hòa bình" mà phải "có quốc tế đảm bảo", còn phương án Đặng Tiểu Bình nêu ra lại kiên quyết phản đối điều này. Khâu nêu rằng: Đài Loan phải "tự trị hoàn toàn" còn Đặng Tiểu Bình lại cho như thế là đòi "Đài Loan độc lập" không thể chấp nhận được. Khâu nêu ra rằng sau khi thống nhất, Đài Loan phải có địa vị quốc tế thích đáng về mặt quan hệ ngoại giao và các tổ chức quốc tế, còn Đặng Tiểu Bình chỉ hứa là Đài Loan có thể duy trì quan hệ kinh tế đối ngoại độc lập, được cấp phát hộ chiếu riêng cho nhân dân Đài Loan và cấp thị thực nhập cảnh cho các sĩ nhân nước ngoài, thậm chí có thể được phép ký kết một số hiệp định nào đó với nước ngoài, như thế còn lâu mới đủ đáp ứng yêu cầu. Còn điểm 5 và 6 trong số sáu điều kiện Khâu Hùng Đạt nêu ra, trong nguyên bản thiếu tiêu chuẩn cụ thể, nhưng lúc này lại khăng khăng nói rằng Trung Cộng "tuyệt đối không thể thực hiện được".

Qua lời thuyết minh bổ sung trên đây có thể thấy rõ, những điều kiện do Khâu Hùng Đạt nêu ra chỉ là những từ chối thay cho Quốc dân đảng chống lại chính sách mặt trận thống nhất của Trung Cộng. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là Khâu Hùng Đạt xác định vị trí tương lai của Đài Loan đã dùng khái niệm "tự trị hoàn toàn", thực tế là "Đài Loan độc lập", nhưng rốt cuộc trên hình thức bề ngoài cũng tạo cho người ta ấn tượng thừa nhận Đại Lục có chủ quyền chi phối đối với Đài Loan, vì thế, mô thức "Tự trị hoàn toàn" có thể nói chính là mô thức "một Trung Quốc, một Đài Loan" hoặc "một Trung Quốc rưỡi".

Tháng 9 năm 1987, nhân sĩ có tiếng ở Đài Loan là Thẩm Quân Sơn lại đưa ra khái niệm "Một nước hai nền thống trị" để đối chọi lại với "Một nước hai chế độ" bao gồm: Hai chính quyền Quốc dân đảng và Đảng cộng sản đều chung hưởng chủ quyền tự vệ, quyền ngoại giao và các

quyền lợi chính trị thực thể có tư cách quốc tế trong các vấn đề quốc tế. Hai chính quyền này chỉ bị ràng buộc bởi ba điểm sau đây: (1) Không được dùng vũ lực với đối phương; (2) Không được liên minh với một nước thứ ba trên quốc tế gây tổn hại lợi ích của đối phương; (3) Không được ngăn cản những sự giao lưu có tính chất xây dựng giữa đôi bên.

Theo lời Thẩm Quân Sơn, cơ sở lý luận của mô thức do ông ta nêu ra là: "chủ quyền do lịch sử để lại, trị quyền do dân giao phó". Trong tình hình Quốc – Cộng "cùng chia nhau cai trị", việc nhân sự hành chính của địa phương nào đó nên do nhân dân nơi đó quyết định, còn nhân dân và Chính phủ địa phương khác không có quyền can thiệp.

Có thể nói thẳng ra rằng, những điều Thẩm Quân Sơn nói, chẳng qua chỉ nhắc lại "thuyết tự quyết của nhân dân địa phương"mà các phần tử chủ trương "Đài Loan độc lập" vẫn rêu rao lâu nay. Lý luận này lại có hai nhược điểm chí mạng: (1) Thực tế đó là khái niệm thay đổi lén lút, dùng "quyền cai trị" thay cho "chủ quyền". Trong tình hình "Một nước hai nền thống trị" thì thực thể chính trị "cùng chia sẻ quyền cai trị" và vấn đề chủ quyền nhà nước là không khác nhau, hơn nữa "chủ quyền" chỉ là một từ trống rỗng không có nội dung gì cả; (2) Trên thế giới ngày nay quả là có không ít quốc gia, trong đó có những địa phương trong nước họ được hưởng quyền tự trị, nhưng quyền tự trị này là do Quốc hội, thay mặt nhân dân cả nước, trao cho họ bằng phương thức lập pháp và nói chung đều có giới hạn. Còn về "cai trị do dân giao phó" mà Thẩm Quân Sơn nêu ra lại đòi hỏi là quyền cai trị không hạn chế, cái gọi là "dân giao phó" ở đây lại không phải là nói đến nhân dân cả nước, mà chỉ là nhân dân một vùng nào đó. Theo lý luận đó, chỉ cần nhân dân một địa phương nào đó mong muốn thì có thể tự mình trở thành "một thực thể chính trị có quyền tự vệ, quyền ngoại giao và có tư cách quốc tế", những địa phương đó lớn bé thế nào, về lý luận rõ ràng không thể xác định được. Một tỉnh có thể được, nhưng còn một huyện, một khu vực hoặc thậm chí một xã phải chăng cũng viện cùng lý do đó để đòi được "tự quyết" sao? Làm như vậy, mỗi một nước sẽ trở thành chia năm xẻ bảy, bản đồ thế giới sẽ phải thay đổi hàng ngày cũng không kịp, phải chăng sẽ lại đại loạn! Xin hỏi, trong khu vực do nhà cầm quyền Đài Loan thống trị hiện nay, họ đã làm thử trước cho mấy vùng được "tự trị do dân chúng giao phó" xem tình hình sẽ ra sao?

Cũng có một số người tự cho mình là "công bằng" giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản, phát biểu ý kiến về vấn đề thống nhất. Ví dụ như bà Ailinda, người vợ gốc Mỹ của Ông Thi Minh Đức, một nạn nhân của "sự kiện Cao Hùng" và bà Trần Hương Mai, một chính khách người Hoa gốc Mỹ nổi tiếng, trước sau lần lượt nêu ra rằng Trung Cộng nên giao tỉnh Phúc Kiến cho Đài Loan cai trị, coi đó là điều kiện tiên quyết cho chủ trương thống nhất đất nước. Một thí dụ khác là tháng 5 năm 1986, "Ủy ban nhất trí hành động của Quốc dân đảng Trung Quốc" thành lập tại Mỹ, chủ trương chính quyền hai bờ eo biển đòi hủy bỏ Hiến pháp riêng của mình, thi hành cải cách dân chủ, sau đó trên cơ sở này tổ chức "Hội nghị đề ra Hiến pháp thống nhất Trung Quốc", hoàn thành thống nhất theo "Hiến pháp" mới. Những ý kiện này chỉ làm cho vấn đề phức tạp thêm và khó được đương sự chấp nhận dễ trở thành nói suông.

Ngoài các phương án đã nêu trên, cũng còn khá nhiều phương án khác nói về vấn đề thống nhất, song nếu không thuộc loại "mô thức Singapore" ("mô thức Liên bang", "mô thức Khối liên hiệp") hoặc "mô thức nước Đức" ("Quốc gia nhiều thể chế", "Một nước hai thống trị") thì thuộc loại "mô thức Tự trị hoàn toàn", cho nên không đi sâu phân tích hơn nữa.

Tất cả các phương án này, tên gọi tuy khác nhau, nhưng có một điểm chung tức là đều đòi cho nhà cầm quyền Đài Loan được tiếp tục duy trì địa vị thực thể chính trị độc lập, được bảo đảm có quyền lợi ngoại giao và luật quốc tế mà chỉ chính quyền nhà nước mới được hưởng, cho phép Đài Loan độc lập trong quan hệ với các nước khác, kể cả việc công nhận về ngoại giao và hợp tác quân sự và không bị bất kỳ sự hạn chế nào của "Chính phủ Trung ương" Trung Quốc. Mặc dù tác giả các phương án này đều tránh dùng chữ "Đài Loan độc lập", nhưng trên thực tế, hạt nhân của các phương án này đều muốn Đài Loan độc lập, so sánh với chủ trương của bọn Liêu Văn Nghị và Bành Minh Mẫn đòi cho "Đài Loan độc lập" trước đây thì thấy: Liêu Văn Nghị, Bành Minh Mẫn muốn một "Đài Loan độc lập" và loại bỏ Quốc dân đảng, còn "mô thức

Singapore" lại chủ trương "Đài Loan độc lập" do Quốc dân đảng đứng đầu. Còn các mô thức "Quốc gia nhiều thể chế", "Liên bang Trung Hoa", "Đài Loan hoàn toàn tự trị"... thì lại càng tô thêm một lớp son che đậy cho cái ý đồ của Quốc dân đảng về "Đài Loan độc lập", hoặc "tự trị không có nghĩa là độc lập" núp dưới cái bóng "thống nhất Trung Quốc là một mục tiêu lâu dài".

Do những người nêu ra các phương án nói trên đều có hậu thuẫn của chính quyền Quốc dân đảng, chẳng hạn như Khâu Hùng Đạt, Trương Húc Thành đều được liệt vào hàng "Tứ đại kim cương" của Đài Loan ở Mỹ, còn bản thân Ngụy Dung là quan chức cấp "Bộ trưởng" của Đài Loan, do đó khó tránh khỏi sự nghi ngờ của thiên hạ đối với các chủ trương ấy, họ nghi ngờ các chủ trương này đã được cấp cao góp ý, là thăm dò, mở đường cho Quốc dân đảng. Nhưng trong các trường hợp chính thức, do nhu cầu duy trì nền "thống trị hợp pháp", nhà cầm quyền Đài Loan vẫn kiên trì lập trường "một nước Trung Quốc", kịp thời tẩy chay, bác bỏ các phương án nói trên.

Thái độ này của nhà cầm quyền Đài Loan đã từng bị mọi người chế giễu là đang ở trong hoàn cảnh khốn khó không tự biết mình, mà cố tỏ vẻ lạc quan. Tuy nhiên, trên vấn đề này, sự sáng suốt và tầm nhìn xa trông rộng của những nhà cầm quyền Đài Loan còn cao hơn các lời chế giễu trên rất nhiều.

Người phát ngôn của nhà cầm quyền Đài Loan, "Cục trưởng Cục báo chí Viện Hành chính" Đài Loan là Thiệu Ngọc Danh tháng 6 năm 1985 đã phát biểu dài lê thê, giải thích nhà cầm quyền Đài Loan vì sao lại kiên trì chính sách một nước Trung Quốc. Quy nạp lại các lý do Thiệu Ngọc Danh nêu ra gồm năm điểm và giải thích rõ thêm những điểm mà ông ta chưa nói rõ do nhiều nguyên nhân khác nhau.

1. Sự tồn vong của một quốc gia phải có tinh thần và mục tiêu dựng nước của mình, phải có sứ mệnh phù hợp với truyền thống văn hóa lịch sử của mình. Ngày nay, đứng trước việc Trung Cộng định dùng tinh thần dân tộc mạnh mẽ để chống lại thì sẽ không có kết quả, nếu một khi tuyên bố độc lập, dưới con mắt đồng bào Đại Lục, chỉ trong khoảnh khắc một đêm thôi, hình tượng anh hùng sẽ trở thành Hán gian ngay và về lâu dài chắc chắn sẽ hết sức nguy hiểm."

Đúng vậy, dân tộc Trung Hoa từ mấy nghìn năm nay đã đứng sừng sững ở phương đông của thế giới, trong thời gian đó tuy có mấy lần chia cắt, nhưng cuối cùng vẫn thống nhất, đó là điều ít thấy trong lịch sử. Văn hóa truyền thống Trung Quốc, lấy các học thuyết Nho gia làm chủ đạo, nhấn mạnh quan niệm "nhà nước trên hết" và "chính thống". Quan niệm này trong lịch sử tuy có gây tác dụng phụ làm hạn chế cái tính phát triển, nhưng đã hình thành được sức tập hợp dân tộc đặc biệt mạnh mẽ, làm cho
tư tưởng "đại thống nhất" được con cháu Viêm Hoàng chấp nhận một cách phổ biến. Kẻ nào dám ngang nhiên vi phạm, đi làm Hán gian, nhất định sẽ bị người Trung Quốc ở trong nước cũng như ở hải ngoại cùng lên án, trừng phạt. "Thiên phu sở chỉ, vô tật nhi trung" (Cả ngàn người chỉ mặt, không ốm cũng phải chết). Đó là yếu tố lớn nhất khiến cho những kẻ mưu đồ đòi "Đài Loan độc lập" phải nói theo cách nói khác nhau.

Quốc dân đảng tôn Chủ nghĩa Tam dân của ngài Tôn Trung Sơn thành hình thái ý thức chính trị, nếu một khi tuyên bố "Đài Loan độc lập", không những sẽ là "nước không thành nước" vì thiếu truyền thống văn hóa lịch sử dựng nước, hơn nữa còn có nguy cơ "Đảng không phải Đảng" vì lẽ không còn cách nào giương ngọn cờ Tôn Trung Sơn được nữa, đó là điều nhà cầm quyền ở Đài Loan phải cân nhắc.

2. Nếu tuyên bố "Đài Loan độc lập" rõ ràng không nghi ngờ gì nữa sẽ buộc sớm muộn Trung Cộng phải sớm có hành động quân sự đối với Đài Loan.

Đúng vậy, Đảng cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Trung Quốc cố gắng mưu tìm vấn đề hòa bình thống nhất Trung Quốc là dưới tiền đề Đài Loan không thực hiện độc lập. Nếu nhà cầm quyền Đài Loan làm trái ngược lại điều này thì cái ngày Đài Loan tuyên bố độc lập sẽ là thời điểm Quân giải phóng Nhân dân tập trung lại dẹp phiến loạn. Ngày nay, tuyệt đại đa số các

nước trên thế giới, kể cả Mỹ, đều công nhận "chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận thuộc Trung Quốc", nếu như Đài Loan không "biến" mà Đại Lục chủ động tiến công thì còn ngại Mỹ có thể can thiệp do có Luật quan hệ Đài Loan nhưng nếu Đài Loan tuyên bố độc lập, buộc Đại Lục sẽ dùng vũ lực thì có thể khẳng định là Mỹ sẽ khoanh tay làm ngơ, về điểm này nhà cầm quyền Đài Loan cũng hiểu rất rõ. Trong trường hợp Mỹ không ủng hộ, cuộc đọ sức quân sự giữa Đài Loan và Đại Lục kết cục ra sao chắc không phải nói nhiều lời.

3. Đài Loan độc lập sẽ dẫn đến tình trạng phải phân phối điều chỉnh tất cả các quyền lực chính trị, lợi ích kinh tế, địa vị xã hội ở trong "nước", sự điều chỉnh này lại sẽ phát sinh những khó khăn thực tế sau đây:

Giữa bọn chủ trương "Đài Loan độc lập" ở hải ngoại và người chúng gọi là Đài Loan gian ở trong "nước" sẽ giải quyết như thế nào vấn đề giữa họ với nhau; nội bộ bản thân đảo Đài Loan cũng cần phải điều chỉnh lại – tổ chức của Chính phủ, phân phối quyền lực, việc hoạch định chính sách của Chính phủ và phương hướng (nhà nước) đều phải thay đổi toàn bộ, như vậy ắt sẽ gây ra đại hỗn loạn, lúc đó không cần Trung Cộng phải ra tay. Bản thân đã bị chia năm xẻ bảy rồi.

Đúng vậy, nếu nhà cầm quyền Đài Loan tuyên bố độc lập, một loạt vấn đề sẽ theo đó mà phát sinh ra, những người gốc từ Đại Lục theo Quốc dân đảng ra Đài Loan rất có thể chống lại, "Bộ máy Dân ý Trung ương" cũ sẽ phải bầu lại toàn bộ, "Hiến pháp" phải soạn thảo mới, "Chính phủ Trung ương" trước đây là vấn đề khu vực hành chính "chính quyền tỉnh Đài Loan" sẽ phải được giải quyết, người gốc Đài Loan sẽ đòi hỏi phải có quyền lực nhiều hơn… bất cứ vấn đề gì cũng gây khó khăn dẫn đến "thiên hạ đại loạn".

Nói thẳng ra là Quốc dân đảng căn bản không có tư cách thực hiện Đài Loan độc lập. Trước đây, Quốc dân đảng thi hành nền thống trị ở Đài Loan chưa hề thông qua việc bầu cử của đồng bào Đài Loan, mà còn bị đồng bào Đài Loan cảm thấy rất khó chịu. Quốc dân đảng lấy danh nghĩa "Chính phủ Trung ương Trung Quốc" thực hiện quyền thống trị với tỉnh Đài Loan của Trung Quốc, cái "Chính phủ" này vốn từ Đại Lục chuyển đến. Nếu Quốc dân đảng định thực hiện "Đài Loan độc lập", trước tiên họ cần phải hạ ảnh Tôn Trung Sơn xuống, bè lũ Liêu Văn Nghị, Bành Minh Mẫn thành bậc thầy về tinh thần và nhà tiên phong lý luận, như thế há chẳng phải là trò cười cho thiên hạ hay sao?

4. Nếu tuyên bố Đài Loan độc lập, chưa chắc đã tăng thêm số nước công nhận Đài Loan, bởi vì những nước đã công nhận Trung Cộng không chắc vì Đài Loan đổi quốc hiệu, họ lại đi cắt đứt quan hệ ngoại giao với Trung Cộng để đi thiết lập quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Còn những nước hiện nay đang công nhận Đài Loan sẽ lập tức có vấn đề phải công nhận lại, trong đó biết đâu chẳng có nước sau khi cân nhắc kỹ họ lại không công nhận Đài Loan nữa, trong trường hợp đó sẽ tác dụng ngược lại là số nước công nhận Đài Loan sẽ giảm đi.

Đúng vậy, nếu nhà cầm quyền Đài Loan tuyên bố độc lập hoặc "tự quyết", chẳng những không thể xoay chuyển tư cách quốc tế bé nhỏ hiện nay, mà còn tăng nhanh đến mức diệt vong của họ mà thôi. Đây thực ra không phải vấn đề một số nước nào đó có thiện cảm hay không thiện cảm với nhà cầm quyền Đài Loan, mà đây là vấn đề cân bằng lợi ích. Chỉ cần nhìn vào bản đồ, bất kỳ một người nào đó cũng có thể có sự lựa chọn nhanh chóng giữa Đại Lục và Đài Loan. Hiện tại có khoảng 20 nước nhỏ vẫn duy trì quan hệ ngoại giao với Đài Loan, trong đó có nhiều nước chỉ vì nhiều năm qua được Đài Loan viện trợ nên không muốn trở mặt mà thôi.

Một khi Đài Loan độc lập có chiến tranh với Đại Lục, một số bạn cũ của Đài Loan chắc sẽ nhân cơ hội "vứt gánh nặng" đi.

Khâu Hùng Đạt đã từng nói: nội bộ phần lớn các nước trên thế giới chỉ có một số ít người muốn độc lập, vì họ biết rằng chủ trương độc lập tự quyết sẽ không được ủng hộ cả về lợi ích lẫn quan niệm. Huống hồ điều kiện chủ quan và khách quan của Đài Loan càng phức tạp, các nước xét trên lợi ích bản thân của họ, càng khó tiếp thu chủ trương "Đài Loan tự quyết".

Tóm lại, Đài Loan độc lập là một con đường chết. Mọi mô thức “Singapore”, “Liên bang”, “Cộng đồng”, “Quốc gia nhiều chế độ”, “Tự trị hoàn toàn”... thực tế đều là “Đài Loan độc lập”, không sao tránh được bốn vấn đề kể trên. Đài Loan đều không thể chấp nhận, cũng không dám chấp nhận.

Trong tình hình “Lấy lại Đại Lục không được, đòi độc lập cũng không xong, cuối cùng Đài Loan chỉ còn con đường duy nhất là đàm phán hòa bình với Trung Cộng. Đối với ngài Tưởng Kinh Quốc nay đã quá tuổi thất thập, có thể giải đáp được câu hỏi lịch sử đề ra này không, hoặc đặt cơ sở cho đời sau giải đáp, chính là tiêu chuẩn quan trọng đánh giá công lao suốt đời của ông.

17. ĐÊM TRƯỚC CHUYỂN HƯỚNG

I. VẤN ĐỀ "NỐI NGHIỆP" CỦA TƯỞNG KINH QUỐC ĐƯỢC ĐƯA VÀO CHƯƠNG TRÌNH

Tháng 1 năm 1980 Đài Loan chào đón thập kỷ 1980 trong tình hình nghiêm trọng chưa từng có.

Ngoài Đảo, Trung Cộng kêu gọi hòa đàm hết đợt này đến đợt khác, không ngừng đập vào cái gọi là "Tâm phòng" của chính quyền Đài Loan bao nhiêu năm nay. Trong Đảo, "sự kiện Cao Hùng" như một đợt gió lạnh ác liệt khiến cho mọi người rùng mình.

Giữa thời điểm căng thẳng đó, Tưởng Kinh Quốc người nắm quyền lực cao nhất của Đài Loan, được một chiếc xe hơi đưa vào nằm viện.

Tin tức do nhà nước công bố: Tưởng Kinh Quốc nằm viện lần này là để mổ cắt bỏ nhiếp hộ tuyến (tiền liệt tuyến), ca mổ rất thành công, ngày 24 tháng 1 xuất viện, Tưởng Kinh Quốc vẫn tiếp tục công việc, nhưng người thân đều thấy sức khỏe của ông không còn được như trước.

Theo hội chuẩn, bệnh của Tưởng Kinh Quốc là bệnh đái tháo đường ở thời kỳ cuối; dùng insulin lâu ngày khiến cho toàn thân bị phù, ép vào thần kinh võng mạc, vì vậy đe dọa thị lực, tuy mổ có đỡ hơn, nhưng chưa trừ được căn bệnh, nhất là đối với triệu chứng phù toàn thân, Tây y đành bó tay, nếu bệnh tiếp tục phát triển, không những thần kinh thị giác và thần kinh chi dưới bị thoái hóa hoại tử, mà còn đe dọa đến tính mạng.

Ngày 29 tháng 3 năm 1982, Tưởng Kinh Quốc tham gia "ngày Xuân tế quốc táng", đã đứng không vững, phải có hai người thị vệ nâng đỡ hai bên. Khi đặt vòng hoa, ông cũng không còn sức cúi xuống hành lễ, chỉ lấy hai tay khẽ sờ một cái cho xong.

Ngày 5 tháng 4, Tưởng Kinh Quốc định chủ trì lễ kỷ niệm lần thứ bảy ngày mất của Tưởng Giới Thạch tại lễ đường Trung Chính, cuối cùng vì sức khỏe không cho phép, đành phải để "Viện trưởng Hành chính" Tôn Vận Toàn chủ trì thay. Từ đó về sau, cử động của ông ngày càng chậm chạp, hầu như không còn ra ngoài thị sát được nữa. Ngày Quốc khánh "Song thập" của năm 1982-1983, ông cũng không còn đứng trên lễ đài trước "Phủ Tổng thống" để chủ trì, mà chỉ đứng ở ban công "Phủ Tổng thống", đọc diễn văn và tiếp nhận hoan hô, giữ gìn sức khỏe và che giấu bước đi khó khăn của mình. Nhưng qua màn hình vô tuyến mọi người thấy mặt Tưởng Kinh Quốc phù như quả bóng bơm căng, bóng loáng.

Trong tình thế "Chính trị của kẻ mạnh" như Đài Loan, sự an nguy của cá nhân người lãnh đạo, không chỉ quan hệ trực tiếp đến kết cấu quyền lực và phương hướng hành động tương lai, mà còn ảnh hưởng cả đến ý định đầu tư của các giới công thương, dẫn đến tính ổn định của toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, bệnh tình của Tưởng Kinh Quốc, trở thành câu truyện từ trên xuống dưới đều quan tâm. Các báo trong lẫn ngoài Đài Loan đều sôi nổi "dự đoán" về kết cấu chính trị chuyển hướng và thay đổi như thế nào của thời đại sau Tưởng Kinh Quốc.

Bản thân Tưởng Kinh Quốc cũng được bác sĩ báo cáo đầy đủ về bệnh tình của mình. Trước tình hình "chẳng còn bao lâu",
"Kinh Quốc tiên sinh" người vẫn tâm niệm "Kế lợi, đương kế thiên hạ lợi, cầu danh, ứng cầu vạn thế danh" (tính lợi phải tính cái lợi thiên hạ, cầu danh phải cầu cái danh muôn đời), bắt đầu phải tính đến viết trang cuối cùng của cuộc đời mình như thế nào đây, sắp xếp hậu sự ra sao.

Lịch trình của Tưởng Kinh Quốc thì ai cũng biết, nhưng một số vấn đề quan trọng, bất cứ ai vẫn bàn luận chính trị cũng đều không có cách gì moi ra được. Tưởng Kinh Quốc dĩ nhiên cũng suy nghĩ nhiều.

Vấn đề thứ nhất là quan hệ giữa Đài Loan và Đại Lục. Vấn đề này không được giải quyết, sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến "địa vị quốc tế" của Đài Loan. "Tư cách quốc tế" của nó rất khó giành được. Đối với cá nhân Tưởng Kinh quốc, muốn cầu "vạn thế danh", rất muốn giải quyết được vấn đề này, tức là bắt tay với Trung Cộng hoàn thành việc thống nhất giữa Đài Loan và Đại Lục, nhờ đó cũng giải thoát được cái khó về địa vị quốc tế. Nhưng Quốc dân đảng đã tính toán mãi về hòa đàm. Tưởng Kinh Quốc vẫn chưa dám bước một bước quyết định về vấn đề này, cho dù ông có nguyện vọng đó, dưới sức ép của thế lực bảo thủ trong Đảng và tình hình thực tế của Đài Loan cũng khó được thực hiện. Cái mà ông có thể thực hiện nhiều nhất cũng chỉ là làm dịu sự đối lập đối với Đại Lục, mở cửa giao lưu mọi mặt với Đại Lục. Còn như "định vị" cuối cùng của quan hệ hai bờ, đành phải trong cậy vào bậc hiền tài đời sau vậy.

Vấn đề thứ hai, là vấn đề khủng hoảng hệ thống pháp luật. Tuy Tưởng Kinh Quốc trong thời gian "Chính sách mới" đã cho tuyển bổ sung "Đại biểu Dân ý Trung ương" nhưng vì để đảm bảo hệ thống pháp luật có tính toàn Trung Quốc, "Đại biểu thâm niên" vẫn là chủ thể của "Quốc hội", "Đại biểu tăng thêm" chỉ là chấm phá mà thôi. Các kiểu vi phạm những điều sơ đẳng về dân chủ đó, không những bị dư luận quốc tế và các trận địa trong, Ngoài Đảng chế giễu phản đối, mà ngay cả các "Đại biểu tăng thêm" cũng đòi thay đổi. Quan trọng hơn nữa là "Đại biểu thâm niên" cũng sắp hết thời hạn sử dụng rồi. Tiến vào thập kỷ 1980, tuổi trung bình của các "Đại biểu thâm niên" đã quá 75. Dự tính đến năm 1990, "Đại biểu thâm niên" chắc không còn sức để bàn bạc nữa. Đến 1995, "Đại biểu thâm niên" chắc không còn ai. Cần phải nắm lấy tình hình của mười năm cuối cùng để "sửa lại bộ mặt". Nếu không, hệ thống pháp luật sẽ không còn nơi ký gửi, sẽ thực sự trở thành "Đài độc". Nhưng chỉ khống chế Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ mà lại muốn tự coi là "Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc", không có cách gì tiến hành bầu cử ở Đại Lục mà lại tự xưng là "đại biểu toàn dân Trung Quốc". Muốn cởi bỏ được cái nút chết này đâu có dễ. Tưởng Kinh Quốc cho dù tài năng chính trị gấp mười lần, sợ cũng khó nghĩ ra kế sách vẹn toàn.

Vấn đề thứ ba là vấn đề thể chế giới nghiêm. Dưới thể chế này, quyền thế của bộ máy quân đội và đặc vụ bành trướng cao độ. Biết bao nhiêu là điều luật và khu vực cấm: cấm Đảng; cấm báo; cấm sách... khiến cho mọi quyền dân chủ, thậm chí quyền sống của nhân dân đều không được đảm bảo. Tuy sự thống trị của Quốc dân đảng là mạnh mẽ và có hiệu quả, nhưng cũng đã tích lại một sức bật trả to lớn. Trận địa Ngoài Đảng, dập lần này, lại nổi lên lần khác, sự bất mãn của giai cấp trung sản, sự xáo động của Đại học, hoạt động phản đối của người Đài Loan ở nước ngoài và dòng ngược "Đài độc". Thậm chí tiếng hô cải cách của phái Khai minh trong Đảng đều có thể nói là các mặt biểu hiện khác nhau của sức bật trả đó.

Từ trong hình thái ý thức Chủ nghĩa Tam dân và trong thể chế "Hiến pháp" mà Đài Loan vẫn trương lên không tìm đâu thấy một căn cứ cho việc thực hiện hạn định các chế độ giới nghiêm, cấm Đảng, cấm báo, cấm sách... Trong các loại chính quyền trên thế giới, hễ chính quyền nào giở cái ngón đó ra một thời gian lâu đều sụp đổ một cách thảm hại. Thực tế ở Đài Loan, người cầm quyền cứ giữ mãi tình trạng giới nghiêm, không chịu thay đổi, đối ngoại sẽ không được Mỹ thông cảm, hoàn cảnh quốc tế sẽ càng khó khăn. Đối nội, sẽ buộc thế lực chống đối xuống đường, thậm chí dẫn đến cách mạng. Chỉ có "trở lại với Hiến pháp" mới có thể dần làm dãn lực đàn hồi bấy lâu dồn ép, sắp đặt một cục diện chính trị ổn định lâu dài.

Tóm lại, Quốc dân đảng và chính quyền của nó, ngoài mong thống nhất, trong cầu dân chủ là cách lựa chọn duy nhất để tiếp tục sống còn. Đối với cá nhân Tưởng Kinh Quốc cũng chỉ làm gì để có lợi cho thống nhất và dân chủ, mới coi như hoàn thành sự nghiệp về yên nghỉ, mới được lịch sử khẳng định. Nói cụ thể hơn, trong ba vấn đề kể trên, quan hệ với Đại Lục và khủng hoảng hệ thống pháp luật, vì trực tiếp quan hệ đến quốc thể của chính quyền Đài Loan. Tưởng Kinh Quốc cũng muốn làm thay đổi triệt để ngay khi còn sống, nhưng trở lực quá lớn, hơn nữa bản thân ông cũng chưa chắc đã có quyết tâm. Nhưng xử lý hai vấn đề trên để có lợi cho thống nhất và dân chủ về nguyên tắc, biến đổi cục bộ, Tưởng Kinh Quốc có thể làm được. Còn vấn đề thể chế giới nghiêm, vì ngoài có sức ép của Mỹ, trong đó có sự thúc đẩy của phe Ngoài Đảng và phái Khai minh trong Đảng, không gian hoạt động của Tưởng Kinh Quốc tương đối rộng, điều

kiện xây công trình dân chủ cũng khá đầy đủ. Tưởng Kinh Quốc cũng nhận thấy: "Thời đại đang đổi, hoàn cảnh đang đổi, trào lưu cũng đang đổi, nhân đó mà thay đổi". Nếu có thể xây dựng lại được "Hiến pháp dân chủ" là một "bản mẫu cho dân chủ", lấy đó làm câu kết cho sự nghiệp một đời, cũng không mất đi các sự nghiệp vĩ đại "cầu vạn thế danh".

Còn vấn đề "nối nghiệp", sau khi đã có kết luận về ba vấn đề trên, tất nhiên sẽ khẳng định được về nguyên tắc. Nguyên tắc đó là dù có ai kế nghiệp, dù cục diện chính trị sau này sắp xếp ra sao đều phải có lợi cho thống nhất và dân chủ.

Nhưng, thực tiễn chống Cộng và thể chế giới nghiêm mấy mươi năm nay đã tạo ra một bọn chống Cộng điên cuồng, cũng đã tạo thành nhiều tập đoàn quyền lợi và hệ thống quân đội, đặc vụ, "Đại biểu thâm niên" "viện nguyên lão" trong Đảng... Nếu cải thiện quan hệ với Đại Lục, công tác "phòng vệ" của hệ thống quân đội, đặc vụ sẽ bị đả kích mạnh, cái lối chụp mũ cho người sẽ càng khó khăn. Nếu thực hiện dân chủ, đặc quyền của các nguyên lão công thần sẽ giảm đi, "Đại biểu thâm niên" sẽ về hưu, dự toán chỉ tiêu của bộ máy quân đội, đặc vụ sẽ do bộ máy dân ý giám sát. Phải hủy bỏ hết lệnh cấm Đảng, cấm báo, cấm sách, các quyền lợi dân chủ của nhân dân sẽ được khôi phục, đặc vụ, cảnh sát sẽ không được tùy ý lục soát người như hiện nay. Công tác Đảng phải rút khỏi quân đội, trường học... khiến cho một số nguyên lão trong Đảng, các "Đại biểu thâm niên", các thành viên của hệ thống quân đội, đặc vụ và các nghĩa sĩ chống Cộng ngoài xã hội sẽ hợp sức mình thành một thế lực bảo thủ to lớn gây trở ngại cho bước tiếp theo có lợi cho thống nhất và dân chủ.

Vì vậy, Tưởng Kinh Quốc muốn hoàn thành chương cuối cùng của đời mình một cách vinh quang, tất phải đấu tranh với thế lực Bảo thủ đó. Nhưng thế lực bảo thủ lại là bộ phận trung thành với gia đình họ Tưởng. Bản thân Tưởng Kinh Quốc cũng nhờ họ mới giành được địa vị thống trị. Ông thừa biết giá trị công sức của họ đã giữ cho Quốc dân đảng được bền vững như thế nào. Trong quá trình nối nghiệp, cũng vẫn phải cần đến tác dụng của hệ thống quân đội, đặc vụ. Do đó, ông không dám làm mạnh đối với thế lực Bảo thủ.

Mâu thuẫn nội tại sâu sắc này, quyết định tương lai của cục diện chính trị Đài Loan trong mấy năm tới. Tất nhiên thế lực Khai minh và thế lực Bảo thủ phải cắn nhau ác liệt. Chiến cuộc sẽ ở thế giằng co. Lúc thì phất qua một làn gió dân chủ, lúc lại bồng lên một đợt gió lạnh chuyên chế. Thái độ và quyết tâm của Tưởng Kinh Quốc được quyết định bởi cuối cùng bên nào giành được nhân tố mấu chốt.

II. SỰ BẠO NGƯỢC CỦA CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ SỰ KIỀM CHẾ PHE NÀY

Để bù đắp sự trống rỗng quyền lực một khi Tưởng Kinh Quốc rút lui khỏi trung tâm chính trị, các phái trong Quốc dân đảng đều mở rộng thanh thế, nhất là hệ thống quân đội, đặc vụ, cảnh sát nằm trong hệ thống công tác chính trị đang xưng hùng xưng bá bành trướng nhanh nhất.

Phe chính trị vốn là công cụ đắc lực của quân đội, đặc vụ, cảnh sát do Tưởng Kinh Quốc nắm. Thủ lĩnh của nó là Vương Thăng người đã theo Tưởng Kinh Quốc từ những ngày ở Cống Nam. Ông được xếp ngang hàng với người nắm phe "Đoàn Cứu quốc" là Lý Hoán.

Dưới sức hút lâu dài của từ trường chính trị, Lý Hoán và Vương Thăng được nhào nặn thành những hình tượng chính trị khác nhau. Lý Hoán vì chủ trì công tác "Đoàn Cứu quốc", sau khi phụ trách tuyển chọn "nhân tài trẻ" cho Tưởng Kinh Quốc, quan hệ gắn bó với các phần tử trí thức, dần hình thành nên phái Khai minh trong Quốc dân đảng. Còn Vương Thăng vẫn luôn lăn lộn với hệ thống đặc vụ và quân đội, phụ trách an ninh, phòng chống gián điệp đã lâu, dần dần thành thói quen nhìn con người bằng con mắt "phòng gian phản gián". Cùng với địa vị lên dần của Tưởng Kinh Quốc, ảnh hưởng của Vương Thăng đối với hệ thống quân đội, đặc vụ ngày càng lớn, được coi là nhân vật đại biểu cho thế lực cánh hữu.

Vương Thăng đã từng là Giảng viên chính của Trường Cán bộ Chính trị. Môn sinh thường gọi ông là "Hóa hành tiên sinh". Ông rất chú ý thể hiện ra ngoài, mình là một người có "kỷ cương

và liêm khiết", làm đến chức thượng tướng cấp 2, vậy mà vẫn ở trong ký túc xá được phân cho khi dạy học trong trường cán bộ chính trị những năm 1950, khi làm "Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị", ông đem kinh phí cơ yếu và kinh phí văn phòng để dùng vào việc chung hoặc phân phát cho đồng sự, tự mình không lấy một xu. Ông chủ trì công tác chính trị trong quân đội 20 năm, cứ đến thứ sáu hàng tuần, đều xuống ở cùng anh em binh sĩ trong doanh trại. Mỗi chi đội ở Đài Loan đều có dấu chân của ông, những việc là đó khiến Vương Thăng có một số cơ sở hạ tầng rất hùng hậu. Nhưng dưới con mắt của các tướng lĩnh thuộc phe Hoàng Phổ, tác phong đó của Vương Thăng xem chừng lố bịch, không tránh khỏi bị ghen ghét, nghi kỵ hơn là kính phục.

Khi Tưởng Giới Thạch còn sống, ông cũng không thích Vương Thăng. Khi đó Vương Thăng với danh nghĩa là "Chấp chính quan Tổng bộ đấu tranh chính trị", thay Tưởng Kinh Quốc nắm công tác chính trị trong quân đội, nhưng trên ông vẫn có một vị "Chủ nhiệm tổng bộ đấu tranh chính trị" chế ngự. Tưởng Kinh Quốc nhiều lần bảo lãnh tiến cử Vương Thăng từ "Chấp chính" lên làm Chủ nhiệm, rồi lên "Thứ trưởng Bộ Quốc phòng" và thăng chức "Thượng tướng cấp 2", đều bị Tưởng Giới Thạch bác bỏ.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch tạ thế. Ngày 7 tháng 4, Tưởng Kinh Quốc điều chỉnh các nhân sĩ cao cấp trong quân đội, lập tức giao cho Vương Thăng làm "Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị" và lập tức phong cho Vương Thăng làm "Thượng tướng cấp 2". Chỉ sau hai ngày Tưởng Giới Thạch chết, Vương Thăng đã được đề bạt, đủ chứng tỏ Tưởng Kinh Quốc tin cậy ông đến mức nào.

Thời kỳ này Vương Thăng và Lý Hoán đã trở thành hai cánh chế ước lẫn nhau ở trong Đảng. Tưởng Kinh Quốc với cương vị đứng đầu điều khiển cả hai, phát huy cả phía thu phục nhân dân của phái Lý Hoán và chức năng quản chế khắt khe của phái Vương Thăng.

"Sự kiện Trung Lịch" năm 1977, dẫn đến việc Lý Hoán thôi giữ chức, phải về phía nam dạy đại học, phái Khai Minh trong Đảng để cho Tưởng Ngạn Sĩ, Bí thư trưởng Trung ương xuất thân từ hệ thống kinh tế nông nghiệp làm thống soái. Nhưng Tưởng Ngạn Sĩ vẫn chỉ là một thư sinh không thể bì được với Lý Hoán, tác dụng chế ước với Vương Thăng dần yếu đi, do đó thực lực của hệ thống quân đội, đặc vụ được mở rộng. Báo chí Đài Loan khéo khôi hài dùng ngay hai họ Lý, Vương ghép chữ để miêu tả sự biến đổi chính cuộc này, gọi là Lý "Hoán" Vương "Thăng" (Lý đổi chỗ để Vương lên)

Tháng 2 năm 1979, để thích ứng với biến đổi lớn trong việc đặt quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Quốc, để hạn chế ảnh hưởng củaThư gửi đồng bào Đài Loan của Ban Thường vụ "Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc", Tưởng Kinh Quốc quyết định thành lập "Tổ chức liên hợp Quân, Chính, Đảng đấu tranh chống tuyên truyền thống nhất", chỉ định Vương Thăng phụ trách. Bộ máy này lấy biệt danh của Vương Thăng là Lưu Thiếu Khang, gọi là Văn phòng Lưu Thiếu Khang.

Tháng 12 năm 1979, Vương Thăng lần đầu trúng cử Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng. Tiếp theo bộ máy Trung ương Quốc dân đảng giao ca, Lương Hiểu Hoàng, người nhiều năm làm trợ thủ cho Vương Thăng, thay Trần Phúc An, người của phái Khai minh làm Chủ nhiệm Ban Tổ chức; Bách Vạn Tường, người xuất thân từ hệ thống chính trị làm Chủ nhiệm Ban Công tác Đại Lục. Thế lực của chính trị bắt đầu thâm nhập thêm vào hệ thống công tác Đảng.

"Sự kiện Cao Hùng" nổ ra, tiếp theo là sự bắt bớ hàng loạt, càng giúp cho phe đặc vụ tăng cường bạo ngược. Tháng 12 năm 1980, xảy ra vụ án đẫm máu nhà họ Lâm, càng khiến cho hệ thống quân đội, đặc vụ trở thành "hắc sát tinh" ai nghe đến cũng sợ.

Tháng 7 năm 1981, lại xảy ra vụ Trần Văn Thành đột tử. Giáo sư Trần Văn Thành là Hoa kiều ở Mỹ về thăm nhà. "Tổng cảnh" Đài Loan lấy lý do ông liên hệ với nhóm "Đài độc" ở Mỹ, gọi đến "Tổng cảnh" hỏi chuyện. Hai ngày sau, thi thể của ông nằm dưới lầu của một trường đại học,

thân thể có vết tích của tra tấn. Theo "Tổng cảnh" phân tích, Trần Văn Thành sau khi nói chuyện đã được tự do ra khỏi "Tổng cảnh", có khả năng là do những điều họ hỏi đã làm cho Trần Văn Thành quá lo lắng nên đã nhảy lầu tự sát. Nhưng dư luận nước ngoài đều nhất trí cho rằng ông đã bị tra khảo cho đến chết, hoặc sau khi hỏi chuyện thấy Trần Văn Thành vô tội, nhưng đã dùng nhục hình, sợ ra ngoài Trần Văn Thành nói lộ, nên đã cố ý giết đi bịt miệng.

Khi vụ Trần Văn Thành ầm ĩ trên báo, Tưởng Kinh Quốc đang nằm viện lần thứ hai để chữa mắt, sau đó chủ yếu là dưỡng bệnh, muốn cho chính sự không gián đoạn, Ông bố trí quyền lực trên 3 cỗ xe: Hệ thống Viện Hành chính do Tôn Vận Toàn phụ trách; Hệ thống Đảng, Đoàn do Tưởng Ngạn Sỹ phụ trách; Hệ thống đặc vụ quân đội do Vương Thăng phụ trách. Nhưng Vương Thăng lại là người triệu tập của Văn phòng Lưu Thiếu Khang, còn Tôn Vận Toàn và Tưởng Ngạn Sỹ chỉ là thành viên của bộ máy đó, rõ ràng thấp hơn Vương Thăng một cái đầu. Hơn nữa Văn phòng Lưu Thiếu Khang khi thành lập không rõ chức năng, chỉ giao cho nó xử lý "chuyện khẩn cấp và chống tuyên truyền thống nhất", nhưng thế nào là "chuyện khẩn cấp" thì tha hồ giải thích. Về mặt thành phần của bộ máy, tổ chức này bao gồm các lãnh đạo chủ yếu Quân, Chính, Đảng khó tránh khỏi quan niệm "dưới một người, trên mười nghìn người". Do đó Vương Thăng lợi dụng bộ máy này, thọc tay vào mọi việc của "Viện Hành chính" cũng như của Đoàn. Chỗ nào ông cũng rêu rao: "Phỉ Cộng căm thù nhất là Tổng thống Tưởng Kinh Quốc và tôi", rõ ràng có ý tự cho mình là người nối nghiệp. Văn phòng Lưu Thiếu Khang do ông phụ trách cũng được mọi người coi là "tiểu Thường vụ".

Khi đó phe chính trị như mặt trời ban ngày ở Đài Loan. Ngoài bộ mặt đặc vụ và các nhân viên chính trị quân đội ra, còn có khoảng 200.000 cán bộ hậu bị được bồi dưỡng thành nhân viên chính trị, trở thành một lực lượng địa phương của phe chính trị. "Hội Khoa học học nhân văn" do hàng ngàn giáo chức chăm lo cho Chủ nghĩa Tam dân lập nên, chính là tổ chức phục tráng của phe này. Về mặt thông tin văn hóa, phe này thành lập một tổ chức nhà văn gọi là "Tâm tư" để làm đại bản doanh khống chế trận địa tư tưởng. Các cơ quan xuất bản nhưCông ty sự nghiệp văn hóa Buổi Sáng, Liên hợp báo, Báo Chiến Sĩ Trẻ, Đài Loan nhật báo... đều là cứ điểm của phe chính trị. Đối với các giới công thương, phe chính trị cũng có quan hệ mật thiết với các nhà tỷ phú như Vương Vĩnh Khánh của "Nhựa Đài Loan", Sái Vạn Xuân, Sái Chấn Châu của hãng "Quốc thái" Trần Mậu Bảng của hãng "Thanh Bảo". Đồng thời phe chính trị còn lợi dụng các thế lực xã hội đen như băng Trúc Liên để làm tay chân đàn áp dân chúng.

Trong thời kỳ này, "Tổng cảnh" kìm kẹp tự do ngôn luận ngày càng ác liệt vài chục tờ báo Ngoài Đảng, mỗi tháng cũng phải có mấy tờ in lại hoặc bị tịch thu toàn bộ sản phẩm, có tờ mới ra được mấy số đã phải đình bản. Thậm chí, đến Đào Bách Xuyên, Hồ Thu Nguyên thuộc phái Khai minh trong Đảng cũng bị "Tổng cảnh" quấy nhiễu và tấn công.

Ngày 23 tháng 3 năm 1982, Đào Bách Xuyên đăng một bài trên báo Tự lập buổi sáng nhan đề Cấm sách có chính đạo, việc gì phải dùng đến dao mổ trâu. Bài báo cho rằng "Tổng cảnh" lạm quyền cấm sách báo là "vượt quyền phạm pháp" mong chấm dứt tình trạng quân đội quản chế ngôn luận và cấm đoán sách báo. Đào Bách Xuyên đề ra năm biện pháp: (1) Lập lại chế độ quản lý "Tự do ngôn luận, đưa tự do xuất bản và thông tin vào quỹ đạo pháp luật; (2) Xây dựng chế độ trọng tài trong việc kiểm tra và tranh cãi đối với sách báo; (3) Trường hợp xuất bản phẩm không đúng sự thật và ngôn luận quá đáng, trước hết cần yêu cầu đính chính và biện hộ chứ không nên một mực cấm đoán; (4) Nên cho phép nhà xuất bản lĩnh xuất bản phẩm bị tịch thu về sửa chữa, sau khi sửa chữa xong lại cho phép phát hành. Cơ quan chủ quản cần nêu rõ lý do bắt giữ không khiến cho người ta chẳng biết mình sai chỗ nào; do đó cũng chẳng biết đối đáp ra sao; (5) Hãy để cho cơ quan dân sự xử lý xuất bản hợp hơn. "Tổng cảnh" nên trừng trị những trường hợp thực sự phạm pháp.

"Tổng cảnh" coi bài báo này như kẻ địch, ngày 30 tháng 4 triệu tập Tọa đàm phản bác Ông Đào Bách Xuyên can thiệp vào công tác kiểm duyệt văn hóa của "Tổng cảnh" và phân phát các bản photo copy các bài của Đào Bách Xuyên đăng trên Liên hợp báo ngày 7 tháng 10 năm 1979 nhan đề Xin hãy xử lý tốt vấn đề ngôn luận để xúc tiến sự tiến bộ và hòa thuận và Cấm sách

chính đạo, việc gì phải dùng dao mổ trâu. Bạn thân của Vương Thăng là Trọng Thụ Nam, người phát hành tờ Thế kỷ Á châu phát biểu rất hăng, chủ trương bao vây Đào Bách Xuyên, các quan chức của "Tổng cảnh" càng không tiếc sức mình lớn tiếng trong tọa đàm. Cuối cùng quyết định các báo tham gia tọa đàm chia làm nhiều đạo quân cùng xuất kích, phân phát các tài liệu xác định Đào bách Xuyên là kẻ "giống như Lôi Chấn" "mở đường cho địch" "tâm địa độc ác" "cần phải diệt trừ tâm địa đó" "tội không thể bỏ qua" và coi bài báo của Đào Bách Xuyên là "không phải chỉ là sự kiện riêng lẻ, mà là hoạt động âm mưu một cách có kế hoạch".

Ngày 30 tháng 4, "Ủy viên Lập pháp" người Ngoài Đảng là Tô Thu Trấn biết "Tổng cảnh" đang vạch kế hoạch bao vây Đào Bách Xuyên, vội đưa chất vấn khẩn cấp lên "Viện Hành chính", yêu cầu ngừng ngay hành động không đúng pháp luật "lãng phí công quỹ, làm hại người ngay" và đòi truy cứu trách nhiệm các nhân viên hữu quan. Ngày 3 tháng 5, báo Tự lực buổi chiều của Đài Loan đăng chất vấn của Tô Thu Trấn. Ngày 4 tháng 5, Trung Quốc thời báo cũng đăng lại chất vấn của Tô Thu Trấn, đồng thời kèm theo bài nói chuyện của Đào Bách Xuyên về vấn đề đó. Âm mưu của "Tổng cảnh" định đưa ra cái gọi là "âm mưu của Đào Bách Xuyên" chưa thực hiện đã bị lộ ra ánh sáng giữa ban ngày.

Đào Bách Xuyên là Đảng viên Quốc dân đảng có trên 60 tuổi Đảng, đã từng làm Tổng Chủ nhiệm tờ Trung ương nhật báo của Đảng, Chủ nhiệm Quốc dân nhật báo, Tổng biên tập tờ Thượng Hải buổi sáng. Vì thẳng thắn bốp chát, tính cách trong sáng, tương đối tiến bộ, nên không được chính quyền yêu thích. Sau khi ra Đài Loan, với tư cách là "Ủy viên Giám sát" ông đã nhiều lần thẳng thắn bảo vệ người bị hại, được mọi người gọi là: "Đào Thanh Thiên". Nhưng cũng chính vì vậy, dưới sức ép trực tiếp hoặc gián tiếp, vô tình hay cố ý của Trung ương, bạn bè, cấp trên, đồng sự, đồng hương, cuối cùng, năm 1977 ông tuyên bố từ chức "Ủy viên Giám sát". Khi từ chức ông có tâm tình rằng: "Làm Ủy viên Giám sát mà chỉ đập ruồi, không được đánh hổ, cảm thấy không có cách gì điều hòa được giữa lương tâm và trách nhiệm." Sau khi từ chức Đào Bách Xuyên vẫn giữ chức Ủy viên Bình nghị Trung ương Quốc dân đảng và được Tưởng Kinh Quốc phong cho làm Cố vấn quốc sách của "Phủ Tổng thống". Ở Đài Loan được tôn xưng là "Đảng Quốc đại lão", "Đệ nhất chính luận gia". Ở nước ngoài có người gọi ông là "lương tâm của Đài Loan".

Chính vì thân thế của Đào Bách Xuyên có phần đặc biệt, nên khi kế hoạch của "Tổng cảnh" định bao vây ông bị lộ, đã gây lên một làn sóng lớn. Các báo ở Đài Loan và hải ngoại như Trung Quốc thời báo, Tạp chí thâm canh, Chuông tự do, Bình luận quốc sự, Tạp chí Trung Hoa, Tin nhanh New York bằng Trung văn đều đăng xã luận. Các nhân sỹ nổi tiếng như Phí Huy Bình, Chu Văn Bá, Phó Chính, Hoàng Việt Khâm, Hồ Phật, Trương Trung Đông, Giang Xuân Nam, Ngô Phong Sơn đều tấp nập cầm bút ra trận chi viện cho Đào Bách Xuyên, lên án "Tổng cảnh". Các "Ủy viên Lập pháp" như Hồng Chiêu Nam, Hoàng Thiên Phúc liên danh với Tô Thu Trấn chất vấn mạnh mẽ "Viện Hành chính", đuổi đánh đến cùng. Các nhân sỹ thuộc giới chính trị văn hóa học thuật, thấy "Tổng cảnh" dám giơ dao ra ngay cả với người đạo cao đức cả, đại lão quốc gia không ai cảm thấy không rùng mình, đồng thời cũng thấy sự việc đó quả là đáng tức cười, thậm chí có người còn không dám tin nữa.

Chuyện thành to, chính quyền Đài Loan luống cuống. Ngày 6 tháng 5, "Bộ trưởng Quốc phòng Đài Loan" Tống Trường Chí, đến "Viện Lập pháp" trả lời chất vấn, nói "Tổng cảnh" phân phát các tài liệu chưa hề trình cấp trên phê duyệt, nên những tài liệu đó không phải là ý kiến của "Tổng cảnh", càng không có cái gọi là "bao vây". Ông còn nói "tôi và Tổng cảnh đều tôn trọng Đào tiên sinh tuổi cao đức cả, học thuật uyên thâm, thành thật xin lỗi Đào tiên sinh và các Ủy viên Lập pháp về những gì nói trong tài liệu đó, rất lấy làm tiếc, sẽ xin kiểm tra lại và sửa chữa; đối với những nhân viên làm sai chức trách sẽ xử lý theo pháp luật." Ngày 12 tháng 5, Tống Trường Chí tuyên bố xử lý những nhân viên làm sai chức trách. "Tổng cảnh" cách chức một người, điều một người làm công việc khác. Ngày 13 tháng 5, nhân viên cao cấp của "Tổng cảnh" đến nhà riêng của Đào Bách Xuyên xin lỗi. Ngày 14 tháng 5, "Viện Hành chính" trả lời "Viện Lập pháp" bằng văn bản nói: "Nhân viên nghiệp vụ văn hóa của Tổng cảnh, trong tài liệu chưa phê duyệt, đã lạm dụng chức trách ngang nhiên bôi nhọ cố vấn quốc sách Đào Bách

Xuyên tội không thể tha, tôi đã thông báo cho Bộ Quốc phòng yêu cầu Tổng cảnh cử người đến xin lỗi Đào cố vấn và xử lý đối với nhân viên làm sai, đã được Đào cố vấn tha lỗi".

Sự kiện đến đó coi như xong một đoạn. Ngày 30 tháng 5, Đào Bách Xuyên rời Đài Loan đi Mỹ. Trước khi đi, Bí thư trưởng Trung ương Trương Ngạn Sỹ và "Bộ trưởng nội chính" Lâm Dương Cảng đến dự bữa tiệc tiễn đưa do nguyên lão Ngoài Đảng Ngô Tam Liên tổ chức. Theo phân tích của Chu Âu Phi, người phát hành tờ Nhân quyền luận đàm, có quan hệ mật thiết với "Tổng cảnh", Đào Bách Xuyên ra đi, vì ông là Đảng viên Quốc dân đảng, không muốn vì chuyện sóng gió vừa qua thêm rắc rối, khiến cho chính quyền thêm khó gỡ, nên ông lấy lý do đi thăm người nhà, thu thập tài liệu để viết sách, tự mình chịu ra đi sống lưu vong nửa năm. Trước khi đi, ông có viết một bài văn Đành để hoa rơi trình bày mong muốn của mình.

Đào Bách Xuyên là cố vấn quốc sách của Tưởng Kinh Quốc, thế mà "Tổng cảnh" cũng dám chỉ mặt, bao vây tấn công, đủ chứng tỏ hệ thống đặc vụ đã bạo ngược đến mức độ nào. Việc này tuy do áp lực dư luận khiến cho "Tổng cảnh" phải đổ trách nhiệm cho mấy nhân viên cấp dưới, nhưng đúng như Giáo sư Hồ Phật đã nêu, chính quyền vẫn giữ sự kính trọng đối với Đào tiên sinh "nhưng cái chính đạo mà Đào tiên sinh chủ trương vẫn không được trả lại", nói cách khác, tuy xin lỗi Đào Bách Xuyên, những vẫn không nói một câu nào về năm điểm bảo đảm tự do ngôn luận, xuất bản mà họ Đào đòi hỏi.

Đồng thời cánh hữu vẫn tìm cách trả đũa. Bốn ngày sau khi "Viện Hành chính" chính thức gửi công văn đến "Viện Lập pháp" thừa nhận "Tổng cảnh" âm mưu bao vây Đào Bách Xuyên là "ngang nhiên bôi nhọ, lạm dụng chức trách, tội không thể tha". Ngày 18 tháng 5, Chu Chí Minh, phần tử chống Cộng ngang bướng, kẻ vẫn quen mách lẻo, gửi thư cho Vương Thăng đề nghị không tranh luận với Đào Bách Xuyên về vấn đề tự do dân chủ, mà chuyển thành "gián điệp, bán Đài Loan cho chiến dịch đấu tranh thống nhất", tố cáo ông cấu kết với "Đài độc", dùng bạo lực để cướp chính quyền, rồi hình thức giả danh nhân dân bỏ phiếu, cuối cùng giao chính quyền cho Cộng sản, khiến cho Đào vĩnh viễn không có ngày vùng lên nữa.

Bức mật thư này còn kèm theo cả những tài liệu có liên quan đến Đào Bách Xuyên và 3 tài liệu về cái gọi là Hồ Thu Nguyên "phục vụ phỉ đấu tranh thống nhất", "hoạt động phản loạn" đồng thời đề xuất cùng với một số nhà văn phản động Mã Thọ Huyên (người phát hành tờ báo tuần Càn quét), Hình Quang Tổ, Triệu Chấn An, ra một tờ tạp chí để tố cáo Đào Bách Xuyên, Hồ Thu Nguyên, các phần tử "Đài độc" và âm mưu của những kẻ bán nước thân Cộng là chính, xin trình Ngô huynh (tức Vương Thăng) hết lòng giúp đỡ.

Bức thư mật này không hiểu sao lại lọt vào tay Tạp chí Trung Hoa của Hồ Thu Nguyên, nên mới bị lộ, Vương Thăng cũng không dám ủng hộ bọn Chu Chí Minh ra tạp chí nữa. Nhưng một tờ báo cực hữu khác của hệ thống đặc vụ là tờ Long kỳ lại nhảy ra gây một đợt sóng dữ. Mục tiêu công kích lần này là ông chủ tờ Trung Hoa thời báo, Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng Dư Kỷ Trung.

Trong sự kiện "bao vây Đào Bách Xuyên", báo chí nhà nước và nửa nhà nước chỉ có Trung Quốc thời báo của Dư Kỷ Trung là cùng tiến bước, đăng lời chất vấn của Tô Thu Trấn và bài nói chuyện của Đào Bách Xuyên tiếp theo tờ Tự lực buổi chiều. Trước chuyện đó, Vương Thăng đã gọi điện cho Dư Kỷ Trung, nhưng Dư không nhận điện, lại trực tiếp ngồi đốc thúc Ban biên tập để cho tin tức đó được đăng báo. Việc này khiến cho thế lực cực hữu rất bực mình.

Ngày 5 tháng 11 năm 1982, tờ Long kỳ đăng xã luận, chửi Dư Kỷ Trung là "quái vật năm chân" thọc cả vào năm phe Quốc dân đảng, Ngoài Đảng, Đài độc, Trung Cộng và phái tự do và gọi Dư Kỷ Trung đảm nhiệm Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng là nỗi nhục lớn nhất của Quốc dân đảng, hy vọng Ủy viên Bình nghị Trung ương, Ủy viên Trung ương và toàn thể Đảng viên xem xét đề nghị với Tưởng Chủ tịch bãi miễn ông ta. Ngay sau đó, từ tháng 12 năm 1982 đến tháng 2 năm 1983, tờ Long kỳ đưa ra hàng loạt bài với các đề mục Dư Kỷ Trung mà tôi biết, Tác phong ông chủ báo của Dư Kỷ Trung... cốt để đánh đổ Dư Kỷ Trung. Giới báo chí Đài

Loan bình luận chuyện này, cho rằng tờ Long kỳ công kích Dư Kỷ Trung, đã phạm tội phỉ báng. Dư Kỷ Trung không giống như Đào Bách Xuyên. Trong lịch sử, Đào Bách Xuyên chưa hề mắc mớ với Tưởng Kinh Quốc, còn Dư Kỷ Trung ở thời kỳ thiếu sinh quân, đã là cán bộ theo phe Tưởng kinh Quốc. Ông lập tờ Trung Quốc thời báo với tư cách là người Khai minh, nhưng chắc chắn được Tưởng Kinh Quốc ngầm cho phép và giúp đỡ, vì thế nhiều lần vấp sự công kích của cánh hữu, ông vẫn vững vàng ở địa vị Thường vụ Trung ương. Tờ Long kỳ dám công khai chửi mãi vị Ủy viên Thường vụ Trung ương, rõ ràng là thế lực cánh hữu đã bốc lên đến cực điểm.

Tháng 3 năm 1983, Vương Thăng sang thăm Mỹ. Mọi người cho rằng đây là dấu hiệu xác định người nối nghiệp. Vương Thăng thăm Cục Tình báo Trung ương Mỹ và thăm quan căn cứ tên lửa Mỹ, nghe nói còn trao đổi với phía Mỹ về cả vấn đề người nối nghiệp. Trong thời gian Vương Thăng ở thăm Mỹ, Phe chính trị làm ma rất to cho Mai Trường Lĩnh, Tổng giám đốc Công ty Truyền hình Trung Hoa, người thuộc phe gốc Vương Thăng. Hơn 2.000 quan chức quan trọng của Đảng và Chính phủ do Nghiêm Gia Kiềm dẫn đầu đến viếng, tang chủ thu được hơn mười triệu Đài tệ tiền phúng. Mọi người cho rằng đây là dịp phe chính trị biểu dương lực lượng, là cuộc "Đại duyệt binh" của Vương Thăng.

Tháng 4 năm 1983, tờ Long kỳ lại đăng xã luận phê phán "những người tôn sùng dân chủ kiểu Mỹ" trong Đảng. Tờ Tin tức thương mại" nêu ra: bài xã luận không nghi ngờ gì nữa nhằm vào phái cải cách trong Đảng mà trọng tâm là những người theo học ở Mỹ về như Trần Phúc An, Tiền Phức, Ngụy Phô, Quan Trung, Liên Chiến, Tôn Chấn, Tống Sở Du.

Đối với động hướng của cánh hữu, phái Khai minh trong Đảng rất nghi ngờ. Dư Kỷ Trung sở dĩ không nghe Vương Thăng, dám công bố văn kiện "Tổng cảnh" bao vây Đào Bách Xuyên, chính là một biểu hiện chống lại cánh hữu.

Ngày 22 tháng 4, Lý Đại Huy, Thiếu tướng không quân của Tưởng lái máy bay hạ cánh trở về Đại Lục. Ngày 26 tháng 4, xảy ra vụ nổ bom liên tiếp ở tòa báo Trung ương nhật báo và Liên hợp báo.

Trước đó, bạn của Vương Thăng và cũng là đồng hương, ông Phó Triều Khu thay đổi lập trường, ngả sang tả. Ngày 17 tháng 12 năm 1982, tại cuộc tọa đàm "Vấn đề thống nhất và hiện trạng của hai bờ eo biển" tờ Trung quốc của Phó Triều Khu bắt đầu công kích chính sách và các quan chức cao cấp của Quốc dân đảng, nhưng bình luận về Vương Thăng lại rất hạn chế. Điều đó khiến cho các bậc lão thành của Đảng và tướng lĩnh cao cấp trong quân đội tuy có lập trường bảo thủ nhưng vẫn ngại Vương Thăng không bằng lòng. Họ đứng về phía hữu chỉ trích Vương Thăng chỉ thích lạm quyền mà "không theo chính nghĩa", nhất là Phó Triều Khu quay sang tả, chứng minh rằng phe chính trị cũng không đáng tin cậy.

Mọi điều oán hận của phái Khai minh, của các nguyên lão trong Đảng và các tướng lĩnh trong quân đội đối với Vương Thăng, thông qua nhiều kênh lọt vào tai Tưởng Kinh Quốc đang nằm viện. Tưởng Kinh Quốc suy nghĩ kỹ, cuối cùng quyết định giải quyết vấn đề Vương Thăng.

Sau khi Vương Thăng thăm Mỹ trở về, tiến cử thân tín của mình thay chức Tổng Giám đốc Công ty Truyền hình của Mai Trường Lĩnh, nhưng Tưởng Kinh Quốc lại giao cho Chung Hồ Tân, người xuất thân từ Hải quân tiếp nhận. Đây chính là dấu hiệu Vương thăng thất sủng rất quan trọng, nhưng chưa thể khiến mọi người chú ý, vì Chung Hồ Tân khi Tưởng Kinh Quốc thăm Mỹ năm 1970 bị bọn Đài độc ám sát, đã có công "hộ giá", dĩ nhiên mọi người chỉ cho rằng Tưởng Kinh Quốc báo đáp ông bằng cách giao cho ông một chức vụ mới khá hơn mà thôi.

Sau vụ nổ ở tòa báo Trung ương nhật báo và Liên hợp báo ngày 26 tháng 4, Tưởng Kinh Quốc lập tức hạ lệnh rút "Hội báo an ninh chính trị" do "Tổng cảnh" phụ trách triệu tập, giao cho "Tổng Tham mưu trưởng" bên quân đội chủ trì. Biện pháp này khiến Vương Thăng giảm mất quyền tình báo chính trị, quyền này rơi vào tay các tướng lĩnh phe Hoàng Phố.

Ngày 1 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc ra lệnh triệt bỏ Văn phòng Lưu Thiếu Khang. Các thành viên

của văn phòng trở lại đơn vị cũ. Khi đó Vương Thăng mới biết tương lai của mình sẽ không ra gì.

Ngày 9 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc đột nhiên hạ lệnh miễn chức "Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị" của Vương Thăng, chuyển ông sang làm "Chủ nhiệm ban huấn luyện liên quân Bộ Quốc phòng". Ban này từ trước đến nay vẫn được coi là một "chiếc ghế lạnh", cho nên mọi người đều hiểu là Vương Thăng đã bị mất quyền.

Tháng 6, Tưởng Kinh Quốc bí mật cử Chương Hiếu Nghiêm sang Mỹ, mục đích điều tra các vấn đề và các điểm nghi ngờ hoạt động của Vương Thăng ở Mỹ. Khi đó, các báo Trung văn ở Đài Loan và Âu Mỹ đều dự đoán về số phận của Vương Thăng. Có người cho rằng Vương Thăng còn tiếp tục xuống dốc, cũng có người cho rằng Vương Thăng không hoàn toàn thất thế, chỉ là Tưởng Kinh Quốc muốn cảnh cáo ông, sau này tất sẽ lại
trọng dụng.

Tháng 9 Tưởng Kinh Quốc triệt để xòe bài, miễn nốt chức "Chủ nhiệm Ban huấn luyện liên quân", cho Vương Thăng làm "Đại sứ" ở Paraguay. Từ đó Vương Thăng bị đưa vào lãnh cung.

Đồng thời với chuyện Vương Thăng bị truất quyền đầy kịch tính ở Đài Loan, sức khỏe của của Tưởng Kinh Quốc đột nhiên khỏe lên cũng đầy kịch tính. Ngày 10 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc không những tự mình ra lễ đường "Phủ Tổng thống" chủ trì lễ quốc khánh, lại còn đi thăm lăng Từ Hồ. Dân chúng Đài Loan hết sức kinh ngạc phát hiện thấy ông trên truyền hình. Hiện tượng phù mặt hoàn toàn mất hẳn. Sau đó ông lại đến thăm Kim Môn, Bành Hồ và xúc đất trồng cây ở Kim Môn. Các công việc Đảng, Chính, Quân đều do ông tự mình chủ trì ở ngay trên tuyến thứ nhất.

Nghe nói sức khỏe của Tương Kinh Quốc khá lên là nhờ một cụ lang Đông y, do Dư Đại Huy và Trần Lập Phu giới thiệu. Cụ lang đã ngoài 80 tuổi chỉ bốc có ba thang thuốc, sau khi uống, tích nước dưới da ngừng hẳn, phù thũng tiêu ngay, động tác cũng tự nhiên linh hoạt hẳn lên.

Vì có sự chuyển biến đó, Tưởng Kinh Quốc năm ấy 73 tuổi, với điều kiện thuốc men tốt, ít nhất cũng phải sống dăm năm nữa nên vấn đề nối nghiệp ầm lên một dạo cũng nguôi ngay.

Nhưng Tưởng Kinh Quốc tự mình biết rõ, hiệu quả của Đông y chỉ là tạm thời, bệnh đái đường giai đoạn cuối chưa trị được. Vì vậy, ông vẫn không quên lo việc sắp xếp hậu sự. Trước hết phải tiếp tục kiềm chế cánh hữu và hệ thống quân đội, đặc vụ, để triệt bỏ trở ngại cho việc thi hành dân chủ và cải thiện quan hệ với Đại Lục.

Tháng 2 năm 1984, vì Tưởng Kinh Quốc ốm, nên hoãn Hội nghị Trung ương 2 khóa XII, nay lại được triệu tập. Chương trình nghị sự chủ yếu gồm: (1) Chọn ứng cử viên "Tổng thống", "Phó Tổng thống" thứ 7; (2) Bầu lại Ban Thường vụ Trung ương; (3) Giới thiệu "Đại biểu Quốc hội" là Đảng viên; (4) Nghe báo cáo về công tác Đảng và thực hiện đường lối. Trong đó, hai điểm trên rất đáng chú ý, vì nó là vấn đề lớn liên quan đến chuyển giao quyền lực và phân phối quyền lực.

Trọng điểm của Mục 1 là chọn "Phó Tổng thống", vì Tưởng Kinh Quốc đã khỏe lên, cho nên vẫn muốn tiếp tục tranh cử. 14 giờ ngày 15 tháng 7, khi Tưởng Kinh Quốc, trước toàn thể các uy viên Trung ương rất chăm chú theo dõi, từ từ tuyên bố trong số các ứng cử viên chọn Lý Đăng Huy làm "Phó Tổng thống", toàn thể hội trường lặng đi một lúc, sau đó nổ ra một tràng vỗ tay nhất trí thông qua.

Sau ba tiếng đồng hồ bầu lần thứ hai, Tưởng Ngạn Sỹ tuyên bố danh sách 31 Ủy viên Thường vụ Trung ương do Tưởng Kinh Quốc đích thân đề ra, cũng được nhất trí vỗ tay thông qua.

Điều lệ Quốc dân đảng quy định Ủy viên Thường vụ Trung ương từ 9-27 người. Tưởng Kinh Quốc muốn điều chỉnh tương đối lớn bộ máy lãnh đạo trung tâm, nhưng không tiện rút bỏ quá

nhiều người già nên đề nghị sửa lại điều lệ đưa con số lên từ 23 lên 31. Do đó lần này bầu 31 Ủy viên Thường vụ Trung ương.

Trong 31 vị, có 23 vị cũ như Nghiêm Gia Kiềm, Dư Kỷ Trung... bốn vị trượt là Vương Thăng, Triệu Tụ Ngọc, Lâm Kim Sinh, Sái Hồng Văn trong đó Triệu Tụ Ngọc đã chết, Sái Hồng Văn cũng về hưu. Lâm Kim Sinh làm Chủ nhiệm Ban Kiểm tra tư cách, theo lệ không được vào Ban Thường vụ, Vương Thăng làm đại sứ cũng theo lệ không được vào Ban Thường vụ. Vì vậy, bốn người ra khỏi Ban Thường vụ đều có lý do, không ai coi là bị loại trừ, nhưng mọi người đều biết Vương Thăng thực sự bị gạt bỏ.

Tám người mới là: Hách Bá Thôn, Triệu Tự Tề, Hà Nghị Vũ, Hoàng Tôn Thu, Liên Chiến, Cao Dục Nhân, Trương Kiến Bang, Hứa Thủy Đức; tám người này tuổi đều khoảng 50, trong đó năm người từ Hoàng Tôn Thụ trở xuống đều là người gốc Đài Loan.

Đáng chú ý là trong tám vị này, Cao Dục Nhân là "Nghị sỹ tỉnh Đài Loan", Trương Kiến Bang là "Nghị sỹ thành phố Đài Bắc". Triệu Tự Tề, Hà Nghị Vũ, Hoàng Tôn Thụ đều là "Đại biểu Quốc hội". Điều này phản ánh từ nay Quốc dân đảng càng coi trọng tác dụng của Nghị viện. Trung ương 2 bế mạc không lâu, Lý Vận Toàn "Viện trưởng Viện Hành chính" ai cũng cho là người có hy vọng nối nghiệp, bị xuất huyết não phải vào viện, tuy không chết, nhưng không thể làm việc được. Ngày 25 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc phong cho Lý Vận Toán làm "cố vấn Phủ Tổng thống" và giao chức "Viện trưởng Viện Hành chính" cho Du Quốc Hoa.

Ngày 28 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc tuyên bố "Nội các Du" ra mắt, trong đó oanh liệt nhất là Lý Hoán, ngọn cờ lớn của phái Khai minh lại nổi lên với tư thế hùng dũng làm "Bộ trưởng Giáo dục". Có người cho rằng Lý Hoán sẽ trở thành nhân vật quan trọng sau thời đại Tưởng Kinh Quốc. Ông sẽ nắm công tác Đảng hay làm "Viện trưởng Hành chính", cả hai khả năng đều có thể.

Ngoài Lý Hoán, Ngô Bá Hùng, "Bộ trưởng nội chính", Thi Khởi Dượng người gốc Đài Loan đều vào "Nội các" và những người như Trần Phúc An làm "Chủ nhiệm Ủy ban phát triển khoa học quốc gia", Ngụy Dung làm "Chủ nhiệm Ủy ban nghiên cứu khảo sát", Trương Kinh Dục làm "Vụ trưởng báo chí"... đều được mọi người quan tâm và đánh giá tốt.

Tiếp theo việc điều chỉnh lớn hệ thống "Viện Hành chính", ngày 20 tháng 6, Tưởng Kinh Quốc lại ra lệnh điều chỉnh các ban quan trọng của Trung ương Đảng. Thân tín của Vương Thăng là Lương Hiếu Hoàng, nắm công tác Đảng và Tống Thời Tuyển nắm công tác Đoàn, những chức vụ quan trọng của họ nay đều chuyển sang phe Lý Hoán.

Hàng loạt những điều chỉnh trên, nhất là Lý Đăng Huy làm "Phó Tổng thống" và Lý Hoán lại phục hồi chứng tỏ ý định ngay từ khi Tưởng Kinh Quốc mới lên nắm quyền là "Dân chủ hóa, bản địa hóa", nay ông quyết tâm thực hiện vào cuối đời mình. Với xu thế chủ đạo đó, chỉ trong vài tháng ngắn ngủi, ông đã giải quyết xong vấn đề Vương Thăng, làm cho thực lực và ảnh hưởng của phái Khai minh được phục hồi và phát triển.

Vương Thăng bị mất chức, đánh dấu cuộc đấu tranh giữa hai thế lực Bảo thủ và Khai minh trong Đảng chung quanh vấn đề nối nghiệp Tưởng Kinh Quốc mới hiệp đầu phần thắng đã nghiêng về phái Khai minh. Tuy Vương Thăng đổ, thế lực ngầm của ông vẫn còn, không thuộc Vương Thăng nhưng lại thuộc các nguyên lão bảo thủ và các tướng lĩnh bên quân đội, họ vẫn nắm quyền lớn. Vì vậy cuộc đấu tranh vẫn chưa tắt hẳn, ngược lại vấn đề nối nghiệp càng đến gần càng gay gắt.

Một xe khách chở đầy người vào đường rẽ gấp, hành khách khó tránh khỏi xô vào nhau, thậm trí chèn ép dẫm đạp nhau. Đài Loan ở vào đêm trước của bước ngoặt cũng giống như trên chiếc xe khách, đang trong tình trạng hỗn loạn nội bộ.

III. VỤ ÁN MẠNG GIANG NAM

Sau khi Hội nghị Trung ương 2 khóa XII, chính quyền Đài Loan nằm trong bầu không khí nóng lạnh bất thường.

Các ngành công tác chính trị bên quân đội, các môn sinh, bộ hạ trong hệ thống đặc vụ thuộc phái Vương Thăng thấy cảnh ngộ của "Hóa hành tiên sinh" (tức Vương Thăng) cảm thấy bất bình. Thế lực cánh hữu thuộc tập đoàn "Gió độc", càng kêu gào minh oan cho Vương, thậm chí còn lớn tiếng đòi trả lại cho Vương lẽ công bằng. Tưởng Kinh Quốc chịu sức ép của những người này, lần lượt cử "Tổng Tham mưu trưởng" Hách Bá Thôn và "Phó Tổng thống" Lý Đăng Huy sang Paraguay để an ủi Vương Thăng.

"Tổng cảnh" càng ra sức bức hại các báo chí Ngoài Đảng. Ngày 13 tháng 3 năm 1984, Tự lập buổi chiều của Đài Loan đăng bài Tà khí chính trị bị "Tổng cảnh" cho là tuyên truyền Cộng sản. Ngày 15 tháng 3, đưa ra lệnh cấm. Đây là sự kiện cấm báo đầu tiên kể từ 20 năm lại đây ở Đài Loan.

Từ tháng 6 đến tháng 8, "Tổng cảnh" ra lệnh các báo Ngoài Đảng như Thế giới tiên tiến, Thời tự do, Thời đại dân chủ, Quảng trường Đài Loan, Thập kỷ 1980, Trào lưu mới, Chính trị gia, Thời đại tiên phong, Bồng lai đảo tất cả chín tờ phải đình bản một năm. Ngoài ra còn hơn 40 số báo bị cấm và tịch thu.

Phe bảo thủ còn phát động các loại báo chí và thông tin đại chúng, phát thanh truyền hình bao vây công kích các tạp chí Ngoài Đảng.

Trong tháng 9, Quốc dân đảng hai lần họp Ban Thường vụ Trung ương. Các nguyên lão lên chỉ trích Dư Kỷ Trung khen ngợi các vận động viên ở Đại Lục đạt thành tích trong Olympic trên Trung Quốc thời báo của ông ở Mỹ là nối giáo cho giặc. Triệu Ngọc Minh của tờ Liên hiệp báo cho đăng toàn văn thông cáo chung Trung – Anh, bị chính quyền cách chức.

Trong tháng 10, "Tổng cảnh" triệu tập "Tọa đàm về các vấn đề tồn tại và biện pháp tăng cường kiểm duyệt văn hóa trong giai đoạn hiện nay" nêu ra rằng "Về chính sách kiểm duyệt văn hóa" cần phải từ bị động chuyển sang chủ động, từ tiêu cực lên thành tích cực, áp dụng năm cách làm song song và chủ động phối hợp đó là: kiểm tra bắt giữ nghiêm ngặt, hạn chế thỏa hiệp, biện bác phải lẽ, giáo dục mọi người, truy tố theo pháp luật. Đồng thời phát động các các đơn vị, đoàn thể quân đội, trường học, công nhân viên chức "không học, không mua, không truyền" các tạp chí Ngoài Đảng. Chống lại một cách toàn diện, cách ly hẳn và chủ động phản bác các loại ngôn luận không chính đáng, tất cả cùng lên án.

Phe bảo thủ hoành hành như vậy, một nguyên nhân lớn là người nối nghiệp Tưởng Kinh Quốc vẫn chưa ngã ngũ. Tuy Lý Đăng Huy làm "Phó Tổng thống", nhưng họ vẫn cho rằng giống như trường hợp "Phó Tổng thống" Tạ Đông Mân thời kỳ Tưởng Kinh Quốc nối nghiệp cha mà thôi, chỉ có ý nghĩa tượng trưng cho bản thổ hóa, chứ không phải là chuẩn bị nối nghiệp thực sự. Như một bài đăng trên báo Tung hoànhcủa Đài Loan nói: Tưởng Kinh Quốc tiên sinh tự nhận thấy mình khỏe tự quyết định tiếp tục đứng trên tuyến đầu chính trị để chỉ huy, chưa bố trí người nối nghiệp thực sự trong thời gian ngắn, cho nên thà lấy Lý Đăng Huy người gốc Đài Loan chưa có vốn liếng chính trị và ý chí quyền lực gì mấy để chứng tỏ sự thật về ý chỉ đạo toàn cục của mình và xác định thế bình quân trên bước phát triển chính trị.

Vì chọn người nối nghiệp chưa rõ ràng, mọi người không ai dám khẳng định với truyền thống chính trị Phương Đông và tiền lệ truyền ngôi của Tưởng Giới Thạch, rằng Tưởng Kinh Quốc đã bỏ hẳn khả năng truyền ngôi. Cho nên, lời đồn về con thứ của Tưởng Kinh Quốc là Tưởng Hiếu Vũ "sẽ thượng đài", ầm ĩ trên báo Đài Loan và hải ngoại.

Về các mặt uy tín, tư cách, cống hiến, năng lực, Tưởng Hiếu Vũ đều không xứng đáng là người nối nghiệp. Nhưng vì Tưởng Kinh Quốc không có ý kiến gì về lời đồn đại đó, nên càng làm tăng mối nghi ngờ của mọi người. Nếu Tưởng Kinh Quốc thực sự muốn truyền ngôi, chỉ có thể dựa vào lực lượng đặc vụ giúp mới thành công. Tưởng Hiếu Vũ thượng đài xong, cũng vẫn phải tiếp

tục thống trị bằng chuyên chế mới có thể ngồi vững trên ngai vàng. Đó chính là niềm hy vọng của phe Bảo thủ.

Trước tình hình nếu Tưởng Kinh Quốc truyền ngôi, phe Bảo thủ làm mạnh, đồng loạt ra quân quét sạch trở ngại để phù "ấu chúa", để dù cha con Tưởng, mặt ngoài có nói gì thì nói, chứ ngầm bên trong, hẳn phải ghi công lao cho họ.

Nhưng thực tế, những lời đồn đại, đoán già đoán non phần lớn đều vô căn cứ. Nhiều người vui mừng với những ảo tưởng có lợi cho mình và căn cứ của ảo tưởng đó cũng giống như con súc sắc trong trò cờ bạc, chính trong hoàn cảnh đó đã gây mầm cho vụ án mạng chấn động mọi nơi: vụ án mạng Giang Nam.

Giang Nam, tên chính là Lưu nghị Lương, người Tĩnh Giang, tỉnh Giang Tô. Năm 1949 đến Đài Loan, đã từng học ở Trường Cán bộ Chính trị và làm nhân viên công tác chính trị của Không quân. Thời gian từ năm 1963-1964 làm phóng viên Đài Loan nhật báo, xuất bản hai cuốn sách Ghi chép về Hồng Kông và Đông Nam Á loạn lạc. Năm 1967 sang Mỹ, trước để kiếm học vị, sau chuyển sang kinh doanh, lúc rỗi rãi vẫn nhớ nghề, viết Truyện Tưởng Kinh Quốc, gây chấn động trong ngoài, nhưng cũng vì vậy mà mắc tội với chính quyền Đài Loan. Ngày 15 tháng 10 năm 1984, Giang Nam bị kẻ xấu sát hại tại nhà riêng ở San Francisco.

Ngày xảy ra án mạng, bộ phận nghe trộm của Cục Điều tra liên bang Mỹ nghe được một cú điện thoại quốc tế từ sân bay San Francisco đánh về Đài Loan, nội dung là: "Giao dịch đã xong". Sau này tra ra, người gọi điện là Trần Khởi Lễ, biệt danh là "Vịt cạn", thủ lĩnh của tổ chức xã hội đen Đài Loan – Băng Trúc Liên. Người nhận là Trần Hổ Môn, Thượng tá, Phó Vụ trưởng "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng".

Cảnh sát Mỹ điều tra ra ngay đêm hôm đó, theo nguồn tin từ những người Hoa cung cấp, đã bắt Dư Đại Quân là một tên trong Băng Trúc Liên. Dư công nhận kẻ sát hại Giang Nam là Trần Khởi Lễ và hai đồng bọn, một là "Tổng Hộ pháp" Ngô Đôn và một là ông chủ "Trung Đường" Đổng Quế Sâm. Ba hung thủ đã rút về Đài Loan rồi.

Đồng thời với việc khẩn trương phá án của phía Mỹ, Đài Loan tranh thủ ra tay trước. Ngày 12 tháng 11, thành lập "Chuyên án quét gọn", hành động cùng lúc trong toàn tỉnh để càn quét "thế lực đen", đến tối ngày 2 tháng 12 mới chấm dứt, bắt được tất cả 33 người. Trần Khởi Lễ bị theo dõi nhiều ngày, đến ngày 12 bị sa lưới. Ngô Đôn trốn thoát một dạo, đến ngày 26 tháng 11 bị cảnh sát bắt được. Đổng Quế Sâm được đồng bọn che giấu trốn ra nước ngoài, từ Philippines trốn sang Thái Lan, rồi sang Brasil, bị bắt ở Brasil dẫn độ về Mỹ để xét xử. Theo cách nói của chính quyền Đài Loan, "Chuyên án quét gọn" đã dự định từ lâu, trước đó từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 25 tháng 9 chính quyền đã tiến hành công tác tự thú của các băng đảng, "Chuyên án quét gọn" là để giải quyết nốt bọn lưu manh không chịu đầu thú, theo lối tiên lễ hậu binh, đó là việc làm thông thường đã có kế hoạch trước. Nhưng nhiều báo chí Đài Loan và hải ngoại cho rằng: "Chuyên án quét gọn" khi đó mới bắt đầu, chủ yếu để bắt ba hung thủ nhóm Trần Khởi Lễ đề phòng bị tiết lộ đằng sau vụ án mạng Giang Nam.

Sau khi Trần Khởi Lễ, Ngô Đôn bị bắt, chính quyền Đài Loan chỉ nói là vấn đề băng nhóm sa lưới, không nói gì đến án mạng Giang Nam. Ngày 29 tháng 11, phía Mỹ đợi mãi không được, Cục điều tra liên bang và Cục Cảnh sát thành phố Daly tuyên bố đã điều tra xong vụ án Giang Nam. Hung thủ là Trần Khởi Lễ, Ngô Đôn và Đổng Quế Sâm đều đã về Đài Loan. Nhân viên kiểm tra Mỹ thuộc khu vực cư trú của Giang Nam đã phát lệnh truy nã Trần Khởi Lễ.

Sau khi phía Mỹ tỏ thái độ, "Cục trưởng báo chí" Đài Loan Trương Kinh Dục vội lên tiếng nói "được biết" Băng Trúc Liên dính líu vụ Giang Nam. "Chính phủ chúng tôi" xin phối hợp với Mỹ nhanh chóng phá án.

Nhưng một tháng sau, việc điều tra của phía Đài Loan vẫn không tiến triển. Ngày 4 tháng 1 năm 1985, Thị trưởng San Francisco, bà Dianne Feinstein sau khi thăm Đài Bắc về tuyên bố

“Phó Tổng thống” Lý Đăng Huy có nói với bà, Đài Loan không có ý định dẫn độ bọn Trần Khởi Lễ sang Mỹ vì bị tình nghi. Các báo chí chính quyền cho rằng, chính quyền Đài Loan muốn giới hạn tính chất của vụ án Băng Trúc Liên muốn tấn công với chính quyền Đài Loan để tránh cuộc “Chuyên án quét gọn” nên đã đến Mỹ gây án.

Theo những tư liệu do phía Mỹ nắm được, có thể chứng thực đằng sau Trần Khởi Lễ có bộ máy tình báo Đài Loan tham dự. Vì thế một mặt Mỹ đòi cử người sang Đài Loan trực tiếp hỏi cung Trần Khởi Lễ, Ngô Đôn, mặt khác Mỹ thông qua kênh báo chí, ngầm bắn tin là đã nắm được cuộn băng ghi âm của Trần Khởi Lễ tự ghi, trong đó có nội dung về các nhân viên “Cục tình báo” Đài Loan.

Ngày 8 tháng 1 năm 1985, báo Văn Hối ở Hồng Kông đưa tin đằng sau vụ án nói Trần Khởi Lễ quả là có cuốn băng ghi âm đó, để đề phòng chính quyền Đài Loan giết hắn bịt đầu mối. Tin này đưa ra như một trái bom, khiến cho vụ án mạng Giang Nam chuyển sang một bước ngoặt.

Ngày 10 tháng 1, Tưởng Kinh Quốc được biết bước tiến mới của vụ án mạng Giang Nam, đùng đùng nổi giận, lấy danh nghĩa “Tổng thống” trực tiếp ra lệnh “Cục An ninh Quốc gia” bắt ngay “Cục trưởng Cục Tình báo” là Uông Hy Linh (Trung tướng Hải quân), Phó Cục trưởng là Hồ Nghị Mẫn (Thiếu tướng Lục quân) “Phó Trưởng phòng ba” Trần Hổ Môn (Thượng tá Lục quân), nghe nói Tưởng Kinh Quốc còn chỉ thị: “bất kể ai dính líu đến vụ án – bất kể chức tước – đều không tha, điều tra xong công bố rõ cho dân chúng biết.”

Ngày 13 tháng 1, “Trung ương xã” Đài Loan chủ động phát tin dài hơn 60 chữ, thừa nhận “Cục Tình báo” có dính líu vào vụ án Giang Nam. Những người dính líu đã giao cho bên tòa án quân sự xử lý. Ngày 14, các báo chí Đài Loan nói: đã thành lập một Ủy ban đặc biệt xét kỷ luật đối với cơ quan tình báo, để tránh xảy ra sự kiện vi phạm kỷ cương pháp luật tương tự.

Ngày 15 tháng 1, người phát ngôn Hạ viện Mỹ lên tiếng nói: “Nhân viên của cơ quan tình báo Đài Loan tham dự vào vụ này là một việc rất nghiêm trọng, chính quyền Đài Loan đã hiểu rõ tính nghiêm trọng của vụ án này”.

Từ ngày 22 đến ngày 26 tháng 1, thám tử và các chuyên gia Mỹ sang Đài Loan gồm ba người, trực tiếp hỏi cung Trần Khởi Lễ và Ngô Đôn. Ba người này đòi gặp các nhân viên dính líu của Cục tình báo như Uông Hy Linh, nhưng phía Đài Loan lấy lý do họ không can án tại Mỹ, từ chối không cho gặp.

Vì vụ án Giang Nam đã điều tra đến cấp Trung tướng “Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Quốc phòng”, nên đằng sau vụ án đó đã lộ hết. Uông Hy Linh là đồng hương của họ Tưởng, đã từng làm thị vệ cho Tưởng Giới Thạch, bản thân ông không có tư thù với Giang Nam, nếu quả thực ông chủ động cử Trần Khởi Lễ đi giết Giang Nam, cũng chỉ là muốn lập công với họ Tưởng, điều này không còn nghi ngờ gì nữa.

Nhưng, Uông Hy Linh đã leo lên đến địa vị “Trung tướng Cục trưởng” lẽ nào còn mạo hiểm bỏ hết công lao trước đây để đi lấy mạng Giang Nam? Nhưng mối nghi ngờ kẻ đứng sau Uông Hy Linh vẫn không dứt ra được. Kẻ đó là ai? Rất nhiều báo chí nước ngoài chĩa con mắt nghi ngờ vào Tưởng Hiếu Vũ. Một số tờ báo thậm chí còn nêu rõ Tưởng Hiếu Vũ đã từng làm “Bí thư chấp hành Hội đồng An ninh quốc gia” Đài Loan, từ lâu đã nắm quyền lớn chỉ huy hệ thống tình báo. Vì thế, ông không những có động cơ giết người (Truyện Tưởng Kinh Quốc của Giang Nam vẽ nên một hình ảnh không đẹp lắm về cha ông, ông cần trả thù), mà ông còn có điều kiện giết người. Uông Hy Linh phải phục tùng ông.

Tưởng Hiếu Vũ lúng túng không biết ứng phó thế nào trước tình trạng mình bị người ta nghi ngờ và là đối tượng của dư luận. Nhưng ông đã kiên quyết biểu thị rằng ai dám chỉ đích danh ông là chủ mưu vụ án mạng Giang Nam, ông sẽ kiện người đó về tội phỉ báng. Điều này chứng tỏ ông bị oan uổng hay là ông nói mạnh bề ngoài, cũng chỉ có thể nghi đoán mà thôi.

Tối ngày 1 tháng 3, Hội những người Đài Loan ở Los Angeles họp tọa đàm về vụ án mạng Giang Nam, có hai vị khách không mới mà đến. Một vị là bạn thân của Trần Khởi Lễ, tên là Trương Lạc An (biệt danh Sói Trắng), Đổng Quế Sâm một trong các hung thủ giết Giang Nam khởi hành từ nhà Trương. Một vị nữa là một nhân vật thần bí, người giữ cuốn băng ghi âm của Trần Khởi Lễ vì không muốn để bị lộ họ tên nên mọi người gọi là "Ảnh nền". Sau khi họ đến, Trương An Lạc tuyên bố chủ mưu sát hại Giang Nam là Tưởng Hiếu Vũ. Đây là lần đầu tiên người của Băng Trúc Liên công khai tiết lộ quan hệ giữa Tưởng Hiếu Vũ và vụ án Giang Nam, nhưng họ không đưa ra bất kỳ bằng chứng nào.

Trước đó "Ảnh nền" đã bí mật đến thăm nhà văn Lý Huệ Anh ngày 20 tháng 1, giới thiệu tỉ mỉ quan hệ giữa Trần Khởi Lễ và Tưởng Hiếu Vũ, Tưởng Hiếu Dũng và Tưởng Vỹ Quốc, đồng thời chỉ rõ Trần Khởi Lễ đi Mỹ giết người, đã được Uông Hy Linh truyền đạt mệnh lệnh của Tưởng Hiếu Vũ. Trần muốn được bảo đảm đã đến gặp Tưởng Hiếu Vũ xác nhận lại và bí mật ghi âm cuộc nói chuyện giữa họ. Cuốn băng này còn nổ to hơn cuốn băng tự ghi của Trần Khởi Lễ do báo Văn Hối đưa ra. Hiện nay đã mang sang Mỹ, bạn thân của Trần Khởi Lễ giữ gìn cẩn thận; tùy theo sự phát triển của tình hình sẽ quyết định có công bố hay không.

Câu truyện đó của "Ảnh nền" được đăng trên Bắc Mỹ nhật báo ngày 13 tháng 3. Nhưng có thật là có cuộn băng đó không, vẫn là chuyện mù mờ.

Hai ngày sau khi Trương An Lạc công khai lên án Tưởng Hiếu Vũ tức là ngày 3 tháng 3 năm 1985, một bài báo Mỹ đăng bài phỏng vấn Tưởng Hiếu Vũ, đó là một cuộc nói chuyện điện thoại ngày 25 tháng 2 giữa phóng viên của báo đó với Tưởng Hiếu Vũ hỏi về những lời đồn đại và ý kiến của ông về những điều đó. Ngày 25 tháng 2, Tưởng Hiếu Vũ trả lời và ngày 3 tháng 3 đăng báo. Tưởng Hiếu Vũ nói rằng ông chưa hề làm bất cứ chức vụ hoặc công việc gì có liên quan đến công việc của "Hội đồng An ninh quốc gia", ông cũng không quen biết Trần Khởi Lễ. Rất nhiều báo chí đưa tin ông, đều có ác ý xuyên tạc.

Ngày 20 tháng 3, tờ Trung báo ở New York đăng toàn văn cuốn băng tự ghi của Trần Khởi Lễ, nói mình được Uông Hy Linh đưa vào làm nhân viên tình báo, dưới cái tên là Trịnh Thái Thành, ám sát Giang Nam theo lệnh của Uông Hy Linh, người đọc lệnh là Hồ Nghị Mẫn, người liên lạc là Trần Hổ Môn. Hắn còn nêu số gốc của mình trong "Cục tình báo" là 6217 số hiệu 73063. Sau này chính quyền Đài Loan chứng thực, số 6217 là trước khi Trần Khởi Lễ đi Mỹ được huấn luyện bốn ngày ở "Trung tâm huấn luyện Cục tình báo", lớp huấn này là khóa 621, số hiệu học viện của Trần ở đây là 73063. Tóm lại Trần Khởi Lễ là người của "Cục tình báo". Tính chất của vụ án mạng Giang Nam do "Cục tình báo" chuyên giết người gây ra chẳng có gì lạ. Nhưng Tưởng Hiếu Vũ có liên can gì không, trong cuốn băng này không hề nói tới.

Ngày 20 tháng 3, tòa án địa phương Đài Bắc mở phiên tòa xét xử Trần Khởi Lễ và Ngô Đôn. Hai người khai trước tòa là tuy Uông Hy Linh có hạ lệnh cho họ giết người, nhưng họ lại đổi ý, chỉ muốn cho Giang Nam một bài học, không ngờ Giang Nam chống cự, trong lúc ẩu đả chẳng may bắn chết. Lời khai này hoàn toàn khác với cách nói của đoạn ghi âm. Ngày 9 tháng 4, Tòa án Đài Bắc xử hai người chung thân, mất quyền công dân suốt đời. Họ không chịu, chống án với tòa cấp trên.

Ngày 4 tháng 4, "Tòa án quân sự Bộ Quốc phòng" Đài Loan xử Uông Hy Linh, Hồ Nghị Mẫn, Trần Hổ Môn. Uông Hy Linh nêu ra rất nhiều lý do, giao cho Trần Khởi Lễ chỉ "giáo dục" Giang Nam thôi, chứ không lệnh cho họ giết. Ngày 19 tháng 4 Tòa tuyên án Uông Hy Linh tù chung thân, tước quyền công dân suốt đời, Hồ Nghị Mẫn, Trần Hổ Môn mỗi người hai năm sáu tháng tù giam. Ba người cũng không chịu, xin chống án yêu cầu xử lại.

Ngày 10 tháng 5, Tòa cấp cao Đài Bắc phúc thẩm Trần Khởi Lễ và Ngô Đôn. Khi đối chất với Uông Hy Linh, Trần Khởi Lễ phản cung nói Uông Hy Linh không hạ lệnh cho hắn giết người, chỉ bảo hắn "giáo dục" Giang Nam. Quan tòa hỏi tại sao trước kia nói Vương ra lệnh giết người; Trần Khởi Lễ nói: "trước là lời nói bốc". Đến đó vụ án đã mất đi nhân tố "cố ý giết người",

không những hành động của Trần Khởi Lễ và Ngô Đôn lúc đó chỉ "giáo dục" mà mệnh lệnh của người ra lệnh cho họ cũng chỉ là "giáo dục" mà thôi.

Nhưng luật sư do bà Thôi Dũng Chi, quả phụ của Giang Nam mời, chỉ ra rằng: (1) Ngô Đôn và Đổng Quế Sâm đã bắn 3 phát, một phát trúng đầu, hai phát trúng bụng, đều là bắn gần, chứng tỏ nhằm bắn vào chỗ hiểm. Nếu chỉ là "giáo dục" thôi, sao lại ác như vậy? (2) Trần Khởi Lễ hành sự xong đã gọi điện cho Trần Hổ Môn nói "Buôn bán đã xong, hiệu quả ra sao ngày mai sẽ rõ, không có vấn đề gì". Nếu là "giáo dục", việc gì phải dùng ám ngữ "ngày mai sẽ rõ, không có vấn đề", nếu không thể giải thích là "bảo đảm giết chết rồi" còn giải thích ra sao đây"; (3) Những kẻ can phạm đều không nhận sự thật. Bọn Trần Khởi Lễ trở về Đài Loan, được Trần Hổ Môn ra đón, ba ngày sau Uông Hy Linh trực tiếp nghe báo cáo và thưởng cho bọn Trần 20 nghìn đô-la Mỹ, Trần Khởi Lễ "vì nước giết giặc" không nhận. Nếu Trần Khởi Lễ chỉ nhận nhiệm vụ "giáo dục" Giang Nam, trong hành động cụ thể lại giết người, Uông Hy Linh sao không trách phạt lại trọng thưởng. Ba điểm trên đây chứng tỏ Uông Hy Linh sai Trần Khởi Lễ cố ý giết người là điều không thể chối cãi được.

Do Trần Khởi Lễ phản cung, vụ án không thể đi sâu thêm. Toàn bộ câu chuyện trở thành sai Trần tìm người giáo dục Giang Nam, Trần tìm đến Ngô Đôn và Đổng Quế Sâm, rồi trong quá trình "giáo dục" Ngô, Đổng lỡ tay giết người, vì ý Vương không muốn giết Giang Nam, trên hắn chắc có người sai khiến, dĩ nhiên cũng không cần truy xét, thực ra cũng không có khả năng truy xét. Do đó, ngày 30 tháng 5 và ngày 3 tháng 6, Tòa án quân sự bộ Quốc phòng và Tòa án cấp cao tuyên bố giữ nguyên án của chung thẩm đối với Uông Hy Linh và bọn Trần Khởi Lễ. Vụ án gây trấn động lớn để lại biết bao nghi vấn coi như chấm dứt.

Chính quyền Đài Loan cố sức tìm cách thoát thân, khiến cho sức chấn động của vụ án Giang Nam giảm đến mức nhỏ nhất, nhưng chính vì vụ án đó mà chính quyền Đài Loan gặp khủng hoảng nghiêm trọng trong nhiều năm nay. Nhờ kinh tế phát triển và tốn không biết bao nhiêu công tuyên truyền vẽ lên hình ảnh tốt đẹp trong lòng thế giới phương Tây và kiều bào phút chốc bị mang tiếng xấu là kẻ "giết người". Các loại đồn đại về Tưởng Hiếu Vũ khiến người ta nhớ đến thời kỳ của Tưởng Giới Thạch ở Đại Lục theo kiểu phát xít và khủng bố trắng của Tưởng Kinh Quốc tạo ra ở Đài Loan trong thập kỷ 1950. Tóm lại, "vụ án đẫm máu vừa ngu xuẩn, vừa tàn bạo này, giống như một trận động đất 8 độ richter, khiến cho bà con trong ngoài Đài Loan quan tâm, đều hồn bay phách lạc, vừa sợ vừa giận, vừa buồn vừa thất vọng".

IV. CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ HỖN LOẠN TRƯỚC NGÀY SỤP ĐỔ CỦA "VƯƠNG TRIỀU"

Vụ án mạng Giang Nam đã gây ra phản ứng phụ to lớn, chính quyền Quốc dân đảng chí ít cũng phải tạm thời co lại, chữa cho giảm đau, bịt đi để yên lòng người, nhưng cánh hữu vẫn càng lên gân lên cốt làm lớn chuyện.

Án mạng Giang Nam xảy ra ngày 15 tháng 10 năm 1984. Ngày 11 tháng 11, Dư Kỷ Trung không chịu nổi sự công kích của thế lực bảo thủ trong Đảng phải tuyên bố đóng cửa Trung Quốc thời báo ở châu Mỹ. Khi đưa tin đóng cửa, ông nói: "Một tờ báo phải có tôn chỉ của nó, trong điều kiện hiện nay tôi không thể làm được tờ báo mà tôi hằng mong đợi".

Ngày 21 tháng 11, "Bộ trưởng nội chính" của chính quyền Đài Loan Ngô Bá Hùng khi trả lời chất vấn ở "Viện Lập pháp", để phá tan sự im nặng về "Hội nghiên cứu chính sách công cộng Ngoài Đảng" (gọi tắt là Hội Công chính) thành lập nửa năm trời nay (ngày 11 tháng 5) tuyên bố "Hội Công chính" là tổ chức phi pháp, phải giải thể.

Ngày 31 tháng 12, tòa án địa phương Đài Bắc xử tạp chí Ngoài Đảng tờ Tiên tiến về tội phỉ báng Thị trưởng Cao Hùng là Vương Ngọc Vân, tuyên án phạt người phát hành là Sái Nhân Kiên, Chủ nhiệm Dương Tổ Quân, biên tập Trần Trung Hâm, mỗi người tám tháng tù, Tổng biên tập tiền nhiệm hiện đang ở Mỹ là Trương Phú Trung cũng có lệnh truy nã.

Ngày 3 tháng 1 năm 1983, Tòa báo Tiên tiến họp báo, nêu rõ tạp chí này phanh phui sự cấu kết

của Vương Ngọc Vân với xã hội đen, đều có căn cứ thực sự. Tòa báo đã nêu ra 26 nhân chứng, nhưng tòa đều từ chối không cho gọi hỏi. Tiên tiến sẽ nhờ luật sư Trần Thủy Biển và Lâm Cần Cương trình lên tòa cấp trên trong một ngày gần đây.

Nhưng, chín ngày sau, tức ngày 12 tháng 1, chính Trần Thủy Biển cũng bị xử về tội phỉ báng. Vì Trần Thủy Biển là chủ sự tờ Bồng Lai đảo tháng 6 năm 1984 có đăng một bài nói Chủ nhiệm khoa Triết trường Đại học Đông Hải là Bằng Lô Tường lấy phiên dịch thay cho sáng tác, bị Bằng kiện vì tội phỉ báng. Kết quả là Trần Thủy Biển, người phát hành là Hoàng Thiên Phúc và Tổng biên tập Lý Dật Tường mỗi người bị phạt tù một năm và liên đới bồi thường cho Bằng Lô Tường hai triệu Đài tệ mới.

Bằng Lô Tường vốn là tay bồi bút thuộc phe chính trị, trong năm này, ở sự kiện "Tọa đàm về chủ nghĩa dân tộc", ông ta đóng vai trò quan trọng. Hoàng Thiên Phúc là người Ngoài Đảng, Trần Thủy Biển là Nghị sĩ Ngoài Đảng của thành phố Đài Bắc, đều là nhân vật trung kiên Ngoài Đảng. Bài chỉ trích Bằng Lô Tường của Bồng lai đảo là căn cứ vào bài Phê bình sáng tác của Bằng Lô Tường (phê phán chủ nghĩa Marx hiện đại) đăng trong tạp chí Thời đại mới Đài Loan năm 1981. Bài văn đó đã kê ra từng phần, từng phần một những chỗ Bằng sao chép của người khác, trong khi đó bốn năm trời Bằng không hề có ý kiến gì về bài viết đó. Vì vậy có thể thấy, Bằng Lô Tường kiện Bồng lai đảo về tội phỉ báng, chẳng qua là mượn cớ sinh chuyện mà thôi.

Chỉ trong vòng mười ngày, hai tờ Tiền tiến và Bồng lai đảo lần lượt sa vào lưới phỉ báng, các thành viên của Ban biên tập đều vào tù tập thể. Đây có thể nói là lần đầu tiên chính quyền Đài Loan bức hại giới xuất bản. Ghép vào tội phỉ báng cho báo chí, kể ra đây cũng là phát minh mới của họ để bóp chết tự do ngôn luận.

Quốc dân đảng tăng sức ép, phe Ngoài Đảng cũng không chịu kém. Trong tháng 1, "Hội Công chính" Ngoài Đảng triệu tập đại hội lâm thời, quyết định không để ý đến đòi hỏi của chính quyền bắt hội tự giải tán. Ngày 7 tháng 4, Vưu Thanh, người mới được bầu là Hội trưởng, tuyên bố ông giữ tên "Hội Công chính", nếu chính quyền cho đây là tổ chức phi pháp, có thể cho người đến gỡ đập bảng tên và cưỡng bức giải tán, khi đó hội sẽ bước trên con đường thành lập Đảng.

Đầu tháng 3, "Tổng cảnh" huy động hàng trăm lượt người khám xét những tờ báo tồn đọng của Tiền tiến, Chủ nhiệm tờ Tiền tiến, là Dương Tổ Quân dẫn nhân viên ra chặn ở của, ngăn không cho cảnh sát xông vào, vì Dương Tổ Quân có mang, nên cảnh sát không dám làm dữ, hai bên giằng nhau từ 5 giờ sáng đến 16 giờ, cuối cùng phía cảnh sát cử nữ cảnh sát đến đối phó riêng với Dương Tổ Quân mới thu được một số báo mang đi. Lần xung đột này, lập một kỷ lục đấu tranh bảo vệ báo về thời gian dài nhất trong 30 năm nay ở Đài Loan – 11 tiếng đồng hồ.

Ngày 28 tháng 4, cảnh sát đột nhiên kiểm tra lại tạp chí Tân hỏa của Ngoài Đảng, mang đi khoảng 30 nghìn tờ tạp chí, trị giá khoảng 1,5 triệu Đài tệ.

Ngày 3 tháng 5, Văn phòng Liên hợp báo cấp tiến Ngoài Đảng, còn gọi là Hội liên hiệp biên tập viên Ngoài Đảng, lại bị cảnh sát lục soát, tịch thu mấy chục nghìn tờ tạp chí.

Đồng thời, "Tổng cảnh" thành lập "Chuyên án Trung Hưng", chuyên xuất kích lục soát tịch thu tạp chí Ngoài Đảng, cử người giám sát các xưởng in, đóng xén và các hiệu sách chủ yếu, đối với những hiệu sách tuần tra thứ yếu thì cử người, cứ nửa tiếng đến một tiếng đồng hồ lại tuần tra một lượt. Theo thống kê đến cuối tháng 6, "Tổng cảnh" đã kiểm tra 83 số tạp chí, tịch thu 70 số, tổng số lượng lên đến 364 nghìn cuốn, trị giá hơn 20 triệu Đài tệ mới.

Ngày 3 tháng 5, người phát hành tờ Tân hỏa là ông Cánh Vinh Thủy kiện trước tòa, tố cáo cảnh sát lục soát tòa báo của ông một cách phi pháp, yêu cầu truy cứu trách nhiệm. Hội Liên hiệp biên tập viên Ngoài Đảng cũng tố cáo cảnh sát lục soát hội mà không có giấy tờ hợp lệ. Ngày 7 tháng 5, hơn 40 nhân sỹ Ngoài Đảng thuộc nhóm Khang Ninh Tường, Hứa Vĩnh Thục, Tạ

Trường Đình, Lâm Chính Kiệt đến thỉnh nguyện tại "Viện Lập pháp", "Viện Giám sát" và "Nghị viện thành phố Đài Bắc", yêu cầu phải có biện pháp ngăn cảnh sát chà đạp lên tự do ngôn luận, xâm hại đến lợi quyền của nhân dân.

Khi đó từ nhà tù Đảo Xanh cũng truyền ra một tin trấn động lòng người: ông Thi Minh Đức, người bị giam trong sự kiện Cao Hùng, ngày 1 tháng 4 đã tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống một chút nước quả để duy trì cuộc sống, khi tuyệt thực ông đưa ra ba yêu cầu: (1) Đòi Quốc dân đảng trả lại chính quyền cho dân; (2) Đòi Quốc dân đảng thả tù chính trị; (3) Đòi thừa nhận Đảng đối lập. Nếu chính quyền không chịu sẽ tuyệt thực đến chết.

Cùng tuyệt thực với Thi Minh Đức còn có Bạch Nhã Tiên, người ra tranh cử năm 1975, đòi Tưởng Kinh Quốc công bố tài sản, năm sau phải vào tù và Lâm Tư Tuyên, cũng người trong vụ Cao Hùng.

Ngoài ra, Tổng Biên tập tờ Chính luận Đài Loan trước kia, cũng bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 "tuyệt thực tiếp sức", đề phòng Thi Minh Đức không chịu nổi sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh.

Ngày 5 tháng 5, các nhân sĩ Ngoài Đảng có tiếng tăm như Vưu Thanh, Vương Thác, Chu Thanh Ngọc, Hứa Vinh Thục phát biểu: "Thông cáo của Ngoài Đảng đối với chuyện tuyệt thực của Thi Minh Đức" kêu gọi chính quyền "coi trọng các yêu cầu của Thi Minh Đức", thả tất cả các tù chính trị, hủy bỏ hệ thống đặc vụ.

Ngày 18 tháng 5, mấy trăm người Đài Loan ở Mỹ tổ chức biểu tình kháng nghị ở New York, đưa thỉnh cầu đến văn phòng "Ủy ban điều phối công việc Bắc Mỹ" của Đài Loan đóng tại New York. Một số người Đài Loan ở thành phố Los Angeles cũng theo vợ Thi Minh Đức, bà Ailinda, người Mỹ, tiến hành cuộc kháng nghị tương tự. Hội đồng hương Đài Loan ở Mỹ phục vụ cộng đồng người Đài Loan, Báo Quán Đài Loan và Ủy ban các nhân sĩ hải ngoại thành lập Ủy ban lâm thời quan tâm đến Thi Minh Đức ra thông cáo chung "Đài Loan đang đứng trước sự thay đổi to lớn chưa từng có trong 400 năm nay", ba yêu cầu của Thi Minh Đức "là con đường cứu nguy duy nhất mà những người hiểu thời cuộc ở Đài Loan đều công nhận", đồng thời yêu cầu "Quốc dân đảng trả lại chính quyền cho dân", "bầu lại toàn diện các "Đại biểu Dân ý Trung ương", "hủy bỏ chuyện cấm Đảng", "hủy bỏ Luật Giới nghiêm", "thả tù chính trị" "giải tán "Nội các Du Quốc Hoa" …

Vụ tuyệt thực đang rộ lên chưa cách giải quyết thì trong "Nghị viện tỉnh" Đài Loan lại nổi sóng gió lớn. Từ ngày 13 tháng 5, các Nghị sĩ Ngoài Đảng và các Nghị sĩ Quốc dân đảng lại tranh cãi kịch liệt về dự toán của chính quyền tỉnh. Văn bản luật tổ chức chính quyền tỉnh của Quốc dân đảng quy định "Nghị viện tỉnh" tối đa là 11 người, nhưng chính quyền tỉnh lại đưa ra danh sách 23 người. Nghị sĩ Ngoài Đảng cho là vi phạm luật. Nghị sĩ Quốc dân đảng không chịu, mở đợt tấn công. Ngày 16 tháng 5, Ủy viên Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, "Viện trưởng Nghị viện tỉnh" là Cao Dục Nhân tuyên bố ngừng thảo luận, tiến hành biểu quyết. Điều này có nghĩa muốn lấy số đông im lặng, cưỡng bức thông qua dự toán, 14 Nghị sĩ Ngoài Đảng như Du Tích Khôn, Hoàng Ngọc Kiều, Tô Trinh Sương, Giản Cẩm Ích, Dư Linh Nhã, Tô Hồng Nguyệt…. tuyên bố từ chức tập thể để kháng nghị.

Tin từ chức tập thể đến "Viện Lập pháp", sáu vị Ủy viên Ngoài Đảng cũng bỏ họp tập thể để hưởng ứng các chiến hữu ở "Nghị viện tỉnh". Ngày hôm sau, sáu vị "Ủy viên Lập pháp" Ngoài Đảng yêu cầu "Viện Lập pháp" giải thích vì sao 39 năm nay không thực hiện "nguyên tắc tự trị tỉnh, huyện" lại gây nên cuộc tranh cãi với các "Ủy viên Lập pháp" Quốc dân đảng, sáu vị Ủy viên Ngoài Đảng lại bỏ họp tập thể để kháng nghị.

Ngày 17 tháng 5, 14 vị "Nghị sĩ tỉnh" trở về quê mình được hoan nghênh như những anh hùng thắng trận trở về. Ba người ở huyện Đào Viện là Hoàng Ngọc Kiều, Giản Cẩm Ích, Lâm Thanh Tùng được địa phương tổ chức đón mừng. Ở huyện Nghi Lan, dân chúng diễu hành hoan hô Du Tích Khôn trở về. Ở huyện Bình Đông, đích thân Huyện trưởng Ngoài Đảng là Khâu Liên Huy chủ trì lễ đón mừng, ủng hộ Tô Trinh Sương. "Ủy viên Giám sát" Ngoài Đảng Vưu Thanh còn

đến tận huyện Bình Đông để tặng bức trướng cho Tô Trinh Sương. Ở Cao Hùng, Tân Trúc... cũng tổ chức mít tinh biểu tình ủng hộ 14 vị "Nghị sĩ tỉnh" từ chức trở về. Khâu Liên Huy còn gửi công văn cho chính quyền tỉnh, lấy lý do "chính trị dân chủ ở Đài Loan đã mất ý nghĩa" yêu cầu từ chức Huyện trưởng Bình Đông. Các Nghị sĩ huyện, thị Ngoài Đảng cũng rầm rộ đòi từ chức.

Đối với yêu cầu từ chức của 14 vị "Nghị sĩ tỉnh", Quốc dân đảng nêu ra 3 điểm: (1) Hoan nghênh 14 vị trở lại tiếp tục chức trách của mình; (2) Nếu kiên quyết từ chức, đề nghị với danh nghĩa cá nhân hẹn trong năm ngày nộp đơn xin từ chức; (3) Đồng thời Quốc dân đảng cử các thuyết khách đến gặp 14 vị để uy hiếp, dụ dỗ và phân hóa giữa họ. Đến ngày 6 tháng 6, Du Tích khôn và Tạ Tam Thăng đã xin từ chức một lần nữa, "Nghị viện tỉnh" đã tiếp nhận. Còn 11 người kia không thấy có đơn coi như không từ chức.

Khi đó Thi Minh Đức, người đã gầy khô, hơi thở thoi thóp, được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Nhóm Bách Nhã Tiên cũng bị cảnh sát cưỡng bức phải ăn, sóng gió của vụ tuyệt thực cũng tắt dần.

Chỉ trong vòng mấy tháng ngắn ngủi, liên tục nổ ra các sự kiện chính trị như vậy, 14 vị "Nghị sĩ tỉnh" cùng nhau từ chức, đều phản ánh mâu thuẫn giữa Quốc dân đảng và Ngoài Đảng ngày càng gay gắt thêm. Khuynh hướng dùng tòa án quân sự để ngăn cản cuộc xuống đường đấu tranh của Ngoài Đảng lại muốn ngóc đầu dậy. Quá trình phân cực hai đầu trong quan hệ giữa hai bên là đặc trưng quan trọng của sự mất ổn định trong chính cuộc Đài Loan.

Cũng trong thời gian này, thiên tai nhân họa ở Đài Loan cũng xảy ra dồn dập. Ngày 9 tháng 4 năm 1984, xảy ra vụ xe ô tô đâm nhau ở đoạn ngã ba đường Cao tốc Nam Bắc Đài Loan, 31 xe đâm nhau thành năm cụm, bị thương 22 người, chết 13 người. Ngày 28 tháng 5, ngày "Nội các" Du Quốc Hoa ra mắt, nhà hàng Thời đại ở Đài Bắc bốc cháy, nhân viên cứu hỏa chịu bó tay, chết và bị thương hơn 60 người. Ngày 3 tháng 6 phía Bắc Đài Loan do mưa lớn gây lũ lụt, chết 31 người, tổn thất mấy tỷ Đài tệ mới. Ngày 20 tháng 6, ngày 10 tháng 7 và ngày 5 tháng 12, mỏ than Cầu Vân Hải Sơn, mỏ than Thị Phương và mỏ số một Hải Sơn liên tiếp bị sập lò, con số người chết vượt quá 260 người. Những tai nạn đó khiến người Đài Loan nhộn nhạo không yên, họ gọi Nội các Du Quốc Hoa là "Nội các tai họa".

Nhưng tai biến lớn nhất lại là vụ "Thập tín" xảy ra đầu năm 1985. Vai chính của vụ này là Sái Chấn Châu, Chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng số mười (gọi tắt là Thập tín). Hắn là con thứ của nhà tỷ phú Sái Vạn Xuân, là người phụ trách chính của tập đoàn nhựa Quốc Thái, dòng họ Sái. Từ 1974 nhà họ Sái lợi dụng sự bao che của mạng lưới hệ thống chính trị của họ, biến bộ máy kinh doanh tiền bạc "Thập Tín" này thành ngôi hàng riêng của nhà họ Sái, đem tiền gửi của nhân dân cho các xí nghiệp của họ vay không có bảo đảm một cách phi pháp, hoặc lấy "tài khoản không bảo đảm" làm mồi để kết giao với các nhân vật quan trọng trong chính giới. Qua bộ hạ cũ của Vương Thăng là Tiêu Chính Chi, lúc đó đang làm "Phó Chủ nhiệm Tổng bộ đấu tranh chính trị" giới thiệu, Sái Chấn Châu được Vương Thăng nhận làm con nuôi, sau được Vương Thăng và Tưởng Ngạn Sĩ giới thiệu vào Quốc dân đảng. Năm 1984, nhờ Tưởng Ngạn Sĩ bảo lãnh Sái Chấn Châu trúng cử làm "Ủy viên Lập pháp". Có được một sinh mệnh chính trị rồi, các trò bịp của Sái Chấn Châu về tiền bạc càng không kiêng nể gì nữa. Chỉ từ đầu tháng 1 đến đầu tháng 2 năm 1985, trong vòng 1 tháng hắn đã phóng ra 40,7 tỷ tài khoản phi pháp. Ngày 9 tháng 2, "Bộ Tài chính" Đài Loan ra lệnh Thập tín tạm đóng cửa ba ngày, khiến cho những người gửi tiền kéo đến, lây lan sang cả các tổ chức tiền tệ khác, thành một phong trào đòi rút tiền gửi trên toàn Đảo; em ruột Sái Chấn Châu là Sái Nam phụ trách Công ty Ủy thác Đầu tư Quốc Thái (gọi tắt là Quốc Tín) bị giông tố ập đến trước tiên, không có cách gì chống đỡ. Ngày 3 tháng 3, "Bộ Tài chính" Đài Loan phải ra lệnh cho Ngân hàng Giao thông, "Cục Ủy thác Trung ương" và Ngân hàng Nông nghiệp, lập thành một Đoàn Ngân hàng để tiếp quản Quốc Tín. Thập tín thiếu nợ tám tỷ Đài tệ mới. Quốc tín thiếu nợ 20 tỷ Đài tệ mới, tổng cộng cả hai thiếu nợ trị giá tương đương 900 triệu đô-la. Khoản nợ khổng lồ này hoàn toàn do tiền gửi của dân nghèo tích cóp lại, bị bọn tài phiệt cướp đi một cách phi pháp. Nó đã trở thành một vụ bê bối về tiền

tệ lớn nhất trong lịch sử Đài Loan.

Ngày 1 tháng 3, Sái Chấn Châu bị bắt. Cùng ngày phòng điều tra của tòa án địa phương Đài Bắc truy tố bọn Sái Chấn Châu, Sái Vạn Xuân, Tiêu Chính Chi về tội "vi phạm luật thế chấp cổ phiếu, xâm chiếm tiền gửi của khách". Ngày 7 tháng 6, Tòa án cấp cao Đài Loan xử Sái Chấn Châu 15 năm tù giam. Ngày 12 tháng 6, Trung ương Quốc dân đảng khai trừ Sái Chấn Châu. Những người bị khởi tố trong vụ này lên đến 87 người, không kể những quan chức tài chính và các kế toán viên của nhà nước bao che cho họ đang bị điều tra xét hỏi.

Ngô Đại Vũ, Ủy viên điều tra vụ Thập tín của "Viện Giám sát" nêu rõ: tính chất vụ Thập tín có thể quy kết thành 12 chữ: "Cấp trên quan liêu cố chấp, cấp dưới móc ngoặc lừa bịp". Một bài đăng trên tờ báo Ngoài Đảng Tiếng Sấm vạch rõ thêm tính chất vụ Thập tín nằm trong bốn chữ "quan thương cấu kết". Tài khoản phi pháp của Thập Tín đã tồn tại trong mười năm, trải qua năm đời Bộ trưởng Tài chính đều giúp đỡ nó. Cũng trong thời kỳ này, các thủ hạ thân tín của Vương Thăng, những cán bộ cao cấp như Tiêu Chính Chi, Hoa Tâm Quyền, Diệp Tiềm Chiếu, Tô Thành Chương, Ngô Quốc Dương đều có các chức vụ cao cấp trong tập đoàn họ Sái. Sái Chấn Châu và Sái Chấn Nam đều gọi Vương Thăng và Tưởng Ngạn Sĩ là cha nuôi, điều này chẳng đáng chú ý hay sao.

Ngày 6 tháng 2 năm 1985, trước ba ngày "Bộ trưởng Tài chính" hạ lệnh cho Thập tín đóng cửa, Tưởng Kinh Quốc biết được sự lừa bịp của Thập Tín, đột nhiên tuyên bố trước Ban Thường vụ Trung ương cho Tưởng Ngạn Sĩ từ chức, miễn chức Bí thư trưởng Trung ương, chuyển sang làm "Cố vấn quốc sách Phủ Tổng thống". Điều này rõ ràng là truy cứu trách nhiệm chính trị của Tưởng Ngạn Sĩ trong vụ Thập tín, tiếp theo "Bộ trưởng Kinh tế" Từ Lập Đức, "Bộ trưởng Tài chính" Lục Nhuận Khang đều liên đới với vụ Thập tín, lẳng lặng mất chức. Ngoài ra hơn 30 quan chức kinh tế tài chính từ cấp Ty, Cục trở lên đều bị xử lý hành chính. Đối với vụ này, giáo sư Khâu Thùy Lượng, dạy ở Đại học Queenland bên Úc chỉ rõ: "Vương triều họ Sái là một bộ phận của hệ thống chính trị Đài Loan do Quốc dân đảng thống trị, nhà họ Sái và trung tâm quyền lực Quốc dân đảng có mối quan hệ con người và quyền thế giàng buộc. Sái Chấn Châu là nhà lãnh đạo Chủ nghĩa tư bản bản thổ hóa mà Quốc dân đảng đã tốn công bồi dưỡng, sự đồi bại về tài lực và quyền lực của hắn, chẳng lẽ lại không trực tiếp phản ánh sự đồi bại của loại chính trị kim tiền và chuyên chế một Đảng của Quốc dân đảng thống trị đã lâu hay sao". Vì vậy "trận cuồng phong mãnh liệt đã phá hủy lòng tin vào kỳ tích phát triển kinh tế hơn 20 năm nay của Đài Loan so với mọi thiên tai nhân họa như sập lò than, hàng giả, thuốc giả, cướp nhà băng, sập tiệm, phá sản, biển thủ... đều nghiêm trọng hơn, làm mất lòng tin của dân, lung lay nền móng, làm mất ổn định xã hội kinh tế chính trị của Đài Loan."

Chính vì hàng loạt bão tố chính trị và thiên tai nhân họa dồn dập kéo đến, nên "năm 1984 bi quan ảm đạm", "mùa hạ tiêu điều của năm 1985" trở thành tiêu đề chính trị Đài Loan của các nhà quan sát. Giáo sư Khâu Thùy Lượng đã mô tả: "Những ngày này, ở Đài Loan cả trên lẫn dưới chìm ngập trong mây mù dày đặc, không khí ngột ngạt đè nặng tim người. Tuy không đến nỗi thê thảm như trước ngày tận thế nhưng đã có rất nhiều người cảm thấy các dấu hiệu báo trước của ngày 'Vương triều sụp đổ' và một bầu không khí không yên ổn".

18. HAI NĂM CUỐI CỦA "VƯƠNG TRIỀU TƯỞNG"

I. "BÁNH XE ĐỔI MỚI" BẮT ĐẦU CHUYỂN ĐỘNG

Vũ đài chính trị đang chao đảo dữ dội, tình trạng sức khỏe của Tưởng Kinh Quốc đang dần xấu đi. Tháng 8 năm 1985, sóng gió của vụ Giang Nam và Thập Tín vừa yên, ông đã phải vào viện chịu mổ lần thứ ba, hiện tượng phù mặt lại tái phát, Đông y không còn tác dụng.

Nằm trên giường bệnh, nghĩ đến chính cuộc rối như canh hẹ trong hơn một năm nay, Tưởng Kinh Quốc không thể không cảm thấy sợ hãi. Sóng gió ồ ạt đổ tới, cố nhiên là do mâu thuẫn sâu sắc thêm giữa lợi ích của các tầng lớp, các đoàn thể. Là một nhà lãnh đạo tối cao đậm màu sắc nhân trị ở Đài Loan, ông tuy có nguyện vọng "dân chủ hóa" những bước đi khó quyết. Đối với thế lực cực hữu trong Đảng tuy có chế ngự nhưng vẫn phải thường động viên, đó chính là nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định chính trị.

Xét tình trạng trong ngoài Đảo, có bốn điểm Tưởng Kinh Quốc cần phải xem xét cẩn thận.

1. Chính sách cải cách mở cửa ở Đại Lục khiến cho uy tín quốc tế của Trung Quốc ngày càng lớn. Sự phổ cập của thông tin hiện đại và những dịp đi ra nước ngoài xem xét của dân thường Đài Loan ngày càng tăng cũng khiến cho nhân dân hiểu được sự thật về Đại Lục, dựa vào sự tuyên truyền bôi nhọ để "Tâm phòng" (đề phòng ảnh hưởng của tâm lý chiến) đã khó đứng vững. Muốn đấu tranh chính trị với Đảng cộng sản, Quốc dân đảng tất phải sửa chữa hình ảnh độc tài chuyên chế của mình, giành lấy ngọn cờ dân chủ".

2. Sự ủng hộ của chính quyền chuyên chế trong chính sách đối ngoại của Mỹ giảm đi. Ở Philippines, Mỹ ủng hộ bà Corazon Aquino trong cuộc tranh cử Tổng thống với phe Ferdinand Marcos thống trị Chính phủ quân sự nhiều năm. Ở Hàn Quốc, Mỹ ép Chon Du-Hwan chấm dứt độc tài quân sự. Cổ vũ Kim Dae-Jung, Kim Young-Sam là các thế lực chống đối, mong muốn hai Đảng cùng cai trị.

Đối với thế lực Ngoài Đảng ở Đài Loan, Mỹ không dấu giếm sự ủng hộ của mình, Đài Loan không có Mỹ giúp không thể đứng vững, vì thế phải đi theo mô hình dân chủ kiểu Mỹ, nếu không sẽ lăn theo vết xe của Chon Du-Hwan và Marcos.

3. Vì "Sự kiện Cao Hùng" thế lực chống đối Ngoài Đảng tuy bị đàn áp dữ dội, không bao lâu sau họ lại tổ chức đội ngũ tiến lên. Đội ngũ này ngoài sự giúp đỡ của Mỹ, một cách công khai, giai cấp trung sản và nhiều tài phiệt Đài Loan cũng ủng hộ ngầm, nhiều bài báo vạch trần các tệ nạn không dân chủ của Quốc dân đảng, họ đã chiếm khoảng 30% cử tri, ủng hộ một cách ổn định, thực tế đã phát triển đến mức không thể dùng vũ lực đàn áp được nữa.

Phái chống đối cũng có nhược điểm, phe phái trong nội bộ họ quá nhiều, mâu thuẫn cũng lắm, thiếu hẳn một lãnh tụ được mọi người công nhận là trung tâm đoàn kết, chỉ nhất trí được một điều duy nhất là phản đối Quốc dân đảng. Phái vững mạnh do Khang Ninh Tường, Phí Hy Bình đại diện một thời sau "Sự kiện Cao Hùng" đã trở thành phái chống đối chủ yếu, nhưng ngay sau đó, phái hậu Mỹ lệ đảo lại nổi bật nên. Phái này do người nhà của những người bị hại trong Mỹ lệ đảo như Hứa Vĩnh Thục, Chu Thanh Ngọc và các luật sư của người bị hại trong "Mỹ lệ đảo" như Do Thanh, Trần Thủy Biển lãnh đạo. Phái này đã bộc lộ chí hướng kế thừa chiến lược "bên bờ bạo lực" và "đấu tranh ngoài phố". Còn "thế hệ mới" Ngoài Đảng do Lâm Chính Kiệt, Đặng Nghĩa Nhân, Hồng Kỳ Xương thành lập dưới sự lãnh đạo của Lý Ngao, lão đối thủ trong Đảng, bẻn phá Quốc dân đảng và Khang Ninh Tường, lại càng cấp tiến. Nếu Quốc dân đảng chuyển hướng dân chủ, nhường cho phe chống đối một ít không gian chính trị và lợi ích chính trị, không những có thể thỏa mãn tinh thần tham dự chính trị của một số nhân sỹ Ngoài Đảng,

khiến cho lực không ổn định giảm đến mức tối thiểu, mà còn có thể xúc tiến sự tàn sát lẫn nhau trong phe đối lập Ngoài Đảng, khiến cho Quốc dân đảng ngồi ngoài thu lợi. Ngược lại, Quốc dân đảng tăng cường trấn áp, buộc các nhân sỹ Ngoài Đảng đoàn tụ lại một khối, thậm chí toàn thể chuyển sang con đường "cứng rắn", một sống một chết với Quốc dân đảng.

4. Vụ Giang Nam và Thập Tín càng bộc lộ sự hủ bại của phái hữu. Là người phụ trách đơn vị tình báo chính trị, gánh trọng trách bảo vệ trị an dĩ nhiên là phải đứng sau chỉ huy các cuộc hành hung, giết người của bọn xã hội đen. Một mặt tự coi là cán bộ chính trị "thanh liêm", dĩ nhiên là phải bảo vệ pháp luật trong vụ phi pháp của nhà tư sản Sái Chấn Châu. Sự so sánh tuyệt vời này đã trực tiếp gây uy tín cho Quốc dân đảng và cũng là tổn thất to lớn cho "Sức tin" của chính quyền Đài Loan.

Nghiêm trọng hơn nữa: Thủ phạm chính trong vụ Giang Nam và chỗ dựa chính của Sái Chấn Châu là bọn Vương Thăng, Tưởng Ngạn Sĩ lại đều là thân tín do Tưởng Kinh Quốc đào tạo. Mặc dù Tưởng Kinh Quốc xử trí đối với họ có thể nói là xứng đáng, nhưng các hành vi của họ không thể không ảnh hưởng đến hình ảnh cá nhân của Tưởng Kinh Quốc. Nhất là trong vụ Giang Nam, lại đưa cả Tưởng Hiếu Vũ vào cuộc, càng là cái cớ để người trong ngoài Đảo công kích gia đình Tưởng. Sau khi xảy ra những sự kiện này, Tưởng Kinh Quốc nếu không trói chặt thế lực cực hữu và tìm cách bổ cứu về mặt dân chủ hão, sẽ rất khó tránh khỏi bị chỉ trích là "tổng hậu đài của cánh hữu" (người tổng chỉ huy đứng sau cánh hữu) và sẽ mất hết uy tín là "bạn dân" đã cố công xây dựng trong nhiều năm.

Bốn điểm trên đây buộc Tưởng Kinh Quốc phải bước nhanh trên con đường "dân chủ hóa".

Tháng 6 tháng 1985 vụ Giang Nam và Thập Tín đã qua phúc thẩm và hoàn tất. Ngày 1 tháng 7, Tưởng Kinh Quốc chỉ thị hủy bỏ "Cục Tình báo Bộ Quốc phòng", sáp nhập vào "Phòng Tình báo Đặc vụ Bộ Tổng tham mưu". Lập riêng "Cục Tình báo quân sự" do "Tổng Tham mưu trưởng" trực tiếp chỉ huy. "Cục trưởng Cục Tình báo quân sự" do Trung tướng Lư Quang Nghĩa, nguyên là "Tư lệnh đội đánh bộ" đảm nhiệm. Lần điều chỉnh này khiến cho các tướng lĩnh trong quân đội, sau khi tiếp nhận "Hội báo liên hợp Cảnh – Chính" lại khống chế một đơn vị tình báo chính trị quan trọng, làm giảm thế lực và ảnh hưởng của hệ thống tình báo chính trị do quân của Vương Thăng vẫn nắm trước kia.

Ngày 6 tháng 8, Tưởng Kinh Quốc đã phá tan sự trầm mặc mấy năm nay, lần đầu tiên đề cập đến vấn đề người nối nghiệp. Khi tiếp Giám đốc phân xã của tạp chí Thời Đại ở Hồng Kông, ông đã nói: "Tổng thống, Phó Tổng thống" của Trung Hoa Dân Quốc, bầu cử và bãi miễn đều theo "Hiến pháp", nay vẫn như vậy… còn như chức Nguyên thủ quốc gia do nhân sỹ nhà họ Tưởng có kế nhiệm hay không, bản thân tôi chưa hề nghĩ đến chuyện đó. "Tỏ thái độ lần này" gồm hai ý: (1) Sau khi ông chết, Đài Loan vẫn tiếp tục duy trì thể chế "Hiến pháp", không xây dựng "Chính phủ của thời kỳ không bình thường" hoặc các hình thức chính thể khác. Chính thức phủ nhận ý đồ "truyền ngôi". Đồng thời dùng chữ "nhân sĩ nhà họ Tưởng", cũng phủ nhận luôn một số người đoán già đoán non là "anh chết em thay", nhằm chỉ Tưởng Vĩ Quốc.

Đến tháng 9, cánh hữu lại gây sự, bắt Lý Á Tần, Giám đốc hãng buôn tư nhân ở Cao Hùng. Lý do là Lý Á Tần cùng với chồng Trần Thao mở một tờ báo Trung văn ở Mỹ – Quốc tế nhật báo. Tờ báo này thường xuyên đăng bài có lợi cho Trung Cộng. Bản thân Lý Á Tần cũng đã gặp Đại sứ Trung Quốc tại Mỹ là Sài Trạch Dân. Điều này rõ ràng là phạm vào Điều lệ trừng trị phản loạn, nên "Tổng cảnh" bắt để tra hỏi.

Lý Á Tần bị bắt ngày 17 tháng 9. Ngày 18, Chính phủ Mỹ lên án mạnh mẽ, lấy lý do Lý Á Tần có quyền cư trú vĩnh viễn ở Mỹ, báo chí phát hành ở Mỹ do luật pháp của Mỹ bảo hộ, yêu cầu chính quyền Đài Loan "Lập tức thẩm tra lại, thả ngay Lý nữ sĩ không được chậm trễ". Ngày 26, Quốc hội Mỹ cũng thông qua Nghị quyết: yêu cầu chính quyền Đài Loan thả ngay Lý Á Tần, hủy bỏ mọi tội danh và để bà được về Mỹ một cách thuận lợi. Đồng thời "Tổng cảnh" Đài Loan phải "phóng thích có bảo đảm" đối với Lý Á Tần.

Lý Á Tần được thả ngày 26 tháng 9, vị chi là bị giam mười ngày. Trong một thời gian ngắn như vậy, xử lý một chính trị phạm, kết quả xử lý lại là "Tổng cảnh" thả người, điều này có thể nói là "chưa từng có trong lịch sử" ở Đài Loan. Vì vậy báo Thập kỷ 1980 của người Ngoài Đảng đã châm biếm "Tổng cảnh": "Đơn vị tình báo chính trị của Quốc dân đảng không hề biết sợ là gì, vậy mà đi đêm lắm, lần này cũng đã gặp ma chăng?".

"Tổng cảnh" gặp ma lần này, về mặt biểu hiện, do Thượng viện và Hạ viện Mỹ can thiệp mạnh mẽ, nhưng thực chất Tưởng Kinh Quốc cũng không muốn để cánh hữu làm bậy gây nhiễu tiến trình "dân chủ hóa", cho nên dứt khoát ra lệnh thả người. Mấy mươi năm nay, từ vụ Lôi Chấn, Cao Hùng, Trần Văn Thành đến Giang Nam, lần nào Mỹ chẳng chỉ trích Đài Loan, nhưng chính quyền Đài Loan vẫn làm theo ý mình. Lần này, nếu Đài Loan vẫn cứng đầu cưng cổ trừng trị Lý Á Tần. Mỹ cũng sẽ chẳng làm gì được, vì Lý Á Tần tuy có quyền cư trú vĩnh cửu ở Mỹ, nhưng không phải là công dân Mỹ, mà vẫn có hộ chiếu Trung Hoa Dân Quốc. Cảnh sát Đài Loan bắt giữ bà tra hỏi, đó là thuộc nội chính Đài Loan, Mỹ không có quyền can thiệp. Vì vậy Lý Á Tần được thả ngay, không chỉ vì lý do quốc tế, mà còn do sắp có biến động lớn ở Đài Loan.

Sự kiện Lý Á Tần, đúng là một gáo nước lạnh vào sự ngạo mạn bạo hành của "Tổng cảnh" Đài Loan. Từ đó, sự bạo ngược có chiều hướng thu lại, thái độ đối xử với các nhân sĩ Ngoài Đảng và báo chí Đảng cũng có phần kiềm chế.

Ngày 25 tháng 12 năm đó, Tưởng Kinh Quốc chủ tọa lễ kỷ niệm lần thứ 38 ngày bản "Hiến pháp" ra đời, chuẩn bị bài phát biểu nhấn mạnh hai điểm quan trọng: (1) Người nhà Tưởng Kinh Quốc có ra tranh cử Tổng thống lần này không? Tôi trả lời là không thể và không được; (2) Chúng ta có thể lấy phương thức Chính phủ quân sự để thống nhất đất nước không? Tôi trả lời là không thể và không được. Đảng cầm quyền phải đi theo con đường quang rộng, dân chủ, tự do, bình đẳng tuyệt nhiên không được sửa đổi hiến pháp. Đồng thời cũng tuyệt nhiên không thể thống trị bằng phương thức vi phạm hiến pháp.

Bài nói này được các nhân sĩ Đài Loan cho là "hợp thời", "sáng suốt", "khiến người ta khâm phục", là biểu hiện "tinh thần chí công vô tư" "xóa sạch những lời thì thầm đồn đại không cần thiết". Những lời hoa mỹ, thực ra không đáng quan tâm, nhưng Tưởng Kinh Quốc dám hủy bỏ khả năng nối nghiệp của các nhân sĩ họ Tưởng và tuyên cáo một cách rõ ràng là sau khi ông chết, không cho phép thống trị bằng quân sự, điều này có lợi cho tiến trình dân chủ hóa ở Đài Loan, là đáng được vỗ tay hoan nghênh.

Bài nói này cũng có thể nói là một đòn đánh mạnh vào phe Bảo thủ trong Đảng và thế lực cực hữu ngoài xã hội. Bài nói đã rọi một tia hy vọng phá tan đám mây khủng bố, lâu nay bao phủ tâm trí mọi người, kể từ vụ Giang Nam đến nay.

Nhưng nhiều người vẫn còn nghi ngờ ý đồ của Tưởng Kinh Quốc. Họ chỉ ra rằng hai lần bày tỏ thái độ tháng 8 và tháng 12, Tưởng Kinh Quốc chỉ nói về chức vụ "Tổng thống", nhưng nối nghiệp chưa hẳn chỉ là "Tổng thống". Khi Tưởng Kinh Quốc nối nghiệp cũng do Nghiêm Gia Kiểm làm "Tổng thống", nhưng ai cũng biết thực quyền đều nắm trong tay Tưởng Kinh Quốc, Tưởng Hiếu Vũ chẳng lẽ không bắt chước cha ư? Một số người nhận xét: Tưởng Hiếu Vũ là "hàng lạ cất đi", do đó họ thổi kèn khiêng kiệu quảng cáo, ý đồ thành lập một thể chế chính trị do Tưởng Hiếu Vũ làm trung tâm, để tiện cho mình vịn vây rồng bay lên.

Tưởng Kinh Quốc muốn xóa sạch mọi nghi kỵ và đề phòng Tưởng Hiếu Vũ bị lợi dụng, nên tháng 2 năm 1988, đột nhiên ra lệnh cho Tưởng Hiếu Vũ sang Philippines làm Phó Đại diện thương vụ, ngày 18 tháng 2, Tưởng Hiếu Vũ sang Philippines nhận nhiệm vụ. Trước khi đi, bàn giao hết mọi chức vụ đang làm ở Đài Loan. Từ đó, lời đồn về truyền ngôi mới tắt hẳn.

Từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 3, Quốc dân đảng họp Trung ương 3 khóa XII tại Đài Bắc. Trung tâm của Hội nghị này là đề tài thảo luận: "Cùng nhau gắng sức mở con đường sáng cho đất nước". Nghị án này, ngoài bài ca chống Cộng cũ rích ra, đã nêu lên "phải nhanh chóng hành động quán triệt Hiến pháp dân chủ", "lấy đổi mới Đảng dẫn đến đổi mới mọi mặt" và "phải lấy

năm nay làm điểm xuất phát đổi mới công tác Đảng". Còn "Đổi mới và giải quyết vấn đề ra sao", nghị án lại đề ra chín điều "tăng cường trị an xã hội, uốn nắn những lệch lạc chính trị, điều chỉnh cho phù hợp các biện pháp thời chiến, tiến thêm về hướng Hiến pháp dân chủ, bổ sung cho địa phương tự trị, đẩy mạnh thêm phát triển kinh tế, nâng cao thêm chất lượng đời sống tinh thần, đấu tranh mạnh mẽ thêm chống Trung Cộng tuyên truyền thống nhất, mở rộng thêm quan hệ quốc tế."

Trung ương 3, bầu bốn người mới vào Ban Thường vụ Trung ương là Lý Hoán, Ngô Bá Hùng, Thi Khởi Dương, Trần Phúc An. Bồn người ra khỏi Ban Thường vụ là Tôn Vận Toàn, Mã Kỷ Tráng, Diêm Chấn Hưng, Triệu Tử Tề. Bốn người này đều gốc Đại Lục. Hai người mới là gốc Đài Loan, do đó tỷ lệ người gốc Đài Loan trong Thường vụ tăng lên đến 45%. Bốn người rút lui, tuổi đều trên 70, còn những người mới, trừ Lý Hoán, tuổi đều khoảng 50 tuổi, do đó so với Trung ương khóa trước, tuổi trung bình của Thường vụ đã giảm xuống.

Bốn người mới đều được coi là phái Khai minh, chứng tỏ thế lực này tăng lên trong Đảng. Ngoài ra Lý Đăng Huy xếp tên trong Ban thương vụ lần trước, đứng thứ chín, nay lên hàng thứ ba, cũng được mọi người chú ý. So sánh thành phần, các tướng lĩnh trong quân đội, vì Mã Kỷ Tráng ra khỏi Thường vụ, thành thử giảm còn bốn người, đó là con số ít nhất từ trước tới nay. Trong bốn vị, Viên Thủ Khiêm và Cao Khôi Nguyên đã không còn binh quyền. Thực sự còn binh quyền là Tống Trường Chí và Hách Bá Thôn, lần trước xếp thứ 14, 15, nay tụt xuống thứ 17, 18. Rõ ràng Tưởng Kinh Quốc đã thực hiện lời hứa của mình là không thể và không được thống trị bằng quân sự, bắt đầu có sự kiềm chế đối với các tướng lĩnh bên quân đội.

Tóm lại, phương hướng chủ yếu và tinh thần chỉ đạo của Trung ương 3 là tiến bước theo dân chủ hóa, nhưng vì trọng tâm nghị án, quá nhiều giọng điệu cũ dài dòng, nên nói chung "đổi mới mọi mặt" trở nên trống rỗng trừu tượng, về mặt nhân sự cũng không xáo trộn nhiều lắm, các nguyên lão bảo thủ vẫn giữ nguyên, do đó các nhà trí thức Đài Loan trông đợi nhiều vào kỳ họp lần này đâm ra thất vọng.

Trung ương 3 bế mạc không lâu, Tưởng Kinh Quốc đưa ra một danh sách "nhóm Đổi mới" gồm 12 Ủy viên Thường vụ, do Nghiêm Gia Kiềm làm người triệu tập. Đó là Tạ Đông Mân, Lý Đăng Huy, Cốc Chính Cương, Hoàng Triệu Cốc, Du Quốc Hoa, Nghê Văn Á, Viên Thủ Khiêm, Thẩm Xương Hoán, Lý Hoán, Ngô Bá Hùng, Khâu Sáng Hoán. Chức năng của nhóm này, có người cho là giống như Tổ xử lý khủng hoảng của Văn phòng Lưu Thiếu Khang. Cũng có người cho rằng đó là phòng Tổ chức nghiên cứu trước các khả năng có thể xảy ra khi triển khai đổi mới chính trị, lại có người cho rằng đó là mầm mống của tập thể lãnh đạo sau này.

Tháng 4, sức khỏe của Tưởng Kinh Quốc lại có vấn đề, phải tiến hành mổ một lần nữa. Lúc này Tưởng Kinh Quốc đã nghĩ đến Quốc dân đảng cần chủ động giải quyết vấn đề giới nghiêm và cấm Đảng.

Ngày 3 tháng 5, một máy bay vận tải Boeing 747 của Công ty Hàng không Trung Hoa của Đài Loan, trong hành trình từ Thái Lan đi Hồng Kông, đột nhiên chuyển hướng hạ cánh xuống sân bay Bạch Vân ở Quảng Châu. Cơ trưởng Vương Tích Tước nói trở về Đại Lục là nguyện vọng lâu năm của ông, vì quá nhớ quê hương, đồng bào và người thân, ông mong được định cư ở Đại Lục để phụng dưỡng cha già. Cơ phó Đông Quan Hưng và thợ máy Khâu Minh Chi lại muốn trở về Đài Loan.

Tin truyền đến Đài Bắc, Tưởng Kinh Quốc lập tức cử tổ chuyên án ba người là Thẩm Xương Hoán, Uông Đạo Uyên, Vương Chương Thanh, không ra mặt đại diện Chính phủ, thông qua người môi giới bỏ ra 2,4 tỷ Đài tệ xin đưa hai máy bay và hai thành viên của đội bay trở về Đài Loan, đồng thời quy định không dấu giếm, không tô vẽ, công bố sự thật cho dân chúng Đài Loan biết.

Ngày 5 tháng 5, Tạ Ngọc Hiền thay mặt một nhóm "Ủy viên Lập pháp" chất vấn khẩn cấp "Viện Hành chính", yêu cầu xử lý và quan hệ với Đại Lục với thái độ mềm dẻo, nhất là xuất phát từ

nhu cầu tối thiểu của chủ nghĩa nhân đạo, cho phép người gốc Đại Lục được về thăm nhà để hợp với đạo lý. Những điều này gây phản ứng mạnh trong xã hội Đài Loan, nhất là các lính già từ Đại Lục ra, nay đã về hưu họ rất khen ngợi. Vương Tích Tước dám "bay về nhà". Bà con nước mắt dàn dụa đến các ngành hữu quan thỉnh nguyện, hy vọng nhanh chóng mở cửa hai bờ để bà con thăm hỏi lẫn nhau, nếu không sẽ có Vương Tích Tước thứ hai, thứ ba…

Đảng cộng sản và Chính phủ Trung Quốc có thái độ rất sáng suốt trong vụ này. Sau mấy giờ máy bay hạ cánh, cục Hàng không dân dụng Trung Quốc đã điện báo cho Công ty Hàng không Trung Hoa Đài Loan, mời họ cử ngay người sang Bắc Kinh đàm phán về việc trả lại hàng hóa, máy bay và hai thành viên của đội bay. Các bộ phận hữu quan đã tiến hành duy tu máy bay, hàng hóa được bảo quản cẩn thận, Đổng Quang Hưng và Khâu Minh Chí được tiếp đón chu đáo.

Nhưng chính quyền Đài Loan, sau mười ngày vẫn một mực giữ phương châm ba không: "Không tiếp xúc, không đàm phán, không thỏa hiệp", từ chối không cử đại diện chính quyền đàm phán với Đại Lục. Trước sau vẫn khăng khăng đòi hỏi Công ty Hàng không Tư doanh Quốc Thái hoặc Hội Chữ thập đỏ quốc tế, hoặc Công ty Bảo hiểm Hàng không nước Anh đứng ra giải quyết. Nhưng Hàng không Dân dụng Trung Quốc đòi "vấn đề người Trung Quốc do người Trung Quốc tự giải quyết, không cần môi giới". Do đó vấn đề bế tắc.

Ngày 11 tháng 5, Cục Hàng không Dân dụng Trung Quốc lại một lần nữa điện cho Công ty Hàng không Trung Hoa nêu rõ lần đàm phán này chỉ có tính chất thương mại, không dính líu gì đến vấn đề chính trị. Nếu Hàng không Trung Hoa thấy đến Bắc Kinh không tiện, có thể chọn địa điểm khác, chỉ cần không thông qua môi giới.

Ngày 12, "nhóm Đổi mới" gồm 12 vị Thường vụ họp thảo luận sự kiện máy bay này. Tưởng Kinh Quốc tham dự và quyết định: chi nhánh Công ty Hàng không Trung Hoa tại Hồng Kông cử người đàm phán với người của Cục Hàng không dân dụng Trung Quốc tại Vịnh Nước Sâu Hồng Kông, trong một câu lạc bộ nông thôn. Qua bốn lần thảo luận, đến ngày 20 tháng 5 lập xong văn bản, hai bên ký biên bản và các phụ lục nói rõ trình tự giao nhận và các việc có liên quan. Không khí đàm phán rất hòa bình, cuối cùng kết thúc trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt.

Ngày 23 tháng 5, hai bên hoàn thành thủ tục bàn giao, chiều ngày hôm đó Đổng Quang Hưng và Khâu Minh Chí về đến Đài Loan.

Lần đàm phán này là lần tiếp xúc chính thức đầu tiên sau 37 năm giữa Quốc – Cộng, chứng tỏ dinh lũy "Ba không" của Đài Loan đã bị đánh thủng. "Hai bên ngồi nói chuyện", bản thân nó là một tiến bộ cực kỳ to lớn, lại còn có nội dung cụ thể, rõ ràng.

Dư luận Hồng Kông đối với vụ này cho rằng: "Cuộc nói chuyện có tính chất lịch sử làm rung động toàn thế giới". "37 năm ngăn cách, một chuyến bay phá vỡ hàng rào, hai bên cùng nhường bước, vực trời bỗng thành đường mở". "Rõ ràng là một đột phá trọng đại" "Sẽ có ảnh hưởng lâu dài". "Đánh dấu một trang sử mới của hai bờ eo biển".

Ngày 30 tháng 5, Trung ương Quốc dân đảng phát ra một văn kiện nội bộ, gọi lần đàm phán này "đơn thuần là một biện pháp cứu nạn, cũng chỉ là một vụ riêng lẻ, không có bất cứ một hàm ý nào… Chính sách không tiếp xúc, không đàm phán, không thỏa hiệp, trước kia như vậy, từ nay về sau cũng không thay đổi".

Văn kiện này có thể thấy chính sách của Tưởng Kinh Quốc vận dụng vừa căng vừa chùng trong quan hệ với Đại Lục, cũng có thể nói là một biện pháp xoa dịu phe Bảo thủ trong Đảng. Trên thực tế, như Trung báo của Hồng Kông phân tích: nếu Quốc dân đảng kiên quyết không nói chuyện. Trung Cộng cũng sẽ chủ động trả lại máy bay và người. Vì vậy không có gì là cứu vãn ở đây cả. Tưởng Kinh Quốc cũng thừa biết Trung Cộng sẽ trả lại người và máy bay, nhưng vẫn quyết định đàm phán, là do 3 lý do sau đây: (1) Hành động của Vương Tích Tước đã làm dao động "Tâm phòng" của Đài Loan. Nếu để cho Trung Cộng chủ động trả lại người và máy bay, dân chúng Đài Loan sẽ càng có cảm tình vời Đảng cộng sản, càng ác cảm với Quốc dân đảng;

(2) Vấn đề "Tam thông" sớm muộn thế nào cũng phải giải quyết, nhất là sau khi Hồng Kông trở về với Trung Quốc. Máy bay Đài Loan sẽ bay tiếp từ Hông Kông, tất nhiên là sẽ phải gặp Cục Hàng không dân dụng Trung Quốc, chi bằng nhân dịp này, đột phá luôn; (3) Đàm phán có thể sẽ theo điều kiện thuận lợi giải quyết vấn đề đấu tranh quyền lực trong Đảng và vấn đề đánh giá lịch sử đối với cá nhân Tưởng Kinh Quốc.

Tóm lại, Tưởng Kinh Quốc đồng ý đàm phán vụ hàng không, không phải là ứng phó trước mắt, mà nghĩ đến khả năng chính trị lâu dài. Hành động này cũng làm dịu đi sự căng thẳng ngăn hai bờ eo biển, làm tăng không khí hòa bình giải quyết vấn đề thống nhất và thể hiện rõ thêm khả năng Tưởng Kinh Quốc sẽ dùng "biện pháp mềm mỏng" trong quan hệ với Đại Lục.

"Hội Công chính" Ngoài Đảng, tiền thân là Hội vận động bầu cử thành lập năm 1983. Hội này thành lập nhằm vận động bầu cử, nhưng ít thành tích, họ vận động cho 22 vị, chỉ trúng tuyển có sáu vào "Viện Lập pháp". "Ba kiếm khách" nổi tiếng là Khang Ninh Tường, Trương Đức Danh, Hoàng Hoàng Hùng đều trượt. Thất bại lần này nhiều nhân sĩ Ngoài Đảng thấy rằng tạm thời tập hợp hội lại chẳng ích gì, chẳng thà lập một ban thường trực phù hợp với nhu cầu động viên chính trị cho lực lượng phe đối lập Ngoài Đảng hơn. Nên ngày 11 tháng 5 năm 1984 đã thành lập "Hội nghiên cứu chính sách công cộng Ngoài Đảng", tức "Hội Công chính".

Tháng 11 năm 1984, "Bộ trưởng nội chính" Đài Loan Ngô Bá Hùng cho "Hội Công chính" là một tổ chức phi pháp phải giải tán. "Hội Công chính" không thèm để ý đến. Tiếp theo Quốc dân đảng gặp khó khăn trong vụ Giang Nam và Thập Tín, không sức đâu đối phó với "Hội Công chính", nên tổ chức thường trực Ngoài Đảng này tiếp tục tồn tại.

Sau khi vụ Giang Nam và Thập Tín yên ổn, Tưởng Kinh Quốc quyết định tăng cường tiến trình dân chủ hóa. Tháng 8 năm 1985, lần đầu tiên tỏ ý nhà họ Tưởng không nghĩ đến chuyện kế nhiệm "Tổng thống". Tháng 11 bầu cử Trung ương Quốc dân đảng phá lệ, cho phép ứng cử viên Ngoài Đảng do "Hội Công chính" lên danh sách công bố tuyển cử. Điều này ngầm công nhận tính hợp pháp của "Hội Công chính".

Đến tháng 12, "Hội Công chính" triệu tập Đại hội các hội viên, quyết định dấn thêm một bước là thành lập các phân hội ở địa phương. Nhân dịp này Quốc dân đảng cũng chuyển sang cứng rắn, không những cấm thành lập phân hội mà còn nhắc lại "Hội Công chính" phải đăng ký với "Bộ Nội chính" theo "Luật tổ chức đoàn thể nhân dân" và hủy bỏ yêu cầu vận động ngoài đường của Ngoài Đảng.

Ngày 20 tháng 2 năm 1985, Hội trưởng "Hội Công chính" là Vưu Thanh đến "Phủ Tổng thống" xin gặp Tưởng Kinh Quốc nhưng không được vào. Ngày 24, "Hội Công chính" thăm dò ý kiến các nơi, để hội viên đóng góp về phương thức hành động. Tờ Trung báo ở Hồng Kông nhân đó bình luận: "Hội Công chính không dám thành lập phân hội, thay bằng thăm dò ý kiến, chứng tỏ họ không đủ sức hô hào hội viên hoặc không tin vào việc hô hào hội viên, còn hội viên của họ phần đông chỉ là đục nước béo cò, gió chiều nào che chiều ấy mà thôi".

Ngày 25 tháng 2, Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos, dưới sức ép của phong trào dân chủ đã phải đáp máy bay Mỹ trốn chạy đến Hawaii. Sự kiện này khiến các nhân sĩ ở Đài Loan lại được động viên tinh thần. "Hội Công chính" lại triệu tập hội nghị khẩn cấp, quyết định vẫn thành lập phân hội như cũ.

Ngày 26 tháng 2, Quốc dân đảng cũng triệu tập Hội nghị lãnh đạo cao cấp, thảo luận tình tình Philippines ảnh hưởng đến Đài Loan. Đại biểu hệ thống đặc vụ quân đội lấy bài học Philippines ra đe dọa, chủ trương kiên quyết không cho người Ngoài Đảng mở rộng, quyết không cho phép "Hội Công chính" mở các phân hội. Khi cần thiết ngay "Hội Công chính" cũng phải thủ tiêu. Phái Khai minh cũng lấy bài học Philippines, cho rằng "tiễn lễ hậu binh", nếu khuyến cáo không xong hãy dùng biện pháp khác.

Trung tuần tháng 4, hai bên cương nhau đến mức sẵn sàng cung kiếm. Ngày 18 tháng 4, ban

lãnh đạo "Hội Công chính" thông qua đơn của hai phân hội thành phố Đài Bắc và năm phân hội các huyện Đài Bắc, Đào Viên, Đài Trung. Phân hội của thành phố Cao Hùng cũng định đến ngày 1 tháng 6 sẽ thành lập. Hội trưởng "Hội Công chính" Vưu Thanh tuyên bố: "Hội Công chính lập các phân hội là bước chuẩn bị để lập Đảng, nếu Quốc dân đảng cản trở, sẽ đẩy nhanh ngày thành lập Đảng". Quốc dân đảng nhắc lại lập trường kiên quyết cấm lập phân hội và lộ rõ rằng, nếu "Hội Công chính" vẫn lập phân hội sẽ định ngày giải tán, nếu đến hạn không giải tán các bên hữu quan sẽ ra tay. Đối tượng sẽ là "Tổng Hội Công chính".

Trước tình hình nghiêm trọng đó, tháng 5 Tưởng Kinh Quốc đến gặp Đào Bách Xuyên hội đàm với ông hơn một tiếng đồng hồ, hy vọng ông sẽ dẫn dắt các nhân sĩ Ngoài Đảng và ngầm tỏ ý Quốc dân đảng vẫn để dành chỗ thỏa hiệp. Do vậy Đào Bách Xuyên được sự đồng ý của phái tự do gồm các giáo sư Hồ Phật, Dương Quốc Khu, Lý Hồng Hỷ, "bốn vị quân tử" đứng ra làm trung gian tổ chức "bữa cơm thân mật", mời các đại biểu của Quốc dân đảng và nhân sĩ Ngoài Đảng tới dự. Ngày 7 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc nêu ra ở Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng: cần phải bắt tay với nhân sĩ các giới, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau cùng dẫn dắt xã hội yên ổn, khai phá con đường sáng. Bài nói này do phía nhà nước tuyên bố, có nghĩa là chứng tỏ với toàn xã hội thiện ý "bắt tay" của Quốc dân đảng, cũng khiến cho nhóm bốn vị của Đào Bách Xuyên ăn nói càng thêm sức thuyết phục.

Ngày 10 tháng 5, Hội nghị "bắt tay" hòa hảo với các giới ở Đài Loan được tổ chức ở khách sạn Lai Lai ở thành phố Đài Bắc. Phía Quốc dân đảng có Phó Bí thư Ban chính sách Trung ương Lương Túc Nhung, Tiêu Thiên Tán và Hoàng Quang Bình. Ngoài Đảng có bảy người là Vưu Thanh, Tạ Trường Đình, Khang Ninh Tường, Phí Huy Bình, Trương Tuấn Hùng, Giang Bằng Kiếm, Do Tích Thôn, ngoài ra còn có mời Hoàng Thiện Phúc nhưng không tới.

Trong hội đàm, phía Quốc dân đảng thừa nhận việc thành lập "Hội Công chính" và các phân hội, nhưng yêu cầu đăng ký với "Bộ Nội chính" và xin bỏ hai chữ Ngoài Đảng đi. Phía Ngoài Đảng vẫn kiên trì cho rằng "Hội Công chính" là tổ chức chính trị không thể đưa ra đề nghị đăng ký. Nếu phải đăng ký đề nghị Quốc dân đảng đăng ký trước, còn việc bỏ hai chữ Ngoài Đảng, đó là thuộc nội bộ đoàn thể, Quốc dân đảng không cần phải quan tâm. Chuyện "đăng ký" và "tên gọi" trở thành tiêu điểm bất đồng giữa hai bên.

Cuối cùng hai bên thỏa thuận 3 điểm: (1) Các nhân sĩ tham gia đều hiểu việc thi hành "Hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc", còn thúc đẩy Hiến pháp dân chủ như thế nào, cần tiếp tục thảo luận; (2) Các nhân sĩ tham gia đều đồng ý thành lập "Hội Công chính" và các phân hội, còn vấn đề "đăng ký" và "tên gọi" lưu lại thảo luận sau; (3) Các nhân sĩ tham gia đều nhất trí đồng ý trong thảo luận sẽ cùng cố gắng để hòa giải chính trị.

Trong ba điểm, đáng chú ý nhất là điểm 2, Quốc dân đảng đã phải thừa nhận Đảng đối lập. Phải hủy bỏ cấm Đảng đã tồn tại hơn 30 năm nay. Quốc dân đảng sẽ từ thế chính trị một Đảng lũng đoạn tiến tới đa nguyên cạnh tranh nhiều chính Đảng. Một số học giả gọi "bữa tiệc bắt tay 10-5" là "bữa tiệc lịch sử náo động trời đất" và là nguyên nhân của "bước ngoặt lịch sử".

Sau cái "bắt tay 10-5", phe Ngoài Đảng mượn gió bẻ măng, hoàn toàn không coi chuyện không "đăng ký"và "tên gọi" là chuyện bảo lưu, nghiễm nhiên coi như là Quốc dân đảng đã đồng ý cho thành lập "Hội Công chính" và các phân hội. Ngày 17 tháng 5, phân hội Đài Bắc do Khang Ninh Tường đứng ra tuyên bố chính thức thành lập, ngày 19 tháng 5, một bộ phận nhân sĩ Ngoài Đảng gồm Giang Bằng Kiên, Trần Thủy Biển, Vưu Thanh, Hứa Vinh Thục, Trịnh Nam Dung phát động "Hành động màu xanh" (Những người tham gia mang băng chéo màu xanh đề "Phản đối Luật Giới nghiêm, đòi nhân quyền") định tập hợp hàng nghìn người đến biểu tình trước "Phủ Tổng thống", chống lại Luật Giới nghiêm tồn tại 38 năm. Tin của cảnh sát Đài Loan đã phải huy động hơn 1.200 người bao vây nhóm Giang Bằng Kiên định tổ chức tuần hành ở địa điểm tập hợp, trong chùa Long Sơn, đòi họ bỏ tuần hành mới cho ra khỏi chùa. Gặp sự kháng cự, những người bị vây diễn thuyết trước quần chúng tụ tập ở quanh tường ngoài chùa mãi đến 10 giờ đêm mới kết thúc. Hai bên giằng co đến 12 tiếng đồng hồ, đó là thời gian Ngoài Đảng chống lại

chính quyền dài nhất từ trước đến nay.

Sự kiện lần này có một hiện tượng thú vị là Ngoài Đảng và cảnh sát đều có ý tránh đánh nhau. Ngoài Đảng gọi hành động lần này "không phải là tuần hành", mà là "tản bộ tự do của cá nhân" và kêu gọi mọi người "bị đánh không đánh trả, bị chửi không chửi lại". Bên cảnh sát thì huy động rất nhiều nữ cảnh sát đứng ở tuyến một, khiến cho đối phương kiêng nể không tiện đánh trước, nhờ đó giảm khả năng xung đột. Đây là "một thỏa thuận ngầm trong thế đối lập", Quốc dân đảng và thế lực Ngoài Đảng đều muốn dùng "lý" để tranh thủ quần chúng, đều sợ mang tiếng là người dùng bạo lực trước, sẽ mất lòng dân.

Sự kiện này chứng tỏ Ngoài Đảng dùng chiến lược "đánh lấn sân" đối với Quốc dân đảng, nghĩa là Quốc dân đảng nhường bước nào lại tiến lên bước ấy. Mỗi bước đều lấn quá phòng tuyến của Quốc dân đảng đã lùi, nhưng không vượt quá sâu, đề phòng quá khích với Quốc dân đảng. Cứ như vậy buộc phòng tuyến của Quốc dân đảng thu hẹp lại, chiếm dần các địa bàn chính trị như tằm ăn lá dâu. Vì mỗi lần đấu tranh đều không lấn quá xa, Quốc dân đảng nếu muốn phản kích, lại sợ mang tiếng chuyện bé xé to, sẽ không được dân chúng ủng hộ, kết quả vẫn phải nhún, khiến phe chống đối Ngoài Đảng thực hiện được ý đồ của mình.

Trước tình hình đó phe Bảo thủ trong Đảng rất bất mãn. Ngày 30 tháng 5, tòa án Đài Loan xử chung thẩm vụ án văn chương Bồng lai đảo. Trước xử phạt Trần Thủy Biển, Hoàng Thiên Phúc, Lý Dật Dương một năm tù, nay giảm xuống tám tháng, bồi thường nguyên cáo Bằng Lê Tường hai triệu Đài tệ mới. Ngày 2 tháng 6, "Tổng cảnh" bắt người chủ chốt của vụ "Hành động màu xanh" ngày 19 tháng 5 và là người sáng lập tờ Thời đại tự do Trịnh Nam Dung, đem xử ngày 23 tháng 2. Cũng thời kỳ này, nguyên lão Quốc dân đảng là Dương Ngôn đề nghị khai trừ ba người trong nhóm Lương Túc Nhung. Rồi có người tự xưng là "Hội xúc tiến hành động tự cứu của Đảng viên Quốc dân đảng trung trinh yêu nước", công khai phân phát "Thư gửi toàn thể các đồng chí Đảng viên về màn kịch xấu xa 'bắt tay' ngày 10 tháng 5, trong đó có câu "Cầu xin Tưởng Tổng tài – Trung Chính tiên sinh hiển linh phú cho người chủ sự Đảng ta có đủ trí tuệ, dũng khí, đảm lược và quyết tâm, đừng yếu ớt trước kẻ địch", công nhiên chĩa mũi nhọn vào Tưởng Kinh Quốc.

Sau khi xét xử nhóm Trần Thủy Biển, thượng tuần tháng 6, trong bữa "tiễn đưa họ vào tù" ở ngoài đường, người đông như hội. Họ vào ngục ngày 10 tháng 6, được mọi người tiễn đưa như dũng sĩ ra trận. Ngày 7 tháng 6, trước kia định tiếp tục "tiệc bắt tay" lần thứ ba, nay Ngoài Đảng đề nghị hoãn lại, hai bên lại đối lập nhau gay gắt.

Tưởng Kinh Quốc thấy rằng dùng sức mạnh trấn áp Ngoài Đảng không ăn thua gì, chuyện tiễn đưa nhóm Trần Thủy Biển vào tù chứng minh điều đó. Quốc dân đảng chỉ có thể gắng sức trên con đường dân chủ hóa, cùng tranh cờ dân chủ với thế lực chống đối Ngoài Đảng mới là thượng sách.

Vì vậy, sau "bắt tay 10-5", ngày 15 tháng 2 Tưởng Kinh Quốc chỉ thị "nhóm Đổi mới" 12 vị Thường vụ Trung ương nghiên cứu bốn vấn đề chính trị nhạy bén: (1) Kết thúc vấn đề Giới nghiêm; (2) Hủy bỏ vấn đề cấm Cảng; (3) Điều chỉnh "Bộ máy dân ý"; (4) Tự trị địa phương. Ngày 20 tháng 6, "nhóm Đổi mới" xác định sáu đề mục chính trị lớn, cứ hai vị nghiên cứu một vấn đề, hoạch định phương án đổi mới. Sáu đề mục đó là: (1) "Bộ máy Đại biểu Dân ý Trung ương"; (2) Tự trị địa phương; (3) Pháp lệnh an ninh "Quốc gia"; (4) Chế độ tổ chức xã hội dân gian (tức vấn đề lập Đảng và đoàn thể); (5) Tăng cường trị an xã hội; (6) Tăng cường công tác Đảng.

Trong sáu vấn đề lớn này, nhất là bốn vấn đề đầu, trước kia đều là khu vực cấm của Quốc dân đảng, cấm mọi người thảo luận, nay Quốc dân đảng chủ động đề xuất thúc đẩy giải quyết, chứng tỏ sự tiến bộ của Quốc dân đảng.

Sáu vấn đề lớn này, cũng là bước đột phá của thế lực chống đối Ngoài Đảng nay được Quốc dân đảng chủ động giải quyết, thực sự có sức sát thương không thể coi thường đối với thế lực

Ngoài Đảng.

Càng quan trọng hơn nữa là "nhóm Đổi mới" của 12 vị Thường vụ Trung ương làm việc với sáu vấn đề nghiên cứu như là một hệ thống quyết sách chế độ hóa. Khi Tưởng Kinh Quốc còn, hệ thống quyết sách này vẫn có tính chất Bộ máy của kẻ mạnh. Nhưng sau khi Tưởng Kinh Quốc mất, hệ thống này rất có thể diễn biến thuận lợi thành một mô hình tập thể lãnh đạo.

Ngày 18 tháng 6, Tưởng Kinh Quốc cho Tống Trường Chí thôi giữ chức "Bộ trưởng Bộ Quốc phòng", chuyển sang làm "Cố vấn quốc sách Phủ Tổng thống". Uông Đạo Uyên vốn là "Bí thư Hội đồng An ninh quốc gia", chuyển giữ chức "Bộ trưởng bộ Quốc phòng"; Tưởng Vỹ Quốc nguyên là "Chủ nhiệm huấn luyện liên quân" chuyển làm "Bí thư trưởng Hội đồng An ninh quốc gia".

Lần điều động nhân sự lần này có 3 ý nghĩa:

1. Tống Trường Chí từ "Bộ trưởng Quốc phòng" thành Cố vấn quốc sách khiến cho Thường vụ Trung ương chỉ còn một người là Tham mưu trưởng Hách Bá Thôn có binh quyền. Mà Hách không phải là thành viên trong "nhóm Đổi mới" 12 người, trong Thường vụ cũng chỉ xếp thứ 18, chứng tỏ liều lượng các tướng lĩnh quân đội trong hệ thống quyết sách đã giảm hẳn.

2. "Bộ trưởng Quốc phòng" mới Uông Đạo Uyên là một văn nhân, đã từng là giáo sư Học viện Luật Thương mại tỉnh Đài Loan. Từ năm 1965 khi Du Đại Duy thôi chức "Bộ trưởng bộ Quốc phòng" trong hơn 20 năm. "Bộ trưởng Quốc phòng" toàn là quân nhân, đến nay mới chuyển sang văn nhân. Điều này chứng tỏ Tưởng Kinh Quốc hy vọng đưa bên quân vào quỹ đạo chế độ hóa và lấy "văn nhân tiết chế quân nhân" để tránh khả năng sau khi ông mất lại xuất hiện "Chính phủ quân sự" thống trị.

3. Nhưng tính chất đặc biệt của bên quân đội từ trước đến nay dùng văn nhân để tiết chế liệu có dễ dàng không? Tưởng Kinh Quốc đã tính đến con bài Tưởng Quốc Vỹ, đưa ông em nghỉ chơi đã lâu giao cho trọng trách "Đại tướng quân vệ quốc" vào đúng thời điểm mấu chốt này.

Tưởng Vỹ Quốc có tiếng là vị tướng dân chủ, không có quan hệ gì với dòng chính thống là phái Hoàng phố, có điều đã lâu không cầm quân bản thân ông "không thể và không được" ra lập Chính phủ quân sự, điều này mọi người đều công nhận. Nhưng hoàn cảnh thân thế của Tưởng Vỹ Quốc cộng thêm thế lực có sẵn của ông trong quân đội, rất nhiều tướng lĩnh cao cấp là cấp dưới hoặc học trò của ông, để ông phát huy tác dụng của một bộ hãm, khiến kẻ dám làm việc mạo hiểm cũng phải kiêng nể, sẽ không khó lắm.

"Hội đồng an ninh quốc gia" của chính quyền Đài Loan được gọi là "Thái thượng nội các". Theo quyền năng của "Điều khoản lâm thời" nó có thể trở thành cơ cấu quyết sách tối cao. Nhưng bộ máy này sau khi thành lập, cha con Tưởng vẫn để dành chưa dùng. Quyết sách quan trọng vẫn thông qua Ban Thường vụ Trung ương hoặc "Viện Hành chính" đưa ra. Tưởng Quốc Vỹ được giao làm Bí thư trưởng "Hội đồng An ninh quốc gia", cũng là "để dành chưa dùng". Thời kỳ yên ổn, Tưởng Quốc Vỹ không phải là Ủy viên Thường vụ Trung ương, cũng không là "Ủy viên chính trị", không thể tham gia vào các quyết sách trọng đại, nên chức mới của ông không có nghĩa là Tưởng Kinh Quốc muốn "gia đình trị". Nhưng đột nhiên có biến động lớn, Tưởng Vỹ Quốc sẽ danh chính ngôn thuận với cương vị của mình, phát huy tác dụng một cách thuận lợi.

Tóm lại, điều động nhân sự lần này chứng tỏ Tưởng Kinh Quốc thành tâm thực hiện lời hứa của mình "không thể cũng không được" thống trị bằng quân sự. Các sự việc "đàm phán hàng không", bắt tay giữa trong Đảng và Ngoài Đảng, hợp pháp hóa "Hội Cống chính". "Nhóm Đổi mới" 12 vị Ủy viên Thường vụ Trung ương chủ động nghiên cứu thảo luận sáu đề mục chính trị lớn, có thể cho thấy Tưởng Kinh Quốc đã có quyết tâm lớn. "Bánh xe đổi mới" của Đài Loan đã bắt đầu chuyển động.

II. PHÁ THỦNG HÀNG LOẠT CÁC KHU CẤM CHÍNH TRỊ

Trước tình hình đổi mới của Tưởng Kinh Quốc ngày càng sáng rõ, Ngoài Đảng quyết định "lấn sân" một lần nữa và lấy thành lập Đảng làm phá khẩu.

Ngày 1 tháng 5 năm 1986, phần tử "Đài độc" nằm ở Mỹ là nhóm Hứa Tín Lương không chịu lặng yên, họ thành lập "Ủy ban xây dựng Đảng Dân chủ Đài Loan" tuyên bố sẽ hoàn thành vào tháng 8, đến cuối năm Hứa Tín Lương, Tạ Thông Mẫn, Lâm Thủy Tuyền sẽ dẫn Đảng về Đài Loan, đột phá vào cấm Đảng. Nếu trước đó thế lực chống đối Ngoài Đảng đã thành lập Đảng, "Đảng Dân chủ Đài Loan" sẽ tự động đổi tên thành một chi bộ hải ngoại của Đảng đối lập mới. Nhóm Hứa Tín Lương còn rêu rao "họ là tổ chức hiến thân cho phong trào dân chủ, chỉ làm cái điều mà Ngoài Đảng không dám làm". Họ "đưa Đảng về" là để "khắc phục trở ngại của thế lực Ngoài Đảng đứng ra thành lập Đảng… mở ra cánh cửa đầu tiên của nền chính trị dân chủ". Vì thế không ngại phải đương đầu với hải quan Đài Loan "dám xông vào địa ngục".

Hoạt động của nhóm Hứa Tín Lương lần này, ít nhiều có kích thích Ngoài Đảng. Ở thời điểm này, ai có thể khởi xướng Đảng đối lập đầu tiên ở Đài Loan, người đó sẽ có một vốn liếng chính trị dùng suốt đời không hết. Vì vậy, anh hùng các nơi Ngoài Đảng tranh nhau lên tiếng về vấn đề này. Trung tuần tháng 6, nhóm Khang Ninh Tường, Lâm Chính Kiệt đưa ra "kế hoạch năm năm" của phong trào dân chủ, tức là cuối năm 1986 thành lập Ủy ban trù bị Đảng mới, năm 1987 thành lập Đảng đối lập, năm 1988 hoàn toàn thực hiện "Hiến pháp", năm 1989 thực hiện bầu lại toàn bộ "Đại biểu Dân ý Trung ương", năm 1990 thực hiện dân trực tiếp bầu Tổng thống, năm 1991 sẽ đặt quan hệ mới với Đại Lục. Ngày 3 tháng 7, nhóm Vưu Thanh, Tạ Trường Đình bí mật lập "Nhóm Quy hoạch hoạt động thành lập Đảng", bắt đầu liên lạc với các phái Ngoài Đảng, thảo luận ý đồ thành lập Đảng. Ngày 9 tháng 8, nhóm Khang Ninh Tường dẫn đầu công khai cử hành tại Đài Bắc "Hội nghị thông báo xúc tiến lập Đảng", đem ý đồ lập Đảng của thế lực Ngoài Đảng công khai hóa. Ngày 15 tháng 8, các nhân sĩ chủ yếu Ngoài Đảng "Hội nghị thông qua thi hành Hiến pháp và lập Đảng và lập Đảng" tại trường tiểu học Trung Sơn, mời cả Ban Liên hiệp sự vụ quốc tế của Đảng Dân chủ Mỹ đến dự để diễn thuyết trợ lực. Ngày 25 tháng 8, Tạp chí Thời đại công khai trưng cầu ý kiến về vấn để lập Đảng. Tạ Trường Đình đề xuất lấy tên Đảng là "Đảng Dân chủ Tiến bộ". Ngày 30 tháng 8, tòa báo Trào lưu mới của phe cấp tiến Ngoài Đảng cũng họp hội nghị thông báo lập Đảng. Thế là "phong trào lập Đảng" khua chiêng gõ trống công khai tiến hành, các nhân sĩ tham gia đều biểu thị quyết tâm sống chết. Khang Ninh Tường nói: Tôi không sợ bị bắt, tôi đã thu xếp việc nhà xong rồi. Vưu Thanh hiên ngang hô lớn: "Đừng sợ, đừng sợ, Tôi sẽ đến trước Đảo Xanh, vì Đảng, bị bắt cũng cam lòng."

Tháng này, Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ đến Đài Loan nói thẳng với Tưởng Kinh Quốc và Lý Đăng Huy, yêu cầu cho thành lập Đảng đối lập và mong chính quyền Đài Loan xem xét kỹ, hủy bỏ Luật Giới nghiêm càng sớm càng tốt. Tưởng Kinh Quốc trả lời: "Hai vấn đề này ông sẽ giao cho các cơ quan cao cấp nghiên cứu, ông tin rằng ít lâu nữa sẽ có kết luận, nhưng không thể theo tiêu chuẩn Mỹ."

Đứng trước tình hình Ngoài Đảng đòi lập Đảng mạnh mẽ như vậy, phe Bảo thủ Quốc dân đảng vội phản kích. Ngày 3 tháng 9, Tòa án địa phương Đài Bắc xử kiện tướng Ngoài Đảng, người đề xuất kế hoạch năm năm phong trào dân chủ Lâm Chính Kiệt một năm sáu tháng tù và tước quyền công dân ba năm. Vì Lâm Chính Kiệt bỏ quyền khiếu nại tòa án cấp trên, nên bản án được thi hành.

Khi tuyên án, Lâm Chính Kiệt đã phát biểu tại tòa, biểu thị kháng nghị sau đó kéo ra một biểu ngữ viết "Pháp luật chết rồi" và ra đường phố, đi thẳng đến "Phủ Tổng thống", vứt ở cửa một cái chuông "báo tử" tượng trưng.

Ngày 4 tháng 9, Lâm Chính Kiệt được mấy chục nhân sĩ Ngoài Đảng nhóm Khang Ninh Tường hộ tống xuống đường cử hành lễ "cáo biệt các công dân". Tối hôm đó, các giáo sư phái tự do như Hồ Phật, Lý Hồng Hỷ, Dương Quốc Khu, Trương Trung Đông và nhiều cử tri đến nhà Lâm Chính Kiệt thăm hỏi.

Sau đó mấy ngày, Lâm Chính Kiệt liên tục "cáo biệt". Đỉnh điểm là ngày 9, gần ba nghìn người đến diễu hành ủng hộ Lâm Chính Kiệt. Cảnh sát Đài Loan phải huy động hàng loạt xe trấn áp và cảnh sát vây chặn, hai bên xảy ra giằng co, xung đột nhỏ.

Ngày 19 tháng 9, nhóm Khang Ninh Tường, Vưu Thanh, Phí Hy Bình, Tạ Trường Bình, Giang Bằng Kiên, Trương Tuấn Hùng, Du Tích Khôn, mời nhân sĩ các phái họp thảo luận kế hoạch lập Đảng, bầu ngay tại cuộc họp nhóm trù bị gồm Vưu Thanh, Giang Bằng Kiên, Tạ Trường Đình, Khâu Nghĩa Nhân, nghiên cứu thêm tên đảng, cương lĩnh và điều lệ.

Ngày 22 tháng 9, 24 nhân sỹ nổi tiếng Ngoài Đảng toàn Đài Loan được coi là đại biểu các phái, lại họp nhau một lần nữa công việc lập đảng.

Ngày 27 tháng 9, Lâm Chính Kiệt cạo trọc đầu, có mấy trăm nhân sỹ Ngoài Đảng hộ tống đi bộ vào nhà tù. Họ trương biểu ngữ "Vui tiễn Lâm Chính Kiệt vào tù để thử thách". Khua chiêng, gõ trống, đốt pháo, trước có cảnh sát dẹp đường, "hưởng thụ đặc quyền đèn xanh trên toàn tuyến", sau có hơn mười chiếc xe thuê của thế lực Ngoài Đảng hộ tống rầm rộ "vui tiễn" Lâm Chính Kiệt vào tù.

Cũng ngày hôm đó, các nhân vật đầu não của Ngoài Đảng họp tọa đàm, quyết định ngày hôm sau sẽ họp bầu Ban trù bị lập Đảng và cử 16 người như Khang Ninh Tường, Vưu Thanh… làm người khởi xướng.

Ngày 28 tháng 9, hơn 130 nhân vật quan trọng Ngoài Đảng họp ở khách sạn Viễn Sơn, thành phố Đài Bắc, Vưu Thanh đọc đề án lập Đảng của Ban trù bị, được mọi người dự họp nhất trí tán thành, tiếp theo là ký tên, mọi người dự họp đều được coi là người khởi xướng. Buổi chiều, tiếp tục họp thảo luận về tên Đảng, Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng mới. Sau một hồi tranh luận sôi nổi, cuối cùng đồng ý tên do Tạ Trường Đình đề xuất gọi là "Đảng Dân chủ Tiến bộ", phủ quyết tên "Đảng Dân chủ Đài Loan" do một số người khác đề ra. Trong quá trình thảo luận, Chu Cao Chính là người mới gia nhập phe Ngoài Đảng đề nghị ngày hôm đó tuyên bố Đảng thành lập, lấy chính kiến chung của các ứng cử viên sửa chữa đôi chút làm tuyên ngôn của Đảng mới, lấy 12 chủ trương của các nhân sĩ Ngoài Đảng làm cương lĩnh, không cần phải qua giai đoạn trù bị nữa. Ý kiến này được nhóm Vưu Thanh nhiệt liệt ủng hộ, những người khác nhanh chóng hưởng ứng, do đó mọi người đứng dậy vỗ tay tuyên bố thành lập Đảng Dân chủ Tiến bộ và bầu tám người làm nhóm Ủy viên công tác Đảng gồm Phí Huy Bình, Vưu Thanh, Tạ Trường Đình, Nhan Cẩm Phúc, Du Tích Khôn, Phó Chính, Hoàng Nhị Toàn, Hồng Kỳ Xương.

Tin thành lập Đảng mới lập tức được công bố ra ngoài.

Ngày hôm sau, Khang Ninh Tường, Giang Bằng Kiên cũng tham gia nhóm công tác Đảng. Chiều hôm đó, nhóm này họp tại nhà Phí Huy Bình quyết định thành lập ba tổ Phát ngôn, Liên Lạc và Điều phối do Vưu Thanh, Nhan Cẩm Phúc và Phí Huy Bình làm người triệu tập. Ngày 30 tháng 9, nhóm này họp lần thứ hai, quyết định lấy danh nghĩa Đảng để hoạt động đối ngoại, đồng thời chia làm sáu tổ công tác gồm chính sách, tổ chức, điều phối, tuyên truyền, hành chính và tài vụ, tiếp nhận thêm Hứa Vĩnh Thục và Trương Tuấn Hùng vào làm Ủy viên công tác Đảng, tổng cộng 12 người. Đến trung tuần tháng 10, Ủy viên công tác tăng lên 18 người.

Vì Đảng Dân chủ Tiến bộ bỏ qua giai đoạn trù bị, những người khởi xướng trù bị cũng không ngờ ngay tối hôm đó Đảng mới ra đời, Quốc dân đảng tất nhiên càng bất ngờ, vì thế sau khi tuyên bố Đảng mới thành lập, Quốc dân đảng không phản ứng kịp. Một mặt Bộ trưởng Tư pháp Thi Khởi Dương lên tiếng ngày 30 tháng 9 nói: Lúc này Đài Loan không nên tổ chức Đảng mới, ai vi phạm sẽ xử theo pháp luật. Mặt khác thông qua môi giới bắn tin là Quốc dân đảng sắp bỏ Luật Giới nghiêm và sửa lại Luật Đoàn thể chính trị "thành lập theo con đường hợp pháp".

Tóm lại, Quốc dân đảng có thái độ nhẫn nhịn đối với việc lập Đảng, đây chính là ý của Tưởng Kinh Quốc. Nhưng phe đặc vụ và nguyên lão đều cảm thấy phẫn uất, cho rằng Ngoài Đảng được đằng chân lân đằng đầu không thể chịu đựng được nữa, cần phải chặn ngay lại. Tưởng Kinh

Quốc thấy tình hình nghiêm trọng, liên tiếp các ngày 29, 30 tháng 9 và 1 tháng 10 họp đầu não Đảng, Chính, Tình báo và Quân sự, đích thân cảnh báo họ không được manh động, tránh dẫn đến rối loạn chính trị và ảnh hưởng đến việc lớn.

Ngày 7 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc tiếp phu nhân giám đốc Công ty Bưu điện Washington, nói rõ rằng sẽ lấy Luật An ninh quốc gia thay cho Luật Giới nghiêm. Luật An ninh quốc gia rộng rãi hơn Luật Giới nghiêm nhiều. Đồng thời Tưởng Kinh Quốc đề ra rằng Đảng Dân chủ Tiến bộ nếu phù hợp ba điều kiện: Thừa nhận "Hiến pháp", chống Cộng, không có hoạt động chia rẽ như phong trào Đài độc, Quốc dân đảng sẽ cho phép thành lập.

Ngày 8 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc có bài nói quan trọng ở Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng. Ông cảnh cáo phái Bảo thủ: "Chúng ta muốn vượt qua khó khăn, tạo ra cục thế mới, cần phải kiểm điểm và nghiên cứu cả về quan niệm lẫn cách làm. Mọi khiêu khích bên ngoài đều không đáng sợ, quan trọng nhất là nội bộ chúng ta đoàn kết hoặc giả có người cho rằng Chính phủ đã mềm yếu trong việc xử lý một vài việc, nhưng để đạt được mục tiêu lớn hơn cho 'Đất nước', chúng ta không nên vội vàng mà làm hỏng việc lớn, chúng ta không được xông bừa, hành động theo tức khí, vì xông bừa và tức khí dễ khiến chúng ta mất lý trí và thất bại… Nhỏ không nhịn, tất hỏng việc lớn, không thể không thận trọng."

Ngày 10 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc nói chuyện với các giới nhân dịp mừng ngày lễ "Song thập". Đến cuối bài nói, ông bỗng kích động, cao giọng nói: "Chúng ta cần bất khuất dũng cảm tiến lên, chúng ta có niềm tin đó, cũng có quyết tâm đó, nhất định sẽ giành thắng lợi cuối cùng, như vậy chúng ta mới có thể trả giá được đối với lịch sử, với 'Đất nước', với hơn một tỷ đồng bào, với toàn thể Hoa kiều, chúng ta tin chắc chúng ta sẽ đền đáp được."

Năm ngày sau tức ngày 15 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc làm cái việc đền đáp đó. Ngày hôm đó, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng họp, Tưởng Kinh Quốc chủ trì, nhất trí thông qua hai nghị án đổi mới do "nhóm Đổi mới" 12 người đề xuất, về nguyên tắc quyết định bỏ Lệnh giới nghiêm ở khu vực Đài Loan và Bành Hồ, dưới thể chế Hiến pháp, định ra Luật An ninh quốc gia động viên trong thời chiến, để bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở Đài Loan. Đồng thời hủy bỏ Cấm Đảng, sửa đổi Luật Tổ chức đoàn thể nhân dân trong thời kỳ không bình thường và Luật Bãi miễn tuyển cử, để làm khuôn mẫu cho các hoạt động của các đoàn thể chính trị và các đoàn thể dân chúng và để các ứng cử viên của các đoàn thể chính trị có địa vị hợp pháp, cạnh tranh chính trị một cách bình đẳng trên các lập trường chính trị khác nhau.

Theo các báo ở Đài Loan và Hồng Kông tiết lộ, khi 12 người nghiên cứu hai phương án đổi mới đó, có người không được tích cực, khiến cho tiến độ chậm lại. Tưởng Kinh Quốc nhiều lần đích thân thúc giục và chỉ thị "Phương án đổi mới nên theo hướng bỏ Lệnh giới nghiêm và cho phép Đảng mới thành lập". "Vấn đề giới nghiêm nên đưa thành ưu tiên hàng đầu". Nhờ đó công việc mới được nhanh chóng. Trong quá trình nghiên cứu, nội bộ Quốc dân đảng có nhiều lo lắng, tiếng nói chống đối không phải ít, trên thì có các nguyên lão đem lời của Tưởng Giới Thạch ra răn dạy Tưởng Kinh Quốc, dưới thì có các phần tử trung kiên viết huyết thư, tổ chức tuần hành thị uy yêu cầu chính quyền "không được chiều chuộng kẻ địch". Ngày 13 tháng 10, Trung ương Quốc dân đảng mời Chủ tịch đoàn Ủy ban Bình nghị Trung ương họp, trưng cầu ý kiến của các nguyên lão về hai đề án Đổi mới. Kết quả chỉ có Trương Bảo Thụ và Dư Tuấn Hiền đến dự. Ngày 15 tháng 10, trước ngày Thường vụ Trung ương họp chính thức, còn có rất nhiều người bàn bạc về chuyện xử lý đối với "Đảng Dân chủ Tiến bộ", đợi Tưởng Kinh Quốc sẽ trịnh trọng và nghiêm túc "đề nghị", sau đó mới "nhất trí thông qua" hai đề án đổi mới đó. Trung Quốc thời báo nhân đó chỉ rằng: "Phương án đổi mới được thông qua chủ yếu do Tưởng Kinh Quốc 'khổ tâm khuyên bảo', 'thành tâm cảm hóa' và quyết tâm kiên trì thúc đẩy thực hiện Hiến pháp dân chủ, cuối cùng vượt trở ngại, xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau và nhanh chóng đi đến quyết định, thật là không dễ gì thành công".

Sau khi thông qua hai Phương án đổi mới, Tưởng Kinh Quốc nói chuyện tại cuộc họp. Ông nói: "Thời đại đang biến đổi, hoàn cảnh đang biến đổi, vì để thích ứng với những biến đổi đó, Đảng

cầm quyền cần phải có quan điểm mới, cách làm mới, trên cơ sở của thể chế Hiến pháp dân chủ, đẩy mạnh các biện pháp đổi mới, chỉ có như vậy mới có thể kết hợp được với trào lưu của thời đại, mới có thể đi cùng dân chúng mãi mãi."

Đối với hai quyết định đổi mới của Quốc dân đảng, Chính phủ Mỹ nhanh chóng biểu thị sự hoan nghênh. Báo chí ở Đài Loan, Hồng Kông cũng đều tán dương, họ gọi là "quyết định có tính đột biến mở ra một thời đại mới", "bước nhảy vọt của Hiến pháp dân chủ", "Sáng tạo kỷ nguyên mới của Hiến pháp dân chủ". Đảng viên Quốc dân đảng tuy vẫn ôm mối nghi ngờ "thay thang không thay thuốc", nhưng vẫn biểu thị sự "lạc quan thận trọng" đối với bước tiến chính trị của Quốc dân đảng.

Ngày 25 tháng 10, Tống Mỹ Linh sang Mỹ đã mười năm trở về Đài Loan. Tin của chính quyền công bố, bà trở về để dự lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Tưởng Giới Thạch. Các báo chí của dân chúng phân tích, Tống Mỹ Linh về Đài Loan nhằm hai mục đích: (1) Sức khỏe của Tưởng Kinh Quốc đã đến bước "chưa biết ra đi lúc nào", là đại gia trưởng của họ Tưởng, bà phải về để kịp thời ứng phó khi có biến; (2) Đối với cuộc đổi mới "Hiến pháp" của Tưởng Kinh Quốc trong giai đoạn cuối của cuộc đời, Tống Mỹ Linh người từng trải bao năm gió Âu mưa Mỹ, cảm thấy vui mừng và hiểu rằng đây là cơ hội cuối cùng dòng họ Tưởng tăng thêm sắc màu, bà nguyện giúp "cưng" của bà một tay, về Đài Loan để khuyên các nguyên lão ủng hộ đổi mới.

Ngày 10 tháng 11, Đảng Dân chủ Tiến bộ triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất, thông qua Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, bầu ra được 31 vị Ủy viên chấp hành Trung ương, rồi lại từ đó bầu ra 11 vị Thường vụ Trung ương là Phí Hy Bình, Khang Ninh Tường, Giang Bằng Kiên… và 11 vị Bình nghị Trung ương trong đó Trần Cúc, Khâu Nghĩa Nhân, Vương Nghĩa Hùng… năm người là Ủy viên Bình nghị Thường vụ Trung ương. Cuối cùng 31 vị bỏ phiếu bầu Chủ tịch Đảng. Giang Bằng Kiên hơn một phiếu so với Phí Hy Bình được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của Đảng này.

Trước đó, Quốc dân đảng đã thông qua các học giả phái tự do sang thăm hỏi Đảng Dân chủ Tiến bộ, hy vọng hoãn Đại hội lần thứ nhất, đợi pháp lệnh hữu quan ban bố xong hãy tiến hành một cách hợp pháp. Nhưng Đảng này không chịu để cho Quốc dân đảng sắp xếp và nghĩ đến lợi ích của tuyển cử cuối năm, nên vẫn triệu tập Đại hội. Cương lĩnh thông qua trong Đại hội lần này vẫn chưa đạt ba điều kiện Quốc dân đảng đề ra là: "Tôn trọng Hiến pháp, chống Cộng, chống Đài độc". Chủ trương chính trị của họ đối với "tôn trọng Hiến pháp" vẫn chưa rõ ràng, họ hoàn toàn phản đối thể chế "Điều khoản lâm thời" mà Quốc dân đảng coi là một phần của "Hiến pháp". Về mặt quan hệ Đại Lục, cương lĩnh của Đảng này phản đối chuyên chính một Đảng của Trung Cộng, mặt khác lại chủ trương cạnh tranh hòa bình với Trung Cộng, chấm dứt đối kháng ở vùng biển Đài Loan. Về vấn đề "Đài độc", cương lĩnh của Đảng này nêu rõ: "Tiền đô-la của Đài Loan do 19 triệu dân cư Đài Loan quyết định" và đưa mục quan hệ với Đại Lục vào phần "Quốc phòng ngoại giao". Đảng kỳ này lấy địa đồ Đài Loan làm đồ án, rõ ràng có khuynh hướng "Đài độc".

Vì thế, một số khá đông trong Quốc dân đảng cho rằng Đảng Dân chủ Tiến bộ thấy Quốc dân đảng nhường bước, cứ lấn sân mãi, ngày càng áp sát, không chịu được nữa. Sau hôm Đại hội Đảng Dân chủ Tiến bộ họp, "Bộ trưởng nội chính" Ngô Bá Hùng lên tiếng, gọi Đại hội là hành vi phạm pháp. Hội toàn dân yêu nước thuộc Cánh hữu cũng lên tiếng, đợi Đảng Dân chủ Tiến bộ giải thích rõ vấn đề "dùng hành động chia rẽ, tạo ra ý thức địa phương một cách mù quáng". 21 vị "Ủy viên Lập pháp" nhóm Trương Hồng Học đưa ra đề án khẩn cấp, kê ra hàng loạt các chứng cứ Đảng Dân chủ Tiến bộ đã vi phạm ba điều kiện lập Đảng, đòi "Viện trưởng Viện Hành chính" dẫn các "Bộ trưởng nội chính", Quốc phòng, Tư pháp đến "Viện Lập pháp" nói rõ xem định làm gì với Đảng Dân chủ Tiến bộ.

Tưởng Kinh Quốc xem xét tình hình, quyết tâm nhường bước để tiếp Đổi mới. Ông chỉ thị cho "Viện Lập pháp" chặn đề án của nhóm Trương Hồng Học lại, bảo Bí thư trưởng Trung ương là Mã Thụ Lễ mời tiệc nhóm Trương Hồng Học biểu thị "lúc này, đối với vấn đề thành lập Đảng

mới, cần có lập trường nhẫn nhịn và ôn hòa".

Khi đó, Đảng Dân chủ Tiến bộ đã bước qua giai đoạn nguy hiểm "của giây phút cuối cùng" dưới sự mặc nhiên công nhận của Quốc dân đảng, họ tiến vào công tác vận động cụ thể cho chính đảng. Thế là chính sách cấm đảng thực hiện trong 37 năm, nay bị phá thủng.

Xét thực lực Ngoài Đảng, trước ngày thành lập Đảng Dân chủ Tiến bộ, còn lâu mới đạt tới trình độ có thể chia quyền với Quốc dân đảng. Nếu Quốc dân đảng tiếp tục Cấm Đảng, chưa chắc đã khiến nhân dân phản kháng, đe dọa sự thống trị của họ. Do đó, báo chí Đài Loan, Hồng Kông gọi thế lực Ngoài Đảng là: "Lấy mạng sống để thành lập Đảng Dân chủ Tiến bộ", "Số đỏ thành nhân, may mắn thanh công", "nếu không gặp lúc Tưởng Kinh Quốc đang quyết tâm đổi mới, làm dịu bầu không khí chính trị Đài Loan, Đảng mới sợ rằng khó có thể đội đất mà lên".

Ngày 6 tháng 12, trong cuộc bầu cử "Quốc hội", Đảng Dân chủ Tiến bộ mới thành lập thử ra tranh cử, nhóm 12 người của Khang Ninh Tường trúng tuyển vào "Viện Lập pháp". Các nhân sĩ Ngoài Đảng lúc này tăng gấp đôi số ghế, 11 người nhóm Chu Thanh Ngọc trúng tuyển "Quốc hội", khóa trước Ngoài Đảng chỉ có hai ghế. Trong toàn bộ tám khu vực bầu cử, các ứng viên của năm khu do Đảng Dân chủ Tiến bộ giới thiệu, đều trúng với số phiếu cao nhất. Hơn nữa, hai ứng cử của Quốc dân đảng và "Viện Lập pháp" là Trần Tích Kỳ và vào "Quốc hội" là Bành Quang Chính ở khu vực "bảo đảm" trong Đoàn thể lao công đã thất bại thảm hại, trong khi đó Vương Thông Tùng và Từ Mỹ Anh của Đảng Dân chủ Tiến bộ lại trúng tuyển với số phiếu cao. Hai người này, trước bầu cử, không những không có tiếng tăm, mà còn "cử tri ở đâu cũng không biết", thậm chí tuyên truyền tranh cử đơn giản nhất cũng chưa làm được tí gì, kết quả lại thu được thắng lợi bất ngờ.

Quốc dân đảng cứ nghĩ rằng phải thu được trên 70% số phiếu trong cuộc bầu cử này, kết quả chỉ được 69, 87%, đây là lần có số phiếu ít nhất từ trước đến nay.

Đối với kết quả tuyển cử lần này, các chuyên gia bình luận "Đảng Dân chủ Tiến bộ thắng nhỏ, Quốc dân đảng chưa bại." Đảng Dân chủ thắng ở chỗ: (1) Tăng số ghế ở Nghị viện; (2) Cao phiếu nhất ở năm khu; (3) Đoạt được "số phiếu bảo đảm" ở Đoàn thể lao công. Nhưng số ghế tăng của Đảng Dân chủ Tiến bộ chủ yếu là chiếm chỗ của Đảng Dân chủ Xã hội, Đảng Thanh niên và các "ngôi sao cô đơn" trên chính trường, không được Đảng nào giới thiệu, thực sự họ chỉ giành được của Quốc dân đảng hai ghế "bảo đảm" ở Đoàn thể lao công. Dĩ nhiên với số phiếu cao ở năm khu, Đảng Dân chủ Tiến bộ đã thể hiện rõ khí thế, nhưng cũng bộc lộ một số thiếu sót về tổ chức. Vì Đài Loan áp dụng chế độ nhiều người trúng cử ở khu bầu cử lớn. Quốc dân đảng thông qua hệ thống tổ chức điều phối phiếu bầu, chỉ cần một ứng cử viên nào đó đủ số phiếu trúng tuyển, là họ có thể chuyển số phiếu còn lại cho các ứng cử viên khác của họ. Như vậy mỗi người có thể trúng cử với số phiếu không cao, nhưng vẫn đảm bảo cùng một khu, Đảng họ tranh thủ được nhiều người trúng cử nhất. Còn Đảng Dân chủ Tiến bộ ai lo phận nấy, nguồn cử tri của họ có hạn, một người được quá nhiều phiếu, tất nhiên là vinh quang chói lọi, nhưng những ứng cử viên khác của Đảng lại ít có hy vọng trúng cử. Chẳng hạn Khang Ninh Tường được 130 nghìn phiếu ở khu Đài Bắc nếu lấy ra mười nghìn phiếu chi viện cho Tạ Trường Đình, ông vẫn trúng cử mà Tạ cũng không bị trượt. Nhưng do thiếu tổ chức điều phối, Khang Ninh Tường trúng với số phiếu cao, dẫn đến chỗ Tạ Trường Đình hết phiếu bầu, chịu thất bại. Vì tồn tại vấn đề đó, nên chỉ có thể nói Đảng Dân chủ Tiến bộ thắng nhỏ, còn Quốc dân đảng, tổng số trúng cử tuy không lý tưởng, bất lợi trong tranh việc phiếu trong Đoàn thể lao công, về mặt tâm lý có khó chịu, nhưng rốt cuộc vẫn giành được 69,87% số ghế, vẫn chiếm ưu thế 7:3, nên nói Quốc dân đảng chưa thua là đúng.

Lần tuyển cử lần này là lần đầu tiên hai Đảng cạnh tranh. Rõ ràng có sự phân hóa hai đầu "Ủng hộ Đảng cầm quyền" và "Khẳng định Đảng đối lập". Các nhân sĩ thuộc Đảng Dân chủ Xã hội, Đảng Thanh niên và các "ngôi sao cô đơn" không thuộc hai đầu đó đều thất bại. Các anh hùng hảo hán, tự vỗ ngực coi mình là cấp tiến, hoặc đi sau Quốc dân đảng ăn theo, lần này không còn chỗ đứng. Xem đó đủ thấy, từ nay về sau nếu không có Đảng nào nâng đỡ và ủng hộ hoặc không

nằm trong quỹ đạo cạnh tranh của chính đảng, đều khó có được tiền đồ chính trị sáng sủa… Vì thế, có người coi ý nghĩa của tuyển cử lần này là "Đặt nền chính trị cho các chính đảng Đài Loan cạnh tranh hòa bình".

Kết quả bầu cử "Đảng Dân chủ Tiến bộ thắng nhỏ, Quốc dân đảng chưa thua" cũng có thể nói là kết quả thích đáng nhất. Thắng nhỏ chứng tỏ Đảng Dân chủ Tiến bộ được dân chúng ủng hộ. Quốc dân đảng phải công nhận sự hợp pháp và sự chính đáng của họ. Nhưng chưa thắng lớn khiến cho họ đỡ kiêu ngạo. "Chưa bại" khiến cho tâm lý thất bại và khủng hoảng của Quốc dân đảng đỡ nặng nề, có thể ảnh hưởng đến quyết tâm và lòng tin vào đổi mới. Nếu Quốc dân đảng thất bại nặng, rất có thể phải phanh gấp trên con đường đổi mới.

Vì "Quốc dân đảng chưa thua" nên Tưởng Kinh Quốc tiếp tục đẩy mạnh đổi mới. Ngày 17 tháng 12, ông chỉ thị nhóm nghiên cứu "Luật An ninh quốc gia" cần phải giảm sự khống chế nhân dân đến mức thấp nhất" lấy đó làm nguyên tắc lập pháp của luật này. Ngày 24, ông chỉ thị Ban Thường vụ Trung ương cần lập ngay Cục lao động trong "Viện Hành chính" và tăng cường phục vụ lao công, nâng cao hiệu suất hành chính trong lao công, tăng cường bảo đảm an toàn lao công và phúc lợi đời sống của họ, coi đó là nhiệm vụ cấp bách. Rõ ràng là Tưởng Kinh Quốc thấy lần tuyển cử này chưa đạt yêu cầu, chính là chỗ mất số phiếu bảo đảm trong Đoàn thể lao công, nên nghĩ đến sự bổ sung trong đổi mới.

Ngày 18 tháng 1 năm 1987, Quốc dân đảng tiếp nhận yêu cầu của Đảng Dân chủ Tiến bộ, cho lập một văn phòng tại "Viện Lập pháp", để đảng đoàn "Ủy viên Lập pháp" của Đảng Dân chủ Tiến bộ có chỗ làm việc. Điều đó có nghĩa là trong "Quốc hội" của chính quyền Đài Loan đã bắt đầu xuất hiện chế độ hai đảng.

Ngày 20 tháng 1, 26 tù chính trị trong sự kiện Cao Hùng được tha trước thời hạn. Ngày 5 tháng 2, "Viện trưởng Hành chính" Du Quốc Hoa chỉ thị các cơ quan hữu quan nghiên cứu lại vấn đề đăng ký và tăng số trang đối với báo chí. Điều này có nghĩa là chính quyền Đài Loan muốn hủy bỏ chế độ cấm báo đã thực hiện hơn 30 năm nay.

Ngày 21 tháng 2, tổ chức tôn giáo "Nhất Quán Đạo" bị cấm đã lâu, nay hủy bỏ lệnh cấm. Các tín đồ Tân Ước trước kia vẫn bị coi là "tà giáo", nay cũng được phép đến nhà thờ của họ ở núi Tích An Đài Loan, lễ bái tự do.

Vườn trường của các trường trung, đại học cũng thổi ào ạt ngọn gió đổi mới. Các báo của sinh viên, trước nay vẫn do ban huấn đạo kiểm duyệt, nay chính quyền cho phép sinh viên tự ý chọn giáo sư duyệt bài, "Bộ trưởng Giáo dục" Lý Hoán, thậm chí còn tính chuyện triệt bỏ Đảng bộ Quốc dân đảng trong trường đại học và phát huy nhiều hơn nữa tác dụng của giáo sư trong quản lý trường học. Những cấm đoán trong trường trung học nhiều năm nay đã được hủy bỏ. Tóc của nữ sinh trước kia chỉ được để đến tai, nay cho phép để dài phủ vai tùy ý. Học sinh bị cấm nhảy Disco, nay cho phép nhảy.

Tháng 3, vì tình trạng sức khỏe của Tưởng Kinh Quốc không thể chủ trì Hội nghị Thường vụ được. Ông đã chỉ định Tạ Đông Mân, Lý Đăng Huy, Hoàng Thiếu Cốc chủ trì thay ông. Đây cũng là một thử nghiệm của lãnh đạo tập thể. Trước kia, mỗi lần Tưởng Kinh Quốc vắng mặt, đều do Nghiêm Gia Kiểm chủ trì thay, nhưng Nghiêm Gia Kiểm đã phải nằm viện vì xuất huyết não từ tháng 9 năm 1986, nên Tưởng Kinh Quốc quyết định thay phương pháp mới luân lưu chủ trì họp Thường vụ. Nghiêm Gia Kiểm vốn là người triệu tập "nhóm Đổi mới" 12 người. Sau khi ông vào viện, Lý Đăng Huy thay ông, chứng tỏ Lý Đăng Huy đã tiến thêm một bước trong Ủy Ban Thường vụ.

Tháng 5, chính quyền Đài Loan lại tuyên bố thả trước thời hạn sáu tù chính trị nhóm Hoàng Tín Giới, Trương Tuấn Hồng, Nghiêm Minh Thánh, Hoàng Hoa. Đến lúc đó, trừ Thi Minh Đức ra, toàn bộ số người bị bắt trong vụ Cao Hùng đều được tha.

Cùng thời kỳ này Quốc dân đảng và Đảng Dân chủ Tiến bộ tranh chấp về vấn đề "Luật An ninh

quốc gia". Quốc dân đảng đề nghị giữ Luật Giới nghiêm cho đến khi có "Luật An ninh" còn Đảng Dân chủ Tiến bộ cho rằng cứ theo đúng "Hiến pháp", hoàn toàn không cần có "Luật An ninh", làm luật này chẳng qua là vẽ rắn thêm chân, là thay đổi bộ mặt của Luật Giới nghiêm, là cái cớ để Quốc dân đảng kéo dài thêm Lệnh giới nghiêm.

Tiêu điểm của cuộc tranh chấp này là Điều 2 của "Luật An ninh" quy định nhân dân biểu tình, lập hội, không được vi phạm "Hiến pháp" hoặc "quốc sách chống Cộng", hoặc chủ trương chia rẽ, Đảng Dân chủ Tiến bộ cho rằng điều này là một chiếc mũ rộng hẹp tùy ý, để cho Quốc dân đảng lúc nào cũng có thể đả kích phe đối lập, do đó không chịu. Quốc Dân đảng cho rằng ba điểm này là yêu cầu tối thiểu, tuyệt nhiên không được bỏ qua.

Để tăng sức ép với Quốc dân đảng, hai ngày 19 tháng 5 năm và 12 tháng 6 năm 1987 Đảng Dân chủ Tiến bộ tổ chức biểu tình thị uy kháng nghị quy mô hàng nghìn người, nêu khẩu hiệu: "Kiên quyết phản đối Luật An ninh quốc gia", "Lập tức hủy bỏ Luật Giới nghiêm". Đồng thời cũng có người nhân dịp đó đưa ra chủ trương Đài Loan độc lập. Mặt trận yêu nước chống Cộng và Hội toàn dân yêu nước thân Quốc dân đảng cũng triệu tập binh mã xuống đường đấu tranh với Đảng Dân chủ Tiến bộ. Ngày 12 tháng 6, hai bên xảy ra nhiều lần xung đột chung quanh "Viện Lập pháp": đường Nam Trung Sơn, đường Tế Nam, đường Đông Thanh Đảo, đường Tây Thanh Đảo… cảnh sát huy động hàng ngàn nhân viên, hàng trăm xe và máy bay trực thăng bắn dọa. Cảnh sát và hai bên đối lập đều có nhiều người bị thương.

Ngày 15 tháng 6, Quốc dân đảng cho mở máy biểu quyết. Do "Ủy viên Lập pháp" là Đảng viên Quốc dân đảng chiếm đa số trong "Viện Lập pháp" của Quốc dân đảng, nên đã hoàn thành thủ tục đọc ba lần Luật An ninh Quốc gia. Đồng thời để biểu thị thiện ý "dân chủ" nhiều chỗ cũng được sửa lại so với dự thảo, trước khi thông qua. Nguyên tắc sửa lại là: "Giảm sự khống chế nhân dân xuống mức thấp nhất" như Tưởng Kinh Quốc đã nêu. Chẳng hạn, Điều 2 là điều tranh chấp lớn nhất trong dự thảo là "Không được vi phạm Hiến pháp hoặc quốc sách chống Cộng, hoặc chủ trương chia rẽ" trong đó "Quốc sách chống Cộng" và "chủ trương chia rẽ", trừu tượng dài dòng dễ trở thành "cái rộng hẹp tùy ý". Cuối cùng sửa thành "không được vi phạm Hiến pháp hoặc chủ trương chia cắt đất nước". Điều 8 trong dự thảo quy định quân nhân tại ngũ phạm tội, nhất loạt đều do tòa án quân sự xét xử, cuối cùng sửa lại là: phạm tội nhẹ dân sự không kể. Hoặc như pháp luật quản lý xuất nhập cảnh và pháp lệnh hữu quan đối với khu quân sự, cuối cùng quy định rộng rãi hơn so với dự thảo.

Ngày 1 tháng 7, "Luật An ninh quốc gia" chính thức công bố thi hành. Cùng ngày chính quyền Đài Loan cũng bỏ lệ thẩm tra các tiết mục truyền hình trước khi phát sóng.

Cũng ngày hôm đó, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng thông qua đề nghị của Tưởng Kinh Quốc, tiếp nhận yêu cầu từ chức Bí thư Trung ương của Mã Thụ Lễ, giao chức cho Lý Hoán. Báo chí Đài Loan cho rằng lần điều chỉnh nhân sự này là Tưởng Kinh Quốc muốn khắc phục trở lực của phe Bảo thủ, "đánh con chủ bài cuối cùng" để đảm bảo cho công cuộc đổi mới phát triển thêm một bước.

Ngày 14 tháng 7, Tưởng Kinh Quốc tuyên bố, từ 0 giờ ngày hôm đó trở đi hủy bỏ Luật Giới nghiêm ở Đài Loan, Bành Hồ (không bao giờ gồm Kim môn, Mã tổ và một số quần đảo khác). Tính ra Luật Giới nghiêm bắt đầu từ 0 giờ ngày 20 tháng 5 năm 1949, đã tồn tại 39 năm 56 ngày mới hủy bỏ, lập một kỷ lục giới nghiêm dài nhất thế giới.

Kể từ khi hủy bỏ Luật Giới nghiêm, hàng loạt những quy định theo giới nghiêm cũng bị xóa bỏ hẳn. Chẳng hạn, Biện pháp kiểm tra khách nhập cảnh ở sân bay, bến cảng thuộc Đài Loan trong thời chiến, Biện pháp quản chế xuất bản phẩm trong giai đoạn giới nghiêm ở Đài Loan, Biện pháp kiểm tra giấy thông hành giới nghiêm Đài Loan, Biện pháp liên hệ kiểm tra bí mật thư tín, Biện pháp kiểm tra hộ khẩu trong giai đoạn giới nghiêm ở Đài Loan… khoảng 30 loại "biện pháp" đều hủy bỏ.

Trước đó, Tưởng Kinh Quốc chỉ thị Bộ Quốc phòng: "Chính phủ sắp tuyên cáo hủy bỏ Luật Giới

nghiêm, về những người không phải quân nhân do vi phạm Luật Giới nghiêm bị tòa quân sự xét xử, nếu chưa mãn hạn, cũng nên châm chước giảm tội cho họ". Căn cứ vào đó ngày 14 tháng 7, "Bộ Quốc phòng" Đài Loan đã giảm án cho 237 người (trong đó có 170 tù chính trị). Hơn 200 người này, rất nhiều người đã được tha hoặc bảo lãnh nằm bệnh viện ở ngoài, lần này cũng tha 23 người đã mãn hạn, chỉ có 70 người tiếp tục ở tù. Ngoài ra có 70 bị cáo, bên Quân pháp chuyển giao cho bên Tư pháp đúng ngày hủy bỏ Luật Giới nghiêm.

Bỏ Luật Giới nghiêm làm thay đổi ba mặt:

1. Thu nhỏ phạm vi quản lý về quân sự, mở rộng chức năng của các cơ quan Hành chính và Tư pháp. Chẳng hạn bên Quân pháp không phải xử các vụ dân thường, quân nhân tại ngũ nếu bị tội nhẹ bên Quân pháp cũng sẽ không xét xử; quản lý xuất nhập cảnh ở sân bay bến cảng và kiểm tra an toàn do bên cảnh sát tiếp nhận. Nghiệp vụ xét duyệt các xuất bản phẩm sẽ do "Cục báo chí Viện Hành chính" phụ trách. Thế là "Tổng cảnh" như hổ vào chuồng mất hết cả quyền thế.

Sau khi bỏ Luật Giới nghiêm, tuyến quản chế bờ biển khu Đài Loan, Bành Hồ trước kia dài 1.400km, nay thu hẹp còn 541km. Diện tích từ hơn 700km2 nay còn hơn 160km2. Khu quân trước kia là 113 điểm, nay còn 95 điểm hạn chế nhân dân ra vào khu quân sự nay cũng được nới lỏng.

2. Khôi phục quyền dân chủ của nhân dân. Chẳng hạn, mít tinh, biểu tình, lập hội, lập Đảng… đều được hợp pháp hóa, nhưng phải theo quy định của "Luật An ninh quốc gia" và "Luật Tổ chức đoàn thể nhân dân".

3. Cơ quan hành chính sẽ do bộ máy dân ý giám sát. Có tới 30 loại mệnh lệnh hành chính ban hành theo Luật Giới nghiêm, nay đều bãi bỏ, khiến cho nhiều quyền hành của cơ quan hành chính có tính chất rộng rãi và co dãn đều mất đi, tình trạng mượn cớ "thời kỳ không bình thường" để không tuân theo pháp luật không còn chỗ đứng. Các cơ quan hành chính đều phải căn cứ vào luật bình thường để làm việc, do đó các cơ quan dân ý càng pháp huy chức năng giám sát và ngăn chặn của mình.

Ba biến đổi trên đây thực sự có ý nghĩa thực tế. Có người cho rằng bỏ Luật Giới nghiêm chẳng qua là "thay thang không thay thuốc", thậm chí nói: "Bỏ Luật Giới nghiêm còn quá giới nghiêm" thật là quá lời và bất công.

Bỏ Luật Giới nghiêm là kết tinh dưới áp lực chính trị của phong trào dân chủ hóa mấy chục năm trời ở Đài Loan, bao gồm biết bao lời thỉnh cầu và kháng nghị của mấy thế hệ các nhà trí thức, cũng là sự lựa chọn của Tưởng Kinh Quốc tiên sinh trong giai đoạn cuối cuộc đời thuận theo trào lưu thời đại để "đền đáp lịch sử". Bỏ Luật Giới nghiêm sẽ có ảnh hưởng sâu rộng đối với sự phát triển chính trị và sản xuất của Đài Loan trong tương lai.

Mặt khác, bỏ Luật Giới nghiêm chỉ là giai đoạn ban đầu Quốc dân đảng chuyển hướng từ phương thức thống trị chuyên chế sang cạnh tranh dân chủ, khoảng cách đến giai đoạn hoàn thành quá trình này còn khá xa. Vì "Điều khoản lâm thời" làm căn cứ cho phép giới nghiêm vẫn còn nguyên chưa đụng tới, cái gọi là Luật An ninh bị cưỡng bức thông qua vẫn có thể cho phép Quốc dân đảng đựng rượu cũ "Luật Giới nghiêm" vào trong bình mới của "Luật bình thường" thi hành các biện pháp hạn chế quyền tự do của nhân dân, điều này cần phải cảnh giác cao độ.

Ngày 16 tháng 7, tức hai ngày sau khi bỏ Luật Giới nghiêm, chính quyền Đài Loan tuyên bố triệt bỏ Trạm hạn chế đầu tiên thi hành từ tháng 4 năm 1979, cho phép cư dân Đài Loan trực tiếp đi thăm Hồng Kông, Áo Môn, nhưng cấm họ vào Đại Lục.

Những biện pháp này có nghĩa là phương châm "Ba không" của Quốc dân đảng đã phải nới lỏng. Mới đầu, chính quyền không cho dân chúng đi lại khu vực Hồng Kông, Áo Môn là trạm thứ nhất để xem xét chủ yếu vì sợ gặp mặt người thân ở Đại Lục, thậm chí qua đó để trở về Đại Lục. Nhưng cấm lệnh này thực hiện được tám năm nhân dân Đài Loan vẫn có thể đi qua Philippines,

Thái Lan rồi sang Hồng Kông, Áo Môn, rồi từ đó vào Đại Lục thăm người nhà, ngày càng đông. Vì vậy, trước tình hình bỏ Luật Giới nghiêm, chính quyền Đài Loan cuối cùng mở cửa cho thăm hỏi Hồng Kông, Áo Môn, bề ngoài vẫn phụ chú thêm "không được vào Đại Lục" nhưng thực tế có vào Đại Lục cũng không truy cứu nữa.

Ngày 22 tháng 7, Tưởng Kinh Quốc thấy Ban Thường vụ Trung ương họp thường chỉ có ông ra chỉ thị, nhiều lắm thì cũng chỉ một số nguyên lão dám nói chuyện, những người khác chỉ lắng nghe, nên ông đã yêu cầu các Ủy viên Thường vụ hăng hái phát biểu ý kiến để các chính sách thông qua tại Ban Thường vụ có thể thu được kinh nghiệm và trí tuệ của mọi người.

Căn cứ vào chỉ thị này, Bí thư trưởng mới nhậm chức là Lý Hoán đã tự mình chủ trì phương án Đổi mới tăng cường chức năng quyết sách của Ban Thường vụ Trung ương. Ngày 5 tháng 8, thông qua Ban Thường vụ để thi hành. Phương án này bao gồm tăng cường bốn chức năng: Quyết sách, sát hạch, tuyên thị và trình tự. Nhưng quan trọng nhất là chức năng quyết sách. Có ba biện pháp: (1) Chia ra sáu tổ: Công tác Đảng, Chính trị, Xã hội, Kinh tế, Tài chính, Giáo dục và Pháp chế, các Ủy viên tự chọn tham gia. Những vấn đề lớn hoặc có sự kiện lớn, đều giao các tổ hữu quan thảo luận, khi cần mới thảo luận chung; (2) Khi các tổ họp, các Ủy viên thay nhau chủ trì, căn cứ vào tính chất của vấn đề, có thể mời các nhân sĩ có liên quan đến cùng thảo luận, cũng có thể giao cho toàn thể Ban Thường vụ nghiên cứu lại; (3) Khi tổ họp, các Ủy viên Thường vụ ở tổ khác cũng có thể tự nguyện tham gia thảo luận.

Phương án đổi mới này là bó đuốc đầu tiên trong ba bó đuốc của "quan mới nhậm chức" Lý Hoán. Dụng ý của ông rõ ràng là muốn tăng cường tập thể lãnh đạo của Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng, khiến cho mỗi tuần Ban Thường vụ họp một lần, từ chỗ "xếp hàng nghe thánh nhân dạy bảo" trở thành trung tâm quyết sách tập trung trí não thật sự. Nhưng liệu có đạt hiệu quả đó hay không, vẫn còn chờ thực tiễn trả lời.

Ngày 10 tháng 8, "Cục báo chí Viện Hành chính" Đài Loan, thông báo cho hơn 60 cơ quan giáo dục học thuật, bắt đầu nhận đơn nhập khẩu

Các xuất bản phẩm của Đại Lục. Cùng ngày "Cục trưởng Cục báo chí" Thiệu Ngọc Minh tuyên bố trước Đại hội năm 1987 của Hiệp hội Xuất bản rằng "Cục Báo chí" sẽ mở cửa cho xuất bản phẩm của Đại Lục, đối với các tác giả ở Đại Lục chỉ cần không tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, đều có thể xét nhập khẩu. Các tác giả ở Đại Lục nếu xuất bản ở Đài Loan, vẫn được đảm bảo về bản quyền và nộp thuế. Thiệu Ngọc Minh còn nói "Cục Báo chí" đang mời các học giả chuyên gia tổ chức năm Ủy ban thẩm tra các xuất bản phẩm của Đại Lục: (1) Chính trị kinh tế pháp luật; (2) Xã hội, giáo dục; (3) Văn học, lịch sử, triết học; (4) khoa học, kỹ thuật, y học; (5) nghệ thuật, âm nhạc. Dự định đến cuối tháng tám sẽ bắt đầu làm việc. Ngoài ra các băng ghi hình về văn vật, phong cảnh Đại Lục cũng sẽ mở của nhập khẩu trong một ngày gần đây.

Các biện pháp trên đây chứng tỏ, việc cấm sách thi hành hơn 30 năm nay cũng đã bị thủng từng phần. Trên thực tế các hiệu sách ở đầu đường, trong ngõ phố Đài Loan, lúc này đã bày những sách xuất bản ở Đại Lục, chỉ cần chịu mua với giá cao thì ngay cả Tuyển tập Mao Trạch Đông, Văn tập Đặng Tiểu Bình đều có thể mua được. Thậm chí những tác phẩm văn học như của A Thành cũng thấy bán công khai ở các hiệu sách lớn.

Cuối tháng 8, "Trung ương xã" Đài Loan, Trung Quốc thời báo, Liên hợp báo đưa tin dồn dập nói chính quyền Đài Loan đang xem xét chuyện mở cửa cho dân chúng về Đại Lục thăm người thân, có thể hy vọng tháng 9 sẽ công bố chính thức.

Nghe nói, ngay từ đầu năm, Tưởng Kinh Quốc đã chỉ thị cho các ngành hữu quan nghiên cứu vấn đề mở cửa cho nhân dân về thăm người thân ở Đại Lục, nhưng tầng lớp cao trong Quốc dân đảng không thống nhất ý kiến về vấn đề này, cho nên phải hoãn lại.

Phái Khai minh trong Đảng do Lý Hoán cầm đầu, muốn mở cửa cho nhân dân về Đại Lục thăm người nhà là bước thứ nhất điều chỉnh chính sách đối với Đại Lục, tiếp sau là mở cửa cho du

lịch, mậu dịch, giao lưu thể thao, văn hóa khiến cho quan hệ giữa hai bờ eo biển, từ đối địch căng thẳng trở thành cạnh tranh hòa bình. Thông qua việc mở cửa tiếp xúc với Đại Lục, có thể giảm bớt tinh thần lưu lạc của nhân dân Đài Loan đối với Đại Lục, đả kích vào "Đài độc", lại còn có thể biểu thị tính ưu việt của Đài Loan đối với Đại Lục, đạt mục đích phản công chính trị với Đại Lục. Ngày 4 tháng 9, tại Hội nghị công tác ở Cao Hùng, Lý Hoán chỉ rõ: "Phản công chính trị của chúng ta không phải giành lấy chính quyền của Trung Cộng, mà cần phải xúc tiến ở Đại Lục nền dân chủ chính trị, tự do báo chí thông tin, kinh tế mở cửa". Đây là lần đầu tiên một người lãnh đạo quan trọng của Quốc dân đảng nói đến chuyện cạch tranh hòa bình giữa hai Đảng Quốc – Cộng.

Xuất phát từ ý tưởng này, Lý Hoán cho rằng không nên hạn chế tuổi tác, thân sơ, quê quán, nghề nghiệp, chức vụ đối với người về thăm vì lý luận mà nói, điều đó vi phạm nguyên tắc bình đẳng, còn về mặt thực tiễn điều đó cũng khó mà thực hiện. Đối với đồng bào từ Đại Lục đến Đài Loan thăm người thân, khi tiếp ông Lại Nghĩa Hùng, Hội trưởng Hội liên hiệp các giáo sư người Đài Loan ở Bắc Mỹ, Lý Hoán đã nói, cá nhân ông, thấy không có ý do gì để từ hối người Đại Lục đến thăm người nhà, xét đến khả năng an ninh, ông tin rằng cơ quan tình báo có khả năng đề phòng được.

Nhưng phe Bảo thủ vẫn cố chấp với "tinh thần chống Cộng", cố gắng giảm tiếp xúc với Đại Lục. Họ đưa ra ý kiến lấy Hồng Kông, Áo Môn làm điểm hẹn gặp người nhà, chứ không mở cửa cho dân chúng vào Đại Lục, bị Tưởng Kinh Quốc bác bỏ. Đến đó, chính quyền Đài Loan không thể không tuyên bố mở cửa cho dân chúng về thăm Đại Lục. phe Bảo thủ lại đề xuất: (1) Thăm người nhà trên nguyên tắc nhân đạo có thể mở cửa, nhưng chỉ là một biện pháp linh động, chính sách đối với Đại Lục vẫn không điều chỉnh. Trừ chuyện thăm người nhà ra, những chuyện khác như du lịch, mậu dịch, thể dục thể thao, văn hóa… đều không cho giao lưu; (2) Cần hạn chế đối với người đi thăm, chỉ cho những người gốc Đại Lục và hạn chế trong phạm vi người thân (cha mẹ con cái, vợ chồng, anh em ruột). Quân nhân tại ngũ, viên chức nhà nước kể cả giáo sư trường quốc lập đều không được về thăm Đại Lục; (3) Thăm người nhà phải hạn chế chặt trong phạm vi dân gian, chính quyền không được "giúp đỡ, ngăn cấm, khuyến khích"; (4) Chỉ cho phép dân chúng Đài Loan đi thăm người nhà, không cho người Đại Lục thăm người nhà đến Đài Loan; (5) Những người đi thăm phải qua Hồng Kông, Áo Môn hoặc một nước khác vào Đại Lục, chứ không được đi thẳng từ Đài Loan vào Đại Lục.

Sau mấy tháng tranh cãi nội bộ, hai bên vẫn chưa hòa giải, nhưng cũng đi đến hai điểm chung: (1) Đồng ý để cho chính quyền Đài Loan chính thức tuyên bố mở cửa cho dân chúng đi thăm người nhà; (2) Chuyện thăm người nhà chỉ hạn chế chặt trong phạm vi dân gian, phương châm "Ba không" của chính quyền Đài Loan không đổi.

Ngày 16 tháng 9, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng thông qua nghị quyết sẽ mở cửa cho dân chúng đi thăm người nhà ở Đại Lục trong một thời hạn ngắn nhất. Trước Ban Thường vụ, Tưởng Kinh Quốc chỉ định năm người là Lý Đăng Huy, Du Quốc Hoa, Nghê Văn Á, Ngô Bá Hùng, Hà Nghi Vũ lập thành một tổ nghiên cứu những nguyên tắc cụ thể về việc dân chúng thăm người nhà.

Theo phóng viên nước ngoài tiết lộ, quyết định này thuần túy chỉ xét về khía cạnh nhân đạo, không ai đề cập đến chuyện "phản công chính trị". Điều này chứng tỏ tiếng nói của Lý Hoán vẫn quá lẻ loi.

Càng đáng chú ý hơn nữa là, con thứ của Lý Hoán là Lý Khánh Hoa, lấy danh nghĩa là Thư ký Hiệp hội đoàn kết tự cường, liền mấy ngày triệu tập các hội nghị "Đừng quên Song thập", "Sau bỏ Luật Giới nghiêm" và "thăm người nhà ở Đại Lục", đến diễn xuất thổi phồng chính sách toàn bộ đối với Đại Lục, mở rộng cửa với Đại Lục, đúng ngày 16 tháng 9 buộc phải từ chức Thư ký Hiệp hội đoàn kết tự cường.

Hiện tượng trên cộng với việc Lý Hoán phải ra khỏi tổ nghiên cứu chính sách thăm người nhà,

chứng tỏ phe Bảo thủ trong trận đấu này đang thắng thế.

Ngày 14 tháng 10, Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng thông qua báo cáo nghiên cứu vấn đề thăm người nhà của tổ năm người Lý Đăng Huy. Chiều hôm sau, "Bộ trưởng nội chính" Trịnh Bá Hùng, công bố biện pháp cụ thể cho phép dân chúng Đài Loan và Đại Lục thăm người nhà. Trừ quân nhân tại ngũ và viên chức nhà nước đang làm việc ra (kể cả giáo viên quốc lập) người nào có người nhà thuộc tam thân đều có thể bắt đầu từ ngày 2 tháng 11 đăng ký với Hội Chữ thập đỏ về Đại Lục thăm người nhà… người đi phải đi qua Hồng Kông, Áo Môn, chính quyền Đài Loan ở các nơi đó không giúp đỡ. Mỗi người mỗi năm được đi thăm một lần, mỗi lần không được ở Đại Lục quá 3 tháng nếu quá hạn khi về Đài Loan phải trình bày rõ lý do. Những người không đăng ký với Hội Chữ Thập Đỏ, tự ý về Đại Lục, khi về Đài Loan, hai năm không được ra nước ngoài. Còn vấn đề đồng bào ở Đại Lục đến Đài Loan, phải ở "vùng tự do" liên tục năm năm và có quyền cư trú ở đó và phải có người thân ruột thịt mới được nhập cảnh.

Phương án thăm người nhà này, cơ bản xây dựng trên bộ khung mà phe Bảo thủ có thể chấp nhận, nhưng hạn chế đối với người đi thăm, gây ra bất bình đối với mọi giới. Các giáo sư Khâu Hồng Đạt, Ngô Đại Hiến, Hoàng Việt Khâm, Chu Kiên Chương chỉ rõ quy định "tam thân" hoàn toàn vô nghĩa, thực tế khó tra xét, nên bỏ đi. Giáo sư Lương Lực Vũ nói: thăm người nhà được, tại sao thăm bạn bè lại không được? Giáo sư Hứa Trác Vân cũng nêu ý kiến lên mở cửa cho nhân dân hai bờ qua lại, thăm hỏi người trong một nước như đi thăm kẻ thù là không thỏa đáng. Giáo sư Giang Bỉnh Luân cho rằng giáo viên trường công không được đến Đại Lục, giáo viên trường tư lại không bị hạn chế, đây là một đãi ngộ bất công. Các giáo sư Lã Á Lực, Diệp Khởi Chính cũng nói đã gọi là tinh thần nhân đạo, nên để đồng bào ở Đại Lục cũng được đến Đài Loan thăm người nhà. Giáo sư Khâu Thùy Lượng bình luận rằng phương án thăm người nhà này chẳng khác gì "Sấm tuy quá to, nhưng mưa lại quá nhỏ".

Mặc dù như vậy, nhưng sau 38 năm cách biệt cuối cùng chính quyền Đài Loan đã cho phép dân chúng về Đại Lục thăm hỏi người nhà, chứng tỏ chính sách của Quốc dân đảng đối với Đại Lục đã nới lỏng, đã bước thêm một bước trên hướng "tam thông" đáng được hoan nghênh. Bước đi này thật đúng là "ngàn mời vạn gọi mới bước ra, ngượng ôm tỳ bà che nửa mặt", nhưng "mới bước ra" dù sao vẫn hơn "không bước ra".

Sau khi bước một bước như vậy, quan hệ giữa chính quyền Đài Loan và Đại Lục có muốn dừng, muốn lùi cũng không được. Đã là tinh thần nhân đạo cho dân chúng về thăm người nhà, tất phải cho phép hai bờ thông tin, đồng thời phải cho phép đồng bào ở Đại Lục đến Đài Loan, nhưng quy định hạn chế đối với giáo viên, quân nhân và tam thân sớm muộn cũng phải bỏ đi. Thực tế chính quyền Đài Loan không có cách gì kiểm tra để biết một người nào đó có người ruột thịt ở Đại Lục hay không, cho nên rất nhiều người (kể cả những người có vợ chồng ở Đại Lục), đều có thể lấy cớ thăm người nhà để về Đại Lục, còn như họ đến Đại Lục để thăm người nhà thăm bạn bè, đi du lịch, buôn bán hoặc giao lưu văn hóa nghệ thuật, làm sao chính quyền Đài Loan biết được. Cho nên cửa vừa mở, tiếp theo tất phải có giao lưu trao đổi với nhau về bưu điện, thông thương, thăm quan, du lịch văn hóa nghệ thuật, thể thao… phe Khai minh trong Quốc dân đảng muốn nhìn thẳng vào sự thực đó, cho nên đề ra điều chỉnh toàn diện chính sách đối với Đại Lục. Phe Bảo thủ lại "bịt tai ăn trộm chuông" hạn chế hết thứ nọ đến thứ kia, hòng mong chuyện thăm người nhà chỉ là một chuyện đơn lẻ, cố giảm đến mức thấp nhất số người đi thăm. Nhưng lịch sử không cho phép Quốc dân đảng làm con ngựa thồ "ba không", nhân dân hai bờ đi lại đã trở thành dòng nước lũ tràn đầy, cánh cửa thăm người nhà vừa mở, dòng lũ này lập tức ào ào đổ xuống không có cách gì ngăn lại được.

Tưởng Kinh Quốc thực ra cũng thấy rõ xu thế đó, nhưng cần phải an ủi phe Bảo thủ, kết quả là phải dùng phương án "ngượng ôm tỳ bà che nửa mặt" cũng chính là phương án chiết trung, sau khi đã cân đối giữa hai thế lực Bảo thủ và Khai minh. Nhưng nội bộ ông vẫn luôn thúc đẩy các ngành hữu quan nghiên cứu khả năng qua lại giữa Đài Loan và Đại Lục càng nhanh càng tốt, đề ra các phương án tiếp theo. Đến tháng 12 năm 1987, trên nguyên tắc đã quyết định để Hội Chữ thập đỏ Đài Loan đặt hòm thư tại Hồng Kông, hoàn thành chuyện "thông bưu" gián tiếp giữa

hai bờ. Khi Bắc Kinh tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, học thuật có tính chất quốc tế, Đài Loan vẫn có thể xét cử người tham gia. Đối với người Đại Lục đến thăm người nhà ở Đài Loan, cũng đang nghiên cứu cẩn thận, sớm muộn rồi cũng cho phép. Đối với chuyện hạn chế "tam thân" cũng dần dần nới rộng rồi đi đến hủy bỏ.

Theo một nguồn tin khác, vấn đề cay đắng nhất là cải tạo bộ máy dân ủy Trung ương. "Nhóm Đổi mới" 12 người cũng đã xác định những nguyên tắc chủ yếu: (1) Cải tạo "Quốc hội" chỉ có thể theo con đường bổ sung, chứ không thể bầu lại theo ý kiến của Đảng Dân chủ Tiến bộ; (2) Bổ sung chế độ bãi miễn "Đại biểu Quốc hội"; (3) Xây dựng chế độ thâm niên cho đại biểu về hưu, đãi ngộ cao đối với ai tự nguyện về hưu để hấp dẫn họ chịu nhường bước; (4) Bổ sung định mức đại biểu dân ủy Trung ương khu vực Đài Loan. Dự kiến sau khi áp dụng phương án này, cộng thêm sự đào thải tự nhiên, đại biểu có thâm niên cao ngày càng giảm, đại biểu được bổ sung sẽ ngày càng tăng. Sau năm năm, "Đại biểu thâm niên" sẽ chỉ còn vài người trong "Quốc hội', sẽ không còn tác dụng thực tế nào nữa, như vậy tuy không bầu lại toàn bộ, thực tế cũng đạt được mục đính đó.

Phương án này tuy không giải quyết chuyện một tỉnh Đài loan không thể hiện tính toàn quốc, hơn nữa "Đại biểu thâm niên" tham quyền cố vị rất nặng, chỉ dựa vào sự đãi ngộ ưu ái không đủ sức hấp dẫn họ nhường chỗ. Cá biệt có những "Đại biểu Quốc hội" tức khí, nếu bức họ "không sống nổi" họ cũng sẽ sử dụng quyền bãi miễn "Tổng thống" cho bên trên "không sống nổi". Vì thế tuy phương án "bổ sung Quốc hội", định tháng 12 năm 1987 đưa ra nhưng cử tri hoãn mãi chưa chính thức ra đời.

Ngày 1 tháng 12, "Cục báo chí Viện Hành chính" Đài Loan tuyên bố từ ngày 1 tháng 1 năm 1988 trở đi bỏ Lệnh cấm báo. Cụ thể là bỏ hạn chế đăng ký báo chí thực hiện từ ngày 10 tháng 6 năm 1951 đã 37 năm và bỏ hạn chế số trang báo, thực hiện đã 32 năm từ năm 1955 đến nay.

Đến cuối tháng 12, Ban biên tập các báo thật khó chọn bài viết. Các biến đổi chính trị xảy ra liên tiếp, thật khó theo kịp. Giới nghiêm hủy bỏ rồi, Đảng đối lập hợp pháp rồi, không chỉ có Đảng Dân chủ Tiến bộ, mà sau bỏ Luật Giới nghiêm có hàng loạt tổ chức Đảng Tự do Dân chủ, Công Đảng, Đảng Dân chủ Chính nghĩa… Ra đời. Mọi chuyện chính trị như cấm tóc dài, cấm nhảy, cấm dạy, cấm sách, cấm báo… cũng đã hủy bỏ. Dân chúng được phép về Đại Lục thăm hỏi người nhà, hai bờ "thông bưu" cũng chỉ chờ ngày thực hiện, mậu dịch giữa hai bờ cũng phát triển mạnh. Ngoài ra cùng với bỏ Luật Giới nghiêm, nhiều tù chính trị đã được tha hoặc giảm án, cái vẫn được coi là chính sách hà khắc không còn nữa, chuyện quản lý ngoại hối cũng được nới rộng... Những chuyện này năm ngoái thật dễ viết, nhưng năm nay viết ra thật vô duyên.

Nhưng dù sao chuyện điểm báo, có một điểm các báo đều nhất trí công nhận là: Năm 1987 là bước ngoặt trong lịch sử chính trị Đài Loan đáng được ghi vào sử sách.

III. "THẾ CHẾ LÝ ĐĂNG HUY" SẮP ĐẾN

Trong hơn một năm, Đài Loan biến đổi hàng loạt, có nhiều nguyên nhân, trong đó, do sức khỏe của Tưởng Kinh Quốc mỗi ngày một kém cần phải làm gấp một số việc để "đóng góp với lịch sử" là một nguyên nhân.

Hè thu năm 1987, bệnh đái tháo đường của Tưởng Kinh Quốc nặng thêm, nhưng chính quyền Đài Loan xét về nhiều mặt vẫn không công bố rõ. Bên ngoài chỉ biết, chi dưới của ông đã bị hoại tử và đã phải cắt bỏ bàn chân và đang lo cưa chân để tránh gây biến chứng sang các bộ phận khác.

Sau khi cắt bỏ bàn chân, Tưởng Kinh Quốc phải ngồi xe đẩy. Ngày 26 tháng 8 năm 1987, ông lần đầu tiên ngồi xe đẩy chủ trì họp Ban Thường vụ Trung ương. Ngày 10 tháng 10, ông ngồi xe đẩy công khai tham gia lễ mừng Quốc khánh.

Theo người phụ trách nhóm điều trị cho ông là Khương Tất Ninh sau này tiết lộ, bệnh tình của

ông phức tạp, nghiêm trọng hơn ở ngoài vẫn tưởng nhiều. Mỗi lần ông ngồi xe đẩy tham gia các hoạt động đều hết sức gắng gượng, sự thực mệt đến nỗi không nhấc nổi đầu lên.

Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1987, do bệnh đái tháo đường đi vào giai đoạn cuối, làm tê liệt các chức năng của các bộ phận khác, Tưởng Kinh Quốc đã mấy lần xuất huyết bên trong, nhờ cấp cứu kịp thời mà thoát chết. Nhưng vì cấp cứu tại nhà nên bên ngoài không được biết.

Ngày 25 tháng 12, chính quyền Đài Loan tổ chức lần thứ 40 ngày thi hành "Hiến pháp", ông ngồi xe đẩy ra nói chuyện. Đảng Dân chủ Tiến bộ huy động hàng ngàn người bao vây hội trường, giương biểu ngữ, phát truyền đơn, hô khẩu hiệu, đòi bầu lại toàn bộ "Đại biểu dân ủy Trung ương". Trong hội trường, khi Tưởng Kinh Quốc nói chuyện, có 11 vị "Đại biểu Quốc hội" dẫm chân kháng nghị. Khi đó Tưởng Kinh Quốc tức phát run lên, ngẩn ra mất hơn mười phút, rồi ra về trước khi kết thúc. Có người bình luận rằng đây là lần đầu tiên ở Đài Loan, Tưởng Kinh Quốc trực tiếp bị khiêu khích một cách công khai.

19 ngày sau đó, tức ngày 13 tháng 1 năm 1988, Tưởng Kinh Quốc ngủ dậy, thấy trong người khó chịu và có hiện tượng hơi buồn nôn. Đến 13 giờ 55 phút chiều, đột nhiên thổ huyết nặng, dẫn đến suy kiệt chức năng hô hấp và tuần hoàn, ngoài cấp cứu bằng máy tim phổi nhân tạo ra, không còn kịp làm bất cứ điều gì. Đến 15 giờ 50 phút tim ông ngừng đập.

Theo chính quyền Đài Loan tuyên bố, Tưởng Kinh Quốc đã lập di chúc từ ngày 5 tháng 1, toàn văn có 129 chữ! Chủ yếu là: "Mong Chính phủ của tôi và dân chúng kiên trì quyết sách chống Cộng phục quốc và mong trước sau như một, xây dựng Hiến pháp dân chủ". Nhưng cũng có nhiều người tỏ ý nghi ngờ tính chân thực của bản di chúc đó.

Đối với cái chết của Tưởng Kinh Quốc, dư luận phổ biến đều cho rằng hồi kết của Vương triều họ Tưởng và chính trị của kẻ mạnh ở Đài Loan đã kết thúc đồng thời cũng khen ngợi những gì ông đã làm trong hai năm cuối đời mình, họ đều cho rằng việc đổi mới và cải thiện quan hệ với Đại Lục là đỉnh cao thành tựu của ông, lịch sử sẽ không thể quên.

Trong đảo Đài Loan, nhiều người rất thương tiếc trước cái chết của ông. Các đảng phái đối lập như Đảng Dân chủ Tiến bộ, Công Đảng đều ra thông cáo tỏ ý thương tiếc và kêu gọi tạm ngừng mọi hoạt động biểu tình tuần hành để chứng tỏ lòng thành. Chu Cao Chính là "Ủy viên Lập pháp" thuộc Đảng Dân chủ Tiến bộ chống Quốc dân đảng mạnh nhất, khi nghe tin ông mất đã khóc rống lên, không kìm lại được.

Ngày 14 tháng 1, Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc gửi điện chia buồn đến Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng, toàn văn như sau:

"Biết tin ngài Tưởng Kinh Quốc, Chủ tịch Quốc dân đảng, không may tạ thế, xin bày tỏ lòng đau buồn sâu sắc và xin gửi đến gia đình ngài Tưởng Kinh Quốc lời thăm hỏi chân thành".

Cùng ngày, Tổng Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc nói chuyện: "Ngài Tưởng Kinh Quốc không may tạ thế, chúng tôi bày tỏ lòng đau buồn sâu sắc. Ngài Tưởng Kinh Quốc kiên trì một nước Trung Quốc, phản đối Đài Loan độc lập, chủ trương thống nhất đất nước, tỏ lòng muốn đền đáp lịch sử và đã có cố gắng nhất định trong việc làm dịu quan hệ giữa hai bờ… Mong rằng người lãnh đạo mới của Quốc dân đảng, xuất phát từ lợi ích cơ bản của dân tộc Trung Hoa, hiểu biết thời thế, thuận theo lòng dân, đẩy mạnh mầm mống tốt đẹp đã bắt đầu xuất hiện trong quan hệ giữa hai bờ theo hướng tiến lên, sớm kết thúc cục diện chia cắt đất nước chúng ta, tích cực đóng góp cho việc thực hiện hòa bình thống nhất". Đồng thời còn biểu thị lời chúc tốt đẹp "thành tâm mong cho tình hình Đài Loan được ổn định, xã hội an ninh, kinh tế tiếp tục phát triển, nhân dân yên ổn làm ăn."

Tối hôm Tưởng Kinh Quốc tạ thế, Lý Đăng Huy tuyên thệ nhậm chức "Tổng thống" thứ bảy của Trung Hoa Dân Quốc, Trịnh Vị Nguyên làm "Bộ trưởng quốc phòng" Đài Loan và Hách Bá Thôn là "Tổng tham mưu trưởng" gửi điện ngay đến Lý Đăng Huy biểu thị sự ủng hộ Lý "thống soái",

phục tùng mệnh lệnh, giữ nghiêm cương vị. Ngày 15, Trịnh Vị Nguyên và Hách Bá Thôn nói chuyện biểu thị bên quân đội Đài Loan "hết lòng phục tùng sự lãnh đạo của Tổng thống Lý Đăng Huy".

Ngày 17 tháng 1, Chánh Văn phòng hiệp hội Mỹ ở Đài Loan đóng tại Đài Bắc từ Mỹ trở về Đài Loan, hôm sau gặp Lý Đăng Huy chuyển đạt lời hứa của Tổng thống Ronald Reagan tiếp tục ủng hộ Đài Loan và đảm bảo không thay đổi chính sách hiện hành với Đài Loan.

Ngày 27 tháng 1, Ban Thường vụ Trung ương Quốc dân đảng nhất trí thông qua Lý Đăng Huy làm quyền Trung ương Quốc dân đảng. Chí ít về mặt hình thức, Lý Đăng Huy đã lấp vào chỗ trống quyền lực mà Tưởng Kinh Quốc để lại.

Đồng thời Lý Đăng Huy cũng tiếp tục gánh vác phần của người xưa để lại mà Tưởng Kinh Quốc mới giải quyết được một phần nhỏ, đó là các vấn đề khó. Vấn đề quan hệ với Đại Lục, vấn đề Đài độc, vấn đề mâu thuẫn với các thế lực chống đối như Đảng Dân chủ Tiến bộ, vấn đề điều chỉnh lại bộ máy quyền lực trong Đảng, vấn đề khủng hoảng của hệ thống pháp luật, vấn đề tự trị của địa phương… tất cả những vấn đề đó đang chờ đợi câu trả lời của Lý Đăng Huy và những người lãnh đạo mới của Quốc dân đảng.

Lịch sử Đài Loan lật sang một trang mới.

Lịch sử Quốc dân đảng cũng đang lật sang một trang mới.

Lý Đăng Huy và những người lãnh đạo mới của Quốc dân đảng có thể với tới tầm cao của thời đại, vén tay áo xem xét các vấn đề của Đài Loan trong toàn bộ cục diện chung của Trung Quốc, viết nên một trang sử mới cho Đài Loan, cũng là cho Quốc dân đảng hay không, đó là điều mọi người đang mang đầy hi vọng ngóng trông.

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach